

VIÊN GIÁC



SỐ - NR.

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỰ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

PL. 2542 ■ NĂM THỨ 21 ■ THÁNG 2 ■ JAHRGANG 21. ■ FEBRUAR 1999 ■ AUSGABE IN VIETNAMESSISCHE & DEUTSCH

109



**Xuân
Kỷ Mão
1999**



Vũ trụ vờn xoay, cứ 365 ngày là lặp lại một ngày của đầu năm mới. Ngày ấy gọi là Nguyên Đán. Nghĩa là một buổi sáng trinh nguyên của đất trời và vạn vật. Không biết có phải thật thế không? Nhưng những gì đã trở thành thói quen và tập quán, con người lại cứ thế mà chấp nhận. Chúng ta chấp nhận một thói quen tốt như thế thiết nghĩ cũng không phung phí gì đến lễ giáo tự ngàn xưa; nên mỗi năm khi ngày Tết đến, chúng ta lại: Chúc Mừng Năm Mới.

Thật ra năm vẫn là năm ấy, ngày vẫn là ngày ấy và tháng vẫn là tháng ấy. Vì bản thể của vũ trụ vạn hữu vốn ở tánh Không, không có sự đổi thay; nhưng vì quan niệm của con người có thay đổi, do đó loài người mới phân chia ra Xuân, Hạ, Thu, Đông, ngày Tết, ngày kỵ, ngày giỗ v.v... Tuy vẫn là ngày Tết; nhưng Tết Việt Nam và Trung Quốc khác với Tết của Ấn Độ. Tết Thái Lan lại khác với Tết của Cam-Bốt. Tết của Âu-Mỹ khác với những người Da Đỏ và Phi Châu. So ra vậy để chúng ta thấy rằng cũng là Tết; nhưng mỗi một quốc độ, mỗi dân tộc lại có quan niệm khác nhau như vậy. Cho nên dưới cái nhìn của Đạo Phật, hay đúng hơn của một người Phật Tử, ngày nào cũng là ngày của Trời Đất và vạn hữu. Xấu, tốt, đầu, cuối v.v... chỉ là quan niệm trừu tượng của con người tự đặt ra thôi.

Tuy nhiên chúng ta sống trong một xã hội tương đối này; nên phải có những cái gì đối đãi với nhau, như trắng với đen, sáng đối với tối, mới đối với cũ v.v... cho nên chúng ta lại cử hành những ngày lễ đầu năm để đón mừng một vận hội mới. Trong 365 ngày ấy hoặc nhiều hơn nữa, nếu năm nhuận, cũng có người thành tựu công việc hơn; nhưng đồng thời cũng có người thất bại nhiều hơn. Đây là một sự đổi thay cố hữu của con người và đứng theo quan niệm của nhà Phật, đây chính là nhân duyên vậy. Cái gì hợp, nó tồn tại, phát triển; cái gì thiếu nhân duyên, chúng tan vỡ, chia ly. Là người Phật Tử chúng ta không buồn đau khi bị mất mát, mà cũng không quá vui khi một công việc đến vừa ý với ta. Vì lẽ, cái gì rồi cũng phải bị biến thiên thay đổi cả, ngay cả quan niệm sống của con người.

Chúng ta là người Việt Nam, sinh ra và lớn lên nơi một quê hương có mấy ngàn năm văn hiến. Đồng thời chúng ta cũng đã thấm nhuần giáo lý của Đạo Phật hơn 18 thế kỷ qua. Do vậy chúng ta dễ chấp nhận những cái gì thuộc về truyền thống của dân tộc cũng là truyền thống của Phật Giáo. Giáo lý của Đạo Phật giống như dòng nước chảy. Khi nào khúc cong quẹo của dòng sông, nước sẽ uốn mình theo con sông cố hữu. Nếu nước chảy vào ao, lạch; nước sẽ tự phân tán thành lưu lượng nhỏ hơn để có thể dung chứa theo thể tích của ao, hồ, sông, lạch. Do

vậy chúng ta có thể nói rằng Phật Giáo Việt Nam gắn liền với vận mệnh của dân tộc cũng không ngoa chút nào.

Rồi năm 75 lại đến, cả đoàn người Việt lủ lượt kéo ra đi khỏi biên giới hình cong như chữ S đó. Ngày nay hơn 2 triệu người Việt chúng ta có mặt rải rác khắp nơi trên quả địa cầu này. Đi đâu và ở đâu, khi Xuân về Tết đến, không người Việt Nam nào là quên đi cội nguồn của mình. Do vậy những tập tục của ngày Tết như thăm viếng nhau đầu Xuân, lì-xì cho con cái, chúc nhau những lời chúc thân tình và cùng nhau dùng bánh chưng bánh tét, thưởng thức những hương vị quê hương, đậm đà tình nghĩa dân tộc đã trở thành cố hữu. Đã 24 mùa Xuân ly hương, chúng ta đã thấm thía cho cái lạnh ở xứ người. Ở đây mặc dầu Tết đến Xuân sang; nhưng tuyết vẫn rơi, hoa đào không nở nhụy. Chúng ta gượng đón Xuân trong bầu không khí giá buốt chung quanh. Trong khi đó, tại quê hương chúng ta mặc dầu có mai vàng rực rỡ, có gió Xuân phơi phới; nhưng hồn Xuân như hững hờ với vạn nước. Vì "*người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*" là vậy.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quốc nội chúng ta, dưới sự lãnh đạo tinh thần của Nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ cùng chư vị Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni khác vẫn còn đang bị quản thúc, tù đày; tiếng nói lương thức của người con Phật chưa được đáp ứng thỏa đáng. Do vậy chúng ta ở ngoại quốc, có nhiều điều kiện hơn trong nước, chúng ta phải có bốn phận giống lên tiếng nói cao hơn nữa để tranh đấu cho đến khi nào nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam thực thi dân chủ như Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền đã quy định cũng như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được hoạt động công khai, lúc ấy mới mong yên ổn để đón Xuân sang bên ly trà của đầu Xuân mới.

Ngày nay Phật Giáo đã có mặt khắp năm châu bốn bể, đi đâu và đến đâu, từ thượng lưu trí thức cho đến những người dân dã bình thường của Âu-Mỹ đều nghe nói đến Phật Giáo, đến thiên định. Đây như là một lối thoát của sự tư duy về con người, vũ trụ và nhân sinh quan ở vào thế kỷ thứ 21 sắp đến này. Do vậy Phật Giáo, hay nói đúng hơn là giáo lý của Đức Phật rất cần thiết cho thế giới loài người hôm nay. Một món ăn tinh thần mà mọi người đang trân quý hơn là những giá trị vật chất khác.

Khi con người bị khủng hoảng về tâm linh, nếu chúng ta mang trao cho họ vàng bạc, ngọc ngà châu báu chắc họ không vui, mà giáo lý của Đạo Phật là một chìa khóa để mở cánh cửa tâm linh của những người đang khổ đau và bị giày vò nơi tâm thức. Đây quả là một món quà vô giá mà Đạo Phật đã mang đến trao tặng cho các dân tộc Âu Mỹ ngày nay.

Nhân ngày Xuân về Tết đến, chúng tôi ôn lại một vài việc xưa và hưởng tâm mọi người về một số việc mới để nhằm "*Ôn cố tri tân*" hay nói như người Nhật, người Hoa vẫn thường nói: "*Tống cựu nghinh tân*" để chúc nhau những gì xấu xa, lạc hậu, lỗi thời phải ra đi, đầu cho đó là một chủ nghĩa hay một chủ thuyết, mà hãy nhường chỗ lại cho sự tiến bộ về khoa học cũng như của những Tôn Giáo có tính cách thực tiễn ở lại với đời nhằm xoa dịu các vết thương lòng đang đổ vỡ và hưởng tâm mọi con người đi vào một thời đại mới ở vào cuối thế kỷ thứ 20, đầu thế kỷ 21 này.

Ngưỡng nguyện Đức Bổn Sư và Đức Di Lặc từ tôn sẽ chứng minh cho tấm lòng kiên định của chúng ta đối với giáo lý nhiệm màu ấy và xin cầu chúc quý Đạo Hữu, quý Phật Tử cũng như không Phật Tử nhân mùa Xuân Di Lặc của năm Kỷ Mão này gặp được nhiều thắng duyên trong cuộc sống hằng ngày.

● **Ban Biên Tập Báo Viên Giác**



Kề cận từ quang

Nguyên tác: Closer to the Light
Tác giả: Dr. Melvin Morse and Paul Perry
Người dịch: Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn

Chương III

NHỮNG KHÁI TƯỞNG KHI SẮP LÀ ĐỜI

*Càng ngu dốt thì lại càng giáo-điều.
Sir William Osler, Bác sĩ.*

Thế thì tôi đã toan làm cái gì đây? Toan hiểu được chuyện bên kia cửa tử? Mong giúp bệnh nhân thích ứng với cái chết đang ập đến?

Thực ra là cả hai. Cơ chế y khoa tai nạn mắt lấp đối với chuyện tử vong. Chỉ đúng về vài phương diện nào đó. Dù sao bệnh nhân cũng mong được bác sĩ cứu mạng. Y mong lành bệnh hoặc dễ chịu trong người. Y mong bác sĩ thành công, bởi thất bại có nghĩa là đau đớn. Nhưng bác sĩ nên biết trả lời các câu hỏi về chuyện tử vong cũng như có thể giải thích những mặt khác của các giai đoạn phát triển và sinh hoạt bình thường.

Về nhiều phương diện, bác sĩ cũng giống bệnh nhân là không được trang bị đầy đủ để đối ứng với sự thất bại. Thí dụ nhiều tài liệu cho thấy khi các bệnh nhân gần chết, các bác sĩ càng ít ở cạnh giường bệnh của họ.

Khảo cứu về thời gian và hoạt động ở các khu chăm sóc tăng cường cho thấy khi bệnh nhân trở bệnh nặng hơn thì bác sĩ càng dành nhiều thì giờ cho các thủ tục và ít thì giờ hơn cho việc khám bệnh hay an ủi tinh thần. Một phần vì nhiều bác sĩ chẳng muốn chăm sóc mấy bệnh nhân mắc bệnh liệt-kháng (AIDS), lý do nào lòng là cho đến nay chưa có cách chữa lành bệnh.

Trong 5 năm thực tập nội trú, tôi chỉ được nghe giảng có một lần về sự tử vong và hấp hối, giải thích cách chế ngự những xúc cảm và căng thẳng có thể xảy đến khi làm việc với các bệnh nhân hấp hối. Tôi được dạy một "công thức" hay-ho để nói với cha mẹ của một đứa bé vừa qua đời là họ hiểu rằng mọi phương cách cứu chữa đã được áp dụng. Tôi còn được bảo phải giải thích rằng nếu họ có nghe tiếng nói của đứa bé sau khi nó đã chết, đó chỉ là "ảo giác" và ảo giác này sẽ tan biến đi trong vòng từ ba cho đến sáu tuần lễ.

Chẳng bao lâu tôi sửa đổi công thức này cho dễ nghe hơn. Tôi chỉ nói với cha mẹ đứa bé yếu vong là họ có thể còn nghe tiếng nói của nó, nhưng đừng quá lo lắng hay đau lòng. Nhờ sửa như vậy tôi nhận được nhiều thư cảm tạ rất chân tình của cha mẹ. Chỉ đơn giản nói lên sự thực: Họ có thể còn nghe tiếng nói của con, nhưng không cho đó là ảo giác, nói lên được chân giá trị của sự nghe này.

Ngoài công thức đó, chúng tôi không được chỉ cách giúp đỡ thiên hạ thích ứng với cảm giác sợ, lo do cái chết mang lại. Thật tệ quá vì sự tử vong là điều mà bác sĩ phải đối phó ngay khi mới vào nghề. Đa số chúng tôi vừa ra trường đã gặp quá nhiều trường hợp y học phải chào thua. Đồng nghiệp của tôi là bác sĩ David Christopher đã nói lên được một điều khó lĩnh hội là: "Y học rất vĩ đại, song không vĩ đại đến thế".

Tôi có được bài học khắc nghiệt đầu tiên về sự tử vong khi mới là bác sĩ thực tập nội trú (an intern) có ba ngày. Tôi làm việc ở khu chăm sóc tăng cường cho trẻ em và có một đứa bé vừa chết. Cha mẹ khóc và bỗng nó sang một phòng nhỏ để đau buồn riêng rẽ với nó mà thôi.

Nó không chết đột ngột. Một bác sĩ nội trú khác và tôi đã cố gắng cứu sống nó trong suốt ba tiếng đồng hồ. Chúng tôi bắt đầu thực hiện phương cách hồi sinh ở cuối ca trực 36 giờ và mệt nhoài khi hết ca. Đây là trường hợp thực tập đầu tiên của tôi về vụ đứng tim và dường như nó không có thực. Dù kiệt sức chúng tôi rất phấn chấn và kích động do kinh nghiệm này.

Một là mà vẫn bông đùa như bác sĩ non nớt thường làm. Chúng tôi cười nói to tiếng về vụ này. Bác sĩ đồng nghiệp của tôi khoe với mấy cô y-tá: "Tôi đã phải nhét 3 ống dây vô ngực và một dây động mạch". chính lúc ba-hoa đó thì cha mẹ đứa bé bước ra khỏi phòng.

Tôi xấu hổ đến nín thở. Các y tá che miệng rồi chậm chạp làng xa. Chỉ còn hai chúng tôi rời hành lang đối diện với cha mẹ đứa bé. Mắc cỡ đến độ tôi chẳng dám nhìn thẳng vào mắt họ.

Họ lễ phép bắt tay chúng tôi, cảm ơn về những gì chúng tôi đã làm nhằm cứu con họ. Rồi người mẹ quay sang nói với một cô y tá: "Chúng tôi nghe mấy cô cười. Thoạt tiên thì giận lắm. Bàng hoàng vì thấy sao có thể cột đứa trong những giây phút như thế này. Rồi đột nhiên chúng tôi thông cảm được những tiếng cười đó. Biết rằng chúng tôi đang mất con, nhưng cuộc sống và niềm vui vẫn tiếp diễn trên cõi đời này. Xin cảm ơn những tiếng cười, và cũng cảm ơn những cố gắng toan cứu mạng con tôi".

Để tránh việc phải nghĩ đến sự chết chóc, tôi chú tâm đến kỹ năng y học, vui thích khi đặt dây vào người các bệnh nhân và đọc các con số trên máy. Tôi không hề thắc mắc về sự cần thiết phải lo hồi sinh bệnh nhân. Đa số chúng tôi đều tin tưởng vào việc làm tất cả những gì có thể được để cứu người. Lúc hành nghề ở Airlift Northwest, chúng tôi chuyên chở nhiều người đã hết hy vọng sống còn đến bệnh viện. Người thì bị tai nạn lưu thông, kẻ lại là thân chủ các bác sĩ tử không muốn thấy họ chết ở bệnh viện cộng đồng. Dù sao đi nữa đâu thể để họ chết đờ đờ. Họ phải sống cảm hồi, để rồi sẽ tắt thở vài giờ hay vài ngày sau đó. Cho nên họ thường được nối vào các máy móc duy trì mạng sống và cần "sự cho phép" của thân nhân họ để mà chết.

Công việc của chúng tôi là tuân hành tôn chỉ: "Bệnh nhân nào cũng đáng hưởng sự chăm sóc tối đa". Tôi chả bao giờ thắc mắc về cụm từ "chăm sóc tối đa" có phải là can thiệp một cách thô bạo khi người ta hấp hối nhằm cứu sống y. Và hiện giờ tôi vẫn không thắc mắc.

Điểm tế-nhị đối với một y-sĩ: Đầu là ranh giới? Trong tác phẩm "Những Ý Nghĩa Mới của Sự Tử Vong" (New Meanings of Death), Herman Feifel thuật chuyện những người Mỹ ngày nay đang chết cô đơn, biệt lập. "Hấp hối và chết hiện nay thuộc lĩnh vực các nhà chuyên môn như bác sĩ chẳng hạn. Tiếc thay rất nhiều vị có khuynh hướng dùng kiến thức chuyên môn như là trái độn khi đối diện với sự tử vong, nhằm che giấu nỗi lo âu. Cho nên khi một bác sĩ được mời xoa dịu những nỗi khổ đau, giải thích cho gia đình bệnh nhân hiểu về cái chết, thì vị này thường chẳng thành công".

Như vậy có phải chính là điều tôi đang cố gắng làm với công cuộc khảo cứu này? Việc tìm hiểu kinh nghiệm cận tử nhằm trả lời cho nỗi nghi ngờ của vị trưởng phân bộ khảo cứu.

Như một giáo sư y khoa của tôi từng nói về cơ thể con người: "Nếu các em không hiểu nó, các em làm sao giải thích được".

Điều này cũng đúng với sự tử vong và kinh nghiệm cận tử. Tất cả những gì tôi làm nhằm tìm hiểu chúng.

1.- Nỗi lòng u-ẩn

Việc có một số đồng nghiệp tiếp đón lạnh nhạt bài khảo cứu ở Seattle của tôi đầu làm tôi chùn bước. Tôi tiếp tục thu thập kinh nghiệm cận tử của thân chủ các bác sĩ thông cảm mối quan tâm của tôi và chính họ cũng đang tò mò.

Hầu như chẳng có tuần nào tôi không nghe bác sĩ hay y tá kể về kinh nghiệm cận tử với rất nhiều chi tiết của một bệnh nhân hoặc về việc một người được cứu tử cho biết là có một cảnh giới đẹp đẽ, xán lạn ở bên kia cửa tử. Tôi lắng nghe, ghi chép rồi đi phỏng vấn bệnh nhân này để kiểm chứng các chi tiết.

Những khái-tượng khi sắp lìa đời này là những kinh nghiệm rất thực mà một người hấp hối có được trong khi còn tỉnh thức. Sự thực không bị bóp méo hay thay đổi. Bệnh nhân hấp hối thường gặp Chúa, các thiên thần, thân nhân quá vãng hoặc thấy cảnh thiên đường đặt chồng lên trên thực tại hay quang cảnh nơi giường bệnh. Những kinh nghiệm này được xem là có nội dung huyền bí, đầy khái-tượng, rất giống kinh nghiệm cận tử.

Một loại kinh nghiệm đáng chú ý bắt đầu xuất hiện trong số những vụ được giới thiệu, một hiện tượng mà các nhà khảo cứu khác gọi là "những khái-tượng khi sắp lìa đời" (predeath visions). Hai tâm lý gia Karlis Osis và Erlendur Haraldsson thu thập nhiều trường hợp về những gì thấy được lúc lâm chung, khảo cứu sâu rộng nhất về lĩnh vực này. Họ thấy các khái-tượng khi sắp lìa đời có nhiều điểm giống kinh nghiệm cận tử. Chẳng hạn người hấp hối từng bị đau đớn trong nhiều ngày, đột nhiên thấy hết đau nhức, khó chịu, một nét tương tự như kinh nghiệm cận tử. Khái-tượng khi sắp lìa đời cũng thường gồm cả việc thấy các cảnh giới khác, trò chuyện với những người thân đã chết.

Osis và Haraldsson nhận định rằng các khái-tượng khi sắp lìa đời mà họ sưu tập thường hiện đến cho các bệnh nhân không dùng thuốc an thần, tâm trí minh mẫn một vài giờ trước khi chết. Nội dung khác nhau rất xa, song chủ yếu là thấy các thân bằng quyến thuộc quá cố, và người bệnh cho rằng họ đến để dẫn đi. Xin đan cử một thí dụ về khái-tượng khi sắp lìa đời của một người đàn ông trạc tuổi tuần, do viên y tá trực bên giường bệnh kể:

"Ông ta không có dùng thuốc an thần, hoàn toàn tỉnh táo và nhiệt độ thấp. Ông ta là người có đạo, tin có đời sống sau khi chết. Chúng tôi nghĩ rằng ông sẽ chết, và ông ta chắc cũng nghĩ vậy, bởi ông yêu cầu chúng tôi cầu nguyện cho ông. Trong phòng ông nằm có một cầu thang dẫn lên tầng hai. Thình lình ông kêu to: "Trông kia, các thiên thần đang đi xuống cầu thang. Cái ly đã rơi xuống, vỡ tan". Tất cả chúng tôi có mặt trong phòng đều hướng mắt về phía thang lầu nơi có một cái ly uống nước được ai đó đặt trên một nấc thang. Khi nhìn, chúng tôi thấy cái ly vỡ ra trăm nghìn mảnh mà không có lý do hiển lộ. Nó đâu có rơi, mà chỉ nổ tung, thế thôi. Dĩ nhiên chúng tôi chẳng thấy các thiên thần. Guồng mặt bệnh nhân trở nên an lạc, tiếp đó ông trút hơi thở cuối cùng. Dù đã ra đi mà nét thanh thản, bình an vẫn còn phảng phất trên mặt".

Osis và Haraldsson còn ghi nhận một khái tượng khi sắp lìa đời của một bệnh nhân đau nặng do một bác sĩ hồi tưởng:

"Tình trạng sức khỏe của ông ta rất tốt trong mấy ngày cuối cùng sau một cơn đau tim. Đột nhiên ông tỉnh lại. Trông có vẻ khá và tươi hơn. Ông trò chuyện thân mật với gia quyến, và yêu cầu họ về nhà. Ông còn nói: "Tôi sẽ về nhà của tôi. Các thiên thần đã đến để rước đi". Trông ông bình tĩnh vui tươi".

Sau nhiều năm khảo cứu các khái-tượng này, Osis và Haraldsson đi đến kết luận: Khái-tượng khi sắp lìa đời và kinh nghiệm cận tử chỉ là một vì chúng giống nhau. Tôi cũng đồng ý với hai vị này vì sự khác biệt giữa hai thứ chỉ có tính cách thuật ngữ. Hai trường hợp sau đây điển hình cho những gì tôi từng chứng kiến. Trường hợp thứ nhất có thể gọi là "Khái-tượng trước

khí sống lại" trong đó bệnh nhân thấy dứt được chứng bệnh hiểm nghèo.

Bé Derek, 6 tuổi, đang hấp hối vì bị bướu tên là "u nguyên bào thần kinh" (neuroblastoma). Derek nằm bệnh viện đã nhiều tuần, sức khỏe sa sút rất nhanh cho thấy không xong rồi. Giới lẩm sống khoảng một tháng nữa là cùng.

Thế nhưng bé tin tưởng ngược lại. Một hôm bé vẽ hình của chính bé và cục bướu chẳng còn nữa. Derek cho bác sĩ biết là đêm qua nó có một khái-tượng là cục bướu rời khỏi thân thể nó. Dù bác sĩ trả lời đầy chỉ là giấc mơ thôi, nhưng Derek cho rằng chuyện đó hơn thế nhiều. Chuyện đó có được mà.

Và Derek quả đã nói đúng. Từ bữa đó bệnh thuyên giảm dần cho đến khi nó bình phục hẳn.

Trường hợp sau đây thì cũng đúng song ngược lại. Becky là một bé gái được bác sĩ cho biết hóa-liệu-pháp trị bệnh bướu não của cháu có hiệu quả, hy vọng sẽ sống còn. Và các thử nghiệm y học tối tân cũng xác nhận như vậy.

Tối hôm đó cháu có khái-tượng thấy một phụ nữ mặc y phục trắng báo rằng nó sắp chết. Bác sĩ cả quyết đó chỉ là mộng mị. Becky bảo cháu biết đó là sự thực. Khái-tượng này rõ ràng y hệt như bao người khác đã vào phòng và trò chuyện với cháu. Chỉ vài tuần sau bệnh trở nặng và Becky lìa đời.

Tôi hiểu ngay kinh nghiệm tử vong là một tình trạng khó xử cho con bệnh lẫn những người chung quanh.

2. John thấy cảnh thiên đường

Trong mấy nghìn năm qua, khái-tượng khi sắp lìa đời được xem như một phần của tiến trình hấp hối. Trước khi sự tử vong trở thành lĩnh vực của bệnh viện thì các khái-tượng này rất phổ quát và là chuyện bình thường.

Sử gia Pháp Philippe Ariès cho biết tiền nhân ở các thế kỷ trước năm 1.000 có các kinh nghiệm về tử vong hoàn toàn khác chúng ta hiện nay. Khi một người hấp hối cảm thấy sắp ra đi, y thường xem lại cuộc đời mình, những thành công, thất bại, và buồn khốc vì biết sẽ chẳng bao giờ còn gặp gia đình, bè bạn nữa. Người hấp hối bèn xin thân bằng quyến thuộc hãy tha thứ cho những lỗi lầm y đã phạm trong suốt cuộc đời. Người hấp hối cũng thường cho biết đã gặp Chúa hay những người quá cố.

Ngày nay sự hấp hối khác biệt lắm. Bệnh nhân nào có được khái-tượng khi sắp lìa đời đều bị coi là mắc bệnh "lo âu", phải chữa bằng thuốc ma-túy (narcotics), Valium. Cả hai thứ này xóa đi những ký ức ngắn hạn và khiến bệnh nhân chẳng thể nhớ được các khái-tượng hay kinh nghiệm cận tử mà họ có thể có.

Các khái-tượng này là một khía cạnh bị quên lãng của tiến trình bi ảm của sự sống. Trường hợp của John đây cho thấy các khái tượng khi sắp lìa đời có thể làm giảm đau thương cho bệnh nhân lẫn gia đình.

John là một bệnh nhân 11 tuổi của tôi đang hấp hối vì bướu ác-tính ở hạch bạch huyết (lymphoma). Trong những ngày cuối cùng, cháu nhập viện vì sưng phổi nặng, hết thuốc chữa. Dù khó thở và luôn đau đớn cháu ít được cho dùng morphine và Valium vì hai thứ này làm khó thở hơn.

Ba hôm trước khi chết, gia đình vây quanh giường bệnh của John. Họ giết mình khi thấy cháu thình lình ngồi thẳng lên, cho biết Giê-su đang ở trong phòng. Rồi John yêu cầu tất cả hãy cầu nguyện cho nó.

Khoảng 3 giờ sáng John lại ngồi dậy, la lớn làm bốn người đang ở quanh giường cầu nguyện phải giạt mình: "Có nhiều màu rất đẹp trên trời! Có nhiều màu rất đẹp và nhiều màu nữa. Máy người có thể nhảy cao lên xem, nhảy cao lên!".

Đến 4 giờ sáng một điều kỳ lạ lại xảy đến. Có một phụ nữ bước vô nói muốn gặp John ngay vì được báo điềm. Bà này không quen biết cha mẹ của John nhưng con bà là bạn John. Bà cũng chẳng hiểu sao lại đột ngột đến thăm nó vào 4 giờ sáng ngoài trừ việc bà vừa nằm mộng về John và thấy cần phải đi thăm.

Đến sáng thì mạng sống của cháu hầu như chấm dứt. Hơi thở yếu ớt, tim đập liên hồi, song John vẫn còn liên lạc. Giường to đôi mắt, John xin cha mẹ đừng đau buồn hãy để nó đi. John nói: "Chớ sợ hãi, con đã gặp Chúa, các thiên thần cùng những người chăn chiên. Con thấy một con ngựa trắng.

Dù bệnh như vậy cháu vẫn còn van xin gia đình đừng thương tiếc nữa. Cháu đã thấy nơi sắp đến, một cảnh giới vui tươi, kỳ lạ. Nó nói với hai tay đưa ra phía trước: "Chỗ ấy thật phi thường, đẹp đẽ".

Rồi nó nằm xuống ngủ. Nó không hồi tỉnh nữa, hai hôm sau thì qua đời.

Các khái-tượng của John và những chuyện xảy ra liên hệ đến chúng khiến tôi chú ý. Mẹ của John cho rằng nhờ Chúa giúp đỡ mà John liên lạc được với người mẹ của bạn nó. Dù biết John đang nằm bệnh viện, bà mở thấy John đứng vào lúc nó có những khái-tượng mạnh mẽ nhất. Tuy chẳng có cơ sở khoa học, tôi nghĩ sự trùng hợp quá lớn lao trong những giai đoạn có khái-tượng hiện ra, và những giai đoạn này đều liên hệ chỉ với nhau.

Gác sang bên khía cạnh siêu nhiên, những khái-tượng đẹp đẽ của John làm cha mẹ nó khuây khỏa. Chúng trấn an cha mẹ khi báo rằng John sẽ đến một cảnh giới vui tươi, kỳ lạ, chúng làm cho gia đình càng thêm khấn khít hơn. Thay vì đau khổ bởi mất đi một đứa con thân yêu, gia đình John rời bệnh viện với tâm trạng yên ổn, biết rằng họ đã làm hết mọi điều có thể được để cứu con. Họ cũng vững tin rằng John đang an nghỉ trong vòng tay của Chúa.

John chết vì một căn bệnh hiếm hoi trong nền y khoa hiện đại. Không được dùng thuốc trấn-thống, thuốc ảnh hưởng đến tâm trí. John được gia đình, bè bạn vây quanh. Các khái-tượng John thấy làm thân nhân bình tĩnh, khuây khỏa. Thiết nghĩ kinh nghiệm này cho ta thấy lợi ích to lớn về phương diện chữa trị mà các khái-tượng khi sắp lìa đời mang đến. Sau hết, già-sù nếu John bị thêm cái nữa (chẳng hạn ngưng ngày nhiều) chắc là cả bệnh viện đều biết.

Thế nhưng các khái-tượng của cháu cũng như những hiệu quả hữu ích cho gia đình chớ hề được bác sĩ, y tá nhắc đến. Không phải chúng tôi chẳng tin là mấy chuyện này đã xảy ra. Thú thực đâu biết phải đáp ứng như thế nào. Nếu có bị ngưng ngày thì ai cũng thấy được, còn các khái-tượng chỉ là chuyện riêng tư của chính người đã kinh qua.

Lần duy nhất tôi nghe bác sĩ đề cập đến các khái-tượng của John là khi có một bác sĩ nội trú mới đổi đến cho rằng: thấy các khái-tượng có lẽ vì thiếu dưỡng khí. Ông còn nói nếu gia tăng lượng morphine cho John ắt hẳn nó chẳng thấy chi. Theo ông ta thì khái-tượng là chuyện có thể dùng thuốc men để xử lý. Có khoảng 90 phần trăm bệnh nhân chết ở bệnh viện đều đã dùng nhiều thuốc an thần, được cấp cứu hồi sinh và dùng thuốc men liên tục cho đến khi thầy chạy, để cho có thể con bệnh được phép chết.

Nếu bệnh nhân thấy các khái-tượng, bác sĩ thường dùng thuốc để trấn áp đoạn chạy đi chăm sóc mấy bệnh nhân nhẹ hơn. Trường thuốc đầu dạy họ làm khác hơn.

3. Mike chết ở ngoại ô

Mike là một thiếu niên 14 tuổi lanh lợi nhưng phải chờ chết vì xơ nang tụy tạng (cystic fibrosis), một bệnh di truyền khiến phổi đầy sẹo mô để rồi ngưng hoạt động. Trong những ngày cuối cuộc đời của Mike, vị bác sĩ gia đình của cậu yêu cầu tôi đến nhà cậu để thăm và chia sẻ những gì tôi biết về tiến trình của tử vong. Mike muốn được chết tại nhà và gia đình cũng đồng ý, chẳng muốn thấy thân thể con bị nối chần chịt với máy móc để rồi cũng xuôi tay nhắm mắt.

Các "ảo giác" mới đây của Mike lại khiến gia đình suy nghĩ lại về việc có nên nuôi bệnh tại gia. Theo mẹ Mike thì con của bà đang kinh qua "một thực tại khác", nó tương tự với hiện tại, song "đáng sợ và lộn xộn". Bác sĩ gia đình bèn kê toa thuốc chloral

hydrate, một chất an thần nhẹ, nhưng nó chẳng hiệu quả chỉ đối với các ảo giác. Các ảo giác càng kéo đến dồn dập và rõ rệt hơn. Mike trò chuyện với tôi qua điện thoại một ngày trước khi tôi đi thăm cậu. Mike bảo: "Minh sẽ kể mấy chuyện này khi bác sĩ đến".

Hôm sau tôi lái xe ra vùng ngoại ô trú phủ của Seattle nơi Mike đang chờ chết. Tôi thăm khen ngôi nhà của cha mẹ cậu, vườn tược được chăm sóc chu đáo, không nhuộm màu tang tóc sau hàng giậu cắt tỉa rất hoa mỹ. Hẳn cũng ngọt cho cha mẹ Mike khi chiều ý con để nó chết ở nhà.

Tôi ngồi nơi phòng khách chuyện vãn với gia đình này khoảng hai tiếng đồng hồ về "các ảo giác kinh khủng". Mẹ Mike nói họ đâu ngờ lại rắc rối như vậy. Họ cứ ngỡ con mình sẽ yên lặng, êm thắm ra đi tại nhà, không "bị các khái tượng ghê gớm quấy nhiễu". Họ không cho rằng các khái tượng này thuộc loại siêu nhiên hoặc tự nhiên. Họ nghĩ đó là do dược chất và mê sảng. Ngay cả nhân viên xã hội cũng hỏi tôi có thể nào làm cho Mike hết ảo giác. Vị bác sĩ gia đình và tôi bàn về các thủ thuốc có thể ngăn chặn những kinh nghiệm này.

Rồi tôi vào phòng Mike nói chuyện. Nhận thức của cậu về các ảo giác lại khác hẳn. Sau khi thăm hỏi độ hai giờ, tôi thấy thực ra cậu có được những khái-tượng đẹp đẽ trước khi lìa đời. Chúng đâu đáng sợ hoặc đau đớn cho Mike tí nào.

Trái lại đó chính là một thông điệp có tính cách chữa trị và mang hy vọng cho gia đình, là niềm an ủi cho Mike trong những ngày sau cuối.

Cậu nằm trên giường, kể tôi nghe những gì chỉ có cậu thấy:

"Con có những khái-tượng này khi hoàn toàn tỉnh táo. Con hơi sợ bởi chẳng biết khi nào thì dứt và kết cuộc như thế nào. Sợ vì không biết đâu là thực tại. Con thấy bóng con in trên màn ảnh vô tuyến truyền hình và con cũng biết là mình vẫn nằm đây. Rồi các khái-tượng xuất hiện.

Con thấy trong phòng có rất nhiều người. Chúa cũng hiện diện nữa. Chúa chỉ huy, nhưng đôi khi Ngài cũng để con cùng chỉ huy. Có ánh sáng rực rỡ và nhiều người chung quanh. Nhưng rồi con rời nơi đó, trở lại là Mike Smith, kẻ phạm tặc hữu sinh hữu hoại.

Các khái-tượng này cũng có khía cạnh tôn giáo. Đôi khi con thấy một thập-tự-giá bằng ánh sáng".

Rõ ràng là Mike đâu có sợ các khái tượng đó, mà chỉ cảm thấy bối rối. Thế mà cha mẹ cậu lại lo. Mike cùng tôi thảo một kế hoạch. Chúng tôi nêu ra các phương cách giúp cậu phân biệt thực tại và khái-tượng. Như vậy thay vì hoang sợ, Mike có thể kiểm soát trạng huống ít ra bằng cách biết rõ cậu đang ở đâu. Mike còn bên lén thú nhận một điều kỳ lạ hồi sang thế giới bên kia: dưỡng-vật cậu có thể cường lên, một điều rất quan trọng đối với cậu cũng như đối với đa số thanh thiếu niên. Mike chưa hề cường cứng cũng như cực khoái bởi từ lâu mắc phải bệnh trầm kha. Chỉ ở "thế giới bên kia" cậu mới có được những thú vừa kể. Các phương cách này giúp Mike có cảm giác làm chủ các kinh nghiệm. Cậu bắt đầu thú dân và giải thích cho gia đình hiểu. Sự trầm tĩnh của cậu làm gia đình thấy các hiện tượng này có bản chất khác đi. Thay vì lo sợ như trước kia, giờ họ muốn biết con mình thấy gì.

Sáu ngày trước khi lìa đời, các giấc mộng càng hiện ra thường và rõ hơn. Hầu như ngày nào Mike cũng cho hay đã thấy ánh sáng chói chan, nhiều người và một cảnh giới khác. Cậu luôn nhắc đến sự có mặt của Chúa trong các khái-tượng đó. Dù cha mẹ Mike không tin con mình thực sự gặp Chúa, nhưng các khái-tượng này giúp họ chấp nhận sự "ra đi" của con.

Niềm an lạc của Mike khiến song thân bớt đau khổ. Trước kia gia đình héo hon vì thấy cái chết cận kề. Nay họ nhẹ nhõm hơn vì con vui vẻ chấp nhận việc phải đến. Mike nói về những mất mát trên đời: sẽ chẳng còn được đi học, tham dự trại hè, chưa từng hôn một thiếu nữ. Cậu giục cha mẹ nên chia sẻ nỗi lòng với nhau. Mike còn dặn người anh ruột củ đi học như thường, đừng cảm thấy có lỗi vì rời xa đứa em đang hấp hối ở nhà.

Từ lúc tôi gặp Mike, cậu mong được "hội nhập thành một với Chúa" trong các khái-tượng. Cậu cho biết: "Khi hòa nhập với Chúa thì con sẽ hết mơ và sẽ đi" Điều này cuối cùng rồi cũng đến. Một cách an bình. Tôi vui vì đã không cướp đi các khái-tượng này của Mike.

4. Kỹ năng và kiến thức về con người

Tôi không muốn trình bày những khái-tượng khi sắp lia đời này nhằm bảo rằng chỗ cho bệnh nhân hấp hối dùng thuốc. Tôi cũng chẳng chỉ trích các bác sĩ muốn kéo dài mạng sống dù biết đâu hy vọng gì. Thực ra tôi cũng giống họ. Tôi đã hồi sinh hàng chục bệnh nhân. Tôi từng chứng kiến sự binhphục kỳ diệu của các bệnh nhân mà tôi cho rằng chẳng có tương lai. Bằng cổ là hiện nay ta nghe được mấy ngàn trường hợp có kinh nghiệm cận tử, cho thấy ta có nhiều khả năng hơn trong việc giành giật lại nhiều bệnh nhân khỏi nanh vuốt của tử thần.

Đã đến lúc bác sĩ nên xếp túi dụng cụ lại, tháo ống nghe xuống để lắng nghe bệnh nhân, như bác sĩ Tinsley Randolph Harrison từng nhấn mạnh trong quyển "Các Nguyên Tắc của Harrison về Y Học Nội Khoa" (Harrison's Principles of Internal Medicine): "Trong phép trị bệnh cần có kỹ-năng, kiến thức khoa học và sự hiểu biết về con người".

Tôi cố vũ việc lắng nghe các con bệnh đang hấp hối: Thay vì vũ đoán ý nghĩa các khái-tượng lúc sắp lia đời, ta nên phân tích mục đích mình muốn đạt khi ta cử theo lối mòn là cho bệnh nhân dùng thuốc "để họ thấy dễ chịu". Ta nên học các phương cách mới, có phong thái mới, kể cả tin tức mới này về sự tử vong và hấp hối. Khi đối thái độ, ta có thể học nhiều phương pháp mới cho phép bệnh nhân ra đi một cách bình thản và tự chủ.

Các bác sĩ cũng học được cách đối xử nể nang với người sắp qua đời. Không phải do trùng hợp ngẫu nhiên mà ta thấy các bác sĩ dành ít thì giờ hơn khi bệnh nhân gần chết, qua sự nghiên cứu về thì giờ và công tác. Bác sĩ thường thích nghĩ rằng họ kiểm soát được các trạng huống. Nhưng khi bệnh nhân bắt đầu vượt khỏi tầm tay thì bác sĩ thấy khó chịu bởi hết kiểm soát nổi. Đôi khi bác sĩ còn sợ liên hệ quá nhiều với bệnh nhân. Xúc cảm thân thiết với con bệnh khiến bác sĩ sẽ thấy đau đớn khi bệnh nhân mệnh chung.

Ở phần trên tôi đã nói về một "công thức" học ở trường thuốc nhằm giúp cha mẹ bệnh nhân không quá đau buồn lúc con chết cũng như giúp bác sĩ không liên hệ vào. Trong thời gian thực tập nội trú nhi khoa, tôi may mắn có được một ông thầy chỉ rõ công thức này sai lạc.

Tôi chứng kiến một hài nhi mới chào đời mạnh khỏe nhưng bỗng chết vì bị nhiễm trùng lúc sinh. Phút trước nó còn tươi, phút sau nó hấp hối. Thủ máu cho thấy hết hy vọng. Trước khi chúng tôi ra tay cấp cứu thì đứa bé tàn tạ rồi tắt thở.

Vị bác sĩ lớn tuổi, giàu kinh nghiệm này và tôi vào phòng nói chuyện với cha mẹ của bé. Bụng tôi rối bời. Cảm thấy mình bất lực. Tôi cứ mãi băn khoăn sao chẳng thể hành động nhanh chóng kịp thời, cho mình phải chịu trách nhiệm về cái chết của bé. Làm sao tôi có thể nhìn cha mẹ nó và thốt ra công thức đã học? Cho dù hầu hết bé con nhiễm trùng như vậy đều không thể sống, nhưng sao tôi có thể nói là chúng tôi đã làm hết sức rồi? Tôi cứ thấy rằng mình thất bại.

Tôi ngạc nhiên vì ông thầy không sử dụng công thức. Ông chỉ đơn giản nói với cha mẹ đứa bé là nó đã ra đi và chúng tôi đã tận tâm cứu chữa.

Rồi ông ta khóc.

Tất cả chúng tôi đều ngồi trong căn phòng đón số, âm ỉ của bệnh viện, cùng nhau khóc. Cuối cùng ông đứng lên, lau nước mắt, xin lỗi là cần đi chăm sóc các bệnh nhân khác. Ông ôm hôn họ và chúng tôi cáo lui.

Vị bác sĩ có lòng trắc ẩn này cho thấy mình có thể chia sẻ nỗi kinh hoàng, đau khổ với thân nhân kẻ vẫn sống. Ông nghĩ đến họ,

đến những mất mát, và họ hiểu được bụng dạ ông. Những giọt nước mắt này có sức thuyết phục, an ủi họ nhiều hơn là mấy câu giải thích, lý luận về sức đề kháng yếu kém của những đứa trẻ sơ sinh, khó chống nổi sự nhiễm trùng.

Sau đây là kinh nghiệm khác nữa trong thời gian thực tập nội trú.

Tôi chăm sóc một thanh niên 24 tuổi đang hấp hối vì bị ung thư bạch huyết. Cậu muốn được điều trị như thế này: dùng hóa-liệu-pháp trong nhiều tháng rồi xuất viện trước khi hết hẳn bệnh ung thư. Để cậu có thể trở về làm việc, dạy trẻ em cưỡi ngựa. Khi được hỏi sao không chịu điều trị bằng hóa chất cho đủ sáu tháng, cậu đáp: "Em chả muốn ốm đau suốt đời. Em phải làm việc trở lại".

Tôi chẳng hài lòng với quan niệm trị bệnh của cậu. Tôi nài ni cậu nên hoàn tất chương trình hóa-liệu-pháp, không dứt ngang trước khi tiến trình chữa bệnh hoàn tất. Thích cưỡi ngựa kiểu này chắc chắn sẽ giảm thọ.

Dù giận lắm song tôi vẫn yêu mến cậu. Cậu ta bằng tuổi tôi và cũng rất say mê công việc. Nỗi quan tâm lớn nhất của cậu là làm sao cho mấy đứa học trò mình biết cưỡi ngựa đúng cách và thích thú khi tập dượt. Hình như cậu ít chú trọng đến sức khỏe bản thân. Tôi thường bảo là tôi thương mến cậu nhiều hơn cậu yêu chính mình.

Lần cuối cậu vào bệnh viện trông thật thảm thương. Cả hai chúng tôi đều biết đây sẽ là loạt hóa-liệu-pháp cuối cùng mà cậu dùng và căn bệnh ung thư cậu xem thường này cuối cùng sẽ đốn ngã cậu. Cậu chỉ mong sống thêm hai tuần nữa để có thể dự lễ mãn khóa của các học trò.

Tôi rất đau lòng trông cậu sắp chết, nhưng nghĩ rằng mình có thể che giấu tình cảm này sau chiếc mặt nạ nghề nghiệp. Nhưng tôi đã lầm. Một hôm khi đi thăm bệnh nhân, vị bác sĩ trực hỏi cậu nghĩ gì về sự tử vong. Cậu đáp của cậu làm tôi giật mình: "Em biết là sắp chết, song thấy cũng không sao. Nhưng ta sẽ làm gì cho Melvin? Ông ấy sẽ như thế nào?".

Tôi chưa từng đối ứng với trường hợp như vậy. Một vị bác sĩ trực khác nói với tôi về các hiểm nguy nếu ta quá gần bó với vận mệnh của bệnh nhân. Ông không đề cập đến cảm giác thất bại mà cái chết của bệnh nhân này sinh trong lòng bác sĩ. Ông chỉ khuyên nên bình tĩnh trong mọi tình huống.

5. "Đã đến lúc phải ra đi"

Câu chuyện sau đây tôi không được chứng kiến, mà do một bác sĩ ở Utah - Hoa Kỳ, kể:

Có một cậu bé 5 tuổi, bị hôn mê, sắp chết vì bườu não ác tính. Bất tỉnh như vậy đã 3 tuần lễ và gia đình hầu như ngày đêm túc trực bên cậu. Họ vây quanh giường bệnh và cầu an, chỉ tạm ngưng để ăn uống, nghỉ xả hơi.

Cuối tuần lễ thứ ba, vị Mục sư của gia đình đến bệnh viện, kể họ nghe một câu chuyện đáng chú ý. Ông mở mắt thấy cậu bé nói: "Đã đến lúc con phải lia đời. Xin ông nhắn hộ với cha mẹ con hãy ngưng cầu nguyện. Con sắp đi mà".

Vị Mục sư có vẻ căng thẳng khi báo tin. Ông cho biết giấc chiêm bao quá sống động đến độ chẳng thể bỏ qua: "In như là nó đã đến phòng tôi, mặt đối mặt trò chuyện".

Gia đình cậu xem giấc mộng này như lời trần trối của con. Họ cầu nguyện, sờ thân hình bất động của con và nói rất nhỏ thương con nhưng cho phép con ra đi".

Đột nhiên cậu tỉnh lại, cảm ơn gia đình ưng thuận để cậu đi cũng như báo sẽ chẳng bao lâu đâu. Hôm sau thì cậu chết.

Điểm quan trọng nhất trong câu chuyện này có lẽ là sự gây phấn chấn. Gia đình này dù bắt sầu đau khi biết con họ sắp sang ra đi. Nỗi hận đời, oán trách thiên mệnh nhường chỗ cho sự an lòng vì thấy những chuyện huyền bí đã xảy ra.

6. "con sẽ chẳng còn ở đây lâu đâu"

Tính cách chữa trị của các khái-tượng khi sắp lìa đời lộ rõ trong một kinh nghiệm khác. Một người đàn ông tên Ted kể tôi nghe chuyện con gái ông. Cháu qua đời vì xơ nang tụy-tạng (cystic fibrosis) lúc 16 tuổi. Khi nằm bệnh viện cháu mở mắt thấy ánh sáng chói chan và một người rực sáng, tử ái, ra hiệu bảo cháu đến gần.

Lúc gia đình vào bệnh viện thăm, họ thấy niềm an lạc đang bao phủ con họ, điều mà trước kia chẳng có. Cháu nói: "Con đã thấy ánh sáng tuổi đẹp. Con sẽ chẳng còn ở đây lâu đâu".

Khái-tượng khi sắp lìa đời của thiếu nữ này đã biến cảnh thể lũng nơi giường bệnh thành chốn an vui và yêu thương. Cháu kể cho gia đình biết kinh nghiệm đó, chuẩn bị tinh thần cho họ về việc cháu sắp ra đi.

Người cha nói bầu không khí trở nên dịu nhẹ sau khi con gái thuật kinh nghiệm đó và báo tin cái chết cũng cận kề. Mấy cô y tá đều khóc và ôm chầm lấy nhau cũng như cha mẹ hết còn mặc cảm phạm tội.

Người cha còn cho biết nếu không có khái tượng khi sắp lìa đời và bàn luận về nó, tiến trình chữa trị hẳn sẽ lâu hơn. Nhờ nó mà gia đình hiểu được đã đến lúc con họ chẳng còn sống nữa.

7. "Con vui lắm"

Một bệnh nhân khác (không thuộc nhóm đối tượng nghiên cứu) tiếp xúc với tôi, cho biết mẹ cháu đã có một khái tượng tiên tri. Kinh nghiệm này hữu ích về mặt tình cảm cho gia đình đang khổ đau vì vừa mất đi đứa con trai bị ung thư năm trước đó. Bà kể như sau: "Năm 1979 con trai chúng tôi tên Tom chết vì bị ung thư bạch huyết lúc mới lên 10. Khoảng một năm sau mẹ tôi lại ốm nặng vì bệnh ung thư, phải vào viện dưỡng lão. Mỗi ngày chúng tôi đều đi thăm bà.

"Một hôm chúng tôi bước vào phòng, thấy bà đang nói chuyện với ai đó. Bà ngược nhìn tường như họ đang đứng bên cạnh, nhưng rõ ràng nào có ai đâu. Chúng tôi hỏi mẹ trò chuyện với ai vậy? Bà đáp là nói với Tom.

"Trong hai tuần sau đó, mẹ tôi chuyện vãn lâu dài với Tom cũng như với mẹ và chị của bà đã quá cố. Vài giờ trước khi nhắm mắt, 3 linh hồn đó còn đến thăm bà. Chúng tôi thấy an tâm vì họ đã giúp bà ra đi, cũng như giúp chúng tôi chấp nhận việc này".

Người phụ nữ khi kể chuyện không tập-chú và việc 3 người đã chết có thực sự trò chuyện với mẹ của chị hay không. Chị cảm thấy điều quan trọng nhất là ít ra mẹ cũng đã "nghĩ rằng" các thân nhân quá vãng đến nói chuyện với bà.

Các khái-tượng khi sắp lìa đời dạy tôi biết phải lắng nghe bệnh nhân. Tôi không còn phải luôn tự chủ. Khi bệnh nhân hấp hối, tôi có thể nghe những gì y đang kinh qua. Biết lắng nghe như vậy, ta có thể phát triển những phương cách mới nhằm giúp người hấp hối trong những giờ phút bị thương đó.

Đây có phải chính là điều tôi muốn làm trong cuộc nghiên cứu ở Seattle?

Tôi chỉ muốn lắng nghe. Cuộc nghiên cứu không nhằm mục đích chứng minh có cuộc sống sau khi chết. Nó cũng không toan chứng minh có sự tái sinh hay luân hồi. Đó chỉ là cách lắng nghe bệnh nhân và học hỏi ở họ.

Tôi thấy các bác sĩ lần cha mẹ bệnh nhân đều cảm thấy có trách nhiệm về cái chết của đứa trẻ. Cha mẹ thì tự hỏi bệnh của nó có phải di truyền hay do nếp sống của gia đình. Còn bác sĩ thì băn khoăn không biết đã cho đúng liều lượng thuốc ở những thời điểm thích đáng, tuồng như có một lượng thuốc đúng.

Nhưng thường thì chả có ai chịu lắng nghe bệnh nhân nói rằng nó sẵn sàng chết. Tôi cảm giác niềm an ủi cho người ở lại (người sống) ắt hẳn có thể tìm thấy ở các khái-tượng tiên-triệu của kẻ hấp hối.

Đón xem kỳ tới:

Chương IV. Tâm linh trong y học

THO

● TUỆ NGHA

Thơ viết giữa Xuân



*Giọt lệ nào giữa cuộc đời khổ ải
Giọt lệ nào cho Người i, xao xuyên biển tình thương*

Mắt ai xanh màu đại dương

Tình ai mệnh mang sóng cả

Trữ hồn Thập Tự Giá

Dạt dào Hải Triều Âm

Thơ tôi viết tặng em giữa mùa xuân

Mùa Xuân hoa đào nở...

Đôi chim nhỏ trong vườn em bỏ ngõ!

Sương long lanh hay giọt lệ cho Người i

Màu hoa đào, đào thắm tự sơ khai

Chuyện Công Chúa, sẽ đi vào huyền thoại

Ngàn năm sau những lúc nào cũng mới

Vẫn còn, nụ cười tử ái, đẹp mãi nhân gian

Diana, giọt lệ cho em thương tiếc vô vàn

Dù không quen, chưa một lần ta gặp

Ta không gặp, nghĩa là ta không mất

Để nụ cười còn tươi mãi trong thơ

Tình Nhân Loại, vô biên giới ngăn bờ

Ta thương mình, ta thương người khôn khó!

Ta nhìn trăng, những đêm trăng sáng tỏ

Lòng u hoài với vợ i... sóng trùng dương

Em tặng đồ i... đắm đắm tiếng yêu thương

Tôi viết lời thơ xót xa những cảnh đời tăm tối

Ta cùng mơ, một Thế Giới An Bình

Con chim hót sớm bình minh

Nụ Cười Nhân Hậu, trên cành xuân mơ

Giữa xuân tôi viết bài thơ

Chuyện Nàng Công Chúa, ngăn ngõ xuân hồng

Một dòng sông trắng mệnh mỏng

Trắng bờ như huyền bèo bông dáng hoa

Nụ cười còn mãi trong thơ...

● Đoàn Văn Thông



Từ ngàn xưa, Tây Tạng được xem là xứ của Trời, một xứ sở đỉnh vị ở một độ cao vượt hẳn cả núi non trên quả đất (cao độ 4.875 mét). Người Âu gọi Tây Tạng là mái nhà của thế giới (The roof of the World). Tây Tạng là một xứ biệt lập với thế giới do bởi hình thể đất đai vị trí (vây hãm bởi các núi non cao ngất và đầy hiểm trở), và cả ý tưởng của người dân nơi đây không muốn kẻ ngoài lai xâm nhập.

Từ năm 1900 trở về trước thế giới không biết gì về xứ Tây Tạng kín cổng cao tường đầy vẻ huyền bí. Người ngoại quốc không được bén mảng tới xứ này, lệnh xứ trăm được thi hành nếu có kẻ lạ đột nhập và bị bắt. Sự thế khó khăn trở ngại và nguy hiểm như vậy nhưng vẫn có kẻ đã muốn mạo hiểm len lỏi vào đất nước huyền bí này, người đó lại là một người đàn bà chân yếu tay mềm.

● ALEXANDRA DAVID NÉEL: Người nữ phóng viên gan dạ



Bà Alexandra David Néel là một nhà báo Pháp nổi tiếng là liều lĩnh và gan dạ. Bà là người luôn luôn chủ trương viết là phải đi và thấy tận mắt điều mà mình viết, không bịa đặt, không hủ cấu. Bà chọn đất nước Tây Tạng, xứ sở mà thời đó được xem như là vùng đất bất khả xâm phạm. Ngay cả những cử dân gan dạ

dày dạn phong sương và kinh nghiệm núi đồi ở Nepal và Ấn Độ cũng không dám bén mảng tới xứ này vì phong tục tập quán và luật pháp nơi xứ trời cao ấy rất là nghiệt ngã. Mặc dù đã từng nghe nhiều lời hăm dọa cản trở, bà David Néel vẫn ấp ủ trong lòng ý muốn len lỏi vào tận đất nước đầy vẻ huyền bí lạ lùng của Tây Tạng. Chính cái thâm sâu huyền bí ẩn tàng nơi xứ sở này đã khiến nhiều quốc gia dòm ngó. Đặc biệt là Anh Quốc và Trung Hoa, hai nước này đã có lần xâm lăng Tây Tạng và cướp

đi nhiều bảo vật quý hiếm cùng làm xáo động chấn thâm nghiêm đã hàng nghìn năm yên tĩnh.

Khoảng năm 1912 bà tới Ấn Độ để viết về các đề tài liên quan đến Phật Giáo Tây Tạng.

Bà là người Âu nhưng lại có kiến thức về Phật học rất thâm sâu. Bà nghiên cứu cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Bà lại muốn đi xa hơn khi tự hỏi rằng nơi xứ xa xôi cao vút tận mây kia, xứ sở của huyền bí chỉ duy nhất một tôn giáo là Phật Giáo thì nơi đó, đạo Phật có đặc điểm nào khác biệt với Đại Thừa và Tiểu Thừa? Bà hy vọng ở đất nước Tây Tạng sẽ có những nét đặc thù thâm sâu vi diệu về đạo Phật mà ít ai biết đến. Tất cả những vấn đề đó đã kích động bà hăng hái quyết tâm phải đột nhập xứ Tây Tạng bất kể gian nguy.

Alexandra David Néel sinh trưởng trong một gia đình lễ giáo, cha là một người Pháp, một tín đồ Tin Lành ngoan đạo, mẹ là người Bỉ, một tín đồ trung kiên Thiên Chúa Giáo, luôn luôn ấp ủ trong lòng nỗi ước mơ là trong tương lai, con cái bà sẽ có người là Nữ tu hay Linh mục. Nhưng mộng ước của bà không thành, cô con gái Alexandra David Néel hằng ngày vui đùa trong sách vở và âm nhạc. Sách vở mà David Néel đọc thì toàn là sách thuộc về Phật Giáo và Văn Minh Ấn Độ. Lúc còn sinh viên, David Néel học Triết và Tôn giáo do Giáo sư Edouard Foucaux giảng dạy. Bà đã từng qua Ấn Độ nghiên cứu văn minh xứ Ấn trong 4 năm.

● YẾT KIẾN ĐẠT LAI LẠT MA



Tây Tạng bị thực dân Anh chiếm đóng rồi năm 1914 lại bị Trung Hoa xâm lăng (quân đội Mãn Châu). Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 đã phải lánh nạn qua đất Ấn. Dịp may hiếm có, bà David Néel đã tìm cách yết kiến vị Đạt Lai Lạt Ma xứ đỉnh trời Tây Tạng, bà hy vọng mình là người da trắng đầu tiên được vị Phật sống Tây Tạng cho tiếp xúc.

Một buổi sáng, bà tới Kalingpong nhờ một người Ấn thông dịch xin phép yết kiến Đạt Lai Lạt Ma. Bà phải ngồi chờ rất lâu ở nhà trạm với tất cả hy vọng và hồi hộp. May mắn thay, một đại diện của Đức Đạt Lai Lạt Ma sau đó đã ra gặp bà và dẫn bà vào chánh điện. Khi gặp Đức Đạt Lai Lạt Ma, bà David Néel đã được vị Phật sống Tây Tạng hỏi han nhiều vấn đề mà phần lớn liên quan đến Phật pháp và đã không ngờ rằng một người da trắng mà lại lưu tâm nhiều đến giáo lý của đạo Phật và biết khá sâu về Phật pháp như vậy. Từ đó, thỉnh thoảng bà David Néel được tiếp xúc nhiều lần với vị Đạt Lai Lạt Ma và nhờ đó mà hiểu được sâu hơn về đất nước và con người của Tây Tạng.



Điều làm bà suy nghĩ và ghi vào sổ nhật ký của mình là câu hỏi của Đức Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng khi gặp bà lần đầu là "Mỗi con người có một cái phước duyên chỗ không phải mọi người đều có được như nhau. Việc hôm nay bà gặp một người Đại diện cho tôn giáo và xứ sở Tây Tạng là một cơ duyên vậy!". Bà David tin tưởng vào lời nói đó của Đức Đạt Lai Lạt Ma và lại càng tin tưởng vào ý định mà bà quyết thực hiện, đó là vào tận xứ sở huyền bí của Tây Tạng. Biết đâu đó cũng là cơ duyên của bà?

● NÓI VÙNG BIÊN GIỚI TÂY TẠNG



Lúc đầu bà David Néel đến vùng biên giới Tây Tạng, Ấn Độ, nơi đây bà tiếp xúc với cư dân trong vùng để tìm hiểu về phong tục tập quán, tôn giáo và yết kiến, học hỏi Phật Giáo Tây Tạng từ vị Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 đang lưu vong. Luôn luôn trong trí bà ấp ủ một hoài bão là vào được tận bên trong của xứ Tây Tạng huyền bí và tin ở lời nói đầu tiên mà vị Phật sống đã nói với bà.

Một hôm, trong khi đang thờ thần trong một vùng đồi núi ở Sikkim, bà gặp một nhà sư Tây Tạng. Nhà sư xưng tên là Sakyong hiện đang tu tập tại Sikkim vì đây là vùng núi non hoang liêu nằm sát biên giới Tây Tạng. Vị sư tỏ vẻ ngạc nhiên về một người đàn bà da trắng đã lạc loài tới vùng đất xa xôi hẻo lánh này, đặc biệt hơn nữa là bà còn có thể nói được một vài câu xā giao, chào hỏi tiếng Tây Tạng. Bà David Néel đã ngó ý muốn vào xứ Tây Tạng. Nhà sư nhìn bà từ đầu tới chân tỏ vẻ ngạc nhiên nhưng có lẽ đôi mắt quyết tâm của bà đã làm cho sư Sakyong đổi thái độ. Sư dẫn bà đến gộp đá cao, đứng trên đó và chỉ tay về Tây Tạng, Sư nói:

- Nếu vào được đó thì sự hiểu biết mới không hề hột. Ta mong sự quyết tâm sẽ làm cho bà đạt ý nguyện.

Sát ngay biên giới Tây Tạng có một thung lũng rất rộng, nơi đó có một tu viện được xây cất để các vị Lạt Ma Tây Tạng tu trì. Tu viện có tên là Tu Viện Nyima.

Bà David Néel qua sự giới thiệu của những nhân vật có thẩm quyền trong phái đoàn lãnh nạn của Đức

Đạt Lai Lạt Ma đã thường tới đây học hỏi thêm về giáo lý của đạo Phật. Chính nơi đây, bà đã gặp được vị Thái Tử Sidkeong Tuku. Vị Thái Tử này rất thông minh, hiểu biết sâu rộng về Phật pháp và cả huyền thuật Tây Tạng. Hoàng Thái Tử là người mà dân Tây Tạng tin rằng đã đầu thai trở lại để chặn dất dân Tây Tạng. Chính quyền Anh thời ấy đã chọn Thái Tử lên ngôi vua khi nhà vua băng hà. Thái Tử được gửi qua Anh du học (tại Đại Học Oxford) và khi thành tài đã về nước. Tuy nhiên Thái Tử không muốn cuộc sống văn minh vật chất nên khi trở về nước đã không cố xúy nếp sống văn minh nơi xứ người. Thái Tử đã chỉ dạy thêm cho bà David Néel về nhiều vấn đề liên quan tới



Tây Tạng khi biết ý định của bà muốn vào xứ sở này. Chính bà David Néel đã chụp cho Thái Tử Sidkeong một số bức ảnh vào năm 1913 và các ảnh này ngày nay vẫn còn lưu lại khá đầy đủ. Trong thời gian lưu lại vùng biên giới ấy, bà David Néel đã đi thăm nhiều vùng như Lachen, Galop, Kampee Dzong... Vì đường sá khó khăn nguy hiểm nên trong các chuyến du hành bà thường sử dụng ngựa, lừa, trâu hay có khi còn được người khiêng bằng cang...

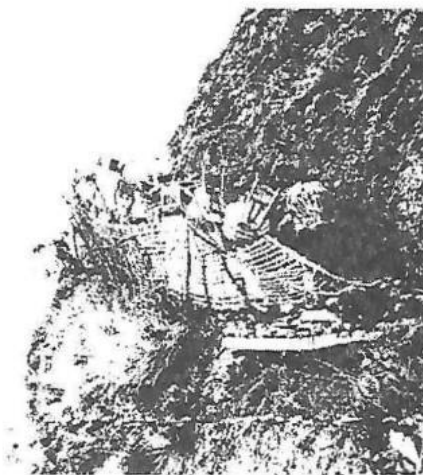


Nơi vùng biên giới bà sống hoàn toàn như một nhà tu khổ hạnh, đôi lúc sống trong các hang động vào mùa Đông tuyết giá, quần áo chỉ là những tấm chăn và da thú. Hàng ngày bà học thêm tiếng Tây Tạng do các nhà tu hành và dân Tây Tạng gần biên giới và người lưu vong dạy cho bà. Bà còn học và biết thêm những huyền thuật lạ lùng của một số nhà huyền thuật

sống trong các động đá. Nhiều vị cũng muốn học tiếng của người da trắng và bà đã giúp đỡ họ trong vấn đề này. Một hôm, bà men theo con đường mòn dẫn về hướng Bắc của xứ Sikkim, nơi đây núi đồi sông suối và cỏ cây như quyến rũ và lôi kéo bước chân bà khiến bà say mê đến nỗi đã vượt một đoạn đường rất xa mà không biết. Chính nơi xa xôi vắng vẻ đến độ không còn nghe một âm thanh nào, bà đã thấy xứ Tây Tạng hiện ra trước mắt bên những dãy núi cao phủ tuyết trắng xóa...

● ĐỂ DẪN THÂN VÀO XỨ ĐỈNH TRỜI

Trong khi sống với các cư dân ở biên giới, bà David Néel được các đạo sư trưởng lão chỉ dạy nhiều điều hay về phong tục và tập quán Tây Tạng vì biết bà là người da trắng có căn tu muốn vào đất Tây Tạng. Họ chỉ cách cho bà hóa trang thành một người ăn xin đang hành hương để dễ len lỏi vào sâu tận xứ sở đầy khó khăn trở ngại. Có thể dưới hình thức một kẻ ăn xin mà bà sẽ tránh được sự chú ý của mọi người.



← Cây cầu bằng lưới đan bằng sợi sườn núi cheo leo ở vùng Bắc Nepal là một trong những đoạn đường vô cùng nguy hiểm.

Một bức ảnh còn giữ lại đến ngày nay chụp bà David Néel mặc áo ấm tay cầm cái bát bằng gỗ xin ăn, tay kia là một thân cây trúc màu đen tuyền dùng làm gậy chống khi phải băng đèo vượt suối. Sau lưng là

một cái nón đan bằng mây tre phòng khi nắng gắt hay mưa gió và một cái bị lát để đựng các thứ cần thiết...

Bà còn đeo ở cổ một tràng hạt màu nâu. Để khó nhận ra làn da trắng của mình, bà đã lấy đất bùn bôi lên mặt và những phần lộ diện. Bà còn dùng mực đen để bôi lên tóc hầu làm mất đi màu



tóc nâu của mình. Với quyết tâm và niềm tin mạnh mẽ, bà David Néel đã già tử người dẫn đạo đưa bà vượt biên giới vào sâu trong phần đất của Tây Tạng.

Sau mấy ngày lặn lội trong núi đồi, bà thấy một ngôi chùa cổ. Vị Sư già trong chùa đang làm vườn trông thấy bà áo quần và mặt mày xơ xác lấy làm tội nghiệp cho vào và đem cơm cho ăn. Nhờ bà nói được khá trôi chảy tiếng

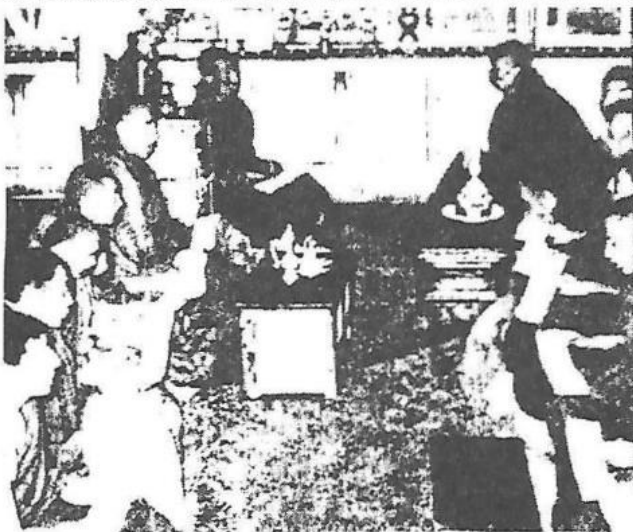
Tây Tạng nên khi nghe bà kể thật niềm tin và ý định của mình cho vị Sư già nghe thì Sư cảm động cho bà tá túc sau chùa nghe giảng kinh và hàng ngày làm việc trong chùa. Dần dần bà David Néel được làm quen với nhiều người Tây Tạng quanh vùng và ai cũng tỏ ra quý trọng và thương mến bà cả.



Cung điện Potala cũng còn là đại tu viện, thành lũy Điện thờ xây dựng ngoại ô Lhasa thủ đô của Tây Tạng. Cung điện này xây dựng từ năm 1641. Đây là trung tâm của Phật Giáo Tây Tạng.

● SỬA SOẠN CHO CHUYẾN ĐI MẠO HIỂM

Qua thời gian, bà David Néel mở rộng sự quan sát và chung đụng của mình với mọi người ở những vùng xa hơn và người Tây Tạng ngay cả ngoài chợ khi trông thấy bà họ cũng không còn mang tư tưởng như khi nhìn hay nghe về người da trắng nữa. Bà có cảm giác thật an tâm khi thấy mình đã hòa vào cuộc sống



của người bản xứ. Thấm thoát thời gian trôi thật mau, những tư liệu thu thập của bà về xứ trời cao ngày càng nhiều, bà đi nhiều nơi và dần dần được các vị Lạt Ma tiếp xúc thăm hỏi và giảng



dạy thêm cho bà nhiều phần đặc biệt trong giáo lý của Phật Giáo Tây Tạng. Bà còn có dịp được các vị giảng cho nghe những chương quan trọng trong cuốn Tử Thư, một cuốn sách gối đầu của người Tây Tạng nói về sự chết, về những gì mà mỗi người sau cùng của cuộc đời đều phải trải qua.

Trong các sự kiện mà chính mắt bà đã thấy, tai bà đã nghe ngay tại đất nước Tây Tạng, lại là một nhà báo, bà

David Néel đã viết thành các sách giá trị làm thế giới phải kinh ngạc về những gì đã xảy ra tại xứ sở đầy huyền bí lạ lùng này... Năm 1929, cuốn sách nhan đề **Magic and Mystery in Tibet** đã làm các độc giả ở Âu Châu tìm đọc. Các cuốn sau đó viết về **Tây Tạng Huyền Bí** cũng lần lượt xuất bản và cuốn nào bà viết cũng đều được độc giả hoan nghênh.

● THUNG LŨNG LONAK



Lúc bà David Néel đang còn ở vùng biên giới Tây Tạng, bà đã có dịp đến tu viện Nyima ở thung lũng Lonak. Tại đây có một bộ kinh xưa cổ quý giá mà theo các vị Lạt Ma thì nội dung vô cùng uyên thâm huyền bí. Chính Thái Tử Sidkeong cũng đã tới đây nhiều lần để tham khảo bộ kinh huyền diệu này. Những lần bà David Néel gặp Thái Tử nơi tu viện Nyima, Thái Tử thường bàn luận với bà về các đề tài liên quan đến giáo lý

nhà Phật và đôi khi còn dẫn giải cho bà nghe về nguyên ủy thâm sâu của huyền thuật, ma thuật và cả hiện tượng thấu thị (clairvoyance), thần giao cách cảm, chuyển di tử tưởng...

Bà David Néel công nhận rằng: Thái Tử tuy trẻ tuổi nhưng có lẽ hấp thụ tử khí thiêng sống núi và tinh hoa của các bậc Đại sư Tây Tạng nên thông suốt được nhiều lãnh vực kể cả khoa học mà Thái Tử đã học được khi du học tại Anh Quốc. Cũng tại thung lũng Lonak, bà David Néel còn nghe nhiều vị Lạt Ma cho hay rằng các động đá mà các tu sĩ đến tu tập không phải tự nhiên mà họ tìm gặp và chọn lấy theo ý mình. Những bậc chân tu khi đã tri chí quyết tâm tu tập thì đến đấy với cả tấm lòng thì tự nhiên họ thấy được những hang động, những suối, sông mà mắt người bình thường không thấy được. Rồi do chính căn quả tu hành, hặng duyên mà họ gặp được nơi chốn tốt lành tĩnh lặng để tu trì. Một kẻ tu hành mà nghiệp còn nặng, còn tham-sân-si hay chấp ngã hoặc vì bốc đồng, hăng hái, hay thất vọng trong chốc lát mà tìm chỗ ẩn tu thì quả là hiếm có được chỗ tĩnh lặng trong sạch thanh cao cho họ. Cũng theo các vị Lạt Ma thì nơi thung lũng thâm sâu huyền diệu Lonak trước đây có nhiều vị Đạo sư đã chọn làm nơi tu tập và phần lớn các vị đó đều có phép thần thông.

● THUẬT PHI HÀNH VÀ PHÉP LONGOM

Để mô tả về sự kiện này qua các bài báo và sách bà viết, vì sợ người đọc không tin, bà đã khẳng định là chính mắt mình đã thấy và tai nghe cả âm thanh của sự kiện. Theo lời bà kể thì nhiều nhà tu luyện huyền thuật đã có khả năng di chuyển nhanh nhờ một phép trong huyền thuật gọi là phép Longom. Một hôm, bà đang cỡi ngựa đi dạo ở một vùng đồng bằng đầy cỏ hoa thì bỗng nhiên trông thấy từ xa một chấm đen đang di động về phía bà. Bà vội đưa ống nhòm lên mắt thì thấy một tu sĩ khoác áo đen rộng thùng thình đang lướt đi rất nhanh có hồ như hồng đất. Trong phút chốc người tu sĩ tụt gần và vụt cái đã vượt nhanh qua trước mặt bà như một làn gió. Tai bà nghe rõ tiếng áo chòang của vị tu sĩ nọ đập phần phật vì gió. Về sau bà mới biết đó là phép Longom



mà các vị Lạt ma Tây Tạng dùng để di chuyển cho nhanh. Cốt lõi của vấn đề là tập trung tư tưởng. Các vị Lạt Ma đã giải thích rằng khi tập trung tư tưởng tức là tập sức sức mạnh ở nội lực. Khi bộc phát nội lực ấy ra thì có thể sẽ thực hiện được nhiều việc khác thường. Thuật phi hành vừa kể là một trong các kết quả phát sinh từ tập trung tư tưởng. Một khi một vị Lạt ma Tây Tạng đang di

chuyển nhanh như vậy tức là họ đang tập trung tư tưởng để có năng lực hoạt động đúng theo mục đích mà họ cần. Nếu lúc này có ai bất ngờ gọi họ hay va chạm vào người khiến họ như chột thức tỉnh thì kết quả sẽ rất tai hại vì cái năng lực đang ào ạt bỗng nhiên khựng lại chẳng khác nào chiếc xe đang ở tốc độ nhanh tự nhiên thắng lại vậy. Khi đó vị Lạt ma có thể té ngã xuống và bị chấn thương sọ não. Nhiều vị đã chết trong lúc tập luyện vì xảy ra sự cố như vừa kể nhưng cũng có khi là do người mới tập luyện phép Longom thường hay say mê và cố đốt giai đoạn khiến bị tiêu hao năng lượng cơ thể. Cũng theo các vị Lạt Ma thì khi di chuyển nhanh như gió như vậy đôi khi các vật cản đường có thể làm cho người dùng phép Longom bị té ngã vì vấp phải. Do đó thuật phi hành này thường chỉ áp dụng ở những nơi đồng cỏ trảng mà thôi hay những ngọn đồi trọc... Thật ra, phép Longom dùng để đo lường khả năng ý chí của các vị Lạt ma khi họ tu tập chỗ không phải là cứu cánh. Phương tiện của phép này là để sử dụng lúc khẩn cấp như cần phải tới mau một nơi rất xa để cứu cấp cho một người nào đó. Bà David còn cho biết rằng, tại Tây Tạng phép tu luyện bằng tập trung tư tưởng rất phổ biến vì theo các vị Lạt Ma, tư tưởng là vũ khí 2 mặt tác động trên con người, vì tư tưởng mà con người trở nên mạnh dạn hay yếu đuối, sợ sệt hay can đảm, xấu xa hay tốt lành, thiện tâm hay ác độc. Do đó mà trong kinh điển Tây Tạng khi chia các cõi giới trong vũ trụ có một cõi giới được gọi là cõi giới tư tưởng. Ở cõi giới này mọi sự mọi việc đều do tư tưởng chỉ đạo, tuy nhiên tất cả đều là không thật. Theo các vị Lạt Ma thì con người có năng lực, ý chí nên tận dụng tư tưởng để hướng nó trở thành năng lực hữu ích hơn là để tư tưởng điều khiển mình. Bà David Néel lúc mới vào đất Tây Tạng sống một thời gian bà rất đỗi ngạc nhiên khi thấy nhiều vị sư để mình trần ngồi trong các am thất động đá mà không biết lạnh trong khi tuyết ngập khắp nơi. Về sau bà mới biết là phần lớn các vị đạo sư, Lạt Ma Tây Tạng khi tu tập đã luyện ý chí và tập trung tư tưởng nên khó có gì từ

ngoại môi trường như cái nóng và cái lạnh có thể làm họ nao núng. Nhiều vị có khả năng tập trung tư tưởng cao độ làm cho tuyết phủ quanh mình tan chảy ra.

Những sự kiện lạ lùng ở Tây Tạng đã được bà David Néel mô tả lại trong các bài báo và sách bà viết đã khiến nhiều người say mê thích thú, nhất là những người Âu Châu hiếm khi biết hay tiếp xúc được trực diện với những vị ân tu và những huyền thuật lạ lùng. Tại Tây Tạng, nơi núi cao, trong các hang động có nhiều tu sĩ ẩn mình tu tập trong đó nhiều năm dài, có người sợ bị quấy rầy đã dùng đá bít lối ra vào, dĩ nhiên là họ đã tích trữ những thức ăn cùng nước uống. Tuy nhiên đối với họ những thứ này chỉ là phương tiện để giúp họ sống còn trong thời gian tu luyện mà thôi. Những tu sĩ chuyên về huyền thuật, ma thuật được xem là những người chọn phương thức tu hành của tôn giáo cổ có tên là Pawas, Yabas hay Bon... Những cách tu tập trong tôn giáo này luôn luôn nhuộm màu sắc huyền bí lạ lùng.

(Trong cuốn *Du Hành Vào Xứ Huyền Bí* sắp xuất bản)

Xuân thiên tự



*Cành lá xanh mừng Xuân nhẹ lướt
Giọt sương vàng óng mượt long lanh
Thiền Môn thoang thoang hương lành
Tiếng chuông tỉnh thức Lạc Thành nơi đây*

*Đoàn thiếu niên sum vầy ca hát
Giọng thăng trầm điệu nhạc vượn lên
Tung bùng oanh yến bên thềm
Chung nhau hòa nhịp vui niềm Ước Ưu*

*Nguyện lia bỏ oan cừu muôn kiếp
Chuyên tu hành tam nghiệp rời xa
Quay về nương tựa Phật Đà
Tây Phương Cực Lạc là nhà Vãng Sanh*

*Ao Thất Bảo sen lành nở rộ
Đức Di Đà hóa độ sinh linh
Chẳng còn phiền não vô minh
Phụng thờ Tam Bảo lợi mình lợi tha*

*Xuân vừa đến lại qua như gió
Hạ chưa về lấp ló Đông Thu
"Cuộc đời thác thế phù du
Sớm còn tối mất công phu lỡ làng".*

● THỨC TRÚC

Giác ngộ và giải thoát

Đạo Phật có mặt trên thế gian này đã hơn hai ngàn năm trăm năm lịch sử, khởi từ Á Châu truyền sang Âu Châu và hiện nay đang phát triển mạnh mẽ tại Mỹ Châu và Úc Châu. Song song với đà phát triển của khoa học hiện nay, dân chúng ở các xứ văn minh và tiến bộ đang dần dần mất sự tin tưởng nơi các tôn giáo chủ trương thần quyền thiếu căn cứ khoa học, giải thích mọi sự việc qua đức tin nơi thượng đế mà thôi.

Cùng với sự phát triển của khoa học, dân chúng ở các quốc gia Âu-Mỹ-Úc ngày càng đối diện với các khủng hoảng tinh thần do nhiều áp lực, nhiều khó khăn dồn dập xảy ra trong cuộc sống hằng ngày. Khoa học ngày càng đáp ứng tối đa các nhu cầu, những tiện nghi vật chất của con người. Trong khi đó, các tôn giáo hiện diện tại đây từ trước không đáp ứng được những nhu cầu tinh thần, những vấn đề tâm linh của con người.

Cho nên, dân chúng ở các quốc gia Âu-Mỹ-Úc đã và đang hướng về tìm hiểu giáo lý của Đạo Phật và thực hành những lời dạy của Đức Phật trong đời sống hằng ngày.

Từ đó, họ tìm được sự an lạc và hạnh phúc ngay trong đời sống đầy dẫy những bất trắc và phiền não khổ đau. Họ phát tâm tu tập một cách tích cực dưới nhiều hình thức tu sĩ hay cư sĩ tại gia, họ viết sách để phổ biến cho mọi người cùng hiểu biết để được giác ngộ và giải thoát. Nghĩa là họ đến với Đạo Phật bằng trí tuệ chứ không phải chỉ bằng niềm tin mà thôi.

Đức Phật có dạy: "*Tin tưởng Như Lai mà không hiểu Như Lai tức là phi báng Như Lai vậy*".

Nghĩa là: Nếu chúng ta đến với Như Lai, đến với Đức Phật chỉ bằng niềm tin, chỉ biết tin tưởng Đức Phật như là một vị giáo chủ đầy quyền năng, có thể ban phúc như lời cầu nguyện của chúng ta, có thể ban cho chúng ta và gia đình một cuộc sống bình an, như ý, mà không chịu học

hiểu giáo lý để áp dụng vào đời sống, tức là chúng ta phi báng Đức Phật. Tại sao vậy?

Bởi vì, nếu cầu nguyện, khẩn vái, van xin, nhưng không toại nguyện, không kết quả như ý hoặc không kết quả gì cả, chúng ta sẽ nghĩ là Đức Phật không linh thiêng.

Chắc chắn chúng ta ai ai cũng biết cuộc đời của các vị giáo chủ của các tôn giáo trên thế gian này đều không có bình an một cách tuyệt đối theo cái nhìn tầm thường của chúng ta, các vị vẫn gặp chuyện bất trắc, vẫn bị người khác nhục mạ, vu cáo, ám sát, bỏ tù, xử án, kết tội, thậm chí giết chết như một tội phạm hình sự!

Như vậy, các vị giúp chúng ta được như ý, như lời cầu nguyện, khẩn vái, van xin của chúng ta bằng cách nào?

Cuộc đời của Đức Phật cũng gặp những chuyện như vậy, cũng trải qua các giai đoạn của cuộc sống như mọi người khác trên thế gian: sanh, già, bệnh, chết.

Như vậy, Đức Phật cứu khổ thế gian bằng cách nào? Bằng hình thức ban phúc theo lời cầu nguyện, van xin chăng? Bằng cách cứu độ cho những ai thờ phụng chăng?

Đức Phật có dạy: "*Mọi người hãy tự thấp đức lên mà đi, thấp lên với Chánh Pháp*".

Nghĩa là: "Tất cả chúng ta hãy tìm hiểu giáo lý của Đức Phật một cách tường tận rồi áp dụng vào đời sống hằng ngày. Hãy đem ngọn đuốc trí tuệ của mình mờ với ngọn đuốc Chánh Pháp, để được giác ngộ và giải thoát, để được an lạc và hạnh phúc ngay hiện đời.

Đức Phật Thích Ca đã trải qua những tháng năm tu tập và giác ngộ ngay dưới cội cây bồ đề, trên thế gian này.

Sau đó, Đức Phật sống cuộc đời còn lại trong cảnh giới an lạc và hạnh phúc, tự tại và giải thoát, dù cho cuộc đời cũng gặp những sóng gió, những Đức Phật không phiền não và khổ đau như tất cả mọi chúng sanh khác.

Vì tâm đại tử, đại bi, thương tất cả chúng sanh trầm luân trong sanh tử, Đức Phật đem Chánh pháp là những điều Ngài đã giác ngộ được, giảng dạy trong nửa thế kỷ, như để lại những bản đồ cho tất cả chúng sanh biết con đường, biết phương pháp tu tập, bất cứ ai áp dụng đúng đắn đều được giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Toàn bộ Chánh pháp của Đạo Phật nhằm mục đích chỉ rõ cái khổ của cuộc đời, nguyên nhân gây ra đau khổ; tiếp theo chỉ rõ cảnh giới niết bàn tịch diệt và con đường dẫn chúng ta đến cảnh giới an lạc đó.

Đó chính là cách Đức Phật cứu độ chúng sanh, ban phúc cho chúng sanh vậy.

Do đó, chúng ta hãy tìm hiểu: *Đức Phật đã giác ngộ điều gì và giải thoát như thế nào?*

Điều trước tiên Đức Phật giác ngộ: cuộc đời là khổ. Thực vậy, chúng ta ai ai cũng đều công nhận cuộc đời khổ nhiều vui ít. Những niềm vui trong cuộc sống thực là hiếm hoi. Trái lại, những điều phiền não, đau khổ, bất trắc, bất như ý, bất toại nguyện thì quá nhiều. Ngoài cái khổ vì thiếu ăn, thiếu mặc của những người nghèo đói do thiếu phước báu, cái khổ đến với mọi người trên khắp thế gian, không phân biệt già, trẻ, lớn, bé, nam phụ lão ấu, địa vị, học thức, giàu nghèo, địa phương, sắc tộc, tôn giáo, vua chúa hay thường dân, đời này hay đời trước. Cái khổ của tất cả mọi người trên thế gian đó là những gì?

Đó là chúng ta khổ vì sanh, già, bệnh, chết. Chúng ta khổ vì cuộc sống đầy dẫy những chuyện bất như ý, khó khăn, đấu tranh, sóng gió và gian nan. Chúng ta khổ vì tuổi già sức yếu, đi đứng khó khăn. Chúng ta khổ vì bệnh hoạn đau đớn. Chúng ta khổ vì cái chết đến không như ý. Chúng ta muốn được luôn luôn bình an, trẻ mãi không già, khỏe mãi không đau, sống mãi không chết, nhưng nào có ai được như vậy đâu?

Chẳng những chúng ta khổ vì sanh, già, bệnh, chết, chúng ta còn khổ vì xa lìa người thân thương. Chúng ta khổ vì gặp những người không ưa thích, những kẻ oán thù. Chúng ta khổ vì cầu nguyện, van xin nhiều quá, mà chẳng được gì. Chúng ta khổ vì ngũ âm xí thanh, nghĩa là: Cái thân xác ngày một to béo nặng nề một cách khổ sở và quan trọng hơn cả, chúng ta khổ vì cái tâm điên đảo, vọng tưởng, lăng xăng, lộn xộn, thay đổi từng giây từng phút, không lúc nào ngừng nghỉ, ví như con vượn chuyền cây, như con ngựa chạy rong, như con trâu dẫm đạp lúa mạ của người

Chính cái tâm ý điên đảo, vọng tưởng, lăng xăng, lộn xộn, tạo nghiệp này là nguyên nhân chính dẫn chúng ta vào vòng sanh tử luân hồi.

Làm sao hàng phục và an trụ được cái tâm ý này chính là trọng tâm của đạo Phật.

Đức Phật có dạy: "*Cuộc đời là biển khổ. Nước mắt chúng sanh nhiều hơn bốn biển lớn*".

Nghĩa là: Cuộc đời đầy dẫy những chuyện khổ đau, khiến cho nước mắt của chúng sanh trong nhiều đời nhiều kiếp có thể so sánh với nước bốn biển.

Con người thường mài mê đấu tranh, giành giật, hận thù, bon chen, hơn thua trong cuộc sống do lòng tham ái, quên đi những khổ đau, cho đến khi nhắm mắt lìa đời cũng chưa giác ngộ được.

Đó chính là nguyên nhân dẫn chúng ta vào vòng sanh tử luân hồi.

Tuy nhiên, đạo Phật nhận định "Cuộc đời là biển khổ" nhưng không đưa tới chuyện tiêu cực, bi quan, yếm thế, chán đời.

Đức Phật dạy chúng ta nhận định như vậy để thức tỉnh, để tìm phương cách giải thoát, không còn chìm đắm trong những cơn vui giả tạm, ngắn ngủi, những danh vọng, quyền tước, vật chất của thế gian. Cũng như một vị thầy thuốc chẩn bệnh, định bệnh để tìm ra nguyên nhân gây bệnh và tìm cách chữa trị.

Cho nên, ngay sau đó, Đức Phật chỉ rõ nguyên nhân gây ra khổ đau. Nguyên nhân đó chính là: "sự chấp ngã và chấp pháp" do tâm tham ái.

Thế nào là chấp ngã? Chấp ngã có hai phần: vật chất và tinh thần. Nghĩa là: về vật chất thì chấp cái thân xác tử đại mảy chực ký-lô này là "minh" và về tinh thần thì chấp cái tâm suy nghĩ, tính toán, suy lường là chính "minh".

Nếu có người hỏi: chúng ta là ai? Chúng ta liền chỉ vào thân mình và trả lời: Tôi đây nè!

Chính thực ra, cái xác thân tử đại giả tạm này đâu phải là "minh". Cái xác thân tử đại bao gồm những chất: đất, nước, gió, lửa, tụ hội với nhau trong một thời gian, từ khi cha mẹ sinh ra cho đến khi chúng ta thở ra mà không muốn hít vào nữa thì ô hô tử vong! Thời gian đó ít năm, nhiều năm, ngắn dài tùy theo nghiệp báo của mỗi người. Có người được vài chục năm. Có người chỉ trong hơi thở!

Lúc đó, hơi thở trở về với gió, hơi ấm trở về với vũ trụ, các chất lỏng như máu, mủ, nước tiểu trở về với nước, các chất cứng như thịt, xương trở về với đất.

Cái gì là "minh" đây?

Còn lại chỉ là cái xác không hồn, cái tử thi bất động. Cái xác thân tử đại của chúng ta tan rã, trở về với tử đại của vũ trụ. Nói nôm na là: cát bụi trở về với cát bụi.

Thậm chí, hiện nay khi còn sống, nếu chúng ta không vay mượn tử đại bên ngoài để bồi bổ từng ngày, từng giờ, từng phút, từng giây thì chúng ta đâu tồn tại được. Luôn luôn mượn không khí, lát lát mượn ly nước, ngày ngày mượn vài ba chén cơm. Cái thân tử đại muốn khỏe thì khỏe, muốn đau yếu thì đau yếu, chúng ta không làm chủ nó như ý muốn của chúng ta được.

Vậy mà chúng ta cứ chấp-chặt cái thân xác tử đại là "minh", chúng ta dành trọn cuộc đời để yêu mến, cung phụng, săn sóc nó thì quả là chúng ta mê muội, đang sống trong mộng tưởng mà thôi.

Chúng ta đã hiểu cái thân xác tử đại không phải là "minh", vậy còn cái tâm suy nghĩ, tính toán, suy lường có phải là "minh" chăng?

Thực ra, cái tâm đó cũng không phải là chính "minh". Tại sao vậy?

Bởi vì, có lúc chúng ta suy nghĩ rất hiền lành, thánh thiện, muốn giúp đỡ mọi người, muốn bố thí cúng dường, muốn trở thành người hoàn toàn tốt. Nhưng cũng có nhiều lúc, chúng ta tính toán, suy lường, muốn hơn người khác cho thỏa lòng ganh tị, đố kỵ, muốn thấy người khác suy sụp, gặp nạn cho thỏa lòng hơn thua, ganh ghét, tị hiềm.

Vậy thử hỏi chúng ta là người thiện hay bất thiện? Chúng ta là một hay là hai?

Dù là khởi tâm thiện, hay khởi tâm bất thiện, chúng ta cũng khổ đau. Lúc tâm thiện khởi lên muốn làm người tốt, muốn giúp đỡ người khác mà không được, thì dự chúng ta muốn cứu người thân bị bệnh nan y, thầy thuốc đã bỏ tay, chúng ta sẽ đau khổ. Lúc tâm bất thiện khởi lên, muốn thấy người khác khổ đau, nguy nan, khổ đốn, mà họ vẫn cử bình an, chúng ta sẽ đau khổ. Đàng nào chúng ta cũng đau khổ cả!

Lòng tự ái cao là một hình thức của tâm chấp ngã. Do tâm tham ái, chấp ngã một cách mù quáng, chúng ta đã, đang và sẽ tạo không biết bao nhiêu nghiệp báo trong nhiều đời nhiều kiếp. Đó chính là nguyên nhân dẫn chúng ta vào vòng sanh tử luân hồi.

Thế nào là chấp pháp? Chấp pháp cũng có hai phần: vật chất và tinh thần. Nghĩa là: về vật chất thì chấp mọi thứ có hình tướng như cái nhà này, cái xe này là của mình và về tinh thần thì chấp mọi thứ, mọi việc làm của mình là đúng, là nhất.

Về phương diện vật chất, chúng ta đang sống trong mộng tưởng, cho là cuộc đời này sẽ vĩnh viễn trường tồn, cho là những người thân sẽ mãi mãi ở bên mình, cho là những của cải vật chất như nhà cửa, xe cộ, vàng bạc, có nghiệp luôn luôn thuộc về mình.

Cho nên, nếu người thân có ra đi hoặc có mệnh hệ nào, nếu của cải vật chất có bị mất mát hư hao, thì chúng ta sẽ đau khổ! Về phương diện tinh thần, chúng ta thường chấp-chặt ý kiến của mình là đúng, việc mình đang làm là đúng, ai có ý kiến khác, ai làm khác là không đúng, là sai.

Chúng ta thường cho là mọi người lúc nào cũng suy nghĩ giống như mình, nên khi có người phát biểu khác đi, chúng ta khó chấp nhận được.

Chúng ta thường không thấy lỗi lầm của mình cho nên thường đau khổ, bức bối vì chỉ thấy lỗi lầm của người.

Thí dụ: Trong gia đình, nếu người cha không nhận thấy lỗi của mình, chỉ biết la mắng con cái vì chúng không theo ý của mình, bắt chấp ý kiến của chúng thì người cha đó chắc chắn sẽ phiền não đau khổ và làm cho mọi người trong gia đình cũng phiền não đau khổ theo.

Chúng ta nên biết hai thế hệ khác nhau thì ý kiến, sự suy nghĩ, cảm giác đều khác nhau.

Hơn nữa, chúng ta đừng chấp-chặt các quan niệm xa xưa, cổ lỗ, lạc hậu, không còn hợp thời nữa. Cứ chấp-chặt như vậy chỉ đưa đến phiền não và đau khổ mà thôi. Chuyện vợ chồng cũng vậy. Chuyện cộng đồng cũng vậy. chuyện quốc gia, xã hội cho đến chuyện thế giới cũng vậy thôi. Khi bất cứ chuyện gì xảy ra, người nào, bên nào cũng có một phần lỗi, không nhiều thì ít, không bên nào vẹn toàn, không người nào toàn vẹn.

Hiểu được như vậy, làm được như vậy, chúng ta sẽ bớt khổ đau nhiều lắm.

Trong cuộc sống gia đình cũng như ngoài xã hội, điều quan trọng là chúng ta phải biết quên mình vì người thì mới có sự an lạc và hạnh phúc. Còn nếu tâm ý quá ích kỷ, chỉ biết có mình, gia đình mình, đoàn thể mình, tôn giáo mình, cái gì cũng vì mình hết trơn thì chỉ có phiền não và đau khổ mà thôi.

Trong quốc gia có hai ba phe nhóm đấu tranh, kinh chống nhau, phe nào cũng muốn tiêu diệt phe kia, phe nào cũng cho mình là đúng nhất, thì quốc gia đó khó có thể tiến bộ được, dân chúng không thể sống trong an lạc và hạnh phúc được.

Chúng ta thường tự kỳ ám thị, không chịu nhìn nhận sự thật vì sự thật không theo như ý của mình, của gia đình mình, của phe nhóm mình, của tôn giáo mình. Trên thế gian này, người chủ muốn công nhân viên làm việc nhiều nhưng trả lương ít; người lại công nhân viên muốn làm việc ít nhưng lãnh lương nhiều.

Thế là đấu tranh và đau khổ!

Trên thế gian này, người ta thường nhờ rất kỹ đã làm ơn, giúp đỡ cho bất cứ ai, bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào; nhưng lại không nhờ bất cứ ai đã làm ơn, giúp đỡ cho mình.

Trên thế gian này, trâu cọt ghét trâu ăn, được làm vua thua làm giặc, có ít xích ra nhiều, chuyện bé xé ra to, chuyện có nói không, chuyện không nói có, lấy oán báo ân, ăn cháo đá bát, được chim bẻ ná, được cá quăng nơm, khen mình khinh người, là những "chuyện như thị", tức là những sự thực đương nhiên, nhiều không thể kể hết được.

Hiểu được như thế và đừng làm như thế, chúng ta sẽ mỉm cười và bớt đau khổ nhiều lắm!

Chúng ta thường mơ ước, cầu nguyện cho cuộc đời được bình an, không sóng gió. Nhưng làm sao có thể như vậy được?

Thực ra cuộc đời cũng giống như mặt biển cả, sóng gió triền miên, khi nhiều sóng khi ít sóng, ít khi sóng lặng gió yên, cơn sóng này qua đi thì cơn sóng khác

lại đến. Việc này chưa xong thì việc khác lại xảy đến.

Điều quan trọng hơn cả là chúng ta cần nên biết áp dụng Chánh pháp để ứng xử mọi sự mọi việc với tâm thiền định, bình tĩnh, thân nhiên, chấp nhận thì chúng ta sẽ giảm bớt khổ đau.

Do tâm tham ái, chấp pháp một cách mù quáng, chúng ta đã, đang và sẽ tạo không biết bao nhiêu nghiệp báo trong nhiều đời nhiều kiếp.

Đó chính là nguyên nhân dẫn chúng ta vào vòng sanh tử luân hồi.

Sau khi chỉ rõ nguyên nhân của sự khổ đau, nguyên nhân của sanh tử luân hồi, Đức Phật chỉ bày cảnh giới niết bàn, tịch diệt, bình yên, thanh tịnh, an lạc và hạnh phúc cho những ai biết áp dụng Chánh pháp vào đời sống hằng ngày. Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, Đức Phật dạy:

Chữ hành vô thường.

Thị sanh diệt pháp

Sanh diệt diệt dĩ.

Tịch diệt vi lạc

Nghĩa là: Mọi sự mọi việc trên đời đều vô thường, không tồn tại vĩnh viễn, đều là những pháp sanh diệt. Tất cả mọi sự mọi việc sanh ra, rồi cũng sẽ diệt đi, không có gì là vĩnh cửu, chuyện vui có tới rồi cũng đi, chuyện buồn có đến rồi cũng qua, thời gian sẽ xóa tan tất cả mọi sự mọi việc. Chuyện vui hay buồn đều làm tâm của chúng ta loay động và bất an.

Tâm của chúng ta dù khởi niệm tử bi hay khởi niệm sân hận rồi cũng lặng đi, tất cả đều là các tâm niệm sanh diệt. Chỉ có khi nào các tâm niệm sanh diệt như vậy diệt đi rồi, lặng mất rồi, không còn nữa, chúng ta sẽ được sống trong cảnh giới an lạc và hạnh phúc, cảnh giới tịch diệt vi diệu.

Trong Kinh A-Di-Đà, Đức Phật gọi đó là cảnh giới của người đạt được "nhất tâm bất loạn".

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật gọi đó là cảnh giới của người có tâm "bất tùy phân biệt", của người không còn tranh chấp thị phi, phải quấy, hơn thua, đúng sai.

Trong Kinh Tịnh Danh, hay Kinh Duy Ma Cật, Đức Phật gọi đó là cảnh giới của người đạt được "pháp môn bất nhị", của người không còn kẹt trong vòng đối đãi, nhị biên, không còn thành kiến, định kiến, thiên kiến, biên kiến, tà kiến, ác kiến, đoạn kiến, thường kiến.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật gọi đó là cảnh giới của người đạt được "thân kim cang bất hoại", của người không còn kẹt vì các tướng giả tạm bên ngoài, của người đạt được "thực tướng".

Trong Bát Nhã Tâm Kinh, Đức Phật gọi đó là cảnh giới của người đạt được "chủ pháp bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm" hay cảnh giới của

người "hành thâm bát nhã và chiếu kiến ngũ uẩn giai không".

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật có dạy: "Sanh diệt kỳ diệt, tịch diệt hiện tiền".

Nghĩa là: Khi nào tâm sanh diệt tiêu mất thì cảnh giới tịch diệt, cảnh giới niết bàn hiện ra trước mắt. Cũng như khi nào mây đen tiêu mất thì trăng sáng hiện ra trước mắt. Cũng như khi nào phiền não và khổ đau hết thì an lạc và hạnh phúc hiện tiền. Nghĩa là: Vọng tâm hết thì chơn tâm hiện tiền. Thực là đơn giản vậy.

Cảnh giới tịch diệt an lạc đó không dành



riêng cho bất cứ ai, không thuộc bất cứ tôn giáo nào, không thuộc bất cứ sắc dân nào, không thuộc bất cứ thời đại nào. Bất cứ ai dẹp được một phần các tâm niệm sanh diệt thì người đó sống được một phần trong cảnh giới an lạc, tịch diệt.

Cảnh giới này không thể nghĩ bàn, không thể dùng lời lẽ của thế gian để diễn tả, ai thực hiện được, sống được trong cảnh giới đó thì tự người đó biết, cũng như người uống nước, nóng lạnh tự biết vậy.

Cảnh giới này còn gọi là "đạo".

Cho nên, có câu: "Đạo bất khả ngôn thuyết". Nghĩa là: Không thể dùng ngôn ngữ của thế gian này để diễn tả, để chỉ bày "đạo".

Cũng có câu: "Ngữ ngôn đạo đoạn".

Nghĩa là: Khi nói lên bằng ngôn ngữ thế gian thì đã mất "đạo" rồi.

Đến đây, Đức Phật chỉ dạy những "phương pháp", những "pháp môn" để đạt được "đạo", tức là đạt được cảnh giới niết bàn tịch diệt đó.

Vấn đề hiện giờ là: làm sao để các tâm niệm sanh diệt đó không còn khởi lên nữa, hoặc các tâm niệm sanh diệt đó có khởi lên, làm sao cho nó lắng xuống, tiêu mất?

Đó chính là toàn bộ giáo pháp của Đức Phật bao gồm 37 phẩm: *tứ niệm xứ, tứ như ý túc, tứ chính cần, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần và bát chánh đạo*.

Chánh pháp 37 phẩm này giúp chúng ta đạt được "đạo" bằng trí tuệ, bằng sự quán chiếu, nhận thức được chân lý chủ

không phải chỉ bằng niềm tin đơn giản mà thôi.

"**T**ứ niệm xứ" là bốn chỗ cần quán niệm luôn luôn. Đó là quán thân bất tịnh, nghĩa là luôn luôn nhớ rằng thân xác tử đại này chứa toàn những thứ nhỏ nhóp, những thứ bất tịnh bên trong.

Quán thọ thị khổ, nghĩa là luôn luôn nhớ rằng thọ nhận nhiều cảm giác, nhiều tự ái, ai nói gì cũng chấp-chặt, thì tức nhiên là khổ.

Quán tâm vô thường, nghĩa là luôn luôn nhớ rằng tâm ý con người đổi thay vô chừng, không cố định, nay vậy mai khác, chỗ có chấp-chặt làm chi cho khổ!

Quán pháp vô ngã, nghĩa là luôn luôn nhớ rằng mọi sự việc trên thế gian đều không nhất định. Thí dụ: những quan niệm chồng chửa vợ tôi, trọng nam khinh nữ, chỉ đúng ở thời đại nào đó mà thôi, không có thực thể cố định.

"**T**ứ chính cần" là bốn việc luôn luôn chuyên cần, chăm chỉ thực hành một cách chân chính.

Đó là: đối với việc bất thiện đã sinh phải trừ dứt hẳn, đối với việc bất thiện chưa sinh, đừng cho sinh ra, đối với việc thiện chưa sinh, làm cho sinh ra, đối với việc thiện đã sinh, làm cho tăng trưởng.

"**T**ứ như ý túc" là bốn pháp thiền định, hay là bốn phương tiện đưa chúng ta đến chỗ như ý muốn, thành tựu viên mãn.

Đó là: *dục, cần, tâm, quán*.

Nghĩa là: chúng ta phải có lòng thiết tha, ham muốn tìm cầu sự giải thoát, chúng ta phải chuyên cần, tinh tấn học hiểu giáo lý, chúng ta phải khắc chế tâm niệm đến chỗ bất loạn, chúng ta phải biết cách quán chiếu để giác ngộ chân lý.

"**N**gũ căn" là năm pháp căn bản sinh ra các việc thiện.

Đó là: *tín, tấn, niệm, định, tuệ*.

Nghĩa là: Chúng ta phải có niềm tin sâu xa, vững chắc nơi Chánh pháp vô thượng, tinh tấn tu tâm dưỡng tánh không hề biết mệt mỏi, luôn luôn có tâm niệm hiền thiện, tử bi hỷ xả, luôn luôn giữ sự bình thân, tinh thức, thiền định, bất loạn và luôn luôn dùng trí tuệ để suy xét mọi sự mọi việc, không tin tưởng bừa bãi, mê tín dị đoan.

"**N**gũ lực" là năm sức mạnh do năm pháp căn bản nói trên thành tựu được. Nghĩa là: Do tin lực chúng ta có niềm tin kiên cố, mạnh mẽ nơi Chánh pháp, do tấn lực chúng ta có sức mạnh tinh thần bất thối chuyển, san bằng những trở ngại trên đường tu tập,

do niệm lực chúng ta luôn luôn ghi nhớ những thiện pháp, do định lực chúng ta có được sự tập trung tư tưởng và do tuệ

lực chúng ta giác ngộ được con đường giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

"Thất bồ đề phần" còn gọi là "thất giác chi", là bảy phần hiểu biết, bảy điều đến chỗ giác ngộ.

Đó là: *trạch pháp, tinh tấn, hoan hỷ, khinh an, niệm, định, xả.*

Trạch pháp là dùng trí tuệ chọn lựa sự thực hư, chôn giã của tất cả các pháp.

Tinh tấn là tâm mạnh mẽ dứt trừ tất cả các nghiệp bất thiện, thực hành tất cả các nghiệp thiện.

Hoan hỷ là tâm luôn luôn vui vẻ với mọi người, với mọi việc trên thế gian, không phân biệt gì cả, để tất cả chúng sanh đều hỷ kiến.

Khinh an là tâm nhẹ nhàng, an lạc khi dứt trừ các phiền não, các cố chấp nặng nề, thoát ra ngoài vòng tục lụy của thế gian.

Niệm là tâm luôn luôn nhớ nghĩ đến chư Phật, đến tất cả chúng sanh, vì tâm tử bi hỷ xả mà hành trì giới luật.

Định là tâm luôn luôn bình thản, không tán loạn, an nhiên, tự tại.

Xả là tâm buông bỏ tất cả những hệ lụy của cuộc đời, tất cả những thành kiến, định kiến, thiên kiến, biên kiến, tà kiến, ác kiến, thường kiến, đoạn kiến, không chấp-chặt những tư tưởng chặt hẹp, ích kỷ.

"Bát chánh đạo" là tám con đường dẫn đến cứu cánh của đạo Phật: giác ngộ và giải thoát.

Đó là: *chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.*

"Chánh kiến" là sự hiểu biết chân chánh, như hiểu biết luật nhân quả, lý nhân duyên, lý duyên khởi, trùng trùng duyên khởi. Sự hiểu biết này không bị chi phối bởi thành kiến, định kiến, tà kiến, ác kiến, thiên kiến, biên kiến, đoạn kiến, thường kiến.

Người có chánh kiến là người thấy mọi sự mọi việc "đúng như thực".

Đức Phật dạy: "Mọi người đến với Đạo Phật để thấy đúng như thực chứ không phải chỉ đến để mà tin!"

Vậy, "thấy đúng như thực" nghĩa là sao?

Thí dụ: Khi thấy một cái cây mọc lên, chúng ta biết ngay là do hạt nhân này mầm, không phải tự nhiên mà có. Khi được bình an, sung sướng, chúng ta hiểu là đang hưởng phước; khi gặp tai nạn, trắc trở, chúng ta hiểu là đang trả quả báo. Tất cả việc phước hay họa là quả của nhân do chúng ta gieo trước đây, đời trước hay đời này, không do ông trời nào ban phước giáng họa bừa bãi cả. Đó là lý nhân quả.

Mọi sự do nhân duyên sinh và cũng do nhân duyên diệt. Một cuốn sách do các nhân duyên có người viết, có giấy mực, có thợ in ấn, có thợ đóng bìa mà hình

thành. Đến khi do các nhân duyên bị mối mọt ăn, bị lửa đốt, bị thấm nước, cuốn sách đó sẽ bị hủy hoại. Cuốn sách không phải tự nhiên mà có, không phải tự nhiên mà mất! Đó là nhân duyên.

Mọi sự mọi việc không phải tự nhiên mà phát khởi. Có người hỏi thì mới có người đáp. Có người ăn quà mới có người bán quà. Có người bán quà mới có người ăn quà. Có chủ mắng người mới bị ăn bậy tại. Có chơi xấu người mới bị người chơi xấu. Có gió mới có sóng. Có sinh sự thì sự mới sinh. Đó là lý duyên khởi, trùng trùng duyên khởi.

"Chánh tư duy" là sự suy nghĩ chân chánh, theo đúng lẽ thực, không lợi mình hại người. Sự suy nghĩ này không bị chi phối bởi thành kiến, định kiến, thiên kiến, biên kiến, tà kiến, ác kiến, đoạn kiến, thường kiến.

Đức Phật dạy: "Đừng tin tất cả những gì người xưa nói, dù điều đó có ghi trong sách vở, dù điều đó có nhiều người tin, dù người đó là kẻ trên người trước, dù kẻ đó có thể lực đạo cũng như đời. Hãy quán chiếu, suy nghĩ, thấy đúng chân lý, hợp lẽ phải thì tin theo và thực hành".

Bởi vậy, Đức Phật dạy ba môn học phát sinh trí tuệ. Đó là: "Vấn-tự-tu".

Nghĩa là: Chúng ta hãy nghe giảng, hãy đọc sách, rồi suy nghĩ, tự duy cho chín chắn trước khi thực hành, tu tập theo.

"Chánh ngữ" là lời nói chân chánh, không lợi mình, hại người, không thù ghét, gây hiềm khích giữa các cá nhân hay tập thể, không xu nịnh, không trái lẽ thực, không thiên vị. Lời nói này để nghe, đem lại niềm vui cho kẻ khác, không bị chi phối bởi ác kiến, thành kiến, biên kiến, đoạn kiến, thường kiến.

Người có chánh ngữ là người không nói những lời khiến kẻ khác đau khổ, phải xúc đầu cù-là, phải uống thuốc nhức đầu, dù cho họ là người thân hay kẻ thù hoặc bất cứ ai chăng nữa!

Người có chánh ngữ là người biết giữ chữ tín, được lòng tin yêu của mọi người. Khi cần nói, chỉ nói pháp vô sanh, không nói pháp sanh diệt, thị phi.

"Chánh nghiệp" là nghề nghiệp và hành động chân chính, không mưu cầu lợi mình hại người.

Dù cho người có hành động không tốt đối với mình, chúng ta cũng không có hành động trả đũa, vì làm như vậy chúng ta đâu có khác gì hèn người. Người ta viết báo chửi bới, vu cáo, bới lộ, nhục mạ, phi báng. Chúng ta biết đó là hành động không chân chánh thì chúng ta đừng làm y như vậy đối với người.

Đức Phật dạy: "Tam nghiệp hằng thanh tịnh. Đồng Phật vãng tây phương". Nghĩa là: Ba nghiệp thân, khẩu, ý chân chánh, thanh tịnh thì chúng ta theo chư Phật về cảnh giới tây phương cực lạc mà an hưởng.

"Chánh mạng" là đời sống, cuộc sống chân chánh. Nghĩa là: Chúng ta chỉ làm

những nghề chân chánh, không xâm phạm mạng người, tổn hại mạng vật để sinh sống.

Người có chánh mạng là người sống cuộc đời có ý nghĩa, lợi mình, lợi người, không lường gạt ai, không ăn không ngồi rồi, sống bám vào kẻ khác, vào xã hội.

"Chánh tinh tấn" là sự siêng năng, chuyên cần, chăm chỉ làm tất cả những việc thiện và tránh tất cả việc bất thiện, luôn luôn tu tâm dưỡng tánh, không lúc nào ngồi nghỉ, mệt mỏi, buồn lung hay thối tâm.

Chư Tổ có dạy: "Chư ác mạc tác. Chúng thiện phụng hành. Tự tịnh kỳ ý. Thị chư Phật giáo".

Đại Thế Chí là vị Bồ Tát tượng trưng cho sự siêng năng, tinh tấn một cách dũng mãnh vượt ngoài ý chỉ tầm thường của thế gian.

"Chánh niệm" là luôn luôn khắc chế tâm niệm bên trong, bên ngoài luôn luôn tránh sự đấu tranh, cãi vã.

Có câu: "Nội cần khắc niệm chi công. Ngoại hoằng bất tranh chi đức". Nghĩa là: Con người có đức độ là con người không có tạp niệm trong tâm, bên ngoài luôn luôn từ tốn, lễ độ, nhã nhặn, hiền hòa.

Người có chánh niệm là người luôn luôn biết mình đang nói gì, đang làm gì, đang nghĩ gì, luôn luôn sống trong tinh thức, nhận biết ngay mỗi khi vọng niệm dấy khởi và không theo, luôn luôn sống với Chơn Tâm Phật Tánh.

"Chánh định" là sự bình tĩnh sáng suốt, do tam nghiệp thanh tịnh, do quán tâm tử bi để dẹp trừ lòng sân hận, mở rộng tình thương, do quán thân bất tịnh để dẹp trừ lòng tham ái, do quán lý nhân duyên để dẹp trừ lòng si mê, ngã chấp và pháp chấp, do quán giới phân biệt để khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần không khởi sáu thức, không sanh vọng niệm và do quán số tửc, đếm hơi thở ra thở vào, để dẹp trừ tâm loạn động.

Người có chánh định do giữ gìn giới luật, sẽ phát sanh trí tuệ bát nhã, đưa đến giác ngộ và giải thoát. Đó là tam vô lậu học: "Giới Định Tuệ".

Ngoài ra, chúng ta cũng đã biết dù khởi niệm thiện hay bất thiện cũng đều dẫn đến khổ đau vì vẫn còn kẹt hai bên, tức là nhị biên. Cho nên, Đức Phật dạy "pháp môn bất nhị", giúp chúng ta lạng hết những tâm niệm dù thiện hay bất thiện, để không còn phiền não và khổ đau, để được an lạc và hạnh phúc, để được về cõi tây phương cực lạc, để được giác ngộ và giải thoát.

Để kết luận, chúng ta biết những điều Đức Phật chứng ngộ và giảng dạy là Chánh pháp ghi trong các kinh điển, ví như các bản đồ giúp nhân loại biết phương pháp tu tập để được giác ngộ và giải thoát, để được cuộc sống an lạc và hạnh phúc hiện đời.

Chánh pháp không dành riêng cho bất cứ ai, dù tu sĩ hay cư sĩ tại gia. Mặc dù người thờ phụng Đức Phật, tin tưởng Đức Phật mà không hiểu Chánh pháp, không áp dụng Chánh pháp, thì cũng không ích lợi gì hiện đời cả.

C hủ Tổ có dạy: "Tu mà không học là tu mù. Học mà không tu là dây sách". Nghĩa là: Muốn hưởng an lạc và hạnh phúc, muốn được giác ngộ và giải thoát, chúng ta phải tu tập. Nhưng tu tập mà không chịu học hiểu Chánh pháp cũng ví như người mù lại không có bàn đờ, không người hướng dẫn thì làm sao đi đến nơi đến chốn được.

Bản thân đã tu mù, không nghiên-tầm giáo lý, kinh điển đại thừa, mà còn dẫn dắt người khác tu tập thì quả là đại họa, là phi báng Đạo Phật, là sử tử trùng thực sử tử nhục.

T rái lại, Chánh pháp để áp dụng, thực hành chứ không phải để nói suông. Người chỉ lo học hiểu mà không lo tu tập thì cũng chỉ có thể hiểu biết đến mức độ nào đó mà thôi, cũng ví như cái dây, cái túi đựng sách vậy. Những người đó cũng như những người đếm tiền trong ngân hàng, những người đếm bò cho chủ, trọn đời không có tiền và cũng không có bò.

C ó câu chuyện "giáo lý tối thượng thừa" như sau. Có một anh mù, đến thăm người bạn, đến lúc trời tối mới ra về. Người bạn đưa cho cây đèn. Anh mù bèn nói không cần, bởi vì đối với anh, trời sáng cũng như tối, ban ngày cũng như ban đêm, không có gì khác, không phân biệt được gì cả.

Người bạn khuyên hãy cầm cây đèn, để người khác thấy mà tránh. Anh mù nghe có lý bèn nhận cây đèn và ra về.

Trên đường về, có người đi đụng phải anh. Anh mù bèn la lên: Bộ người không thấy cây đèn tôi đang cầm đây hay sao? Người kia đáp: Cây đèn của anh đã tắt từ lâu rồi!

T hế mới biết chúng ta cần cây đèn của chính chúng ta, để giúp chúng ta tai qua nạn khỏi, để giúp chúng ta giác ngộ và giải thoát khỏi vòng trầm luân, sanh tử luân hồi.

Cây đèn do người khác trao cho, có khi không được hữu dụng. Cây đèn luôn luôn hữu dụng đó phải là cây đèn của chính chúng ta.

Cây đèn đó chính là trí tuệ bát nhã của tất cả mọi người chúng ta vậy ●

(Toronto - Canada)



鬱鬱松
高岩表森森
幽潤陞
鶴栖君子樹
拂大夫枝
百尺陰合十年
蓋影披
歲寒終不改
勁節知
李嶠

Tùng

Uất uất cao nham biểu
Sâm sâm u nhuận thủy
Hạc thể quân tử thụ
Phong phát đại phu chi
Bách xích điều âm hợp
Thiên niên cái ảnh phi
Tuế hàn chung bất cải
Kinh tiết hạnh quân tri

● LÝ KIỀU

Cây thông

Non cao tươi tốt lộ ra
Kín sâu nhuần nhả rậm và biên cương
Trên cây quân tử hạc nương
Vỡ cảnh quan lớn gió thường phẩy
qua
Bóng râm trăm thước hợp hòa
Ngàn năm hình ảnh vạch ra rõ ràng
Mùa đông chẳng đổi vẫn xanh
Vững bền khí tiết biết mình vua yêu

● Huyền Thanh Lữ

(trích: TÙNG CÚC TRÚC MAI
Thi tuyển)

菊
離落歲雲暮
教枝聊自芳
雪裁緯蕊密
金拆小苞香
千載白衣酒
一生青女霜
春叢莫輕薄
彼此有行藏
羅隱

Cúc

Li lạc tuế vân mộ
Sở chi liễu tự phương
Tuyết tài khiên nhụy mật
Kim sách tiểu bao hương
Thiên tài bạch y tiêu
Nhất sinh thanh nữ sương
Xuân tùng mạc khinh bạc
Bỉ thủ hữu hành tàng

● LA AN (833-909)

Cúc

Cuối năm mây xuống bên rào
Mấy cành nhụy ngọt ngào
mùi thơm
Tuyết lo kéo nhụy sớm hơn
Sắc vàng vừa lộ bọc con hương nồng
Ngàn năm áo trắng rượu trong
Một đời sương tóa cũng vòng
thần thu
Bụi xuân khinh bạc chó bù
Cái này cái đó vẫn dư hành tàng

● Huyền Thanh Lữ

(trích: TÙNG CÚC TRÚC MAI
Thi tuyển)

Thân thể con người

(Tiếp theo)

Quan sát TỶ CĂN (Lỗ Mũi)

Lỗ mũi là cơ quan của tỷ thức gọi là Tỷ Căn.

Tỷ Căn dùng để đánh mùi. Ngủi để biết được các mùi thơm hay thúi và các thú hướng quyền trong không khí.

Lỗ mũi cũng là cơ quan dùng để thở, ngoài nhiệm vụ quan trọng của nó là việc thám mùi. Mũi còn đảm nhiệm việc điều hòa không khí trong bộ phận hô hấp.

Mỗi ngày, mũi có thể chế hóa được khoảng 14 thước khối (bằng khối lượng ở trong một căn phòng). Nó lọc sạch bụi ở không khí và làm cho bất động một số vi khuẩn ở trong đó. Nó đưa vào huyết mạch sự ấm áp, và tạo ra sự tươi nhuận cho máu.

Nhưng có những việc mũi chu toàn mà ít ai để ý, đó là "Lỗ Mũi" làm cho tiếng nói có "âm hưởng" của giọng nói, nếu không thì tiếng nói sẽ không có "giọng", không thể cho biết được tường tận những gì mình muốn nói.

Làm thế nào để mũi có thể bắt được một mùi?

Nếu bạn biết rõ một mùi nào, thì bạn nên hít mạnh vào phổi luồng không khí bao bọc quanh vật bạn đang ngửi. Đó là bạn tạo thành một luồng gió cuốn lên phía trên, qua khỏi chỗ có những thọ cảm về mùi nằm ở phần trên của khí quản. Nhờ những chất nhờn ở đó tiết ra, làm tan những phần tử không khí, và biến mùi mình muốn biết, ra hình thức chất lỏng, thành ra một hóa chất, đập mạnh vào lông mi vi tế (cils) khiến cho các lông mi này phát sinh một sung lực, có cường độ gia tăng, để cuối cùng mùi được chuyển vào cái biết của não bộ qua các lông mi thọ cảm đó.

Người ta khám phá ra là chỉ cần một tế bào thọ cảm thôi, cũng có phát khởi một sự phản ứng tương đương với toàn bộ khứu giác.

Các lông mi thọ cảm bắt mùi chuyển vào thần kinh não bộ qua những lỗ vi tế của những tấm xương nằm dưới não bộ, và đó là tủy của xương khứu giác.

Muốn thuốc có được hiệu lực nhanh chóng, đôi khi người ta cho hít thuốc hơn là cho uống, vì khứu giác đưa ngay hóa chất của thuốc vào ngay các giác quan.

Về khứu giác thì các côn trùng và súc vật đánh mùi nhạy hơn loài người.



Một con Tằm đục biết được có con Tằm cái ở xa nó trên 3 cây số. Nhưng loài người thì không thể biết được người bạn trăm năm của mình ở cách mình trong vòng 100 thước, nếu không lên tiếng. Loài người cũng không thể nhờ cậy vào "khứu giác" của mình để kiếm vật thực, trong khi đó con Heo có thể ngửi biết được Nấm Truffle mọc sâu trong lòng đất.

Khứu giác và Vị giác là 2 giác quan thuộc về "Hóa chất", nên bị kích thích vì những phần tử của hóa chất về mùi vị.

Nhãn thức và Nhĩ thức thì thuộc về giác quan vật lý, cho nên chúng rất nhạy cảm đối với các luồng sóng của ánh sáng và tiếng động.

Người ta ước định là "cái biết" của Khứu giác có sự nhạy cảm hơn Vị giác đến 10.000 lần. Nhưng 2 thú này lại gắn liền với nhau một cách rất mật thiết, cho nên khi nói về Ngủi để biết rõ hơn là Nếm để biết, thì rất đúng.

Khi chúng ta bị cúm cảm thì khứu giác bị kém đi, trong khi đó chúng ta bị mất đi 80 phần trăm về vị giác, khi đó thì mùi của củ khoai tây giống như mùi của trái Bôm

(Pomme) và Sô-cô-la cũng không có mùi vị gì khác hơn là nước đá.

Loài vật có thể ngửi (đánh hơi) để biết được những thú chúng muốn kiếm, và tránh những thú chúng không ưa, như mùi hôi của một loại Chồn Xạ chẳng hạn.

Tuy nói rằng vị giác với khứu giác không thể rời nhau, thì cũng phải biết rằng nếu không có nhãn thức thì chúng ta cũng không thể nào biết hết được các Vị của chúng ta nếm., và mũi không thể biết được đầy đủ các thú mùi chúng ta ngửi. Vì vậy sự biết về Mùi Vị của các thú đều nhờ đủ 3 cơ quan: Miệng, Mũi và Mắt.

Những bộ phận "thụ cảm" nằm trên luồi chỉ thu nhận được 4 món chánh làm tiêu chuẩn cho Vị. Đó là: Ngọt, Mặn, Chua, Chát, không bằng "tiểu lỗ tế bào" của khứu giác nằm trong cùng của mũi, phản ứng rất nhạy đối với các phân tử hóa chất mà sự tổng hợp có thể làm thành 10.000 mùi khác nhau. Hơn nữa, những bộ phận thụ cảm của các vị giác chỉ phản ứng đối với các phân tử hóa chất khi đồ ăn đã ngấm trong nước miếng và có sự nóng lạnh khác nhau, trong khi những tiểu lỗ tế bào của khứu giác không có những yếu sách đó. Sự nóng lạnh không gây cho khứu giác những kích cảm, mà chỉ phản ứng theo sự kích động của một chất nước nằm trong lỗ mũi, gọi là chất Niêm Dịch Mũi. Nếu mũi bị khô dù là chốc lát thì chúng ta chẳng ngửi được một thú mùi gì cả.

Muốn đánh hơi phải nhờ những tế bào thần kinh, nằm trong một cặp "dây gân đánh mùi" chuyển vào não bộ những chất mùi, và nhờ những tế bào não bộ nằm trong "tủy não" (Lobes temporaux) phân tách ra các mùi.

Có hai cơ quan nhận mùi, mỗi cái chỉ lớn bằng một con tem, dưới hình thể một chất màu vàng nâu bao trùm cả Niêm dịch, gọi là chất Epithélium- Olfactif, bao phủ bên trong mũi, và chúng có cả triệu dây antennes nhỏ như những sợi tóc măng nhô lên mặt lớp Niêm dịch để tiếp xúc với luồng không khí hít vào.

Thường thường chỉ có một phần ít không khí thở lướt qua bộ máy thu mùi trong lỗ mũi, cho nên nếu muốn biết đích xác mùi của mình cần biết, như mùi của rượu vang hay mùi ga, thì mình phải hít vào thật mạnh và thật dài, để tăng thêm số lượng không khí, để cho các phần tử mũi có thể tiếp xúc dễ dàng với những cơ quan tiếp nhận mùi.

Mũi được kiến trúc theo một "mô hình" rất tuyệt diệu: Hình dáng của nó vừa đẹp vừa có diệu dụng trong việc thu hút không khí

vào phổi cùng một lúc với các mùi nằm trong không khí.

Hình dáng của mũi có sự đột khởi trên một vị trí "chiến thuật" làm thành "sống mũi", nằm kế bên lỗ miệng, đứng vào chỗ thuận lợi cho khứu giác bổ sung vào lưới những chất vị có mùi của thức ăn.

Phía trong của mũi cũng có những điệu dụng như phía ngoài. Có hai lỗ nằm ở đó để không khí chạy thẳng vào "Hố mũi" đập ngay vào "Tấm xoang" nằm trong cùng của mũi, phân tách nhau bằng những tấm màng xương sụn và xương cứng. Những tấm màng xương này đỡ sống mũi phía ngoài.

Một lớp "Diêm mạc" bao bọc bên trong mũi có tiết ra một chất Niêm dịch, và treo lèo ngang dọc những đường gân máu, làm thành nhiệt độ để sưởi ấm không khí khi hít vào.

Nếu cắt đôi lỗ mũi theo chiều đứng thì thấy phần dưới của sống mũi có 3 bộ phận giống hình 3 cái Tù Và nhỏ, gọi chung là 3 bộ phận thu mùi. Chúng liên lạc với 5 hệ thống "Thám xét", biệt lập với nhau bằng những đường gân riêng biệt, mỗi đường gân này có riêng đặc tánh "bắt mùi" của mình, yếu mạnh khác nhau, khi chuyển sự hiểu biết về mùi đến não bộ.

Hệ thống thám xét đầu gồm có những bộ phận "Thu mùi", cấu tạo bằng những "Mao trạng" vi tế (Micro Villosités), là những lông nhung rất mịn, phủ cả cơ quan khứu giác, nằm trên "Lá mía" trong mũi (Organe Voméro-Nasal). Lá mía lại có những bộ phận thu mùi phụ của chúng.

Khoa học cho rằng chính lá mía mới là cơ quan chánh của sự bắt mùi, giữ vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh và tái xuất "nội tiết thần kinh" (Neuroendocrinienne)

Hệ thống thám xét thứ hai là cơ quan khứu giác chánh (do Bác sĩ Masara tìm ra), gồm có những tế bào cảm giác, những lông mi vi tế, và nằm ngay trong trung bộ niêm dịch của bộ máy hô hấp.

Người ta biết được bộ phận niêm dịch này nằm ở đâu khi khứu giác bị kích thích. Một nhóm khảo cứu gia bên Mỹ cho biết là sự kích thích khứu giác của lớp màng Niêm dịch này còn trội hơn cơ quan khứu giác chánh. Nó như là một tiền đồn có khả năng kêu gọi sự đánh hơi và làm cho toàn bộ khứu giác hoạt động.

Hệ thống thám xét thứ 3 là những Sợi Tơ độc lập, làm thành động cơ của sự cảm xúc có sự liên quan trực tiếp với hệ thống thần kinh trong não bộ. Nơi đây có những

màng niêm dịch làm thành sự thấu nhận các mùi của khứu giác.

Những việc khảo cứu của hai nhà Vật Lý Học tên là W.L. Silver và J.R. Mason ở tỉnh Philadelphie tại Mỹ Quốc trong năm 1985 cho biết là: chính những Sợi Tơ nói trên mới là bộ phận gây sự kích thích cho khứu giác.

Chất nhòn do những màng niêm dịch sanh ra có sự liên quan đến hệ thống thần kinh hệ của khứu giác nằm trên một bộ phận nổi của vùng khứu giác chánh, mà người ta cho đó là "Bộ phận Thám xét" thứ 4 của khứu giác. Trong bộ phận này, có một đường gân chuyên việc điều hòa các thông tri về mùi trước khi thâm nhập vào thượng vị của não bộ.

Kế đến, và cuối cùng là "Hệ thống Thám xét" thứ 5 của khứu giác.

Hệ thống này gồm có Thượng bì tế bào (Epithélium) nằm trên cơ quan khứu giác chánh. Nhờ có hệ thống này mà người ta biết được những mùi dầu thơm còn nguyên chất và những mùi dầu thơm đã pha chế rồi.

Sự thâm nhập vào các cái biết về khứu giác đã phơi trần sự màu nhiệm của giác quan này. Ngày nay, nhờ sự áp dụng đúng mức các kỹ thuật tối tân trong sự nghiên cứu Sinh lý học (Physiologie) mà người ta đã khám phá được những cái bí mật của khứu giác, để tận dụng được nó.

Công cuộc nghiên cứu về Khứu giác theo Sinh lý học (Physiologie) cho biết các thú mùi, sau khi đi qua 5 bộ phận "Thám mùi" rồi, liền ập mạnh vào một bộ phận khác gọi là "Vỏ trái lê" (Cortex de la Pyriforme) để đi vào hệ thống Ký ức, vì khứu giác này hay lưu những sự hiểu biết về mùi nằm trong không gian suốt đời sống con người. Khứu giác là một giác quan ở gần như vùng của não bộ. Vùng này gọi là vùng "Trí Hà Mã" (Hippocame).

Khứu giác là một giác quan có sự nối liền với bộ phận U Huyền gọi là Hệ thống Huyền hủ, nằm giữa não bộ, chuyên việc xúc động.

Các giác quan khác phải dùng con đường dài hơn để đến được với các bộ phận xúc cảm và ký ức của não bộ, không như khứu giác đi thẳng rất nhanh vào các bộ phận này. Do đó mà trí nhớ của chúng ta khi bắt được một mùi quen thuộc nào thì liền gây cho chúng ta một sự lâng lâng vừa nhỏ tiếc vừa sung sướng mà chúng ta thường cho đó là một sự "nhỏ nhưng".

Sự sắc sảo về khứu giác có sự khác biệt giữa người này và người khác. Các nhà chuyên môn cho biết là một "lỗ mũi

thường" có thể phân biệt được khoảng 4.000 mùi khác nhau. Nhưng với "lỗ mũi nhạy cảm" thì có thể phân biệt được 10.000 mùi khác nhau.

Khi mắt bị bịt mà đứng trước hai thứ mùi thì không khó khăn gì để biết được 2 mùi đó có giống nhau hay không. Đối với người chuyên môn "ngửi" (Le Nez) thì họ có thể phân biệt được 17 thứ "dầu thơm" và có thể phân biệt được 4.000 các mùi khác nhau. Họ có thể biết được nhiều thứ mùi thơm khác nữa, mà ngôn ngữ không có để họ nói được.

Biết được "tiếng nói" của mùi (có nhiều người dùng mùi dầu thơm để nói lên sở thích của mình) và có sự hiểu biết và liên lạc bằng khứu giác, là đã phát triển được một thứ trí thức của con người.

Khứu giác lại có đặc tính là hay đổi từ vật này qua vật khác, cho nên biết được mùi là một cái biết rất tế nhị.

Niêm dịch đánh mùi nằm trong thần kinh khứu giác của con người trải ra chỉ phủ được 3 phân vuông (3 cm²), thua Niêm dịch đánh mùi của con chó, nó phủ được cả 100 phân vuông (100 cm²). Vì vậy con chó thính hơi hơn con người.

Trẻ con sơ sanh có một khứu giác rất nhạy. Nó đánh hơi biết được mùi sữa của mẹ, và biết ngay chỗ nướm vú để rả miệng ngay vào đó, khỏi cần chỉ điểm.

Sự sợ cũng có mùi của nó. Con ngựa biết được mùi nó, cho nên nó không để cho kỵ mã có sự sợ leo lên lưng nó.

Đứng về mặt vệ sinh, thì nên thở bằng mũi hơn bằng miệng.

Vì sao? Vì miệng là chỗ đi qua của các thức uống và thức ăn. Nó không có những bộ phận chống giữ vi trùng và cũng không có cách sưởi ấm không khí. Vì vậy mà mỗi lần hít thở bằng miệng thì mình đã tước mất những sự tiện nghi mình có nơi mũi.

Tuy nhiên, có nhiều lúc vì cảm, cúm mà mũi bị nghẹt, không cho không khí vào phổi được, cho nên chúng ta phải thở bằng miệng. Nhưng dù sao thì chúng ta cũng nên nhớ là mình có được hạnh phúc khi tạo hóa đã ban cho mình một cơ quan hít thở có đủ những tiện nghi. Đó là lỗ mũi.

Lỗ mũi trong một thời gian 20 phút có tiết ra một chất Niêm dịch và mỗi ngày tiết ra gần một lít chất này. Đó là chất bầy bắt các vi trùng, rồi tiêu diệt chúng, nhờ một hóa chất ở trong ấy.

Vì vậy không khí đi qua mũi được trong sạch hơn đi qua miệng.

Mũi nhờ trên một tỷ lông my (Cils) mọc trên tấm màng bao trong mũi, có nhiệm vụ như cây chổi dùng để quét những niêm

dịch cũ và bị dờ vì sự hít thở đóng thành cục, để những cục này rơi xuống cổ họng rồi vào bao tử, nơi đây vị dịch tiêu hóa chúng và cho theo phần.

Khi mũi bị nghẹt, thì chúng ta phải hỉ mũi. Nhưng phải hỉ cho đúng cách và cho đẹp. Tuy là hỉ mũi là một việc đương nhiên, nhưng nó cũng chứng tỏ ra người hỉ mũi có sự giáo dục hay không.

Nên nhỏ là khi hỉ mũi mà khịt mạnh lắm thì có thể làm rách tấm màng cổ mạc nằm trong tai, hay làm cho các vi trùng có thể xâm nhập dễ dàng vào những chỗ quanh cơ khúc khuỷu trong tai có tên là Màng Xoang.

Các nhà chuyên môn về mũi có bày cách hỉ mũi như sau để cho mũi được an toàn khi mình hỉ mũi. Đó là phải hỉ từng lỗ một. Lấy ngón tay ấn vào lỗ bên trái rồi khịch mạnh lỗ mũi bên mặt, sau khi đã để ở đó cái khăn tay; khi lỗ mũi bên mặt đã thông rồi, thì lấy ngón tay bịt lỗ mũi bên mặt để hỉ lỗ mũi bên trái. Nếu mũi nghẹt vì bị sưng do huyết ú, thì nên lặp đi lặp lại nhiều lần cách làm thông lỗ mũi này, không nên để cho nước mũi đóng cứng lại. Nên dùng một khăn ướt rất sạch, nhỏ vào đó vài giọt dầu khuynh diệp hay dầu mặng, áp vào mũi và hít mạnh vào. Nếu mũi bị sưng hay bị trầy, thì nên dùng va-sơ-lin hơn là dùng dầu.

Tóm tắt: Khứu giác là cái biết do mũi cho chúng ta, rất nhạy cảm. Nó cho chúng ta biết được các thú mùi để thưởng thức hay để xa lánh.

Đối với người không xử dụng được mắt vì bị mù, thì nhờ Khứu giác mà biết được đối tượng ở trước mặt mình có tánh cách dữ hay hiền, để có thể lánh xa hay xấp lại.

Con chó nhỏ có mũi thính mà tìm ra được "mồi", con người nhỏ có mũi thính mà tránh được những bước hiểm nghèo.

Trong việc Tu Tâm Dưỡng Tánh, Khứu giác có cái lợi mà cũng có cái hại. Nếu biết dùng khứu giác để làm cho tinh thần được sung mãn, thì đó là cái lợi.

Nhưng nếu để cho khứu giác đưa mình đến sự say đắm về các mùi, để cho các mùi thích ý cảm dỗ mình phải sa ngã, thì đó là cái hại.

Người tu hành nên noi theo gương của Ngài Hương Nghiêm Đồng Tử nói trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Khi Ngài Đồng Tử Hương Nghiêm bắt được mùi hương thì phát hiện ra rằng: "Bản Tánh" của hương cũng như bản tánh của vạn vật, đều do duyên hợp mà có. Mà cái gì do duyên hợp là hư huyền, không chắc thiết. Vì vậy mà Ngài không đặt sự tin

tưởng vào hương, để viên thông được tỷ căn và khứu giác.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm khuyên người tu hành không nên ở trong Hương Trầm mà tu tập, vì hương trầm khi có, khi không, không có bản tánh thường trụ hương trầm lại hay làm mê hoặc lòng người khiến cho tâm chất dễ bị đắm nhiễm những thú ô uế, chơn chánh sẽ bị lu mờ!

Có người hỏi: Tại sao biết "Hương Vị" là nguồn của các sự đắm nhiễm mà còn dùng Hương để cúng Phật?

Do những lẽ này:

Nếu dùng Hương thuộc về vật chất như các loại: Mạc Hương (Hương bằng bột), Thiêu Hương (Hương có thể đốt), Đồ Hương (Hương để thoa) đều lấy từ những thú cây có mùi, như cây Chiên Đàn, cây Trầm Hương, cây Nhũ Hương, v.v... là muốn khi đốt những thú hương này lên, là sẽ xua đuổi được các thú ác khí đang bao phủ chỗ Thờ Phụng, làm cho những chỗ ấy được trang nghiêm.

Nếu dùng các loại Hương đó để tượng trưng cho một thú tinh sạch hơn là tinh thần, của tâm thì có ý nghĩa của các thú Tâm Hương.

Tâm Hương có 5 thú:

1. Giới Hương là Hương của sự đủ các Giới đặt ra.

2. Định Hương là mùi Hương do sự Thiền Định mà có.

3. Huệ Hương là mùi Hương phát tỏa ra từ Trí Tuệ.

4. Giải Thoát Hương là mùi Hương của sự Giải Thoát, từ Tâm đã có sự giải thoát khỏi các "phiền não".

5. Giải Thoát Trí Kiến Hương là mùi Hương phát tỏa ra khi con người đã thành Đạo.

Trong thế giới vật chất, mọi vật đều do mùi hương đặc biệt của mình. Các nhà Học Đạo đã đến chỗ cao siêu có thể biết được đối tượng trước mặt mình thuộc về cảnh giới nào? Cho nên đối với những vị này, sự man trá của con Đồng, bà Bóng đều bị phối trần tức khắc.

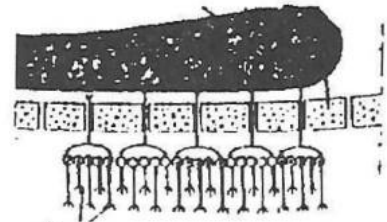
Dâng cúng Phật các thú hương thuộc về vật chất dụng ý là lấy vật chất để tiêu biểu cho tinh thần (Tâm Hương), không còn là nguồn gốc của các sự đắm nhiễm.

Chẳng những không có sự "Đắm Nhiễm" mà còn là sự "Chân Thật", loại trừ những sự đối trá "Đồng Bóng" có tánh cách dối gạt những kẻ "Tà Kiến" chuộng những vật vu vơ.

• Phần Duyên Tỳ khứu giác

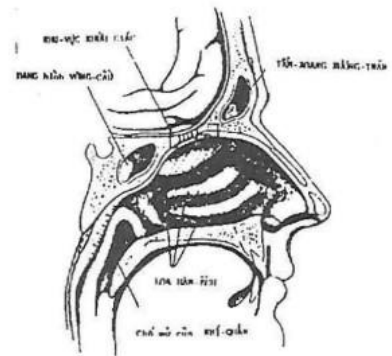
Những lông mịn như tóc măng mọc trên những Tấm Khứu Giác, tiếp vận những

thông tri lên phía trên. Những Tấm Khứu Giác này chiếm một bề mặt rộng không hơn một con tem (timbre).

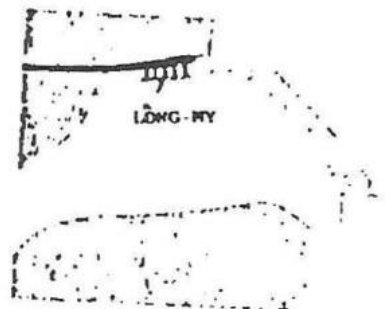


LÔNG-MY

• Hình đồ của cơ quan khứu giác



• Phần duyên tỳ khứu giác (mũi)



Những bộ phận thám mùi nằm trong Vòm Ống Mũi thông thường tấm xương có những Duyên Tỳ Khứu Giác để đi ngay vào Não Bộ.



AUF DEUTSCH

● Thich Nhu Dien

DER BUDDHISMUS UND DIE MENSCHEN

Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche übertragen von
DUC THU - LOC HO

✱

(Fortsetzung VG Nr. 108)

Warum in einer Kastengesellschaft?

Die Gesellschaft Indiens zu jener Zeit war geschichtet in Kasten und selbst die heutige Republik Indien ist soziologisch (nicht politisch) noch de facto eine Kastengesellschaft. Die Mitglieder der höheren Kasten regieren seit vielen Generationen über die Vertreter der niederen Kasten. Buddha ignorierte die Regeln dieses Kastensystems und stellte in seiner Religionsgemeinschaft den Grundsatz der Gleichheit aller auf, da er wußte, daß alle Lebewesen die *Buddha-Natur* besaßen und deshalb auch dazu in der Lage wären, selbst ein *Buddha* zu werden. Die Betonung der wesensgleichen *Buddha-Natur* aller Lebewesen kann durchaus mit der Tatsache in Zusammenhang gebracht werden, daß Buddha als Prinz Siddhartha in einer Kastengesellschaft auf die Welt kommen ist, welche erbrechtlich so drastisch die Unterschiede der Stammes- und Berufsgruppen festgeschrieben hatte. Ohne die Erfahrung der sittlichen und geistigen Konsequenzen dieser Gesellschaftsordnung besäße der Dharma heute vielleicht nicht diese Emphase für die innige Wesensgleichheit aller Lebewesen.

Die Sutren reflektieren auch die verwandtschaftlichen und sozialen Beziehungen, das besondere Verhältnis des Prinzen Siddhartha zu seiner Mutter, Maya. Sie problematisieren sein Verhältnis zu Mutter und Vater ebenso wie seine Rolle als Gatte der Prinzessin Yashodhara oder als Vater von Rahula. Auch in diesen Beziehungen und der Aufgabe der Überwindung aller mit ihnen verbundenen Konventionen, äußert sich sein Karma, das ihn auf seinen ureigenen Weg gebracht hat, sowie es jeden von uns, auf seinen eigenen Weg schickt.

Obwohl die Geschichte vom Wirken des Buddha schon über zweieinhalbtausend Jahre zurück liegt, kann man das soziale Klima jener Zeit auch heute noch in der indischen Kastengesellschaft erleben, deren Tradition uns daran ermahnt, wie schwer es ist, den Menschen zu ihrem eigenen Glück zu verhelfen. Schon deshalb werden auch in Zukunft in diesem Subkontinent weitere Buddhas wiedergeboren, um seine Menschen von ihren Leiden zu befreien und ihnen den Weg der wahren Befreiung zu zeigen.

Vom Vorrang der Praxis

Recht bald nach seiner Erleuchtung wies der Buddha noch unter dem berühmten Bodhibaum, unter dem er 49 Tage lang meditiert hatte, daraufhin: „Niemand wird als Brahmane geboren. Es ist viel wichtiger im Leben etwas zu vollbringen, das dem Anspruch des Brahmanen gerecht wird, als nur den Anspruch des Titels zu stellen.“ Mit diesen Worten stellte Buddha aber nicht nur das Rechtfertigungssystem der Kastenhierarchie, das die Brahmanen an die Statusspitze der Gesellschaft gestellt hatte, infrage, sondern er wies vor allem daraufhin, daß wir nur durch die Praxis der Buddha-Lehre zur Buddhaschaft finden können, selbst wenn uns die Buddha-Natur wesenseigen ist. Denn entscheidend für das Erreichen des Erlösungszieles, d.h. für die Erfüllung unseres Wesens (*Buddha-Natur*), ist die tägliche Praxis, in der und durch die wir unsere eigenen Möglichkeiten entfalten und uns stetig mehr zu uns selbst befreien.

Nach dieser Belehrung wandte er sich dankbar an den Bodhibaum, der ihn die Zeit seiner Versenkung über die 49 Tage vor Regen und Sonne geschützt hatte. Auch diese Reverenz gegenüber dem Bodhibaum unterstreicht das Ausmaß der Erleuchtung des Buddha; denn er war nicht nur barmherzig zu den Lebewesen, sondern auch zu den Pflanzen.

Von den zwei und den drei Juwelen

In die Epoche des Buddha fällt auch noch ein anderes bemerkenswertes Ereignis. Neben dem Diamantenturm, wo Buddha gegen das Böse gekämpft hatte, gab es zwei Anhänger des Buddha, die ihre Zuflucht nur zu zwei Juwelen (*Buddha* und *Dharma*) nehmen konnten, weil es den Sangha noch nicht gab.

Die Vision seiner Versenkung hatte Buddha über die Natur des Menschen aufgeklärt, über die Schwierigkeiten, ihn zu belehren. Deshalb wandte er sich zuerst an die Bodhisattvas und die anderen höheren Wesen, denen er das Avatamsaka-Sutra predigte, das den Menschen längere Zeit ganz unverständlich blieb. Buddha wäre auch ins Nirvana eingegangen, wenn ihn nicht der Himmelskönig Shakra an sein Versprechen erinnert hätte, daß er vor seiner Erleuchtung gemacht hatte. Buddha hatte nämlich gelobt, nach seiner Erleuchtung allen Lebewesen den Weg zu zeigen, der sich ihm offenbart hatte. Daran erinnert, hielt der Buddha dann auch das Versprechen und verzichtete darauf, sofort ins Nirvana einzugehen, sondern er wanderte zurück nach Benares, wo er den fünf Kaundinya Brüdern (*Pancavaggiya*), mit denen er sechs Jahre lang als Asket zugebracht hatte, den Dharma zu lehren. Diese hatten den Respekt vor ihm verloren, weil er seinerzeit die Askese aufgegeben und sie verlassen hatte, und waren daher auch nicht sonderlich erfreut, als er sich ihnen von neuem näherte. Aber mit jedem Schritt, den Buddha sich ihnen näherte, wich ihre Abneigung mehr, und so empfingen sie ihn schließlich gebühlich, als er endlich bei ihnen angelangt war.

Benares ist die Stadt, in der Buddha seine erste Predigt über die *Vier Edlen Wahrheiten* gehalten hat. Und nachdem die fünf Brüder die Predigt des Buddha gehört hatten, erreichten sie auch sofort den Stand des *Arhat*. Erst nach diesem Ereignis wurde der Sangha gegründet, d.h. es gab die *Drei Juwelen* nicht vor jener denkwürdigen Predigt.

Über verschiedene kulturgeschichtliche Bedingungen

In Anbetracht der außerordentlichen Wirkung dieser Predigt auf ihre Zuhörer, stellt sich die Frage nach ihrem Inhalt: Was sind die *Vier Edlen Wahrheiten*? Unter diesem Begriff werden die *Wahrheit vom Leiden, von der Entstehung des Leidens, von der Aufhebung des Leidens und von dem Weg, der zur Aufhebung des Leidens führt*, zusammengefaßt.

Aber noch aktueller erscheint uns heute die Frage, warum die Kaundinya Brüder (Ajnata, Asvajit, Bhadraka, Bashpa, Mahanaman) als sie diese Predigt hörten, sofort den Status eines Arhat erreichten, während man heute doch die gleiche Lehre so häufig zu hören bekommt, ohne daß man deswegen auch sofort in jenen Stand der Erleuchtung gelangt. Die geistigen und sittlichen Voraussetzungen der Menschen jener Zeit müssen sich von denen heute in der modernen Industriegesellschaft, doch sehr stark unterscheiden. Bei aller kritischen Einstellung, auf die man heute so stolz ist, kann man aber nicht umhin festzustellen, daß diese Art kritischer Gesinnung doch nur sehr oberflächlich und kurz-sichtig ist. So prahlt man mit Wissen und Können oder wiederholt Angelesenes wie Eingeeübtes, das man aber deswegen kaum richtig verdaut hat, und merkt dabei gar nicht, daß genau diese Art von Wissen nur den Geist von allem Wesentlichen ablenkt und an die Geschäfte fragwürdiger Interessen fesselt. Diese Scheinform der Kritik motiviert sich tatsächlich nur durch egoistische Interessen, in letzter Instanz, durch die Wurzelübel, und ist auch noch stolz auf jeden Zuwachs an Vorteil und Statusgewinn. So verschleiert sie sich selbst ihre Verstrickung in die Wurzelübel oder Geistesgifte, welche ihre Verstandestätigkeit untergründig und deshalb unbemerkt leiten. Und wenn sie rhetorische Virtuosität erreicht, dann verliert sie sich dermaßen unkritisch in den bloßen Formen des Verstandes, daß sie darüberhinaus die Bedürfnisse des Gemütes und der Praxis vergißt, ohne die niemand den Weg zur Erleuchtung meistern kann.

Als der Buddha den Sangha gründete, brauchte er noch keine Ordensregeln aufzustellen, zumindest die ersten 12 Jahre noch nicht. Zu Beginn fühlten sich nur Leute zu ihm hingezogen, die reinen Sinnes waren. Viele seiner Jünger hatten den Stand des Arhat entweder schon erreicht oder waren auf den Wege, ihn in absehbarer Zeit zu erreichen. Doch mit der Zunahme der Mitglieder, etwa nach 12 Jahren, sank auch das sittliche Niveau der Anhänger, es kam dann auch schon bald zu den ersten Auseinandersetzungen unter den Ordensleuten. Diese Tendenz motivierte Buddha schließlich, Regeln aufzustellen für den Umgang untereinander und für die tägliche Praxis.

Generell aber müssen die Menschen jener Zeit, so scheint es uns heute wenigstens, inständiger gewesen sein als die Massencharaktäre der modernen Industriegesellschaften. Offensichtlich wurden sie auch nicht so stark von sich selbst abgelenkt wie der Mensch der modernen Konsum- und Informationsgesellschaft, die jeden geradezu mit ihren Informations- und Güterangeboten überschüttet, ganz gleich, ob er sie haben will oder nicht.

In Rajagriha

Buddha blieb aber nicht sehr lange im *Mrigadaya* (Gazellenhain). Er zog zusammen mit seinen Anhängern nach *Ra-*

jagriha, wo König Bimbisara regierte, der Buddhas Lehre sehr förderte. Dort blieb Buddha die ersten Jahre im Bambushain (*Veluvana*) und später hielt er sich am *Gri-dhrakuta* (Geierberg) auf. Buddha muß diesen Ort wohl auch deshalb aufgesucht haben, um den Menschen die Hindernisse besser aufzeigen zu können, welche die weltlichen Güter und das häusliche Leben für sie darstellten.

Im *Veluvana* hat Buddha auch die Königin Vaidehi über das *Reine Land* unterwiesen, in das sie gerne wiedergeboren werden wollte. Der Buddha achtete König Bimbisara und schätzte die Tugend der Königin Vaidehi sehr.

Und schließlich wollte Buddha den Lebewesen über das Karma, das Gesetz von Ursache und Wirkung, und über den Kreislauf der Wiedergeburten predigen. Auch deswegen, so entnehmen wir der geschichtlichen Überlieferung, hat er gerade in dieser Gegend so lange gewirkt.

In jener Zeit begab sich auch die folgende Geschichte: Es lebte einst ein weiser Mann in einer Berghöhle, der das Gelübde abgelegt hatte, nach seinem Hinscheiden als Kind von König Bimbisara und Königin Vaidehi wiedergeboren zu werden. Da der König aber schon alt war und ihm der ersehnte Sohn für seine Nachfolge immer noch fehlte, beschlich ihn die Furcht. In diesem Kummer überrannte ihn der Zorn derart, daß er befahl, jenen weisen Mann zu töten, von dessen Gelübde er wußte. Nach dem Tod des Weisen wurde die Königin Vaidehi mit demselben *Gandharva* schwanger. Während der Zeit ihrer guten Hoffnung, rief der König alle Wahrsager zu sich; und verlangte von ihnen Auskunft über das Schicksal seines künftigen Kindes. Einer der Weisen prophezeite ihm: Die Königin werde einen Knaben gebären, der ihn, den König, stürzen würde. Dies geschähe als Vergeltung für seinen königlichen Mordbefehl, der zur Hinrichtung jenes weisen Mannes geführt hatte. Die Prophezeiung bekümmerte den König so sehr, daß er versuchte, im Einvernehmen mit seiner Gattin, ihre Schwangerschaft abzuberechen, um so der Verwirklichung der Vorhersage zu begegnen. Die Königin trug daraufhin ihren Sohn in stehender Haltung aus, weil sie und ihr Gatte hofften, daß der Säugling durch den Aufprall auf die Erde sterben würde. Aber es kam bei der Geburt nur zu einem kleineren Unfall, denn der Junge fiel zwar unsanft auf den Boden, brach sich aber dabei nur seinen kleinen Finger. Abgesehen von diesem Unglück geriet der kleine Prinz wohl und wuchs von Tag zu Tag mehr. Den König verließen mit der Zeit seine Befürchtungen, nicht zuletzt, weil ihn der gutmütige Knabe immer wieder aufheiterte. Als der Prinz endlich so alt war, daß er sich über sein Gebrechen bekümmern konnte, fragte er die Diener, warum er denn einen gebrochenen Finger hätte. Die Diener wagten es nicht, ihm die Wahrheit zu erzählen. Die erfuhr der Prinz Ajatashatru, so hieß König Bimbisaras Sohn, als er sich eines Tages außerhalb der Stadtmauern aufhielt, wo er Devadatta begegnete, der dem Prinzen von dem Versuch seiner Eltern berichtete, seine Geburt zu vereiteln.

Devadatta war eine zwielichtige Gestalt. Obwohl ein Vetter Buddhas, verübelte er ihm, daß der Siebzigjährige sein Anerbieten, den Sangha für ihn zu leiten, abschlug. Buddha hatte ihn daraufhin zurecht gewiesen und gefragt, wie er bloß auf diesen Gedanken käme, nachdem er selbst

Shariputra, seinem besten Schüler, diese Aufgabe nicht übertragen hätte, daß er gerade ihm dieses Amt anvertrauen würde, zumal doch sein Charakter allen genau bekannt wäre. Devadatta fühlte sich durch Buddhas Antwort gedehmt und sann auf Rache. In Wirklichkeit war er nur neidisch auf das Ansehen Buddhas, das er sich so sehr für sich selbst gewünscht hatte. Und weil er das Beneidete nicht auf redlichem Wege erlangen konnte, richtete sich schließlich seine Mißgunst auf die Person, die er um ihre Gaben beneidete. Devadattas Motiv, Mönch zu werden, bestand also nicht in dem Verlangen nach Erlösung, sondern wurde durch seine Ruhmsucht geschürt, die er in der Rolle eines Meditationsmeisters zu befriedigen hoffte und in der er auch seine Mitmenschen zu täuschen trachtete.

Buddha aber hatte Devadatta durchschaut und wußte deshalb auch alle seine Nachstellungen zu vereiteln. Und obwohl Devadatta verschiedentlich versucht hatte, den Buddha, allerdings vergeblich, zu töten, prophezeite ihm Buddha im Saddharma-Pundarika-Sutra, daß auch er in der Zukunft ein Buddha werden würde. So bemühte sich der Buddha selbst aus Menschen vom Schlage eines Devadatta gute Dharma-Freunde zu machen.

Prinz Ajatashatru ließ sich also von Devadatta dazu verführen, seinen Vater in den Kerker zu werfen und ihm Nahrung wie Wasser zu verweigern. Die Königin Vaidehi grämte sich deswegen sehr. Um seine Not zu lindern, versuchte sie, Nahrungsmittel in den Kerker einzuschmuggeln, aber ihr Sohn wußte alle ihre Versuche zu vereiteln.

Der Buddha weilte zu dieser Zeit auf dem Gipfel des Gridhrakuta und schaute das Schicksal des Königs. Er sandte deshalb Ananda und Shariputra zu ihm und hieß sie, ihm die *Ashtanga Sila* (die 8 Sittenregeln, welche die Laien bei der 24stündigen Meditationsklausur üben) zu lehren. Mit der Hilfe dieser *Atthanga Sila* (Pali) konnte der König in Frieden sterben. Während ihrer Trauer um den Verlust ihres Gemahls bat die Königin den Buddha, ihr den Weg der Wiedergeburt in eine bessere Welt zu zeigen. Buddha verhalf ihr daraufhin zu dem Gesicht von einem Leben in dem *Reinen Lande Sukhavati*, wo sie zusammen mit ihren 500 Dienerinnen gelobte, wiedergeboren zu werden.

Buddha gab mit seinem Lebenswandel allen, die ihm folgen wollten, und auch denen, die ihm aus anderen Gründen begegneten, ein Vorbild. Jeden Tag pflegte er nach dem Aufwachen die Geh-Meditation und begab sich danach auf den Almosengang. Nach der Mahlzeit erläuterte er seinen Anhängern und den immer wieder herbeiströmenden Zuhörerscharen den Dharma.

In jener Zeit, als er abwechselnd im Bambushain und am Gridhrakuta weilte, predigte er auch der Bevölkerung dieser Gegend den Dharma. Er wollte, daß auch jene, denen das Schicksal die Hauslosigkeit verwehrte, in den Genuß kämen, Nutzen aus seiner Lehre für sich und ihren Alltag zu ziehen.

Auch dieser Segen war ein Grund für die Ankunft des Buddha und für sein Wirken in dieser Welt. Ja es ist wahr, daß der Buddha die Lebensbedingungen seiner Zeit mit dem Auge der Weisheit ansah. Wie sonst hätte er es vermocht, das Leiden der Menschen so erfolgreich zu lindern. So traf es sich, daß er überall dort, wo er auftauchte, auch aufnahmebereite Geister vorfand, und daß er Menschen

begegnete, die ihn willkommen hießen und bei der Verbreitung seiner Lehre unterstützten.

Im Hain des Jeta (*Jetavana*)

Der zweite Ort, an dem der Buddha länger als anderswo gewirkt hatte, war der *Jetavana-Vihara*. Dort wirkte er über einen Zeitraum von 25 Meditationsklausuren und trug so bedeutsame Sutren vor, wie z.B. das *Amitabha-Sutra* und das *Ullambana-Sutra*. Auch mit dieser Umgebung mußte es eine besondere Bewandnis gehabt haben, weil sich der Buddha hier so lange aufgehalten hatte. Wir erfahren aus der Überlieferung darüber, daß Vaishya (d.h. ein Mitglied aus der Kaste der Händler) Anathapindika, ein Kaufmann aus Shravasti, als er in Magadha bei Rajagriha weilte, um seine Schwester zu besuchen, den Buddha dort traf und ihn einlud, nach Shravasti zu kommen, um auch in seinem Heimatort zu predigen. Buddha willigte unter der Bedingung ein, daß man ihn und seine Gefolgschaft mit Unterkunft und Verpflegung versorgte. Er beauftragte Shariputra mit Anathapindika nach Shravasti voraus zu gehen und alles notwendige für seine Ankunft dort vorzubereiten und zu bestellen.

In Shravasti schien nur der Garten des Prinzen Jeta (deshalb: *Jetavana*) den Anforderungen des Sangha zu genügen. Vaishya Anathapindika versuchte also dem Prinzen diesen Garten abzukaufen. Der Prinz wollte aber seinen Garten nur dann verkaufen, wenn Anathapindika es fertig brächte, den Garten mit Gold auszulegen. Der Vaishya erklärte sich einverstanden und befahl seinen Dienern all sein Gold herbei zu bringen und damit den Garten abzudecken. Kurz vor dem erfolgreichen Ende dieses Versuchs aber machte der Prinz einen Rückzieher. Plötzlich wollte er den Garten nicht mehr hergeben. Der Vaishya erinnerte ihn daran, daß er selbst bald das Land regieren würde und daß er sich deshalb wohl überlegen sollte, was dann geschähe, wenn man überall davon hörte, daß der Regent nicht halten würde, was er verspräche. Diese Ermahnung stimmte den Prinzen um, unter dem Vorbehalt, daß die Bäume des Gartens, welche man nicht mit Gold abdecken konnte, sein Eigentum blieben. Der Prinz wollte sie allerdings selbst dem Buddha schenken.

Shariputra und Anathapindika leiteten nun die Baumaßnahmen ein und bestellten die Arbeiter, alles notwendige für den Verbleib des Buddha und seiner Gemeinschaft herzurichten. Gegen dieses Projekt protestierten, wie erwartet, die Andersgläubigen der Region, die an König *Prasenajit* eine Petition richteten, und darin vorschlugen, daß ein Streitgespräch zwischen Shariputra und einem Weisen des Ortes darüber entscheiden sollte, ob man der Gemeinde des Buddha hier Wohnung und Aufenthalt genehmigen sollte oder nicht. Der Verlierer sollte sich dann aus der Gegend zurückziehen. Shariputra war vor seiner Zuflucht zu Buddha selbst ein Anhänger der hiesigen Glaubensrichtung und kannte daher ihre Lehren genau. Er willigte also ein und wußte seine Gegner zu besiegen. Diesem Ausgang entsprechend erlaubte König Prasenajit die Einrichtung der Wohn- und Wirkstätte für den Buddha und seine Anhänger.

Der Hain des Jeta war sehr schön, denn er gehörte ja einem Königssohn. In ihm wuchsen einst wie heute viele fruchtbare Bäume und auserlesene Pflanzen. Noch heute,

also nach 25 Jahrhunderten, dient er allen Anhängern des Buddha als Gedenkstätte.

An diesem Ort schuf Buddha in einem Zeitraum von 25 Meditationsklausuren einen großen Teil seines Werkes, welches das Leben vieler Mönche und Laien so nachhaltig beeinflussen sollte.

Jedes Jahr empfing er während der Klausurzeit viele Bittsteller, Ratsuchende und Neugierige, darunter Könige und Königinnen aus aller Herren Länder und unterwies sie ohne Unterschied in der Lehre von den *Vier Edlen Wahrheiten*, in der Lehre von dem *Edlen Achtfachen Pfad*, in dem Gesetz von Ursache und Wirkung, in dem Karma, in der Lehre von den Wiedergeburten und vom Nirvana, und zeigte ihnen allen, und zwar jedem auf die für ihn angemessene Weise, den rechten Weg.

Anfänglich widersprachen die Andersgläubigen seiner Lehre, doch sie mußten bald ihre Wahrheit anerkennen, und auch lernen, daß sie ohne einen „Schöpfer“ des Seins oder der Welt auskam. Denn der Mensch ist nach der Lehre Buddhas allein von seinem Karma abhängig und es gibt nichts und niemanden, auch keine Schöpfer-Gottheit, der oder die sich in dieses Geschick des Karma einmischen könnte.

Vom Karma

Das Karma ist sowohl die Sammlung der Folgen vergangener Taten als auch das Entstehen künftiger Folgen aus den gegenwärtig begangenen Taten. Das Karma ist nicht nur der Schatten des Menschen, den keiner abwerfen kann, sondern der Grund der Erscheinung des Menschen wie er hier und jetzt ist, und der Erscheinung seiner Zukunft, in der er noch wirken wird. Dieses Karma, d.h. wir selbst durch unser Betragen und Handeln, schickt uns durch den Kreislauf der Wiedergeburten.

Gegen Ende des 18. Jahrhunderts hat der deutsche Philosoph Arthur Schopenhauer breitere Kreise in Deutschland mit dem Buddhismus bekannt gemacht. Nachdem sich eine bestimmte Form der Rezeption seines Werkes hier durchgesetzt hatte, hat man ihm auch unterstellt, den Buddhismus als eine passive und pessimistische Religion zu interpretieren, und zwar aus Mißverständnis gegenüber seiner Auffassung vom Willen. Die Relevanz dieser Kritik steht und fällt aber mit der Sorgfalt, die man aufbringt, sich auch an seine Begriffsbestimmung des Willens zu halten. Mit Rücksicht auf jene Momente, die seine Definition ausklammert, weil sie von ihm in anderen Kategorien reflektiert werden, verliert dieser Vorwurf schnell seine Berechtigung. Der Buddhismus ist tatsächlich keine Religion der Passivität, sondern eine realitätsnahe Religion der Tat und des ernsthaften Bemühens.

Solange der Geist selbst unfriedlich ist, kann es auch keinen Frieden in der Welt geben. Und um glücklich leben zu können, muß der Geist zu seinem Glück, d.h. zu sich selbst, gefunden haben. Das ist der Schlüssel, der auf allen Lebenswegen die wahre Befreiung aufschließt. Allein schon dieser Lehre wegen kann man dem Buddhismus nicht vorwerfen, pessimistisch zu sein, da er ja evidentmaßen eine wahrhaft optimistische Religion ist, der es um die Befreiung, d.h. Erlösung, aller Menschen geht, von der sie weiß, daß jeder Mensch der Schmied seines eigenen Glückes ist.

Von der Wiedergeburt

Ähnliche Mißverständnisse gab es hinsichtlich der Lehre von der Wiedergeburt. Auch mit ihr tat man sich unnötig schwer. Heute dagegen hat die Lehre Buddhas, mit wachsendem Fortschritt der Technik, stetig an Bedeutung gewonnen. Der Buddha hat gelehrt: „Wenn wir die Ursachen in der Vergangenheit kennenlernen wollen, dann brauchen wir nur die Wirkungen von heute zu untersuchen. Wenn wir die Wirkungen von morgen antizipieren wollen, dann brauchen wir nur die Taten von heute zu betrachten.“

Dieser Lehre begegnen wir auch im Hinduismus. Aber der Buddhismus kommt ohne Götter aus und verzichtet auf die Rolle, welche der Hinduismus den Göttern zuweist. Auch der Buddhismus kennt Gottheiten, die es in den anderen 3000 Welten gibt, aber auch diese sind dem Gesetz des abhängigen Entstehens unterworfen und repräsentieren in seinem Horizonte nur eine der alternativen karmisch bedingten Seinswesen.

Es ist vielleicht gar nicht so falsch, den Buddhismus als eine atheistische Religion zu bezeichnen, denn der Götter- oder Gottglaube ist nicht das Merkmal, das eine der Selbstvollendung gewidmete Einrichtung zur Religion macht. Die sechs Wiedergeburtreiche: Götter-, Titanen- und Menschenwelt, Höllenreich, Reich der Pretas (hungrige, gierige Geister) und Tierwelt, unterliegen dem Gesetz von Ursache und Wirkung, dem man nicht entkommen kann, solange man noch den Wurzelübeln verfallen ist. Solange die Wesen sich von Gier, Haß und Verblendung fesseln lassen, werden sie aus dem Kreis des Werdens nicht heraustreten können.

Nach buddhistischer Lehre ist das individuelle Leben nur eine Seinsperiode. Das Leben selbst hat keinen Anfang und kein Ende. Der Wesenswechsel gleicht dem Wandel von Licht und Dunkelheit. Wenn das Licht erscheint, verschwindet die Dunkelheit. Wenn die Weisheit erscheint, verschwindet die Unwissenheit und wenn das Feuer verlöscht, dann wird es sich neu entzünden, sobald eine Ursache dafür gegeben ist. Das ist eigentlich trivial. Niemand hat die Gründe erschöpft. Alles, was war, war immer schon so, wie es war, vorhanden. Alles entsteht und vergeht, wenn nur die entsprechenden Bedingungen gegeben sind.

Ich vergleiche den Körper eines Menschen gerne mit einer Glühbirne und den Geist mit dem Stromfluß, der ihr Leuchten bewirkt. Die Glühbirne leuchtet, wenn man den Schalter anstellt. Wenn der Stromfluß unterbrochen wird, dann hört die Glühbirne auf zu leuchten, selbst dann, wenn man den Lichtschalter anmacht. Irgendwann, d.h. in der Zeit ihrer vom Hersteller angegebenen Lebensdauer, geht auch die Glühbirne kaputt. Nicht anders verhält es sich mit unserem Körper, auch er versagt eines Tages dem Geiste seine Dienste, weil auch er vergänglich ist. Erscheinungsformen entstehen und vergehen und in diesem ständigen Werden und Vergehen kehrt alles zu seinem Ursprung zurück, dorthin woher es gekommen ist, so wird die Erde zu Erde, das Wasser zu Wasser, der Wind zu Wind und das Feuer zu Feuer. Aber der Geist wird immer bleiben, er verändert seine Form nur in Übereinstimmung mit dem Karma. Auch die elektrische Energie, um bei meinem Beispiel zu bleiben, bleibt vorhanden, selbst dann, wenn die Glühbirne, die sie speist, kaputt ist. Wenn wir die Birne auswechseln, wird das Licht entsprechend der in

Watt angegebenen Leistung heller oder dunkler sein. Die Helligkeit der Glühbirne hängt von ihrer Leistung ab. Das Äquivalent für die Leistung der Glühbirne in diesem Gleichnis entspricht beim Menschen seinem Karma. Dies bestimmt das Seinsreich der Wiedergeburt und den Status innerhalb des Reiches seiner Wiedergeburt.

In vielen Religionen gilt der Tod als das schreckliche Ende des Lebens. Buddha hat mit seinem Auge der Weisheit erkannt, daß der Tod nur eine Verwandlung und damit der Neubeginn eines anderen Lebens ist.

Was gilt es also zu tun, um aus diesem Zyklus der Wiedergeburten hinaus zu gelangen? Da hilft kein bloßer Glaube an Buddha oder an irgendwelche Götter. Weder der Glaube noch das Hoffen, weder das Wünschen noch das Reden, auch nicht die bloße Verstandestätigkeit schaffen es, uns aus der Kette der zwölf Bedingungen und Gründe zu befreien.

Von den 12 Nidana

Diese 12 Nidana (Gründe und Bedingungen des abhängigen Entstehens), in die wir, solange wir leben, verstrickt sind, heißen: Unwissenheit, Absicht, Bewußtsein, Name und Körper, die psychophysischen Anlagen, Berührung, Empfindung, Gier, Ergreifen, Werden, Geburt, Alter und Tod.

Von diesen 12 Bedingungen ist die Unwissenheit am schwersten zu überwinden, aber auch alle anderen sind nicht weniger schwer zu besiegen. Die Begierde scheint von den drei Urübeln noch am leichtesten besiegt zu sein. Sie ist zwar formlos, hat aber schon durch viele Leben hindurch eine längere Entwicklung ihrer Erscheinungsformen durchgemacht. Allerdings erklärt wiederum ihre Vergangenheit, warum es trotzdem sehr schwer ist, auch die Begierde zu überwinden. Überhaupt ist hinsichtlich der Beherrschung der Gefühle alles stets viel leichter gesagt als getan.

Weil man die Fesseln der Begehrlichkeit besser wahrnehmen kann als andere Fesseln des Geistes, soll der Mönch sich zuerst darum bemühen, alle Arten leiblichen Verlangens und libidinöser Bindung aufzugeben, also auch das Gefühl des Verliebtseins, die Neigung zu Freundschaft und Verwandten sublimieren. Diese Formen des Verlangens bleiben noch deutlich kenntlich in der wahrnehmbaren Spannung der *intentio* zu ihrem *intentum*. Es gibt aber auch noch andere, sublimere Arten des Verlangens, die man deshalb nicht mehr orten kann, weil sie sich stets nur dann melden, wenn alle Mitursachen für ihre Wirkung eher überraschend zusammentreffen, d.h. deren Gewahrsein von dem rechten Augenblick des Zusammentreffens der notwendigen Faktoren abhängig ist, so daß sie einen dann förmlich überrumpeln. Den Anhaftungen gegenüber, welche diese Arten des Verlangens zum Ausdruck bringen, ist daher stete Wachsamkeit geboten. Wir fassen und überwinden sie nur in der ständigen Übung der Sittenregeln.

Nur die Wahrung der Sittenregeln hält unseren Geist ruhig und besonnen. Mit ihrer Hilfe reinigen wir unser Herz und unseren Verstand und halten uns offen für die Weisheit, die wir zu entwickeln suchen. Sie stärken unser Vermögen der Besonnenheit und des achtsamen Vernehmens, d.h. der Vernunft in ihrem wahren Sinne der Bedeutung.

Ein Spiegel der verschmutzt ist, reflektiert den Mondschein nicht ebenso ungebrochen hell und klar wie ein reiner Spiegel. Entfernt man den Schmutz von ihm, dann spiegeln sich in ihm die Wolken und der Mond ohne jede andere Brechung und man nimmt in ihm unverstellt wahr, was außer ihm ist. Dies sind die Dinge, die von der Natur her schon immer da waren. Wir müssen also die Erleuchtung gar nicht so weit suchen. Ihre Möglichkeit ist bei uns auf dieser unseren Welt. Wenn wir nur gewillt sind, sie zu erreichen, dann werden wir sie auch erreichen. Wie schnell jemand aber dieses Ziel erreicht, das hängt von jedem selbst ab. Der Weg der Wiedergeburt und der Weg zum Nirwana sind eigentlich derselbe Weg. Wenn jemand viel Kraft hat, so kann er dies in einem Anlauf schaffen; wenn aber jemand weniger Kraft hat, dann muß er mit seinen Kräften haushalten und diesen Weg in Abschnitte einteilen, die er bewältigen kann. Am Schluß aber kommen alle ans Ziel, denn jedes Lebewesen besitzt die Buddha-Natur, wie der Buddha selbst sich versichert hat. Diese Buddha-Natur ermöglicht es uns, selbst Buddha zu werden. Das ist also nur eine Frage der Zeit und des Weges, den sich jeder aussucht.

Wir begegnen in unserem Leben unübersehbar vielen Hindernissen. Auch wissen wir nicht, wie viele und welche Menschen sich bereits in einer schweren Krise befinden und auf die Hilfe Buddhas angewiesen sind. Die vorbildhafte Lebensweise des Buddha und der Bodhisattvas geben uns die Richtung vor und ermöglichen es uns auch, auf dem gewählten Weg zu bleiben. Die Buddha-Lehre ist wie ein Boot, welches das Meer des Leidens umschiffet und jedem hilft, sich vor dem Leiden zu retten. Wir sollten uns jedoch darüber im klaren sein, daß die Buddha-Lehre nur ein Hilfsmittel ist, ob wir es gebrauchen oder uns an etwas anderes anbinden, oder uns von unseren Fesseln befreien, das hängt allein von uns ab, schon gar nicht von einem Schöpfer, dem man die Macht über alles, selbst über unsere Entscheidungen, vindiziert.

Die Lehre Buddhas ist an sich sehr einfach zu verstehen. Wenn man sich nicht in Bewegung setzt, wird man auch nicht das Ziel erreichen. Alles, was eine Form hat, ist vergänglich und wird die vier Phasen (Entstehen, Bestehen, Vergehen, Verlöschen) passieren. Die Lehre Buddhas rekurriert auf diese Tatsache und weist den Menschen den rechten Weg.

(Fortsetzung folgt)

Impressum

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland
Verlag

c/o Viengiac Pagode, Karlsruhe Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963

Herausgeber :

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirch e.V

Redaktion :

Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum
in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise : 6 mal Jährlich

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nach druck nur mit schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.



Mừng Xuân Di Lặc

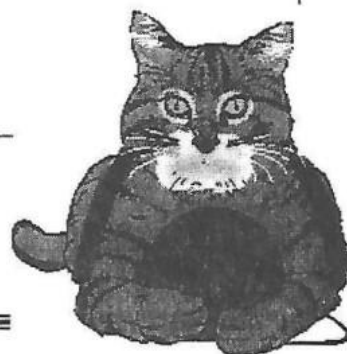
Cung Chúc Tân Xuân

Thành Tâm Kính Chúc

*Chư Tôn Hòa Thượng,
Chư Thượng Tọa,
Đại Đức Tăng Ni,
Và Đồng Bào Phật Tử
Khắp nơi trên Thế Giới
Một Năm Kỷ Mão
Được kết tường như ý*

Chùa Viên Giác

Kỷ Mão 1999





Trang Hoa Phượng

● Hồng Nhiên phụ trách

Mong rằng mùa Xuân năm Kỷ Mão (con Mèo) sẽ đem đến cho các em đạt nhiều thành quả tốt và luôn vui tươi.

Thân ái chào các em

Hoa Phượng

Hồi tưởng kỷ niệm ngày còn thơ ấu nơi quê hương Việt Nam yêu dấu là niềm vui gọi lại cho tuổi học trò.

Ngọc Tuyết ở Neufahrn/FS với bài "Nhớ Xuân" nhân Tết năm Kỷ Mão đến. Hoa Phượng hân hạnh giới thiệu với các em. - Hoa Phượng.

Nhớ Xuân

Buổi sáng mặt trời chưa lên cao, chỉ tỏa nhẹ ít nắng cuối góc khu vườn hàng xóm. Thảo mở toang cánh cửa lớn dẫn ra ban-công, nghiêng mình nhìn xuống chiếc ao còn đang phủ vài chiếc lá khô rụng rớt vào. Bụi "trúc mùa đông" cũng hết còn xanh; nhiều cành đã bạc trắng hay ngả màu vàng úa, đu đưa quỵện cuốn vào nhau theo từng cơn gió ban mai thổi. Dưới chân Thảo chậu hoàng cúc bé li ti của Hân hôm cuối tuần ghé chơi mang tặng; bảo "loại cúc này chịu rét giỏi lắm, có lẽ giỏi hơn chúng mình nữa, nhìn hoa vàng để nhớ bên nhà Tết sắp sửa đến...". Thảo cúi ngất một chiếc lá, mân mê vò giữa hai đầu ngón tay, đưa lên mũi hít mùi thơm ngai ngái..., thấy bằng khuôn trong trí óc kỷ niệm xuân thuở nào...

Cuối năm phố xá rộn ràng trong niềm vui chuẩn bị đón Tết. Cửa hàng mọc càng nhiều và người ở đâu kéo nhau đi xem, mua càng đông, gây nhộn nhịp tấp nập trên các lề đường. Thảo theo má qua chợ lụa gừng, măng cầu, dưa... là những thứ mũi má thích làm, bảo đảm vừa trắng vừa ngon hơn mũi ở tiệm. Thấy má cặm cùi gọt vỏ gừng, xắt ra từng lát mỏng bỏ ngâm thau nước lạnh pha muối sẵn, Thảo hồi phụ những má không cho, sợ gừng nóng tay; đành ngồi ngoan ngoãn chờ để được ăn những mũi măng cầu lép không có hạt đen bóng ở giữa, hay "thanh toán" mấy khoanh dưa vụn má

không dùng. Hấp dẫn và ngoạn mục nhất đối với Thảo vẫn là giai đoạn ngào đường... Không muốn hít vào cái mùi gừng cay, mùi măng cầu chua, mùi dưa béo thơm củ vô tình bay ngào ngọt vô mũi bắt buộc Thảo phải nuốt nước miếng hoài! Má mỉm cười, gấp dứt Thảo mấy miếng ăn thử, thường công ở cạnh má này giờ, thay vì mọi lần khác giờ này Thảo thường hay xách xe chạy long dong. Chị Hương gọi theo lên Nguyễn Huệ mua hoa, biểu diễn thực hành học "khóa nghệ thuật cắm hoa của Nhật". Má nhắc đừng quên lấy thêm hai chục lay-ôn đỏ bày trưng bàn thờ; tìm kêu thẳng cháu chùi dùm bộ lư đồng cho sạch bụi.

Thảo ngồi vịn yên sau xe chị lái. Những ngày cuối năm xe hơi, xe gắn máy, xe đạp chạy kẹt đầy đường, bấm kèn, nhấn chuông hồi nhau inh ỏi, nhức cả hai tai. Nắng Sài Gòn gắt gao như phà hơi nóng vào mặt, chị em Thảo phải đeo kiếng mát cho đỡ chói mắt. Hễ có dịp ra phố chị Hương hay gửi xe ở một góc đường gần ngã tư, kéo Thảo vào tiệm sách lựa truyện, hoặc ghé ăn kem Phượng Lan rồi mới đến hàng hoa. Năm nay hoa lay-ôn thêm loại màu tím lạt rất dễ thương, nhưng má chỉ thích màu đỏ hoặc cam, hồng. Chị Hương tìm hai ba thứ hoa, lá gì lạ lắm, dài ngắn khác nhau, hứa sẽ cắt nghĩa Thảo biết những biểu tượng nào trong nghệ thuật cắm hoa ấy. Lúc chạy ngang chợ Bến Thành, bất gặp quày gánh xếp những lớp hồng khô cao như hòn núi..., kẹt trên tay ôm bó hoa lay-ôn cành dài hoẵng, sợ nháy xuống ngồi lên lại sợ ý làm gãy giáp nên Thảo ló luôn!

Đến nhà, giao với má cất hoa rồi Thảo xin đi xem chợ Tết bên kia đường. Hàng dưa hấu bày những trái bồ đôi khoe vỏ mòng, cơm dày màu đỏ, chưa ăn cũng đoán biết sẽ ngon ngọt vô cùng, tiếp qua đứng ngắm người ta lựa mua những chậu cúc trắng, vàng, những chậu thuộc được hoa to bằng chén ăn cơm màu hồng, cam, đỏ thắm, những chậu bông giấy tím hồng, đỏ tươi khoe sắc thắm. Người bán kẻ mua mặc cả giá hàng, xôn xao lời qua tiếng lại át mất cả tiếng nhạc mừng xuân vọng từ máy hát của quày kế bên quàng cáo các loại kem, phần son, bốp dăm và túi da đeo vai. Thảo vô tiệm quần áo, chọn cho má chiếc khăn lụa Tàu nền trắng lấm tấm hoa xanh dướng để má quần cổ hay trùm đầu khi trời gió, cho ba chiếc cà-vạt màu xám tro sọc ngang đen, trắng, hy vọng sẽ vừa ý. Đạo thờ thần bên mấy hàng bánh in, mũi "thèo lèo cút chuột", mũi bí trong vắt, mũi khoai lang vàng nghệ, hạt dưa sấy đỏ, hạt bí rang... Thảo thấy cũng tạm đủ, lo chấm dứt chương trình tham quan chợ Xuân của "phố Trường yêu quý". Bước vội về nhà, may quá, còn đúng lúc giúp má dọn mâm chuẩn bị cúng giao thừa đón mừng Xuân mới nữa! Gọi là chuẩn bị chủ thật

Các em Hoa Phượng thân mến, Tết đã đến rồi mang theo mùa Xuân của tuổi trẻ. Nhạc sĩ La Hối đã ca tụng về tuổi đó trong bản nhạc "Xuân và Tuổi Trẻ", "... Ngày thắm tươi bên đời Xuân mới, lòng đắm say theo bao nguồn vui mới... v.v... và v.v..." mặc dù nhạc và người đã đi qua nhiều thế hệ, nhưng ý nghĩa tuổi trẻ lúc nào cũng hiện diện tại đây: Tình yêu thường đạt dào, niềm ước mơ đón giản cộng với lòng không lo lắng. Nếu đem so sánh với những người anh, người chị của các em thì họ không còn có được nữa. Bởi thời gian đã chùng chất thêm cho họ nhiều tuổi đời rồi.

Bây giờ trời Ấu đang phủ trùm cái lạnh, nhìn ra ngoài các em chỉ thấy cây cối trở cành, mặt đất bao màu tuyết trắng, các em có hay đâu rằng, những ngày này trên quê hương mình đang có Tết và Xuân về.

Dân tộc Việt Nam từ cổ chí kim luôn có truyền thống, hễ cứ mỗi lần Tết đến, việc đầu tiên là nghĩ đến Tổ Tiên, Ông Bà cùng những người trong thân tộc đã khuất mặt, do đó mà kẻ giàu, người nghèo, bất cứ ai cũng làm sao cho nhà cửa của mình được sạch sẽ khang trang, bày hoa, chưng kiếng, lau dọn bàn thờ, đặt đủ bánh, mứt, trái cây, nhang đèn v.v... đặng cúng kiến, mời thỉnh họ về để cùng con cháu vui chơi, sum họp trong những ngày đầu năm Tết đến. Dù cho là họ đã trở thành người thiên cổ, nhưng coi như họ đang tồn tại tại thế gian này, luôn ở bên cạnh mình phò hộ cho con cháu được yên vui, lành mạnh và công việc làm ăn trong năm mới tời được may mắn, thành đạt hơn.

Các em đang sống trên đất nước này, dù rằng khoa học có nhiều tiến bộ, văn minh đạt đến mức gần thượng thừa, dù tánh tình và thể xác của con người bên ngoài có chút thay đổi, nhưng mạch máu trong có thể các em không thể nào thay đổi, nó được bắt nguồn từ nhịp đập của con tim, trái vào đó tình thương và di truyền của nó giống. Các em hiểu thêm đất nước, con người Việt Nam để hiểu thêm nguồn cội của mình là các em tự đóng góp lòng yêu thương đến dân tộc và quê nhà.

ra năm nào cũng vậy, cũng chùng đó thôi! Cả nhà ăn tối xong rồi giao phó, phân phối công việc.

Ba và anh Huy lo treo pháo, kim đồng hồ vừa chỉ đúng 12 giờ khuya lãnh nhiệm vụ đốt nổ đờ đùng, đuổi ma quỉ, xui xẻo hắc ám... đi chỗ khác chơi!

Má thấp nhang đèn, khói hương nghi ngút, lâm râm khấn nguyện Trời Phật phù hộ gia đình mọi sự tốt lành. Trong khi hai chị em Thảo đứng trước cửa sổ nhà bếp, nhìn qua bên kia xa phía cầu Công Lý, trông pháo bông ai bắn lên trời; bấm lòng bàn tay nhau và khê chúc "mỗi ước mơ sẽ thành sự thật".

Đang thả hồn theo kỷ niệm xuân xưa, chợt có con chim đập cánh xuống đậu trên thành gỗ chiếc ban-công, há mỏ kêu chir chir như đôi bụng tim mồi, Thảo mới thay nước uống và bỏ thóc hôm qua, nên lui nhẹ vào trong, khép cửa phòng, tìm cuộn băng nhạc Xuân đặt vô máy Cassette. Tiếng hát người nam ca sĩ cất lên buồn êm "... Xuân đến xuân đi đã bao lần, con vẫn lênh dên, vẫn chưa về, để mẹ chờ mong, mùa xuân... mùa xuân cũ qua...". Thảo vén tóc, nhìn thêm một lần những hoa cúc vàng sau lớp kính, nước mắt ngập mi ... "má ơi, con sẽ nhớ suốt đời những mùa xuân bên má!". Trời ở đây bây giờ đang bắt đầu mùa đông ●

■ Ngọc Tuyết

Hoa Xuân



*Mùa Xuân theo nắng rộn ràng
Vẽ hoa lên áo dịu dàng cánh mai
Tung tăng đôi gót trang đài
Bước vào hương sắc hội khai tiết
Trời*

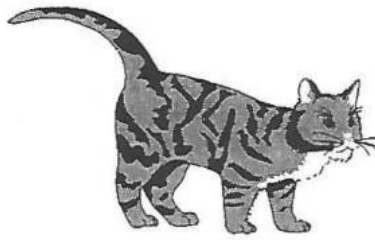
*Bay bay màu tuyết rạng ngời
Trắng tinh anh lá ngoài khơi đỏ về
Long lanh hạt ngọc đẻ mẹ
Điểm trang nụ thắm giao kờ lộc
Xuân*

*Đâu đây tiếng pháo tung bùng
Văng theo tiếng hát chào mừng thế
nhân...*

*Em ngồi đếm giọt băng khuâng
Tiếc thương tuổi mộng xa dần thơ
ngây.*

■ Bùi-Thị Rau Dzènh

Mèo và Chuột



C chuyện xảy ra đã lâu...

Ngọc Hoàng vốn có nhiều hầm lúa bát ngát chứa đầy thóc lúa với những hạt to trong sáng và óng ánh như những lông đèn tí hon. Nhưng ở Thiên cung cũng có trộm cướp như ở thế gian và Ngọc Hoàng đang tìm một người giữ kho tài ba để trông coi các hầm lúa của Người. Ngài suy tính lâu lắm, lưỡng lự và sau rốt chọn Thủ Thần, một người lanh lợi với đôi mắt sáng rực. Người tự nhủ đây là một vị thần tài ba có khả năng thích hợp với việc làm này. Than ôi! Ngọc Hoàng đã tính trước mọi việc, nhưng Ngài không thể ngờ được tánh tham không đáy đang dâng tràn trong lòng của Thủ Thần khi hắn ta được trao trọn quyền hành trong tay.

Người bảo quản kho thóc mỗi ngày đã lấy trộm lúa nhiều đến nỗi vựa lúa hầu như trống trơn khi Ngọc Hoàng đến viếng.

- , đây là con người thật của mi, được giấu kín dưới bộ mã đẹp đẽ của mi đó ư? Kể từ nay, mi sẽ không còn lưỡng lự ai được nữa, gương mặt của mi là hình ảnh trung thực của lòng dạ mi!

Đôi mắt của Ngọc Hoàng tóe lửa, âm thanh của Ngài vang như tiếng sấm, vì quá phẫn nộ.

Và, trong khi Ngài phán bảo, Thủ Thần bắt đầu thu người nhỏ lại, y áo của nó mất đi và lông lấy huy hoàng và hóa thành một màu xám dờ bẩn, ngón tay và ngón chân biến dạng thành những móng nhọn của loài mãnh cầm và mũi của nó dài ra thành một mồm nhọn trên một bộ ria thưa và một cái miệng hung ác, biến lặn. Vị thần gian xảo từ rày trở thành con chuột.

Ngọc Hoàng bảo:

- Hãy đi đi! Mi xấu xa ngàn lần hơn ta tưởng. Ta đã nhờ chán mi và lấy chân hất chuột ra khỏi Thiên Cung.

Thế là chuột sa xuống trần gian. Nhưng thay vì tự sửa mình, vị thần thất tín này càng ăn ở bậy bạ hơn, ăn trộm lúa của nông dân, gặm nhấm chiếu nằm, quần áo, sách vở, bàn ghế của dân chúng và làm nhơ bẩn những gì nó động đến.

Chúng ta có thể tưởng tượng sự giáng trần của chuột đã gây cho dân chúng bao nỗi ưu phiền. Hầu như không cách chi hoặc người nào có khả năng để ngăn chặn chuột gặm nhấm các thứ, nên người trần thế, cuối cùng, đành cầu xin Táo

Quần, vị Thần thủ hộ trong gia trang, hãy làm gì để giúp họ.

- Ngày 23 tháng chạp, khi tối về Thiên đình để báo cáo với Ngọc Hoàng tất cả mọi việc đã xảy ra trong năm trong mọi gia đình ở thế gian, tôi sẽ xin với Ngài hãy đuổi con vật phá hại này về nơi xuất xứ của nó.

Đó là lời của Táo Quân đã hứa với Người. Tuy nhiên, vị thần bếp này đâu biết rằng chuột đến từ Thiên Cung. Và dĩ nhiên, Ngọc Hoàng không bao giờ muốn gặp lại Thủ Thần, kẻ tham lam và xảo trá.

Nhưng Táo Quân đã trình tấu:

- Muốn tâu Thượng Đế, dân chúng ở trần gian rất nghèo! Nếu chuột tiếp tục cắn phá dưới thế, thì họ sẽ chết đói mất.

- Tất nhiên, Ngọc Hoàng thừa nhận. Nhưng mặt khác, mi cũng hiểu rõ việc thâu hồi cho tên cướp kia trở lại Thiên đình là một bất công. Phải tìm một biện pháp khác... , được, có lẽ ta đã có cách rồi.

Ngọc Hoàng quay lại phán gọi:

- Miêu Thần, hãy đến đây!

- Muốn tâu bệ hạ, thần xin nhận lệnh, vị thần vừa được gọi cung kính đáp. Ông ta có một dáng đi mỹ lệ, ăn mặc thanh nhã, chân mang hài nhung và có một bộ ria mép đẹp. Cử chỉ của ông rất sang.

- Người còn nhớ khi xưa người thường gây gỗ và luôn đánh nhau với Thủ Thần chẳng? Giả dụ bây giờ ta cho người được quyền sanh sát đối với nó, người có chấp thuận xuống trần gian để trừng phạt nó không?

- Muốn tâu, Thần xin tuân lệnh. Miêu Thần đáp. Mắt hắn lóe lên một tia hung ác, trong khi đôi tai nó vểnh nhọn và răng cũng thế.

Và, phút chốc, một con vật đẹp thanh nhã, với móng vuốt nhọn, hài nhung và bộ lông mượt như tơ, nghiêng mình kêu khò khò trước mặt Thượng Đế.

- Từ nay, mi sẽ tên Mèo. Và hãy nhớ ta đã cho người quyền sanh sát đối với Thủ Thần, con vật tham lam để bảo vệ loài người! Ngọc Hoàng-vừa phán bảo vừa mở cửa Thiên Cung.

- Thần xin hứa sẽ luôn luôn săn đuổi Thủ Thần ở bất cứ nơi đâu. Thần sẽ luôn miệng kêu: "Nguy cho mi, nguy cho mi" dù lúc thần nghỉ ngơi, để nó không quên sứ mệnh của thần, mèo đáp lời.

Loài người, luôn vội vã, nghe mèo kêu "Miao! Miao!" nhưng dồng họ chuột từ chuột cống, chuột chù đến chuột lắt đều hiểu mèo muốn nói gì. Mỗi khi chúng nghe tiếng mèo kêu, chúng run lên vì sợ hãi và xấu hổ, chúng chui rúc dưới đáy hang để ẩn trốn.

Dân chúng bắt đầu thương mến con vật dị thường đã bảo hộ họ. Họ cho mèo uống sữa, ăn cá và để làm vinh hạnh cho mèo, họ cho mèo một chỗ nằm ở xó bếp. Mèo liền thót lên trên bếp, đôi mắt lim dim, cuộn tròn mình với bộ lông óng

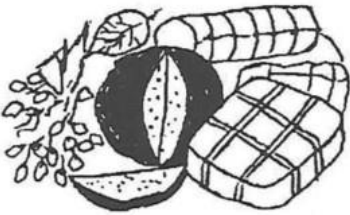
mượt, nó ngấm những hòn than rực sáng. Đôi khi ánh lửa hồng gọi cho mèo cảnh ở Thiên Cung, nó chột buồn. Nó mở về những buổi tiệc ở Thiên đình, nơi vườn Thượng Uyển, giờ đây không còn tìm lại được nữa, vì mỗi hiềm khích của nó với Thủ thần. Và cũng tại Táo Quân đã tận tâm nói giúp cho loài người. Và mèo đã nổi giận:

- Nếu nhà người không cố trình tấu những tai hại do chuột gây ra, Ngọc Hoàng đâu có sai ta giáng trần?

Nó có cảm giác là Táo Quân đã hại nó. Mèo liền cào tro bếp và đẩy lòng tức giận, mèo chôn phân của mình ở giữa lòng bếp.

■ Thanh Bình

Tết Cha, Tết Thầy



Mùa Thu vừa tàn thì mùa Đông vội đến. Chắc hẳn người Việt Nam chúng ta sống ở đây ít có ai trông chờ. Nhưng sự đời là thế. Cái gì mình không chờ không đợi thì mau đến. Năm nay, mùa Đông lạnh sớm hơn mọi năm, người Việt mình nói đùa "tại người Liên-Xô tôi nhiều nên đem cái lạnh của Alaska đến". Cũng có những năm mùa Hè thật nóng, thì người mình thường hay đi dóm "nhờ người Việt Nam ở đông nên ấm áp".

Ngồi trong nhà nhìn ra ngoài, hôm nay tuyết rơi nhiều, vội vã, tua tua từng mảnh đóng trên mặt đường sá một màu trắng xóa. Cảnh vật nhỏ màu trắng của tuyết mà sáng hẳn lên. Khác hẳn với những ngày trước; bầy tám giờ sáng mà bầu trời vẫn còn tối.

Ông hàng xóm, đã về hưu, đang cào tuyết nghe soàn soạt, chỗ đất nơi ông vừa làm sạch sẽ thì đám tuyết mới lại rơi xuống phủ đầy...

Tiếng điện thoại reo:

- Con đây mẹ.

Con trai tôi ở xa không về được vào cuối tuần này, nên nó gọi về hỏi thăm và chúc sức khỏe. Hỏi mua đồ chơi gì cho hai đứa cháu trong ngày lễ Giáng Sinh?

Tiếp theo con gái tôi gọi rồi đứa điện thoại cho thẳng cháu ngoại nói chuyện.

Cháu bập bẹ:

- Ngoại... khỏe... Nhỏ ngoại lắm...

Gần chấm dứt câu chuyện, con gái tôi mỗi sức nhỏ... hỏi:

- Mẹ ơi! Con đọc trong cuốn truyện... thấy có câu "**Mừng một Tết cha, mừng ba Tết thầy**" có nghĩa là gì hở mẹ?

Tội cho các trẻ em lớn lên ở các xứ Âu Mỹ này. Tết cha mẹ thì còn biết, chủ cái chuyện đi Tết thầy giáo thì nghe có vẻ xa lạ lắm. Đạo đức ở mỗi nơi khác nhau. Ở đây, thầy giáo là một cái nghề, làm việc hết ngày là hết bốn phận. Ở xứ mình xem vị thầy như người cha thứ hai, bởi vì "*không thầy đố mày làm nên*"; hoặc "*trọng thầy mới được làm thầy*". Ngày xưa ở Trung Hoa khi thầy mất đi, người học trò còn cất chòi ở gần mộ thầy để hưởng khói trong ba năm dài.

Nhắc chuyện ngày xưa làm tôi nhớ lại chuỗi ngày thơ ấu. Gia đình tôi sống ở nông thôn, dù không giàu sang phú quý nhưng đời sống rất yên bình (vào khoảng năm 1948).

Một hôm trong bữa ăn, ba tôi nói:

- Hôm qua dân làng hội họp để bầu cử một Ban Hướng Chức, ba lãnh chức Hướng Chánh (được biết Ban Hướng Chức, gồm có: Hướng Cả, Hướng Chủ, Hướng Chấn, Hướng Quản v.v...). Tôi không biết các Hướng khác có nhiệm vụ gì nhưng chức vụ của ba tôi là trông coi đường sá, trường học và đời sống người dân trong xã.

Thí dụ: Đường sá hư hỏng thì ba tôi kêu gọi dân trong làng tiếp tay bồi đất, sửa chữa. Tôi còn nhớ lúc ba tôi "nhậm chức" mỗi vài tuần thì một đêm kia nhà của cậu Ba bị cháy, hai vợ chồng ra được ngoài nhưng nhà cửa và đồ đạc tiêu tan hết. Sáng hôm sau có người đến báo tin. Ba tôi cùng vài ông Hướng Chức khác kêu gọi sự giúp đỡ của dân làng. Kề góp công người góp của, chỉ vài hôm sau cậu mợ Ba tôi có cái nhà mới trông khang trang và rộng rãi hơn nhà cũ. Sau đó, Ba tôi quyền được một số tiền để mua quần áo và vật dụng cần thiết trong nhà.

Còn về trường học, nhắc lại trường Tiểu Học Song Bình, bị bọn người phá hoại nửa đêm giết sập từ mùa tựu trường năm 1946. Mãi đến khi thành lập Ban Hướng Chức, ba tôi mới tìm nơi làm lớp học cho trẻ em lang thang từ vài năm nay. Thế rồi, ba tôi đề nghị với Ban Hướng Chức dùng ngôi Đình bên cạnh đồn lính làm nơi cho học sinh tạm học. Ngôi Đình làng này ngày thường ít ai lai vãng, thỉnh thoảng có Ông Tú tôi quét dọn và đốt nhang đèn. Vào những ngày Vía, ngày lễ hoặc Tết thì dân làng tụ họp để nấu nướng và dâng cúng lễ vật.

Chỗ học đã có rồi, nhưng thầy giáo tìm ở đâu? Trong đồn lính có ông Cai khá chữ nhứt trong gần hai chục người lính được tuyển ra làm thầy giáo. Tên thầy là Nguyễn Văn Tâm. Thầy phải dạy hai buổi, sáng lớp Một, chiều lớp Hai. Hai chị

em tôi đi hai buổi, chị học buổi chiều, tôi học buổi sáng.

Nghe được ngày mai đi học, tôi mừng không ngủ được. Đi sớm quá thì sợ ma trong ngôi Đình, nhóm chúng tôi đành phải ngồi ngoài lộ dây thép chờ sáng mới dám vào lớp học.

Thầy Tâm xuất thân từ người lính, mà khi lãnh chức vụ thầy giáo, thầy rất nhân từ, tận tụy ngày hai buổi dạy. Sau này khi tôi tiếp nối nghiệp vụ của thầy, tôi càng cảm phục hơn. Thầy là người thầy giáo không qua khóa huấn nghiệp nào mà còn có khả năng hơn những người được đào tạo. Mỗi môn học thầy đều có sưu tầm học cụ đem vào lớp cho học sinh thực hành, nếu không có học cụ thì thầy vẽ hình trên bảng. Chữ viết của thầy rất đẹp và đều đặn. Vài năm sau, ngôi trường bằng cây lợp lá được cất lên gần Đình làng cho hai lớp; còn tại Đình một lớp. Thầy Tâm làm Hiệu Trưởng, dạy lớp ba.

Thầy Danh mới đổi tôi dạy lớp Hai. Thầy còn trẻ, chưa có vợ nhưng tính tình kỳ cục. Buổi trưa, thầy hay rủ đám học trò gái học lớp Ba đi tắm sông, nhưng sau đó có phụ huynh mét lại với thầy Tâm, nên thầy sợ không dám rủ nữa.

Còn cô Tú dạy lớp Một, người vừa mập vừa lùn, mắt lé nên học trò gọi là cô Lé. Thấy cô nhìn chỗ khác, tụi tôi ngồi nói chuyện, không ngờ cô nhìn mà chúng tôi không biết, bị cô bắt phạt qui gối suốt nửa ngày. Về nhà, sưng đầu gối, má tôi lấy dầu xoa bóp; ba tôi tức giận lên nói với thầy Tâm. Thầy Tâm rầy cô Tú. Còn tôi từ lớp Một nhảy lên học lớp Ba chung với chị tôi.

Chị em tôi tính tình khác nhau, nên chị có bạn của chị, còn tôi có bạn của tôi. Bài vở tôi không biết thì nhờ các bạn của chị chỉ dẫn dùm. Chị Ninh, chị Nhu thương tôi và lo cho tôi như chị em ruột. Sau một năm học tôi theo gần kịp các chị...

Rồi Tết năm đó, ba tôi dặn dò chị em tôi; mừng một ở nhà, mừng hai được sang chơi nhà hàng xóm và sáng mừng ba đi chúc Tết thầy giáo Tâm. Chúng tôi làm theo lời dạy.

Ở quê tôi, từ trưa ba mươi Tết phải chấm dứt các công việc đồng áng đến công việc nhà. Có nghĩa là nhà cửa phải sạch sẽ từ ngoài vườn, trước sân lẫn trong nhà. Bữa cơm cúng rước ông bà vào khoảng ba bốn giờ chiều. Sau đó mọi người rành rang lo tắm rửa thay đồ mới. Tối ba mươi Tết, vùng quê tôi ít có ai thức đến giao thừa, vì ngoài trời tối đen như mực. Ba má tôi sau khi cúng nước buổi tối cũng đi ngủ, nhưng tôi biết ba tôi thường hay nằm chờ đến giao thừa để biết con gì ra đời trong năm mới.

Sáng mừng một, ba má và các anh chị tôi dậy thật sớm. Chúng tôi thay đồ mới ra chúc Tết ba má để lãnh "li-xi". Ba tôi

dần dò phải ở nhà, chị em tôi không được gây gỗ, không được hái trái cây, vì các gốc cây trong vườn ba tôi đều dán giấy đỏ, phải chờ đến chiều mồng ba cúng đưa ông bà xong mới được phép.

Quen chân rong chơi nhà hàng xóm, quen leo trèo trên các cành cây mận, cây ổi, nên chị em tôi khó chịu vô cùng. Chị kéo tay tôi ra trước hàng ba, nói nhỏ bảo tôi chơi trò "giặt chiếu phơi khô". Chị nắm tay tôi quay vòng tròn rồi hát lên "Giặt chiếu phơi khô, trời mưa cuốn lại". Quay được vài vòng tôi chóng mặt quá, ngã quy xuống, đầu va vào cây cột hàng ba, u lên một cục bầm tím. Má tôi tử trong nhà chạy ra đỡ tôi dậy, tôi khóc nức nở. Bà đỡ dành, ôm tôi trong vòng tay ấm cúng của người mẹ hiền trong ngày mồng một Tết (Tết năm 1949).

Đến ngày mồng ba, trán tôi bắt sưng song chưa hết đau, nhưng ba tôi bảo chị em tôi phải đi Tết thầy. Ba tôi giảng nghĩa: "Mồng một Tết cha, mồng ba Tết thầy". Cha mẹ có công sanh thành, dưỡng dục, công lao vào bạc nhứt. Thầy, cô giáo dạy cho các con biết đọc, biết viết, biết điều hay lẽ phải. Ngày sau các con nên người có kiến thức giỏi giang, ăn trên ngồi trước đều nhờ công ơn của thầy giáo. Vì thế mà người học trò phải biết kính trọng thầy như người cha thứ hai vậy.

Hai chị em tôi mỗi đứa ôm hai chục bánh tráng đi Tết thầy. Thấy tôi ôm có vẻ nặng nề, chậm chạp, chị tôi bảo: đưa chị ôm dùm cho. Tôi không chịu vì ý nghĩ nhỏ nhen: sợ chị lấy luôn phần bánh của tôi để lập công. Thế rồi chị đi trước, tôi theo sau. Gần tới nhà thầy thì trời vừa nóng vừa gió, bụi bặm bay gần như không thấy đường. Bỗng một cơn gió thổi thổi người chiều đẩy tôi từ trên lộ cái lẩn xuống gần tôi mé ruộng. Tôi nằm bất động nhưng hai tay vẫn còn giữ chặt lấy chõng bánh tráng. Chị tôi hết hồn quay lại đỡ tôi dậy. Chõng bánh tráng gãy vụn, đầu tôi nhức như búa bổ. Tôi đành ngồi đó chờ, chị tôi một mình đi Tết thầy Tâm.

Đến những năm kế tiếp, Tết nào chị em tôi cũng đến chúc mừng thầy dù không còn học ở trường làng nữa.

Cuộc đời "có vay có trả", "nhân nào quả nấy". Mười mấy năm sau tôi làm nghề gõ đầu trẻ. Mỗi lần Tết đến, học trò cũng đem cây trái vườn nhà cho tôi. Thành thạo tôi gặp những phụ huynh có con là học trò của tôi. Họ nói: con tôi chất chiu từng chùm mận để dành đem tặng cô. Tôi cảm động vô cùng. Và giờ đây, trên bước đường lưu lạc nơi xứ người, những kỷ niệm đó vẫn còn giữ mãi trong lòng tôi.

■ **Hồng Nhiên**
Lingen/Ems

Xuân Mười-Sáu



*Lối cỏ non mùm mím
Còn ngậm giọt sương đêm
Vị tựa em vừa lớn
Thon dáng ngọc hoa tim*

*Phượng hồng lưu trang vở
Mùa Xuân trong mắt em
Tuổi thơ ngây mười-sáu
Như nắng mới vương rèm...*

*Bước tung tăng vào lớp
Trên đường êm bóng mơ
Lá xanh cây rợp bóng
Trau chuốt mấy vần thơ*

*Có bầy chim nhỏ xúu
Vui vui hót hoan ca
Trước cổng trường Trung học
Lao xao trắng áo hoa*

*Ngọt ngào hương Xuân mới
Vàng tươi cánh hoàng mai
Điểm trang em mười-sáu
Thương quá tuổi trăm cài.*

■ Trần-Ngọc Xuân-Hàng



**Trang
Gia Đình
Phật Tử**

Các em Đoàn Sinh thân ái, Năm Mậu Dần (con Cọp) đã đi qua, chúng ta đón mừng Tết và Xuân Kỷ Mão (con Mèo) đến. Theo người Phật Tử của chúng ta, thì đây là Tết và mùa Xuân Di Lạc. Di Lạc có nghĩa là Từ Thị, tức là có lòng Từ Bi rộng lớn, vì thế

những ai được sanh lên cõi Đâu Suất nội viện thì không còn bị thối đọa nữa. Những hiện tượng trên thế giới ấy đều là tiếng thuyết pháp khuyến tu, và cho đến khi nhân loại được sống lâu trên tám trăm vạn tuổi thì đức Di Lạc mới xuất hiện và thành Phật dưới cội cây Long Hoa, cho nên Tết và mùa Xuân hàng năm là hạnh nguyện của đức Di Lạc. Vì tất cả những phiền muộn, lo âu cũ đều tẩu tán mất đi, nhường lại sự tự tại, an vui cho con người trong năm mới tới mà đức Di Lạc là tượng trưng cho lòng Từ, hoan hỷ, cho vui, không chấp chước những quấy rầy, ngại ngại nên Phật Tử chúng ta luôn luôn tôn thờ Ngài là vậy đó.

Một năm đã đi qua, trong sinh hoạt của GDPT và dưới mái Chùa, chắc các em đã đạt được nhiều sự tấn tu và học hỏi dưới sự hướng dẫn của các anh chị Huỳnh Trường. Các em đã làm một người con của Đạo pháp và luôn mang sẵn một tinh thần Dân Tộc lưu truyền. Ở đất nước xứ người này, tuổi trẻ được kết hợp để sống chung trong một tập thể đại GDPT theo quy chế, trọng kỷ luật, phát tâm vị tha, chịu khó làm việc Phật sự không phải là dễ có.

Người Việt Nam của chúng ta, đạo Phật đã chiếm 80 phần trăm trong lòng dân tộc, đã dựa theo tinh thần đó mà tưởng nhớ đến Tổ Tiên, Ông Bà và những người đã có công khai sơn, lập quốc. Tết đến là niềm vui chung và cũng là dịp thực thi hạnh hiếu của mình đối với bốn ân đức: Ân Tổ Tiên - Ông Bà - Cha Mẹ, ân Thầy Bạn, ân Quốc Gia - Xã Hội, ân Tam Bảo. Dứt ác làm lành, giữ tâm hồn mình cho trong sạch, đó là tinh thần Phật Giáo và cũng là của người Phật Tử. Các anh chị Huỳnh Trường hẳn đã khuyến khích các em nên cố tâm làm theo như thế, để cho mọi người được thấy và mỗi mong cho Phật Giáo của mình được truyền bá khắp nơi.

Cụ thể chứng minh về nước Đức. Từ trước đạo Phật như là một tôn giáo đầy xa lạ đối với người dân bản xứ, nên hiếm có người biết đến tôn giáo này và không biết tôn thuyết của Phật ra sao, nhưng từ ngày có chúng ta hiện diện, có mái Chùa Viên Giác hình thành, mọi người lui tới cúng kiếng, lễ lạc hàng năm và có đức Đạt Lai Lạt Ma thỉnh thoảng được chính phủ Đức mời tới viếng thăm, thuyết pháp, cho nên dân bản xứ muốn tìm hiểu Đạo này để học hỏi. Và đến nay số người Đức đã vào đạo có quy y rất đông, cũng như một số nhiều người hiểu biết về kinh sách và thuyết lý Phật Giáo của mình.

Tinh thần đạo Phật của chúng ta phát xuất tự tâm, chứ không bởi ai bắt buộc. Nếu thấy điều đó đúng thì làm, còn thấy sai trái thì bỏ đi. Tất cả chúng sanh đều có trí thông minh và từ tâm trong đó. Khai sáng được Từ tâm tức là bỏ được điều ác, làm được việc lành. Kết quả, hạnh phúc và may mắn sẽ mang đến cho mình.

Năm Kỷ Mão tôi, với tuổi trẻ hồn nhiên và đầy nhiệt huyết tình quê hương, cho dù là đang ở xứ người, nhưng các em sẽ không phai lãng văn hóa của dân tộc. Các em từng hàng trong ngày đầu năm đứng chấp tay dưới Phật đài, nguyện cầu cho quê hương và nhân sinh thái bình, an lạc. Đẹp thay!

Dựa theo lòng từ đó, tôi kể cho các em nghe về một mẩu chuyện tiền thân của đức Phật:

Con sư tử trong pháp

Đầu đời mạt pháp về thời đức Phật Tỳ-Bà-Thi tại núi Ba-La-Nại có một hòn núi tên là Tiên-Thánh-Sơn. Trong núi thường có các vị Sa-Môn Bích-Chi Phật tu hành. Thường thường có các loài cầm thú hay đến gần gũi để nghe thuyết pháp. Có một con Sư tử tên là Kiên-Thệ, lông ánh sắc vàng, sức mạnh địch trên 1.000 con khác. Mỗi khi rống lên, thì chim đang bay phải rớt xuống, các loài thú thì ẩn núp sợ hãi. Một hôm Sư tử Kiên-Thệ gặp một vị Sa-Môn Bích-Chi Phật rất oai nghiêm thanh tịnh tâm sanh hoan hỷ, nên thường ngày đến thân cận nghe tụng kinh, thuyết pháp. Lúc bấy giờ có một người thợ săn thấy Sư Tử có lông ánh sắc vàng muốn mưu giết, lột da dâng lên vua để lãnh thưởng. Người thợ săn nghĩ rằng: Con Sư Tử này là vua của các loài thú, không thể dùng cung tên và sập bẫy để hại được, chỉ có cách là giả dạng vị Sa-Môn, chờ Sư tử nghe quen đến gần, thì lấy tên có tẩm thuốc độc mà bắn. Nghĩ vậy, liền cạo đầu, mạo hành vị Sa-Môn, vào núi ngồi dưới gốc cây. Lúc ấy con Sư tử Kiên-Thệ thấy vị Sa-Môn, liền vui mừng đến liếm chân và quẩn quít một bên để nghe pháp; người thợ săn liền dùng tên tẩm độc nhắm bắn nó. Con Sư tử bị trúng tên đau quá rống ngược lên, muốn nhảy tởi vỡ giết vị Sa-Môn giả hiệu kia, nhưng lại nghĩ rằng: Người này đã mặc áo cà-sa tức là biểu hiện các đức Phật hiện thân trong ba đời, nay ta sát hại thì không khó gì, nhưng tức là ta đã sát hại biểu tượng của các đức Phật. Nghĩ vậy, bèn vuốt giận chịu đau. Một lát sau thuốc độc ngấm dần, đau đớn quá, lại muốn nhảy tởi vỡ nát người thợ săn, nhưng lại nghĩ rằng: Nay ta muốn giết thì không khó gì, nhưng ta sẽ bị các đức Phật quở trách, và từ bỏ không khác gì kẻ ác. Người thợ săn độc ác âm mưu hại ta, ta không nhần nại thì có khác gì người ấy. Người không tu nhân thì mê mờ, nhiều loạn tăng trưởng, không được vô thượng, chánh đẳng chánh giác. Vậy ta

quyết không khởi ác tâm. Nghĩ vậy bèn đọc bài kệ rằng:
 Nguyện tự chịu bỏ thân mạng
 Trọn đời không khởi ác
 Hại vị mặc áo hoại sắc (các bậc xuất gia)
 Đọc bài kệ xong, Sư tử liền ngã xuống chết. Người thợ săn lột da đem dâng lên vua. Nhưng khi vua nghe xong toàn câu chuyện, thấy rõ ác tâm của người thợ săn, vua rất cảm động trước lòng thành kính Tam Bảo của con Sư tử, bèn sai quân đem chém người thợ săn và cho đem xác con Sư tử làm lễ trà tỳ thiêu thân, xem như một vị Sa-Môn vậy, Sư tử Kiên-Thệ là một tiền thân của đức Phật Thích-Ca.

(Phỏng theo kinh Đại-Phúng-Tiền Phật báo ân)

Nhân dịp đầu Xuân Kỷ Mão, thay mặt Biên Tập Viên phụ trách báo Viên Giác trang GDPTVN/ĐQ, xin thành tâm kính chúc:

- Thuởng Tọa Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên và GDPTVN/ÁC - Cố Vấn Giáo Hạnh GDPTVN/ĐQ;

- Quý Bác Gia Trưởng, Quý Huynh Trưởng GDPTVN/ĐQ và thân ái cùng toàn thể các em Đoàn Sinh thuộc các GDPTVN/ĐQ một năm mới được mọi sự kiết tường như ý và thân tâm an lạc.

■ HTTT. Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

Đầu năm em
lễ Phật

■ Tuệ Nga

Mây bay bay đầu ngõ
 Năng tơ vàng láng láng
 Đầu năm em lễ Phật
 Hoa nở ... đây hồn Xuân

Mẹ cười vui như Tết
 Miệng bôm bôm nhai trầu
 Mùa Xuân, Xuân Di Lạc
 Quê hương hết khổ đau

Thế giới ba ngàn cõi
 Nghe kinh Phật nhiệm màu
 Muôn loài trong cảnh giới
 Thấm nhuần đạo cao sâu

Muôn loài như bọt nước
 Một sớm ra biển xanh
 Gặp nước nguồn Cam lộ
 Duyên hội duyên đắc thành

Phật Mẫu Ngài cứu độ
 Đời khổ ải điều linh
 Chúng sanh đầy chướng nghiệp
 Phật ban nước tịnh bình

Mây vàng tươi ngõ trúc
 Năng hồng áo em xanh
 Đầu Xuân em lễ Phật
 Dâng ý nguyện tâm thành

Thế giới ba ngàn cõi
 Sống hòa vui an bình
 Như sen hồ tịnh thủy
 Trong nắng sớm bình minh.



Nhân dịp Tết đến, Xuân về. Để thay đổi tiết mục trả lời câu hỏi cho các em Đoàn Sinh, tôi xin thay vào đây vài mẩu chuyện Vui Cười của các em đã viết, đọc cho vui:

● Ăn chay trường

Trong trại Liên Lạc, Thầy Cố vấn Giáo Hạnh đang giảng giáo lý về đề tài: Ăn Chay, Niệm Phật. Đến đoạn chay kỳ, chay trường, chợt Thầy quay lại hỏi các Trại sinh:

- Ở trong đây có bao nhiêu người ăn chay trường? Đưa tay lên Thầy coi.

Cả lớp im phăng phắc, mọi người nhìn nhau.

Thầy hỏi thất vọng hỏi tiếp:

- Ủa, vậy không có ai ăn chay trường cả sao?

Dưới lớp có tiếng vọng lên:

- Dạ có, bạch Thầy!

- Ai đâu???

- Dạ,... dạ Thầy!!!

(Thiện Tiểu)

● Nghệ thuật vận động

Trong dịp lễ Phật Đản, lúc còn tổ chức Văn Nghệ tại rạp hát lớn ở Hannover, hai chị Huỳnh Trưởng (Chị Diệu Hiền GDPT Pháp Quang và Chị Thiện Liên GDPT Tâm Minh) gặp nhau, tay bắt mặt mừng, chuyện trò lú lo như chim hót.
 Chị Thiện Liên:

- Chu chơa ơi! Sao GĐPT Pháp Quang xộp quá vậy? Đãi các bạn nời chè vĩ đại ngon lành. Trong công tác hôm qua, tất cả mọi người trong các Ban Văn Nghệ, Trang trí, Trật tự và Vệ sinh ai ai cũng được thưởng thức đầy đủ. Mọi người đều khen đặc biệt chè ngon mà được ăn miễn phí nữa.

Chị Diệu Hiền:

- Khen là phải rồi. Nời chè nấu tốn hơn một trăm Đúc Mã đó.

Chị Thiện Liên:

- Chú Thiên, Bò Tát ơi! Sao chị tài quá vậy. Chị vận động như thế nào mà GĐ Pháp Quang chịu chi số tiền lớn như vậy để đãi các bạn.

Chị Diệu Hiền:

- Muốn vận động thành công như vậy, phải biết áp dụng phương pháp: Một là nghệ thuật, hai là chờ đúng thời cơ,

Chị Thiện Liên:

- Nhờ chị vui lòng chỉ dạy bí quyết để GĐ Tâm Minh học theo.

- Rất sẵn sàng, những nghệ thuật này chỉ nên nói thầm cho nhau nghe thôi (kề tai chị TL nói thầm), nời chè hôm qua GĐ Pháp Quang tính bán kiếm lời gây quỹ cho Đoàn Sinh, nhưng chủ rạp hát ra lệnh cấm bán thức ăn trong rạp. Đãi các bạn là trường hợp bất đắc dĩ đó mà.

Chị Thiện Liên: ? ! ? !

(Nội San 2)

Thiên Khôi

Chân lý, Giác ngộ

Vì chiến tranh, vì thiên tai các gia đình ở nông thôn bị thiếu thốn nên các thanh niên trong làng lần lượt kéo nhau ra thị thành, về vùng biển hoặc đến vùng cao nguyên để tìm kế sanh nhai.

Cùng xóm có hai chàng thanh niên tên Bình và tên Cao. Cao nghĩ là phải rời khỏi vùng khó khăn này tìm nơi khác có đời sống khá hơn nên rủ Bình cùng đi. Bình nghe anh Cao nói có lý nên cả hai quyết định xin mẹ cha để ra đi.

Cao nêu rõ ý định của mình là về thành phố vì nơi đây đông người dễ xin việc làm. Còn Bình thì muốn lên mạn ngược phát rẫy trồng cây ăn trái. Cao và Bình mỗi người một ý khác nhau, kẻ thích miền xuôi, người thích mạn ngược, nên đành phải chia tay hai người đi hai lối.

Khi ra đến thành phố, anh Cao may mắn xin giúp việc cho một tiệm buôn bán vàng bạc. Qua một thời gian, ông bà chủ thấy Cao siêng năng, lanh lợi nên cho anh học nghề thợ bạc. Cao rất sáng dạ, học đến đâu làm được đến đó mà lại còn

sắc xảo và đẹp nữa. Quả thật Cao là người khéo và có hoa tay.

Hai vợ chồng ông chủ tiệm vàng hết sức mến thương, tin cẩn (tin cậy) nên cho anh Cao lên làm thợ chính và giảm bớt công việc nhà để anh lo việc nữ trang sản xuất. Nhờ anh Cao mà tiệm vàng phát triển, khách hàng tấp nập nên hàng tháng thu lợi to. Sau đó Cao được bà chủ tiệm vàng gả cô con gái đầu là cô Thắm. Từ đó anh Cao đã trở thành ông chủ nhỏ trong tiệm vàng.

Sáu năm sau vợ chồng Cao sinh được một trai và hai gái.

Sau khi chồng qua đời, bà chủ giao tiệm vàng lại cho vợ chồng Cao quản trị.

Một thời gian sau bà cũng mất. Vợ chồng anh Cao thừa hưởng hoàn toàn tài sản.

Từ đó người ta gọi tiệm vàng của ông Cao. Khi vợ chồng ông Cao đã trở thành chủ một tiệm vàng có tầm cỡ lớn, vốn liếng nhiều, nên đã mua bán tích trữ một số đá quý kim cương. Trong số đá quý kim cương của ông Cao có một viên ngọc quý vô giá mà vợ chồng ông giữ làm của riêng hàng ngày đem ra ngắm nhìn. Viên ngọc này ông bà giữ kín không ai biết. Ông bà Cao coi viên ngọc quý này quý hơn cả mạng sống của họ.

Bây giờ nói về anh Bình. Sau khi chia tay với anh Cao, Bình lên mạn ngược quyết phá rừng trồng cây ăn trái. Giữa đường Bình bị sốt cảm và bị ngắt xi. Cũng may có một nhà sư từ trên núi đi xuống, gặp Bình, nhà sư đã dìu Bình về chùa để săn sóc thuốc men.

Nhờ sự săn sóc tận tình của nhà sư nên bệnh tình của Bình dần dần được phục hồi. Bình tiếp tục ở lại chùa giúp thầy trong mọi công việc. Sống trong chùa Bình thấy lòng mình thanh tịnh, mọi lo âu và mơ ước gần như quên lãng. Sáng tối theo Thầy niệm hương tụng kinh anh cảm thấy hoan hỷ và dường như đã tìm được một hướng đi.

Qua 12 tháng anh đã quyết định xin Thầy được xuất gia. Nhà sư trụ trì chấp thuận. Bình đã trở thành một đạo tiểu trong chùa. Rồi được thọ giới Sa-Di, rồi thọ giới Tỷ-Kheo. Thầy Bình bây giờ là Thầy Thiện Hỷ. Thầy Bốn Sư càng ngày càng yếu nên Thầy Thiện Hỷ phải đảm trách mọi công việc trong chùa. Thầy Bốn Sư viên tịch, Thầy Thiện Hỷ trở thành Sư trụ trì.

Gần Tết Thầy Thiện Hỷ xuống núi, về thành để hóa duyên mua sắm, tình cờ đã gặp lại anh Cao, chủ tiệm vàng. Hai người gặp lại nhau hết sức mừng rỡ, rồi kể cho nhau nghe những gì đã trải qua.

Anh Cao đã kể cho Thầy Thiện Hỷ nghe những gì anh có nào vợ con, nào tài sản sự nghiệp... Nhà Sư dường như không chú ý đến chuyện giàu sang của Cao, mà hễ khi Cao ngừng câu thì Thầy Thiện Hỷ đều trả lời "Mô Phật". Anh Cao giới thiệu và khoe đủ điều, nhưng Thầy Thiện

Hỷ vẫn không lưu ý, nên anh Cao nghĩ thầm chắc là các điều anh bày tỏ chưa xứng đáng để nhà Sư quan tâm. Anh Cao chạy vào trong tủ lấy ra một chiếc hộp trong đó có viên ngọc quý rất lớn mà anh đã quý hơn tính mạng của mình.

Lấy viên ngọc ra khỏi hộp anh mân mê lắc qua lắc lại, kể cho Thầy Thiện Hỷ nghe tầm cỡ của viên ngọc, lần cắt, cạnh cắt và màu sắc. Nhà Sư vẫn không để ý mà nhìn một cách bình thường, như nhìn vào một cái ly, cái tách thế thôi. Sau đó anh Cao vào nhà trong để bảo người nhà làm cơm chay đãi Thầy Thiện Hỷ.

Viên ngọc để trong hộp nắp mở trên bàn. Bỗng nhiên có một con Két lớn bay xuống đậu trên bàn. Két thấy viên ngọc lóng lánh, Két đi lại ngắm viên ngọc nuốt ngay vào bụng. Thầy Thiện Hỷ nhìn thấy rõ ràng.

Anh Cao trở lại, nhìn vào hộp viên ngọc đã biến mất, anh mất bình tĩnh quát hỏi Thầy Thiện Hỷ. Thầy chỉ nói "Mô Phật".

Anh Cao lập lại Mô Phật Mô Phật gì chi có một mình Thầy với viên ngọc, vậy viên ngọc đâu đưa ra ngay nếu không tôi không tha đâu! Xong anh Cao thóa mạ đủ điều mà nhà Sư vẫn nói "Mô Phật" ? Vì Thầy nói ra thì anh Cao sẽ giết chết con Két ngay nhưng con Két vẫn là một chúng sinh và cũng muốn được sống. Thôi đành chịu những hình phạt đến đâu cũng phải chiều theo ý trời.

Anh Cao thấy Thầy Thiện Hỷ lấm bầm hết chịu nổi nên đánh nhà Sư túi bụi. Anh Cao đến lật hết áo quần nhà Sư lục soát nhưng vẫn không thấy viên ngọc.

Con Két loay hoay đi tới đi lui trên mặt bàn kêu quẹt quẹt. Cao đang bực tức đánh mạnh vào con Két. Con Két bị đánh mạnh chết lăn quay, hai chân và hai cánh run lật bật. Khi thấy con Két đã chết Thầy Thiện Hỷ nói: "Mô Phật chính tôi đã thấy con Két nuốt viên ngọc vào bụng!". Anh Cao hỏi: Thầy thấy nó nuốt viên ngọc vào bụng mà tại sao không nói ra?! Anh Cao lấy dao rạch bụng con Két ngay, khi lưỡi dao rạch trúng viên ngọc nghe cái cạch, anh Cao vội vàng lấy tay móc viên ngọc ra lấy vật áo lau với viên ngọc rồi ngắm nghía lấm bầm nói "viên ngọc đây rồi, viên ngọc đây rồi!"

Để viên ngọc vào hộp, anh Cao hối hận nhìn nhà Sư. Anh Cao tình ngộ quý xuống sàn nhà hai tay chấp lại: "Bạch Thầy bây giờ con mới thấy được đâu là bến bờ đâu là chân lý!"

Anh Cao gọi vợ và 3 con lên đứng trước mặt anh và Thầy Thiện Hỷ. Anh Cao nói: "Trước mặt Đại sư, tôi xin tuyên bố một nửa gia tài giao lại cho bà, một nửa gia tài chia làm hai: một nửa giao cho 3 con, còn lại một nửa xin bà hãy bố thí cho bà con tàn tật, nghèo khổ đau ốm. Riêng tôi thì xin theo Thầy để học đạo.

Anh Cao xin phép Thầy từ giã vợ con để theo Thầy về chùa... ● (Florida - USA)

LỜI CHO CON



*Xuân buồn nhỏ con ngồi tựa của
Hưởng hưởng xa đội đứa con về*

Hiếu của mẹ, Hiện giờ đã nửa đêm, Thảo, Mai, hai em của con đã yên giấc ngủ sau một ngày buồn bán mệt nhọc. Ngoài trời tối đen như mực xen lẫn cơn mưa to, gió thổi mạnh rít lên từng cơn nghe ghê rợn quá, vừa lạnh vừa buồn làm mẹ càng nhỏ con hơn. Hiếu ơi, giờ này con đang làm gì nói xử lạ? Chắc sau những giờ làm việc tan sở, con hẹn với bạn bè vui chơi... hay ngồi viết thư gửi về cho mẹ, viết về nói chôn nhau cắt rún hồ con?

Con yêu dấu, người ta nói "mức cạn dầu hao", mức cạn là vì viết nhiều, dầu hao vì đèn thấp suốt đêm, nhưng mẹ không nghĩ đến điều đó, dù đời sống của mẹ giờ đây hơi chật vật, dù thân xác rã rời, tinh thần suy kém mẹ vẫn viết cho con, một đứa con đã xa quê hương, xa tình mẫu tử.

Nơi phường trời tây chắc con ít nhỏ tôi mẹ lắm thì phải?! Quanh con có biết bao sự say mê rù quẩn... Trước mắt con toàn những bông hoa cảnh đẹp phải chăng con?... Mẹ chỉ là kẻ giữ vườn, quanh năm suốt tháng lụ khụ lo vun phân, tưới nước, bắt sâu, đuổi chim. Lúc cây đã vươn cành tươi tốt, hoa quả sum sê. Lúc này là lúc cây lo vui đùa với trăng, nắng, gió. Cây có nghĩ rằng, sâu và chim chực chờ để đục khoét. Hoa có rơi, trái có rụng thì mặc, chỉ tội cho kẻ giữ vườn hoài công chăm sóc. Nhưng thủ hời có mấy ai ngắm hoa, ăn trái, mà nghĩ đến kẻ đã dày công trồng tia?!

Hiếu của mẹ!

Con có biết hôm nay là ngày gì không? là hai mươi ba Tết đó con, cũng như mọi năm khi con còn ở quê nhà, mẹ cũng nấu xôi chè, làm chút ít bánh mứt, để đưa Ông Táo về châu Trời. Chỉ còn bảy ngày nữa là con sẽ lớn khôn thêm một tuổi. Mẹ sẽ già nua thêm một ít những vẫn phải còn dẫn bước thêm trên những đoạn đường đau khổ ở thế gian này. Mỗi khi nghe đồng hồ đổ, mỗi lần nhìn tờ lịch rơi, mẹ không biết mẹ đã làm gì, đang làm gì, và sẽ làm được những gì...!? Với mẹ, linh hồn và thể xác lúc nào cũng hướng về Đạo và Đức Thế Tôn. Mẹ vẫn là con của Phật, người của Đạo từ bao năm qua, từ đời Tổ Tiên của mẹ, của chúng ta.

Tại sao lúc nào mẹ cũng nhớ đến con, cầu cạnh con, cần con, mong con nhỏ đến mẹ! Dù rằng quê ta đã có những năm khói lửa thật đau buồn tang tóc, nhưng nhiệm vụ làm mẹ thì mẹ không thể thiếu sót. Mẹ đã nuôi con từ bao năm qua. Dù biết rằng mẹ không tài ba gì để giúp ích cho nước nhà, cho xã hội. Nhưng mẹ nghĩ rằng: Con cái của mẹ là mầm non của đất nước mà mẹ đã ra công vun xới, để mong một ngày mai chúng sẽ là những cây to, có trái tốt, và khi các con lớn khôn nên người là mẹ đã làm việc nước, đã giúp xã hội.

Hiếu ơi, nơi xử lạ quê người con có biết rằng ở quê nhà mỗi lần mẹ viết thư cho con là mỗi lần mẹ không ngăn được dòng nước mắt hay không? Nhớ thương con mẹ khóc đã đành, đừng nói rằng xa xôi Pháp và Việt Nam. Chính những lúc con còn nhỏ ngủ gần bên mẹ, mẹ cũng khóc mà con nào hay. Con đâu có trông thấy nước mắt mẹ đã trào ra lúc ấy. Nước mắt đó có khác gì những giọt nước mắt mà mẹ đã khóc mười mấy năm về trước! Đừng bảo rằng mẹ chỉ khóc vì thương nhớ ba con... Cuộc đời đã cướp mất ba con, nhưng một mình mẹ vẫn nuôi và lo được cho chúng con khôn lớn nên người. Giờ đây hai nỗi buồn không giống nhau ở một mặt, khác chỉ là mỗi chuyện mỗi hoàn cảnh mà thôi. Cũng như ngày nay đứa con trai duy nhất của mẹ đã xa mẹ, và sẽ xa mẹ mãi mãi? Mẹ chẳng thấy gì ở con, ở hình hài thân xác và chính bản thân của con nữa. Con là một khúc ruột của mẹ... Con thử bẻ rời một cành cây ra mà xem, coi cành cây ấy có chày nhựa ra không! Cây là vật vô tri vô giác mà như thế đó. Hưởng chi là mẹ, mẹ là một người đàn bà Á Đông... Có lẽ trời phú cho mẹ quá nhiều tình cảm, chính vì lẽ đó mà mẹ đau khổ nhiều.

Hiếu con,

Thảo em con đã thôi học, nó lo buồn bán, còn Mai buổi sáng giúp chị dọn hàng, buổi chiều đi học. Và mỗi buổi chiều mẹ cũng đứng đón em con đội giờ tan học (Đội em con chứ lúc trước mẹ đã đội con...)

*Tan buổi học mẹ ngồi tựa của
Ngóng trông con đứa đứa về đàn
Xa xa con đã tôi gần...*

Những giờ đây ngồi tựa của ngóng trông con, đối với mẹ chỉ là hư ảnh mà thôi. Cách đây chín năm hơn, khi con mới định cư tại xứ người, mẹ cũng đã viết những lá thư cho con, nó cũng dài, cũng đầy nước mắt. Nhưng, những lá thư đó nó chẳng gây được ảnh hưởng gì cho con cả. Nó chỉ là những chiếc lá rụng ở trong rừng sâu, chẳng ai biết, chẳng ai màng đến. Bây giờ, thì cũng những lá thư dài, dài lê thê gửi đến cho con, không biết nó có gây được gì tốt đẹp cho con hay không? Hay nó cũng chỉ là những chiếc lá vàng rơi ở cuối mùa và người ta sẽ chà đạp lên nó chẳng tiếc thương?!

Giờ này ngoài đường mưa đã tạnh, gà đã gáy để đón chào bình minh, mà mẹ vẫn ngồi đây, năm giờ rưỡi sáng rồi còn gì. Cũng có lẽ giờ này tại Pháp, trời đã về khuya... và con đang yên giấc nồng trong chăn êm nệm ấm sau tám tiếng làm việc trong sở phải chăng? Ngủ ngon đi con, ngủ được là quên đi sự mệt nhọc và lấy lại sức đã phí quá nhiều lúc ở sở. Cả ngày ngồi gù lưng cúp cổ ở bàn giấy, xóa xóa viết viết bằng trí óc tổn làm đó con. Con hãy yên tâm, dù xa xôi ngàn dặm nửa vòng trời cách trở, nhưng mẹ sẽ luôn luôn theo bên con bằng tâm hồn, bằng ý nghĩ của mẹ.

Thôi nhé Hiếu, mẹ tạm ngưng để ra bưu điện kịp gửi cho con. Mẹ mong thư mẹ sẽ tới sớm để con biết lòng mẹ hiện giờ và mãi mãi về sau, nó sẽ ngự trị đến hơi thở cuối cùng! Đó là ngày mẹ xuôi tay, nhắm mắt.

Đừng lo nghĩ nhiều con nhé, đời ai cũng có một định số riêng, con hãy sống cho con, đừng nghĩ gì ở bản thân mẹ. Không biết ngày mai... tại quê hương xử sở mẹ sẽ làm được gì và sẽ ra sao...???

Mẹ của con.



● Khánh Uyên

NÓI VỚI CON GÁI

Hạnh, Nguyên thương yêu của mẹ! Vậy là hai con đã sang Đức được tròn 7 năm, một quãng thời gian, đủ để các con thích nghi với cuộc sống và tự tin vào mình nơi xứ người văn minh, tiến bộ. Nhìn phong cách tự nhiên, lịch sự đối với bạn bè cùng trường, biết trao đổi tư tưởng với mọi người thân quen bằng ngôn ngữ bản xứ, lòng mẹ thoảng dậy lên nỗi vui mừng hạnh diện.

Vậy là các con đã hơn hẳn cha mẹ về kiến thức, cho dù con đường học vấn của con còn xa, chưa tới đích. Nhưng như thế cha mẹ cũng đã vui và mãn nguyện. Mẹ tự nhủ mình phải cố gắng tạo điều kiện hơn nữa để các con thêm tấn tới.

Mỗi buổi chiều mẹ thấy các con ngồi học thật lâu nơi bàn viết môn Sử ký và Địa lý, hí hoáy mở bản đồ nước Đức tìm địa danh, nhận dạng địa hình hay ghi nhớ những con số của đất nước nơi con đang sống. Đôi khi thấy con quá vất vả để truy lục lý lịch các tiền nhân lịch sử Đức, mẹ thường con chịu khó học hỏi để theo kịp bài vở ở lớp, không hổ thẹn với bạn cùng trường. Tuy nhiên, những lần đó trong lòng mẹ nhói lên một niềm đau, một nỗi xót xa: Con đang khổ công để ghi nhận kiến thức thuần chỉ của nước bạn và các nước khác, trong khi tiền nhân và đất nước Việt Nam các con của mẹ chẳng hề biết tới! Có chăng chỉ là qua loa, sơ lược. Mẹ bỗng như giận dữ trong lòng vì đâu con chỉ biết về dân tộc khác mà bỏ quên quê hương hiện tại?

Ngày hôm qua con nhận thư của Thúy từ M. gửi tới, nghe chị em con đọc thư nó mà mẹ bất mãn vô cùng. Tại sao các con lại viết thư cho nhau toàn bằng tiếng Đức mà không bằng tiếng Việt? Con trả lời mẹ "Như thế dễ hiểu và tiện hơn mẹ ạ!" Mẹ lắc đầu bỏ xuống bếp nhưng thấy lo ngại cho các con nhiều. Con không nhớ sao, mẹ vẫn bảo hai chị em con thỉnh thoảng viết thư bằng tiếng Việt về cho ông bà Ngoại và các cô của con bên nhà sao? Đó là mẹ muốn duy trì trong đầu các con ngôn ngữ quê cha đất tổ, dù khi viết, ý thư của con không mạch lạc, chính tả phạm nhiều lỗi lảm. Những lần đó mẹ đều sửa lại thư con để gửi về nhà. Ông bà Ngoại đã rất vui mừng khi đọc thư con viết bằng nét chữ của nước nhà. Một điều mẹ muốn nói với con nữa là việc các con không thuộc và không thích hát nhạc Việt Nam. Nhớ ngày 3 mẹ con còn ở nhà, những tối nhỏ ba đang ở xa,

cả hai chị em con đã hát theo mẹ những bài hát thấm nồng ý nghĩa quê hương dân tộc. Các con đã hát rất hay. Vậy mà bây giờ âm nhạc của các con rất những bài ca nhún nhây, cuồng loạn của Rock, Rap hoặc Techno chát tai, nhức óc. Các con cảm nhận các điệu nhạc, lời ca đầy tu tưởng khoái lạc, hưởng thụ qua những động tác, điệu nhảy điên cuồng nhất. Mỗi khi các con bắt chợt nghe đâu đó những tình khúc Việt Nam, các con tránh đi hay che miệng cười khúc khích. Ba khác hẳn mẹ, lấy thế làm bực mình, la mắng. Mẹ hoảng sợ, lo lắng khi nhận ra những biểu hiện khác đi của các con khi ăn, khi nói với gia đình hoặc với những người đồng hương của các con. Đôi lúc con cố ý tránh không gặp ai đó trên đường, có người hỏi thăm đường phố, con vờ như không phải người Việt Nam, nói vài ba câu tiếng Đức rồi bỏ đi. Mẹ vẫn biết các con đã biết và hổ thẹn vì một số hành vi xấu trong cộng đồng chúng ta. Tuy nhiên, mẹ mong các con nhận ra rằng người Việt chúng ta phải xa nơi chôn nhau cắt rốn, cầu thực nơi xứ người, ai cũng có những cuộc sống riêng, dù có những đồng hương sang đây đã làm mất danh dự tổ quốc, thanh danh dân tộc và uy tín của cộng đồng nơi đây. Người Việt Nam nói chung không phải ai cũng xấu, cũng tàn ác khiến người bản xứ khiếp sợ, khinh khi. Các con càng phải sống học hành tốt và tiến bộ hơn nữa để họ không thể coi thường chúng ta!

Nhìn các con ngày một lớn thành những cô gái xinh xắn, duyên dáng mẹ bắt chợt nhỏ lại quãng đời bằng tuổi các con bây giờ. Là một nữ sinh công lập, quanh năm mẹ chỉ mặc áo dài trắng đến trường. Có thể đến độ dậy thì của các thiếu nữ thời đó luôn được khoác bằng chiếc áo len màu xanh dương hoặc đen thật kín đáo. Thân hình các con ngày nay có phần cao lớn, nây nở hơn trong những chiếc quần jean, áo thun hoặc trông các con khỏe m. . , trẻ trung và tự tin rất nhiều. Tuy vậy mẹ vẫn thấy tiếc cho con không được mặc lên người chiếc áo dài mềm mại, thuột tha.

Tuần trước, bác An đến thăm gia đình ta. Bằng giọng buồn rầu bác than thở chuyện chị Khang, con gái lớn của bác, đòi đến ở nhà người yêu trước khi cưới. Bằng giọng u uất, bác bảo bác đành bất lực trước những lý lẽ mà chị Khang đã thấm nhuần những tư tưởng tự do quá trớn ở phương Tây. Nghe chuyện người, mẹ cảm nhận một nỗi lo băng quố. Dẫu biết tình cảm trai gái nơi xã hội Tây phương ngày nay rất tự do, phóng khoáng, nhưng mẹ mong các con, những cô gái Việt Nam rất dịu dàng, hãy giữ mãi được cá tính đặc trưng đó, và đối với tình yêu các con nên dè dặt và trân trọng. Hôn nhân lứa đôi là chuyện hệ trọng của cả một đời người, hãy đừng như trai Ấu,

gái Mỹ bốc đồng, nóng nổi và cuồng loạn: Khi yêu ào đến, hết vội ra đi! Vào những dịp Lễ, Tết đi chùa lễ Phật, mẹ đã thật sự xúc động và đứng lặng thật lâu để nhìn các cháu gái trạc tuổi các con mặc những chiếc áo dài Việt Nam duyên dáng biết bao! Những lần đó mẹ luôn khẩn vái Tam Bảo phù hộ cho quê hương được thực sự thanh bình để tất cả dân Việt đang tha hưởng trên thế giới đều quay về xứ sở của mình mà xây dựng, phát triển thành một nước văn minh, tiến bộ. Trong cái ước vọng to lớn đó, trong lòng mẹ còn ấp ủ một mong muốn để các con trở lại thành những cô gái Việt Nam thuần túy, đầy đủ bản sắc dân tộc. Mẹ tự hỏi ngày ấy sẽ đến gần không khi mà tuổi mẹ ngày càng cao và các con như những bông hoa hưởng sắc vẫn mãi lạc loài, đốn điệu trong khu vườn đầy ắp những ong bướm xa lạ. loạn cuồng. Liệu các con có giữ được bản ngã mình không hay một ngày nào đó cũng sẽ hóa thân thành những bướm hoa lạc điệu ●

Văn Việt Ngữ

*Rú rít tiếng chim kêu,
Mẹ truyền con hát theo
đó là văn Việt ngữ,
lẽ nào em không yêu ?*

*(Cổ Thi sĩ Đông Hồ,
Giáo sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn)*



Tiếng Việt đáng yêu

*Tiếng nói như chim kêu,
với sóng nhạc kèm theo,
bồng trầm tùy từ ngữ,
tiếng Việt thật đáng yêu.*

P. V. Trần Hàn

*(Cảm họa bài thơ Văn Việt Ngữ
của Thi sĩ Đông Hồ)
(Trích tập thơ: Quê Hương)*

● Bé Ngọc

Bé Xuân Hằng

Lại đây con sóc dễ thương
Lại đây cũng, tuổi thiên thần anh yêu.

(Bé Yêu - Thơ: Hoàng Anh Tuấn)

Một buổi chiều cuối tuần, sau khi đã no nê cùng giấc ngủ trong ngày, tôi ý ạch mang những viên thuốc nhức đầu cảm cúm xuống sân nhà, hầu đồ dành *người đẹp* Kaefe của tôi; mà đã hơn hai tuần qua *nàng* không nhèo (già vò) cổ nằm im thin thít! Khổ cho thân tôi, có nhiều lúc nản nỉ thiếu điều muốn gây lười, và dùng đủ lời ngon ngọt (như đường) chết... kiến, mà *nàng* vẫn khư khư ngó lơ rồi nấc lên mấy tiếng ư... ư... và, nằm xụi lơ giữa trời đêm về sáng. Phần lo lắng đến sờ làm không kịp giờ, phần bị xúc phạm tự ái vì bao lần đồ dành mà *nàng* không thèm nghe lời gì thêm nữa; đôi khi tôi phải nổi "điên" lên, vội vàng leo xuống bỏ chỗ ngồi một cách rất ư là hùng dũng, đóng ập cửa xe có vẻ hơi mạnh tay "trong lúc mọi người cần sự yên tĩnh nghỉ ngơi, để ngày mai tiếp tục nghề cu-li trả nợ..." . Và sau cùng trước khi quay bước đi (như chạy đến sò), tôi chẳng quên tặng *nàng* cú đá vào... bánh (xe) dẫn mặt, mà cũng để làm quà cho cơn giận ùn ùn nổi dậy, sôi gan trong lòng tạm thời lắng dịu; chả hiểu *người yêu* của tôi có cảm thấy đau xót chút nào không với cú đá mang đầy hận thù (mà vẫn còn... yêu) đó! Chủ riêng tôi, thì... lắm lúc phải khập khểnh bước đi với vẻ mặt nhăn nhó như... khi ăn nhầm ớt hiểm - vì sau cú đá, bàn chân tôi đôn đau như có ai vừa thả viên đá xanh nặng nề xuống nhằm! Ôi, người tôi... yêu.

Giữa lúc tôi đang nằm dài đắm lũng cho *người yêu*, thì bàn chân tôi cố duỗi ra ngoài không gian nhìn những tia nắng cuối treo rung rinh trên mấy cành cây thông rậm lá xanh đứng cao ngất ngưỡng theo hai bên vệ đường. Trong đầu thì mở mở, màng màng nghĩ tới cảnh đẹp hùng vĩ của núi đồi vây quanh khu làng nhỏ tôi



ngụ bấy lâu nay; tôi cũng có cảm giác như vừa được ai lắc nhẹ bàn chân mình, không phải chỉ một lần mà đôi ba lần giống cùng động tác như vậy? Đang lúc đắm lũng *người yêu* ngon tròn tôi cũng phải ngạc nhiên dừng tay, im lặng nghe ngóng...

Không có ai lên tiếng suốt một phút trôi qua - vì *người yêu* cao ráo chưa đầy... thuốc rười, nên tôi không thể ngưỡng mặt nhìn thấy hoa bướm của tháng chớm thu, ngoại trừ màu áo diêm đũa mà *nàng* đang mặc, và vẫn bênh vực chăm chấp là: "Anh cù lần quá, đây là thời gian mỗi em phải trang phục áo quần giày dép của thời đại mỗi chỗ... anh!" .

Theo ý kiến của tôi thì màu sắc của trang phục thời đại mỗi đó, "nó" loang lổ như màu sắc của chiếc xe hơi cũ kỹ, sản phẩm từ thời ông Bành Tổ chưa biết đi... xe đạp! Hay diễn tả cho đúng nghĩa hơn thì giống y chang gương mặt trái hoa đua nở của thằng Cò - bạn thân của tôi - hoặc đen như chú Ấm Đổ bán vải (như tôi) là cái chắc.

Bàn chân tôi lại "được" ai đó lắc... mạnh, bây giờ tôi không còn ngạc nhiên nữa; chắc chắn là phải có người lắc mạnh bàn chân tôi - chỗ mới gần... 40 tuổi mà tôi bị lãng trí, và còn thêm bệnh... run chân thì phiền phức quá! Ngẫm nghĩ như thế, tôi đưa tay vỗ nhẹ lên vai *người yêu* hẹn hò chờ đợi giấy lát, rồi quờ manh giẻ rách, tay nọ cầm hộp thuốc nhức đầu cảm cúm lết ra khỏi gầm xe... À, thì ra có cô bé đang ngồi kiểu vẫn minh miệt vườn hiện ra trước mặt như chờ đợi điều gì nơi tôi. Gọi là cô bé, vì theo như tôi đoán tuổi cô bé chỉ 8, hay 9 tuổi là cùng; da dẻ cô bé không được trắng lấm, mắt tròn đen như viên huyền ngọc, gương mặt rất ư là dịu hiền (có ẩn chứa đôi chút nghịch ngợm), nhất là mái tóc của cô bé dày và dài xoa xuống lưng. Tôi nhìn cô bé gật đầu, và... chờ đợi.

- Chú là... người gì thế. Với lại chú tên gì?

À há, một cô bé Việt Nam hiện diện trong địa phương rừng núi trùng điệp vây quanh chỉ có hai người Việt tỵ nạn độc thân (một già - một trẻ); chắc không thể nào có thêm gia đình Việt Nam di cư đến vùng khi ho cò gáy, tuyết nhiều nắng ít này nữa!.. Mà bấy lâu nay tôi vẫn thường tự nhủ lòng rằng: Tài bói toán của tôi vẫn linh hiển như tờ giấy nợ.... ngân hàng gọi *hỏi thăm sức khỏe* tôi hằng tháng. Nay thì tôi bị... hổ như thung lũng B.52; cho nên tôi tự ngỡ ngàng cố sắp xếp những con lô-tô đang đổ ra lung tung trong bụng cho thành trật tự như trước; nên chỉ biết ngồi im lìm, trở mắt nhìn chăm chăm cô bé.

- Chú... Chú có nghe bé Hằng hỏi gì không? Chú là người... gì thế?

Tôi giật mình (lại mỉm cười) băng quờ nhìn cô bé. Vậy là chánh gốc dân Nam Kỳ Lục Tỉnh, nên mới có được giọng nói êm ái như cung La run trên phím nhạc Tây-Ban-Cầm.

- Chú à... Chú...

Cô bé ngắt lời tôi, với tiếng reo vui như giọng hót của một loài chim qui.

- A... Bé Hằng biết rồi nè. Chú là người... Việt Nam phải hôn? Rồi cô bé thêm lần nữa tự giới thiệu. Cháu tên là Hằng, bé Xuân Hằng. Còn chú... Chú cho bé Hằng biết tên đi.

Tôi cười thật tươi, mắt vẫn nhìn cô bé đáng người đã đẹp, đã phơi ra được hết nét thanh thoát dịu dàng ngây thơ; mà mang tên lại tuyệt đẹp nữa đấy là điều dĩ nhiên. Xuân Hằng... "*Ánh Trăng Của Mùa Xuân*" - Nổi vui mừng thên thang như đôi dốc cò xanh thắm chạy dài trước mặt; vùng núi đồi của một làng nằm sâu trong tận cùng địa phận miền Nam Đức, mà đã hơn 7 năm qua tôi lặn lội, ăn mày theo lạnh lẽo tuyết băng với chu vi chỉ có 10 Honda chạy... chậm rì; mấy anh bạn người địa phương đã biết mặt biết tên, biết... ngày sanh tháng đẻ của "anh" chàng Việt Nam tỵ nạn cộng sản độc nhị vô tam ở làng núi Sam. Tôi định bụng sẽ an phận với danh từ "độc nhị" đó, ai ngờ... cô bé Xuân Hằng nở lòng nào phá vỡ hạnh phúc diễm tuyệt ấy của tôi, một cách vô cùng duyên dáng và đáng đồng tiền bát gạo. Vì thế, tôi gật gù như muốn khoe cái đầu có mái tóc ngắn ngắn, thưa thớt như lông mèo mà trong lòng lăm lăm nhẩm tính toán.

- Ủa... Chú là người... tỵ nạn.

Xuân Hằng có đôi mắt đã to tròn thế mà sau khi nghe tôi nói, đôi mắt cô bé lại mở ra lớn hơn, tròn hơn, đen hơn nhìn tôi... sùng sồ; miệng mở tròn dáng hình trái tim nho nhỏ khoe chiếc răng khểnh trắng đục, ngây thơ.

- A, bé Hằng không phải hỏi như vậy đâu. Chú tên là gì gia kia.

Tôi gật đầu, nhớ ra.

- Chú tên là... Huy.
 - Chú Huy... Bé Hằng đưa con gấu nhỏ màu trắng tinh đang ôm trong lòng ra trước mặt, vuốt ve nhẹ nhàng vài lần lên làn vải ni-ê-ai như có vẻ triu mến lắm, nói tiếp. Chú Huy làm gì mà chun dưới gầm xe hơi vậy?
 - Chú đang nắn ni... Không, chiếc xe bị trục trặc chút xíu, chú đang sửa lại.
 - Vậy hả?
 - Ủa... Bé Hằng này. Hình như cách nay khoảng 2 ngày, chú có gặp bé Hằng ngồi trước thềm nhà bên đó. Đúng vậy không?
 Tôi đưa tay chỉ sang cao ốc sơn màu trắng với những khung cửa sổ lộng kiếng màu nâu phản chiếu ánh sáng mặt trời đối diện. Nói đó, anh cụ... "độc nhất" Việt Nam cư ngụ tại làng núi Sam là Trần Tấn Quốc, anh cũng là... cụ quân nhân miền Nam "đi tản chiến thuật ra nước ngoài" vào đúng thời gian 30 tháng 04 năm 1975, và là một trong những người sang Đức định cư đợt đầu tiên năm 1976; bạn thân của tôi. Dù rằng tôi về núi Sam sau Quốc hơn một năm, nhưng hai đứa đều có mang chung một họ "độc" cho nên thời gian không lâu chúng tôi trở thành bạn thân cũng là điều chẳng phải là lạ lùng gì cho lắm. Quốc lớn hơn tôi 2 tuổi, tánh tình hòa nhã, thường thì cười rộng miệng (cười luôn cả ánh mắt) ít nói, nhưng hề nói thì rất thẳng thắn; bạn bè hay phê bình Quốc là "ruột để ngoài da"... Chuyện này tôi hơi... nghi là không đúng cho lắm, vì nếu Quốc "ruột để ngoài da" thì tôi đã biết vụ... cưới vợ (sẵn em... lỗ có thêm bé Xuân Hằng, anh cũng đành bóp bụng mà... OK luôn) trên giấy tờ từ Việt Nam sang Đức cho ấm của ấm nhà, cho vui làng vui xóm, cho có mình có ta! Ai đời nhà ở cách nhau bước qua bước lại mười bước, đi đâu cũng cặp kè có đôi; thế mà... chuyện này không có đáng gì giấu giếm đâu, sao Quốc lại nín thinh. Vậy thì đâu phải "ruột để ngoài da" với bạn thân! Đó là chuyện Quốc âm thầm làm thủ tục giấy tờ đầu cả năm nay rồi, có lẽ vì chưa biết kết quả ra sao cho nên Quốc không la "rùm beng" lên, nhất là thủ tục "đầu tiên" bên xứ Việt Nam sau năm 1975 là vậy - Tánh của Quốc cần thận như vậy, cũng cho là tốt đi. Rồi mỗi đây, bữa hôm kia gặp nhau trong siêu thị trên quận, hai thằng kéo nhau vô quán nước, Quốc mỗi nhỏ nhẹ "tâm sự loài chim biển" với tôi rằng: Bà má của Quốc tuổi thọ năm nay đâu chừng 80 ngoài gì đó, sợ rồi đây sẽ về miền Cực Lạc sớm rồi không thấy được đứa con dâu cả trong bầy con bốn đứa trai có, gái có, đều đã lập gia đình, với gần chục cháu gọi bà bằng bà nội, bà ngoại. Riêng "thằng" Quốc, con trai cả lạc loài nơi xứ lạ quê người, gần năm chục cái xuân già rồi mà chưa có người nâng khăn sửa... konto. Cho nên bà vợ

cười *Nàng* (hai người đã *thường* nhau từ khi còn ngồi ghế Trung học, trước khi Quốc "đi tản chiến thuật"), dù rằng không có mặt Quốc trong ngày lễ. Còn bé Xuân Hằng là... đứa con gái lớn của đứa em trai Quốc (cháu gọi Quốc bằng bác) - mục đích của gia đình là cho bé Xuân Hằng ra nước ngoài học được cái hay cái lạ, cái văn minh của thế kỷ 21. thì ra là như vậy sao Quốc?
 Mà sao với hôm gì giữa ban ngày ban mặt này... Bắt đầu từ bữa nay tôi cũng không thèm để ý tới nữa. Chỉ có một điều tôi thấy vui vui, và tuyệt vời nhất là có mặt bé Xuân Hằng trên cái mảnh đất lạnh nhiều hơn ấm này là tôi thấy đầy cứng niềm hân hoan sung sướng ở xung quanh lắm rồi, phải không Quốc, đúng không Bích Thủy (tên *nàng* của Quốc) và bà con láng giềng địa phương?
 - Dạ, cháu ở bên nhà đó với ba má Tư của cháu. Mà, chú cười cái gì vậy, chú Huy?
 Tôi giật mình trở về thực tại, khi nghe tiếng hỏi của bé Xuân Hằng.
 - Ủ ừ... Chú định hỏi bé Hằng hôm rày ở đây thấy có vui hơn bên... nhà (minh) không vậy? Tôi chưa biết chính xác về hoàn cảnh gia đình bé Xuân Hằng. Chỉ được Quốc kể sơ qua ý định của hai bên nội ngoại, với ba má bé Xuân Hằng hy sinh nướm ruột, tình thương yêu cho con cháu đi ra nước ngoài học hỏi. Hầu 15, 20 năm sau này dòng họ được nở mặt, nở mày cùng bà con có bác lối xóm láng giềng có đứa con, đứa cháu làm nên rõ ràng danh phận dòng họ. Chở ịch kỷ giữ chặt trong vòng tay sớm hôm ngó thấy, cóm rau dưa muối hai bữa đói no bất thường; tám, chín tuổi phải đội khoai, bán chuối phụ giúp gia đình, chỗ nhà nghèo thì đâu có tiền đóng học phí 2, 3 trăm ngàn một tháng? Không phải chỉ một tháng, mà kéo dài từ tháng này qua tháng khác, từ năm này sang tới 10, 15 năm sau; cho đến hết cả cuộc đời! Thôi thì... Coi vậy mà thời gian qua mau lắm. Và lại, một mai Quốc - Thủy làm lung, gom góp có được chút tiền dư, sẽ mời ba má ruột bé Xuân Hằng sang Đức thăm lại con vài tháng, đó là điều đầu đã khó khăn gì.
 - Ở đây buồn hiu hà... Bé Hằng không vui chút xíu xiu nào hết chú Huy ơi!
 - Sao vậy?
 - Cháu nhớ ba má, nhớ ông bà ngoại, ông bà nội, nhớ Ki-Ki, nhớ bé Xuân Quỳnh... em cháu với thằng Hiếu... cời trâu!
 - Ủa... Nhà ba má cháu có nuôi... chó nữa à?
 - Không, ba má cháu có nuôi một con mèo thôi. Nhưng con mèo đó cũng đã cho đi Ba rồi.
 Tôi ngạc nhiên:
 - Khi này cháu nói nhỏ... Ki-Ki nữa mà? Bé Xuân Hằng cười khúc khích.

- Tên là Tường Vi đó chú Huy ơi... Nó là con của dì Tư cháu. Hồi còn bên nhà, hai đứa cháu học cùng trường, và thích chơi chung nhau lắm. Ông dựng của bé Hằng củ gặp nó là gọi đứa luôn miệng... Ki-Ki... Ki-Ki. Cho nên qua đây cháu cũng nhớ Ki-Ki.
 Tôi lại hỏi thêm:
 - Còn ai là thằng Hiếu... cời trâu? Mà tại sao nó lại... cời trâu?
 - Tên của nó là Trung Hiếu, con của dì dựng Út cháu; hồi bữa Tết năm ngoài dì dựng Út dẫn nó lên chợ Bến Cát chơi, cho nó chụp hình cời lên lưng con trâu già. Gặp ai nó cũng khoe tấm hình cời trâu ra, vậy nên cháu với Ki-Ki đặt nó là Hiếu... cời trâu luôn. Bé Hằng hỏi lại tôi. Mà tên Ki-Ki (Tường Vi) cũng đẹp như tên cháu vậy hả chú Huy?
 Tôi gật đầu, nhìn vào mắt bé Xuân Hằng để bắt gặp ngay đôi vì tinh tú sáng rực về ngáy thớ của lứa tuổi thiên thần; rồi thắm mỉm cười cho ông dựng nào đó của bé Xuân Hằng có đầu óc thật trào phúng.
 - Ủa, chú nghĩ như vậy?
 - Ba Tư với má Tư cháu (bé Hằng gọi Quốc-Thủy) nói cuối tuần này sẽ cho cháu gọi điện thoại về nhà thăm sức khỏe ông bà ngoại, ba má, với em Xuân Quỳnh của cháu. Sao cháu thấy thiệt là lâu vậy đó chú Huy ơi. Cháu ngủ hai, ba đêm rồi mà chưa tới cuối tuần! Sao vậy, hả chú Huy?
 Tôi lên tiếng nhẹ nhàng giải thích, và cũng để cho giảm bớt phần nào sự bồn chồn nôn nóng trong lòng bé Xuân Hằng:
 - Bữa nay là thứ Năm rồi, vậy thì bé Hằng ngủ thêm có hai đêm nữa thôi, sẽ tới ngày cuối tuần liền một khi. Nè nhé... Tôi xòe bàn tay dính đầy dầu mỡ trong khi sửa xe chưa kịp lau sạch sẽ ra trước mặt bé Xuân Hằng, và co lại ba ngón. Đêm nay bé Hằng ngủ, mai bé Hằng ngủ... Rồi ngày mốt là thứ Bảy, Chủ nhật ba... Tư má Tư cho bé Hằng nói chuyện bằng điện thoại với ba má, ông bà ngoại, bé Xuân Quỳnh và thằng Hiếu... cời trâu.
 Bé Hằng tuổi ngay gương mặt, ánh mắt và môi nở nụ cười:
 - Vậy hả chú Huy? Ngày mốt ba Tư với má Tư cháu cho cháu nói điện thoại hả chú Huy?
 Tôi mạnh dạn gật đầu:
 - Ủa, chú Huy tin chắc một trăm là một phần trăm đúng như vậy, đó bé Xuân Hằng.
 - Ô... Cháu thích quá. Cháu chào chú Huy cháu về...
 (* Riêng tặng: "*Ánh Trăng Mùa Xuân*")



SỐ TÁO QUÂN

Cúng dường Đạo Pháp

Nhìn ra hải ngoại
Phật giáo Việt Nam

Những việc đã làm

Từ Âu sang Mỹ

Thấy rất hoan hỷ

Lo việc tu hành

Học hỏi giáo lý

Năm nay Thụy sĩ

Lo việc tổ chức

Phật Pháp Âu Châu

Cũng như từ lâu

Sinh hoạt Giáo Hội

Khoá học vừa rồi

Có hơn năm trăm

Học viên tham dự

Chương trình đầy đủ

Như mọi năm qua

Lớn bé trẻ già

Đều cùng học Phật

Từ khoá thứ nhất

Cho đến năm nay

Hạ thần vừa hay

Đã tròn mười khoá

Chương trình cũng đã

Dự trữ sang năm

Sẽ chuyển Đạo tràng

Sang xứ mù sương

Giáo hội địa phương

Đảm đương cho kịp

Trong cùng nhân dịp

Dự lễ khánh thành

Xây dựng thật nhanh

Ngôi chùa Khuông Việt

Cũng không phân biệt

Phật tử Âu Châu

Để dành Urlaub (1)

Đợi đến năm sau

Cùng nhau tham dự

Còn thêm việc nữa
Chi Bộ Đức Quốc

Ngôi Chùa hoàn tất

Là Viên Giác Tự

Tại Hanover

Đang chọn làm nơi

An cư kiết hạ

Quý Thầy gồm cả

Giáo Hội Âu Châu

Để được cùng nhau

Đổi trao kiến thức

Trau dồi đạo đức

Hành Pháp bố thí

Sống trong Lục hoà

Theo gương Phật Đà

Chánh đẳng chánh giác

● Đan Hà

Muôn tâu Ngọc Hoàng
Thần đến muôn màng

Tại vì năm nhuận

Thời tiết không thuận

Như những năm qua

Tuyết đổ mưa sa

Thật là quá chán

Nhưng Thần phải răn

Sở táo chu toàn

Mới dám hiện ngang

Thiên đình dự kiến

Sau nữa kể chuyện

Ở dưới dương gian

Trải qua một năm

Mậu Dần chín tám

Thấy rất ngao ngán

Thế thái nhân tình

Thật quá điêu linh

Thiên tai chiến tranh

Giao thông tai nạn

Nhưng trong ly tán

Cũng có tin mừng

Cộng sống với khổ

Còn chỗ đáng tin

Cho cuộc hành trình

Đi tìm hy vọng ...

Tướng tiên làn sóng
Dân chủ nhân quyền

Cũng vẫn ưu tiên

Luân phiên tranh đấu

Thần xin trình tấu

Những tấm lòng vàng

đã được tiếng vang

Năm châu bốn biển

Tấm lòng tử thiện

Phát tâm đại tử

Các Ngài mới vừa
Cứu nguy Phật giáo
Việc đời việc đạo
Cảm kích vô song
Hạ thần kính mong
Ngọc Hoàng ban thưởng
Cho bốn kiện tướng
Đoạt giải Nobel
Hoà bình thế giới
Đồng thanh ký gởi
Yêu sách Hà Nội
Phải trả tự do
Cho hàng giáo phẩm
Phật Giáo Việt Nam
Đã bị bắt giam
Không cần bản án

Tướng lễ Phật Đản
Các vị ân nhân
Đã rất ân cần
Quan tâm Phật giáo
Chỉ làm việc đạo
Cứu vớt tha nhân
Phát Bồ Đề tâm
Cứu nguy thiên tai
Thế mà công khai
Bắt giam vào ngục
Đến nay nhà nước
Cộng sản Việt Nam
Thấy việc đã làm
Hoàn toàn bất lợi
Cho việc đầu tư
Kinh tế tuột dù
Nên đành nhượng bộ
Cùng sự hỗ trợ
Của các cơ quan
Nhân quyền thế giới
Cho nên phải đợi
Sau lễ Vu Lan
Tin mừng mới đến
Quý Thầy được chuyển
Từ trại tập trung

Về cùng giáo hội
Nhưng tin rất mới
Sức khoẻ quý Thầy
Sút kém thắm thay
Nên phải tự tay
Thuốc thang tịnh dưỡng
Và tuy được hưởng
Chế độ khoan hồng
Nhưng vẫn đang còn
Trong vòng quản chế
Chưa sao có thể
Giao tiếp tự do
Vi họ không cho
Liên hệ rộng rãi
Phật tử hải ngoại
Cũng như trong nước
Nhiều người chưa được
Trả quyền công dân
Nhiều Thầy vẫn còn
Trong vòng lao lý
Nên đây cũng chỉ
Mới việc tạm thời
Chưa phải đến nơi
Con đường dân chủ
Cho nên Phật tử
Hải ngoại phải nên
Quyết chí vững bền
Cùng nhau tranh đấu
Vận động năm châu
Ứng hộ dài lâu
Giải trừ Pháp nạn
Vi quân cộng sản
Đâu phải buông tha
Đây cũng chẳng qua
Nổi lòng giai đoạn
Vừa qua hoạn nạn
Chưa được phục hồi
Sức khoẻ rất tồi
Thật là thảm hại
Phật tử hải ngoại
Cần phải tiếp tay
Cứu nguy quý Ngài

Trên cầu thành Phật
Dưới độ chúng sinh
Tinh tấn tu hành
Trọn thành Phật Đạo

T hượng tọa Chi Bộ
Dự trù năm nay
Dựng thêm cơ sở
Tại miền trung Đức
Một nhà dưỡng lão
Bức thư thông báo
Đã được chuyển tay
Mấy tháng trước đây
Mọi người đều biết
Chi Bộ tha thiết
Đến việc tâm linh
Tạo dựng an sinh
Cho hàng Phật tử
Mai sau có chỗ
Nường nấu thân già
Giữa chốn ta bà
Chuyên cần học Đạo
Chương trình thông báo
"Một Mái Nhà Chung"
Phật tử vô cùng
Đem lòng tán thán

N húng năm chín tám
Quá nhiều thiên tai
Khắp toàn thế giới
Trước nhất lụt lội
Từ Đông sang Tây
Từ Nam xuống Bắc
Nước dâng cùng khắp
Không chùa một nơi
Từ bên Trung Hoa
Lan qua Trung Mỹ
Tổn thất bạc tỷ
Nhân mạng tính kỹ
Cũng hơn triệu người
Dùng màn cửa trời
Lấy đất làm chiếu
Dân lành phải chịu
Đói rách làm than
Ngược lại Việt Nam
Năm nay hạn hán
Khô cạn nước sông
Các tỉnh miền Trung
Thừa Thiên, Quảng Trị
Toàn dân đều bị
Thiếu nước trầm kha
Ruộng vườn héo khô
Lúa ngô cháy xém
Nên nạn đói kém
Hảm dọa tràn lan
Kính xin Ngọc Hoàng
Mở lượng hải hà

Cửu nguy hạ giới
Không cần phải đợi
Nám mới năm me
Hạ thần đã nghe
Dân quê than oán
Ngọc Hoàng cố gắng
Điều động Thiên binh
Cửu giúp dân lành
Mưa hòa gió thuận

C òn việc gay cần
Nước kém mở mang
Chiến tranh lan tràn
Afganistan
Iran - Irak
Đến Kosovo
Nam Dương tung hô
Sinh viên báo động
Lật đổ chính quyền
Độc tài Sukarto
Việt Nam hoan hô
Phong trào dân chủ
Nghệ Tĩnh Quảng Bình
Tràn vào Thanh Hóa
Đòi hỏi nhân quyền
Tự do tôn giáo
Dân đủ cơm áo
Chính quyền sửa sai
Không còn độc tài
Như những năm xưa
Chúng đang thi đua
Cùng nhau chém giết
Họ đâu có biết
Thế giới hiện đang
Trên đường mở mang
Tự do dân chủ
Chỉ còn một lũ
Đầu óc đen sì
Vẫn mãi ngu si
Tôn sùng cộng sản
Trung Cộng Việt Nam
Bắc Hàn Cu Ba
Đều chỉ ba hoa
Xã hội tân tiến
Nhưng dân nguy biến
Không đủ cơm ăn
Thì biết màn rảng
Dân giàu nước mạnh
Trâu bò cày đánh
Ruồi muỗi chết oan
Chờ đến ngày tàn
Chắc dân tiêu tán

C ũng như cái nạn
Văn minh càng cao
Thì lại tự hào
Thì đua tột bực

Không sợ trở lực
Thời tiết thiên nhiên
Nên củ ngang nhiên
Phẳng phẳng xa lộ
Không giảm tốc độ
Giữ mức an toàn
Tai nạn lưu thông
Thấy rất nguy hiểm
Máy bay trên không
Đám đầu xuống biển
Người chết bị thương
Xe tàu dưới đường
Lao mình vô núi
Hành khách chơi với
Trong chiếc ICE
Chạy leo lên lè
Ba toa gãy vụn
Tại tỉnh Celle
Miền bắc Đức quốc

N ăm nay Nước Đức
Có Thủ Tướng mới
Là Ông Schröder
Đảng S P D
Liên hiệp đảng Xanh
Cùng nhau hợp hành
Thành lập chánh phủ
Cải tiến việc cũ
Cho hợp thời trang
Hy vọng sang năm
Nhiều màn đối mới
Tuy nhiên phải đợi
Phản ứng toàn dân
Nên việc canh tân
Còn trong dè dặt
Chứa dăm áp đặt
Như việc giảm quân
Nhập tịch dễ dãi
Kính tế còn phải
Đợi đến sang năm
Cái Job sáu trăm
Rente sáu chục (2)
Trước đây sáu lăm
Cũng như việc làm
Phân chia công bằng
Rút ngắn thời gian
Tặng Kindergeld (3)
Để cho dân lành
An vui hạnh phúc

T hần xin kính chúc
Toàn thể Thiên Đình
Vừa được chứng minh
Thân tâm an lạc
Vì Chùa Viên Giác
Lụt lội năm nay
Cũng đã tràn ngay

Keller (4) ngập nước
Gạo nếp ẩm ướt
Bánh trái phát hành
Đều bị thối sinh
Không còn một cái
Hệ thống hư hại
Điện nước lò ga
Đèn đóm hương hoa
Cũng đều hỏng hết
Gần ba ngày Tết
Tốn kém công lao
Vi bị hư hao
Phải làm thủ khác
Nên Thần xin cáo
Bái biệt Ngọc Hoàng
Hẹn đến sang năm
Thần lên bái kiến
Sẽ kể nhiều chuyện
Hy vọng tốt lành
Kính mong Thiên Đình
Đoái thương hạ giới
Để đến năm tới
Nhân loại hoà bình
Không còn chiến tranh
Thiên tai bão lụt
Mọi người đều biết
Thương yêu lẫn nhau
Không còn khổ đau
Chẳng gây thù hận
Sống đời phấn chấn
Lo việc tu hành
Tự giác giác tha
Giác hạnh viên mãn

T hôi Thần không dám
Trình tấu đông dãi
Vi thấy quý Ngài
Còn lo nhiều việc
Thần xin bái biệt
Kính chúc Ngọc Hoàng
Toàn thể Thiên Đình
Vạn Tuế... Vạn... Vạn tuế.

Ghi Chú :

- (1) Urlaub : Nghỉ hè
- (2) Rente : Hữu trí
- (3) Kindergeld: Tiền trợ cấp con
- (4) Keller : Tầng hầm





● Phan Hùng Nhon

Hoa Xuân đất Việt

thời tàn mà còn nêu nhắc lại lễ tuần hoàn của tạo vật thiên nhiên vào mỗi độ Xuân về: **Hoa đào nở, Tết Tết đã đến.**

*... Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ,
Hồn ở đâu bây giờ ?*

Đào với tên khoa học là *Prunus Persica*, thuộc họ *Rosaceae* thường được thấy nhiều nhất ở các vùng Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang hoặc ở các vườn chuyên trồng đào ở lân cận Hà Nội, như vườn đào nổi tiếng Nhật Tân chẳng hạn.

Hoa đào có màu sắc tùy theo loại. Đào Bích có hoa màu đỏ thắm, nhiều cánh xếp khít nhau. Lá có màu lục đậm, nhiều cành, nhiều hoa. Đào Phai có hoa màu hồng, lá có màu xanh nhạt, cành lại có nhiều hoa. Đào Bạch hoa màu trắng nhưng lại thủa hoa.

Người Việt Nam ở miền Bắc chọn đào rất cẩn thận cốt sao cho cành đào và hoa đúng vào dịp Tết. Trên cành phải có nhiều nụ và hoa rực rỡ đỏ tươi thắm, vì họ nghĩ rằng như thế mới có thể mang đến cho họ nhiều may mắn vui tươi và hạnh phúc trong suốt năm mới.

Hoa đào thường được đưa vào thi ca. Thi sĩ Vũ Đình Liên từng mượn dịp "*mỗi năm hoa đào nở*" để diễn tả về một con người thuộc một lớp người đang tàn phai, vẫn cố gắng sống nốt phần tàn phai của họ ở một buổi giao thời:

*Mỗi năm hoa đào nở,
Lại thấy ông đồ già,
Bày mực tàu giấy đỏ,
Bên phố đông người qua...*

Trong thi văn của Nguyễn Trãi cũng có nhiều đoạn thơ ca về hoa đào:

*Một đóa hoa đào khéo tốt tươi,
Tưởng xuân môn môn thấy xuân cười.
Đông phong ắt có tình hay nữa,
Kiến tiến mùi hương để động người.*

Truyện tích xưa từng kể lại cảnh Thôi Hộ trở lại nơi năm trước từng hội ngộ với người đẹp bên gốc đào, nhưng nay thì cửa đóng then cài, đành lưu lại bài thơ:

*Khử niên kim nhật thủ môn trung,
Nhôn diện đào hoa tưởng ánh hồng,
Nhôn diện bất tri hà xứ khứ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.*

(Năm xưa cửa ấy ra vào,
Một người cùng ánh hoa đào xanh tươi,
Mà nay đâu thấy bóng người,
Hoa đào như cũ vẫn cười gió đông).

Với những lời thơ trên đây, Thôi Hộ chỉ muốn làm một cuộc so sánh giữa cảnh hiện thời lúc đó với cảnh năm trước: "*Hoa đào vẫn cười trong gió đông Như Cũ*". Khác với Thôi Hộ, thi sĩ Nguyễn Du đã đem hai từ mới "Năm Ngoài" và "Còn" vào trong câu thơ của ông: "*Hoa đào năm ngoài còn cười gió đông*". Ai cũng rõ làm gì có hoa đào tồn tại quá một năm và hoa đào mà Nguyễn Du nhắc đến là hoa đào năm này. Nhưng trong câu thơ này Nguyễn Du đã cố ý quên cả thời gian, thay đổi cả sự thực để diễn tả Kim Trọng vì quá nhớ Thúy Kiều, nên đối với Kim Trọng hoa đào này vẫn là hoa đào năm ngoài từng chứng kiến những giây phút yêu đương của đôi tình nhân. Thế mà hoa đào còn cười gió đông như thế nhưng mà người mà mình yêu đâu đâu rồi?

Mỗi năm Xuân trở lại, hoa đào đúng hẹn lại rạng rỡ nở hoa, nếu thường có đem hân hoan lại cho nhiều người thì đôi khi cũng dễ buồn lại cho lắm kẻ. Thi sĩ J. Leiba cũng từng thông cảm với những người bị sai lời nguyện ước:

*Chàng hẹn mười năm chàng trở lại,
Hoa đào nở rụng đã bao năm?
Gió đông nhạt cánh đào tan tác,
Lòng tiếp như hoa nở mấy lần.*

Sử liệu cũng có nhắc rằng vào mùa Xuân năm Kỷ Dậu, Hoàng Đế Quang Trung, vị anh hùng đầy phong thái, sau khi đánh tan quân Thanh xâm lược và tiến được vào Thăng Long, liền sai một cận vệ mang một cành đào tươi thắm vào Phú Xuân cho Hoàng Hậu Ngọc Hân để báo tin chiến thắng.

Nhưng trong các loại hoa nở vào độ Xuân về, Hoa Mai xứng đáng là biểu tượng của hoa xuân nhất. Tuy thưa thớt mà vẫn có ở miền Bắc nhưng rất nhiều ở miền Nam và đặc biệt ở miền Trung nơi mà những nhánh hoa mai vàng là biểu tượng của cảnh Tết. Nhà nhà đều có hoặc trên bàn thờ Tổ Tiên hoặc ở phòng khách một cành mai vàng. Khá giả thì có những cành to lớn, thanh bần cũng cố gắng có một cành nhỏ sơ sài. Ngày Tết trong nhà có thể thiếu một thứ này hay thứ nọ nhưng không thể thiếu một nhánh mai vàng. Thiếu hoa mai trong nhà, gần như thiếu hẳn hương vị ngày Xuân.

Ở Việt Nam ngoài loại mai vàng (hoàng mai) còn có mai trắng (bạch mai). Tuy cùng mang tên mai, nhưng lại khác nhau về thảo tộc tính. Tên khoa học của mai trắng là *Ochrocarpus Siamensis Odo ratis simus* thuộc họ *Guttiferes*. Ở miền Nam Việt Nam, mai trắng chỉ được thấy:

Tại Việt Nam mỗi khi tiết xuân đến thì tại các chợ hoa khắp nước đều tràn ngập nhiều loại hoa với nhiều màu sắc rực rỡ. Từ hoa hải đường, hoa đỗ quyên, hoa thủy tiên, hoa bát tiên cho đến các loại hoa cẩm chướng, cúc, vạn thọ... Hoa tuy có nhiều thứ, nhiều loại như thế nhưng biểu tượng cho ngày Tết ở miền Bắc Việt Nam là những cành đào tươi thắm, còn ở miền Nam và đặc biệt ở miền Trung là những cành hoa mai vàng.

Tuy vậy trong khung cảnh vui tươi ngày Tết cũng không quên được một loài hoa trang nhã, đài các mà người chơi hoa phải có biệt tài và lắm công phu để làm cho hoa nở đúng vào ngày xuân: đó là Hoa Lan, từng được các cụ ngày xưa gọi là Vương Giả Chi Hoa. Người Việt thường xem hoa lan là tượng trưng cho sự trong trắng, cho sự vui mừng hay niềm hạnh phúc mà vào dịp đầu năm mọi người đều mong ước. Ngày xưa các cụ thường dựa theo màu sắc và hình thể của hoa mà đặt những tên rất dễ thương như tiền hải, long tu, trúc tim, thanh ngà, tổ tâm, bạch hạc, kim điệp v.v... Ví như Lan Tố Tâm có cánh hoa trắng và môi đỏ chót, Lan Long Tu với cánh trắng phớt tím điểm môi vàng, Lan Kim Điệp với cánh hoa bên ngoài màu vàng nhưng sẫm hơn ở giữa trông gần giống như hình con bướm vàng. Đặc biệt là những loại Phong Lan mà những tên gọi được đặt theo hình dáng hoa như phong lan bướm, phong lan thiên nga, phong lan vũ nữ v.v... và có đủ màu từ trang nhã đến rực rỡ.

Nếu được tận mắt chiêm ngưỡng vẻ đẹp của các loại phong lan, bất cứ ai cũng đều công nhận phong lan quả thật là một loài hoa đặc biệt quý báu trong rừng hoa thiên nhiên, cho nên vào mỗi độ xuân về không gì quý bằng có được một chậu Vương Giả Chi Hoa ở trong nhà để thỏa thích chiêm ngưỡng.

Ở miền Bắc Việt Nam, Hoa Đào là biểu tượng của mùa Xuân. Bài thơ kiệt tác của thi sĩ Vũ Đình Liên đầu chỉ đã đan dệt được chân dung sống động và sắc nét về cái di tích tiêu tụy đáng thương của một

- ở núi Vân Sơn tức núi Bà Đen ở Tây Ninh.
- tại Thất Mai Châu ở Chợ Lớn
- và thưa thớt ở vùng núi Phan Thiết.

Lá mai trắng tròn láng và xanh đậm. Mai trắng có bông ở thân cây, nách cây hoặc ở những ụ nâng. Hoa mai trắng thường chỉ lớn cỡ nút áo nhưng rất thơm.

Mai Vàng mang tên khoa học là *Ochna Intergerrima* hoặc *Ochna Harmand*. Cây mai vàng cao trung bình từ 3 đến 4 thước, có thể sống rất lâu. Mai vàng thuộc họ *Ochnacees*, thuộc giống *Song Tử diệp*. Hoa mai vàng có 5 cánh được gọi là mai đôn, loại có 10 cánh được gọi là mai kép. Đài hoa có từ 5 đến 8 tai. Mai kép dù có 10 cánh cũng chỉ có 5 tai mà thôi vì trong số 10 cánh có 5 cánh tép hay xen kẽ. Hoa mai vàng nở từng chùm và thường đâm bông ở cuối cành và ở ngọn, có hoa cái và hoa đực cùng chung một hoa.

Ở miền Bắc Việt Nam còn có một loại mai thường được gọi là Mai Bắc có tên khoa học là *Prunus Armeniaca* thuộc họ *Rosacées*. Hoa Mai Bắc thường trắng muốt hoặc đôi khi có màu hồng nhạt. Sở dĩ được gọi là Mai Bắc vì loại mai này rất giống với các loại mai ở các vùng Mai Hoa Lĩnh thuộc tỉnh Giang Đô, Thượng Mai Sơn và Hạ Mai Sơn ở tỉnh Hồ Nam ở Trung Hoa.

Ở Việt Nam, hằng năm mai thường chỉ nở hoa từ tháng Chạp âm lịch đến hết tháng Giêng nên được xem là biểu tượng của ngày Tết. Ở Trung Hoa có nhiều vùng thời tiết khác nhau theo vĩ độ nên có nơi mai nở vào mùa Xuân, có nơi nở về mùa Hạ hay vào những mùa khác nên ở Trung Hoa mai không được xem là tiêu biểu cho ngày Xuân như hoa mai vàng ở Việt Nam. Vì thế trong thi ca Trung Hoa có kể chuyện nhân dịp Xuân về thì Lục Khai tử Giang Nam gởi một cành mai lên tặng Phạm Ngạc ở Trường An nơi mai chưa nở.

*Chiếc mai phùng dịch sứ,
Ký dữ lũng đầu nhân,
Giang Nam vô số hữu,
Liêu tang nhất chi xuân.*

dịch:

*Bè mai, gập sứ trạm,
Gởi cho người bạn thân,
Giang Nam không vật lạ,
Kính tặng một cành xuân.*

Lúc cùng Sứ Lang Trung ngồi uống rượu trên lầu Hoàng Hạc, thi sĩ Lý Bạch nghe đầu đó có tiếng dịch dạo bài *Mai Hoa Lạc* liền nghĩ ngay tới xứ Giang Hoài, nơi có ngọn gió tin phong làm rụng hoa mai vào tháng năm:

*Hoàng Hạc Lâu trung xuy ngọc dịch,
Giang Thành ngũ nguyệt lạc mai hoa.*

dịch:

*Tiếng sáo thổi trong lầu Hoàng Hạc
Tháng năm mai rụng chốn Giang Thành.*

Ở Việt Nam, mai đặc biệt chỉ nở vào đầu Xuân, ngày vui của dân tộc nên ai ai cũng muốn có được một cành mai đẹp để trang trí trong nhà, vì hoa mai được xem như là Phúc Hào Chi Hoa, tượng trưng cho sự phong phú, phúc lộc cùng nghĩa khí:

Quốc sắc thiên hương nãi mẩu đôn chi phú quý,

Bãng cổ ngọc cốt nãi mai ngọc chi thanh kỳ.

Mai không chỉ có sắc mà còn có hương. Hương mai không ngát mà lại thoang thoang dịu dàng nên mai không chỉ được mọi người hoặc các thi nhân yêu chuộng mà ngay các danh sĩ cũng một lòng mến mai. Nào danh sĩ Lâm Pha yêu hoa mai đến quên tình hưởng lửa, nào họa sĩ Vương Diên suốt đời chỉ vẽ độc một loài hoa mai. Nguyễn Trãi cũng thú nhận:

*Càng thuở già, càng cốt cách,
Một phen giá, một tinh thần.*

Nguyễn Du, vua Lê Thánh Tông hoặc Mãn Giác thiền sư đời Lý cũng không khỏi ca ngợi hoa mai trong thi văn của họ. Thậm chí như Cao Bá Quát con người suốt đời *đọc ngang nào biết trên đầu có ai* thế mà trước hoa mai ông cũng:

Nhất sinh đệ thủ bái mai hoa.

Ngày Tết có gì thú vị cho bằng được ngồi giữa cảnh "câu đối đỏ, bánh chưng xanh", vừa ngắm một nhánh mai vàng tươi đẹp cắm trong một bình men xanh biếc.

Hoa mai cũng là biểu hiệu của mọi ăn tình tuổi trẻ trong dịp Xuân về:

*Bắc thang lên hái mai vàng,
Vị ai mà thiếp biết chàng tử đây?*

Có ai không thấy lòng mình xúc động khi nghe ai đấy thổ lộ:

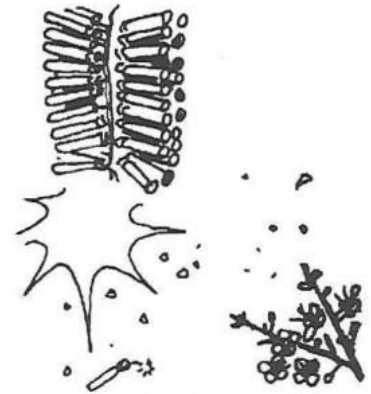
Hoa mai rụng cánh đầy đình,
Bao nhiêu cánh rụng thương mình bấy nhiêu!

Những rồi cũng như mọi tạo vật trên cõi đời tạm bợ này, hoa mai cũng phải tuân theo định luật của Tạo Hóa cho nên *Mai nở, mai tàn, mai lại rụng...*

để rồi sau những ngày Hạ ấm, Thu mát Đông lạnh, để rồi theo luật tuần hoàn của Hóa Công, mùa Xuân lại trở lại trên quê hương thì hoa mai lại rụng rỏ nở hoa:

*Xuân về tin báo cùng non nước,
Chiếm trước trăm hoa trở nhụy vàng...*

Ngày Xuân nhớ quê



*Mỗi độ xuân về nhớ cố hương,
Nhớ về Đất Đỏ chốn thân thương.
Đường quê uốn khúc ven ruộng lúa,
Đưa lối chúng tôi đến tổ đường.*

*Nhớ thương chị Bảy tánh hiền hòa,
Nhớ cội mai vàng, Tết đơm hoa,
Nhớ nêu ngất nghều, khua trong gió,
Nhớ phiên chợ Tết ở quê nhà.*

*Dây trầu quấn quít nọc chùm ngày,
Xoài, mít, thanh trà chen đó đây...
Cây điều trước ngõ tồn teng trái,
Giàn mướp hoa vàng theo gió lay.*

*Hàng mận bên hè trĩu trái xanh,
Đàn gà chửi chít bới gốc chanh.
Vườn tiêu bụi chuối quanh bờ giếng,
Lú lo chim hót, rộn trên cành.*

*Giồng khoai xanh mướt, lúa gặt xong,
Dưa leo, mướp đắng, trái lòng thông.
Sóc, nhen chuyền nhẩy trên cành bưởi,
Hàng me rợp bóng... chiều mênh mông...*

*Lưu luyến bao tình chốn quê xưa!
Trời nổi cuộc đời theo gió mưa..
Ước mơ về viếng thăm mồ má,
Quyến thuộc xa gần vẫn như xưa ?*

● Thanh Bình



Chén trà ngày Xuân

● Phạm Thăng

(Thân tặng các cụ già, các bạn Phật tử sống xa quê hương, lại ghiền trà)

Bốn năm thế kỷ trước, tổ tiên tôi đã được nhiều quốc gia phương Tây, Châu Mỹ cũng như Châu Âu hân hoan đón nhận cùng với nhiều cây hương liệu khác của các xứ nhiệt đới khi bọn người thám hiểm của đám thực dân phương Tây, mang danh đi tìm đất lạ, để xâm chiếm đất đai của cải, cướp lấy chúng tôi mang về.

Mặc dầu mang hương vị nồng cay, đắng chát nhưng các cây hương liệu nói trên như quế, hồ tiêu, ớt... cũng như họ hàng nhà trà chúng tôi, không làm cho dân tộc trọng lễ nghĩa ở phương Đông thêm nóng tánh mà chúng tôi chỉ giúp cho cơ thể họ thêm sức ấm, dễ tiêu hóa và đa số dân phương Đông sống bằng nội tâm và tinh thần. Họ chỉ cần biết nhiều hiểu rộng theo sách vở thánh hiền từ ngàn xưa để lại. Họ thờ Trời, Phật, trọng Khổng, Lão. Họ sống đời nhàn hạ với chúng tôi bên non cao sông rộng giữa thiên nhiên... vậy mà họ phải đau đớn chứng kiến những người mang danh nghĩa cao đẹp kia, cướp chúng tôi, mang đến phương trời xa lạnh lẽo.

Bị xa quê hương, chúng tôi cũng đau buồn không kém nhưng rồi theo truyền thống giúp người đời, chúng tôi lại đem hương vị của họ hàng mình giúp cho dân tộc xa lạ kia sức sống dương cương. Chắc có bạn thắc mắc: tôi là ai mà nói lớn lối vậy?

- Dạ, tôi chỉ là cây trà, một loại thảo mộc thân nhỏ, gầy guộc, lá xanh tươi của vùng nhiệt đới.

Thoạt kỳ thủy, chúng tôi nguyên là thổ sản của vùng Hoa Nam, đã được các vị Đại gia, các vị Thiền sư biết đến từ những thời đại xa xưa và tán dương ca tụng chúng tôi có hiệu năng làm cho con người hết mệt nhọc, tinh thần sáng khoái, ý chí tăng cường và thị lực hồi phục. Vì thế các Thiền sư thường dùng trà để cho tinh thần sáng suốt khi ngồi thiền.

Gia đình tôi có thêm tên khoa học khi bọn người phương Tây đem chúng tôi về phân loại và đặt tên tây u gì đó dài thượt mà tôi mong các bạn hãy tạm quên đi để chỉ nghe tiếng nói của lòng tôi, một tiếng nói nhỏ như hơi sương, hơi thở dài...

Họ hàng chúng tôi không quá tự hào nhưng rất hạnh diện vì có một loại cây nào mà từ hàng Vua Chúa vương giả đến người nông dân quê mùa, đều ưa chuộng để dùng từ sáng tối khuya, trong mọi hoàn cảnh: để chúng tôi vào chung nhỏ, dâng lên thờ Phật tôn kính trong ngôi cổ tự, hoặc nghiêm trang đãi khách quý trong phòng ốc sang trọng, hay uống cho đỡ khát giữa đồng ruộng nắng cháy?

Họ hàng nhà trà chúng tôi được người đời cầu kỳ trình bày hình thức bọc bên ngoài bằng các loại hộp thiếc, lon nhôm in hình màu xanh dò mang tên rất kêu như Thiết Quan Âm, Kỳ Chửông, hoặc những hộp giấy cứng có vẽ hình cô thiếu nữ yếu điệu của xứ Trung Quốc, hay bình dân hơn thì có những gói bằng giấy nhứt báo in hình con cua xanh, hai càng tám ngoe cứng đờ, có gói in hình bông sen màu đỏ... Nhiều lắm, nhiều hình thức trình bày, nhiều danh hiệu rất kêu tùy theo mỗi quốc gia sản xuất, nhiều loại được pha chế chung với chúng tôi như nhân sâm Cao Ly để họ trà có thêm đứa con lai là Trà Sâm. Đây là loại trà cao giá, giúp các cụ già vì sức khỏe chỗ không giúp thêm tinh thần sáng khoái như anh em nhà quê nguyên chất của chúng tôi hàng ngày quán quít bên ông bà già chất phác.

Xin theo chân chúng tôi, trước tiên ta về miệt ruộng vườn quê mùa.

Trời còn mờ mờ chưa sáng hẳn. Sương đêm đọng ướt trên tàu lá, hơi lạnh từ đất xông lên ẩm ướt, các cụ già đã lợ mọ ngồi bên bếp lửa nấu ấm nước sôi bằng rơm rạ hay bằng tàu lá cau, lá dừa.

Từ đầu làng có tiếng gà đua nhau gáy ó... ó... Vài tiếng chó sủa râm ran. Có tiếng người nói thoang thoảng ngoài bờ tre. Ông nói với bà:

- Tiếng ai như thằng Tư Hiếu với Tám Thọ. Tụi nó ra đồng sớm quá hà? Hối rày lúa đã trở đồng đồng rồi, đâu cần thêm phân, thêm nước gì cả...

Bà ngồi trên bộ ngựa vừa già trầu bằng ống ngoáy, trà lời:

- ... ờ... chắc tụi nó ra vét đường nước cho ruộng mau khô. Tụi nó siêng năng nên mùa nào cũng trúng...

Hai ông bà trao đổi với nhau những mẩu chuyện lật vặt về mùa màng, về bà con lối xóm mà quanh đi quẩn lại ngày nào tôi cũng được nghe bên bếp lửa cháy bùng bùng.

Ngọn lửa cần cái lạnh của buổi sáng tinh mơ ngoài hè chực ủa vào và làm ấm hai cơ thể già, chỉ một lúc đã làm cho ấm nước reo sôi. Tôi thầm nghĩ: mình sắp làm phận sự đây. Hai ông bà già sẽ nhờ tôi giúp cho sáng khoái tinh thần trong gian nhà nhỏ vắng im đúng nghĩa của một trà thất.

Hai người an phận với cái trà thất của mình, vì chưa bao giờ ông bà biết đến cái trà thất cầu kỳ bên Nhật Bản. Ở đấy, trà được người dân tôn sùng đến mức uống trà cũng thành cái đạo: "Trà đạo".

Trà thất cầu kỳ không phải to lớn mà là xây dựng phải phù hợp với nếp sống hòa với thiên nhiên của Đạo gia và Thiền sư. Có nhiều trà thất là căn phòng biệt lập yên tĩnh bên cạnh ngôi nhà lớn, có những trà thất được chủ nhân xây nơi góc khu vườn, muốn đi vào phải qua cổng riêng đi theo lối nhỏ đầy bóng mát của những cây trúc lá reo rì rào. Chủ nhân cho khách đi hết "lộ địa" này có dụng ý cho khách cắt đứt hết mọi liên lạc bên ngoài, không còn nghe các âm thanh nào nhiệt để gây thêm cảm giác lạnh lẽo, sáng khoái sắp đón nhận trong trà thất. Vì hiểu rõ như vậy nên khách được mời, đầu đi lè loi hay đến cùng vài ba người, khi bước chân lên lối mòn này, ai ai cũng im lặng, không trò chuyện, đi chậm rãi nhẹ nhàng, tâm hồn thư thái, để lại sau lưng mọi phiền toái hàng ngày.

Sau khi tâm hồn được chuẩn bị như vậy, khách lặng lẽ tiến gần cửa trà thất, cúi thấp người xuống chui qua cái cửa không cao quá 1 m 50 để vào phòng. Động tác này là bốn phận của mọi tân khách, bắt cứ sang hèn, vì chủ ý là nhắc nhở khách "học" lấy đức tính khiêm nhường. Từng người nhẹ nhàng đến chỗ của mình ngồi xuống cúi rạp người, kính cẩn chào nhau. Chủ nhân đợi khách yên chỗ đầu vào đấy và trong phòng hoàn toàn im lặng không có tiếng động nào khác, mỗi bước vào.

Gian phòng chỉ trang trí một bức tranh hay lọ hoa, với bình trầm nhỏ nơi góc phòng nhẹ tỏa hương thơm. Ánh sáng dịu dàng, ngay cả ban ngày. Dụng cụ pha trà, gọi là trà cụ, phải tinh khiết mặc dầu trông rất cũ kỹ, không có một vật dụng nào có nét ngoại lai hay bằng kim loại sáng chói. Chén uống trà là loại nổi tiếng hình dung nhỏ xíu, để khách vừa uống hưởng vị trà vừa ngắm nhìn nét mỹ quan của chúng. Ấm pha trà phải là loại có tiếng làm tại phủ Nghi Xuân bên Tàu. Nghi Hưng là một địa danh nằm về phía

Tây Thái Hồ và cạnh vùng Tô Châu tho mộng. Ấm Nghi Hưng không phải vì làm bằng đất sét pha trộn công phu để khi nung xong nó có màu gan gà, màu thổ hoàng v.v... mà vì ấm Nghi Hưng còn là một tác phẩm điêu khắc do những danh bút viết khắc vào.

Đó là trà thất đặc biệt, cũng có trà thất ít cầu kỳ nhưng vẫn đượm nét trang nghiêm, xây dựng trong cùng nhà, và thiết kế thành phòng riêng biệt, vì chủ nhân thường xuyên có khách đến chơi.

Dầu được mời đến trà thất nào, khi được mời đến, ai ai đều biết lễ nghi để tận hưởng buổi uống trà, vì vậy cũng phải là một thờ phòng trang nhã. Mọi người từ chủ nhân đến khách phải ăn mặc chỉnh tề ngồi im lặng nghiêm túc nhìn nữ chủ nhân nét mặt nghiêm trang vén nhẹ tay áo để lộ bàn tay búp măng trắng nõn, cầm một gáo nhỏ múc nước sôi trong nồi miệng rộng loe tròn, sau đó trịnh trọng rót vào chén có đựng nhúm trà xanh nghiền nát thành bột rồi khuấy đều tay bằng cây đũa lớn. Nữ chủ nhân chuyên ra mấy chén nhỏ tùy theo số người dự, trịnh trọng đẩy chén đến trước mặt khách. Sau đó chủ nhân hai tay búng chén trà của mình lên ngang mày để mời khách. Các vị khách đồng loạt phát tay áo rộng, hai tay cầm lấy chén trà nâng ngang trán ngụ ý cảm ơn rồi hộp một ngụm. Một ngụm thôi, xong ngừng lại như cho vị trà thấm vào vị giác của mình độ nửa phút rồi mới uống thêm ngụm sau... Chén trà chứa khoảng hai ngụm. Ai nấy uống xong nhẹ nhàng để chén trà xuống, nét mặt lộ vẻ hoan hoan chứng tỏ trà xanh được pha chế và pha đúng lượng nước sôi nên làm họ lâng lâng sáng khoái. Không ai nói lời nào kể cả tiếng khen. Họ chỉ biểu lộ lời khen qua ánh mắt. Không khí "buổi uống trà" còn đượm thơm ngát vì có lư trầm nhỏ nơi góc phòng, có hình ảnh siêu thoát của bức tranh thủy mặc trên vách, nên không biết anh họ trà của tôi có tiết ra hết chất ngon của ảnh để làm vừa lòng khách mộ điệu?

Riêng tôi ở quê nghèo này tin chắc ông bà già này sáng sớm nào cũng "ghiền" tôi rồi đây. Ông già đã từng nói:

- Nè bà, bà uống với tôi một tách trà sáng. Có ngon không bà? Trà này hồng phải là trà hiệu Con Cua bà mua ngoài chợ Vàng đâu nghen.

Bà nhà bà trầu vào ống nhổ rồi cười nói với ông:

- Vậy nó là trà gì? Thôi tôi biết rồi. Thị bằng hàng rào cây trà trước sân mình chỗ gì. Uống loại này thì tốt quá. Nó giúp mình ăn uống dễ tiêu... ờ, mà sao như nó thơm hơn hôm qua?

Ông già như được dịp, nói liền:

- Đó đa. Cái hay của tui là ở chỗ đó. Tui lấy nhụy bông cây ngâu trước sân, phơi cho khô, rồi mỗi lần pha trà bỏ vào một

nhúm, mùi trà được thơm thêm mà lại có vị ngọt hậu nữa. Bà nghe tui, uống xong một hộp, nuốt xuống... sẽ cảm thấy có vị ngọt trong cổ phải không nè?

- Há. Ngọt mà thơm. Cái mùi thơm của bông ngâu khác hơn cái thơm của bông sen, ông há?

- Chở sao. Bông sen thơm lừng quá vì mùi sen ngào ngọt hơn bông ngâu, nhưng phải là do mình ướp kia, chỗ mấy chú ba Tàu buôn bán kiếm lời, họ ướp không nhiều và đúng cách nên uống cũng thơm mùi sen nhưng có vị đắng nơi cổ, là vì họ trộn nhụy vàng của bông sen chung với lá trà rồi mới sấy cho hương hòa vào nhau.

Nói đến đây, ông bập bập một hơi thuốc, nhìn ra sân, mở miệng nói:

- Nếu nhà mình có ao sen để tui tự ướp lấy, chắc... ngon hơn...

- Ông mà biết làm sao?

- Tui chưa làm bao giờ, nhưng có đọc sách và nghe bạn bè kể chuyện, thì tui làm được chỗ bộ. Nè, nếu có ao sen quanh nhà, bà tưởng tượng đi, có nhiều hoa sen búp bằng nắm tay màu xanh ngọc thạch còn ôm lấy cánh hoa màu hồng vուն lên khỏi mấy lá xanh tròn xoe trên mặt nước... Đẹp lắm phải không nè? Thế nào bà cũng phải cất mấy bông để cúng trên bàn Phật. Bông sen tinh khiết dùng để cúng Phật mà! Nhưng bông nhiều quá làm sao bà cúng cho hết, vì vậy tui mới có để ướp trà chỗ. Tôi sẽ ngồi xuống bôi vào hồ sen, đem theo hộp trà hiệu bông sen hay con cua gì đó. Mỗi ngày khi chiều xuống, tui bôi xuống đến bên mỗi bông búp, vạch cho khéo cái hoa còn ôm ấp nhụy vàng trinh nguyên của nó để bỏ nhúm trà vào... Từng cái bông, từng cái bông! Bà thấy tui có sướng không? Bên dưới có nước trong leo lẻo, bên trên là trời chiều mát rượi, ngọn gió nhẹ đưa hương thơm của bông sen hòa với bông cau, bông bưởi, của lá non vừa nở làm cho tui càng thấy mến yêu quê nghèo! Tui ngồi xuống loanh quanh trong hồ sen.. Sau một đêm gỏi trà vào cho hòa với hương trinh nguyên của bông sen tui lại bôi xuống ra đến bên những bông sen đó mà nhẹ nhàng vạch cánh hoa, trút lại nhúm trà của mình. Đó là tui rảnh rỗi và muốn chừa bông cho nở rộ trong hồ để còn tạo thành gương sen cho tui nhỏ ăn, chỗ tui cất nguyên cái bông vô phôi thêm một nắng thì mau hơn. Nhưng lúc đó hương trà quá nồng đượm, hết "tươi" phải không bà?

Ông chép miệng than:

- Nhưng mà nhà mình không có hồ để trồng sen!...

Như sợ ông già buồn vì không có hồ trồng sen, bà hỏi qua chuyện khác mà ông rất rành và rất thích kể:

- Ông nè, mấy loại trà do ông pha chế uống cũng ngon, cần gì có trà Kỳ

Chuông, Long Tỉnh gì đó. Mà trà Long Tỉnh là trà gì vậy ông?

- Trà Long Tỉnh là tên chung loại trà đặc chế ở vùng phía nam Hàng Châu, tỉnh Triết Giang bên Tàu. Đây là đệ nhất thắng cảnh được nhiều thi hào ca tụng. Hàng Châu từ lâu đã nổi tiếng với những rừng đào bạt ngàn, những đồi núi bát ngát với nhiều cổ tự danh tiếng, những cô gái đẹp nức tiếng mỹ nhân trong thiên hạ, mà Hàng Châu còn nổi danh nhờ có trà Long Tỉnh và suối nước Hồ Tuyền. Trà này với nước suối này pha vào nhau thì ngon lắm.

Bà già cười nhẹ nói vô:

- Ông chỉ nghe thôi chỗ được uống chưa?

- Chưa bà ơi. Nó mắc tiền lắm. , mà bà biết tại sao gọi là trà Long Tỉnh? Trước đây vùng này tên là Cổ Tỉnh, vào khoảng thế kỷ thứ ba, toàn khắp Hàng Châu bị nạn hạn hán khủng khiếp. Người và muôn vật, cây cối như muốn tiêu vong, bỗng có một Đạo sĩ đi ngang báo rằng hiện có con rồng đang ẩn trong một giếng gần cổ am trong vùng- Sau khi Đạo sĩ làm lễ cầu rồng làm mưa, thì quả thật, một cơn lốc bốc lên, thế rồi mây đen ùn ùn kéo đến làm mưa liên tiếp mấy ngày đêm, cứu nạn hạn hán. Thế là từ đó vùng Cổ Tỉnh được mang tên Long Tỉnh để ghi nhận sự tích trên.

Trà vùng này ngon có tiếng mà lại được có nước suối Hồ Báo Tuyền. Người ta kể rằng nguyên dòng suối này mới xuất hiện thời Đường Hiến Tông (806-821). Cũng vào năm nắng hạn, giếng chùa khô cạn, Sư cụ khẩn cầu, thì có đôi cọp từ rừng chạy vòng sân chùa. Và cọp chạy tới đâu, tử đậu chún, nước trào lên trong vát. Đó chỉ là truyền thuyết thôi, bà ơi. Nhưng uống trà ngon, nghe truyền thuyết hay, cũng thú vị lắm phải không bà?

Tôi đã nghe chuyện tâm tình của ông bà ở quê nghèo cũng như từng biết những tình cảm vụn vặt của đôi trai gái nông dân khi ngồi nghỉ trên bờ mầu dưới hàng cây trâm bầu râm mát. Lúc này một tô nước trà đựng trong cái bầu bằng sành, dù nước chúng tôi đã nguội lạnh vì đem theo từ sáng, nhưng giúp họ mát cổ, mát người sau mấy giờ làm lụng dưới cái nắng chói chang.

Lúc đang khát nước, họ không cần chén ly, tách kiếu, chỉ cần một tô lớn bằng sành, có khi là cái gáo dừa gọt nhẵn thín để rót chúng tôi vào đó. Các cô thôn nữ còn uống e dè thắm giọng, các chàng trai ngực nở lưng trần ngựa cổ uống ừng ực. Nước trà tràn miệng nhỏ xuống bộ ngực nhẽ nhại mỡ hôi... Lúc đó chúng tôi là nước Cam Lộ đối với họ.

Gió từ đồng ruộng ve vuốt mọi người. Gió rì rào trong đám lá. Vài con cò in cánh trắng trên trời xanh, sóng lúa nhấp nhô gợn gợn là bức tranh sống động hơn buổi uống "trà đạo" nhiều...

Tôi yêu quê nghèo là vậy, nhưng cũng yêu những nơi nua quê nua tỉnh như ở vùng ven đô Sài Gòn vào những năm chưa khói lửa và thời đó máy móc, xe cộ chưa quá phát triển.

Lúc đó xe ngựa còn là phương tiện giúp người dân ngoại ô mỗi khuya chở rau cải, hoa quả vào đô thành để bán, cũng như người dân nghèo chưa có xe gắn máy, xe đạp, nhờ xe ngựa để ngồi chen chúc ấm cúng từ nhà đến Sài Gòn làm việc.

Mỗi bốn giờ sáng, đèn đường ven đô không đủ soi sáng con đường quốc lộ từ Tây ninh xuống. Vùng Hòa Hưng lúc bấy giờ chỉ có leo heo một dãy phố gạch cũ và mấy căn nhà ngói, nhà tranh. Chưa có ngói chợ để họp ồn ào, chỉ có một quán nước của chú Ba Tàu tên Kiu bán cà-phê, bánh bao tử ba giờ khuya cho các bác đánh xe ngựa, xe ba bánh thủ khuya chở khách.

Dù còn khuya nhưng đã thấy những gương mặt quen thuộc hàng ngày mà chú Kiu nhỏ rất rõ từng sở thích: ông Ba già, gánh xôi cho bà vợ ra đây bán, thích ngồi im lìm gần vách, bên ly "xây chùng" (cà-phê đen nhỏ), thằng Tám-xe-ba-bánh với ly sữa lớn ít cà-phê đang ăn gói xôi bấp ngon lành (ngày nào nó cũng ăn gói xôi tổ bố mà chưa thấy ngán), chị Sáu-hàng-bông với bà Bảy bán gà lúc nào cũng ngồi chung bàn sát ngoài sân để dễ coi chừng mấy bội gà và hai giờ cần-xé đây bó bông huệ trắng. Một người khách quen thuộc khác là Thầy Năm. Thầy là thân chủ của chú Kiu mà cũng là của tôi. Thầy không uống cà-phê, chỉ uống trà tàu đậm để ăn với bánh bao.

Vì là thân chủ quen thuộc nên trời còn mờ mờ, khi thấy bóng áo trắng trong xóm đi ra, chú Kiu đã biết là Thầy Năm, chú không cần khách kêu gọi, tự động lau sơ cái tách để lên đĩa sành, lấy một nhúm trà Siêu Chùng trong hộp thiếc, bỏ vào chiếc bình nhỏ tráng men vẽ hoa xanh đỏ. Chú biết tánh Thầy Năm thích trà ngon, pha vừa nước sôi, nên làm đúng ý thầy, cho nên tôi rần tiết hết hương vị của tôi để lúc nào cũng đượm với nước nhút hoặc nước nhí.

Ngày ngày càng hiểu nhau, tôi biết thầy là người làm báo, ít nói, thích nghe và có tâm hồn mở rộng. Thầy thích ra đây sớm để ngồi bên ấm trà. Có lần thầy nói với chú Kiu khi chú hỏi thầy làm ở đâu mà đi sớm quá. Thầy trả lời:

- Tôi làm ở nhà báo nhưng cần ra nhà in sớm để kịp coi lại bài cho thợ sắp chữ. Thiệt ra cần có mặt tại nhà in 7 giờ thì ra đây khoảng 6 giờ rưỡi để ngồi xe ngựa đến đó cũng kịp, nhưng tôi thích ra đây ngồi nhìn sinh hoạt buổi sáng của bà con, và nhứt là nghe tiếng... lục lạc của xe ngựa.

Bà Bảy vừa cầm cái bánh tiêu chấm vô đĩa sữa nghe vậy cười hỏi:

- Ngộ quá hén. Nó kêu leng keng, có gì mà thầy thích nghe?

Thầy Năm nhà báo uống một hớp trà rồi nhẹ nhàng trả lời:

- Dạ, nghe hay chỗ bà Bảy. Bà đi xe ngựa quen nên không để ý. Chỗ trong đêm khuya thanh vắng nghe tiếng lục lạc ở cổ ngựa run leng keng đều đều theo tiếng bốn vó ngựa gõ độp độp trên đường nhựa... lâu lâu lại có tràng tiếng chuông đồng gắn theo bánh xe do bác đánh xe ngựa rà cán coi vào, tạo âm thanh kêu rộn ràng làm cho người đi đường biết mà tránh. Những âm thanh của vó ngựa, của lục lạc, của chuông đồng vang đều đều trên đường khuya ở vùng ngoại ô tịch mịch này nghe như bản nhạc vậy đó. Người sống nơi thành thị ồn ào làm sao nghe được nó, may mà tôi và gia đình được ở đây, gần bà con, mỗi được nghe tiếng nhạc...

Không biết bà Bảy, chị Sáu có thấy tiếng leng keng đó hay đến thế nào mà thầy Năm nhà báo mê, chỗ tôi biết thầy nói đúng như lòng cảm nghĩ của thầy.

Rõ ràng ngày nào thầy cũng ngồi bên ấm trà ngon, lắng nghe tiếng nhạc ngựa từ đường xa, đến chùng xe ngựa dừng lại trước quán để rước khách, thầy vẫn triu mến nhìn con ngựa ốm, chiếc xe thổ mộ cũ kỹ mà âm thanh như còn quện đầu đây... trong khi các khách vội vàng thản nhiên bước lên xe.

Chiếc xe ngựa lại ra đi hưởng về Sài Gòn. Tiếng lục lạc, leng keng tiếp tục lên đường... Năm bảy phút sau lại có chiếc khác. Vẫn tiếng nhạc ngựa vang lại từ xa...

Tôi chứng kiến và hiểu tâm hồn nghệ sĩ của thầy. Nhiều lúc tôi tự nhủ: Thầy thích nghe tiếng nhạc ngựa chỗ đâu phải vì tôi? Tôi thấy buồn buồn nhưng sau đó chợt nhỏ: à... dù tâm hồn thầy hưởng về tiếng nhạc ngựa nhưng thầy chỉ uống trà ngon, không thích cà-phê đậm nhạt gì cả. Khẩu vị uống trà của thầy đã giúp cho tâm hồn thầy đó chỗ! Vậy chính tôi đã giúp cho tâm hồn thầy sáng khoái thêm mỗi cảm thông với vạn vật trong buổi bình minh này.

Nghĩ vậy tôi thấy lòng hân hoan vô cùng. Tôi giúp tâm hồn thầy sáng khoái cũng như những "người anh họ trà" của tôi đã từng giúp vị Sư già ở ngôi cổ tự trên

đồi cao, sáng sáng sau thời kinh, ngồi trầm ngâm bên ấm trà nhỏ xíu màu nâu đen như màu gan gà, tay nâng chiếc cốc nhỏ như hạt mít, chiêu từng ngụm nhỏ nước trà thơm ngát được vị Sư pha với nước giếng sau chùa. Người chỉ pha trà với nước giếng này thôi, vì giếng sau chùa ở vào nơi cho mạch nước tốt, không phèn, không chất với nồng làm hư cái vị của trà. Nước giếng của người đã được các bạn già, các nhà nho ẩn sĩ qui điền không màng danh lợi của chốn phồn hoa, chỉ thích cùng nhau đàm luận văn

chương, nhưng nghiện trà ưa thích. Các vị chỉ ưa nước giếng của chùa nên giếng chùa lúc nào cũng được các tiểu đồng đến quây nước về. (Vang Bóng Một Thời của Nguyễn Tuân).

Không như thầy Năm nhà báo uống trà trong ấm tích sành tráng men, các cụ nhà nho uống trà chỉ như để hưởng mùi thơm và nếm lấy vị nên dùng chiếc ấm bé tí cỡ trái cam, mỗi lần rót vào ba cốc nhỏ xíu như hạt mít cho ba vị là vừa hết một ấm. Các cụ hớp xong, nhìn nhau gật gù:

- Ngon thiệt. Uống ngụm trà thơm trong khung cảnh tịch mịch này mình mới thấy như mùi thơm "đi" từ miệng vào óc. Thơm quá! Nhất là mùi trà của bác có bỏ vào vài cánh bông lái (hoa nhài) nên mùi thơm có vẻ... quẩn quít mùi Liêu Trai... hà hà...

Cụ già chủ nhà cười theo:

- Cám ơn bác quá khen. Bác sành uống trà nên uống vào là biết hưởng vị trà có bông lái. Đúng nó đấy. Mùi thơm của hoa nồng nàn quá, không thanh nhẹ như nhục sen, nhưng mùa này sân vườn nhà tôi hoa nở rộ trắng xóa, tôi ướp một ít vào trà để uống kèm phí đi. Và lại chúng mình cũng nên uống trà mùi hoa nhài để mùi hưởng nồng nàn của hoa kéo chúng ta trở lại cõi trần tục, kéo chúng ta... thành tiên hết sao...

Các cụ cười ha ha.

Những nhiều buổi uống trà như vậy rồi cũng bắt dần theo đà vắng mình. Những cái ấm gan gà hiệu Mạnh Thần, Thái Đức mà các cụ chất chiu mua để làm gia bảo... mất dần như những cái bình tích của người dân quê miền Nam để trong vỏ trái dừa khô, đập bằng miếng vải tròn dày, do nhiều mảnh vải kết lại, bị thay thế bằng cái bình thủy tinh sản xuất từ bên Trung Quốc.

Những buổi ngồi bên lò than nhỏ để nấu sôi từng ấm nước giếng của các cụ nhà nho cũng mất dần thay vào đó là cái ấm nhôm nấu nước máy. Các cụ buồn buồn nhìn nhau, không chê nước có nhiều độ nồng của hóa chất, cũng không còn vừa uống vừa ngẫm nghĩ xem phải trong nhúm trà có lộn một vỏ trấu nên vị trà mất mùi ngon? Ở nhà quê vẫn còn những bếp đốt rơm, tàu cau, tàu dừa buổi sáng để nấu nước, nhưng trên thành thị các cụ đã "phải" xài lò điện để nấu nước sôi.

Thương cho các cụ nhà nho theo con cháu sống ở đô thành đầy mùi cơ khí, mất hết cảnh thiên nhiên, đâu còn mùi thơm của bông ngâu, bông sen, bông lái... Các cụ không còn khó tánh như lúc trước, lúc rảnh rỗi đi lang thang trong vườn lượm những trái ổi già đem về phơi khô để mỗi sáng đốt lò nấu nước pha trà bằng nước giếng hay nước mưa. Các cụ cho rằng trái ổi khô tốt hơn than củi, không cháy quá hỗn để nước bị sôi già và không có mùi khói.

Có cụ giờ đây ngồi một mình uống trà bằng tách tráng men sứ. Cụ ngồi đọc âm âm thầm nhìn chiếc tủ kiếng còn giữ lại vài bộ đồ trà yêu quý ngày xưa. Còn đâu những ngày cụ vác ô đi tìm mua cho được bộ ấm chén quý giá mới ước:

Thủ nhứt Thế Đức gan gà,

Thủ nhì Lưu Bội, thủ ba Mạnh Thần...

Những cái ấm màu gan gà, những cái chén hạt mít nằm bên cái chén Tống da rạn cũng âm thầm nhìn thời gian đi qua... Đã qua rồi cái thời uống trà tay đôi, tay ba trong thảo lư xinh xắn có hương trầm. Đã qua rồi lúc tản cư chạy giặc, các cụ phải uống trà bằng lá của một loại cây trà trồng làm hàng rào trước sân, có nơi phải uống lá cây sa-kê phơi khô. Các cụ uống bằng tô đá lớn, không còn chê khen là: "uống ừng ực như ngấu ấu". Các cụ đã qua thời uống trà đêm với kẹo đậu phộng ngồi nghe tiếng bom đạn từ xa ì ầm vọng lại...

Đã qua rồi thời các cụ khi xế bóng phải sống vào bàn tay tần tảo của bà vợ, cái thời kinh tế lao đao, các cụ uống trà do Ba Tàu bán, loại trà gói giấy in hình Con Cua, mỗi khi uống hết, các cụ nâng niu vuốt thẳng tờ giấy để dành cuốn thuốc hút...

Giờ đây các cụ có đủ thủ trà dưới tay. Nào là trà Sâm Cao Ly, trà Lipton pha vào nước không cần luyệt bã trà, nào là trà bột trong hộp thiếc đẹp đẽ, trà bột khuấy tan vào nước sôi liền... Các cụ có thể uống trà đường, trà chanh, trà sữa, các cụ cũng được dịp uống lại trà đậm trong những buổi ăn "tìm sấm" tại cao lầu để mà ngậm ngùi nhớ tô trà huế, bát nước chè tươi ăn với cái bánh ú trong quán lá nghèo bên đường làng ngày xưa ở quê hương...

Đôi khi các cụ được con cháu mua về loại nước trà pha sẵn trong hộp giấy, trông rất hợp vệ sinh và gọn ghẽ nhưng làm cho các cụ buồn buồn nhớ đến những ly trà đá trên bến đò Mỹ Thuận do các em bé nghèo áo vải, quần cụt, xách từng chùm bao ny-lông chạy theo mời mọc khách hàng mệt lử vì chặng hành trình đầy nắng.

Nhớ đến loại nước trà đá này tôi tui lắm nhé. Có nhiều người bán gian hùng không pha nước trà bằng chúng tôi, dù chỉ là nước trà giã. Họ pha với nước máy, chế vào một chút nước cà-phê dọt cho có màu vàng, bỏ vào mấy cục nước đá... thế là xong. Khách đi xe hay đi bộ đang khát nước, mua uống cho mát dạ, đâu có thời gian nhấm nháp để biết là nước này pha với loại trà nào?

Loại nước trà giã đó cũng may, không có gây cho ai đau bụng, nhưng cũng giúp cho các em bé nghèo bán dạo có cơm ăn và làm giàu thêm cho con buôn không lương tâm.

Tôi thương các cụ già lưu lạc bốn phương trời dù các cụ có gặp lại họ hàng nhà trà

chúng tôi, thì chúng tôi đã bị biến thể, pha chế khác xưa rồi. Các cụ đành âm thầm chấp nhận uống trà như những người ở phương trời khác mình. Họ uống để lấy no, lấy bổ, không phải uống từ ngậm nhớ lấy hưởng vị. Người phương Tây sống vội sống vàng với vật chất kỹ thuật đâu giống các cụ phương Đông chỉ sống hòa hoãn với tinh thần!

Như đã nói ở phần trên, họ hàng nhà trà chúng tôi bị đưa đến phương trời Tây nhưng chúng tôi đâu có bám rễ vào đất đầy tuyết trắng này. Ở đây đâu có tiết trời ấm thích hợp cho chúng tôi phát triển thành những vùng đồi chè xanh ngút ngàn để ngày ngày thấp thoáng bên sườn chè có bóng dáng các cô thôn nữ xinh tươi, má thắm môi hồng dưới vành nón lá. Và để lâu lâu có tiếng hò cất lên chọc ghẹo:

Rủ nhau lên núi hái chè...

Ôi những đồi chè! Những đồi chè của quê hương rất hiền hòa và rất dễ ngắt ngọn do các bàn tay ngón nhỏ xinh xinh, không phải những đồi chè cheo leo hiểm trở trong truyền thuyết: Tràm Mã Trà!

Theo truyền thuyết: Có loại trà ngon ở tận Vũ Di Sơn xa xôi khó hái lá, cần phải nhờ giống ngựa khỏe đến đó để, không như các cô thôn nữ thoăn thoắt hái bằng đôi tay, mà con ngựa ăn ngọn ăn ngấu lá dọt non vào đầy bao tử, vì chúng bị người ta không cho ăn mấy ngày nên đói quá. Hai ngày sau, người ta đến bắt ngựa về chuồng để chủ ngựa cắt đầu, mổ bụng lấy bao tử ngựa còn chứa lá trà tươi. Lá trà chứa bị tiêu hóa nhúng đã thấm vì toan của ngựa, lên men đúng độ, nên trà trở nên ngon hơn (?) khi nấu với nước sôi. Loại trà chỉ có trong truyền thuyết hay chỉ là trà dành cho nhà Vua? Quá đắt vì muốn uống trà phải hy sinh con tuần mã, ai uống nổi?

Hôm nay nhân mùa Xuân, các cụ lại nhớ đến một loại trà quý, hiếm có ở phương Đông: Hầu trà.

Phương trời Tây nhiều núi cao quanh năm tuyết phủ nên không có loại cây nào sống nổi ngoại trừ cây thông, không như các ngọn núi phương Đông, vùng Triết Giang bên Tàu, có loại trà sống trên đỉnh cao hút lấy ánh dương mặt trời và sương khuya để phát triển theo sinh thái tự nhiên không cần phân đất. Muốn thu hoạch loại trà quý này phải nhờ đến giống khỉ tình khôn.

Nói khi là giống vật tình khôn nhưng cũng không khỏi bị cái khôn của con người kèm chế.

Trà mọc cheo leo quá, người dân dưới chân núi đó nuôi bầy khỉ và cho chúng uống một chất nhựa như á phiện để chúng bị ghiền, sau đó người ta dạy cho khỉ biết cách hái lá trà trên đỉnh cao chôn chỗ kia. Khi khỉ thuần thục, mỗi sáng người ta đeo vào lưng khỉ một cái giỏ,

truyền lệnh cho chúng leo lên đỉnh hái dọt trà quý đầy giỏ đem về. Bầy khỉ đã bị ăn chất nhựa, ghiền rồi, không thể nào rời bỏ người nuôi đang có trong tay chất ma túy đó nên cố hái cho mau để trở về nhà lãnh công bằng viên nhựa nhỏ...

Anh họ trà của tôi muốn sống độc lập thoả mái trên núi cao lộng gió vẫn không thoát khỏi bàn tay con khỉ mà con khỉ cũng không thoát khỏi chất ma túy cám dỗ do loài người tham lam trao cho!

(Viết theo tâm sự của loài trà vào dịp đầu Xuân ở quê người...) (Trích trong Xóm Cũ tác giả). ●

(Canada)

● Hoàng Xuyên Anh

(Thung lũng Thuận Hòa)



Xuân nhớ

*Lại một mùa xuân đến ngõ ngang,
Quê người đã trải mấy gian nan.
Còn đang ngày ngất sầu khôn vợi,
Chợt tình buâng khuâng lệ muốn tràn.*

*Nhớ bạn trở xa càng thỏn thục,
Thương mình kiếp sống mãi lang thang.*

Anh ơi! Có thấu tình cô phụ?

Nhớ nước thương nhà nặng gánh mang.

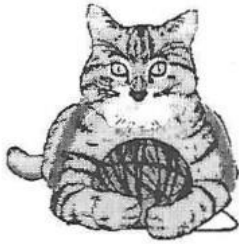
*

Nhớ nước thương nhà nặng gánh mang.

*Ngày xuân tổ phỉm nhớ cung đàn,
Những trang tình sử đành dang dở,
Một kiếp lưu vong khó vẹn toàn.*

*Nghiên bút góp cùng mười bạn tốt,
Tháng ngày vui với lũ con ngoan.*

*Quê hương đợi vợ muốn tròng cách,
Nghĩ lại mình ta phạm bẽ bàng.*



Nàng Miêu Kỳ-Mão

(16.02.1999 - 04.02.2000)

hiền hay dữ với tuổi chúng ta ?

Năm Kỷ Mão trong Hạ nguyên thuộc Thành Đầu Thổ (Âm), nghĩa là Đất trên thành. Theo luật tướng sinh và tướng khắc của Ngũ-hành qua nguyên lý "vượng, tủng, hưu, tù, tuyệt" và Âm-Dương tiêu trưởng, ta thấy có những trường hợp sau đây:

A. Thổ vượng, Kim tủng, Hỏa hưu, Mộc tù, Thủy tuyệt:

Như vậy, năm Kỷ-Mão (1999) là (Thành-đầu) Thổ có lợi nhất cho Kim (Kim được sinh nhập), lợi nhì cho Thổ (ổ thế tướng hòa), nhưng lại bất lợi cho ba hành còn lại là Hỏa (Hỏa sinh Thổ nên bị tiêu hao vì sinh xuất), Mộc (bị suy nhược phần nào vì khắc xuất), và Thủy (bị khắc nhập). Những tuổi được ảnh hưởng thuận lợi, và những tuổi bị thiệt thòi trong năm Kỷ Mão, sẽ được lần lượt phân tích ở những phần dưới đây.
Vấn tất lại, nếu ta là:

1. Mệnh Thổ lại gặp năm Thổ:

Sự tương hòa giữa hai hành cho biết chủ đề của người mệnh Thổ trong năm nay là tăng gia, bành trướng, phát triển, về những phương diện công danh sự nghiệp, những kế hoạch toan tính, gia đình thêm người do cưới hỏi, sinh nở, nhận con nuôi, thêm người đến ở chung nhà, thêm cộng sự viên hoặc thêm cổ đông chung vốn kinh doanh. Nói một cách khác, cái gì có sẵn nay được bành trướng, nói rộng, phát triển hơn lên. Có thể có những vui mừng mỗi, sinh ý hưng long, vượng khí gia tăng. Nên để ý đến những phiền toái tử tận, *nhĩếp hộ tuyến (phái nam), có phận sinh sản (phái nữ)*.

2. Mệnh Kim trong năm Thổ:

Báo trước sự tăng cường, củng cố, tiến triển. Công danh tiền bạc thăng tiến và vững chắc hơn nhờ quý nhân phù trợ, nhiều nét nhẹ nhàng dễ chịu về tài lộc. Những kế hoạch hay toan tính mới dễ gặp may mắn, nhẹ nhàng để có triển vọng thành tựu. Sức khỏe tốt, nhưng vẫn phải *lưu tâm về bộ phận tiêu hóa, nhất là gan/mật*.

3. Mệnh Hỏa nay gặp năm Thổ:

Là ta bị sinh xuất, nghĩa là bị thiệt thòi, tiêu hao, suy nhược. Ta nên nhỏ đến chủ đề là "suy hao" trong mọi công việc, toan tính, để gia tăng sự thận trọng trong kế hoạch, quản trị và hành động, ngõ hầu giảm thiểu được những thiệt thòi, mất mát. Cần để ý đến sức khỏe nói chung, nhất là *những bệnh liên quan đến tim, động mạch, thần kinh hệ*.

4. Mệnh Mộc trong năm Thổ:

Theo luật tướng khắc ngũ hành thì Mộc khắc Thổ, nghĩa là Mộc khắc xuất. Bị khắc nhập là hại và xấu, thí dụ Mộc bị Kim khắc. Nhưng đây là trường hợp khắc xuất tức là mình khắc người ta (Mộc khắc Thổ), tuy không phải là xấu nhưng cũng chẳng lợi gì mấy, vì cũng bị suy nhược vật chất, sức khỏe, một mặt tinh thần trong mọi lo lắng sắp xếp tính toán. Do đó, mọi công việc, toan tính đều có những nét cầm chừng, trễ nải, do dự, hoặc chậm thăng tiến. *Nên lưu ý đến gan/mật, viêm gan nhẹ, nặng*.

5. Mệnh Thủy và năm Thổ:

Trong số các hành bị bất lợi hay thiệt thòi vì (Thành-đầu) Thổ của năm Kỷ-Mão, hành Thủy vì bị khắc nhập nên bị bất lợi và xấu hơn hết thảy. Do đó, những người mệnh Thủy cần ý thức *sự bất lợi lớn lao này mà gia tăng mức thận trọng ở mọi lãnh vực: sức khỏe, hạnh phúc gia đình, công danh tiền bạc, giao dịch, v.v...* Về sức khỏe, cần hết sức thận trọng về bệnh xuất phát từ thận, tức là bộ phận bài tiết nước tiểu, niệu hộ tuyến (phái nam), và cơ phận sinh sản (phái nữ). Nếu niên hạn đóng tại cung hội tụ được nhiều sao giải, sao tốt lành phù trợ thì cũng không phải lo ngại nhiều. Nên nhỏ là khi ta bị niên hạn khắc nhập là có sự thiệt thòi: *sự tốt bị giảm phần nào mà sự xấu lại tăng thêm phần nào*.

B. Âm-Dương tiêu trưởng:

Tuy khác nhau về tính chất, Dương lại chỉ thu hút Âm và xua đẩy Dương, và Âm chỉ thu hút Dương và xua đẩy Âm, như sách Dịch đã nói rõ: "Âm Dương tương ngộ tất ứng; Âm ngộ Âm, Dương ngộ Dương, bất ứng". Nói một cách khác, Âm

có nhiều ảnh hưởng với Dương hơn là với Âm, và Dương có nhiều ảnh hưởng với Âm hơn là với Dương. Vậy thu hút ở đây có nghĩa là tàng chứa, gây tác dụng, có ảnh hưởng mạnh, và xua đẩy ở trường hợp này bao hàm nghĩa ít gây được tác dụng, ít có ảnh hưởng.

Bởi lẽ đó nên Âm Thổ của năm Kỷ-Mão cũng *sinh lợi hoặc gây hại cho những tuổi Dương* (thí dụ Giáp-Ngọ, Nhâm-Thìn) *nhiều hơn là cho những tuổi Âm* (như Ất-Mùi, Quý-Tỵ).

Xin lưu ý quý vị độc giả là bài viết này chỉ *phân tích ảnh hưởng của ngũ hành tương sinh và tương khắc đối với tuổi chúng ta*, nên không thể đi vào chi tiết tỉ mỉ từng tuổi được.

1. Những tuổi được hưởng thuận lợi

a. Được ảnh hưởng thuận lợi nhất về phương diện ngũ hành là những tuổi *Dương Kim*, tính từ năm 1924 cho đến năm nay 1999, gồm:

Giáp Tý (1924, 1984), Nhâm Thân (1932, 1992), Canh Thìn (1940), Giáp Ngọ (1954), Nhâm Dần (1962), Canh Tuất (1970).

Những tuổi Âm Kim cũng được hưởng những thuận lợi, nhưng không thể bằng được những tuổi Dương Kim. Những tuổi Âm Kim tính từ 1924 là:

Ất Sửu (1925, 1985), Quý Dậu (1933, 1993), Tân Tỵ (1941), Ất Mùi (1955), Quý Mão (1963), Tân Hợi (1971).

Vì không có những chi tiết quan trọng khác là tháng, ngày, giờ và nơi sinh của những tuổi trên, nên khó mà khẳng định được là những điều tốt hay thuận lợi thuộc khía cạnh nào và ứng cho những ai trong gia đình. Tuy nhiên, những người mệnh Kim, nhất là Dương Kim, có thể mừng vì được sinh nhập nghĩa là được vượng mệnh, thuận lợi hoặc may mắn trong năm mỗi về sức khỏe, gia đạo, công danh tiền bạc, tùy theo niên hạn đi tới cung số nào, với những cát tinh (sao tốt) làm lợi về những phương diện gì trong niên hạn. Vì được sinh nhập, nghĩa là có lợi về ngũ hành, nên những người mệnh Kim sẽ được thêm phần thuận lợi và bớt phần bất lợi trong năm mỗi Kỷ Mão: *tốt sẽ được tăng thêm vài phần, mà xấu cũng sẽ bớt đi vài phần*.

Mặc dầu được hưởng lợi từ Âm Thổ, người mệnh Kim (nhất là Dương Kim) vẫn phải lưu tâm về những khó chịu, phiền nhiễu do bệnh hoạn gây ra trong năm 1999. Đáng lưu ý nhất là:

- Những rắc rối phiền nhiễu mà gốc từ gan: nhẹ nhất là mất ngủ, sài lác trên da, viêm gan loại A, sưng mắt, nghẹt đường dẫn mật, sạn túi mật. Nặng hơn có thể có những triệu chứng của bệnh viêm gan (hepatitis) B, C, D.

- Khó thở hay dị ứng về hô hấp: hắt hơi, nhầy mũi luôn, hen suyễn, ho.

- Bệnh hoặc phiền nhiễu có liên quan tới bộ phận tiêu hóa, nhất là lá lách và ruột trường (pancreas và colon).

- Phái nam trên 40 tuổi nên để ý hơn đến nhiếp hộ tuyến (prostate), vì tuyến nhỏ này có thể bắt đầu gây khó chịu rắc rối. Phái nữ cần chú ý tới cơ phận sinh sản vì có thể gặp những khó khăn, phiền nhiễu về súng, buồng, mụn.

- Họa gồm thị phi khẩu thiệt, bị trách oán, than phiền, nhất là về vấn đề xe cộ, té ngã có thương tích, bị vật gì rơi rớt, bay, đổ dè vào người gây thương tích (có thể tới mức nguy hiểm), mổ xẻ châm chích.

b. Những tuổi thuộc hành Thổ, nghĩa là cùng một hành với năm nay, cũng có những nét thuận lợi, và *Dương Thổ được hưởng thuận lợi nhiều hơn là Âm Thổ*. Kể từ 1924 đến nay, những tuổi thuộc *Dương Thổ* gồm có:

Canh Ngọ (1930, 1990), Mậu Dần (1938), Bính Tuất (1946), Canh Tý (1960), Mậu Thân (1968), Bính Thìn (1976).

Những tuổi Âm Thổ:

Tân Mùi (1931, 1991), Kỷ Mão (1939), Đinh Hợi (1947), Tân Sửu (1961), Kỷ Dậu (1969), và Đinh Tỵ (1977).

Vì tướng hòa về hành với năm nay, những người ở lớp tuổi kể trên có thể vui trong ý nghĩ là năm nay sẽ có những dễ dàng, nhẹ nhàng, thuận lợi, cho việc khuếch trương, gia tăng, phát triển về những lãnh vực tình cảm, công việc, gia đình, con cái, lợi tức thu hoạch, hay nói một cách nôm na ra là thêm người thêm của, thêm phần khởi trong năm nay. Ngoài ra, nếu muốn biết chi tiết là lợi cho những ai trong gia đình, tốt về phương diện gì, v.v..., ta cần phải biết hạn năm nay của mỗi tuổi đi tới cùng số nào, có những cát tinh phù trợ nhiều ít, hoặc các hung tinh thuộc loại nào phá cách tốt, và gây những thiệt hại gì, những sao đóng ở chính cung và tử tam phương chiếu về lành/dữ ra sao. Chỉ khi nào có thêm những dữ kiện cần thiết là tháng, ngày, giờ và nơi sinh, ta mới có thể biết được những chi tiết tỉ mỉ, và lúc đó sự chính xác cũng tăng thêm nhiều.

Về bệnh, cần lưu tâm:

- Thận bị suy nhược, dính dáng đến sạn thận, bàng quang, đường tiểu bị nhiễm trùng, có thể tới mức nghiêm trọng.

- Tim và động mạch, áp huyết cao/hạ, trong máu có đủ chất có hại, thiếu chất có lợi, đau, tức ngực, nhịp tim bất thường.

- Phái nam, súng nhiếp hộ tuyến; phái nữ, mụn, buồng trong cơ phận sinh sản.

Về họa, cần thận trọng để giảm thiểu họa tranh chấp thừa kế, dính dáng đến cò bót công môn, bị điều tiếng, khiển trách từ cấp trên hoặc từ những cơ quan kiểm

soát, quản trị ngành làm việc của mình. Đề phòng họa lửa, điện, nước và tai họa dọc đường.

2. Những tuổi bị ảnh hưởng bất lợi

a. Hành bị thiệt thòi, bất lợi hơn cả vì Âm Thổ của Kỷ Mão là hành Thủy, nhất là Dương Thủy, vì Thổ khắc Thủy, mà Thổ vượng bao nhiêu thì Thủy tuyệt bấy nhiêu. Sự bất lợi là bị khắc nhập về hành, thường cũng là sự suy nhược về sức khỏe, thiệt thòi về công danh, sự nghiệp có nét suy thoái có thể tới mức bế tắc, vì vậy tiền bạc cũng túng hụt, nhiều lo âu, buồn phiền, gia đạo mất an vui, giao dịch ít thắng lợi, bệnh họa dễ tới, có thân nhân gần đau nặng hoặc bị mổ xẻ châm chích, trong dòng họ có tang chế, cần thận trọng về mọi mặt để cố giảm thiểu phần nào tổn thất, rui ro có thể là trầm trọng.

Về bệnh cần lưu tâm:

- Những phiền nhiễu rắc rối do cơ phận bài tiết nước tiểu gây ra; nhiễm trùng đường tiểu, bàng quang trực tràng, bí tiểu tiện, sạn thận, suy nhược thận nặng (kidney failure). Bệnh nặng nhất về thận có thể gây tử vong là ung thư.

- Bệnh có liên quan đến bộ phận hô hấp, gồm: mũi, khoang mũi (sinus), khí quản (windpipe) hay cuống phổi, dị ứng (allergy), hay bị ho, cảm phổi, sưng cuống phổi, có nước ở màng phổi, chóng lao phổi.

Ngoài ra, những người bệnh Thủy, nam cũng như nữ trên lứa tuổi 40, sẽ bị phiền hà, rắc rối, bệnh tật tại cơ quan sinh sản, và có thể tới mức nghiêm trọng.

Về họa, cần chú ý:

- Vạ miệng có thể trở thành khẩu nghiệp, sinh thù oán, tranh chấp, thừa kiện.

- Chấn động có thể gồm: té ngã, bị vật gì rơi/bay/đổ dè vào người gây thương tích nguy hiểm, bị hành hung, va chạm xe pháo, giải phẫu.

- Nên nhớ *Dương Thủy bị nhiều ảnh hưởng bất lợi nhiều hơn là Âm Thủy*. Những tuổi *Dương Thủy* gồm: Bính Tý (1936, 1996), Giáp Thân (1944), Nhâm Thìn (1952), Bính Ngọ (1966), Giáp Dần (1974) và Nhâm Tuất (1982, 1992).

Còn những tuổi thuộc *Âm Thủy* là: Đinh Sửu (1937, 1997), Ất Dậu (1945), Quý Tỵ (1953), Đinh Mùi (1967), Ất Mão (1975), và Quý Hợi (1983, 1993).

b. Vì Thổ vượng nên Hỏa hủ, nghĩa là Hỏa bị suy hao, kiệt quệ vì sinh xuất (ra Thổ). Đây chính là những nét thiệt thòi của những người mệnh Hỏa trong năm nay. Những người *Dương Hỏa*, chịu ảnh hưởng bất lợi nhiều hơn những người *Âm Hỏa*, tính từ 1924 gồm: Bính Dần (1926, 1986), Giáp Tuất (1934, 1994), Bính

Thân (1956), Giáp Thìn (1964), và Mậu Ngọ (1978).

Còn những người Âm Hỏa bị thiệt thòi ít hơn tính từ năm 1924, gồm những tuổi: Đinh Mão (1927, 1997), Ất Hợi (1935, 1995), Đinh Dậu (1957), Ất Tỵ (1965), và Kỷ Mùi (1979).

Những nét suy hao, kiệt quệ của những người mệnh Hỏa trong năm Kỷ Mão được hiểu là ứng về những phương diện sau đây:

- Gia đình bất hòa có thể tới mức chia phối, phân tán, con cái đi học hoặc đi làm xa.

- Sức khỏe suy sụp: bệnh tật do tim và máu huyết sinh ra, bệnh tử ruột non, bệnh và những rắc rối do lưng/thận mà ra, cơ quan sinh sản suy vì nên sinh bệnh.

- Công danh sự nghiệp có nét trắc trở, bất ổn, nhiều âu lo, buồn phiền về mức thu hoạch tài chính, tiền bạc tiêu hao.

Về họa: bị lợi dụng, thị phi, tranh chấp, bị lừa gạt, nếu không cũng bị mang tiếng là không sòng phẳng về tiền bạc, chấn động có thể do té ngã có thương tích, va chạm xe cộ, giải phẫu.

Tóm lại, *sự tốt có tới cũng ít hơn mức kỳ vọng, mà xấu lại xấu hơn mức trừ liệu*.

c. Thổ Vượng thì Mộc tù, nghĩa là Mộc khắc Thổ, mà Thổ nhiều bao nhiêu thì Mộc lại khắc nhiều bấy nhiêu nên bị suy nhược. Điều này có nghĩa là tại Âm Thổ của Kỷ Mão nên những người tuổi Mộc, nhất là *Dương Mộc*, sẽ phải gánh chịu những ảnh hưởng không mấy thuận lợi là bị suy nhược, chậm trễ, trở ngại trong mọi công việc, dự tính.

Những người tuổi *Dương Mộc* tính từ năm 1924 đến giờ gồm: Mậu Thìn (1928, 1988), Nhâm Ngọ (1942), Canh Dần (1950), Mậu Tuất (1958), Nhâm Tý (1972), và Canh Thân (1980, 1990).

Những tuổi Âm Mộc: Kỷ Tỵ (1929, 1989), Quý Mùi (1943), Tân Mão (1951), Kỷ Hợi (1959), Quý Sửu (1973), và Tân Dậu (1981).

Về công danh, tiền bạc, những tuổi trên đều bị một nét bất lợi giống nhau là suy giảm, chậm trễ, gặp nhiều trở lực gàn quai. Điều nên nhớ là *Dương Mộc* chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi hơn là Âm Mộc. Làm thì thật lực rồi chi đổi lại được phần đền bù đạm bạc, ít ỏi. Tiền bạc thì ra dễ vào khó, nghĩa là chi nhiều hơn thu. Nếu mức thu hoạch có khả quan, thì cũng đổ ra muôn vàn công sức.

Về bệnh họa, cần lưu ý:

- Bệnh liên quan đến bộ phận tiêu hóa nói chung, nhất là gan dễ gây mất ngủ, bệnh ngoài da, viêm gan nhẹ (A), nặng (B, C, D); mật có thể bị sưng, nghẹt đường dẫn mật, hay sạn túi mật.

- Những phiền nhiễu ở bộ phận bài tiết nước tiểu như bí tiểu tiện, nhiễm trùng

đuông tiểu, suy thận nhẹ, sạn thận, lọc thận.

- Phái nam trên 40 tuổi nên đặc biệt lưu ý đến nhiếp hộ tuyến (prostate), vì tùy số mệnh từng người, tuyến này có thể sưng (lớn) lên, teo lại, và mức nặng nhất là ung thư. Các bà năm nay sẽ ít nhiều bị rắc rối về cơ phận sinh sản, máu huyết.

- Họa gồm uống rượu lái xe gây tai nạn hoặc bị bắt giữ vì say rượu, nghĩa là có họa có bót công môn, giam cầm bắt giữ, bị than phiền trách oán, chấn động có thể gồm cả tề ngã có thưởng tích, vật gì bay/rơi/đổ đè vào người nhẹ nặng tùy theo từng vận hạn cá nhân, bị lợi dụng/lừa gạt (tiền bạc, tình cảm).

d. Ngoài ra, có một tuổi bị bất lợi nhiều đối với năm Kỷ Mão là tuổi *Quý Dậu*, vì tuổi này bị năm Kỷ Mão khắc cả Can lẫn Chi, nghĩa là bị *Thiên khắc, Địa xung*: Kỷ khắc Quý, và Mão khắc Dậu. Tuy nhiên, tuổi Quý Dậu còn được nét phù trợ về hành tử Kỷ Mão (= là Thổ Kỷ-Mão sinh Kim Quý-Dậu, hay Thổ vượng thì Kim tửng) như đã nêu lên ở trên (phần 1. a); vì vậy, mức độ xấu do Thiên khắc Địa xung chắc chắn cũng được giảm thiểu.

3. Điều nên biết về những trẻ sinh năm kỷ-mão (1999)

A. Tử-Vi đấu số (nam, nữ giống nhau; những điều trong mục A này cũng áp dụng cả cho những vị nam, nữ sinh năm 1939):

a. Tổng luận về cuộc đời: Người nào đường hưởng những nét thuận lợi trong cuộc sống đều là nhờ ở sự giao hòa tốt đẹp giữa trời và đất trong vũ trụ cũng thuận thảo nhịp nhàng như sự kết hợp Âm Dương trong Thái-Cực. Có được nét này trong năm sinh, ta sẽ có được những ảnh hưởng thuận lợi trong cuộc sống. Nhưng nếu năm sinh cho thấy có sự xung khắc giữa hai yếu tố trời và đất, nghĩa là trời khắc đất hoặc đất khắc trời, người đó sẽ có những ảnh hưởng không mấy thuận lợi, nhẹ nhàng trong cuộc đời. Hai chủ Kỷ-Mão gồm cả hai yếu tố trời và đất: (Kỷ là Can (=gốc, tự cho trời) thuộc hành Thổ, Mão là Chi (=ngọn, tự cho đất) thuộc hành Mộc. Theo luật tương khắc ngũ hành thì Mộc khắc Thổ, và nếu áp dụng vào năm Kỷ-Mão, thì Mão khắc Kỷ, hay Chi khắc Can hoặc đất khắc trời. Nét xung khắc giữa trời đất có nghĩa là người Kỷ-Mão có một cuộc sống phần đầu vất vả, thăng trầm, thiếu may mắn, nhiều nghịch cảnh, công lao xây dựng hay bị uống phí, có thể ví như công dã tràng. Cần nhiều can đảm và kiên trì mới đạt được thắng lợi như ý, nhưng e cũng chẳng được lâu dài.

b. Về màu sắc, màu hợp là nhóm màu vàng (nhạt, đậm), nâu (nhạt, đậm), beige, kaki, màu cát uốt (sand), lạt đà

(camel). Màu khắc hại nên xa lánh trong mọi trường hợp là màu xanh lá cây (green). Suy rộng ra, người Kỷ-Mão không nên sinh hoạt thường xuyên trong một môi trường nhiều cây cối hay thảo mộc. Màu làm vượng và lợi cho bản mệnh, nên gần và nên dùng, là màu đỏ. Còn những màu khác nữa không nêu ra ở đây đều là những màu bất lợi vì gây thua thiệt, suy nhược, chậm trễ.

c. Luận về mùa, thì mùa Xuân là mùa khắc hại tuổi này nhiều nhất; mùa Hạ là mùa vượng và tốt. Mùa Thu bất lợi vì dễ gây hư hao, thiệt thòi, thất thoát; mùa Đông cũng bất lợi cho tuổi này vì dễ gây suy thoái, trở ngại, chậm trễ.

Ngoài bốn mùa vừa được thẩm định ở trên, còn có những thời gian rải rác trong năm cũng thuận lợi cho người Kỷ-Mão. Đó là 17 ngày sau chót của những tháng 3, tháng 6, tháng 9, và tháng chạp âm lịch, là thời gian Tử-cực.

Sự khôn ngoan thông thường nhắc nhở chúng ta là chỉ nên gần và dùng những màu sắc tốt và có lợi cho mình, và chỉ nên khởi công những việc quan trọng trong đời vào những thời gian hoặc mùa tốt, thuận lợi, để dễ có thêm may mắn, nhẹ nhàng, hầu giúp cho công việc dễ hanh thông, thắng lợi.

d. Tuổi Kỷ-Mão có năm hạn là Tỵ, Hợi, năm xung là những năm Dần, Thân, Mão, Dậu, và ba năm tam tai là Tỵ (cũng là năm hạn nữa), Ngọ, Mùi.

B. Địa lý phong thủy dưỡng trạch

Xin lưu ý: Những hưởng tốt/xấu của nam, nữ Kỷ-Mão 1999 khác với những hưởng tốt/xấu của nam, nữ Kỷ-Mão 1939. Dưới đây là những hưởng tốt/xấu của nam, nữ Kỷ-Mão 1999:

Nam: a. Những hưởng tốt:

1. Sinh khí: Đông Nam (Tốn) là hướng rất tốt và vượng, thường mang lại an khang, thịnh vượng, thắng lợi, gia đạo yên vui, tránh được nhiều bệnh họa. Trường nữ được hưởng nhiều lợi ích.

2. Thiên-y: Chính Đông (Chấn) là hướng vượng và tốt trên nguyên tắc, nhưng cách tốt bị phá vì nội khắc ngoại nên không những không trông nhờ được, mà lại còn bất lợi cho trường nam.

3. Duyên-niên: Chính Nam (Ly), là hướng tốt nhưng cách tốt cũng bị phá vì nội khắc ngoại, nên lại trở thành bất lợi cho con gái giữa.

4. Phục-vị: Chính Bắc (Khảm), là hướng tốt vì hay mang lại những may mắn tốt lành về mọi sự: công việc, tiền bạc, giao dịch, gia đạo, hay có cơ may dịp tốt để dễ đạt thắng lợi. Con trai giữa được hưởng nhiều lợi ích.

a. Những hưởng xấu:

1. Tuyệt-mạng: Tây-Nam (Khôn), là hướng rất độc hại, gây đau yếu, ác bệnh, yếu tử, nhiều bệnh họa, thất bại, hiếm con có thể tới mức tuyệt tự, túng quẫn, nhiều lo buồn, người mẹ chịu nhiều ảnh hưởng thiệt thòi.

2. Ngũ-quí: Đông-Bắc (Cấn), rất độc hại, gây mâu thuẫn, tranh chấp, bất hòa, thua kiện, gia đạo xáo trộn đảo điên, con cái ngỗ nghịch, công việc bế tắc, tiền bạc túng hụt. Con trai nhỏ chịu nhiều rủi ro.

3. Lục-sát: Tây-Bắc (Càn), là hướng rất xấu, mang lại những rủi ro, mất mát thua thiệt, buồn phiền lo lắng về công việc tiền bạc, gia môn mất hòa khí, nợ nần chồng chất. Ông bố thường bị ảnh hưởng bất lợi.

4. Họa-hại: Chính Tây (Đoài) là hướng xấu nhẹ nhất, thường gây những bức dọc, khó chịu, chậm trễ, miệng tiếng, hiểu lầm... trong sinh hoạt hàng ngày; ứng xấu cho con gái nhỏ.

Nữ: a. Những hưởng tốt:

1. Sinh-khí: Tây-Nam (Khôn), là hướng vượng và tốt nhất, nhưng cách tốt bị phá vì nội khắc ngoại nên không nhờ cậy khai thác được mà lại còn trở nên bất lợi cho mẹ.

2. Thiên-y: Tây-Bắc (Càn), rất vượng và tốt, thường mang lại cho gia môn những tốt lành may mắn về mọi phương diện: sức khỏe tốt, gia đạo an vui hòa thuận, tránh được nhiều bệnh họa, tin vui về công việc làm, tiền bạc, giao dịch, bạn bè cộng sự viên trung tín, đắc lực. Bố được hưởng nhiều may mắn, lợi ích.

3. Duyên-niên: Chính Tây (Đoài), hưởng tốt và lợi hay mang lại những việc vui mừng, thắng lợi về giao dịch, tình cảm, nhân duyên, gia đình hòa thuận, hạnh phúc, lợi cho việc thêm cộng sự viên, công việc, tiền bạc hanh thông. Con gái nhỏ được hưởng nhiều lợi ích.

4. Phục-vị: Đông-Bắc (Cấn), hướng tốt, nhưng cách tốt bị phá vì nội khắc ngoại, nên lại trở thành bất lợi cho con trai nhỏ.

b. Những hưởng xấu:

1. Tuyệt mạng: Đông-Nam (Tốn), là hướng độc hại, thường gây bệnh họa, ác bệnh, yếu tử, thất bại, ly biệt, hay xảy thai, khó có con có thể đến mức tuyệt tự, có con cũng sẽ bị buồn vì con, công việc tiền bạc bế tắc, nhiều lo buồn. Con gái trưởng chịu nhiều thiệt thòi.

2. Ngũ-quí: Chính Bắc (Khảm), rất độc hại, thường gây mâu thuẫn, chia ly, tranh chấp, thị phi miệng tiếng, thất bại trong công việc, tiền bạc, giao dịch, bị gian dối, lừa gạt. Con trai giữa gánh chịu những sự thiệt thòi.

3. Lục-sát: Chính Đông (Chấn), là hướng xấu, vì thường gây xui xẻo, rắc rối, mất cơ hội tốt, dính dáng tới pháp luật, đau

yếu/ tai nạn có thể tới mức trầm trọng. Con trai trưởng chịu nhiều thiệt thòi.

4. Họa-hại: Chính Nam (Ly), là hưởng xấu nhẹ nhất, gây chậm trễ, trở ngại, bệnh, họa nhỏ, hiểu lầm, thị phi. Con gái giữa bị ảnh hưởng bất lợi-

4. Năm kỷ-mão 1999 với người kỷ-mão 1939

Lưu niên tiểu hạn của những người sinh năm Kỷ-Mão 1939, nam cũng như nữ, và những người *cùng tuổi Mão nhưng khác Can*, đều đóng tại cung Sửu. Bởi vậy, những điều xảy đến với các ông, bà Kỷ-Mão 1939 trong năm nay 1999 cũng tương tự như nhau. Vì năm Mão cũng là năm xung của những người tuổi Mão, nên quý vị cử tuổi Mão là cần thận trọng tối đa về mọi phương diện, để cố giảm thiểu phần nào những điều bất lợi.

Những điều xảy ra trong năm 1999 gồm có:

a. Nên thận trọng vì những trục trặc tổn tiền về xe cộ, có thể là vì đụng xe; sao này cũng chỉ té ngã, hoặc vật gì bay/rơi/đổ đè vào người, bị đánh đập hành hung. Có sao mố xè châm chích nhất là đối với những người sinh tháng giêng, năm, chín, mười một âm lịch.

b. Thêm người do cưới hỏi, sinh nở, nhận con nuôi/đỡ đầu, nhất là đối với những người sinh tháng tư, tháng mười âm lịch. Thêm cộng sự viên, cổ đông trong hoạt động thương mại.

c. Bị hiểu lầm, miệng tiếng tại nơi làm việc hoặc vì vấn đề kiếm hay quản trị tiền bạc. Về công việc làm sẽ có từ mức biến chuyển (thêm/bớt trách nhiệm) đến mức thay đổi (đổi ngành, địa điểm), trước dù sau lành.

d. Trong dòng họ có thân nhân gần đau nặng, có thể tới mức tang chế, ứng ở phương xa.

e. Song Lộc đóng tại cung Ngọ cho thấy có thể vì nhờ giao dịch giới, bạn tốt, nên vượng về phương diện tiền bạc. Tin vui về tiền từ xa tới.

f. Cần thận vì có thể bị mất cắp, mất trộm tại nhà, có sở làm ăn, xe.

g. Sức khỏe suy yếu vì những phiền nhiễu do tim, ruột non, động mạch (cardiovascular); nguy cơ heart attack, stroke, tắc nghẽn, sưng ruột non không nên coi thường. Thủ đến là các phiền nhiễu, sưng, buồn mụn ở bộ phận bài tiết nước tiểu, sạn thận, lọc thận, niếp hộ tuyến (phái nam), bộ phận sinh sản (phái nữ).

Tóm lại, bài phân tích trên về niên hạn và năm xung của tuổi Kỷ-Mão 1939 gồm những nét bất thuận lợi nhiều hơn những nét thuận lợi. Tuy nhiên, nếu có đủ những yếu tố căn bản cần thiết là tháng,

ngày, giờ và nơi sinh trong phần thẩm định vận mệnh, thì việc luận giải mới phong phú hơn và chi tiết hơn nhiều với những nét chấm phá vui buồn trong sự việc xảy ra.

Ngoài ra, người viết xin mạn phép *nhấn mạnh điểm này để quý vị độc giả cứu xét*; các lịch và lịch sách tiếng Việt, chữ Nho có ghi những ngày tốt, xấu và những hưởng xuất hành để cầu tài thần, hi thần, v.v... cho những người xem lịch tham khảo. Khi lịch nói tốt là tốt cho tất cả mọi người, xấu là xấu chung cho mọi người về ngày và hưởng; như vậy, *sự thẩm định giá trị tốt/xấu có tính cách ép buộc, độc đoán và phi lý*. Tốt chỉ có thể là tốt cho những người thuộc một số hành và tuổi nào được thuận lợi, chủ không phải là tốt cho tất cả mọi người xem lịch. Xấu cũng chỉ là xấu cho những người thuộc một số hành và tuổi nào khác gánh chịu bất thuận lợi, chủ không phải là xấu cho bất cứ ai tham khảo lịch sách.

Bởi vậy, nếu thấy lịch ghi là ngày cũ hay kỵ đính hôn, cưới gả chẳng hạn, mà nghĩ rằng cả thiên hạ không ai hỏi vợ, lấy chồng trong ngày đó là hơi vội vã. Thực tế cho thấy người ta vẫn lấy vợ, lấy chồng trong "ngày phải kiêng cũ" đó, rồi người ta vẫn sống hạnh phúc bên nhau, thuận hòa êm ấm. Nhiều đời khác, cũng theo lịch dạy là ngày tốt cho đính hôn, cưới gả mà kết hợp phu thê, rồi cũng không lâu sau đó là chia phối, là đoạn tình đứt nghĩa tào khang. Tóm lại, xem lịch để biết ngày đó thuộc Hành gì, Trục gì, Sao gì, những cát và hung thần gì, hầu hết sự lợi/hại cho mình như thế nào vì hợp nhiều ít ra sao theo hành. Do đó, những điều nên làm và những điều cần kiêng cũ theo sự chỉ dẫn của lịch (bất cứ lịch nào), theo thiên ý, đều *không có căn cứ, và vì thế không nên tin*, nếu không có ý kiến thứ hai (thứ ba). Chắc chắn phải là những trường hợp riêng rẽ với những cách tính riêng rẽ, khác nhau, vì mỗi cá nhân đều có những dữ kiện/chi tiết khác nhau: *thử hỏi như vậy làm sao cả trăm ngàn người khác nhau lại giống nhau như một vậy?*

Người viết xin được kết thúc bài luận nhỏ này bằng lời chân thành cảm tạ sự chú ý của quý độc giả, và bằng lời chúc lành chân thành đầu năm tới chữ liệt vị:

CUNG CHÚC TÂN NIÊN
VAN PHÚC

Lên Chùa



*Hôm nay nhân dịp lên Chùa
Dâng hương lễ Phật nhân mùa xuân
sang*

*Thấy lòng ấm áp nhẹ nhàng
Như thuyền xuôi mái theo làn nước
đưa*

*Những lần tôi đã lên Chùa
Lòng nghe bát ngát như vừa thanh
tân
Tụng kinh tràng hạt tay lần
Hình như quên hết bụi trần ngày xưa*

*Nên tôi vẫn thích lên Chùa
Tâm lành chẳng muốn hơn thua với
đời
Ưống ăn chỉ đủ sống thôi
Lợi danh bèo bọt nổi trôi bốn mùa*

*Nhớ xưa theo Mẹ lên Chùa
Nghe chuông tịnh độ, trầm vừa bay
hương
Dù chưa hiểu lễ vô thường
Nhưng tâm chợt thấy vừa nương
bóng thiền*

*Thấy đời nhẹ-tạ an nhiên
Thấy người mặc áo lam hiền như
mây
Hoàng hoa thanh thoát bóng Thầy
Như dòng suối mát chảy đầy hồn thơ*

*Chảy từ tình mẹ nghĩa cha
Tử ân nuôi dưỡng khoan hoà bao
dung
Lượng đời ấm áp khôn cùng
Tiền rừng bạc bể chưa từng để mua*

*Từ khi thỉnh thoảng lên Chùa
Khi về chợt thấy bốn mùa để thương*

...

● Đan Hà

NĂM MÈO nói chuyện MÈO

● THỊ TÂM

*Tuổi Mèo là con mèo ngao,
Hay quấu hay quào ăn vụng thành tinh!*

Năm nay, là năm Kỳ Mão (Mèo), năm con Mèo, con vật đứng vào hàng thứ tư trong 12 Chi của chu kỳ một con Giáp 12 năm.

Nói đến Mèo thì ai cũng nghĩ theo hai nghĩa: nghĩa Đen và Bóng của nó. Mèo đã đi vào văn chương Việt Nam qua những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ v.v...

I. Mèo theo nghĩa đen

Mèo là con vật nhỏ, thuộc loại ăn thịt, lông mềm, râu trắng cứng và cử động được, móng bén nhọn, mình nhẹ, leo giỏi. Ở các nước Á Châu, mèo được nuôi trong nhà để bắt chuột. Còn ở Âu Châu thì mèo được nuôi trong nhà để làm kiếng cho vui của vui nhà chó chuột ở đâu mà bắt!

Mèo rất sợ lạnh, ở thôn quê ban đêm mèo thường vào bếp nằm khoanh trong tro để được ấm nên mặt mũi thường dính lọ tèm lem; hoặc lên leo lên giường ngủ của trẻ con chui vào mền hay chiếu để được đứa trẻ truyền cho hơi ấm. Tuy nhiên mèo thường bị liệng xuống đất vì hơi thở của nó nghe *khò... khò... khò...* làm mất giấc ngủ của trẻ con.

Mèo có nhiều loại như:



Mèo Mun: Mèo lông đen, người ta gọi *mèo mun*, cũng như *chó mực*, *gà ô*,

ngựa ô, chỗ không ai gọi mèo đen, chó đen, gà đen hay ngựa đen bao giờ. Tiếng Việt phong phú là ở chỗ đó.

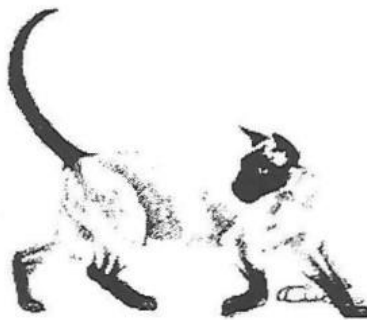


Mèo mướp: Mèo lông mốc, vằn hơi đen.

Mèo tam thể: Mèo lông ba màu: trắng - vàng và đen.



Mèo Vá: Mèo trắng vá đen - hay đen vá trắng.



Mèo Xiêm: Giống này xuất xứ từ Thái Lan, lông trắng, chót chân, đuôi, đầu, lỗ tai sạm đen, mắt đục.

Mèo Rừng: Giống mèo ở rừng, lớn con và rất dữ tợn.

Mèo đàng: Mèo hoang vô chủ, mèo không người nuôi tự tập có đàng ở ngoài đồng, trong rừng, trong vườn, đến tối mò lên vào nhà dân chúng để cạy nồi niêu ăn vụng v.v...

Mèo ngao: Tiếng mèo kêu người ta gọi là *mèo ngao*, cũng như *chó sủa* hay *chó tru* chỗ không ai gọi mèo kêu hay chó kêu bao giờ.

II. Mèo theo nghĩa bóng

Mèo thì lúc nào cũng yếu điệu, dịu dàng, nũng nịu với chủ và lúc nào cũng được chủ nuông chiều. Đặc tánh của mèo là ăn vụng, bởi vậy mới có câu: "*Mèo treo, chuột đầy, để vậy nó ăn*". Mà ăn vụng thì phải lên lút sợ người ta bắt gắp. Thêm nữa, mặc dù mèo được nuôi trong nhà, nhưng khi nó *tò tí* thì lòi ra ngoài đồng, ngoài mả, trên nóc nhà v.v... Chọn nơi nào vắng vẻ không ai thấy để làm tình. Do đó trong dân gian Việt Nam mới có những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ v.v... lấy tên mèo để ám chỉ những cuộc tình lên lút này. Như:

Những người đàn ông, đàn bà hoặc trai gái tử tình nhau, hẹn hò, gặp gỡ lên lút nhau nơi này nơi nọ, tránh sự dòm ngó của người đời, trái với phong tục lễ giáo, như mèo đục mèo cái gặp nhau ở ngoài mả, gà trống gặp gà mái ngoài đồng v.v... thì người ta nói: "*Hạng mèo mả gà đồng*". Trái lại những đàn ông, đàn bà hoặc trai gái đàng hoàng, biết trọng lễ giáo, có tư cách xứng đáng thì không tình tự lên lút ngoài đường xá, trong ngõ cụt trước khi chánh thức lấy nhau, thì người ta gọi: *Mèo lành chẳng ở mả*.

Còn hạng người lồi thối, dù đàn ông hay đàn bà, trai hay gái mà thiếu một nếp sống đàng hoàng trong gia đình; ngoài đời gặp ai lấy nấy, già không bỏ nhỏ không tha, mà chỉ lấy qua đường thôi thì bị dân gian Việt Nam phang cho một câu: *Mèo đàng chó hoang*. Mà *hễ mèo đàng gặp chó hoang* thì rất xứng đôi vừa lứa, kẻ tám lạng người nửa cân, nên mới có câu ca dao: *Mèo đàng mà gặp chó hoang, anh đi ăn trộm gặp nàng xối khoai*.

Ngoài ra, còn có những thành ngữ cũng nói về Mèo theo nghĩa bóng, nhưng nghĩa khác, không ám chỉ về các cuộc tình lên lút như:

Mèo lành ai nỡ xách tai, có ý nghĩa là nếu người đàn bà khôn khéo, đàng hoàng, sống có nề nếp đạo đức, trên kính dưới nhường, không có lỗi gì thì ai rầy la, trách phạt bao giờ. Còn ngược lại *Gái hư chông bỏ, khoe tài nổi chi!*

Tự lượng mình sức yếu, thì làm việc nhẹ, xấu không nên ham vợ đẹp; mọi việc trên đời nên lượng sức, tùy tài, không nên đua đòi, bắt chước, tham lam tất cả hư việc lại hại thân nên mới có câu: *Mèo nhỏ bắt chuột nhỏ*, cũng như "*liệu cơm gắp mắm*" vậy. Còn *Mèo quào không xuể phen đất* ám chỉ người tài hèn, sức yếu, không làm nổi việc to: cũng còn ám chỉ người chồng khờ, thiếu bản lĩnh không trị nổi người vợ hung dữ, lanh lợi bản lĩnh v.v...

Người ta hay tự khoe khoang, cái gì mình làm ra cũng cho là hay, là khéo, là hơn người, vượt bậc v.v... nên người đời tặng cho một câu: *Mèo khen mèo dài đuôi*.

Còn *Mèo già hóa cáo* thì sao? Ám chỉ những người càng lớn tuổi càng nhiều

Còn *Mèo già hóa cáo* thì sao? Ấm chỉ những người càng lớn tuổi càng nhiều kinh nghiệm, nhưng kinh nghiệm tinh ranh, có nghĩa là *sống lâu lên lão làng* lại sinh tính gian xảo, nhiều mưu mô v.v...

Mèo đến thì khó, Chó đến thì giàu. Theo sự tin tưởng thông thường của dân gian, hề mèo đến nhà ai ở thì nhà đó sẽ nghèo, ngược lại nếu Chó đến thì giàu. Không biết có đúng không?

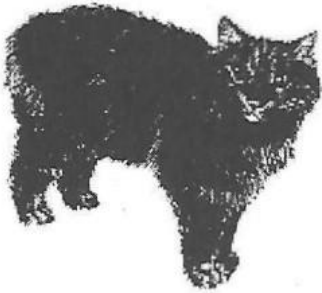
Mèo ăn ở rất sạch, không khi nào nó ỉa bậy. Trước khi ỉa nó moi một cái lỗ ở dưới đất, ỉa xong nó lấp đất lại giấu kín phân của nó, vì phân của nó rất hôi thúi, nếu nó ỉa bậy trong nhà thì không ai chịu nổi và cũng chẳng ai muốn nuôi nó. Đó là nói ở bên Việt Nam, còn ở Tây Âu nhà

không vờ ăn chuột, mà chuột cũng chẳng sợ mèo. Do đó ông có gửi thư lên cho chánh quyền Sài Gòn cho phép ông ra Hà Nội để thuyết phục Hồ Chí Minh, ông lập luận rằng tại sao Mèo và Chuột sống chung hòa bình với nhau được. Còn người miền Nam và người miền Bắc cùng một tổ sinh ra mà cứ đánh giết nhau hoài vậy? Nhưng, rất tiếc việc đó không thành, vì chánh quyền Sài Gòn không chấp thuận cho ông đi, mà Hà Nội cũng khước từ lời yêu cầu của ông.

Sau đó không biết chú mèo của ông Đạo Dừa có xối tái chú chuột không? Chẳng ai biết được. Nhưng có một điều là giữa **Quốc** và **Cộng** không thể sống chung hòa bình được. Bằng chứng là sau năm

ông nghĩ rằng **Mèo** và **Chuột** còn sống chung hòa bình được thì tại sao **Quốc** và **Cộng** không làm được như vậy. Nhưng ông đã nhầm, cũng như một số người khác đã và đang nhầm như ông vậy.

Chuyện mèo trong cổ tích dân gian còn nhiều, nhưng sự hiểu biết có giới hạn, trước khi ngừng bút người viết xin kính chúc quý độc giả năm mới Kỷ Mão thân tâm thường an lạc, vạn sự kiết tường như ý và nhất là nhiều nghị lực để dẫn thân trên con đường đấu tranh thực hiện **Tự Do - Dân Chủ** cho đất nước ●



thì của đóng then gài tối ngày, làm sao nó ra ngoài ỉa được. Do đó người ta phải mua hay đóng một cái thùng cây, trong bỏ cát để một góc nào đó để nó ỉa vào và nó tự lấp cát lại giấu. Vì vậy nếu ai có chuyện gì muốn giấu giếm, không nói ra cho ai biết người ta nói: *Giấu như mèo giấu cứt!*

Mèo và Chuột là hai con vật không cùng chung sống nhau được. Vì lúc nào mèo cũng tìm chuột để ăn thịt: Còn chuột thì luôn luôn lẩn tránh mèo. Chuột thường than: *Trời sanh ta ra, còn sanh ra mèo, để ta phải ngày đêm lẩn tránh!*

Bốn câu ca dao sau đây nói lên sự xung khắc to lớn giữa hai nhà Mèo và Chuột

*Con Mèo trèo lên cây cao
Hỏi thăm chú Chuột đi đâu vắng nhà
Chú Chuột đi chợ dưỡng xa
Mua mắm mua muối giỏ cha chú Mèo!*

Chuột đã sợ mèo rồi, mà mèo có tha chuột đâu. Nó trèo lên cây cao hỏi vọng qua nhà Chuột tại sao chuột vắng nhà không bỏ qua để nó xối tái. Chuột giận bầm gan, tím ruột trả lời một câu móc họng và trịch thượng là Chuột đi chợ mua mắm mua muối về giỏ cha mèo! Đúng là vô quít dày có móng tay nhọn.

Trước năm 1975, ông Kỹ sư Nguyễn Thành Nam, tức ông Đạo Dừa, (vì ông ta tu và chỉ ăn dừa tươi mà sống, nên mới có tên ông Đạo Dừa), tu ở Cù lao Rồng, nằm giữa sông Tiền Giang, bên này châu thành Mỹ Tho, bên kia là làng Tân Thạch, tỉnh Bến Tre, có nuôi Mèo và Chuột cùng chung trong một cái lồng. Không biết ông huấn luyện ra sao mà Mèo và Chuột sống chung hòa bình. Mèo



1975, khi Cộng Sản cưỡng chiếm được miền Nam, hàng hàng lớp lớp Quân Cán Chính miền Nam bị đày đi tù cải tạo mức mùa, tài sản, nhà cửa, ruộng vườn bị tịch thu v.v... Cho đến bây giờ 24 năm sau, chánh sách khủng bố, trấn lột, kỳ thị của người Cộng Sản miền Bắc đối với người miền Nam vẫn không có gì thay đổi cả. Nếu ông Đạo Dừa còn sống đến ngày nay chắc ông rất đau lòng và buồn tủi khi nhìn thấy thảm trạng đau thương này. Vì



Mèo giống Ba Tư

Xuân

*Khi mai dậy nắng hé cười duyên
dáng,
Con gió vươn mình lay rụng tàn
sương,
Bầy chim non ca khúc nhạc
xuân thương
Sau lớp thảm nhung mịn màng
cỏ nhú.
Trên đầu cành búp xuân xanh
vừa đủ
Lả lơi tìm người tình cũ "chưa
quen",
Xuân tuần hoàn mà vẫn ngỡ đầu
tiên,
Nên ân ái mặn nồng như tình
mới.
Xuân duyên quá cho lòng trời
xối lởi
Nhiệt độ điều hòa, mây tui lánh
xa,
Trời êm xanh rọi tia nắng ngọc
ngà
Trên tóc, môi, trên mắt xuân âu
yếm.
Xuân e ấp muôn đời người tìm
kiếm,
Xuân nồng nàn vạn vật hóa yêu
thương.*

● Nguyễn Thị Hoa

● Phan Hũng Nhòn

Phiếm luận :

ngày Xuân về MÈO

Năm Mậu Dần trôi qua thì năm Kỷ Mão lại đến. Mão đứng hàng thứ tư trong vòng con Giáp. Đây là năm con Mèo, một loại gia súc mà ngày nay thường được người nuôi trong nhà để bắt chuột. Các nhà khoa học nói rằng giống mèo là một loại thú có nguồn gốc rất xa xưa, cách đây cả hàng triệu năm và sống đời dã thú tại các vùng hoang vắng. Gần khoảng hai ngàn năm trước Tây lịch, người Ai Cập đã khởi đầu nuôi mèo như gia súc, chỗ trước đó loài người rất ngại mèo và xem mèo như là một thú vật chuyên đem bất hạnh đến cho người. Truyền tích Tây phương xưa có kể lại rằng: Vua Anh quốc James VI du ngoạn từ vùng Thụy Đan về thì giữa biển tàu ông bất ngờ gặp bão tố, vì trên tàu chở ông có lọt một con mèo đen, sau phải bắt mèo liêng xuống biển thì hết bão. Một số dân Anh ngày xưa tin rằng quỷ hay nhập vào mèo để gây bạc hạnh cho dân chúng, nên hề bắt được con mèo đen nào là họ bỏ vào giỏ treo lên thiêu sống, vì nghĩ rằng làm như thế để kéo dài sự già yếu đau đớn để làm cho quỷ sợ. Ở Âu Châu cũng có thời mà các phù thủy hay nuôi mèo đen trong am miếu của họ để chứng tỏ họ có tài điều khiển được quỷ thần. Có đôi nơi mèo được thờ như thần thánh. Tại Kim Tự Tháp ở Giseh (Ai Cập) nơi chôn vua Pharaon Cleops và Nữ Hoàng Chepren, thấy có thờ nữ thần mèo Bastet. Ngay ở Việt Nam ngày nay còn có đôi nơi tin rằng nếu trong nhà có người vừa quá vắng mà bị con mèo này nhảy ngang qua là xác sẽ dựng đứng lên. Các tài xế xe đồ nhất quyết không lái chuyến xe ngày đó nếu trên xe có khách đem mèo theo. Ngày nay loài người đã hết sợ mèo. Tại Âu Mỹ, mèo đã được nuôi dưỡng như những con vật cưng thượng trong nhà. Số lượng mèo được nuôi như thế cũng gần trên 45 triệu con và những người nuôi đã phải chi tiêu hàng ngàn triệu đô-la để trả tiền thức ăn, các dịch vụ y tế cũng thuế má hay bảo hiểm cho mèo. Ở Việt Nam ngày nay cũng đã có nuôi mèo làm gia súc để bắt chuột. Tuy nhiên vì còn quan niệm mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì sang nên con mèo chưa được người

triu mến như chó, nên chó và mèo có sự ganh tị, hề gặp nhau là cào cấu cắn sủa, nên từ đó có câu *làm gì như chó với mèo* để chỉ những người hề gặp nhau là cãi cọ. Mèo rất sợ nước, nên tục ngữ có câu *phải một cái, giải đến già*. Một tục ngữ Pháp *Chat échaudé craint l'eau froide* (mèo bị bỏng nước nóng, thấy nước lạnh cũng sợ). Tuy sợ nước nhưng mèo rất sạch, khi đại tiện xong thì lấy chân cào đất để lấp kín. Giác quan của mèo rất nhạy, mũi ngửi mùi rất xa, mắt có thể thấy rõ mọi vật trong đêm tối nhưng thỉnh nhất là lỗ tai. Mỗi khi vành tai dựng đứng thẳng lên mèo có thể nghe được từ rất xa, vì vậy có câu *tiu nguih như mèo cụt tai*. Mèo thường ngày ăn rất ít nên có câu *nam thực như hổ, nữ thực như miu*. Tuy ăn ít nhưng mèo cũng như chó thường có tật ăn vụng nên người thường hay nói *chó treo mèo dẫy*. Mèo rất thích ăn mỡ. Thấy mỡ là mèo bỏ đi không đành. Những người đàn ông có máu 35 thấy gái đẹp thì mắt củ nhón nha nhón khác, mắt la mày lém, thường bị chế giễu *người gì trông thấy gái như mèo thấy mỡ*. Những người có vợ đẹp hoặc con gái xinh thì không nên chứa trai lạ trong nhà, vì như thế khác gì *mỡ treo trước miệng mèo* có ngày vừa mắt cả vợ con có khi luôn cả tài sản. Con trai con gái những gia đình thanh lịch thường được khuyến đứng nên bắt chước những hạng *mèo đang chó điếm*, chẳng nên giao du với hạng *mèo mà gà đồng* vì *mèo lành chẳng bao giờ ở mã*.

Mèo và chuột được xem như là thù nhau muôn kiếp nhưng trong dân gian Việt Nam từng có người hóm hình đặt ra những câu ca dao mượn cảnh mèo chuột để chế giễu những người giả nhân giả nghĩa:

*Con mèo trèo lên cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm, mua muối giỗ cha con mèo.*
Chuột sợ mèo ở lán cao trên cây cau. Mèo vì đói có trèo lên để bắt chuột lại được diễn tả như mèo vì thương nhớ chuột ghé lên vấn an. Chuột sợ mèo nên đi tránh xa lại tỏ vẻ quy lụy lòn cúi nói như đang lo đi mua đồ để giỗ cha con mèo.

Cũng có những câu được đặt ra để chỉ trích lẽ lối xử sự của đôi người: *Mèo tha miếng thịt thì đòi, kénh tha lợn nái mắt nhìn ngẩn ngơ*. (Kénh là con cạp).

Đối với người, chuột chỉ là một thú vật chỉ ăn và gặm phá, trái lại mèo cũng có công giúp chủ trừ chuột, nhưng có điều lạ khó hiểu là vì sao người không đứng về phía mèo, con thú giúp mình, mà lại đứng về phía chuột, con thú thường phá hoại mình? Trong các câu chuyện kể về mèo, mèo thường được xem như là kẻ ngu đần: Ở các màn ảnh truyền hình, các truyện tích như Tom và Jerry mà các em nhỏ thường say mê theo dõi cho thấy một

chú chuột thông minh dí dỏm để mếu bên cạnh một con mèo ngu si thấp trí. Nhà ngụ ngôn La Fontaine cũng kể chuyện con mèo cùng con khỉ gặp một lò than nóng đang có lùi những hạt dẻ thơm tho ngon lành. Khi làm bộ khen tài mèo nên mèo hứng chí cố khều mấy hạt dẻ ra ngoài lò, đầu hạt dẻ và than đang nóng đến nỗi chân mèo gần như bị phỏng. Lấy ra hạt nào thì khi làm thỉnh ăn hết hạt nấy. Thỉnh linh có chủ nhà đi tới, hai con thú giật mình bỏ chạy, khi được no bụng thì mèo lại vừa bị đói bụng vừa bị phỏng chân.

Jean de la Fontaine cũng có kể chuyện con mèo và con chồn cùng đi du ngoạn. Lúc đi dọc đường kiếm chuyện để nói cho khỏi chán. Chồn khoe là mình khôn ngoan có cả trăm mưu mẹo trong đầu óc. Mèo thì nói nó chỉ một mưu mẹo nhưng đáng giá cả ngàn vàng. Vừa nói đến đấy thì nghe tiếng sủa của một bầy chó săn sắp đến. Mèo nói với chồn: "Mày nhiều mưu kế thì hãy lựa mau một mưu kế an toàn để mau tránh lũ chó săn, còn tao thì tao chỉ có một mưu kế độc nhất này mà thôi". Nói xong mèo vội vọt trèo lên một cây cao trong khi chồn đang ngần ngừ suy nghĩ thì bị bầy chó săn ào tới cắn xé. Trong các truyện cổ tích về mèo, có chuyện: Một ông nọ có nuôi một con mèo trong nhà cho đỡ thấy cô đơn. Mèo của ông ta rất ngộ nghĩnh, kháu khỉnh nên càng ngày ông càng thương nó đến nỗi ông cầu mong Thượng Đế biến con mèo thành một phụ nữ đẹp để làm bạn với ông. Thượng Đế thương tình chấp nhận và con mèo trở thành một phụ nữ xinh đẹp làm ông ta say đắm như điên. Ngày này qua ngày nọ, ông luôn luôn đổ dành chiều chuộng thương yêu như một người vợ và quên hẳn nó nguyên là mèo. Một hôm ông và con mèo được đổi dạng thành người đang âu yếm món trồn nhau tình tú ở phòng ngủ, thì có một con chuột thấy vắng bóng mèo nên chạy nghênh ngang giữa phòng. Người đàn bà liền xô ông ra rồi nhảy chồm tới chụp con chuột bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến ngon lành làm ông ta ngao ngán than rằng: đã là kiếp mèo thì đầu có đổi dạng, bản tính vẫn là mèo.

Nhà văn Perrault cũng có kể một chuyện về Con Mèo Đi Hia: Đại ý, có một con mèo thông minh nói với chủ nó sấm cho nó một đôi hia để nó đi rồi nó sẽ đền ơn cho. Sau khi có đôi hia, hằng ngày nó ra những đồng cỏ nằm giả chết để nhử chim hay thú lại gần để bắt. Nhờ thế nhà chủ nó khi nào cũng có lương thực dư dả. Nó còn đem một số chim muông bắt được biểu nhà vua và tâu rằng đó là của chủ nó sai đem đến dâng vua. Một hôm nhà vua đang tuần du ngang vùng, nó bảo chủ nó cởi hết áo quần rồi núp vào bụi lau ở bờ ao, còn nó thì đem áo quần chủ nó giấu đi. Xa giá vừa tới thì nó hô hoán

có quân gian đã lấy mất quần áo của chủ nó là người thường cho đem chim muông dâng tặng nhà vua. Nghe vậy, nhà vua bèn truyền ban cho chủ nó một bộ quần áo mới. Chủ nó bận vào thấy như người sang trọng và đợc nó giới thiệu với nhà vua chủ nó là Hầu tước. Trong khi chủ nó cùng đi với nhà vua thì nó phóng đi trước. Gặp những người làm ruộng hai bên đường thì mèo vừa dọa và dặn rằng: nếu nhà vua có hỏi ruộng đồng của ai thì phải tâu là của Hầu tước. Vì vậy khi nhà vua đi ngang qua hỏi thì tất cả nông dân đều trả lời như mèo đã dặn nên nhà vua tưởng rằng chủ con mèo ắt phải là một người rất giàu có và đầy quyền thế. Con mèo vẫn đi trước và đến một lâu đài nguy nga tráng lệ mà chủ lâu đài là một con yêu tinh có nhiều phép lạ và chủ của những thửa ruộng mà con mèo vừa đi qua. Lúc đầu mèo nói khích để con yêu tinh biến hình thành con sứ tử. Lúc yêu tinh biến thành sứ tử xong thì mèo lại nói khích rằng yêu tinh không thể biến thành một thú vật nhỏ như con chuột chẳng hạn. Con yêu tinh tức khí liền biến mình vừa thành con chuột nhỏ thì liền bị con mèo lanh lẹ đập ăn ngay. Khi nhà vua đến thì mèo mở cửa lâu đài đón vào nhà, nói đây là lâu đài của Hầu tước chủ nó. Nhà vua rất hài lòng và sau đó gả công chúa cho chủ con mèo.

Nếu ở Âu Châu, hoặc ở Pháp chẳng hạn, người ta có thể nói "Monsieur Paul a un chat" (ông Paul có một con mèo), nhưng nếu ở Việt Nam mà nói "ông Thành có mèo" tất dễ bị hiểu lầm ngay. Vì tuy rằng ở Việt Nam cũng có nhiều loại mèo: nào là mèo múp, mèo mun, mèo vàng, mèo xiêm, mèo vá, mèo tam thể v.v... nhưng cũng có loại mèo rất đặc biệt mà sự sấm sủa nuôi dưỡng tuy tốn kém vô cùng những gần như mọi đàn ông đều thích. Đó là loại mèo hai chân. Khác loại mèo bốn chân chủ biết kêu meo meo, loại hai chân biết nói những lời tinh tú, biết nựng nịu món tròn và thích đợc các ông chủ vuốt ve nuông chiều âu yếm nhưng lại bị các bà chủ thù ghét. Vì vậy nếu chỉ nói gọn "Ông A hoặc ông B có mèo" thì chẳng bao lâu chén đĩa trong nhà hai ông ấy sẽ bể hết.

Ở Việt Nam cũng có nhiều truyện tích về mèo, đại khái như truyện Con Mèo của vua Lê mà chúng ta thường nghe kể khi nhắc tới Trạng Quỳnh. Ngoài ra cũng phần đông là những truyện tiểu lâm mà người kể thường mượn vai về mèo để chế giễu vui đùa, ví dụ như chuyện Con Mèo Biết Nói của cô chủ quán và Ba Giai Tú Xuất v.v... và những chuyện dí dỏm như thể về mèo rất nhiều, có kể suốt năm Kỳ Mão cũng không hết ●



● Phan Húng Nhón

Nhận thức về một vài diễn đạt sai lầm về văn hóa

Từ thời Hồng Bàng, người Việt Nam xưa đã có tục lệ thờ phụng Ông Bà vào dịp ngày đầu năm (Nguyên Đán). Thờ phụng ông bà không phải là một tôn giáo như một số người đời sau lầm tưởng. Đó là một tạo lập của người xưa để con cháu có dịp tôn kính bày tỏ sự biết ơn của mình đối với các đấng sanh thành ra mình hiện còn sống hay đã quá vãng. Từ cha mẹ, con cháu sẽ nhỏ lần lên tới ông bà, tổ tiên của dòng họ và trên cùng là Tổ Tiên của cả dân tộc: Âu Cơ và Lạc Long. Nhờ vậy qua các đời người Việt Nam không thể quên đợc cội nguồn thật sự của mình.

Nhưng đến thời kỳ nước ta bị Bắc thuộc, Thái thú Tích Quang trong mưu toan đồng hóa dân ta nên tìm mọi cách bắt buộc dân Việt phải sống trong nếp sống của dân Hán, Tần. Dân Việt không còn đợc sử dụng lịch Việt và phải sử dụng lịch Tàu. Niên lịch Tàu khởi trước niên lịch Việt hai tháng. Vì vậy ngày mồng Một tháng Giêng niên lịch Việt trùng vào ngày mồng Một tháng Ba của niên lịch Tàu. Tuy phải miễn cưỡng theo lịch Tàu, nhưng hàng năm cứ đến ngày mồng Một tháng Ba của niên lịch Tàu, người Việt xưa vẫn mượn cớ Giỗ Tổ để trước tôn kính Tổ Tiên sau để vui chơi và bảo vệ ngày Tết cổ truyền của họ. Từ đó về sau ngày mồng Một tháng Ba theo niên lịch Tàu đợc người Việt xưa xem là ngày Giỗ Tổ Tiên rồi dần dần theo thời gian đợc gọi vắn tắt là ngày Giỗ Tổ. Hiện nay nhiều Bộ Tộc miền núi ở Bắc Việt cùng một vài sắc tộc Lào-Thái vẫn còn vui Tết vào tháng Ba âm lịch.

(Đại khái cũng như sau khi cưỡng chiếm đợc miền Nam, Cộng Sản Việt Nam cũng từng áp đặt bắt buộc dân chúng phải ăn Tết theo Dương Lịch. Nhưng sau khi vui chơi ngày đầu năm Dương Lịch, đến ngày mồng Một tháng Ba Âm Lịch dân Việt Nam vẫn cử hành ăn Tết một lần nữa. Công An đến truy tố thì nhà nhà đều trả lời là chỉ cử hành lễ thờ phụng Tổ Tiên. Trước một tập tục đã thấm sâu vào lòng dân tộc và để tránh cảnh ăn Tết hai lần hàng năm, CSVN đành chịu thua)

Sau đó tại địa phận làng Hy Cương, huyện Sơn Vi, tỉnh Vinh Phú (lãnh thổ Phong Châu thời nước Văn Lang) hàng năm cứ đến ngày mồng Một tháng Ba

Âm Lịch, cứ dân địa phương thường cử hành lễ Giỗ Tổ tại các đền miếu trong vùng. Nhưng đến ngày mồng Mười tháng Ba cũng tháng này lại cử hành lễ Tưởng Niệm Nhỏ Ôn Hùng Vương Lập Quốc, tại đền thờ mà xưa kia An Dương Vương đã cho xây trên núi Nghĩa Lĩnh. Như vậy ngày mồng Mười tháng Ba là ngày tưởng niệm công ơn lập quốc của các vua Hùng chỗ không phải là ngày giỗ (tên tuổi cũng như ngày qua đời các vua Hùng đều không đợc biết, thì biết ngày nào mà giỗ). Từ đó tại làng Hy Cương và lân cận hàng năm đều có tổ chức hội hè vui chơi từ ngày mồng Một đến mồng Mười tháng Ba âm lịch.

Dưới thời Pháp đô hộ Việt Nam, hàng năm thực dân Pháp thường áp đặt dân chúng thuộc địa phải tích cực tham gia lễ Quốc Khánh của Pháp vào ngày 14 tháng 7 dương lịch. Các nhà ái quốc Việt phản ứng lại, phổ biến rộng rãi việc cử hành lễ Giỗ Tổ và lễ Tưởng niệm Hùng Vương Lập Quốc ra khắp Bắc Phần và Trung Phần. Nhưng về sau, theo thời gian, do sự truyền miệng tam sao thất bản và cũng do sự kém hiểu biết sử liệu hai ngày lễ lớn này của dân tộc đợc gọi vắn tắt sai lầm lại là lễ Giỗ Tổ Hùng Vương.

Sử liệu từng cho biết các vua Hùng chỉ có công lập quốc chỗ đâu có phải là Tổ của dân tộc. Khi vua Hùng đến lập quốc ở vùng đất tổ Phong Châu thì dân số các bộ tộc ở Bắc Phần theo ước định từ sách Tiền Hán Thư hoặc Địa Lý Chí cũng đã quá trên nửa triệu người rồi. Sách Đại Việt Sử Lược do Tiền Hy Tộ hiệu đính cũng có ghi: "Đến đời Trang Vương nhà Chu (696-682) ở bộ Gia Ninh, có Người Lạ dùng ảo thuật áp phục đợc các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương... Khảo cổ học cũng từng đưa ra bằng chứng Tổ Tiên của người Việt Nam đã cư trú tại lãnh thổ Bắc Phần Việt Nam từ những thời xa xưa của lịch sử. Dân tộc học cũng nói rằng dân tộc Việt Nam là một hợp chủng giữa các tộc bộ dân Keo xưa từ núi rừng tiến xuống trung châu theo lưu vực sông Hồng với các tộc bộ dân Doan từ lưu vực sông Mã tiến lên. Ngôn ngữ học cũng xác nhận Tổ Tiên người Việt nhờ cư trú thiên niên kỷ lâu đời tại Bắc Phần nên đã có đợc sức sống mãnh liệt đủ khả năng bảo vệ ngữ hệ của họ và về sau

nhỏ thế dù dưới gần ngàn năm Bắc thuộc vẫn không bị đồng hóa.

Như vậy chính gần nửa triệu người của các tộc bộ có sẵn tại Bắc Phần, vào thời Hùng Vương lập quốc, mới đứng là Tổ Tiên của dân tộc Việt Nam sau này. Cho nên việc sử dụng danh xưng Giỗ Tổ Hùng Vương quả thật không được thích đáng. Người Việt đời nay nên tôn thờ các vua Hùng như những bậc có công lập quốc tạo được một hợp chủng dân vững mạnh đủ khả năng sinh tồn qua các thời đại.

Ngày nay tại hải ngoại hàng năm cứ đến ngày mùng Mười tháng Ba âm lịch, nhiều nhân vật hay hội đoàn có thiện chí thường thành tâm kêu gọi dân Việt nhỏ ngày Giỗ Tổ Hùng Vương. Các vua Hùng đầu phải là thủy tổ của tất cả dân Việt. Vì vậy xác đáng hơn nên xem ngày mùng Mười tháng Ba âm lịch như là ngày để tưởng niệm nhớ ơn công cuộc lập quốc của các vua Hùng.

Cũng nên lưu ý là hàng năm cứ đến thời khoảng này thì lại thấy đây đó ở hải ngoại nhiều sách sử bằng tranh hoặc phim truyện điện ảnh mô tả vào thời các vua Hùng ở thủ đô Phong Châu đã có những cung điện xây cất to lớn không khác gì các cung điện trong hoàng thành Huế ngày nay. Các vua Hùng cùng các Lạc Hầu, Lạc Tướng đều có áo mũ cân đai không khác gì triều phục của các triều đại thời nhà Minh, nhà Thanh ở Trung Hoa. Chiến sĩ Việt thì được vẽ đang sử dụng khí giới của dân du mục miền Bắc. Người dân Việt thì đầu đội mũ, áo quần rộng thụng thệnh.

Các tác giả hay diễn giả đó đã quên rằng trước thời Bắc thuộc dân Văn Lang Âu Lạc đã có một nền văn hóa nông nghiệp định cư khác hẳn nền văn hóa còn bán du mục lưu vực sông Hoàng. Vào thời Văn Lang, ảnh hưởng vương chính thật sự chưa có. Những danh xưng như Hùng Vương chẳng hạn là những danh xưng do những người đời sau sống dưới chế độ vương quyền muốn tượng theo cảnh họ đang sống đặt ra mà thôi. Sử liệu đã chẳng nói: *Vua tôi cùng đi cày, nhà ở thời đó sang hèn gì cũng đều là những nhà sàn bằng gỗ, tre, mái nhà hình mũi thuyền với mái cong lên. Nam thì bận khố, đầu để tóc ngắn, thường chít khăn, áo mặc gọn gàng để tiện đi rừng. Nam nữ mặc áo với nút cài bên trái. Phụ nữ thì mặc váy, ngày hội thì mang áo và váy bằng lông chim. Những diễn tả sai lầm về phương diện văn hóa có thể kéo theo nhiều ngộ nhận về nguồn gốc dân tộc.*

Nhân dịp Giỗ Tổ cũng có lắm người kêu gọi người Việt ở hải ngoại nên **Bảo Tồn Văn Hóa** nhưng lại không nói rõ cho giới trẻ biết văn hóa Việt Nam có những gì cần bảo tồn và khi chủ trương giữ lại trọn vẹn một nền văn hóa thì cũng nên suy nghĩ như vậy có phần lại phần nào đã tiến hóa của dân tộc hay không?

Nhân ngày Giỗ Tổ có nơi tuyên bố làm cuộc triển lãm văn hóa để giới thiệu văn hóa dân tộc. Nhưng khi người đến xem thì ngoài vài tấm sơn mài sớ sài, chỉ có chạ giò và áo dài. Sao nỡ trình bày Văn Hóa Việt Nam nghèo nàn như vậy, nhất là khi mọi người ngày nay còn nhỏ rồ tiền nhân chúng ta xưa đã từng gây dựng nên những nền văn hóa huy hoàng như văn hóa Hòa Bình, Phùng Nguyên và nhất là nền văn hóa Đông Sơn đã một thời sáng chói khắp Đông Nam Á ●

THƠ

■ *Quảng Nhãn Lê Thuận Nghĩa*

CỔ NHÂN

(Gửi tặng một người Xuất Gia)

*Anh về nơi Bến Giác
Tòì ở lại Bờ Mè
Áo nâu sòng anh khoác
Tòì, thế nhân e chề.*

*Xưa kia mình đôi bạn
Rượu nồng say xé đèm
Mộng đem trời rao bán
Hái trăng chơi bên thềm*

*Tình là đôi nghịch tử
Oan gia của xóm giềng
Mỗi bờ cây hàng giậu
Đạp góc trời trao nghiêng*

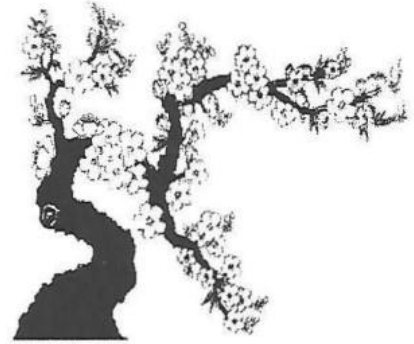
*Anh nương thân cửa Thiền
Tòì giang hồ vùng vẫy
Ba mươi năm chợt thấy
Đời là giấc mơ qua*

*Tòì kết mộng hải hà
Ánh Đạo Vàng anh khoác
Anh một đời an lạc
Tòì quay cuồng khổ đau*

*Lâu lắm mới gặp nhau
Không nói, chấp tay chào
Nở nụ cười Tịnh Độ
Khách phong trần anh trao*

*Lâu lắm mới gặp nhau
Trước anh tôi cúi đầu
Chợt thấy lòng tỉnh lặng
Biết đời mình về đâu !*

(Hannover, tháng 7.1998)



CHỜ XUÂN

*Tiếng chuông nguyện
nâng gỏi mồn Thế-sư
Vịn câu kinh
tẩy rửa sạch phong-trần
Đêm Viên-Giác
tạm dừng chân viễn-xứ
Xốt hương quê
lòng đau đón chờ Xuân*

CÂU ĐỐI XUÂN

*Quy-y Phật, Quy-y Pháp, Quy-y
Tăng
Sớm hôm trì Ngũ-giới, Đời nở vạn
đóa Xuân*

*Chí nguyện Bi, Chí nguyện Trí, Chí
nguyện Dũng
Tháng ngày luôn Thanh-tịnh, Tâm
khai muôn nẻo Sáng*

*XUÂN - Thành tâm lễ chư Phật
muội phương
Độ trì cho Chúng sanh
An lạc*

*TẾT - Cung kính lạy Tổ Tiên
vạn thuở
Câu mong khắp Thiên hạ
Thái bình*

● K.T. (Lünen)

Nói về Mèo gợi nhớ lại năm Mão 1975

Theo âm lịch, mỗi năm mang tên một con vật lần lượt trích ra từ mười hai con giáp. Năm Dần, tức năm con Cọp đang sắp qua đi để nhường cho năm Mão, gọi nôm na là con Mèo. Danh từ Mão, Mẹo, Miêu, Mãn, Mèo có thể cùng là một loại, do cách phát âm chệch ra tùy theo địa phương và thời gian.

Trong dân gian có nhiều thành ngữ liên quan đến mèo, chẳng hạn như: mèo mà gà đồng, mèo mù ăn cá rán, ăn rồng ấp nói rồng leo làm mèo mửa, giấu như mèo giấu cứt, nam thực như hổ, nữ thực như miêu, chưa biết mèo nào cắn mũi nào... Bài đồng giao có tính cách giễu cợt mà ai nấy đều thuộc nằm lòng:

*Con mèo mà treo cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà,
Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo.*

Mèo là một con vật có bốn chân, đi đứng leo trèo rất nhẹ nhàng và lanh lẹ, với đôi mắt rất tinh về đêm và những sợi râu vô cùng nhạy cảm, đánh hơi được mùi vị thật xa, mèo rất sợ nước, hầu như không bao giờ tắm, chỉ dùng lưỡi để liếm lông mà thôi. Mèo cũng có nhiều loại như: mèo mun, mèo mướp, mèo tam thể, người ta xem tướng mèo, con nào mũi màu nâu, tai cụp thì hay bắt chuột, bắt gián, mối để ăn; con nào mũi màu đỏ, tai vênh thì lưỡi, thường hay bắt gà con, chim nhỏ để ăn, lại thường hay ăn vụng, còn có cái tật ỉa bép nữa, nhất là vào mùa đông rét mướt.

Phần lớn mỗi nhà ở thôn quê Việt Nam đều nuôi mèo để bắt chuột, khác với người Âu-Mỹ hay Đức chỉ nuôi mèo làm cảnh mà thôi.

Viết đến đây, tôi chợt nhớ lại một vài kỷ niệm khó quên của quá khứ hai mươi ba năm trước, tức năm Mão một chín bảy lăm, mà câu tục ngữ truyền miệng ngoài đường phố rằng:

*Hãy thưởng người Bắc đi cũ,
Chớ thưởng người Bắc tháng Tư năm Mèo.*

Khi đáp chuyến xe lửa cuối cùng đến ga Phạm Xá, Hải Dương, để tới Hải Phòng đáp máy bay quân sự vào Sài Gòn, rồi sau đó động viên vào võ-bị để có được cái hạnh trái qua nhiều trại cải tạo, từ Thành Ông Năm, Hóc Môn, đến Long Giao, Long Khánh, rồi ra miền Bắc với tỉnh Sơn La đến các trại K1, K2, K4 ở

Hoàng Liên Sơn, Vĩnh Phú, rồi lùi lại đến trại Thanh Phong tỉnh Thanh Hóa và cuối cùng là trại Nghệ Tĩnh thì được tha vào cuối năm một chín tám ba, để đáp xe lửa từ ga Vinh về Thành phố mang tên bác... "cáo già" trong thành ngữ "Mèo già hóa cáo".

Tôi xin ghi lại đôi ba vần thơ thất ngôn tứ tuyệt ngẫu hứng trong thời gian tù cải tạo, để độc giả bốn phương thường lăm trong dịp đầu Xuân con Mèo ngày rộng tháng dài.

Khi nhận được tin nhà cho biết đứa cháu nội đầu tiên của tôi vừa ra đời, nên bài thơ thất ngôn tứ tuyệt được ngẫu hứng ngay lập tức

*Chúc cháu chào đời được bú no,
Ông còn cải tạo lấy gì cho,
Cầu mong cháu nội mau khôn lớn,
Để có hàm răng nhá bo-bo.*

Khi bài thơ vừa được gửi đi, nghĩ lại tôi không khỏi phấp phồng lo sợ, vì thứ nào lúc gửi cũng phải để ngỏ đưa qua tay quản giáo trại trước khi tới bưu điện, bởi lẽ ngay từ câu đầu: *chúc cháu chào đời được bú no*, đã mang màu sắc châm biếm trào phúng, cháu mới lọt lòng, bú sữa mẹ, mà phải chúc cho được bú no, có nghĩa là mẹ nó chắc là ăn đói không đủ sữa cho con đồ bú; rồi đến câu: *cầu mong cháu nội mau khôn lớn*, khôn lớn để làm gì? chứ khôn lớn để có hàm răng nhá bo-bo thì quả là mỉa mai hết chê nổi. Ý tưởng ấy phản ánh tình trạng đói khát lúc bấy giờ, hạt gạo được coi quý như hạt ngọc, dân chúng đều phải ăn cơm độn bo-bo, mà trong tù còn phải ăn bo-bo để nguyên vỏ, chỗ không được xay bỏ vỏ như ngoài dân chúng.

Cũng may là quản giáo với trình độ có mắt cũng như không, nên bài thơ đã về được tới gia đình mà không bị hạch hỏi gì cả. Được trốn tôi lại sáng tác thêm bài thất ngôn tứ tuyệt liên vận lấy vần O như sau, để mô tả sinh hoạt của người tù cải tạo:

*Mừng cháu sơ sinh chưa biết lo,
Miền Nam tốt phúc vẫn còn no,
Phần ông cải tạo ngoài phường Bắc,
Được đảng khoan hồng lỗ vốn to.*

*Được đảng khoan hồng lỗ vốn to,
Hàm răng gãy nửa bởi bo-bo,
Ngó khoai sắn cục ngày năm lạng,
Nuốt muối hàng ngày trại phát cho.*

*Nuốt muối hàng ngày trại phát cho,
Mùa đông rừng núi rét co-ro,
Áo quần được cấp năm hai bộ
Lại lén ngấm đem đổi bữa no.*

*Lại lén ngấm đem đổi bữa no,
Cần trao bảy lạng kiểu lò-xo,
Cũng đành ngậm miệng câm như hến,
Chẳng dám kêu nài chẳng dám ho.*

*Chẳng dám kêu nài chẳng dám ho,
Bước đi lảo đảo dáng lo-kho,
Mức ăn hàng tháng chia ba loại, (1)
Lắm kẻ thân hình thật ốm o.*

*Lắm kẻ thân hình thật ốm o,
Thí đua lao động xiêu năm co,
Đi làm có súng kèm bên cạnh,
Tối đến điểm buồng khóa thật pho. (fort)*

*Tối đến điểm buồng khóa thật pho,
Sàn nằm ọp ẹp muỗi vo vo,
Cũng là dịp tốt cho đàn rệp,
Mặc sức tung hoành hút máu no.*

*Mặc sức tung hoành hút máu no,
Thân gầy bụng đói sợ thần mo, (mort)
Để giun cóc nhái đều ăn tuốt,
Nuông vợ nuốt liền chẳng đắn đo.*

*Nuông vợ nuốt liền chẳng đắn đo,
Kéo dài đời sống lối nhà nho, (2)
Ai về Tây-Cống cho tôi gửi, (3)
Chuyển giúp thư này đến Mỹ Tho. (4)*

Dĩ nhiên bài thơ này và một số bài khác chỉ được nhắm thuộc trong đầu, chứ không dám viết ra giấy. Tác giả thân hình vốn ốm yếu, lao động ít đạt được chỉ tiêu thi đua, nên luôn luôn phải hưởng mức ăn loại C, ăn loại nào thì cũng đói meo rầu, mà ăn loại chót còn khổ cực hơn nữa, đã đói mà còn bị lao động khổ sai thì đua tăng năng suất, thì cái bao tử đã bị hành hạ đến mức như thế nào, thêm vào đó suốt buổi làm còn có trống đánh thúc giục làm nhanh làm cố nữa mỗi chết chứ! Đoạn đường ai có qua cầu mới hay, mỗi cảm thấy cái đói nó dẫn vật đến mức độ kiệt sức té nhào.

Đến khi được về nhà lại nhìn thấy mọi người xung quanh đều phải chạy ăn từng bữa toát mồ hôi, dạ dày luôn bị lép kẹp, mình mới cảm thấy được tha ra chỉ là tù nhà tù nhỏ đưa qua nhà tù lớn mà thôi. Cho nên khi ra được hải ngoại, nhìn thấy con chó của xứ người được ăn no mà còn ăn ngon nữa, sung sướng gấp bội lần nhân dân xứ Giao Chi dưới quyền thống trị của bọn người Cộng Sản vừa phi nhân tính vừa vô nhân đạo. Do đó khi đọc được bài thơ của Thi-sĩ Hoài-Việt, tôi lấy làm thích thú vô cùng, thơ rằng:

*Kiếp sau xin chớ làm người
Làm con chó nhỏ suốt đời ăn no.
Tạo hóa gây chi cuộc mếu cuời
Đời khi làm chó sống hơn người
Bên này khuyến cầu chớ thịt đồ
Bên nọ bà con đói kêu trời
Chắc đã vụng tu muôn kiếp trước
Nên nay bị bắt phải làm người
Tử nay tu học, trời ban phúc
Làm chó ăn no sống một đời.*

(Thơ của Hoài Việt)

(1) Mức ăn được chia làm 3 loại A, B và C, người ăn loại A tức được bình-bầu đủ chỉ tiêu lao động được ăn 15kg/tháng; loại B trung bình, được ăn 12kg/tháng; còn loại C lao động không đạt được tiêu chuẩn thi đua phải bớt đi 3kg/tháng để bù cho người ăn loại A, tức chỉ còn lại 9kg/tháng.

(2) Do câu quân tử thực vô cầu bảo trong sách luận ngữ.

(3) Tây-Cống tức là tên cũ của Sài Gòn xưa.

(4) Mỹ-Tho để chỉ nước Mỹ USA.

MÈO

TRONG THI CA DÂN GIAN

(1)

Năm hết Tết đến, cứ mỗi năm đều có một con vật cầm tinh, ví như năm 1999 là năm Kỷ Mão, là năm con Mèo được năm con Cọp bàn giao khi hết năm Mậu Dần 1998 và mãi đến 12 năm sau tức năm 2011 thì năm con Mèo trở lại. Đó là năm Tân Mẹo. Năm nay, trở lại năm con Mèo, chúng ta cũng đã thấy những năm đã qua, ví như 1963 - 1975 - 1987 đất nước Việt Nam của chúng ta thường có diễn-biến quan trọng, không biết bước sang năm 1999 tương lai như thế nào? Hơn nữa, trong các kinh thi, sấm giảng xa xưa, thì cũng có viết về năm con Mèo, xin trích dẫn như sau:

...
*Chuột sa chĩnh gạo nằm chơi,
 Trâu cày ngốc lại chào đời bước ra,
 Hùm gầm khắp nẻo gần xa,
 Mèo kêu rộn tiếng quỷ ma tới bờ.
 Rồng bay năm về sáng ngời,
 Rắn qua sửa soạn, hết đời sa tăng.
 Ngựa hồng quỷ mỗi nhãn răng!*
 ... (Sấm Trạng Trình) (2)

Hoặc là:

...
*Mèo kêu nghe tiếng bi ai,
 Quân thần phụ tử, xiết chi ưu phiền.
 Rồng bay xao xuyến nào yên,
 Rắn bò giáp giời đảo điên dướng trần.
 Chùng nào có Ngựa có Lân,
 Có Quý, có Phụng, có Quân, có Thần.*
 ... (Sư Vãi Bán Khoai)

hay là

...
*Năm Mẹo, tháng Mẹo chứa buồn,
 Năm Mẹo, tháng Hợi lụy tuôn dầm dề.
 Vây mà chưa thấy ử ệ
 Trung ướng Rồng lộn ề hề thầy thi.
 Mèo kêu rết tôi ai bi,
 Tôi Gà về ổ dân thì bình an.*
 Hoặc là:
 ...
*Con Mèo ngồi sợ Rắn xa dằng,
 Dê thời ghét Khi xóm làng sạch trơn.
 Thập bát quốc làm hội đầu sơn,
 Thăng thiên độn thổ nhờ ơn Phật Trời.*
 ... (Ông Ba Thối)

Trong khi đó Sấm Giảng Đức Huỳnh Giáo Chủ (Phật Giáo Hòa Hảo) viết như sau:

...
*Mèo kêu ba tiếng lao xao,
 Đến chùng Rồng Rắn máu đào chín ghê.
 Con Ngựa lại đá con Dê,
 Khấp trong trần hạ nhiều bề gian lao.
 Khi kia cũng bị xáo xào,
 Canh khuya Gà gáy máu đào mỗi ngưng...*

Ngoài ra, trong Kim Cổ Kỳ Quan tại bài Thừa Nhân, Ông Ba Thối lại viết như sau:
 ... Mèo nọ no lại nằm co,
 Mèo nằm rình chuột còn lo dôi lòng.
 Chuột lang nó chạy ra đồng,
 Trâu ai thả đó mich lòng không lo.
 Phải đem tiền bạc dẫn kho,
 Rượu quan thầy kiện lại lo chuyện này...
 (Trích Kim Cổ Kỳ Quan - Thừa Nhân - 171:61)



Xuyên qua những bài Kinh thi, Sấm giảng ở trên viết có liên quan đến năm Mèo là để chứng minh duy nhất là 12 con vật trong Thập Nhị Địa Chi cũng có trong Kinh thi, Sấm giảng, còn nội dung, giải bày thì khó biết năm nào, tháng nào thực hành đúng với đất nước chúng ta, bởi vì Thiên Cơ Bất Khả Lộ.

Đối với con mèo, trong ca dao, thành ngữ, tục ngữ đã phổ biến sâu rộng trong dân gian, ngoài ra con Mèo là loại gia súc, nên nó thường liên quan đến thú vật trong nhà như: Chó, Chuột, Gà, Heo, xin trích dẫn như sau:

*"Mèo bắt Chuột, Chó giữ nhà - Như Mèo với Chó
 Chửi Mèo, mắng Chó - Thất cổ Mèo, treo cổ Chó
 Mèo đến nhà thì khó, Chó đến nhà thì sang".*

*Rình như Mèo rình Chuột - Mèo nhỏ bắt Chuột con.
 Mèo già lại thua gan Chuột lắt.
 Mèo má Gà đồng*
 (Thành ngữ, Tục ngữ)

*"Con Mèo mầy treo cây cau,
 Hỏi thăm chú Chuột đi đâu vắng nhà.
 Chú Chuột đi chợ đường xa,
 Mua mắm, mua muối giỏ cha chú Mèo.*

*Mèo tha miếng thịt xôn xao,
 Cọp tha con Lợn thì nào thấy chi.*

*Con Mèo xán vở nổi rang,
 Con Chó chạy lại nó mang lấy đòn.*

*Con Mèo, con mọ, con meo
 Muốn ăn thịt Chuột phải leo xà nhà.*

*Con Mèo, con Chó có lông
 Bụi tre có mắt, nổi đồng có quai.*

Hoặc là:

*Con Mèo, con Chó cũng không,
 Ống tre có mắt, ngoài đồng không có ai*
 ...

(Ca Dao)

Ngoài ra, chúng ta còn thấy:

*"Như Mèo thấy mỡ - Mèo nào tử mỡ.
 Tiu nghiu như Mèo cụt tai - Mèo mù móc cống.
 Chẳng biết Mèo nào cắn mũi nào? - Mèo già hóa cáo.
 Mèo khen mèo dài đuôi - Mèo vật đụn cỏm.
 Mèo cào không xé vách vôi - Mèo uống nước bể chẳng cạn ...*

(Thành ngữ)

*Mèo khoe Mèo dài đuôi,
 Chuột khoe nhỏ mình dễ chạy.*

*Mèo lảnh chẳng ở má,
 Ỉ lảnh chẳng ở hàng còm.*

*Mèo má Gà đồng,
 Chức sánh lông công phượng hoàng.*

*Mèo lảnh ai nõ cắt tai
 Gái kia chồng rầy khoe tài làm chi...*
 (Tục ngữ)

Để tạm kết thúc bài này và nhân dịp bước sang năm Kỷ Mão (Mẹo), kính chúc tất cả quý bà con đồng hưởng năm mới vạn sự tốt đẹp và an khang thịnh đạt mọi nhà.

GHI CHÚ:

(1) Trích trong bài "Năm Mẹo Kể Chuyện Mèo" của tác giả. Tựa của Tòa Soạn.
 (2) Đối với cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) đã viết Sấm giảng trên 5 thế kỷ kể từ cụ sinh ra đời (1491-1999) thì làm sao đoán trúng năm nào là năm Mèo cụ nói, chúng ta chỉ biết sau khi sự việc xảy ra mà thôi.

Những Cảnh Hoa Xuân

Cảnh vật như báo hiệu mùa Xuân về tới. Mặt trời đã ló rạng trên nền trời xanh trong, chan hòa nắng ấm đầu mùa khiến hoa cỏ cũng bừng tỉnh giấc mở dài suốt mấy tháng đông băng giá! Những bãi cỏ mượt mà màu xanh lá mạ, cây cối đã nhen nhúm mầm non trên cành trở trụi! Tập lịch cũng đã mỏng teo, đã bị bàn tay tàn nhẫn của tôi xé nát thời gian ra từng mảnh... qua từng ngày thu tàn lá úa, lá rụng tới bởi nổi tiế p những ngày đông phủ đầy tuyết trắng, âm thầm giá lạnh như nỗi lòng người lữ thủ tha hương!

Đã mười năm qua, mười năm hoa đào vẫn nở mỗi độ Xuân về, vẫn những chùm hoa tươi thắm, sắc màu dịu ngọt xuất hiện trên khắp mọi nơi trong cõi người ta như tử thuở khai thiên lập địa.

Mỗi lần nhìn thấy hai cây đào trước ngõ nở rộ đầy hoa, tôi lại nhớ mấy câu thơ của Vũ Đình Liên, một nhà thơ thời tiền chiế n:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua...*

để rồi lại đắm mình trầm ngâm trong những vần thơ đã nhập tâm tôi tự thuở nào! Những vần thơ gợi lại hình ảnh một thời đại thanh bình nơi đất Bắc xa xưa với những ngày đầu Xuân mưa phùn lất phất, hơi sương nhẹ nhẹ, cái lạnh hanh hanh... Các đình chùa tấp nập người đi lễ bái cầu an. Các cô thiếu nữ, mấy cậu thanh niên du Xuân ngắm cảnh ngắm người. Nhiều khi cũng gặp duyên may kể t nên đôi lứa.

Vào thời còn tục lệ thiên hạ ưa tìm đế n mấy ông đồ hay chữ, có hoa tay viết chữ đẹp, thường ngồi bên hè phố đông người qua lại, gần các đình chùa. Những ông đồ trịnh trọng khăn đóng áo dài, dáng điệu nho nhã thanh tao... để xin một vé câu đối về dán trong dịp Tết t cầu may.

Bài thơ của Thi sĩ Vũ Đình Liên như gợi lại một nề p sống xa vời mờ ảo như chiêm bao, như mộng mị, chập chờn như sương như khói... hình ảnh của "Nghìn năm văn vật đất Thăng Long", của "Hà Thanh Hoa Lệ", cái thời phồn thịnh nhất của thủ đô Hà Nội xa xưa nay không còn nữa!

Cách đây mấy năm, một chị bạn trên Paris giục tôi lên thường ngoạn mùa hoa đào đang mãn khai vùng Parc-de-Sceaux, rừng hoa đào này chị mời khám phá được vào năm 1990 và đặt tên là "Động Hoa Đào", chị đã tỉ mỉ đế m được 147 gốc với khá nhiều cây trồng từ 100 năm trước (theo tấm bảng ghi từ mỗi gốc cây khi được trồng). Chị viết t: "Từ lúc hoa nở cho tới lúc tàn, quang cảnh vườn đào đều có một vẻ đẹp màu sắc riêng biệt rất nên thơ! Cho nên nội trong tháng Avril chị lên lúc nào cũng được..."

Chị P.T.N. một Giáo sư Việt Văn trường nữ học Gia Long thời chế độ cũ, nên rừng đào này đã giúp bạn tôi cảm tác khá nhiều vần thơ diễm tuyệt! Chị giục tôi lên



Paris vào mùa hoa đào nở: "... em sẵn sàng làm tài xế , lái xe đưa chị đi thường ngoạn "Động Hoa Đào" của em...". Tuy nhiên từ ngày lên Paris nghe chị thuyết trình đề tài "Những cái ghen của Hoạn Thư trong truyện Kiều" do Hội Phụ Nữ Gia Long tổ chức năm 1989, vun bồi thêm phong phú nền Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam Hải Ngoại, cho tới nay tôi vẫn chưa có dịp gặp lại người bạn trẻ tài sắc vẹn toàn, dễ thương dễ mến n ấy. Cũng như nghe chị tả "Động Hoa Đào" thì rất mê! nhưng vẫn chưa có duyên may được viết ng thăm cảnh bằng lai miền hạ giới, nơi Đào Hoa Tiên Chủ ngự trị mà nghe nói hồi xưa chỉ riêng dành cho vua chúa, những gia đình vào hàng quý tộc thường ngoạn mà thôi.

*... Dập diu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nêm*

Hai câu thơ trong truyện Kiều của cụ Nguyễn Du tả tiế t Thanh Minh, một tập tục đầy hình ảnh Á Đông, nhưng sao tôi vẫn thấy thích hợp với cảnh ngựa xe tấp nập vào mùa Xuân nơi vườn Parc-de-Sceaux của các triều đại huy hoàng vua chúa thuở xưa. Tôi hình dung những cỗ

xe song mã, tử mã chồ các nhà quý tộc, những vị phu nhân, những cô tiểu thư yêu kiều diễm lệ tôi thường ngoạn rừng hoa đào vào tiế t Xuân hoa nở. Người với hoa cùng khoe sắc khoe tươi, tướng xứng tuyệt vời!

Vốn sinh trưởng ngoài Bắc nên tôi đã được hưởng nhiều mùa Xuân với những cây đào nở hoa chỉ chít trong vườn nhà. Nói tình nhớ người dân Việt sống đơn thuần giản dị, vườn nhà nào cũng chỉ trồng loại đào ăn trái và không có cảnh bán hoa Xuân như các đô thị lớn. Bất cứ người quen hay lạ muốn có một cành đào chơi Tết t, đế n ngỏ lời là chủ nhân vui vẻ dẫn ra vườn: "Xin tha hồ lựa chọn, ưng cành nào củ việc đốn, sẵn sàng thân tặng", tình lân lý ở đây thật mộc mạc, chân thành, đậm thắm biế t bao!

Hoa đào có nhiều loại nhưng tôi chỉ biế t loại Bích Đào, Anh Đào và loại đào ăn trái. Nước Nhật đã được mệnh danh "Xứ Anh Đào" vì loại hoa này trồng tràn lan trên đất nước họ, nhất là vùng đồi núi nơi có những ngôi chùa cổ kính bao bọc bởi những cây Anh Đào già cổ... mỗi độ Xuân về hoa nở đã tạo nên một màu diễm ào giữa cảnh hoang vu thanh thoát nhuốm đầy Đạo vị. Cho nên tới mùa hoa nở, nước Nhật thu hút nhiều khách du lịch khắp nơi trên thế giới về thường ngoạn hoa Anh Đào của xứ Phù Tang thơ mộng ấy. Tôi còn nghe nói hồi đầu thế kỷ nước Nhật đã tặng nước Mỹ 100 gốc Anh Đào, trồng ở một Tiểu Bang nào đó trên xứ Cỏ Hoa. Theo tấm hình người bạn trẻ gửi cho tôi thì "Động Hoa Đào" vùng Parc-de-Sceaux cũng thuộc loại Anh Đào với những chùm hoa nhỏ nở chỉ chít, cánh mỏng như lụa, màu hồng phấn ngọt ngào, khác hẳn với loại Bích Đào hoa to nhiều cánh, mỗi cụm chỉ độ dăm bông với nhiều lớp cánh dày màu đỏ son đậm đà. Bích Đào vào loại hoa đẹp nhất, hiế m quý vì khó trồng, phải có thổ ngời thích hợp.

Ngày xưa thường nghe mẹ tôi kể Vùng Nghi Tàm, làng Ngạc Hà thuộc ngoại ô Hà Nội là đất thích hợp nhất cho loại hoa này. Mỗi mùa Xuân tới, những tay nhà giàu ngoài Hà Nội dám bỏ cả bạc trăm mua một cành Bích Đào về chưng trong lọ độc bình cổ chơi Tết t! Một trăm bạc vào thời đó là số tiền lớn vì lương tháng của một viên chức trung bình chỉ độ sáu, bảy chục đồng! Cũng như sau này, vào thập niên 60, trong miền Nam mấy người Hoa ở Chợ Lớn hay những tay nhà buôn giàu xụ người Việt dám bỏ ra năm, sáu ngàn bạc mua một cây Quất xum xuê hoa trái, thủ Quất phải hội đủ mấy lớp hoa: tử nụ mỗi chỏm tới mãn khai và phải có nhiều loại trái to nhỏ khác nhau, tử trái mới rụng rổn cho tới xanh non, ửng ửng, chín vàng... vì họ tin nề u "đón" được cây Quất hội đủ điều kiện như thế về nhà, trong năm tới sẽ làm ăn phát đạt,

tiền của sẽ vào như nước! như giống Quất tử thời luôn luôn đơm hoa kết trái. Khi mỗi di cư vào Nam, bắt gặp những cánh Mai duyên dáng, đài các điển những cánh hoa màu vàng quý phái đã khiến tôi ngấm mãi không chán mắt. Tôi thầm cảm ơn Thượng Đế đã tạo dựng nên hai loài hoa Xuân cho hai miền Nam-Bắc, cho người dân Việt Nam được hưởng những hương sắc tuyệt vời trong những dịp đầu Xuân năm mới.

Mai là một loại hoa rừng mọc dễ dàng trên mấy vùng trung nguyên miền Nam, người dân địa phương đã được hưởng một nguồn lợi thiên nhiên. Cứ sau một mùa họ vào rừng đốn Mai đem bán cho dân thành thị, rừng cây lại bắt đầu đâm chồi, tăng trưởng để năm sau đúng hạn kỳ lại đủ cung cấp cho họ một nguồn lợi mới liên tu bất tận!

Họ nâng niu đặt những cành Mai vào giữa từng lớp tàu lá dừa, nhẹ nhàng bó lại từng bó... chở bằng ghe thuyền hay đường bộ hưởng về các thành phố lớn, tạo nên một khung cảnh tưng bừng nao nức! "Ồi chào! Cả một rừng Mai từ các ngã đường xuôi về phố thị, cả một rừng người nơi phố thị đổ xô đi tìm Mai!", người nào cũng mong tìm được một cành Mai vừa ý đón về nhà, mà theo phong tục, nhà nào cũng phải có một cành Mai dâng cúng lên bàn thờ Phật, bàn thờ Tổ Tiên trong ba ngày Tết.

Trưởng hợp người bán hoa may mắn đốn được cành Mai to có dáng đẹp, nhiều nụ thì khách nhà giàu đất mấy cũng mua. Cử tưởng tượng trước một cành Mai đẹp, năm bảy người xúm lại trầm trồ chiêm ngưỡng, thế là người bán tha hồ đất giá cao gấp bội. Còn đối với khách mua thì tiền đâu đáng kể? Tìm kiếm được một cành Mai đẹp mới là điều quan trọng. Giá bán cứ hạ dần hạ dần theo những cành Mai bị loại dần... cho nên vào trưa ngày 30 Tết, khi các chợ đã vắng, mọi nhà dù giàu, nghèo hầu như cũng có một cành Mai chưng Tết và những người bán Mai cũng hi hã quay về thôn xóm với túi tiền nặng trĩu, nguồn lợi trời ban!

Tuy nhiên cũng có một số Mai tôi từ các khu vườn lân cận chung quanh ngoại ô Sài Gòn. Tôi có một ông Bác họ, cụ là tay lịch lãm khôn ngoan, có đầu óc khéo chớ trưởng về thương mại. Hồi ngoài Bắc cụ buôn đồ cổ, vào Nam cụ vẫn tiếp tục hành nghề. Sau mười năm buôn bán phát đạt, cụ tậu một trang trại ngoài châu thành cất nhà, xây hồ thả sen, chơi non bộ, chậu cảnh... hưởng thú điền viên. Cụ dành riêng một mẫu đất trồng Mai. Chỉ sau vài năm đã có lợi tức. Bạn bè bà con mách nhau, mấy ngày cuối năm thường có nhiều xe hơi tôi thăm trại Cụ Năm, vừa có dịp ra đồng quê hưởng gió, lại được ngắm chậu hoa, cây cảnh uốn nắn do bàn tay sáng tạo của ông già lịch lãm! Xong rồi ra vườn Mai đã có mấy cậu con

trai Cụ Năm hưởng dẫn, khách lựa chọn tha hồ, vừa được Mai tươi, giá lại phải chăng, vì chủ nhân đặt tình cảm trên sự mua bán vụ lợi. Cụ Năm vẫn tự hào đã có sáng kiến hay: trồng Mai khỏe hơn trồng cây ăn trái, hàng năm vẫn có tiền mà mỗi mùa Xuân tôi Cụ lại thích thú được sống giữa một vườn Mai bát ngát đầy hoa vàng rực rỡ thắm tươi. Cảnh giá thật chẳng còn gì mãn nguyện hơn thế nữa.

Vùng Dordogne nơi tôi cư ngụ, loại hoa Xuân nổi bật nhất vẫn là màu hoa Đào, người bản xứ cũng ưa chuộng loại hoa này lắm! Họ trồng ra cả hai bên đường. Đẹp nhất là những thửa vườn rộng mênh mông trồng đào ăn trái lấy lợi tức. Những hàng cây thẳng tắp, cắt tía đều đặn, tới mùa hoa nở rộ, dưới bầu trời chan hòa ánh nắng mùa Xuân, sắc hồng tươi thắm



của hoa pha lẫn với những cụm mây trắng như bông gòn, xanh như nước hồ thu... màu sắc hài hòa đã tạo nên một bức tranh thiên nhiên tuyệt mỹ! Mỗi lần tôi có dịp đi qua vào mùa hoa nở, giữa vườn đào bát ngát không một bóng người qua lại, đầy vẻ hoang vu, tôi chợt liên tưởng tới một giai thoại đầy thơ mộng giữa một danh sĩ và giai nhân!

Thời Hộ một danh sĩ Trung Hoa dời nhà Đường tình cờ gặp gỡ giai nhân nơi một vườn đào vùng lân cận. Năm sau cũng đúng mùa đào nở trở lại vườn cũ thì vắng bóng người năm ngoái! Ông ngậm ngùi cảm xúc, nên đề mấy câu thơ tuyệt tác dán lên cổng vườn mong nữ lòng thì nhân tới tay người đẹp:

*Khử niên, kim nhật thử môn trung
Nhân diện, đào hoa tưởng ảnh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong*

Tạm dịch:

*Năm ngoái nơi này đã được trông
Hoa đào, mặt ngọc sắc đua hồng
Hôm nay mặt ngọc sao đâu vắng*

Đào vẫn hoa cười trước gió đông.

Tiếp tới, tôi lại nhớ thêm mấy câu thơ tiêu sái của Tào Đương, cũng là một thi hào người Trung Quốc nhắc tới hoa đào:

*Đào hoa lưu thủy y nhiên tại
Trần mộng na tri, hạc mộng trường*

Tạm dịch:

*Suối tiêu dòng vẫn chảy
Hoa đào chẳng hề phai
Mộng trần qua một thoáng
Non hạc giấc mơ dài*

Nơi suối tiêu non hạc thi nhân diễn tả phải chăng là nơi non bồng nước nhợt của Vương Cung Thánh Mẫu có vườn đào nở đẹp quanh năm, có những trái đào người được ăn sẽ trường sinh bất tử? Một huyền thoại đã khiến bao khách trần gian bị mê hoặc cứ tưởng về cõi ấy mà mơ mộng hào huyền!

Mùa Xuân là mùa vạn vật hồi sinh theo luật sinh hóa - hóa sinh miền viễn của đất trời! Cảnh thiên nhiên vẫn tồn tại tự ngàn xưa, dòng nước vẫn luân lưu bất tận - Mỗi kỳ hẹn với Đông Quân, hoa đào vẫn tưng bừng thay áo mới, vẫn đẹp nguyên vẹn như cô thiếu nữ đang tuổi xuân thì! duy chỉ con người bị đào thải, mai một với thời gian, người đời thường ví cuộc sống như một giấc mộng dài trong cõi phủ sinh giả tạm.

Trong trang sử gấm của Dân Tộc Việt Nam cũng thấp thoáng một cảnh đào vương giả! Sử chép rằng: Khi Đại Đế Quang Trung lại một lần nữa mang quân ra Thăng Long tảo trừ lũ giặc Tàu xâm lược, ổn định xong việc nước nhà vua đã cho người mang ngay một cành Đào đất Bắc về gặp Phú Xuân tặng Công Chúa Ngọc Hân như lời đã hứa. Một giai thoại thật đẹp! Chứng tỏ vị anh hùng cái thế ấy, ngoài một dưng tướng bách chiến bách thắng còn là một con người chứa chan tình cảm! Tiếu c-thay "Mỹ Nhân tự cổ như Danh Tướng. Bất hủ nhân gian kiến bạch đầu". Ngài chỉ thọ được 40 tuổi, nhưng uy dũng hiết hách của vị tướng Tây Sơn trải mấy trăm năm vẫn sáng chói trên vòm trời phương Nam vùng Đông Á, ghi dấu một thời làm kính hồn khiếp vía quân xâm lược.

Riêng tôi, từ ngày lưu lạc xứ người, mỗi lần thấy hai cây đào trước ngõ đơm hoa kết nụ khi mỗi Xuân về, tôi lại trầm ngâm, đắm mình trong bài thơ bất hủ, lời như nhắc nhở một dĩ vãng vàng son đầy Dân Tộc tình nơi Quê Hương yêu dấu mà nghe lòng buồn rười rượi!

*Năm nay hoa đào nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*



Hướng về Đức Di Lạc cứu thế

Nhân ngày Vía Đức Phật Di Lạc vào ngày Mồng Một Tết Nguyên Đán, xin cung kính mạo muội đôi lời để tôn vinh Đức Phật Vĩ Lai, mong quý vị đạo cảm thông và chia sẻ ...

● Từ Quang Nguyễn Trần Lê

Các vị Giáo Chủ, khi đắc đạo, quán triệt cái lý đạo huyền vi, cái lẽ biến dịch tuần hoàn trong vũ trụ: "thiên địa tuần hoàn, châu nhi phục thì" (trời đất vẫn xoay, chạy giáp vòng lại trở về nguồn phát khởi) đã chứng trước một cuộc "tang điền thương hải" ở cuối thế kỷ hai mươi. -Chúa Jésus đã tiên tri sẽ tái lâm dưới một danh hiệu mới để cứu đời vào ngày phán xét đại đồng. -Đức Phật Thích Ca, đản sinh trước Chúa Jésus cả nửa thiên kỷ, cũng có truyền lời với chú môn đồ là Vị Như Lai đến sau Ngài, đắc đạo dưới gốc bồ đề tên Long Hoa là Đức Phật Di Lạc, sẽ giáng sanh vào thời mạt pháp để cứu thế, độ đời an lạc, nhơn sinh no ấm vui ca.

Tuy chưa nhìn thấy chân tướng Đức Phật vĩ đại, nhưng với tấm lòng khát vọng một cuộc đời an lạc cả phần xác lẫn phần hồn, nhơn sinh từ lâu đã tạc tượng và sùng bái Đức Phật Di Lạc trong tư thế an vui tự tại ngồi cười hoan hỉ với chúng sanh.

Nay nhân loại, đại đa số đều bất mãn trước cuộc đời vô luân, xáo trộn, bất an, tai ách đầy dẫy và khắp địa cầu thiên tai dồn dập ... Và tuy cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối Nga Mỹ đã chấm dứt, nhưng vũ khí chiến lược với sức tàn phá kinh hoàng, từ đất Nga lại đã lọt vào tay các nhóm khủng bố cuồng tín, háo sát và lan tràn khắp thế giới. Thêm một lần nữa, nhân loại lại phải sống trong cảnh phập phồng lo sợ tai nạn vũ khí hạch nhân, có thể sẽ nổ bầy lúc nào không hay và biết đâu lại chẳng là đầu mối gây nên một trận "phong thần nguyên tử".

Riêng nhân dân Việt Nam, cả Nam lẫn Bắc—đã từng bị đẩy ra làm vật hy sinh, phải cam chịu quá nhiều gian khổ đắng cay trong suốt 30 năm chiến loạn triền miên trong một cuộc "chiến tranh tàn nhẫn, nóng bỏng, sôi sục" để chỉ làm cái nắp xi hơi an toàn cho thế giới an hưởng hòa bình tạm bợ trong cuộc "chiến tranh lạnh" vừa chấm dứt—thì từ sau

ngày 30-4-1975, khi cả hai miền đất nước đều bị áp đặt dưới sự thống trị chuyên quyền của tập đoàn cộng sản lạc hậu, dã man, độc tài, độc ác, phi nhân, phi luân ... , nổi thống khổ, chán chường, ai oán đầy uất hận và tủi nhục của người dân nước Việt ắt đã xông lên ... thấu tận trời xanh!

Nay, trước một thực tế đen tối phủ phàng bao trùm cả đất nước Việt Nam ta và khắp cùng thế giới, mọi người có đức tin đi tìm một hy vọng, một cứu cánh ... đều hướng về Đức Di Lạc Cứu Thế. Vấn đề căn bản được đặt ra là: **nhân sinh phải làm gì để hưởng được cuộc đời an lạc, ấm no, thanh bình, thánh đức?**

VẬY, ĐÂU LÀ LỜI GIẢI ĐÁP CHO VẤN ĐỀ TO TÁT NÊU TRÊN?

Chẳng lẽ nhân sinh chỉ có biết ngồi chờ sung rụng? Hay chỉ còn biết miệt mài kinh kệ, hay chấp tay nguyện cầu Đức Phật Vĩ Lai sớm giáng trần hoặc ban phép phép màu độ nhơn cứu thế?

Cái thái độ tiêu cực, thụ động và ỷ lại thần quyền đó chắc chắn là sai lầm tai hại, đi ngược tinh thần tự giác, giác tha của giáo lý và đạo pháp. Thảm trạng bị đất ngàn đời là cũng do ở quan niệm tu hành và tu sống hạn hẹp và giáo điều của nhân sinh:— từ chối không chịu dò dẫm theo ngón tay chỉ hướng của Đức Phật Thích Ca để tìm thấy vùng trăng sáng, để tìm ra chân lý ... mà lại chỉ bằng lòng ngưng trụ tâm, trí, nhân, ý ... nơi ngón tay vô thường, nơi lẽ nghi, nơi kinh kệ ... và tưởng rằng ấy là đủ rồi!

Ngạn ngữ Tây Phương có nói: "bạn hãy tự giúp bạn, nhiên hậu Trời mới giúp bạn" là cũng một ngụ ý bảo con người nếu cố vận dụng cái tâm thức và cái ý thức tiềm tàng nơi mình để thay đổi hoàn cảnh sống thì đương nhiên những điều tốt đẹp mới xảy đến cho mình.

Đức Phật Thích Ca đã dạy: "hỡi chúng sanh, hãy tự thắp đuốc lên mà đi." Vậy, ngọn đuốc soi đường cần được thắp sáng lên ở thời mạt pháp này sẽ rọi sáng vào hai môi trường là Đời và Đạo. **ĐỒI** tức là xã hội, là thế giới hiện đại, để nhận chân nguyên lý của sự rạn nứt và suy sụp. **ĐẠO** bao gồm con đường giải thoát và cả phương thức giải thoát để hưởng dẫn chúng sanh vào cuộc đời an lạc, thanh bình, thánh đức.

THỰC TRẠNG BIẾN LOẠN CỦA XÃ HỘI VÀ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI.

Trên quả địa cầu này, con người hiện đang sống trong hai hoàn cảnh lớn: một là thái hòa, và hai là chiến loạn. Chiến loạn với bom đạn ngút trời như trước đây tại Việt Nam và Đông Dương, gần đây tại Trung Đông hay Nam Tư ..., còn hiện nay tại Sorovo, tại Phi châu, tay súng, tay mã tấu hay lưỡi lê, loài người hăm hực tiêu diệt lẫn nhau, quyết một mất một còn, bất chấp máu sông xương núi, tang tóc, chia ly! Chiến tranh đã vậy, còn thái hòa thì sao? Đâu đâu cũng chỉ là cái hình thức thái hòa giả tạo, còn bên trong thì chứa đầy âm mưu và tranh chấp. Tranh chấp nội bộ trong mọi xã hội loài người, từ hẹp đến rộng, từ tập đoàn đến quốc gia. Và tranh chấp quy mô giữa các nước, giữa các khối, giữa các đại cường quốc để giành quyền bá chủ thế giới. Và tuy nói là đeo đuổi chính sách hòa hoãn và tài bình, nhưng vẫn củ ngấm ngầm thì đưa sản xuất những vũ khí chiến lược tối tân tối mật ... Mặt khác, nói là điều hòa kinh tế mậu dịch và cả nguồn nhiên liệu thế giới để tránh sự va chạm nóng, nhưng âm mưu chính trị vẫn xen vào, gây thêm mâu thuẫn, thêm rắc rối, làm tắc nghẽn lối thoát của tình trạng "chiến tranh lạnh" trong tiến trình "toàn cầu hóa kinh tế thị trường", cái bộ mặt thái hòa mong manh của thế giới.

Hơn nữa, từ ngày Liên Bang Xô Viết bị giải thể, lý tưởng cộng sản bị sụp đổ, mọi đe dọa về một cuộc chiến tranh nguyên tử hiểm nghèo giữa Nga và Mỹ tưởng đã cáo chung, nhưng bảy năm cách mạng nhằm tiến đến dân chủ và thị trường tự do lại đang phá sản tận gốc, khiến cuộc điện kinh tế, xã hội, và cả chính trị nữa tại Nga bị đe dọa trầm trọng, cực kỳ bi thảm!

Rõ ràng là sự đầu tư và viện trợ ồ ạt của Tây Phương đổ vào Nga, mà tài nguyên của xứ Nga thì vô cùng phong phú, lại chỉ là công dã tràng xe cát; chỉ làm giàu cho một thiểu số tham nhũng, bất lương, giàu bự xụ mà lại trốn thuế, trong lúc người công nhân viên, lương ba cọc ba đồng, mà lại phải hè nhau tuyệt thực tập thể để đòi lãnh số lương từ cả năm trước chưa hề được phát! Thế giới hầu như đành phải thối chí, bó tay, không biết phải làm gì hơn nữa để giúp Nga! Nhưng mặt khác, nếu như nền kinh tế của Nga không sớm được cứu chữa và phục hồi thì một chế độ phát-xít, quân phiệt hay cộng sản cực đoan sẽ có cơ trội lên, cướp đoạt quyền hành tại Điện Cẩm Linh. Hậu quả là Iraq, Iran và Libya sẽ mau chóng trở thành những thế lực nguyên tử đầy đe dọa. Và rồi những quân đoàn chí nguyện Nga sẽ tràn vào Kosovo; gây nên những trận xung đột quân sự trên khắp lãnh thổ thuộc cựu Liên Bang Xô Viết. Làm sao dẹp tắt?

Chưa biết các thế lực phản dân chủ đang toan tính gì cho tương lai nước Nga? Những từ đầu tháng 12, Duma (Hạ Viện Nga)--mà đảng cộng sản chiếm đa số ghế--đã bỏ phiếu cho dự luật trước mặt công trường của KGB cũ, tước đồng (từng đã bị giết sập hồi tháng Tám năm 1991), mệnh danh là "Iron Felix," tức Dzerzhinsky, tay tổ sáng lập ngành mật vụ sát máu của thời Bolshevik kinh hoàng xa xưa. Phải chăng đảng Cộng Sản Nga đang âm mưu tái lập chế độ Stalin, trong lúc Huê Kỳ lại đang trực tiếp xây dựng tại 13 nước ở Đông Âu và Trung Âu, thuộc Liên Bang Xô Viết cũ, những lực lượng quân sự địa phương hùng mạnh, ngang tầm với NATO, bao vây Nga. Viễn ảnh nước Nga, sau Yelsin, thật cực kỳ đen tối, sẽ đe dọa nền thái hòa mong manh trên trái đất này chăng?

Còn tại vùng Viễn Đông, những tướng Bắc Hàn đã phải dồn mọi nỗ lực để giải quyết nạn đói, nhờ vào số lương thực của thế giới ồ ạt gởi đến cứu trợ cho, nhưng bất ngờ những hòa tiền tầm xa đã được phóng đi xuyên qua nước Nhật, khiến cho Nhật Bản và Huê Kỳ phải triệt để quan tâm, lo âu về khả năng nguyên tử chiến lược của Bắc Hàn, mà quan thầy của Bắc Hàn lại là Trung Quốc. Còn giữa Hồi Quốc và Ấn Độ thì đã cùng đua nhau thử bom nguyên tử. Và nếu như cuộc tranh chấp dai dẳng tại Kashmir lại nổ bùng ra lại như mấy trận đụng độ trước kia, thì biết đâu lần này, đôi bên lại chẳng ngả theo chiến *pháp tiên hạ thủ vi cường*, lập tức cho nổ ngay bom hạt nhân để tranh thắng?

Còn hiện giờ tại Trung Đông, những đợt oanh tạc thần sầu của Mỹ và Anh nã vào Iraq vẫn chưa triệt hạ hết chủ lực và những cơ sở chế tạo vũ khí chiến lược của Saddam, vẫn chưa làm cho nhà độc tài quỳ quyết, cực kỳ gian ác này đầu hàng. Trái lại, dựa vào sự phản đối quyết liệt của Trung Quốc và Nga, và cả Pháp nữa, Saddam đang khích động tin đồ Hồi giáo khắp nơi nổi lên chống đối Mỹ. Mỹ đã phải đóng cửa gấp trên 40 Sứ Quán khắp Phi Châu vì sợ các tay khủng bố của nhóm Hồi giáo Bảo Căn xen vào phá hoại. Chỉ sợ phe Hồi giáo quá khích sẽ nhân dịp này phát động luôn chiến tranh tôn giáo nữa, như hiện đã mon men xảy ra tại Indonesia. Ôi! Cái nạn độc quyền chính trị, cũng như độc tôn về tôn giáo, quả đều là mối tai họa thâm sâu của nhân loại!

Tại vùng Biển Đông trên Thái Bình Dương lại vẫn còn căng thẳng. Trung Quốc, vừa lẩn vừa đăm, hoạt động mạnh ở quần đảo Trường Sa, trong lúc Hà Nội há miệng lại mắc quai, vì thủ tướng Phạm Văn Đồng đã ký giấy thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc trên những quần đảo này để đổi lấy vũ khí của Tàu phục vụ cho cuộc nội chiến tại miền Nam

Việt Nam mà cộng sản từng mệnh danh là "diệt Mỹ, Ngụy cứu nước!" Tuy nhiên, nếu Trung Quốc tiến mạnh hơn nữa mà không quan tâm về một giải pháp quốc tế cho Việt Nam, Đông Dương và vùng Biển Đông, thì chắc chắn sẽ đụng phải sự phản ứng quyết liệt của Huê Kỳ. Nên nhớ Mỹ là một thế lực trên Thái Bình Dương. Và cũng vì nơi này mà Mỹ đã phải lâm chiến trong Thế Chiến II, khi Nhật từ chối rút quân ra khỏi Việt Nam để quốc tế hóa Việt Nam và Đông Dương như Tổng Thống Roosevelt đã đề nghị. Ngược lại, Nhật lại bắt ngổ tẩn công vào Trân Châu Cảng của Mỹ! Một bài học lịch sử đắt giá, Huê Kỳ khó mà quên được, và cũng khó mà làm ngơ trước sự bành trướng của Trung Quốc ở Biển Đông hay Việt Nam. Nếu như Huê Kỳ và Trung Hoa không sớm thực hiện giải pháp quốc tế và trung lập hóa Việt Nam, Đông Dương và Biển Đông thì hồi ời, nạn nhân oan nghiệt trước tiên lại là nhân dân và đất nước Việt Nam của chúng ta!

Nhìn chung, nói là thế giới đang trong thời kỳ "hậu-Chiến Tranh Lạnh," và quan tâm xây dựng hòa bình, an lạc, hạnh phúc trên trái đất, mà sao lại cứ y như là đang ở ngưỡng cửa của một trận "Chiến Tranh Nóng" chỉ chờ châm ngòi nổ là sẽ nổ dây chuyền. Có người đã ví *vũ khí hạt nhân* với đồ trang sức của phụ nữ! Họ lý luận rằng hề có cơ hội là các bà, các cô sẽ se súa đeo ngay các món *Hột Xoàn* đắt giá kia vào người để khoe chơi, dù biết là nguy hiểm vì nạn cướp giật! Có lẽ nào các nước thì đua chế những món vũ khí hạt nhân giết người hàng loạt kia lại cũng cùng một tâm lý như phụ nữ?

Tóm lại, dầu nói là thái hòa những hận thù vẫn còn, tranh chấp vẫn còn và số dĩ còn hận thù, còn tranh chấp là chỉ vì còn những quyền lợi bất đồng, còn người mạnh hiếp đáp người yếu, còn những kẻ ác áp đảo người thiện, còn nước này dùng thủ đoạn mưu toan lôi kéo đồng minh để bắt chẹt các nước kia. Và nếu còn cái cảnh chen ép, cấu xé lẫn nhau như thế đó thì cái mầm chiến tranh ngàn đời không sao dứt được.

Sống trong hai hoàn cảnh lớn của thế giới ngày nay, thái hòa tạm bợ và chiến tranh tàn nhẫn, con người không sao dứt được nỗi khổ triền miên vây bủa lấy mình. Muốn cắt đứt vòng dây khổ nghiệt triền miên đó để đem nguồn hạnh phúc chân thành đến cho muôn dân, mang hòa bình thật sự đến cho nhân loại, thì cần phải diệt căn bệnh cho tuyệt nọc, chữa bệnh đến tận gốc.

CÁI NGUYÊN LÝ, CÁI GỐC CỦA CĂN BỆNH LOẠN LÀ ĐẤU ?

Là ở chỗ con người đang sống trong bất công, trong áp bức, quyền lợi chênh lệch, giá trị đảo điên, giả lấy làm thiệt, ngụy lấy làm chơn, kẻ thì suốt ngày làm

việc đổ cả mồ hôi, chày cả máu tay mà vẫn không đủ miếng cơm manh áo; còn người ngồi trong mát thì mặc sức nuốt ngọc ăn vàng, mặc sức lùa tiền hốt bạc. Quả là một sự chênh lệch vừa đã man vừa lố bịch giữa cuộc sống bần cùng tăm tối của lớp dân đen và đời sống xa hoa, phù phiếm, kiêu căng, độc ác của lớp người có quyền thế. Thực trạng đau buồn đó đang thể hiện ngay tại Việt Nam, tại Nga, tại những xã hội chuyên quyền, bạo ngược, thiếu dân chủ, tự do, nhân bản và công lý. Chừng nào tình trạng bất công, áp bức ấy còn tồn tại thì lò lửa hận vẫn còn âm ỉ những nguyên nhân dột oán và trả thù, chỉ có chờ cơ hội là bộc phát nổ tung tan nát ... Vậy, có chấm dứt được cái tai ách ấy, cái nguyên nhân dột oán và trả thù trong xã hội loài người thì mới mong giải thoát con người.

CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

Giải thoát con người, hay cứu thoát, cứu rỗi cũng vậy, là gỡ cho con người khỏi vòng dây nghiệt ngã chi phối hiểm nghèo cuộc sống để giúp con người tìm được một sự tự do, một niềm an lạc.

Những cái vòng nghiệt ngã ràng buộc và chi phối con người lại bắt nguồn sâu xa từ một tình trạng xã hội loạn ly, có cực, bất công, nghèo đói, không công ăn việc làm ...

Do đó muốn giải thoát con người, giải thoát nhân sinh, thì trước hết phải giải thoát xã hội. Vấn đề giải thoát xã hội để giải thoát nhân sinh phải được xem là nhiệm vụ ưu tiên của người đạo tâm: vì xã hội là căn bản, là yếu tố chính quyết định cho sự hư nên, tốt xấu của con người.

Không góp phần cải thiện xã hội, giải thoát xã hội, nghĩa là không giúp đỡ nhân sinh một cách tích cực và hữu hiệu thì có khác gì bảo một người bị cầm giữ hãy đứng lên và chạy thoát, mà trước đó lại không chịu mở dây trói đang cột chặt tay chân người ấy.

Tất cả cái khúc mắc, cái bí quyết tâm truyền của giáo lý, của đạo pháp hẳn là ở điểm: nhận rõ đâu là vùng trắng sáng và đâu là ngón tay chỉ hướng. Đâu là mục đích và đâu là con đường. Mục đích là giải thoát nhân sinh. Con đường là giải thoát xã hội để giải thoát con người.

Khi đã khẳng định đâu là con đường giải thoát thì tất cả nỗ lực của người đạo tâm là hướng về con người trong xã hội. Phải vì con người, vì xã hội, vì cuộc đời mà hoạch định con đường tu thân hành đạo của mình. **Đạo, Đời, tuy hai mà một.** Đó là chân lý. Và khi đã biết lo cho người, lo cho xã hội, lo cho đời, thì coi như đã gặp đạo. Vì ĐẠO chung quy cũng chỉ là một nỗi mơ ước thật là trong sáng, tốt đẹp về ĐỜI, có thể thôi.

PHƯƠNG THỨC GIẢI THOÁT

Làm sao giải thoát được xã hội ? Hay nói cách khác là làm sao chấm dứt căn bệnh loạn trong xã hội để cải thiện và cải tiến xã hội ?

Câu trả lời ắt sẽ là: **phải tùy khả năng và phương tiện của mọi người**. Nhưng tất cả đều phải dồn nỗ lực để góp phần xóa bỏ bất công, tạo sự bình đẳng, đem cái chân lý thay cho quyền lợi, lấy tình thương thế cho thủ đoạn mưu mô, gây một nếp sống, một cuộc sống an lành và hòa hợp thay cho cuộc đời cuồng loạn, đảo điên, gian tham, vị kỷ.

CÁI KHẢ NĂNG CẢI THIỆN XÃ HỘI CỦA CON NGƯỜI QUA LÀ PHONG PHÚ VÀ THẬT LÀ VÔ CÙNG.

Chẳng hạn, như nhà chính trị thì ôm hoài bão xóa hẳn bàn cờ thế tục, bày lại sự nghiệp nhân sinh cho hợp với tinh thần bình đẳng, hợp với lý tưởng đại đồng, tạo một môi trường xã hội lành mạnh, dân chủ, tự do và tiến bộ để con người có thể phát triển khả năng của mình cho đến tận thiện, tận mỹ, tận chân.

Nhà văn hóa thì mang nhiệt tâm, đem luồng tư tưởng công bình, vị tha truyền thông đến đại chúng, thức tỉnh hồn mê, xua tan ám khí, phác họa con đường tương lai như một viên ảnh tươi đẹp để cảm kích lòng người.

Như nhà nghệ sĩ trên sân khấu, nhà tài tử màn bạc, nhà họa sĩ, điêu khắc, nhạc sĩ vv ... thì quyết đem tài ba của mình phục vụ cho sự xây dựng tinh thần lành mạnh, cho sự hưởng thụ của quảng đại nhân sinh, tránh sự gây ảnh hưởng xấu xa, ủy mị, lung lạc tâm hồn hay bóp nghẹn bước tiến tinh thần của dân tộc và nhân loại.

Nhà giáo dục thì hằng say xây dựng đào tạo con người cho có khả năng, biết tự tin, tự trọng để khỏi sa vào những chính sách nhồi sọ ngu dân, sử dụng con người như những tay sai mù quáng.

Nhà kinh tế thì hãy lấy việc lo cho cuộc sinh sống của toàn thể nhân dân được no ấm, sung túc, dân giàu nước mạnh ... làm chính sách. Phải thấu ngắn vòng sản xuất và tiêu thụ, xóa bỏ những hình thức trung gian vô ích để loại hẳn nạn đầu cơ, nạn gian thương và tham nhũng.

Nhà quân sự thì đặt vấn đề bảo vệ nước, yêu dân làm chính sách để khỏi biến quân đội thành tổ chức cuồng sát, những tay đao phủ giết hại dân lành.

Nhà khoa học thì chủ trương nghiên cứu và phát minh những tiện ích phục vụ cho đời sống của quảng đại nhân sinh. Phải bóp chết từ trong trứng những sáng kiến và sáng chế có thể làm tổn hại cuộc sống lành mạnh của con người, làm xáo trộn xã hội, làm băng hoại tinh thần và thể xác của dân tộc và nhân loại.

Mọi dự trữ quy mô nêu trên hẳn là trách nhiệm của những bậc tài cao đức trọng. Còn đối với những người Việt lưu vong như chúng ta, đã có cơ hội học hỏi và quan sát tường tận cái hay cái dở, cái tốt cái xấu, cái lợi ích, cái nguy hại vv ... của mọi nền văn minh trên thế giới, thì cũng nên suy ngẫm và sàng lọc cho thật kỹ. Để khi có cuộc đời, sẽ mang cái hay, cái tốt, cái cần thiết, cái lợi ích, cái chân phương ... về áp dụng trong việc hàn gắn và canh tân nước nhà. Cũ hai ba người bạn thân, trong những giờ rảnh rỗi, hãy thủ ngồi lại tính xem nên làm gì cho thôn xóm của mình, hay tỉnh nhà của mình được khởi sắc. Hãy bắt đầu chú tâm đến địa phương nhỏ bé của mình trước nhất, nhằm dự trữ xây dựng lại về mặt giáo dục, y tế, xã hội, nông nghiệp, kinh tế và kỹ nghệ thích dụng, giúp bà con có công ăn việc làm hằng ngày, có lợi tức cần thiết để tổ chức lại nhà của cho gọn ghẽ, vệ sinh; có trường ốc cho mọi trẻ em tối thiểu cũng được học đến bậc trung học; có cơ sở y tế công cộng và miễn phí; mở lớp huấn nghệ và lớp đào tạo giáo viên, chuyên viên về mọi ngành, mọi cấp; tổ chức chia phiên nhau hằng năm về nước dạy nghề, huấn luyện cán sự và chuyên viên cho tỉnh nhà, dự trữ động viên tài lực sung mãn để cho mọi kế hoạch được xúc tiến tốt đẹp, bền bỉ, và hiệu quả. Nếu như địa phương nào cũng đều có một số đạo tâm đại trách việc quy hoạch xây dựng lại thôn ấp, quận nhà hay tỉnh nhà của chính mình, và với sự hợp tác tích cực với số đồng bào có tâm đạo trong mọi sắc thái tôn giáo trong nước, và nếu gom mọi cố gắng của mọi tổ chức thiết thực của người Việt hiện sinh sống trên khắp năm châu bốn biển lại, thì gia tài nước Việt Nam ắt sẽ trở nên vô cùng phong phú và khởi sắc mấy hồi đầu.

Đừng nản chí, đừng sợ sẽ không bao giờ có cơ hội hàn gắn xây dựng lại quê nhà. **Ai cũng biết: trái cây kia, trước khi rơi rụng, khỏi đâu phải thú tử trong ruột thú ra.** Thì nay nội bộ cộng sản Hà Nội đã cực kỳ mâu thuẫn, xâu xé nhau, chỉ còn chờ ngày nổ tung tan nát. Chỉ sợ đến lúc quyết liệt đó, đồng bào trong nước cũng như ở nước ngoài lại chưa sẵn sàng, chỉ vì thiếu chuẩn bị. Muốn phục vụ đất nước thì cần phải tự lo liệu: cần ổn định nội tâm và sắp sẵn mọi qui hoạch.

VAI TRÒ THUẦN TÚY CỦA NGƯỜI ĐẠO TÂM TRONG SỰ MẠNG GIẢI THOÁT XÃ HỘI.-

Người đạo tâm thuộc bất kỳ tôn giáo nào, vốn giàu lòng tin ngưỡng, muốn đạt đến cuộc đời thái hòa, an lạc thì hẳn phải tìm mọi cách để giải quyết sự chia rẽ và tranh chấp trong xã hội, theo tinh thần thông cảm và bác ái của giáo lý. Những giải quyết chia rẽ cũng không có nghĩa là

hùa theo kẻ ác hay a dua theo kẻ mạnh, hoặc bắt tay với bất cứ hạng người gian tà nào. Người đạo tâm chỉ nên kết đoàn với kẻ có lòng, chung vai với người thiện chí, dần xếp với những người cùng một chí hướng tốt đẹp. Có liên kết đúng đắn với những người đứng đắn và tiến bộ thì mới có đầy đủ chất và lượng sung mãn để có nguồn sinh lực thực thể và đời dào. Được vậy mới mong làm cho số người gian ác tử bỏ thái độ bất lương bất chính.

Tuy nhiên, điều quan trọng là người đạo tâm, trên đường hành đạo, đi đúng theo tinh thần giáo lý là phải áp dụng phương pháp vận động và thuyết phục. Vận động cho có tiềm lực sống động. Thuyết phục để giác ngộ số người lầm lạc. Thiết nghĩ đó là hai mặt của một công trình, không thể thiếu được. Vì nếu không có tạo đủ chất lượng thì dầu có thuyết phục cho mấy, kẻ ác cũng chẳng chịu nghe, vì kẻ ác thường hay cật mạnh để áp đảo chân lý, áp đảo lẽ phải.

Tóm lại, có nhắm mục đích tạo dựng một xã hội công bình cho nhân sinh được đầy đủ cơm áo, thuốc men, nhà cửa, trường học cho con cái, thì nhân sinh mới yên tâm mà trau dồi tinh thần hưởng thụ, lo tu hành ổn định nội tâm và triển khai đạo đức. Vậy, sự giải thoát xã hội để giải thoát nhân sinh là một nhu cầu thực tế, cụ thể, và là nhiệm vụ, là sứ mạng căn bản của người đạo tâm.

TỪ NGÀN XƯA, PHẬT ĐÃ DẠY: "THỜI KỲ NÀO PHÁP MÔN ĐÓ." HẸN LÀ CỐT Ý THỨC CHO người hành đạo nguyên tắc uyển chuyển, tùy duyên, tùy trình độ, tùy hoàn cảnh, tùy thời mà liệu cách độ người, độ đời. Còn nay thì Đức Phật Vị Lai lại chưa xuất thế để khai và thị cho nhân sinh những pháp môn thích ứng với thời kỳ Tân Nguyên Thánh Đức. Nhưng ít ra, trong lúc ngóng trông và hưởng về Đức Di Lạc Cửu Thế, nhân sinh cũng cần cố gắng tiến đến thời đại Hoàng Kim để đón mừng và đánh lễ Người.

Phương tiện sẵn có và e cũng là phương tiện độc nhất giúp cho nhân sinh tiến đến mục tiêu là: lăn theo bánh xe quay của Đạo để tiến vào Đời. Để tùy theo khả năng và tùy mỗi phạm trù, địa hạt, nhưng cần áp dụng phương pháp vận động và thuyết phục, để giải thoát xã hội, nhằm giải thoát nhân sinh.

Chắc chắn là bánh xe Pháp Luân không phải đặt ra để cho nhân sinh sử dụng mà chạy khỏi Đời, lánh xa xã hội. Bởi lẽ vì Đời nghiêng ngửa nên mới có Đạo. Vậy trốn đời là trốn đạo, là tự lừa dối mình, là dối đạo, là tự loại mình khỏi con đường giải thoát, khỏi cuộc đời Thánh Đức Tân Dân.

(Tết Kỳ Mão (1999)



● Từ Hùng

Ăn Chơi Tết Hội

T háng giêng là tháng ăn chơi
Nước ta chuyên về nông nghiệp, ruộng ta chỉ trồng lúa nước, nên dân ta đầu tắt mặt tối, ăn vội cho qua bữa, quanh năm cày sâu cuốc bẫm, gieo mạ, cấy lúa và gặt hái... Vì thế khi có dịp rảnh rỗi ai cũng muốn ăn bù cho đã, lúc phải nghỉ ngơi chờ giáp hạt, liền tổ chức hội hè đình đám vui chơi cho thỏa. Nếu các ngày Tết được sắp xếp theo thời gian, thì các ngày hội được phân bố theo không gian. Mà hễ Tết thì phải ăn - ăn Tết, còn hội thì đi ra chơi - chơi Hội. Nên Tết thường qui tụ về gia đình, còn Hội thường mở ra ngoài cộng đồng xã hội.

Tết nói trại là chữ *Tiết*, để phân biệt thời tiết từ mùa này qua mùa khác, từ tuần nọ sang tuần kia. Trong một năm người đời xưa đã phân ra làm 24 tiết, gọi là *nhị thập tứ khí*. Mỗi tiết thường mở đầu cho mấy ngày lễ lạc, hay đánh dấu một biến chuyển trong năm, hoặc kỷ niệm một sự tích nào đó mà dân gian tôn trọng. Người minh theo truyền thống giáo dục tiên lễ, nên trong Tết đã có lễ, trước hết phải cúng kiến ông bà, tức Lễ Tết, rồi mới dọn xuống ăn.

Tết quan trọng nhất trong năm là Tết Nguyên Đán (chữ Hán, *Nguyên là khởi đầu, Đán là buổi sáng*), tức Tết ta, đầu năm âm lịch, nhưng thực ra đã bắt đầu từ lúc đi chợ Tết, sắm Tết vào cuối tháng Chạp ta. Ngày 23 tháng Chạp đã được định là ngày Tết Ông Táo, các bà các cô đi chợ thế nào cũng nhớ sắm ba bộ áo mào (không có quần) cho hai ông, một bà - Có người hay chữ, nói là để cúng bộ ba Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ - Lại mua ít bánh mứt, vàng mã hay chút đường đậu nấu chè cho thêm rậm đảm và một con Cá Chép làm phượng tiện di chuyển. Nhưng tại sao các ông bà Táo lại cưỡi chung một con Cá Chép? Thừa nước mình thuộc vùng nông nghiệp ruộng nước, miền Nam lại sông rạch chằng chịt như mạng nhện. Cưỡi cá dĩ nhiên tiện lợi hơn đón xe ngựa, xe lam, lại khỏi lo kẹt cầu, kẹt bắc. Có thể khởi hành ngay cầu ván bắc xuống ruộng, lạch sau nhà;

thay ghe nhỏ, taxi len lỏi qua khắp kinh nhỏ, sông cái; thay cả ghe mẹ, thuyền lớn bởi mau ra biển vượt biển luôn. *Cá Chép lại sẽ hóa rồng* bay tuốt lên trời kịp châu Ngọc Đế. Để khỏi xếp hàng chờ cầu chục đăng ký hay mua vé chợ đêm máy bay, thêm phiền phức, tốn kém. Ba ngày Tết là những ngày sum họp gia đình, tưởng nhớ tổ tiên. Suốt năm con cháu dù lưu lạc phương xa, vất vả làm ăn miền khác, cũng cố quay về nhà ăn Tết, trước lễ Giao Thừa. Đến các hương hồn ông bà tổ tiên mấy đời cũng được rước về cùng với những vị thần phù hộ gia đình, để con cháu cúng bái. Trước khi tiếp xúc với văn minh Tây phương, dân ta không có tập quán ăn mừng ngày sinh nhật. Mà trong ngày mùng một Tết, nhân ngày đoàn viên rộng lớn này, con cháu chúc tuổi thọ ông bà, cha mẹ, mọi người mừng tuổi nhau như một dịp ăn mừng sinh nhật tập thể. Chẳng những chúng ta đã ăn Tết ba ngày mà trước đây còn ăn Tết đến lễ hạ nêu và xưa hơn ăn chơi trọn cả tháng giêng, nên tục ngữ có câu: *Tháng giêng ăn nghiêng bồ lúa*.

Qua mùng 9 Tết Trời, mùng 10 Tết Đất, rồi Tết cây, Tết vườn, Tết ruộng... Rằm tháng giêng vẫn còn trong Tết, lại là ngày trăng tròn đầu tiên trong năm, nên trong dân gian đã có câu:

Tết Thượng Nguyên hưởng Thiên cầu phúc.

Rằm tháng giêng còn là ngày vía Phật, nên: *Lễ Phật cả năm không bằng ngày rằm tháng giêng.*

Từ xưa dân ta đã tin rằng, trong ngày Thượng Nguyên đức Phật sẽ giáng lâm tại các chùa để chứng độ lòng thành của các Phật tử. Nên chùa nào cũng đông người đến lễ bái, qui y và tụng niệm. Tết Thượng Nguyên còn là Tết *Nguyên Tiêu*, ở các thành Giang Châu, Hàng Châu, Tô Châu... gần Hồ lớn, bên sông nước, đều tổ chức các cuộc bơi thuyền hoa, trang hoàng muôn màu sắc, từ buổi chiều kéo dài đến tối, để dự tiệc uống rượu mừng trăng đầu xuân. Ban đêm từ Kinh thành xuống tới các thị trấn đều chăng đèn, kết hoa sáng trưng rực rỡ. Các văn nhân thi sĩ cũng thường họp nhau vào đêm Nguyên Tiêu, để uống rượu thưởng xuân,

vịnh ngâm thơ phú. Còn dân chúng tụ họp nhau tại các hí trường, công viên để xem các trò đánh gươm, cưỡi ngựa, múa hát...

Theo các nhà thuật số, ngày rằm tháng giêng còn là ngày vía *Thiên Quan*, tại các chùa đều làm lễ *dâng sao*, tức cúng kiến các vì sao, để giải trừ tai ách quanh năm. *Cúng sao* phải lập đàn tràng tam cấp, trên cúng lễ Trời Phật, Tiên Thánh; giữa cúng các vì sao và dưới cúng cúng bố thí chúng sinh. Lễ vật gồm hoa quả, trầu cau, chè xôi, miền Nam không thể thiếu trái dừa tươi. Nhiều nơi còn cúng vàng mã và cả hình nhân nhỏ bện bằng rơm để thế mạng.

Các gia đình gốc Hoa còn cúng Tết Hàn Thực (mùng 3 tháng 3, ăn đồ nguội, không được nhóm lửa, theo tích Giới Tử Thôi bên Tàu). Người minh, một số chịu ảnh hưởng lại nấu bánh trôi (nhân đường phèn), hay bánh trôi nước (nhân đậu xanh) -vẫn dùng lửa-, và làm bánh chay cúng ông bà.

Tết Thanh Minh, 45 ngày sau buổi Lập Xuân, là tiết thứ năm trong nhị thập tứ khí. *Thanh* là *khí trong*, còn *Minh* là *sáng*. Vậy Thanh Minh là khí trong lành sáng sủa. Khi tiết Xuân phân vừa qua, những trận mưa bụi của trời xuân đã tạnh ráo, bầu trời đã trở nên quang đãng, không khí trong lành, cảnh vật sáng sủa. Nên Thanh Minh đã được đặt tên cho thời gian đẹp nhất trong năm, bắt đầu trong tháng ba, hoặc trễ lắm là qua đầu tháng tư, tùy cách tính thiên văn của từng năm. Giai nhân tài tử Trung Hoa, mà chúng ta đều biết qua truyện Kiều của Nguyễn Du, nhân hôm ấy chen nhau đi *tảo mộ* và dự hội *Đạp Thanh*. Người minh chịu ảnh hưởng, cũng chọn ngày Tết này để vác cuốc xuống, bưng mâm đồ cúng ra nghĩa trang giấy cò, quét dọn sửa sang, đắp lại mộ ông bà và cúng bái gia tiên. Thật ra *Đạp Thanh* chỉ là *đạp lên cỏ xanh* mà đi. Nhân tiết xuân ấm áp, trời quang mây tạnh, lòng người bừng thức dậy theo với hoa lê nở trắng. Năm thanh, nữ tú rủ nhau đến những nơi khoáng đãng, mệnh mỏng thảm cỏ xanh tận chân trời, không khí trong lành, bầu trời tươi sáng. Như ngày nay thiên hạ rủ nhau đi *picnic* nhân ngày cuối tuần trời đẹp. Có điều bây giờ người ta theo cá nhân chủ nghĩa, chỉ rủ bạn bè đi ăn chơi riêng, nhiều lắm là một, hai tiểu gia đình, nhà nào chớ riêng xe hơi nhà ấy, cùng chạy ù đến vùng đồng cỏ hay bìa rừng, dọn muống nĩa, dao ăn, bánh mì thịt nguội ra vừa nhâm nhi vừa hóng gió mát vào hè, trong tiếng nhạc âm ỉ. Còn thuở xưa chẳng những mọi người sống trong các đại gia đình, tam tử đại đồng đường, mà mỗi lễ Tết, hội hè họ đều nghĩ nhớ đến cả tổ tiên đã khuất núi. Nên *Thanh Minh trong tiết tháng ba*, cả họ hàng làng nước kéo nhau mang *lễ vật* trước đến cúng kiến *tảo mộ* ông bà, sau

mỗi nhân tiện dự hội *Đạp Thanh*. Vì hồi xưa làm gì có xe đạp, thiết lộ, nên ngựa xe cũ giảm xéo, lăn bừa lên cỏ non xanh tận chân trời. Rồi như ngày nay đi lễ đi liếc, các yến anh gần xa nó nức sấm sửa áo hồng quần tía, tiếng là đi viếng mộ, mà thực tế là để Kim Trọng có dịp gặp mặt Thúy Kiều. Thế hệ bây giờ, các học trò Kim Trọng đâu còn chờ đến Thanh Minh, mỗi chiều đều có thể đạp xe chậm chậm theo em tan trường về, hay ngon hơn củ lỏng buông tay khuấy xe Honda hoặc rờ Mobylette tới vọt em lên yên, dèo một vòng xuống Bonard (đường Lê Lợi) bát phố.

Tết Đoan Ngọ (Đoan là mở đầu, Ngọ là giữa trưa) nhằm mừng 5 tháng 5, là lúc bắt đầu trời nắng to, khí Dương đang thịnh. Thật ra ban đầu người cúng lễ chỉ là để mừng thời tiết mới. Nhưng giữa tiết hạ khí trời oi bức, bệnh tật hay phát sinh, nhân đó người ta cúng vái thêm, cầu cho mọi người trong nhà được bình yên, tránh được mọi thời khí, nên còn gọi là Tết cầu may, cho sự sống, của người phương Nam (Nam Trung Hoa và Việt Nam), đúng thời điểm giữa năm (tính từ tháng Tí đầu năm theo lịch nguyên thủy, cũng là Tết giết sâu bọ vì nhằm tiết Đoan Dương = cực nóng). Ngoài Bắc ăn rượu nếp, hoa quả chua chát và hái lá thuốc giữa trưa, lúc giờ Ngọ, đem phơi khô để dùng cả năm. Trong Nam nấu cơm rượu, cúng bánh ú, bánh dứa, bánh cúng và nấu nước rế tranh, mía lau, mã đề để uống cho mát. Nhiều nhà còn hái lá ngải cứu, có thể thêm lá bưởi, lá sả... bó như lá xông treo trước cửa để trừ ôn dịch. Riêng tại nhà các Đông Y Sĩ còn sửa lễ cúng Thánh Sứ. Thuở trước, nhân ngày này học trò còn đến Tết thầy đồ thúng gạo, cặp ngỗng và đường đậu; con bệnh đã được chữa khỏi cũng đi Tết thầy lang.

Tết Trung Nguyên nhằm rằm tháng bảy, cũng là ngày lễ Vu Lan báo hiếu của nhà Phật. Dưới âm phủ xá tội vong nhân; trên dương gian mọi người rủ nhau đi chùa, tụng kinh cầu siêu cho *cửu huyền thất tổ*, hoặc ở nhà bày cỗ cúng gia tiên, đốt nhiều vàng hương và nấu cháo hoa, dọn kẹo, bánh cúng cho hồn.

Tết Trung Thu vào ngày rằm tháng tám, nhằm giữa mùa Thu, trùng ngày Thu phân nên trăng tròn nhất trong năm, thời tiết mát mẻ. Nên ngoài Bắc thường thả diều, hát trống quân... Còn trong Nam xem là Tết Nhi Đồng, trẻ con rủ rê đèn cá chép, đèn ông sao..., trong khi người lớn uống trà thưởng trăng và ăn bánh Trung Thu. Đối với người bình dân Tết Trung Thu chỉ là Tết trống Trống, nhưng người đọc sách lại tìm về sự tích Đường Minh Hoàng du Nguyệt Điện, được thưởng thức

hai điệu múa *nghe thường* và *vũ y*, làm nguồn gốc cho Tết Trung Thu.

Tết Trung Cửu, nhằm ngày mùng 9 tháng 9, vào cuối Thu, các văn nhân thi sĩ luyện tiếu mùa Thu nên làm một chuyến *Trùng cửu* đấng cao, nghĩa là lên núi cao ngắm cảnh. Nhưng dân ta ít ai ăn Tết này, vì chỉ theo sự tích đời nhà Hán, *chuyện người Hoàn-Cảnh được thầy Phí-Tràng-Phòng báo cho biết ngày mùng 9 tháng 9 nhà gặp nạn to, nên cho người nhà mỗi người may một túi đựng hoa thù-đu, buộc lên cánh tay, rồi tìm lên chỗ cao uống rượu. Quả nhiên cả nhà thoát nạn, chỉ có gà, chó ở nhà bị chết hết.*

Tết Hạ Nguyên nhằm rằm tháng mười, còn được xem là Tết Cơm Mới, vì nhiều nơi đã xong vụ mùa. Người nông dân sửa lễ *Thường Tân*, chọn lấy phẩm vật đầu mùa mà tế Thần, hoặc biếu người trên. Các bà các cô dùng lúa mới đồ xôi dâng cúng thần linh ở các đình đền, để *Thủy quan giải ách*, hoặc lựa gạo, nếp mới giã, sửa soạn nhang đèn, bông trái đi lễ chùa, cúng Phật.

Rồi chu kỳ các ngày lễ Tết trong năm sẽ đóng lại vào ngày Tết Táo Quân, để âm dương chuyển hóa chuẩn bị đi vào năm mới.

Hệ thống các Lễ, Hội được tổ chức theo từng vùng, miền. Vùng Kinh Bắc đã truyền khẩu nhiều đời:

Mồng 7 hội Khâm, mồng 8 hội Dâu, mồng 9 đầu đầu nhỏ về làng Đông.

Nói chung miền Bắc có nhiều Lễ, Hội hơn trong Nam. Lễ, Hội liên quan đến đời sống, trong thiên nhiên như các lễ hội nghề nghiệp mà quan trọng nhất là nông nghiệp, để cầu mưa chống hạn, xuống đồng (bắt tay vào việc đồng áng), tạ ơn trời đất và mừng được mùa. Rồi đến nghề dệt, nghề rèn, đúc đồng, đua đò, đánh cá (hội đua ghe Ngo ở Sóc Trăng)... Lễ hội kỷ niệm các anh hùng dân tộc như hội Đền Hùng, đền Hai Bà Trưng, đền Kiếp Bạc, hội Tây Sơn... Lễ hội tôn giáo như hội Chùa Hương, chùa Tây Phương, chùa Thầy; hội Phủ Giày và hội đền Sòng (Thanh Hóa) thờ Bà Chúa Liễu Hạnh, hội núi Bà Đen thờ Linh Sơn Thánh Mẫu, hội Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc... Trong Nam còn có những lần cúng kỳ yên ở Đình làng mỗi năm. Sau phần lễ Phật, cúng tế thần thánh, liền tới phần vui chơi giải trí, rước gánh hát bội, tổ chức hát chèo, hát quan họ, mở các trò chơi như đi thuyền đốt pháo, thả diều, cướp cầu, thả lố, đánh đáo, ném cồng, nhún đu, bắt chạch trong chum... và các cuộc thi như thổi cơm, luộc gà, bắt lợn, bắt vịt, dọn cỗ, dệt vải, đua đi cà-kheo, lại thêm những kỳ đấu vật, kéo co, chọi trâu, đá cá, đá gà, đá đẽ...
Như vậy Tết và Hội đều kết hợp hai phần: Phần đầu hướng về *linh thiêng*, tưởng niệm những người đã khuất; phần sau thực tế dành cho bâng dân *thế tục*.

Nếu Tết thiên về phần vật chất (*án*), thì Hội có nhiều ý hướng về tinh thần (*chơi* các trò có phần xây dựng).

Ăn Tết thường qui về *trong gia đình*, duy trì dòng huyết thống kính trên nhường dưới; còn **chơi Hội** lôi cuốn mọi người ra ngoài cộng đồng xã hội, chia đều các cơ hội, kết hợp các lứa đôi mới, phân định những quyền lợi trong trật tự của làng xã. Theo thời gian các ngày Tết đã được sắp xếp vào những mùa tiết trong suốt năm; và theo không gian các kỳ Hội đã được phân bố tùy nơi các làng xã, vùng, miền trải ra khắp nước, tuy như phân ra thành hai trục tung hoành trên hệ thống tọa độ của cuộc đời, nhưng lại uốn chuyển kết hợp nhau, như hai nhịp sống âm dương hài hòa suốt hơn bốn ngàn năm lịch sử ●

Xuân viên xứ



Xuân chớm đọng trên cành xanh nụ biếc

*Sắc hoa đào hồng ngọt những vần thơ
Gió xuân xao tà áo mới đợi chờ
Buồng gót nhẹ trong nắng vàng vừa tới.*

*Em đến đây giữa khùng trời xuân mới
Khát khao tìm một dấu ấn xuân xưa
Tìm một tình yêu tình rộ bốn mùa
Nơi đất mẹ sống xô bờ cuốn mắt.*

*Em ra đi trong mối sầu bất tận
Nên mùa xuân dù có đủ muôn hương
Trên thảm nhung xanh giấc mộng
thiên đường
Em vẫn thấy lòng như cơn nước lũ.*

*Tùng nụ xuân là muôn hoa sắc nhé
Mỗi búp non là cả một trời đau
Đời bơ vơ tìm xuân cũng âu sầu
Em lặng lẽ khóc cho đời viễn xứ.*

● Nguyễn Thị Hoa



● Cú Sĩ Chính Trực

Xuân Di Lạc

Theo truyền thống lâu đời của Tổ Tiên, vào ngày mừng một Tết Nguyên Đán hằng năm, chúng ta cùng gia đình đi Chùa, lễ Phật, hái lộc, cầu nguyện Chư Phật mười phương gia hộ cho gia đạo được bình an, hạnh phúc từ đầu năm chí những cuối năm. Ngày mừng một Tết Nguyên Đán đầu năm cũng là ngày vía Đức Di Lạc. Chúng ta thường tụng: Nam Mô Long Hoa Giáo Chủ Đương Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật. Nghĩa là Bồ Tát Di Lạc là một vị Phật sẽ thành trong tương lai. Như vậy, lễ vía Đức Di Lạc ngày đầu năm đối với mọi người mang ý nghĩa hy vọng được vạn sự kiết tường như ý trong năm mới; còn đối với những người tu học, ngày vía Đức Di Lạc mang một ý nghĩa trọng đại là sự tinh tấn tu tâm dưỡng tánh, quyết chí để thành một vị Phật trong tương lai. Nhân dịp đầu Xuân năm nay, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu về Đức Di Lạc cùng những hạnh nguyện của Ngài để áp dụng trong cuộc sống của người Phật Tử tại gia nhằm mục đích được an lạc và hạnh phúc một cách trọn vẹn và thiết thực.

Theo quan niệm thông thường của dân gian, người ta thường kiêng cử đủ thứ trong ngày đầu năm mới, cho rằng chuyện gì xảy ra trong ngày đầu năm sẽ được lặp lại trong suốt năm đó. Thực sự chúng ta cũng đã biết điều đó không đúng thực tế, không có căn cứ vào đâu cả và nhất là không đúng chánh pháp, nhưng vẫn còn không ít người cứ tin như vậy. Bởi thế cho nên trong đạo Phật, Chư Tổ chọn ngày mừng một Tết Nguyên Đán là ngày vía Đức Di Lạc và người Phật Tử chúng ta thường gọi mùa Xuân là "Xuân Di Lạc" mang ý nghĩa hết sức thâm trầm và lợi ích. Trước hết, chúng ta được biết hình ảnh Đức Di Lạc được thờ trong các chùa rất khỏe mạnh, mập mạp và gương mặt tươi cười một cách hoan hỷ. Đặc biệt là có sáu đứa bé bám vào thân của Ngài. Đứa thì móc mắt, đứa thì móc mũi, đứa thì móc miệng, đứa thì chọc lỗ tai, đứa thì moi rún v.v... mà Ngài vẫn cười như không có chuyện gì phiền hà hết trơn. Có người còn gọi bức tượng đó là "Phật hoan hỷ" và cũng có nhiều người hiểu lầm cho đó là vị thần có nhiều con cái để những ai muốn có con, hãy đến lễ tạ Ngài mà cầu xin! Cũng có người lầm lẫn với tượng khác của một vị thần mập mạp, miệng cười toe toét, hai tay nâng một lượng vàng, đó chính là tượng Thần Tài.

Sáu đứa bé đó tượng trưng cho "lục tặc" tức là sáu tên giặc chuyên gây phiền não cho chúng ta thường ngày. Chúng ta có lục căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

Với hai con mắt, chúng ta trông thấy những hình ảnh nào dễ thương, hấp nhân thì sanh tâm đắm nhiễm, nhỏ nhen, tham luyến, muốn chiếm đoạt làm của riêng mình; còn nếu trông thấy những hình ảnh khó ưa, xấu xí, thấy ghét thì sanh tâm bực dọc, tức giận, bất an.

Với hai cái tai, chúng ta nghe những tiếng êm dịu, tăng bốc thì sanh tâm đắm nhiễm, ưa thích; còn nếu nghe những lời chỉ trích khó nghe chạm đến tự ái, bản ngã to lớn của mình thì sanh tâm sân hận, oán ghét, bất an.

Với cái mũi, chúng ta chỉ thích những mùi hương, thơm ngát, dễ chịu và ghét những mùi hôi thúi nồng nặc.

Với cái lưỡi, chúng ta chỉ thích ăn ngon khoái khẩu, hấp vị mà không nghĩ đến sự đau khổ của các chúng sanh bị giết làm thịt.

Với cái thân tứ đại giả tạm này, mà chúng ta vì mê lầm, thường chấp là của chính mình, chúng ta chỉ thích mặc đẹp và những xúc chạm vừa ý.

Còn với cái lãng-xăng lộn-xộn, không một giây phút ngừng nghỉ, chúng ta luôn luôn nghĩ ngợi những điều gì có lợi cho bản thân, cho gia đình, khen mình chê người.

Lục căn của chúng ta chính là lục-tặc tức là sáu tên giặc dã, đang và sẽ dẫn dắt chúng ta vào sanh tử luân hồi nhiều đời nhiều kiếp.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật đã dạy cho chúng ta biết rõ là: "*Cội gốc sanh tử chính là sáu căn của chúng ta và cũng chính sáu căn của chúng ta là cội gốc của giải thoát, của Niết Bàn*". Tại sao vậy?

Nếu lục căn tức là sáu giác quan của chúng ta là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân và ý, khi tiếp xúc với sáu trần cảnh bên ngoài là: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp mà không đắm nhiễm, không dính mắc thì chúng ta đâu có bị phiền não, đâu có nỗi "*tam bành*" là tham, sân, si và đâu có bị lôi vào vòng sanh tử luân hồi khổ đau. Thí dụ, mắt trông thấy lượng vàng mà chúng ta không nổi lòng tham, ham thích, muốn sở hữu nó thì đâu phải khổ đi làm đâu tất mạt tối để mua sắm nó, còn nếu lưỡi biếng không chịu đi làm mà lại tham lam thì còn khổ hơn gấp bội phần! Không phải là chúng ta không cần tiền để sinh sống, nhưng cổ nhân có dạy: "*Tri túc tiện túc hà thời túc. Tri nhân tiện nhân hà thời nhân*". Nghĩa là: Biết đủ thì lúc nào cũng thấy đủ và biết nhân thì lúc nào cũng thấy nhân. Cũng có câu: "*Tri túc chi nhơn, tuy ngọa địa thượng du vi an lạc. Bất tri túc giả, thân xử thiên đàng diệc bất xứng ý*". Nghĩa là: Người biết thế nào là đủ, tuy nằm trên đất cũng lấy làm an lạc. Người không biết thế nào là đủ thì thân ở ở thiên đàng, tâm cũng không vừa ý!

Thí dụ, tai nghe thấy tiếng khó nghe mà tâm không chấp những lời vô nghĩa thì chúng ta đâu có nổi lòng sân và đâu có bị lôi vào vòng sanh tử luân hồi khổ đau. Trong kinh điển, Đức Phật đã dạy chúng ta là "*y nghĩa bất y ngữ*" tức là chỉ nghe theo những lời nói có nghĩa mà không chấp những lời nói suông vô nghĩa. Nếu có người tự dùng miệng chúng ta ngu mà chúng ta nổi sân, cãi lại cho ra lẽ thì quả là chúng ta ngu thật rồi, còn gì nói nữa. Những lời nói vô nghĩa như vậy khi đến nhĩ căn, tức là lỗ tai của chúng ta, cũng giống như gió thoảng mà thôi! Được như vậy, chúng ta sẽ an lạc và hạnh phúc không nghĩ. Bởi vậy, có một bài kệ như sau:

<i>Mắt trông thấy sắc rồi thì,</i>	(không dính)
<i>Tai nghe thấy tiếng, nghe rồi thì không.</i>	(không mắc)
<i>Trở trở lãng lạng cõi lòng,</i>	(vô niệm)
<i>Nhẹ nhàng ta bước khỏi vòng trầm luân.</i>	(giải thoát)
Còn như ngược lại, cũng có bài kệ như sau:	
<i>Mắt thấy sắc, thấy rồi thì dính,</i>	(dính)
<i>Tai nghe tiếng, nghe rồi thì mắc.</i>	(mắc)
<i>Tam bành lục tặc trong lòng,</i>	(loạn tâm)
<i>Nặng nề ta lọt vào vòng tử sanh.</i>	(phiền não)

Có vị đến hỏi một Thiền sư làm sao để được giải thoát. Thiền sư đáp: "*Lục-căn tiếp xúc lục-trần không sanh lục-thức là giải thoát*". Nghĩa là: thường ngày, nếu chúng ta sống trong cõi đời này, sáu giác quan của chúng ta tiếp xúc với sáu đối tượng ở trần đời mà không sanh tâm dính mắc, không sanh tâm loạn động vì tham sân si thì chúng ta sẽ được tự tại, giải thoát ngay hiện đời. Mắt trông thấy sắc, tai nghe thấy tiếng, mũi ngửi biết mùi, lưỡi nếm biết vị nhưng mà dùng khởi niệm thường hay ghét, thích hay không thích thì đâu có gì gọi là phiền não, sân hận hay bực dọc nữa. Cũng như sáu đứa bé chọc phá Đức Di Lạc mà Ngài vẫn tươi cười hoan hỷ như không có chuyện gì xảy ra. Nghĩa là lục-căn của Ngài tiếp xúc với lục-trần mà tâm của Ngài không sanh ra lục-thức thì Ngài sống rất an nhiên, tự tại. Đó là cảnh giới của những người vô tâm, không có phiền não, là cảnh giới Niết Bàn ở ngay trong tâm trí của chúng ta hiện đời chứ không phải đợi sau khi chết mới tiêu-diêu nơi miền cực-lạc, hay lên trên thiên đàng đâu đâu không tưởng. Thật là phí phạm cả cuộc đời này!

Thiền sư Bá-Trượng Hoài-Hải có dạy: "*Tâm cảnh không dính nhau là giải thoát*". Nghĩa là: Chúng ta vẫn kiến văn giác tri tức

là thấy, nghe, hiểu biết tất cả cảnh trần đời, nhưng tâm không dính mắc thì không phiền não tức là giải thoát. Thật là hết sức đơn giản. Lý lẽ tuy cao siêu vi diệu nhưng hết sức thực tế, bất cứ ai cũng có thể làm được, không cần phải thờ lạy, cúng kiến, không phân biệt tôn giáo, sắc tộc, ngôn ngữ, nghề nghiệp, xuất xứ, học thức, nam nữ, già trẻ, bé lớn, giàu nghèo, sang hèn.

Tuy nhiên, nói như vậy thì hiểu như vậy, chủ còn thực hiện được cái chỗ "không dính, không mắc", cái chỗ "vô tâm", thì cần phải có pháp tu để ứng dụng. Làm sao chúng ta có thể sống vui tươi, hạnh phúc suốt năm và cả đời như Đức Di Lặc? Chúng ta hãy can đảm nhận thấy rõ cuộc sống của chúng ta vui ít, khổ nhiều, nhưng không bị quan yếu thế và cũng đừng để sống trong phiền não, bị thâm như trước đây nữa. Muốn được như vậy, chúng ta phải đánh lễ Ngài với tất cả lòng thành kính và hưởng tâm hồn về Ngài để theo cái hạnh nguyện của Ngài đặng tâm trí được an vui phơi phới dù đang ở trong bất cứ cảnh ngộ nào cũng vậy. Đức Di Lặc tu pháp môn gì mà được tự tại như vậy? Đó chính vì Ngài tu bốn hạnh "Tử, Bi, Hỷ, Xả" còn gọi là "tứ vô lượng tâm" tức là bốn tâm địa rộng lớn thênh thang, không thể nghĩ bàn.

Với tâm *Tử*, Ngài luôn luôn mang niềm vui đến với mọi người bất cứ lúc nào không phân biệt gì cả.

Với tâm *Bi*, Ngài luôn luôn cứu giúp những người đau khổ, những người bất hạnh, Ngài thương người như chính thân mình.

Với tâm *Hỷ*, Ngài luôn luôn vui với những việc lành, những hạnh phúc, những thành tựu của tất cả mọi người xung quanh, không có tâm ganh ghét, đố kỵ, tị hiềm, Ngài luôn luôn nhỏ câu: Nam Mô Như Thích Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát. Nghĩa là Ngài luôn luôn noi gương những vị Bồ Tát mà tất cả mọi người đều hoan hỷ khi gặp mặt.

Với tâm *Xả*, Ngài không bao giờ chất chứa trong lòng, trong tàng thức bất cứ điều phiền muộn nào dù nhỏ đến đâu, trái lại Ngài luôn luôn tha thứ bất cứ ai gây phiền muộn, rắc rối cho Ngài.

Đức Di Lặc không bị bất cứ phiền não nào tác động cho nên thân tướng của Ngài mập mạp khỏe mạnh, tâm trí Ngài thanh thản, nét mặt lúc nào cũng hoan hỷ.

Nếu chúng ta muốn được an nhiên tự tại, muốn được hạnh phúc ngay hiện đời, chúng ta phải noi gương Ngài để tu bốn hạnh *Tử, Bi, Hỷ, Xả*. Nếu có tâm tử bi, chúng ta sẽ biết thương yêu và thông cảm với mọi người, chúng ta sẽ giảm bớt lòng tham và lòng sân. Thí dụ, chúng ta giúp đỡ bất cứ ai điều gì hay chúng ta nuôi nấng con cái bởi do lòng tử bi thì chúng ta sẽ không nhỏ công, kể ơn với mọi người hay ngay cả với con cái trong gia đình, do đó không ai cảm thấy khó chịu sau khi thọ ơn của chúng ta. Chúng ta thường có lòng tử bi với những loài vật nhỏ nhít như rười muỗi, côn trùng hay lớn hơn như gà, vịt, heo, bò, chúng ta không nỡ giết hại, ăn thịt chúng; nhưng đối với những con người sống chung quanh, đôi khi chúng ta không nhin nổi một câu nói hay một hành động nào chạm đến tự ái của mình. Lòng tử bi như vậy đó cần phải được xét lại. Cũng vậy, chúng ta thường có lòng tử bi với người xa lạ hay với người ở xa, lâu lâu gặp một lần; nhưng khó có lòng tử bi với những người ở gần xung quanh chúng ta khi họ làm điều gì mất lòng mình.

Khi chúng ta thấy một người làm việc phước thiện, như cúng chùa hay tặng hội thiện một số tịnh tài chẳng hạn; nếu chúng ta phát tâm tùy hỷ, nghĩa là vui theo với việc thiện người khác làm được, thì chúng ta cũng được phước báu như người đó vậy. Tại sao vậy?

Đức Phật có dạy rằng: "*Khi một người mời ngọn đuốc của họ được sáng, nếu chúng ta mời từ ngọn đuốc của họ thì ngọn đuốc của chúng ta cũng sáng như vậy mà ngọn đuốc của người đó không giảm sáng chút nào*". Khi một người phát tâm làm việc phước thiện thì tâm tử bi của họ tăng trưởng, tâm tham lam bòn sẻn của họ giảm bớt. Họ được phước báu, giảm bớt phiền não, dần dần tâm tánh của họ được thanh tịnh, cuộc sống của họ được an lạc hơn. Nếu chúng ta phát tâm tùy hỷ, một trong tứ vô lượng tâm, vui theo với việc thiện của người khác thì chúng ta

giảm được tâm đố kỵ, ganh tị, tâm tử bi của chúng ta cũng tăng trưởng và khi đủ duyên chúng ta cũng sẽ làm việc thiện đó vậy.

Còn đối với tâm xả, đó là chỗ hết sức cao siêu của người tu hạnh giải thoát. Muốn được giải thoát, muốn được tự tại, nhẹ nhàng bước ra khỏi vòng trầm luân, sanh tử luân hồi, nhất định chúng ta phải tu hạnh xả. Nếu lục-căn của chúng ta tiếp xúc với lục-trần, dừng dính dừng mắc thì trong kho tàng tâm thức chúng ta không có gì để chứa hết. Lúc đó chúng ta sống trong nhẹ nhàng, thanh thoi, không phiền muộn, ưu tư. Do tâm tử bi, chúng ta làm không biết bao nhiêu việc phước thiện và do tâm hỷ-xả chúng ta vui vẻ bỏ qua hết tất cả những việc đã làm, trong tâm thức không có bốn tướng "*ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*", tức là: chúng ta không thấy có mình là người làm phước, người khác là người nhận lãnh và không nhỏ, không để tâm đến những gì chúng ta đã làm, đã cho. Như vậy chúng ta sẽ không cầu được báo đáp, không đòi hỏi bất cứ ai nhớ ơn chúng ta thì chúng ta không có phiền não chút nào cả nếu gặp phải những người không biết ơn. "*Thi ân bất cầu báo đáp*" là nghĩa đó vậy.

Chúng ta sở dĩ bị sanh tử luân hồi nhiều đời nhiều kiếp là vì chúng ta dính mắc quá nhiều, chúng ta không buông xả mà trái lại chứa nhóm quá nhiều trong tiềm thức.

Lục-căn của chúng ta cũng như các bộ phận của máy quay phim, hằng ngày thu nhận không biết bao nhiêu là hình sắc, âm thanh, rồi đem chứa vào trong kho tàng tâm thức; để rồi lâu lâu, thậm chí đến mấy chục năm sau, mang ra chiếu lại để cười chơi hoặc tức giận, như thể chuyện mới xảy ra ngày hôm qua còn nóng hổi vậy; mặc dù những diễn viên trong đó đã đi vào quá khứ từ lâu! Họ đã quên hết, chỉ có chúng ta là còn nhớ kỹ để lãnh đủ phiền não, khổ đau.

Nếu buông xả được, xóa được những cuốn băng trong kho tàng tâm thức, chúng ta sẽ trở nên người vui tươi dễ chịu, lúc nào cũng hoan hỷ như Đức Di Lặc vậy, nhứt thiết chúng sanh sẽ hoan-hỷ-kiến. Lúc Đức Phật còn tại thế, có một người mang hai chậu bông đến cúng dường với tâm mong cầu pháp môn tu giải thoát. Khi gặp mặt, Đức Phật bảo buông; ông ta bèn buông tay trái, chậu bông rơi xuống đất. Đức Phật lại bảo ông buông, ông ta bèn buông tay phải, chậu bông thứ hai rơi xuống đất. Đức Phật lại bảo buông; ông ta bèn thưa: Bạch Đức Thế Tôn, hai tay con đã buông hết rồi đầu còn gì để buông nữa. Đức Phật dạy: "*Như Lai bảo ông buông lần thứ nhất là bảo ông buông sáu-căn; lần thứ hai là bảo ông buông sáu-trần; lần thứ ba là bảo ông buông sáu-thức. Khi căn, trần, thức không còn nhiệm trước, tức thập-bát-giới không thành lập, thì ông được giải thoát*".

Điều sau hết, chúng ta cần lưu ý là Đức Thích Ca đã đi tìm đạo, đã tu tập, đã chứng đạo và đã thành Phật dưới cội cây Bồ Đề ngay tại thế giới ta-bà này từ 26 thế kỷ trước, lịch sử đã ghi lại rõ ràng và sau này Đức Di Lặc cũng sẽ hạ sanh ở thế giới ta-bà này để tu hành và sẽ thành Phật dưới cội cây Long Hoa. Nghĩa là mười phương chư Phật đều thành Phật ở ngay tại thế giới ta-bà này chứ không phải thế giới nào khác; bởi vì ở các cõi thiên giới quá sung túc vật chất, ham vui, hưởng thụ quên tu, còn ở các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì quá khổ về vật chất lẫn tinh thần nên cũng không tu được. Chỉ có ở thế giới ta-bà này, con người có đủ thuận cảnh lẫn nghịch cảnh để tu hành và tiến đến chỗ giải thoát mà thôi. Chúng ta nên bình tâm xét lại những mộng tưởng về cõi tây phương cực lạc hay cõi thiên đàng ở kiếp sau; để khỏi uổng kiếp làm người hiện đời.

Tóm lại, chúng ta đã thấu hiểu một cách rất rõ ràng phương pháp tu giác ngộ và giải thoát để đạt được an lạc và hạnh phúc hiện đời; vậy chúng ta hãy bắt đầu cất bước lên đường làm hành giả kể từ mùa xuân năm nay là vừa. Được như vậy, chúng ta sống trên cõi đời này sẽ thấy nơi đây chính là cõi an lành, tự tại, là một thế gian đầy tình thương yêu, đầm ấm. Thế gian này chính là cảnh giới của chư Phật, chư hiền thánh, chư thượng-thiện-nhơn, chứ không còn là của phàm phu tục tử nữa. Kính chúc quý vị được hưởng một mùa xuân Di Lặc, mùa xuân an lạc hạnh phúc miên viễn của tất cả chúng ta vậy. (Toronto - Canada)



● Thích Như Điển

Cây đàn muôn thuở

Ít nhất cũng hai năm rồi, tôi mới có dịp đi lại Ấn Độ. Cứ mỗi lần đi như thế, có một số quý Thầy, quý Cô và quý Phật Tử đi cùng. Có nhiều lúc gần 50 người; nhưng cũng có lúc trên vài chục người. Dầu ít hay nhiều cũng là một chuyến đi; do vậy mà nói tôi, có một cái gì đó sâu sắc hơn, ý nhị hơn cho những lần đi như thế trong cuộc đời.

Lần đầu tiên đi chiêm bái Phật tích vào năm 1989, cách nay cũng đã đúng 10 năm. Lần ấy có Hòa Thượng Thích Minh Tâm đi cùng. Cũng chính lần ấy, tôi có nói chuyện với Thầy Huyền Diệu rằng: "Tôi sẽ không bao giờ đi Ấn Độ nữa"; nhưng cho đến hôm nay tôi đã đi chiêm bái Phật tích đến 4 lần rồi. Không biết còn bao nhiêu lần trong đời phải đi và phải đến nữa; nhưng cứ mỗi lần đi như thế, có cái gì đó biến chuyển trong nội tâm của tôi rất nhiều.

Lần này tiếng đàn của một ông lão tại chùa Linh Sơn ở Cầu Thi Na Thành, nơi Đức Phật nhập Niết Bàn đã làm cho tâm tôi xao xuyến lạ lùng. Hôm đó không biết là ngày mấy tháng 12 năm 1998, sau khi từ xứ Chư Thiên Đọa Xứ (Varanasi) đến đây, ai nấy đều mệt mỏi, ngửi rất ngon giấc sau khi đã dùng những món canh chua và các món rau đậu thuần túy quê hương Việt Nam khác, nên mọi người đã an ổn ngủ yên.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi dậy để tụng kinh Lăng Nghiêm và sau thời kinh, quý Phật Tử được Sư Cô Thích Nữ Trí Thuận, trụ trì chùa Linh Sơn tại đây cho chiêm bái Xá Lợi. Sau đó tôi trở lại phòng, ngồi nghỉ thêm một vài phút nữa để chuẩn bị điêm tâm, thì bỗng đâu từ sân chùa vọng lại, tiếng đàn của ai mà nghe sao ai oán lạ thường. Tôi cứ mãi nằm yên như thế để thưởng thức một âm thanh kỳ lạ, một nhịp điệu quen thuộc, mà chẳng biết là nhạc gì. Chỉ biết có một điều duy nhất là âm thanh ấy chỉ cùng một nhịp điệu và được lặp đi lặp lại nhiều lần y hệt như thế. Tinh thoàng có tiếng hát đi kèm theo giọng Ấn Độ. Tôi nghĩ lúc ấy có lẽ là một người đứng tuổi và cử thể

nằm yên trên giường để thưởng thức và chờ giờ điêm tâm.

Thế rồi 8 giờ sáng đã đến, mọi người đều xuống trai đường dùng điêm tâm. Tôi cũng không ra ngoài thông lệ ấy. Lúc bấy giờ tôi có nhiều thì giờ để quan sát ông lão hơn. Đầu ông ta chít khăn Ấn Độ, thân thể gầy còm, có lẽ đã trải qua dài dầu với mưa nắng, mà cái ăn, cái mặc lại thiếu thốn; nên trông ông, thấy ông càng nhỏ thó nhiều hơn. Tôi đảo mắt nhìn kỹ cây đàn ông lão đang kéo. Cây đàn không có gì đặc biệt, có rất nhiều dây; nhưng chỉ có một dây mơn nhiều nhất. Nhìn thật chú tâm, thì thấy ông lão không bấm nút vào cung đàn, thế mà âm thanh vẫn cử thể, theo cần đàn mà trầm bổng. Không phải ông lão bị mù, cũng chẳng phải ông chú tâm vào khán giả chung quanh ông, mà có lẽ, tất cả tâm tư của ông đều hướng vào phía nội tâm của mình, do vậy mà tiếng đàn lại trầm bổng lạ thường. Tôi cố nghe cho thật kỹ; nhưng vẫn không hiểu là điệu đàn gì. Từ miệng mình, thốt ra bằng tiếng Việt, tôi bảo rằng: "Ông lão hát cái gì mà buồn thế?". Dĩ nhiên là ông ta không thể trả lời được, mà nếu có, tôi cũng không hiểu là ông đã nói gì. Vì ngôn ngữ bất đồng mà. Đầu đó có vài người biết nói tiếng Anh, lại thông dịch cho tôi rằng: Ông lão đang đàn bài Dharman saranam gachami. Hình như chỉ có điệu này nhiều nhất. Tinh thoàng thì ông cũng có đàn Buddham saranam gachami và Sangham saranam gachami nữa. thì ra thế! Khi tôi hiểu ra sự việc rồi, lại thông cảm cho ông lão nhiều hơn. Thay vì đi xin ăn như nhiều người Ấn Độ khác, ông lão này cũng là một hình thức đi xin; nhưng chẳng mất lòng ai. Vì ông không đòi tiền. Ai cho cũng được. Ai không cho, cũng không sao. Tôi cúi sát mình xuống, bỏ vào trên vạt áo trái dài trước mặt của ông 10 Rubies Ấn Độ để thưởng công trạng của ông. Có người còn bỏ vào đấy 50 Rubies. Số tiền này không nhỏ, so với cuộc sống của dân quê Ấn Độ và nhất là đối với những người sống cuộc đời lang thang hành khất với chiếc đàn muôn thuở như ông. Thật là một điều hân hũu và cũng là một phép Phật nhiệm màu.

Ba câu trên bằng nguyên ngữ tiếng Pali, có nghĩa là Phật, Pháp, Tăng là 3 ngôi báu, con xin nương tựa về. Chỉ có đơn giản như thế thôi; nhưng sao mà tiếng đàn của ông lão dịu dặt như thế. Đây không phải là tiếng đàn của Trương Chi, Mỵ Nương, mà là tiếng đàn đi vào cõi tĩnh. Ông lão chọn điệu đàn ấy nói chốn này thật hữu lý. Vì nơi đây, chính Đức Bốn Sư của chúng ta đã vào Đại Bát Niết Bàn. Khung cảnh nơi rừng Sa La, nơi Cầu Thi Na Thành này buồn lắm. Ai đến đây rồi cũng ngậm ngùi. Không ai bảo ai; nhưng rồi mọi người đều khóc, đều ngậm ngùi nhớ tiếc cho một bậc đạo sư, suốt đời đã vì sanh chúng và ở cuối đời mình đã chọn nơi đây làm nơi an nghỉ ngàn thu.

Tại chùa Niết Bàn có tôn thờ một tôn tượng của Đức Bốn Sư nằm trong tư thế nhập diệt, dài độ 10 thước. Trông gương mặt của Ngài tỏa rạng một tấm lòng từ bi, mặc dầu có hơi buồn đó; nhưng tương truyền rằng, tượng Phật này do một vị Tăng sĩ Ấn Độ tạc vào thế kỷ thứ 2 và thế kỷ thứ 11, 17 bị Hồi Giáo xâm chiếm Ấn Độ nên chùa xưa đã đổ nát, chỉ còn bức tượng này chôn vùi dưới nhiều tấc đất và đến thế kỷ thứ 19 các nhà khảo cổ học Tây Phương mới phát hiện ra và họ đã lấp từng mảnh vụn của bức tượng nguyên thủy lại và từ đó chúng ta mới có được một nơi chốn, một pháp thân trang nghiêm, thanh tịnh để người Phật Tử xa gần dành lễ cúng như tôn thờ.

Rừng Sa La ngày xưa bây giờ không còn nữa; nhưng hình ảnh 2 cây Sa La hình dáng cao gầy vẫn còn đứng đó để đợi chờ hình bóng của Tôn Sư, biết đâu, ở một kiếp vị lai nào đó, Ngài sẽ trở lại nơi đây để thị tịch Niết Bàn một lần nữa. Ước gì kiếp đó lại có chúng ta, có thể làm một cái gì đó hay một con gì đó, để dâng hiến tâm thức của mình vào sự giác ngộ giải thoát của Đức Như Lai. Chung quanh tôn tượng toát ra một cái gì cao cả linh thiêng ấy, có lẽ những người hành khất dưới các Tăng y tu sĩ, người thật có, kẻ giả dạng mặc áo Tăng bào cũng không phải là không, chẳng biết họ có cảm nhận được gì, khi có hàng trăm hàng ngàn con tim, ý hướng, đầu ở xa trong muôn vạn dặm trên quả địa cầu này; nhưng cũng đã hướng về đây để dành lễ, cúng dường, dâng hiến lời kinh tiếng kệ nhiệm màu lên đấng Tôn Sư. Họ ở gần Phật đó; nhưng không biết họ có hiểu gì không? họ sát bên chân Phật đó; nhưng không biết giáo lý giác ngộ ấy có làm cho họ tỏ ngộ không. Thật là:

*"Được sáng không soi giúp kẻ mờ
Nước sông khó rửa sạch lòng nhỏ
Túi tham không đầy bao giờ đủ
Tinh Ngộ tu hành thoát kiếp mờ"*

Chúng ta, những người Phật Tử Việt Nam hay bất cứ Phật Tử nào trên thế giới, như trong kinh Đại Bát Niết Bàn đã kể lại rằng: "Sau khi Như Lai diệt độ; nếu có người nào đó, đi đến nơi 4 chỗ động tâm này để đánh lễ và chiêm bái, cũng giống như những người đã có thiện duyên gần Phật và gặp Phật, như thời Ngài còn tại thế". Điều ấy đã hiển nhiên, nếu ai có lòng tin, thì đức tin sẽ thành tựu những công đức trang nghiêm như thế. Còn đối với những kẻ không có đức tin, quả thiệt tội nghiệp vô cùng.

Màu y vàng chói của Đức Phật chỉ tỏa rạng có 2 lần. Một là lúc Như Lai thành đạo dưới cội Bồ Đề. Hai là lúc Như Lai vào cõi vô dư Niết Bàn. Ở đây pháp y ấy vẫn nhiệm màu và tỏa rạng khắp nơi nơi. Giờ đây sau 2.500 năm lịch sử, nếu có ai về nơi chốn này, cũng đều cảm nhận như Đức Như Lai vẫn còn đó, có lẽ mỗi hôm qua đây, Ngài vẫn còn khen tặng dân làng Mạt Lị này là một dân tộc có tu học và có nhiều phúc đức. Bây giờ thì không gian ấy đã xa, thời gian ấy không còn nữa; nhưng sao bên tai ta vẫn vang vọng đầu đây tiếng đàn, tiếng sáo của Chủ Thiên đến chúc tụng Ngài đi vào cõi giới an nhiên tịch mịch ấy.

Giờ đây Chủ Thiên không thấy, chỉ còn gặp lại ông lão hành khất nơi sân chùa Linh Sơn với cây đàn muôn thuở và bóng dáng của ông Thuần Đà, người dâng bát cháo nắm cuối cùng cũng như ông Tu Bạt Đà La đầu rồi, không ai còn thấy. Chỉ có một điều cảnh cũ là đây; nhưng bậc Tôn Sư không còn nữa. Do vậy mà, ai đến đây cũng buồn lắm, nhất là khi nhớ nghĩ đến Đức Bổn Sư.

Một buổi sáng ấy, phái đoàn chúng tôi 45 người, đã đi tiếp về nơi Trà Tỳ, nơi làm lễ hỏa thiêu pháp thân của Đức Phật. Tại đây, cảnh tượng càng nào nùng hơn. Chúng tôi lắng đọng tâm tư của mình và như hồi tưởng lại câu chuyện Ngài Ma Ha Ca Diếp chưa kịp về hầu Phật, trước khi thân Ngài được hỏa thiêu. Ngài Ca Diếp và 500 vị đệ tử về chỉ trễ có một tuần lễ sau khi đi bộ từ xứ Ma Kiệt Đà. Còn chúng tôi, đã trễ hơn 2.500 năm lịch sử rồi, mà chúng tôi cũng lại về đây để khóc than cho một kiếp người đã quá nhiều tục lụy.

Dầu cho lửa và củi đã chuẩn bị sẵn sàng; nhưng với sức người, không thể thiêu thân Ngài, chỉ có lửa tam muội, chính Ngài đã tự hỏa thiêu và ngọn lửa ấy đã bùng cao đến tam thiên đại thiên thế giới và ngọc Xá Lợi đã lưu lại nơi này. Tám ông vua cũng đã đến đây để mang Xá Lợi của Đức Bổn Sư về phụng thờ trong 84.000 ngôi tháp quý. Tháp hỏa thiêu Ngài cao chót vót, như không ai có thể lên nơi ấy được, để chứng minh cho cái gì cao cả, mà ở cuối đời Ngài đã vươn lên, cao hơn, tồn tại mãi, để hơn mấy

ngàn năm sau có những đàn hậu học như chúng tôi lại về đây để tìm lại một quá khứ nhiệm màu.

Rời Câu Thi Na thành để đi đến vườn Lâm Tỳ Ni, nơi Đức Phật Đản Sanh, chúng tôi đã quên hình bóng của ông lão; những tiếng đàn vẫn còn du dương, réo rắt tận cõi thâm tâm, do vậy mà ai ai cũng muốn làm một cái gì đó để kỷ niệm một năm dương lịch 98 sắp qua và đón mừng đầu năm 99 sắp đến. Đêm đó tôi lại có nhân duyên đi tắm Ofuro tại khách sạn Nirwana, như để tẩy trần theo phong thái của Nhật Bản để mừng một năm mới. Thật là một điều hy hữu; lần đầu tiên tôi đến Nhật năm 1972 khi thấy Ofuro đã khó chịu; nhưng trải qua hơn một phần tư thế kỷ, lưu lạc khắp bốn phương trời; nay lại trở về đây, để tìm lại một khung cảnh quen thân nào đó đã đi vào đời mình như là một nếp sống xa xưa đã gọi lại ở chính mình.

Suốt 2 giờ ngồi nơi đại sảnh của khách sạn, chúng tôi đã nói cảm tưởng của chuyến đi của từng người và kể lại cho nhau nghe những vui buồn trên đoạn đường thiên lý ấy. Bao nhiêu câu chuyện vui, bao nhiêu câu chuyện tiếu đã làm cho chúng tôi quên hết vạ dậm của bụi đường xa. Chúng tôi đã ngồi chung nhau bên ly trà, ly cà-phê vừa ca hát, vừa ngâm thơ, vừa vọng cổ; nhưng tiếc rằng không có tiếng đàn, tiếng sáo. Lúc ấy, theo tôi nghĩ, ước gì có ông lão nơi đây, biết đâu ông ta sẽ hòa điệu với chúng tôi những bản nhạc thật hay để đón mừng Xuân mới. Đêm càng khuya, giọng của những ca sĩ bất đắc dĩ càng cao vút; những đôi lúc phải dừng lại giữa câu, vì bị cảm sưng, cảm nắng, nên tiếng ai cũng không còn đủ sức để lôi kéo mọi người về sức truyền cảm của mình. Mặc dầu vậy, đêm ấy vẫn là đêm ghi nhớ trong tâm khảm của mọi người.

Sau khi chiêm bái Lâm Tỳ Ni, phái đoàn chúng tôi lại lên đường để thăm Kathmandu, thủ đô của Nepal. Nơi này tôi đã bao lần đi; nhưng chưa bao giờ đến và đây là lần đầu tiên, tôi đến một xứ cao nhất nhì trên quả địa cầu này. Đường đi ngoằn ngoèo, khúc khuỷu, quanh co suốt cả 300 cây số. Chỉ chừng ấy dặm đường nhưng chúng tôi đã dùng đến 9 tiếng đồng hồ bằng xe Bus. Dọc đường đi cảnh đẹp lạ thường. Có sông, có núi, phong cảnh hữu tình; nhưng đặc biệt là núi tại đây ít có đá, chỉ toàn bằng đất; nên cây cỏ rất xanh tươi, hoa màu cũng có thể trồng trọt nơi các triền núi cao như thế.

Người hướng dẫn viên cho chúng tôi biết rằng: Đối với dân tộc Nepal; những gì gọi là núi, phải từ 4.000 thước trở lên; nếu độ cao dưới đó, gọi là đồi. Đứng trên đỉnh Langtan gần thủ đô Kathmandu, chúng tôi không nhìn thấy đỉnh ngọn Everest

cao 8.484 thước thì phải; nhưng chúng tôi cảm nhận được nơi đây là vùng thiêng liêng của thế giới, là chủ tế của địa cầu. Do vậy các bậc thánh nhân đã xuất hiện nơi bất nguồn từ Hy Mã Lạp Sơn này. Tuyết, đối với tôi không lạ gì. Vì Âu, Mỹ, Nga ở đâu mà chẳng có, chỉ khác một điều là ở một nơi về mùa Đông như tại đây có nhiệt độ 18 độ C, mà nhìn qua bên đối diện lại thấy tuyết, phải biết rằng những núi kia cao lắm; ít nhất cũng từ 7.000 thước trở lên. Từ trên đỉnh cao của ại địa cầu này, tôi thấy ngực mình như nở lớn hơn ra để hít thở những không khí thiên nhiên tươi mát, mà ở thị thành hằng ngày tôi không có được. Ngọn núi nào cũng hùng vĩ và đẹp đẽ lạ thường. Có lẽ chỉ có cái đẹp thiên nhiên mới làm cho con người ta dễ cảm, còn cái đẹp của nhân tạo, tôi cảm thấy sao nó gượng ép lạ lùng.

Ở Ấn Độ và Nepal đi đâu người ta cũng cảm thấy dờnh dợn. Chỉ có nụ cười của họ là tươi thắm, dễ dãi, khoan dung mà thôi. Theo tôi nghĩ, người Ấn Độ, Nepal và ngay cả một số nước ở Phi Châu không nhất thiết phải ở đó. Vì lẽ cũng chính những nơi ấy có những khách sạn 4 sao, 5 sao cách bày trí đâu có khác gì Âu Châu và Mỹ Châu đâu? Tại sao họ phải sống như thế? Thật tôi không hiểu nổi. Mỗi lần đi Ấn Độ về lại Đức, là mỗi lần bệnh cảm hoặc ho. Vì không khí bị ô nhiễm. Tuy nhiên ở đâu nó cũng có những cái hay và cái dở của nó. Ở thế giới Ta Bà tương đối và đầy đối đãi này; chúng ta phải chấp nhận thôi. Đâu có cái gì tuyệt đối, ngoại trừ chân lý, mà chúng ta phải đi tìm.

Trên đường đi, khách hành hương chúng tôi bị gạ gẫm bán những loại hàng hóa như tượng Phật, lá Bồ Đề, chuỗi hạt v.v... có rất nhiều người mua và cũng có rất nhiều người lăm, ngay cả tôi; vì họ nói giá trên trời dưới đất. Cũng 100 hình Phật ấy, có nơi bán 800 Rubies, có nơi bán 500, có nơi lại bán 300, 250 và thậm chí đến khi khách lên xe-chuẩn bị đi rồi, chỉ còn 200 Rubies. Thật là không hiểu nổi cách làm ăn, buôn bán này. Do vậy, nếu ai có đi Ấn Độ và Nepal. Nếu họ nói giá 100 thì hãy trả từ 10 trở lên là vừa. Đến 50 thì dừng, đừng trả thêm nữa. Nếu trả thêm sẽ bị hố to. Do vậy mà khi mua, một số quý Phật Tử hay hỏi tôi là:

- Bạch Thầy, đồ này thật hay giá vậy?

Tôi đáp lại rằng:

- Thật ra trên đời này có cái gì thật đâu, mà lo đi tìm cái thật. Chân lý là điều thật, mà không lo đi tìm, để lo đi tìm sự thật hay giá của đồ vật để làm gì?

Mọi người nhoen miệng cười, như tỏ vẻ đồng ý; nhưng thực sự ra rất khó hiểu và khó thực hiện.

Chiều ngày 3 tháng 1 năm 1999, thì phái đoàn chúng tôi về lại Delhi bằng hàng

không của Kathmandu. Máy bay bay chỉ một tiếng rưỡi đồng hồ là đến. Nếu dùng đường xe Bus hoặc xe lửa, chắc không dưới 25 tiếng đồng hồ. Đó là chưa kể việc trẻ nài, hay đôi khi cũng có nhiều vấn đề trên tuyến lộ giao thông lại hiện ra. Ví dụ như xe bị nghẽn lối, bị tai nạn. Nạn bò đi dọc đường; nạn người chen lấn v.v... Thôi thì khỏi nói. Xứ Ấn Độ cái gì cũng có. Đó là sự thật. Cái gì mà ban đầu thấy thật khó xử, cuối cùng rồi cũng thông suốt; nhưng khi xem đồng hồ lại, thì thấy thời gian trôi qua cũng mấy tiếng đồng hồ rồi. Riêng tôi không có nhân duyên với Ấn Độ nên không lập thẻ nguyện tại đây để xây chùa hay làm những công việc gì to lớn khác. Chỉ mong rằng lâu lâu có cơ hội đi hành hương một chuyến về xứ Phật là đủ rồi.

Vào lúc 18 giờ chiều ngày 3 tháng 1 năm 1999 quý Thầy Cô du học tại Ấn Độ do chùa Viên Giác hỗ trợ học bổng, đã tụ họp tại khách sạn Intercontinental để gặp tôi và phái đoàn. Đây là 20 Thầy Cô trong số 120 vị hiện học tại Đại Học New Delhi phân khoa Phật học, triết học, ngôn ngữ, mà tôi và chùa Viên Giác tại Hannover đã âm thầm chi viện học bổng cho nhiều vị đã 5 năm nay. Năm nay có một vị Tiến Sĩ ra trường là một Sư Cô sắp lãnh bằng. Còn lại 19 vị khác đang học Cao Học hay Mph và Ph.D. Ngồi tâm tình nói chuyện với quý Thầy, quý Cô, mới thấy quê hương mình là đẹp hơn cả và cũng chính hình ảnh đẹp đó mà tôi đã mang vào lòng mình suốt gần 30 năm xa xứ cho đến ngày hôm nay. Ở đây, nơi chốn này cái gì cũng có; nhưng cái tình người và hình ảnh quê hương sao nó vẫn còn xa với với trong tâm khảm của kẻ xa quê hương nhưng vẫn đợi chờ như tôi trong hiện tại.

Sau khi đàm đạo, một số quý Thầy, quý Cô đề nghị nên hát một vài bài để cho không khí vui tươi. Quả thật như thế, qua giọng ca truyền cảm của Thầy Hạnh Đức hay của Cô Hương Như đã đưa tôi và quý Thầy Cô hiện diện nơi đại sảnh của khách sạn sang trọng này có một cái gì đó càng gần gũi thân tình hơn. Tôi cũng ra đi từ một Tu sĩ quê mùa của quê hương xứ Quảng, sanh ra và lớn lên nơi đó, chịu biết bao sự bất hạnh của quê hương. Khi đi du học được ở Nhật, cũng là lúc mình phải tự mình lấn xá vào đời, không chèo, không chống, không nơi nương tựa, chỉ còn có niềm tin vào Tam Bảo là vững chãi nhất để còn tồn tại cho đến ngày nay. Do vậy mà tôi đã thông cảm cho những Thầy Cô đi du học rất thiếu thốn tại xứ này; nên đã cấp 20 bọc bổng như thế. Khi cấp, tôi chẳng phân biệt Bắc, Trung, Nam, Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Du Tăng Khất Sĩ hay một Thầy Cô nào khác nơi quê hương xứ Quảng của mình. Nơi tôi chỉ còn có Đạo, còn chủ

nghĩa nào rồi cũng phải ra đi, tàn tạ theo thuyết nhân duyên của nhà Phật. Đâu có cái gì tồn tại lâu dài ngoại trừ chân lý. Do vậy mà nhiều khi tôi cũng hay nói: Người làm Tôn Giáo không cần biết thể chế chính trị nào cũng được; nhưng ngược lại người làm chính trị mà đạo đức Tôn Giáo không có thì không nên làm. Vì sao vậy? Vì lẽ dầu ở dưới bất cứ chế độ nào, người có Tôn Giáo phải bảo vệ đức tin của mình, dầu cho chủ nghĩa ấy là Tư Bản, Cộng Sản, Quốc Gia, Quân Chủ v.v... Còn những người làm chính trị mà không có đạo đức của một Tôn Giáo, quả thật chính trị gia đó đã lỗi thời.



Tối hôm ngày 3 tháng 1 năm 1999, tôi đã chiêu đãi phái đoàn hành hương cùng với 20 Thầy Cô du học Tăng tại New Delhi tại khách sạn Intercontinental này. Qua bao nhiêu câu chuyện tâm tình giữa người đồng hương với nhau, chúng tôi lại cùng đường cho quý Thầy và đồng thời Cô Hương Như, Thầy Hạnh Đức đã hát bài "Kính Mến Thầy", "Nếu Xuân Này Con Không Về" đã làm cho mọi người mừng tượng lại Hương Lan và Tuấn Vũ đầu đây trên một sân khấu nhà nghề tại Sài Gòn, Hà Nội hay California. Để đáp lại lời ca tiếng hát không đàn của quý Thầy, Cô, hai Phật Tử Thị Phước Phạm Nam Sơn và Thị Hạnh Đỗ Thị Ngọc Hiền từ Mỹ Quốc sang hành hương chung, đã ca "Chuyện Tình Lan và Diệp" cũng rất ảo não, sầu bi. Những câu vọng cổ cao vút đã đi vào tận lòng người, nhất là những người đang xa xứ. Đồng thời, tôi cũng đã ngâm 2 bài thơ: "Cố Đô Giờ Đã Ra Sao?" của Thượng Tọa Tịnh Đức hiện ở Texas và một đoạn "Kim Vân Kiều" để dẫn dắt mọi người trở lại chốn quê xưa. Bây giờ đây hơn 60 con người Việt Nam, Nhật và Đức đã hưởng về những giọng hát trong một phòng ăn lịch sự, cũng lại không có những tiếng đàn, tiếng sáo. Tôi lại ước gì ở vào lúc này có ông lão tại Câu Thi Na Thành, dùng cây đàn muôn thuở của kiếp nhân sinh ấy mà phổ lên nhiều điệu nhạc muôn màu. Tôi lại liên tưởng đến trong một câu chuyện của Lâm-Sanh Xuân-Nương, hoặc Thọ-Khanh Châu-Tuấn nào đó, ở vào một thời buổi xa xưa của Việt Nam và Trung Quốc, có thơ rằng:

"Đồn kêu tích tịch tình tang
Ai đem công chúa trên hang mà về
Đồn kêu tích tịch tình xê
Ai đem mình về, mình chẳng biết ơn"

Trong phái đoàn có 43 người mà có tới 8 quốc tịch, mặc dầu cũng là người Việt Nam. Trong đó có Đại Đức Thích Tâm Huệ và 11 vị Phật Tử khác đến từ Thụy Điển; 2 vị đến từ Pháp; Cô Trí Hào đến từ Bỉ; 6 vị đến từ Hòa Lan; 2 vị đến từ Hoa Kỳ; 1 vị đến từ Việt Nam; 1 người Nhật Bản và số người còn lại 19 người ở Đức dưới sự hướng dẫn của tôi. Nếu thêm Thầy Hạnh Nguyễn hướng dẫn đoàn tại Ấn Độ có quốc tịch Đan Mạch nữa là 9 quốc gia vậy. Thầy Hạnh Tấn cũng đã nỗ lực cho đoàn cùng với Thầy Hạnh Nguyễn nên chuyến đi quá tốt đẹp và có lẽ đây là chuyến đi đẹp nhất lâu nay trong mọi chuyến hành hương của tôi. Vì chính mình càng đi, càng học được tánh nhẫn nhục nhiều hơn. Suốt cả đoạn đường không có gì trở ngại xảy ra. Nếu có cũng chỉ nhỏ thôi, rồi cuối cùng cũng được giải quyết; chỉ có một vài người bị bệnh cảm, ho, ngay cả đi cầu liên tục, mặc dầu đã chích ngừa trước khi đi; nhưng con vi trùng của Ấn Độ nó chẳng chữa ai, mà vi trùng Ấn Độ, chỉ có thuốc Ấn Độ mới trị nổi; còn những thuốc khác từ Âu Mỹ mang sang rất ít công hiệu.

Bây giờ ngồi trên máy bay AI 153 từ New Delhi về Frankfurt trễ 6 tiếng khi khởi hành vì sương mù, cả chuyến đi lẫn chuyến về, tôi lại ghi về chuyến đi một lần nữa rất tổng quát để làm món quà Xuân tặng đến quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần nhân dịp Xuân về Tết đến. Điều này cũng để tưởng nhớ đến một ông lão xa xôi, không quen biết nơi đất Phật đã mang cây đàn và tiếng hát lời ca, điệu thẳng vào tâm trí tôi, để rồi mãi mãi vẫn vang vọng đầu đây các câu điệp ngữ:

**Buddham Saranam Gachami
Dharmam Saranam-Gachami
Sangham Saranam Gachami**

Đường đi nào rồi cũng có ngày phải kết thúc. Chuyến đi nào rồi cũng sẽ có cái đích cuối cùng của nó. Do vậy cứ mỗi lần đi đâu về, tôi hay viết lại một vài cảm tưởng để gởi đến quý độc giả xa gần, như dọn lên đây một mâm cỗ thanh lịch trang trọng để mời quý vị cầm đũa nhập tiệc với chúng tôi để gặp những món ăn tinh thần mà trong bài này nếu có được.

Viết xong vào lúc 21 giờ 30 ngày 4 tháng 1 năm 1999, giờ Ấn Độ, trên chuyến bay AI 153 từ Delhi hướng về Frankfurt.



ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO TRÊN VĂN HỌC, KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

(Thuyết trình của Tiến-Sĩ Hàn-Lâm THÁI VĂN KIẾM tại Hội Trường Caillaux, Paris 13, ngày 18 tháng 10 năm 1998, đáp lời mời của Hội Chuyên Gia Việt Nam (Phân Hội Pháp)

Kính thưa Ông Hội Trường,
Kính thưa quý liệt vị và thân hữu,

Thật là hân hạnh cho chúng tôi được quý Hội gọi lên đây để hầu chuyện với quý vị về một đề tài tưởng đối nghiêm chỉnh, liên quan "Ảnh hưởng Phật Giáo trên Văn Học, Khoa Học và Nghệ Thuật Việt Nam". Vì thời giờ có hạn định, tôi xin phép vào đề ngay, để nói rằng Văn Học gồm có: *Ngôn Ngữ, Văn Tự, Văn Phẩm, Thi Ca* và *Mỹ Thuật*, trong đó có *Âm Nhạc, Hội Họa* và *Kiến Trúc*. Ngành này theo tôi biết, cũng như vài ngành khác, đã có nhiều chuyên gia đảm trách trong buổi họp hôm nay.

Trước hết, tôi xin nói về *Ngôn Ngữ*, bằng cách đơn cử cái chủ đầu tiên là **Phật**, viết chữ Hán là 佛 được Việt Nam hóa là **Bụt**, rút ra từ danh từ *Bouddha*, có nghĩa là **Biết**, người hiểu biết tất cả, thông suốt cả mọi sự việc, từ dĩ vãng tới tương lai. Cái từ ngữ chính yếu đó đã được sự truyền bá Phật Giáo tới Việt Nam, qua hai ngã đường: đường biển phía dưới theo *Tiểu Thừa* (Hinayana), và đường lục địa phía trên theo *Đại Thừa* (Mahayana), sẽ gặp nhau cách đây gần 19 thế kỷ tại *Chiêm Thành* và *Giao Chỉ*, nơi Trung Tâm Luy Lâu (Bắc Ninh bấy giờ). Những từ ngữ khác bằng tiếng và chữ *Phạn* (sanskrit) sẽ lục tục theo sau, khá nhiều, để nhập vào để đồng hóa và phong phú hóa Việt ngữ chính thống xa xưa như:

Nước là xứ sở, do chữ *phạn* *Nogara*, đọc vẫn là *nok*, là *nước*. Chữ *Nogara*, đọc vẫn là *Nogara* như *Poh Nogara* là Bà Chua Xứ.

Dấp (dáng dấp: aspect, physionomie) do chữ *phạn* *rupa*, đọc vẫn là *rúp*, là *dúp*. *Búp* (hoa) do *Phạn* ngữ *Bupha* là Hoa.

Sạch sẽ là do chữ *phạn* *suci* mà ra.

Vài (quelques) do chữ *phạn* *dvi*, *dva* mà ra.

No (ăn no) do chữ *phạn* *purna* mà ra.

Đau (đau khổ) do chữ *phạn* *dukkha* mà ra.

Hằng hà sa số: nhiều như cát sông *Gange* của Ấn Độ.

Cửa do chữ *phạn* *Kuala*, như *cửa biển* (embouchure, estuaire, portuaire) như Hà Tiên ngày xưa dân Miền gọi là *Kual*, người Bồ Đào Nha viết *Coal* trong các du ký, còn người Tàu nói gót Mạc Cừu và Mạc Thiên Tú thì viết là *Cảng khẩu quốc*, còn người Tây Phương như Pháp thì viết là "Royaume de CANcao".

Trong địa hạt *Văn tự*, qua các Tôn giáo như *Phật Giáo* từ Ấn Độ truyền sang và *Khổng Giáo* từ Trung Quốc tràn xuống, dân tộc Lạc-Việt đã sớm tiếp dùng ít nhất là hai thứ chữ khác nhau:

1. Thứ nhất là văn tự mà các nhà nhân chủng học gọi là *Mường ngữ*, tương tự các thứ chữ của Miên, Lào và Thái, gốc chữ *phạn* (sanskrit), hoặc là chữ *pāli*, còn xa xưa hơn. Người xưa gọi là "Khoa đầu vằn" (vằn vệt như đuôi nòng nọc), mà người Pháp gọi là "écriture en queue de têtard", cũng có người gọi là chữ "cung quẩn" (larves de moustique).

Để chứng minh điều này, chúng ta sẽ đưa ra quyển sách "Thanh Hóa Quan Phong" mà tác giả là Cụ Vương Duy Trinh, Tổng Đốc Thanh Hóa, hồi đầu thế kỷ XX. Sách này trình bày Địa Lý, Nhân Văn, Phong Tục, Thi Ca bình dân trong vùng này, xưa kia gọi là *Ái Châu*, với nhiều truyện tích, ca dao, ngôn ngữ bằng tiếng Mường của người Mường, mà các nhà bác học gọi là "Tiền Việt" và người Tây Phương gọi là "Proto-Vietnamiens".

Nhờ sách đó mà chúng ta được biết Mường ngữ gồm có 35 chữ cái, viết theo lối "loan phụng khoa đầu", như đầu chân chim loan phụng và nòng nọc, cung quẩn.

Năm 1953, nhân được Chính phủ Quốc Gia cử vào trấn nhậm hai tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận, Nha Trang và Phan Rang, trong những lúc đi hành hạt, chúng tôi đã cố gắng học hỏi thêm các thủ ngôn ngữ Chiêm Thành và Đồng bào Thượng, phần lớn thuộc về hệ thống ngôn ngữ Á-Úc (langues austro-asiatiques), mà ngữ pháp phần nhiều được sắp xếp ngược lại với ngữ pháp của Trung Quốc. Nghĩa là tính từ nằm sau danh từ (le substantif précède le qualificatif). Nói một cách khác: định-từ cũng đi sau bị-định-từ (le déterminant suit le déterminé).

Ví dụ như người Tàu nói: *thanh thiên, bạch nhật, cổ nhi quả phụ*, còn người Việt-Mường và phần nhiều các Dân tộc thiểu số Đông Dương thì nói: *trời xanh, ngày trắng, mẹ góa con côi*. Đó là những ví dụ cụ thể giúp chúng ta phân định rõ ràng: Người Lạc Việt và phần lớn Đồng bào thiểu số không phải là người Tàu, mà đó là những sắc dân trong Đại tộc Bách Việt, theo đúng truyền thuyết Trăm trứng sinh nở ra Trăm con đã rải rác đồng đều trên lãnh thổ và các quần đảo khắp vùng Đông Nam Á.

Trong những chuyến đi "thăm dân cho biết sự tình", theo lời nói bất hủ của kỳ già khả kính Vũ Bằng, tôi có để ý ba việc:

1 - là danh từ kép "Khoa đầu vằn" có ghi khắc trên một tấm bia đá dựng nơi Đền Tháp Poh Ino Nogar ở Nha Trang, do Cụ Phan Thanh Giản biên soạn Hán tự năm 1856 (Tự Đức năm thứ 9), kể rõ sự tích của Thiên Y Ana Thánh Mẫu, vết tích rõ ràng và "rành rành như canh lá hẹ".

Ấy thế mà có một Giáo sư Pháp, rất giỏi Hán văn và nói rành tiếng Việt cũ nói ép với tôi rằng chữ Tàu là "Khoa đầu vằn" đó, vì chữ Tàu cũng có hình dáng "đuôi nòng nọc"! Tôi đành ngậm mà nghe, vì tôi đang thi cử với lều chông nghénh ngang, không tiện "đương đương Trường Bàn".

2 - là lúc lên Cao Nguyên, theo dấu chân Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ ở làng An Tây, nơi giáp giới Bình Định và Pleiku, xuyên qua nhiều sông ngòi và đèo cao, rừng rậm, tôi đã tìm thấy sắc tộc Cà Lồ (Kha Lu) chuyên dùng cách đếm bằng những sợi dây nhiều màu, có làm *gút nút*, giống như *kipu* của các sắc dân *Mays* và *Astèque* miền Trung Mỹ và Nam Mỹ thời tiền Kha-Luân-Bổ (Amérique pré-colombienne).

3 - là dân Cao Nguyên thiểu số ưa dùng danh từ *Poh* có nghĩa Lành Chúa, là *vua*, cũng giống như người Việt và người Mường vùng Bắc Trường Sơn và cả vùng Bình-Trị-Thiên ưa dùng chữ *Bua* trong danh từ kép *việc bua quan*, tức là *việc vua quan*, việc hành chánh, tương đối với việc dân gian, việc dân dã.

Và đây là Phụ man mẫu tự tam thập ngữ tự

(Trích sách "Thanh Hóa Quan Phong" của Vương Duy Trinh)



Tinh Thanh Hóa một châu quan, có chữ là lối chữ thập châu đó. Người ta thường nói rằng nước ta không có chữ. Tôi nghĩ rằng không phải. Thập châu vốn là đất nước ta. Trên châu còn có chữ, lẽ nào mà dưới chợ lại không. Lối chữ châu là lối chữ nước ta đó. Nay xem chữ châu (Tờ 70a) với chữ Xiêm, chữ Lào, chữ Mãn cùng chữ nước Lang-sa, tuy rằng viết dọc viết ngang có khác dạng, cũng là một lối chữ loan phụng khoa đầu. Đời xưa Trung Quốc từ người Lý-Tử dời nhà Tần trở về sau hay có người thay đổi làm lối khác, mà nước ta nội thuộc kể đã ngàn dư năm, từ vua Sĩ-vương dạy lấy chữ Trung Quốc, mà lối chữ nước ta bỏ đi hết. Thập châu bởi là nơi biên viễn cho nên lối chữ ấy hãy còn.

Sau Ngôn Ngữ và Văn Tự, chúng ta hãy bàn tới Thi Văn của nước ta xuyên qua Phật Giáo đã truyền sang từ những thế kỷ đầu tiên của Lịch đại quốc tế. Bài thơ tiên khởi của nền Văn Chương Việt Nam là của một nhà sư tên Đỗ Pháp Thuận, sinh năm 915 và mất năm 990. Ông sống vào thời kỳ Lê Đại Hành (980-1005), là một nhà sư thuộc thế hệ thứ 10 dòng Thiền Nam Phương. Nhờ kiến thức rộng, giỏi thi văn và tích cực匡 phò nhà Tiền Lê, nên được vua Lê Đại Hành phong đến chức Pháp Sư. Cùng với nhà sư Khuông Việt, ông đã giữ chức Cố Vấn dưới triều Tiền Lê, và có lần được cử đi tiếp đón Sứ giả nhà Tống là Lý Giác. Với tài ứng đối của mình, ông đã làm cho Lý Giác ngạc nhiên, kính phục.

Theo sách Thiền Uyển Tập Anh và Đại Sử Ký thì trong cuộc tiếp đón này, Sư Pháp Thuận đóng vai người lái đò. Trên con đường sông nước dẫn vào Kinh Thành Đại La, Lý Giác thấy hai con ngỗng bơi lội trên mặt nước, bèn ngâm rằng:

*Nga nga! Lũng nga nga,
Ngưỡng diện hưởng thiên nha.*

Dịch: Ngỗng kia! Ngỗng một đôi,
Nghển cổ nhìn chân trời.
Ông đang cầm chèo, liền ngâm tiếp theo ngay:
*Bạch mao phỏ lục thủy
Hồng trạo bãi thanh ba.*

Dịch: Nước xanh bày lông trắng,
Sóng biếc chân hồng bơi.

Lý Giác nghe rất thán phục, về sau có làm một bài thơ tặng riêng ông. Theo truyền thuyết thì bài thơ đối đáp trên kia, có thể là phỏng theo bài thơ của Lạc Tân Vương đời Đường, đã làm ra lúc mới lên 10 tuổi!

Đến đời Lý Công Uẩn, Tà thân vệ điện tiền Chi huy sứ, nối ngôi nhà Tiền Lê, dưới Vương hiệu Lý Thái Tổ (974-1028), chúng ta được thêm một bản văn lịch sử là Chiếu dời đô từ Hoa-Lư ra Thăng Long, do sự khuyến khích của đại thần Đào Cam Mộc và nhà sư Nguyễn Vạn Hạnh (? - 1018). Trong bài Chiếu ấy, có câu:

... "Hưởng gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương, ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi Nam Bắc Đông Tây, đã tiện hưởng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của Đế Vương muôn đời!"

Trong Văn Chương, ảnh hưởng của Phật Giáo lại càng thấy rõ hơn nữa. Thi phẩm Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu chịu ảnh hưởng Phật Giáo nhiều nhất, như ta thấy trong những câu thơ sau đây:

*Tuồng hoãn hóa đã bày ra đấy,
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau,
.....
Thà mượn thú tiêu dao của Phật,*

Mối thất tình quyết dứt cho xong.

Còn ảnh hưởng Lão Giáo, ta tìm thấy trong thơ của Trạng Trình:
*Lấy gió mát trắng thanh kết nghĩa,
Mượn hoa đàm được tuệ làm duyên,
Thoát trần một gót thiên nhiên,
Cái thân ngoại vật là tiên trên đời.*

Nói tới kiếp phù sinh, với tình duyên dang dở, thì bà Đoàn Thị Điểm, trong Chinh Phụ Ngâm, cũng thốt ra những lời đượm mùi Phật Giáo:

*Ấy loài vật tình duyên còn thế,
Sao kiếp người nở để đó đây?
Thiếp xin về kiếp sau này:
Như chim liền cánh, như cây liền cành!*

Đọc lại Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, một nhà Nho chính thống, một nhà ái quốc chân thành, ta thấy Cụ Đồ Chiểu đem thơ văn mà dạy đời theo Khổng Giáo. Thế mà suốt trong thi-phẩm Cụ luôn luôn nhắc tới miền Hà Khê, là nơi xây dựng chùa Thiên Mục bởi Chúa Nguyễn Hoàng, vào năm 1601 trên hữu ngạn sông Hương, thơm hưởng Sen và hoa rễ thạch-xương-bổ (gramineus acorus).

Từ Gia Định, Nhà Bè nước chảy chia hai, Nguyễn Đình Chiểu đã đi ghe ra tận thần kinh Huế năm 1848, ở lại miền Hà Khê để chờ thi. Bất ngờ được tin mẹ mất, Cụ phải lập tức khăn gói lên đường. Nhưng, phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí, dọc đường bị bệnh, lại thêm buồn thảm vì mất mẹ mà than khóc đến mù lòa, Cụ Đồ Chiểu đã để lại những vần thơ tuyệt tác, trong đó Cụ không quên nhắc tới miền Hà Khê, non xanh nước biếc, điện ngọc chùa vàng, như sau:

*Thưa rằng: Tôi Kiều Nguyệt Nga,
Người này ti tất tên là Kim Liên,
Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
Cha làm tri-phủ ở miền Hà-Khê.
.....
Hà-Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đến ân cho chàng.*

*.....
Đoạn này đến thú Nguyệt Nga,
Hà-Khê phủ ấy theo cha học hành.
.....
Kim Liên ơi hồi Kim Liên,
Đấy xe cho chị qua miền Hà-Khê.*

Cụ Đồ Chiểu, trong cơn nguy biến, luôn luôn khẩn vái Trời Phật trên đường về Gia Định:

*Thỉnh ông Phật Tổ A-Di,
Thập phương chú Phật phù trì giúp công.*

Và đây là một nhận xét sâu sắc của Cụ về hiện trạng bên ngoài không đúng với thực trạng và giá trị tuyệt đối của bên trong, ít ai trông thấy, cũng như cái hoa Úm Đàm, màu hồng, núp kín trong quả bồ đề vậy:

*Trực rằng: Chùa rách Phật vàng
Ai hay trong quán ẩn tàng Kinh luân.*

Kinh luân đây là ba bộ Kinh Đại Tạng: Kinh Tạng, Kinh Luận và Kinh Luật, tức là Tam Tạng (Tripitaka, Trois Corbeilles) mà Thầy Đường Huyền Trang đã thỉnh từ Thiên Trúc về chùa Từ Ân, ở Trường An, trong năm 645.

Thầy Huyền Trang đã rời Trung Quốc hồi tháng 9 năm 629 và Tây-du 15 năm, xuyên qua các nước Trung-Á, vòng quanh Hy-Mã Lạp-Sơn để đi vào Thiên Trúc tìm kiếm vết tích của Phật Thích-Ca và thỉnh Kinh Đại Tạng về nước vào tháng 4 năm 645.

Thầy đã đem về 657 quyển Kinh, viết bằng chữ phạn. Ngoài ra, Thầy Huyền Trang còn đem về rất nhiều tượng Phật bằng vàng, ngọc, gỗ thơm (giáng hương), nhiều tranh họa và 150 xá-lợi cùng những di-tích chân thực của Phật. Nhiều đến nỗi phải có 20 con ngựa tốt để chuyên chở mỗi đụ.

Về nước rồi Thầy Huyền Trang phải tuyển nhiều học sĩ trong nước và nhiều tu-sĩ thông thạo Ấn ngữ để dịch Kinh Đại Tạng ra Hán ngữ. Đồng thời, Thầy phải viết Hồi ký "Tây Du Ký" dâng lên nhà Vua năm 646. Từ đó, suốt 19 năm trời, Thầy phải lo việc phiên dịch Kinh, thuyết giảng đạo Phật và đào tạo cán bộ truyền giáo khắp nơi. Ngày 6 tháng 2 năm 664, Thầy viên tịch, lên thẳng Niết Bàn là nơi chấm dứt hoàn toàn mọi sự truyền kiếp (samsara).

Nói về Kinh Phật, chúng ta cần biết rằng: Nguyên đầu thế kỷ I Công nguyên, một Đại Hội Phật Giáo Nguyên Thủy đã được tổ chức tại Tích Lan, do sáng kiến của những bậc kỳ cụu (Thera). Trước đó, tu-sĩ Mahinda, con vua A-Dục (Açoka), đã đem vào trồng nơi đảo Tích Lan, một nhánh Bồ-Đề chiết từ cây mẹ mọc tại Bodhi-Gaya, nơi hạ lưu sông Hằng, xứ Bihar. Đại Hội nói trên họp ở Tịnh Xá Alu-Vihara, chân thành Matale, đã quyết định biên chép lại toàn bộ Giáo Lý của Cuộc Đời Đức Phật, cùng các đệ tử tiên khởi. Đại Hội quyết định biên chép bằng cổ-phạn Pali, biên chép trên lá kê (lataniar), tục gọi lá bối, Hán ngữ gọi là tung-lú. Cũng có khi chép trên vỏ cây diên-diễn (écorce de bouleau). Công trình biên chép kéo dài 25 năm. Những bài chép được phân chia bỏ vào ba cái giỏ lớn, cho nên gọi là Tam Tạng (Trois Corbeilles, Tripitaka). Một giỏ dành riêng cho Kinh điển (Sutta, Enseignement du Maître), tức là Giáo Lý chính yếu của Đức Phật; một giỏ dành cho Luật-lệ (Vinaya, Discipline, Règlement Intérieur) và một giỏ nữa dành cho phần Luận-giảng (Abhidamma, Exégéseset Commentaires scholastiques). Cả ba loại: Kinh, Luật, Luận gọi là Đại Tạng Kinh, gồm trên dưới một ngàn quyển.

Di tích có sớ soạn thảo và biên chép Đại Tạng Kinh còn trông thấy bên đường đá gồ ghề vùng núi dẫn từ Kandy tới Anuradhapura, cựu thủ phủ Tích Lan.

Trong khi Ấn Độ và Tích Lan dùng lá kê và vỏ diên-diễn để biên chép kinh kệ từ đó cho đến nhiều thế kỷ về sau, thì Giao Chỉ chúng ta, thủ công nghệ làm giấy đã lên trình độ khá cao. Những thương gia Tây phương và Trung Quốc thời đó hay ghé lại Giao Chỉ (Cattigara) để mua nhiều phẩm vật, trong đó có giấy rất tốt, làm với vỏ cây mặt hướng, tục gọi là cây dó, cây dó bầu, tên khoa học là Alocxyllum agalochum L. Cây này về già thì sinh ra trầm hương và kỳ nam. Trầm hương thì chìm mà kỳ nam thì nổi.

Người Trung Quốc công nhận kỹ thuật làm giấy của người Việt Giao Chỉ và Giao Châu rất tinh vi. Sách Nam Phương Thảo Mộc Trang của Kế Hàm viết hồi thế kỷ IV, ghi rằng "giấy trầm hương sắc trắng, rất thơm, bỏ xuống nước không nát, trên mặt giấy có nổi vân như vẩy cá". Những vân này do chất dầu thơm trong cây dó bầu, cũng có tên là vân bầu.

Sách Thập Dị Ký của Vương Gia, thế kỷ IV, viết: Người nước Nam dùng rong rêu làm giấy, gọi là giấy Trắc Lý.

Sách Đại Việt Sử Lược của ta, thế kỷ XIII, chép: "Từ đầu thế kỷ VIII, ở ngoại thành phía tây Thăng Long có một xóm thợ thủ công chuyên làm giấy.

Trong chuyến về thăm kinh thành, Nguyễn Trãi (thế kỷ XV) ghi trong cuốn Dư Địa Chí: "Đường thời, phường Yên Thái, làng Bưởi, chuyên làm giấy".

Giấy Việt Nam có thể làm với nhiều thứ cây, ngoài cây dó: cây bồ đề, cây giồng, cây thương lục (cây mét), cây dâu, cây lá gai (ramie), làm thành nhiều loại giấy: giấy bản, giấy bồi, giấy moi, giấy phén. Đẹp nhất là giấy sắc cung cấp cho Triều đình để viết sắc dụ ban cho thần dân và các vị Thần hoàng, cho nên có câu phương ngôn:

*Tiếng đồn con gái Nghĩa đồ
Quanh năm làm giấy cho Vua được nhờ.*

Trong việc ấn tống Kinh Phật, Trung Tâm Luy Lâu dùng thợ giỏi khắc chữ trên bản gỗ cây thị (plaqueminier), tên Hán-Việt là tử mà chúng ta đọc thấy trong Truyện Kiều:

*Đoái trông muốn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tân xa xa.*

Sở dĩ kỹ thuật làm giấy nước ta đã phát triển mạnh từ mấy ngàn năm là nhờ ba sự kiện lịch sử, chính trị và văn hóa: một là việc học chữ Hán và Nho giáo dưới thời Bắc thuộc; hai là việc biên chép Kinh nhà Phật và sự ấn tống những Kinh đó, cần phải dùng nhiều giấy; ba là Triều đình cần ban cấp sắc phong cho đình thần, thần hào, nhân sĩ và các vị Thần hoàng sáng lập làng xã.

Khi nói đến đình chùa nước ta, danh lam, cổ tích nước ta, mọi người đều cảm thấy nhỏ thường và quyến luyến, vì đó là công trình của tổ tiên chúng ta, rất đáng được thi-ca truyền tụng.

Ví dụ như chùa Hương Tích ở phủ Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông (Bắc Việt), đã được Chúa Trịnh tôn vinh là "Nam Thiên Đệ Nhất Động", là ngôi chùa được ca tụng nhiều nhất trong thi-ca Việt Nam.

Trước hết là Dương Khuê với bài Động Hương Tích:
*Thú thiên nhiên đầu bằng Thiên Tích,
Đủ thanh tao cảnh lịch trầm chiều,*

Kế đến là Vũ Phạm Hàm với bài Hương Sơn Phong Cảnh Ca, mà chúng tôi sẽ trích mấy câu:

*Niệm Nam Mô A Di Đà Phật,
Mãng vui chơi quên mất đường xa.
Quả mở non vôi nước mở già,
Trông chân cảnh nhìn ra chân vị.*

Rồi đến Chu Mạnh Trinh cũng cảm hứng với "Hương Sơn Phong Cảnh":

*Bầu Trời cảnh Bụt,
Thú Hương-Sơn ao ước bấy lâu nay!
Kìa non non, nước nước, mây mây,
"Đệ Nhất Động" hỏi rằng đây có phải?*

Đến thời làng mạc cận kim, chúng ta thấy xuất hiện nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp, con của văn hào Nguyễn Văn Vĩnh, rất xuất sắc và tự nhiên trong bài Chùa Hương, mà chúng tôi xin trích vài đoạn sau đây:

*Hôm nay đi chùa Hương.
Hoa cỏ mở hơi sống,
Cùng thầy mẹ em dặng
Em vẫn đầu soi gương.
Thuyền đi, bến Đục qua,
Mỗi lúc gặp người ra,
Thẹn thùng em không nói:
"Nam Mô A Di Đà"*

*Mẹ bảo: đường còn lâu,
Cứ vữa đi vữa cầu:
Quan Thế Âm Bồ Tát,
Là tha hồ đi meui*

*Ngun ngút khói hương vàng
Say trong giấc mộng màng,
Em cầu xin Trời Phật:
Sao cho em lấy chàng!*

Ở ngoài Huế xưa kia có Cụ Thào-Am Nguyễn Khoa Vi, tiên tổ của danh tướng Nguyễn Khoa Nam, thường hay làm thơ nói lái

nhưng rất đượm mùi giáo lý nhà Phật, ví dụ như những bài thơ sau đây:

Ngày kia Thảo-Am lên chùa, có nhiều bạn Thi-văn yêu cầu làm một bài Thơ vịnh cảnh Chùa, mà hạn có 4 chữ: Huyền, Sắc, Nặng, Hối tại mỗi đầu câu, có thủ tự.

Thảo-Am Đề Thơ

*Huyền-diệu trông lên cửa Đạo thuyền,
Sắc Không khôn rõ thấu căn-nguyên,
Nặng-nề nghiệp-chuông e chưa hết,
Hối mấy ai đã có Thiện-duyên?*

Sau đó lại có người yêu cầu Thảo-Am đối 4 chữ đầu câu ra bốn chữ A. B. C. Đ.

Thảo Am ứng khẩu

*A Di- Đà Phật muốn quy thuyền,
B bết lòng tham hãy cử nguyên
C xích cho gần nói cửa tịnh
Đ đầu nguyện dứt mối trần duyên.*
Thảo-Am - Nguyễn Khoa Vị
(Vĩ Dạ - Huế)

Rồi Thảo-Am tiên sinh cao hứng làm thêm hai bài thơ nói lái nữa, khiến cho mọi người đều cảm phục tài năng quán xuyên của Cụ:

Họa vần thơ đi tu

*Đâu là nghiệp chuông bỏ đá lâu
Đạo cả theo tu đã cạo đầu.
Mô tối chuông khuya mạnh mối tỏ,
Nâu sông tiêu sạch mấy nông sâu.*

Vịnh cảnh Tây Đình lúc đêm đông

*Vây đàn quanh vách để vang dây,
Giá lọt canh khuya giọt lá cây.
Tiếng nhạn kêu sương nghe tận giếng,
Tây đình trăng tỏ sự tình đây.*

Bước sang địa hạt Khoa Học và Kỹ Thuật, chúng tôi chỉ nói sơ lược vì đề tài mênh mông như vũ trụ, mà đã ở trong vũ trụ thì phải nghe lời răn dạy của Thi-bá Nguyễn Công Trứ (1778-1858), Uy Viễn Tướng Công:

*Vũ trụ chi gian giai phận sự,
Nam nhi đáo thử thị hào hùng.*

Và đó là lời nhắn nhủ của Cụ Uy Viễn đối với các thế hệ chuyên gia và kỹ thuật gia, lúc:

*"Rồng mây khi gặp hội, ứa duyên,
Đem quách cả sỏ tồn làm sỏ dụng,
Trong lòng miếu ra tài lũng đồng,
Ngoài biên thùỵ rạch mũi can tướng.
Sĩ làm cho bách thế lưu phủng,
Trước là sĩ sau là khanh tửng.*

Theo lời dạy của Đức Phật thì vũ trụ gồm có Ba ngàn thế giới, nghĩa vô cùng tận và hằng-hà sa số, không thể nào đo lường được. Cũng như phía Ki-Tô giáo tin rằng "Những con đường của Thượng Đế không vào được" (Les voies de Dieu sont impénétrables), khiến cho chúng ta liên tưởng đến William Shakespeare trong lời than bất hủ trong bi kịch Hamlet: "Có biết bao là chuyện bí ẩn trên trời và dưới trần gian này, mà các người không hề suy nghĩ tới" (*Il y a beaucoup plus de choses que vous n'auriez jamais imaginées dans le Ciel et sur le Terre!*).

Đồng thời, chúng ta cũng liên tưởng triết gia Pháp Blaise Pascal (1626-1662) đã từng giải đáp câu hỏi về Vũ trụ vốn là một khối tròn mà trung tâm ở mọi nơi và chu vi không biết ở nơi nào? (*L'univers est une sphère dont le centre est partout et la circonférence nulle part!*).

Thế là Triết lý và Khoa học Tây Phương lẫn Đông Phương đã gặp nhau trong nhiều trường hợp, nhờ nghiên cứu và thí nghiệm, cũng như nhờ cả trực giác (intuition), đứng trên cả lý trí! Khi người dân Lạc Việt đúc kết trong ngôn ngữ những thành ngữ ngắn gọn (formules lapidaires) như:

Ăn năm ba hột - Nói đôi ba lời - Đi vài ba bước

hoặc nói:

Mồng năm, mười bốn, hăm ba (5, 14, 23)

Cả ba ngày ấy tránh ma, thờ thần!

Nếu chúng ta đem ba số ấy mà so sánh với nhau, chúng ta sẽ thấy rằng: nếu cộng lại những số kép: 1 với 4 và 2 với 3, chúng ta sẽ thấy cả 3 nhóm là 5. Suy diễn ra, chúng ta mới thấy tính cách thiêng liêng của con số 5 tượng trưng cho Tam thiên Lưỡng Địa (Trời ba Đất hai) và Ngũ Hành: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ, đứng luật Tửng sinh (loi de Générescence).

Từ ngàn xưa, dân Lạc Việt đã biết nhờ linh tính và trực giác mà ngừng lại nơi số thiêng liêng 23, là vì nó trùng hợp với số 23 đôi vòng xoắn nhiễm thể (23 paires hélicoidales de chromosomes). mà Đấng Tạo Hóa đã tạo ra cơ thể con người, theo một "chương trình" mẫu nhiệm mà họ đang khám phá với khoa học thực tiễn.

Sau hết, khi nói tới Phật Giáo trong Nhân văn, chúng ta không thể quên Thi-bá Nguyễn Du và Truyện Kiều, một thi phẩm trường ca vô tiền khoáng hậu, dài 3.254 câu, mà nhiều câu đượm mùi Phật Giáo:

*Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.*

*Sử rằng: họa phúc đạo Trời,
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Có Trời mà cũng có ta,
Tu là cội phúc, tình là dây oan!*

Và hết thầy chúng ta, trong những trường hợp tương đối nghiêm trọng, ai mà không cầu Trời khẩn Phật trên đường đời, vì hy vọng với Mãn Giác Thiền Sư (1052-1096) rằng:

*Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một cánh mai!*

Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, Liên tộc Bách-Việt nói chung và Đại tộc Lạc-Việt nói riêng đã khéo léo dung hòa bốn hệ thống Giáo lý và Tư tưởng lớn: Duy Tâm của Bắc Phương, Duy Lý của Tây Phương, Duy Thần của Ấn Phương và Duy Việt của Nam Phương, để kết tạo thành một nền văn minh quân bình và đa diện gồm đủ: Idealisme, Spiritualisme, Rationalisme và Vietnamisme, hun đúc thành một Nhân Bản Chủ Thuyết, trong đó phần linh hồn và đạo lý (homo sapiens) phải đứng trên phần vật chất (homo faber), đồng thời phải dung hợp với Khoa Học, Kỹ Thuật và Mỹ Thuật mà chúng tôi xin dành một kỳ khác để hầu chuyện với quý Liệt vị, vì lẽ thời giờ eo hẹp. Dám mong quý Vị vui lòng thông cảm với điều nhắn nhủ của Tiên Điền Nguyễn Du trong Kim Vân Kiều thấm nhuần Phật Giáo:

*Khi thượng Trời cũng chiều người,
Nhẹ nhàng nợ trước, dên bù duyên sau!*

PARIS (Chiêu Anh Các), Cát nhật 18.10.1998

Hương Giang THÁI VĂN KIỂM

Tiến-sĩ Văn Chương và Đông Phương Học
Viện-sĩ Hàn-Lâm Khoa-Học Pháp-Quốc Hải Ngoại,
Huy Chương Danh Dự Paris 1998

THIỆN TÂM CỦA BẠN

*Thiện tâm bố đức chúng sinh
Trái tim vàng thắm đượm tình nghĩa nhân*

Nói đến thiện tâm của một tín hữu, thì người ta thường suy nghĩ ra ngay tới một thủ đức tính trong sạch, thuần hậu, ôn hòa ở trong trái tim chứa đựng đầy tình thương bao la, khiêm ái, sống đạo vì đời và cùng nhau cố gắng kệ kinh theo đường tu học.

Đây không phải là những biệt lệ do bốn tính nhơn chi số của con người mà có. Ngược lại, nó là kết quả của nhiều giá trị công phu sửa tầm, rèn tập tính tình theo dòng thời gian trước ý nghĩa cuộc đời. Và cũng như sự thủ nghiệm của một bài học, mà kẻ thuộc lòng mau hay chậm, là tùy ở cố duyên khai ngộ trong tâm thức của mỗi cá nhân theo kinh sách thường khuyên nhủ con người là tu mau kéo trễ. Thiện tâm do đó, được coi như là phần thưởng cho những tín hữu thánh khiết, hết lòng sùng đạo, tôi luyện được tính tình bình thản để có được cuộc sống tinh thần nhàn hạ.

Ngoài ra, trong ý nghĩa này nó còn tiềm ẩn nói tới những mục đích xa rời điều ác đức, thiếu tâm hồn cao thượng. Chẳng hạn như thái độ của một người muốn tìm dịp rửa hận, thanh toán cho xong một mối cừu thù rồi mới bắt đầu để tâm nghĩ tới điều phát nguyện tu thân. Trước sự kiện đó, thủ hỏi tại sao người ta không sớm cảnh tỉnh đặt lại vấn đề hãy can đảm tu thân trước khi quyết định trả thù rửa hận? Hay có phải chăng là vì những lời răn dạy pháp-điển quá cao siêu, mà kẻ phạm phu không sao có thể đem ra ứng dụng được, như để lấy đức báo oán, cứu khổ độ nhân v.v..., sao cho mọi nghiệp chướng sớm tiêu trừ? Hay, hơn bao giờ hết, đã đến lúc mà người ta cần phải biết tới nghiệp tạo duyên, tu niệm, tích lũy lượng tử-bi theo quan niệm trừu tượng yêu thương muôn loài chúng sinh, vạn vật.

Trong kho tàng văn học Đông-phương, nếu chịu khó nghiên cứu, đào sâu vào các công trình sử liệu, thì người ta sẽ nhận thấy có nhiều khái niệm về những mối tương quan giữa con người chịu ảnh hưởng nặng nề của nền triết học Phật-giáo trong xã hội. Quan niệm về tình

thương (tử-bi) của Phật-giáo, đối với chúng sinh luôn luôn lúc nào cũng lại là những đề tài nòng cốt trong các nội dung văn chương giá trị của nhiều tác giả. Thực vậy, cái thể ảnh hưởng tinh thần thượng phong của Phật-giáo đó, phải nói bắt nguồn từ trước đó, do sự lưu truyền bản sắc kỹ diệu vào trong các ca dao dân gian. Nó xuất hiện mạnh mẽ, ở trước cũng như sau thời kỳ ảnh hưởng của Tống-Nho ở bên Trung-Quốc. Sau đó, tùy theo tiến trình văn minh của xã hội, các văn nhân lần lượt sáng tạo ra nhiều thêm những tác phẩm kịch nghệ, thì ca phản ảnh cuộc sống tâm lý đương thời nhằm vào mục đích phục vụ tinh thần quần chúng. Cần nói rõ thêm là lúc bấy giờ, thì bên cạnh đó cũng không thiếu chỉ những tài liệu sách vở tuyên truyền ý thức nhân sinh phảng phất màu sắc triết lý đạo đức, chính trị của đạo Nho.

Tuy nhiên, nói chung vào thời đại Trung-Cổ, khi loài người chưa có được một trình độ văn minh khá cao, thì lẽ dĩ nhiên tuyệt đại đa số con người không hiểu được nhiều về những nguyên lý trong ý thức sáng tạo của khoa học, và biết triết để vận dụng lợi khí của tinh thần khai phóng. Nhưng không phải vì thế mà người ta quên rằng mọi hình thức sinh hoạt văn nghệ trữ tình, nhẹ nhàng, cảm khái trong tâm ảnh hưởng Phật-giáo lúc bấy giờ, đều là những thủ môn ẩn tình thần gần gũi với hầu hết các tầng lớp xã hội dân gian, như câu thơ quen thuộc thường nói trang sử Phật cũng chính là trang sử của con người đương đại.

Trong quan niệm đó, Hi-Xà là một triết lý bàng bạc ở ngời cao chứa đựng nhiều ý nghĩa của tinh thần bao dung, hòa hợp, cảm thông, xây dựng cuộc đời sống vui hạnh phúc để cùng nhau tạo nên Niết-Bàn, trần gian cực lạc. Nó mang tính chất tích cực, sống động phi thường, biểu lộ cho những cái gì cao cả trong trái tim



nhân ái của con người. Nó là một tấm gương rọi sự sống của con người hãy vị tha để đời lấy ân đức. Và những kẻ thiện tâm thường nhìn vào nó hằng ngày ở trước trong và sau những giờ kệ kinh, thiền định. Do vậy mà nhiều chúng tích quan niệm về độ lượng, tử-bi trong thì ca tìm thấy được thường có đặt những vấn

đề giải quyết thể theo diệu lý, tinh thần của pháp môn buông xả. Và ngày nay, thật khó mà kiếm cho hết những lời ca tụng trước bao nhiêu truyện ký, tích lạ điển hay mang tính chất thấm nhuần ý nghĩa của tinh thần Phật-giáo nổi tiếng như cồn trong thiên hạ, cho dù đó hoàn toàn chỉ là những mẫu chuyện xưa.

Đối với xã hội của chúng ta thời phong kiến, mọi hình ảnh sinh hoạt của cộng đồng Hán-tộc đều như là những tấm gương mẫu mực, mà không ai có thể làm gì khác lại hơn về đẹp cái rốn của nhà Trời. Do vậy, người ta có lý do để hoàn toàn thông cảm cho trường hợp của đại thi hào Nguyễn-Du đã có nhiều cảm hứng khi quyết định muốn mượn lại cốt truyện Kiều, để tìm dịp trưng bày ra được đặc tính trung đạo của Phật-giáo bằng những áng văn kiệt tác. Ngày nay, đọc lại những sách, truyện trữ tình chịu nhiều ảnh hưởng Phúc-Âm của phương Tây, cũng như các tác phẩm văn chương tình cảm theo quan niệm thế tục của đạo Phật, từng được coi như là tinh hoa của nền văn học phương Đông. Người ta nhận thấy rằng, các thể văn và cốt truyện có khuynh hướng lãng mạn, vui thú hồn nhiên, phiêu lưu, huyền ảo, thường mới là những đề tài ăn khách thời thượng... Thì cũng trời đất, núi sông, nơi nào có rừng đất phải có thú, nơi nào có cá ắt phải có nước, thành thị thì nhà cao ngất ngều và nông thôn phải có đất để làm ruộng, cây bừa v.v...

Tuy nhiên, nếu thủ đặt lại vấn đề diễn đạt tinh cảm của người đọc truyện, nhất là khi những độc giả đó thuộc loại người vốn có thiện tâm. Chắc chắn, người ta sẽ dễ dàng tìm thấy được mối sự phân ứng hòa nhập từ tưởng của họ vào với những môi trường xã hội, không gian đó bằng một tâm hồn cảm khái nhẹ nhàng, khiêm ái và không có sự động loạn về phương diện tinh thần. Lý do là vì bản sắc thiện tâm, hòa đồng, thông cảm ở trong lòng họ (nói chung) lúc nào cũng có mang theo hình ảnh của ý nghĩa tử bi với tinh thần đại hùng, đại lực để chuẩn bị sẵn sàng nhập cuộc vào đời. Do vậy, (nói riêng) hề mỗi khi đứng trước một nghịch cảnh éo le, bất buộc, thì ý nghĩa cao quý của đặc tính Tử-Bi trong đạo Phật không có nghĩa là trốn chạy, yếu hèn, mà trái lại, đó chính là lúc để được thể hiện tinh thần vô úy, cứu khổ độ nhân trong tư thế ngộ biến phải tùy duyên, tòng quyền. Còn Hi-Xà thì ngoài ý nghĩa của tinh thần bao dung, cũng không để lãng quên đi sứ mạng của mục tiêu hoằng dương chánh pháp. Và như đó, thiện tâm của một người Phật-tử quả là một trái tim có tấm lòng nhân ái, chan chứa bao la, không gây hận, oán thù, mà ngược lại, lúc nào cũng tìm mọi dịp để thời thức, cấu trúc lương tâm, tạo mối tương quan tình cảm giữa Người và Người, giữa người và vạn

vật. Thiện tâm của một người Phật-tử sẽ được thể hiện ra rõ ràng hơn bao giờ hết bằng tấm lòng sùng đạo, trách nhiệm đối với cá nhân, gia đình, xã hội, nhân quần và điều khiển tinh thần ung dung, tự tại. Có kẻ đặt câu hỏi vì sao thiện tâm của một người Phật-tử thuần thành của chúng ta lại phải chịu đóng khung trong lời Phật dạy khi hữu sự đường đầu trước một đối tác của vấn đề đôi khi không có gì gọi là lý thú, hợp tình?

Hình ảnh của một thầy Tam-Tạng thỉnh kinh hiền từ, chân thật thường hay nghe lời xàm tấu của Trư-Bát-Giới, mà xử ép Tôn-Ngộ-Không nhiều điều oan ức, đã khiến cho tinh cảm của độc giả Phật-tử chúng nhân nhiều lúc không thể dần được những nổi bất bình! Nhưng nếu chúng ta chịu khó bình tâm suy nghĩ, đào sâu ý nghĩa cốt lõi của vấn đề và lột trần tâm lý của từng nhân vật qua tầm nhìn kính kính Phật-giáo, thì sẽ thấy rằng chính thiện-sứ Tam-Tạng đã có những quyết định cần thiết không đi ra ngoài thiện tâm, lẽ đạo của kẻ tu hành khi bắt buộc phải ra uy xử phạt đối với Tôn-Ngộ-Không. Trong một trường hợp khác, người đọc truyện "Phong-Thần" ngày trước, đều nhận thấy rõ ràng hơn về hình ảnh của xã hội tập chúng Trung-Quốc được cấu trúc trên nền tảng học thuật, văn hóa, chính trị trong tư tưởng căn bản của Tam-giáo đồng nguyên. Nhưng trên thực tế, ảnh hưởng thiện tâm của đạo Phật trong dân gian đã hoàn toàn lấn át Lão-Nho và chế ngự ở thể thượng phong về công đức phổ độ chúng sinh, cứu nạn con người trước những thảm họa tai trời ách nước. *Rồi như hình ảnh của người hiệp sĩ sau khi xuất hiện hiền ngang phá giặc (đạo Phật) đã tự biến mình không màng đến danh thơm, ỏn nghĩa xem tợ như Thánh-Gióng ẩn mình vào núi Sóc-Sơn.*

Với quá khứ của lịch sử tiêu biểu đó, người Phật-tử thiện tâm của chúng ta có thể lấy làm tự hào về đức tin của mình mà nảy sinh ra những điều nguyện ước, phát tâm gieo trồng cội phúc bằng tấm lòng tử-bi, hi-xá hằng ngày. Tuy nhiên, nếu muốn sớm đạt tới mục đích, thì người Phật-tử thiện tâm cần phải biết nhạy cảm, hội nhập mau lẹ vào mọi môi trường không gian của cộng đồng mình đang sống bằng cách bố thí, hiến dâng trọn vẹn tinh cảm và hãy xem như đó là một sự xuất vốn đầu tư về mối lợi tinh thần. Mối lợi này nếu không đem lại tức khắc cho chính mình mọi điều lợi lạc, thì cũng sẽ mang đến cho kẻ khác những niềm an ủi quý báu, cần thiết. Thiện tâm do vậy là một lẽ sống đạo thánh khiết, mà ân sủng này không phải chỉ để dành riêng cho những kẻ nào có đủ thừa phước tiện ở trên đời. Và nói cho đúng hơn, là trong bất cứ hoàn cảnh nào thì giá trị thiện tâm của mọi người vẫn đều có giá trị ngang nhau.

Ngoài ra, việc bố thí bằng sự thể hiện đó cũng còn là một dịp để chúng ta, đo lường thiện tâm nhiều ít của cá nhân bao giờ cũng giúp ích được ít nhiều cho thiên hạ thể theo tinh thần vô ngã vị tha, vui mừng trong hạnh phúc của chúng sinh. Song nếu một khi đường tu còn vụng, thì con người ta sẽ dễ dàng bị ảnh hưởng của tha lực vô minh che lấp, làm biến đổi tinh cảm lương thiện hóa ra thành tình ganh ghét, xấu xa, rồi trở nên có lòng tham lam, ích kỷ, bỏ đạo mê đời, uống công tu luyện. Và như vậy, để thực hiện sự tự nguyện hiến dâng thiện tâm tốt đẹp của mình cho cội phúc, thì tưởng chúng ta không có phương cách chi hơn là phải nâng tu tập hành thiền, ăn chay, niệm Phật, phải biết tái lập trật tự tâm hồn từ trong bản thể để giữ gìn tính bốn Thiện ở trong lòng. Sau đó, hãy lấy tư cách của một người hiền đạo, thường đời, mà nhắc nhở tha nhân nên lánh xa dần nghiệp dữ hay cố ý làm bất cứ việc gì sai trái với lương tâm, khi dựa vào những lý do không có giá trị nào chân thật mà hành động để gây phiền nhiễu cho người. *Chân lý này từ hàng thế kỷ trôi qua, đã có biết bao nhiêu hiền nhân, quân tử, các bậc Thiên-sứ dày công tu tỉnh soi thấu sự đời thường tình chỉ dạy con người cần phải có một tình cảm rộng lượng, bác ái, khoan dung để đem vào cuộc sống.*

Trở lại quan niệm về ý nghĩa thiện tâm của con người thời đại dành cho cuộc đời đứng trước muôn ngàn thách đố, mà một ngôn từ va chạm tinh thần cũng có thể làm chuyển hóa được cả tính tình. Người ta sẽ nhận thấy rằng, quán tính trong đầu óc của mỗi cá nhân là đều có những phần ứng tự vệ giống như nhau trước khi trực tiếp đối đầu với bất cứ chuyện gì xảy đến, cho dù gặp lúc bất ngờ hay chờ đợi. Nhưng nếu cả hai trường hợp này sẽ đến với một người Phật-tử thiện tâm thuần thành, là phải được đối phó lại bằng nụ cười Di-Lạc hiền hậu nở trên môi, trao niềm vui về cho mọi người.

Một ý nghĩa lành trong truyền cảm đẹp sẽ có tác dụng ảnh hưởng rất lớn về mặt tâm lý, giúp cho người Phật-tử thuần thành dễ dàng tránh được nhiều trở ngại quan trọng khi gặp phải khó khăn trong vấn đề giao tế xã hội, trong sự sống còn của đạo và đời. Chính vì cả tin vào sự mở thông của trí tuệ, mà người Phật-tử chúng ta đã chẳng từng ý thức được mối tương quan của con người đang đứng trước mọi thảm họa đợi chờ, để đón nhận lần mòn những đồng lương của tội lỗi ở thế gian, để cùng đồng đạo khuyên nhau cố gắng làm cho hết sứ mạng của mình. Mục đích của thiện tâm hiến dâng đó là để chứng minh cho tính chất thắm nhuần của Phật-giáo, là luôn luôn bao giờ cũng còn được lưu truyền trong ảnh hưởng của dân gian bằng sự tồn tại ở hôm qua, ngày nay và mãi mãi ●

— ep Lê Kiều Phương

Tết, em muốn về

*Mười ngày nữa em về
Mang dùm tôi nỗi nhớ
Màu nắng mùa xuân xưa
Vàng trong tôi rực rỡ.*

*Mười ngày nữa em về
Ấn dùm tôi cái Tết
Hái cho cành lộc non
Chúc năm tròn may mắn.*

*Mười ngày nữa em về
Tào dùm tôi nắm mộ
Hơn hai mươi năm qua
Cỏ tranh chen phủ lối.*

*Thật lòng em muốn về
Nhìn cảnh đời đổi thay
Những con đường đã chết
Từ một ngày chia tay ?*



Xuân Nhớ

*Lung linh ánh nến hương trầm
Đón Xuân đất khách âm thầm
nhỏ què
Đuốc thiêng thấp sáng đường về
Mong ai giữ trọn lời thề năm
xưa !*

Tỉnh thức trong hiện tại sát na

• Tâm Trạng Ngô Trọng Anh

(Tiếp theo VG 104)

5. CHÁNH NIỆM HAY SỰ TỈNH THỨC TRONG HIỆN TẠI SÁT NA

Căn bản của *tỉnh thức trong hiện tại* tại sát na đây chính là Chánh niệm (sammā sati) hay giai đoạn thứ 7 của Bát Chánh Đạo (gồm theo thứ tự: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định). Chánh Niệm được trình bày trong phẩm *Tứ Niệm Xứ* tức một trong 37 phẩm trợ đạo Phật giáo. Đó là bốn phép *tỉnh thức trong hiện tại* gồm *niệm thân* (kāya), *niệm thọ* (vedanā), *niệm tâm* (citta), và *niệm pháp* (dhamma). Phép niệm này có thể hiểu được phần nào theo phương pháp phân tích của phân tâm học. Nhưng trên thực tế hướng mạnh về phần tâm linh sâu xa hơn. Tứ Niệm Xứ không chỉ hạn chế trong phạm vi phân tâm học hay để kiểm soát tâm thức nhưng là một tiến trình đưa đến sự tổng hợp tâm linh cao độ, do đó không còn phân biệt năng trí/sở trí (chủ/khách) nghĩa là tiến trình của tư tưởng đi từ nhị nguyên thế tục đến bất nhị trung đạo tức chánh định (sammā samādhi). Khi thực nghiệm được chánh định, hành giả trở lại bước đầu chánh kiến, chánh tư duy v.v... theo quá trình xoáy ốc mở rộng. Lạt Ma Anagarika Govinda cho biết rằng mỗi lần trở lại như vậy hành giả tỉnh thức trong hiện tại sâu sắc hơn. Tất cả những giáo lý căn bản của Phật dạy đều xoay tròn hết, vô thủy vô chung, không hề có nguyên nhân đầu tiên. Chuyển pháp luân ba lần là chuyển Tứ Diệu Đế, rồi Thập Nhị Nhân Duyên (tức Tập Đế của Tứ Diệu Đế) và kế tiếp với Bát Chánh Đạo (tức Đạo Đế của Tứ Diệu Đế). Sau đó là *tỉnh thức*

trong hiện tại sát na với Chánh Niệm và hành động cứu độ với Chánh Nghiệp (Xem đoạn về *Tương quan giữa Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo và Thập Nhị Nhân Duyên* theo Phật Giáo Nguyên Thủy, trong tác phẩm *The Psychological Attitude of Early Buddhist Psychology*, trang 67-75). Hành giả có tâm bồ tát ra đi với chánh kiến, chánh tư duy nhị nguyên, sẽ trở về (tái sanh hay hóa hiện) với trí tuệ bất nhị tức chánh niệm chánh định để cứu độ chúng sanh với *chính nghiệp* trong thế giới nhị nguyên. Lý tưởng bồ tát nói trên được ông Võ Văn Ái trình bày trong tác phẩm *Nguyễn Trãi, Sinh Thức và Hành Động*. Ông gọi thiền sư Nguyễn Trãi là *con người tỉnh thức và hành động*. Nguyễn Trãi *tỉnh thức* nghĩa là có *ý thức Kê* (Cổ Loa, kê sĩ, nền tảng Nhân bản Việt Nam (Chương 3, trang 55-75), *ý thức KHÔNG* (bất nhị trung đạo) (trang 123), *ý thức Nghiệp* (chánh nghiệp, bát chánh đạo) (trang 131) để *hành động* nghĩa là ứng dụng tùy thuận theo tinh thần Thiền Việt Nam trong *cuộc kháng chiến kỳ vĩ đầu thế kỷ XV* (Chương 4, trang 77-114, và Chương 5, trang 115-147, *ý thức cấp cứu, thời thức* (trang 159), *ý thức như nhiên, tức thực tại duyên sinh* (trang 171).

Thiền sư thi sĩ Nguyễn Trãi đã dùng *tâm công* để thắng quân Minh nghĩa là Ngài có tâm bồ tát thường muôn loài như sau:

*Vạn điệp thiên chi bởi một cây
Yêu trọng người đứng là của cải
Thương vì thân thích nghĩa chân tay
(Bảo Kinh Cảnh Giới 18, Quốc Âm Thi Tập)*

Cũng trong tinh thần tâm công bồ tát nói trên các Thiền sư thi sĩ Việt Nam, hiện trong ngục tù cộng sản nguyện cầu như Ngài Quảng Độ với bài *Ngắm Trăng* (trang 144, *Nhận Định về những Sai Lầm của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với Dân Tộc và Phật Giáo*).

*Đêm khuya thanh vắng
tôi ngồi tôi ngắm ánh trăng
đêm qua mờ
đêm nay tỏ
hôm nọ khuyết
hôm nay tròn
trăng ơi cách mấy nước non
có còn trăng Cuội có còn cây đa?
Trần giới tôi nay tuổi đã già
dòng đời Tô Vũ cũ trôi qua
năm canh ập ủ niềm tâm sự
biết ngó cùng ai hỏi bóng nga?
ta và ta*

*ta và bóng nga
hòa chung nhịp thở
giữa vũ trụ bao la
hồn thơ ta say bóng
đạo khắp thiên hà
ba nghìn thế giới trần sa
thoát trong một niệm hồn ta trở về
lại ôm niềm tâm sự
với đêm dài lê thê
hồn còn mang nặng lời thề
quyết trong bể khổ sông mê vẫy vùng
dòng thuyền bát nhã đại hùng
độ loài Nhất Xiển thoát vòng vô minh.*

Chỉ có những vị Bồ tát tỉnh thức trong hiện tại Sát Na thiền sư Nguyễn Trãi mới có thể cứu độ Việt Nam hôm nay, giờ này, phút này. Thật vậy, một quốc gia, với ngân sách quốc phòng/công an lên đến 35% (để chúng ta hồ đàn áp), giáo dục trượt xuống 3,5% (để ngu dân) và y tế biến mất còn 1% (để giết dân), là một sự kiện bất khả tư nghị. Theo đà tiến triển y tế Việt Nam hiện nay, thế giới dự trù rằng dân Việt sẽ chiếm kỷ lục quốc tế tỷ lệ mắc bệnh AIDS vào thế kỷ 20.

Bất cứ gì tạo ra tiền, dầu cho tán tận lương tâm cách mấy, cộng sản Việt Nam cũng thực hiện cho bằng được. Chính đó mới là quy luật mà chúng thường bảo *dầu cho sông cạn đá mòn, chân lý ấy không bao giờ thay đổi*. Ngay cả thiên tai bão lụt Linda cũng là cơ hội mà cộng sản mafia Việt Nam mong đợi để làm giàu. Thủ đoạn bi ối của chúng gồm ba giai đoạn (1- bùng bít thiên tai để giết dân, mặc dầu khí tượng thế giới thông báo cho Nhà nước biết trước 48 tiếng; 2- không cho quốc tế, kể cả Hồng Thập Tự quốc tế và Việt kiều được phép viện trợ trực tiếp cho gia đình nạn nhân, tất cả phẩm vật phải qua trung gian nhà nước; 3- ra lệnh bọn tuyên vận nằm vùng ở hải ngoại mở chiến dịch vó vét tiền đồng bào nhẹ dạ với luận điệu *lá lành đùm lá rách*). Chiến dịch giết ngư phủ này là bản một phát trúng hai chim. Ngoài việc thu hoạch đồ-la, chúng tiếp tay thiên tai, bỏ đời không tội vạ dân Hậu Giang để ngăn chặn sức chống đối của đồng bào nông thôn hiện đang bùng nổ từ Thái Bình lan tràn đến Đồng Nai.

6. LÝ DUYÊN SINH HAY DUYÊN KHỞI

Lý Duyên Sinh (paṭicca-samuppāda) hay Thập Nhị Nhân Duyên là giáo huấn căn bản của Phật giáo. Đó là giáo lý, theo lời Phật dạy Ananda:

"thâm sâu, này Ananda, đứng như vậy, pháp duyên khởi (paticca-samuppàda, tùy thuộc phát sanh) này quả thật thâm sâu. Vì không hiểu thấu, không thấu đáo thông suốt giáo lý này mà chúng sanh vướng vấn như tơ vò, như cuốn chỉ rối, trở thành như cỏ mūnja, như bụi lát, không thể vượt khỏi những trạng thái đau khổ của kiếp sinh tồn, thoát khỏi vòng luân hồi, samsāra" (Dīgha Nikāya, Trường A Hàm 15).

Còn Lý Bát Nhã Bất Nhị Trung Đạo tóm tắt trong bản Tâm Kinh là nòng cốt của tư tưởng Bồ Tát Hạnh Đại Thừa:

Bồ Tát Quán Tự Tại khi hành bát nhã ba la mật đa sâu xa soi thấy năm uẩn đều KHÔNG, qua mọi khổ ách. Xả Lợi Tử, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc: thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Xả Lợi Tử: Tướng KHÔNG có pháp đây, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng bớt, ... (Prajnaparamita-hrdaya sutra).

Hòa Thượng Trí Thủ, trước khi bị cộng sản sát hại năm 1984 đã cho ấn bản Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa tại Quảng Hương Tùng Thư (1982). Trong phần dẫn nhập Ngài viết:

Ai có nghiên cứu Phật Giáo cũng đều biết rằng tinh hoa của Pháp mà Phật dạy chỉ trụ trong một điểm và chỉ một điểm này mà thôi. Đó là duyên khởi mà cũng gọi là duyên sanh. Phật giáo sở dĩ khác với các thần giáo chỉ một điểm này và ở một điểm này. Và ai đã thừa nhận luật duyên khởi thì không thể nào thừa nhận một đấng tạo hóa sáng thế nữa. Người đồ trên hình thức, dù có theo đạo Phật hay không theo đạo Phật, cũng đã là Phật tử trên bình diện tư tưởng rồi. Ngược lại, dù là tăng sĩ, nhưng nếu không thông suốt duyên khởi, thì đó cũng là ngoại đạo trá hình. Nói thế cốt để nhấn mạnh vai trò chỉ đạo, vai trò tiên quyết của luật duyên khởi trong toàn bộ pháp Phật không có duyên khởi, là không có Phật giáo, cũng như không có Bát Nhã thì không có Đại Thừa. (HT Trí Thủ, Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, trang 3).

Nếu không có duyên khởi thì không có Phật giáo, nhưng nếu Đức Phật không thị hiện, có thể không có Phật giáo, muốn thực tại duyên khởi vẫn là:

Khi điều này hiện hữu thì có điều kia,

Với sự phát sanh của cái này, cái kia khởi phát.

Khi điều này không hiện hữu thì không có điều kia,

Với sự chấm dứt của cái này, cái kia chấm dứt.

(Majjhima Nikāya, Trung A Hàm, 79/II,32)

Ba giai đoạn quan trọng của duyên khởi, là sự phát sanh, sự hiện hữu và sự chấm dứt của một hiện thể hay một hiện tượng, thường được gọi là *Sanh, Trụ, Diệt*. Bộ ba *Sanh Trụ Diệt* được gọi là một kiếp hay một đời. Duyên khởi lại nối tiếp vòng quanh với nhiều đời gọi là vòng luân hồi.

Thập Nhị Nhân Duyên hay tiến trình 12 khâu nhân duyên của đời người trải từ quá khứ đến đời sống hiện tại để chuẩn bị cho đời tương lai như sau:

- hai khâu quá khứ (xem sơ đồ dưới đây) là Vô Minh và Hành

- tám khâu hiện tại là Thức, Danh sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ và Hữu chia ra làm hai phần:

- một phần gọi là thọ nghiệp gồm Thức, Danh sắc, Lục Nhập, Xúc Thọ vì đó là quả báo hạnh phúc hay khổ đau do những hành động của mình làm trong quá khứ, mà hiện tại mình đang lãnh đủ (thọ nghiệp để giải nghiệp)

- một phần gọi là tạo nghiệp gồm Ái dục, Thủ và Hữu vì đó là hành động tạo

tình thức. Muốn tình thức đúng sự phải biết chỉ quán.

7. CHỈ QUẢN VÀ TỈNH THỨC TRONG HIỆN TẠI

Chỉ quán nôm na là đình chỉ mọi vọng niệm (chỉ) để quan sát (Quán) nhìn thấy thực tại như thật. Chỉ quán hay thiền định là phương pháp hướng nội của Phật giáo để đình chỉ vọng niệm. Vọng niệm (Ái dục, Thủ và Hữu) không bao giờ hiển lộ, không thể nhận thấy với óc hướng ngoại. Vì vậy mà chúng sanh *tái kết* hết kiếp này đến kiếp khác, luân chuyển mãi trong vòng luân hồi. (*Tái kết* là *tái SANH thức* và *Kết sanh THỨC*, tức khâu Sanh và khâu Thức trong Thập Nhị Nhân Duyên). Sở dĩ vọng niệm khó đình chỉ hay *nghiệp* khó giải trừ là vì *thức* không chịu *tỉnh thức* trong hiện tại. Thức là gì? Là khả năng phân biệt nhị nguyên tức là thấy, nghe, hiểu và biết (*Kiến Văn Giác Tri*).

Thức (kiến văn giải tri) chỉ biết phần *Thọ nghiệp* trong hiện tại tức biết mình đang lãnh nghiệp báo (đau khổ/hạnh phúc) nhưng không thể nào biết được phần *Tạo nghiệp* của bản thân trong hiện tại vì Ái dục, Thủ và Hữu thuộc phạm vi *Vô thức* hay tiềm thức theo danh từ phân tâm học. Muốn biết rõ hiện tại phải biết *Tỉnh thức* trong hiện tại tức Chánh niệm để tiến tới Chánh Định chuyển thức phân biệt nhị nguyên thành trí tuệ bát nhã bất nhị. Đó là một cuộc chuyển y tối hậu, khai quật nhiên liệu tâm linh trước khi chứng ngộ.

8. TRỤ LÀ THỜI GIAN HIỆN TẠI

Cốt tủy của Chỉ quán là quán Vô Thường với hiện tượng Sanh Trụ Diệt của mọi pháp theo lý Duyên Sinh. Mọi hiện tượng đều có sanh tất có diệt là chuyện thường tình, ai cũng biết cần gì phải quán cho mắt công?

Xin thưa, hiện tượng *Sanh Diệt* thì biết nhưng hiện tượng *Trụ* quan trọng thì lại quên. Quên vì chỉ thích an trụ trong "hiện tại" kéo dài trọn kiếp mà quên *tỉnh thức* trong hiện tại sát na không thời. Đó là thân phận bi đát của nghiệp thức trong tam giới luân hồi. Phần *tạo nghiệp* (Ái dục, Thủ, Hữu) âm thầm hướng dẫn nghiệp thức thiết tha với *Trụ thời*. Vâng xin nhấn mạnh vào trụ thời vì Sanh hay Diệt chỉ xuất hiện chớp

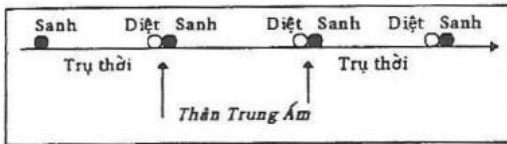


nghiệp do mình thực hiện trong hiện tại để dành quả báo cho tương lai.

- hai khâu vị lai là Sanh và Lão tử tức đời kế tiếp.

Con người hiện sinh đang-là hay hữu tình Phật giáo được gọi là *nghiệp thức* theo lý duyên sinh. Tại sao có danh từ *nghiệp* trong *nghiệp thức*? Vì đường sự *thọ nghiệp xưa* và *tạo nghiệp mới*. Tại sao có danh từ *Thức*? Vì Thức là khâu đứng đầu trong phần thấy, nghe, hiểu biết (*Kiến, Văn, Giác, Tri*) của con người nhị nguyên. Đường sự sống trong hiện tại nhưng chưa

hoảng và nhường hoàn toàn thời gian cho Trụ thời của một hiện tượng. Quán vô thường chính danh là quán sự vô thường của trụ thời, chống lại hành động *nghiệp Hành* và *nghiệp Hữu* dẫn dắt nghiệp thức tái sanh trở lại tam thế luân hồi, nghĩa là trở lại nhà lửa nói trong Phẩm Thí Dụ Kinh Pháp Hoa. Xin quý vị lưu ý rằng trong đời mật pháp, nếu Phật dùng phương tiện tam thừa (ba thú xe) để dụ dẫn độ thoát ra khỏi tam thế luân hồi thì Ma vương ngày nay cũng dụ dẫn nghiệp *thức trụ* lại tam thế, bám chặt luân hồi với vô số xe hiện đại cùng tài xế tinh khôn nghĩa là vô số giáo phái hiện đại mệnh danh Phật giáo. Ấu cũng vì ham bám trụ vào cái hiện tại kiếp người (*Trăm năm trong cõi người ta*) nên hành giả sa cơ, mặc dầu có thiện chí, nhưng ngồi thiền mãi mà không xuất hồn



được để thực tập nhập vào cảnh giới khác. Họ bám trụ vì *vô thức* đương sự đang còn nặng gánh tham sân si (dục giới) không cảm ứng vào cảnh giới cao hơn như sắc giới chẳng hạn. Đôi khi họ lại gặp nạn tẩu hỏa nhập ma vì căn cơ cảm ứng với cảnh giới thấp, nên không gặp được Phật mà lại gặp Ma vương giả Phật.

9. NGÓN TAY CHỈ TRẮNG HIỆN ĐẠI: VẬT LÝ VÀ THIÊN VĂN

Kiểm thí dụ vô thường trong thế giới vật chất để giúp hành giả quán vô thường tâm linh, là một công việc không mấy khó khăn. Nhưng kiểm cho ra một thí dụ bất nhị vật chất để diễn tả bất nhị tâm linh như: Địa ngục/Niết Bàn, Nhiễm/Tịnh, Sắc/Không v.v... quả thật khó khăn. Ngón tay thường dùng là *nước đại dương* (Tịnh) và *mặt nước gợn sóng* (Nhiễm). *Ngón tay nước* này không ổn vì giữa nước đại dương (khối) và mặt nước (diện tích) có sự khác biệt tiên khởi giữa khối lượng và diện tích. May thay các nhà bác học vật nguyên tử và vũ trụ thiên văn ngày nay đã khám phá được những hiện tượng *bất nhị thật sự* giữa vật chất và năng lượng, và nhất là giữa vật chất và Không gian/Thời gian. Khả năng *kiến văn giác tri* của khoa học hiện đại đang nắm được phần nào Sự Thật Vật Chất để tạo ra ngón tay khổng lồ hướng thẳng về Sự Thật tâm linh.

Sanh và Diệt chỉ là khởi điểm và chung điểm của một hiện tượng nhất thời. Trụ nguyên nghĩa là sườn nhà, đồng thời có nghĩa là *thời gian*, tạm gọi *Trụ thời* cho dễ nhớ. Khoảng thời gian dài ngắn của Trụ thời tức hiện tại là tùy theo hiện tượng lựa chọn. Đối với Lý toán hiện tại là điểm cố động (moving point) cũng như Sanh (starting point) hay Diệt (ending point) với thời gian lý tưởng là *không thời*. Vì thời gian là vô hình vô tướng nên các nhà khoa học phải trình bày điểm cố động bằng một hạt bụi không gian. Không gian chứa đựng thời gian như một mái nhà, tức chữ Vũ với nghĩa là *Không gian*.

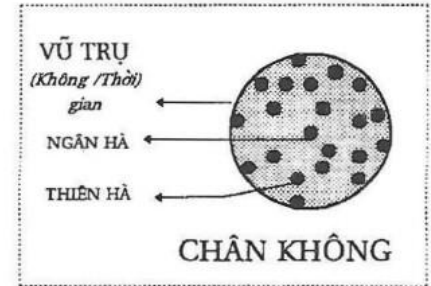
Do đó Vũ Trụ thường gọi là Hư Không, chính nghĩa là Không Thời Nhất Phiến (Không gian / Thời gian một khối) một danh từ phù hợp phần nào với danh từ continuum Space / Time của Einstein. *Hư Không* không phải Hư Vô / Chân Không, vì Hư Vô / Chân Không thuộc phạm vi tâm linh bất khả tư nghị (Spacelessness / Timelessness). Hiện tại/trụ thời

vật lý thật ra không phải ngoạn không mà vô cùng nhỏ: Hiện tại/Trụ thời của một virtual proton hay anti proton là 10^{-24} và đường xấp xỉ của nó là một điểm không gian rộng khoảng 10^{-13} cm. Xin nhắc con số 10^{-24} hay 10^{-13} là ký hiệu viết tắt của 0, 0000000... 00001 (gồm 24 hay 13 con số 0). Đó là những con số nhỏ nhưng chưa phải là nhỏ nhất của khoa học lý toán. Khởi điểm của vũ trụ (big bang) cũng có hiện tại, trụ thời lâu 10 -43 giây (gồm 43 con số 0) với một khoảng không gian chừng 10^{-33} .

Vậy big bang khai thiên lập địa tự bắt đầu tự khi nào? Xin thưa cách đây vào khoảng một thời gian 15 tỷ năm. Vậy đường xấp xỉ của big bang ở đâu? Xin thưa bất cứ chỗ nào trong *Không tánh* (Phật giáo gọi là *Chân Không*, Lão giáo gọi là *Hư Vô*).

Tại sao lại Chân Không thay vì không gian và thời gian? Xin thưa là vì Chân Không bất nhị bao gồm vũ trụ trong khi vũ trụ bao gồm không gian và thời gian, hay nói một cách khác, *khởi điểm vũ trụ tức big bang tự nổ bung ra và phát triển không gian để trải lớp thời gian*. Năm 1920 nhà thiên văn Edwin Hubble thấy (qua kính viễn vọng) vũ trụ đang phình nở như bong bóng. Ngày nay kính viễn vọng tên Hubble đặt cách xa mặt đất 370 miles đã nhìn thấy những thế giới thiên hà cách xa trên 23 tỷ năm ánh sáng. Những sự kiện mới

thâu tập thêm gần đây về quan niệm cố điển sai lầm cho rằng vũ trụ đang nở phình trong không gian trống rỗng. Thật sự là vũ trụ "tạo ra không gian để rải thời gian" vào, không có chuyện không gian trống rỗng. Cái gọi là không gian bất khả tư nghị trống rỗng ấy chính là Hư Vô/Chân Như hay



Không Tánh. Sau đây là một đoạn phù nhận việc cho rằng vũ trụ bành trướng trong không gian trống rỗng, trích trong Đặc san Newsweek ngày 3.11.1997 về *Galaxies. How The Universe Began. How It Might End*, trang 34, tôi xin tạm dịch như sau:

Lập luận ấy sai vì vũ trụ gồm tất cả những gì đang có như vậy. Không hề có một không gian nào ở ngoài vũ trụ để có thể bành trướng vào đó. (Nếu có một không gian phụ trội thì không gian ấy, theo định nghĩa, cũng là thành phần của vũ trụ). Trái lại, vũ trụ này nở bằng cách lấy hư vô trên thực tế để sáng tạo ra khoảng không gian ngăn cách những tổ hợp thiên hà. Do đó vũ trụ ngày càng nở lớn, và những ngân hà ngày càng xa nhau. Nhưng vẫn có trường hợp ngoại lệ. Có những thiên hà gần nhau vừa đủ để trọng lực có thể từng bước ve vãn âm thầm thu hút nhau. Khi gặp nhau, chúng có thể lướt qua nhau, lạnh lùng trong đêm như khách xa lạ. Nhưng trái lại chúng có thể va chạm. Ngân hà của chúng ta hiện đang nuốt thiên hà Nhân Mã nhỏ bé. Trong vòng 200 triệu năm nữa thì Ngân hà sẽ tóm trọn 10 triệu tinh tú của Nhân Mã để cộng chung vào số 50 tỷ sao của chúng ta.

Đặc tính của trụ thời là hiện tại. Trong Thập Nhị Nhân Duyên, Hiện tại là trụ thời của chúng sanh với khởi điểm là Thức tức kiết sanh Thức kể đến Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu (Hữu có nghĩa là *nghiệp hiện tại* tức lòng ham sống với quá báo gồm phúc báo lẫn ác báo), rồi kết thúc với chung điểm là *tái SANH thức*. Tinh thức trong hiện tại là áp dụng 37 phẩm trợ đạo trong đó có Tứ Niệm Xứ và Bát Chánh Đạo để quán sát các khâu Nhân duyên. Đó mới thật là Chánh niệm

trung đạo bất nhị. Chánh niệm là nhận thấy nghiệp hữu trong hiện tại là vô thường, là vô ngã, là không chủ không phải ham mê phước báo của nghiệp hữu. Cái sống trong hiện tại của thuyết hiện sinh là một phản ứng hợp lý nhị nguyên chống với những lý thuyết khô khan không thực tế, là một phản ứng hợp tình cũng nhị nguyên đối với những ai quên hành động hiện tại thực tế mà chỉ luống tiếc dĩ vãng hay hy vọng tương lai. Những lý nhị nguyên của tục để hưởng luân hồi không phải là bất nhị trung đạo hướng giải thoát. Đó là một lý do để một số tu sĩ sơ cơ đang còn ham mê đời với luận lý nhị nguyên, không ứng cảm nổi với lý bất nhị hướng vào giải thoát nên chủ trương xếp bỏ kinh Phật và luận của chư tổ, xem như giáo điều mê tín. Họ cho rằng kinh và tổ làm nặng gánh thiên hành, cần phải vất hết để hái hoa thơm cỏ lạ tức tôn giáo nhị nguyên để vào một Đấng Tối Cao sáng lập ra thế giới trong đó có loài người. Ngài được gọi là Ngọc Hoàng, Thượng Đế, Tạo Hóa hay Hóa Công. Cộng sản duy vật cũng nhị nguyên, nhưng lại vô thần, họ chỉ tin vào khoa học cổ điển, theo thuyết tiến hóa Darwin cho rằng loài người là do loài vượn mà ra. Đạo Phật thì cho rằng tất cả đều do nghiệp. Trong quá trình luân hồi, chúng sanh cho thể tùy theo căn cơ đạo đức và trí huệ, tức nghiệp, mà đầu thai hay hóa hiện vào một trong *Thập Loại Chúng Sanh*. (Phật Bồ Tát Duyên Giác, Thanh Văn, Thiên, A Tu La, Nhân, Thú, Ngạ Quỷ, Địa ngục). Bậc thấp thì đầu thai để lãnh quả báo (ác báo hay phước báo), hoặc bậc cao để hóa hiện độ chúng sanh, như Đức Phật và Bồ Tát. Do đó Đấng Ky-Tô là một Đại Bồ Tát hóa hiện. Lấy gì chứng minh những chuyện này? Xin thưa, với thế giới tâm linh, thực nghiệm chỉ quán thay thế chứng minh khoa học. Dầu cho quý vị không chịu thiền tập thì rồi cũng bị nhập thiền bất đắc dĩ trong giai đoạn thân trung ấm. Nhập vào cảnh giới nào tùy vào nghiệp của mình (mức độ tham sân si cá thể).

Vì không am tường giáo lý, nên có người bảo Phật giáo là vô thần. Phật giáo chủ trương Thượng Đế cũng như Phật đều ở trong thập loại chúng sanh, không chấp nhận có đấng tối cao hay nguyên nhân đầu tiên tạo ra vũ trụ cùng với thập loại chúng sanh. Cũng trong tinh thần ấy triết gia toán học (Nobel) Bertrand Russel trong trang 4 tập "Why I Am Not a Christian" khẳng định rằng "Không có lý do nào để giả định rằng thế gian có một khởi điểm. Ý

niệm cho rằng sự vật phải có một khởi điểm thật sự là do trí tưởng tượng nghèo nàn của ta. Như vậy, có lẽ tôi không cần phải hoang phí thời giờ nữa để biện luận về nguyên nhân đầu tiên". Tất cả đều do lý duyên sinh tuy không phải do Phật giáo bày đặt ra, nhưng là căn bản của giáo lý Phật giáo. Giáo sư Albert Einstein (cũng Nobel) công nhận giá trị của lý duyên sinh: "Tôn giáo tương lai sẽ là tôn giáo vũ trụ. Tôn giáo ấy phải vượt qua một nhân-cách Thần và tránh các giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy bao gồm cả thiên nhiên và tâm linh, được đặt nền tảng trên một quan niệm tôn giáo phát xuất từ sự chứng nghiệm tất cả sự vật, thiên nhiên và tâm linh trong một khối thuần nhất đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo đáp ứng được sự mô tả này".

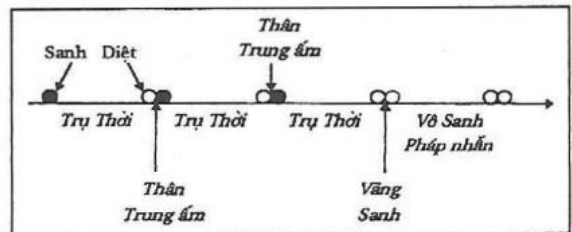
Phật giáo cũng không chấp nhận định mạng, số mạng hên xui may rủi. Tất cả đều do nghiệp (gọi là *biệt nghiệp* cho mỗi người hay *cộng nghiệp* cho tập thể). Nghiệp là nhân tố sống động vô thường, nghiệp không phải là lá số cố định và chúng sanh có thể hưởng thiện hay hưởng bất thiện để chuyển nghiệp tốt hoặc xấu. Thông thường *Nghiệp* của mọi tôn giáo đều hưởng thiện nên Phật giáo luôn luôn kính trọng mọi tôn giáo. Hơn nữa với tinh thần tam giáo đồng nguyên (Phật, Lão, Khổng nay cộng thêm Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành, Ba Hai, Hồi Giáo) không bao giờ có tranh chấp tôn giáo ở Việt Nam. Của Phật giáo, ngoại trừ những thủ đoạn tuyên vận chính trị phi dân tộc (thực dân và cộng sản) muốn phân hóa cộng đồng.

Sau đây là sơ đồ tượng trưng quá trình luân hồi của nghiệp thức gồm một tràng trụ thời (tức hiện tại) giữa điểm *Sanh* và điểm *Diệt*. Đặc biệt giữa điểm *Diệt* và điểm *Sanh* có một giai đoạn phi thời gian gọi là *Thân trung ấm* tức phi thời gian nối tiếp hai Trụ thời. Trong giai đoạn này nghiệp thức, nếu tâm không chuẩn bị hành trang đạo đức, sẽ ứng cảm với cảnh giới thấp kém. Vấn đề tu học và hành trì trong mỗi kiếp trụ thời rất quan trọng. Chuẩn bị hành trang là tinh thức trong hiện tại để có thể dễ dàng cõi bỏ thân xác lúc lâm chung không hối hoàng.

Nếu hiểu sai quan niệm cho rằng tinh thức trong hiện tại để hưởng thụ hạnh phúc, vật chất hay tinh thần, đúng mức ngay bây giờ, thì lúc lâm chung, trong giai

đoạn thân trung ấm, nghiệp thức sẽ lưu luyến thân xác, bám vào trụ thời và tiếp tục đầu thai vào trụ thời kế tiếp, tức luân hồi. Giai đoạn thân trung ấm là giai đoạn nghiệp thức buộc phải rời khỏi thân xác tức *Trụ thời*, một giai đoạn chuyển tiếp rất quan trọng trong đời người. Nếu trong lúc còn sống nghiệp thức thường xuyên tỉnh thức trong hiện tại nghĩa là nắm bắt được mạnh mẽ duyên sinh, tương quan trùng trùng duyên khởi của loài người và sự vật, thường xuyên quán vô thường, quán vô ngã và quán Không, thì lúc lâm chung đường sự tách rời khỏi trụ thời dễ dàng, thấy rõ quá khứ và vị lai, nắm bắt được thực tại và do đó giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Danh từ nhà Phật gọi đó là *liễu sanh thoát tử* của trung ấm thân hay *vô sanh pháp nhẫn* của các bậc thiền sư. Theo pháp môn Tịnh Độ, dù cho nghiệp chướng hãy còn, vẫn có thể hiện đời nương theo nguyện lực của Phật, *đời nghiệp vãng sanh*, nghĩa là sanh về một chốn an tịnh tu hành đặc biệt gọi là Tịnh Độ tức cảnh giới *Sự nhất tâm bất loạn*, nơi đây nghiệp thức tiếp tục tu tập *Lý nhất tâm* tức Trí Tuệ Bát Nhã Bạ La Mật Đa của cõi Vô Sanh.

Giá trị của tu Thiền Phật giáo là tạo được một trạng thái gọi là thân trung ấm trong lúc còn sống, nói một cách khác là tập chết để đi vào cảnh giới khác cao hơn, tức những tầng thiên của chư thiên.



Chúng ta ham tử thiền trong lúc còn sống và kết quả đạt được tùy theo căn cơ của nghiệp tức y báo, chánh báo.

Phước báu nhiều giúp cho nghiệp thức về phương diện vật chất và tâm lý nhưng bất lợi cho tâm linh nếu nghiệp thức không biết lợi dụng phương tiện (do phước báu đem lại) mà tu hành giải thoát. Cứ mỗi đời người tức *mỗi trụ thời là một hiện tại* của con người không tinh thức. Do đó đường sự tiếp tục theo nghiệp tái sanh triền miên. Mong rằng:

Hử không hữu tận, ngã nguyện vô cùng,

tinh dã vô tình, đồng viên chúng trí

10. KINH NGHIỆM HỮU VÔ

Năm 1994 tôi trình bày Cung Đàn Hư Vô trong Đặc San Tết Chánh Đạo để giải thích một câu đối treo trong ngôi chùa nhỏ ở Nhà Bè:

Phật chỉ u huyền, như vân quai sơn đầu; hành đảo sơn đầu, vân cánh viên.

Thiền cơ hạo ảnh, tựa nguyệt lâm thủy diện; bác khai thủy diện, nguyệt hoàn thâm.

Phật pháp rất huyền diệu, được ví như mây giăng đầu núi; nếu ta lên được đầu núi, thì lại thấy mây đã bay xa.

Thiền cơ thật là man mác, được xem như ánh trăng trên mặt nước; nếu ta múc nước ấy để tìm trăng, thì lại thấy ánh trăng vẫn nằm sâu trong lòng nước.

Tại sao lại cung đàn? Là vì tôi nhớ đến bài Venis của Nietzsche một thi sĩ đã ý thức được Hư Vô, hay Chân Không, tức Tánh Không Bất Nhị của Phật giáo, một thi sĩ đã đem lại cho Tây phương tác phẩm Trung Đạo bất hủ: *Vượt Qua Thiện Ác*, mà không mấy ai thấm thấu được với:

Tơ lòng thốn thức cung đàn hư vô

Âm thầm ngâm khúc đĩa đồ,

Rung rinh với khối tình mơ muôn màu...

Lắng nghe tiếng hát, ai đâu?

(Trích một đoạn của Venis)

Tại sao lại cung đàn? Là vì trực giác nghệ sĩ lạ hơn lý luận quan tòa. Nếu chúng ta dùng lý luận nhị nguyên phân hai để giải quyết vấn đề này, có giỏi lắm thì chỉ biết *Hữu thể và Vô Thể* (Thật có và ngoan không) như triết gia hiện sinh duy vật Sartre với tác phẩm *L'Être et le Néant*, chủ không làm sao có trực giác quán chiếu hư vô của những bậc có tâm hồn nghệ sĩ thượng thặng. Lấy trắng lòng sông hay dùng mây đầu núi với hoài bão hướng dẫn về *trung đạo bất nhị, bất nhā chân không* là phương pháp hay nhất những tiếc thay, không mấy hấp dẫn đối với đa số độc giả kém phần nghệ sĩ tính. Do đó tôi xin trình bày vấn đề này một cách khác bằng phương pháp kiến văn giác tri (thấy-nghe-hiểu-biết, viết tắt KVGT). Xin nhắc chú đọc giả rằng KVGT, của ngay những nhà bác học, vẫn không thể nào bằng trực giác của nghệ sĩ chân chính và nhất là tu sĩ đạo hạnh. KVGT chỉ giúp chúng ta tiệm ngộ chứ không đốn ngộ được, cho nên các tu sĩ Phật giáo, đầu tiệm ngộ hay đốn ngộ, tất cả đều phải tiệm tu để *chứng ngộ*... Với KVGT thì ngu dốt cách mấy mà biết kiếp kiếp công phu tu học cũng có ngày hấp thụ được Chân Không Bất Nhā. Sở dĩ khó

khăn vì KVGT là con đường *hướng ngoại minh môn* gai góc với *giác tri* nặng phần nhị nguyên, đồng thời với khả năng của *kiến văn*, tức mắt thấy tai nghe bị hạn chế. Nhưng với Trực giác Nghệ sĩ và Đốn ngộ Tu sĩ thì trái lại, đó là con đường *hướng nội thâm u* bất nhị của tu sĩ đạo hạnh và nghệ sĩ trung thực, mà người đời nếu thường thì cho đó là phản lý thiếu khoa học (cổ điển), còn nếu ghét thì bảo rằng điên điên dại dại...

May thay, ngày nay nhờ sự tiến bộ của khoa học hiện đại đem lại những dữ kiện vô cùng quan trọng nói rộng phần *kiến văn giác tri* (thấy-nghe-hiểu-biết, viết tắt KVBT) một cách thâm sâu. Chúng ta thấy bằng những viễn kính của các đài thiên văn và nhất là kể từ tháng 4.1990, với kính viễn vọng Hubble Space Telescope (HST) được phi thuyền con thoi Discovery đặt ở lưng trong không gian. Ngoài ra chúng ta lắng nghe những tín hiệu không gian bằng radar để cố gắng hiểu những âm thanh viễn thông của thiên nhân trong vũ trụ. Những dữ kiện thâm thập giúp các nhà bác học hiện đại, như Albert Einstein và Stephen Hawking, họ hiểu biết nhiều chuyện lạ lùng với mọi người nhưng lại quen thuộc đối với Phật giáo

- lạ lùng vì vật lý vũ trụ toán học dùng phương pháp duy thực nghiệm, phản lại lý luận cổ điển.

- Quen thuộc vì kinh Phật đã trình bày từ lâu với phương pháp thiền định (Chí Quán) hướng về nội tâm bất nhị trung quán.

Sau đây là những khám phá lạ lùng:

- Ngân hà được chúng ta xem như trung tâm vũ trụ. Nhưng tất cả các thiên hà khác cũng tự xem như trung tâm vũ trụ được cả. Không có gì là tuyệt đối vì tất cả thiên hà đều phát xuất từ big bang (phát nổ lớn)

- Khoảng cách giữa Ngân hà và thiên hà xa nhất là 13 tỷ năm ánh sáng và hiện tại hai "HÀ" thấy được nhau kể từ ngày khai thiên lập địa trong quá khứ, sự kiện này có thể gọi là bản lai diện mục cho các thiên hà.

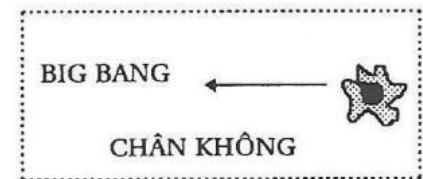
- Chân Không hay Hư Vô không phải cái ngoan không đáng sợ của thế giới nhị nguyên chúng ta. Có thể gọi Chân Không là Hữu bất nhị hay Diệu Hữu vậy. Đùng lăm với chủ nghĩa Hư Vô (chủ nghĩa Ngoan Không nhị nguyên, nihilism).

- Không gian và Thời gian, mắt tuy không thấy, tai tuy không nghe nhưng mà là những hiện hữu thực sự do các thiên hà

tạo ra. Năm 1962, toán lý gia mù Kozyrev, người Nga, cũng đã chứng minh trên lý thuyết rằng thời gian và không gian có động thành năng lực, nhưng không ai tin. Bây giờ viễn kính Hubble thấy sự kiện lạ lùng này và hứa sẽ khám phá nhiều chuyện lạ hơn.

- Những khám phá nói trên của thế giới hữu thể vô tình, là những ngón tay khổng lồ để chỉ mặt trăng tâm linh, tức hiện thể hữu tình của con người chúng ta. Đó là Sự Thật do Chánh Niệm đem lại. Vài câu hỏi then chốt cần phải đặt ra trước khi chần dứt bài này:

- Big Bang có phải là nguyên nhân



đầu tiên không?

Big Bang là nguyên nhân đầu tiên của vũ trụ vật chất nhưng không phải nguyên nhân đầu tiên của vũ trụ tâm linh.

- Vậy Big Bang do đâu mà có?

Có hai cách trả lời: 1- do lý Duyên Khởi như Phật giáo chủ trương (chúng 300 triệu); 2- do Thượng Đế như tất cả tôn giáo trên thế giới chủ trương (chúng hai tỷ).

- Vậy nguyên nhân đầu tiên của vũ trụ tâm linh (tức Tam giới luân hồi) là gì?

Có hai cách trả lời:

1- do lý Duyên Khởi đối với ai tinh thức trong hiện tại sát na;

2- do Thượng Đế như tất cả tôn giáo trên thế giới tin như vậy. Ngay cả giới Phật tử Việt Nam sơ cơ, chưa hiểu rõ Lý Duyên Khởi cũng có người thấy mình là con tâm linh của Thượng Đế và đôi khi cao hứng xem Đức Thánh Thần (The Holy Ghost) là Thượng Đế Mẹ.

Rất tiếc vì hai danh từ *tinh thức trong hiện tại* và *chánh niệm* quá dễ hiểu với lý luận nhị nguyên, thành thủ chánh niệm bất nhị và *tinh thức trong hiện tại SÁT NA* quá thật khó lòng thực hiện một cách trung thực. Làm sao mà phàm phu có thể diễm ảo như mộng huyền như bọt nước, như sương rơi, như điện chớp để quán Sự Thật của Trụ thời sát na theo Kinh Kim Cang được?

* Nhất thế hữu vi pháp, như mộng huyền bảo ảnh, như lộ diệt như điện. Ứng tác như thị quán. (Kinh Kim Cang)●

Bách Thiện : Hiếu vi tiên

Kính thưa Bố Mẹ,

Con ngu độn quá! Con tức cho chính mình và hối hận lắm! Con giận cho cái "trí giả" vì nó đã làm mờ mắt con khi bố mẹ còn tại đường. Đến sau ngày bố mẹ qua vắng con mới sáng mắt.

Con đã không có cái Bi, Trí, Dũng của Ngài Huệ Năng lên rừng kiếm củi nuôi mẹ cho tới ngày mẹ Ngài qui tiên thì Ngài xuất gia cầu đạo và đắc đạo, trở thành Lục Tổ trong lịch sử Thiền Tông Phật Giáo. Con đã không có được lòng Đại Hiếu như Ngài Hử Văn "nhất bộ nhất bài" lên núi Nam Nhạc để cầu cho mẹ được vắng sinh Tịnh Độ. Con cũng không được là hiếu tử như thầy Tử Lộ, môn sinh của Đức Khổng Tử, trong nhị thập tứ hiếu.

Kính thưa Bố Mẹ,

Con xót xa quá! Từ đây cho đến ngày nhắm mắt lia đời tâm can con sẽ bị muôn vạn căn xé, dày vò vì những lỗi đạo đối với Bố Mẹ mà con đã phạm phải!

Bố Mẹ ạ,

Bố Mẹ đã cho con tấm thân tứ đại này cũng như nuôi dưỡng cho con ăn học tử tế theo những bài học về công dân giáo dục, về những gương hiếu đạo của chư Phật, chư Bồ Tát và Hiền Thánh Tăng: "Bách thiện: Hiếu vi tiên". Trong trăm điều thiện, Hiếu là bậc nhất. Dù xây muôn cảnh chùa, tụng muôn vạn kinh kệ cũng không bằng lòng hiếu để với song thân.

Xưa kia, cổ nhân Trung Hoa vốn trọng đạo lý làm người, làm con, nên thầy Tăng Tử, cũng là một môn đệ của Đức Khổng Tử, đã nói rằng: *Phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hữu phương*. Ý nói khi cha mẹ còn tại thế thì mình không nên đi xa, nếu đi thì phải báo nơi đi chốn ở, không được để cha mẹ lo âu!

Trong thời cận đại, một Thánh Tăng là Hòa Thượng Tuyên Hóa, được nhân gian tôn xưng là Bạch Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Bạch). Ngài đã có ý định xuất gia từ ngày thơ ấu nhưng phụ mẫu dạy là nên hãy lo phụng dưỡng cha mẹ cho đến khi các vị qua đời. Các anh chị em của Ngài cũng đã có gia đình. Ngài tuân lời dạy của cha mẹ và ở lại nhà để phụng dưỡng song thân. Hằng ngày Ngài theo mẹ lên chùa lễ

Phật. Lạy Phật xong Ngài quay lại lạy cha mẹ. Cứ như thế Ngài cung kính phụng dưỡng. Sau khi song thân qua đời, Ngài xuất gia cầu đạo!

Các Thánh Tăng hiền nhân là như vậy. Riêng con thì sao đây? Trời ơi, con sẽ làm gì để đền đáp công ơn sinh thành, dưỡng dục cao ngất như núi Thái Sơn, bao la như bể cả của Bố Mẹ?

Bố Mẹ vẫn hằng mong con mình lớn lên sẽ trở thành người hữu dụng cho gia đình và Tổ Quốc. Nhưng ngược lại, con chỉ biết đua đòi theo chúng bạn ăn chơi đàn đúm, bỏ ăn bỏ học bỏ nhà đi hoang để bố mẹ phải thất vọng vì trông sớm đời khuya: "Nhi hành thiên lý, mẫu đảm ưu".

Kính thưa Bố Mẹ,

Đôi lúc con tự nghĩ bố mẹ sinh ra con để làm gì? Có phải là vô ích chẳng? Hiếu đạo (tề gia) con không tròn thì làm sao mà con dám đua đòi trị quốc bình thiên hạ được! Ngày nay con thoát khỏi gông cùm Cộng Sản, con đã để lại tại quê nhà bố mẹ già bệnh tật. Bốn tháng sau khi con ra đi con nhận được tin bố mất như sét đánh ngang tai. Vừa mới đây lại tiếp được tin mẹ mất phần!

Tại xử người trong thời gian qua cũng như trong quá khứ tại quê nhà, màn vô minh đã che kín tâm can nên con đã u mê hụp lặn trong bùn nhơ nước đọng như đám đầu vào các thú vui trần tục mà quên đi bố già đang ốm yếu, mẹ hiền đang trông mong ngóng ngày đêm tại quê hương. Con cũng đã quên mất miền quê cha đất tổ xa xôi! Thật khốn nạn cho con!

Kính thưa Bố Mẹ,

Hết rồi, vì ngày con tỉnh ngộ thì trời ơi còn đâu bố mẹ để con sớm hôm hầu hạ để báo đáp trong muôn một công ơn sinh thành dưỡng dục! Bố Mẹ ơi, nếu hướng phần của Bố Mẹ có hiển linh thì xin phù hộ cho con, kể từ nay để cho con đứng mãi trở lại với chính mình: trở lại với tâm tính chân như, đi đúng và trọn vẹn con đường của chư Phật, Bồ Tát và chư Tổ đã chỉ dạy. Nhờ thế mà con có cơ may tu chủng hội dù công đức đạt đạo hầu mong độ cho bố mẹ cùng chúng sanh lục đạo. Đây là cách báo hiếu Bố Mẹ và chúng sanh một cách trọn vẹn và tốt đẹp nhất! Con suy nghĩ như vậy đó, nhưng quả thật là muôn vàn khó khăn vì thực tế con đã là một đại nghịch chi tử. Sau khi xả bỏ tấm thân tứ đại này thì con sẽ bị đọa vào địa ngục A Tỳ! Nhưng dầu cho bị đọa tam đồ ác đạo thì với tâm bồ đề kiên cố không dứt, con vẫn luôn tâm nguyện hướng về chánh pháp Đại Thừa để đợi ngày duyên kết "khai hoa nở nhụy". Ngày đó con được thoát địa ngục A Tỳ và vắng sanh cõi Tịnh Độ Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Từ đó tinh tấn tu hành để tự độ, độ tha.

Đôi dòng này xin kính tặng những ai còn phụ mẫu tại đường để sớm hồi tâm hầu lo trọn đạo Hiếu! Cũng xin kính tặng những ai có song đường đã mãn phần để cùng đồng mãnh tinh tấn tu hành để tự độ và độ cho hương linh phụ mẫu được vắng sinh Tây Phương Cực Lạc.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiên Liên Bồ Tát

ĐƯỜNG TU KHÔNG DỄ

Thầy thuyết giảng: đường tu không dễ

*Bồi dễ tu, đã lắm người tu
Con ngồi nghe mà thật rối mù
Mở tim óc phàm phu, vụn nát
Dạy thế gian tránh xa điều ác
Bớt tham sân, tạo các duyên lành
Thân Vô Thường - lão, tử, bệnh, sanh*

*Tâm luôn nhắc: "Tu nhanh kéo trễ"
Buổi nhiều nhường dầy dầy đường thế*

*Lắm nhiều khê, bi lụy, tang thương
Vẫn cuồng điên vung phí máu xương*

Nghiệp ác chất cao đường như núi

*Kiếp con người chao ôi ngắn ngủi
Chẳng ngoảnh đầu - mê muội ích chi!*

Tụng bao kinh - thu hoạch được gì?!

*Luật nhân quả đã ghi rành rê
Thân tứ đại như cơn gió nhẹ
Khê lung lay, chợt hiện chợt tan
Như hoa kia sớm nở tối tàn
Có, Không chỉ như làn hư ảo
Niệm Nam Mô - giảm dần nghiệp báo*

*Khẩu, tâm, thân, bớt tạo oan khiên
Tay vung hoa an lạc mọi miền
Ngã, ái, chấp, ưu phiền dứt đoạn...*

● Thiện Như

(Cảm ghi sau Khóa Bát Quan Trai nhân mùa Phật Đản do Chi Hội München tổ chức)

Mối tình

Hồ Xuân Hương



Mai Sơn Phủ

Một mối tình nồng nàn thắm thiết còn lưu dấu lại nhiều bài thơ nhất trong Lưu Hương Ký là mối tình Hồ Xuân Hương và Mai Sơn Phủ.

Mối tình ấy ghi dấu trên thơ từ năm 1799 đến 1801 năm Hồ Xuân Hương 27-29 tuổi. Mai Sơn có lẽ chỉ là bút hiệu. Theo Đào Duy Anh trong Hán Việt Tự Điển, nxb. Trường Thi, Sài Gòn, 1957, trang 135. Phủ⁽¹⁾ là tiếng sang trọng để xưng người đàn ông. Ví dụ Khổng Tử được gọi là Trọng Ni Phủ. Phạm Đình Hồ bút hiệu là Tùng Niên, người đời kính trọng gọi là Tùng Niên Phủ. Hồ Xuân Hương không gọi Phan Huy Huân là Tôn Phong Phủ, mà chỉ gọi Mai Sơn là Mai Sơn Phủ, cho ta thấy tấm lòng trân trọng của Hồ Xuân Hương đối với Mai Sơn Phủ.

Mai Sơn Phủ⁽²⁾ có lẽ chỉ là một thư sinh, có tài thơ văn nhưng chưa đỗ đạt gì nên không thấy nêu danh tước trong thơ, và không lưu tên tuổi thi đỗ trong các khoa thi, cũng như trong sử sách. Dựa vào thơ Hồ Xuân Hương ta đoán biết quê chàng ở Hoan Châu, vùng Nghệ An Hà Tĩnh ngày nay.

Những bài thơ, hồn nhiên, nồng nàn thắm thiết, của một người con gái biết yêu, nói lên tâm sự mình trong hoàn cảnh xã hội cách đây hai thế kỷ, thuở văn chương chỉ chõ đạo lý Khổng Mạnh, hầu hết phụ nữ đều thất học, người phụ nữ biết chữ có thể đếm được trên một bàn tay, Hồ Xuân Hương, biết chữ, viết thông thạo chữ Hán lẫn Nôm, học thức uyên bác lâu thông các kinh truyện điển tích, sử dụng nhuần nhuyễn điển tích vào các thơ văn xướng họa của mình, nếu phải sánh với Hồ Xuân Hương thì ngày nay có bao người làm được thơ nhuần nhuyễn cả hai ngôn ngữ, Việt Pháp hay Việt Anh? Thường thì ngày nay ta chỉ xuất sắc trong một ngôn ngữ, Việt, hoặc Pháp hoặc Anh, nhưng xuất sắc cả hai ngôn ngữ thì rất hiếm hoi. Văn học Việt Nam xây dựng gần hai ngàn năm trên chữ Hán, và một trăm

năm qua người Việt Nam cũng đóng góp với thế giới qua văn chương, khoa học bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, nếu ta bị hàng rào ngôn ngữ, tự loại các thơ văn viết bằng chữ Hán, chữ Pháp, chữ Anh của người Việt sáng tác hóa ra ta tự làm nghèo lấy ta, ngay chữ Nôm, cách viết và ý nghĩa mỗi thời cũng theo tiến trình thay đổi, chuyển dịch kho tàng ấy ra ngôn ngữ Việt, chữ quốc ngữ ngày nay, ta sẽ giàu có hơn, đi xa hơn nữa thơ Hồ Xuân Hương mở đường cho những bài thơ nói lên tâm sự riêng tư cá nhân mình, tình ái mình, những uẩn ức lòng mình trong thời đại những riêng tư bị dồn nén xóa nhòa nhân danh những luân lý đạo đức..., những bài thơ tình của Hồ Xuân Hương là những bài thơ tình lãng mạn đầu tiên của văn học Việt Nam, Hồ Xuân Hương đồng thời với người khai sáng trường phái lãng mạn văn chương Pháp François René de Chateaubriand, sinh năm 1768 và mất năm 1848 tại Saint Malo - Pháp. Với những sáng tạo khai phá đó Hồ Xuân Hương đã đứng lên tầm thì hào của thời đại, mà Xuân Diệu đã xưng tụng danh hiệu Hồ Xuân Hương bà chúa thơ Nôm. Người đương thời chỉ dùng điển tích, để nói lên tâm sự mình những Hồ Xuân Hương thành thật, ngay thẳng, nước mắt đầm đìa cả trang thơ, khóc và nói mình khóc:

Nước mắt trên hoa là lối cũ

Mùi hương trong nệm cả đêm thâu

Câu thơ của một thiếu nữ cuối thế kỷ hai mươi chẳng? Không, đó là thơ Hồ Xuân Hương cuối thế kỷ mười tám.

Mai Sơn Phủ yêu nàng, ngó ý cưới nàng, hai người cắt tóc, trích máu hòa lẫn vào chung rượu cùng uống dưới trăng, và thề nguyện nếu phụ tình nhau sẽ bị thần kinh trừng phạt "đao búa nguyện xin lụy đến mình".

Hồ Xuân Hương đã trao cả tâm hồn cho Mai Sơn Phủ:

"Tiếng đã từng đồng

Khí đã từng đồng

Tưởng tử không dứt suốt năm canh

Tâm ở Vu Phong

Hồn ở Vu Phong

Ấn ái cuộc tao phùng

Nhàn tựa gió đông

Mỗi tựa gió đông

Một vườn hồng hạnh biếc xanh xanh"

Năm 1801 Mai Sơn Phủ rời Thăng Long về quê để xin cha mẹ cưới nàng, trong cơn tao loạn triều Tây Sơn sụp đổ, những vần thơ biệt ly chia tay thắm thiết, nhưng rồi Mai Sơn Phủ không về nữa. Chàng đã mất trong cơn loạn lạc chiến tranh, hay vì một cơn bạo bệnh... Mai Sơn Phủ chỉ còn để lại dấu vết trên đời qua những vần thơ yêu đương của Hồ Xuân Hương.

Tiếc thay, ngày nay không còn một bài thơ nào của Mai Sơn Phủ. Hồ Xuân Hương đã từng xướng họa với chàng, và

yêu thơ văn chàng: "chàng ơi, cất bút viết", thì tài thơ Mai Sơn Phủ chắc không phải là tầm thường.

Mối tình Hồ Xuân Hương và Mai Sơn Phủ tuy ngắn ngủi, nhưng đây là lần đầu tiên nàng biết yêu và thực sự yêu đương, nên tình thơ lai láng.

Với Nguyễn Du nàng còn ngây thơ hồn nhiên: "nàng đến tự bao giờ, cách hoa nghe cười nói". Với anh thầy lang trẻ chưa cưới nàng đã mất nàng chỉ đùa bỡn "thương chàng nên khóc tí ti ti" thì với Mai Sơn Phủ những trang nhật ký tình của Hồ Xuân Hương đã mở, tôi xếp thứ tự tình tự Hồ Xuân Hương trước tiên các bài thơ chữ Hán: Kế ý mình trình bạn Mai Sơn Phủ, đến Điệu ca Xuân đình lan, sau đó đến các bài: Cảm nghĩ khi thề, Đêm trăng thu nhỏ Mai Sơn Phủ, bài Biệt ly họa thơ Mai Sơn Phủ, bài thơ chữ Hán Nguyệt Dạ Ca và cuối cùng là hai bài tự thán lo lắng cho tình duyên tan vỡ, trước thế sự chiến tranh tiếp diễn, và chàng bật tin tức...

Bài thơ Thuật ý khiêm tình hữu nhân Mai Sơn Phủ, Kế ý mình trình bạn Mai Sơn Phủ có lẽ là bài thơ tình đầu tiên nàng viết cho chàng xem, lời thơ tha thiết nồng nàn, tự đáy lòng thơ viết theo điệu Giang Nam, tôi dịch như sau:

KẾ Ý MÌNH TRÌNH BẠN MAI SƠN PHỦ

Hoa bay bay,

Lá thắm thì,

Vắng lặng hồn ta mộng tình si,

Đêm xuân nhỏ lắm khi.

Nai xôn xao,

Nhạn lao chao,

Vui sống hẹn nhau một sáng nào,

Tả hết được tình sao ?

Sông bát ngát,

Nước chảy xiết,

Lòng ta cùng lòng chàng kháng khí,

Lệ rơi trên áo thấm ướt.

Thơ tha thiết,

Lòng da diết,

Lòng nhặt lòng em, chàng đã biết,

Chàng ơi cất bút viết!

Gió thênh thang,

Trăng minh mang,

Trăng gió xui ai lượm đoạn trường,

Nào đâu gác Đàng Vuông?

Mây thường thường,

Nước vũng vũng,

Mây nước trôi đâu chỉ một đòng,

Một đòng xa khuất vọng hoài thường.

Ngày rì rì,

Đêm tri tri,

Sáng tối chạnh lòng buồn lữ khách si,

Nhỏ thường đừng lờ hẹn sai kỳ.

(1) 甫

(2) 叔山甫

*Gió bay bay,
Mùa bay bay,
Mùa gió giục lòng cất bút say,
Bút say gửi đến khách tình nhi.*

*Chàng có lòng,
Thiếp có lòng,
Mộng hồn lưu luyến bóng hoa lồng.*

*Thỏ cùng ngâm,
Rượu cùng trắng,
Tự lúc buồn ly biệt,
Nửa lòng ai ấm chẳng?*

*Chỗ đàn ly khúc oán tri âm,
Đành xem như hết tiếng dao càm,
"Cao sơn lưu thủy" biết đâu tim,
Chỗ có buồn than hận cổ kim.*

*Chàng hẹn chi,
Thiếp hẹn chi,
Đôi nơi sao nở nói năng gì?*

*Trà thưởng pha,
Bút nở hoa,
Đâu chẳng ngâm, chẳng uống,
Mà chàng ở đâu xa?
Nay chi chàng vẫn biết tình ta,
Thì trao chỉ thắm cạy trăng già,
Lòng thỏm không phụ hẹn hò xưa.*

Diễn tích:

Đặng Vương: Vương Bột sang thăm cha làm Thủ Sứ Giao Châu. Đến Mã Dương trong bữa tiệc do Đỗ Đốc Diêm Bá Dư trấn nhiệm Hồng Châu khoản đãi tân khách và mở hội thơ thử tài nhân sĩ bốn phương, Vương Bột viết bài Đặng Vương Các chiếm giải quán quân, vượt hẳn bài Ngổ Tú Chương con rể Diêm Đỗ Đốc, bài phú có hai câu tuyệt bút: Lạc hà dĩ cô vụ tề phi. Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc, dịch: Ráng chiều cò lè cùng bay. Nước thu nổi với trời xanh một màu. Vương Bột trở về bị đắm thuyền chết trên biển Nam Hải, năm 21 tuổi.

Dao càm: Đàn quý.

Cao sơn lưu thủy: Khúc nhạc diễn tả núi cao, nước chảy, nơi đào nguyên hợp bạn quần tiên.

Nguyên tác phiên âm Hán-Việt như sau:

THUẬT Ý KIỂM TRÌNH HỮU NHÂN MAI SƠN PHÚ

*Hoa phiêu phiêu,
Mộc tiêu tiêu,
Ngã mộng hưởng tình các tịch liêu,
Khả cảm thị xuân tiêu.*

*Lộc ao ao,
Nhạn ngao ngao,
Hoan hảo tửng kỳ tài nhất triêu,
Bất tận ngã tâm miêu.*

*Giang bát bát,
Thủy hoạt hoạt,
Ngã tửng quân hoài tửng khế khoát,
Lệ ngân chiêm hạ sát.*

*Thi tiết tiết,
Tâm thiết thiết,
Nồng đậm thốn tinh tử lưỡng đạt,
Dạ ứng quân bút phát.*

*Phong ngang ngang,
Nguyệt mang mang,
Phong nguyệt không linh khách đoạn
tràng,
Hà xử thị Đàng Vương?*

*Vân thưởng thưởng
Thủy ương ương,
Vân thủy na kham vọng nhất trường,
Nhất trường dao vọng xúc hoài mang.*

*Nhật kì kì,
Dạ tri tri,
Nhật dạ thiên hoài lữ tử bị,
Tử bị ứng mạc ngộ giai kì.*

*Phong phi phi,
Vũ phi phi,
Phong vũ tần thổi thái bút huy,
Bút huy đô thị phó tình nhi.*

*Quân hữu tâm,
Ngã hữu tâm,
Mộng hồn tưởng luyến liễu hoa âm.*

*Thi đồng ngâm,
Nguyệt đồng châm,
Nhất tự sâu phân duệ,
Hà nhân nãn bán khâm.*

*Mạc đàn ly khúc oán tri âm,
Trực tu khí tri dao càm,
Cao sơn lưu thủy văn tửng tâm,
Ứng bất hận ngâm thân cổ kim.*

*Quân hà kỳ,
Ngã hà kỳ,
Lữ đình lai đắc lưỡng thế tri.*

*Minh tần phi,
Bút tần huy,
Hảo bằng tâm thượng khách tửng tri,
Dĩ ứng giao thác thử duyên đề,
Phượng tâm thế bất phụ giai kỳ...
(Giang Nam điệu)*

Bài thơ Hồ Xuân Hương viết trong đêm xuân năm 1799, nàng nhỏ lại buổi sáng hẹn cùng Mai Sơn Phú trên bờ sông Hồng, sông bát ngát, nước chảy xiết, chàng và nàng khắng khít, nàng cảm động lệ rơi ướt áo, nàng yêu thương thắm thiết và mong người yêu cùng viết thành thơ để trao nhau những nỗi lòng yêu đúng, mà lời không nói được hết ý. Đêm trăng thanh, gió mát nhỏ thỏm chàng đứt ruột, đầu là Góc Đàng Vương nhìn mây nước trôi một hưởng mang bao niềm thỏm nhỏ. Hẹn chàng lần gặp mặt tới, chàng đi đừng quên ngày hẹn, sao em thấy ngày qua thật chậm. Đêm cũng qua thật chậm rì rì, từ sáng đến tối em nhỏ chàng lòng buồn lắm.

Trong mùa bay, gió bay, em cất bút viết thơ gửi đến chàng. Đôi ta đã cùng ngâm thơ, cùng uống rượu dưới trăng, từ lúc chàng về, nửa lòng chàng có ấm lại chẳng? Nhỏ em nếu chàng đem đàn ra gảy, chỗ đàn bài buồn xa nhau oán người tri âm, non cao nước chảy biết tìm đâu, đừng đàn bài buồn hận chuyện xưa nay... Chàng đi, đôi ta hò hẹn, mở ước nhiều nhúng sao gặp nhau quên tuốt luốt, không biết nói năng câu gì? Trà thưởng pha, bút vẫn viết, em và chàng cũng giống nhau cũng uống trà cũng ngâm thơ, mà chàng đâu có ở xa em lắm đâu. Chàng đã hiểu lòng em, hãy về thưa cha mẹ cạy mai mối cưới em, cho tình ta không phụ lời hẹn hò.

Bài Xuân Đình Lan điệu, điệu ca xuân Đình Lan diễn tả mối tình tư Hồ Xuân Hương với Mai Sơn Phú, tôi dịch như sau:

ĐIỀU CA XUÂN ĐÌNH LAN

*Trắng tà người lặng lẽ lâu không
Nằm lắng chuông đồng
Dậy lắng chuông đồng
Nửa đêm ai hát nửa kia sông?*

*Tiếng đã từng đồng
Khí đã từng đồng
Tưởng tử không dứt suốt năm canh*

*Tâm ở Vu Phong,
Hồn ở Vu Phong,
Ân ái cuộc tao phùng
Nhân tựa gió đông,
Mỗi tựa gió đông
Một vườn hồng hạnh biếc xanh xanh,*

*Mô hoa tình giấc nồng
Sáng nay cảnh nở mấy hoa hồng
Oanh ơi đừng rủ xuân đi nhé
Ta sợ đào hoa không đủ sức cưỡi với gió
đông!
Gió trong trăng sáng
Hãy đem hưởng tôi gửi thi nhân.*

Diễn tích:

Thú lâu: là cái lầu canh trên thành

Vu Phong: Sở Tửng Vương thời Xuân Thu Chiến Quốc đi chơi núi Vu Sơn tới Dương Đài, miếu Thần Nữ, nằm mộng thấy giao hoan cùng Thần Nữ.

Bài thơ nguyên tác phiên âm Hán-Việt như sau:

XUÂN ĐÌNH LAN ĐIỀU

*Nguyệt tà nhân tình thú lâu trung
Ngọa thỉnh đồng long
Khởi thỉnh đồng long
Dạ bán ai giang hưởng bán không.
Thanh dã tửng đồng
Khí đã tửng đồng
Tưởng tử vô tận ngũ canh cùng
Tâm tại Vu Phong*

Hồn tại Vu Phong
 Nhân ý đồng phong
 Quyện ý đồng phong
 Nhất viên hồng hạnh bích thanh song.
 Phồn hoa tích dĩ không
 Kim triều hựu kiến sổ chi hồng
 Oanh nhi mạc đá xuân phong khứ,
 Chỉ khùng đào yêu vô lực tiểu đồng
 phong,
 Phong thanh nguyệt
 Bạch, bả kỳ hưởng nhập khách ngâm
 trung.

Trăng tà in bóng người lặng lẽ trên lầu
 canh trên thành Thăng Long. Nằm lắng
 nghe tiếng chuông đồng chùa Trấn Quốc
 vào khuya. Dậy sớm lắng nghe tiếng
 chuông đồng công phu buổi sáng sớm.
 Chàng và em hợp nhau quá, thanh khí
 tưởng đồng, em tưởng tử nhỏ chàng suốt
 năm canh. Hồn và tâm em mở cùng
 chàng cuộc ái ân như Sở Tửng Vương
 cùng Thần Nữ núi Vu Sơn. Gặp nhau ta
 sẽ cùng nhau ân ái nhân như gió đồng,
 mỗi như gió đồng, niềm hạnh phúc như
 một vườn hồng hạnh xanh biếc.

Giấc mơ hoa đêm đã tàn, sáng nay còn
 thấy mấy nụ hoa hồng vừa nở, chim
 hoàng oanh ơi, đừng quên rũ mùa xuân
 đi nhé em sợ hoa đào không còn đủ sức
 cười trước gió đồng, đào sẽ rụng rời đi.
 Đêm trăng gió mát, hay đêm mùi hương
 của giấc mơ này đến cho chàng, thi sĩ
 của lòng em...

Còn bài thơ tình thắm thiết nào hơn! Và
 đêm trăng thu nàng nhỏ Mai Sơn Phủ
 bằng bài thơ Nôm:

THU NGUYỆT HỮU ỨC MAI SƠN PHỦ
 Đêm trăng thu nhỏ Mai Sơn Phủ

*Lá ngọc chiều thu giận hân du,
 Tuần trăng sẽ nhớ bữa đêm thu.
 Bên am Nhất Trụ trông còn đấy,
 Ngọn nước Tam Kỳ chảy lại đâu?
 Sơn phần trộm mừng duyên để lại,
 Bèo mây thêm tủi phận về sau.
 Trăm năm biết có duyên thừa nữa,
 Cưng dò tay tỏ cũng trắng đầu.*

Bài thơ Hồ Xuân Hương viết năm 1799
 trong đêm thu trăng sáng, nhớ lại buổi
 chiều thu cùng đi dạo với Mai Sơn Phủ
 trong lá bay đêm nay chùa Một Cột vẫn
 còn đấy, lòng nàng vẫn mênh mang như
 "tôi ngã ba sông nước bốn bề" (thơ Huy
 Cận), Sông Tô Lịch chảy ra Sông Nhị Hà
 dòng nước đi chảy về đâu? Em gặp
 chàng rồi sẽ về đâu? Phận gái mừng
 thăm duyên nợ với chàng, đừng như bèo
 mây hợp rồi tan mà tủi phận về sau.
 Trăm năm dù là vợ cả hay thú thiếp của
 chàng, ông tổ bà nguyệt cũng xe dò dây
 tổ cho đến khi bạc đầu.
 Rồi một đêm trăng Hồ Xuân Hương và
 Mai Sơn Phủ đã cắt tóc, trích máu hòa

với rượu cùng uống thề trọn đời yêu
 nhau. Bài Thệ viết hữu cảm, Hồ Xuân
 Hương ghi lại cảm nghĩ khi thề:

THỆ VIẾT HỮU CẢM
 Cảm nghĩ khi thề

*Mười mấy năm trời một chữ tình,
 Duyên tổ này đã sẵn đầu dành.
 Mái mây cắt nửa nguyên phu phát,
 Giọt máu đây hai chén tử sinh.
 Một kiếp đã thề cùng dạ thắm,
 Trăm năm đừng phụ với đầu xanh.
 Mai sau lòng chẳng như lời nữa,
 Dao búa nguyên xin lụy đến mình.*

Trong văn học Việt Nam ta biết đến việc
 cắt tóc, trích máu thề nguyện của hai
 người yêu nhau ngày xưa qua Kiều của
 Nguyễn Du:
 "Tóc mây một mái, dao vàng chia đôi"
 Trong nguyên tác Kim Vân Kiều của
 Thanh Tâm Tài Nhân do Tô Nam Nguyễn
 Đình Diệm dịch trong Phạm Đan Quế.
 Truyện Kiều đối chiếu, nxb Hà Nội L991,
 trang 100 có ghi bài văn Thề của Kim
 Trọng viết như sau:

Thề rằng :
 "Chúng tôi hai kẻ đồng tâm là Kim Trọng
 và Vương Thúy Kiều.
 Trọng sinh năm... tháng... ngày... giờ...
 Kiều sinh năm... tháng... ngày... giờ...
 Nay xin kính cẩn đốt nén hương lòng,
 dâng ly rượu tịnh, thề trước hoàng thiên
 hậu thổ linh thiêng.
 Chúng tôi trộm nghĩ:

Vợ chồng trọng nghĩa, nghĩa phải thủy
 chung không rời. Nhi nữ đa tình, tình đầu
 tử sinh không phụ.
 Trước đây: Kiều muốn lấy chồng, Trọng
 mong có vợ, thương mộ tài sắc đã
 nguyện đôi chữ đồng tâm.
 Ngày nay: Trọng lo buổi mới, Kiều sợ về
 sau, tạc dạ ghi lòng, cùng thề đến khi
 mãn kiếp.

Sau giờ minh thệ, ví thử chẳng may, gặp
 cảnh bất thường, quyết không thay đổi.
 Ai mà phản bội lời ước. Cúi xin thần
 thánh xét soi".

Chàng Kim viết xong văn tế, hai người
 quỳ lạy thiên địa, đoạn rồi quay vào chén
 thủ chén tạc.
 Nghi lễ thề thường cử lúc canh khuya có
 ba sao giữa trời chứng giám, lấy tích
 trong Kinh Thi thuộc Đường phong có
 câu tam tinh tại thiên, ba sao giữa trời, ý
 nói vợ chồng gặp nhau lúc canh khuya.
 Qua bài cảm nghĩ khi thề của Hồ Xuân
 Hương ta biết được rõ hơn nghi lễ thề
 nguyện của hai người yêu nhau ngày
 xưa: *Mái mây cắt nửa nguyên phu phát.
 Giọt máu đây hai chén tử sinh.* Hai mái
 tóc hai người nhập vào nhau, rồi cắt làm
 hai mỗi người giữ phân nửa làm kỷ niệm,
 may thay ngày xưa chàng và nàng cùng
 để tóc dài và búi tóc nên có khối tóc để
 mà cắt! Và máu cũng hòa trong hai chén

chung, chén tử và chén sinh hòa với rượu
 uống thề cùng sống chết có nhau.
 Mười mấy năm trời một chữ tình, kể từ khi
 gặp Nguyễn Du năm 1790, mười năm
 sau Hồ Xuân Hương mới gặp người ngộ ý
 yêu mình năm 1800, hẳn là duyên nợ
 ông tổ bà nguyệt dành cho nàng.
 Hai người thề nguyện, một kiếp lòng dạ
 thành thật với nhau, đồ như sơn. Dù trăm
 năm sau cũng không sai lời như thuở còn
 yêu nhau. Nếu mai sau ai trái lời thề
 nguyện thì thần linh trừng phạt chết vì
 dao búa. Thời Hồ Xuân Hương sống
 chiến tranh loạn lạc, với cuộc chiến Nhà
 Nguyễn và Tây Sơn, chết vì dao búa
 trong chiến tranh có lẽ là lời thề khiếp sợ
 nhất.
 Rồi Mai Sơn Phủ từ già nàng về Hoan
 Châu, để nhờ cha mẹ cậy mai mối cưới
 nàng. Hồ Xuân Hương họa thơ Mai Sơn
 Phủ bằng bài thơ Biệt Ly thống thiết.
 Nguyên tác bài thơ chữ Nôm tựa Họa
 Sơn Phủ chi tác tôi thêm chữ biệt ly để
 tránh lầm với các bài thơ khác.

HỌA SƠN PHỦ CHI TÁC
 (Biệt ly họa thơ Mai Sơn Phủ)

*Này đoạn chung tình biết với nhau,
 Tiễn đưa ba bước cũng nên câu,
 Trên tay khép mở, tanh chiểu nhận,
 Trước mặt đi về gặp bóng cầu.
 Nước mắt trên hoa là lối cũ
 Mùi hương trong nệm cả đêm thâu,
 Vắng nhau mỗi biết tình nhau lắm.
 Này đoạn chung tình biết với nhau.*

Bài thơ trên Hồ Xuân Hương giữ ý tứ, chi
 có đôi ta tình chung biết với nhau. Tiễn
 chàng về quê Hoan Châu. Lòng nàng
 cảm xúc lai láng bước đi ba bước đã nên
 câu thơ. Nàng tưởng tượng cảnh cô đơn
 sau đó, sẽ vắng thủ chàng. Thời gian sẽ
 qua nhanh như bóng câu qua cửa sổ.
 Ban ngày đi trên lối cùng nhau đi qua khi
 trước, nước mắt ướt cả hoa. Ban đêm
 nằm một mình trên trọc nhỏ mùi hương
 ngày nọ. Có xa nhau mỗi biết yêu nhau
 nhiều. Hỏi người tình chung chi đôi ta biết
 với nhau.

Bài Nguyệt Dạ Ca thơ chữ Hán diễn tả
 tâm tình Hồ Xuân Hương đêm trăng sáng
 nhớ Mai Sơn Phủ vừa đi xa. Bài thơ tôi
 dịch như sau:

NGUYỆT DẠ CA
 (Ca đêm trăng)

*1. Sưởng như châu, kia trắng soi ngời
 Sáng lấp lánh kia chiếu lòng ai,
 Cố nhân ơi! giờ nơi phùng trời,
 Yêu chẳng gặp lòng bồi hồi.
 Miếu Thần Nữ rêu phủ
 Đài Sở Vương mây trôi.
 Trăng trong sáng như thế,
 Người ta mở tưởng giờ nơi đâu rồi!*

II. Hoa là chữ, này nhụy là thỏ,
 Dáng là xiêm, này mây làm áo,
 Cùng gặp nhau, này lòng ta phổi phổi
 Lời thú sao chậm tôi
 Nghe sầu trôi sông Tướng
 Nổi buồn chân núi Thục,
 Ngày tháng bật rẽ lòng
 Nói nào gặp lại
 Biết hẹn khi nào.

Diễn tích :

Thần Nữ Miếu: Thần Nữ núi Vu Sơn
Đài Sở Vương: nơi Sở Vương Vương nằm mộng thấy giao hoan cùng Thần Nữ núi Vu Sơn.

Tướng Giang: Sông Tướng trong Kinh Thi có bài thơ: Chàng ở đầu sông Tướng, Thiếp ở cuối sông Tướng. Cùng sông không gặp mặt, Cùng uống nước sông Tướng.

Núi Thục: Thỏ Lý Bạch. Đường qua Ba Thục khó hơn lên trời xanh.. Vách núi dựng đá tai mèo lờm chờm.

Nguyên tác phiên âm Hán-Việt như sau:

NGUYỆT DẠ CA

I.
 Lộ như châu hề nguyệt như sai,
 Thúc vãng lai hề chiếu dứ hoài
 Uyển cố nhân hề thiên nhai,
 Ai bất kiến hề tâm bồi hồi.
 Đài hoang Thần Nữ miếu,
 Vân tán Sở Vương đài,
 Minh nguyệt quang như thủ,
 Ngã tư chi nhân hề, yén tại tai.

II.
 Hoa kỳ tự hề ba kỳ thì,
 Hà vi thường, hề vân vi y,
 Diệc ký cấu chi, hề ngã tâm tắc di,
 Ngủ hạt ký hề thê tri,
 Sầu lưu Tướng thủy thính,
 Muộn áp Thục sơn đề
 Nhật nguyệt hề vô căn hề,
 Tinh chi sở chung,
 Bất tri kỳ kỳ.

Mai Sơn Phủ vừa đi xa, nhìn sương móc, trắng chiếu sáng lấp lánh như hạt châu như chiếu sáng tâm hồn nàng. Chàng ơi, giờ chàng ở nơi xa, yêu nhau mà chẳng gặp nhau lòng em bồi hồi. Giấc mơ ân ái giờ hoang vu như miếu Thần Nữ rêu phủ. Sở Vương Vương đâu, chỉ thấy mây trôi qua Dường đài. Đêm trăng thu sáng như thế, như những ngày ta hẹn nhau dưới trăng, người em yêu ơi, giờ chàng ở nơi đâu?

Đêm nay em làm thỏ, hoa là chữ và nhụy là thỏ, dáng mây làm áo xiêm. Gặp chàng lòng em phổi phổi. Nhưng giờ đây sao thú chàng chậm tôi. Lòng em, lòng chàng như người đầu sông Tướng, kẻ cuối sông Tướng cùng uống nước sông Tướng mà không gặp mặt nhau, Lòng em như mối sầu trôi sông Tướng. Chàng ở xa

em quá, lòng em như đứng dưới chân núi Thục, nhìn vách núi dựng trời xanh, đá tai mèo lờm chờm mà buồn không biết làm sao gặp chàng. Ngày tháng này lòng em như không gốc rễ, lênh đênh như ngọn cỏ bồng. Minh sẽ gặp nhau lại nơi nào, và bao giờ?

Nhưng rồi thời gian chờ đợi Mai Sơn Phủ ngày càng dài, Hồ Xuân Hương sốt ruột viết hai bài tự thán, tự than thân trách phận.

TỰ THÁN I

*Con bóng đi về chốc bấy nay
 Chữ duyên nào đã chắc trong tay,
 Nghi cùng thế sự lòng như đốt,
 Trong suốt nhân tình dạ muốn say.
 Muôn kiếp biết là duyên trọn vẹn,
 Một đời riêng mấy tiếng chua cay,
 Nỗi mình, nỗi bạn dường bao nả,
 Dám hỏi han đâu những cỏ này.*

Chàng mới đi chưa bao lâu, xa chàng mới thấy rằng chữ duyên, những lời thề hẹn chưa chắc sẽ thành. Tình hình chiến tranh tiếp diễn, tháng ba năm 1801 Nguyễn Ánh tiến đánh dinh Quảng Nam, chiếm được của quân Tây Sơn 24 thớt voi và 80 khẩu đại bác, không kể khí giới lương tiền. Sau đó thừa thắng tiến đánh Đà Nẵng. Đến tháng 5 Nguyễn Ánh cho thủy quân tiến đánh cửa bể Tú Dung, rồi thừa thắng kéo vào Phú Xuân, Vua Quang Toản bỏ kinh thành chạy ra Bắc, trận chiến tiếp diễn tại Nghệ An, Thanh Hóa. Tháng 5 năm Nhâm Tuất 1802 Nguyễn Ánh lập đàn ở đồng An Ninh, Phú Xuân, tế trời đất, lên ngôi đặt niên hiệu Gia Long và tiến quân ra Bắc, trận chiến tiếp diễn, khiến Xuân Hương sốt ruột lòng như lửa đốt. Tiếng người đồn đại, không muốn nghe.

Tình duyên của ta có trọn vẹn được chăng? Một đời ta chịu quá nhiều tiếng chua cay, của miệng đời. Nỗi mình như thế còn nỗi chàng ra sao, vì sao vắng bật tin tức, biết hỏi han cùng ai? Bài Tự Thán II diễn tả tâm sự buồn thảm của lòng nàng:

TỰ THÁN II

*Lấn thán đi về mấy độ nay,
 Vì đâu đeo đẳng với nơi này,
 Ấm trà tiêu khát còn nghe giọng,
 Chén rượu mừng xuân dạ thấy say.
 Điểm lữ trông chừng mây đậm nhạt,
 Dòng thu xem cỏ nước với đầy,
 Thưởng ai hẳn lại thưởng lòng lắm,
 Này nợ này duyên những thế này.*

Mấy độ nay, Hồ Xuân Hương như cái xác không hồn, đi về lấn thán. Nàng tự hỏi vì đâu nàng phải ở mãi làng Nghi Tàm này để nghe tiếng 'cười đồn đại. Uống chén trà nàng cứ nghe khát hoài, nàng cứ uống để còn nghe giọng mình có còn

không. Uống chén rượu mừng xuân lòng nàng muốn say để quên đi tất cả. Quán trà mẹ nàng, khách đến khi xua nóng ấm nay lạnh nhạt. Tình người khi với khi đây, có lẽ nhiều phụ huynh đã rút con em ra khỏi trường nàng dạy, khiến sinh kế nàng bấp bênh. Càng thương nhớ Mai Sơn Phủ lòng nàng lại thương lòng mình. Duyên hay nợ đây sao mà ra thế này? Khổ thế!

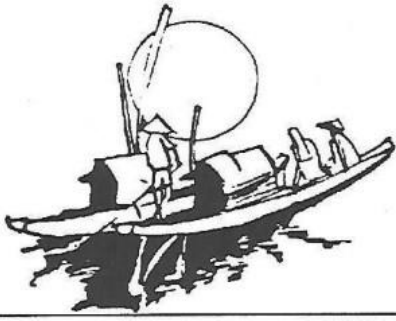
Mối tình Mai Sơn Phủ chấm dứt nơi đây. Ta không biết Mai Sơn Phủ ra sao, có lẽ chàng đã mất vì một cơn bạo bệnh tại quê hương chàng xứ Nghệ, hay mất trong cuộc chiến tranh đang tiếp diễn giai đoạn cuối ngày càng dữ dội. Nàng hay tin đau đũa người không còn viết được nữa. Thì bỗng đâu có chàng Tổng Cóc đến ve vãn, mời nàng về dạy học cho con và sau đó rước nàng làm thiếp. Trong cơn túng quẫn, quán trà ế khách, trường học thiếu học trò, chiến tranh sắp xảy ra tại Thăng Long, Hồ Xuân Hương đành nhận lời lấy Tổng Cóc để lánh nạn về Vĩnh Yên nay thuộc Vĩnh Phú, năm Ấy 1801, nàng 29 tuổi.

Qua những bài thơ tình viết cho Mai Sơn Phủ. Hồ Xuân Hương không chỉ sử dụng thể thơ Đường Luật thông thường mà nàng còn sử dụng thể Giang Nam điệu, Đình Lan điệu..., Sở Tử... điều này ít thấy trong thơ văn cổ Việt Nam. Nàng viết dễ dàng, hồn nhiên trong sáng, không bị gò bó, không bị điển tích câu đối, khuôn phép tâm tình, điều đó chứng tỏ tài tuyệt diệu của nàng. Tài thơ văn nàng không những được các nhà thơ Việt Nam đương thời tán thưởng mà còn được các nho sĩ Trung Quốc đương thời ca ngợi. Trương Bình Thuần trong Viêm bang Tú khí đã ca ngợi thi tài Hồ Xuân Hương. Hoàng Diệu Khuê trong bài tựa Diệu Liên thi tập của Nữ sĩ Mai Am, nhà thơ Hoàng Phái em Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương, cũng đã ca tụng thơ văn Nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

Tài liệu tham khảo :

- **Hoàng Xuân Hân.** Về tình sử và văn thơ Hồ Xuân Hương. Tạp Chí Khoa Học Xã Hội. Paris số 11-12 tháng 12.1983.
- **Phạm Đan Quế.** Truyện Kiều đối chiếu. nxb Hà Nội, 1991.
- **Hồ Xuân Hương.** Thơ. nxb Đồng Nai, 1996.
- **Đào Thái Tôn.** Xuân đường đàm thoại. Một dịp nổi trong tiến trình dân gian hóa thơ Hồ Xuân Hương. Tạp Chí Văn Học, số 6 tháng 11-12.1978.





ĂN UỐNG Ở MIỀN TÂY

NGUYỄN VĂN BA

Thời gian tôi ở thành phố Cần Thơ, có nhiều bạn bè, thân nhân từ những tỉnh khác như Sài Gòn, Mỹ Tho, Long Xuyên, Rạch Giá, Sa Đéc... tới Tây Đô chơi và thăm tôi.

Những bạn mời tới Tây Đô lần đầu thường yêu cầu tôi dẫn đi Bến Ninh Kiều đồng thời giới thiệu sơ lược về bến này vì qua văn thơ, được biết đó là chỗ rất nên đến.

Cần Thơ có bến Ninh Kiều

*Mỗi chiều thủ bảy người nhiều như
nêm*

Đẹp xinh cảnh sắc về đêm

*Nhìn sông thấy nước nhớ thêm tình
người*

(Thơ V. Th.)

Và tôi chiều ý các bạn ấy.

Bến NINH KIỀU, tọa lạc nơi vàm sông Cần Thơ, ngó ra Hậu Giang, trước 1954 bến có tên Quai de Commerce, sau đổi thành Bến Lê Lợi. Rộng 14m, dài 440m, một đầu là Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng 4 Sông Ngòi (Trại Yết Kiêu), đầu kia là chợ Cần Thơ, bến Ninh Kiều chánh thức khánh thành ngày 4 tháng 5 năm 1958 dưới thời Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Châu.

Tướng tự như Hàm Tử, Chương Dương, Bạch Đằng... địa danh Ninh Kiều trên đất Bắc xưa kia đã ghi một chiến công oanh liệt của Bình Định Vương Lê Lợi đánh đuổi quân Minh xâm lược.

Tuy Động thủy phơi đầy đất

Ninh Kiều máu chảy thành sông

Phần chánh của bến Ninh Kiều là một công viên dài nằm dọc bờ sông với cỏ cây xinh tốt, đường lối phẳng phiêu để mọi người có thể đến đó dạo chơi, ngắm cảnh sông nước hoặc trốn nắng, nghỉ chân trên các băng đá. Công viên tiếp giáp với mặt tiền căn cứ Hải Quân.

Bờ sông có hai bến đò. Bến đò qua Xóm Chài, nơi khách có thể muốn đi để đi dọc, đi ngang, ngắm trời trăng mây nước.

Một bến đò khác gồm các tàu đò đi các vùng lân cận như Bình Minh, Chợ Bà, Phú Thủ, Ô Môn... Về sau, đoạn này có sự xuất hiện của nhà hàng Mỹ Xuyên, Chủ nhân nhà hàng Mỹ Xuyên là A Cáo, một người Hoa gốc Mỹ Xuyên (Bảy Xâu) Sóc Trăng, thời đó còn có lời đồn đãi rằng Tướng Chương Dzènh Quay là chủ nhân thứ hai của nhà hàng ấy. Tuy sang trọng, nhưng đồ ăn ở nhà hàng Mỹ Xuyên không ngon bằng một số nhà hàng chuyên nghiệp trong thành phố.

Dãy phố lâu bên trong gồm có các nhà ngù, nhà hàng, quán ăn lớn nhỏ, quán giải khát... ngăn cách với công viên và bờ sông bởi con đường lộ khá rộng trải nhựa.

Ban đêm trên công viên có các em nhỏ đi bán mía ghim, đậu phộng rang. Trong khi dọc bên lề con lộ, có nhiều xe bán nước giải khát, rau má nước dừa, nước trái cây: chanh, cam, đu đủ, măng cầu, sa-bô-chê...

Từ ngã ba Ngô Quyền, bến Ninh Kiều là nơi chợ lộ thiên nhóm lúc ban ngày, chợ này bán đủ thứ, từ rau cải, bông hoa, trái cây, thịt cá, tôm cua, đường đậu, gạo nếp, bánh trái... Chợ tan khi trời vừa sụp tối, cùng lúc với việc dọn dẹp rác rến, một nhóm người mới mang dụng cụ nấu nướng tới, bày bàn ghế ra, chuẩn bị đón khách ăn uống về đêm.

Chợ ăn uống ban đêm có trăm người bán, vạn người mua, tuy không đông đúc, chen chúc như chợ ban ngày nhưng cũng khá ồn ào náo nhiệt, đèn điện như sao sa. Người bán nấu nướng tại chỗ, người mua tự nhiên thường thức món ăn ngay bên cạnh. Tùy khẩu vị và túi tiền bạn có thể chọn đến những gian hàng đón giân: hột vịt lộn, gà ung chấm muối tiêu và rau răm; khô mực, cá đuối, cá thieu... nướng, đập nát hay cán mỏng, ăn với tương ớt nồng cay; bánh cống và bánh xèo cuốn rau sống chấm nước mắm chanh tỏi ớt, bì cuốn, gỏi cuốn, bún nem nướng, thịt nướng, mì, cháo... Bạn cũng có thể chọn đến những gian hàng tươm tất hơn có gỏi,

súp, món xào, món canh, món mặn... làm từ heo, bò, gà, vịt, cá, tôm, cua, nghêu, sò huyết, ốc, hến... Thức uống có rượu ta (đế, đậu nành, nếp than, công-xi...), rượu Tây (la-ve, bran-đi, cò-nhac, huyết-ki...), nước ngọt, nước trái cây, chè sâm bổ lượng, chè bạch quả nhãn nhục...

Cuối tuần hay ngày lễ, ngoài khu vực ăn uống thường lệ, bến Ninh Kiều còn có trình diễn văn nghệ trên cầu tàu của bến đò đường xa mà tôi đã nói đến lúc trước. Thường là nghệ sĩ địa phương trình diễn tân, cổ nhạc hay tân cổ giao duyên, thỉnh thoảng có mời nghệ sĩ từ Sài Gòn hay các tỉnh khác tới.

Giới thiệu về ăn uống tại bến Ninh Kiều ban đêm như thế tôi nghĩ là tạm đủ.

Đối với bạn bè từ xa đến Tây Đô lần thứ hai, tôi dứt khoát mời bạn ấy đi ăn tối ở nơi khác. Lý do? Bởi sau cái lần đầu tiên bị thu hút bởi cảnh vật mới lạ, các bạn ấy sẽ dễ dàng nhận ra đồ ăn ở bến Ninh Kiều không được ngon miệng, nấu đã chiến bởi những đầu bếp không chuyên nghiệp, thua rất xa các nhà hàng trong thành phố như Vĩnh Ký, Lan Xuân, Vĩnh Phát, Thanh Bạch, Tô Châu...

Ví dụ như cháo cá thì dùng cháo trắng đã nấu chín nhừ từ trước, có khách gọi, người bán cho cháo trắng vào cháo nóng với lò ga đun sôi lên, xong thái cá bỏ vào và nêm nếm, người sành ăn sẽ biết ngay cái ngọt của cháo là giả tạo từ đường và bột ngọt, không phải tự nhiên từ cá. Ví dụ thứ hai là món bánh cống, khá đặc biệt của miền Tây nói chung và Cần Thơ nói riêng thì không đủ rau cải các loại, thịt nhiều mỡ, con tép nhỏ xíu, nước mắm lại không ngon.

Ngoài đồ ăn kém phẩm chất, chợ đêm lộ thiên ở bến Ninh Kiều lúc nào cũng thoang thoang mùi rau cải và thịt cá của chợ ngày, cộng với mùi tanh tươi từ những đồng rác gần đó, nên chợ dĩ nhiên không sạch sẽ và luôn ươn ướt. Trong khu vực ăn uống đèn không được sáng lắm, rau rác lại không được rửa kỹ, thế nên thực khách dùng bánh xèo, bánh cống, nuốt vào sâu bọ, bùn đất từ rau cải là đương nhiên. Ngồi ăn ở chợ này, lúc đầu cảm thấy mát, do gió sông Hậu thổi lên, ngồi lâu hay uống vào một vài cha la-ve sẽ phát lạnh, bị cảm mạo là chuyện thường.

Một điểm nữa, theo tôi không kém phần quan trọng, là đến Cần Thơ phải thưởng thức những đặc sản của miền Hậu Giang. Hồi ở Sài Gòn tôi thích lui tới quán thịt rừng Thanh Hải ở đường Bùi Viện để thưởng thức thịt nai, cheo, mễnh, heo

rùng... Ở Cần Thơ tôi đã làm quen với những món ngon từ ếch, rùa, rắn, cua đinh, chuột thịt, lươn vàng, chim đồng, tôm càng xanh, cá lóc bự...

Vào mùa lúa chín, chợ Cần Thơ có bán chim sống cho khách mua về khía với nước dừa. Chim rô-ti như vỏ vè, ốc cao, chàng nghich... có mặt trong hầu hết các tiệm ăn mùa này.

Hết mùa nắng, trời sa mưa, cỏ mọc xanh muốt trên những cánh đồng là mùa chuột thịt bắt đầu. Các chợ lớn nhỏ đều có người trong miệt ruộng vườn đem chuột ra bán. Chuột sống nhốt trong các lồng kẽm hay chuột đã thui và làm sạch. Chuột nướng, xào hành, xào lá cách, rô-ti, nấu canh chua... là những món rất được ưa chuộng. Tuy nhiên các nhà hàng ít khi bán thịt chuột, trừ khi đặt hàng trước, thường phải mua chuột về tự làm.

Cá lóc, lươn, rùa, rắn, tôm, ếch... có quanh năm, mùa nắng tát ruộng đĩa, mùa nước giăng cầu, đặt lò, đặt tróm...

Giáo sư Trần Kim Thạch, nguyên Trưởng Ban Địa Chất Học, trường Đại Học Khoa Học Sài Gòn, trong một lần về Cần Thơ giảng dạy môn Địa sử học Đông Dương, đã được các môn sinh cũ, trong số ấy có tôi, mời đi dùng cơm tối tại nhà hàng Vĩnh Ký ở Cầu Xéo, cuối đường Phan Đình Phùng. Hôm ấy Giáo sư Thạch đã không tiếc lời khen món rùa rang muối là đặc sắc, ngon và lạ miệng. Danh bất hủ truyền, tôi đã nghe thấy nhiều người khác khen món rùa rang muối của quán này. Nhiều lần người của nhà hàng đã mang rùa rang muối ra phi trường gởi đi Sài Gòn, Đà Lạt... và cả Paris, Hồng Kông theo sự đặt hàng của khách.

Người bồi mang ra bàn ăn con rùa rang muối ráo hoành, mai vàng tươi, yếm vàng ngà, đặt trong đĩa lớn trắng muốt. lát sau, ông chủ quán tóc bạc hoa râm đến bàn làm cái công việc mà ông đã làm hàng ngàn lần trước đó, dùng dao nhỏ tách mai và yếm rùa cứng bỏ ra một bên. Vừa cắt thịt rùa thành miếng nhỏ bỏ vào chén thực khách, ông chủ quán vừa hỏi khách dùng ngay, để lâu thịt rùa nguội sẽ tanh hơn, mất ngon.

Khách cầm đũa, trước tiên đưa miếng thịt rùa lên mũi, thường thức mùi đồng ruộng và mùi muối thoang thoang, chút hơi thơm nhẹ nhàng nhưng không kém phần ngọt ngào, hấp dẫn, đoạn dầm miếng thịt rùa vào chén nước mắm me trước khi cho vào miệng. Ôi hương vị thịt rùa sao mà đặc biệt quá, béo mà không ngấy, bùi và thanh tao, lạ lùng quá, hoang dã quá, lạ lùng và

hoang dã như các lùm bụi hoang vu của miền Tây sông nước. Chấm rãi nhai miếng thịt rùa, thêm vài cọng rau răm đưa chút hương nồng lên mũi, khách chiêu một ngụm cô-nhác nguyên chất từ bên trời Tây xa xôi. Khách chợt nghĩ, thần tiên cũng chỉ đến vậy là cùng.

Thấy có vài ba khuôn mặt mới trong đám thực khách, ông chủ nhà hàng giới thiệu thêm, rùa là một trong những sinh vật sống lâu nhất, có sức chịu đựng dẻo dai nhất, nhịn đói nhịn khát cả tháng trời không hề hấn gì, như vậy thịt rùa bổ dưỡng là cái chắc.

Thực khách trong bàn đồng ý nhường miếng gan rùa có túi mật xanh biếc cho vị nhiều tuổi nhất, kèm theo lời chúc khỏe mạnh, sống lâu và hùng mạnh về đường chân gối bởi ai cũng biết rùa là món bổ thận, cường dương.

Cần Thơ có quán Bảy Rùa tọa lạc ở đầu lộ 19, là tầng trệt của một nhà lầu ba tầng. Bảy Rùa như tên gọi, bán nhiều món rùa khác nhau đáp ứng khẩu vị của các đệ tử lưu linh. Rất tiếc quán tổ chức không được chu đáo, thực khách lại gồm nhiều thành phần ô hợp từ bến xe mới lân cận, nên quán không thọ. Tôi và nhiều bạn thích ngồi ở bao lơn trước của tầng lầu quán Vĩnh Ký để vừa ăn nhậu vừa ngắm người qua kẻ lại. Lần nào đến quán, sau khi dùng nem và tré khai vị với nhiều tôi sống, chúng tôi cũng kêu món cua rang muối để nhâm nhi với bia Budweiser lon nhôm ướp lạnh. Không rõ có sự liên hệ mật thiết nào giữa lúa mạch xứ Hoa Kỳ và cua biển nước ta, nhưng chúng tôi đã thử uống nhiều loại rượu khác nhau như Hennessy, Courvoisier pha sô-đa, bia Henniken, San Miguel... với cua rang muối, mà chỉ thấy có Budweiser là hợp khẩu vị nhất. Món cua rang muối ở đây không chỉ ngon vì cua chắc thịt, vì lớp gạch màu cam bùi béo đội vung mai, mà còn do lớp tòi khủ mỡ dầu thơm lừng trộn với muối, tiêu, bột ngọt... ở chung quanh con cua. Chúng tôi mất khá nhiều thì giờ với món này, thanh toán xong lớp tòi màu nâu mẩn mẩn, cay cay, béo béo ấy thì trên bàn đã là liệt vỏ bia lon.

Một người bạn thường tới Cần Thơ thăm tôi nhất là anh Dương Quốc Hồng (Vĩnh Hòa) ở Long Xuyên. Những lần Hồng xuống Cần Thơ, chúng tôi thường đi nhậu ở hai nơi. Một là quán ông Kỹ sư Quỳnh, Trường Khu Công Chánh Miền Tây Nam Phần. Quán này tương đối nhỏ, nằm ở cổng sau, bên trong vòng rào khu Công Chánh. Quán chỉ phục vụ khách với một

món ăn và một thức uống duy nhất: bi cuốn và la-ve 33 ướp lạnh. Cuốn bi lớn hơn ngón tay cái một chút và thật chặt ăn với nước mắm chanh tòi ớt. Một cuốn bi từ ngoài vào trong có bánh tráng, rau sà-lách, rau thơm, bi là thịt nạc khía và da heo xắt nhỏ cỡ cọng giá trộn thính.

La-ve lấy từ trong tủ lạnh ra, thường có một lớp tuyết phủ trắng bên ngoài. Đôi khi quá lạnh, nước bên trong đông lại thành đá lộn cợn.

Quán rất đông khách, thường chỉ tới khoảng 8, 9 giờ thì đóng cửa. Người thanh niên phụ trách bán hàng tuyên bố bi cuốn đã hết mà la-ve cũng không còn.

Quán thứ hai mà tôi và Hồng thường tới hơn là Lan Xuân trên đường Tự Đức, cách Khu Đại Học Văn Hóa một dỗi. Ông chủ quán nguyên là thầy giáo, trẻ hơn ông Vĩnh Ký nhiều, vợ là đầu bếp, chồng chạy bàn.

Ở Xuân Lan chúng tôi thường dùng ba món: da rắn ri cá xào bún nắm củ hành; ếch bằm xào lá cách xúc bánh phồng tôm và cua đinh xé phay trộn gói bắp cải và rau răm.

Món rắn chúng tôi gọi một cách tình cờ, lần đầu nhà hàng xào cá da lẩn thịt, nhưng chúng tôi không ăn thịt bởi nó xam xỉ như củi mục nên về sau chỉ gọi da mà thôi. Da rắn xào bún tàu, nắm mè, củ hành tây, rắc thêm đậu phộng rang đậm nhỏ, hành lá, ngò thơm... rất hợp "gu" với Martell Medaillion pha sô-đa. Cua đinh xé phay chúng tôi cũng lấy ít thịt, nhiều vè, bởi vè của đinh là phần rất giòn, giòn như sụn, nên nhậu rất bắt.

Lan Xuân bán ếch chiên bơ, ếch cà-ri, ếch xào lẩn... Sau nhiều lần đến đây, chúng tôi thấy món ếch bằm nhỏ xào lá cách xúc bánh phồng tôm thích hợp để nhậu hơn, trong khi các món ếch khác thì dùng ăn chơi hoặc ăn với cơm.

Quán Thanh Bạch ngó xéo đầu lộ 19, chủ nhân là chị thú Ba và anh rể Giáo sư Phạm Hoàng Hộ, bà làm đầu bếp, ông tiếp khách. Khung cảnh ấm cúng, trang trọng, quán thích hợp đối với những bữa cơm gia đình hay cơm khách có cả ông lẫn bà tham dự.

Khách tới Thanh Bạch hay dùng cá lóc nướng, bò nướng vỉ và cơm tay cầm. Cá lóc nướng thoa mỡ hành ở Thanh Bạch cuốn với bánh tráng, rau sống chấm mắm nêm pha khóm. Món này còn đặc biệt ở chỗ trước khi khách hàng dùng, ông chủ nhà hàng thường đến tận bàn hỏi khách có dùng ruột cá. Nếu câu trả lời là có, thì chủ lưu ý khách phải cẩn thận với cái lưỡi câu

trong ruột cá. Nguyên nhân thì khá dài dòng, khi người đi giăng câu bắt được cá lóc, thay vì phải gỡ lấy lưỡi câu từ ruột cá, họ cắt ngang nhỡ câu cho được nhanh chóng, vì thế lưỡi câu còn nguyên trong ấy. Phụ bếp nướng nguyên con cá cũng làm lỡ vụ này, nên khi cá chín thì lưỡi câu vẫn còn nguyên trạng. Các bà, các cô ít khi ăn ruột cá, chỉ có dân nhậu mới ưa món này, có lần một ông nọ quá chén, thay vì nhai kỹ, đã nuốt trọn cái ruột cá và lưỡi câu móc họng ông, phải chở đi nhà thương lấy ra.

Món bò nướng vì sắt thoa mỡ cháy xèo xèo, bay mùi thơm ngát. Vì sắt rất sạch nhúng có màu đen trông không đẹp mắt. Có người đề nghị quán dùng vỉ đồng, chủ quán trả lời vì đồng ra ten không hợp vệ sinh. Hỏi thay bằng nón sắt của quân đội cho lạ mắt có nên không? Chủ quán nói sợ mấy ông nhà binh phản đối.

Cơm gà tay cầm của quán Thanh Bạch thật ngon, được nhiều người nhắc nhở. Thịt gà xắt thành miếng vuông hình con cò đem ướp nấm đông cô, rượu mạnh, xì dầu và gia vị các thứ rồi để chùng hai giờ cho các thứ ấy thấm vào thịt gà. Xương gà nấu lấy nước lèo để nấu với gạo Nàng Hương thành cơm trong một cái nồi đất nhỏ có tay cầm. Điều quan trọng nhất là nước sốt được rưới lên và trộn với cơm làm cơm tay cầm ngon miệng. Nước sốt này công thức và chế biến là bí quyết của Thanh Bạch, tôi chỉ nhận ra trong đó có mỡ, củ hành khô, nước tương Maggi cùng với mấy loại gia vị.

Một chuyện bên lề mà chắc nhiều người đến quán Thanh Bạch còn nhớ. Ông Ba chủ quán trọng tuổi có lối tiếp khách hơi khác người, ông xoa hai bàn tay vào nhau với giọng nói và thái độ cực kỳ lịch sự, nhã nhặn, làm cho nhiều người khách, nhất là giới phụ nữ trẻ tuổi, tình nguyện, phải phì cười.

Quán Tô Châu, nghe tên là nghĩ ngay đến địa danh Tô, Hàng bên Trung Quốc. Đó là một căn nhà sàn nằm ven bờ rạch Cái Khế. Tôi không nhớ món ăn gì đặc biệt nhất của quán này, nhưng nhớ tới một kỷ niệm.

Chuyện như thế này, sau 30.4.1975, tôi và Bác sĩ Khải có quen với một nhóm thợ bạc trong thành phố qua các dịch vụ mua bán vàng lá Kim Thành để chuẩn bị cho việc vượt biên. Từ làm ăn, buôn bán, mọi người có dịp chơi thể thao và ăn uống chung. Ban đầu đánh bóng bàn, sau đổi ra đánh bi-da ba trái. Cả bọn chia thành ba hoặc bốn cặp để bình quân hay dở. Khải

và tôi thường chung một liên minh. Cặp nào có tổng số điểm nhỏ nhất phải đãi thợ tiền rượu và đồ nhắm cho mọi người, ngay tại bàn bi-da hay ở một nhà hàng sau đó.

Một hôm phe thợ bạc đãi chúng tôi ở quán Tô Châu quen thuộc gần khu nhà đèn. Chiều hôm ấy quán rất đông khách, cả thường dân lẫn cán bộ, bộ đội. Bước vào quán, chúng tôi nhận ra ngay mấy khuôn mặt công an chìm. Phe thợ bạc chơi nổi, bày ra bàn ba chai rượu Rivalet một lượt. Uống xong hai chai Rivalet thì cả đám say mềm, không còn ai có khả năng uống thêm.

Đúng ra phe thợ bạc nên cất chai rượu còn lại vào bọc giấy, để dành hôm khác uống. Nhưng họ đã không làm vậy. Sau một hồi lớn tiếng luận bàn, gây sự chú ý của thực khách, một người trong bọn ném chai rượu xuống lòng sông sâu đang đầy nước. Thực khách trong quán chăm chú nhìn cả bọn như những con quái vật.

Từ khi ba chai Rivalet được bày ra bàn, thực khách đã chú ý bàn chúng tôi, bởi họ uống các loại rượu nội hóa như rượu đế, nếp than, rượu thuốc... trong khi chúng tôi và nhóm thợ bạc uống rượu ngoại quốc, dù không phải là rượu quý.

Sau hôm đó, chúng tôi không còn đi chơi chung hoặc ăn nhậu với phe thợ bạc, cũng không còn trở lại quán Tô Châu vì sợ công an theo dõi.

Trong các quán nhậu ở Cần Thơ, chúng tôi lui tới nhiều nhất quán Vĩnh Phát vì đồ ăn ngon, khung cảnh thanh lịch và sự tiếp đãi nồng hậu, thân tình. Bạn bè, thân nhân tôi như các anh Võ Phước Thiệp, Rạch Giá, Năm Xệ Mỹ Tho, Năm Phạm, Ba Trí Sa Đéc... cũng có nhiều cảm tình với quán ấy.

Về khung cảnh thanh lịch, khác với Lan Xuân, Vĩnh Ký, Thanh Bạch... bàn ăn chỉ bày trong nhà. Vĩnh Phát rộng rãi hơn, có sân rộng bên trong vòng rào nhà hàng với nhiều chậu hoa kiểng, khách có thể dùng bàn ăn lộ thiên cho mát mẻ và thoáng khí. Về nồng hậu, thân tình, Vĩnh Phát khéo chiều chuộng, làm vừa lòng khách hàng, nấu bất cứ món gì do khách yêu cầu, không nhất thiết phải theo thực đơn trong tiệm đưa ra.

Dân nhậu thích tới Vĩnh Phát hơn bởi chủ nhân các quán Lan Xuân, Vĩnh Ký, Thanh Bạch không phải là đệ tử lưu linh. Tại Vĩnh Phát, anh Ba con ông chủ, người cao lớn, da ngăm đen là người rất điệu nghệ, khách quen đến, anh Ba mang rượu ngon, đồ nhắm đặc biệt ra bàn chung vui với khách. Những món ngon của Vĩnh Phát

có bò nướng ngói, rùa hấp sả, gà ác chưng thuốc bắc.

Bò nướng ngói tương tự như bò nướng vì Thanh Bạch, căn bản là thịt bò thái mỏng ướp gia vị, rắc mè. Vì sắt thay bằng miếng ngói âm dương thường dùng lợp nhà, đã chùi rửa thật cẩn thận, lên nước đỏ au. Miếng ngói đặt ngửa và hơi nghiêng trên một bếp than cháy đỏ. Đổ mỡ lên ngói, chò mỡ nóng, bốc khói là có thể gấp thịt bò để lên. Thịt bò chín, gấp ra ăn với bánh tráng, rau sống chấm mắm nêm hoặc nước mắm. Hai thứ rau không thể thiếu là khế và chuối chát.

Rùa hấp sả được nấu nướng, phục vụ giống như rùa rang muối ở Vĩnh Ký, thay vì rang thì hấp với sả. Rùa là đồ rừng, phải trị bằng sả cho thơm tho, mất mùi tanh.

Gà ác tiềm (chúng cách thủy) thuốc bắc phải đặt trước vì cần thời gian lâu (ít nhất là 3 giờ) để thuốc thấm vô gà. Đặt giá nào cũng được, bởi tùy theo số tiền, lượng thuốc bắc sẽ thay đổi, nhưng chủ yếu vẫn là các vị: táo tàu, câu kỷ, nhân nhục, hoài sơn, sanh địa, nhục trúc và sâm bắc.

Món này không phải của ta mà du nhập từ Trung Hoa. Thời vua Khang Hy, món gia cầm chưng thuốc bắc đã chễm chệ trên bàn ăn của hoàng gia, tuy nhiên, phải đợi đến Tử Hi Thái Hậu, món ăn vương giả này mới được chú ý và hoàn thiện đúng mức. Nhiều đại tâu lâu của người Hoa trong Chợ Lớn như Đồng Khánh, Soái Kinh Lâm, Đại La Thiên, Bát Đạt... có bán món này.

Một món tiềm thuốc bắc khác cũng có bán tại Vĩnh Phát trên căn bàn đặt hàng trước, đó là ngọc dương. Món này được quý ông lớn tuổi rất ưa chuộng vì đặc tính tráng dương, bổ thận có một không hai... Dê ăn nhiều loại thực vật khác nhau, nhưng món ưa thích nhất của nó là lá so đũa. Người ta chưa biết rõ mối liên hệ giữa lá so đũa và khả năng sinh lý mạnh mẽ của dê đực. Cổ nhân có câu: "*Dương huyết, dương nhục, dương bì, dương mao, giai khả dụng*", nghĩa là "*máu dê, thịt dê, da dê, lông dê, đều là vật hữu dụng*". Câu ấy vẫn còn thiếu, vì nếu nói ăn gan bồ gan, ăn phổi bồ phế, ăn gì bồ nấy... thì ngọc dương hữu dụng nhất, phần bổ nhất cho nam nhân.

Lần đó tôi có một nhóm bằng hữu từ Sài Gòn xuống viếng miền Tây. Muốn đãi họ những món ăn gì đặc biệt mà thủ đô không có, lại mang ý nghĩa của vùng Hậu Giang trù phú, tôi nhờ nhà hàng Vĩnh Phát lo liệu mọi thứ. Trong bữa ăn tối hôm ấy, Vĩnh Phát đưa ra thực đơn rất Cần Thơ; gỏi lươn nướng xé phai, cá lóc nướng mỡ

hành, ếch xào bún nắm, chim vò vè rô-ti nước dừa, tôm càng xanh nướng lửa than... Món cuối cùng tên "tử linh hội", hơi lạ tai làm mọi người xôn xao bàn tán, nhưng chủ quán nhất định không tiết lộ trước.

Ai cũng biết tử linh là bốn loại thú vật hiếm quý "long, lân, qui, phụng". Vậy tử linh hội là món ăn tập trung 4 thú trên, nhưng ai cũng biết long và lân không thể tìm ra, qui chắc là rùa, phụng có thể là gà, vịt, bồ câu, không thể là chim vì đã có vò vè rô-ti trong thực đơn. Có người nói nhà hàng Đại La Thiên trong Chợ Lớn có món kỳ lân ngâm sữa, đó là thịt mèo nấu sữa tười. Nghe nói thịt mèo thì có người muốn lợm giọng. Người khác đổi hướng câu chuyện, hỏi rằng món gì mà có thể kết hợp 4 loại thú vật khác nhau? Không có lời giải đáp thỏa đáng, cuối cùng thì món ăn được dọn ra.

Ngay giữa bàn để một cái lò than cháy riu riu, bên trên là nồi chứa món Tử Linh Hội nóng bốc khói trong một dung dịch đậm màu. Ngoài ra còn một đĩa bàn lớn chứa một ít các loại thịt còn lại sau khi bỏ vào nồi. Món tử linh hội phần nào được giải thích. Nồi nước đậm màu là nước thuốc bắc. Thịt gà thay chim phụng, thịt rắn thay rồng. Còn hai món thịt trắng, đó thay thế lân, qui thì không ai nhận ra thịt gì.

Bấy giờ anh Ba Vĩnh Phát, con ông chủ nhà hàng, mới làm một màn giải thích. Thịt gà không phải gà thường mà là gà ác. Rắn là rắn hổ đất. Đò như thịt bò là thịt của một loài rùa biển hay ba ba tên gọi con vich do ngư phủ đi đánh cá ở Côn Đảo đem về. Thịt trắng là ngọc dương và dục (bàn chân dê). Tử Linh Hội là long (rắn) - dương (dê) - qui (rùa) - phụng (gà ác) tiêm thuốc bắc. Thịt của bốn loại thú vật hiếm quý này bổ sung cho nhau để tẩm bổ cơ thể một cách hoàn hảo.

Anh Ba mời tất cả cầm đũa thường thức món ăn đại bổ ấy, cả nước lẫn cái và tiếp tục giải thích thêm: Dê, rắn, rùa, gà ác ướp gia vị rồi để khoảng 2 giờ cho thấm. Trong khi chờ đợi, bắt nước lên nấu thang thuốc bắc tới khi ra chất thuốc nâu đen. Cho thịt vào nồi nước thuốc chúng cách thủy khoảng 3 giờ liền là có thể nêm nếm rồi dọn ra ăn. Chúng cách thủy mất nhiều thời gian nhưng bù lại, món ăn giữ được gần như hoàn toàn chất tinh túy của nó. Nấu trên lửa mất khoảng 40 phút, nhanh hơn, nhưng món ăn cũng giảm đi ít nhiều chất bổ dưỡng. Muốn phân biệt giữa chúng cách thủy và nấu trực tiếp trên lửa, chỉ cần quan sát nước món tiêm: nước trong là

chúng cách thủy, nước đục do nấu trực tiếp trên lửa.

"*Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật, đi xe Huê Kỳ*", cổ nhân ta đã nói thế. Vì vậy trong bài này nếu tôi không nói đến các quán ăn Tàu là một khiếm khuyết lớn.

Nhà hàng Tàu lớn vào bậc nhất Cần Thơ là Phong Dinh Lầu nằm trên đường Nguyễn Thái Học, đối diện chợ gà (nguyên là địa điểm rạp hát của Thầy Lý trước kia) trong khu vực Bến Ninh Kiều. Phong Dinh lầu lâu tuy không qui mô bằng các đại lầu lâu Đồng Khánh, Soái Kinh Lâm trong Chợ Lớn, nhưng cũng có đầy đủ các món ăn Tàu được ưa chuộng liệt vào hàng bát bửu, bát trân. Đám cưới của các gia đình giàu có, tiếng tăm trong thành phố thường tổ chức nơi đây.

Túy Quang Lầu đường Nguyễn An Ninh, gần góc Phan Đình Phùng nằm ở tầng trệt của một nhà ngủ đồ sộ.

Hồ Ky trước ở Bến Ninh Kiều, sau lần bị hỏa hoạn, dời về đường Nguyễn Huỳnh Đức, gần góc đại lộ Hòa Bình. Hồ Ky có món ruột heo chiên giòn rất được dân nhậu ưa thích.

Hải Kỳ khu Hàng Dừa chuyên môn các loại xá-xiu, phá lấu, gà vịt heo quay.

Trong phần Bến Ninh Kiều tôi đã đề cập đến món Bánh Cống ở đó không ngon, không chuyên nghiệp, nay xin trở lại vấn đề. Nhiều người nói rằng món Bánh Cống bắt nguồn từ Cần Thơ, người khác quả quyết là Sóc Trăng, Bạc Liêu, Gò Công. Điều đó có quan trọng không? Theo tôi thì không, nói cho gọn, Bánh Cống là món ăn xuất phát từ miền Tây, rồi lan rộng ra cả nước. Ngay những hàng Bánh Cướn Chả Lụa ở đường Lê Thánh Tôn của người Bắc ở Sài Gòn cũng bán Bánh Cống chung với sản phẩm của họ.

Tại Cần Thơ, muốn ăn Bánh Cống đúng điệu phải đến Bến Xe Mới, phía trái đường ra phà Hậu Giang. Quán Bà Tú Bánh Cống góc xéo tiệm hớt tóc thanh nữ, quán nhỏ, chỉ để 3, 4 cái bàn, người đến đó thường mua về nhà. Bà Tú chiên Bánh Cống gần cửa ra vào quán. Không ai biết được công thức pha chế bột của quán này. Điều mà người ta thấy trước mắt là bà Tú cho bột (có cà-ri, củ hành, hành lá...) đã pha sẵn vào những cái cống kim khí đường kính 4-5cm, chiều cao 5-6cm, thêm đậu xanh hạt nấu chín để vò, thịt đùi heo và một hai con tép. Những cống ấy được nhúng sâu vào chảo dầu đang sôi, lấy ra khi chín, úp cống ngược cho ráo dầu một lúc trước khi tách rời bánh ra khỏi cống. Rau sống của bà Tú có nhiều loại: ớt

xoài, ớt chích, cải xanh, lá lựu... cuốn ngoài bánh, rau thơm, rau húng... cuốn chung với bánh. Và nước mắm pha chế theo công thức riêng.

Có thời gian Bà Tú làm thêm bánh giá tròn và giẹp như cái bánh tiêu, nhún giống như bánh cống, chỉ khác là có thêm nhiều giá thay cho đậu xanh. Bánh giá tiêu thụ chậm nên sau đó không thấy Bà Tú làm nữa.

"*Hương Thủy, bún bò Huế Bình Thủy; Bá Lộc nem nướng Cái Răng*". Đó là hai món ăn đáng chú ý ở hai thị trấn ngoại vi và gần thành phố Cần Thơ nhất. Bình Thủy hướng Tây Bắc là một xã. Cái Răng hướng Nam là Quận lỵ.

Cầu xưa ba nhịp Cái Răng

Trời cùng tuế nguyệt trâm trăng vẫn còn

Tiếng con đò mộng thon don

Tình quê bể cạn non mòn không phai

Khởi hành từ Cần Thơ, vừa qua khỏi cây cầu sắt Cái Răng cũ kỹ, còn ở phần mang cá, chưa tới chân cầu, khách thấy bên phải có một dãy quán nhỏ chùng ba, bốn cái ven đường chuyên bán nem nướng và những thức ăn liên hệ. Một trong những quán ấy mang tên Bá Lộc, dễ nhớ vì nói lái là "Bọc Lá". Nem chua bọc lá chuối, lá vông, lá nhiều thì đường nhiên phần thịt sẽ ít lại.

Buổi chiều người Sài Gòn thích lên Thủ Đức ăn nem, người Cần Thơ cũng đi Cái Răng ăn nem nướng với gia đình, bè bạn. Nem nướng thường làm bằng thịt heo nạc và tôm quết nhuyễn trộn mỡ, tỏi, muối, đường, hành, tiêu, bột ngọt... Một loại gia vị không thể thiếu là muối diêm làm nem có màu đỏ. Hỗn hợp ấy đem vò thành từng viên nhỏ, ghim vào cây nhọn và dài, rồi nướng trên lửa than.

Nem nướng ăn với rau thơm, rau húng, rau cần, rau diếp cá, sà-lách, khế chua, dưa leo chuột, chuối chát... cuốn với bánh trắng, bánh hoi. Nước chấm là tương ngọt sền sệt có thêm đậu phộng rang giã nhỏ và ớt trên mặt. Cách pha chế tương ngọt giống như tương ăn gỏi cuốn hay bún thịt nướng. Dưa chua cà-rốt và củ cải trắng thường dùng để tăng khẩu vị món ăn. Nem nướng Cái Răng ngon cỡ nào, người nói ngon hơn nem Thủ Đức, Lai Vung... kẻ nói không bằng. Dù sao món ăn đặc thù này vẫn luôn được nhắc nhở chung với địa danh đi kèm với nó.

Nhà lồng chợ Cái Răng buổi sáng có bánh mì xá-xiu ngon nhức hạng. Còn biết bao món ăn, món nhậu nữa ở Cần Thơ mà tôi đã có dịp dùng qua, nhưng không thể

mô tả hết ra đây: tiết canh vịt ông Sáu Quán ở đường Nguyễn Thái Học, chả đùm đường Nguyễn Viết Thanh, lườn um nước dừa đường De Gaulle, lườn dồi đường Trần Hưng Đạo, gỏi cá đường Nguyễn Trãi...

Thời gian đi dạy ở Trung Tâm học đêm Phan Thanh Giản, sau giờ dạy, tôi và hai bạn Trần Trúc Sơn, Trịnh Tri Tấn thường rủ nhau đi ăn cháo đầu cá lóc cuối đường Minh Mạng. Đây mới thực sự là cháo cá vì nấu trực tiếp từ ban đầu với cá lóc tươi ngon. Mỗi đĩa chúng tôi kêu một tô cháo bốc khói. Cháo rất ngọt và quện mùi thơm tho của cá lóc, hành, tiêu, ngò... cùng với gói chuối cây hay bắp chuối xắt nhỏ. Ngoài tô cháo, chúng tôi còn gọi thêm một cái đầu cá lớn để ăn chung.

Nhà tôi thích cùng tôi đi ăn cháo khuya ở Bến Xe Mới, nơi mà ban ngày ồn ào xe cộ, kẻ đi người đến thì ban đêm bãi đậu vắng xe, vắng người. Hàng cháo trắng bày ra bên những ngọn đèn đầu chập chờn trong gió. Bạn bè đi chung có Khải, Liên, Mai Hương... Chủ khách ngồi trên những chiếc ghế nhỏ và thấp gần sát mặt đường. Cháo trắng thật nhũ, nhiều nhựa, bốc khói thơm mùi lá dứa, ăn với hột vịt muối, cá kho thật khô rắc tiêu cay (cá cơm, cá bóng mọi, cá lòng tong đá...). Đón giãn vậy thôi mà năm, sáu gánh hàng lúc nào cũng đông khách, mức cháo, mức cháo, chế hột vịt, gắp cá kho... không hở tay.

Cạnh bên có hàng bán hột vịt lộn đựng trong cái thúng giẻ đầy trấu. Hột vịt ăn với muối tiêu, rau răm, dưa cay với rượu đế, rượu thuốc, rượu nếp than, la-ve...

Những món ăn ở hẻm 10A đường Trần Hưng Đạo, tôi nhiều lần ăn khuya ở xe bò vô viên đầu hẻm. Xe ấy nhỏ và đôn sơ với chỉ một nồi nước súp đậu nấp nhôm cùng với một số chén đĩa, muỗng để bán hàng và những lọ gia vị. Hai vợ chồng chú Năm tuổi trung niên đã thay nhau bán hàng và làm một số công việc lật vật trong nhiều năm trước. Khách của xe bò vô viên phần đông là những người trong khu vực, lâu lắm mới có một người lạ, mặc dù xe này bán bên lề đường Trần Hưng Đạo nhiều xe cộ tới lui, bởi vậy dù ra nghề đã lâu, chuyện buôn bán của xe bò vô viên cứ xập xệ như vậy mãi. Khi tôi đến, chú Năm giờ nấp thùng, lấy bò viên và nước súp cho vô chén, rồi bỏ thêm một nhúm cái bắc thảo, mấy giọt dầu mè, tiêu cùng với muỗng và cây ghim. Cuối cùng là một đĩa tương ớt để phụ thêm nếu cần. Xe bò vô viên có chơi trò xí ngầu, khách thích chuyện cờ bạc này đa số là đám trẻ con trong hẻm. Hồi nhỏ

tôi có chơi trò quay bàn số với ông bán kẹo kéo dạo nhưng lớn lên không còn thích chuyện đồ đen nên chẳng bao giờ tham dự trò xí ngầu dù là ở ngay trước mắt. Cờ bạc thua là phần chắc. Vì vậy trong khoảng hơn hai năm ở hẻm 10A, chỉ có một lần tôi ra đầu hẻm mà chẳng thấy vợ chồng chú Năm, hỏi ra chú ấy nghỉ sớm vì tụi nhỏ trúng xí ngầu tới mấy trăm viên.

Rồi tôi dọn nhà sang đường Cống Quỳnh, băng đi một thời gian không gặp chú thím Năm. Một đêm tôi dừng lại bên xe bò viên, chú Năm vui mừng chỉ sang công trường đang xây cất rạp hát Huỳnh Cẩm Văn và nói rằng vận may của vợ chồng chú sắp đến rồi. Thật vậy, từ khi rạp hát khai trương, xe bò viên tăng thưởng vụ lên cả mấy chục lần, nhất là những đêm có gánh hát cải lương, đại nhạc hội trình diễn chú Năm muốn thêm bốn, năm người phụ việc vẫn không đủ đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Theo đà ấy, chẳng mấy chốc người chủ xe bò viên nghèo nàn từ bao năm nay sẽ sắm nhà lầu, mua xe hơi... Nhưng người tính không qua thời vận, 30.4.75 sập đến, rạp hát Huỳnh Cẩm Văn đóng cửa, xe bò viên thu nhỏ lại cùng với sự buồn bã, uất hận của chú thím Năm.

Tôi dọn nhà sang đường Cống Quỳnh, đối diện Vườn Thầy Cầu. Về đêm khu vực này tối thui, chẳng có hàng quán gì, chợ Đàng Tiên gần đó chỉ hoạt động ban ngày. Muốn ăn khuya tôi phải ra đầu đường Cống Quỳnh, bên dốc cầu Đồi Mới, có hàng bún ca-ri gà bán hàng đêm. Một đêm tình cờ thấy con bà chủ xướng mé sông Cái Khế mức nước lên rửa chén, tôi hải quá bèn chạy sang bến Nhị Kiều trên đường Duy Tân.

*Sóng nước Nhị Kiều xinh đẹp qua
Tình em trao gởi đẹp anhchàng?*

Công viên bến Nhị Kiều thì khá nên thơ, nhưng ban ngày đi qua cầu Nhị Kiều, nhìn xuống con rạch nhỏ, thấy nước chảy từ khu gia cư ra có màu đậm đặc với lèn lèn rác rưởi và đồ dơ khiến người ta phải đổi lại là cầu Nhứt Kiều cho xác đáng hơn. Tôi vượt qua cầu Nhị Kiều chừng ba trăm thước, thấy có quán cháo vịt rất khang trang, sạch sẽ trong một căn nhà gạch bên đường. Thật bất ngờ, như một khám phá mới, cháo cũng ngon, thịt vịt nóng hổi chấm nước mắm gừng giã nhuyễn, vừa mặn vừa cay lại càng ngon hơn. Từ đó tôi bỏ hẳn gánh cà-ri gà bên dốc cầu Đồi Mới.

ngôi sao bắc đầu của nền thơ trữ tình việt nam đã không còn !!

ĐỂ TƯỞNG NHỚ VỀ CỐ THI SĨ NGUYỄN SA

DỊ SỸ

Hôm 19 tháng Tư năm 1998, trong buổi ra mắt những băng thơ, băng đọc truyện, băng về kiến thức y khoa do Bích Ty thực hiện ở San Jose, California; Khi xướng ngôn viên của chương trình giới thiệu nữ nghệ sĩ Bích Ty lên ngâm bài thơ "Tháng Sáu Trời Mưa" của Nguyễn Sa giao duyên cùng một bài hát của nhạc sĩ Quốc Tấn, thì một thân hữu trong hàng khán giả đã lên sân khấu loan tin nhà đại thi sĩ về tình yêu của chúng ta vừa từ trần lúc 2 giờ 30 buổi trưa ngày hôm trước! Hơn 200 người hiện diện trong hội trường ngày hôm đó đã như bàng hoàng trước tin buồn. Vì thế khi xướng ngôn viên gợi ý hãy để một phút tưởng niệm, nhớ về vị thi sĩ tài ba, tất cả mọi người đã đồng loạt đứng lên, cúi đầu tưởng nhớ cố thi sĩ Nguyễn-Sa trong tiếng sáo buồn réo rất...

Thi sĩ Nguyễn Sa tên thật là Trần Bích Lan. Nhiều người biết tiếng ông là một giáo sư dạy Triết giỏi ở Sài Gòn trước khi biết những bài thơ tình uớt át của ông. Thật vậy tác giả của những bài thơ nổi tiếng "*Paris Có Gì Lạ Không Em?*", "*Tuổi 13*", "*Áo Lụa Hà Đông*" ... lúc từ Pháp về Sài Gòn, ông đã nổi tiếng với cách dạy Triết vừa dễ hiểu, vừa dí dỏm. Triết là môn học tương đối khó hiểu, nặng về lý thuyết cho học sinh lớp 12, tức là lớp Đệ Nhất hồi trước. Những ai đã đọc sách "*Tâm Lý Học*" và "*Luận Lý Học*" của giáo sư Trần Bích Lan hồi đó, có thể thấy ngay sự hiểu biết và cách giảng dạy dễ hiểu của ông khi so với những vị giáo sư dạy Triết khác...

Tôi cũng là một học trò lớp Triết của giáo sư Lan tại trường Trung Học Chu Văn An. Năm tôi học với giáo sư có lẽ là năm cuối cùng ông còn dạy Triết khi trường còn ở địa điểm cũ, cạnh trường Pétrus Ký. Tôi đã có nhiều kỷ niệm lý thú với giáo sư Lan. Khi dạy Triết, ông thường có thói quen cho học sinh nghĩ xà hỏi sau mỗi nửa giờ giảng dạy. Có lẽ vì ông cho rằng giảng nhiều quá, học trò không thể thấu đáo hết? khi học trò ra ngoài, ông vẫn ở lại lớp, dùng các loại phấn màu vẽ chữ và gián đồ của bài học mới lên trên bảng... Sau 15 phút nghỉ, học sinh trở lại lớp đã giật mình thấy đề tài mới với những hàng chữ to, màu sắc cầu kỳ, hứa hẹn bài giảng mới đầy thú vị, với cách trình bày vừa dí dỏm, vừa văn vẻ của ông...

Hồi còn được giáo sư Lan dạy Triết, tôi vẫn thích những bài thơ của ông. Nhiều lần tôi đã chạy theo, khi hết giờ dạy, để đưa ông một hai bài thơ tôi mới làm để nhờ ông phê bình. Tuần sau, trở lại, có bài còn, bài mất. Ông không có sửa bài nào cả, nhưng lại để bên cạnh vài góp ý, mà rõ ràng bài thơ chưa diễn tả được! Bài nào nặng về chính trị, ông hạ một câu "Không ý kiến!". Một lần ban tham mưu của cựu Tổng Thống Diệm suy tôn chủ bằng cách bắt học sinh các trường công lập, nhất là học sinh các lớp 12, viết bài thảo luận về câu nói, họ cho rằng do ông Diệm đặt ra: "Tôi không phải là Thần Thánh, tôi thức khuya, dậy sớm... hết lòng vì đất nước Việt Nam v.v...!". Giờ học sinh phải viết bài phê bình về câu nói đó của lớp tôi lại chính do giáo sư Lan phụ trách. Ông bảo tất cả lấy giấy ra làm bài, thảo luận về đề tài đó, ai làm bài hay, sẽ được giáo sư Lan đề nghị, để được Phủ Tổng Thống tưởng thưởng...!!

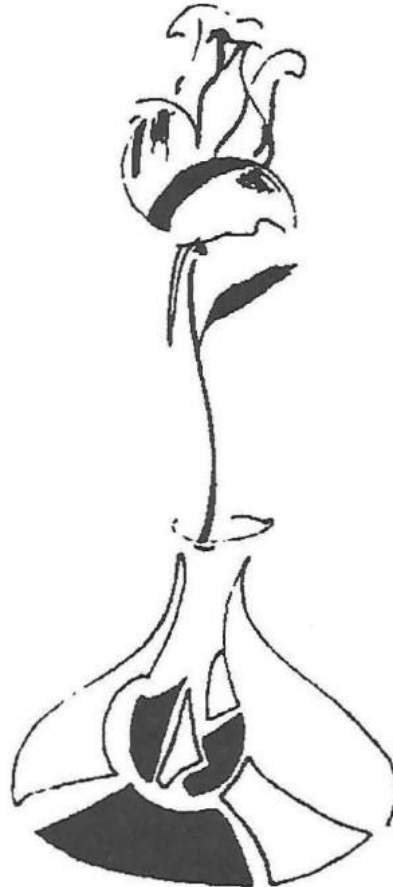
Hơn 50 mái đầu chăm chú làm bài, trong khi giáo sư Lan vẫn vuôn bụng đi đi, lại lại. Ông vẫn tự nhận mấy người bạn gọi ông là Lan bệu!, thỉnh thoảng, ông lại nhón một quả ô-mai cam thảo trong túi giấy, giấu giữa một quyển tạp chí ông mang theo, để ăn vặt! Thấy một học sinh chỉ làm bài độ 15 phút đã đứng dậy nộp bài để ra về. Ông không nói gì, nhưng khi đi qua chỗ tôi, ngồi ngay đầu bàn, ông khẽ hỏi:

- "Phải tay đó là người làng Cự-Đà không Luông?"

Tôi hết sức ngạc nhiên, không hiểu ông nghĩ gì mà hỏi như vậy? Nhưng đích thực tay bạn đó ở làng Cự-Đà, Bắc Việt... Giáo sư Lan dạy nhiều trường, ông có cả trăm học sinh. Lớp tôi ông chỉ dạy hai giờ Triết mỗi tuần, thế mà ông đã đoán được đúng tên làng của học sinh đó!

Đến giờ nộp bài phê bình về câu nói của Tổng Thống, học sinh xúm lại hỏi thăm. Mọi người thắc mắc rằng giáo sư

Lan dạy ở nhiều trường, có quá nhiều học trò, thì lấy giờ đâu để chấm bài? Họ hỏi xem thầy có thuê người chấm dùm bài, như lời đồn hay không? Giáo sư Lan lúc đó đã hất mặt lên cao, nhìn thẳng vào anh học trò vừa đặt câu hỏi. Ông tùm tùm cười, nửa đùa, nửa thật trả lời: "Cần gì phải thuê ai chấm dùm? Tôi cứ lấy thuốc kẻ, đo xem bài nào dài nhất là cho điểm cao nhất!".



Học trò lúc đó đã ré lên phản đối! Nhưng rồi, ngày tháng qua, cho đến lúc ông Diệm bị đảo chánh, chẳng ai nhắc những bài đó đã được chấm như thế nào! Riêng tôi biết chắc, giáo sư Lan không ưa những trò nặng tính cách chính trị như vậy!

Năm 1975, di tản sang Mỹ, những năm đầu Nguyên Sa đã xoay ra làm tờ báo "ĐỒI", lấy địa chỉ tòa soạn là ngay tư gia của ông. Tôi đã sốt sắng, gửi bài để ông đăng báo... Làm báo khó sống, Nguyên Sa xoay ra làm "Trung Tâm Băng Nhạc ĐỒI" thuê người phổ nhạc những bài thơ nổi tiếng của ông. Tôi vẫn lâu lâu điện thoại nói chuyện. Ông bảo tôi: "Sao cậu lại đặt biệt hiệu là Dỵ Sĩ? Bộ không có tên khác hay sao?"

Tôi thưa: "Dỵ Sĩ là tên làng của em đó, thưa Thầy!"

Ông đăng hăng: "Nếu thế thì lại là chuyện khác!"

Tôi vẫn gọi ông bằng Thầy, xưng em như hồi còn đi học. Nguyên Sa rất thích loạt bài của tôi: "*Vấn đề tâm trí của những vị cao niên trong Cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại...*", ông đã cho đăng liên tiếp trên báo ĐỒI...

Năm 1991, tôi gửi ông tập bản thảo kịch thơ: "*Người Việt Nam nhớ về nguồn gốc Việt Nam*" gồm nhiều vở kịch thơ nhỏ về những anh hùng, liệt nữ Việt Nam, để nhờ Nguyên Sa viết lời giới thiệu. Từ lúc gửi đến sáu tháng sau, không thấy Nguyên Sa nhắc nhở gì cả, dù ông cho biết, là đã nhận được tập bản thảo đó! Đợi lâu quá tôi đã sốt ruột. Hôm về Cali chơi, tình cờ lại thăm một người quen đang mở nhà in. Người quen đó xúi rằng: "Ồ Mỹ, không ai có thì giờ làm "chùa" cho ai cái gì đâu! Muốn mau chóng là phải biết giá cả của từng người...!". Nghe vậy, lại thấy báo ĐỒI đang xuống, tôi liền bàn với bà xã, gửi biểu Nguyên Sa một ngàn phiếu. Không ngờ năm ngày sau, chúng tôi nhận lại tấm Check, với mẫu giấy nhỏ: "Bác sĩ L. đừng có hiểu lầm! Đạo này tôi quá bận, vậy thôi! Ký tên: Nguyên Sa".

Phải hai tháng sau đó, tôi mới nhận được bài giới thiệu của Nguyên Sa. Ông viết như sau: "... Kịch thơ "*Lên Đường*" năm 1945 đã làm tôi chấn động thời trẻ tuổi! Coi "*Lên Đường*", cảm xúc tràn vào tôi cực mạnh, mặt nóng bừng, tim đập xôn xao... Ra về trong xúc động. Đêm khuya còn trần trọc... Cảm giác rung động thật mạnh khi thưởng thức một tác phẩm văn nghệ lúc còn trai trẻ, tôi tưởng đã đánh mất. Không, đọc thơ và kịch thơ của Dỵ Sĩ, cảm giác phấn khởi, hào hứng, đột nhiên trở lại. Vì thơ Dỵ Sĩ? Vì lịch sử? Vì quê hương trong thơ Dỵ Sĩ? Vì cả hai?" (Nguyên Sa 1991)

Được lời giới thiệu đẹp dễ của Nguyên Sa, nhưng tôi lại không thể cho in ngay. Vì bản thảo tập kịch thơ thứ hai "Anh Hùng và Giai Nhân Việt Nam" tôi gửi Bác sĩ kiêm thi nhân Trang Châu nhờ viết lời tựa... Trang Châu đã giữ tập bản thảo của tôi gần hai năm trời mà vẫn than chưa có thời giờ viết lời giới thiệu... Thời gian đó, tôi cũng bận rộn làm ăn, ít chú ý đến văn, thơ... cho nên hôm tôi nhận được mẫu thư nhỏ của Nguyên Sa hỏi rằng: "Bác sĩ L. đã nhận được bài giới thiệu của tôi chưa? Sao không xúc tiến in? Nếu không vừa ý... cho tôi biết?". Tôi giật mình, vội gọi điện thoại, cắt nghĩa mọi việc... mãi đến 1995, tôi mới liên lạc với nhà in Nguồn Sống để được in hai tập kịch thơ kể trên! Người đầu tiên tôi gửi biểu kịch thơ dĩ nhiên phải là Nguyên Sa. Ông cho đăng lời giới thiệu tập kịch thơ

vào mục sổ tay Nguyễn Sa trong tờ báo Dân Chúng ông đang cộng tác vào năm đó...

Tôi có nhiều dịp điện đàm với Nguyễn Sa. Ông rất thích nói về sự thành công của mấy người con. Từ Trần Minh Triết, Trần Nương Thở và Trần Văn Học, tất cả đều đã trở thành Bác sĩ hoặc Nha sĩ. Khi ái nữ của ông là Trần Nương Thở học nội trú ở Wichita, Kansas, Nguyễn Sa có cho tôi biết khi sang thăm con gái, ông có thể sẽ ghé lại nhà tôi ở Oklahoma chơi. Nhưng rồi cuối cùng Nguyễn Sa đã không đến được...

Nhìn vào sự nghiệp thi, văn của Nguyễn Sa, ta thấy ông đã cố gắng có mặt trong nhiều bộ môn. Nguyễn Sa có thơ đăng trên báo Sáng Tạo ở Sài Gòn ít nhất là từ năm 1966. Ông chủ trương tờ nguyệt san Hiện Đại. Khi bị động viên trong một thời gian ngắn, ông được biệt phái về dạy tại trường Quốc Gia Nghĩa Tử. Thời gian này ông viết truyện dài đầu tiên "**Vài Ngày Làm Việc ở Chung Sự Vụ**". Sau này ông viết thêm ba truyện dài: "**Giấc Mơ I, II và III**". Ông cũng viết truyện ngắn "**Gõ Đầu Trẻ**", "**Mây Bay Đi**". Về bút ký ông viết "**Đông Du Ký**". Tuy nhiên thành công nhất của Nguyễn Sa và là những bài thơ tình. Độc giả đã dễ dàng tán thưởng ba tập thơ Nguyễn Sa một, hai và ba. Ông dự định ra quyển thơ "Nguyễn Sa Toàn Tập" thì cái chết đã đến...

Tốt nghiệp ngành Triết ở đại học Sorbone, Paris. Trần Bích Lan đã đem vào môn dạy Triết ở Việt nam không khí học triết vừa vui, vừa dễ hiểu. Học trò của ông khó ai quên được hai tập Tâm Lý Học và Luận Lý Học đã được xuất bản từ những năm 1960. Giáo sư Lan còn viết những sách như "Triết Học và Văn Học", "Descartes nhìn từ phương Đông". "Một mình một ngựa". "Một bông hồng cho văn nghệ". Sau này, nhiều người còn chú ý đến tập bút ký "Đông Du Ký", nhất là nhận định về "Hai mươi khuôn mặt nghệ sĩ Việt Nam ở hải ngoại" ...

Trong lúc dạy học, cũng như qua các tác phẩm, nhất là thi phẩm, Nguyễn Sa đã chứng tỏ khả năng làm thơ trữ tình, nhất là về tình yêu trai gái rất độc đáo của ông. Nhiều bài thơ của ông được rất nhiều người, nhất là giới trẻ trong tuổi hẹn hò, thuộc lòng. Đọc thơ Nguyễn Sa ta dễ thấy những tình cảm tự nhiên của những người đang yêu được ông diễn tả một cách tài tình. Ông có nhiều luyến lưu về những cổ tục, những thói quen cũ, nền nếp xưa của người Việt. Mạch thơ của Nguyễn Sa đã rất tự nhiên khi nói về mưa Ngâu, về Ngưu Lang, Chức Nữ, về lá sen bọc cốm... Ông cũng có nhiều phân vân về tôn giáo, về

những tin tưởng của đạo Phật đã có từ lâu đời ở Việt Nam và những tôn giáo mới sau này... Nguyễn Sa đã nói về những tục xưa, tích cũ; về tinh thần Sám hối; về kiếp Luân Hồi; về ngục A Tỳ. Trong bài "**Tháng Sáu Trời Mưa**", ông viết:

"Tháng sáu trời mưa, trời mưa không dứt,

Trời không mưa, anh cũng lay Trời mưa!

Anh lay Trời mưa phong tỏa đường về,
Và đêm ơi, xin cứ dài vô tận..."

Trong bài "**Nga**", nói với hôn thê, Nguyễn Sa viết:

"... Chúng mình đã khóc, vì không có tiền làm lễ cưới, lễ xin,

Và em nhớ không, chúng mình đã hỏi nhau:

Tại sao lại phải làm lễ tơ hồng?

Tại sao lại phải nhờ người ta buộc chỉ vào chân?

Khi tay em đã vòng ra sau lưng em.

Người ta làm thế nào cắt đứt

Bốn bàn tay chim khuyên?"

Trong bài "**Sám Hối**" Nguyễn Sa đã miên man:

"... Anh chỉ dám nghĩ rằng: Sao bao nhiêu năm tháng qua, không từ bỏ cuộc đời đi làm Hòa Thượng. Để những ngày tu đắc đạo sẽ làm búa xẻ rừng, làm sông chở gỗ... Cúi đem về chất ở sân chùa mà làm lễ hỏa thiêu..."

Ông luôn có nỗi buồn day dứt mà ngay tôn giáo cũng không giải quyết được.

Trong bài "**Tay Xâm**" ông tâm sự:

"... Ta ngồi nhìn cánh tay xâm,

Hỏi thăm đời trước, truy tìm kiếp sau,

Mang về mấy chục đầu lâu,

luân hồi chắt dứt, nỗi sầu còn nguyên..."

Nguyễn Sa chia sẻ những day dứt của kiếp người khi nói với Phạm Công Thiện như sau:

"... Sáng dậy ta nhìn tục lụy ta,

Những đi không tới, đến không ngờ,

Xóa luôn thi dứt, nhưng tâm thức

Kinh Pháp Hoa nào dạy cách xa?

Trong chín ngàn âm, có hải triều,

Còn thêm một kiếp nữa phiêu lưu,

Này người, bỏ sóng qua thuyền tĩnh,

Nhớ đứng chờ ta ở cõi siêu..."

Trong bài "**Tâm sự của gã chơi đàn lục huyền**" Nguyễn Sa đã cố tự cho mình có thể vươn lên cao một cách đầy thần thoại, như sau:

"Mỗi lần sợi dây em nước mắt lưng tròng,

Mỗi lần là viễn khơi,

Mỗi lần mặt mù hơi,

Mỗi lần thêm kiếp khác,

Mỗi lần mấy ngàn năm,
Mấy ngàn năm rồi đổ em,
Mấy ngàn năm ta lấm liệt...!"

Hồi ở Quảng Yên, Nguyễn Sa cho thấy tinh thần tập thiền bằng bạc trong văn thơ của ông, dù ngay cả lúc nhỏ về người tình:

"... Hồi còn ở núi Quảng Yên

Nằm ngủ không được, ngồi thiền mới lúng,

Đêm khuya uống ngụm trà sâm,

Ngâm thơ lục bát cũng thành nhớ em!..."

Nguyễn Sa đã có những giấc mơ kinh dị, những nỗi sợ hãi mà một số Phật Tử vẫn có. Trong bài "**Thèm Chanh Chua**" ông có những lời sau:

"... Kinh dị ngày và kinh dị đêm,

Hoàng hôn lạnh công, tử chi mềm,

Mấy cành củi mục trôi về biển,

Ngay cửa A Tỳ thấy chốn quen..."

Ông có những ý tưởng của Thiên Chúa giáo và các tôn giáo khác từ bao giờ, có lẽ chỉ Nguyễn Sa là biết rõ hơn cả. Ông nói về Thượng Đế, ông nói về cầu kinh... Trong bài "**Hịch**" ông viết rất oai vệ như sau:

"Ta truyền: Để cuộc nghênh đón ta được thêm phần trọng thể: Những người con gái ngây thơ hãy trở về nhà đi ngủ, sau khi đánh răng, rửa mặt, chải đầu và đọc kinh cầu nguyện ban đêm..."

Nguyễn Sa nói về định mệnh, về những oan nghiệt, những chán chường một cách đầy ưu tư:

"Chất xám trong não bộ lên men,

Trán nhân dăm bảy, nếp kinh thiên,

Thượng Đế trên cao, chiều độc ảm,

Mặt lộ, ta ngồi chỗ hạ thiên..."

Lần ông bị mổ vì ung thư cổ. Sau đó bị biến chứng, cổ bị cứng ngắc, không thể quay qua quay lại như bình thường, Nguyễn Sa đã lộ nhiều lo lắng.

Lần chót tôi nói chuyện với Nguyễn Sa chỉ khoảng hơn một tuần trước khi ông chết. Dịp đó tiện nội Bích Ty đã xin phép để được ngâm và phổ biến những bài thơ hay của ông. Nguyễn Sa đã hoan hỉ nhận lời, và nhắc rằng, khi nào ngâm xong, nhớ gửi bằng ngâm thơ đó cho ông giải trí!

Viết những dòng này, tôi vẫn như nghe được giọng nói của vị thầy cũ trong điện thoại. Tôi vẫn nhớ giọng của ông lúc đây tin tưởng, lúc lại nhiều ưu tư về giới hạn của tôn giáo và cuộc đời... Tôi xin đốt nén tâm hương nhớ về Nguyễn Sa và thành thực cầu mong vong hồn của ngôi sao Bắc Đẩu của nền thơ trữ tình Việt Nam hiện đại, sẽ đạt được mọi điều ước nguyện ở bên kia thế giới...

(Tháng Tư 1998)

ĐỜI đáng chán ?

Phải chăng đây là tâm trạng của một số người lưỡng tuổi như chúng tôi?

Tôi có quen biết một cụ già, vợ quá vãng đã 8 năm, nay sống tại viện Dưỡng Lão. Xung quanh toàn là các ông, các bà người Đức mà lại không biết ngôn ngữ Đức, cả ngày cụ sống đôn độc trong căn phòng nhỏ, không bạn bè, không biết trò chuyện cùng ai. Tay run run, đi đứng khó khăn, chậm chạp, phải chống gậy. Thịnh thoảng, con trai và dâu đến thăm, Cụ than khổ vô cùng.

Một ông bạn khác đã thất nghiệp, nguyên là tù cải tạo cộng sản, đã qua Đức 7 năm, nay cũng có ý định về Việt Nam vì con gái ông mới có gia đình và đã ở riêng nơi xa. Ông thui thui một mình giữa bốn bức tường giá lạnh mùa đông.

Bà chị ruột tôi, 80 tuổi sống rất đầy đủ tại ngoại ô Paris với gia đình con trai, cũng muốn về Việt Nam sống tại chùa Sư nữ Liễu Đức ở Bà Rịa.

Gặp những vị lớn tuổi, không ai là không than: "Chán quá! Chán quá lắm rồi!" Cùng tâm trạng một thi sĩ, họ đã thấy:
*"Bể thảm mênh mộng sóng ngập trời,
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.*

*Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,
Xem lại cùng trong bể khổ trôi".*

Bị ảnh hưởng các bạn già, đâm ra suy nghĩ vẩn vơ nên xin đặt lại vấn đề:

*"Đời đáng chán hay không đáng chán,
Cất chén quỳnh riêng, hỏi bạn tri âm?"*

May mắn thay, trong khóa Giáo Lý 4 ngày tại Aschaffenburg trung tuần tháng 5.97, tôi đã thỉnh được cuốn "Duy Thức Nhập Môn" và "Duy Thức Học" của Hòa Thượng Thích Thiện Hoa và sau đó Thượng Tọa trụ trì chùa Viên Giác đã ưu ái gửi tặng cho quyển: "Bát Thức Quy Củ Tụng" của Hòa Thượng Thích Thắng Hoan. Cố gắng đọc, cố tìm hiểu để mong sao giải đáp một phần nào thắc mắc của chính bản thân và đồng bạn. Sự sống, khổ, chán, không chán ở cõi đời này phải

chẳng là do Bản Tâm mình thích hay không thích, muốn hay không muốn?

Người thích nấu ăn thì "nhà" vô bếp, như Phu nhân Tổng Thống Herzog, như ông Bioleck cùng với một thân hữu tên tuổi lên trở tài nấu nướng trên truyền hình và cuối cùng cả hai cùng ly, cùng thưởng thức món ăn vừa mới hoàn thành và đồng khen: "lecker! lecker!" (tuyệt quá! tuyệt quá).

Người không thích, bắt buộc vào bếp là một cục hình mà kết quả là cơm khê, thịt khét.

Các bà, các cô có thú đi Hertie, Kaufhof, Hörten để mua sắm thì thú bày bắt chồng hay con đưa đi, chọn lựa món này, hàng kia hàng giở, không biết chán, không có thì giờ chú ý đến ông chồng mặt bí-xì đang đứng chờ.

Những sự vật và cuộc đời tự nó có giá trị tự tại không? Chắc là không. Giá trị của nó là do Tâm và Thức của chúng ta gán cho nó.

Cho nên Đức Phật có dạy rằng:

"Nhất thiết duy tâm, vạn Pháp duy thức"

Trước một quang cảnh nhiệt náo, mọi người nô đùa, vui vẻ, trẻ em chạy nhảy reo hò, riêng một người với một mối tình đố võ nào có thấy vui gì:

"Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ?"

Thi sĩ Trần Dần, người bị cộng sản đày đọa trong vụ "Nhân Văn Giai Phẩm", đi ngang thành phố Hà Nội, chỉ thấy một màu âm đạm và mưa sa trên màu cờ đỏ:

"Tôi bước đi, không thấy phố, không thấy nhà,

Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ"

Trước rừng thông u tịch Đà Lạt, dưới mắt Thiền sư Thích Thanh Từ, đó là một nơi thích hợp cho việc tu tập và thúc liễm thân tâm (Hòa Thượng đã hoàn thành tâm nguyện khi đã xây dựng xong Trúc Lâm Tự).

Đối với cặp tình nhân, đó là nơi hẹn hò lý tưởng để thổ lộ tâm tình đêm ngày ôm ấp.

Đối với nhà đầu tư địa ốc, nơi này gợi ý xây cất một trung tâm du lịch, giải trí cho lớp người giàu có hoặc thích phiêu lưu.

Cho nên sự vật và cuộc đời tự nó không có sống hoặc khổ. Sống và khổ là ý niệm do Tâm Thức mỗi người tạo ra. Chính tâm của ta đã tạo ra Thiên đường hay Địa ngục.

Có nhiều người lúc ở Việt Nam than khổ vì bị kẹt kẹt, đời sống nhọc nhằn, nhúng qua Âu-Mỹ được tự do, có xe cộ, nhà cửa khang trang cũng vẫn cứ than thở như ngày nào. Tâm không bao giờ thỏa

mãn, cớ lẽ khi lên cõi Tây Phương Cực Lạc sống một thời gian, họ sẽ tiếp tục thở than!

Hãy nhìn các trẻ thơ và tâm các em. Dù cuộc sống có vất vả, nhưng các em rất chóng quên và vui vẻ một cách nhiệt tình trong giờ phút hiện tại. Các em ồn ào, vui vẻ khi đánh bi, khi bắt蝶, khi đuổi bướm hoặc khi hái trộm trái cây. Tâm các em hồn nhiên, trong trắng, thanh tịnh nên các em có hạnh phúc. Chúng ta trái lại, khổ khổ vì tâm lo nghĩ quá nhiều, nghĩ về quá khứ, lo về tương lai, không ai chịu an hưởng và bằng lòng cái hiện có của mình.

Người có ít tiền, than nghèo và khổ, lo âu, tìm trăm phương ngàn kế để kiếm tiền. Đời sống trở thành nô lệ đồng tiền, thật đáng chán!

Kẻ giàu, tâm luôn luôn nơm nớp lo âu: lo sợ trộm cướp, lo về thị trường chứng khoán xuống lên.

Nhìn lại thú ấu thơ, nhìn cách sinh hoạt em nhỏ, có lẽ ta tìm được chân lý. Em hái hoa, đuổi bướm chỉ biết hái hoa, đuổi bướm, dù lát nữa động đất hay trời sập, em cũng không lo, rồi hản tính sau.

Nếu ta giữ được tâm hồn một trẻ thơ, một tâm hồn nhiên, thanh tịnh, không vọng tưởng và lúc nào cũng sống một cách tự nhiên, một cách bình thường như mây củ trôi, như nước suối củ chảy, ta có thể thường thức ý vị của hiện tại. Hãy nghe lời khuyên của Thiền sư Nhất Hạnh: "Sống Tỉnh Thức". Hạnh phúc là ở trong bản tâm mình mà ra, không phải từ ngoài vào. Đường lối duy thức giúp chúng ta thấy rõ rằng:

"Chính mỗi người, mỗi chúng sinh đã tự tạo cuộc sống cho chính mình, dù đó là an vui, hay phiền não, súc sanh hay nhân thiên, địa ngục hay niết bàn".

Ngài Hòa Thượng Thích Thắng Hoan cũng khuyên ta về sự trở về, quán sát tâm thức để chuyển hóa mình hướng về đời sống tốt đẹp.

Xin hãy bình tâm đọc và suy tư về kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh: "Quán tự tại, hành thâm bát nhã ba la mật đa, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách".

Nếu thấy được Ngũ Uẩn đều là hư vọng, nỗi đau khổ sẽ dịu bớt đi và sẽ có cái nhìn khác đối với cuộc đời này.

Với tâm hồn nhiên, thanh tịnh, không vọng tưởng, không mong cầu, biết sống tỉnh thức trong hiện tại, có lẽ cuộc đời không đến nỗi đáng chán đâu, phải thế không các bạn ?

Tübingen cuối đông 97



■ NGÔ PHÚ HẢI

Duyên lên Sài Gòn tìm việc đã hơn hai tháng nay. Ở nhà quê năm nay đói nhiều, những người muốn ruộng của Duyên không có tiền cũng không có thóc trả cho nàng. Tối mấy nhà giàu vay tiền họ đều hứa hĩnh quay đi, mặc dù ngày xưa khi cha Duyên còn sống, ông đã từng là ân nhân của họ. Cuộc đời vốn bạc bẽo nhưng Duyên không biết bởi tuổi đời nàng còn quá trẻ. May sao, nhờ một người bà con xa trông họ mách bảo, Duyên xin được việc làm trong một gia đình công chức giàu có ở Sài Gòn. Lúc bấy giờ có nhiều gia đình muốn kiếm cô giáo về dạy trẻ trong nhà. Ông Hà, ông chủ của Duyên làm Chánh án ở Tòa án Tối cao Pháp viện nên thường xuyên vắng nhà. Ở nhà thường chỉ có bà Hà và hai đứa trẻ lên bảy và mười tuổi đang nghỉ hè. Bà Hà tuy rất khắt khe, nhưng là người rất biết việc. Thấy Duyên hiền lành chịu khó lại thông minh hiểu biết không kém gì các cô gái Sài Gòn bà rất vừa bụng. Thêm vào đó hai đứa trẻ lại hết sức quý mến Duyên nên bà trả lương cho Duyên khá cao, đủ để Duyên trả tiền học cho em trai lúc đó đang theo học trường C. Ngoài giờ dạy hai đứa trẻ, Duyên còn chịu khó nhận thêm đồ về thuê đan, nàng muốn để dành một món tiền đủ mua một căn nhà nhỏ đón em trai về ở chung để có thể chăm sóc được cho Thành. Một buổi sáng khi bà Hà đưa hai đứa nhỏ đi thăm người bà con, còn chị bếp đi chợ, Duyên đang ngồi trong phòng mài miết thêu hết món đồ để đem giao thì có tiếng bấm chuông. Nàng lễ phép mở cửa cho một người con trai lạ khoảng chừng ba mươi tuổi. Khách nhà ông bà Hà thì có rất nhiều và họ thăm viếng thường xuyên, nhưng Duyên hầu như không biết ai, vì những lúc có khách tới là nàng lại lui vào phòng riêng nếu bà Hà không có gì sai bảo nàng. Theo lời bà Hà căn dặn, Duyên lễ phép hỏi "Thưa ông, ông bà Hà không có ở nhà. Ông có điều gì cần nhắn lại không ạ. Nếu không khoảng chừng một tiếng đồng hồ nữa ông quay trở lại, bà Hà đi chợ tới lúc đó sẽ về". "Tôi là Minh, cháu của ông bà Hà mới ở Mỹ về. Nếu mọi người về nhờ cô nhắn lại giúp là chiều tôi sẽ quay lại thăm cậu mọi người" - giọng nói chàng trai trẻ vang lên ấm áp-. Khi bà Hà về nghe Duyên kể lại bà tỏ ra vui mừng hết sức. Bà đích thân xuống bếp bày cho chị bếp phải làm những món gì, gia vị ra sao. Thì ra Minh là con trai người chị ruột duy nhất của ông Hà. Sau khi đậu cử nhân luật sư, chàng qua Mỹ thực tập hai năm. Vì cùng nghề với ông Hà nên chàng hay qua nhà để "thọ giáo" cậu. Bữa cơm tối có khách quý, bà Hà cao hứng mời cả Duyên và chị bếp cùng ăn. Minh tỏ ra là một người có ăn học, rất lịch sự và tế nhị. Chàng ân cần hỏi thăm sức khỏe cùng công việc làm ăn của cậu mọi người nhưng cũng không quên bông đùa cùng Duyên và chị bếp, khiến cho mọi người đều cảm thấy vui vẻ và thoải mái. Sau ngày hôm đó Minh trở thành khách thường xuyên của gia đình ông bà Hà, và lần nào chàng cũng kiếm được

lý do nán lại trò chuyện với Duyên. Tuy chỉ được học hết tú tài nhưng vốn là một thiếu nữ thông minh, nên Duyên trò chuyện cùng Minh rất tự nhiên. Mặc dù chỉ là một cô gái quê nhưng những câu chuyện giữa hai người không hề bị phân biệt, trái lại càng ngày họ càng trở nên thân thiết như một đôi bạn. Duyên thật thà kể cho Minh nghe về hoàn cảnh cô cút của chị em nàng. Duyên sinh ra và lớn lên ở làng H., quận G., tỉnh Mỹ Tho, trong một gia đình lẽ ra cũng thuộc vào loại giàu có. Hồi ông nội Duyên còn sống gia sản nhà ông có đến hàng ngàn mẫu ruộng, mấy trăm con vựa trâu vựa bò, người ăn kẻ ở mấy chục người. Gia sản đồ sộ nhưng ông nội Duyên hiếm hoi chỉ sanh được một người con trai duy nhất là ba Duyên. Ông Cử Lân, ba của Duyên, ngay từ nhỏ đã là một đứa trẻ hiền lành thương người và rất thông minh, hiếu học. Ông đậu tối bằng cử nhân tiến sĩ, và lẽ ra đã lên Sài Gòn nhận chức nhưng theo tục lệ nhà quê thời bấy giờ ông là con trai duy nhất phải về quê ở căn nhà của tổ tiên để thờ cúng. Tuy nhiên ông không lấy thế làm buồn. Về quê ông mở một trường học nhỏ, lấy việc dạy trẻ em, đọc sách, ngâm thơ làm nguồn vui. Sản có tiền, ông luôn làm phúc giúp đỡ kẻ nghèo khó, vì vậy trong làng kẻ giàu thì nể ông, người nghèo thì kính phục, tôn thờ ông. Sau khi cưới má Duyên -bà vốn là con gái một gia đình trung nông trong làng, đẹp và tháo vát đảm đang, có ngôi nhà họ Lê càng ngày càng sinh sôi nảy nở thêm. Cả mấy ngàn mẫu ruộng, mấy trăm trâu bò, mấy chục người làm công một tay bà quán xuyến đảm đang đầu và đó. Khi Duyên vừa tròn năm tuổi, bà sanh thêm cho ông Cử Lân một đứa con trai và bà chết ngay trên bàn sanh vì đứa bé quá to. Hàng tháng liền, ông Cử như người mất hồn. Ông không thể nào tưởng tượng được, cuộc sống của ông sẽ ra sao nếu thiếu vắng bóng hình của người vợ yêu thương trong ngôi nhà mười gian ngói đỏ rộng thênh thang to và đẹp nhất làng. Quá nặng lòng yêu thương bà và hai đứa con ngây thơ ngoan ngoãn, ông nhất định không chịu lấy thêm vợ khác, mặc dù bà con bạn bè khuyên nhủ và làm mai này mỗi nọ cho ông. Là một ông giáo hiền lành chất phác, chỉ biết dạy học và làm thợ, chỉ biết yêu thương và giúp đỡ, ông lại không thạo việc coi sóc ruộng đồng nhà cửa, thêm vào đó lại hay giúp người chỉ có cho vay mà ít đòi trả lại, nên gia sản dần dần tiêu tán. Lúc Duyên được mười sáu tuổi và Thành mới một thì sản nghiệp đồ sộ nhà họ Lê chỉ còn lại ngôi nhà tổ tiên và vài chục mẫu ruộng cho thuê muốn để đổi lấy gạo ăn. Hai năm sau ông Cử mắc phải chứng bệnh hiểm nghèo và qua đời bỏ lại chị em Duyên bơ vơ. Tuy lớn lên ở nhà quê nhưng Duyên được di truyền sự thông minh của cha, lại được cha cho ăn học tử tế, ngay từ nhỏ ông Cử Lân đã cho nàng theo học ở các trường tiểu học và trung học có tiếng ở Sài Gòn, nên tài năng và đức độ của nàng chẳng thua kém các thiếu nữ Sài Gòn là mấy. Thêm vào đó nàng lại được thừa hưởng sắc đẹp của mẹ, năm mười tám tuổi nàng đã rực rỡ như một đóa hoa quý hiếm của làng H. Sau khi ông Cử mất, Duyên phải bỏ dở dang việc học hành (lúc đó nàng đang theo học năm thứ nhất trường Sư Phạm Sài Gòn), thay cha coi sóc việc nhà mặc dù lúc ấy chẳng còn lại bao nhiêu để nuôi Thành ăn học như lời cha nàng dặn dò lúc lâm chung. Gặp năm đó trời làm đói kém, mấy thửa ruộng nàng cho mượn đều bị thất thu, vốn bản tính thương người giống cha, nàng không nỡ đòi nợ những người muốn ruộng, và lại có đôi họ cũng không biết lấy gì trả, buộc lòng nàng phải bỏ nhà lên Sài Gòn, bởi vì nàng còn phải trả tiền học cho Thành nữa... Nghe xong chuyện của Duyên, Minh bồi hồi xúc động. Chàng đâu có ngờ người thiếu nữ mảnh mai xinh đẹp có đôi mắt đen sâu thẳm đó lại có một hoàn cảnh éo le như vậy. Ngay từ lúc nhìn thấy Duyên lần đầu tiên trước cổng nhà bà Hà, Minh đã không sao quên được cặp mắt nhưng có hàng mi dài và cái nhìn làm xao động lòng người đó. Qua mấy tháng trời quen biết tìm hiểu thêm về nàng, Minh càng tin tưởng vào cảm giác đầu tiên của mình. Mấy tháng hè trôi qua

thật nhanh, bọn trẻ lại bắt đầu tới trường, không còn cần đến cô giáo dạy thêm nữa, bà Hà cho Duyên nghỉ việc. Nhờ mấy tháng tiền dành dụm được một số tiền Duyên muốn được một căn nhà nhỏ ở phố Bàn Cờ và đón Thành về ở chung. Để tiếp tục nuôi Thành ăn học Duyên lại lần lại đi kiếm việc làm, nhưng thật không may cho nàng Sài Gòn đất rộng người đông nhưng kiếm được việc làm không phải chuyện đơn giản. Một buổi tối Duyên mệt mỏi lê gót về nhà sau một ngày kiếm việc không thành, chợt nàng ngại ngùng khi nhận ra Minh đang ngồi trong nhà trò chuyện với Thành qua khung cửa mở. Nàng bối rối không phải vì sợ Minh biết được hoàn cảnh khó khăn của nàng, nàng chỉ lo ngại không biết Minh tìm đến đây vì lý do gì, giữa hai người dù sao cũng chỉ là sự quen biết sơ sài. Thái độ của Minh trái lại hết sức tự nhiên mặc dù bộ đồ sang trọng Minh bận trên người không hợp với căn nhà nghèo nàn của chị em Duyên. Minh thấy Duyên về thì vồn vã Sao cô chuyển nhà mà không cho tôi biết. Từ lúc cô dạy học trong nhà mẹ tôi, tôi đã coi cô là bạn rồi, không biết tôi có cái hân hạnh là bạn của cô không?. Duyên se sẽ gật đầu, Minh tiếp luôn "Đã là bạn bè thì phải giúp đỡ nhau chứ. Nghe Thành nói thì cô chưa kiếm được việc làm. Hay là cô về giúp việc cho tôi nhé, văn phòng của tôi mới mở, rất cần người giúp việc, coi như là cô giúp tôi được không?". Sau một thời gian làm việc ở văn phòng của Minh, phải thay đổi cách đi đứng nói năng và ăn mặc cho phù hợp với việc làm, nhìn Duyên không ai còn nhận ra cô gái quê mộc mạc hôm nào. Sẵn bản chất thông minh Duyên học việc rất nhanh. Khách khứa, thân chủ và bạn hữu của Minh tới văn phòng đều khen Minh có cô thư ký vừa đẹp vừa duyên dáng lại khéo léo hết sức. Một hôm bỗng Minh đột ngột nói với Duyên "Hay là em đổi tên đi" chàng đã thay đổi cách xưng hô từ lúc nào. Duyên cảm thấy thắc mắc trong lòng, nhưng không muốn làm Minh phật ý, bởi từ lâu Duyên đã coi Minh là ân nhân của chị em nàng. Không có Minh, không biết số phận của chị em nàng bây giờ trôi nổi đến đâu. Mang ơn Minh, Duyên từ như trong lòng bất cứ việc gì cũng sẽ nghe lời Minh, không bao giờ để Minh không hài lòng về nàng. Duyên nhỏ nhẹ trả lời "Vay anh định đặt tên em là gì?". Minh đi đi lại lại có vẻ suy nghĩ rất lung, rồi chàng dừng lại vỗ tay vào trán "Anh nghĩ ra rồi, gọi em là Mỹ Duyên nhé, em có biết tại sao không?". Duyên đỏ mặt lắc đầu, Minh say đắm nhìn thẳng vào mắt Duyên, rồi đột nhiên chàng đặt tay lên vai nàng "Bởi vì vừa từ Mỹ về là anh đã gặp được Duyên -là em- và cũng là tình duyên của anh. Mỹ Duyên em có đồng ý lấy anh không?". Duyên hốt hoảng lùi lại, trong thâm tâm chưa bao giờ nàng nghĩ mình là người ngang hàng với Minh. Với địa vị là một cô thư ký của Minh, đối với Duyên đã là một ân huệ quá lớn lao. Mặc dù trong mấy tháng làm việc chung với Minh, Duyên đã học được cách nói chuyện, xã giao với khách hàng của Minh, cũng như lúc đàm luận với Minh, cũng thẳng thắn và hoạt bát. Nhưng đó chỉ là trong công việc, còn trong lòng nàng, Minh lúc nào cũng ở ngôi bậc trên. Nghĩ vậy, Duyên nghiêm trang nhìn thẳng vào Minh "Anh đã nói coi em là bạn, là bạn bè không nên đùa cợt như vậy. Với em thì không sao, nhưng lẽ có ai nghe được, họ lại nghĩ không tốt về anh". "Anh hỏi xin cưới em có gì mà không tốt. Tại sao em lại nghĩ là anh đùa cợt. Nếu em muốn anh sẽ đi mua nhẫn cưới và bông ngay bây giờ để cầu hôn với em". Nhìn nét mặt nghiêm trang của Minh, Duyên biết chàng không nói dối. Hạnh phúc đến đột ngột và bất ngờ khiến Duyên nghẹn ngào, hai hàng nước mắt chảy dài trên gò má xinh đẹp, đôi môi run run không nói nên lời. Nhìn Duyên thương cảm như một chú chim nhỏ, Minh xúc động ôm chặt lấy tấm thân bé nhỏ và đặt lên đôi môi đỏ thắm của nàng nụ hôn say đắm đầu tiên của tình yêu. Đôi mắt đen khép lại như muốn giữ lại giọt hạnh phúc đầu tiên mãi mãi tồn tại đừng bao giờ tan biến. Đợi cho cơn xúc động lắng xuống, Minh nói "Tối thứ bảy tuần sau có cả nhà đông đủ anh muốn giới thiệu em với ba má và xin phép ba má

chọn ngày thành hôn cho tụi mình". Duyên chỉ còn biết ngoan ngoãn gật đầu nghe lời chàng. Tối buổi hẹn, Minh và Mỹ Duyên (từ nay chúng ta gọi nàng như vậy) định đóng cửa sớm để ra về, nhưng công việc quá bề bộn nên khi hai người về đến nhà Minh thì thành phố đã lên đèn. Mọi người trong nhà đã tề tựu đông đủ đợi chờ. Một người đàn bà đứng tuổi dáng dấp quý phái bước tới đón Minh và Mỹ Duyên. Đoán chừng là má của Minh nên Mỹ Duyên lễ phép chào "Thưa bác gái, bác trai tụi con về hơi trễ vì nhiều công chuyện quá, thưa anh Hai chị Hai". Minh vui vẻ giới thiệu mọi người với nhau, xong xuôi họ cùng ngồi vào bàn ăn. Nhờ Minh khéo léo tế nhị, nhờ Mỹ Duyên lịch sự duyên dáng, nhờ ông bà Lãng coi mở chân tình nên buổi gặp mặt đầu tiên giữa Mỹ Duyên và gia đình của Minh diễn ra thật đầm ấm tự nhiên. Tuy coi mở nhưng trong lúc nói chuyện hay bông đùa, bà Lãng vẫn kín đáo quan sát và thăm đánh giá Mỹ Duyên. Thấy nàng xinh đẹp lại lành lợi hoạt bát, bà lấy làm hài lòng lắm. Bà già bộ kéo Mỹ Duyên ra ban-công ngắm cây cảnh để nói chuyện riêng với nàng. Trong thâm tâm bà đã ưng ý Mỹ Duyên làm nàng dâu cứng của bà rồi. Nhưng bà muốn hỏi thêm về gia cảnh của nàng để coi hai gia đình có "môn đăng hộ đối" không. Chẳng gì thì gia đình bà cũng thuộc loại có tiếng tăm ở Sài Gòn này. Đứa con gái lớn cũng đã gả vào một gia đình tương xứng, chỉ còn lại Minh, ông bà coi chàng như châu báu, tất nhiên bà muốn kén được một nàng dâu "lá ngọc cành vàng" là hợp lẽ. Mỹ Duyên thật thà kể hết chuyện gia đình nàng cho bà Lãng nghe, cả chuyện nàng coi Minh như một ân nhân, chẳng bao giờ dám trèo cao, nhưng được Minh đoái thương, nàng tự hứa trong thâm tâm sẽ cố gắng hết sức để xứng đáng với lòng tin Minh đã đặt vào nàng không hổ danh là vợ hiền dâu thảo. Nghe Mỹ Duyên vừa dứt lời, bao nhiêu cảm tình bà Lãng dành cho nàng từ lúc đầu tới giờ đều tan biến. Không được, bà không thể để con nhỏ "nhà quê" này về làm vợ con trai bà được. Tuy nó thông minh xinh đẹp, nhưng nguồn gốc của nó không xứng với gia đình bà. Lỡ bạn bè của bà hỏi về gia đình sui gia bà biết mở miệng làm sao. Trong đầu bà phác thảo ngay kế hoạch chia rẽ đôi trẻ. Bà hiểu con trai bà lắm, một khi Minh đã đưa cô gái này về nhà là trong lòng chàng đã quyết tâm lấy cô ta làm vợ. Chẳng thế mà hồi nào đến giờ chàng có bao giờ đưa cô nào về nhà dùng cơm với ba má. Có chăng chỉ là cô này cô kia tới kiếm Minh nhưng chàng cứ nhờ bà kiếm có tử chối hoài. Rồi trong đám bạn bè của bà, biết bao người có con gái xinh đẹp nét na muốn kết sui gia với bà mà Minh đâu có chịu. Chàng vẫn thường nói với bà rằng "tình yêu phải do sự rung động của chính con tim". Cho nên kế hoạch lần này của bà phải được chuẩn bị hết sức chu đáo. Tuy trong lòng nghĩ vậy nhưng ngoài mặt bà Lãng vẫn tươi cười với Mỹ Duyên và tỏ vẻ thông cảm với nỗi bất hạnh của chị em nàng. Sau buổi tối hôm đó Minh chính thức coi Mỹ Duyên là vợ chưa cưới của mình, chàng nói với Mỹ Duyên là đã thưa với ba má qua Tết âm lịch sẽ làm đám cưới. Ngay ngắn trong hạnh phúc, Minh và Mỹ Duyên đâu có ngờ giống tổ sắp sửa dâng lên nhẩn chim con thuyền tình của hai người. Khoảng chừng hai tháng sau, vào một buổi sáng chủ nhật đẹp trời, Mỹ Duyên ngồi nhà thuê thừa một mình, Thành bận đi học thêm để chuẩn bị thi tốt nghiệp. Bây giờ Mỹ Duyên không còn phải thuê đan hàng để giao nữa, nàng thuê đôi áo gối để chuẩn bị cho ngày vu quy. Nàng vừa làm vừa nghĩ đến Minh, lòng chan chứa yêu thương. Bất chợt nghe có tiếng xe hơi ngoài cửa, Mỹ Duyên sùng sốt khi nhìn thấy người tài xế đang mở cửa cho bà Lãng, không biết bà đột nhiên tìm tới đây có việc gì. Nhìn đôi mắt đẹp nhưng vô cùng nghiêm khắc của bà Lãng, Mỹ Duyên đoán có điều chẳng lành xảy ra, nàng im lặng nhìn bà chờ đợi. Giọng bà Lãng vang lên lạnh ngắt "Cô Duyên, cô là một cô gái đẹp lại giỏi giang, người như cô kiếm đâu chẳng được tám chông xứng đáng. Tôi chỉ có mình thằng Minh là trai, nó là người nối dòng họ Nguyễn nhà tôi. Tôi biết bây giờ nó đang say mê sắc đẹp của cô, thấy cô

yếu đuối lê loi "máu anh hùng" của nó nổi lên, nó muốn bao bọc che chở cho cô theo kiểu "anh hùng ra tay cứu mỹ nhân". Nhưng sau này nếu nó lấy cô rồi chất thi vị dần dần lắng xuống, nó sẽ phát hiện ra nó hoàn toàn không hợp với cô. Cô xuất thân từ nhà quê, cô đâu có biết cách thương yêu và giúp đỡ một người chồng có địa vị trong xã hội như thế nào. Người xưa đã có câu "sau lưng một người đàn ông thành công bao giờ cũng có người đàn bà tài giỏi". Cô có lãnh đủ trách nhiệm và chức năng để làm người đàn bà như vậy không? Thành Minh là một người rất coi trọng sự nghiệp. Cô có nỗ lực để sự nghiệp, niềm say mê một đời của nó phải tiêu tán hay không? Tôi là một người mẹ, lúc nào cô có con cô sẽ biết, người mẹ lúc nào cũng lo lắng cho con mình. Tôi có trách nhiệm giúp nó tỉnh táo khỏi cơn mê muội mà nó đang nhúng chân vào. Đây là số tiền đủ cho chị em cô mua một căn nhà kha khá và mở một tiệm buôn bán nhỏ, đủ cho cả em trai cô ăn học thành tài. Yêu cầu của tôi chỉ có một thôi, cô phải rời khỏi Sài Gòn ngay tức khắc và không được cho thằng Minh biết gì về việc này. Tôi nghĩ sự trao đổi này không có gì là quá đáng chứ? Cô cũng có thể từ chối nhưng cô nên biết rằng hậu quả sẽ vô cùng tai hại. Người phải chịu đau khổ không phải chỉ có cô mà còn cả thằng Minh nữa. Cô có muốn thấy "ân nhân" của cô phải đau khổ không?"

Từ lúc bà Lăng nói lời đầu tiên Mỹ Duyên đã hiểu ngay được ý bà, cho nên trong đầu nàng đã sắp sẵn câu trả lời. Đợi cho bà Lăng vừa dứt lời Mỹ Duyên đáp lời ngay "Thưa bà, tôi rất hiểu lòng thương con của một người mẹ như bà, từ ngày mai bà sẽ không còn nhìn thấy tôi ở thành phố này nữa. Riêng về số tiền này xin phép bà cho tôi không dám nhận. Lòng biết ơn của tôi đối với con trai bà đã quá sâu nặng làm sao tôi dám nhận thêm ân huệ của bà nữa. Tiền lương ông Minh trả cho tôi mấy tháng nay đủ cho chị em tôi bắt đầu cuộc sống mới, xin bà đừng bận tâm. Nếu bà không còn điều gì cần dặn nữa, tôi xin phép bà, đi thu dọn đồ đạc để có thể lên đường sớm". Tiễn bà Lăng về rồi lòng dạ Mỹ Duyên rối bời, nàng không lo lắng gì cho số phận của nàng, nàng chỉ lo không biết làm sao ăn nói với Thành. Thành sắp sửa thi tốt nghiệp, Mỹ Duyên không muốn câu chuyện này ảnh hưởng đến việc thi cử của Thành. Mãi suy nghĩ Mỹ Duyên không để ý thấy Thành đã ngồi trong nhà từ lúc nào, đôi mắt chàng nhìn chằm chằm "Chị, em đã nghe hết toàn bộ câu chuyện giữa chị và bà Lăng rồi. Em giúp chị thu dọn đồ đạc nhé, sáng sớm ngày mai mình sẽ rời khỏi đây". "Không được, em phải ở lại để chuẩn bị thi, chị sẽ về Cần Thơ chỗ dì Bảy để lo công chuyện trước, em đến nhà cậu Trung ở tạm, thi xong rồi về dưới kiểm chị". "Kỳ này em sẽ không thi đâu, em về Cần Thơ sẽ đi dạy học. Làm ông giáo gõ đầu trẻ cho vui, củ nhân tiến sĩ làm chi, nào có ra gì đâu. Chốn thị thành chỉ toàn điều giả dối, em muốn như ba của mình ngày xưa về quê dạy học ngâm thơ có phải thi vị hơn không? Nếu ba biết được em đi theo con đường của ông, ông sẽ không trách chị đâu".

Nghe Thành nói Mỹ Duyên không kim được oà lên khóc nức nở, những tưởng cuộc đời từ nay sẽ mỉm cười với chị em nàng, cho Thành đậu cử nhân để nàng hoàn thành tâm nguyện của cha. Dè đâu hạnh phúc chưa kịp nắm bắt đã tan biến như bong bóng xà phòng. Nghĩ đến Minh trái tim nàng đau nhói, một trăm lần nàng không tin Minh là người đàn ông bạc bẽo. Quen với Minh bấy lâu nay, nàng hiểu chàng lắm, Minh hứa suốt đời sẽ chăm sóc cho nàng, nhất định chàng sẽ làm được. Nàng chỉ muốn lao đi tìm Minh ngay, để hỏi cho ra lẽ. Nhưng không, lời bà Lăng vẫn còn vang vọng bên tai, nàng không có quyền làm Minh đau khổ. Nếu nàng đi kiếm Minh sẽ đặt chàng vào tình trạng khó xử "bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn" chàng sẽ đau khổ còn hơn là nàng bây giờ nữa. Nghĩ vậy, Mỹ Duyên kiên quyết giơ tay gạt nước mắt, tinh thần nàng trở lại sáng suốt hơn, nàng bình tĩnh suy tính những việc cần phải làm...

Nhờ sự giúp đỡ của dì Bảy, một người bà con xa đã từng được ba Duyên cứu giúp lúc sa cơ, chị em Mỹ Duyên về Cần Thơ mở được một tiệm tạp hóa nho nhỏ để sống qua ngày, Thành dần dà cũng xin được đi dạy ở trường tiểu học tư thực đúng như ước nguyện. Cuộc sống của hai chị em dần dần được ổn định, Mỹ Duyên nhờ học được cách giao tiếp lúc làm việc cho Minh nên tiệm tạp hóa của nàng tuy nhỏ nhưng rất đắt hàng. Khách khứa ai cũng quý mến cô chủ tiệm trẻ đẹp, duyên dáng, lại hết sức cởi mở niềm nở với mọi người. Thêm vào đó dì Bảy lại tận tình chỉ thêm cho Mỹ Duyên phương cách buôn bán, nên chỉ vài năm sau căn tiệm nhỏ của nàng đã mở mang lớn thêm thành một tiệm tạp hóa lớn vào loại nhất nhì thị trấn. Việc làm ăn tương đối ổn định, nhưng người ta không hiểu tại sao cô chủ tiệm xinh đẹp lại chưa chịu lấy chồng. Mặc dù trong thị trấn nhiều thanh niên đàn ông, công chức cũng có, buôn thương cũng có, sản đốn đợi chờ, nhưng nàng vẫn một mực khép kín khuê phòng. Nàng tìm cách từ chối khéo léo để họ không mịch lòng và kiên quyết không hứa hẹn với bất cứ một ai. Có lẽ con chim nhỏ một lần bị thương vĩnh viễn sợ cành cây cong không bao giờ dám đậu. Hay là trong thâm sâu tận đáy tim nàng vẫn ẩn dấu một bóng hình thương mến không thể nào quên được. Điều đó chỉ có mình Mỹ Duyên mới biết. Đã mấy năm qua rồi, những thình thoảng đêm đêm Thành vẫn thấy chị mình ngồi một mình trong bóng tối ở phòng khách lặng lẽ cô đơn. Ban ngày Mỹ Duyên vui cười cởi mở bao nhiêu thì đêm đêm nàng lê loi cô độc bấy nhiêu. Nhiều lần, Thành định an ủi vỗ về chị, nhưng chỉ sợ chạm vào vết thương chưa khép miệng, khiến nàng đau đớn thêm. Một hôm sau bữa cơm tối, như thường lệ hai chị em ngồi nói chuyện chơi trước khi đi ngủ, bất chợt Mỹ Duyên bị một cơn choáng khiến nàng ngất xỉu. Thành vội vàng chở chị vào nhà thương. Sau khi kiểm tra sơ bộ cho Mỹ Duyên, bác sĩ bắt nàng phải ở lại nhà thương để theo dõi. Sau hai tuần thủ máu, khám nghiệm, bác sĩ báo cho Thành một kết quả kinh hoàng, Mỹ Duyên mắc phải chứng bệnh hiểm nghèo: ung thư não. Ông nói, Mỹ Duyên chỉ kéo dài được cuộc sống cùng lắm là hai tháng nữa. Cố nén nỗi đau đớn trong lòng, Thành giữ vẻ mặt tươi cười nói với Mỹ Duyên "Bác sĩ nói chị chỉ vì làm việc quá sức nên bị thiếu máu, chị cố gắng ăn uống tám bổ nhiều là khỏe lại liền".

Sau khi xuất viện, thấy Thành tự nhiên chăm sóc chiều chuộng mình hơn, Mỹ Duyên nói đùa "Mai một em lấy vợ chắc chị ghen với cô ta quá". Thành còn bắt Mỹ Duyên giao hết công việc coi sóc của tiệm lại cho bác Huệ, người giúp việc chính của nàng, để đưa nàng đi chơi đây đó. Nào là lên Đà Lạt thưởng thức mùi thông non, nghe tiếng thác Cam Ly, bơi thuyền trên hồ Than Thở. Nào là đi Vũng Tàu ngắm trăng trên bãi biển... Thành lấy lý do Mỹ Duyên mấy năm trời đã lao tâm lao lực quá mức, phải nghỉ ngơi để giữ gìn sức khỏe.

Sau mấy tuần đi chơi về, sức khỏe của Mỹ Duyên giảm xuống rất nhanh, bây giờ nàng không còn tự đi xe một mình được nữa, ngay cả việc đi dạo ngoài vườn Thành cũng phải coi chừng vì nàng rất chóng mệt. Cho tới một hôm, biết mình không còn sống được bao lâu nữa, Mỹ Duyên kêu Thành lại bên giường nàng dặn dò "Em không cần nói chị cũng biết mình mắc phải chứng nan y, cuộc đời có sanh phải có tử, không một ai có thể sống mãi ở trên đời này được. Chị không buồn đâu, vì thực sự chị không có gì luyến tiếc cho bản thân mình, chị chỉ thương em còn lại một mình. Chị em mình mồ côi cha mẹ từ nhỏ, nương tựa nhau mà sống, cay đắng ngọt bùi đều đã trải qua. Bây giờ mình đã có một cố người tương đối đầy đủ, chị tin rằng cuộc sống của em từ nay về sau sẽ không có nhiều vất vả nữa. Điều chị mong muốn cuối cùng là em sớm lập gia đình để chị còn xuống thừa với ba má. Em đừng nên khóc nữa, em phải mừng cho chị đã được giải thoát khỏi nghiệp chướng của kiếp này. Em cũng phải luôn nhớ rằng của cải tiền bạc chỉ là phương tiện để mình sinh sống. Con người ta quan

trọng là phải biết yêu thương đùm bọc lẫn nhau, tình cảm mới là điều quý báu nhất trên đời. Hãy luôn giúp đỡ những người khốn khổ cần đến mình như ba ngày xưa vẫn thường làm, hãy nhớ tới những lúc cực kỳ mà mình đã trải qua và những người tốt đã từng giúp đỡ cho mình như thế nào..."

Mỹ Duyên mệt mỏi dùng lời, nắm những ngón tay gầy guộc của nàng nước mắt Thành lăn lăn rơi. Giường mặt xinh đẹp xưa kia nay đã ủa tàn, đôi môi khô khốc, duy chỉ có cặp mắt nhưng vẫn lấp lánh, dường như căn bệnh ngặt nghèo kia không thể nào đụng chạm vào cặp mắt thăm thẳm như đáy hồ thu đó được. Nhìn sâu vào đáy mắt nàng, Thành biết có một điều sâu kín nhất đọng lại không thể nào nói ra. Một ý tưởng bất chợt hiện lên trong đầu, Thành vội vàng nhờ Diễm Liên, người bạn gái thân thiết cùng dạy trong trường tiểu học tới nhà coi chừng Mỹ Duyên, còn chàng lập tức mò máy chiếc Toyota trắng nhằm thẳng hướng Sài Gòn phóng hết tốc lực...

Lại nói về bà Lăng, sau buổi nói chuyện với Mỹ Duyên, bà trở về nhà hồi hộp lo lắng đợi phản ứng của Minh. Về phía Mỹ Duyên bà không lo ngại gì bởi bà biết, người con gái có cặp mắt đen cương nghị đó sẽ không nói dối bà. Bà chỉ lo không biết Minh có đoán được hành động của bà khi Mỹ Duyên đột nhiên biến mất. Khoảng một tuần sau, một buổi tối khi Minh trở về nhà, nhìn rõ nét thất vọng trên khuôn mặt chàng, bà Lăng khẽ lại bên nhỏ nhẹ "Có chuyện gì phải không con?" Minh ngước cặp mắt mệt mỏi nhìn mẹ "Nàng đã vĩnh viễn ra đi rồi má" đột nhiên chàng gần giọng "nhưng có điều con thật không hiểu tại sao..."

Bà Lăng sợ hãi tránh đối mắt nẩy lửa của con trai, bà tưởng chừng như Minh đã nhìn thấu tâm can bà, nhưng rồi chàng lại tự kiềm chế, nhắm mắt lại ra hiệu cho bà ra khỏi phòng, chàng muốn một mình yên tĩnh. Khoảng chừng một tháng sau, bà Lăng kêu người cháu họ lại dặn dò, thực hiện bước thủ hai kế hoạch của bà... Nhân dịp lễ đại thọ lần thứ sáu mươi của ông Lăng, bà Lăng tổ chức một buổi tiệc lớn nhằm giải khuây cho Minh và cũng để Minh làm quen với Lệ Hằng, con gái một người bạn thân của bà. Lệ Hằng yếu điệu thực nữ, công dung ngôn hạnh đầy đủ, lại dòng dõi "kim chi ngọc diệp" thật xứng đôi với con trai cưng của bà.

Còn Minh, mặc dù trong lòng chàng hết sức đau đớn vì sự ra đi lặng lẽ của Mỹ Duyên, nhưng vốn là một người con hiếu thảo, không muốn làm buồn lòng cha mẹ, nên chàng vẫn vui vẻ tận tâm chuẩn bị cho ngày chúc thọ của cha. Suốt buổi tiệc, Minh luôn tỏ ra là người chủ trẻ lịch thiệp duyên dáng khiến ông bà Lăng vô cùng hân diện, còn các thiên kim tiểu thư đều thầm dật động vàng. Nghe lời bà Lăng, Minh cũng đặc biệt quan tâm tới Lệ Hằng, nhưng chàng mời nàng nhảy hoặc nâng ly với nàng hoàn toàn theo bản năng, còn trong lòng chàng đôi mắt đen sâu thẳm của Mỹ Duyên đã chiếm hết chỗ rồi. Lợi dụng lúc mọi người không để ý, Minh một mình trốn ra ban-công hít thở không khí trong lành, chàng muốn một vài giây phút ngắn ngủi được sống thực với bản thân mình.

Bất chợt một giọng nói quen thuộc vang lên bên tai "Không ngờ mới cách biệt mấy năm mà em đã trưởng thành nhanh quá" Minh hết sức vui vẻ khi nhận ra Thanh Tùng, người anh bà con đã đi dân qua Pháp từ lâu nay mới trở về thăm quê hương. Lâu ngày gặp nhau lại cùng lứa tuổi nên Minh và Tùng chuyện trò thật tâm đầu ý hiệp. Minh hỏi Tùng lần này về chơi hay có ý định gì cho sự nghiệp của chàng hay không? Tùng nửa đùa nửa thật nói rằng chàng về nước lần này muốn kiếm một người vợ Việt Nam, con gái Pháp tuy đẹp và nét na nhưng cũng không thể nào bằng con gái Á Đông mình. Rồi Tùng kể chuyện là tại vì có một người bạn cũng là Chef của chàng mới về nước cách đây mấy tháng cuối được một người vợ vừa đẹp vừa thông minh, duyên dáng, nàng đặc biệt có cặp mắt nhưng làm say mê lòng người. Minh giạt mình dọ hỏi kỹ càng và xác định người con gái đó đúng là Mỹ Duyên, trái tim

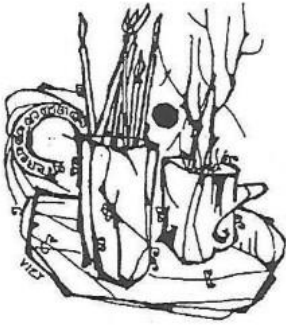
chàng như bốc lửa. Bao nhiêu đau khổ lo lắng làm chàng mất ăn mất ngủ mấy tháng nay bỗng nhiên tiêu tán và thay vào đó là lòng cảm hận vô biên. Chàng hận người đàn bà đầu tiên chàng yêu thương say đắm, đặt lên mình nàng tất cả hy vọng, hạnh phúc của đời chàng lại là người đàn bà bạc như vôi. Chàng đâu có ngờ đó là câu chuyện mẹ chàng dựng lên để vu oan cho Mỹ Duyên hầu mong chàng quên hẳn nàng. Minh trở vào phòng khách và cảm thấy tâm hồn trở nên thư thái. Chàng nhìn khắp lượt những khuôn mặt xinh tươi và thầm tự hỏi đằng sau những khuôn mặt khả ái, những thân hình thướt tha kiều diễm kia có còn ẩn giấu bao nhiêu tâm hồn độc địa nữa. Còn bao nhiêu người nữa sẽ vì vinh hoa phú quý mà chà đạp lên tình cảm thiêng liêng của con người...

Hơn một năm sau bà Lăng hoan hỉ tổ chức một đám cưới thật là lớn để rước Lệ Hằng về làm nàng dâu cứng của dòng họ Nguyễn. Minh dịu dàng ngọt ngào với vợ để làm vui lòng mẹ, chủ thực sự trong tim chàng tình yêu đã chết, lòng hận thù cũng đã tắt. Chàng say mê làm việc để quên đi ngày tháng, nhưng vẫn hoàn thành đầy đủ bổn phận của người con hiếu thảo, người chồng tận tụy, người cha đôn hậu...

Cho đến một buổi chiều, Minh ngỡ ngàng khi thấy cô thư ký dẫn vào phòng làm việc của chàng một người đàn ông trẻ, gương mặt hốc hác tiêu tụy vì mệt mỏi, bộ đồ trên người nhàu nát chứng tỏ chàng đã trải qua một đoạn đường dài vất vả. Nhìn chàng trai trẻ có nét mặt quen thuộc nhưng Minh không nhớ đã gặp từ bao giờ. Đôi mắt đen u ẩn, phải rồi Minh đã nhận ra, Thành và Mỹ Duyên có đôi mắt đặc biệt giống nhau. Giọng Thành vang lên khô khốc "Nếu anh còn muốn gặp mặt chị tôi lần cuối thì phải nhanh lên kẻo không kịp nữa". Không cần suy nghĩ, Minh vội tay lấy cái bóp da đựng tiền bạc và giấy tờ tùy thân rồi theo Thành đi ngay.

Chiếc Toyota trắng đầy bụi lại mài miết rời khỏi Sài Gòn lao về hướng Cần Thơ. Nghe Thành kể xong câu chuyện, lòng Minh như lửa đốt. Bao nhiêu năm nay chàng bắt Mỹ Duyên phải chịu oan uổng sự hận thù của chàng, chàng ở Sài Gòn vui vầy vợ đẹp con khôn, nhà cửa cao sang. Còn Mỹ Duyên phải âm thầm hy sinh hạnh phúc duy nhất của đời nàng để chàng và ba má chàng được đoàn tụ vui vầy, cho tới lúc nhắm mắt lìa đời, nàng cũng không thanh minh, không cầu xin tha thứ, để cho chàng bao nhiêu năm nay nguyện rửa người đàn bà bạc bẽo...

Đoạn đường dài tưởng chừng như vô tận rồi cũng đã hết, Cần Thơ đây rồi, Diễm Liên đã ra của sốt ruột ngóng chờ, mắt nàng đỏ hoe. Nàng nói Mỹ Duyên đang hấp hối, nàng liên tục gọi tên một người nào đó tên Minh. Tai Minh u ùi, chàng gạt Thành và Diễm Liên lao vào phòng. Bóng hình thân yêu nằm bất động, mái tóc dài xỏa trên tấm gối trắng, hơi thở của Mỹ Duyên yếu ớt, ánh sáng cuối cùng trong đôi mắt đen sẫm sửa sửa tắt lại bùng lên vì nàng đã nghe được giọng nói yêu thương mong chờ bao nhiêu năm tháng "Mỹ Duyên, Minh của em đây, anh đã về rồi, em đừng bỏ anh mà đi. Minh đã về với em đây". Đôi môi khô héo phác một nụ cười mãn nguyện, nàng bình thản ra đi. Đôi vai vạm vỡ của Minh rung lên, chàng quý bên giường Mỹ Duyên thật lâu, thật lâu... Theo ước nguyện cuối cùng của Mỹ Duyên, Thành và Minh đưa nàng về yên nghỉ bên nắm mồ của ba má ở quê nhà. Từ đó về sau, năm nào cũng vậy, đúng vào ngày này, dân làng H. lại thấy một người đàn ông áo quần sang trọng, có nét mặt cân đối đẹp trai, nhưng nhuộm đầy vẻ u uất đến ngôi mộ của gia đình họ Lê dọn dẹp thấp nhang, xong xuôi đầu đầy chàng ngồi lại bên tấm bia của người con gái thật lâu, thăm thì trò chuyện, tưởng như người dưới mộ cũng nghe được lời sám hối muộn màng của chàng. Cho tới khi bóng chiều chạng vạng đỏ xuống làng quê yên tĩnh, người ta mới thấy người đàn ông ra về... ●



Kệ Lý, Trần nhìn từ thể loại

Chi có văn học Phật giáo mới có thể loại *kệ*. Đó thông thường là những bài thơ, tóm tắt từ tưởng của bài thuyết pháp nhằm mục đích giáo dục đệ tử. *Kệ* có khi còn được gọi là *thi kệ*, *kệ biệt*, *kệ tụng*, *kệ tha*, *già đà*. *Già đà* là phiên âm từ chữ Phạn. Cho nên trong các từ điển Âu Mỹ, *kệ* được gọi là *gāthā* (1). Độ dài ngắn của *kệ* không nhất định. Có bài rất ngắn, như một câu tục ngữ, chẳng hạn câu *kệ* của sư Huệ Năng:

Hạ hạ nhân hữu thượng thượng trí.

Có bài mang hình thức thơ tuyệt cú, hoặc ngũ ngôn tuyệt cú như bài *Hữu Không* (Có Không) của Thiền sư Tử Đạo Hạnh với bài dịch thơ quốc âm tương truyền của Đại sư Huyền Quang:

Tác hữu trần sa hữu,

Vi không nhất thiết không.

Hữu không như thủy nguyệt,

Vật trước hữu không không

Có thì có tự mày may,

Không thì cả thế gian này cũng không.

Vùng trắng vắng vạc in sông,

Chắc chỉ có có, không không mở màng.

hoặc thất ngôn tuyệt cú như bài *Thị đệ tử* (Dạy đồ đệ) của Thiền sư Vạn Hạnh, Ngô Tất Tố dịch thơ:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,

Vạn mộc xuân vinh thu hữu khô.

Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,

Thịnh suy như lộ thảo đầu phồ.

Thân như bóng chớp, có rồi không,

Cây cối xuân tươi, thu nào nung.

Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi,

Kìa kia ngọn cỏ giọt sương đông

Lại có bài *kệ* dài như *Bồ Tát tử bi mặc nghi lự trong Tri thể vấn tật* (Đôn Hoàng linh thập) gồm đến bốn mươi tám dòng. Số chữ trong mỗi dòng thường là bốn, năm, sáu hay bảy chữ (2).

Về chức năng, *kệ* thường dùng để ngâm tụng sau đoạn giảng kinh. Thể văn luận thuyết tôn giáo tiếp thu cả *thi*, *biên văn* và *tán văn* nhưng lại tạo những đặc trưng riêng biệt. Ở đây, vừa có tự sự vừa có triết lý, vừa trình bày giảng giải vừa cảm

xúc trữ tình. Và thông thường, cuối mỗi đoạn luận thuyết, tác giả đóng lại bằng mấy câu *kệ* nêu bật những ý lớn, để người nghe dễ thuộc lòng. Nhà thơ sáng tác *kệ* tránh né luận chứng trực tiếp vào giáo lý, mà sử dụng những hình tượng ngẫu nhiên, đột ngột nhằm kích thích trực giác của người tu hành hay kẻ tầm đạo. Thông qua những câu thơ bóng bẩy, gợi cảm, bậc chân tu bàn bạc về những vấn đề giáo lý rất khô khan như cái thể, cái dụng, cái chân, cái vọng, Niết Bàn, Bồ Tát hoặc những điểm khác nhau giữa Phật và Thánh, quan hệ giữa Phật và chúng sinh, cũng như phương pháp tu hành để đạt đến chính giác v.v...

Văn chương có nhiều thể loại. Mỗi thể loại là một dạng thức tổ chức ngôn ngữ thành những hình thái nghệ thuật riêng biệt, nhằm đáp ứng những chức năng đặc trưng khác nhau, qua đó thể hiện cách nghĩ, cách cảm, thái độ và tâm trạng cá thể của nhà văn nhà thơ trước cuộc sống. Từ trước đến nay, thể loại văn học là một trong những đối tượng quan trọng của khoa nghiên cứu văn học. Sự kết hợp độc đáo của ngôn ngữ nhằm chứa tải những nội dung dị biệt phản ánh trong từng thể loại thường được giới lý luận văn học lý giải theo nhiều cung cách. Chức năng, đặc tính của các thể thơ *sonnet*, *pentasyllable*, *épigramme* v.v... trong tiếng Pháp là những đề tài khảo luận hấp dẫn của các công trình biên soạn văn học sử hay tu từ học. Hình thức và thể loại cũng có thể là tiêu chuẩn tập hợp thi ca thành đặc tuyển. Dương Đức Nhan sắp xếp các bài thơ luật tiêu biểu của mọi nhà trong *Tinh tuyển chú gia luật thi*; Bùi Huy Bích qua *Hoàng Việt văn tuyển* giới thiệu cùng hậu thế các thể *cổ phú*, *tế văn*, *biểu*, *tạ*, *ký*, *minh*, *chiếu*, *chế*, *sách*, *khải* v.v... Trong tất cả các công trình nghiên cứu chu đáo, *thể loại* văn học - tài liệu chữ Hán có khi còn gọi là *hình thể*, *cách thức*, *cách luật*, tương đương với khái niệm *form* trong tiếng Anh - bao giờ cũng được phân tích từ hai mặt gắn bó hữu cơ nội dung và hình thức, hai mặt đó tương tác và tương hợp với nhau. Khi xem xét hình thức thể loại, thì đó là các cách thức tổ chức ngôn ngữ thành hệ thống, kết cấu riêng biệt; còn khi xem xét nội dung thể loại thì đó là vấn đề của tâm

thức, tâm trạng, tầm nhìn, cách nghĩ, thái độ thẩm mỹ của con người đối diện thực hiện. Nhưng cách nhìn ngược lại cũng rất thú vị: tại sao các Thiền sư đời Lý, đời Trần khi sáng tác *kệ* lại hầu như chỉ sử dụng thể thơ bốn câu bảy chữ và nhất là năm chữ?

Thể thơ nhỏ, mỗi bài gồm bốn câu, mỗi câu gồm năm hoặc bảy chữ đó gọi là tuyệt cú trong tài liệu văn học chữ Hán. Chúng ta quen gọi là *tứ tuyệt*. Loại câu năm chữ là *ngũ ngôn tuyệt cú* hay *ngũ tuyệt*, loại câu bảy chữ là *thất ngôn tuyệt cú* hay *thất tuyệt*. Thể thơ tứ tuyệt làm theo lối cổ thi có tên *cổ tuyệt*, loại tứ tuyệt làm theo thể Đường luật gọi là *luật tuyệt*.

Văn chương phản ánh cuộc sống bằng ngôn ngữ. Nhưng nhà thơ không thể biểu thị thái độ khen chê, tình cảm yêu ghét thông qua việc xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình, thông qua việc miêu tả cuộc sống xã hội rộng lớn như nhà viết tiểu thuyết, nhà soạn kịch bản. Thông thường thi sĩ bộc lộ trực tiếp tình cảm qua bức tranh cuộc sống hữu hạn mà mình miêu tả, khiến cho tình cảm của mình chan hòa vào trong hình tượng, từ đó nảy sinh ra *ý cảnh* đầy sức truyền cảm. Tất nhiên những tác phẩm trường thiên ưu tú cũng có ý cảnh ở nhiều chỗ, nhiều đoạn. Nhưng dấu sao, ý cảnh trong sáng tác dài hơi vẫn không thể có cái trực tiếp, cái nhạy bén trong thi ca. Ý cảnh chính là mệnh mạch của thi ca, là tiêu chuẩn tài hoa của thi sĩ. Goethe bảo thơ của mình thường là *Gelegenheitsgedichte* (thi ca gắn với cảnh ngộ). Vương Quốc Duy đời Thanh trong *Nhân gian tử thoại bảo hữu cảnh giới tác tự thành cao cách, tự hữu danh cú* (có cảnh giới tự khắc trở thành cao cách, tự khắc có câu hay). Các nhà thơ đời Đường *particularly prize the chüeh-chü because in it they can do surpassingly well what they so often try to do when writing verse - catch some small moment of experience and stop its passing for an instant* (3) (đặc biệt đánh giá cao *tuyệt cú* vì qua thể thơ này họ có thể thực hiện xuất sắc điều họ thường cố gắng đạt được khi làm thơ - nắm bắt một chốc lát ngắn ngủi của cuộc sống và ngăn chặn sự trôi chảy của dòng đời trong một khoảnh khắc).

Khi ngâm một bài tuyệt cú, giọng ngâm thường hạ xuống ở cuối hai câu một và hai, như khi ngâm câu thứ ba thì âm độ bình thơ lại phải cao. Hãy tưởng tượng một buổi bình văn nơi nhà Giám với sự hiện diện của những Hoàng giáp Bùi Huy Bích, Tiến sĩ Lý Trần Quán như Phạm Đình Hồ ghi lại trong *Vũ trung tùy bút* mà đối tượng thẩm thố và thưởng thố là bài *kệ* của Thiền sư Vạn Hạnh. Người bình bài *kệ* muốn trình bày được giai điệu các câu thơ, muốn diễn tả được nhạc thức toàn bài thơ tùy theo cảm xúc thường

ngọa, phải hạ chùng giọng xuống hay cất cao giọng lên ở mỗi chữ thứ bảy trong câu. Riêng ở chữ cuối câu ba thì chẳng những giọng ngâm trở nên sang sảng - trước đó, ở hai câu một và hai, giọng ngâm có thể ở âm vực trầm mặc - mà người ngâm còn phải ngừng nghỉ sau khi các dây thanh âm khí quản căng thẳng như dây đàn, ngừng nghỉ xong rồi mới chuyển qua câu bốn, câu bốn mà chữ *phô* sẽ ngân nga vang vọng hồi lâu trong khắp cả hội trường bình thối. Như thế ở chữ *úy* có sự ngừng nghỉ trong căng thẳng và cũng có sự căng thẳng khi ngừng nghỉ. Ngừng nghỉ và căng thẳng thống nhất tạo cho nghệ thuật ngâm thơ khả năng phá vỡ tình trạng mất quán bình và tái tạo môi trường hòa điệu. Hai câu thơ ba và bốn như gắn bó với nhau thêm, chúng trở thành một tiếp hợp để diễn tả một tử thơ duy nhất. Theo tác đó, *enjambement* trong tiếng Pháp, có chức năng nối liền hai câu thơ của *liên* thơ thứ hai thành một ý thơ đồng thời nâng cao tác dụng mỹ cảm. Ý thơ đó là: mở ra từ *cánh* ngoại giới vẫn xoay, nhà thơ/nhà sư thác ngụ *tinh* vô úy của đệ tử nhà Phật. Dòng thơ thứ nhất là một mệnh đề độc lập, dòng thơ thứ hai cũng thế: chúng có chủ tử, động tử, túc tử. Dòng thơ thứ ba, trái lại, phải khớp vào dòng thơ chót mới trở thành một mệnh đề hoàn chỉnh; ngoài ra danh từ ghép *thịnh suy* được dùng như điệp ngữ càng tăng thêm tính ràng buộc giữa hai câu thơ. Như thế, cuối dòng thứ ba có một *bi kịch ngữ pháp* (4) bên cạnh một *bi kịch thi nghệ*. Tiếng ngâm bài *kệ* trong nhà Giám không chỉ vang dội dưới thời Lê Trịnh, nó còn vang vọng qua đại dương thời gian. Như Valéry từng bảo *c'est l'exécution du poème qui est le poème*, chính sự diễn tả bài thơ mới là bài thơ.

Nhà thơ sáng tác theo tuyệt cú, qua ngữ pháp và thể loại, khiến liên hội đến quyết tâm chống đối thời gian tàn nhẫn qua đi mà không bao giờ trở lại, khi nhất định khắc ghi cho kỷ được một chớp mắt tâm tinh, một sát-na tâm cảnh. Chính vì lẽ đó nên tuyệt cú là thể thơ tâm đắc của *kệ* trong thi ca Thiền tông. Tuyệt cú ngắn gọn, súc tích, chặt chẽ, cô đọng, đậm đặc, bão hòa rất phù hợp với chủ đích ghi lại một cách nhanh chóng nhất giây phút đón ngộ, thời điểm xuất thân của nhà tu hành. Tuyệt cú chứa đựng những năng lượng trí tuệ tích tụ đến độ căng thẳng, có tác dụng to lớn nhằm khai ngộ cho những tâm hồn khao khát chân lý Phật giáo. Cho nên *kệ* thuở ban đầu được gọi bằng chính hình thức bố trí ngôn ngữ của nó, *tử cú kệ* (kệ bốn câu). Cũng tương tự như vậy, trong tác phẩm mỹ thuật, các bức vẽ chìm ứng bay, đàn ngựa phóng, con hươu chạy, bầy cá lội v.v... thường vẫn là nắm bắt lấy động tác trong chớp mắt của những con vật liên hệ rồi phác

họa thành hình. Về mặt bức vẽ là *tinh*, nhưng tinh thần và thuộc tính của cái *động* của chúng hiển lộ rất rõ. Đó cũng là lý do tại sao khi Mộ Dung Bác "đốn ngộ" trong *Lục Mạch Thần Kiếm* để chợt nhận ra rằng thủ dân, đế vương cũng đều là cát bụi, nước Đại Yên khôi phục được cũng là *không* mà chẳng khôi phục được cũng là *không* thì nhà Sư già trong chùa Thiệu Lâm liền đọc lên mấy câu *kệ* để khai ngộ cho họ Mộ Dung cùng Tiêu Viễn Sơn. Tương tự như vậy và trong *Thiên Long Bát Bộ - thiên long* và *bát bộ* đều cùng là tử vựng thuật ngữ Phật học nên được dịch sang tiếng Anh thành *semi-gods* và *semi-devils* (5), Kim Dung để cho Đại luận Minh vương Cửu Ma Trí đọc tại chùa Thiên Long nước Đại Lý một bài *tử cú kệ* nói lên lẽ hữu thường mà hóa vô thường, đã hình như giả lại hình như không; và đề cập đến các khía cạnh triết lý Thích giáo hữu thường, hữu lạc, hữu ngã, hữu tinh và phi khô, phi vinh, phi giả, phi không v.v... chúng cũng xuất hiện bằng bạc trong bài kệ của Thiền sư Vạn Hạnh. Lịch sử thiền học còn ghi nhận có lần Thái Hậu em gái Tuệ-Trung Thượng-sĩ đời Trần mời ông dùng cơm. Thấy mâm cơm có thịt, ông cử ăn như thường. Thái Hậu lấy làm lạ, hỏi "Anh theo đạo thiền, nếu dùng thịt thì sao mà thành Phật được?". Thượng sĩ cười và trả lời bằng mấy câu kệ:

Phật tự Phật, huynh tự huynh
Huynh dã, bất yếu tố Phật,
Phật dã, bất yếu tố huynh (...)

Phật là Phật, anh là anh
Anh không muốn làm Phật,
Phật cũng chẳng muốn làm anh (...)

Chỉ mấy câu thơ ứng khẩu đủ nói lên cả một chủ thuyết phá chấp rộng lớn và sâu sắc: tại sao cứ phải cố chấp kháng kháng, cần gì cứ phải tuân thủ giới luật cứng nhắc. Phật là tâm, tâm là Phật; mình phải an nhiên thích thẳng theo con đường của mình, theo cái tâm của mình. Mọi thứ như sinh và tử, phiền não và Bồ đề đều xuất hiện với tâm và mất đi với tâm (6). Vị Đại sư Đắc Tâm của Trung Hoa trong *Tùy Viên thi thoại*, khi được biểu bốn chục quả trứng gà, cũng nuốt luôn một thổi vào miệng. Thấy mọi người cười, nhà Sư liền đọc ngay bốn câu kệ:

Hỗn độn cân khôn nhất khẩu bao,
Dã vô bì cốt dã vô mao.

Lão Tăng đòi nhĩ Tây thiên khứ,
Miễn tại nhân gian thụ nhất đao.

(Cả trời đất mịt mù ngoàm vào miệng
Nó chưa có da, chưa có huyết, chưa có lông.)

Già đây đùa chú về Thiên Trúc,
Để khỏi bị người đời băm bằng đao.)

Những bài kệ của Tuệ Trung, của Đắc Tâm đều cùng nói lên tư tưởng cực đoan trong Thiền tông. Cuộc sống, chất sống

có nhiều nhu cầu phải được đáp ứng và chẳng thể coi thường. Đó là một định lý sinh lý học hợp với qui luật tự nhiên. Muốn tu hành thì tinh thần phải sáng suốt, muốn tinh thần được sáng suốt thì không lẽ lại vứt bỏ thể xác. Cho nên tu hành không nhất thiết phải triệt để trốn tránh, hoàn toàn hủy diệt các nhu cầu nhục thân. Và nếu như phép diện bích thiền định, sự tĩnh tâm trai giới là thuộc về Phật pháp thì việc đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt chính thường của châu thân như ăn uống, ngủ nghỉ, bài tiết cũng phải được quan tâm. Nếu mọi thứ trên đời này đều là pháp tướng vô thường, đều là huyễn ảnh thì cần gì phải phân biệt giữa chúng với nhau nữa! Bẩn và sạch, đục và trong đều là không có thực. Vậy tại sao cứ bản khoãn suy tưởng về hai mặt trái ngược ấy? Kê đã giác ngộ lẽ thiên thì sẽ thấy vô minh cũng là Bồ đề, ngu tối cũng là giác ngộ, phiền não cũng là Niết Bàn, đau khổ cũng là giải thoát! Ở đây, chúng tôi không bàn đến tính chất hợp lý hay khả thi của những lập luận chủ trương vừa kể, chúng tôi không đặt vấn đề phê phán hay tán trợ các phép tu hành quá ư khổ hạnh. Chúng tôi chỉ muốn chứng minh rằng *kệ* là hình thức cấu trúc ngôn ngữ đặc thù để nói lên, trong một tích tắc và vào một đỉnh điểm, tư tưởng Phật học hay Thiền học. Chính khả năng hiểu biết sâu sắc về vũ trụ, về nhân sinh của đệ tử nhà Phật là động cơ thúc đẩy sự thịnh hành của *kệ*, nó là kết quả của nhận thức duy lý. *Kệ* là *thơ suy lý*. Thiền học là lối thoát cho nhiều người lạc đường, cho chúng sinh mất hướng. Trong tiểu thuyết Kim Dung, dù độc ác gian tà đến đâu, chỉ cần mấy câu *kệ* là kẻ sát nhân đã *ngộ* và thiền môn trở thành tụ điểm cho mọi cuộc đời sau những tháng năm chém giết: Tạ Tố, Tiêu Viễn Sơn, Mộ Dung Bác v.v... Bởi vì thiền tông phản đối tiếm tu, chủ trương kiến tánh thành Phật, đốn ngộ thành Phật, thậm chí không cần tọa thiền. Tịnh thổ tông còn tuyên bố chỉ tụng niệm Nam Mô A Di Đà Phật là có thể đến được nước Phật. Cho nên các thành ngữ *Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn* (Bể khổ không bờ, ngoảnh đầu lại là đã đến bến), *Phóng hạ đở đao lập thành Phật* (Bỏ đao giết thịt xuống lập tức thành Phật) có thể được xem như là những bài *kệ tục ngữ*, tức là một hình thức *kệ* còn đặc quánh về tử vựng và đàn hồi về ngữ nghĩa hơn cả *kệ tử cú*!

Thẩm Đức Tiềm đời Thanh trong *Thuyết thi toái ngữ*, cho rằng *thất ngôn tuyệt cú, dĩ ngữ cận tinh diêu, hàm thổ bất lộ vi chủ; chỉ nhân tiền cảnh, khẩu đầu ngữ, nhi hữu huyễn ngoại âm,, vị ngoại vị, sử nhân thần viễn (...)* (thơ tuyệt cú bảy chữ lấy lời gần mà nói tình xa, lấy sự kín đáo không lộ liễu làm chủ; chỉ mô tả những cảnh trí trước mắt, chỉ dùng những tiếng nói đầu lưỡi mà vẫn đạt được thanh âm

ngoài dây đàn, mùi vị ngoài mùi vị, khiến tâm trí con người hướng ra xa (...). Tất nhiên một quan niệm mỹ học về tuyệt cú như thế không nhiều thì ít cũng nhuộm mùi thiền mùi đạo; nhưng ngoài ra, nó còn có khía cạnh nhấn mạnh rõ rệt tác dụng gợi mở của tuyệt cú. Bài thơ chỉ có hai mươi hay hai mươi tám chữ nên dù vị và dư âm còn lại sau khi đọc chữ thơ cuối phải đạt tầm mức nồng nàn tuyệt đỉnh và trường độ ngân nga tối đa; như đã mô tả qua "tuyệt thuật" buổi *binh kệ* ở nhà Giám trên kia. Vì thế loại hạn chế chữ nên *ngôn ngoại chi ý* trở thành yếu tố quyết định tác động thẩm mỹ. G. Debon cho rằng do sự ước thúc phải cố đọng nên tuyệt cú trở thành trường phái thi ca tự kỷ. Muốn tuyệt cú được hàm mộ thêm, nghệ sĩ phải tìm cách biến đổi chữ thơ thành tác nhân gây liên hội và tạo tác động của bài thơ qua những điều không nói ra thành lời (7). Như Ma Ha Ca Diếp với nhánh hoa khi Phật thuyết pháp. Tất nhiên ngôn ngữ thi ca nói chung là hình thái ngôn ngữ đậm đặc, ngữ khí thi ca nói chung vốn có thể cách ngữ khí nén ép. Và chẳng phải chỉ riêng tuyệt cú (hay *kệ*) mới có lời chặt nhưng ý rộng, lời gần mà ý xa, lời cạn tài ý sâu. Tuy nhiên, do độ dày của nó, do tỷ trọng của nó nên tuyệt cú (và *kệ*) bắt buộc phải hàm súc mà hiển lộ, phải nói cái tối thiểu để diễn tả cái tối đa. Trong các thi thoại, có nhiều hình thức diễn tả khác để nhấn mạnh tính song quan của tuyệt cú (nghĩa là của *kệ*): một bên là ngắn gọn và đôn giản, một bên là bao la và sâu xa. Chẳng hạn:

- *ngũ đoản ý trường* (8) (Thi Bồ Hoa. *Nghiễn Dung thuyết thi*)
- *ngôn vi ý viễn, ngữ thiền tình thâm* (9) *Thấm Đức Tiềm. Đường thi biệt tài tập*)
- *ngôn hữu tận nhi ý vô cùng* (10) (Nghiêm Vũ. *Thuởng Lăng thi thoại*)
- *tượng ngoại chi tượng, cảnh ngoại chi cảnh* (11) (Tú Không Đờ. *Dũ Cực Phố đàm thi thu*)
- *cận nhi bất phủ, viễn nhi bất tận* (12) (Tú Không Đờ. *Dũ Lý Sinh đàm thi thu*)
- *văn dĩ tận nhi ý hữu dư* (13) (Chung Vinh. *Thi phẩm, Tổng luận*)
- *thiên chung tiếp hỗn mang, thi bãi địa hữu dư* (14) (Đỗ Phú. *Ký Cao Thích, Sâm Tham tam thập vận. Bát ai thi - Trường Cửu Linh*).
- *phiến ngôn khả dĩ minh bách ý* (15) (Luu Vũ Tích. *Đồng thị Vũ Lăng tập ký*) v.v...

Hàm súc và thi vị đi đôi cùng nhau. Ý tứ sâu xa phong phú, tình vi nồng nàn, vận dụng được hình tượng hoa lệ hữu hạn phản ánh cuộc sống vô hạn phức tạp, biểu hiện được tư tưởng sâu sắc, giúp được người đọc liên tưởng tới một phạm vi rộng rãi bao la, đó là chủ đích của thơ tuyệt cú qua thể tài *kệ*. *Kệ* thông qua cảm thụ trực tiếp của nhà thơ đối với cuộc sống mà bày tỏ tình cảm, rồi từ đó truyền lan sang giới thường ngoạn. Muốn

đạt được hiệu quả này thì chuyện mấu chốt là ở điểm miêu tả *tượng, cảnh* trong *kệ* phải có tính điển hình cao độ và tính độc đáo rõ rệt. Ấy là yêu sách của *kệ* vì chỉ có như vậy thì qua vền vền bốn dòng chữ mới khơi dậy được ở thính giả và độc giả sự liên tưởng và trí tưởng tượng; khiến người nghe *kệ* thường thờ, bằng kinh nghiệm bản thân và khát vọng thẩm mỹ, tự mình đạt được mức sáng tạo điều gọi là *tượng ngoại chi tượng, cảnh ngoại chi cảnh*; bay được đến khung trời *ngôn ngoại chi ý*. Cho nên một bài *kệ* không bao gồm chấm dứt. Dòng thơ cuối, thông thường là dòng thơ thứ tư, là một *open closure* (kết mở); để dùng khái niệm là Stephan Owen, tác giả *The Poetry of the Early Tang* (Sở Đường thi), vận dụng nhằm mô tả chức năng câu thơ chốt của bài tuyệt cú.

Tất cả dù thi ca nói chung, tuyệt cú nói riêng sáng tác *kệ*, xét cho cùng, là ở vào tình trạng nhị trùng bản ngã. Bởi vì muốn làm một Thiền sư đúng với ý nghĩa của chữ Thiền sư thì tất nhiên không thể đồng thời cũng là một nhà thơ, một nghệ sĩ, sống cuộc sống đam mê thông thường của chúng sinh bách tính. Tình trạng *nhị nguyên tâm lý* đó càng đòi hỏi bản lĩnh cao cường trong sử dụng ngôn ngữ, để một mặt ký thác lòng thơ lai láng của thi nhân, mặt khác phụ diễn diệu lý của đạo Thiền. Cho nên các Thiền sư thi sĩ Lý Trần rất thiện dụng ám dụ nhằm giảng giải cho đệ tử về lẽ đạo mà mỗi thoát nhìn, tưởng chừng như chữ vị cốt nhằm tả cảnh thiên nhiên. Nhà sư Viên Chiếu, *tham đồ hiển quyết* (chỉ rõ bí quyết đạo Thiền cho môn đệ), đã đưa ra những câu thơ năm chữ bày chữ rất bóng bẩy, đẹp đẽ, gợi cảm:

*Xuân chúc hoa như cảm,
Thu lai điệp tự hoàng.
(Xuân dệt hoa như gấm,
Thu sang lá dốm vàng).*

*Giác hưởng tùy phong xuyên trúc đáo,
Sơn nham đối nguyệt quá tống lai.
(Tiếng tù và theo gió xuyên rặng trúc mà đến,
Ngọn núi cao đội trăng vượt tống mà qua).*

Quan niệm về sự tương đồng giữa vạn vật, mà ở đây là sự tương đồng giữa vạn vật và con người, đã đưa tới sự xóa bỏ ranh giới giữa chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức; quan niệm đó dựng xây nền móng cho những tử thơ độc đáo và những hình tượng sinh động. Đọc những liên thơ đó, khó có thể tưởng tượng đây là lời *kệ* ứng dụng biện pháp sử phạm cơ *phong* của Thiền tông, vì chỉ thấy hồn thơ bồi hồi của một thi nhân trước cảnh trí thiên nhiên quuyến rũ. Sư Mãn Giác nhân bàn về lẽ hóa sinh ở đời trong bài *Cáo Tật Thị Chúng* (Mắc bệnh bảo mọi người) sáng tác trước khi viên tịch, đã bảo đệ tử

hãy tin tưởng ở ngày mai, ở một mùa xuân đang tới theo qui luật tuần hoàn tất yếu của tự nhiên:

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.
(Chở bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Trước sân đêm qua nở một cành mai)*

Bậc tu hành giác ngộ lẽ đạo có thể vượt khỏi vòng luân hồi của pháp tướng, thoát được sự chi phối của thế giới hữu tình, khác nào như nhánh mai kỳ diệu kia vẫn cử nở trong khi muôn hoa đã rụng hết vào buổi xuân tàn. Nhà Sư viên tịch những chân thân thì vượt khỏi vòng sinh tử để khai hoa vĩnh cửu. Ý thơ được trao gửi cho môn sinh qua cung cách thể hiện tử thơ tuổi mát và linh hoạt.

Nhưng cũng do bản chất *phiến ngôn* nên *kệ, a priori*, không phải là một thể loại thi ca tự sự hay sử thi. Nó biểu lộ tất cả tiềm năng trong lĩnh vực trữ tình, nó là những tác phẩm chạm trở tình xáo để ngụ ý, nó là những bức tiểu họa tạo trầm tư. Nó là hình thức bố trí lời chữ gợi nhớ đến các hình thức văn học nghệ thuật khác: thơ *hải cú* Nhật Bản, vởi tử thơ ý thơ nén ép dưới áp lực tối đa của kết cấu ngôn ngữ: điều khắc tỉ mỉ, vởi những tác phẩm chạm trở nhỏ xíu; hội họa khỏe léo, vởi những bức tranh chỉ có một, hai nét phóng bút; kỹ xảo trang trí *bonsai*, vởi những tàng cây cổ thụ vi tế. *Kệ* tiết kiệm âm tiết đến tối đa, nó kín đáo, thâm trầm, ít nói. Nó là nghệ thuật lược vắn, lược tử tinh luyện nhưng nó cũng là nghệ thuật gợi ý, dẫn khởi siêu đẳng. Kỹ xảo của nó là diễn tả điều không diễn tả được bằng cách không biểu cảm cảm xúc. Nó tẩm đẫm tinh thần *diệt dục*. Cảnh và tình được nó trình bày là cảnh và tình dành cho cả người làm thơ lẫn người đọc thơ. Mỗi tưởng tác tác giả độc giả sâu sắc và gần gũi đến nỗi chỉ cần một vài chữ sàng dai kỹ lưỡng, hai ba dòng phẩm bình chính xác là đủ để gây hòa đồng, để tạo tiếng dội, để đạt hồi âm, để phát sóng đồng cảm, tất cả trong một tâm trạng sẵn sàng rung động dây đàn cùng điệu của người thường ngoạn. Nghệ thuật *kệ* nung tựa vào bí quyết kích thích trí tưởng tượng của hồn thơ mẫn cảm và hòa hợp. Trầm tư đòi hỏi yên lặng nhưng *kệ* chúng cất trầm tư thành một tiếng thơ thì thầm hay một lời dạy hầu như không được nghe nổi. Keats cũng từng ám chỉ điều đó khi bảo *Hears melodies are sweet, but those unheard are sweeter* (Khúc điệu nghe được thì du dương, nhưng khúc điệu không nghe được còn du dương hơn nữa). Và Phan thi bá của chúng ta là chuyên dịch *Tỳ Bà hành*: *Tiếng tổ lạng ngát bấy giờ càng hay. Kệ như một nút điện, chỉ cần bấm là cả một khung trời tưởng tượng phi thường xuất hiện, cả một loạt hình dung kỳ ảo xác lập. Ma lực của *kệ* nằm ở chỗ gạt bỏ triệt để thực tại, xóa nhòa đường nét hiện*

thực. Vì lẽ đó, *kệ* có thiên hướng ưa thích hình tượng ẩn dụ và song quan ẩn ngữ.

Cuối cùng, và vẫn trong phạm vi cung cách bố trí ngôn ngữ thành thể loại riêng tu, *kệ* có điểm đặc trưng là thường không có đầu đề. Trong các thi tập, hợp tuyển, do nhu cầu trình bày, *kệ* đôi khi có đầu đề nhưng đầu đề đó phổ biến là do người đời sau hay người thu thập đặt. Tên gọi *Thị tịch cáo đại chúng* và *Cảm hoài* là đầu đề một bài *kệ* của Tử Đạo Hạnh và một bài *kệ* của Thiền sư Chân Không do Lê Quý Đôn thêm vào trong *Toàn Việt thi lục*; các đầu đề Tâm không đặt cho một bài *kệ* của Thiền sư Viên Chiếu, *Nguyễn Hỏa* đặt cho một bài *kệ* của Đại sư Khuông Việt đều là của nhóm biên soạn *Thổ văn Lý Trần* v.v... Thật ra tình trạng nhiều bài thơ không có đầu đề là một sự kiện thường gặp chịu ảnh hưởng lịch sử chủ không phải là nét riêng của *thi kệ*. Trong văn học thế giới, sử dụng đầu đề chỉ trở thành quen thuộc từ thế kỷ XIX. Suốt nhiều trăm năm, khi kỹ thuật ấn loát chưa phát triển, khi thơ còn được chép bằng tay (thời Trung cổ) thì chỉ có câu đầu trong bài thơ - thuật ngữ cổ văn học gọi là *incipit* - đóng vai trò đầu đề. Chẳng hạn một bài thơ của Du Bellay có *incipit*: *Heureux qui comme Ulysse...* (Kẻ sung sướng như Uly-lít...). *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* chép tất cả năm mươi hai bài thơ, từ bài thứ nhất của Cao Biền ghi theo lối biên niên vào năm Bình Ngô 255 trước CN (16) đến bài chót của Đặng Bính ghi ở năm Nhâm Thìn 1532, tất cả đều chẳng có bài nào có đầu đề. Ngay bài thơ nổi tiếng được xem là của Lý Thường Kiệt cũng không có đầu đề và người đời sau cũng như người đời nay đều mặc nhiên gọi nó bằng *incipit Nam quốc sơn hà Nam đế cử*. Và đây cũng không hề là hiện tượng cá biệt. Goethe, *Eckermann*, 29.01.1827 viết rõ: "*Er (der Titel) gehört auch nicht dazu, die alten Gedichte hatten gar keine Titel, es ist dies ein Gebrauch der Neuern, von denen auch die Gedichte der Alten erst in einer spaeteren Zeit Titel erhalten haben*". (Nó 'đầu đề' không thuộc vào bài thơ, các bài thơ cổ không hề có đầu đề, đây là một thói quen của thời đại mới, chính người đời sau đặt đầu đề cho các bài thơ của người xưa). Tuy nhiên nếu so với các thi phẩm phổ thông thì tần số ghi nhận các bài *kệ* không có đầu đề lại rất lớn; và như thế vì hai lý do chính:

- *kệ* thường là cách kết luận một bản luận thuyết dài, ví dụ các phần đoạn trong bài *Phổ thuyết tử sơn*, trong bài *Phổ thuyết sắc thân* của vua Trần Thái Tông đều chấm dứt bằng nhiều bài *kệ*;
- *kệ* thường là thi ca ngẫu hứng tác, được sáng tạo trong một tình huống nào đó nên được thư tịch ghi chép lại trong bối cảnh và khuôn khổ thai nghén.

Phật học, Thiền học là những lĩnh vực tưởng chừng rất xa lạ với văn chương. Vì đó là những lĩnh vực hết sức tiết kiệm từ duy bằng ngôn ngữ mà lấy sự giác ngộ bằng phương pháp trực quan - *truyền tâm* - làm cơ sở. Trong khi đó thì văn chương chính là và chỉ là nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ. Nhưng thật kỳ diệu thay, trong phạm vi ít ỏi của những từ ngữ, khái niệm được phép dùng - lắm khi là những lời trôi trăn vào lúc hấp hối - các nhà Sư đã từng trầm mặc suốt một đời, trước lúc từ giã thế giới *sắc tướng* mà sang bến bờ *không tịch* cũng đã dùng tiếng nói thể tục để nói lên chân lý thoát trần; đôi khi còn lại dùng tiếng nói thể tục để sáng tạo nên những vần thơ hoa lệ. Lúc vĩnh biệt trần gian, bằng cách nào đi nữa, con người vẫn có nhu cầu bày tỏ mối liên hệ giữa *minh* với *đời*. Chính vì thế mà tuy không phải là một bậc chân tu, nhà thơ Lý Thường Ẩn trên giường bệnh, lúc lâm chung, cũng viết một bài *kệ*. Thể *kệ* có tên riêng là *biệt kệ*, *kệ* làm khi vĩnh biệt, khi *thị tịch* và được các nhà nghiên cứu thi pháp Trung Hoa chuyển thành *gâthâ léguée* (Paul Jacob) (17) hay *mot de la fin* (Paul Demiéville) (18). Các nhà thơ phương Đông khi tả cảnh không miêu tả chi tiết từng tấc của hiện thực. Họ chú trọng diễn tả một cảm giác chủ quan, một cảm tưởng thoáng qua: ánh sáng, màu sắc, đường nét chấm phá, cảm xúc tinh tế. Nghệ sĩ dồn sức biểu đạt những ấn tượng mạnh mẽ và trực cảm về đối tượng mô tả, về sát-na tâm cảnh. Thi sĩ hay họa sĩ mô tả đối tượng hoặc tả vẽ tranh ảnh theo những nét tách biệt mà nghệ sĩ nắm bắt được qua những ấn tượng chốc lát, mà nhãn quan chụp hình được nhờ một cú bấm máy chớp nhoáng. (Song khi quan sát bao quát chỉnh thể thì lại vẫn có thể tìm thấy tính thống nhất và mối liên hệ kín đáo của các ấn tượng, các tấm hình). Nhà thơ, nhà vẽ có thiên hướng chấp nhận rằng cái có giá trị hiện thực duy nhất chỉ là cái thoáng qua, rất khó nắm bắt được, không thể diễn tả được bằng bất cứ cái gì, ngoại trừ cảm giác. Hình tượng thi họa xây dựng trên những ám thị mở hồ, những lời thơ lỏng lẻo hé mở cái tôi tự phát vô thức. Chẳng thế mà:

Dục tham thi luật dĩ tham thiền,

Diệu thú bất do văn tự truyền.

(Tướng thông cùng luật thơ cũng như

tướng thông với thiền,

Điều đã không nói được thì cũng không

thể truyền lại)

Đó là nhận thức về mối tương đồng giữa *thi* và *thiền* của Thái Phục Cổ đời Minh, nó phản ánh luận chứng *vô ngôn ngôn* trong giáo lý Thiền học. Trong khi đó thì William Cullen Bryant qua thi phẩm *The Poet* (Nhà thơ) lại viết:

Seize the great thought, ere yet its power be past,

And bind, in words, the fleet emotion fast.
(Hãy nắm bắt lấy tư tưởng lớn trước khi ảnh hưởng của nó đi qua,
Và dùng từ ngữ để kết liên chặt chẽ cảm xúc thoáng hiện).

Những Ni sư Diệu Nhân, vương phi Ý-Lan, những Không Lộ, Mãn Giác, Viên Chiếu, Khuông Việt, Vạn Hạnh v.v... đều đã làm được, qua những bài *kệ*, điều nhà thơ nước Anh tâm đắc.

GHI CHÚ:

(1) Ví dụ trong từ điển Pháp, Anh: Yves Raguin s.j. Terminologie raisonnée du bouddhisme chinois (Thuật ngữ suy luận Phật học Trung Hoa). Institut Ricci. Taipei. 1985, hoặc William Edward Soothill and Lewis Hodous. A Dictionary of Chinese Buddhist Terms (Từ điển thuật ngữ Phật học Trung Hoa). Kegan Paul, Trench, Truner & Co., Ltd. London. 1937.

(2) Phật Quang đại từ điển. Từ Di chủ biên. Phật Quang đại tạng kinh biên tu ủy viên hội phát hành. Đài Loan. 1989. Quyển trung, trang 4383-4384.

(3) William Mc Naughton. *Chinese Literature. An Anthology from the Earliest Times to the Present Day.* (Văn học Trung Hoa. Hợp tuyển từ thuở ban sơ đến hiện đại). Charles E. Tuttle Company. Tokyo. 1974. p.342.

(4) *grammatical drama*, chủ của W.Mc Naughton, op.cit., p.343.

(5) *Fox Volant of the Snowy Mountain* (Hò bay nơi núi tuyết) by Jin Yong, translated by Olivia Mok; The Chinese University Press. Hongkong. 1996. p.381. Đây là bản dịch sang tiếng Anh bộ *Tuyệt Sơn Phi Hồ* của Kim Dung.

(6) Thơ chữ Hán của Tuệ Trung Sinh *từ nhàn dĩ nhĩ* (Sống chết là lẽ thường mà thôi).

(7) Günther Debon. *Chinesische Dichtung. Geschichte, Struktur, Theorie* (Thi ca Trung Hoa. Lịch sử, kết cấu, lý thuyết). Leiden. 1989. S.92. Nguyễn văn: *Mit seinem Zwang sur Konzentration wurde das chüeh-chü zur hohen Schule der poetischen Selbstsucht. Seine Beliebtheit mußte wachsen mit dem Wunsch des Künstlers, das Wort rum Traeger von Assoziationen zu machen und die Wirkung des Gedichts im Ungesagten zu suchen* (...)

(8) lời ngắn ý dài.

(9) lời tinh ý xa, đọng cạn tình sâu.

(10) lời có hết mà ý không cùng.

(11) tượng ở ngoài tượng, cảnh ở ngoài cảnh.

(12) gần gũi mà không phủ phiểm, xa thì mệnh mông không cùng.

(13) văn đã hết mà ý vẫn còn.

(14) bài hết tiếp liền với mệnh mông, thơ xong vẫn còn dư âm.

(15) mảnh lời có thể sáng tỏ trăm ý.

(16) Cao Biền là người đời Đường nhưng bài thơ được ghi ở kỷ nhà Thục.

(17) Paul Jacob. *Poètes bouddhiques des Tang* (Các nhà thơ Phật học đời Đường). Gallimard (nrf). Paris. 1987. *Gâthâ léguée*: giá đã để lại.

(18) Paul Demiéville. *Poèmes chinois d'avant la mort* (Thi ca Trung Hoa lúc lâm chung). L'Asiathèque. Paris. 1984. *Mot de la fin*: Nét chữ cuối đời ●

VĂN HÓA VÀ ĐẠO ĐỨC

Đức-Lớn của Trời Đất là Hiếu-sinh. Đạo-Lớn của Trời Đất là Hằng-hóa. Vậy Đạo Đức lớn nhất, vĩ đại nhất và chân thật, hiện thực nhất của vũ trụ chúng ta, chính là Đức-Hiếu-Sinh và Lý-Hằng-Hóa. Vũ trụ này hình thành và phát triển được đều nhờ vào Nguyên-lý Hiếu-Sinh và Hằng-Hóa, Văn hóa của loài người cũng được hình thành và phát huy bởi nhận thức con người dựa trên nguyên-lý đó.

Như vậy đã rõ ràng, văn hóa và đạo đức tuy Hai mà là Một. Do đức hiếu sinh của trời đất, mà năng lực vũ trụ hóa hiện từ những sinh hoạt vật lý đã không ngừng nỗ lực thăng hóa, tạo ra các hiện tượng sinh lý, tức là thế giới của các sinh vật, rồi các sinh vật tạo ra các loại năng lực (gene) riêng, cho mỗi chủng loại của mình, để tiếp hóa không cùng. Loài người được xem như một chủng loại cao nhất trong công trình sáng hóa hằng hóa của Trời Đất, đã đủ khả năng tạo lập được hiện tượng Tâm Lý, để vươn lên thế giới tâm linh vĩnh hằng. Nhận biết được **ta trong vũ trụ, vũ trụ trong ta**. Những nỗ lực **tự thăng hóa tâm linh mình cũng chính là góp phần thăng hóa vũ trụ**.

Từ đức hiếu sinh của Trời Đất, thể hiện ra thế giới loài người là đức Tử Bi, đức Nhân Tử hay đức Bác Ái... là những từ để chỉ cho ý niệm về sự yêu thương bao dung quý trọng sự sống, tôn trọng cuộc sống riêng của mình, của người và của hoàn-vũ. Chính vì vậy mà các nền Văn-hóa, các Tôn giáo chân chính, các học thuyết giá trị, đều lập căn trên đức hiếu sinh, để hướng dẫn con người sinh sống và phát triển. Riêng một mình học thuyết Duy-Vật Cộng Sản là nghịch lại với đức lý của Trời Đất, ngược với đạo sống của loài người, là đề cao sự Mâu thuẫn Hủy diệt, vốn chỉ là một mặt của nguyên lý: Bổ Sung, Phân Hóa, Điều Hợp trong công cuộc hằng hóa vũ trụ. Nó chỉ được xem như phần phải có trong sự phân hóa, khi các hiện tượng bị phân hóa không hội đủ những điều kiện để điều hợp thành các hiện tượng mới.

Điều nguy hại không chỉ dừng ở mặt lý thuyết, nó đã làm cho nhiều thế hệ loài

người tin theo cũng như chống đối học thuyết Duy Vật, rơi vào lối nhận thức một chiều máy móc. Nó còn được đưa xuống làm nguyên tắc chỉ đạo cho cuộc đấu tranh xã hội, đấu tranh giành quyền lực, đó là tận lực khai thác và phát huy **cảm tính hận thù tiêu diệt những người không cùng giai cấp**. Hận thù là phản nghĩa với Tử Bi, Nhân Tử, Bác Ái, Yêu Thương. Tiêu diệt là phản nghĩa với xây dựng và phát triển. Tức, chủ nghĩa Duy Vật Cộng Sản là hướng đi ngược chiều với văn hóa nhân loại. Hay nói khác là **Phi Văn Hóa**.

Văn hóa của con người, của các dân tộc, của các nền văn minh, của toàn thế giới trước sau gì cũng có chung một tính chất là: Đẹp, Sáng, Mỗi, đây mỗi thật là Văn Hóa Tính phổ quát và trường cửu. Đẹp sáng từ nội dung tới hình thức ở con người cũng như trong xã hội và các công trình, sản phẩm được tạo ra bởi con người, thế rồi người sau tiếp người trước lưu giữ bảo tồn, và làm mỗi thêm cho cuộc sống riêng và chung, làm mỗi thêm cách sống, lối sống, phong thái sống, phương tiện sống và chế độ sống... tất cả đều nhằm hướng Chân Thiện Mỹ mà thăng hóa.

Để gần được chân lý, đạt được chân lý, đây vốn là một thách đố với suy tư của con người và toàn thể loài người, từ buổi bình minh của ý thức người xuất hiện. Xem ra trong quá khứ ý thức người đã bất lực trước thách đố đó, vì rằng: những công trình suy tư bằng ý thức người đã chỉ tạo ra được những luồng tư tưởng một chiều cực đoan khép kín, các chủ nghĩa "DUY" thế này, thế nọ, thế kia, đã xé nát nhân loại ra làm nhiều mảnh, dựng trên những hàng rào tinh thần hào nhoáng, rồi được ngụy trang dưới danh nghĩa Văn Hóa Đạo Đức để lừa đẩy nhân loại vào thế thù hận nhau mỗi thật đáng buồn. Làm cho chân lý hiếu sinh và hằng hóa mỗi lúc mỗi rời xa con người thêm.

Tuy nhiên, những tư tưởng "DUY" dù có một chiều khép kín, nhưng nếu không đi ngược với hướng Chân Thiện Mỹ, cũng là hướng của văn hóa, thì đều được nhìn nhận là có văn-hóa-tính, vì đã góp phần trong việc giúp con người khai mở nguồn tâm tư toàn diện sẵn có nơi mình. Chính nguồn tâm tư toàn diện sẵn có trong mỗi người, là nền của Văn Hóa, dung chứa tất cả những ý niệm, những tư tưởng trái ngược, rồi dung hóa, đãi lọc lấy tinh túy của những tư tưởng đó, ứng dụng vào cuộc sống, tạo ra các phương tiện sống mỗi ngày một hoàn hảo hơn, nhằm phục vụ con người và xã hội.

Ngày nay sau khi nhân loại đã tỉnh mộng, về những nhận thức chủ quan Duy ý chí, đã ném trái và bị trả giá quá đắt do những tư tưởng đó tạo ra, thì đều thấy rằng: Thế giới cần phải được xây dựng và phát triển dưới nhân quan toàn diện mới, hợp với đức lý của Trời Đất, đứng với Văn Hóa Tính của nhân loại, để hướng được cảnh thái hòa phát triển lâu bền. Điều hiển nhiên là nhân loại đang tiến và hướng chính đạo, đây là **Nền Nhận Thức Nhân Chủ Nhân Văn**

Toàn-Triển, trong đó **Tự Do Tự Chủ Sáng Tạo Của Con Người** là căn bản.

Vì chỉ khi nào con người thực sự có tự do, hoàn toàn tự chủ trong suy tư và hành động, thì mới phát triển được khả năng sáng tạo. Chính khả năng sáng tạo đó đã làm cho văn hóa mỗi lúc mỗi đẹp sáng mỗi thêm. Để thể hiện đúng hướng Chân Thiện Mỹ thì đều không thể làm khác, là phải vận dụng tới khả năng trí tuệ của con người. Mỗi người đều có trí tuệ, nhưng khai mở được khả năng trí tuệ ở trình độ nào đó, thì còn tùy ở công năng tu dưỡng của mỗi người.

Có thể có nhiều phương pháp tu dưỡng phát triển trí tuệ, nhưng để có chứng nghiệm cụ thể, thì phương pháp Thiền của các bậc Giác Ngộ là dễ nhận ra. Các vị đó đã giảng dạy thế cách quán định để giúp tâm từ con người đạt cảnh an-nhiên tự-tại thanh-tịnh rất ráo, tạo điều kiện cần và đủ để trí tuệ khai mở. Trí tuệ khai mở không có nghĩa là đã có đủ công năng nhận biết ngay được chân tướng chân thật của thực tại, mà còn phải kiên trì nhẫn nhục phá-chấp, tháo bỏ những xiềng xích tư tưởng một chiều cực đoan, những thành kiến cả xấu lẫn tốt... có nghĩa là buông xả, buông xả và buông xả toàn diện rất ráo ngay cả chính niệm, đừng nói chi là tà niệm nữa, buông xả luôn cả những cảnh giới an lạc chân thật, đạt được trong hành trình tu tập, để đoạn trừ cảm thụ của Ta, thuộc về Ta và riêng có Ta.

Chính trong hành trình phá chấp và buông xả đó, Năng Lực Trí Tuệ sáng mãi lên, như ánh nắng làm bùng nổ hạt giống Tử Bi nơi con người, khi Đức Tử Bi, Lực Trí Tuệ đã nở trọn vẹn nơi con người, thì con người chẳng còn "cái ta" nhỏ bé tùn mùn nữa, không còn phải dùng phương tiện suy tư lý luận, để tìm hiểu biện minh cho Chân-lý Đức-lý của Vũ-trụ Vạn-hữu nữa, mà đúng là Đức Tử bi, Lực Trí Tuệ của con người đã là thể hiện đức lý Trời Đất một cách chân thật và đầy đủ. Cho nên không có gì lạ, khi mà lời nói ra từ các bậc Đại Giác Ngộ, đều là những điều ĐÚNG, lời của chân lý vĩnh hằng vậy.

Khi Tử-bi Trí-tuệ đã hiện diện trong con người, là con người đã hội nhập được với đức lớn hiếu sinh, đạo lớn hằng hóa của Trời Đất, thì việc thể hiện năng lực Tử-bi Trí-tuệ ra trong kiếp nhân sinh là lẽ đương nhiên. Chính những đóng góp đó vào với gia tài Văn hóa Nhân loại, đã và sẽ đưa văn hóa tới mục đích Chân-Thiện-Mỹ.

Mà văn hóa luôn luôn sắm vai trò chỉ đạo, chủ đạo cho toàn thể nhân loại cùng nhau nỗ lực triển khai được cuộc sống Nhân chủ Nhân văn, để con người được tự do tự chủ thực hiện **nguyên ước chân chính, chân thật của mình trong thực tại thế giới, đồng thời thăng hóa tâm linh mình để đạt tới cảnh toàn chân toàn thiện toàn mỹ**.

Đến đây có thể hiểu được tại sao trong xã hội do Cộng Sản làm chủ và thống trị lại

sa đọa tằm tối như vậy. Vì đích ra các danh từ văn hóa đạo đức mà họ thường dùng không có nội dung, mà chính người sử dụng nó lại cũng không hiểu nổi điều đó, cho nên toàn Cộng đảng Việt Nam đứng trước cảnh sa đọa tan vỡ của tâm lý người dân, cũng như đảng viên, đều thấy rằng cần phải phục hồi giá trị văn hóa và đạo đức, mới cứu vãn nổi chế độ đã ruồng nát ung thối. Nhưng điều cốt nát của họ là những giá trị văn hóa đạo đức đích thật chân chính của Trời Đất của loài người đã không hiện hữu trong đầu óc của họ. Tất cả những giá trị đó, đã bị chính thủ chủ nghĩa Duy-vật Cộng sản mà họ coi là lý tưởng siêu việt nhất, là chân lý tuyệt đối, đã tiêu diệt hết rồi, tiêu diệt ngay trong suy tư của chính họ, và trong xã hội mà họ đang thống trị.

Trong suy nghĩ của người cộng sản chân chính và không chân chính hiện nay, thì đều đã có sẵn một đường rầy biện chứng "Tất cả đều là phương tiện", văn hóa đạo đức cả con người lẫn dân tộc đều là phương tiện, trước kia là phương tiện để phục vụ cho lý tưởng Duy-vật, cách mạng xã hội chủ nghĩa, nay lý tưởng đó đã tiêu ma, thì lại thành phương tiện để củng cố quyền lãnh đạo, nhằm mục tiêu hết sức thực tế là Duy-Vật-Chất, "duy tiền". Chính vì toàn Đảng đều có mục đích duy-tiền, nên mạnh ai, kẻ đó kiếm tiền, bất cứ liêm sỉ. Bất kể luật pháp, bất chấp đạo đức, trong khi đó người dân là nạn nhân thì bị đè nén bóc lột và bị cấm nghe cấm nói, chỉ để một mình Đảng được độc quyền nói, mà chỉ toàn nói ngang, nói ngược, nói bậy thối.

Đời thuở nào mà lại đem Nước Trộn Với Lửa rồi bắt toàn dân phải tin là được, thì không biết được chỗ nào? Lấy Kinh Tế Thị Trường Tự Do là "nước" mà đi trộn với "lửa" Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa, thì nhất định lửa phải tắt là điều khỏi bàn. Lấy "nước" Văn Hóa Đạo Đức đem trộn với "lửa" Chủ Nghĩa Mác-Lê và Tư Tưởng Hồ, thì lửa phải tắt là cái chắc. Vì đích thật, chẳng một ai đã được đào tạo trong xã hội Cộng Sản lại dám nghĩ rằng: Chủ thuyết Duy-Vật Cộng Sản không có Văn-hóa-tính, phản lại nguyên lý của Đạo Đức. Họ bắt buộc phải hiểu rằng: Học thuyết Duy-Vật, những sách vở viết về học thuyết này là những tác phẩm văn hóa.

Nhưng, những thủ tuy bề ngoài có bóng dáng của các công trình văn hóa, mà nội dung lại phản lại văn hóa, được ngược với văn-hóa-tính là Đạp, Sáng, Mỗi, ngược mục tiêu của văn hóa là Chân, Thiện, Mỹ, chống lại hướng đi của Trời, Đất, Người là Đức Hiếu Sinh, bằng chủ trương Hận thù và Hủy diệt, thì chỉ được gọi đó là những công trình Tội-Động phản nghĩa với Văn-hóa mà thôi. Hầu như tất cả thủ tục thể giới đều có cảm nhận thế, riêng người Cộng Sản thì không. Nhất là những người lãnh đạo Việt Cộng thì lại càng "mít-đặc", nên mới liều lĩnh đem Văn-hóa Đạo-đức trộn chung với chủ nghĩa Mác-Lê làm trò cười cho thiên hạ.

Còn ông Hồ thì làm gì có tư tưởng độc lập tự chế ra đâu, mà gọi là "Tư Tưởng Hồ Chí Minh", ông chỉ có những tư tưởng mánh mung vụn vặt còp nhặt của người xưa một tí, Mao Trạch Đông nhiều hơn, rồi cộng chung với chủ thuyết Mác-Lê, để lừa đám học trò đệ tử mà thôi. Còn bảo ông có công phối hợp "nhuần nhuyễn" tinh thần yêu nước với chủ nghĩa cộng sản để giải phóng đất nước, thì cũng lại là hành vi cưỡng tử, đoạt lý, đem nước trộn với lửa vậy mà; sau này bị nhóm đệ tử vì ngu muội đã "lật tẩy" ông, qua khẩu hiệu kiêu căng hách dịch: "Yêu nước là Yêu Xã Hội Chủ Nghĩa", thế là bao nhiêu lời tuyên truyền về thành tích của ông Hồ và nhóm đệ tử có tinh thần yêu nước đều bị lột sạch, để hiện nguyên hình là bọn ông Hồ, đã lợi dụng tinh thần yêu nước của toàn dân và chiêu bài Độc Lập Dân Tộc, bắt mọi người phải hy sinh phục vụ cho Chủ Nghĩa Cộng Sản ngoại lai, và cái Đảng có Nga-Tàu lãnh đạo. Là người có tinh thần dân tộc yêu nước, mà sao trước lúc lâm chung ông chẳng mong đi gặp Ông Bà Tổ Tiên, lại mong đi gặp "cụ Mác, cụ Lê", thì còn đâu là tinh thần dân tộc và yêu nước nữa?



Về mặt đạo đức cá nhân, thì chính các người gần cận ông, đã công khai viết thành sách nói về những lợi dụng xác thân của phụ nữ, để thỏa mãn sinh lý của ông, mà chẳng nhận trách nhiệm làm cha, làm chồng như bao bậc trượng phu chân chính khác. Nên biết rằng: Đạo đức của người Á Đông thì tình nghĩa và trách nhiệm đối với gia đình luôn luôn được đặt lên hàng đầu. Một xã hội mà thiếu nền móng vững chắc gia đình thì sớm muộn gì cũng phải sụp, xã hội cộng sản đã và đang đổ là một điều hợp tình, hợp lý vậy. Nhóm lãnh đạo Hà Nội hãy thôi đi đừng bắt dân chúng, nhất là tuổi trẻ học tập "Tư tưởng nô lệ và gương xấu của Hồ Chí Minh" nữa.

Quay trở về với truyền thống tốt đẹp của văn hóa đạo đức dân tộc thì đúng lắm, nên lắm. Nhưng điều cần và đủ, là những người cộng sản phải thực tâm chân thành công

khai tử bỏ chủ nghĩa Duy-vật cộng sản, dẹp ngay những cơ chế cơ cấu luật lệ độc tài khủng bố bóc lột của chế độ xã hội chủ nghĩa đi, để cho toàn dân tự do sống, tự do xây dựng tòa nhà Dân Chủ Pháp Trị vững bền trong sáng cho đất nước, thì những truyền thống tốt đẹp của văn hóa đạo đức dân tộc chắc chắn sẽ được dân chúng đem ra ứng dụng.

Nhưng đối với Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay, thì chưa có một ai đủ tư thế, đủ khả năng, đủ can đảm làm việc công khai tử bỏ Chủ Nghĩa Cộng Sản được, mặc dầu trong thâm tâm và ngay trong thực tế toàn thể Đảng viên đã quên cái thủ chủ nghĩa ấy từ lâu rồi, nhưng vì quyền lợi địa vị, mà chẳng người nào dám chối bỏ nó. Nó mặc nhiên được xem như một thứ "Đạo", bỏ đạo là mất phúc, mà bỏ chủ nghĩa là mất lợi. Thậm chí có những Đảng viên công khai chống lại lãnh đạo Đảng, chạy trốn ra ngoại quốc rồi, mà vẫn nhận mình là người Cộng Sản Tiến Bộ, vẫn cho rằng: Chủ Nghĩa Cộng Sản đúng, chỉ có những người lãnh đạo đạo sai, làm hư chế độ. Đòi người Quốc Gia phải hòa giải hòa hợp với những người cộng sản tiến bộ. Thật là điên to! Không thì phải có âm mưu lớn? Hay còn tin rằng: Ở trong nước còn nhiều Đảng viên trung thành với Chủ Nghĩa Cộng Sản lắm sao? Nói cho mà biết: Trong nước hiện chỉ còn có hai loại Cộng Sản, một là thủ Cộng Sản cầm quyền ô lậu, hai là thủ Cộng Sản phản-tinh đối-kháng, mà đại diện là Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang... chủ đào đầu ra người Cộng Sản tiến bộ nữa.

Ngoại trừ có một kẻ điếc không sợ súng là Lê Khả Phiêu, đến giờ làm chung của cộng sản rồi, mà vẫn muốn làm lý thuyết gia cộng sản, đem trộn chung "Học thuyết tàn ác Mác-Lê" với "Văn-hóa Đạo-đức Dân-tộc" vào nhau, mỗi thật là hết chề. Phải thẳng thắn mà nói rằng: Chủ nghĩa cộng sản tuy không có văn-hóa-tính, nhưng vẫn có chỗ đứng đặc biệt trong các công trình văn học, nghệ thuật sau này. Chỗ đứng trong văn học là những lời răn đe, nhắc nhở nhân loại: Chớ để cho chủ nghĩa cộng sản tái xuất hiện, biến thế giới thành hỏa ngục một lần nữa.

Chỗ đứng trong nghệ-thuật thì vui vẻ hấp dẫn hơn. Cộng sản sẽ sắm vai phản-diện độc ác gian trá trong các tác phẩm văn chương, mà khi nào nhân vật đó chết là hết chuyện. Còn trên màn ảnh, sân khấu thì đây là những tên kép-độc, làm cho mọi người vừa sợ vừa ghét, mong cho chóng chết, biết rằng hân mà chết, thì màn phải hạ, cuộc vui sẽ tàn. Nếu các văn tài muốn cục tá, chân thật, hiện thực nhất về người Cộng Sản Việt Nam, thì chắc chắn không thể thiếu được những tính chất đặc thù: vừa độc ác, vừa tàn nhẫn, vừa ngoan cố, vừa gian-gian, vừa hài-hài mà lại vừa đần-đần nữa, mỗi đúng là anh kép-độc Việt Cộng.

(22.07.1998)

thức tỉnh?

C ùa là tên của thị trấn nhỏ thuộc về vùng Duyên Hải, nằm về phía tây nam cách Quốc lộ 1 khoảng 3km. Đa số dân ở vùng này sống về nghề đi biển. Cuộc sống của họ kể từ ngày CNXH ra đời và hợp tác xã hình thành càng thêm khó khăn.

Tám về lại đây đã gần một tháng. Gần tháng trời sống để xuống, ăn tiêu như một ông hoàng khiến Tám đôi lúc nhập nhằng cử tưởng Tám là ông hoàng thứ thiệt! Tục ngữ mình có câu lên voi xuống chó, Tám nghiệm thấy đúng với trường hợp của Tám vô cùng. Từ lúc lọt lòng mẹ đến giờ Tám chỉ toàn xuống chó, bây giờ chính là lúc Tám đang lên voi. Không những lên voi, Tám còn lên tới tận mây xanh nữa kia. Tám ham hố tận hưởng, miệt mài truy hoan bằng những đồng tiền chất chiu, dành dụm từ mấy năm nay. Những đồng tiền cục khổ mà Tám không một lần dám hoang phí ở nơi Tám kiếm ra. Ở đây thì khác. Rẻ quá mà!

Đôi lúc Tám suy nghĩ vẫn vơ và cảm thấy... phục mình quá đời! Đang là thằng Tám vô danh tiểu tốt, bỗng một sớm một chiều trở thành cái đích cho mọi người cùng nhìn về thèm muốn, ước ao. Ở ngoài đó Tám là con số không to tướng nhưng ở đây Tám là thần tượng của biết bao người ở một thị trấn Cửa này! Tám tha hồ nói dóc. Dầu mấy năm trời nằm nhà ăn trợ cấp xã hội, chỉ chờ đi làm chui nhà hàng những ngày cuối tuần, tiếng Đức thì khạc ra từng chữ đời lúc muốn nói một câu nào thì Tám phải dùng lần động từ "tu qươ" nhưng Tám vẫn hiện ngang bảo là Tám hiện đang là chủ của nhà hàng rất lớn ở tại Đức! Người hiểu chuyện thì nhìn Tám nghi ngờ, còn đàn bà con nít không biết gì thì há miệng nhìn Tám cảm phục. Bây giờ, đâu ai còn dám kêu nó là thằng Tám tàng như trước nữa. Họ lễ phép gọi bằng anh Tám và còn cần thận đệm thêm: anh Tám chủ nhà hàng! Oai thật! Đứng trước đám người lam lũ nghèo nàn Tám bỗng thấy mình to lớn hơn lên và như để biểu lộ lòng thông cảm, thương hại cho hoàn cảnh khó khăn của họ, Tám mở bốp ra thì cho mọi người vài chục gọi là quà của anh Tám chủ nhà hàng vinh hiển áo gấm về làng. Ai cũng vui mừng, ai cũng vừa dạ. Cái chúc chủ nhà hàng giá, lúc này đối với Tám bằng thật vô cùng.

Tám với tay lấy chai Champagne để trên đầu giường, rót vào ly. Rồi một cái, Tám thoáng nhắm mắt. Tinh thật mà nói, Tám đâu ưa cái gì thủ nước chua lè chua lét

đó. Chẳng qua muốn làm sang nên bày đặt thế thôi. Tám khoái là khoái Coca Cola kia. Thủ nước đen tuyền, mát lạnh, đang khát mà ngửa cổ lên tu một cái thì đã phải biết, sáng khoái cả tâm thần. Nhưng chẳng lẽ anh Tám chủ nhà hàng mà lại đi uống thủ nước bình dân đó hay sao. Người ta nói chết! Thế là Tám vì sĩ diện của người trưởng giả mà đành bấm bụng dặn bồi bàn mang lên cho Tám một chai Champagne, và phải là thủ *xịn* mới được. Đắt một chút cũng không sao. Anh Tám không chơi thì thôi, một-khi đã chơi thì phải chơi cho tới cùng mà!

Phú quý sanh lễ nghĩa. Phú quý thì Tám đang có đây rồi. Còn lễ nghĩa? Cái này khó đây nha. Tám bỗng nhỏ đến trường học, bạn bè và ông thầy chủ nhiệm. Ông thầy hắc ám chuyên môn chiếu tướng Tám về tội ngủ gật trong lớp và hay ầu yếm bắt Tám lên trả bài vào lúc mà đầu óc Tám đang chu du tận đâu đó ở trên trời. Kết quả thường là những con ốc vít to tở bố và những trận cười không bao giờ dứt của bạn bè trong lớp. Tám muốn đi thăm lại trường xưa và thầy học cũ để nói với ông ta là Tám tuy ngu dần trong trường học, nhưng ở ngoài trường đời, Tám là đứa thông minh. Không thông minh sao Tám biết đi đúng lúc và cũng về đúng lúc. Đi âm thầm bao nhiêu thì ngày về rầm rộ bấy nhiêu. Lúc đi chui rúc nhục nhả bao nhiêu thì ngày về vông lọng nghênh ngang, kẻ đưa người đón hãnh diện bấy nhiêu. Tám muốn gặp lại người thầy dạy cũ để nhìn lại một quả khứ thể thăm hầu tăng thêm giá trị cho một hiện tại vinh quang. Tám khoái trá khi nghĩ đến về mặt, chắc là sẽ rất ngưỡng ngùng của ông, khi đứng nói chuyện với Tám. Ông nghèo nàn còn Tám sang trọng. Ông đen dũi nhàu nát còn Tám trắng hồng sang trọng. Tám sẽ đóng vai lễ phép, khoanh tay thưa chuyện với thầy: "Thưa thầy, chắc hẳn là thầy không nhớ ra con, nhưng con chính thật là thằng Tám tàn chuyên môn ngủ gật trong giờ của thầy hồi chín năm về trước. Nay con vinh hiển trở về, có chút quà gửi biếu thầy để tỏ chút tình thầy trò năm cũ". Quà. Phải rồi. Phải mang theo chút đỉnh quà cáp thì lời Tám mới nặng ký. Tám nghĩ thăm như vậy và nôn nao mong cho trời mau sáng.

Thật ra, việc đi thăm thầy học cũ không hẳn chỉ có thế. Tám còn có một nguyên nhân khác sâu xa hơn nữa. Tám muốn mọi người mỗi khi nói về Tám, phải nhỏ ngay đến hành động về thăm và tặng quà cho Thầy cũ. Tám muốn mọi người phải kính trọng Tám, bằng những giọng kính trọng mà ngày xưa Tám đã từng kính trọng họ, Tám thiếp đi với giấc mơ thật đẹp bên cạnh chai Champagne đã uống cạn quá nửa.

Cảm giác đầu tiên của Tám khi nhìn lại ngôi trường chẳng lấy gì làm thân yêu ngày xưa là ngỡ ngàng và đôi chút xúc động. Dầu sao Tám vẫn là con người nên nhớ kỷ niệm, dù kỷ niệm không mấy đẹp; vẫn bùi ngùi khi nhìn lại cảnh cũ, dù cảnh cũ trước đây không bao giờ gây nhõ tiếc trong lòng Tám. Ngôi trường ngày xưa to lớn là thế mà bây giờ nhìn lại sao nhỏ bé quá. Chín năm

đằng đẳng mà tất cả hầu như đều không thay đổi. Trước cửa trường hàng quán vẫn tấp nập như xưa và lác đác đó đây vẫn có vài cậu làm học trò nhưng không sách cầm tay, nhẩn nha nhìn trời nhìn mây. Y như Tám ngày trước! Trường học giờ tiêu điều thê thảm. Tường vôi xám xịt, dờ bẩn như lâu lắm rồi chưa biết đến mùi vôi mới. Chỉ có tấm bảng tên trường là mới. Dưới ánh nắng gắt, màu đỏ làm nền trên tấm bảng rực rỡ như hôn hồ đặc trắng trước những lam lũ, xập xệ của những gánh hàng rong.

Tám tìm chuông để bấm. Không có chuông, Tám đành đập cửa rầm rầm. Một gương mặt già ló ra. Tám xuýt reo lên. A! Ông Bố Già đây mà! Ông giám thị gây kinh hoàng khắp trường với hình phạt độc ác dành cho những đứa học trò con trai phá phách: nắm vú kéo ngược lên! Nhưng tại sao bây giờ ông lại ra giữ cửa, còn ông già giữ cửa năm xưa đâu?

Ông giám thị cất giọng khàn khàn:

- Mày là ai? Muốn gì?

Tám hơi bất mãn. Từ lúc về lại đây, chưa có ai gọi Tám bằng tiếng "mày" ngang ngược. Ông già này vẫn không bỏ cái tật phách lối cũ. Tám định cự lại, nhưng không hiểu nghĩ sao, Tám dần xuống. Tám trình bày hoàn cảnh với ông giám thị và bày tỏ ý muốn được nói chuyện với thầy Nguyễn Văn Y. Dứt câu, Tám chờ đợi ông già có tỏ chút kính trọng hoặc nể nang như Tám thường gặp ở những người khác. Nhưng trái với Tám nghĩ, ông già vẫn không thay đổi thái độ. Vẫn ánh mắt lạnh lùng và giọng nói khàn khàn, ông khoát tay bảo là hôm nay thầy Y không có giờ, mai hãy đến. Tám còn đang định xin được vào thăm lại lớp học xưa nhưng thấy thái độ của ông già như thế, Tám bỗng nổi sùng, bỏ đi thẳng, không quên chửi với lại dăm câu tiếng Đức.

Lần thứ hai Tám đến, thầy Y tiếp Tám trong văn phòng. Đúng như Tám nghĩ, ông thầy ngày xưa giờ ốm yếu, bàu nhàu. Thoạt đầu ông không nhận ra Tám. Phải mấy phút sau, lúc Tám kể về tật ngủ gật trong lớp, ông mới nhỏ ra. Trên đôi môi khô héo bây giờ mới nở một nụ cười héo hắt. Ông gật gật đầu nhìn Tám, hỏi:

- Và bây giờ anh về đây thăm lại trường xưa, lớp cũ?

Tám đáp:

- Dạ, và sẵn dịp con có mang đến biếu thầy chút quà mọn để gọi là đền đáp chút nghĩa thầy trò. *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*, thầy bao giờ cũng là thầy của con.

Tám lễ phép đặt gói quà bao giấy kiếng, buộc nó cẩn thận lên trên bàn. Đồng thời Tám bỗng cảm thấy ngạc nhiên với chính Tám khi nói ra những câu Tám không định nói! Đứng trước ông thầy nhỏ bé, những đay nghiến chua cay mà Tám ấp ú trong lòng đột nhiên biến mất. Cái oai ngày xưa của người thầy vẫn còn dù năm tháng nhọc nhằn có làm cho xác thân ông tiêu tụy. Trong phút chốc, lưỡng trí của Tám chợt sống dậy. Tám xúc động thật tình khi nhìn gương mặt nhăn nheo của ông và thân thể gầy ốm trong chiếc áo sơ-mi sờn vai, rách cổ. Tóc ông bạc nhiều và đôi mắt đã mất hẳn vẻ tinh anh xưa. Và gói quà. Gói

quà được xem như một khoe khoang, như một thành công thì bây giờ lại chất chứa cả tấm lòng của Tám.

Thật lạ. Con người là một sinh vật khó hiểu. Có lúc tàn nhẫn vô nhân và có lúc rộng lượng bao dung. Có lúc ác độc khôn lường và có lúc vị tha bác ái. Cái ranh giới giữa thiện và ác chỉ là một gạch nhỏ khe chừng sợi tóc. Tám chỉ là một con người. Thế nên khi đứng trước người thầy mắt mở gối mỏi, Tám không nhẫn tâm nói ra những lời cay đắng.

Ông thầy nhìn gói quà, nhìn Tám. Người ông run lên. Ông xúc động hay ông vui mừng? Thật lâu, ông mới cất tiếng:

- Được anh nhờ đến tình nghĩa xưa mà đến thăm đã là quý hóa lắm rồi, còn bày vẽ quà cáp làm gì cho thêm phiền. Tôi không dám nhận đâu, anh mang về đi.

Tám sùng sốt. Đây là lần đầu tiên, kể từ ngày Tám về lại đây, có người không nhận quà Tám cho. Tám bối rối thưa:

- Thưa thầy. Con biết một chút đó không có nghĩa gì so với công lao của thầy. Nhưng đó là cả tấm lòng của con.

Mong thầy nhận giùm con.

Ông thầy đứng lên, đi đến bên cửa sổ, vén màn nhìn ra.

Giọng ông xa vắng:

- Anh về lại đây đã bao lâu?

- Dạ gần tháng nay.

- Anh đã kiếm được cái anh đi tìm chưa?

Tám ngó ngác:

- Thưa thầy, con có đi kiếm cái gì đâu?

- Thế thì anh về đây để làm gì?

Tám bối rối:

- Con...

Ông thầy đột nhiên quay sang, ánh mắt nghiêm nghị nhìn Tám:

- Anh đừng nói với tôi những gì anh không thật tâm nghĩ. Tôi nghe nhiều và cũng chán lắm rồi. Hãy nói thật lòng anh. Có phải anh về đây để thụ hưởng và để khoe khoang. Có đúng thế không?

Tám không biết trả lời sao thì ông thầy đã quay nhìn lại hướng cũ. Giọng ông đều và sắc:

- Gần tháng nay anh đã đi những đâu và thấy được những gì. Anh đã thấy những thay đổi gì và những gì không thay đổi. Cái không thay đổi là tình trạng nghèo nàn, cuộc sống quá cực khổ của người Việt Nam. Cái thay đổi chính là anh. Anh nhìn ra trước mà xem. Tất cả vẫn đều y nguyên như lúc anh chưa đi. Gánh bún riêu của bà Tú, xe nước mía của chị Năm, ông già bán kẹo kéo, ông Tàu bò bía v.v... đều lam lũ như xưa. Có phần còn rách nát, tồi tệ thêm hơn. Cuộc sống tăm tối muện phiền cứ đè mãi lên đầu những người nghèo hèn túng quẫn. Tôi mỗi ngày đều đứng ở vị trí này, nhìn ra ngoài kia mà lòng đau như cắt. Những đứa bé ốm yếu, quần áo rách nát dơ bẩn, tay trái xước bị, tay phải cầm cây đi lượm bao ny-lon, lượm giấy rách. Và cũng những em bé đó hàng ngày chầu chực bên hàng quán để chờ húp chút thức ăn thừa hồng lây lất sống qua ngày. Khó đau ngần ấy chưa đủ hay sao mà các anh còn về đây để tạo thêm bao ngang trái. Ngày xưa trong lớp học anh ngủ gật thì ngày nay anh vẫn

chưa tỉnh. Tôi sống đến gần này, tai nghe mắt thấy cũng nhiều nhưng chưa bao giờ thấy những cảnh tượng lố lăng như ở thời buổi hôm nay. Tôi dạy ở trường này cũng đã bốn mươi mấy năm, từng nhìn những thế hệ trẻ lớn lên. Lòng cũ mong cho lớp trẻ như anh, sau mấy năm trời ăn học ngoài kia, nhìn xa trông rộng hẳn phải biết làm gì cho non sông giàu mạnh, cho dân tộc nở rộ nở mày. Nhưng các anh đã làm cho tôi thất vọng thật nhiều. Tôi không có duyên dạy anh nên người thì cũng không mong những lời nói này sẽ giúp ích được gì cho tâm nhận thức quá giới hạn của anh. Tôi có gì phải lên lớp ngay, không tiện nói nhiều với anh. Nếu anh vẫn còn giữ ý định thăm lại lớp cũ thì xin anh cử tự nhiên. Gói quà mà anh mang đến đó, anh nên mang về đi. Tôi không dám nhận đâu.

Tám ngồi sùng trên ghế, nhìn ông giáo già mờ của bước ra. Tám nhìn lên gói quà, nhìn lại bộ quần áo sang trọng Tám đang mặc trên người và nhìn quanh căn phòng bài trí thô sơ, mờ tối vì ánh đèn không đủ sáng. Trong phút chốc, lòng Tám bỗng dâng lên một chút hối hận. Lời nói của ông giáo già vẫn vang bên tai. Anh đã thấy những thay đổi gì và những gì không thay đổi. Tám thấy chủ. Thấy rõ nữa là khác. Nhưng Tám không muốn biết. Hay nói rõ Tám không dám nhìn để biết. Tám sợ phải nhìn lại một Tám tang thương, lấm lem tay xước rổ xuống của biển xin từng con cá. Tám sợ phải nhìn lại cái quá khứ nghèo nàn khốn khổ của Tám ngày xưa, đầu Tám biết rằng đó chính là của hầu hết những người Việt Nam hiện nay. Tám muốn quên để sống. Tám muốn lấy hình ảnh của anh Tám chủ nhà hàng sang trọng hôm nay để xóa nhòa hình ảnh thằng Tám tàn củ bơ cù bất ngày trước. Tám thấy mình ích kỷ, nhỏ nhen. Tám lặng lẽ bước ra, lòng nặng những suy tư.

Lớp học vắng hoe. Tám thần thờ bước đến chỗ ngồi cũ, đưa tay sờ rầm lên mặt bàn sần sùi, rạn nứt. Xúc động làm mất Tám cay cay. Tám có một thời học trò học hành bết bát nhưng cũng có những kỷ niệm học trò đáng nhớ. Kỷ niệm tưởng đã chết nhưng vẫn sống ở trong lòng. Chín năm trời xa cách Tám không một lần nhớ đến những hôm nay tất cả như bưng sống dậy mãnh liệt. Bàn ghế vô tri không biết nói nhưng ai bảo bàn ghế không có linh hồn? Nó thoảng nghe đâu đây tiếng ồn ào của lũ bạn và tiếng giảng bài sang sảng của thầy cô. Thầy cô xưa giờ tan tác nơi đâu và bạn bè cũ giờ phiêu bạt nơi nào? Tám đi lên bục gỗ. Khoanh tay nhìn bảng xanh. Vết lau không kỹ còn lờ mờ phấn trắng. Tám quay người lại, nhìn xuống dưới. Bàn ghế im lìm. Những khẩu hiệu trên tường cũng im lìm. "*Đầu tiên ta học i tờ, mai sau giúp nước dựng cờ thua ai*". I tờ thì Tám thuộc nhưng giúp nước dựng cờ thì Tám quên. Tám là đứa học trò cá biệt trong lớp, củ tưởng sau này lớn lên sẽ khá hơn, ai ngờ vẫn thế. Tám lắc đầu buồn bã.

Có tiếng động, Tám quay sang. Một cô bé tay cầm chổi tay xước xô xuất hiện trước ngưỡng cửa. Thấy Tám, cô nhỏ giật mình.

- Ông là ai? Cô nhỏ cất tiếng hỏi.
- Tôi là... học trò cũ.
- Ông là học trò cũ? Cô nhỏ lặp lại.
Tám gật đầu, chỉ tay về phía dãy bàn cuối:

- Chín năm về trước tôi ngồi ở chỗ đó.
Cô nhỏ nhìn Tám, giọng ngập ngừng:
- Tôi có làm phiền ông không? Hay là một chút nữa tôi trở lại?

Tám khoát tay, hấp tấp:

- Không đâu. Cô cứ... làm. Cô có giờ lao động phải không? Lúc trước tôi cũng thế, nhưng vui hơn nhiều. Làm xong rủ nhau đi bơi, đi đánh bóng bàn... Cô có một mình thôi sao? Mà sao hôm nay vắng vẻ thế này?

Cô nhỏ mỉm cười khi thấy vẻ náo nức trong giọng nói của Tám. Cô nhỏ để xô nước xuống sàn, dựa người vào khung cửa.

- Hôm nay khu này đi lao động trồng cây dâng Bác. Còn những người bạn khác của tôi thì làm ở tầng dưới. Tôi phụ trách tầng này. Cũng gần xong rồi, chỉ còn lớp này thôi.

Tám chỉ tay quanh phòng:

- Ở đây tất cả đều như xưa. Có khác là hình ông Mao đã bị gỡ đi, cả khẩu hiệu tình hữu nghị Việt-Hoa gì đó cũng thế. - Cô thấy khẩu hiệu treo phía dưới đó không? Chính tay tôi cất dán đó.

Cô nhỏ nhìn theo hướng tay Tám chỉ. Đôi mắt cô bé chớp chớp. Tám ngạc nhiên nghe trong giọng nói của mình vẻ gì đó sôi nổi. Chỉ có mấy tiếng đồng hồ mà tâm trạng của Tám thay đổi liên liền. Tám nhìn cô nhỏ, cô nhỏ nhìn Tám, đôi mắt tròn sáng, thông minh. Tám chợt thấy bối rối, vụng về.

- Cô chưa hỏi tôi từ đâu đến.

- Tôi biết.

- Có biết?

- Nhìn cách ăn mặc và lối nói chuyện của ông, tôi biết ông từ đâu đến. Ông là Việt kiều về thăm quê hương có phải không?

Tám hơi khó chịu. Tám vốn có mặc cảm với tiếng Việt kiều.

- Về thăm quê hương thì đúng nhưng Việt kiều thì không.

Cô nhỏ nghiêng đầu nhìn Tám, tình nghịch:

- Ông không là Việt kiều. Vậy là gì?

Tám nhún vai:

- Tôi là... tôi.

- Ông là ông. Giọng cô nhỏ giễu cợt làm Tám khó chịu.

- Tôi là tôi. Bộ phải đợi là cái gì mới được quyền trở về sao? Tám nghe Tám mâu thuẫn với chính mình.

- Ông đã kiếm thấy cái gì ông định kiếm chưa?

Câu hỏi bất ngờ làm Tám ngạc nhiên nhìn sùng cô nhỏ. Câu hỏi sao giống y như câu hỏi của ông giáo già. Tại sao? Tám bực mình:

- Cô nhỏ này. Tại sao cô lại cắc cớ hỏi chi những câu hỏi khó khăn như thế? Tôi là người Việt Nam xa quê hương, lâu ngày thấy nhớ thì về thăm, chứ có định tìm kiếm gì đâu.

Cô nhỏ vẫn từ tốn:

- Ông đừng nổi giận. Tôi không có ý chọc tức ông đâu. Chẳng qua tôi gặp nhiều

người từ nước ngoài về, bảo là họ muốn về để tìm lại con người thật của họ, tìm lại hồn dân tộc, tìm lại tình quê hương và còn định tìm kiếm nhiều thứ khác nữa. Ông đến đây chắc cũng không ngoài ý muốn tìm lại những kỷ niệm xưa, thời học trò phá phách. Có phải thế không ông?

Tám choáng váng trước câu hỏi của cô nhỏ. Mình định tìm kiếm cái gì và đã kiếm thấy chưa?

- Ông bảo là nhỏ quê hương nên về thăm. Có thật thế không?

Tám lảng mắt nhìn ra xa. Có tiếng the the phát ra từ cái loa treo cạnh tường: *Mời thầy cô giáo sau giờ dạy ra xếp hàng lãnh đầu cá.*

- Cô có về không thích những người trở về?

- Tôi thì có quyền gì mà thích với không thích. Sao ông không hỏi thử lại ông xem. Ông về là đúng hay sai?

- Tại sao sai? Tôi không thấy việc trở về của tôi làm hại ai cả. Và lại, người Việt Nam bỏ nước ra đi, nếu có dịp và được quyền thì nên về lại chủ. Tôi đang sống ở một nước tự do, tôn trọng nếp sống riêng tư và quyền tự do lựa chọn của mỗi người. Tôi có quyền làm bất cứ những gì tôi thích. Tôi... tự do mà. Hơn nữa, cô không ở ngoài đó nên không biết. Ở ngoài đó, trăm người như một, khi được hỏi là có thích về lại Việt Nam không, ai cũng trả lời có. Tôi về là để thực hiện ý nghĩa của câu trả lời đó. Thế đó.

Tám bàng hoàng Tám quá. Gì chứ đem chuyện ngoài kia ra hù là nghề của chàng mà. Tám nhìn cô nhỏ đắc thắng:

- Sao? Cô thấy tôi nói đúng chứ?

Cô nhỏ lắc đầu.

Tám hỏi dồn:

- Cô nghĩ sao?

- Tôi sẽ nói những gì tôi nghĩ, nếu ông không giận.

- Cô cứ nói đi. Tôi không giận đâu.

- Ông chắc không giận? Cô nhỏ cắn thận hỏi lại.

- Bảo đảm mà. Tám gật đầu xác nhận.

- Tôi nghĩ ông hiểu lầm hai chữ tự do rồi. Tôi tuy chỉ là một con bé quê mùa dốt nát nhưng cũng hiểu được rằng thủ tự do mà ông vừa nói đó là thủ tự do ích kỷ, thủ tự do của những con ếch không nhìn quá miêng giếng và là thủ tự do nhỏ nhen, thiên cận. Tự do đích thực là tự do gắn liền với trách nhiệm và bổn phận.

Đúng như ông nói đó, chuyện ở ngoài kia tôi không rành, tôi muốn nói chuyện ở trong này. Ông có biết là cũng vì những người trở về như ông mà xã hội Việt Nam thêm một lần nữa đảo lộn, này sinh ra biết bao tệ nạn khác. Những cô gái vì tiền, vì hoàn cảnh gia đình, vì cuộc sống do xã hội tạo ra phải bán rẻ tiết trinh cho những tên du thủ du thực, thiếu lương tri những thừa thãi bạc tiền. Đồng tiền các ông vung ra mua lấy những trận cười, đồng thời cũng cắt phăng đi những lễ giáo nho phong truyền từ mấy ngàn năm trước. Các ông ăn sung mặc sướng trong khi đó chung quanh các ông đây đây những người cả đời chỉ mơ ước có được bữa cơm no. Vật chất đã quá thiếu thốn mà các ông còn hành hạ tinh thần họ bằng lối tiêu xài phung phí. Tiếng loa phát

ra ban nãy, ông chắc có nghe đó chứ? Một chút đây thôi, ông sẽ thấy. Từng hàng dài thầy cô giáo đứng xếp hàng chờ lãnh dầm đầu cá ươn! Ông sẽ thấy những cô giáo, ông cũng coi mặt không dám nhìn dầm học trò và cũng có người thản nhiên treo đầu cá trên tay lái, đập xe đi ngồi ngồi giữa phố. Ông tưởng người ta ở đây kính trọng ông lắm sao? Ông lầm rồi. Người ta trọng là trọng những đồng tiền ông mang theo kia, còn con người của các ông thì người ta khinh miệt. Ông bảo với tôi là nhỏ quê hương nên về thăm. Ông nói thật đó chứ? Tội nghiệp quê hương! Vì không biết nói nên mặc tình ông muốn nói sao cũng được. Nhưng nhỏ quê hương mà trở về như cách của ông thì đau lòng cho quê hương quá. Nếu có thật sự thương nhỏ quê hương thì phải biết nghĩ đến quê hương và làm sao cho quê hương thôi tang tóc, cho những người sống trên quê hương bớt nhọc nhằn, đói khổ. Tôi chưa từng rời xa Việt Nam nên không biết cái nhỏ Việt Nam nó ray rứt, dẫn vật như thế nào, nhưng chắc chắn là không nhiều cho đến độ khiến người ta nhón nhón trở về mang theo hàng bó bạc, ăn xài phung phí, tiêu pha như một ông hoàng; rồi khi hết nhỏ quê hương vì túi tiền đã cạn, người ta phải dứt bỏ đi, bỏ mặc quê hương với những lam than, những cơ cực và một tương lai tăm tối. Có ở trên quê hương mới nghe được tiếng nấc quê hương và thấy được những tủi hổ mà quê hương âm thầm chịu đựng khi nhìn những kẻ nhỏ quê hương lê bàn chân vong bản đi khắp những nẻo đường đất nước tìm vui trong những nỗi đau cực khổ của quê hương. Có ở trên quê hương mới cảm nhận được những đau đớn ê chề mà quê hương gồng mình gánh chịu khi nhìn những kẻ nhỏ quê hương đem quê hương ra làm vật bung xung cho ý đồ đê hèn, độc ác. Có ở trên quê hương mới thấy được những giọt nước mắt lăn dài trên gương mặt hốc hác của quê hương khi nhìn những kẻ nhỏ quê hương vòng lọng nghênh ngang trước xơ xác điêu tàn của quê hương. Và có ở trên quê hương mới biết đau cái đau của quê hương khi bắt lực nhìn những kẻ nhỏ quê hương điếm nhiên dùng bạc tiền của nát quê hương ra làm nhiều mảnh. Quê hương là quê hương của những người sống chết vì quê hương chứ không bao giờ là của những người nhỏ quê hương bằng mỏ nhọn điều hâu, bằng móng vuốt kèn kèn và bằng tâm địa rắn rít để giết chết quê hương.

Thoạt đầu, Tám giận ghê gớm. Cô nhỏ là cái thá gì mà dám miệt thị Tám như vậy. Máu nóng lên mặt, Tám chỉ muốn đến tầng lên mặt con bé hỗn hào kia vài cái tát. Tay nó run lên và đầu óc Tám quay cuồng. Tám bỗng nghe một nỗi sợ hãi khoan tròn trong trí. Sợ con bé kia ư? Vô lý. Con bé yếu đuối kia thì có gì đáng sợ. Tám sợ là sợ những lời nói kia kia. Những lời nói sắc như guôm, bén như thủy tinh của nát tâm hồn Tám. Tám sợ vì những lời nói của con bé không hẳn hoàn toàn vô lý. Tám thấy nó như người đang đi trên dây bồng mắt thẳng bằng té lộn đầu xuống đất vì một cơn gió nhẹ. Tám thấy Tám trần truồng và yếu đuối. Người Tám nổi gai như khi nghe tiếng phẫn kéo trên nền bằng đen. Tám nhìn cô nhỏ,

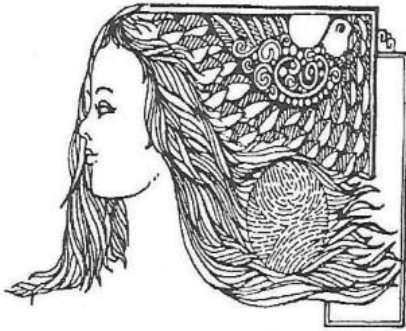
vẫn đôi mắt to đen, thông minh. Cô nhỏ chỉ đáng tuổi em út Tám nhưng sao lại có những nghĩ suy như một người lớn. Tám nhìn lại nó và trong phút chốc, Tám như thấy lại cả một ấu thơ lang thang lếch lếch. Tuổi thơ của Tám biết bao thua thiệt và Tám luôn luôn là đứa đứng ngoài những cuộc vui. Bạn bè không xa lánh nhưng cũng không vồn vã gọi mời. Tám lạc lõng nơi sân trường, lủi thủi một mình và thường hay đứng tần ngần, thèm muốn nhìn những cuộc vui của bạn bè quanh nó. Tám cô đơn trong lớp học với thế giới riêng tư của Tám là cánh cửa sổ trông lên một khoảng trời bát ngát. Tám mơ đủ thứ và những giấc ngủ chập chờn giúp Tám quên đi được phần nào những tủi buồn bao quanh Tám hàng ngày.

Rồi khi được xổ cánh bay xa, con chim côi cút là Tám giang rộng đôi cánh nhỏ bé bay đến một khung trời thật xa thật lạ. Nơi vùng đất mới, Tám cố quên đi văng vẳng nghèo nàn để gầy dựng một tương lai mới. Cuộc sống chắc hẳn từ đây sẽ đổi mới, Tám nghĩ thế. Nhưng Tám đã lầm. Trong chín năm dài nơi đất lạ, Tám vẫn là cái bóng bên cạnh những hoạt náo xô bồ. Có lúc Tám muốn bỏ mặc cho dòng đời muốn cuốn Tám đi đâu thì cuốn, đưa Tám đến đâu cũng được. Nhưng Tám yếu đuối như một con sên nên luôn luôn bị những đợt sóng đời chìm Tám xuống, tặng Tám những cú đấm nóng nguội rồi bỏ mặc Tám quay cuồng giữa dòng nước xoáy. Tám hụt hẫng và bỏ vợ, cô đơn và bối rối. Tám rút vào vỏ ốc và cẩn thận dựng chung quanh Tám một hàng rào chắc chắn.

Và bây giờ Tám đứng đây, trước mặt cô bé xa lạ. Tám nghe mỗi một chạy dài trên người và cảm thấy bài hoại cả toàn thân. Tám đã kiếm thấy cái Tám định tìm chưa? Ông giáo già và cô nhỏ đều hỏi Tám câu hỏi. Còn riêng Tám, có bao giờ Tám đặt cho Tám một câu hỏi như thế chưa? Gần tháng trời sống trong nhung lụa, quay cuồng với bao trò vui, có bao giờ Tám nghe tiếng khóc của quê hương, cảm nhận được tiếng thì thầm trách móc của non sông và thấy được nét tuyệt vọng của đất nước? Trong một giây, Tám bỗng hiểu được tất cả những phi lý và bất công mà cuộc đời luôn dành cho Tám. Tám hiểu được tại sao Tám luôn là kẻ đứng ngoài và luôn đến trễ mọi trò vui. Nếu dễ dãi gọi đó là chân lý, thì Tám đã tìm ra được ở một nơi Tám không bao giờ ngờ đến. Cuộc đời luôn có những bất ngờ thật dễ thương. Tám muốn nhào tới ôm cô nhỏ vào lòng, kéo cô nhỏ chạy đến trước mặt ông giáo già và hét lớn: Thừa thầy, con đã tìm thấy cái con không định tìm!!!

Cám ơn. Cám ơn thầy. Cám ơn cô nhỏ. Cám ơn trường xưa, lớp cũ. Cám ơn Việt Nam quê hương tôi ●





Hồng Đào

● Giang Phúc Đông Sơn

Lữ Hồ, người ở Thành Xương, tính tình can đảm, có lòng nhân và hiếu thảo với cha mẹ. Thân phụ vốn là một người thầy thuốc hay nổi tiếng trong vùng, từng chữa được nhiều bệnh nan y khi nhiều lòng y khác đã bó tay, vì thế ông được nhiều người xưng tụng là Lữ Thần Y. Thuở nhỏ, ngoài giờ đèn sách, Lữ Hồ thường tò mò đứng xem cha bắt mạch, bốc thuốc cho bệnh nhân, phụ thân chàng thấy thế cũng hay giải thích cặn kẽ thêm về y lý cho chàng nghe, do đó đến năm 17, 18 tuổi Lữ Hồ đã lãnh hội được khá nhiều về y thuật của cha.

Một hôm sau khi khám cho người bệnh cuối cùng, phụ thân Lữ Hồ trở vào trong thư phòng ngồi trầm ngâm, khuôn mặt đầy vẻ đăm chiêu lo lắng. Thấy vậy Lữ Hồ đi hâm một bình rượu nóng đem vào cho cha. Đặt khay rượu lên bàn, chàng ân cần:

- Gia gia hãy dùng chén rượu cho ấm bụng! Chắc gia gia có điều chi lo nghĩ?

Lữ Thần Y không trả lời ngay, ông lặng lẽ rót một chén rượu, đưa lên môi uống cạn. Đặt chén xuống, ông đưa mắt nhìn chàng, rồi quay nhìn lên án thư, nơi bấy lâu vẫn đặt một quyển sách dày bìa bằng da lùa màu nâu, rất cũ, bị hoen ố khá nhiều. Quyển sách mà từ ngày Lữ Hồ mới biết đọc, phụ thân chàng đã căn dặn nhiều lần rằng chàng không được phép mở ra coi, nếu không có lệnh của ông.

Lữ Hồ ngạc nhiên, nhưng hiểu tính cha chàng chỉ yên lặng đứng chờ. Nhìn lên án thư một lúc, ông quay lại rót thêm một chén rượu nữa uống tiếp rồi chỉ chiếc ghế bên cạnh ra hiệu cho Lữ Hồ ngồi xuống. Lữ Hồ kéo áo ngồi xuống cạnh cha, ông thờ dài một tiếng, đưa mắt nhìn chàng thật lâu rồi đứng dậy đi lại án thư cầm quyển sách da lùa đem lại đặt trước mặt Lữ Hồ. Nhìn xuống thấy trên bìa sách ghi bốn chữ Y Dược Kỳ Thư viết theo lối cổ tự, Lữ Hồ chợt hiểu đây chính là quyển sách đã giúp phụ thân chàng trở thành thầy thuốc nổi tiếng.

Lữ Thần Y đưa tay lật từng trang sách chậm rãi nói với con:

- Hồ nhi! Con xem đây!

Lữ Hồ nhìn theo tay phụ thân, thấy những trang sách bên trong vẽ đầy những hình nhân với chỉ chít những kinh mạch, huyết đạo... trong có thể con người. Ở cuối mỗi trang lại ghi vô số những đơn thuốc trị nhiều bệnh khác nhau. Lật gần hết cuốn Kỳ Thư, Lữ Thần Y chợt dừng lại

buông tiếng thờ dài lần nữa, bàn tay vẫn dè lên cuốn sách, ông buồn rầu nói:

- Hồ nhi! Kể từ khi tổ phụ con có được quyển Kỳ Thư này truyền đến nay đã nhiều đời, gia đình ta có được chút ít tiếng tăm trong thiên hạ cũng là nhờ nó. Chỉ có một điều là nội tổ của con cũng như cha, không ai biết được tại sao cuốn Kỳ Thư này những trang cuối lại bị rách mất nhiều đoạn? Tác giả quyển Kỳ Thư này cố tình xé đi, hay vì trải qua nhiều đời, do lưu giữ không cẩn thận mà bị rách?

Lữ Hồ ngập ngừng hỏi:

- Thưa gia gia! Những trang sách bị rách... nói gì?

Lữ Thần Y đẩy cuốn sách về phía chàng nói:

- Lúc con còn nhỏ, sớ dĩ ta bắt con học thêm cổ tự, cũng là muốn con đọc được quyển Kỳ Thư này. Con xem đi!

Lữ Hồ cầm lấy cuốn Kỳ Thư, đưa tay lật lại trang đầu, chậm rãi đọc. Chàng chợt giật mình, kêu lên kinh ngạc:

- Gia gia!

Lữ Thần Y gật đầu:

- Hồ nhi! Con đọc tiếp đi!

Lữ Hồ dạ một tiếng nhỏ cúi xuống coi tiếp. Càng đọc chàng càng kinh hãi, mồ hôi rịn ra hai bên thái dương. Thời gian trôi qua, không biết bao lâu, đọc xong trang cuối, Lữ Hồ thần thờ đặt quyển sách xuống bàn. Lữ Thần Y cầm lấy tay chàng:

- Giờ thì chắc con hiểu tại sao ta thường dặn con không được chạm đến cuốn Kỳ Thư này khi chưa có lệnh ta?

Dùng vạt áo chùi nhẹ mồ hôi trên trán, Lữ Hồ nhìn phụ thân đầy thắc mắc:

- Dạ! Nhưng mà! Những trang... bị mất...

Lữ Thần Y nhìn con, rồi nhìn xuống quyển sách, ánh mắt ông chợt trở nên xa vắng, ông nói Lữ Hồ, nhưng dường như cũng là nói với chính mình:

- Biết được những trang sách bị mất viết gì thì ta đâu đến nỗi phải khổ tâm tìm hiểu và suy nghĩ suốt một đời như vậy?

Ông chợt nắm chặt tay Lữ Hồ, giọng đột ngột trở nên khẩn thiết như van nài:

- Hồ nhi! Ta có một chuyện muốn nhờ con! Con có thể giúp ta không?

Lữ Hồ kinh ngạc vì thái độ của phụ thân, lần đầu tiên trong đời cha chàng dùng lời lẽ như năn nỉ đối với mình như vậy. Từ trước đến nay, dù là con một trong gia đình, được thương yêu chiều chuộng, nhưng mỗi lời nói của ông với chàng, hầu hết như là một mệnh lệnh, tuyệt đối

phải nghe theo, không được cãi lại hay có ý kiến. Riêng phần chàng đối với phụ thân, vừa thương yêu, vừa kính phục nên cũng chưa bao giờ Lữ Hồ làm trái lời ông. Đoán biết việc phụ thân sắp nói có một tầm quan trọng đặc biệt, Lữ Hồ cầm lấy tay cha nhỏ nhẹ:

- Gia gia! Gia gia cứ nói! Hồ nhi đâu dám cãi.

Lữ Thần Y lắc đầu nhẹ, ông đưa tay vuốt tóc chàng:

- Hồ nhi! Việc này không đơn giản như con suy nghĩ, nó ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc đời của con sau này, con phải nhận lời thì ta mới dám nói.

Lữ Hồ cảm thấy hoang mang trước lời nói của cha, nhưng lòng hiếu thảo khiến chàng gạt bỏ ngay được mọi suy nghĩ. Không muốn phụ thân rảo đón thêm, Lữ Hồ gật đầu cương quyết:

- Gia gia cứ sai bảo! Bất cứ việc gì, nguy hiểm tới đâu? Hồ nhi cũng sẽ cố gắng hoàn thành.

Lữ Thần Y gật đầu, có vẻ hài lòng. Ông nhìn con yên lặng, ánh mắt tràn đầy thương mến. Một lúc sau ông mới cất tiếng nói thật nhỏ, như chỉ muốn cho Lữ Hồ nghe, dù chung quanh hai người chẳng có ai:

- Cách đây hơn ngàn dặm, về phương Tây, trên ngọn Hào Sơn thuộc tỉnh Quảng Hòa, ta nghe đồn, hằng năm vào trung tuần tháng tám, thường có cuộc hội họp giữa các tiên trên trời gọi là Quân Tiên Hội. Cuộc họp này, người ở trần gian thật ra đã có mấy ai được trông thấy? Sớ dĩ có những lời đồn là vì hàng năm, vào trung tuần tháng tám, dân quanh vùng thấy ngọn núi về đêm thường sáng rực lên, rồi lại vắng vắng có tiếng đồn hát, ca nhạc... Sáng ra, một vài người can đảm, có tính hiếu kỳ trong vùng tìm cách trèo lên đỉnh núi quan sát thì thấy quang cảnh vẫn bình thường, duy chỉ có những tảng đá lớn gần đó có thêm những chữ viết hay các ký hiệu thật kỳ lạ, ít người hiểu nổi. Trong số đó cũng có người nán lại qua đêm để theo dõi xem việc gì xảy ra. Tiếc thay hầu hết chẳng mấy ai ở lại qua đêm mà trở về, họ mất tích một cách kỳ lạ, hoàn toàn không để lại dấu vết gì, không có thi thể, không có dấu hiệu một sự giao tranh hay đấu đá với nhau. Dân trong vùng kháo nhau rằng, những người mất tích đó đã theo các tiên về trời nhưng chẳng mấy ai tin. Tiếng đồn xa, lâu dần ít ai dám tò mò trèo lên núi tìm hiểu nữa. Cách đây hơn hai năm, ta đã tò mò nhờ người tìm đến nơi để sao chép, ghi lại một số chữ và ký hiệu đó. Khi nhìn thấy những ký hiệu và chữ viết đó, ta đã vô cùng sửng sốt vì đó chính là loại cổ ngữ dùng trong quyển kỳ thư này.

Lữ Hồ hơi rướn người lên sát lại phía phụ thân, chàng hồi hộp lắng nghe, như muốn nuốt từng lời nói của ông, Lữ Thần Y hơi ngừng lại một chút rồi tiếp:

- Tiếc rằng đường lên ngọn Hào Sơn quá gian truân, khí hậu lại khắc nghiệt, người được ủy nhiệm lên đến nơi thì trời đã sẩm tối. Phần kiệt sức, phần vì lời đồn dài, họ chỉ vội vã ghi chép số vài điều rồi xuống núi ngay, nên những chữ và ký hiệu được ghi lại quá ít, khó cho ta có thể luận giải được điều gì?

Không dần được lòng hiếu kỳ, Lữ Hồ ngắt lời phụ thân:

- Gia gia còn giữ bản sao chép đó không?

Lữ Thần Y gật đầu, ông lần vạt áo, rút từ trong nẹp ra một tờ giấy xếp thật nhỏ, cẩn thận trải lên bàn, đẩy về phía Lữ Hồ. Chàng mở căng mắt ra lăm nhăm đọc:

- Ngọc Trung Dung: 7 chỉ, Câu Kỳ: 5 chỉ, Chích Kỳ: 3 chỉ, Bạch truat: 4 chỉ... Trường sinh dĩ đạt...

Trống ngực đập mạnh, Lữ Hồ ngạp ngừng:

- Gia gia! Phải chăng...?

Lữ Thần Y gật đầu:

- Ta cũng nghĩ như con, nhưng tiếc thay chưa thể kết luận được gì vì những điều ghi chép còn thiếu quá nhiều. Do đó ta muốn con đích thân tìm đến ngọn Hâu Sơn, ghi chép lại những điều mình thấy đem về đây cho ta. Để cho con ra đi, lòng ta cũng không yên vì con là người nối dõi duy nhất. Chính điều này đã khiến ta suy nghĩ, đắn đo rất nhiều. Ta thì đã quá già, không thể tự mình tìm đến đó được. Ông ngừng lại, thò dài một tiếng rồi tiếp:

- Vì vậy, ta không thể ép buộc con phải làm việc đó. Nhưng chẳng lẽ nào mãi mãi gia đình ta cứ ôm lấy một câu hỏi không lời giải đáp ư? Vậy con hãy suy nghĩ hết đêm nay, nếu lòng con, vì bất cứ một lý do nào đó không muốn ra đi, sáng mai cứ cho ta biết, ta sẽ không buồn hoặc oán trách con đâu. Tuy nhiên để chấm dứt một câu hỏi củ mãi lưu truyền từ bao đời nay, sáng mai nếu con trả lời không đi, ta sẽ thiếu hũy cuốn kỳ thú này.

Lữ Hồ nhìn khuôn mặt ưu tư của cha, lòng bồi hồi thương cảm. Chàng nói nhỏ, nhưng giọng đầy cương quyết:

- Gia gia! Hồ nhi sẽ đi Hâu Sơn.

Đôi mắt Lữ Thần Y sáng lên những tia mừng rỡ, ông cầm lấy tay chàng hỏi lại:

- Hồ nhi! Con nhất định giúp ta?

Lữ Hồ gật đầu:

- Bao giờ thì Hồ nhi phải khởi hành?

Lữ Thần Y bấm đốt ngón tay, lăm nhăm tính toán rồi nói:

- Tốt nhất con nên khởi hành vào sáng mai. Từ đây đến tỉnh Quang Hòa hơn ngàn dặm đường, bây giờ đã gần cuối tháng sáu, con đến đó sớm, có thể sẽ được trông thấy Quàn Tiên Hội.

Ông chợt nghiêm giọng lại:

- Nhưng tuyệt đối phải nhỏ lời ta dặn, không được ở lại qua đêm. Tốt hơn hết con nên tìm cách lên xuống làm nhiều lần, nếu không ghi chép được hết những gì mình thấy trong một lần. Con phải hứa như vậy, ta mới yên tâm.

Lữ Hồ gật đầu:

- Gia gia yên lòng! Hồ nhi hứa sẽ làm đúng lời gia gia dặn.

Lữ Thần Y có vẻ an lòng, ông đứng dậy, xếp cuốn Y Dược Kỳ Thú lại trao cho con:

- Hồ nhi! Trên đường đi, những lúc rảnh rỗi, con có thể tra cứu, tìm hiểu thêm y thuật với quyển sách này. Trong đó còn chứa đựng nhiều điều mà chính ta giờ đây cũng chưa thấu đáo. Giờ thì con có thể chuẩn bị hành trang và nghỉ ngơi để sáng mai lên đường sớm.

*

Rạng ngày, trời còn tờ mờ sương, Lữ Hồ đã đứng xong điểm tâm, chuẩn bị ra đi. Lữ Thần Y ra tiễn con, trao cho chàng một cái túi nhỏ khá nặng, ông ân cần dặn dò:

- Hồ nhi! Nhớ nghe con! Chớ bao giờ tìm cách ở lại qua đêm trên ngọn Hâu Sơn! Con dù có võ nghệ cũng phải cẩn thận, chớ liều lĩnh. Đây là số vàng con có thể tiêu dùng rộng rãi trong một thời gian dài.

Lữ Hồ đón lấy cái túi, vòng tay cúi chào phụ thân:

- Gia gia chớ quá lo! Hồ nhi hứa sẽ hoàn thành trọng trách!

Nói xong chàng thúc mạnh hai chân vào hông ngựa. Con vật hí lên một tiếng dài tung vó phóng đi. Lữ Thần Y tần ngần đứng nhìn theo cho đến lúc Lữ Hồ khuất dạng mới quay trở vào.

Lữ Hồ sau khi từ giã cha, một mình trên lưng ngựa, trực chỉ hướng Tây, ngày đi đêm nghỉ, lúc qua suối, khi vượt đèo. Một hôm, sau khi đi qua cánh rừng Cổ Mộc giáp ranh tỉnh Quang Hòa, Lữ Hồ gặp một dòng suối rộng độ hơn chục trượng, nước trong vắt. Suốt nửa ngày ngồi trên lưng ngựa, chàng thấy hơi mệt nên cột ngựa vào một gốc cây, bước xuống suối bụm tay vốc nước rửa mặt cho tỉnh táo, rồi lấy lương khô ra ăn.



Đang ăn chàng chợt nghe tiếng rên rỉ nhỏ nhỏ chen lẫn vào trong tiếng nước suối chảy róc rách, Lữ Hồ ngạc nhiên tưởng mình nghe lầm, nên ngừng nhai, định thần lắng nghe. Yên lặng một lúc, rồi tiếng rên rỉ lại phát ra, lần này có vẻ rõ ràng hơn nhưng không biết là của người hay thú. Gối bọc lương khô lại, máng lên lưng ngựa, chàng cẩn thận bước dọc theo dòng suối đi lần đến chỗ phát ra tiếng rên.

Đến gần một bụi cây cành lá đan vào nhau thật rậm rạp bờ suối, tiếng rên rỉ nghe thật rõ. Lữ Hồ thận trọng rút lui đoán kiếm đeo bên hông ra, chặt bớt một số cành lá vướng víu, vạch bụi cây nhìn vào. Thì ra một con sói già không hiểu bằng cách nào lại vướng chân vào một cái chạc cây không rút ra được. Nó bị có lẽ cũng đã lâu nên có vẻ kiệt sức, thấy có người đến nó càng sợ hãi vùng vẫy mạnh hơn, cố rút chân ra khỏi chạc cây, đồng thời tru lên những tiếng hung dữ, nhưng chẳng được mấy chốc lại

nằm gục xuống rên hừ hừ, nhìn Lữ Hồ bằng đôi mắt đau đớn, tuyệt vọng.

Lữ Hồ bình thường không ưa loài thú hung dữ này, chàng tra kiếm vào vỏ, quay lưng định bỏ đi, nhưng thấy ánh mắt con vật chùng khựng lại. Suy nghĩ một chút, lưỡng lự tâm người thầy thuốc nổi lên, Lữ Hồ quay lại rút kiếm phạt hết đám cây cỏ chung quanh rồi cúi xuống cẩn thận đỡ con sói già lên, nhắc chân nó ra khỏi chạc cây, ôm lên bờ.

Đặt con vật nằm lên một bụi cỏ tương đối phẳng phiu, Lữ Hồ nhận ra một chân sau nó đã bị trật khớp, rồi có lẽ vì vùng vẫy, giẫy giụa nhiều để tìm cách kéo chân ra nên chỗ trật bị trầy trụa, chảy máu khá nhiều. Chàng nói:

- Chân người bị thế này thảo nào không rút ra được! Chịu khó đau một chút, để ta chữa cho!

Chưa dứt lời, hai tay chàng đã nắm cái chân bị trật giật mạnh một cái, con vật giật người tru lên đau đớn rồi nằm yên, rên ư ử. Lữ Hồ dùng dẩy hái một số lá cây gần đó, dùng tay bóp nát đắp lên chân con vật, rồi dùng dây rừng băng bó lại cho nó khá kỹ lưỡng. Đang săn sóc vết thương cho con vật, Lữ Hồ chợt nghe tiếng cành cây bị đập gãy ở sau lưng, chàng quay đầu lại nhìn thì chỉ thấy một bóng đen thấp thoáng sau lùm cây rậm rạp chạy vụt đi, không rõ là người hay thú. Chờ một lúc không thấy động tĩnh gì, Lữ Hồ quay lại tiếp tục băng bó cho con sói già. Nó nằm yên nhìn chàng, ánh mắt dịu hẳn lại đây về biết ơn, không còn hung tợn như lúc đầu.

Chữa cho con vật xong, Lữ Hồ xuống suối rửa tay, quay trở lại ngựa, lấy trong túi lương khô ra một cái bánh bao thấy cho con sói:

- Ăn đi! Ta xem chừng mi cũng kiệt sức lắm rồi.

Vừa nói chàng vừa lên ngựa, quay lại nhìn con vật một lần nữa rồi giật cương cho ngựa phóng qua dòng suối, tiếp tục cuộc hành trình. Kế chiều, Lữ Hồ tới một thị trấn sầm uất, người buôn bán tấp nập, hỏi thăm ra chàng mới biết đây là thị trấn lớn nhất tỉnh Quang Hòa, từ đây đến Hâu Sơn, nếu đi ngựa chỉ cách nửa ngày đường.

Yên tâm vì thấy gần đến Hâu Sơn, Lữ Hồ thả ngựa đi chậm rãi dọc theo con đường chính của thị trấn, vừa đi vừa ngắm sinh hoạt ồn ào của con phố. Ngang qua một căn nhà lớn hai tầng, mái ngói đỏ khang trang, bên trên nóc của ra vào treo tấm biển lớn đề bốn chữ Kỳ Trung Lữ Điểm, chàng xuống ngựa định vào hỏi thuê phòng thì mắt chợt trông thấy một tấm tranh lụa vẽ chân dung một thiếu nữ tuyệt đẹp treo ở quầy bán tranh bên cạnh lữ điểm. Đôi mắt người trong tranh nhìn chàng như thôi miên khiến Lữ Hồ ngẩn người đứng nhìn, rồi không dần được tờ mờ, chàng cột ngựa vào cây cột trước cửa lữ điểm, bước qua tiệm tranh, ngắm cho rõ hơn.

Gã chủ quầy bán tranh, thấy có khách đến, xoa hai tay vào nhau cười xun xoe:

- Công tử!

Lữ Hồ gật nhẹ đầu chào rồi đưa mắt nhìn tấm tranh. Dù không phải là người sành về hội họa, chàng vẫn nhận ra được nét vẽ thật sắc sảo của họa sĩ, thấy cuối bức tranh có viết mấy dòng chữ nhỏ, chàng cúi xuống nhìn sát hơn, lăm nhăm đọc:

- Thân tặng Hồng Đào, Lập Thu Tân mùi.

Lũ Hồ giật mình, Tân mùi là tuổi của chàng, bây giờ chỉ mới sắp sửa vào thu, năm nay chàng 20 tuổi, vậy thì bức tranh vẽ người thiếu nữ họ Hồng cách đây ít nhất phải 80 năm. Một bức cổ họa trên lụa, trải qua một thời gian dài như thế, mà sao nét vẽ cũng như màu sắc còn thật tươi, tạo cho người ngắm cảm giác tấm tranh vừa được hoàn thành?

Dưới bốn chữ Lập Thu Tân Mùi không thấy họa sĩ đề tên, chàng quay lên hỏi:

- Tôn ông có biết ai đã vẽ tấm tranh này không?

Chú quỳ tranh, nãy giờ vẫn theo dõi củ chỉ của khách hàng, lắc đầu:

- Công tử thật có mắt hơn người! Nhưng rất tiếc tại hạ không biết họa sĩ là ai?

Lũ Hồ gật đầu nhẹ, suy nghĩ một lúc, chàng hỏi:

-Tôn ông định bán bức tranh này bao nhiêu?

- Một quan tiền vàng!

Lũ Hồ hơi do dự một lúc vì tấm tranh đắt hơn sự phỏng đoán của chàng, nhưng nghĩ đến túi tiền của phụ thân trao cho khi ra đi vẫn chưa xài đến, chàng yên tâm lấy tiền ra trả, rồi cầm lấy tranh, cẩn thận cuộn lại cất vào túi hành lý, đi qua lũ điếm.

Sau khi dùng cơm chiều, thấy trời đã xẩm tối, Lũ Hồ sai tiểu bảo hâm cho chàng một bình rượu ngon đem lên phòng. Thắp lên một ngọn đèn sáp, trải tấm tranh thiếu nữ ra treo lên tường, vừa uống rượu, chàng vừa ngắm người đẹp trong tranh. Không nhìn thì thôi, càng nhìn, Lũ Hồ càng thấy lòng rung động vì vẻ đẹp của nàng. Uống được hơn nửa bình rượu, Lũ Hồ thấy ngà ngà say, người bành bồng, thần trí bất định, chàng lẩm bẩm:

- Lập Thu Tân Mùi! Hồng nường tử! bây giờ nàng ở đâu?

Một ngọn gió mạnh chợt lùa vào phòng qua cánh cửa sổ mở rộng, ngọn đèn sáp tắt ngúm, Lũ Hồ gục xuống bàn thiếp đi.

*

-Lũ công tử! Lũ công tử!

Đang mơ màng, nửa tỉnh nửa say, Lũ Hồ chợt nghe có tiếng người gọi tên mình, chàng giật mình choàng dậy. Căn phòng tối đen, ánh trăng thượng tuần chiếu một chút ánh sáng yếu ớt qua song cửa sổ, cho thấy một bóng người đứng ngay cửa. Lũ Hồ ngạc nhiên hỏi:

- Ai đó?

Vừa hỏi, chàng vừa đưa tay lên mò tìm cái dụng cụ đánh lửa, thắp lại ngọn đèn sáp. Ánh sáng tỏa rộng, Lũ Hồ nhận ra bóng người đứng ở cửa là một thiếu nữ trạc độ 16, 17, khuôn mặt xinh đẹp. Thiếu nữ cười nhẹ, vòng tay, cúi đầu chào:

- Tỷ nữ là Châu Dung! Hồng Đào tiểu thư sai nữ tỳ tới đây rước công tử quá bộ đến tể cốc uống chén rượu nhạt!

Tưởng mình nghe lầm, Lũ Hồ kinh ngạc hỏi lại:

- Hồng tiểu thư? Người đẹp trong tranh?

Hỏi xong, Lũ Hồ nhìn lên tường, tấm tranh đã biến mất, chàng quay lại, ngơ ngác nhìn

thiếu nữ, chẳng hiểu mình mộng hay thực. Châu Dung lại cười tùm tùm nhắc:

- Xin công tử nhanh lên! Công tử đến trễ, nữ tỳ bị quở trách.

Lũ Hồ hoang mang đứng lên, xách theo túi hành trang, theo chân Châu Dung ra ngoài. Chàng ngạc nhiên khi thấy một chiếc kiệu do bốn người khiêng đang chờ sẵn trước cửa lũ điếm. Châu Dung nghiêng mình, đưa tay:

- Xin mời công tử!

Lũ Hồ định lên tiếng hỏi, nhưng nghĩ sao chàng lại thôi, lặng lẽ bước lên kiệu. Châu Dung lên sau, ngồi xuống cạnh chàng, đưa tay kéo chiếc màn lại. Chiếc kiệu chạy vụt đi, lắt lư qua lại. Trong kiệu tối đen, tấm thân thon thả, mềm mại, thoang thoang mùi hương của Châu Dung củ nghiêng ngả, tựa vào người Lũ Hồ khiến chàng rung động, ngây ngất.

Chung một khắc sau, Lũ Hồ chợt nghe tiếng nhạc, hòa lẫn với tiếng cười đùa, rồi chiếc kiệu dừng lại, hạ xuống. Châu Dung đưa tay vén màn, nhanh nhẹn rời khỏi kiệu:

-Đến rồi! Xin mời công tử.

Lũ Hồ bị chói mắt vì vùng ánh sáng rực rỡ trước mặt. Đưa tay lên che cho đỡ chói, chàng liếc mắt nhìn quanh. Hàng trăm ngọn đèn lồng lớn đủ màu đang bay lơ lửng trong không gian, chiếu sáng rực một khoảng đất rộng, tương đối phẳng. Một ban nhạc, chừng sáu bảy nữ nhạc công với những chiếc cụ kỳ lạ, quần áo thướt tha, đang hòa một khúc nhạc trước một cái bàn bằng đá, âm điệu réo rắt làm say đắm lòng người. Ngồi sau cái bàn đá là một thiếu nữ mặc một chiếc áo mỏng màu hồng đậm, mái tóc dài đen nhánh, dáng vẻ y như người đẹp trong tranh chàng mua ban chiều.

Quay lại nhìn chiếc kiệu, Lũ Hồ ngỡ người khi nhận ra bốn người khiêng kiệu cho mình lúc nãy là bốn con khi to lớn kệnh càng, mặc trang phục như người mà khi rời khỏi lũ điếm, vì trời tối chàng đã không để ý. Thấy nét mặt của chàng, Châu Dung mỉm cười giải thích:

- Đường lên Hào Sơn cheo leo, hiểm trở nên Hồng tiểu thư phải dùng loài hầu nhân này khiêng kiệu. Công tử đừng ngạc nhiên!

Nói xong nàng hơi cúi người, đưa tay hướng về phía thiếu nữ áo hồng ra đầu mời. Lũ Hồ hoang mang hỏi lại:

- Hào Sơn? Quần Tiên Hội?

Bấy giờ thiếu nữ ngồi sau bàn mới đứng lên, vẫy tay ra hiệu cho ban nhạc ngừng lại, nàng cúi đầu chào, cất giọng ngọt ngào:

- Đúng vậy! Tiệp nữ là Hồng Đào! Thật hân hạnh được đón chào công tử đến thăm tể cốc.

Lũ Hồ chưa kịp trả lời thì một luồng gió lạnh bất chợt thổi tới khiến chàng rùng mình, người nổi gai ốc. Cố trấn tĩnh, chàng vòng tay:

- Tiểu sinh là Lũ Hồ! Thật hữu duyên mới được diện kiến tiểu thư.

Hồng Đào mỉm cười nhìn chàng, ánh mắt thật lắng lọc:

- Công tử chỗ quá khách sáo mà mất đi sự thân tình! Mời công tử ngồi xuống đây thưởng thức vài chén rượu nhạt của tể cốc.

Vừa nói, nàng vừa hơi xoay người sang một bên, chỉ vào chiếc trường kỷ bằng đá mình đang ngồi. Lũ Hồ loạng choạng bước tới, cơn gió vừa qua vẫn còn làm cho chàng ngầy ngật, choáng váng. Hồng Đào thấy vậy, ngoắc tay ra

hiệu, lập tức có hai con khi to lớn khác lẳng xăng chạy đến, kêu khẹt khẹt, dường như có vẻ vui thích, hỏn hỏ vì được sai bảo. Hồng Đào nói nhỏ điều gì đó, hai con khi liền chạy vụt đi. Một lúc sau chúng trở lại, một con búng cái khay trên có bình rượu trong suốt và hai cái ly thủy tinh, con thứ hai cầm hai đôi đĩa, một đĩa thức ăn nóng, khói bốc nghi ngút, đặt xuống bàn.

Hồng Đào rót rượu vào một cái ly, ngồi xuống cạnh Lũ Hồ, trao cho chàng cái ly, thỏ thẻ:

- Công Tử chắc bị lạnh? Hãy dùng chén rượu này sẽ thấy khỏe ngay!

Lũ Hồ mở miệng cầm lấy ly rượu đưa lên môi uống cạn. Rượu chưa trôi hết khỏi cổ, chàng đã thấy một luồng hơi tử dưới đan điền đưa ngược lên, rồi cả người nóng ran, rạo rục vô cùng.

Hồng Đào liếc chàng, ánh mắt long lanh tinh tú, nàng dùng đĩa gấp một miếng thịt, âu yếm dút vào miệng Lũ Hồ. Chàng không còn giữ được lý trí, vừa cắn miếng thịt, vừa choàng tay ôm lấy thân hình gợi cảm của Hồng Đào. Hồng Đào cười khúc khích, vẫy tay một cái, một điệu nhạc du dương, trầm bổng nổi lên. Hai người ăn uống, đùa giỡn với nhau một lúc thì Lũ Hồ say khướt, nằm tựa lên người Hồng Đào mà thiếp đi.

Lũ Hồ chợt tỉnh khi trời bắt đầu sáng. Tiếng chim hót riu rít hòa lẫn với tiếng vượn hú chung quanh đã kéo chàng ra khỏi cơn mê. Chống tay ngồi dậy, Lũ Hồ cảm thấy mắt hoa, đầu vàng, có thể bài hoại, nhất thời chưa nhớ được việc gì đã xảy ra, chàng vội ngồi ngay lại, nhắm mắt dùng Điều Túc Công vận hành hơi thở. Một lát sau, khi thần trí đã trở lại bình thường, chàng dần dần nhớ lại mọi việc. Khi mở mắt, Lũ Hồ bàng hoàng thấy mình đang đứng trên một ngọn núi cao, chung quanh ngổn ngang các tảng đá to lớn, rong rêu phủ đầy với những hình thù kỳ dị, có tảng giống người đang treo núi, có tảng giống mấy con khi đang đu trên các cành cây... Phía dưới, dọc theo sườn núi, cây cối mọc thật um tùm, rậm rạp, không thấy dấu tích gì của Hồng Đào, Châu Dung và mấy con khi khiêng kiệu đâu, chỉ có túi hành trang của mình nằm lẫn lóc trên mặt đất.

-Bằng cách nào mình đã tới đây?

Lũ Hồ hoang mang tự hỏi, chàng đi tới, cầm lại túi hành trang, ngồi xuống một tảng đá lớn, cõi ra xem xét. Các vật dụng đều còn nguyên, cũng may là lúc nào chàng cũng dự trữ một ít lương khô và một bầu nước nhỏ trong túi hành trang nên nhất thời không có gì đáng sợ. Uống một ngụm nước, Lũ Hồ suy nghĩ, nhớ tới lời phụ thân, chàng đưa mắt quan sát những tảng đá chung quanh, lẩm bẩm:

-Nếu đây là Hào Sơn thì...

Chàng đứng bật dậy, bước tới một tảng đá lớn, nằm dưới một tảng cây, có hình dáng một con dã nhân đang nằm ngủ. Dùng lưỡi dao nhỏ lấy trong túi hành trang ra, gạt lớp rong rêu ở chỗ tương đối phẳng trên mặt tảng đá đi thì thấy xuất hiện vài nét chữ khắc sâu trên mặt đá giống như trong cuốn Y Dược Kỳ Thú mình đã đọc, những chữ đó không hiểu đã được khắc lên đá bằng cách nào và từ bao giờ? Lũ Hồ cạo thêm một khoảnh nữa thì đọc được mấy chữ Nguồn Nhục, Viễn chí, Quảng bi... chàng vui mừng reo lên một tiếng, rồi hồi hả tìm cách gạt

hết lớp rong rêu trên tảng đá xuống. Đang mài mê làm việc, Lữ Hồ chợt kêu lên đau đớn khi có một vật gì đó đập thật mạnh vào đầu mình, chàng thấy trời đất tối sầm lại, nhưng trước khi ngã lảo ra bất tỉnh, chàng còn nghe được tiếng cười khèn khệ của mấy con khỉ.

Ánh sáng rực rỡ của những ngọn đèn lồng bay thấp, rơi sạt vào mặt làm cho Lữ Hồ mở mắt tỉnh dậy, chàng có cảm giác mình đang gối đầu lên một vật gì êm ái có mùi thơm nhẹ nhàng, quyến rũ khiến chàng ngây ngất tiếp tục nhắm mắt lại, tận hưởng giây phút ý thú đó. Đang đắm chìm trong cảm giác bình bồng, Lữ Hồ chợt nghe tiếng cười trong trẻo của Hồng Đào, rồi tiếng nằng ngọt ngào:

- ! Công tử đã tỉnh!

Lữ Hồ ngồi bật dậy, ngó ngác nhìn quanh. Khung cảnh vẫn y như tối hôm trước, chiếc bàn đá vôi bình rượu trong suốt và hai cái ly, mấy người nữ nhạc công cùng lũ hầu nhân. Hồng Đào đang ngồi bên cạnh chàng, khuôn mặt yêu kiều, ánh mắt tinh tú, hóa ra này giờ chàng đang nằm gối đầu lên đùi Hồng Đào mà không biết, Lữ Hồ ấp úng:

-Tiểu sinh...chuyện gì ... đã xảy ra?

Hồng Đào là lời đưa tay xoa nhẹ khuôn mặt Lữ Hồ cười:

- Có chuyện gì xảy ra đâu? Công tử uống nhiều rượu quá nên say ngủ đi thôi. Công tử uống nữa nhé?

Không đợi Lữ Hồ trả lời, nàng vói tay cầm bình rượu rót vào ly, đưa lên kê vào miệng chàng. Lữ Hồ định lắc đầu từ chối, nhưng mùi rượu thơm nồng khiến chàng không cưỡng lại được ngửa cổ uống cạn. Chỉ trong chớp mắt, Lữ Hồ lại thấy xốn xang, bứt rứt, chàng không dần được, vòng tay ôm lấy Hồng Đào vào lòng. Hai người lại vui đùa, giỡn hớt với nhau trong tiếng nhạc dập dùi.

Đúng vào lúc đó chợt có tiếng chó sủa tru lên một hồi dài át hẳn tiếng nhạc, rồi trên bầu trời đang trong sáng mây đen bỗng ùn ùn kéo tới cùng với những cơn gió thổi ào ào. Mấy ngọn đèn lồng đang lơ lửng bị gió giật bay tán loạn, va chạm vào nhau bể tan thành nhiều mảnh, lửa vàng tung toé. Hồng Đào đẩy mạnh Lữ Hồ ra, đứng phắt dậy dáo dác nhìn quanh trong khi mấy người nữ nhạc công cùng lũ hầu nhân sợ hãi kêu lên chít chít chạy núp vào sau mấy tảng đá.

Trên nền trời phủ kín mây đen nổi lên những tia chớp ngoằn ngoèo, loé sáng cả một góc trời rồi tiếng sấm động ầm ầm vang lên và những giọt mưa bắt đầu trút xuống xối xả. Lữ Hồ đang đắm chìm trong hoan lạc chợt hụt hẫng vì cơn mưa bất ngờ và củ chi của Hồng Đào, chàng đứng dậy ngó ngác cho đến lúc toàn thân ướt lạnh mới giật mình thoát khỏi cơn mơ, chạy nép vào sau một gốc cây.

Không gian trở nên tối đen như mực khi ngọn đèn lồng cuối cùng bị nước mưa dập tắt ngúm. Cơn mưa kéo dài tưởng chừng như bất tận, Lữ Hồ ngồi co ro dưới gốc cây, mấy ly rượu làm cho chàng bần thần, rã rượi dù đang bị ướt và lạnh, một lúc sau chàng quá mệt mỏi, tựa người vào gốc cây ngủ thiếp đi.

Khi cơn mưa tạnh hẳn thì trời cũng vừa sáng. Lữ Hồ tỉnh dậy khi có ai đó lắc mạnh vai mình gọi:

- Công tử! Công tử!

Lữ Hồ ngồi dậy, đưa tay giụi mắt, nhận ra trước mặt mình là một lão già râu tóc trắng xoá, chàng kêu lên kinh ngạc:

- Úa! Tiên bối là ai? Còn Hồng Đào đâu rồi?

Lão già mỉm cười, cất giọng ôn tồn:

- Công tử si tình quá! Không nhỏ gì đến phụ thân và việc mình phải hoàn thành.

Lời nói của lão già khiến Lữ Hồ giật mình như thoát khỏi cơn mơ, chàng lắp bắp:

- Tiên bối... có quen với... thân phụ tiểu sinh ư? Sao tiên bối biết tiểu sinh... có việc phải làm?

Lão già lắc đầu nhè nhẹ, đưa tay chỉ vũng nước mưa đọng lại trong một cái hố lớn:

- Công tử nên ra đó rửa mặt cho tỉnh táo đi đã!

Lữ Hồ định nói nhưng nghĩ sao chàng lại yên lặng bước đến cái vũng. Nước mưa đọng lại thật trong, Lữ Hồ cúi mặt xuống vốc nước, nhưng bàn tay chưa chạm vào làn nước, chàng đã rụt mạnh lại, quay sang nhìn lão già. Lão chẳng có vẻ gì ngạc nhiên, chỉ hỏi:

- Công tử chưa rửa mặt đi, còn chờ gì nữa?

Lữ Hồ do dự một lúc rồi mới nghiêng mặt nhìn xuống vũng nước lần nữa, chàng rung mình khi nhận ra gương mặt phản chiếu dưới nước không còn là của mình nữa mà đã biến dạng vôi cái đầu dài ra, mũi xẹp lại, hai cánh mũi nở lớn và cả hàm nhô ra như chìa vôi. Như không còn tin ở mắt mình, Lữ Hồ thọc tay xuống nước khuấy mạnh rồi múc nước đắp lên mặt cho thật tỉnh táo. Chờ cho mặt nước lắng đọng trở lại, chàng mới chồm tới soi mặt mình một lần nữa. Không còn nghi ngờ gì, khuôn mặt kinh dị dưới nước chính là của chàng nhưng đã biến đổi gần như mặt khỉ, Lữ Hồ hét lên một tiếng thê lương, ôm mặt khóc nức nở.

Lão già bước đến cạnh Lữ Hồ, đặt nhẹ tay lên vai chàng, chưa kịp nói gì thì chàng đã gạt mạnh tay lão ra, nói gần như quát:

- Lão hãy tránh ra! Để tiểu sinh yên!

Nói xong chàng quỳ gục xuống đất, ôm lấy đầu, lăn lộn thốn thức. Lão già thấy thế, yên lặng đứng nhìn. Chờ cho Lữ Hồ khóc chán chê, lão mới ngồi xuống cạnh chàng nhỏ nhẹ:

- Công tử hãy bình tĩnh lại! Khuôn mặt công tử chưa đến nỗi nào, còn có thể trở lại bình thường.

Lữ Hồ ngước lên ngó lão, cặp mắt đỏ hoe đầy sự nghi ngờ:

- Thật ư? Tiên bối là ai? Sao tiên bối biết mặt tiểu sinh có thể trở lại như cũ?

Lão già thờ dãi:

- Ta là ai ư? Nói ra chắc công tử cũng khó tin. Công tử thấy những tảng đá kỳ dị kia chứ?

Lữ Hồ cố nín khóc, dùng vạt áo chùi nước mắt, gạt đầu. Lão già chậm rãi tiếp:

- Các tảng đá đó chính là những người hiếu kỳ lên đỉnh Hào Sơn này rồi mất tích không để lại dấu vết gì. Họ cũng như mấy con khỉ khiêng kiệu cho công tử và hầu hạ con tiện nữ Hồng Đào, chỉ vì tò mò mà mang họa vào thân.

Lữ Hồ đã phần nào bình tĩnh lại, chàng dùng tay vốc nước rửa mặt rồi hỏi:

- Hồng Đào đã làm gì họ?

- Công tử chưa hiểu à? Mấy ly rượu mà Hồng Đào mời, sau khi uống công tử thấy sao?

Lữ Hồ giật mình, nhớ lại mọi chuyện, chàng nóng bừng mặt, ấp úng:

-Tiểu sinh thấy... bứt rứt... khó chịu... vô cùng.

Lão già nghiêm mặt nhìn chàng:

- May là ta đến đây kịp lúc, không thì công tử cũng chịu chung số phận như những người khác. Loại Trường Xuân Tú này uống vào tùy theo liều lượng có thể làm thay đổi tính dục con người, biến nam thành nữ, cải lão hoàn đồng, sống thọ vài trăm năm, nhưng quá liều lượng sẽ gây tác dụng tai hại vô cùng như hoá thân thành khỉ... hoặc sẽ bị hoá thành đá...

Lão già chợt ngừng nói, ngước mắt nhìn lên trời, mặt lộ đầy vẻ đau khổ. Lữ Hồ bàng hoàng cả người, những điều lão vừa nói chính là mấy lời tựa trong quyển Y Dược Kỳ Thư, chàng trở mắt nhìn lão, rụt rè hỏi:

- Tiên bối là... Nam Hải Thần Y, tác giả cuốn Y Dược Kỳ Thư?

Lão già gật đầu, ngừng lại một lúc lâu rồi tiếp tục nói, giọng buồn rầu:

- Phải! Ta chính là Nam Hải Thần Y. Thân phụ và nội tổ công tử không chịu thấu hiểu lẽ trời. Hễ có sinh thì có diệt, có sống thì có chết? Không một vật gì trên thế gian có thể mãi mãi tồn tại, vĩnh cửu với quy luật tuần hoàn của tạo hoá. Đi tìm một toa thuốc, một phương thức để trường cửu vôi đời là một việc làm vô vọng, nếu không nói là ngu xuẩn. Ta cũng vậy, suốt một đời mây mù, tìm kiếm, pha chế... để cuối cùng được gì ngoài cuộc sống cô độc hiện nay?

Lữ Hồ nhíu mày nhìn lão, bản khoăn hỏi:

- Tiên bối nói sao? Tiểu sinh chưa hiểu.

Nam Hải Thần Y quay lại, đôi mắt nhìn chàng có vẻ thương hại:

- Công tử chưa hiểu ư? Ai trên đời này muốn được trường sinh bất tử? Có phải chỉ là thiếu số những kẻ có quyền lực, thừa tiền, lắm bạc, danh vọng cao dầy, muốn sống thật lâu để hưởng thụ rượu nồng, dê béo, gái đẹp, kẻ hầu người hạ... hay được thiên hạ xúng tụng, nể sợ? Còn những người bình thường sống đời đơn giản, đạm bạc hay những người nghèo khổ, mấy ai nghĩ tới chuyện trường sinh?

Lão ngừng lại một chút, rồi tiếp:

- Toa thuốc trường sinh, ta đã suy nghĩ, tìm tòi, pha chế hơn mấy chục năm, gần cuối đời mới hoàn thành. Những tưởng rằng lúc thành công ta sẽ có được tất cả những gì mình muốn như tiền bạc, danh vọng, quyền lực... Nhưng than ôi! Chính vào lúc đó ta đã tự hủy hoại những gì mình đã bỏ công học hỏi, nghiên cứu, tìm tòi trong bao nhiêu năm trời. Biết được điều đó thì cũng đã quá trễ, chúng qui cũng do con tiện nữ Hồng Đào này mà ra.

Lữ Hồ nghe đến đó, mười phần đã chắc đến bảy, tám, lão là Nam Hải Thần Y, tác giả quyển Y Dược Kỳ Thư nên tò mò hỏi tiếp:

- Tiên bối có biết người họa sĩ đã vẽ Hồng Đào vào dịp Lập Thu Tân Mùi cách đây hơn 80 năm không?

Nam Hải Thần Y ngửa mặt nhìn trời bằng khuông nói:

-Bức tranh đó ta vẽ cách đây gần 200 năm rồi, lúc mới gặp con tiểu yêu Hồng Đào. Sau khi tìm được đủ các dược liệu để chế thành toa thuốc trường sinh, ta tìm đến ngọn Hào Sơn này, viết hết tất cả những gì mình nghiên cứu,

học hỏi, tìm tòi trong mấy chục năm trường ra thành cuốn Y Dược Kỳ Thư, đồng thời ngâm bình rượu thuốc trường sinh đầu tiên, đặt tên là Trường Xuân Tâu. Sau hơn sáu tháng đợi chờ, khi dược tính của các vị thuốc đã ngấm, tan vào rượu, ta uống thử một ly vào một buổi tối trăng rằm tại đây. Bấy giờ ta cũng đã khá già, nghĩ rằng thuốc dù có hiệu nghiệm tới đâu, chắc cũng chỉ công hiệu từ tử. Ai ngờ rượu chứa thấm tới ruột ta đã thấy xuân tình nổi lên, người nhộn nhạo, khó chịu hết sức, tưởng chừng có thể phát điên lên được. Đứng vào lúc đó thì Hồng Đào xuất hiện, thể là ta rơi ngay vào vòng tay ma quái của nó một cách tự nguyện. Mấy đêm liền tiếp, đêm nào ta cũng uống vài ly Trường Xuân Tâu để rồi mê mẩn, đắm chìm trong hoan lạc cho tới sáng. Cho đến ngày kia sau một trận mưa lớn, ta vô tình soi mặt vào một vũng nước, mới kinh hoàng nhận ra sự thay đổi trên mặt mình, lúc đó ta mới sực nhớ mình đã lạm dụng thuốc mà không hay. Nhưng cũng đã quá trễ, ta không còn trở lại người bình thường được nữa. Ta gần như trở nên điên cuồng, tuyệt vọng, rồi khỏi Hầu Sơn, quên không lấy cuốn Y Dược Kỳ Thư theo. Con tiểu yêu Hồng Đào chớp được, nó biết thế nào cũng có ngày ta trở lại tìm nó để đòi sách, nên tìm cách ghi chép lại bằng cách khắc lên mấy tảng đá, rồi dùng cây lá che đi, nên ta hoàn toàn không biết. Phần ta, sau một thời gian dài chán nản, buồn rầu, cũng bình tĩnh lại. Nghĩ đến việc Hồng Đào sẽ dùng cuốn Y Dược Kỳ Thư trong những mưu đồ bất chính, ta hoảng sợ, vội quay trở lại đây, tình cờ lại đứng vào một đêm trăng rằm tháng tám để chứng kiến cảnh con yêu nữ Hồng Đào dùng sắc đẹp và Trường Xuân Tâu hãm hại người khác biến họ thành hầu nhân phục vụ cho mình, ai có ý chí hoặc không bị sắc đẹp lung lạc thì bị nó biến thành đá. Lữ Hồ nghe kể tội đồ chết chướng cả người, chàng chụp lấy tay Nam Hải Thần Y, run giọng:

- Rồi bằng cách nào tiên bối trở lại như người thường?

Nam Hải Thần Y có vẻ thông cảm Lữ Hồ, lão cầm tay chàng, nói:

- Công tử yên chí! Ta sẽ giúp khuôn mặt công tử trở lại bình thường, nhưng hãy nghe ta kể tiếp đã.

Lão ngừng lại một chút, có vẻ suy nghĩ rồi tiếp:

- Thấy ta xuất hiện, Hồng Đào sợ hãi, nó vội quăng trả ta cuốn Y Dược Kỳ Thư. Ta lấy lại được sách, nghĩ tới Trường Xuân Tâu và toa thuốc trường sinh có thể đi hại về sau, nên ta xé nát phần cuối của cuốn Y Dược Kỳ Thư, chỗ nói về các vị thuốc và cách chế toa trường sinh, rồi vùi luôn sách vào bụi rậm. Tổ phụ công tử, vốn là một lương y, tình cờ nhặt được, theo đó học hỏi trở thành tài giỏi, cử thể truyền về đời sau cho con cháu, nhưng toa trường sinh mãi mãi trở thành một ẩn số không lời giải đáp. Phần ta, tưởng rằng mọi việc như thế là xong, đâu có ngờ rằng toa trường sinh vẫn tồn tại ở Hầu Sơn, trên các tảng đá và con yêu nữ Hồng Đào vẫn nhờn nhờn xuất hiện hãm hại người khác. Trong suốt một thời gian dài không biết bao nhiêu năm ta sống trong rừng sâu, ăn ngủ trong các hang động, tiếp tục suy nghĩ, tìm tòi để tìm ra phương thuốc cho mặt mũi mình trở

lại bình thường. Cuối cùng ta cũng đã thành công, diện mạo trở lại như cũ nhưng trong lòng thật chán ngán, không còn tha thiết gì với cuộc sống thế nhân nữa. Cho đến hôm tình cờ thấy công tử băng bó cho con sói già bị thương trong rừng, ta nhận ra ngay công tử đã dùng thủ thuật trị thương của ta, nên tò mò theo dõi xem công tử làm gì và đi đâu? Đến lúc thấy công tử mua lấm tranh do ta vẽ, ta vô cùng hoang mang, kịp tới khi thấy lũ hầu nhân và con nữ tỳ Châu Dung xuất hiện, ta vội bám theo, nhưng không kịp. Ta đã già rồi, dù có uống Trường Xuân Tâu một cách đều đặn, sức cũng không thể bằng người trẻ, nên ngày hôm sau ta mới tới đây. Khi thấy công tử phát giác ra các dòng chữ khắc trên đá, ta mới giật mình kinh hãi. Ta đã suy nghĩ mãi mà vẫn chưa tìm ra cách nào để xóa đi tên những dược liệu và cân lượng của toa trường sinh đã khắc trên đá.

Sẵn đang tức giận Hồng Đào, Lữ Hồ đề nghị:

- Tiên bối có thể dùng hòa lôi cho nổ hết mấy tảng đá, đồng thời tiêu diệt luôn Hồng Đào và lũ hầu nhân để khỏi đi hại về sau.

Nam Hải Thần Y reo lên một tiếng vui mừng:

- ! Công tử nói đúng! Ta già rồi nên lú lẫn không nghĩ ra. Nhưng vấn đề là kiếm thuốc nổ ở đâu?

- Dưới phố có bán lưu huỳnh, diêm sinh và những chất xúc tác, với các thủ đồ tiểu sinh có thể chế được hòa lôi.

- Vậy công tử xuống dưới phố lo liệu những thủ đồ đi! Ta chờ công tử ở đây. ! mà không được! Khuôn mặt công tử không tiện xuất hiện chốn thị tứ, thôi để ta đi. Công tử chờ đây nhé!

Nam Hải Thần Y nói xong dợm quay đi, nhưng sực nhớ ra điều gì đó, lão đứng lại, lấy trong túi ra một viên thuốc bọc sáp, trao cho Lữ Hồ:

- Chút nữa thì ta quên, đây là viên Hoàn Diện Tể, công tử hãy uống ngay! Tình trạng công tử chỉ uống độ một hai viên là sẽ trở lại bình thường.

Lữ Hồ nửa tin, nửa ngờ nhưng chẳng còn cách nào khác hơn nên đưa tay đón lấy viên thuốc. Ngần ngừ một lúc, chàng bóp bể lớp sáp rồi cho luôn vào miệng nhai nhỏ ra, uống một ngụm nước, nuốt hết, xong mới quay lại vòng tay cảm tạ lão:

- Đa tạ tiên bối!

Nam Hải Thần Y vỗ nhẹ lên vai chàng, ân cần dặn dò:

- Công tử chờ đây! Có thể chiều mai nữa ta mới trở lại. Trong lúc đó chỗ có tìm cách xuất hiện trước mặt Hồng Đào, nó có thể sai lũ hầu nhân sát hại công tử. Nhớ chưa?

Lữ Hồ gật đầu, lão nhìn chàng lần nữa, rồi mới quay lưng đi. Lữ Hồ tần ngần ngó theo cho đến khi lão khuất dạng mới cúi xuống cầm túi hành trang lên, định tìm chỗ nghỉ ngơi nhưng chợt thấy bụng nhộn nhạo khó chịu vô cùng. Chưa kịp tìm hiểu vì sao, chàng đã thấy trời đất quay vòng vòng, rồi chóng mặt té ngồi xuống đất, mưa ra thốc thốc.

Một chập sau, cơn đau bụng dịu dần đi, Lữ Hồ thấy người nhẹ nhàng, thoải mái hơn. Chàng ngồi dậy đi lại bên vũng nước, cúi mặt nhìn xuống. Chàng gần như phát khóc lên được vì mừng rỡ khi thấy gương mặt mình không còn

dị hợm như mặt khi vừa qua, chàng vốc nước rửa mặt rồi nháy lên tưng tưng, vừa nháy vừa hát vang trời. Đang nháy nhót vì vui mừng, ánh mắt chàng chạm phải mấy dòng chữ trên tảng đá, Lữ Hồ khựng lại, nhỏ tới phụ thân và nhiệm vụ của mình, chàng vội vã mở túi hành lý ra lấy giấy bút ghi chép lại tất cả những gì thấy trên tảng đá.

Làm xong, thấy mặt trời đã ngả về chiều, Lữ Hồ bỏ ý định tìm tòi sang mấy tảng đá khác, chàng xách túi hành trang đi xuống dưới núi một đoạn khá xa tìm chỗ nghỉ qua đêm. Nửa đêm chàng bị đánh thức dậy vì tiếng nhạc và tiếng cười đùa vang vọng xa xa, Lữ Hồ thấy người xốn xang, máu chạy rần rạt kích thích vô cùng, hình ảnh Hồng Đào yêu kiều, quyến rũ hiện ra mờ ảo trước mặt khiến chàng như muốn điên lên. Đã mấy lần Lữ Hồ định rời khỏi chỗ nằm, đi lên tìm gặp Hồng Đào, nhưng rồi khuôn mặt khi dưới vũng nước cùng tiếng cười khê khê của các hầu nhân làm chàng khựng lại. Cứ thế, Lữ Hồ dần vật, xoay trở cả đêm, không ngủ lại được, mãi đến gần sáng chàng quá mệt mỏi mới thiếp đi được một giấc.

Sáng ra, Lữ Hồ trở lại chỗ cũ, định làm tiếp công việc gián đoạn hôm trước, nhưng lên đến nơi chàng lại do dự, ngồi xuống một gốc cây, suy nghĩ mông lung. Lối nói của Nam Hải Thần Y thật hữu lý, sống trường sinh để làm gì? Có được toa trường sinh rồi, liệu ai là người có thể kiểm soát dược lý trí để không lạm dụng thuốc? Nhưng nếu không ghi chép lại những gì trông thấy thì ăn nói làm sao với phụ thân? Có lẽ phải kể hết mọi việc cho cha chàng nghe? Cứ thế những ý nghĩ xoay chuyển trong đầu khiến Lữ Hồ thủ người ra cho đến lúc nghe sột soạt tiếng chân người, chàng mới giật mình quay lên. Nam Hải Thần Y xuất hiện trước mặt chàng, tay xách một bao vải nặng trĩu, vừa đi vừa thở hổn hển. Lữ Hồ vội đứng lên, chạy tới đỡ chiếc túi trên tay lão:

- Ô! Tiên bối đi nhanh thật! Tiên bối mua ở đâu vậy?

Vừa hỏi chàng vừa tháo chiếc bao ra, đổ mọi vật xuống mặt đất. Chàng tròn mắt nhìn những khối thuốc nổ được đóng lại thành hình ống tròn, dài độ gang tay, một cuộn dây chuyên nổ, bên cạnh mấy chiếc bánh bao gói bằng lá chuối và một bình nước làm bằng bao tử heo. Nam Hải Thần Y ngồi xuống cạnh Lữ Hồ, nói qua hơi thở mệt nhọc:

- Số công tử chờ lâu nên ta đi thẳng vào đồn lính dưới phố cuỗm luôn mấy thủ đem về đây cho tiện, khỏi phiền công tử bao chế hòa lôi, mất thì giờ. Có mấy cái bánh bao đó, công tử ăn đi! Ăn xong ta bắt đầu là vừa.

Lữ Hồ lúc đó mới cảm thấy đói bụng, chàng cầm một cái trao cho lão già rồi mới bóc một cái ăn ngấu nghiến. Lão già cầm lấy cái bánh bao nhưng không ăn, chỉ nhìn chàng, gật đầu nhẹ nhàng:

- Khuôn mặt công tử trở lại bình thường rồi đó! Lần sau chỗ có đại nữa nghe!

Lữ Hồ ngượng ngùng, cúi gằm mặt nhai bánh. Ánh mắt lão nhìn chàng có vẻ thương mến đặc biệt khiến chàng băn khoăn, nó tạo cho chàng có cảm giác là giữa chàng và lão có một mối liên hệ mật thiết, nhưng như thế nào thì nhất thời chàng chưa thể hiểu được. Một lúc

sau, không thấy lão nói gì thêm, chàng mới e dè ngược lên hỏi:

- Hồng Đào là ai? Tiền bối có thể cho tiểu sinh biết được chăng?

Nam Hải Thần Y yên lặng một lúc rồi chậm rãi nói:

-Thú thật, cho đến bây giờ ta cũng chưa biết rõ con yêu nữ này là ai, từ đâu tới? Ta ở bên nó, thời gian chỉ độ nửa tuần trăng rồi sau đó bỏ đi. Đã nhiều lần ta hỏi về thân thế nó, nó chỉ cười, rồi tìm cách chuốc rượu cho ta say, ta lại quên hết. Nhưng dù nó là ai thì ta cũng không thể dung thủ được.

Lão ngừng lại, chờ Lữ Hồ ăn xong miếng bánh cuối cùng rồi mới tiếp:

- Công tử uống nước đi! Xong ta bắt tay vào việc là vừa!

Nam Hải Thần y nói xong, gom đồng chất nổ lại bỏ vào bao, đứng lên. Lữ Hồ uống vài ngụm nước rồi bước theo lão. Hai người đào lỗ dưới những tảng đá lớn, nhét thuốc nổ xuống, cột dây chuyền nổ khắp nơi, rồi dùng cây lá che kín lại, xong việc thì trời cũng đã về chiều.

Hai người đi xuống núi một khoảng cách xa, tìm một chỗ núp an toàn sau một thân cây thật lớn, ngồi chờ. Trời vừa sẩm tối, mặt trăng tròn bắt đầu hiện ra chênh chếch ở hướng Đông thì đã nghe tiếng nhạc xập xình vang lên. Lữ Hồ đang định lên tiếng hỏi thì Nam Hải Thần Y đã nắm chặt tay chàng nói nhỏ:

- Đi hai người lên dễ bị lộ! Công tử ở lại đây! Ta sẽ là người chăm ngòi nổ, xong ta trở xuống ngay.

Lữ Hồ phản đối:

-Không! Việc đó tiền bối hãy để cho tiểu sinh làm.

Nam Hải Thần Y lắc đầu cương quyết:

Không được! giữa ta và con yêu nữ Hồng Đào, món nợ lớn hơn là của công tử với nó. Hai nữa, nếu có việc gì bất trắc xảy ra, mạng ta không đáng kể. Công tử còn trẻ, lại có một nhiệm vụ phải hoàn thành với phụ thân. Công tử nên ở lại!

Lão nói xong, không chờ ý kiến của Lữ Hồ, khom người, nhanh nhẹn lách vào những bụi cây bước đi. Lữ Hồ không còn cách nào hơn, đành phải đứng lại. Khi Nam Hải Thần Y đi đã xa, chàng mới sực nhớ ra một điều thắc mắc là sao lão biết rõ về gia đình mình?

Còn đang bần thần suy nghĩ thì một tia chớp nháng lên sáng rực, rồi một tiếng nổ kinh thiên động địa làm rung chuyển cả không gian, đất đá bay ào ào, vung vãi khắp nơi, khói, bụi bốc mù mịt. Dù đã đứng khá xa nơi chôn chất nổ, Lữ Hồ vẫn bị sức chấn động hất té lăn trên mặt đất đau điếng người. Nghĩ đến sự an nguy của Nam Hải Thần Y, chàng vội ngồi dậy, không chờ cho khói, bụi tan bớt, chàng hấp tấp chạy ngược trở lại đỉnh Hào Sơn, mùi thuốc nổ vẫn còn nồng nặc khiến chàng ho sặc sụa. Dưới ánh trăng sáng vàng vạc, quang cảnh hiện ra trước mắt chàng thật hoang tàn, những mảnh áo quần vương vãi, cây cối ngã đổ khắp nơi, những tảng đá vôi các hình thù kỳ dị bị nổ tan thành vụn số những khối nhỏ cho thấy sự công phá mãnh liệt của lượng chất nổ. Chung quanh không còn thấy có dấu hiệu của sự sống.

Lữ Hồ tìm thấy Nam Hải Thần Y bị thương, nằm dưới một thân cây bật gốc. Cả một gốc cây lớn, cành lá xum xuê nằm vắt ngang lên người lão khiến lão hầu như không cựa cựa được. Lữ Hồ kêu lên hốt hoảng:

-Tiền bối!

Chàng cẩn thận nhắc gốc cây lên, kéo ra khỏi người Nam Hải Thần Y, xong cúi xuống đỡ lão ngồi dậy. Trên người lão không thấy có vết máu, nhưng trên miệng một dòng máu chảy ra ướt cả cổ áo, gương mặt lão nhăn nhó, đầy vẻ đau đớn, có lẽ lão bị nội thương nặng. Lão thở một chong, thều thào nói:

- Công tử! Chắc ta không qua khỏi.

Vừa nói, lão vừa chỉ vào ngực mình, Lữ Hồ hiểu ý, đặt lão nằm xuống, vạch áo lão ra nhìn. Dưới ánh trăng chàng nhận ra trên ngực trái của Nam Hải Thần Y có xăm một chữ Lữ màu chàm, lớn chừng ba ngón tay chập lại. Lữ Hồ ngạc nhiên kêu lên:

- Úa? Tiền bối cũng họ Lữ?

Nhưng rồi chợt hiểu ra, chàng gục đầu xuống, ôm lấy Nam Hải Thần Y nghẹn ngào:



- Tổ phụ!

Nam Hải Thần Y đưa tay xoa nhẹ khuôn mặt Lữ Hồ, lão cười nhẹ, nói qua hơi thở yếu ớt:

- Phải! Ta chính là tổ phụ của con. Bao nhiêu năm qua ta vẫn theo dõi sinh hoạt của dòng họ Lữ. Ta rất mãn nguyện khi thấy hậu duệ mình lúc nào cũng sốt sắng trong việc cứu chữa bệnh tật cho thiên hạ. Tuy nhiên ta cũng có nỗi khổ tâm khi con cháu mình, trải qua mấy thế hệ, người nào cũng bị dẫn vật, thao thức vì toa thuốc trường sinh. Ta chẳng thể xuất hiện công khai, giải thích lẽ trời cho họ hiểu được. Đã bao lần ta có ý định lấy cuốn Y Dược Kỳ Thư lại, tiêu hủy đi, nhưng rồi lại tiếc công biên soạn, hơn nữa nó lại là phương tiện sinh kế của con cháu nên ta lại thôi. Cho đến khi ta gặp con, theo dõi con, thấy con bị Hồng Đào làm hại, ta mới thấy rằng không thể để cuốn Y Dược Kỳ Thư tồn tại được, vì nó có thể di hại về sau. Vì thế khi con bị bất tỉnh, ta đã lục túi hành trang của con, lấy quyển Y Dược Kỳ Thư đốt đi.

Lữ Hồ kinh hãi, lắp bắp hỏi:

- Tổ phụ... đốt thật... rồi ư? Tiểu đệ... ăn nói làm sao... với gia gia?

Nam Hải Thần Y lắc đầu:

- Con cứ thuật lại tất cả mọi chuyện, đồng thời giao vật này cho thân phụ con, ông sẽ hiểu ngay.

Lão nhét vào tay Lữ Hồ một tấm thẻ bài bằng bạc trên mặt có triện mấy chữ nhỏ, chàng cầm lấy chưa kịp xem là chữ gì thì Nam Hải Thần Y đã ôm lấy ngực ho lên mấy tiếng rồi

thở hắt ra, nằm ngoẹo đầu sang một bên. Lữ Hồ kêu lên đau đớn:

- Tổ phụ!

Chàng nằm gục xuống ôm lấy lão, nước mắt tuôn dài trên mặt. Khóc chán chê, Lữ Hồ đứng dậy nhìn quanh quất, tìm chỗ chôn Nam Hải Thần Y. Thấy một cái hố khá lớn và sâu do thuốc nổ gây ra, chàng ôm Nam Hải Thần Y lên, đặt ngay ngắn vào trong hố, lấp đất lại đoạn cắm thanh đoản kiếm xuống làm dấu, rồi quay xuống mấy lay.

Khi Lữ Hồ thần thờ đứng dậy thì trời đã hừng sáng. Chàng thở dài, buồn rầu đưa mắt nhìn lại quang cảnh tiêu điều vì bị thuốc nổ tàn phá một lần nữa trước khi xuống núi. Lữ Hồ nhủ may khi mắt chàng chợt trông thấy một cây đào nhỏ, giống như một cây kiếng, chỉ cao chừng hơn một thước (thước ta, dài độ hơn 30cm), cành lá nhỏ xíu, nhưng thật rậm rạp bật gốc, nằm trơ vơ trên một tảng đá. Đi đến gần, nhắc cây đào lên xem, nhìn thấy cái gốc to vôi lồi vờ thật dày, sần sùi, nhăn nheo, già cỗi như gốc cổ thụ, chàng lẩm bẩm:

- Cây đào này chắc phải mọc cách đây cả trăm năm là ít. Thật uống quá! Không có cách gì đem về cho gia gia trồng lại.

Ngắm nghía một lúc, chàng tiếc rẻ vứt cây đào xuống đất. Bất ngờ từ bên trong đám cành lá xum xuê rụng ra một trái chín, nhỏ xíu, màu hồng lẫn long lóc trên mặt đất. Vô cùng kinh ngạc, Lữ Hồ cúi xuống nhặt trái đào, bỏ lên lòng bàn tay. Chàng rung mình khi ngửi thấy một mùi thơm thoang thoảng, quyến rũ y như mùi thơm của Hồng Đào. Lữ Hồ nắm chặt tay lại, định bóp nát trái đào, nhưng nghĩ sao, chàng quay trở lại đặt trái đào lên nắm mộ của Nam Hải Thần Y rồi đi xuống núi.

Khi về tới nhà Lữ Hồ kể lại mọi chuyện cho phụ thân nghe. Ông ngồi yên, không nói một lời cho đến khi chàng trao cho ông tấm thẻ bài có triện chữ, ông mới cầm lấy, lẩm nhẩm đọc:

- Nam Hải Thần Y Lữ Hiếu Công!

Đọc xong, trên khuôn mặt ông hai giọt nước mắt chảy dài xuống má. Lữ Hồ xúc động nắm tay cha kêu lên:

-Gia gia!

Lữ Thần Y không nói gì, lặng lẽ đứng dậy, đặt chiếc thẻ bài lên bàn thờ trong thư phòng, thấp mấy nén nhang, chấp tay lạy mấy lạy, Lữ Hồ nghe tiếng ông thì thầm:

- Xin Tổ Phụ tha thứ cho con cháu!

Lạy xong ông vén áo đi thẳng vào phòng ngủ. Từ đó về sau chẳng bao giờ Lữ Hồ nghe cha chàng nhắc lại toa thuốc Trường Sinh.

Người dân ở quanh vùng núi Hào Sơn cũng không còn ai trông thấy ánh sáng, hay tiếng nhạc du dương trên đỉnh núi vào trung tuần tháng tám nữa. Quần Tiên Hội lâu dần trở thành huyền thoại và đi vào quên lãng ●



TỘI NGHIỆP

Trên thế gian này, chúng ta đã từng chứng kiến các cảnh phiền não khổ đau nhiều hơn là bình yên vui sướng. Ngay trong cuộc đời của chúng ta, những sự bất trắc, bất như ý, bất toại nguyện cũng nhiều hơn những việc vui vẻ, vừa ý, toại nguyện.

Cho nên, nhận định cuộc đời *khổ-nhiều-vui-ít*, đó là sự thực rõ ràng, nhưng trong chúng ta ít người dám mạnh dạn nhìn nhận. Con người vì mãi mê đấu tranh, vật lộn với cuộc sống hàng ngày, nên không có thời giờ để suy tư, tìm hiểu. Có người không muốn nhìn nhận sự thực đó, tự kỷ ám thị, tự lừa dối mình, cho rằng cuộc đời là vui đẹp, là đáng hưởng thụ, với mục đích tạm quên đi những đau khổ, bất hạnh trong cuộc sống, không biết ngày mai mình sẽ ra sao, không biết làm sao cho đời bớt khổ, cho đời hết khổ.

Khi gặp hoàn cảnh khổ đau, khi có điều bất trắc, bất như ý, bất toại nguyện, con người chỉ biết than trời trách đất, hoặc trách củ tổ tiên, ông bà, cha mẹ ăn ở bất nhón thất đức, cho nên cháu con mới ra nông nổi này!

Đôi khi, có người chỉ biết đặt niềm tin nơi đấng thiêng liêng nào đó, để cầu nguyện, van xin, khẩn vái cho được tai qua nạn khỏi, cho được bình an, mà không chịu tìm hiểu hư thực, không chịu tìm hiểu Chân lý, không chịu học hỏi Chánh pháp, cho nên những người biết lợi dụng lòng mê tín dị đoan để gạt gẫm, để lợi dụng, để sai khiến, hậu quả khó mà lường trước được.

Thông thường khi thấy người nào gặp hoàn cảnh không may, gặp điều bất hạnh, bất như ý, đau khổ hoặc ngộ nạn, có người xúc động, tỏ lòng thương xót, thốt lên: "*Tội nghiệp quá!*".

Điều này có nghĩa là khi ở trong trạng thái *tâm bình thường*, con người ai cũng có sẵn *tâm tử bi, bác ái*, thấy người đau khổ thì động lòng trắc ẩn, xót thương.

Cũng trong trường hợp đó, người khác lại nói: Đáng đời chưa! Gieo gió thì gặt bão! Làm tội thì phải đền tội!

Cũng có người nói: Nghiệp của họ nặng, nên họ mới khổ nạn như vậy! Hoặc có người khác nói: Trời phạt họ đó!

Những sự suy nghĩ như vậy do tập quán, thói quen mà thốt nên lời.

Vậy chúng ta thử tìm hiểu: *Tội* là gì? *Nghiệp* là gì? *Tội báo, nghiệp báo* là gì? Làm gì mà phải *tội nghiệp*? Làm sao cho hết *tội nghiệp*?

Theo *luật nhân quả*, chúng ta biết rằng: "*gieo nhân nào thì gặt quả nấy*". Thí dụ: Gieo nhân là hạt cam, chúng ta sẽ được cây cam và gặt quả cam. Điều này khoa học đã chứng minh rõ ràng, không có gì đáng nghi ngờ cả. Nghĩa là: Làm thiện gặp thiện, làm ác gặp ác, ở hiền gặp lành, gieo gió gặt bão, có lúa có khoai, sinh sự sự sinh.

Tuy nhiên, cũng có thắc mắc: tại sao có người gieo thật nhiều gió mà chẳng thấy họ gặt bão, hay nói cách khác, những người đó làm nhiều điều bất thiện, gây nhiều tội ác, mà tại sao họ vẫn bình yên, an ổn, ăn nên làm ra, sống trong cảnh giàu có sung sướng? Trái lại, có người làm thật nhiều việc phước thiện, phước đức như bố thí, cúng dường, quyên góp cho các hội từ thiện, xây cất chùa chiền, lập nhà trường, trường học, đắp đường, xây cầu, mà tại sao chẳng thấy phước báo, chỉ thấy quả báo xấu, gặp nhiều nạn tai, gặp nhiều điều bất trắc, bất như ý, bất toại nguyện?

Chúng ta biết rằng có những hạt giống gieo trồng thì gặt được quả sớm, nhưng cũng có những hạt giống gieo trồng xong, phải đợi một thời gian sau, hay một thời gian lâu sau, mới gặt được quả. Cũng vậy, có những việc chúng ta làm đời trước, đời này mới nhận kết quả hay hậu quả. Có những việc chúng ta làm đời này, đời sau mới có kết quả hay hậu quả.

Do làm ác đời trước nên con người gặp khổ đau đời này, chỗ có oán hận, *than trời trách đất*, bởi lẽ *minh làm mình chịu*, không có ông trời nào, thượng đế nào trừng phạt mình một cách tùy tiện, vô căn cứ cả. Chúng ta thường có tánh đổ thừa kẻ khác, kể cả ông bà cha mẹ, đã tạo nghiệp, rồi cháu con phải lãnh hậu quả, chủ không bao giờ chịu nhìn nhận *chính mình đã làm*, đã gây ra những lỗi lầm kiếp trước cho nên kiếp này chính mình phải gánh chịu.

Còn những việc phước thiện, phước đức mình làm đời này vì quá ít, chưa kịp có kết quả, hoặc đã có kết quả làm cho nhẹ bớt đi những nạn tai mà mình đáng lẽ phải gánh chịu, chỉ tại mình không biết đó thôi.

Nếu không biết làm những việc thiện tạo phước báo như thế, để bù đắp những tội lỗi đã gây trước kia, con người có thể đã gặp nhiều phiền não khổ đau hơn, nhiều tai nạn nặng nề hơn. Nếu việc phước thiện đã làm nhiều hơn tội lỗi đã tạo, chắc chắn con người được hưởng sự sung sướng, sự may mắn. Nghĩa là: Sự sung sướng, sự may mắn do phước báo chính mình đã tạo ra từ nhiều kiếp trước hay kiếp nay, chủ không do ông trời, thượng đế nào thương mình mà ban cho cả.

Như vậy, chúng ta phải hiểu luật nhân quả được áp dụng trong ba thời: quá khứ, hiện tại và vị lai. Cũng có những quả báo nhân tiền, kết quả hay hậu quả có ngay trước mắt, gieo nhân đời này, gặt quả cũng trong đời này. Thí dụ như ăn trộm thì bị bắt, ở dốt thì sanh bệnh, làm biếng thì nghèo khổ, siêng năng, chăm chỉ, cần cù, nếu không thành công cũng thành nhân.

Tội lỗi là gì? Tội lỗi là những điều bất thiện, những việc ác do chính mình nói, chính mình làm, chính mình suy nghĩ, chính mình gây ra, chính mình tạo tác do thân-khẩu-ý của chính mình. Tội lỗi cũng do sự sai khiến, xúi giục, chỉ dẫn, bày cách cho người khác làm, thi hành, thực hiện những điều bất thiện, những việc ác. Tội lỗi cũng do sự vui mừng, tán đồng, khen ngợi, khi thấy kẻ khác làm những điều bất thiện, những việc ác. Nghĩa là: Nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ đều tội lỗi như nhau. Tại sao vậy?

Bởi vì chính mình làm, chỉ bảo người khác làm hay thấy người khác làm mà vui theo những điều bất thiện, những việc ác, tâm của chúng ta đều bị náo động, đều bị hoen ố, đều ghi nhận chúng-tử sanh-tử luân-hồi như nhau.

Đạo Phật chú trọng đến "*cái tâm*" là cái "*thực tướng bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm*" của con người, chủ không quan trọng đến cái giả tướng khác biệt bên ngoài của mỗi người. Cái giả tướng khác biệt đó chỉ là cái thân tứ đại sanh diệt, nay còn mai mất, chúng ta đang mượn tạm trong kiếp sống này.

Bởi vậy cho nên, đọc kinh điển của đạo Phật, muốn hiểu được pháp vô-lượng-nghĩa, pháp vô-thượng thậm-thâm vi-diệu, chúng ta hãy tìm hiểu qua lăng kính của một chữ, đó là chữ "TÂM"

Chữ Tổ có dạy: "*Tâm tức Phật, Phật tức tâm*" là ý nghĩa đó vậy. Đức Phật là bậc vô-thượng y-vương, vô-thượng được-

uống chuyên trị tâm bệnh của tất cả chúng sanh, chứ không phải thân bệnh.

Đức Phật hiểu rõ tâm bệnh của tất cả chúng sanh, vì sao con người trôi lăn trong sanh-tử luân-hồi, cho nên Đức Phật chỉ dẫn con đường thoát ly sanh tử luân hồi. Đó mới chính là trọng tâm cốt yếu của đạo Phật.

Có câu: "*Tướng tử tâm sanh, tướng tửng tâm diệt*". Bất cứ ai giải quyết được tâm bệnh thì thân bệnh có còn gì đáng nói nữa đâu. Cái thân tử đại giả tạm này chỉ có tuổi thọ một trăm năm hay hơn chút đỉnh là nhiều.

Còn cái tâm bất sanh diệt của tất cả mỗi chúng ta có tuổi thọ vô lượng mà Đức Phật đã chỉ bày trong các kinh điển thì ít người hiểu thấu!

Người nào hiểu kinh điển nhà Phật qua nghĩa đen: cầu bình an, cầu siêu sanh là những người chỉ đứng bên ngoài cổng rào, chủ chưa vào được đến trong sân chùa, nói chỉ đến ngưỡng cửa nhà Phật. Người nào chỉ hiểu đạo Phật qua các hình thức cúng kiến, lễ nghi thường thấy là người chưa hiểu đạo Phật là gì cả!

Thậm chí có người đến với đạo Phật vì muốn cầu gì được nấy, muốn vạn sự như ý, muốn tùy tâm mãn nguyện, muốn buôn may bán đắt, muốn nhất bổng vạn lợi, muốn thi đậu đậu đó, muốn sở cầu như nguyện, muốn tình duyên may mắn, muốn *đủ thủ chuyện trên trời dưới*, thì than ôi, đạo Phật còn gì là Phật đạo nữa. Thật đáng thương xót. Thật đáng "*tội nghiệp*" lắm thay !!!

Có câu: "*Vạn pháp duy tâm tạo*". Chúng ta nên biết tội lỗi nặng hay nhẹ tùy theo tâm trạng, tâm tánh của con người khi tạo tác. Thí dụ: Một người đi câu con cá để ăn qua ngày tội nhẹ hơn người no đủ, đi câu con cá vì thú vui. Con người vì si mê nên vui thích trên sinh mạng của chúng sanh! Khi xưa, có những người quyền thế, xem việc giết người, giết dân chúng hay giết tù nhân, như thú vui tiêu khiển. Ngày nay, con người xem việc săn bắn thú vật như là môn thể thao, như là việc giải trí!

Một người giết một con thú dữ để tự vệ trong hoàn cảnh sợ hãi, tội nhẹ hơn một đứa bé tay cầm cây, thì đùa với các đứa bé khác đánh đập cho đến chết một con gà một cách nhanh nhứt, để được khen thưởng, để được lãnh giải trong cuộc thi do người lớn tổ chức!

Đĩ nhiên, kẻ chủ tâm cố ý giết người vì tư thù, vì quyền lợi, tội nặng hơn kẻ sát nhân trong cơn điên loạn, hãi hùng hay vô ý thức. Kẻ giết con vật lớn như trâu bò tội nặng hơn kẻ giết côn trùng, con gián, con kiến. Giết người, giết con vật lớn, con vật có nhiều linh tánh hơn, tất nhiên, kẻ giết

phải có chủ ý, dụng tâm, dụng công, dụng sức nhiều hơn nên tội nặng hơn. Giết côn trùng, con gián, con kiến không do cố ý, không do thích thú, bởi vì con người không thể sống chung với những sinh vật này được theo phép vệ sinh chung của xã hội nên nhẹ tội hơn. Tuy nhiên, tìm giết vô cố con gián, con kiến ngoài đồng, ngoài đường lại là chuyện khác.

Việc trộm cắp cũng vậy. Người trộm cắp vì nghèo túng, phải giúp gia đình qua cơn đói khổ, vì tạm thời không còn phương cách nào khác, tội nhẹ hơn một kẻ cố ý chủ tâm dùng thủ đoạn, dùng luật pháp để chiếm đoạt tài sản của người khác, thừa kiện người khác với mục đích muốn mình làm giàu nhanh chóng, người khác thì sạt nghiệp!

Việc nói dối để an ủi, giúp đỡ tinh thần người đang bị bệnh, người đang khổ đau, khủng hoảng, sợ hãi, không thể đem so với việc nói dối để gạt gẫm người khác vì ích kỷ, vì tư lợi, vì thù oán hại người, vì muốn kết bè kết đảng. Càng tệ hại hơn nữa vì tư ái, vì tư lợi, vì danh dự hão, vì chính nghĩa cuội, vì công lý một chiều, vì lẽ phải phiến diện, vì mê tín dị đoan, vì quá khích, có người đặt điều vu cáo, vu khống, phỉ báng, mạ lỵ người khác, lộng giả thành chân, nước lã khuấy nên hồ, để ám hại người khác, viết bài đá kích, khen mình khinh người, lời kéo phe phái thì những người đó làm sao tránh khỏi *luật nhân quả*, làm sao thoát khỏi *lưỡi trời lồng lộng*, tuy thừa mà không lọt, tuy không thấy mà chẳng sai chạy!

Chúng ta thường nghe nói đến chữ "*Nghiệp*" trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong đạo Phật, như là: nghề nghiệp, tội nghiệp, nghiệp báo, nghiệp chướng, nghiệp nhân, nghiệp quả.

"*Nghiệp là gì?*" - "*Nghiệp*" là *thói quen hành động, nói năng hay suy nghĩ hàng ngày của chúng ta*. Nghĩa là, nghiệp do thân hành động, khẩu nói năng và ý suy nghĩ, nên được gọi là tam nghiệp: *thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp*. Theo nguyên tắc, có hai loại nghiệp: thiện và bất thiện. Tuy nhiên, khi nói đến chữ "*nghiệp*", người ta thường nghĩ đến nghiệp ác hay nghiệp bất thiện.

"*Thân nghiệp*" là những thói quen hành động do thân tạo tác hàng ngày. Có người luôn luôn thích giúp đỡ kẻ khác, làm việc phước thiện, làm việc xã hội. Có người luôn luôn thích đi chùa lễ Phật, tụng kinh, đi nhà thờ xem lễ, cầu nguyện. Cũng có người luôn luôn thích đánh đập súc vật, giết hại sinh mạng chúng sanh, chơi đấu bò, đi câu cá, đi săn bắn như thú vui tiêu khiển. Có người luôn luôn thích hút thuốc,

uống rượu, đánh bài. Có người luôn luôn thích việc trộm vặt dù họ không túng thiếu.

"*Khẩu nghiệp*" là những điều mình thường nói ra hàng ngày. Cổ nhơn có dạy: "*Lời nói chẳng mất tiền mua. Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*". Có người luôn luôn thích nói chuyện đạo lý, chuyện ích lợi cho người. Có người luôn luôn thích thuyết pháp, tụng kinh, niệm Phật. Có người luôn luôn thích an ủi, khuyên lớn, đem sự an ổn tâm thần đến cho người khác. Có người luôn luôn nói lời hòa nhã, êm ái, dịu dàng, ai ai cũng thích nghe, thích gặp mặt, thích trò chuyện. Đó là những người tu theo hạnh Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, tu theo hạnh nhất thiết chúng sanh hỷ kiến Bồ Tát.

Cũng có người luôn luôn thích nói suốt ngày, không biết mệt, không ngừng nghỉ. Có người luôn luôn thích nói chuyện thị phi, chuyện thiên hạ, chuyện phải quấy, chuyện hơn thua, chuyện tranh chấp, chuyện kiện tụng, chuyện thưa gởi, chuyện phiền não và khổ đau. Có người luôn luôn thích vắng tục, chủi thề, bói móc người khác, mỗi khi khai khẩu. Có người thốt xong một lời là người nghe phải đi xúc đầu cù-là hoặc uống thuốc nhức đầu, thậm chí ngắt xiu hay giả tử luôn coi đời.

Bởi vậy, chúng ta mới biết khẩu nghiệp nặng nề biết bao, lời nói độc hại đến chừng nào, lời nói có khả năng hại người còn hơn vũ khí. Đó là lời nói của những kẻ "*lựa lời mà nói cho người giết nhau*"!

Những người biết tu tâm dưỡng tánh rất dè dặt với khẩu nghiệp, luôn luôn nhỏ lời cổ nhơn dạy: "*Lời nói là bạc, im lặng là vàng*". Có người bèn áp dụng tu pháp môn *tịnh khẩu*, suốt ngày không muốn nói bất cứ chuyện gì với bất cứ ai. Có khi nói năng để truyền bá Chánh pháp, lời nói đầy pháp vị, nói lời chuyên chở đạo lý. Có khi sự im lặng cũng đúng Chánh pháp, cũng được nhuần đạo lý.

Cổ nhơn có dạy: "*Ngữ ngôn đạo đoạn*". Nghĩa là, dùng lời mà nói là không đạt đạo. Cũng có câu: "*Đạo bất khả ngôn thuyết*". Nghĩa là, không thể dùng lời lẽ thế gian mà diễn tả được thể nào là đạo. Đạo là chỗ cứu kính tuyệt đối bất khả tư nghĩ, không thể nghĩ bàn được. Đó là chỗ im lặng của Cứu thế Sĩ Duy Ma Cật thời Đức Phật còn tại thế, đó là sự lặng thinh của Nhị Tổ Huệ Khả khi trình kiến giải lên Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma vậy.

Tuy nhiên, quan trọng hơn cả chính là "*ý nghiệp*". Chính *ý nghiệp* là chủ của thân nghiệp và khẩu nghiệp. Tại sao vậy? Bởi vì nếu như tư tưởng luôn luôn có ý nghĩ thế nào thì hành động và lời nói sẽ y theo đó mà ra, không sai khác chút nào. Chính tư tưởng phát xuất ra hành động và lời nói.

Thí dụ: Nếu trong tâm lý chúng ta nghi ngờ người nào ăn cắp đồ, thì từ hành động cho đến lời nói của người đó đều có vẻ khả nghi, đáng ngờ và hành động cũng như lời nói của chúng ta đều không bình thường.

Thí dụ: Nếu chúng ta luôn luôn có tu tưởng, có ý nghĩ là kẻ nào ác thì phải bị tiêu diệt, phải bị đọa ngục, phải bị trừng phạt nặng nề; cho nên khi có cơ hội, có phương tiện, có quyền thế, chúng ta sẽ dễ dàng mắng chửi, mạt sát, giết hại, trừ khử, thanh toán kẻ đó không chút xót thương, không chút bận tâm!

Nghĩ như vậy, làm như vậy, tâm của chúng ta không từ bi, không bác ái chút nào và chúng ta có khác gì kẻ ác kia đâu. Giết người phải đền mạng có luôn luôn hẳn là lẽ công bằng tuyệt đối chẳng, có giúp nạn nhân sống lại chẳng, có giúp xã hội an ninh, trật tự, có giúp tinh người thêm tốt đẹp chẳng?

Con người thường nhân danh cái thiện, nhân danh thể thiên hành đạo, để thi hành, thực hiện việc ác, việc trả thù ngay sau đó. Chính vì vậy mà oan oan tương tục không biết đến bao giờ mới dứt được.

Trên thế gian này, sân hận không bao giờ dập tắt sân hận. Duy có tình thương, tâm từ bi mới diệt được tâm sân hận. Đó là định luật trường cửu. Cho nên, trong Kinh Pháp-Cú, Đức Phật có dạy: "*Lấy oán báo oán, oán oán chấp chùng. Lấy ân báo oán, oán nghiệp tiêu tan*". Đây là cách dùng-nghiệp hữu hiệu nhất.

Thí dụ: Vì nghiệp duyên đời trước, có người nào đó khi gặp chúng ta, liền không có cảm tình, không ưa thích, có thái độ thù nghịch, chống đối. Nếu như chúng ta không hiểu luật nhân quả, bèn có thái độ tương ứng đáp lại, thì càng ngày quan hệ giữa chúng ta và người đó càng tệ hại thêm mà thôi. Còn nếu như khi họ gặp hoàn cảnh không may nào đó mà mình có thể giúp được và thật tâm giúp đỡ họ thì có phải *oán nghiệp* trước đây tiêu tan hay không?

Thí dụ: Trong gia đình, nếu người cha, người mẹ vì tức giận người con đối xử tệ bạc với mình, nên cũng đối xử lạnh lùng, hằn học, bực dọc đáp lại, thì thủ hỏi câu chuyện sẽ đi đến đâu, sẽ kết thúc ra sao? Nếu cha mẹ có lòng từ bi, không chấp-nhật những điều đó, vẫn thương yêu, chăm sóc người con như lúc con còn nhỏ dại, thì ít ra còn hy vọng người con chuyển đổi tâm ý, gia đình hòa vui trở lại.

Chuyện này nói ra thì dễ, làm được mới khó. Nhưng thủ hỏi chuyện gì trên đời này mới là chuyện dễ làm đây?

Bây giờ, chúng ta nói về vấn đề "*dùng nghiệp và chuyển nghiệp*".

Chính ba nghiệp thân, khẩu, ý là động cơ dẫn dắt chúng sanh vào vòng trầm luân sanh tử luân hồi nhiều đời nhiều kiếp. Cho nên, muốn thoát ly sanh tử luân hồi con người phải biết "*dùng nghiệp và chuyển nghiệp*". Nghĩa là: Dùng tất cả những nghiệp ác, nghiệp bất thiện, chuyển ba nghiệp thân-khẩu-ý thành ba nghiệp lành. Đó chính là trọng tâm tu hành của đạo Phật, chủ không phải những hình tướng bên ngoài, những nghi lễ rườm rà.

Người có nghiệp cở bạc thì luôn luôn tìm tòi các sòng bài bạc để vui chơi trong chốn lạt, rồi sau đó đau khổ dài dài. Người có nghiệp hút thuốc thì đi đâu cũng luôn luôn để ý đến chỗ nào bán thuốc lá và giá cả ra sao. Người mang nghiệp nào thì sẽ bị dẫn theo con đường ấy, cũng như kim loại bị nam-châm hút vậy. Con người khi chết đi, thân xác, danh vọng, của cải, thân bằng quyến thuộc, tất cả mọi thứ đều phải bỏ lại thế gian, chỉ mang theo cái "*nghiệp báo*" tái sanh kiếp sau. Chính cái "*nghiệp báo*" này là nguyên nhân làm cho chúng ta sung sướng hay đau khổ vậy.

Khi biết được điều đó, liễu tri được điều đó, giác ngộ được điều đó, chúng ta cần phải tìm cách *dùng nghiệp*, tìm cách *chuyển ba nghiệp* bất thiện thành ba nghiệp thiện. Cách đó chính là "*pháp sám hối*". Người biết ăn năn sám hối mới thực là người biết tu chân chính, không cần phải có hình tướng như thế nào, chỉ cần chúng ta tu tâm dưỡng tánh đúng theo Chánh pháp thì đạt được kết quả mỹ mãn. Kết quả đó là cảnh giới an lạc và hạnh phúc hiện đời, kết quả đó là cảnh giới Tây Phương Cực Lạc hay Thiên Đàng sau này. Chánh pháp không dành riêng cho những người theo đạo Phật hay bất cứ ai. Chánh pháp là chân lý cứu kính mà bất cứ ai có "*tâm bình thường*" cũng có thể tìm hiểu được và thực hành được một cách bất tùy phân biệt. Nếu không có *pháp sám hối chơn thực* thì không có thánh nhân trên đời, không có thiên đàng hay cảnh giới tây phương cực lạc.

Đức Phật có dạy:

Tội từng tâm khởi từng tâm sám

Tâm nhược diệt thời tội diệt vong

Tội vong tâm diệt lưỡng câu không

Thị tắc danh vi chơn sám hối

Nghĩa là: Muốn tội lỗi thực sự không còn nữa thì chúng ta phải diệt cái nguyên nhân chính gây ra tội lỗi, đó là tâm lạng-xang, lộn xộn, loạn động, suy nghĩ hàng ngày của chúng ta. Một khi đã thực sự sám hối thì không còn tâm muốn làm, muốn nói, muốn nghĩ những chuyện đó nữa. Tâm đó đã lặng đi rồi thì tội lỗi cũng không

còn nữa. Đó mới thực là *sám hối chơn chính* vậy.

Pháp sám hối chơn chính có hai phần: Lý sám hối và Sự sám hối.

Khi tâm của chúng ta còn mê, chưa được giác ngộ Chân lý, chưa hiểu biết Chánh pháp, chúng ta phải theo sự *sám hối*. Nghĩa là: Đối trước tôn trọng chư Phật, chư Bồ Tát, chúng ta phải hành đạo lễ bái, tỏ bày sám hối, mong diệt nghiệp chướng, tội chướng, siêng năng tinh tấn mỗi tháng hai lần.

Có bài kệ như sau:

Ngã tích sở tạo chư ác-nghiệp.

Giai do vô thí tham sân si.

Tùng thân ngũ ý chi sở sanh

Nhứt thiết ngã kim giai sám hối

Nghĩa là: Chúng ta đã tạo không biết bao nhiêu ác nghiệp từ xưa đến giờ, đều do ba điều độc hại: tham-lam, sân-hận và si-mê, thể hiện qua ba hình thức: thân hành động, khẩu nói năng, ý suy tưởng. Tất cả những tội lỗi đó, những nghiệp bất thiện, nghiệp ác đó, chúng ta đều xin ăn năn sám hối, không dám tái phạm, cố gắng gìn giữ tam nghiệp thân-khẩu-ý cho được thanh tịnh.

Nay nói về *lý sám-hối*, chúng ta biết rằng: "*Vạn pháp duy tâm tạo*". Nghĩa là: Muốn việc trên thế gian này đều do tâm của chúng ta tạo ra tất cả. Tâm của chúng ta tạo ra thiên đàng. Tâm của chúng ta tạo ra địa ngục. Thí dụ: Chúng ta phát triển các tâm lượng rộng lớn, tốt đẹp như: từ bi hỷ xả, tức là chúng ta phát triển và sống trong cảnh giới thiên đàng, cực lạc.

Nếu chúng ta chấp-nhật những thành kiến, định kiến, thiên kiến, biên kiến, tà kiến, ác kiến, thường kiến, đoạn kiến, phát triển những tâm lượng hẹp hòi, ích kỷ, đố kỵ, ganh tị, tham lam, sân hận, si mê, khen mình khinh người tức là chúng ta phát triển và sống trong cảnh giới địa ngục vậy.

Sự sám hối ví như chiếc xe đạp. Nghĩa là: Người chỉ biết sự sám hối thôi, không hiểu rõ lý lẽ, thì đường tu tiến chậm.

Lý sám hối ví như động cơ. Nghĩa là: Người chỉ biết lý sám hối thôi, không hiểu chịu hành sự, thì đường tu cũng không tiến.

"*Lý-Sự viên-dung*" thì đường tu tiến được và tiến rất nhanh, cũng như có xe và có gắn máy thì chạy nhanh hơn vậy.

Dù theo bất cứ tôn giáo nào chẳng nữa, thực ra vị giáo chủ cũng không thể ban phúc cho chúng ta được bình an, sung sướng hay an lạc và hạnh phúc. Các Ngài chỉ cho chúng ta bản đồ, phương pháp để chúng ta tự thực hành, tự đi đến

cảnh giới an lạc và hạnh phúc mà thôi. Như vậy mới thực là chí công vô tư vậy.

Vì thế cho nên những người có trí tuệ bát nhã luôn luôn giữ gìn tam nghiệp cho thanh tịnh, tinh tấn tu tâm dưỡng tánh, phát tâm Bồ đề, tiến tu đạo nghiệp chứ không phải chỉ biết van xin, cầu khẩn, khẩn vái, bởi lẽ chẳng được lợi ích gì cả, chỉ thêm phiền não và cầu hoài mà không được gì cả.

Có nhiều cách, nhiều phương pháp, nhiều pháp môn để giúp chúng ta "*dùng nghiệp và chuyển nghiệp*", nên Phật Giáo có nhiều tông phái.

Tịnh độ tông dùng câu niệm Phật, dùng cách quán tưởng để dùng tất cả các nghiệp. Mật tông dùng câu thần chú đà-la-ni để dùng tất cả các nghiệp. Thiền tông dùng câu thoại-đầu hay dùng pháp đối-cảnh vô tâm, pháp tri-vọng để dùng tất cả các nghiệp.

Dùng được một phần của *ba nghiệp*, chúng ta bớt đi một phần *chướng-nạn* của cuộc đời. Đẹp được một phần *nghiệp chướng* của bản thân, chúng ta hưởng được một phần của cuộc sống an lạc và hạnh phúc ngay hiện đời.

Đến đây, chúng ta cần hiểu rõ vấn đề "*tội lỗi, tội nghiệp*" và vấn đề "*quả báo, nghiệp báo và tội báo*".

Sau một thời gian tu hành nào đó, khi tâm được thanh tịnh, ba nghiệp không còn, thân-khẩu-ý hoàn toàn thanh tịnh, nghĩa là "*tội lỗi, tội nghiệp*" không còn nữa vì chúng ta không còn tạo nghiệp, không còn tạo tội. Tuy "*tội*" và "*nghiệp*" không còn nhưng "*quả báo, nghiệp báo và tội báo*" vẫn còn. Chúng ta đã tạo "*nghiệp nhân*" thì nhất định phải nhận "*nghiệp quả*" không thể chạy đâu cho khỏi, cho thoát được.

Trong Kinh Pháp-Cú, Đức Phật có dạy: "*Dù lên non, xuống biển, vào hang, nghiệp báo vẫn theo con người như hình với bóng, không thể nào tránh được*".

Các bậc thánh thiện là những người đã thanh tịnh được tam nghiệp nên có cuộc sống an nhàn, tự tại trong nội tâm, trong tâm thức. Tuy nhiên, trên hình thức bên ngoài, chúng ta thấy cuộc sống của các bậc thánh thiện không phải là không có sóng gió, không có chuyện bất trắc xảy ra. Có khi các Ngài vẫn bị vu cáo, nhục mạ, phi báng, xét xử, kết án và thậm chí bị hành hình như những tội phạm hình sự. Tại sao vậy?

Bởi vì, các Ngài tuy đã dứt hết các "*tội*" và các "*nghiệp*" đời này, nhưng các "*báo*" gọi là "*quả báo, nghiệp báo hay tội báo*" từ nhiều đời và nhiều kiếp trước vẫn còn, các Ngài vẫn phải trả, các Ngài không thể đứng ngoài "*luật nhân quả*" được. Thí dụ:

Vào cuối thế kỷ thứ tư, vị Tổ thứ hai mươi bốn là Aryasimha đã đắc đạo nhưng vẫn bị vua Kế Tân chém đầu; vào đầu thế kỷ thứ bảy, vị Tổ thứ hai mươi chín là Huệ Khả bị vu cáo và bị giam đến chết, thọ 107 tuổi!

Tổ Bá-Trượng Hoài-Hải trong một buổi thuyết giảng có gặp một ông lão, nguyên là một vị Hòa Thượng vì hiểu sai và giảng sai luật nhân quả cho là một khi con người đắc đạo rồi thì không phải trả quả báo, thoát ngoài luật nhân quả, cho nên phải bị đọa 500 kiếp chồn. Chúng ta cũng thường hay nghĩ như vậy, cho là sám hối xong thì sạch tội và sẽ được bình an, không phải trả quả báo! Chúng ta nên biết là chúng ta không thể nhờ bất cứ ai tha tội, xóa tội, miễn tội, gánh tội thay thế cho chúng ta được; bởi vì như vậy trái với luật nhân quả, lẽ công bằng và không hợp tình, hợp lý chút nào. Trong tam tạng kinh điển, Đức Phật chỉ dạy rõ ràng vấn đề "*tội và báo*" này.

Chúng ta thử xét thí dụ sau đây, để hiểu biết thêm về *quả báo, nghiệp báo, tội báo và phước báo*.

Theo luật nhân quả, do hậu quả của tội lỗi đã làm, gọi là "*nghiệp nhân*", con người gặp những bệnh tật, những tai nạn, những bất trắc ở đời, gọi là "*nghiệp quả*" hay "*nghiệp báo*". Con người phải gánh chịu "*quả báo, tội báo*" như vậy, ví như phải ăn một nắm muối. Ăn sống một nắm muối thì khổ biết là bao nhiêu. Nếu như con người có thể bỏ nắm muối vào tô nước rồi uống thì có lẽ dễ chịu hơn chút đỉnh. Nếu như con người có thể bỏ nắm muối đó vào hồ nước lớn rồi uống thì chắc là câu chuyện không thành vấn đề nữa rồi.

Nắm muối bị bắt buộc phải ăn tượng trưng cho *quả báo, nghiệp báo, tội báo* do những tội lỗi chúng ta đã làm từ nhiều đời trước hay đời này. Nước trong tô, trong lu, trong hồ tượng trưng cho "*phước báo*" ít hay nhiều chúng ta đã tạo được từ những việc làm phước thiện, phước đức trong các đời trước hay đời này.

Như vậy, nếu con người phải đền trả hoàn toàn đầy đủ những tội lỗi do chính mình gây ra đời trước hay đời này thì có khi phải tán gia bại sản, bệnh tật ngặt nghèo, nguy hại tánh mạng. Nhưng nhờ đã làm các việc phước thiện, nên có "*phước báo*" để bù đắp, cho nên hoàn cảnh khổ đau, tai nạn có thể được giảm bớt hay hóa giải đi. Chuyện lớn hóa nhỏ, chuyện nhỏ hóa không. Ví như, con người có tiền tiết kiệm để dành, có thể đem trả, trừ bớt nợ hay trừ dứt nợ xưa.

Bởi vậy, làm việc phước thiện, tạo phước đức, có phước báo để tiêu trừ tội nghiệp là thái độ tích cực và hợp đạo lý đối

với bất cứ ai trên thế gian này, hơn là việc cầu nguyện thượng đế để xin xá tội, để chạy tội hoặc đổ hết tội lỗi của mình cho thượng đế gánh giùm!

Thật thảm thương thay cho thượng đế do con người đặt ra, tưởng tượng ra để gánh vác hết tội lỗi của nhân loại trên thế gian này! Con người vốn hay muốn quỵ nọ, muốn trốn tránh trách nhiệm, không bao giờ nhìn nhận những việc sai sót, sai trái, những tội lỗi, những lỗi lầm chính mình đã làm, chỉ biết trách cứ người khác, đổ thừa tại người này, tại việc kia, không bao giờ chịu nhận là *tại mình*, bởi vì con người không hiểu thấu đáo, không biết tin sâu luật nhân quả vậy.

*

Tóm lại, Đức Phật có dạy: "*Tam nghiệp hằng thanh tịnh. Đồng Phật vắng Tây Phương*". Nghĩa là: Nếu như lúc nào ba nghiệp của chúng ta đều thanh tịnh, lặng yên, trong sáng, thân không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, khẩu không nói dối, không nói lời thị phi, không đâm bị thóc thọc bị gạo, không xuyên tạc phi báng, ý không còn tham lam, sân hận, si mê, thì chắc chắn chúng ta sẽ được an lạc và hạnh phúc hiện đời, sẽ cùng chư Phật về cõi tây phương cực lạc sau này. Những người không thấu hiểu lẽ này nên nghĩ là có thể *đổi nghiệp vắng sanh*, đó là một suy nghĩ sai lầm lớn lao của người tu đạo, không đúng Chánh pháp.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật có dạy: "*Tất cả nghiệp chướng đều do vọng tưởng, nếu muốn sám hối, hãy ngồi tĩnh tâm quán sát thực tướng*". Khi quán sát thực tướng, nếu người nào biết được tính chúng sinh là tính niết bàn thì người ấy cùng cực giải thoát. Có câu: *Phật và chúng sinh tánh thường rỗng lặng* chính là nghĩa này vậy.

Xét cho đến ngọn nguồn, tội nghiệp đều do vọng tưởng điên đảo mà sinh ra. Nhưng tâm vọng tưởng điên đảo ấy cũng như luồng gió giữa chốn hư không, chẳng có chỗ nào trụ, chẳng có chỗ nào dính mắc. Khi chưa thấu hiểu Chân Lý, mờ mờ mịt mịt nên chúng ta mới gây tội nghiệp nhưng chỉ thấy tội nghiệp của người. Đến khi rõ lý, tất cả tội lỗi trước đây thảy đều tiêu diệt, bởi chúng ta đã thấy tội nghiệp của chính mình.

Lúc ấy mới biết một cách rốt ráo, tất cả đều là không: không có tội lỗi gì để mà tiêu diệt, không có tội nghiệp gì để mà tạo tác, không thấy có nghiệp báo gì để mà gánh chịu, cũng không còn sanh tử luân hồi nữa vậy.

(Toronto - Canada)



Ký sự

Một chuyến xuôi Nam

● Nguyễn Văn Ba

1. Gặp người Nha Môn ở Vạn Hồ...

Lời Tòan Soạn : Nhà văn Nguyễn Văn Ba, Thái Minh Kiệt, một cộng sự viên thường xuyên của báo Viên Giác, đồng thời cũng viết cho nhiều tờ báo khác ở hải ngoại, đã từ trần ngày 14.8.1998 tại Canada, hưởng dương 51 tuổi, để lại nhiều thường tiếc cho độc giả bốn phương, để lại nhiều tác phẩm về văn chương Miệt Vườn của miền Nam Việt Nam.

Chúng tôi xin đăng tải bài viết "Một Chuyến Xuôi Nam" nhằm tưởng niệm đến nhà văn của miền Cửu Long Sông Hậu. (Viên Giác)

Cuối tháng giêng năm 1998, từ thành phố Saskatoon, tỉnh bang Saskatchewan, Canada, tôi và nhà tôi đã làm một chuyến viễn du sang nước láng giềng Hoa Kỳ ở phía nam trong hơn ba tuần lễ, qua các tiểu bang Minnesota, Texas, Arizona, Nevada và California.

Nói đến Canada, người Việt hải ngoại thường nghĩ đến thành phố lớn như Montreal, Toronto, Vancouver, đa số còn xa lạ với tên Saskatoon. Vì vậy chúng tôi mạo phép giới thiệu đôi dòng về thành phố mà chúng tôi cư ngụ đã hơn 18 năm, để dùng nó so sánh với những nơi sẽ đề cập đến trong phần sau của loạt ký sự này.

Nếu có người gọi Toronto là Tổ Rồng To, Montreal là Mộng Lệ An, Trois Riviere là Ba Ngòi... thì cũng có người gọi Saskatoon là Chắc Cà Đao, một địa danh nhỏ thuộc tỉnh An Giang trong nước.

Tên Chắc Cà Đao để chỉ thành phố Saskatoon là một nơi tương đối hẻo lánh, chỉ có khoảng 500 người Việt cư ngụ, lại lạnh hơn rất nhiều nơi khác của Canada. Đầu thập niên 1980 Saskatoon có khoảng 2.000 người Việt, con số ấy giảm dần theo năm tháng vì người ra đi thì nhiều mà đến lại rất ít. Vì thế mùa thu năm vừa qua, khi nhà văn Vĩnh Nhơn từ Hamilton đến Saskatoon nhận công việc mới, chúng tôi có nói là anh "đi ngược đường", từ chỗ đông người tới chỗ vắng vẻ, ấm tới lạnh, vui tới buồn... Anh đã cười hiền hậu và trả lời rằng mình là người Việt tỵ nạn, chỗ nào có công ăn

việc làm thì mình ở, buồn hay vắng vẻ đâu phải là yếu tố quan trọng, có phải quê hương mình đâu, còn lạnh lẽo thì người ta sống được mình sống được. Câu trả lời của anh Vĩnh Nhơn thật chí lý, đáng cho chúng ta suy gẫm.

Thật ra Saskatoon không nhỏ lắm, với dân số 219.056 người, nó là thành phố đông dân đứng hàng thứ 17 của Canada, sau Toronto, Montreal, Vancouver, Ottawa-Hull, Edmonton, Calgary, Quebec City, Winnipeg, Hamilton, London, Kitchener, St Catherines - Niagara, Halifax, Victoria, Windsor và Oshawa. Saskatoon là thành phố đông nhất tỉnh Saskatchewan với tổng số dân cư 990.237 người, đông hơn thủ phủ bang Regina với dân số 193.652 người. Saskatoon có trường Đại Học Saskatchewan với đầy đủ ban ngành cần bàn, trong đó phân khoa nông nghiệp nổi tiếng hơn cả, phân khoa Thú Y đào tạo chuyên viên cho cả ba tỉnh miền Tây: Alberta, Saskatchewan và Manitoba. Saskatoon còn có một trường Cao Đẳng và ba Bệnh Viện với đầy đủ trang thiết bị y khoa hiện đại.

Khi chiếc phi cơ của hãng Hàng không Nordwest cất cánh rời phi trường Saskatoon, trông xuống đất tôi thấy nhiều chỗ có màu xám. Thường thì vào cuối tháng giêng chỉ một màu trắng của tuyết, trong đầu tôi chợt nảy ra một ý nghĩ ngờ ngợ. Đúng ra mùa đông năm nay chúng tôi không nên xuôi Nam vì hai lý do. Một, đi về phía Nam chủ yếu là để trốn lạnh, mà năm nay mùa đông ở đây rất ấm. Lý do thứ hai, đồng Gia kim xuống giá quá thấp chỉ bằng 68 xu tiền Mỹ, chuyến đi sẽ tốn kém hơn nhiều. Sau gần 2 giờ bay, phi cơ đáp xuống trạm thứ nhất thuộc tiểu bang Minnesota, giữa hai thành phố (twin cities) rất gần nhau: St. Paul và Minneapolis. Người Việt thường gọi hai thành phố này là Song Thành.

Đón chúng tôi tại phi trường có ký giả Phương Triều và người cháu gái tên Kim. Trước 1975, Phương Triều là khuôn mặt quen thuộc trong giới báo chí và văn nghệ ở thủ đô Sài Gòn. Anh làm thơ hai năm 1957-1958 khi còn học chung lớp với Lâm Tường Dũ, rồi gia nhập làng báo từ năm 1959 và trở thành ký giả chuyên nghiệp. Đầu tiên Phương Triều viết cho bản tuần san Bình Dân của nhà văn Phú Đức, sau đó lần lượt viết và cộng tác với các tuần và nhật báo: Ngày Mới, Nghị Luận, Nước Nam, Tia Sáng, Trắng Đen,

Tiếng Chuông, Dân Chúng, Tiếng Việt, Tiếng Dân, Dân Nguyễn, Dân chủ, VN & Thế Giới Thời Báo...

Anh còn là Sĩ quan Báo chí Bộ Quốc Phòng (từ 1967 đến 1975 - Thời gian này anh kiêm nhiệm Thư ký Tòa soạn Tuần báo Hoa tình Thưởng của Hội Bảo Trợ Gia Đình Binh Sĩ). Kể từ khi gia nhập làng báo năm 1959, Phương Triều bỏ hẳn việc làm thơ, cho tới cuối năm 1994, khi sang định cư tại Minnesota theo diện HO 23, anh làm thơ trở lại do sự khuyến khích của bạn bè. Được biết sau 30.4.1975 Phương Triều bị bắt đi cải tạo nhiều năm ở miền Bắc.

Đối với cả nhân tôi, anh Phương Triều là một đồng hương, chúng tôi cùng quê quán Nha Môn thuộc tỉnh Sa Đéc. Ngoài điểm chung ấy, anh còn là một đàn anh trong chủ nghĩa và văn chương mà tôi ái mộ ngay từ khi đọc những dòng chữ đầu tiên của anh xuất hiện trên báo chí hải ngoại. Anh không nhận mình là thi sĩ hay nhà thơ, chỉ nói là mình viết phóng sự bằng thơ, nhưng tôi thấy thơ anh rất mượt mà, mới hơn 3 năm ở hải ngoại mà anh đã làm trên dưới một ngàn bài thơ, cho ra đời ba thi tập. Nhà văn Viên Lương ở California gọi Phương Triều là "nhà thơ bị ma nhập".

Phương Triều cũng không nhận mình là văn nhân. Văn anh nắm bắt những vấn đề và thật gần gũi với đời sống của người Việt Nam bình dân, bộc trực, giản dị, nhưng không vì thế mà kém phần sâu sắc về tâm lý. Loạt bài "Chuyện Tào Lao" của anh được độc giả hoan nghênh nhiệt liệt.

Xin giới thiệu 2 đoạn thơ của Phương Triều, chọn lựa một cách ngẫu nhiên:

*Lại rót đầy ly tình nghĩa mới
Nè anh, nè chị có băng khuông
Đêm nay cùng uống nghìn ly nhỏ
Mai dậm dưỡng xa lại cách phân...
(Ly Nhỏ, Thu 1997)*

Đoạn thơ thứ hai thuộc loại "Chuyện Tào Lao":

*Có những phần cơ thể tổn thương
Thầy đời cột thuốc tẩm tai ửng
Nén toàn thân củ phù bong bóng
Bệnh viện người quen đứng chặt đường!*

*Có những phần cơ thể tổn thương
Thầy bùa hóa phép gọi ma vương
Đem theo dao, kéo, dèn, hoa giấy
Rời nháy mừng vui điệu nhiễu nhường!*

*Có những phần tim óc tổn thương
Thầy hù vọt vãi lực trong ruộng
Đem ra toàn quạt và chong chóng
Xoay bệnh nhân ngồi vái bốn phương!*

*Có những phần chân, cẳng tổn thương
Thầy dùi chạy chợ gọi con buôn
Này chân, này cẳng hàng như thật
Vừa bán vừa cho gậy chống đường!
(Thầy)*

Trên đường từ phi trường về nhà, anh Phướng Triều có nói một câu làm tôi nhớ mãi: "Độc giả Việt Nam hải ngoại có đời sống tất bật quá, vì thế tôi không viết tiểu thuyết (truyện ngắn, truyện dài...) khó hiểu cho họ phải nhức đầu, nhức trán, tôi chỉ viết chuyện tào lao, chuyện bá láp, bá xàm để họ giải khuây".

Cô Kim còn trẻ tuổi, độc thân, có cách nói chuyện duyên dáng, dễ thương. Cô là một tài xế có tài, chạy nhanh, phản ứng chính xác và nhất là theo lời cô nói: "May mắn chưa bị speeding ticket".

Chúng tôi đến nhà anh Phướng Triều thì cô bàn đã dọn sẵn, ngoài anh, tôi và nhà tôi, còn có chị Phướng Triều, nhà báo Mạc Ly Hường, cô Nguyễn Dung, vợ chồng Lê Huỳnh Trân, con gái và đứa cháu ngoại của Phướng Triều, chừng sáu tháng rất bụ bẫm mà anh gọi bằng nickname "thằng Tủng"!

Chị Phướng Triều có khuôn mặt phúc hậu và cách nói chuyện chậm rãi, tử tế. Nhận xét về chị, nhà tôi nói: "Với nhan sắc của chị, hồi còn trẻ chắc đã có nhiều đấng mày râu trồng cây si trước nhà".

Hôm ấy chị Phướng Triều cho chúng tôi ăn nem nướng, nem chua và tôm cuốn bánh tráng, bún, rau sống... Rau sống có nhiều loại: sà-lách, giá, rau thơm, rau quế, dưa leo chuột, diếp cá, tía tô... Nhìn đĩa rau sống là mắc đói bụng, mùa đông tháng giá mà có được một đĩa rau tươi đầy đủ như vậy thì phải mất rất nhiều thì giờ lùng kiếm. Nước chấm là tương ngọt có ớt băm và đậu phộng rang bóc vỏ dầm nát, món này rất hợp khẩu vị nhưng cũng mất nhiều thì giờ chế biến.

Nhà báo, nhà thơ Mạc Ly Hường Phạm Đình Long, tới Hoa Kỳ năm 1991 theo diện HO 14, là chủ bút rất nguyệt san Nguồn Sống phát hành ở hai tiểu bang: Arizona ngày 1 mỗi tháng và Minnesota ngày 15.

Xin chọn một cách ngẫu nhiên để giới thiệu một bài thơ của Mạc Ly Hường:

Hai chiếc bánh chưng, một đặt bàn thờ

Một chiếc cất tử chia làm bốn bữa

Một chú gà tổ chặt thành hai nửa

Nửa làm cỗ giao thừa

Nửa ăn mặn tháng giêng

- Ăn Tết một mình có lẽ mãi cũng quen

Chẳng buồn, chẳng vui, chẳng bâng

không chờ đón

Người xông đất hình như cũng muộn

Vì chẳng ai nghĩ đây là một gia đình

- Cứ thế, vu vơ, ăn Tết một mình

(Tết của một người cô đơn)

Cô Nguyễn Dung đáng người nhanh nhả, là Giám đốc Đông Phương thư quán tại St. Paul. Minneapolis có nhà sách Sài Gòn của Giáo sư Đào Nhật Chiêu. Cô Dung quý trọng chữ nghĩa cùng sách vở, lần đầu tiên ở hải ngoại, tôi được biết Đông Phương thư quán của cô trang trọng bày sách trong tủ kính. Ăn nói khéo léo, tài nấu nướng của cô càng khéo hơn. Hôm ấy cô Phướng mang lại bánh chưng và bánh lá gai vừa mới nấu xong để khoản đãi chúng tôi, món bánh lá gai đặc

biệt quá làm nhà tôi mê mẩn và cẩn thận ghi chép công thức cùng với cách chế biến để khi về lại Canada thì thực hành liền một khi.

Cảm ơn anh chị Phướng Triều và cô Dung đã cho chúng tôi ăn Tết sớm hơn thường lệ, trong bầu không khí ấm cúng, thân tình. Bữa ăn ngon quá, nên mặc dù có ăn trước trên phi cơ, chúng tôi đã "thiếu xúc tố tố".

Trong bữa ăn tôi để ý quan sát trên vách tường cạnh bên có những bài báo ghép lại với hình ảnh văn nghệ sĩ nam Cali như bà Hoài Diệp Tử, Lâm Tường Dũ, Viên Linh, Tô Kiều Phương, Viên Luồng, Ngọc Hoài Phướng, Nguyễn Thạch Kiên, Duy Sinh, Trọng Viễn, Du Miên, Trọng Minh, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng, nhạc sĩ Ngọc Chánh, nhạc sĩ Nhật Ngân, Nhật Hồng, Minh Ngôn... đón tiếp kỷ giả Phướng Triều từ Minnesota sang chơi lần đầu, năm 1995.

Cùng trong lúc ăn uống tôi đã tìm hiểu một số sự kiện địa phương để tưởng trình quý độc giả.

Tiểu bang Minnesota ở miền cực bắc Hoa Kỳ, có đường biên giới phía đông chung với tỉnh bang Ontario và một phần nhỏ phía tây giáp tỉnh bang Manitoba, Canada. Minnesota thường được gọi là xứ Vạn Hồ với khoảng 17 ngàn cái hồ, lớn nhất là hồ Superior.

Vào mùa đông, dân chúng từ các tiểu bang phía nam thường đến đây để tham dự các trò thể thao, giải trí như trượt tuyết, trượt băng, câu cá trên nước đá, đánh khúc côn cầu...

Minnesota có khoảng 18.000 người Việt Nam làm đủ mọi ngành nghề. Do đời sống ở tiểu bang California ngày càng đắt đỏ, một số công ty lắp ráp điện tử dọn về tiểu bang này, tạo nhiều công ăn việc làm cho người Việt Nam vốn khéo tay và mẫn cán. Ngay cả cựu quân nhân mới sang đây theo diện HO, chỉ một thời gian ngắn cũng đã tìm được công việc nhẹ nhàng, lương khá. Những ngày cuối tuần trong mùa hè, người Việt chúng ta thường tổ chức họp mặt vui chơi tại các khu vực có hồ trong tiểu bang.

Nhà cửa, phố xá nơi đây được xây cất theo xứ lạnh giống như Canada, nhà có tầng hầm, vách có "insulation" giữ nhiệt. Mùa đông năm nay chịu ảnh hưởng dòng nhiệt hải lưu El Nino nên rất ấm, cuối tháng giêng nhưng tuyết mềm và xốp, không đông thành đá như hàng năm.

Báo chí phát hành tại địa phương có Nguyệt san Nguồn Sống như đã nói; Ngày Nay của Vũ Quang; Nguyệt san Lạc Việt của Mạc Thúy Hồng từ Atlanta, Georgia; NS Hồn Việt của Ngọc Hoài Phướng từ California; NS Thế giới Ngày Nay của Lê Hồng Long từ Wichita, Kansas; NS Việt Báo của Nguyễn Ngọc Bích từ Denver, Colorado, NS Ngày Mới của Quốc Nam từ Chicago, Illinois đồng thời phát hành ở các tiểu bang Iowa, Ohio, Wisconsin; Connecticut... Đặc san Xuân Mậu Dần có tờ Văn Lang của Cơ

quan xã hội Việt Nam tại Minnesota ấn hành, chủ nhiệm Lữ Mộng Chi, in đẹp, bài vở rất phong phú, quy tụ nhiều cây viết tên tuổi. Ngoài hai anh Phướng Triều và Mạc Ly Hường, Minnesota còn là nơi cư ngụ của nhiều văn nghệ sĩ khác.

* **Cung Trâm Tường:** Từ ngày trong nước tôi đã có nghe bài thơ rất "thời thượng" của ông này. Đó là bài "Tiễn Em" với mấy đoạn như sau:

Lên xe tiễn em đi

Chúa bao giờ buồn thế

Trời mùa đông Paris

Suốt đời làm chia ly

.....

Ga Lyon đèn vàng

Tuyết rơi buồn mênh mang

Cầm tay em muốn khóc

Nói chi cũng muốn mang

.....

Khóc đi em!

Khóc nữa đi em!

.....

Có lẽ bài thơ này được làm để ghi nhớ thời gian tác giả du học ở Pháp.

* **Tô Thủy Yên:** Qua các bài ký sự văn học ở hải ngoại của Hồ Trường An, tôi làm quen tên ông thi sĩ này. Ông tên thật Đình Thành Tiên, Sĩ quan Trường phòng Ấn Độ, Cục Tâm Lý Chiến, thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, sang đây theo diện HO. Tô Thủy Yên tới Minnesota trước Phướng Triều mấy tháng.

Bài thơ của ông tôi biết là "Chiều Trên Phá Tam Giang" đã được Trần Thiện Thanh phổ nhạc:

Chiều trên phá Tam Giang

Anh sự nhỏ em

Nhỏ bất tận

* **Cung Tiến:** Ông này là nhạc sĩ.

* **Thanh Tâm Tuyên:** Gọi ông là nhà văn cũng được mà nhà thơ cũng tốt, vì ông sáng tác cả hai thể loại. Thanh Tâm Tuyên trong nhóm Sáng Tạo. Tôi có dịp làm quen với một số tác phẩm của ông như quyển *Bếp Lửa*, bài viết về mấy câu ca dao "Trèo lên cây bưởi" và một vài bài thơ.

* **Vũ Quang:** Ông này nguyên là Đại tá Cục Trường Cục Tâm Lý Chiến, kế nhiệm Đại tá Cao Tiêu (Hoàng Ngọc Tiêu). Báo Tiền Tuyến trực thuộc Cục Tâm Lý Chiến, trước kia có chủ nhiệm Hà Thượng Nhân (Hoàng Xuân Ninh), Chủ bút ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc. Hiện ông Vũ Quang là Chủ nhiệm tờ Ngày Nay ấn bản Minnesota (Nguyễn Ngọc Linh là Chủ nhiệm ấn bản Houston, Texas).

Tại sao những vị này không ở Nam Cali, lại chọn Minnesota lạnh lẽo và vắng vẻ? Có thể các ông theo triết lý của người xưa:

*"Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn người đến chốn lao xao".*

*

2. Phù sa sông Cửu chảy về... Houston

Đón chúng tôi tại phi trường Houston là hai anh Võ Minh Thế và Nguyễn Cao Khải trong Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Vĩnh Long - Vĩnh Bình - Sa Đéc (HAVLVBSĐ).

Là đồng hương nên chúng tôi có nhiều chuyện để nói về những người cùng biết, những nơi chốn đã sống và đi qua. Hai anh đưa chúng tôi đi một vòng thành phố rồi dừng lại nhà hàng Kim Sơn Market Square ở số 300 Milam để giải khát. Đây là một nhà hàng sang trọng ba tầng nằm trong một khuôn viên rộng rãi, có sức chứa cả ngàn thực khách. Hôm ấy nhà hàng đang chuẩn bị tiệc cưới cho một cặp vợ chồng Mỹ vào buổi tối những vẫn đông đầy khách thường trực.

Chúng tôi được giới thiệu với anh La Minh Tấn, giám đốc nhà hàng, một người trẻ, tốt nghiệp Đại học Mỹ và quản trị nhà hàng theo lối Mỹ.

Ngay buổi tối hôm ấy chúng tôi tham dự buổi họp mặt với Ban Chấp Hành thu gọn của HAVLVBSĐ tại nhà hàng Kim Sơn Southwest số 8200 Wilcrest. Hiện diện trong bữa cơm tối hôm ấy có anh chị Thái Minh Sơn, Hội Trưởng, hai anh Nguyễn Cao Khải và Võ Minh Thế, Hội Phó, anh Trần Văn Tân, Cố vấn, anh chị Nguyễn Văn Trường, nguyên Bộ Trưởng Giáo Dục, anh chị Đại tá Phạm Bá Hoa, nguyên Tỉnh trưởng Phong Dinh, anh chị Nguyễn Thị Hoan, Hội trưởng HAV An Giang, anh Nguyễn Phát Được...

Anh chị Nguyễn Thị Hoan vì phải dự tiệc cưới sau đó nên từ già sớm, chỉ có mỗi chúng tôi hôm sau đến đài phát thanh chỗ chị làm để được phỏng vấn, nhưng tôi không sắp xếp thời gian được.

Tôi có thấy mặt anh Nguyễn Văn Trường đôi lần ở Việt Nam, nhưng chỉ đứng nhìn từ xa, vì tôi thuộc hạng tép riu, trong khi anh lúc ấy là Xếp lớn ngành giáo dục. Tôi vốn ngại chuyện "thấy sang bắt quàng làm họ", không ngờ anh Trường rất cởi mở, vui vẻ chuyện trò với mọi người. Chị nguyên là hoa khôi Đồng Khánh. Trong câu chuyện tôi có nhắc anh Trần Ngọc Thái, nguyên Tổng Thư Ký Viện Đại Học Cần Thơ, anh Trường nhân tiện nói một kỷ niệm. Lúc ấy anh Thái làm Hiệu Trưởng Trung Học Petrus Ký, do sự nhờ vả của một người bạn, từ văn phòng Bộ Trưởng, anh Trường gọi vào Petrus Ký nhờ giúp cho một học sinh đổi lớp, nhưng việc không thành vì trường mới ra thông cáo cấm học sinh đổi lớp vài hôm trước. Hóa ra lệnh của Xếp lớn mà đàn em không tuân hành, Xếp cũng đành phải cười trừ.

Người mà tôi nói chuyện nhiều nhất hôm ấy là anh Phạm Bá Hoa, bởi anh và tôi có cùng sở thích viết lách. Chị Hoa làm bà Tỉnh trưởng phu nhân Phong Dinh khi mới 20 tuổi, thời gian chị ở Cần Thơ tôi có nghe vài câu chuyện về chị qua bạn

bè, tôi mùa trái cây gì chị mang thử trái cây ấy vào Tòa Hành Chánh tỉnh để cho nhân viên mỗi người một quả, hàng ngày chị thường tôi Quán Cơm Xã Hội để trông coi việc phân phát thức ăn cho người nghèo...

Anh Phạm Bá Hoa là anh cả của một người bạn cùng học với tôi hồi Tiểu Học: Phạm Bá Sang. Sang qua đời trong một tai nạn xe cộ ở Vĩnh Long khi còn quá trẻ.

Tôi ngạc nhiên khi được biết chị chủ tiệm may Mỹ Liên ở gần trường Trung Học Tổng Phước Hiệp, Vĩnh Long, là chị cùng mẹ khác cha với anh Phạm Bá Hoa. Anh Hoa cho biết ba anh ly dị với người vợ thứ nhất sau khi đã có chung một con gái (chị Mỹ Liên), má anh Hoa và bạn Sang của tôi là đời vợ thứ hai của ba anh. Rồi bà vợ thứ nhất cũng tái giá, có thêm con, tôi quen với một người trong số ấy là chị Năm, Trung Úy nữ quân nhân. Tôi cũng quen chị Mỹ Liên trong những lần ghé Vĩnh Long và ở trọ nhà chị để đi thi Trung Học và Tú Tài I.

Quyển hồi ký *Đôi Dòng Ghi Nhớ* của anh Phạm Bá Hoa do nhà xuất bản Ngày Nay ấn hành, tái bản một lần, nay đã hết sạch. Có lẽ anh Phạm Bá Hoa phải tái bản lần thứ hai để sang Canada hè này ra mắt sách theo yêu cầu của một số đồng đội ở Ottawa.

Tôi nói với anh Hoa là sẽ viết một bài cho Đặc san Phan Thanh Giản - Đoàn Thị Điểm hè năm nay, nhan đề "*Cần Thơ là xứ ăn chơi*" bởi vì kỷ niệm với trường Phan thì ít quá và đã viết hết rồi. Từng làm Tỉnh Trưởng Phong Dinh, xin anh cho biết Cần Thơ có nơi nào ăn ngon, chỗ nào chơi vui để tôi làm tài liệu cho bài viết. Anh Hoa tâm sự, thời gian ở Cần Thơ ngắn quá, khoảng 7, 8 tháng, lại chinh chiến liên miên, nên anh chẳng có thì giờ vui chơi, vì vậy không có kiến thức về mặt này.

Anh chị Thái Minh Sơn ngoài việc nhiệt tình với đồng hương thể hiện qua việc đồng ý ở lại thêm một nhiệm kỳ 2 năm nữa, còn là người rất yêu văn chương, chủ nghĩa.

Qua anh Nguyễn Cao Khải, tôi được biết tin tức của nhiều "người muốn nắm cũ" như bác giáo Dụng, chủ hãng bánh phồng tôm Mai Hưởng - Sa Đéc mà tôi có đề cập đến trong bài viết "*Bánh Phồng Tôm Sa Giang*", bác Dụng hiện ở Austin; các con cháu bác giáo Nở (Thiếu tá Lâm, Đại úy Long...) cư ngụ ở miền Đông Hoa Kỳ, hoàn cảnh sinh sống của cô Phan Thị Kim Chi, nguyên Hiệu Trưởng trường Đoàn Thị Điểm, ở Việt Nam hiện nay... Anh Khải mua sẵn một quyển *Lâm Mai Lành Nợ Gác Cu Cầm Châu* ở hiệu sách chờ tôi sang Houston để lấy chữ ký của tác giả.

Tôi tâm phục khả năng hội nhập của anh Võ Minh Thế, hồi ở Việt Nam anh dạy Triết, thuộc lãnh vực văn chương, xã hội, sang Hoa Kỳ anh nhanh chóng đổi sang lãnh vực khoa học kỹ thuật và thành

công rục rỏ. Làm MC cho Chợ Tết HAVLVBSĐ, anh Thế nói chuyện rất lưu loát, nắm vững mọi vấn đề, không cần giấy tờ, tài liệu. Anh Thế hiện là giám đốc Engineering Applications Support của Công ty Sperry-Sun. Đối với tôi, anh Thế là người văn võ song toàn lại thanh tịnh, trường chạy mấy năm gần đây. Chuyện này tôi phải bắt chước anh mới được, mấy năm nay tôi đã bỏ nhiều thịt cá, nhưng lượng cholesterol vẫn còn cao.

Anh Nguyễn Phát Được là đồng hương Sa Đéc với tôi, nhưng đá ở Cao Miên một thời gian dài, nên khả năng tiếng Việt của anh có chỗ giới hạn. Tờ Thế Giới của anh có chỗ đứng là nhờ người phối ngẫu - chị Đặng Phương Linh - tháo vát trong thương trường.

Trong bữa cơm tối lâu hơn 3 tiếng đồng hồ hôm ấy, tôi đã trả lời nhiều câu hỏi của các anh chị, chỉ ghi ra đây mấy câu mà có thể nhiều đồng hương khác cũng thắc mắc.

Một: *Saskatoon ở chỗ nào?*

Phản này tôi đã trình bày ở đầu bài, xin không lặp lại.

Hai: *Tại sao tôi chọn bút hiệu Nguyễn Văn Ba?*

Người cầm viết, ngoài tên thật, thường có thêm một hay nhiều bút hiệu. Ví dụ ông Nguyễn Viết Quang dùng các bút hiệu Hồ Trường An, Đào Duy Đán, Đinh Xuân Thu...; ông Trần Trúc Quang là Trần Long Hồ; ông Trần Bích Lan là Nguyễn Sa, Hú Trúc...; bà Trần Trinh Thuận là Vi Khuê, Nguyễn Thị Bình Thường, Đoàn Văn...

Tôi chọn bút hiệu **Nguyễn Văn Ba**, vì hai lý do:

- Thứ nhất, tôi là người Việt Nam (họ Nguyễn), phái nam (dùng Văn làm chữ lót) và là người con thứ Ba trong gia đình.

- Thứ hai, nó biểu hiện phần lớn gốc gác của tôi và những điều tôi dự định viết. Tôi xuất thân từ môi trường nứa chạt nứa quế, những gì tôi dự định viết có liên quan ít nhiều tới đời sống nông thôn và giai cấp bình dân.

Ba: *Tôi hiện có mấy tác phẩm? Trong các tác phẩm đó tôi thích tác phẩm nào? Số lượt về nội dung tác phẩm đó?*

Tôi đã có 8 tác phẩm in thành sách: *Lâm Mai Lành Nợ Gác Cu Cầm Châu - Phận Đàn Bà* (viết chung với Nguyễn Bạch Mai) - *Thành Đô Gió Bụi - Cây Trái Quê Minh* (viết chung với Huỳnh Hữu Cửu), *Tự Truyện - Từ Miền Đất Lạnh - Khổ Qua Đắng Khổ Qua Đèo* - và *Chút Tình Với Quê Hương*.

Ngoài ra tôi đã chủ biên hai tuyển tập: *Những Cây Viết Miền Nam* (hai tập) và *Truyện Hay Hải Ngoại* (hai tập) với sự góp mặt của nhiều văn nghệ sĩ hải ngoại. Tôi cũng đã góp mặt trong các tuyển tập nhiều tác giả khác như: *Toward Freedom*, *Thắp Sáng Quê Hương*, *Làng Xưa Phố Cũ*, *Tuyển Tập 20 Người Viết tại Canada*, *Phong Lan*, *Quê Hương Ngàn Dặm*, *Once Upon A Dream: The Vietnamese - American Experience*,

Trông Vời Quê Cũ, Việt Nam 20 Năm 1975-1995, Những Mảnh Đời Việt Nam... Tôi thích quyển *Khổ Qua Đắng Khổ Qua Đeo* (Cây Trái Quê Minh 2) vừa mới ấn hành, vì trong tác phẩm này tôi có dịp chia sẻ với độc giả những kiến thức khoa học và kỹ niệm về nhiều loại thảo mộc Việt Nam. Nội dung quyển sách nói về những loại cây trái sau đây, mời quý độc giả bỏ chút thì giờ tìm hiểu:

a. *Trái gì khổ cực đã qua?*
b. *Trái gì trị bệnh Sida?*
Trái gì mần mó nhựa thì ra tay?
c. *Trái gì không thiếu chẳng thừa?*
d. *Trái gì ngoài xanh giữa xỏ*
Đá rắn xây bờ
Men ngà trắng mịn
Nước ngọt hồn thơ?
e. *Hoa gì nghe tiếng mà ghé?*
Hoa gì chú Phật đề huề tựa an?
f. *Hoa gì năm ngoái còn chờ gió đông?*
g. *Cây gì con đống khố, bố ở trường?*
Bố thì giống tộ ông già
Ông già ổng chết đã lâu
Con mắt thao láo, hàm râu ổng còn?
h. *Cây gì tạo lập than bùn?*
Cây gì luôn đứng giữa trời mà reo?
Cây gì ăn thịt đất nghèo?
Cây gì nhủ cái bình đeo trên cành?
i. *Cây gì há để chịu nghèo*
Hóa công dầu định mấy đèo cũng băng?
Bốn: *Trong các tác phẩm của tôi, tác phẩm nào được độc giả đón nhận nồng hậu nhất?*

Làm Mai Lãnh Nợ Gác Cu Cầm Châu là tác phẩm được độc giả đón nhận nồng hậu nhất. Tác phẩm này gồm 12 truyện ngắn, nội dung 4 truyện đầu dựa theo ý nghĩa của một câu ca dao khá phổ biến ở Miền Nam Việt Nam:
Ở đời có bốn chuyện ngu
Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu.

Quyển sách đã được nhà xuất bản Phù Sa ở Canada ấn hành hai lần đầu và nhà xuất bản Bình Minh ở Houston, Texas - Hoa Kỳ ấn hành lần thứ ba.
Năm: *Tôi nghĩ sao về chuyện viết văn?*
Về chuyện viết văn, thì sau hơn 10 năm cầm viết tôi phải công nhận như lời nhiều bạn văn đã nói với tôi, rằng viết văn là cái ngu thứ 5, sau 4 cái ngu của người đời "*Làm mai, Lãnh nợ, Gác cu, Cầm châu*". Thật vậy, viết văn ở hải ngoại không phải là một nghề, bởi nó không cung cấp đủ cho người cầm viết 3 bữa ăn mỗi ngày, nói chi đến chuyện mua nhà, tậu xe, hay nuôi người khác trong gia đình. Không phải nghề, nhưng là nghiệp, nghiệp chướng! Dù đã tự chế tối đa, cần nhắc kỹ lưỡng những điều mình viết, đa số người cầm viết đã không tránh khỏi va chạm, làm mất lòng ít nhiều đồng hương và độc giả.
Sau bữa cơm tối, chúng tôi theo anh Thế về tư gia yên tĩnh ở ngoại ô Houston.
Trưa hôm sau, chúng tôi trở lại thành phố Houston để dự Chợ Tết của HAH VLVBSĐ tại nhà hàng Kim Sơn downtown số 2001 Jefferson, chung với khoảng 500 đồng hương. Hội trường và

bữa ăn trưa được nhà hàng Kim Sơn cung cấp miễn phí.
Chợ này tổ chức hàng năm với tên thay đổi theo các địa danh trong ba tỉnh VL - VB - SĐ. Năm 1996 là Chợ Tết Vũng Liêm; 1997 là Chợ Tết Lai Vung và năm 1998 là Chợ Tết Trà Ôn, một địa danh nằm ven bờ sông Hậu, quê hương của nam danh ca cải lương Út Trà Ôn, lại còn nổi tiếng với món Cá Cháy bùi ngon.
Chương trình Chợ Tết gồm nhiều tiết mục, từ đi chợ mua quà bánh, hái lộc đầu năm, xổ số lấy hên... tôi niệm húm trước bàn thờ Tổ Quốc, chào Quốc Kỳ, Quốc Ca, múa lân. Chương trình văn nghệ thật đặc sắc do chị Tạ Thanh Duy Lý, Trưởng ban Văn nghệ Hội, điều khiển với đủ các tiết mục Dân Ca Ba Miền, đờn ca, hợp ca, tân cổ nhạc... Năm 1997 trình diễn vở cải lương "*Tuyệt Tình Ca* hay *Ông Cô Quận 9*"; năm 1998 trình diễn vở cải lương "*Tám Lòng Cửa Biển*". Năm nào Chợ Tết cũng phát hành Đặc san "*Phù Sa Sông Cửu*" với những bài vở của các văn nghệ sĩ gốc 3 tỉnh và thân hữu, trong số này có nhiều người tên tuổi đã khá quen thuộc với độc giả hải ngoại như: Hồ Trường An, Hứa Hoành, Phạm Thăng, Xuân Tuốc, Xuân Vũ, Trần Long Hồ, Ngô Nguyễn Dũng... Đặc san "*Phù Sa Sông Cửu*" được người Việt hải ngoại đánh giá cao về phẩm chất. "*Phù Sa Sông Cửu*" Xuân Mậu Dần dày 260 trang khổ tạp chí.
Tại Chợ Tết, tôi đã gặp 3 người viết mà từ lâu tôi ao ước được gặp: Nguyễn Mạnh An Dân, Mặc Huy và Hứa Hoành.
Chúng tôi đọc văn Nguyễn Mạnh An Dân trên báo Kháng Chiến từ lúc anh còn ở trại tỵ nạn và chọn truyện ngắn của anh nhan đề "*Chuyện Một Người Đàn Bà Bình Thường*" đưa vào quyển Truyện Hay Hải Ngoại. Văn chương Nguyễn Mạnh An Dân thể hiện lý tưởng và lập trường quốc gia kiên định. Ngoài đời anh trông trẻ hơn trong bức hình anh gởi cho tôi để in trong tuyển tập mấy năm về trước.
Nhà thơ Mặc Huy là đàn anh cùng quê Sa Đéc với tôi. Anh làm rất nhiều thơ, thơ anh có nét riêng xoay quanh hai chủ đề Quê Hương và Chiến Đấu. Nhiều lần tôi đề nghị anh xuất bản vài tập thơ để lại cho hậu thế, nhưng anh không màng chuyện đó. Những lần nói chuyện viễn liên, anh thường ngâm nga:
Bán dạ tam bôi tửu
Bình minh số trần trà
Mỗi nhật cử như tử
Lũng y bất đáo gia
Nghĩa là:
Nửa đêm uống ba chén rượu
Sáng sớm uống vài chung trà
Ngày nào cũng như thế
Thầy thuốc không bao giờ tôi nhà.
Và mỗi lần anh ngâm nga như vậy, tôi liền đáp lại bằng câu nói của thằng con trai nhỏ:
One apple a day
Keep doctor away.

Anh Hứa Hoành chuyên viết về ký sự địa phương miền Nam, đã xuất bản những quyển sách: *Nam Kỳ Lục Tỉnh, Sau Bức Cấm Thành Nhà Nguyễn, Các Nhà Giàu Xưa ở Nam Kỳ, Các Giai Thoại Nam Kỳ Lục Tỉnh, Du Lịch Trung Hoa, Địa Chí Vinh Long, Quê Hương Trong Trí Nhớ*... Anh Hứa Hoành biết chỗ nào có tài liệu để móc ra khi cần dùng. Anh Nguyễn Mạnh An Dân nói với tôi, hồi trong năm các cựu học sinh trường Trung học Cường Để Qui Nhơn có dự định làm một Đặc san về trường, nhưng tìm mãi không ra tài liệu, cuối cùng nhờ đến anh Hứa Hoành và mọi việc xong ngay.
Còn nhớ năm 1990, tôi ghé qua San Antonio Texas thăm anh Xuân Vũ, có gọi điện thoại mời anh Hứa Hoành đến chơi, tiếc là anh Hứa Hoành hôm ấy đi Austin. Tám năm sau, tôi đến Texas lần nữa, chưa đi San Antonio mà đã gặp được anh Hứa Hoành ở Houston như mong ước.
Một việc khá bất ngờ hôm Chợ Tết HAH VLVBSĐ, là tôi, anh Hứa Hoành và anh Nguyễn Mạnh An Dân được Ban Tổ Chức mời lên sân khấu để phát biểu cảm tưởng và nhận quà lưu niệm. Quà lưu niệm là một bảng kim khí (plaque) có đề chữ HAH VLVBSĐ tặng chúng tôi nhân dịp Chợ Tết hôm ấy.
Vì bất ngờ nên chúng tôi chỉ phát biểu một cách ngắn gọn và tự phát. Đại cường tôi đã nói: "Chúng tôi xin cảm ơn Ban Tổ Chức, quý quan khách và quý đồng hương đã cho phép chúng tôi lên đây để nói vài lời trong buổi họp mặt cuối năm ngày hôm nay.
Chúng tôi xin gởi đến quý quan khách và quý đồng hương lời kính chúc thêm một năm mới "tấn tài, tấn tinh, tấn lợi và tấn bình an".
Từ khi nhận được thư kêu gọi viết bài cho HAH VLVBSĐ ở Đặc san Phù Sa Sông Cửu số đầu tiên, chúng tôi đã tự hứa phải đến Houston để gặp gỡ quý đồng hương trong tương lai gần, vậy mà lần nữa đến nay mới thực hiện được. Chúng tôi mong quý đồng hương thông cảm và tha thứ cho sự chậm trễ này. Ai trong chúng ta không đã một lần "*Nợ nhà nợ xe hàng tháng trả. Những thủ nợ khác thì cứ hẹn lần*". Hôm nay chúng tôi đã đến đây và rất vui mừng được gặp quý vị, quý đồng hương.
Chúng tôi xin bày tỏ sự cảm phục và ngưỡng mộ tới quý đồng hương, đã lập được Hội, đã tổ chức được buổi họp mặt mỗi cuối năm với sự tham dự đông đảo của mọi người, đã ấn hành được đặc san "*Phù Sa Sông Cửu*" mỗi dịp Xuân về, và còn nhiều, rất nhiều sinh hoạt khác nữa...
Đồng hương Houston là ngọn cờ đầu, ngọn cờ tiên phong, sau Houston đã có các Chi Hội VLVBSĐ tại miền Đông Hoa Kỳ, Cali... và chúng tôi tin tưởng trong tương lai gần sẽ có các Chi Hội tại Canada, Âu Châu, Úc Châu...".
Cùng trong những ý nghĩ ấy, tôi đã sử dụng câu "*Phù Sa Sông Cửu chảy về...*"

HOUSTON" làm nhan đề cho bài ký sự này.

Khi vở cải lương "Tám Lòng Cửa Biển" bắt đầu thì hội trường 500 người chỉ còn khoảng 200, gồm những người mê cải lương, biết thưởng thức cải lương và chịu ngồi lại đến "văn hát" dù có mỗi lưng cách mấy. "Tám Lòng Cửa Biển" viết bởi Hà Triều - Hoa Phượng đã được trình diễn nhiều lần trong nước bởi đại ban Thanh Minh Thanh Nga. Lần này ở hải ngoại được tái trình diễn bởi ban văn nghệ Trường Giang, một nhóm nghệ sĩ không chuyên nghiệp hay nghiệp dư. Đào kép đoàn này là những người ngày thường đi làm việc ở văn phòng, hãng, xưởng, nhà hàng... như chúng ta, với tấm lòng yêu văn nghệ, cuối tuần nhóm này tụ họp lại để tập dượt các tuồng tích.

Ban văn nghệ Trường Giang đã trình diễn vở "Tám Lòng Cửa Biển" thế nào? thành công không? đạt chỉ tiêu không? Tôi cho rằng dù không chuyên nghiệp, họ đã thành công vượt bậc! Xem cải lương và mê cải lương nhiều năm, tôi có một cách thẩm định rất đơn giản, đoàn hát nào lấy được nước mắt khán thính giả thì mới "ăn tiền", mới kể là "thành công". Và hôm ấy ban văn nghệ Trường Giang với vở "Tám Lòng Cửa Biển" đã làm rơi lệ không biết bao nhiêu khán giả trong hội trường. Chính tôi cũng đã không cầm được nước mắt trước cảnh đứa con gái nhìn nhận mẹ mình, người mà từ lâu cô vẫn nghĩ chỉ đơn thuần là vú nuôi. Tiếng "má" phát xuất từ cửa miệng cô cùng với sự xúc động dạt dào đã gọi nhớ trong tôi tình mẫu tử thiêng liêng không có gì thay thế được. Và tiếng "má" ấy đã theo đuổi tôi, không rời tôi suốt buổi chiều hôm ấy.

Rời nhà hàng Kim Són downtown, rời Chợ Tết HAH VLVBSĐ, chúng tôi đến một nhà hàng khác, khu khác, nhà hàng Hunam Joy, khu Northwest, vào buổi tối, để gặp mặt các đồng môn của hai Trường Trung Học Phan Thanh Giản và Đoàn Thị Điểm Cần Thơ. Nếu anh chị đến một thành phố xa lạ, mà nơi đó có trên dưới ba chục người bạn anh chị chưa biết mặt đang hội họp, nhiệt tình chờ đợi để chào mừng anh chị, thì cảm tưởng của anh chị ra sao?

Chúng tôi ở trong hoàn cảnh ấy.

Khi bước vào phòng ăn chính vắng khách của nhà hàng Hunam Joy tối hôm ấy, tôi đã không tưởng tượng nổi trong banquet room kế bên có ba chục người đang chờ đợi chúng tôi. Bởi thế, nên khi đối diện với cảnh ấy, thì tôi thực sự xúc động và cảm kích. Tôi tiếc là ngôn ngữ quá nghèo nàn, không thể diễn tả cảm tưởng của mình một cách chính xác hơn. Ba chục người ấy, đa số lớn tuổi hơn chúng tôi, là những đồng môn cũ, mấy chục năm về trước. Tôi đi Hoa Kỳ lần này không nhớ là lần thứ mấy. Tôi thừa biết trong xã hội Hoa Kỳ, con người bị thúc bách bởi nhu cầu vật chất hơn bất cứ xã hội nào khác. Tôi cũng biết thành phố Houston rộng lớn, đông đảo dân cư, phải

có tới hai số area code điện thoại 713 và 281. Thế nên tôi cảm kích cái tình của các anh chị em, đã gác công ăn việc làm qua một bên, bỏ thời giờ với gia đình... đã dành thì giờ vượt đường sá xa xôi đến chào mừng chúng tôi, những người từ xa đến, dù chưa biết mặt, nhưng có một điểm chung duy nhất là ngôi trường cổ kính bên kia bờ Thái Bình Dương.

Chúng tôi thật có lỗi khi đã đến trễ, để các anh chị cựu học sinh và quan khách phải chờ đợi khá lâu.

Hiện diện trong buổi họp mặt có các anh chị Nguyễn Công Danh, Lê Hoàng Viện, Nguyễn Bửu Thoại, Nguyễn Phước Trang, Nguyễn Công Hiền, Nguyễn Ngọc Hương, Võ Lê Thơ, Trương Công Hạnh, Phạm Quang Tân. Các anh Phạm Phi Long, Lê Văn Đạo. Các chị Phan Thị Huệ, Phạm Thu Nguyệt, Trần Kim Huệ... Ngoài ra, còn có các anh Trần Quang Tuấn, Chủ Bút, và Đỗ Tuấn, Tổng Thư Ký BNS Dân Ta cùng với anh Võ Minh Thế, Phó Hội Trường HAH VLVBSĐ.

Ít nói nhất trong buổi họp mặt là anh Nguyễn Phước Trang. Duyên dáng nhất: anh Nguyễn Bửu Thoại (MC). Năng nổ nhất: anh chị Nguyễn Công Danh. Hiền lành nhất: anh chị Nguyễn Công Hiền - Lành. Hối hả nhất: anh Lê Hoàng Viện (phải về sớm để đi làm). Trẻ trung nhất: chị Phạm Thu Nguyệt...

Nhìn anh Nguyễn Công Hiền là tôi nghĩ ngay đến thân phụ anh, bác Nguyễn Văn Nhiều, chủ nhân nhà sách và tiệm kiếng Văn Nhiều trên đường Ngô Quyền, trong khu vực Bến Ninh Kiều. Anh chị Hiền - Lành sang đây đôi lần dự định nối nghiệp cha, mở nhà sách và tiệm kiếng, nhưng dự định không thành.

Anh Phạm Phi Long là em thủ của anh Phạm Bá Hoa, rất thành công trong dịch vụ mua bán các tiệm grocery. Nhân đây cũng xin nói về nghề bán tiệm grocery, tiệm nhỏ, của khá nhiều người Việt ở Houston. Nghề tự do, tương đối ít vốn, không bị bó buộc giờ giấc, dễ làm giàu, không bị kỳ thị vì chỉ bán sản phẩm của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, một số đồng hương không thích làm nghề này vì dễ bị cướp giật, có khi nguy hiểm đến tính mạng.

Chị Phạm Thu Nguyệt là em út của anh Phạm Bá Hoa, tôi đã gặp nhiều lần hồi còn ở Nha Môn và đôi lần ở tiệm cà-phê Huỳnh Cần Thơ. Tôi rất vui mừng gặp lại chị Nguyệt nơi đây.

Anh Lê Văn Đạo, nguyên là Hội Trường Hội Người Việt thành phố Edmonton, tỉnh bang Alberta Canada. Đạo tốt nghiệp đại học ngành y tá, nhưng không tìm được việc làm ở Canada, phải nhận việc làm ở Hoa Kỳ trong nhiều năm qua.

Buổi họp mặt với các anh chị cựu học sinh Phan Thanh Giản - Đoàn Thị Điểm đã để lại trong chúng tôi những kỷ niệm êm đềm đầy thân mến, bù đắp phần nào sự mất mát do chúng tôi không thể tham dự Đại Hội Kỷ Niệm 80 Năm thành lập trường Phan Thanh Giản mùa hè năm vừa qua.

Về lại Canada, mỗi lần uống trà là mỗi lần tôi đọc lại những dòng chữ đỏ xanh "Đại hội kỷ niệm 80 Năm thành lập Trường Trung Học Phan Thanh Giản (1917-1997) & Đoàn Thị Điểm Cần Thơ, tại Houston, Texas - USA, ngày 3 tháng 8 năm 1997" in trên nền trắng của tách uống nước. Hai cái tách (cup) ấy anh chị Nguyễn Công Danh mang đến tặng chúng tôi vào đêm cuối cùng trước khi rời Houston. Và mỗi lần đọc những dòng chữ ấy thì tôi miên man nhớ tới những kỷ niệm với Trường Phan Thanh Giản, với lần gặp gỡ khó quên ở Houston và những khuôn mặt rạng rỡ mà tôi đã gặp...

Xin cho tôi nói một lời cảm ơn, cảm ơn tất cả anh chị em. Đặc biệt cảm ơn anh chị Nguyễn Công Danh đã là nhịp cầu liên lạc Houston - Saskatoon, bởi chúng tôi không có khả năng liên lạc với tất cả mọi người và riêng rẽ từng người.

Một cuộc gặp gỡ khá hào hứng của chúng tôi trong lần đi Houston năm nay là với nhạc sĩ Song Ngọc. Trong số các nhạc sĩ ở miền Nam trước 75, Lam Phượng và Song Ngọc là hai người tôi mê nhất. Lại phải thanh minh rằng không phải vì Song Ngọc quá nổi tiếng mà tôi muốn dựa hơi, cũng không xạo.

Theo tôi, một sáng tác văn nghệ (văn, thơ, nhạc...) hay phải được đa số quần chúng công nhận. Nhiều nhạc phẩm của Song Ngọc thuộc loại đó. Từ thiếu thời cho đến bây giờ tôi vẫn luôn ca hát, để ý thưởng thức... những nhạc phẩm của anh. Tôi thuộc vanh vách các bài hát **Một Chuyến Bay Đêm** (Giữa lòng trời khuya muốn ánh sao hiền, người trai đi viết câu chuyện một chuyến bay đêm. Cánh bằng nhẹ mơn trên làn gió nhìn mây thênh thang lại nhỏ lúc mình còn thơ. Nhìn trời cao mà reo, mà mơ ước như điều, để níu áo Hằng Nga...); **Nó và Tôi** (Tôi noi sinh ra nhằm chinh chiến mới quen nhau mà thường mến. Nó quê ngoài kia từ lâu lắm chưa lần về. Ngày tôi gặp nó nét đăm chiêu đêm nhập ngũ, thấy thương nhau nhiều quá. Ba tháng trong quân trường cam go đã chai tâm hồn lính mới, nó luôn bảo tôi đừng than oán chi cuộc đời, vì khi nhịp súng vẫn đêm đêm vọng vọng mãi, tao ngày nào được vui...); **Chung Minh Ba Đứa** (Mình có ba người, ba kiếp sống buồng trôi, đứa này ở lưng trời thì đứa khác ra khơi, ngày sau một hai trong ba đứa không chung đường, chắc nhớ nhau nhiều lắm. Người lướt mây trời vui kiếp sống không trung với một kẻ đi tìm vào sóng nước mông mênh, còn riêng mình tôi vai ba-lô về khu chiến, nghe đường dài thêm..."; **Xin Gọi Nhau Là Cố Nhân** (Tôi trở về đây lúc đêm vừa lên. Giăng mắc trời mùa phố xưa buồn tênh. Gót mòn tìm dư hương ngày xưa bao nhiêu kỷ niệm êm ái một tình yêu thoát trên tầm tay..."; **Chiều Thương Đô Thị** (Hôm xưa tay nắm tay nhau anh hỏi tôi rằng: "Những gì trong đời ta ghi sâu vào tâm tư không tan theo cùng hủ vô, không theo tháng năm phai

mở tình nào tha thiết anh ơi?" Tình quê hương gọi sâu. Tình tôi, anh bền lâu vì mai đây tôi xa cách kinh thành mộng trường chinh khói binh, vào đời manh áo chiến lúc tuổi còn xanh. Thôi nhé tôi đi áo vương bụi đường nhỏ đêm phố phường..." và cả những sáng tác mới ở hải ngoại như *Đàn Ông Đàn Bà, Giở Tý Canh Ba...* Riêng bài *Chúng Mình Ba Đứa* của Song Ngọc, tôi đã "thuồng" cái tựa để đặt cho một truyện ngắn của tôi.

Một ngày khoảng năm 1995, nhà thơ Võ Hoàng Châu ở Nam California, điện thoại báo tin bài *Lối Xưa Mưa Buồn* của anh vừa được Hàn Sinh phổ nhạc. Tôi biết Hàn Sinh là bút hiệu khác của Song Ngọc nên hỏi anh Châu là có quen Hàn Sinh? Tính tình anh ấy dễ chịu không? Anh Châu cho biết Hàn Sinh gốc An Giang và rất quý bạn, tôi bèn viết thư làm quen. Thế là chúng tôi bắt đầu quen nhau.

Chúng tôi sang Houston lần này, dù mỗi đi trình diễn ở xa về, còn mệt và bận rộn với công việc làm ăn, anh Song Ngọc đã dành thời giờ mời chúng tôi, các anh Văn Vũ và Anh Vân đi ăn sáng, sau đó đưa mọi người về khách sạn Travel Lodge do anh làm chủ để bàn chuyện văn nghệ vẫn gừng.

Song Ngọc sáng tác không ngừng, từ những ngày còn trong nước cũng như ra hải ngoại. Thời gian gần đây ngoài cảm hứng bình thường, tìm hiểu qua sách vở, anh cho ra đời những sáng tác mới liên quan đến việc hoài niệm quê hương và hội nhập.

Suốt hơn hai giờ ngồi chung với nhau, anh đã đàn hát cho chúng tôi nghe hàng chục bản nhạc chứa tung ra thị trường, thảo luận về dân ca, ca dao miền Nam, những điệu Sơn Đông Huế Mã, Lý Con Sáo, Nam Ai, Bình Bán...

Anh Song Ngọc nói chuyện tếu lảm, vui lảm, lại bộc trực, bụng nghĩ sao miệng nói vậy. Xin kể hai chuyện trong số những chuyện anh đã nói hôm ấy.

Một là trước 75, có lần anh vận quân phục cùng với Du Tử Lê đi chơi quá giờ giới nghiêm, bị Quân cảnh Quân Vụ Thị Trấn bắt ở Ngã Sáu Sài Gòn, anh bình thản đứng xa ra, hút ống vố. Một vị Trung úy nọ tưởng Song Ngọc là cấp chỉ huy của toán Quân cảnh, bèn đến ca bài con cá: "Đại úy thông cảm, cho em đi, vợ em đẻ, con em đau...". Đợi vị Trung úy năn nỉ đã đời, cuối cùng Song Ngọc mới lên tiếng: "Tôi cũng đi chơi khuya và bị bắt như ông, phần tôi lo còn chưa xong, làm sao cứu ông được"

Hai là Song Ngọc có người bạn nhạc sĩ, vợ anh ấy rất ghen ghét cô tình nhân của anh. Anh ấy bèn làm một bản nhạc ngụ ý tặng cô tình nhân, rồi đưa cho vợ xem. Vợ anh thích quá, hát ca, nhún nhảy cả ngày theo điệu nhạc mà không ngờ là chồng làm tặng kẻ tình địch của mình. Chương trình Video Thúy Nga những ngày tháng sắp tới sẽ trình diễn nhiều nhạc phẩm của Song Ngọc như: *Đàn Bà,*

Tiền... Song Ngọc sẽ có thể là sui gia với nữ nghệ sĩ Kim Tuyến, vì con trai anh rất có cảm tình với nữ ca sĩ Hoàng Lan.

Cuộc gặp gỡ với nhà báo Văn Vũ và nhà văn, thơ Nguyễn Khánh Do cũng không kém phần lý thú. Hai vị này tôi quen biết qua nhà văn Anh Vân. Nhà báo, nhiếp ảnh gia Văn Vũ thì quá hiền lành, tôi đã hiền (?) anh còn hiền hơn, nhà thơ Dư Thị Diễm Buồn cũng cùng nhận xét với tôi. Ngoài sự hiền lành, dù đã lớn tuổi anh còn có nụ cười rất tươi, nụ cười mà nhà tôi cho là "đã làm nghiêng thùng đổ nước một thời xa xưa". Sau khi cùng chúng tôi ăn sáng với nhạc sĩ Song Ngọc, anh Văn Vũ mời chúng tôi ăn trưa ở một nhà hàng Tàu sang trọng trong vùng với chị Văn Vũ, anh Thiện Nhân Nguyễn Khánh Do và anh Anh Vân.

Chị Văn Vũ vui vẻ và hiếu khách. Số chúng tôi không đủ no, chị gọi thật nhiều thức ăn, để cuối cùng phải kêu nhà hàng vô hộp mang về.

Tôi làm quen với bút hiệu Thiện Nhân Nguyễn Khánh Do lần đầu khi đọc bài giới thiệu tập truyện *Trái Đắng* của Anh Vân và cảm mến qua những nhận xét chính xác và chừng mực. Nay gặp anh thì tôi biết nhận định của mình không lầm, chẳng những chừng mực trong chữ nghĩa, anh còn chừng mực trong đời sống thể hiện qua cách nói chuyện, làm việc, ăn uống... Cách nói chuyện của anh Nguyễn Khánh Do vui vẻ mà thâm trầm, nhân dạng anh có nhiều nét giống anh Võ Kỳ Điền.

Ngoài viết văn, tôi mới được biết anh Nguyễn Khánh Do, còn làm thơ và xin mời đọc giả thưởng thức bài thơ của anh nhan đề *Bài Hành Ngán Tặng Bạn (Anh Vân)* Sáu Mươi:

*Vừa tròn sáu chục cuộc phù sinh
Lòng vẫn phong ba dậy bất bình
Cõi tạm "Lý Thông" còn nhan nhản
Quê nhà cướp cạn mãi nông nghênh
Mắt biếc đông tây mà đón chiếc!
Thân số bằng hữu mấy chân tình?
Đôi lúc muốn theo Đào - "quy khứ"
Nhưng hồn Thục Đế cứ lung linh.
Nào hãy cùng nhau nâng chén tạm
Ghi tròn một hội cuộc nhân sinh
Một mai trống giục Tây Sơn gọi
Đầu bạc bạn ta cũng hiến mình.*

Nhà văn Anh Vân đến nay đã có ba tác phẩm in thành sách: *Trái Đắng* (đã tái bản), *Lưỡi Tình* và *Biển Tình*. Trong năm nay dự định in thêm hai quyển nữa. Anh Anh Vân và tôi có quá nhiều điểm chung, nhất là các điểm nhiều bạn, vác ngà voi, làm chuyện tào lao, chuyện bao đồng... còn chuyện mình thì cứ nằm ì ra đó. Tôi chủ trương nxb Phù Sa, anh lập nxb Người Việt Lưu Vong. Nxb Người Việt Lưu Vong đã xuất bản các quyển *Quê Hương Ngàn Dặm I & II* của nhiều tác giả, *Bức Tượng Thanh Nữ* của Hoàng Du Thụy và *Dấu Vết Tình Thu* của Nguyễn Mỹ Phượng. Nếu Anh Vân không làm chuyện tào lao, chuyện bao đồng, chỉ tập trung sáng tác và xuất bản cho riêng

minh, thì đến nay anh đã có tối thiểu là mười tác phẩm in thành sách. Chúng tôi đã nhận thấy và nhiều lần thảo luận vấn đề này, nhưng hồi đi, sông núi để đời, tính người khó đổi.

Gặp anh Anh Vân tám năm về trước ở Nam California, thấy anh trẻ trung, yêu đời. Lần này gặp lại, có chút ngậm ngùi khi thấy anh chiếc bóng đơn côi. Khuyên anh tìm một người bạn khác phái để sớm hôm bầu bạn, nhưng anh than khó quá, "may be too late".

Chúng tôi nghỉ chuyện gặp Ban Biên Tập nguyệt san *Tự Do Dân Bản* đã không thành vì anh em quá bận rộn, việc chung lẫn việc riêng. May mắn thay, vào giờ chót mọi việc đã diễn tiến như mong muốn. Chúng tôi đã gặp lại anh chị Lê Phát Minh, các anh Lê Văn Phú, Lê Văn Đạo, Nguyễn Tấn Trí... Và đặc biệt được quen anh Nguyễn Văn Kiềm, một mẫu người tháo vát, xông xáo, nói nhiều chuyện vui chơi "mà như thật".

Sau bữa cơm tối tại nhà anh chị Lê Phát Minh, hai anh Đạo, Phú thay mặt gia chủ đưa chúng tôi về chỗ trọ. Bốn người từ Canada sang, kẻ trước, người sau ngồi chung một xe. Khoảng đường rất ngắn, lẽ ra chỉ mất 15 phút, nhưng chúng tôi phải dạo chơi Houston một cách bất đắc dĩ, nên hai giờ sau mới về đến nơi. Anh Anh Vân đang ngủ phải thức dậy tiếp khách, và bất ngờ anh Phú nhận ra đã gặp anh Văn ở Little Saigon 8 năm trước. Chúng tôi cũng đã đến thăm Tòa soạn báo XD, nguyên là nhà sách Văn Hóa của anh chị Phạm Gia Khôi lúc trước. Anh Hải Lăng trình bày với chúng tôi công tác Tổ Chức Yểm Trợ Thương Phế Binh QLVNCH trong nước đã và đang diễn tiến tốt đẹp.

Sau đó chị HM Thúy và anh Hải Lăng mời chúng tôi và nhà văn Anh Vân đi dùng cơm ở nhà hàng Kim Sơn downtown. Chúng tôi vui mừng thấy tấm lòng của anh chị Thúy - Lăng đối với các Thương Phế binh QLVNCH, và mong rằng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào công tác yểm trợ nêu trên vẫn tiếp tục để xoa dịu ít nhiều nỗi khổ đau, tủi nhục của những người đã vì quê hương mà hy sinh một phần thân thể.

Rời Houston, lòng chúng tôi có nhiều điều luyến tiếc, tiếc vì mệt và không đủ thì giờ để đi thăm các anh chị Huỳnh Vĩnh Lại, Huy Lực Bùi Tiến Khôi, Nguyễn Thế Giác, Đào Kinh Doanh, Phạm Gia Khôi, thăm Tòa soạn BNS Dân Ta, viếng tư gia các anh chị Nguyễn Công Danh, Lê Hoàng Viện, Nguyễn Mạnh An Dân... Hồi tiếc hơn là khi vừa về lại Canada, ngày 20 tháng 2 thì được tin anh Huỳnh Vĩnh Lại qua đời. Anh Lại sinh năm 1933 ở Sa Đéc, là đồng môn huynh trưởng của chúng tôi ở trường Phan Thanh Giản ●



Quan niệm về "nghĩa vua tôi" qua truyện kể và ca dao, tục ngữ

• Võ Thu Tịnh

Dân ta ngày xưa tin rằng phải có Trời, vì nếu: "Không có Trời, ai ở được với ai?"

Hẳn vì thế mà cũng cho rằng trong một nước cần phải có vua, vì nếu không có người cầm đầu để quản lý xã hội cho có trật tự thì làm sao dân chúng có thể sinh sống yên lành được?

Do đó phát sinh ra mỗi tướng quan giữa vua và tôi, mà dân gian gọi là "nghĩa vua tôi":

Ông kiến còn có vua tôi,

Hướng chi loài người chẳng có nghĩa ư?

*... Hột muối mặn ba năm vẫn mặn,
Củ gừng cay chín tháng vẫn cay.*

*Đạo nghĩa cương thường (a) chớ đổi,
đứng thay,*

*Dẫu có làm nên danh vọng, hay rùi có
án mây vẫn có nhau.*

"Nghĩa" là lòng chung thủy, là điều hợp lẽ phải, làm khuôn phép cho cách ứng xử với nhau. Lê Thánh Tông xưa cũng dùng chữ "nghĩa" (trong bài *Cái Nón*) để chỉ sự quan hệ giữa vua tôi:

Che dân bao quản lòng tử tui,

Giúp chúa nào quên nghĩa sớm trưa!

Trong Luận Ngữ, chương Vi Tử, Tử Lộ đã gọi sự liên hệ giữa vua tôi là "quân thần chi nghĩa".

Nhưng xưa, nhà cầm quyền phong kiến lại dựa vào "tam cương, ngũ thường" của Nho giáo để ép buộc người dân phải tuyệt đối "trung" với vua, đến mức "quân

sử thần tử, thần bất tử bất trung", vua ra lệnh tôi phải chết, tôi không chết không trung!

Thật ra, chữ "trung" vốn chỉ có nghĩa là ngay thẳng, hết lòng hết sức với vua. Vua là người cầm đầu trong nước, có trách vụ làm cho dân no ấm yên lành, cho nước được tự chủ độc lập. Dân là kẻ được hưởng các điều ấy, ắt phải có phần vụ phò vua một cách ngay thẳng, hết lòng hết sức:

Làm tôi thì ở cho trung,

Chớ ở hai lòng mà hóa dở dang.

Bàn về vấn đề "trung" với vua, Trần Trọng Kim, trong tác phẩm *Nho giáo*, đã phân biệt chữ "quân" là người cầm đầu, với chữ "vương" là vua:

"Khổng giáo cho "quân quyền" (quyền của người cầm đầu) là cái thần khí, làm chủ sự trị loạn của nhân dân, cho nên mỗi nói "trung quân" (trung với người cầm đầu) chứ không phải "trung vương", "trung đế" (trung với vua, với hoàng đế). Về sau, ta theo lối chuyên chế mà hiểu cái nghĩa "trung quân" hẹp đi, cho nên mới nói "trung quân" là "trung với nhà vua". Song Khổng giáo có dạy rằng: "Người trung thần tòng đạo bất tòng quân", (tôi trung phục tòng đạo lý chớ không phải phục tòng theo người cầm đầu, theo nhà vua), chính là để chữa lại cái hẹp của quân vậy". (1)

Tiền Nho ta ngày xưa không dùng chữ "trung quân", mà chỉ dùng thành ngữ "ưu quân, ái dân", tức là "lo việc cho vua, yêu thương dân chúng", gọi tắt là "ưu ái" hay "ái ưu" mà thôi. Nguyễn Trãi (1380-1442), trong *Quốc Âm Thi Tập* đã viết:

Bui (chỉ vì) một tắc lòng ưu ái cũ,

Đém ngày cuộn cuộn nước triều đông. (Qã,50)

... Tóc nên bạc bởi lòng ưu ái,

Tật được tiêu nhờ thuốc đắng cay. (Qã,112)

... Gia sơn đấng cách muôn dặm,

Ưu ái lòng phiền nửa đêm. (Qã,115)

Trong Bạch Vân Am quốc ngữ thi tập, Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) cũng viết:

Ái ưu vặc vặc trắng in nước

Danh lợi láng láng gió thổi hoa. (BV,1)

... Ưu ái chẳng quên niềm trước,

Thị phi biếng nói sự nay. (BV,76)

Như Trần Trọng Kim vừa dẫn ra trên đây, "người trung thần tòng đạo bất tòng quân", cho nên "tôi trung" còn phải có nhiệm vụ can vua, có khi phải trái lời vua, cho vua khỏi làm quấy, sai với đạo lý. Như thế mới đúng là đã lo lắng, thương yêu vua (ưu quân) (2). Trong lịch sử nước ta không thiếu gì giai thoại về "tôi trung" can ngăn,

hoặc cãi lời vua, chẳng hạn như các truyện sau đây:

TRUYỆN PHẠM CÔNG CẢI LỜI VUA

"Phạm Công, làm quan "Phản thái y lệnh", đời vua Trần Anh Tông (1293-1314). Một hôm, có người, vợ bị băng huyết, máu ra xối xả, đến mời ông. Ông vội vàng ra đi, vừa đến cửa thì gặp Sứ giả nhà vua đến bảo rằng trong cung có quý nhân cảm sốt, khi nóng khi lạnh, mời ông đến điều trị.

Ông nói: "Bệnh ấy không gấp. Nay ở nhà dân có người bệnh nặng, tính mệnh chỉ chờ trong khoảnh khắc. Ta đi cứu người ấy đã, rồi sẽ vào cung chữa cho".

Sứ giả tức giận nói: "Cái lễ mà kẻ bầy tôi phải giữ cho trọn, sao lại có thể như vậy? Ông muốn giữ tính mạng cho người khác mà không giữ tính mạng của mình chẳng?"

Phạm Công trả lời: "Đã đành là như vậy thì ta mắc tội rồi. Nhưng không hề gì. Người bệnh kia mà không cứu ngay thì chỉ trong chốc lát sẽ chết, không còn trông mong gì được nữa. Đến như cái mệnh của bầy tôi bé nhỏ này thì còn trông mong được vua miễn tội chết. Còn các tội khác thì ta xin gánh chịu hết".

Nói xong, bèn đi chữa bệnh. Người đàn bà kia quả nhiên được ông cứu sống. Lát sau, ông đến gặp vua. Nhà vua quở trách. Ông bỏ mũ, tạ tội, bày tỏ hết cả tấm lòng ngay thực của mình. Vua Anh Tông mừng mà nói rằng:

- "Nhà người quả là một bậc lương y, đã có nghề giỏi, lại có lòng nhân chăm sóc con dân của trẫm, thật đã đáp ứng được lòng ta mong cậy" (3).

TRUYỆN CHU VĂN AN CAN VUA

"Chu Văn An, tính ngay thẳng, cứng rắn, nghiêm ngặt, học nghiệp tinh thuần, được vua Trần Minh Tông mời đến dạy thế tử học.

"Minh Tông mất, con là Dụ Tông (1341-1369) chỉ mãi chơi bời, trẻ nãi chính sự, để quyền thần nhiều kẻ làm điều phi pháp. Nhiều lần can ngăn mà vua không nghe, ông liền dâng sớ xin chém nình thần bày tên, người đời bấy giờ gọi "thất trảm sớ". Sớ dâng lên, nhưng vua bỏ đi không xét đến. Ông liền từ quan về quê dạy học. (4)

"Nghĩa vua tôi", thể hiện cho trọn vẹn, bao giờ cũng phải theo hai chiều: tôi đối với vua, và vua đối với tôi. Dân có nghĩa vụ đối với vua, thì vua cũng có nghĩa vụ đối với dân. Nếu vua không làm tròn trách vụ chăm lo cho dân yên vui, no ấm, thì

(a) Cương thường = tam cương : đạo vua tôi, cha con, vợ chồng; ngũ thường : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín

dân không khỏi sinh ra khinh thường, phạm thượng:

*Làm trên mà chẳng chính ngôi,
Khiến cho kẻ dưới chúng tôi hỗn hào.*

Chính Khổng Tử cũng nói: "Vua cho đúng phận vua, tôi cho đúng phận tôi. Vua lấy lễ sai khiến tôi, tôi hết lòng trung thờ vua" (5). Lấy lễ sai khiến, không phải chỉ ở nơi nghi thức bên ngoài, mà cốt yếu ở nơi tinh thần quý trọng, không được khinh miệt dân. Mạnh Tử cũng tuyên bố: "Dân quý nhất, thứ đến là đất nước (xã tắc), còn vua là nhẹ hơn cả (6) và đã từng nói thẳng với Tề Tuyên Vương rằng: "Vua mà coi tôi như tay chân, ắt tôi sẽ coi vua như bụng dạ. Vua mà coi tôi như chó ngựa, ắt tôi sẽ coi vua như kẻ qua đường. Vua mà coi tôi như bùn rác, ắt tôi sẽ coi vua như kẻ cướp, thù (7).

Rồi nếu vua không làm cho dân được yên lành, no ấm, mà còn tàn ác bạo ngược, thì lòng người sinh ra oán hận thù ghét, giặc giã sẽ nổi lên:

Bao giờ dân nổi can qua (8).

Con vua thất thế lại ra ở chùa.

Xưa vua Kiệt, vua Trụ vì hoang dâm vô đạo, không làm tròn sứ mạng trị quốc an dân Trời giao phó cho, thì Trời thu hồi sứ mệnh ấy lại. Thành Thang đứng lên giết vua Kiệt, Võ Vương đứng lên giết vua Trụ. Tư Mã Thiên, sử gia Trung Hoa, gọi đó là "cách mệnh" (cách: lật bỏ; mệnh: sứ mệnh).

Về vấn đề tôi giết vua, Tề Tuyên Vương chất vấn Mạnh Tử: "Thành Thang đuổi vua Kiệt, Võ Vương đánh vua Trụ, có thật như vậy chăng?". Mạnh Tử đáp: "Trong sử sách có chép như vậy". Tuyên Vương hỏi tiếp: "Bề tôi mà giết vua có nên chăng?". Mạnh Tử đáp rằng: "Kẻ làm hại đức nhân, gọi là tặc; kẻ làm hại đức nghĩa gọi là tàn. Kẻ tàn, kẻ tặc chẳng qua là người thường mà thôi. Tôi từng nghe vua Võ Vương giết một người thường là Trụ, chỗ tôi chưa hề nghe giết vua" (8).

Tục ngữ ta ngày xưa cũng đã cho rằng:

Được làm vua, thua làm giặc

Câu này có thể hiểu: Thói thường, mạnh được, yếu thua. Kẻ thắng tự xưng chính thống, và gọi kẻ bại là giặc.

Và đây cũng là một lời dân gian nghiêm khắc cảnh cáo những kẻ cầm đầu quốc gia: "Nếu chính sự hà khắc, tàn ác, dân gian sẽ nổi lên lật đổ. Một khi bị đánh bại, sẽ bị gọi là giặc, và sẽ chịu số phận dân gian dành cho những tên giặc cướp".

(8) Can : cái mọc, qua : cái mác, là những binh khí đánh giặc. Can qua tượng trưng cho "chiến tranh, binh loạn)

Dân gian ta cũng thấy rằng: Kẻ tàn ác nhỏ bạo lực, gian trá mà thắng, cũng được gọi là "vua", nhưng triều vua nào cũng chỉ nhất thời.

Còn dân, căn bản của quốc gia, bao giờ cũng tồn tại mãi mãi:

(Vua) quan nhất thời, dân vạn đại.

Ngày xưa ở nước ta, từ cấp huyện trở lên, tổ chức theo quân chủ, vua chỉ định, bổ dụng tất cả quan lại trong toàn quốc. Song ở cấp làng xã, thôn xóm, vua ta lại công nhận cho toàn dân bầu lên một lý trưởng quản lý làng xã và đại diện cho làng xã liên lạc với huyện phủ sở tại; và bầu các hương chức giúp việc với lý trưởng, cũng như bầu người có uy tín sung vào hội đồng kỳ mục, cổ vấn, giám sát lý trưởng. Đồng thời ở mỗi làng xã, dân gian có thể họp lại bầu (làm) ra một hương ước (những điều lệ giao ước giữa dân làng với nhau) để quản lý riêng địa phương mình (9).

Theo Đại Việt Toàn Thư, năm 1669, Lê Huyền Tôn (1663-1671) có ban 18 định lệnh làm chính trị tốt, bỏ tập tục xấu, mà điều thứ 9 là "chọn các con em nhà lương thiện làm xã trưởng để dạy xã dân biết lễ nghĩa (10)

Trong Lê Triều chiếu lệnh chính có ghi rõ thêm về điều thứ 9 ấy như sau :

"Chức xã trưởng là một viên giữ phong hóa; phải chuyển tư cho huyện quan ở các huyện trong xứ, chuyển sức cho xã dân, kén chọn trong con em các nhà lương gia, các nho sinh, các con cháu quan viên, các nhiều nam, các sinh đồ, cùng là người nào có học thức, tính hạnh thanh liêm công bằng và cần cán, bầu lấy một người làm xã quan, để cho viên ấy làm tiêu biểu cho hương xã, khám xét các tử tụng, cùng là hàng năm hai kỳ xuân thu, theo những giáo điều của nhà nước mà dạy bảo xã dân, khiến cho dân biết điều lễ nghĩa, khuyển hướng và nhân nhượng. [...] Cứ ba năm, cho phép huyện quan khảo khóa các xã quan một lần, xét trong các xã quan, xã tư (phó xã quan) ai có đức hạnh liêm chính, biết dạy dân làm tốt phong tục, dẹp được việc kiện tụng, thì trình lên [...] thăng xã quan làm huyện quan, xã sử, xã tư cũng chuyển thăng làm xã quan, để tỏ lòng khuyến khích. Nếu trên nha môn có việc quan sai khiến sự gì, chỉ được phép bắt xã sử, xã tư cùng với thôn trưởng đi chỉ dẫn, chủ không được trách cử đến xã quan, để cho viên này có tư cách mà làm việc. Ai trái lệnh này, cho xã quan được tố cáo, sẽ khép vào tội trái lệnh.

"Vi bằng xã trưởng (tức xã quan) viên nào tham những gian giáo, và làm bậy,

cho phép xã dân ấy tố cáo với huyện quan; một khi xét có sự thực, việc nhẹ thì bắt phạt, việc nặng thì bắt tội phải sung quân. Khi ấy sẽ bầu lại xã trưởng khác, để tiện tiếp tục công việc làm tiện lợi cho dân xã. Nếu huyện quan khảo khóa mất sự thực, cũng bị tội biếm hay bãi chức" (1)

Cách tổ chức làng xã theo lối "bầu cử" đã tồn tại cho đến cuối đời nhà Nguyễn và cho đến các thời Cộng Hòa Quốc Gia gần đây.

Như thế, "bầu cử" đã là một tập tục trong sinh hoạt chính trị nông thôn Việt Nam từ bao nhiêu thế kỷ. Để nhắc nhở "cử tri đi bầu phải chọn người thế nào cho đúng", và "người được bầu ra phải làm thế nào để bảo vệ quyền lợi cho làng xã", dân gian ngày xưa có kể lại các ngụ ngôn như sau:

TRUYỆN CON CÔNG VÀ LÀNG CHIM

"Một hôm, làng chim hội họp đủ mặt, không thiếu một ai. Nhiều anh cất tiếng xin làng cử anh Cò làm lý trưởng. Anh Cò nghe nói, vội vàng từ chối: "Các anh coi tôi: khăn trắng, áo trắng, thật không xứng đáng chút nào. Đây có anh Diệc, cổ dài, vai rộng, tôi xin nhường".

Diệc nghe có nói cũng mau miệng chối từ: "Các anh đã biết mình tôi lẳng khắng, tính tôi ửng ửng. Tôi nói chẳng ai nghe, sợ sau sinh ra lảm chuyện. Đây có anh Công, trong nhà giàu có, quần xanh áo tía, thật đáng làm anh, làng ta nên thuận tình bầu anh ấy ra làm việc".

Công nghe nói đến mình, lấy làm há dạ, chạy ra giữa đám, giương cánh xòe đuôi, múa may uốn ẹo, rồi thưa với làng: "Làng đã bảo đến, biết tránh làm sao. Vậy những ông nào thuận tình tôi, xin ký tên vào giấy".

Không ngờ bao nhiêu loài chim đồng thanh nói to lên rằng: "Cái đuôi anh xòe, chúng tôi chịu là thật đẹp. Nhưng cái đầu anh bé nhỏ, trông nó loắt choắt làm sao, anh làm đàn anh chúng tôi không được. Làng bảo thì bảo, chúng tôi không thuận".

Công thấy thế, chửi thẹn nói rằng: "Việc làng đã thuận, kẻ nói thì có người nghe. Không ngờ người nghe thì ít, kẻ chê thì nhiều. Tôi lấy làm xấu hổ cho tôi và cả làng chim tôi nữa".

Làng chim nhao nhao, không ai thèm nghe Công, giải tán tức thì. Công cụp đuôi, thu cánh, vừa lúi vừa kêu: "xấu hổ! xấu hổ!". Rồi từ ngày ấy đến nay, vẫn còn giữ hai tiếng "xấu hổ" mãi" (12).

TRUYỆN LÝ TRƯỞNG KHUỒU

"Xưa có một người lý trưởng làm việc đã hơn mười năm. Thường trong làng xóm, ai có điều gì khổn khổ là ông liền lên quan kêu hộ, coi việc của người hơn việc của mình. Phải một năm trời làm đại hạn, cây cỏ khô héo, hoa quả chết sạch, đến mùa sưu thuế, dân gian khổn khổ, không biết làm thế nào lo cho đủ tiền nộp. Lý trưởng Khuống thấy tình cảnh dân như vậy, lấy làm thương xót, mới làm một lá đơn lên kêu quan hộ dân. Đơn rằng:

"Trời làm đại hạn rồi,
Việc dân thì nặng, Quan thời thương
cho!

Ngoài đồng cối lúa mất mùa,
Về nhà bông đỗ đã khô đi rồi.
Dân thì kẻ ngược, người xuôi,
Kẻ tán, người lạc, ai người làm chi.
Trời làm tai nạn còn gì,
Xin Quan nghĩ lại bớt đi ít nhiều".

Quan xem đơn vỗ bàn mắng rằng: "Ta chưa hề thấy thằng lý trưởng nào xấc láo như thằng này. Việc thì khe khát, đã không chịu làm, lại được cái già hàm, dám lên đây kêu ca rắc rối! Linh đâu, nọc nó ra đệt cho nó ba chục roi".

Người lý trưởng nói: !Quan đánh, tôi xin chịu. Tôi chẳng sợ chi. Bốn phận tôi làm lý trưởng, tôi phải hết lòng kêu giúp cho dân. Quan không soi xét, nghĩ đến tình cảnh của dân, thì tôi cũng liều mạng tôi cho rồi..."

Nói đoạn người lý trưởng cắn lưỡi tự tử. Ông quan phải bồi mạng cho người lý trưởng và phải cấp tiền tống táng. Về sau, trên mộ người lý trưởng tự nhiên có một cây gì mọc lên rất cao, và có một con Khuống thường ngày cứ chót vót trên cây mà hát. Thiên hạ cho con Khuống ấy là hiện thân của người lý trưởng, và khi nghe nó hát thì người ta bảo nhau ca một câu rằng:

"Cây cao gió đánh lá lay.

Thương thân con Khuống kêu ngày, kêu đêm" (13)

Như vừa kể trên, ngoài luật nhà vua, ngày xưa mỗi làng có thể bầu ra những điều lệ riêng cho mình, gọi là "hương ước", trình lên huyện, phủ sớ tâu để chấp thuận (12). Những hương ước (hay "lệ làng") ấy lại thường được dân gian tuân theo chặt chẽ hơn luật pháp của vua. Tục ngữ có câu: **Phép vua thua lệ làng**.

Chẳng hạn như trong hương ước của xã Mộ Trạch, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương (Bắc Phần), ở điều thứ 6 có ghi: "Dân làng có việc tranh chấp phải qua lý trưởng xét xử trước đã, không được kiện thẳng lên huyện, phủ, nếu không tuân, bị phạt một trâu và sáu vò rượu".

Cuối cùng, tưởng không thể không nhắc đến cuộc "**vua trưng cầu dân ý**" lịch sử nhất của dân tộc Việt: "Vào năm 1285, khi quân Nguyên tràn sang xâm chiếm nước ta, Trần Nhân Tông triệu tất cả bô lão trong nước đến điện Diên Hồng để **hỏi ý kiến của toàn dân** nên đầu hàng hay chống lại. Tất cả bô lão đồng thanh hô to: "Xin đánh!"".

Tóm lại, qua các truyện kể, các câu ca dao, tục ngữ, ta nhận thấy Việt Nam từ xưa đã có một thể chế rất **đặc thù**, không giống một nước nào đương thời, kể cả Trung Hoa. Đặc thù ở điểm vừa quân chủ ở thượng tầng, vừa dân chủ ở làng xã.

Mặc dầu nước ta chịu ảnh hưởng Nho giáo rất sớm, mặc dầu trong quan niệm về quan hệ vua tôi của dân gian có điểm tương tự với học thuyết "dân quyền" của Mạnh Tử, song về cơ cấu xã hội ngày xưa, nước ta và Trung Hoa có điểm khác nhau:

Ở thời Mạnh Tử, các vua chư hầu đưa nhau chiêu mộ nhân tài để giúp cho nước mình giàu mạnh hơn thiên hạ. Do đó "chư tử bách gia" được tự do tranh luận nhau, và có khi tranh luận cả với các vua chư hầu nữa. Nhưng rồi cuộc, học thuyết "dân quyền" ở thời "hoàng kim" này vẫn không được vua nào nghe theo. Về sau, cái hại đốt sách của nhà Tần, và cái hại thống nhất Nho tông của nhà Hán đã bó buộc tư tưởng người học vào cái khuôn chật hẹp của Khổng giáo. Đến thời Tống Nho nổi lên, bác hết các học phái khác, không những đã dùng lò khoa cử mà bó buộc học giới như các đời trước, lại còn hạn chế học Kinh Truyện Nho giáo để đi thi phải theo lối chú giải của các sách do triều Tống cho soạn ra, là loại sách thu hẹp Nho giáo lại thành một thủ Nho giáo "tôn quân" để tiện bề cai trị. Vì thế, từ thời "hoàng kim" cho đến ngày cách mệnh Tam Dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên (1912) ở các làng Trung Hoa không hề thấy có việc dân chúng đi **bầu cử** xã trưởng.

Còn nước ta, từ đời Hán, Đường, nội thuộc Tàu, nhờ gặp những kẻ thật lòng khai hóa như Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp, nên học giới nước ta sau ngày tự lập, này sinh tốt đẹp, như học phong ở đời Trần chẳng hạn. Hẳn nhờ cái khoảng tư tưởng có chiều tự do ấy của đời Trần, lẫn át được ảnh hưởng còn phối thai của Tống Nho, phối hợp với quan niệm tự do bình đẳng của Phật giáo đời Lý, mà Lê Thánh Tông trong bộ luật Hồng Đức, đã điều hòa được quan hệ giữa vua và dân, giữa thể chế quân chủ của triều đình với cơ cấu dân chủ của nông thôn.

Cuộc hòa hợp, chung sống đặc thù giữa chuyên chế và tự do này có thể thực hiện tốt đẹp là nhờ bản tính "**biết nhân nhượng**", "**chùng mực**", "**yếu nước**" hằng hữu của dân tộc ta.

Trong tinh thần quan hệ vua tôi này, ngày xưa, mỗi làng xã trở thành một đơn vị tự trị, một viên đá cứng rắn để xây dựng quốc gia, một pháo đài vững chắc để ngăn chặn xâm lăng.

Nhưng dù sao, quân chủ thuộc *nhân trị*, vận mệnh đất nước tùy thuộc vào ý muốn của các vua: gặp vua hiền đức, dân được an vui no ấm, gặp vua bạo ngược, dân bị lâm vào cảnh lầm than đói rách.

Đúng ra, đời sống của dân, vận mệnh của nước không phải do ý riêng của một cá nhân, hay một đảng phái nào, mà phải do toàn dân quyết định. Như vậy, nhất định phải có một thể chế xây dựng trên một hiến pháp dân chủ pháp trị, bắt buộc các nhà cầm quyền do dân bầu lên, phải theo đúng, để quản lý điều hành quốc sự nhằm thực hiện cho được dân sinh, dân quyền và dân chủ.

Chú Thích :

- (1). Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, quyển hạ, Tân Việt, Sài Gòn, năm 2, tr. 412-413.
- (2). Mạnh Tử, Lương Huệ Vương hạ, tiết 4.
- (3). Hoàng Hữu Yên, *Tuyển tập truyện Việt Nam thế kỷ X-XIX*, Hà Nội, 1987, Thầy thuốc cải lỗi vua, trang 37-38.
- (4). Hoàng Hữu Yên, *Tuyển tập truyện Việt Nam thế kỷ X-XIX*, sđd, Chu Văn An can vua, trang 36.
- (5). *Luận Ngữ*, Nhan Uyên, tiết 11.
- (6). *Mạnh Tử*, Tận Tâm hạ, tiết 14.
- (7). *Mạnh Tử*, Ly Lâu hạ, tiết 3.
- (8). *Mạnh Tử*, Lương Huệ Vương hạ, tiết 8.
- (9). Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, Khai Trí, Hà Nội, năm 1973, trang 156-161.
- (10). Đại Việt Toàn Thư, tập III, quyển XIX, kỷ nhà Lê, trang [24b],
- (11) *Lê Triều chiếu lệnh Thiện Chính*, quyển thứ Nhất (1619 - 1705), Nguyễn Sĩ Giác phiên âm và dịch nghĩa, Vũ Văn Mẫu đề tựa, nxb Bình Minh, Saigon, 1961, trang 141.
- (12). Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện cổ nước Nam*, tập 2, Đại Nam, Glendale, Hoa Kỳ, năm ?, *Công và làng chim*, trang 71-73.
- (12). Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện cổ nước Nam*, tập 2, sđd, Lý trưởng Khuống, trang 114-116.
- (13). Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, sđd, trang 176-177 ●

● Nguyễn Văn Cường



*Đường vô thị xã Cam Ranh,
Có đồng lúa đẹp chạy quanh chân đồi.
Hoa vườn cây trái xanh tươi,
Tiếng chuông tình thức buong khơi sớm chiều.*

Đi xe lửa hay xe hơi xuyên Việt mấy ai không dừng lại Đồn Điền Dừa Hiệp Mỹ ở đầu đường từ Nam ra và cuối từ Bắc vào của thị xã Cam Ranh. Dừa loang loáng xanh từ đồi núi Trường Sơn Tây qua bờ Nam của vịnh Cam Ranh, chạy dài ven bờ vịnh đến gần đây Trường Sơn Đông. Dừa bạt ngàn với chiều dài gần bốn cây số, đã trở thành nơi đón mừng du khách bốn phương.

Dọc hai bên đường quốc lộ 1, nằm trong phạm vi rừng dừa có những quán ăn, quán nước. Đặc biệt ở đây có quán cơm Thanh Linh nổi tiếng ngon và rẻ. Vật liệu cất quán cũng làm toàn thân cây dừa: Thân của xẻ lấy gỗ làm cột, kèo, rui, mè, đòn tay... tàu gài vách, lá lợp mái, xỏ bện làm dây, mo nang xé làm lạt buộc...

Như thiên nhiên đã dành sẵn, những cô gái bán nước dừa da trắng nõn nà như cơm dừa cây tấm, nụ cười mời đón khách ngọt ngào như nước dừa xiêm, dừa lửa... mái tóc các nàng đều "xõa đuôi dừa" cũng là một đặc điểm thân quen khó ai làm lẫn. Bởi những cái đón số, mộc mạc đó, đã làm lòng khách mát dạ, băng khuâng. Nếu có một lần ghé lại. Có chàng dừng chân uống nước dừa ở vào lứa tuổi mười tám, đôi mươi, mà mãi đến tuổi thọ sáu mươi vẫn còn trở lại thăm... "dừa".

Nếu đi sâu vào nội dung của rừng dừa, du khách sẽ được thiên nhiên chào đón, trang trải. Đây con sông có tên "Sông Cạn" nước đầy vào mùa mưa, từ tháng chín đến tháng 12 và cạn queo vào mùa

nắng, từ tháng sáu đến tháng chín. Sông Cạn bởi huyền thoại: Thuở xưa có người khổng lồ gánh đá lấp biển Đông, chợt nghe tiếng Đàn Đá Khánh Sơn (Khánh Sơn là tên của một Bàn Thượng ở vùng núi cao về hướng Tây Nam, cách biển hơn 10 cây số, đường chim bay) làm đứt quang gánh bỏ lại hai đầu thúng, trở thành hai hòn đảo Bình Ba và Bình Hưng bây giờ! Sau khi vứt quang gánh, Người Khổng Lồ theo hướng phát ra tiếng đàn củ lấp đất đá từ cửa hòng biển cho đến cuối đầu dòng sông nên sông cạn dần. Không biết huyền thoại được truyền từ lúc nào mà đến nay người địa phương đã gọi chết tên con sông là "Sông Cạn". Cây cầu bắc ngang qua sông này cũng được mang tên là Cầu Sông Cạn; có một Bàn Thượng thuộc bộ lạc Rắc-Lây ở dọc hai bên bờ sông mạn ngược về hướng Tây Nam (tính từ rừng dừa cũng được mang tên là Buôn Sông Cạn).

Cuối rừng dừa giáp Đông có bờ biển cát trắng được tận dừa soi bóng nước, tháng ngày gió mát, sóng vỗ bờ níu chụp bóng râm như công dã tràng, để cho con người lười luyến cái thiên nhiên mỗi lần ghé thăm hoặc ngắm cảnh.

Trở lại bờ Tây Nam cũng nằm trong phạm vi rừng dừa giáp với rừng núi trùng điệp. Mỗi buổi chiều vào khoảng từ 16 giờ, khách có thể ngắm những đàn Sơn Dướng, Man, Cheo, gà rừng... xuống gặm cỏ bình thản như không biết điều dữ có thể xảy đến! Bên cạnh, một ngọn đồi hình chóp nón còn để lại di tích của một ngôi chùa cổ. Đó là ngôi chùa Thanh Sơn, có một thời cộp trắng "đến xuất gia tu học". Quanh quán trong lòng rừng dừa còn có những trái rừng như: nhân lồng, nhân dê, cam đường... và nhiều loài hoa dại chia nhau bốn mùa đơm bông kết trái.

*Ai về Hiệp Mỹ nhiều dừa,
Bẹ nào tốt bẹ, chọn vữa gá duyên.*

Những lúc nhàn hạ cũng có thể đi thăm một vài thắng cảnh gặp vào dịp tháng năm hoặc tháng sáu thì tha hồ thưởng thức xoài huồm chấm mắm đường cát pha đặc trộn ớt bột khô, hay uống nước mía tinh ngọt thanh vào dịp thu hoạch mía làm đường. Nếu vào mùa gặt lúa thì vui nhộn hơn, nơi này gặt lúa, nơi kia gom bó; xe bò, xe máy cây rơm rã chở lúa về sân; kè này đập lúa, kè nọ ra rơm; người này giê lúa, người nọ phơi thóc... quang cảnh thật nhộn nhịp. Đến giờ nghỉ trưa mọi người từng nhóm ngồi ăn uống tại chỗ, đặc biệt thưởng thức món xôi nếp quạ thơm phưng phức, xôi nếp mời ăn với đậu phụng nhàu đường cát mật thì khỏi chê. Chắc chắn khách cũng được chủ mời tham dự bữa ăn trưa này, tỏ ra tinh thần đoàn kết, cùng chung vui đúng với ý nghĩa ngày mùa.

*Về Mỹ Thanh bóng dừa ôm lưng mẹ,
Vườn xoài xanh, đường mía ngọt quê ta.*

Qua ngòi Vô Tá, giữa ranh giới của thôn Mỹ Thanh, có hai thôn Nước Ngọt và Cà Tiên. Tại đây khách sẽ được thưởng ngoạn Đầm Nước Ngọt, xung quanh đầm là ghềnh đá có núi rừng vây phủ, nước trong xanh, cây cổ thụ rễ đan chằng chịt là cảnh xum xuê, nhiều loài hoa đủ màu sắc hương tỏa bốn mùa, tiếng chim kêu và vượn hú tạo thành một khung cảnh huyền bí, không khác cảnh bồng lai ở cõi người. Ở đây du khách tắm được hai dòng nước. Bờ bên ngoài hòng cửa là nước mặn, bờ vào bên trong ghềnh hồ là nước ngọt. Nếu có người đứng ở tận đá bàn trên đồi suốt như đội mây, trông xuống cảnh vật xung quanh và nhìn đến du khách thì họ cứ ngỡ đó là các vị tiên giáng trần. Đặc biệt là tại bãi Cà Tiên vào mùa tháng tám có nhiều ổ trứng Đú (còn gọi là dít), loài Đú ở dưới biển đội gió nổi lên bãi cát dề, trứng Đú luộc bóc vỏ ruột chấm muối tiêu chanh ăn rất ngon và mát dạ, ngoài ra còn có món cua sen nướng, thịt rất thơm và gạch son đặc, hay cháo cá mú rạn, những món này ăn vào thì "không còn ông bà nào chịu nổi!".

*Ở ngòi Nước Ngọt Cà Tiên,
Bóng cây râm mát, hang xuyên mặt ghềnh.*

*Mây trời biển nước mông mênh,
Mải vui tiên cảnh, chiều quên lối về!*

Đi đường đất hay dùng thuyền buồm hoặc ghe máy trở lại rừng dừa Hiệp Mỹ. Bắt đường lộ tiến ra phía Bắc Cam Ranh, qua khỏi khu Xóm Mới. Du khách sẽ thấy cánh đồng muối trắng dọc theo bờ biển chạy dài ra đến chân hòn Qui (hình thể của núi giống như con rùa). Cánh đồng muối này nằm trong địa phận của thôn Hòa Diêm (Hòa = chung; Diêm = muối), tên xưa còn gọi là trại Cá. Và nơi đây đã sinh ra hai anh em cầu thủ đá banh Cù Hòe, Cù Sinh. Ở mé biển bên cạnh đầu núi Hòn Qui, ông Trần Tường, một thân hào nhân sĩ có tiếng tăm ở địa phương, dựng một trại mái lợp tên "Ngọc Sương", trại cất trên mặt ngòi, biển lớn rộng theo từng con nước nhỏ, lớn ra vào mang theo cá tôm bơi lội rất đẹp. Lối kiến trúc trại rất hoa mỹ, vật liệu dùng cây rừng và gỗ xẻ. Ngoài những phòng ăn, phòng nghỉ ngơi, có cầu Vòng Thủy Nguyệt cho du khách ngoạn cảnh, ngắm cảnh trời mây nước, núi cao rừng xanh. Phía phải trước mặt trại, mắt nhìn xa sẽ thấy bờ biển Cà Tiên như cánh chim phụng hoàng bốn mùa vẫy sóng biển và phía trái sẽ thấy động cát của bán đảo Cam Ranh, nơi có Ao Hồ rất lớn. Trại mát cất dưới bóng cây đuốc và cây bần nên lúc nào cũng có màu xanh của gió. Đặc biệt thức ăn nổi tiếng ngon nhất là gỏi cá măng và các loại thịt rừng. Do vậy lúc nào cũng đông đảo khách du lịch lui tới.

Ngọc Sương ngon gỏi cá măng,

Đẹp Vồng Thủy Nguyệt, sáng trăng Tiên Hồ.

Trại mát cảnh trí nên thơ,

Là nơi hò hẹn, mộng mở tuyệt vời.

Vào thị trấn Ba Ngòi, ngang qua ba cái cầu, qua khỏi cầu một vài mười thước, du khách nhìn bên trái thấy một ngôi mộ có xây thành, trên thân mộ có cây Bồ Đề xanh tươi, rễ tủa thành chân ôm trọn lòng mộ. Đó là mộ của Ngài Thượng Tướng Tống Quý Hầu, một dũng tướng dưới thời Nguyễn, tử trận cùng với con ngựa, đầu và ngựa bay từ Nam ra rồi rớt tại đây. Lũ chồn bò trông thấy, lấy nón gụ úp chiếc thủ cấp lại rồi giục nhau về báo với chính quyền. Hưởng chức trong làng Trà Long và Khánh Cam đã hợp nhau đến nơi xem xét tận mắt, rồi làng trình lên quan trên. Đang thời chinh chiến giữa Đảng Trong và Đảng Ngoài nên quan sờ tại đã cùng với hưởng chức và dân làng làm lễ truy điệu rồi an táng chiếc đầu của Ngài, con ngựa cũng được chôn cất và xây mộ giống như con ngựa đang nằm, đầu và ngựa chôn đúng nơi rớt xuống. Đến tháng 11 năm 1802, Gia Long nguyên niên đã sắc phong cho Người và ngựa, đồng thời truyền giao cho hưởng chức làng Trà Long được phụng thờ tại đình làng. Kể từ ngày dân làng Trà Long thờ phụng, làng trở nên phát đạt, an lành, dân chúng tăng trưởng mỗi ngày một đông. Ngày nay đã trở thành một thị trấn lớn (thị trấn Ba Ngòi).

Mộ Tống Quý Hầu

Cầu ba Cam Ranh

Nước xanh ra biển

Có mộ Tống Quý Hầu Thượng Tướng Nguyễn triều

Anh hùng dũng cảm gan liều,

Đầu rơi theo ngựa một chiều giao quân.

Dân Khánh Cam cùng Trà Long,

Với hưởng chức lễ tế, mộ phần khói hương.

Ngựa Ngài cũng được dân thương,

Xây thành "mã mộ" bên đường ghi công.

Qua bao triều đại sắc phong,

Thượng Tướng và ngựa được đình Trà Long phụng thờ.

Trái bao dâu bể, bia mờ,

Rễ bồ đề bao phủ đền thờ rêu phong.

Có đêm trăng sáng trời trong,

Vắng nghe tiếng nhạc ngựa xa trong bụi mờ.

Tiếng hiệu lệnh dưới rừng cờ,

Tướng xưa xung trận, bấy giờ hiển linh.

Nhiều người nhìn rõ thất kính,

Thường xuyên nhang khói, cung nghinh mộ phần.

Vinh danh Thượng Tướng Tiên Nhân,

Ta thân con cháu ghi ân đời đời.

Hiện nay đình Trà Long còn lưu lại tiểu sử Ngài. Năm 1969, ông Nguyễn Thành Tiên, Tỉnh đoàn trưởng Phát triển Nông thôn Cam Ranh đã sưu tập và đăng trên tập san Tự Lực -- Tài liệu rất quý giá.

Rồi mộ Thượng Tướng Tống Quý Hầu, du khách vào lòng thị xã Cam Ranh, sau

khi thăm cứ xá Đoàn Kết (do Nam Triều Tiên xây dựng từ năm 1967 và hoàn thành năm 1969), Chùa Từ Vân, nhà thờ Á Thánh Thường, chợ Đá Bạc... Du khách xuống cầu tàu đón đò máy qua thăm hai làng đảo Bình Ba và Bình Hưng. Bình Ba là làng biển nơi gom nhiều hải sản nổi tiếng của thị xã Cam Ranh. Các loại cá ngừ, cá thu, mực, tôm... một nguồn lợi nuôi sống và làm giàu đẹp bộ mặt của hải đảo. Sau lưng làng là bãi sau có rừng cam đường loang từ động cát trắng xuyên xuống lán biển thật tuyệt. Nhưng đặc điểm duyên dáng nhất của đảo khơi này là hai dãy núi như cánh chim mà thân làng cũng là thân chim bốn mùa xanh giữa biển xanh. Trời êm nghe tiếng chuông chùa rơi theo tiếng hải âu và tiếng đò hò kéo lưới của ngư dân ngưt xa. Thôn Bình Hưng cũng không kém gì Bình Ba, bởi vì cũng một đầu quang gánh của Người Khổng Lồ để lại. Do vậy hai làng đảo này đều xinh đẹp cả.

Khổng Lồ quyết lấp biển đông,

Bỗng nghe đàn đá trong lòng ní non.

Mái tim dấu vết lên non,

Quãng đời quang gánh thành hòn Ba, Hưng.

(Ba, Hưng: Bình Ba và Bình Hưng)

Ngược biển cũng dùng đò máy chạy dọc bờ gành ven chân núi hướng Bắc sẽ đến vịnh Cam Ranh. Đây là vùng vịnh được xếp vào hàng thủ nhĩ trên thế giới về chiến lược. Cũng là một địa thế trọng yếu của phường Cam Ranh. Có các căn cứ Hải quân Mỹ và Việt Nam, doanh trại của Bộ Chỉ Huy 5 Tiếp Vận... Thời Việt Cộng cưỡng chiếm miền Nam có bộ đội Liên Xô đóng tại vịnh này. Bên cạnh cái ồn ào náo nhiệt của phường Cam Ranh, lại có ba cái ao thiên nhiên rất lớn được gọi là Ba Hồ nằm ở giữa động cát trắng, xung quanh hồ có cây cao chảnh gió nên lúc nào cũng luôn mát mẻ. Nơi này xưa kia có quân đội Mỹ trú đóng, ở đây lấy nước ngọt cung cấp cho toàn khu vực bán đảo Cam Ranh. Cũng là nơi hò hẹn của các chàng quân nhân với các cô à làng.

Ba Hồ nước ngọt mát xanh,

Có động cát trắng bao quanh giữa trời.

Một lần du khách đến chơi,

Trăm năm nhõ mái ao trời thiên nhiên.

Cùng xuôi theo bờ Bắc vịnh Cam Ranh, du khách theo lườn cát trắng đến làng Thủy Triều. Thủy Triều nằm dựa lưng vào động mồ cát Catroca (nơi xuất cảng cát trắng thủy tinh), mặt làng nhìn ra con ngòi lớn, nước từ vịnh Cam Ranh chảy qua cầu Long Hồ đổ vào, chảy đến tận chân núi Hòn Hèo. Thủy triều quanh năm núp dưới bóng dừa trông như bãi tắm của quần đảo Hạ Uy Di.

Đò ngang làng cát Thủy Triều,

Dừa xanh soi bóng, gió hiu hiu tình.

Có mộ cát trắng thủy tinh,

Kỹ nghệ xuất cảng nước mình rạng danh.

Xuống đò, qua bờ Tây Thủy Triều có con đường liên thôn dẫn đến quốc lộ 1. Ở vùng này, có các thôn Văn Tú, Cửu Lợi, Lập Định. Vùng nông nghiệp có cánh đồng lúa chạy quanh đầm ven chân núi Đổng đến chân núi Tây, chính giữa điểm Cầu Bà Triền là vành cung. Toàn vùng phải nói đến thôn Lập Định là vựa lúa của Bắc Cam Ranh. Một làng quê chân chất có vườn cây trĩu quả tốt tươi. Ngược lại ở thôn Cửu Lợi và Văn Tú tuy cũng là làng bên kề cận nhưng có nét mới, dân cư đông đúc, nhà cửa san sát. Đặc biệt nằm trên trục lộ số 1 có những ngôi thánh đường, những mái chùa và chợ liên phường, nhiều quán ăn, quán giải khát mọc ở những tụ điểm đông dân cư.

Đường vô thị xã Cam Ranh,

Có đồng lúa đẹp chạy quanh chân đồi.

Hoa vườn cây trái xanh tươi,

Tiếng chuông tình thức buông khỏi sớm chiều.

Nhưng trung tâm công nghiệp giàu đẹp của Cam Ranh phải nói đến vùng Cam Sơn và Cam Phú, nơi có ruộng đất phì nhiêu. Chợ Đồng Lác kè buôn người bán tấp nập, náo nhiệt. Ở đây đa số đồng bào Nùng đến lập nghiệp từ năm 1956. Và vùng đất lửa Vĩnh Cẩm, Cam Đức sẽ là bộ mặt trù phú, màu mỡ nhất nếu Việt Cộng không cưỡng chiếm miền Nam.

Thị xã Cam Ranh rất nhỏ, dân số khoảng 30.000 người, hầu hết là dân góp tử các địa phương khác đến lập nghiệp, được phân bố thành 13 phường và 2 quận (quận Nam và quận Bắc), trên chiều dài khoảng 39km và chiều rộng trung bình 5km. Thị xã Cam Ranh trực thuộc trung ương, được thành lập từ 6/1965 bởi toàn bộ quận Cam Lâm của tỉnh Khánh Hòa và hai xã phía Nam, Cam Lục và Cam Thọ thuộc quận Du Long, tỉnh Ninh Thuận, vị Thị Trưởng đầu tiên là Trung Tá Phan Trọng Thiện và người sau cùng là Đại Tá Trần Công Liễu.

Cam Ranh tuy là một vùng có nhiều nét đẹp, nhưng ít người được biết rõ ràng chiều sâu của nó. Bởi vì thị xã này là trọng điểm về quân sự nên vấn đề đi lại bị giới hạn. Về thơ văn cũng ít ai ca ngợi, có chăng chỉ có vài câu thơ của cố học giả Quách Tấn viết chung trong tập **"Non Nước Miền Trung"**:

"Yến sào hòn Nội,

Vịt lội Ninh Hòa,

Cam Đường Bình Ba,

Dừa ta Hiệp Mỹ..."

Nhưng viết về quân sự và hải cảng chiến lược thì đa số rất nhiều. Nhất là thời Liên Xô chiếm đóng.

Tuy nét đẹp của Cam Ranh còn khiêm tốn, kín đáo không phô sắc. Nhưng cái gì đã phổ cập để chúng ta hình dung trong tình cảm thân thương thì lại khó quên và nét đẹp ở phía sau của chiều sâu vẫn còn trần trở trong niềm mơ ước chung của mọi người ●

Con rắn đen

(Phóng tác từ truyện *There Are No Snakes in Ireland* của Frederick Forsyth)

Gã trạc 50 tuổi, có khuôn mặt và thân hình tiêu biểu cho những người làm của nhiều tiền thường làm chủ, quen ăn nhiều và ít vận động: khuôn mặt gã nung núc những thịt và tròn quay tựa tấm thớt. Đầu gã sồi do cái trán của gã được tự do bành trướng lên tới tận giữa đầu. Cái nọng thịt bên dưới cổ quá lớn khiến thoát nhìn, người ta tưởng gã không có cằm. Bụng gã phệ và lỏn tựa cái trống chầu làm cho người gã coi bệ vệ nhưng đi đứng và xoay trở rất khó khăn. Thiên hạ thường kháo với nhau rằng nếu gã lỡ có làm rớt tờ 100 đô xuống đất thì chắc gã đành phải chịu mất chỗ không thể nào cúi xuống nhặt được! Đối nghịch với những tiêu biểu giàu sang ấy là một thanh niên da đen, trạc 25 tuổi, người ốm roi, có thể thiếu mỡ và thiếu đủ thứ trên đời vì thiếu tiền. Anh ta đang ngồi trước mặt ông chủ để xin việc làm. Gã chủ vào đề:

- Anh tên là Ram Lai?
- Dạ phải.
- Anh đã đọc kỹ những lời rao trên báo rồi chứ?
- Dạ tôi đã đọc.
- Công việc của anh là lao động chân tay, khuôn vác nặng, làm nơi có nhiều tiếng ồn, nước nổi ẩm ướt...
- Dạ, tôi biết.
- Làm hãng này không có benefit nhé. Muốn có bảo hiểm lao động anh phải tự mua...
- Người thanh niên ngồi lặng thinh. Gã chủ từ tốn nói tiếp:
- Cũng không có vacation nhé. Làm việc quanh năm! Đôi khi anh phải làm một ngày 15, 16 tiếng đồng hồ!
- Dạ ...

- Đó là những lúc chúng tôi cần giao hàng gấp, còn trung bình thì một ngày anh làm 9 tiếng ...

Người thanh niên vẫn nhẩn nhục im lặng. Gã chủ tiếp tục đưa ra những điều kiện khác nghiệt đối với một con người đang cần tiền:

- Nếu làm overtime anh sẽ không được trả gấp rưỡi. Chúng tôi chỉ trả anh bằng tiền mặt vừa đúng với mức lương khởi điểm của anh là bảy đồng một giờ!

Gã ngừng một chút, nhìn Ram Lai để dò xét, rồi hỏi tiếp:

- Sao, anh có đồng ý không?

Ram Lai trả lời yếu ớt:

- Dạ, đồng ý.

Gã lại hỏi:

- Có thắc mắc gì không?

Ram Lai hơi rụt rè:

- Dạ, làm bao lâu thì được lên lương?

Câu trả lời nghe thật đáng giật mình:

- Hai năm được lên 25 cents!

Nói xong gã chủ vội khóa laptop sang chuyện khác:

- Tên tôi là McQueen. , anh là sinh viên y khoa hả?

- Dạ phải.

- Anh làm job mùa hè?

- Dạ.

Gã chủ kết luận một cách vui vẻ:

- Vậy thì cần gì lên lương, làm tạm thời thôi mà!

Cảm thấy cuộc "interview" đã đủ, gã chủ tự kết thúc:

- Ngày mai anh bắt đầu làm nhé, từ bảy giờ sáng đến năm giờ chiều. , tôi dặn thêm điều này: anh phải mua kính bảo hộ mắt vì anh làm nơi máy xay thịt và xưởng đông lạnh. Nếu không mua kính bị miếng văng đui mắt thì ráng chịu! OK, thôi ngày mai mình gặp!

*

Gã McQueen làm chủ một hãng chuyên sản xuất món xúc xích cổ truyền của người Ý. Nghe nói đây là nghề cha truyền con nối, mặc dầu gã là di dân từ xứ Hungary. Hãng của gã được tổ chức theo lối quản trị kinh tế gia đình, có nghĩa là vợ chồng gã làm chủ hãng kiêm luôn làm cai và kiêm luôn làm thợ khi cần. Ba đứa con gái thì một đứa làm thư ký kiêm kế toán, hai đứa làm tổ trưởng, cùng lao động với công nhân, "đi sâu đi sát quần chúng", giúp bố mẹ tận dụng, bòn rút tới giọt mồ hôi cuối cùng của người lao động. Hãng của gã có khoảng 50 công nhân, đa số thuộc sắc dân da đen và Á Châu, một số ít thuộc các sắc dân ở Trung Mỹ và Nam Mỹ. Công nhân da trắng chỉ có hai mục đàn bà phụ

trách công việc rất nhàn hạ là dán nhãn vào các bọc nylon và các thùng giấy. Những công việc còn lại, đa số đều nặng và cực nhọc, được phân phối đều trên lưng những người da đen và da vàng, và được trả với đồng lương rẻ mạt, chết đói. Tuy vậy, họ vẫn phải cắn răng mà cày để sống qua ngày và để hy vọng vào một ngày mai tươi sáng hơn. Thiên đàng cộng sản của Karl Marx đã sụp đổ rồi nhưng vẫn còn thiên đàng của thượng đế để bám víu. Đa số họ là những người lớn tuổi, không có trình độ học vấn lẫn nghề chuyên môn và lại là phụ nữ, cho nên đã bị thị trường lao động gạt một cách tinh vi để cuối cùng phải rớt xuống đáy xã hội, chui vào hãng của gã chủ nhân gốc Hungary để bán sức lao động. Riêng đối với McQueen thì gã có chủ trương phân biệt chủng tộc một cách rất rõ rệt. Tất nhiên gã phải thực hiện điều này một cách kín đáo để che mắt chính quyền. Đó là gã chỉ thích muốn những công nhân da đen và da vàng để chửi bới cho sướng miệng, hành hạ cho thỏa thích và nhất là trả đồng lương rẻ mạt mà không có ai dám phản đối! Những thằng tây ưa ý kiến y có và kiện cáo, cho nên gã chỉ muốn có hai mục đàn bà da trắng để làm kiếng, gọi là thể hiện sự công bằng theo luật lao động Ontario!

Hàng ngày gã thường chấp tay sau đít, đi tới đi lui nơi làm việc một cách oai vệ, quát tháo, chửi bới công nhân liên tục để thúc ép họ đổ mồ hôi càng nhiều càng tốt cho xứng đáng với đồng tiền của gã đã bỏ ra. Ngoài ra gã còn có một cái thú là... sờ mó các nữ công nhân mà không có ai dám phản đối! Mục vợ của gã biết điều này nhưng phải làm ngơ vì chính đám công nhân nữ là con bò sữa vắt ra tiền cho mục nhiều nhất, cũng như về lâu về dài. Bọn đàn ông, trừ những ông già đã gần hết xiú quách, đều chỉ làm cho hãng của mục một cách tạm bợ. Một khi kiếm được việc làm nào tốt hơn là họ nghỉ ngay lập tức, không chút luyện tiếc.

Ngày đầu tiên mới vào làm, Ram Lai được giao nhiệm vụ "lao động vinh quang" là khuôn vác những tảng thịt đông lạnh nặng hàng trăm pound từ xe tải xuống, đổ vào máy xay thịt. Công việc chỉ có thể nhưng không phải dễ: chàng phải khuôn vác liên tục mệt muốn đứt hơi vì khối lượng hàng quá nhiều mà công nhân phụ trách lại ít. Gã chủ tiết kiệm tiền nên chỉ muốn có 3 người làm công việc này. Thêm vào đó, đứa con gái của gã chủ thường xuyên dòm ngó, kiểm tra nên chàng phải làm quần quật như con trâu để khỏi bị lọt vào cặp mắt cú vọ của nó. Chiếc máy xay thịt đã cũ mèm, dễ chùng đã vài chục tuổi, nên nó tha hồ rống thật to, phản đối gã chủ vì

sao quá khắc nghiệt, tới giờ này vẫn còn bắt nó cày, không cho nghỉ huu! Vì máy cũ nên nó thường hay trở chúng, ba hồi chạy ba hồi không. Cứ mỗi lần máy ngừng chạy, gã chủ lại đến cúi thề ồm tồm, làm như chính Ram Lai là thủ phạm xúi chiếc máy đình công vậy! Áp lực công việc thật nặng nề, vừa cục về thể xác, vừa căng thẳng về tinh thần, cho nên mỗi lần đến giờ nghỉ giải lao là chàng mừng quýnh, thở phào nhẹ nhõm. Những giây phút giải lao thật ngắn ngủi, chỉ vừa đủ để đi tiểu tiện, ăn vội một miếng bánh và uống một hộp nước, trao đổi vài câu nói vài câu nói gì đó với những người bạn là cũng vừa hết giờ. Do đó, chàng rất quý những phút giải lao, và tận dụng nó tới đa để không bị lãng phí.

Qua vài ngày làm việc, chàng làm quen được với một công nhân gốc Á Châu. Ông này cũng đã lớn tuổi vì chàng thấy mái tóc ông đã bạc hết một nửa, tuy vậy ông cũng hãy còn gân lắm. Ông bốc vác rất dẻo dai, có phần trội hơn Ram Lai rất nhiều. Hai ngày đầu Ram Lai còn theo kịp công việc nhưng sang đến ngày thứ ba thì chàng bị đau nhức toàn thân mình, đau nhức đến mức hầu như không chịu nổi. Chàng bị đuối sức, vác không kịp, thường xuyên bị gã chủ găm ghè, chửi thề. Ông già Á Châu phải gánh bớt việc cho chàng. Đến giờ nghỉ giải lao, ông ta đến đưa cho chàng một ít thuốc dán Salonpas. Bằng vốn tiếng Anh hạn chế và nói "tiếng tay", ông làm cho chàng hiểu được là đem về nhà dán vào các chỗ đau nhức. Chàng rất mừng, cảm ơn ông già rồi rít. Quả nhiên ngày hôm sau cơn đau nhức đã giảm đi khá nhiều. Biết ơn ông già giúp mình, hôm nay nhân lúc nghỉ ăn trưa, Ram Lai chủ động đến làm quen:

- Chào bác. Hôm nay bác khỏe không?

Ông già vui vẻ trả lời:

- Khỏe, còn cậu thế nào?

Ram Lai vỗ tay vào bả vai:

- Thuốc dán của bác hay quá, hôm nay cháu hết đau nhức rồi. Cảm ơn bác nhiều!

- Có gì đâu. Tụi mình phải đoàn kết giúp đỡ nhau!

Ram Lai nhận thấy lời nói của ông già thật chí lý. Chưa bao giờ chàng thấy những người da đen và da vàng lại gần bó với nhau như trong môi trường này. Một người bạn Jamaica cũng đã vỗ vai chàng, tâm sự: "Thân phận tụi mình là da màu, công nhân "đầu đen" mà, buồn lắm!"

Ông già tò mò nhìn chàng:

- Cậu còn trẻ sao không làm hăng nào khác mà phải vào đây?

Ram Lai trả lời:

- Cháu là sinh viên y khoa. Cháu đi làm job mùa hè để kiếm tiền trang trải việc học...

Ông già vỗ lể:

- ra thế. Chỗ thông thường chỉ có những người già hoặc phụ nữ, khó kiếm việc làm mới chấp nhận vào làm hăng này. Họ biết họ bị bóc lột nhưng không còn con đường nào khác! Các thanh niên khỏe mạnh chỉ làm tạm một thời gian thôi...

Ram Lai vừa nói vừa liếc dòm chừng:

- Dạ, cháu hiểu. Hăng này bóc lột sức lao động quá. Lao động nặng nguy hiểm mà trả đồng lương rẻ mạt. Đã vậy làm overtime không được tính gấp rưỡi! Nghe nói thằng cha chủ là di dân từ nước



Hungary mà. Dù muốn dù không hẳn vẫn còn bị ảnh hưởng bởi những thủ đoạn bóc lột con người theo kiểu cộng sản! Đó là chưa kể hẳn có đầu óc kỳ thị chủng tộc...

Một bà công nhân xứ Guyana, Nam Mỹ, nhắc chừng:

- Cần thận đấy nhé. Đứa con gái lão chủ đang "chiếu tướng" cậu đấy!

Ram Lai nhìn về phía văn phòng thì quả nhiên thấy Betsy, con gái gã chủ đang chống nạnh nhìn Ram Lai, về mặt hàm hăm. Bà công nhân da đen nói thật nhanh trước khi linh đi chỗ khác:

- Con nhỏ đó ranh ma lắm. Người nào hơi thoảng có tư tưởng chống đối là nó biết liền. Sớm muộn gì cậu cũng sẽ bị rắc rối với lão chủ!

Ram Lai nhún vai tỏ vẻ bất cần:

- Tôi cóc ngại. Mình đang sống ở xứ văn minh dân chủ chỗ đâu phải là những nô lệ hồi thế kỷ 15, 16! Bất quá hẳn cho tôi nghỉ việc là cùng chỗ gì?

*

Quả nhiên hai ngày sau gã chủ gọi Ram Lai vào văn phòng. Nhờ đã chuẩn bị trước tinh thần để đối phó nên chàng rất bình tĩnh. Gã chủ ngồi bật ngửa trên chiếc ghế

bành, nheo đôi mắt luôn ti hí nhìn Ram Lai như muốn đo lường nhịp tim đập của chàng. Sau khi "bắt mạch" xong, gã nhập đề có vẻ như đe dọa:

- Biết vì sao tao gọi mày lên đây không?

Ram Lai vẫn bình tĩnh và để tỏ ý khiêu khích, chàng đáp cộc lốc: - Không!

Gã chủ gõ nhịp những ngón tay chuối mắt lên mặt bàn:

- Tao dự định bố thí cho mày một việc làm mới!

Ram Lai vẫn giữ thái độ thách đố:

- Việc gì?

Tuy nhiên, khác với dự đoán của Ram Lai, gã chủ bỗng nhiên chồm người lên phía trước, đổi giọng thân mật:

- Nay, mày biết hăng Italian Sausage ở đường St Clair chớ?

-

Gã nhìn thẳng vào mặt Ram Lai, giọng nói đượm vẻ quan trọng:

- Hăng này ở ngay khu phố mà người ta thường gọi là Little Italian Town đó. Hăng này do con mẹ Dominique làm chủ, cũng chuyên sản xuất xúc xích Ý Đại Lợi cổ truyền như hăng mình...

Ram Lai vẫn làm thinh vì chưa biết đối phương muốn dò trò gì. Thấy Ram Lai có vẻ hơi hoang mang, gã chủ quyết định nói thẳng ý định của mình:

- Tao muốn mày vào hăng đó làm việc!

-

Ram Lai nhủ thầm: "Hừm, tên này kiếm chuyện muốn đuổi mình rồi đây!" Tuy vậy chàng vẫn giữ thái độ bình tĩnh và yên lặng trong chốc lát. Sau đó chàng vỗ hỏi:

- Tại sao ông muốn tôi vào đó làm việc, trong khi tôi đang làm việc cho ông?

Gã chủ nói bằng giọng thuyết phục:

- Nghe kỹ đây Ram Lai. Công việc tao sắp giao cho mày là một công tác đặc biệt. Nếu mày làm được thì tao sẽ thưởng và lên lương cho mày. Tao biết trong hăng này chỉ có mày mới làm được thôi, vì mày là sinh viên có trình độ văn hóa!

Ram Lai nói:

- Tôi chưa rõ ý ông muốn gì. Xin ông nói cho rõ ràng.

Gã chủ chồm người tới phía trước hạ thấp giọng:

- Tao muốn mày vào đó để làm... điệp viên cho tao! Nhiệm vụ của mày cũng vinh quang không thua gì những đặc vụ của James Bond 007! Đại khái mày theo dõi xem có bao nhiêu chuyến xe đến lấy hàng trong một ngày. Đơn giản vậy thôi, chỉ cần lưu ý nhỏ một vài con số là xong! Làm được chớ?

Ram Lai nghĩ thầm: ", thì ra vì lý do cạnh tranh, mày muốn lợi dụng tao để dùng những thủ đoạn bẩn để triệt phá đối thủ thương mại. Mày là thằng ác độc và hèn

quá! Được rồi, để coi xem mày muốn dò những trò gì!" Nghĩ vậy nên Ram Lai làm ra vẻ ứng thuận, tò mò hỏi tiếp:

- Nhưng làm sao tôi xin vào đó để làm việc? Phải phải để xin việc?

Gã chủ nói liền những âm mưu đã chuẩn bị sẵn:

- Mày rất dễ xin việc. Mày nói mày là sinh viên kiếm job mùa hè, trả lương bao nhiêu cũng được. Con mụ Dominique ham tiền nó sẽ muốn mày với giá rẻ mạt! Hoặc muốn chắc ăn hơn mày nói là xin vào làm việc thiện nguyện, không lãnh lương!

Ram Lai thắc mắc:

- Làm việc thiện nguyện rồi lấy gì tôi sống?

Gã chủ nhân hân hoan giải thích:

- Tao đã chuẩn bị hết rồi. Mày cứ vào làm ở đó không cần lãnh lương, tao sẽ trả lương cho mày y như mày đang làm việc ở đây vậy! Nếu ở đó mày cũng được lãnh lương thì coi như mày được lời to là lãnh lương hai đầu! Tuy nhiên để cho chắc ăn mày nên xin vào làm việc thiện nguyện, lấy cổ là sinh viên đang nghiên cứu về cách quản lý xí nghiệp, cần làm việc thiện nguyện để lấy kinh nghiệm và có tư liệu để làm luận án tốt nghiệp!

- Nhưng tôi là sinh viên y khoa mà ...

- Mày cứ nói mày là sinh viên đại học kinh tế. Tao sẽ in cho mày một cái giấy chứng nhận giả. Phòng hồ vậy thôi, chỗ con mẹ đó thì tao biết rõ. Nó tham lam và keo kiệt lắm. Tự nhiên có người vác xác tôi, tình nguyện làm việc không công là nó mừng hú rồi, hơi sức nào đòi coi giấy tờ! Cố gắng lên, nếu điệp vụ này thành công tao sẽ thưởng cho mày một số tiền, đủ để mày theo học y khoa cho đến khi tốt nghiệp! OK?

Ram Lai ra vẻ như đồng ý:

- Nghĩa là nhiệm vụ của tôi chỉ là theo dõi các xe đến nhận hàng thôi phải không?

Gã chủ tiếp tục vắn bài đang đánh:

- Đúng ra đó mới chỉ là nhiệm vụ cơ bản thôi. Còn một số nhiệm vụ quan trọng khác mà tao chưa thể nói ra. Chỉ khi nào mày nhận lời dứt khoát thì tao mới cho biết...

- Nếu tôi đồng ý thì ông trả tiền tôi như thế nào?

- Mày vẫn cứ lãnh lương bằng cheque như thường lệ, còn tiền thưởng thì tao sẽ trả bằng tiền mặt... OK? Good deal à nghe! Đồng ý thì mày cam kết với tao ngay bây giờ, ngày mai là tiến hành liền. Coi bộ mày còn ngon lành hơn cả điệp viên 007 nữa!

Ram Lai dùng kế hoãn binh:

- Ông cho tôi biết thời gian để suy nghĩ. Đây là chuyện quan trọng, tôi không thể trả lời ông liền được.

Gã chủ cố nài ép:

- Suy nghĩ con mẹ gì. Chuyện này rất có lợi cho mày. Đây là dịp may hiếm có để kiếm tiền. Hơn nữa tao đâu có bắt mày phải ám sát con mụ chủ ấy đâu!

Ram Lai nói:

- Nhưng dù sao tôi cũng cần phải suy nghĩ. Bây giờ tôi chưa thể trả lời liền được...

Gã chủ đành đầu dụ:

- Thôi được tao cho mày suy nghĩ một đêm, ngày mai mày trả lời tao. Nói xong gã không quên đe dọa:

- Nhỏ một điều quan trọng là tuyệt đối không được hé răng cho ai biết nhé. Nếu mày phản bội thì tao sẽ xử theo luật giang hồ đấy!

*

Đêm đó về nhà Ram Lai hồi tưởng lại những gì gã chủ đã nói với chàng. Thì ra gã định lợi dụng chàng vào những âm mưu mờ ám. Chàng hỏi thăm bạn bè thì được biết là có một hãng ở Ý cũng chuyên sản xuất loại xúc xích Ý Đại Lợi, và sản phẩm của hãng này đang được giới tiêu thụ ưa chuộng, dần dần chiếm lĩnh thị trường nhiều hơn, có thể sẽ đánh bại hãng của gã Mc Queen trong tương lai. Chàng nhủ thầm: "Có thể hẳn sẽ thuê mình lên bỏ một loại hóa chất độc hại nào đó vào thức ăn để làm hại uy tín hãng của bà Dominique. Những thủ đoạn bẩn này các giới thương mại thường áp dụng để triệt phá lẫn nhau. Nếu mình nhận lời, sau khi thi hành xong, chắc hẳn sẽ thuê người thủ tiêu mình để giữ bí mật! Hoặc biết đâu mình làm việc bị bại lộ thì cũng không thể sống được với mụ Dominique! Đây là một việc làm rất nguy hiểm, mình không thể đại dột tụi đút đầu vào dây thòng lọng được!"

Sau khi suy nghĩ chín chắn, chàng quý trước bàn thờ vị thần linh, cúi đầu thành kính khẩn vái, cầu xin thần linh ban cho chàng trí khôn ngoan và sức mạnh tinh thần để đối phó với những mưu mô ác độc của loài quỷ dữ. Pho tượng thần linh trên bàn thờ bỗng như tỏa sáng hào quang, truyền vào người chàng một luồng nghị lực, khiến chàng cảm thấy rất tự tin và thấy khỏe như mới uống một thang thuốc bổ. Cầu nguyện xong, chàng yên tâm đi ngủ để chuẩn bị ngày mai đi làm, đối phó với tên chủ tham lam độc ác.

(Còn tiếp)

Ta vẫn còn

(Nhân được tin quý Thầy và quý Từ nhân Lương Tâm "được" trả tự do)

*Bằng tội danh - tự nghĩ
Bằng chứng cứ - tự bày
Bằng tòa án - tự dựng
Bằng bạo lực đầy tay
Chúng bắt Thầy đem đây!*

*Đâu nhìn cũng hoa đóm
Đâu thấy cũng nguy cơ
Đâu cũng toàn thù nghịch
Đâu cũng hiểm nguy chờ
Nhốt hết cho đỡ lo!*

*Nay mua lòng để quốc
Nay ve vuốt cụ thù
Nay phải che móng vuốt
Nay trá hình chim cu
Chúng đẩy Thầy ra tù!*

*Cần phần son trát lại
Cần làm dáng nhu mì
Cần tiếp hơi đồng bọn
Cần vượt qua cơn nguy
Thả chút tù sá gì!*

*Bao nhiêu tù đã thả
Bao nhiêu triệu vẫn còn
Trong gông cùm chủ nghĩa
Trong kềm kẹp búa liềm
Không ai nhắm mắt quên!*

*Nào phải là ân huệ
Nào có nhân đạo chi
Chúng chỉ trả nhỏ giọt
Những gì chúng cướp đi
Giả dạng kẻ từ bi!*

*

*Khi nhân quyền - ngoảnh mặt
Khi nhân bản - lác đầu
Khi đa nguyên cấm kỵ
Khi độc đảng trước sau
Ta vẫn còn tranh đấu!!*

● Minh Trang

Chuyện nhà

■ HỒNG NHIÊN

Ông Thành vẫn với giọng nói trầm trầm cố hữu:
- Thôi đi bà! Cái giường của mình tuy cũ nhưng nó có hư hỏng gì đâu, mình tiết kiệm một chút cho con cháu về sau nó nhỏ, hơn nữa nó cũng đã mười mấy năm trời hiện hữu trong đời sống của tôi với bà. Bây giờ mua cái mới bỏ nó đi thật tình tôi không nỡ... không đành...

Bà Thành một mực cương quyết:

- Ông à! Còn không bao lâu thì đến ngày kỷ niệm đám cưới ba mươi lăm năm của vợ chồng mình. Hôm qua ông hỏi tôi thích cái gì ông sẽ mua tặng, dù có khó khăn hay mắc cỡ bao nhiêu ông cũng không tiếc; nhưng tôi nói "tôi có đầy đủ hết, cái gì tôi cần thì các con có tặng rồi, bây giờ tôi chỉ muốn có một cái giường mới cho tiện nghi hơn..."

Trông gương mặt buồn buồn rất tội nghiệp của bà, ông cũng muốn chiều ý, nhưng... không thể được, tối hôm qua ông đã mất ngủ về chuyện này, cái giường chẳng có hư hỏng gì thể mà "khởi khí" đem vứt đi, mua cái khác đem về chưa chắc gì vừa ý. Còn chuyện cũ mới trong phòng ngủ chẳng có bạn bè hay người nào tới nhà mà vô phòng ngủ của mình để dòm ngó, phê bình...

Tiếng mở cửa rồi đóng cửa lại có hơi vội vàng, ông Thành biết tánh vợ mình, mỗi khi giận hờn bà thường hay đi ra ngoài "gọi là đổi không khí" rồi lại trở về thì quên chuyện.

Vợ chồng ông tánh ý khác nhau - Bà hay hờn giận, nóng nảy nhưng mau quên. Còn ông trầm lặng, ít nói nhưng cương quyết...

Vào những năm tháng đầu chung sống với nhau, vợ chồng ông giận hờn, ờ ạt như ăn cơm bữa. Ông nhớ lúc đứa con đầu lòng chưa đầy hai tuổi, ông bà cãi vã, to tiếng; thằng bé sợ quá chạy núp trong cánh cửa. Khi còn giống bão đã qua, bà mới giục mình đi tìm con. Bà ôm thằng bé vào lòng mà nó vẫn còn run sợ. Từ đó về sau và mãi đến bây giờ, trước mặt con cái ông bà ít khi

to tiếng. Có giận thì ông vẫn điều thuốc hút; còn bà đi quanh quần áo đỏ rồi trở về.

Nhà ai không sóng gió, "chén trong sóng còn khua" kia mà! Nhưng mỗi gia đình đều có hoàn cảnh khác, quan niệm khác, không ai giống ai.

Có những cặp vợ chồng trông bề ngoài thì có vẻ đầm ấm, thường yêu nhau, bạn bè đều khen ngợi, nhưng nào ai biết bên trong có những lượn sóng ngầm. Đến khi đổ vỡ thì người ngoài mới biết.

Cũng có những đôi vợ chồng lạnh tình trái ngược, cãi nhau như ăn cơm bữa, thế mà họ vẫn sống với nhau tới già.

Tiếng chân trước nhà, rồi cánh cửa mở, ông Thành nghĩ bụng vợ ông về, thời tiết dạo này trở lạnh nên bà lo về sớm; mọi khi ông mong bà đến dài cổ. Đến bữa ăn ông đành phải xuống bếp nấu nồi cơm cho xong, còn việc nấu món ăn là phần việc của bà.

- Thưa ba! Ba khỏe chứ!

Ông Thành giật mình quay lại:

- con! Đi một mình hay với...

Hướng về phía cánh cửa, con dâu của ông lên tiếng:

- Vào thưa ông nội đi con.

Bé Tâm chạy vào, cúi đầu:

- Thưa ông nội.

Ông Thành khom xuống, bé ôm cổ ông hôn hai bên má và nó đưa má cho ông hôn lại. Cái thủ tục chào của bé Tâm như vậy là xong.

Thùy, con dâu của ông, để giỏ trái cây lên bàn:

- Con đi mua đồ ăn, thấy trái hồng ngon quá, nhỏ hôm nay ngày rằm nên con mua đem biếu ba má để trên bàn thờ cúng Phật.

Nói xong, Thùy tự tiện xấp trái cây vào hai đĩa rồi đem lên bàn thờ, một bên cho bàn thờ Phật, một bên là bàn thờ ông bà.

Ông Thành theo con dâu lên phòng khách, bé Tâm cũng chạy theo. Bé hỏi:

- Bà nội đâu ông nội?

Ông hỏi ngần ngại:

- Bà nội đi ra ngoài có chút việc, chắc bà cũng sắp về. Vừa nói ông vừa vuốt ve đầu thằng cháu có vẻ hài lòng. "Thằng Tâm giống hệt cha nó lúc còn nhỏ".

Bầu không khí trẻ trung có hơi ồn ào của con, dâu và cháu nội đã đem đến cho ông một chút thoải mái, nhẹ nhàng...

Ông thêm tiếc những lần cuối tuần, trong bữa ăn có mặt đầy đủ các con, cháu. Mặc dù chúng không thường xuyên về thăm ông bà vì ông biết các con của ông còn có đời sống riêng của nó. Thường nhật phải đi làm chỉ chờ ở cuối tuần mới rảnh rỗi. Rồi còn bên ngoài, bên nội, đám hỏi, đám cưới hoặc giao tiếp bạn bè.

Ôi, đời sống con người giống như con thoi, thời gian trôi mau quá. Mỗi ngày nào các con ông còn nhỏ, trong bữa cơm chiều, vợ chồng con cái ăn cùng một mâm, ông thường hay kể chuyện hồi còn ở quê nhà, cuộc đời trong quân ngũ, thằng con út luôn miệng khen cha. Rồi cuộc tình của ông bà, ông thường hay khen ngợi bà trước mặt các con. "Ngày xưa, cưới nhau rồi là ba đi biển biệt, ngày về không hẹn trước, các con sống với mẹ, những lúc đau yếu thì có ngoại, có dì. Người đàn bà Việt Nam là như vậy. Còn ở đây quê người, văn minh theo Âu theo Mỹ, tình cảm vợ chồng như thay áo, sống vì vật chất và hưởng thụ cá nhân nhiều hơn".

Đến khi các con trưởng thành, một đám cưới vừa xong, con ông ra riêng; ông bà buồn hui nhưng cũng an ủi "đó là luật tuần hoàn". Đến khi đứa con gái đi lấy chồng, bà đứt từng đoạn ruột, ông buồn không kém, nhưng ông cũng an ủi bà "ngày xưa, mình cưới xong bà cũng khăn gói theo tôi; con gái có chồng thì phải theo chồng chứ".

Rồi đến con Út, học lên phải đi xa. Chiếc bàn ăn đủ chỗ cho năm người ngồi, bây giờ ba cái ghế để trống. Lúc đầu bà không cho ông dẹp đi. Bà nói "đó là chỗ của các con ngồi, bà sẽ chờ chúng về cuối tuần". Nhưng... thời gian là liều thuốc, dần dần rồi ông bà cũng quen đi.

Bây giờ, ông bà Thành thấy được sự bình thản, yên lành hơn khi các con không còn ở bên cạnh. Vợ chồng ông thường an ủi nhau "mình có con thịnh vượng chúng về thăm, cũng vui; còn hơn chẳng có đứa nào".

Bà cũng bằng lòng với đời sống hiện tại, nếu có buồn thì đọc sách, viết thư, đi dạo, đồ phần nấu nướng bà cũng khỏe hơn.

Tiếng cánh cửa bật ra, rồi... lần này đúng là vợ ông về "chú không ai trồng khoai đất này". Ông sửa lại cổ áo, gọng kính và thể ngồi cho tự nhiên hơn. Trước mặt ông, một tờ báo chi chít những chữ, nhưng ông có đọc được gì đâu. Bà bước vào như làn gió nhẹ - Hòa bình hay chiến tranh? May ra bình minh trở lại, ông chưa kịp mở lời thì bà lên tiếng:

- Ông, tôi lấy tờ quảng cáo này ở nhà bên cạnh. Ông xem đi! Rồi bà ngồi xuống bên cạnh ông. Hơi lạnh từ cái va chạm bàn tay của bà làm cho ông thoáng cảm động, ông bóp nhẹ tay bà nói bằng giọng, ông rỗng rỗng:

- Tay... lạnh quá!

Nhớ hồi còn trẻ ông bà Thành hay gọi nhau "anh, em". Không biết từ lúc nào đổi lại "ông, bà"? Có thể vì tuổi đời đã cao, vì con cái có gia đình hay vì ông bà đã lên chức "nội, ngoại" mà thay đổi cách xưng hô chẳng?

Nhỏ lúc ông Thành trong quân ngũ, vào những năm chiến trường sôi động, đôi khi vì một phút bốc đồng, ông bỏ đơn vị về thăm bà mà không cần giấy phép. Vợ ông nói: "Anh ngoài ánh sáng, địch trong bóng tối, em làm góa phụ đã đành nhưng tội cho con, không cha khổ lắm anh ơi!"

Ông cười: "sống chết có số mạng, chừng tôi số năm nhà cũng chết". Ông thường hay lập luận như vậy.

... Cũng là mấy tờ báo quảng cáo của tiệm bán đồ gỗ. Nổi bật hơn hết là một cái giường ngủ rất đẹp, hạ gần năm mươi phần trăm. Ông Thành không phủ nhận điều này.

- Ngày mai mình đi xem... nghe ông.

Người đứng giới thiệu ở tiệm bán đồ gỗ "gọi là lớn nhất trong vùng" đã chỉ vẽ, chiều chuộng khách hàng thật là đặc biệt giống như anh ta nhìn thấy được túi tiền của từng người mua. Giá rẻ thì tiện nghi khác, mắc tiền thì có nhiều đặc biệt hơn. "Tiền nào của nấy", giới thiệu mại của nước giàu có, văn minh họ dụ dỗ khách hàng bằng miệng lưỡi. Điều này cũng không lấy làm lạ với ông Thành. Hồi mấy năm về trước, nhân lúc rảnh rỗi, ông tới tiệm bán xe hơi để xem chủ chưa có ý định mua. Ông đang quan sát những chiếc xe mới để trước cửa tiệm thì có một anh bán hàng bước đến tuổi cuối chào ông, anh ta chỉ vẽ, so sánh giá cả v.v... và chịu đổi lấy xe cũ của ông với giá cao... gọi là làm quen.

Ông đồng ý ngay và cũng quên đi sự kỳ kèo giá cả. Tánh ông là vậy, dù ông không phải là người phóng túng, vút tiền qua cửa sổ. Ông cho sự "bớt một thêm hai là tánh của đàn bà". Đến lúc về nhà ông kể lại cho bà nghe: "Chà, người bán xe họ nói năng tử tế quá, thấy mình không giỏi tiếng Đức nên anh ta nói chậm và chịu khó giải thích cho mình dễ hiểu. Tôi... chịu... quá".

Nhưng đến lúc trả tiền, giao xe, anh ta có thái độ khác, không còn niềm nở như trước.

Đó là một kinh nghiệm đã trải qua, nên bây giờ đối với ông không còn lạ lùng gì nữa.

- Sao ông, ý ông như thế nào?

Thật ra thì ông đã nhường nhịn bà rồi. Đàn bà mà, khí họ buồn bực, khó chịu thì mình phải lùi bước. Ông trả lời như cái máy:

- Tùy bà, tôi thấy giá như vậy cũng quá rẻ rồi.

... Đêm cuối cùng nằm trên chiếc giường cũ, thật tình ông không làm sao ngủ được. Ông cũng chẳng biết mình buồn hay lưu luyến điều gì. Bình thường ông là con người dễ ăn, dễ ngủ. Buồn bực hay lo lắng điều gì, nhưng khi nằm xuống là hình như ông quên tất cả. Ngược dòng thời gian của gần hai mươi năm về trước. Khi vợ con ông sang đây đoàn tụ, ông bà cũng không có

được một cái giường, nhưng bà an ủi "có nệm nằm cũng đủ êm ái rồi, còn hơn những ngày ở đảo kiếm một chỗ nằm cho thẳng lưng cũng còn khó". Nói là vậy, nhưng vài năm sau ông bà dành dụm mua được một cái giường, tuy không đẹp, không tiện nghi nhưng ông bà cũng có cái phòng ngủ đàng hoàng, để coi. Mãi đến bây giờ, gần mười tám năm rồi còn gì!

Tất cả đều theo thời gian, con người cũng già đi hướng hồ là đồ vật. Các con ông hồi còn nhỏ, đêm nào xem phim ma thì chúng sợ không dám ngủ riêng. Cái giường có đến bốn năm người ngủ chủ không phải chỉ vợ chồng ông thôi. Càng suy nghĩ ông càng thấy xót xa. Không, ông không vút nó ra ngoài đường đâu, ông sẽ đề nghị với bà đem cái giường này vào phòng đa dụng, có hơi chật nhưng cũng không sao. Có như thế ông mới phủ nhận được câu "vắt chanh bỏ vỏ" mà người đời thường nói.

Gần nửa ngày rời ông bà Thành dọn dẹp lại phòng ngủ, lau chùi sắp xếp phòng đa dụng để có một khoảng trống để kê cái giường cũ vào. Còn cái giường mới, dĩ nhiên đang chiếm chỗ giường cũ với "ra" nệm mềm gối bà Thành đều mua mới hết. Ông Thành hết ở phòng đa dụng, rồi sang phòng ngủ, ông thừa nhận nó quá đẹp, quá tiện nghi so với mức tưởng tượng của ông. Mỗi bên ngoài cửa đầu giường đều có chín, mười cái nút bấm, máy móc thật. Con người không còn làm việc bằng tay chân nữa. Chỉ cần bấm nút là mở đèn, nút số hai là một điệu nhạc êm dịu cho dễ ngủ. Nếu bạn thấy trên đầu giường hơi thấp thì bấm nút số ba cho cao hơn. Chân bạn nhúc nhích thì xử dụng nút bấm thứ tư; nó sẽ đưa cao phần dưới chân cho máu dễ lưu thông. Rồi đến các nút bấm khác: chúc bạn ngủ ngon, chào buổi sáng... tập thể dục v.v... Chà! không đơn giản đâu (ông Thành nghĩ như vậy), mắt mờ tay yếu khó xử dụng cho chính xác.

Bà Thành đề nghị với ông nên đi ngủ sớm, bà cũng không quên đem tờ giấy chỉ dẫn để trên đầu giường. Ông Thành cũng không mong gì hơn vì cả ngày hôm nay ông đã quá mệt mỏi, nhưng tính ông chu đáo, làm việc gì ông cũng muốn cho gọn gàng, cho xong đầu vào đó...

Vừa mới chợp mắt thì ông Thành giật mình vì ánh đèn chói chan tạt vào mặt, bà Thành mở mắt để bắt ánh sáng thì bấm lộn vào nút nhạc. Bà ngẫm nghĩ "sao hồi trưa này họ chỉ dẫn khác, ánh đèn không quá tỏ, nhạc vừa đủ nghe, mà bây giờ..."

Ông Thành bị mất ngủ, hơi lớn tiếng:

- Bà tắt đèn, tắt nhạc. Tôi đang cần ngủ.

Bỗng nhiên cái đầu ông bật dậy như chiếc lò-xo. Ông lùi mình xuống chân giường. Tưởng đã êm, nhưng phần dưới

chân lại bật lên. Bà Thành lạng quạng hết nút bấm "chúc bạn ngủ ngon" lại "chào buổi sáng" rồi "thể dục" ... trong lúc ông Thành chưa ngủ được gì.

Ông rời khỏi giường, bước vào phòng đa dụng, ở đây ông cảm thấy bình yên hơn.

Trước bàn ăn buổi sáng, gương mặt của ông Thành héo hắc già nua thêm vì một đêm mất ngủ. Ông trầm ngâm không nói, nhưng bà Thành đã hiểu, hiểu tất cả chỉ vì sự ham muốn nông cạn của bà.

- Ông à! Hay là mình trả cái giường lại cho tiệm nghe ông?

Ông ngước lên nhìn bà, dù biết kết quả là sự thiệt thòi, nhưng ông không nỡ trách bà.

Ba mươi phần trăm bị mất về phía người mua đã làm cho bà Thành đau nhói nhưng trái lại ông Thành cho đó là một sự rủi ro, hơn nữa là một bài học rất đáng giá cho bà.

Đêm hôm nay, ông bà Thành tìm lại một giấc ngủ ngon. Tiếng cửa mở, rồi tiếng nói, ồn ào ở phòng ăn. Bà Thành tinh thần gọi ông:

- Tụi nhỏ về tới rồi đó ông, bà nhìn lại đồng hồ, sùng sốt:

- Đã hơn mười giờ sáng rồi còn gì!

Bà ngồi bật dậy, vào phòng tắm làm vệ sinh cá nhân... thay quần áo và chút ít trang điểm. Ông chậm rãi hơn nhưng không cầu kỳ như bà. Ông cũng thừa hiểu cái thông lệ của bà là buổi sáng thời gian ở phòng tắm lâu gấp đôi ông. Bà nêu lý do "đàn bà mà ông, dù tôi không còn son trẻ nhưng trước mặt chồng con ít ra cũng phải tươm tất, gọn gàng một chút chứ".

- Thưa ba, thưa má.

Tiếng thưa, tiếng chào của các con làm cho ông bà Thành cảm thấy sáng khoái.

Con dâu đầy bé Tâm ra trước, bé lí nhí:

- Kính thưa ông nội, thưa bà nội, kính chúc ông bà nội 35 năm...

Bà Thành vừa cười, vừa tiếp lời cháu:

- Ba mươi lăm năm vui vẻ phải không con?

Nhìn về phía các con, dâu, rể, cháu nội, cháu ngoại; ông Thành nói:

- Cám ơn các con đã tụ họp về đông đủ trong ngày mừng 35 năm đám cưới của ba má, thôi thì... bà đã chuẩn bị đồ ăn gì chưa?

Tiếng con gái của ông bà Thành:

- Má khỏi lo, chúng con đã đặt đồ ăn ở nhà hàng, chút nữa họ sẽ mang đến.

Tiếng cười, nói nhộn nhịp của các con. Hai thằng cháu nội, ngoại chơi đùa ngoài sân. Ông bà Thành cảm thấy tràn đầy hạnh phúc. Điều mong ước của ông là sự bình an trong đời sống. Con cái thuận hòa vui vẻ là ông mãn nguyện lắm rồi ●

(Lingen/Ems)

THỊ LỘ đã cảm hóa LÊ THÁI TÔNG từ một cậu bé bất trị thành một minh quân

• Vụ án Lê Chi viên

Ngày 1.9.1442, vua Lê Thái Tông, đi duyệt võ ở Chí Linh, trên đường về ghé vào Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi có một người vợ lẽ là Nguyễn Thị Lộ vừa đẹp vừa hay chữ, từng được Thái Tông vời vào triều phong chức Lễ Nghi học sĩ giữ công việc dạy cung nữ và giảng sách cho vua. Trước khi Thái Tông đến Côn Sơn, Thị Lộ đã về đấy thăm Nguyễn Trãi. Lúc vua rời Côn Sơn, Thị Lộ được lệnh theo nhà vua về triều.

Ngày 7.9, xa giá Thái Tông đến Lê Chi viên (tục gọi là Trại Vải) ở làng Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Đêm ấy, vua bị cảm, đến sáng thì mất. Các quan hộ giá giữ kín, đến ngày 9.9.1442 mới rước linh cữu vua về Thăng Long, rồi báo tin cho nhân dân cả nước biết. Ngay sau đó, Thị Lộ bị bắt. Nguyễn Trãi đang đi kiểm tra ở Đông Bắc, được tin Thái Tông mất, vội trở về triều cũng bị bắt và bị buộc tội đồng mưu với Thị Lộ để giết vua. Ngày 19.9.42, Thị Lộ và Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc (1). Sử thần Ngô Sĩ Liên cho rằng vì "yêu Thị Lộ mà Thái Tông bị thiệt thân".

Vậy, tông tích Thị Lộ - Nguyễn Trãi thế nào? Có phải Thị Lộ thật sự đã giết Thái Tông, và đã có ảnh hưởng gì đến cuộc trị vì của nhà vua không?

• Tông tích Nguyễn Thị Lộ (1390-1442)

Nguyễn Thị Lộ vốn là con nhà có học thức, quê làng Hải Triều, một làng làm chiếu có tiếng, nay thuộc xã Phạm Lễ, xưa thuộc huyện Ngự Thiên (Thái Bình). Tướng truyền, năm 1406, Nguyễn Trãi (26 tuổi) đang làm quan nhà Hồ, gặp Thị Lộ (16 tuổi) ở Vũ Lăng, thấy xinh đẹp, liền ứng khẩu:

*Á ở đầu mà bán chiếu gon,
Chẳng hay chiếu bán hết hay còn?
Xuân xanh nay độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa được mấy con?*

Thị Lộ cũng ứng khẩu đáp lại:
*Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon,
Cả chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân xanh tuổi độ vừa đôi tám,
Chồng còn chưa có, có chi con!*

Nguyễn Trãi yêu vì tài nên lấy làm thiếp. Thị Lộ không có con với Nguyễn Trãi, xin cháu của Ngô Tử là Ngô Chi Lan làm con nuôi. Ngô Chi Lan đổi tên là Nguyễn Hà Huệ, sau làm Lễ Nghi học sĩ trong cung Lê Thánh Tông, chồng là Phù Thúc Hoành, làm Bác sĩ giảng kinh sử Quốc Tử Giám (2).

• Lai lịch Nguyễn Trãi (1380-1442)

Nguyễn Trãi gốc làng Nhị Khê, tỉnh Hà Đông, sinh năm 1380 ở Thăng Long, tại nhà ông ngoại là quan Tư-đồ Trần Nguyên Đán. Nguyên Đán có hai gái là Thái và Thai, nuôi hai nho sinh là Nguyễn Ứng Long dạy Thái, và Nguyễn Hán Anh dạy Thai. Hai thầy dạy với hai học trò. Thái có chùa, Ứng Long sợ bỏ trốn. Nguyên Đán gọi về, tha tội, và gả con cho (3). Sau hai người đều thi đỗ. Ứng Long, cha Nguyễn Trãi, đỗ bảng nhãn (1374) (4), mà Thượng Hoàng Trần Nghệ Tông không cho làm quan, vì tội "thường dân mà thông dâm lấy con gái tông thất", nên phải về Nhị Khê sống nghề dạy học.

Thời ấy, Lê Quý Ly, được Thượng Hoàng Nghệ Tông sủng ái, sàm tấu giết hại nhiều người, cả vua chúa vương thân cũng không tui. Duy có Trần Nguyên Đán toàn gia được yên ổn, nhờ *biết lo xa*, kết thân gia với Lê Quý Ly.

Năm 1400, Quý Ly truất phế vua Trần Thiếu đế, chiếm ngôi, mở khoa thi Thái học sinh, Nguyễn Trãi thi đỗ ra làm quan, bổ làm Chánh chưởng đài Ngự sử. Năm 1402, Ứng Long đổi tên là Phi Khanh, cũng quan với nhà Hồ, với chức Hàm Lâm học sĩ.

Năm 1407, quân Minh mượn cớ "phù Trần diệt Hồ" để xâm chiếm nước ta. Hồ Quý Ly bị thua. Cuối tháng sáu năm 1407, giặc Minh bắt được cha con Hồ Quý Ly và một số quan, tướng, trong đó có Phi Khanh, cha của Nguyễn Trãi, giải về Kim Lăng. Nguyễn Trãi theo cha đến điểm Vạn Sơn (tỉnh Hồ Bắc), rồi tuân lời cha trở về nước lo "trả thù nhà, rửa nhục nước", để em là Phi Hùng ở lại nuôi cha. Theo *Nhân Việt Chí* của Phan Huy Chú, Trương Phụ ép Phi Khanh viết thư gọi con, Nguyễn Trãi bắt đấng dĩ phải ra trình diện. Trương Phụ dụ Nguyễn Trãi ra làm quan không được, muốn giết, Hoàng Phúc can và tha song buộc Nguyễn Trãi phải ở Đông Quan, là nơi có đại bản doanh của chúng. Sau khi thoát ra khỏi Đông Quan, Nguyễn Trãi làm gì? ở nơi nào?

Mãi đến khoảng 1416/1417, có tin Lê Lợi ở Thanh Hóa chuẩn bị mộ quân đánh giặc Minh, Nguyễn Trãi và em họ, Trần Nguyên Hân, đến ra mắt. Nhưng Hân thấy Lê Lợi "có tướng như Việt vương Câu Tiễn, chỉ có thể giúp trong lúc hoạn nạn, không thể ở với nhau khi sung

sướng" (5), nên cả hai bỏ ra về. Trong chuyến này có Thi Lộ cùng đi, phong cách lúc nào cũng tuổi cười, nhẵn nai, hoạt bát, đoan chính, được mọi người kính nể.

Thời gian sau, có tin Lê Lợi đứng lên khởi nghĩa, Nguyễn Trãi và Nguyễn Hân vào Lôi Giang tìm Lê Lợi lần nữa (1420). Lần này, Hân "lên thấy Lê Lợi uy nghiêm, khí tượng thay đổi", bảy giờ Hân mới dâng kiếm báu của nội tổ là Trần Quang Khải, còn Nguyễn Trãi dâng *Bình Ngô sách*, chủ trương "đánh vào lòng người" cuối cùng sẽ thắng. Lê Lợi khen hay, dùng Nguyễn Trãi làm Hàn Lâm Thừa Chi, coi việc thảo văn thư, chiếu hịch, tham dự bộ tham mưu, và dùng Hân làm quan võ.

Trong thời kháng chiến, Lê Lợi và các quan tướng thường đem vợ con theo, nên khi Nguyễn Trãi thảo thư tử, chiếu hịch đều có Thi Lộ bên cạnh giúp việc sửa chép (6).

Năm 1428, kháng chiến toàn thắng, Nguyễn Trãi được tước hầu, làm Thượng Thư Bộ Lại (coi về nhân viên, quan lại). Nhưng năm sau liên can với Trần Nguyên Hân (bị Vua nghi, sai người bắt giết, Hân nhày sông tự tử), nên Nguyễn Trãi bị tù. Nhờ các đại thần can thiệp, Trãi được tha ra, làm quan lại một thời gian, rồi xin nghỉ việc về Côn Sơn.

Năm 1433, Lê Lợi mất, Nguyễn Long 10 tuổi, kế ngôi (Lê Thái Tông). Lê Sát làm đại tư đồ. Nguyễn Trãi được Thái Tông, theo *di mệnh* của Thái Tổ, gọi ra phụ chính, chức Giám nghị đại phu (7).

Theo Toàn Thư tục biên, Lê Sát thấy Thái Tông còn nhỏ, thích chơi bời, lui đời biếng học tập, liền lập một ban văn thần, trong đó có Nguyễn Trãi, để thay phiên vào tòa Kinh Diên dạy vua. Cả bọn đều bị Thái Tông đuổi về. Sau đó, Lê Sát bị tội lộng quyền, vua cho được tự tử tại nhà.

Trước tình trạng ấy, năm 1438, Thái-bảo Ngô Tử đưa ra ý kiến có lẽ Thị Lộ dịu dàng khéo léo, lại học giỏi, văn hay, may ra có thể giúp nhà vua chăm chỉ học hành được. Sau khi hội ý với Nguyễn Trãi và Thị Lộ, Ngô Tử đưa Thị Lộ vào châu Thái Tông thì được vua nhận, phong làm Lễ Nghi học sĩ và ngày đêm kề cận tin dùng (8).

• Nguyên nhân sâu xa vụ án Lê Chi viên

Trong số năm bà vợ của Lê Lợi, có bà phi Nguyễn Thị Anh sinh ra Băng Cơ được phong làm Thái Tử. Bà phi Ngô Thị Ngọc Dao (con gái của Ngô Tử) đang có mang, chiêm bao thấy Ngọc Hoàng sai một vị tiên xuống đầu thai vào mình. Thị Anh sợ rằng một khi bà Ngọc Dao sinh quý tử, sẽ chiếm ngôi Thái Tử của Băng Cơ, nên vu cho Ngọc Dao dính liú đến một việc bùa ngải, xui vua Thái Tông khép Ngọc Dao vào tội voi giày.

Nguyễn Trãi bảo Thị Lộ khuyên Thái Tông đừng nghe lời xúc xiểm mà làm việc thất đức. Vua đồng ý, cho phép Thị Lộ đem Ngọc Dao giấu ở chùa Huy Văn. Vài tháng sau, bà Ngọc Dao sinh ra một người con trai, vua đặt tên là Tư Thành (vua Lê Thánh Tông sau này). Để tránh khỏi Nguyễn Thị Anh mưu hại, Nguyễn Trãi đưa hai mẹ con bà Ngọc Dao ra An-Bang (Quảng Ninh ngày nay).

Từ đấy bà Nguyễn Thị Anh thâm thù Nguyễn Trãi và Thị Lộ. Vừa xảy ra vụ Thái Tông đột ngột mất ở Lê Chi viên, Băng Cốt mới 2 tuổi, nối ngôi (tức là Lê Nhân Tông), Thị Anh được ngồi sau rèm nhiếp chính, liền hứa với bọn gian thần ra lệnh tra tấn Thị Lộ cực kỳ dã man. Thị Lộ phải nhìn nhận đã cùng Nguyễn Trãi âm mưu giết vua. Cả hai cùng thân thuộc bị trầm quyết.

Sau có tin đồn trước đây Nguyễn Trãi dọn vườn có giết một bầy rắn con, nay rắn mẹ hiện hình thành Thị Lộ để báo oán, cũng như xưa, bên Tàu, sau khi giết Đường Quý Phi người ta cũng bảo Đường thị là một hồ ly tinh hiện hình lên báo hại vua Đường.

• Ai đã giết Lê Thái Tông ?

Năm 1459, Nhân Tông (Băng Cốt) và Từ Hoàng Thái Hậu (Nguyễn Thị Anh) bị Hoàng tử Nghi Dân giết để chiếm ngôi. Trong một bài chiếu, Nghi Dân có nói: "*Trẫm là con trưởng của Thái Tông Văn Hoàng Đế, trước đây đã được giữ ngôi chính ở Đông Cung. Chẳng may Tiên đế đi tuần về miền đông, bỗng băng ở bên ngoài. Nguyễn Thái Hậu muốn giữ vững quyền vị, ngầm sai nội quan Tạ Thanh dựng Băng Cốt làm vua, bắt Trẫm làm phiên vương. Sau Tạ Thanh tiết lộ việc ấy, lây đến Thái Úy Trịnh Khả và Tư Không Trịnh Khắc Phục, Thái Hậu bắt giết cả để diệt hết nguồn nói ra*" (9)

Tạ Thanh là một thái giám hộ giá Thái Tông trên đường về Thăng Long, tối hôm 9.9.1442. Thái Tông bị cảm, phải nghỉ lại Lê Chi viên. Ngự y chưa tới kịp. Thị Lộ túc trực săn sóc vua. Bọn thái giám Tạ Thanh, Lương Dật chạy biến mất, nói là đi tìm thầy thuốc địa phương, sáng mỗi về, vua đã tắt thở. Sau đó, Tạ Thanh tố cáo Thị Lộ giết vua, và bắt giam. Rồi hai tướng Đinh Liệt và Trịnh Khả đứng lên tuyên bố Thái Tông đã lập Băng Cốt làm Thái Tử và ủy thác Trịnh Khả phụ chính). Đến năm 1464, đời Lê Thánh Tông (1460-1497) vua xuống chiếu tầy oan cho Nguyễn Trãi, truy phong chức Đặc tiến kim tử Vinh Lộc đại phu, tước Tán trù bá và cho người con duy nhất trốn thoát nạn là Nguyễn Anh Vũ làm tri huyện, và cấp cho họ Nguyễn một trăm mẫu ruộng để lo việc thờ cúng.

Nhưng khi thấy vua ra lệnh truy lại xem ai đã giết Thái Tông. Có lẽ vì Thái hậu Ngô Thị Ngọc Dao khi thuật lại chuyện

cũ, có dặn vua Thánh Tông rằng: "*Chính Nguyễn Thị Anh đã ngầm sai Tạ Thanh bỏ thuốc độc cho Thái Tông chết, nhưng con nên giữ kín việc ấy*" (10).

Ngày nay, Bùi Văn Nguyên trong "*Con người Nguyễn Trãi*", cũng cho rằng: "Bọn gian thần phía bà phi Nguyễn Thị Anh âm mưu giết hại Lê Thái Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Lộ để giành ngôi vua cho Băng Cốt (Lê Nhân Tông) khỏi rơi vào tay của Tư Thành (tức sau là Lê Thánh Tông), người được Nguyễn Trãi và Thị Lộ ủng hộ. Đó chính là nguyên nhân sâu xa của vụ án Lê Chi viên" (11).

• Nguyễn Thị Lộ cảm hóa Thái Tông

Trong 4 năm (1438-1442), nhờ có sự hướng dẫn của Thị Lộ, mà Thái Tông đã trị vì một cách khoan từ sáng suốt. Sử thần Vũ Quỳnh khen: "*Thị Lộ đã cảm hóa được Lê Thái Tông, thuyết phục vua chăm chỉ đèn sách, lại giúp vua nhiều ý kiến để sửa trị nước. Cậu bé bất trị nay đổi thành một "minh quân" khác hẳn trước. (...) Ngài lại thể theo lòng trời đất nuôi sống muôn loài, ban hành "chính sách xót thương bất nhân" của bậc đế vương, xử kiện xét tù phần nhiều khoan thứ. Đức "hiếu sinh" của Ngài là đức của vua Thuấn xưa*" (12).

Được như thế, phải chăng là nhờ Thị Lộ thường xuyên nhắc nhở Thái Tông về nhân nghĩa, mà Nguyễn Trãi đã có dịp trình bày với vua trong vụ xử bảy tên vị thành niên ăn trộm tái phạm, năm 1435, hình quan chiếu luật đáng tội chém. Thái Tông đem việc ấy hỏi Nguyễn Trãi. Trãi trả lời:

"*Pháp lệnh không bằng nhân nghĩa, cũng rõ lắm rồi. Nay một lúc giết bảy người, e không phải là hành vi của bậc đại đức. Kinh Thư có câu: "An nữ chi" (hãy yên với chỗ đứng của mình), sách Truyện có câu: "Tri chi nhi hậu hữu định" (biết đúng thì rồi mới vững). Thần xin thuật lại nghĩa của chữ "chi" để bệ hạ nghe: "Chi" có nghĩa là yên với chỗ đứng của mình, như trong cung là chỗ đứng của bệ hạ, thỉnh thoảng bệ hạ có ngự ra chỗ khác, cũng không thể ở đó mãi, phải trở về trong cung, thì mới yên chỗ đứng của mình được. Người làm vua đối với nhân nghĩa cũng vậy, phải để lòng nơi nhân nghĩa, coi nhân nghĩa là chỗ đứng của mình. Tuy có lúc ra oai giận dữ, nhưng không phải như thế mãi được, xin bệ hạ lưu ý những lời của thần*" (13)

• Vấn đề thân tình giữa Thái Tông và Thị Lộ

Vi Thái Tông tỏ ra thân mật, kháng khiết ngày đêm trò chuyện với Thị Lộ, nên có nhiều dị nghị cho rằng: "*Lê Thái Tông hồi 17, 18 tuổi đã thông dâm với vợ lẽ của Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Lộ*". Có biết

đâu tình cảm mà Thái Tông dành cho Thị Lộ đã bắt nguồn từ một cội rễ thiêng liêng hơn.

Nguyên năm 1425, trong thời gian đang đánh nhau với quân Minh, Lê Lợi nằm mộng thấy thần "Cá Quà" đến nói "Xin tướng quân cho một người thiếp thì nguyện giúp tướng quân đánh được giặc Ngô mà thành nghiệp đế". Ngày hôm sau, Lê Lợi gọi các thiếp đến hỏi ai bằng lòng làm vợ của thần "Cá Quà", ta được thiên hạ sẽ truyền cho con của người ấy làm vua. Bà Phạm Thị Ngọc Trần (mẹ của Hoàng tử Nguyên Long, nay là Thái Tông, lúc đó mới 2 tuổi) thưa: "Nếu Ngài giữ lời ước thì thiếp xin nhận. Ngày sau xin đừng phụ mẹ con thiếp" (14). Lê Lợi giao ước với các quan văn võ y như lời ấy. Ngày 24 tháng 3 âm lịch 1425, sai lập đàn tế thần, dâng bà phi họ Phạm làm tế vật. Bà phi mặc áo quần lộng lẫy, bịt mắt lại, lên ngồi trên chiếc thuyền nan bằng giấy. Thuyền được thả theo dòng sông Lam và chìm dần dần, theo tiếng nhị, tiếng sáo điệu Nam Ai sầu não, cùng trong tiếng khóc nức nở của các phi tần và của Nguyễn Thị Lộ, thiếp của Nguyễn Trãi. Về sau, giữ lời ước ấy, Lê Lợi truyền ngôi cho Nguyên Long (tức là vua Lê Thái Tông).

Nguyên Long mồ côi mẹ từ lúc 2 tuổi, phải nhờ một bà phi chăm sóc, tất nhiên đã cảm thấy thiếu thốn, thèm khát tình "mẫu tử" từ lâu. Nay gặp được Thị Lộ cùng một lứa tuổi với mẹ mình (năm 1438, Thị Lộ 48 tuổi, Thái Tông 15 tuổi), lại là một người đã quen biết, đã sống chung với mẹ mình, đã chứng kiến thảm cảnh mẹ mình hy sinh mạng sống để mình được lên ngôi vua ngày nay, tự nhiên cậu bé mồ côi mẹ kia không khỏi vô cùng xúc động. Thường tình, ở vào địa vị ấy, ai cũng phải tò mò muốn hỏi cho rành rọt về mọi việc liên quan đến mẹ mình. Tất cả tình thương đối với người quá cố, có lẽ nhà vua đã dồn hết vào Thị Lộ, coi như một bà di ruột, vớt vát lại những gì đã mất mát từ thuở bé thơ. Còn về sau, khi Thái Tông đến tuổi 17, 18, sáng chiều nam nữ cận kề, thật cũng khó mà tránh khỏi bị tiếng đời dị nghị. Đó là điều mà Ngô Tử, cũng như Nguyễn Trãi, Thị Lộ cũng đã thấy trước rồi.

• Nhận xét

Nhưng "ngộ biến phải tòng quyền". Theo Mạnh Tử, "quyền" là cân nhắc cho rõ nặng nhẹ, để lựa bên nào nặng, bên nào nhẹ mà xử trí cho đúng cân trung bình. Trong đạo quân tử, "tùy thời" thì cũng phải "tòng quyền": Một bên để vua ăn chơi thất học, trị vì vô đạo, cả nước sẽ bị nguy khốn, một bên tạo ra hoàn cảnh giúp vua học hỏi nhưng không khỏi khiến vua có thể bị mang tiếng có tư tình với vợ lẽ của bầy tôi. Nếu chỉ "chấp nhất" giữ

cho đúng cái ta gọi là "đạo lý tầm thường" mà làm hư đại sự, thì Mạnh Tử cho rằng "cách chấp nhất như thế là đáng ghét", vì nó làm cho hại mất **chân đạo lý**, chỉ là một nỗi một việc nhỏ mà bỏ hết trăm việc lớn" (15)

* Cha con Nguyễn Trãi đã làm quan với nhà Hồ nguy triều. Ông ngoại Nguyễn Trãi, tông thất nhà Trần mà phân lại, theo nhà Hồ, bị đứ luận đứng thời chế trách. Lê Lợi hẳn phải biết rõ lai lịch của Nguyễn Trãi, nhưng vẫn dùng. Nhà vua chủ trương thu nạp tất cả nhân tài, kể cả những người đã "làm phản" (16). Nguyễn Trãi dâng *Bình Minh sách*, Lê Lợi khen hay, dùng Nguyễn Trãi trong việc soạn thảo văn từ chiếu chỉ, những trong bảy năm đầu (1418-1424) chiến lược "đánh vào lòng người" theo *Bình Minh sách* của Nguyễn Trãi, vẫn chưa hề giúp quân Lam Sơn đánh tiến xa ra khỏi vùng núi Chí Linh được lần nào. Phải đợi đến cuối năm 1424, tại hội nghị Lam Sơn, có tướng Nguyễn Chích trình bày "chiến lược hai hồi" (là đánh vào Nghệ An trước, rồi đánh ra Đông Quan sau), thì chừng đó Lê Lợi mới *chuyển từ đại bại thành ra đại thắng* (17).

Nhờ bắt được một mật thư của Vương Thông gửi cho vua Minh, ta biết được quân Minh ở thế phải cầu hòa. Các tướng sĩ xin Lê Lợi tấn công tận diệt địch để trả thù rửa hận. Nguyễn Trãi can không nên kết thù với nhà Minh quá sâu, thế nào chúng cũng sang đánh nữa, chiến tranh biết bao giờ cho dứt được. Tốt hơn là nên tìm cách dụ hàng để **tiết kiệm sinh mạng của quân sĩ đôi bên**. Ta sẽ mở đường cho Vương Thông rút quân mà y vẫn giữ được sĩ diện: tuyên bố đã tìm được Trần Cảo con cháu nhà Trần làm vua. Vua Trần này sẽ sai sứ cầu phong, và xin thực hiện đúng theo lời hứa của vua Minh trước đây là: "phù Trần diệt Hồ xong sẽ rút quân về Tàu". Trên lập luận ấy Nguyễn Trãi đã viết thư chiêu dụ địch, cuối cùng Vương Thông mở cửa thành *ra hàng dưới danh nghĩa giảng hòa*, cùng quân ta uống máu ăn thề, rồi rút quân về nước. Về sau, Trần Cảo sợ, bỏ trốn, bị bắt nên tự tử. Vua Minh đòi cho được con cháu nhà Trần làm vua, Lê Lợi trả lời tìm không còn ai. Đến cuối năm 1431, nhà Minh mới nhận phong Lê Lợi làm vua.

* Nguyễn Trãi sống trong hoàn cảnh nước nhà tam phân ngũ liệt, mà chính nghĩa, chính thống thay đổi tùy theo thế "được làm vua" hay "thua làm giặc". Vừa lớn lên thì nhà Trần bị mất, Nguyễn Trãi thi đậu ra làm quan với nhà Hồ. Quí Ly có một số sáng kiến cải thiện xã hội nhưng chưa kịp thực hiện, thì nước bị ngoại xâm. Trong thời gian quân Minh chiếm nước ta, Nguyễn Trãi không tham gia (đúng hơn là "không thể" tham gia)

với nhóm khởi nghĩa nào, vì tất cả các nhóm ấy đều nêu danh nghĩa "phù Trần diệt Hồ" mà cả nhà Nguyễn Trãi đã làm quan và được hậu đãi dưới triều nhà Hồ, nên bị cho là thành phần "ngụy". Đến khi Lê Lợi khởi nghĩa xưng Bình Định vương ở miền Trung, không dính líu gì đến những biến cố xảy ra trong cung triều nhà Trần ngày trước ở miền Bắc, thì Nguyễn Trãi và em họ là Trần Nguyên Hân, mới đến xin gia nhập vào nhóm khởi nghĩa Lam Sơn. Mặc dầu biết trước Lê Lợi là người "chỉ có thể giúp trong lúc hoạn nạn, không thể ở với nhau khi sung sướng", nhưng trước nạn ngoại xâm, cả hai thấy cần phải tham gia để kháng chiến giải phóng đất nước.

Bàn về các cách xuất xử của kẻ sĩ, Mạnh Tử nhận xét: Ông **Bá Di**, vua chẳng đáng thờ thì chẳng thờ, dân chẳng đáng trị thì chẳng trị. Ông **Y Doãn** cho rằng vua nào chẳng phải là vua minh phục sự? dân nào chẳng phải là dân minh sai khiến? Cái trách nhiệm mình đứng ra gánh vác thiên hạ nặng nề như thế! Ông **Huệ** xử *Liễu Hạ* chẳng lấy làm xấu hổ mà phục sự một vua ở trước. Dầu làm một chức quan nhỏ thấp, ông cũng chẳng chê. Ba ông tuy đi khác đường với nhau, nhưng mục đích vẫn là một. Đó là nói về lòng nhân vậy. *Người quân tử chỉ chú mục điều nhân mà thôi*. Còn về hành động cần chi phải giống nhau (18).

Vì chú mục đến điều "nhân" nên Nguyễn Trãi "phá chấp tông quyền", đưa Thị Lộ vào cung giảng sách cho Thái Tông, cảm hóa một thiếu quân hung hăng thành một minh quân khoan từ, để mình phải chịu tai tiếng với đời. Vì chú mục đến đức "hiếu sinh", nên khi quân ta đã nắm chắc phần thắng lợi, Nguyễn Trãi đề nghị với Lê Lợi chấm dứt chiến tranh bằng ngoại giao, tiết kiệm sinh mạng cho quân sĩ đôi bên. Và vì chú mục đến đức "hiếu sinh", Nguyễn Trãi và Thị Lộ đứng lên cứu mạng mẹ con Hoàng tử Tư Thành (sau là Lê Thánh Tông), gây oán thù với bà phi Nguyễn Thị Anh, sinh ra vụ án Lệ Chi viên, để rồi ba họ mình phải bị trảm quyết.

Nếu Nguyễn Công Trứ hết lòng giúp vua, Cao Bá Quát đòi giết bạo chúa để tôn minh quân, Nguyễn Khuyến rút lui không thờ vua nô lệ ngoại bang, thì Nguyễn Trãi **tùy thời phá chấp**, gặp vua đa nghi thì nhẫn nại đưa vua vào đường **nhân nghĩa**, gặp vua hung hăng thì phá chấp (dùng Thị Lộ) cảm hóa thành một vua **khoan từ, hiếu sinh**.

Bốn danh Nho trên đây, tuy cùng chú mục đến đức *nhân* của Khổng Mạnh, nhưng lại xuất xử và thực hành khác nhau, vì lẽ thời thế, địa vị, chính kiến của các vị có phần không giống nhau.

• Những với giá nào ?

Từ thời trung cổ, Nho giáo đã giúp cho dân Hoa, Việt sớm tiến lên trình độ một xã hội có văn hiến, nhưng bị bọn hủ Nho xuyên tạc các lời dạy của Khổng Mạnh để phục vụ quyền lợi vua chúa, nên về sau Nho giáo đã hóa thành một trở ngại cho bước tiến chung của xã hội. Thời quân chủ xưa (cũng như ở các chế độ độc tài ngày nay), vận mệnh của đất nước, nhân dân tùy thuộc vào ý muốn của một cá nhân. Khiến cho cuối cùng Nguyễn Trãi, Thị Lộ là những người có công với đất nước, nhân dân, lại phải hóa thành nạn nhân thảm trong lịch sử ta. Thảm nạn, mà chỉ có cách thay đổi cơ cấu chính trị, bắt buộc nhà cầm quyền phải làm theo đúng hiến pháp, luật lệ, mới mong tránh khỏi được mà thôi.

Tóm lại, Nguyễn Trãi là kẻ sĩ phóng khoáng tùy thời phá chấp, đã hy sinh thực hành cho đúng với tôn chỉ của đạo Nho. Trong bức thư chiêu hàng gửi cho Thái Phúc, tướng của nhà Minh, Nguyễn Trãi đã xác nhận: "**Kẻ ra kẻ sĩ cốt ở chỗ gặp thời hay không, đạo xử thế cốt ở thực hành được hay không**". Nhưng thực hành được với giá nào?

Ngày xưa, trước hiện tượng bế tắc ấy, có lẽ Nguyễn Trãi đã từng ký gửi tâm sự mình vào bài "*Tự Thán*" (tương truyền ông là tác giả) sau đây:

*Chiếc thuyền ló lừng bên sông,
Biết đem tâm sự ngổ cùng ai hay.
Chắc chi thiên hạ đời nay,
Mà đem non nước làm rầy chiêm bao...*

(Paris, Hè 1998)

GHI CHÚ:

- (1) *Tru di tam tộc*: giết ba họ (họ cha, họ mẹ, họ vợ)
- (2) Bùi Văn Nguyên, *Con Người Nguyễn Trãi*, Khánh Hòa 1991, trang 19.
- (3) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, q. VIII, nhà Trần, tr. 18b.
- (4) *Bảng nhân*: Tiến sĩ đệ nhất giáp, đệ nhị danh.
- (5) Theo *Đại Việt Thông Sử* của Lê Quý Đôn, chép lại trong *Việt Sử đại cương* của Phạm Ngọc Huyền, trang 75.
- (6) Phan Huy Chú, *Lịch Triều Hiến Chương loại chí*.
- (7) Lê Quý Đôn, *Toàn Việt Thi Lục*...
- (8) (10) Theo Hoàng Cỏ Thụy, *Việt Sử Khảo Luận*, Paris 1988, Tập 4, Đoạn 6 9-D.
- (9) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, q. XI, kỷ nhà Lê, trang 97b, 68a.
- (11) Bùi Văn Nguyên, *Con Người Nguyễn Trãi*, 1984, trang 20.
- (12) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, quyển XI, trang 57b.
- (13) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, q. XI, kỷ nhà Lê, tr. 25b, 26a.
- (14) *Lam Sơn Thực Lục*, Nguyễn Trãi, quyển hai, đoạn đầu.
- (15) Phan Bội Châu, *Khổng học đấng*, Huế 1929, trang 643.
- (16) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, quyển VIII, nhà Trần, tr. 20a.
- (17) Hoàng Cỏ Thụy, *Việt Sử khảo luận*, tập 3, tr. 486.
- (18) Mạnh Tử, *Vạn chương*, chg hạ, t.1, Cáo Tử, chg sau, t.6.

Lời Tòa Soạn: Thi sĩ Bùi Giáng, một khuôn mặt đặc biệt trong văn đàn Việt Nam, sinh năm 1926 tại Quảng Nam, vào Sài Gòn từ năm 1943, mắc chứng bệnh bất thường về thần kinh nên có cuộc sống rất phóng túng, tuy nhiên ông cộng tác với rất nhiều báo chí qua các bài biên khảo và thơ văn, đặc biệt nhất là về thơ.

Ông đã xuất bản nhiều tác phẩm: Một vài nhận xét về Bà Huyện Thanh Quan (Biên khảo, 1957), Một vài nhận xét về Lục Vân Tiên, Chinh Phụ Ngâm, Quán Âm Thị Kính (BK, 1957), Một vài nhận xét về Truyện Kiều và Truyện Phan Trần (BK, 1957), Lá Hoa Cồn (Thơ, 1963), Mưa Hoa Trên Ngàn (Thơ, 1963), Ngàn Thu Rốt Hết (Thơ, 1963), Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại (BK, 1963), Đi Vào Cõi Thơ (Thơ, 1969), Sa Mạc Phát Tiết (Thơ, 1969), Mưa Thu Trong Thi Ca (BK, 1970), Mưa Nguồn, Ngày Tháng Ngạo Du (Thơ, 1971) ...

Sau năm 1975, thi sĩ Bùi Giáng trở nên điên nặng hơn, ông thường lang thang ngoài đường phố, độc thoại và nguyện rửa chế độ trước mũi cán bộ CSVN. Vì vậy Bùi Giáng bị bắt nhốt nhiều lần, nhưng chính quyền cũng chẳng làm gì được ông.

Bùi Giáng mất ngày 7.10.1998 tại Sài Gòn, hưởng thọ 72 tuổi. Để tiếc thương và tưởng niệm người quá cố, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài viết "Thơ Bùi Giáng và tuổi trẻ lang thang trên hè phố Sài Gòn" của Trần Hữu Cự như là một bức họa ghi lại một phần đời của một thiên tài đã đi về cõi hư vô...

Muốn biết thêm chi tiết về tuổi thiếu thời của Bùi Giáng, xin đọc giả tìm đọc bài "... Nhớ về ba người em tôi lạc: Bùi Giáng, Tạ Ký và Nguyễn Thủy" của Giáo sư Vũ Kỳ trong Đặc San Văn Bút Âu Châu tập 2 do Chùa Viên Giác xuất bản năm 1994.

Viên Giác

*

Thơ Bùi Giáng và tuổi trẻ lang thang trên hè phố Sài Gòn

Trần Hữu Cự

Vào khoảng đầu năm 1973, Bùi Giáng dọn về ở luôn trên lầu 3, thuộc khu nội xá của Viện Đại Học Vạn Hạnh ở đường Trương Minh

Giảng. Dù đã đến Sài Gòn trước đó nhiều năm, nhưng chỉ khi được ở gần Bùi Giáng thì tôi mới có dịp biết nhiều hơn về những đường phố Sài Gòn.

Có lẽ, cũng như hầu hết những người trẻ thời bấy giờ, Sài Gòn đối với tôi vẫn có sức quyến rũ lạ thường. Dường như chính thành phố ấy, mà tuổi trẻ của tôi mới cảm nhận được một cách mông lung rằng, có một mùa xuân tràn đầy hương sắc trên cuộc đời này, mà tuổi trẻ của tôi vẫn muốn đưa tay với bắt, nhưng chưa được, hay có lẽ sẽ chẳng bao giờ được? Vì có bao giờ ta đưa tay bắt được một tia nắng đẹp mong manh trong buổi chiều xuân bao giờ đâu?

*Chạy đi em! Và bắt vội giùm cho
Ta em nhé, ta chờ tay em bắt
Giùm chút nắng chiều ngọn cây lay lắt
nắm và cầm đưa lại giúp cho ta*
(Tuổi trẻ - Mưa Nguồn)

Bài **Những Nhành Mai** của Bùi Giáng là bài mà dạo đó tôi đã đọc một cách say sưa, vì đã khơi dậy được tất cả những hoài vọng triền miên của tuổi trẻ tôi:

*Buồn phố thị cũng xa bay như gió
Cộ xe nhiều cũng nhây bổng như hươu
Bờ cõi dựng xuân xanh em còn đó
Bến đảo nguyên anh khoác áo khinh cừu*
(Những nhành mai - Mưa Nguồn)

Nhưng Sài Gòn mà tôi thường đi lang thang với Bùi Giáng lại không phải là Sài Gòn dưới cái nhìn của đám đông thiên hạ, nghĩa là với những thị dân lúc nào cũng ăn mặc chải chuốt thường tập trung ở các nhà hàng, hoặc nối đuôi nhau đứng đợi mua cho được một vé xi-nê, mà Sài Gòn ở đây là, tại các hẻm hay những góc phố vắng vẻ. Tại những nơi ấy, có các quán cóc bán cà-phê và các thức ăn rẻ tiền mà chỉ có giới đạp xích-lô hay những người lao động chân tay là thường lui tới. Bùi Giáng hay đến ngồi những quán này, vì người lao động chân tay ít biết đến ông, ông cũng lam lũ như chính họ - Nhưng điều quan trọng nhất đối với Bùi Giáng vẫn là, những người lao động họ ít khi nói về họ. Tôi biết rõ, Bùi Giáng rất khó chịu khi phải ngồi nói chuyện với những người mà từ lời nói đến cử chỉ lúc nào cũng đạo mạo, lúc nào cũng chúng tỏ cho mọi người biết mình là thế này, mình là thế kia!

Dường như mỗi người trong chúng ta, không nhiều thì ít, đều thích khoác cho mình một chiếc áo thật đẹp, hay tự sửa soạn cho mình một chiếc ghế thật lộng lẫy, để rồi tự cảm thấy thỏa mãn khi ngồi vào chỗ ngồi ấy.

Còn Thi Nhân? Chẳng phải thi nhân là kẻ đã can đảm phá tan tành những công ước giả tạo ấy, để chỉ cho con người thấy được vẻ đẹp mệnh mỏng của cuộc đời đó sao?

Nhưng ta có nên đem chuyện riêng tư của một người cô độc để nói ra đây không? Theo tôi, thì chẳng hề có gì gọi là riêng tư đối với Bùi Giáng. Tất cả những gì có thể gọi là riêng tư, thật ra chỉ có cái dây đeo trên vai, trong đựng xấp giấy, quyển vở và mấy cây bút để làm thơ trên bước đường lang thang phiêu bạt mà thôi. Có lẽ ít có nhà thơ nào của Việt Nam (trừ Hàn Mặc Tử) đã sống hết mình, sống tận cùng với cát bụi và thơ như Bùi Giáng đã dám sống một cách trọn vẹn như vậy. Và có thể nói rằng, chính từ đời sống như vậy, mà tiếng thơ Bùi Giáng ra đời. Qua tiếng thơ đó Bùi Giáng đã có quyền khẳng định với chúng ta rằng, không phải cuộc đời này chỉ có thống khổ và bóng tối vây phủ không thôi, mà vẫn có bầu trời cao rộng nữa - nếu chúng ta còn biết ngẩng mặt lên để mà nhìn:

*Trần gian hồi! Tôi đã về đây để sống
Tôi đã tìm đâu ý nghĩa của làm than
Tôi ngẩng mặt ngó ngàn mây cao rộng
Tôi cúi đầu nhìn mặt đất thấp đen*
(Phụng Hiến - Mưa Nguồn)

Và cuộc đời, với hầu hết chúng ta là sản phẩm để bắt cho được cái mà chúng ta thường gọi là hạnh phúc, nhưng chúng ta tìm hạnh phúc ở đâu? Hạnh phúc trong sự tích lũy cho thật nhiều của cải? Hạnh phúc có nghĩa là có nhiều tiện nghi vật chất cho đời sống? Nhưng chắc chắn rằng những thứ này đều không đem lại hạnh phúc lâu dài, vì một ngày nào đó không xa, nó sẽ vượt khỏi tầm tay, và sự thống khổ cùng thất vọng sẽ lập tức đến ngay với chúng ta.

Những điều tác hại nguy hiểm nhất, theo tôi, vẫn là vì suốt đời ta cứ chạy theo những hình ma bóng quế này, mà trái tim của ta để bị bại liệt. Khi trái tim đã bị bại liệt rồi, thì chúng ta sẽ không còn biết rung động trước mọi vẻ đẹp của cuộc đời nữa. Và phải chăng khi con người không còn rung động trước cái đẹp, thì con người sẽ chỉ sống trang ích kỷ, từ ích kỷ đưa đến tàn bạo không xa mấy.

Còn thi nhân thì ngược lại, mỗi một giây phút sống trên đời này, đều là mỗi giây phút của thiêng liêng. Vạn vật đối với họ như có linh hồn, và đang cùng với trái tim của họ rung lên bao nỗi chờ mong:

*Tôi đã gởi hồn tôi biết mấy bận
Cho mây xa cho tờ liễu ở gần
Tôi đã đặt bàn tay vạn vật
Quả tìm mình nóng hổi những chờ mong*
(Phụng Hiến - Mưa Nguồn)

Và theo tôi, sở dĩ người thi sĩ ấy tự chọn cho mình một đời sống lao đao lận đận như vậy, cũng chẳng có mục đích nào khác hơn là, muốn chia sẻ với con người một chút đau khổ giữa cái khổ lớn lao mà con người đang phải gánh chịu, với chút hy vọng sẽ đốt lên ngọn lửa yêu thương

mà vốn dĩ đã quá nguội lạnh trên cuộc đời này. Như thi nhân đã một lần phát lên đại nguyện:

*Xin mãi yêu và yêu nhau mãi
Trần gian ơi! Cánh bướm cánh chuồn
chuồn
Con kiến bé cùng hoa hương cỏ dại
Con vi trùng sâu bọ cũng yêu luôn*
(Phụng Hiến - Múa Nguồn)

Tình yêu ấy sẽ vượt thắng tất cả. Kè nào đã từng cứu mang tình yêu đó trong trái tim, dù mai này biết mình sẽ chết đi, nhưng tình yêu ấy vẫn còn nguyên vẹn.

*Còn ở lại một ngày còn yêu mãi
Còn một đêm còn thổ dưới trăng sao
Thì cánh mộng còn tung lên không ngại
Niu trời xanh tay với kiếng chân cao.*
(Phụng Hiến - Múa Nguồn)

Và khi một kè đã sống vì sự đau khổ của con người thì đời sống của họ cũng rất giản dị. Họ sống hòa đồng với những sự vật vô danh và im lặng giữa trời đất. Nhưng sự vật mà chúng ta đã vô tình đánh mất giữa đời sống thường nhật, sở dĩ chúng ta đánh mất, có lẽ tại vì ta cứ nghĩ rằng nó chẳng giúp ích gì cho đời sống quá thực dụng của chúng ta. Nhưng với thi nhân, thì tất cả đều là thơ, và tất cả đều là mộng:

*Đường công có cỏ mọc ven bờ
Cây đứng trong vườn lá chuối tó
Chó sủa sớm chiều đi qua ngõ
Gà con mất mẹ chạy băng quờ*
(Bồ trần gian - Múa Nguồn)

Đời sống thì giản dị như vậy, nhưng hoài vọng của thi nhân cho cuộc đời thì lại mãnh liệt vô cùng:

*Sầu một thuở đất mòn không tiếng nói
Một ngàn năm trăng giải tuyết băng
buồng
Anh gởi đi ngàn sóng cuộn thác nguồn
Để thấy mãi rằng thơ không đủ gọi*
(Không đủ gọi - Múa Nguồn)

Một buổi trưa hè nóng bức, cũng tại một quán cóc trên vỉa hè Trường Minh Giảng của Sài Gòn thời đó. Bùi Giáng đang ăn tô mì Quảng (món ăn đặc sản Quảng Nam, cũng là quê hương của ông). Còn tôi thì ngồi nhìn thiên hạ qua lại trên đường phố. Đang ăn, bỗng Bùi Giáng ngừng lại và nói với tôi:

"Ta ăn hai ngàn tô mì Quảng nữa ta chết"
Câu nói chỉ là nói đùa, nhưng đối với tôi thì không đùa tí nào, vì tôi biết rằng, câu nói ấy đã vô tình thể hiện tất cả nỗi ưu tư quần quai của Bùi Giáng về cái chết của chính ông và của tất cả chúng ta, những người đang sống trên mặt đất phù du này nữa.

Đã gần hai mươi năm trôi qua rồi, vậy mà từ giọng nói đến cái nhìn thật xa xôi của Bùi Giáng vào buổi trưa hè năm ấy đến nay vẫn còn đọng lại trong hồn tôi. Những khi ngồi nhớ lại những năm tháng đã sống bên Bùi Giáng, cũng với hàng ngàn bài thơ mà ông đã làm trên bước đường lang thang phiêu bạt đó, thì bài thơ đã tác động mãnh liệt nhất đối với tôi vẫn là bài Bùi Giáng viết về cái chết. Có lẽ, chúng ta phải tập lần la trú ngụ với cái chết, thì mới thấy được thế nào là giá trị của sự sống chẳng?

*Rồi mai đi về xứ nào chẳng biết
Đỗ Quang ơi và có lẽ Quyên ơi
Đi lìa xa xứ sở của mặt trời
Thì chuyện cũ cũng như từng chùa biết.
Tôi chẳng rõ cội nguồn tôi ly biệt
Đấu tiên sa và ngón tích tiên nga*

*Bồ giặt bèo hay bến lạnh trôi hoa
Ngày ngóng mộng hay đêm ngỡ máu
chảy
Xuân thỏ dại hay đông tàn thu gầy
Chút tình xưa Đông Á mất dấu rồi.
Rồi mai đi về xứ nào chẳng biết
Những người em hãy ở lại bên đời
Nó hay đùa xin cử mím hai môi*
(Rồi mai đi - Sa mạc phát tiết)

Và đâu phải vì cái chết mà chúng ta không còn hy vọng vào cuộc đời. Vì sao? Đây có lẽ là thông điệp mà Bùi Giáng muốn gởi đến cho những người trẻ tuổi hôm nay chẳng?

*Em bảo rằng,
đừng tuyệt vọng nghe không
Còn trang thơ thắm lại với trời hồng.*
(Phụng Hiến - Múa Nguồn)

● **Thơ** Trần Hoài Nam

ĐÓA HOA NHÂN QUYỀN



*Nhân quyền ơi, nhân quyền ơi!
Ngàn năm khao khát một lời này thôi.
Quê tôi lời hát lệ rơi
Động từng giọt đắng cho đời xót xa.*

Năm mươi năm đã trôi qua ()
Thế gian dần thắm đóa hoa tình người.
Đường dài tranh đấu không người
Màu da, mái tóc chung lời yên vui.*

*Thế nhân ơi, Việt Nam tôi
Đau thương trùm khắp, ngập trời oan khiên.
Triệt tôn giáo, phá chùa chiền
Gồng cùm siết họng sĩ hiền khắp nơi.
Tổ tiên tan nát tôi bời
Hoang vu bởi bọn sói đời gian tham.*

*Cha anh ta ngã trên ngàn
Trong thời binh lửa mong hàn nôi đau
Biết đâu bậu xạu về sau
Độc quyền, độc trị nát nhàu sử xanh.
Dân diêu linh, nước tròng tranh
Dân quyền nhuộm đỏ để thành Dân quên.*

*Nhân quyền ơi, hỡi nhân quyền!
Gửi bông hoa thắm về miền quê tôi.
Thế kỷ này sắp qua rồi,
Nguyện lòng tô đẹp giọt đời khát khao.*

(*) Năm mươi năm ra đời
bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (10.12.1948)

Thập Tam Lăng

Từ thời cổ-đại con người vẫn tin-tưởng, mọi ý-nghĩ và cảm-giác của thế xác đều được chi-phối bởi một linh-thể gì đó tuy vẫn kết hợp với xác thịt nhưng vượt cao hơn có-thể vật-chất của mình, mà họ gọi là linh-hồn. Khi người ta chết đi thì linh-hồn vẫn tồn-tại, để tiếp-tục cuộc sống khác ở thế-giới bên kia. Vì thế họ tìm mọi cách sửa soạn mọi việc để người chết mang theo được mớ tài-sản làm hành-trang đủ cho một cuộc sống tốt đẹp lúc đi vào cõi Âm! Họ chôn theo người chết tất cả vật-dụng cho nhu cầu thường-nhật trên trần-gian và thiết-kế ngôi mồ hay lăng-mộ như một khu-vực sinh-sống. Những con cháu hiếu-thào, theo Khổng-giáo, phải lo chu-toàn bốn-phận đó đối với cha ông. Các vua chúa phong kiến Á Đông giữ địa-vị chủ-yếu và nắm quyền cao nhứt trong một quốc-gia "Tất-cả đất nước dưới bầu trời đều thuộc về nhà vua; tất-cả mọi người trong nước đều là con dân của vua". Họ còn quan niệm, sau khi chết họ sẽ tiếp tục ngự trị ở thế giới bên kia, nên lúc đường quyền họ đã lo tìm mộ huyệt tốt, kiến tạo địa cung, tích trữ của cải và báu vật hiếm có ở thế gian. Vì thế lăng-mộ của Hoàng-Đế Trung-Hoa phải là công trình quan-trọng hàng đầu trong thiết-kế và hùng-vĩ bậc nhứt về kích-thước. Kiểu công trình Lăng tẩm đường như đã phát triển dưới thời nhà Hán và tiếp tục duy trì qua nhiều đời sau. Từ thế kỷ thứ năm thứ sáu, dọc hai bên thông lộ dẫn vào khu lăng, đã đặt tượng thú châu theo dạng sứ tử, được khắc trên đầu trụ đá (gần Giang Tô). Qua các đời Đường và Tống, số tượng đá đã gia tăng nhiều hơn và con đường thông lộ cũng được nối dài ra hơn. Văn-hóa phong-kiến Trung-Hoa đã lên đến tuyệt-đỉnh dưới thời nhà Minh (1368-1644). Nên khu lăng-mộ triều-đại này đã trở nên công-trình hoang-phí nhứt trong lịch-sử Trung-Hoa.

Diện địa khu lăng-tẩm các vị hoàng đế luôn tương-quan mật-thiết với phong-cảnh bao quanh. Phép phong thủy áp-dụng lúc chọn đất xây-dựng đã xuất-hiện rất sớm ở Trung-Hoa. Các thầy địa-lý đã tuyên dương quan niệm rất hệ trọng, về sự thịnh suy của triều đại tùy thuộc vào hình thế núi

sông, ảnh hưởng gió nước, về sự tồn vong của Long mạch sẽ liên hệ mật thiết với ngai vàng kế nghiệp của hậu chúa, về một nơi cư-trú lý-tưởng cho đời sau của các hoàng đế cả dòng họ trong vùng linh địa với thế đất rồng chầu hổ phục trường tồn vững chắc: Dãy núi non như mọc chồm lên nhau tiếp-cận ở phương Bắc, rặng Yên Sơn sừng-sừng dần hàng thành lưng ngai dựa phía Huyền vũ, được xem như nơi an nghỉ lý-tưởng và con cháu phát đạt về sau. Các dãy núi ở xa tấp về phía Nam còn đáp-ứng với núi non phương Bắc, như tiền án nhìn về phía Minh đường thủy tụ nơi mặt hồ Thập Tam Lăng thủy khố. Các dãy đồi thấp chầu-hầu hai bên tả hữu như hai tay ghế tựa Thanh Long, Bạch Hổ, ôm lấy khoảng đất xây lăng, trải rộng bằng-phẳng ra phong cảnh phía trước. Và một dòng sông hay con suối uốn khúc ngay mặt Đông, phía Thanh Long, rồi chun luồn dưới đất ăn thông với thủy khố thành huyết kết. Cuộc đất lý-tưởng hội đủ sơn thủy, núi sông đó được gọi là "đất của tứ thần" hay "tứ-linh tụ". Núi do đất đội lên nhưng ở thế nằm yên, còn sông luân lưu chuyển động. Một tĩnh một động thành hai yếu tố âm dương luôn tác động hổ tương với nhau. Nước chảy từ trên các núi đồi qua những khe, suối tuổi nhuận đất đai và tắm đều khí mạch. Khi hai yếu tố núi, sông, sơn thủy giao hòa thì huyết dễ kết. Các thầy địa-lý nổi danh được ban cho nhiều quyền-hạn để đi tìm cho được vùng quý địa và khảo-sát thật chu-đáo. Cho đến khi đặt định đúng vị trí long mạch, rồi một loạt các cấu-trúc được xây-dựng lên, sắp xếp y theo một hoàng-cung nằm giữa một ngũ viên vắng lặng, xây tường thành bao quanh: với sân triều ngoại để vị hoàng-đế có nơi tiếp xúc với bên ngoài và khu triều nội nằm tại trung tâm lăng, làm nơi an nghỉ cho nhà vua quá cố. Một con đường dài gọi là "Linh đạo" dẫn tới cổng vào khu Lăng-tẩm. Chính Linh-đạo dẫn vào ngôi thủ-lăng tức lăng tổ xưa nhứt và các phủ Linh-đạo dẫn vào các lăng-mộ nhỏ hơn của các đời vua sau.

Vị Hoàng đế khai sáng triều Minh, niên hiệu Hồng Vũ, được an táng tại kinh đô đầu tiên ở Doanh Thiên Phủ tức Nam Kinh. Tới năm 1404, sau khi Bắc Kinh đã trở nên thủ đô chính dưới tên phủ Thuận Thiên, Hoàng đế Vĩnh Lạc mới tuyển chọn vị danh sư về phong thủy, trong số những thầy địa lý do các triều thần đề bạt, để đi tìm cuộc đất phát vượng, đã mô tả ở trên, nằm cách Bắc Kinh 50 cây số, làm nơi an dưỡng đời sau cho mình và con cháu nối ngôi. Vùng mộ địa rộng lớn này là một viên cảnh hình tròn nằm lọt lòng giữa ba mặt đồi núi bao quanh, phía Bắc và hai mặt

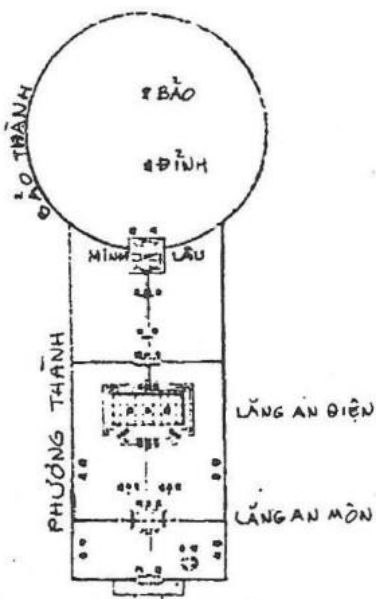
Đông, Tây, rộng khoảng 5 km từ Bắc xuống Nam và 3,5 km từ Đông sang Tây.

Ngôi thủ-lăng của Thập-Tam-Lăng đời nhà Minh chính là Trường-Lăng được hoàn tất năm 1415. Minh Thành Tổ, tức Hoàng đế Vĩnh Lạc băng hà năm 1424 và được an táng trong Trường Lăng ngay năm đó. Lăng tẩm này được xây cất theo mẫu mực của lăng Hồng Vũ ở Nam Kinh và là trung tâm của khu Hoàng Lăng. Mười hai ngôi lăng kia được bố trí trên những sườn đồi tòa hình rẽ quạt quanh chánh Linh-đạo dài tới bảy cây số, chạy xuyên qua các cổng đá, bài lâu, Đại-Cung-Môn, Sảnh thay đổi xiêm-y, tháp Thánh Bia ghi lại công-đức của nhà vua, Đồi Xanh (gò đất trồng cỏ án-ngũ tầm nhìn trực-tiếp về phía lăng-mộ), những Thạch-Trụ, Thạch Tượng, Long-Phụng môn và Thất-Cung-Kiều. Những công-trình ở cuối Linh-đạo dành để cử-hành những nghi-lễ cúng-tế. Cũng như khu lăng mộ Nam Kinh, diện địa của toàn quần thể kiến trúc này được phân làm hai phần, phần trước hình thành chính linh đạo có hiệu dụng như trục giữa, phần sau chiếm lĩnh từng vùng mộ địa riêng. Thoạt đầu chính linh đạo chỉ dài 5 cây số rưỡi từ Đại Hồng Môn tới trước cổng Trường Lăng. Qua năm 1540, đầu đường phía Đại Hồng Môn nối dài trở ra mới đạt tới chiều dài 6 cây số rưỡi, rồi dựng cổng ngũ quan bằng cẩm bạch thạch, với 6 trụ đá vuông nguyên khối phân ra năm cửa, nối nhau bởi những đôi thanh đá ngang, mà chiều cao lọt lòng của chính giữa đo được 4,5m (chiều cao tới sóng nóc là 5 thước rưỡi) và các cửa hai bên thấp dần xuống.

Thiết kế tiêu biểu của lăng tẩm gồm tòa chính-sảnh được cặp ở hai bên những tiểu-sảnh và hành-lang. Muốn vào chính-sảnh phải qua tiền-môn rồi tới gian nhà hóa vàng, một gian nhà nhỏ cần gạch và lợp ngói tráng men, chỉ chứa một cửa nhỏ như cửa sổ để đốt đồ vàng mã sau khi cúng tế. Trong chính-sảnh, phía sát tường sau lập bàn thờ dài để đồ cúng-tế như một bàn tiệc, có thể kê thêm ngai Vua và Hoàng-hậu ở phía sau bàn thờ. Phía trước bàn thờ này còn đặt nhiều bàn thấp hơn, bày lư-hương chân đèn và ba mâm cỗ lớn, thịt trâu ở giữa, heo quay và dê thui để ở hai bên. Để hoàn-chính khu lăng-mộ, một bức tường cao và dày được xây lên từ phía sau, bao quanh sân-đường và lên cao dần khỏi mặt đất, rồi đất được chất đống thành gò bên trong bức tường mà đỉnh gò đắp cao hơn đầu tường. Bức tường rào kín gò đất được gọi là "Bảo Thành" và gò đất được gọi là "Bảo Đỉnh". Bức tường thành cũng được chứa những lỗ châu mai và hàng răng cửa đầu tường. Hầu hết các bảo thành của lăng-mộ triều Minh đều xây bao vòng tròn, mà mặt tường thành phía trước

được xây tòa Minh Lâu chõng lên, như môn lâu nơi các thành quách. Một thạch hiệu-bài được treo giữa tầng tháp, khắc chữ triện son tước-hiệu của vị Hoàng-đế mới được tôn phong sau khi băng-hà. Muốn lên tháp thành này người ta phải leo lên thang xiêng ở phía ngoài hay bên trong tường thành. Một cửa cuốn vòng cung mở xuyên qua bảo thành dẫn tới gò đất. Trong vại lăng-mộ lớn, bảo thành còn có sân nội. Chính gò đất cao và ngôi tháp Minh Lâu trên đỉnh bảo thành đã làm tăng thêm vẻ uy-nghiêm và hùng-vĩ của ngôi lăng-mộ. Gian phòng mai-táng khổng-lồ, được gọi là "Địa cung", có thể sánh kịp với các cung-điện của các vị Hoàng-đế lúc còn sống, về sự hoang-phí lúc thiết-kế cũng như về xa-hoa trong trang-trí. Bao nhiêu bảo-vật đã được chôn theo vị Hoàng-đế đã băng-hà. Các lăng-tẩm vua chúa Trung-hoa đều được canh-phòng nghiêm-cẩn. Không ai biết được quan-tài của vị Hoàng-đế chôn cất nơi đâu vì các địa-cung thường được đào sâu trong lòng đất. Mà các đội quân dân lo việc đào đất xây cất lăng-mộ và cả những người thị-vệ lo việc tần-liệm nhà vua đều bị chôn theo hoặc bị giết chết để bảo mật. Trước mỗi lăng-mộ thường xây tường bao quanh các tòa cung thất nằm trên trục chính một khoảnh đất rộng hình chữ nhật gọi là "Phượng-Thành". Từ đó lăng mộ luôn được canh gác nghiêm nhặc, nên điều bí-mật này vẫn được duy-trì mãi đối-với công-chúng cho đến khi Định-Lăng trong khu Lăng-tẩm triều Minh được khai quật lên vào năm 1956.

• Trường lăng



Bình đồ Trường lăng đầu thế kỷ thứ 15

Bình đồ Trường Lăng bao gồm phương thành chạy sâu vào 330 m và rộng 141 m và tiếp giáp ở cạnh ngắn phía cuối vòng bảo thành bao quanh gò đồi xanh, đường kính 300m. Phương thành rào quanh các công trình thờ cúng, trong khi bảo đình phủ kín phần mộ thực sự chôn quan tài của Hoàng đế. Qua cổng quan với ba cửa cuốn vòng cung ở phía Nam của lăng mộ, khách viếng thăm bước vào một sân dài 46 m, giới hạn bởi sân thượng viền quanh lan can toàn bằng Hán bạch thạch, làm nền cho tòa Lăng An Môn dựng bên trên. Tòa cung môn bằng gỗ này, được che bằng hai mái vồng xuống, dùng hai đầu hồi tam giác và lợp ngói tráng men vàng, dẫn vào sân lát đá thú hai rộng thênh thang, phủ rợp bóng từng bách lớn, trải dài 150 thước tới tận tòa Lăng An Điện. Công trình quan trọng này, có ý nghĩa nhất trong lăng tẩm, nhắc nhở nhiều đến đại điện Thái Hòa trong hoàng thành Bắc Kinh. Cũng ngự trên ba tầng sân thượng Hán bạch ngọc, mà mỗi tầng đều được dùng lan can con tiện tinh xảo bao quanh, chứa ba cầu thang chính ở mặt Nam cũng như mặt Bắc và lắp thêm hai cầu thang phụ ở hai mặt Đông Tây. Cũng những hàng cột gỗ tròn, to cao, dựng lên theo chiều dài 66 thước 75, phân thành 9 gian và theo chiều ngang 29 thước 31, phân thành 5 gian. Hai mái vồng lớn trước sau ghép với hai mái vồng nhỏ hai bên tựa vững chắc trên 32 trụ cột, nằm thành 4 hàng dài 8 cột. Hành lang chạy quanh với 28 cột bao vòng phần nội cung và chịu đỡ hiên dưới mái. Bên trong, chính giữa điện này một long vị chạm trở sơn son thếp vàng khắc tên Minh Thành Tổ đã được bày trên bàn thờ từ ngày lễ cúng tế khánh thành điện. Lại qua một cổng tam quan nữa, đề tên Lăng Chấn Môn, mới tới sân cuối, cũng che rợp bóng cổ tùng, trải dài 85 thước đến tận chân tường Minh Lâu. Gò mộ địa xanh um cây cảnh, ngay sau linh tháp này, trùm phủ kín vòng tường thành rộng dày 3 thước, kết hợp bởi hai lớp tường thành cao bằng đá, giữa độn chèn gạch đá vụn, trên lát gạch làm hành lang chạy vòng quanh, viền trên lớp tường ngoài những ô răng cửa phòng thủ làm dây lan can bảo vệ tường tự như trên các thành quách.

• Định lăng

Giữa khoảng các năm 1956 đến 1958, lăng Hoàng đế Vạn Lịch, tức Minh Thần Tông (1563-1620) được khai quật ở cách Trường Lăng 2,2 km. Vị vua thứ 13 này của triều Minh lên ngôi lúc mới lên 10 tuổi. Khi vừa trưởng thành, ở tuổi 21 (1584), nhà vua đã sai người sửa soạn xây ngôi Định

Lăng cho mình. Công trình xây dựng kéo dài 6 năm, tốn phí lên tới 800 vạn lượng bạc (8 triệu lượng). Niên sử còn ghi Hoàng đế Vạn Lịch lại ở ngôi lâu nhất triều đại nhà Minh, 47 năm, đã đích thân xuống kiểm tra lại khu địa cung vừa hoàn tất, tiếp nhận gian phòng sẽ chôn xác ông, 30 năm trước khi ông băng hà! Truyền thuyết cũng kể lại, địa cung khởi đầu được kiến tạo phần nhiều bằng gỗ như một tòa cung điện trên mặt đất, tạo dựng rất khó khăn, nhưng khi vừa xong, tất cả những thầy thợ đều bị



Định lăng

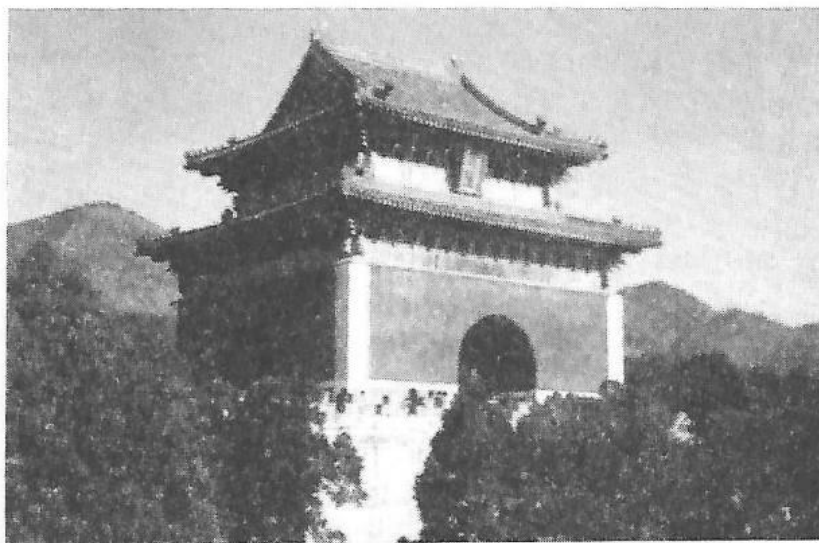
nhốt lại trong một mật thất gần bên. Biết đã bị chôn sống, họ quá sợ hãi và uất hận nên đã nổi lửa thiêu rụi cả tòa địa cung đất giá. Lần sau đã có kinh nghiệm, nhà vua đã cho kiến tạo lại một địa cung toàn bằng đá. Nhưng đến lúc chôn sống đám thầy thợ xây dựng để bảo mật, vẫn còn một người thoát được, cố đánh dấu trên một tảng đá. Nên mấy thế kỷ sau các nhà khảo cổ mới tìm đoán được và đã khai quật lên công trình duy nhất, chôn sâu dưới 28 thước đất, trong toàn bộ Thập Tam Lăng: Vào năm 1956 công cuộc đào bồi dò tìm cổ tích đã được kết thúc, khi những nhà khảo cổ Trung quốc đã nhìn thấy, qua vài chỗ gạch sụp đổ ở phần phía Nam vòng tường bảo thành rào quanh gò đồi mộ, khoảng vòm đá của lối vào bên trong mộ địa. Sau khi đã khám phá được một hành lang rộng 8 thước, các nhà khảo cổ đào tìm thấy được cái thú hai cũng rộng y như vậy, chỉ hơi dốc lên và dài tới 40 thước, dẫn tới bức tường tô hồ. Bức tường này gồm 56 lớp gạch xây chồng lên nhau cao tới 8 thước 8 và được trang trí ở phần trên đầu hồi, theo hình hai mái châu đầu thành tam giác, được cẩn gạch chạm vẽ đường nét trang trí và tráng men vàng. Chân tường nằm sâu 20 thước dưới bề mặt của gò mộ địa. Một cuộc khảo sát tỉ mỉ phát hiện ra phần dưới bức tường được trở của, để đám rước hộ tống linh cữu nhà vua có thể đi qua, sau đó cánh cửa đã được đóng kín và tô hồ lấp mất dấu vết. Lớp hồ lấp này và cả vành niêm phong hầu như hoàn

toàn còn nguyên vẹn và không một vết tích nhỏ nào khiến phải nghi ngờ, có sự đập phá trước đó.

Cho tới ngày 19 tháng chín, các nhà khảo cổ sau khi dọn hết đám gạch đá vụn độn tường và vài tấm gạch, liền rọi đèn điện qua lỗ cửa vừa mới phá ra, đã thấy ngay một sảnh trống không. Phía trong cùng gian sảnh này lộ rõ phần chính môn điều khắc nhô ra khỏi mặt tường với cửa đá cẩm thạch hai cánh đóng kín. Mỗi cánh cửa bằng nguyên tảng đá khối cẩm thạch trắng cân nặng sáu tới bảy tấn, được chạm nổi tượng mặt thú, và đứng vững cũng như di chuyển trên 9 hàng rãnh mộng, đục khuyết vào cạnh đá. Cửa lớn này mở lối vào gian tiền đường trống, ăn thông qua một cửa cũng tương tự như vậy, tới gian phòng cúng tế phẩm vật dài 32 m và rộng 6 m. Ở đầu phía Tây gian phòng này, ngay trước khung cửa dẫn vào phòng mộ thực sự, ba chiếc ngai lớn bằng Hán bạch ngọc được xếp thành hàng. Ngai ngọc Hoàng đế đặt ngay giữa được chạm trang trí tượng rồng mây, trong khi hai ngai ngọc của nhị vị Hoàng hậu được chạm khắc hình phượng vũ. Một bộ ngũ sự thờ cúng bằng sứ, gồm hai chân đèn, hai bình rượu cao và một lư hương kê trên các đôn đá chạm, bày thành hàng trước mỗi ngai ngọc. Thêm ba khạp sứ lớn vẽ rồng xanh, tráng men trắng, đựng dầu mè dự trữ, đặt trước ba ngai kèm theo chiếc đèn đồng đốt tim bắc sẽ chiếu ra "ánh sáng bất diệt". Chính giữa mỗi phía tường bên đều mở cửa một cánh, dẫn qua hành lang hẹp hơn tới một gian phụ, nền xây thêm bệ đá cao để đặt quan tài. Mỗi gian phụ này dự trữ để an táng một vị Hoàng hậu, sau khi đã mai táng Hoàng đế ở phòng mộ giữa, nằm thẳng góc ở cuối phòng cúng tế, và đã phong kín cửa vào. Nhưng trên thực tế vua Vạn Lịch đã băng hà sau lưỡng cung Hoàng hậu. Nên lúc an táng phụ cung, tân vương đã cho mang luôn linh cữu nhị vị mẫu hậu quân hai bên, để ba người được gần gũi bên nhau vĩnh viễn.

Nay nhìn không ảnh và bình đồ Định Lăng, chúng tôi mới nhận định rõ cách bố trí lăng tẩm triều Minh và nhỏ lại chuyển viếng thăm: Từ lúc còn ngồi trên xe buýt nhìn ra xa dãy Yên-Sơn nhấp-nhô hùng-vĩ,

kết-hợp với con suối chảy vào Thập-Tam-Lăng Thủy-Khố tạo thành một phong-cảnh sơn-thủy hữu tình. Rồi bức bình phong lớn ghép toàn những chậu hoa sống dựng xiêng vào trong như một đời hoa che trước cổng lớn ba cửa quan cuốn vòng cung vào Định Lăng, nhắc nhở du khách, dân Trung Hoa đang mừng quốc khánh. Dừng chân một lát tại Thạch-Bi, biểu-tượng sự bất-tử của Hoàng-đế Vạn-Lịch (1563-1620) dựng trên lưng một con linh-thú giống như con quỳ, nằm trên nền đá tam cấp, dùng lan-can gạch bảo-vệ bốn mặt ở trước cổng Định-Lăng. Nhưng cô Lộ-Lộ đình-chánh đó không phải là quỳ hay rùa mà là Long-Nhi, một trong 9 con của Rồng, theo truyền thuyết cổ của Trung-Hoa. Mỗi con có một khả-năng riêng, Con này là con út nhưng chịu chở nặng, nên được giao cho mang bia đá ghi công-đức của vua chúa. Nhìn kỹ, quả thấy tuy mang mai rùa, nhưng đầu nó lại giống rồng hơn, 4 chân, móng vảy cũng đều được chạm y như rồng. Nhưng bia lại để trống, không khắc ghi một chữ nào hết. Ông Hoàng-đế này quả thật tự-mãn, ông tự-hào rằng công-đức ông vô-lượng, không từ-ngữ nào có thể diễn-đạt được. Cho nên ông đã để lại bia vô-tự (hết nói nói!). Từ Đại-Cung-Môn chúng tôi theo



Minh Lâm trên Bào thành Định lăng

con lộ lát đá nằm trên trục chính, đi qua ba sân rộng dưới bóng mát của những rừng tùng bách, những cây hồng sai trái và hoa thảo trong từng khoảnh vườn cảnh; vào ra ba tầng cửa của các cung môn, Tẩm-Hoàng-Môn hay Lương-Trụ-Môn, và điện đường với những hàng cột sơn son và các lớp đà tô xanh vẽ lục, mới vào tới Bào-Thành, sừng-sừng án-ngũ ngay trước gò mộ, Bào Đình. Theo chân đoàn người bước dần lên các bậc cấp đá, dẫn lên linh tháp. Mấy thân tùng lớn mọc xuyên qua lớp

tường thành đá phía trên, rẽ nhánh che tàng ngả bóng xuống cầu thang bên ngoài này. Trong Minh-Lâu xây trên cổng vào thành, đặt ngay giữa một tấm bia Hán-Bạch-Ngọc khắc mấy chữ sơn lớn hơn ba tấc "Đại-Minh Hoàng-đế Vạn-Lịch chi-Lăng". Giữa rầm gác thượng Minh-Lâu còn treo một hiệu-bài bằng gỗ chạm nổi hai chữ "Định-Lăng" trên nền xanh. Đoàn người còn đi tiếp con đường trên mặt bảo thành chạy vòng quanh gò lăng-mộ. Những cây cổ tùng mọc lán ra đường, hay chính con đường đã được lát đá lán vào các hàng cây, khiến đoàn người chen nhau đi vội, phải nép qua phía bờ thành. Nhìn xuống thung-lũng bên dưới thấy rõ khu vườn hồng sai trái. Đến lối xuống Địa cung của ngôi lăng lớn thứ ba này trong khu Thập Tam Lăng, đoàn người phải chen nhau với đám đông du khách lên xuống hơn mười vài cầu thang bạch thạch, để được chiêm ngưỡng công trình xây sâu trong lòng đất, bằng những phiến đá khổng lồ, đã được thắp đèn điện sáng choang. Chúng tôi đã nhích từng bước chậm chạp đi qua các cửa, trong đường hầm dài rộng nổi ba vòm phòng chính dài nằm trên trục trung ương và hai vòm phòng phụ hai bên, tất cả dùng, lợp trên

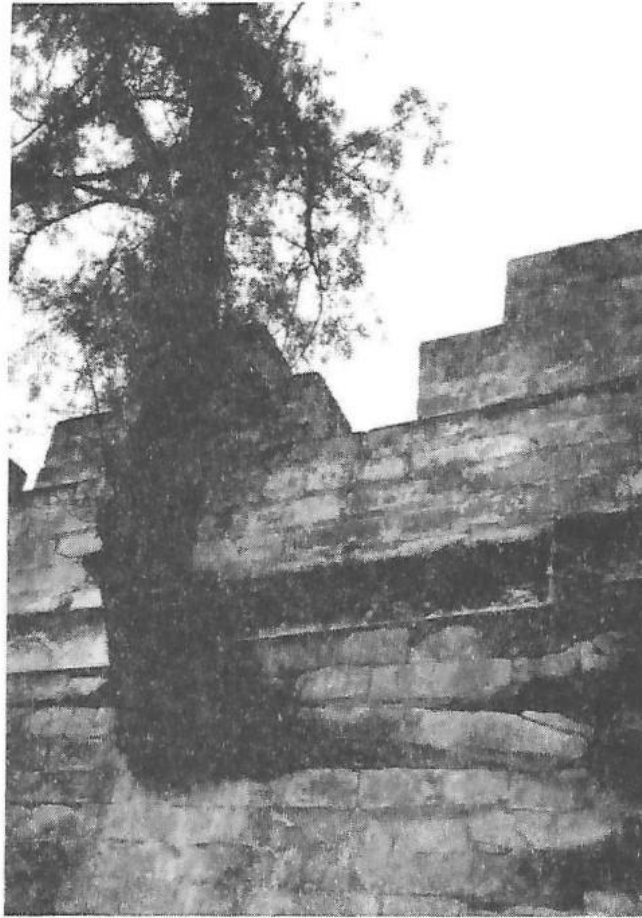
một diện tích lát đá vân trắng, rộng tới 1.195 thước vuông. Đoàn người lần lượt đi qua tiền đình hình vuông, rồi tiền phòng hình chữ nhật dài hơn, qua phòng tế lễ, để đứng chân lại thật lâu trong gian phòng mộ chính, lợp vòm cao 9 m 9, dài 20 m và rộng 9 m. Trên bệ đá cẩm thạch trắng, cao chừng 3 tấc, chạm nổi gờ chi chung quanh, nằm nép về một phía cạnh dài phòng mộ, ba chiếc quan tài cao sơn son sậm đã ngả màu nâu được đặt song song. Chiếc chính giữa cao nhất là nơi an nghỉ của Thần Tông Hoàng

Đế. Quan tài của Đế nữ Hoàng hậu Hiếu Bang nằm bên trái nhà vua, còn Hiếu Thanh Hoàng hậu nằm bên phải. Nguyên lai Hiếu Bang Hoàng hậu hiếm muộn không con, trong khi Hiếu Thanh lúc đó chỉ là một cung nữ tầm thường trong cung, nhưng thời may được nhà vua lâm hạnh vài lần và sau đó thụ thai hạ sanh Hoàng Tử, nên được Hoàng Đế yêu chuộng, tôn phong làm Vương Quý Phi. Tối lúc Hoàng Tử được sắc phong Thái Tử, thì mọi người mới xem Vương Quý Phi như bà Hoàng

hậu thủ hai. Rồi đến lúc Đại Hành Hoàng Đế băng hà, tân Hoàng Đế mới truy phong đích mẫu mình làm Đế nhị Thái hậu và cho đem hai quan tài của nhị vị mẫu hậu vào táng chung với phụ hoàng. Các quan tài đều đóng hai lớp. Giữa hai lớp quan tài của Hoàng Đế, các quan thị vệ đã chèn đầy những xấp lụa vàng thêu kim tuyến, những cốc vại, bát đĩa bằng vàng nạm ngọc và những long vị, bài vị sơn son thếp vàng, khắp chung quanh. Còn giữa hai lớp quan tài các vị Hoàng hậu, đều chèn khắp chung quanh những thau vàng, chậu đồng, những đồ trang sức châu ngọc và phẩm phục triều nghi cùng những nữ trang quý giá. Chung quanh ba cỗ quan tài còn đặt 9 rương châu báu lớn, sơn mài màu đỏ và những bình chậu sứ trắng men hai màu xanh trắng cùng những rương sơn tất cả 26 món, trong đựng đồ nữ trang, khí giới bằng vàng chạm, nạm ngọc, những đồ trang sức trên đầu, trên mão, những trâm đeo ngọc giắt, lưu ly, mã não, những áo quần lụa là gấm vóc và những đồ dùng bằng vàng. Giữa bệ đá tại mỗi vị trí đặt quan tài còn khoét một lỗ vuông sâu, trét đầy đất sét vàng, được gọi là "Kim Tinh" để đạt tới yêu cầu cao nhất trong lễ mai táng của Trung Hoa thời cổ: "Chôn người chết trong Giếng Vàng, táng thân nhân trong hầm ngọc".

Người Trung Hoa từ thời cổ xưa đã tin, các người chết vẫn tiếp tục cuộc sống ở thế giới bên kia, tương tự như thuở còn sanh tiền. Nên họ vẫn còn cần những vật dụng sinh hoạt, những đồ nhứt dụng và cả những hình thức tiêu khiển. Vì thế phải chôn tất cả những đồ vật này theo bên người chết. Nhưng tàn bạo nhất phải kể việc chôn sống những người bị hy sinh theo. Trong xã hội phong kiến nô lệ, các gia nhân được kể là tài sản riêng của các ông chủ. Họ có thể bán đi, đem cho như quà tặng, thậm chí có thể giết chết nếu họ muốn. Thành thử nhiều gia nô đã bị giết, hoặc chôn sống theo người chủ mới tạ thế. Tuy nhiên về sau các sở hữu chủ phải tìm đến những nhà nặn tượng, lò gốm để đặt nặn những hình nhân bằng sành hay đất nung lớn như người thật để chôn theo cha mẹ vừa chết, không phải vì họ đã biết tôn trọng mạng sống con người, mà vì giá người sống quá đắt và họ cần giữ lại người còn sức lao động, làm tối mọi cho mình,

tiếp tục duy trì lực lượng sản xuất. Nhưng các Hoàng Đế nhiều quyền uy, lắm của cải thì đòi hỏi cũng lớn lao hơn. Ngoài các thị vệ quân hầu, các vua chúa còn muốn đem



Tùng mọc xuyên qua lớp đá Bào thành

những sùng phi của mình theo sang bên kia thế giới. Cho nên những con người bị hy sinh theo nhà vua được tìm thấy ở Trường Lăng, Hiến Lăng và Cảnh Lăng. Nhưng họ không được táng trong những hầm mộ chính, mà bị chôn sống trong những giếng đào ngay bên cạnh, theo tư thế đứng, như đang chờ đi theo hầu vị Đại Hành Hoàng Đế. Mười sáu Hoàng Quý Phi của Hoàng Đế Vĩnh-lạc, năm Quý Phi của Hoàng Đế Chu Đạo Chí và mười Hoàng Phi của Hoàng Đế Chu Chấn Tự đều được chôn sống theo cách như vậy.

Qua sự khai quật địa cung Định Lăng, mà đường lối kiến trúc hoàn toàn phù hợp với những công trình xây dựng, trải rộng khắp Cẩm Thành Bắc Kinh, người ta đã khám phá thêm một mặt nữa của lịch sử Trung Hoa, được bảo tồn trải qua hơn ba thế kỷ, với những chứng tích còn đầy đủ tinh tiết. Ngoài ra, ngôi lăng mộ này còn đưa thêm các dữ kiện tô điểm hình ảnh nghệ thuật hoàng triều sắc sảo hơn. Theo truyền thống ngoạn mục đã được khẳng định từ

hàng ngàn năm, khuyh hướng muốn tạo dựng sự nghiệp cho thật hùng vĩ đã đeo đẳng các Hoàng Đế triều Minh cho tới tận ngày xuôi tay nằm xuống và phần nào đã giải thích nhu cầu luôn muốn vượt trội của dòng vua mỗi cầm quyền, của mấy người mưu triều đoạt vị bằng thủ đoạn thiếu quang minh, vốn xuất thân từ chỗ thấp, từ những người chân đất vất vả và trèo được lên cao. Khuyh hướng đó, nhu cầu đó đã biểu lộ rõ qua các Đại Hồng Môn, Ngũ Quan Thạch Bài Lâu và Đại Cung Môn lần lượt mở trên chính Linh Đạo dài gần 7 cây số dẫn vào Thập Tam Lăng, xuống tận Địa cung nơi an nghỉ của các Hoàng Đế, cũng như đã thể hiện bên trong mấy vòng thành cao bao quanh các cung điện, đền vua và thái miếu. Tuy chịu ảnh hưởng từ ngôi lăng mộ của vị Hoàng Đế sáng lập hoàng triều, Hồng Vũ, ở Nam Kinh, nhưng mười ba lăng tẩm nối nghiệp về sau được người đời biết đến nhiều hơn, nhờ kiến tạo hoàn toàn đầy đủ hơn, tuy có nhiều cái kích thước nhỏ hơn, bố trí có vẻ đơn giản hơn, nhưng lại được trang hoàng lộng lẫy, tráng lệ hơn nhiều.

Toàn diện địa Hoàng Lăng triều Minh ở phía Tây Bắc kinh thành Bắc Kinh, chiếm một thung lũng diện tích khoảng 40 cây số vuông, với đầy đủ những rừng núi sông hồ đã được bảo tồn làm nơi an nghỉ nghìn thu cho 13 vị Hoàng Đế (1409 - 1644), 23 Hoàng Hậu cùng nhiều Hoàng Quý Phi và các Hoàng Tử, Công Chúa. Noi gương các hoàng triều, các vương công đại thần quyền uy giàu có thuộc những thế-hệ trước, qua nhiều ngàn năm trong xã hội phong kiến, các nhân vật trong hoàng gia Minh triều đã thu góp vô số những châu báu, cống phẩm, đồ nhứt dụng, mỹ nghệ phẩm, đồ thủ công, nữ trang, bảo điển, sách quý, họa phẩm, thư pháp, văn phòng tử bửu và cả những kết quả khảo cứu khoa học, được chôn theo họ dưới mấy tầng đất. Những địa cung rộng lớn này đã trở nên những kho bảo vật kìn đáo, tàng trữ những chất liệu giá trị hiếm quý cho người ngày nay nghiên cứu lịch sử Trung Hoa và những di tích văn hóa quý báu cho nhân loại đời sau thường lãm ●



Vườn thơ Viên Giác

Những tâm lòng Xuân

● Phù Vân phụ trách

Những lớp tuyết phủ trắng mùa Giáng Sinh cũng đã tan, những cơn mưa phùn cuối năm cũng không dai dẳng nữa, nhưng giá buốt vẫn còn vào độ chớm xuân. Xuân trên xứ người, tưởng như cái lạnh lại càng lạnh hơn. Lạnh bên ngoài. Lạnh trong tâm. Lạnh xót xa những nỗi nhỏ, những nỗi tiếc thương.

Có những ngày cuối năm như hôm nay, ta mỗi cảm niềm hết những dần vật nhỏ thương về quê hương, tuy không ngăn trũng điệu vội, mà cách trở khó về. Những lời thề, những tấm lòng son sắt đấu tranh, những nhục nhân dĩ vãng, những vàng son kỷ niệm, những buồn vui vinh nhục, những tình cảm gắn bó với phố thị ruộng đồng như một cuốn phim đời mình tuần tự diễn ra trước mắt... Nhưng cũng chỉ thêm tiếc nuối nhỏ thương!

Một người bạn điện thoại chia sẻ với tôi những xót xa khi biết tôi chưa có dịp trở về vấn an mẹ già, anh chị em, thân nhân, bằng hữu; cảm thông với tôi những dằn vặt giữa tình riêng và nghĩa chung, giữa tiểu ngã và đại ngã. Chung cuộc, tôi vẫn còn đây gậm nhấm lòng hoài hướng để thấy đời mình vẫn chưa lật sang trang sử mới.

Không ai bắt ta phải giữ tấm lòng trung với chế độ. Không ai bắt ta phải phục vụ cho một chính quyền mà nhân cách và sĩ khí của một con người không cho phép, trừ phi ta tự nguyện còng lưng nhắm mắt vì bả lợi danh!

Không phải riêng mình, mà còn rất nhiều người vẫn quyết không về, khi quê hương vẫn còn nhầy nhựa bóng ma cộng sản. Thế nhưng, tấm lòng của họ đối với quê hương lúc nào cũng tràn đầy thương nhớ, đối với tha nhân lúc nào cũng ngọt ngào lưu luyến. Xuân về, xin ghi Những Tấm Lòng Xuân ngậm ngùi cho mình, thiết tha cho người, với với cho đất nước.

*

Thời gian thường cướp mất tuổi xuân, tiêu mòn sinh lực của người- nhất là những người tù cải tạo dưới chế độ cộng sản thì lại càng thể thảm hơn; những hào khí vẫn còn tiềm tàng không những chỉ qua ánh mắt

tin anh, tiếng nói cương quyết mà còn qua những lời thơ nung nấu ý chí đấu tranh.

Đọc thi tập "Lời Một Người Tù" có thể người ta sẽ tìm được giải đáp về nan đề "Cuộc Chiến Tàn Chứa?" hay "Cuộc Chiến Chứa Tàn?" mà trước đây người ta đã nêu ra!

Thi tập "Lời Một Người Tù" của chiến sĩ Nguyễn Văn Trọng do Văn Phòng Ty Nạn Và Di Dân Massachusetts / Hoa Kỳ xuất bản năm 1998. Nguyễn Văn Trọng, cựu Trung Tá Quân Lực VNCH, khóa 13 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, bị lao tù cải tạo 10 năm.

"... Mười năm với một nhà thơ chuyên nghiệp, quen tay vung vãi vần điệu, thì có thể thơ đã lấp đầy những hố thời gian vô vọng, dù ngày tháng vẫn xoáy mòn tâm hồn thi sĩ, bởi nỗi ưu tư, nhưng nhờ không gian nào đó ở bên ngoài trại tù cải tạo. Song, mười năm dài đằng đẵng với người không hoặc chưa từng làm thơ, thậm chí không hoặc chưa yêu thích thơ, hoặc giả cũng có đôi khi hoặc hơn một lần làm thơ chơi, thì chao ôi, tử tưởng nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại, thật đúng quá. Hướng chi người lại đang ấp ủ một tâm tình dang dở, một hoài bão nấu nung, thì tâm trạng tù nhân ấy lại càng thêm bút rứt, bi phẫn lảm..."

(Cao My Nhân- Thay Lời Tựa).

Cũng như hàng chục ngàn chiến sĩ khác, tôi đã trải qua những trại tù cải tạo Suối Máu, Phú Quốc, Long Giao, đã hưởng những mùa Xuân trong lao tù cộng sản. Dù mấy lớp hàng rào kẽm gai vây kín cuộc đời, dù núi rừng biển cả che khuất tầm mắt, dù mồ hôi đã đổ trên những công trường hành hạ xác thân, dù máu đã rơi do những đòn thù hèn hạ, dù mưa nguồn thác lũ nắng cháy da người, dù những cơn bệnh trầm kha, những vết thương lở loét chẳng có thuốc men...nhưng tôi vẫn mơ thấy ngày mai có tiếng chim hót gọi mùa xuân, có mai vàng trên quê hương Việt Nam một ngày quật khởi. Đó là hy vọng, là niềm tin, là ý chí kết tinh thành mùa Xuân vĩnh cửu nuôi dưỡng chúng tôi sống qua những tháng ngày đọa đày:

Hôm nay vào Xuân
Mùa Xuân tù thủ tám
Dù mây còn ảm đạm

Nắng nhạt mờ ngày tháng có lẽ thê
Tường cao chắn lối ta về
Kẽm gai xây tròn ánh mắt
Ai bảo rằng tất cả ta đã mất
Không!
Mùa Xuân vẫn có trong ta
Trong khối óc, con tim, làn da và thổ thịt
Trên con đường ta đi tới
Có chim ca, có mai nở lung đờ
Có tiếng hát mùa Xuân trở mới
Mùa Xuân của miền Nam quật khởi!

...
Thép có tôi lâu thép càng giá trị
Chỉ có kiên trì mỗi thắng bọn li cộng sản
Phải có niềm tin mỗi đánh gục bạo tàn
Rèn rỉ buồng xuôi là đầu hàng lũ quỷ
Thoáng trong ý nghĩ hưởng Xuân
Tôi thấy lòng thương về dĩ vãng
Thưởng tuổi xuân, thưởng kỷ niệm chiến trường
Thêm các niên trường đã một lần cho tôi
nhận chân thêm lẽ sống

(Lời Cho Một Mùa Xuân)

Những niên trường của Nguyễn Văn Trọng, vì "Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm", đã ra đi, đã tuần tử, như Nguyễn Khoa Nam, Phạm Văn Phú, Lê Văn Hùng, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vỹ...nhưng đời đời được tổ quốc Việt Nam vinh danh, được nhân dân tưởng niệm.



Nguyễn Văn Trọng (trước 30.4.1975)

Thế cho nên, những chiến sĩ như Nguyễn Văn Trọng, dù khi còn bị giam giữ trong Trại Xuân Lộc vào năm 1983, anh vẫn hướng đến một ngày mai, có tự do, có mùa Xuân nồng ấm Việt Nam:

...
Hãy hướng tôi ngày mai
Trời sẽ sáng!
Con đường ta đi gió lộng thênh thang
Nắng tự do hồng rạng
Cho mùa Xuân thêm ấm thêm nồng
Cho mùa Xuân ấm tràn sức sống
Xin cho ta được ngủ yên giữa mùa Xuân
Việt Nam
thanh bình không cộng sản
(Lời Cho Một Mùa Xuân)

"...Trước đây, tôi đã hân hạnh được xem quyển truyện *Những Hồi Ký Trại Kiên Giam*, một tác phẩm xuất sắc rất có giá trị của ông Nguyễn Chí Thiện. Tôi cũng đã được như sống với chính bản thân mình qua tuyệt phẩm thi ca *Hoa Địa Ngục* của nhà thơ bất khuất Nguyễn Chí Thiện. Và hôm nay tôi lại được xem *Lời Một Người Từ* của chiến hữu Nguyễn Văn Trọng, một người lính trong *Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa*. Thơ của anh Trọng không chải chuốt, bóng bẩy, không nhiều mỹ từ làm lộng lẫy văn chương, mà là những lời tâm tình thấm thiết, thẳng thắn, chân thành, có sức âm vang của một con người không khoan nhượng trước kẻ ác, nhưng không thiếu lòng nhân hậu của người đối với người..." (Lê Minh Đào - Lời Tựa).

Kiên định lập trường, đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù, nhưng lại rất kiên ái với bạn. Bạn, không hẳn là người gần ta để nương tựa nhau cùng tiến bước, Bạn, chứa hẳn phải là người đồng trường đồng lớp để ta rõ tông tích khi cần cộng sự. Bạn, phải là người cùng chí hướng, cùng lý tưởng đấu tranh, nhận lãnh trách nhiệm khi tổ quốc lâm nguy, dù:

*Anh từ đất đồng chua
Tôi từ vùng biển mặn
Lõn lên giữa miền Nam mưa nắng hai mùa
Đất nước yên vui
Bỗng đứng bưng khói lửa*

...
*Anh già từ sách vở
Trường làng xưa hôn hồ tiễn anh đi
Tổ Quốc lâm nguy
Tôi vụt áo thứ sinh tay kiếm lên đường
Tất cả vì quê hương
Tất cả cho yêu thương
Giục già anh và tôi bước nhanh vào trận tuyến*

(Anh Và Tôi)

Dù phải băng ngàn lợi suối, dù phải giải nắng dầm mưa, dù đã từng sống căng thẳng từng phút từng giây trong cuộc chiến sống còn với địch, nhưng người lính cộng hòa vẫn không phai dòng máu lãng mạn, với "hoa nở thắm chiến y, pháo ran trên đầu súng, cánh bướm rừng tở đẹp túi hành trang...", vẫn không quên những mùa Xuân, ôi:

...
*Những mùa Xuân đi qua
Hoa nở thắm chiến y
Pháo ran trên đầu súng
Cánh bướm rừng tở đẹp túi hành trang
Anh vượt suối băng ngàn
Tôi trò đùa lợi suối
Thức trắng đầu canh anh chờ địch tới
Giải dầm mưa nắng tôi kích địch sang
Từng chiến công thầm lặng
Ta viết nên chiến thắng tự hào*

...
*Cuộc chiến hôm qua anh chưa một lần ngời ngời
Chặng đường lịch sử quân hành tôi chẳng chút rảnh tay*

Họ đã quên những chiến công thầm lặng, những chiến thắng huy hoàng, bởi cuộc chiến vẫn còn tiếp diễn. Đón vị chưa

được dưỡng quân, bạn chưa rời tay súng. Còn riêng anh cũng phải tiếp tục nhịp bước quân hành, đường đầu với mộng thôn tính miền Nam.

Đành thôi! Trời không thương người lành! Non sông ngập loài quỷ dữ. Người chết tức tưởi không chịu siêu sinh. Người sống ôm hồn, nuốt tui. Kẻ đi tàn, vượt biên, người làm thân tù cải tạo:

...
*Những than ôi!
Đất trời miền Nam đến hồi suy vận
Nức nở non sông
Đau xót phố phường
Định mệnh đưa anh và tôi vào thân phận
Anh cúi đầu nuốt hận
Tôi gục mặt ôm hồn*

(Anh Và Tôi)

Bài thơ trên, anh Nguyễn Văn Trọng đã viết âm thầm trong Trại 8, Liên Trại 4 Yên Bái vào tháng 9.1977 để nhớ tới những ngày xưa. Những ngày xưa hiển hách, chiến thắng quân thù dưới ánh hòa châu.

Tôi không có những kỷ niệm đáng nhớ ở chiến trường, không có những ngày Xuân ở chiến hào để nhìn những cánh mai rừng khoe sắc ở những tiền đồn heo hút, để thắm hát bài ca gọi mẹ "Xuân Nay Con Không Về". Tôi không nhìn thấy ánh sáng hòa châu rực rỡ trong những đêm dài núi rừng rợn rã những cuộc giao tranh. Tôi không trải qua những nỗi kinh hoàng tột độ giữa tiếng đạn reo pháo nổ, giữa sống chết trong đường tở kẻ tở. Nhưng tôi đã là chứng nhân của những đêm khuya với vợ ánh hòa châu rơi, để lòng xốn xang thương cho đời lính. Tôi cũng đã nhiều đêm thức trắng dưới hầm sâu trốn đạn pháo kích của những người "anh em nhân danh giải phóng" bắn phá vào thị thành để làm quà Tết cho Bác và Đảng.

Ngày xưa ấy, ngày xưa ấy lưu luyến làm sao. Mỗi phút trôi qua, hoài niệm dạt dào. Thương thân mình lưu lạc tha hương, thương đồng đội bốn phương chìm nổi. Ôi chiều cuối năm hẳn lên nỗi nhớ:

...
*Ngày xưa ấy, thường dáng Xuân ký ức
Cánh mai rừng tở đẹp chiến hào sâu
Giao Thừa ôi! Đêm chiến thắng nhiệm màu
Đất nước vào Xuân hòa châu rực lối*

*Ngày xưa ấy thường chiến trường mờ hội
Súng cầm hồn tung pháo lửa mừng Xuân
Mến gạo Ba-Na, yêu chén rượu Cần
Thường bó măng le quà Xuân tiên tuyến*

*Ngày xưa ấy, giờ đây buồn lưu luyến
Năm mà nhỏ về sông biển mưa nguồn
Chiều cuối năm thường lời nguyện hoàng hôn
Thường mỗi phút đi qua trong hoài niệm.*
(Ngày Xưa Ấy - Trại Vĩnh Quang / Vĩnh Phú 1977)

Thường mỗi phút trôi qua trên nỗi buồn năm tháng, thường lời nguyện hoàng hôn trong chiều cuối năm. Thi nhân trở về với đức tin, lời thánh ca vang dội trong giáo đường, lời kinh nguyện cho mùa xuân rực

r rỡ trong tình thương Thiên Chúa và Mẹ Maria:

*Anh sẽ về, mùa xuân chim én liệng
Bài thánh ca vang dội khắp giáo đường
Lời kinh cầu ánh nến rực tình thương
Của Thiên Chúa, Mẹ Maria vinh hiển*
(Trần Mặc)

Bởi từ trong tù ngục, người thơ Nguyễn Văn Trọng vẫn luôn hàng tưởng đến Mẹ, vẫn thương những ngày tháng Mãn Côi, nên mỗi hạt Mãn Côi đã trở thành một đóa hồng dâng Mẹ:

*Giữa những đêm đen tù ngục
Tôi vẫn thức
Lòng mãi rực niềm tin
Xin thương lên ngày tháng Mãn Côi
Mỗi hạt chuỗi là hoa hồng dâng Mẹ...*
(Niềm Tin Mãn Côi)

Thế cho nên anh vẫn cầu xin, vẫn hằng nương cậy:

...
*Tôi ở đây tìm vui nơi Thánh Giá
cậy nhờ
Niềm an ủi qua những ngày Chúa định
Lòng thăm gọi xin ơn Người-Quyền-Bính
Cứu chúng con, cứu cả Việt Nam này...*
(Lại Một Giáng Sinh)

và: ...
*Và ước một ngày lành
Vâng theo thánh ý
Cầu xin thấy Nước Trời
Và cuộc sống đời đời
Để hận thù không còn thù hận
Để khổ đau không còn đau khổ
Máu ngừng đổ
Nước mắt thôi rơi...*
(Đã Bày Noël)

"...Đọc thơ Nguyễn Văn Trọng, anh em cựu tù nhân chính trị và các chiến hữu trong QLVNCH, những người đã từng là nạn nhân của sự trả thù hèn hạ phi nhân của cộng sản Việt Nam sẽ thấy được một phần lớn những suy nghĩ, những tâm tư trăn trở của chính mình qua những năm tháng dài nóng bỏng trong địa ngục đỏ, cái gọi là trại cải tạo của cộng sản..." (Lê Minh Đào).

Cùng thời gian mười năm, nhưng không là mười năm tù cải tạo như trường hợp của chiến hữu Nguyễn Văn Trọng, mà là mười năm làm kiếp lưu dân của cụ bà Trình Chung- một nhà thơ lão thành tại Canada mà có lần người phụ trách đã giới thiệu trước đây không lâu trên báo Viên Giác.

Mười năm của thi nhân Trình Chung là dấu ấn thời gian hy vọng thấy được chế độ cộng sản sụp đổ, nhưng chỉ có chế độ cộng sản Đông Âu thoái trào, nên hoài vọng của bà tiêu tan.

Trong khi ở Canada, ở Âu Châu là mùa đông tuyết trắng phủ kín cuộc đời lữ thủ, thì ở Việt Nam là mùa Xuân mai đào rực rỡ. Nhưng mùa Xuân thực sự có an vui đoàn tụ gia đình, có cây nêu pháo Tết theo ý nghĩa truyền thống hay cũng chỉ là những vẽ vời gian trá thành bộ mặt tự do nhân bản của

tập đoàn lãnh đạo để tuyên truyền đối gạt các nước tây phương, nhằm đánh bóng chế độ.

Nhà thơ trở về dĩ vãng, cũng là những ngày xưa ấy, Tết đến Xuân sang, mai vàng trước ngõ, pháo nổ đầy sân. Quê hương Quảng Trị, Cam Lộ, Hiếu Giang. Giở quan san cách trở, chỉ tìm lại quê hương trong mơ, gặp lại bạn bè trong mộng. Ôi, tình này, cảnh đó. Ai đã làm ra nông nỗi đoạn trường:

*Đêm nay lũ thú quê người
Quanh vườn tuyết phủ, trắng ngời song
thửa*

*Hình dung tưởng lại quê xưa
Nhỏ sông Cam Lộ, nhỏ bờ Hiếu Giang
Nhỏ ngày Tết đến Xuân sang
Pháo đầy trước ngõ, mai vàng trở bóng
Nhà thờ tổ ngát hương trầm
Gia đình sum họp đón Xuân rộn ràng
Ưu tú trí nghĩ mở mang
Trăng khuya đôi chiếu, dạ càng vấn vương
Chạnh lòng tưởng nhớ cố hương
Biệt ly thăm thẳm ngàn phương xa vơi
Nào lòng tấc dạ khôn người
Mười năm hy vọng tan rồi còn đâu
Quan sơn cách trở bóng cầu
In sâu trọn khối buồn đau suốt đời
Lệ tràn khoe mắt đầy vơi
Nhỏ bao kỷ niệm một thời ấu thơ
Tìm nhau trong những giấc mơ
Giật mình tỉnh dậy ngỡ ngàng trăm đường
Vần thơ bạch tình trường
Cả tình bạn hữu người thường đậm đà
Tâm tử in bóng quê nhà
Nỗi tình, nỗi cảnh lòng pha hận sâu.*
(Xuân Xưa)

Rồi thời gian âm thầm trôi qua, mùa Xuân lại đến, nhưng người vẫn chôn chân nơi đây. Cánh chim giang hồ đã chùng bước. Lòng vẫn nặng nỗi buồn thiết tha mong về cố hương và nuôi hoài vọng một ngày đất nước đổi thay, thi nhân trở về tìm lại hương trầm thanh thoát trong đêm Giao Thừa, thấy mình thoát khỏi cuộc đời tục lụy theo làn hương khói ngày Xuân.



Cụ bà Trinh Chung

Xuân đã về trên đất khách, xin thành tâm đốt một lò trầm, thắp những nén hương khẩn nguyện cho người cho quê hương sớm thoát cảnh điêu linh. Chế một tuần trà cho mình thấy đậm đà nỗi nhớ, chúc chén quỳnh tương cho hơi men đưa hồn mình lâng lâng về dĩ vãng. Ôi:

*Tha phương đứng ngắm Xuân về
Hoài trông cố quận lòng thì thiết buồn*

...
*Đêm Xuân phảng phất hương trầm
Gió Xuân phôi phôi, lòng trần sạch tan
Giao Thừa đèn nến sáng choang
Tâm hồn thoát tục theo làn khói hương
Thường Xuân nhấp chén quỳnh tương
Hơi men quỳnh vơi hơi hương nhẹ nhàng
Thoáng vui lòng luống bê bàng
Trông vơi cố quận lòng càng xót xa
Bao giờ ổn định quê nhà
Lũ trầm khói tỏa, đèn hoa rờ ràng
Đỏ thành nhíp bước cuối vang
Gia đình đoàn tụ, cổ vàng tung bay.*
(Xuân Về Đất Khách Nhớ Quê Hương)

Ai đã làm cho nước mất, nhà tan, gia đình ly tán? Ai đã đuổi người lên núi khai hoang lập ấp, bắt người đi vùng kinh tế mới đồng chua nước mặn? Ai đã xua người ra biển, lia bỏ quê hương? Ai đã đẩy người đi làm nghĩa vụ quốc tế, đổ máu xương ở chiến trường Cam-Bốt? Ai đã đem con bỏ chợ ở các quốc gia Đông Âu trong danh nghĩa trao đổi lao động quốc tế mà thực chất là để trả nợ chiến tranh?

...
*Ai làm phiêu bạt tha phương
Quan sơn muôn dặm, vấn vương quê nhà
Nhỏ ngày thất thủ quê ta
Nỗi đau ly biệt, cảnh nhà nát tan.
Căm hờn giặc cộng dã man
Máu sâu kẻ hiểm, khó an lòng người.*
...
(Xuân Về Nhớ Đến Cố Hương)

Ngoài những vần thơ lục bát nhẹ nhàng thấm chút u hoài về nỗi nhớ quê hương, cụ Trinh Chung còn sáng tác nhiều bài thơ cổ phong, diễn đạt thân phận cô đơn trên xứ người với tấm lòng khắc khoải khôn nguôi về cố hương mà mặt nghin trùng, về bạn hữu cách biệt ở hai phương trời khó có ngày tương hội.

Mỗi lần qua phố nhỏ, gặp những bà cụ thân quen ngồi lặng yên nhìn người qua kẻ lại, tự nhiên tôi thấy lòng mình quặn thắt, nhớ đến mẹ tôi. Giờ bà hẳn cũng đã quá già trong mòn mỏi chờ đợi tôi về...

Tôi muốn nói với mấy cụ những lời thăm hỏi, nhưng lòng tôi lại nghẹn ngào rừng rưng. Lốp tuổi của họ, nếu không quanh quẩn trong nhà thì cũng cảm thấy lạc lõng ở ngoài xã hội. Vì thế các cụ mong gặp nhau, cần có nhau để cảm thấy mình bớt lẻ loi trong dòng sinh hoạt xô bồ của người bản xứ. Chao ôi:

*Lại một Xuân cô quạnh nữa rồi
Tháng ngày khắc khoải, cảnh đờn coi
Người đi không hẹn ngày tương hội
Kẻ ở phương trời đợi mãi thôi.*

*Xuân sang, đổi tiết khác gì đông
Gió cuốn, mây bay, tuyết ngập đồng
Thu lại, hè qua, thân chiếc bóng
Cõi lòng băng giá, thần thờ trông.*

*Tưởng nhớ Xuân xưa, mãi hương về
Thân mình trọn gói chốn thôn quê
Trông thời niên thiếu, ngày Xuân trước
Một buổi chiều Xuân, nặng tiếng thề.*
(Lại Một Mùa Xuân)

Cũng may quý cụ đã không uống rượu để khuấy quên dĩ vãng, bắt bị thương thân thể, vơi đi nỗi hận thế gian phụ rẫy. Cung đàn cũ, khách tri âm xưa. Kỳ niệm đầy vơi, thời gian nào biến đổi, nên nỗi lòng của thi nhân càng thêm u uẩn khôn cùng.

Tóc đã bạc, mộng cũng hao mòn. Dĩ vãng đã mù xa trong tầm trí nhỏ, mà tương lai thì mờ mịt ngàn khơi. Thế thôi:

*Thế gian phụ rẫy khách phong trần
Hoạt cảnh ngày qua khó hận phân
Rượu uống tim quên, vơi chuyện cũ
Khôi lên nguồn tử, khó gieo vần.*

*Cung đàn vắng bóng khách tri âm
Kỷ niệm xa xưa, tưởng nhớ thăm
Mầu nhiệm thời gian không biến đổi
Nỗi lòng u uẩn của thi nhân.*

...
*Tóc đã phờ phờ nhuộm mái đầu
Mong gì nghĩ đến chuyện mai sau
Tưởng lại, dĩ vãng theo dòng nước
Cuốn tròn chông gai đổ hận sầu.*
(Xuân Cảm Khái)

Cũng trong niềm cảm khái đó, nhà thơ Trinh Chung còn sáng tác những bài thơ Đường luật- là mỗi sở trường của tác giả, để diễn đạt những cảm xúc của mình trong những ngày đầu năm khai bút hay trong những lúc xuống họa vởi thi nhân đồng điệu nhân dịp xuân về:

*Mỗi lần Xuân đến nhớ quê hương
Đôi mắt mở xa vạn dặm trường
Lặng lẽ trông: Hoa cuối trước gió
Thần thớ nhìn: Đóa cúc tàn sương
Giọt thủy ly quốc, đời phiêu bạt
Lê bước lưu hành, giọt bốn phương
Mực kích thế cờ, chung kết cuộc
Thỏa lòng mong mỏi, mộng hoài vương.*
(Xuân Kỳ Dạ Đã Đến)

*Mỗi đó mà ta bầy chín rồi
Kỳ hồ lang bạt nợ đời vơi
Hương về đất mẹ, đánh văng dạ
Rời khỏi quê cha, lỡ khúc cuối
Mây tạo xoay vần, lưu dấu vết
Tình người thay đổi, biệt tâm hồi
Ôi thời triết lý làm chi nữa
Sống chết rồi ra cũng một đời.*
(Cụ Bồi Hoàn - Tân Xuân Cảm Khái)

*Thắm thoát mười năm vắng bóng rời
Bao lần tưởng lại dạ đầy vơi
Cố nhân giả biệt, mắt ngời hận
Tri kỷ rồi xa, miệng vắng cười
Tuyết lạnh tha hương rơi trắng xóa
Hàn băng lũ khách, bốc mờ hơi
Kiên cường nhẫn nại còn hy vọng
Thế cuộc vẫn xoay sẽ đổi đời.*

(Bài họa của cụ Trinh Chung)

Tiếp đến tôi xin giới thiệu một trong những nhà thơ mà tôi mến mộ là **Thái Tú Hạp**, dù tôi chưa hề gặp mặt. Nhưng tôi vẫn phải một lần tâm sự thăm đêm suốt sáng hay không để mời vờ ra nguồn cảm thông? Qua thơ anh- thơ theo khuynh hướng trữ tình, tôi tìm thấy ở anh một tâm hồn hiền

hòa rất gần gũi và trung hậu của dân tộc mình.

Thế cho nên, thế giới trong thơ của Thái Tú Hạp là một cõi không gian huyền diệu, u trầm tĩnh mặc, có những dấu chân hoài niệm còn in trên lớp rêu phong, có ánh nắng lung linh trên màu cỏ hoa, có tiếng suối róc rách theo nhịp rung động hài hòa của trái tim.

Thế giới trong thơ Thái Tú Hạp là một bóng mát để ta dừng chân tạm nghỉ trên một chuyến hành trình đi tìm cái đẹp vĩnh hằng, đi tìm một chốn an lành vĩnh cửu trong băng bạc màu Thiền và trên cõi cao vời thâm sâu của Phật Giáo.

Thế giới trong thơ của Thái Tú Hạp là dòng suối mát để ta soi mình dưới nước, thấy bóng mình lung linh trong tiểu ngã và chợt tỉnh thức hòa trong đại ngã trong tâm lượng bao dung của đất trời, trong huyền nhiệm chuyển hóa của biển cả...



Thái Tú Hạp

Thái Tú Hạp là cây bút đã thành danh vào thập niên 60, sinh tháng 4 năm 1940 tại thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam. Từ năm 1956 đến 1975 đã liên tục đăng thơ trên các tạp chí văn nghệ ở Sài Gòn như Bách Khoa, Văn, Giữ Thơm Quê Mẹ, Văn Học, Khởi Hành, Gió Mới, Nghệ Thuật, Ngày Nay, Tiền Phong, Mai...

Trước 1975 Sĩ Quan QLVNCH. Sau 1975 đi tù, vượt biển, làm báo. Chủ trương nhà xuất bản Sông Thu. Cùng với Ái Cầm chủ nhiệm kiêm chủ bút Tuần báo Saigon Times tại Hoa Kỳ.

Tác phẩm đã xuất bản: Tuyển tập *Sông Thu* (thơ, 1962) với Thành Tôn và Hoàng Quy; *Thềm Vẽ* (thơ, 1970); *Chim Quyên Lạc Ngân* (thơ, 1982); *Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại* (tuyển tập, 1985); *Miền Yêu Dấu Phường Đông* (thơ, 1987); *Thơ Văn Phật Giáo* (tuyển tập, 1983); *Hạt Bụi Nào Bay Qua* (thơ, 1995), Chủ biên *Tập San Quảng Đà* nhiều năm.

Tác phẩm sẽ xuất bản: *Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại* (tập 2); *Bên Ngàn Lau Xanh* (tùy bút); *Tuyển tập Thơ Nhạc* (Thái Tú Hạp và nhiều nhạc sĩ); *Giở Trang Vô Tự Trắng Nhòa Sắc Không* (thơ).

Rồi mùa xuân mời gọi, tôi đi vào khung trời đào trắng mai vàng. Quê hương thực thể vào xuân hay lòng tôi mở tưởng, khi sáng nay thức dậy đọc thơ Thái Tú Hạp, bàng hoàng nghe những âm vang thương đau tử bên kia bờ đại dương vọng lại rồi chung hòa trong tiếng chuông ngân tại thế thánh thiện, thiêng liêng, màu nhiệm để cứu rỗi, để giác ngộ.

Tiếng chuông réo gọi người về với quê nghèo đổ nát để dựng lại mái ấm hạnh phúc, về với núi rừng non cao, nghe tiếng suối ngọt ngào yêu dấu.

Mùa xuân, những ước mơ thật lành, như:

...

Sáng nay

Nghe tiếng chuông ngân thánh thiện

Mùa xuân mời gọi thiêng liêng

Như chính lòng ta vô nhiễm

Vừa thức dậy bàng hoàng

Những âm vang đã tắt lịm từ vực thẳm đau thương

...

Réo gọi ta về

Dựng lại căn nhà hạnh phúc

Giữa mùa xuân Pháp Hoa

Trên mảnh đất quê nghèo đổ nát

Ta dắt diu em về

Trồng lại luống hoa

Nghe suối hát trong rừng Viên Mãn

Đời có nhau chân thật tình yêu

(Vấn Yêu Em, Mùa Xuân)

"Đời có nhau chân thật...", tình vẫn mãi lưu hương. Cỏ sao ta không trân trọng, nên hường tóc người yêu mờ phai trong gió. Cỏ sao ta không gìn giữ, nên chim quyên cũng lạc cuối trời. Giở trở lại chốn xưa, mong lần nữa hạnh ngộ trong vườn hoa hoàng lan. Nhưng lan nay đã tàn, ta ngậm ngùi lê chân về cuối phố, nghe sầu nát tan.

Nắng chiều còn luyến lưu trên xóm vắng, con chim nhỏ cũng lạc loài như ta. Con đường về mệnh mông trần thế, huyền hoặc cơn mê, mập mờ như ánh sao khuya lãng đàng trôi trên dòng sinh tử.

Ừ nhỉ, một mình em trùng điệp với non ngàn và em có thấy không, trong vườn xuân hạnh ngộ "hoàng lan xưa vẫn nở trên từng nhánh thơ ta":

Trong vườn xuân hạnh ngộ

Hoàng lan hiu hắt tàn

Dấu chân về cuối phố

Nghe sầu vỡ trầm năm

Chiều qua hiện tiểu muội

Nắng sót trên cành lan

Chim lạc loài hỏi khách

Xóm vắng buồn mệnh mang

Còn đâu hương tóc em

Hoàng lan nao nức nhỏ

Phố cũ chiều lang thang

Đường rêu hoang lệ nhỏ

Trong vườn tâm trần thế

Đời huyền hoặc cơn mơ

Trôi trên dòng sinh tử

Nhòa khuất như trắng sao!

Núi non vấy trùng điệp

Một mình em xót xa

Hoàng lan xưa vẫn nở

Trên từng nhánh thơ ta!

(Trong Vườn Xuân Hạnh Ngộ)

Xuân lại về. Những tàng cây trở trụ mùa đông nay đã chuyển mình với mầm xanh lá mới, với nụ mầm thiên thu trở dậy như đời đời kiếp kiếp hóa thân trong vòng sinh tử luân hồi. Mùa xuân muôn năm cũ trở về như vòng quay thời gian nghiệt ngã âm dương.

Phải chăng chỉ mình ta bị cuốn hút vào dòng suy tưởng, rằng tử vô lượng kiếp tình yêu mùa xuân vẫn mãi mãi tình khôi?

Phải chăng em vì ta mà đến, có sá gì rừng núi bao la, có sá gì lửa cháy trong thạch thất, bởi trong em, tình yêu cao rộng hơn núi rừng, còn nóng bỏng hơn lửa cháy?

Từng nhánh cây đứng im

Nụ mầm thiên thu nẩy

Khu vườn rộn rã chim

Mặt trời vừa thức dậy

Lá lao xao hát thầm

Mùa xuân muôn năm cũ

Đã về trên đọt cây

Khi sương còn ngái ngủ

Chỉ một mình ta thôi

Trôi theo dòng suy tưởng

Những tình xuân vô lượng

Rót tử cõi nguyên khôi

Lửa tàn trong thạch thất

Rừng khoác kín đôi chân

Em vì ta bước lại

Tử đó ra lộc xuân.

(Từ Đó Ra Lộc Xuân)

Vẫn những nhịp ngũ ngôn buồn bã lạnh lùng giữa khung trời trùng trùng tuyết phủ. Quan san cách trở, bằng hữu xa xôi, chỉ còn mình ta trong thạch thất đốt lửa ươm sầu. Trên cánh đồng tuổi nhỏ, con chim quen cũng biến biệt xa bay. Ôi phương đông-quê hương tội nghiệp của ta ơi "đất cây lên sỏi đá", mùa xuân phủ đầy màu trắng mây bay!

Những cánh én đã về, mùa xuân đã tới. Ta vui mừng báo tin cùng thế giới, đất nước ta có mùa xuân, có hồn thiêng tổ quốc Việt Nam.

Những đó là mùa xuân an bình của những ngày xưa cũ, của thuở ta còn sống trên quê hương, đó là mùa xuân tình khôi nguyên vẹn trong quận thất về quê cũ:

Tin thơ từ ải nhạn

Bốn phương tuyết trùng vây

Lửa sầu trong thạch thất

Bạn hiền thăm thăm xa

Trên cánh đồng lã vọng

Không còn dấu chim quy

Chiều phương đông đá dựng

Mùa xuân mây trắng bay

Bao giờ chim én lại

Mùa xuân sông núi ta

Mọc lên từ hơi thở
Từ mạch máu ra hoa.

Báo tin cùng nhân loại
Ta cũng có mùa xuân
Ta vẫn còn đất nước
Tiếng gọi hồn Việt Nam.

Mùa xuân chưa kịp tôi
Sầu đã cấy trong tim
Tiếng cười phiên chợ Tết
Trên cánh đồng quê hương.

...
Tin nhận phiếu du rồi
Hạt mầm hủ vô nấy
Mùa xuân còn tình khời
Trong hồn ta cố quận.
(Mùa Xuân Tinh Khôi)

Ta lại gặp một Thái Tú Hạp trong nhịp điệu lục-bát thánh thót nổi muộn phiền, vắng nụ cười u trầm phương đông- cái "Miền Yêu Dấu Phương Đông" tội nghiệp của những thuyền nhân thế kỷ 20 đã phải đứt ruột rời bỏ quê hương. Mùa xuân trên hải đảo chạnh lòng nhớ cố hương, nhớ em. Thời từ đây biệt biệt nhân gian, xa vắng cội nguồn:

Cõi khuya quạnh quẽ em về
Nhờ chân chiếu dấm nổi tê tái buồn
Mùa xuân hải đảo kinh hoàng
Đời mưa bão lạnh thêm vàng vô tội
Chút than lửa đó phận người
Chiều u thắm bật tiếng cuối đông phương
Thôi còn đâu nữa hương đường
Quê nhà chỉ thấy khói sương tỏa mờ
Còn em vườn cũ trong thỏ
Hoa chanh thơm nức tóc bờ vai ngoan
Chuông ngân động cánh mai vàng
Tình cho nhau mấy dặm ngàn chân vui
Giờ xanh bóng liễu ngậm ngùi
Bên sông cánh hạc lừng trời vút xa
Đêm nay rớt giọt mưa sa
Nhân gian biệt biệt cảnh hoa cội nguồn
Tán xuân hiu hắt phố buồn
Cố hương dao cắt mỗi mòn châu thân
Hồn sông núi vẫn cứu mang
Đào hoa còn nhỏ, nắng vàng bên sông?
(Xuân Ngàn Dặm Xa)

Cuối cùng phải nói đến nghệ thuật sử dụng điệp ngữ của Thái Tú Hạp trong bài "Mùa Xuân Yêu Em", làm ta mừng tượng đến tài hoa của Nguyễn Du mà không phải Nguyễn Du, tiếng đàn của Kiều mà không phải nàng Kiều!

Mùa xuân từ thuở yêu em
Núi non xứ Quảng cũng mềm bước đi
Hàng cây nảy lộc thăm thì
Nghe như dòng suối từ bi cội nguồn
Mùa xuân từ độ bao dung
Tiếng chung thủy ở. Tiếng đồng mật vui
Tiếng hồn ghen. Tiếng ngậm ngùi
Tiếng đau dao cắt. Tiếng mùi mẫn yêu
Lúc khuya sớm nở quê nghèo
Lúc chinh chiến lửa phạt treo tuổi mình
Lúc ngã ngựa. Lúc tàn binh
Lúc non cao vẫn trọn tình thăm nuôi
Trùng đong u thắm phận người
Quần quanh hải đảo tiếng cười đắng cay
Xa rồi thác lũ trời tây

Đời hư ảo thoáng chim bay cuối ngàn
Đất trời thơm ngát lộc non
Cho ta xuân thắm vô vàn yêu em.
(Mùa Xuân Yêu Em)

Tiếp đến tôi muốn giới thiệu đặc biệt về Giáo sư Nguyễn Thủy. Đặc biệt, không phải vì anh Nguyễn Thủy và tôi đã thứ từ, điện thoại liên lạc từ năm năm qua mà chưa một lần tương kiến mặc dù anh ở Pháp, tôi ở Đức nào có xa nhau bao nhiêu, mặc dù anh đã lảm lảm qua Đức và tôi cũng đã nhiều bận đến Paris; nhưng cái duyên tướng ngộ vẫn chưa thành tựu

Đặc biệt, không phải anh Nguyễn Thủy cùng với các anh Tạ Kỳ và Bùi Giảng là ba người học trò xuất sắc của Giáo sư Vũ Kỳ hiện ở Bruxelles thuộc Vương Quốc Bỉ. Nhưng cái đặc biệt mà tôi muốn đề cập đến ở anh Nguyễn Thủy là cái **Lê Đạo** trong những bài văn, thơ, biên khảo của anh. Cái Lê Đạo, theo anh, lúc nào cũng tiềm tàng trong ta, bên ta, chi phối hết mọi vận hành của vũ trụ và nhân sinh. Lê Đạo vừa là nguyên lý sinh thành, vừa là dòng vận hành tiến hóa của vạn hữu. Thế cho nên trong các tác phẩm của anh dù bất cứ ở thể loại nào, về bất cứ thể tài nào cũng đều bắt nguồn từ cảm ứng với Lê Đạo.

Thơ, văn, biên khảo của anh Nguyễn Thủy đều thuộc vào loại tử tưởng nhằm vào tương lai chứ không chỉ dừng lại ở đào bồi quá khứ hoặc chỉ nói đến cái "bây giờ" không thôi. Với anh, thơ phải đi vào tư tưởng vì thời đại hiện nay đang ở vào một ngõ rẽ thật lớn: hoặc đi vào thuần trí tuệ, hoặc thuần cảm giác, cảm tính...

Mong rằng chúng ta tìm được nhiều tin vui thanh thoát trong tuyển tập thơ văn "**Thơ Gọi Người Em Không Tên**" của Nguyễn Thủy và Trần Minh Xuân, do Mékong Ty Nạn xuất bản năm 1998 tại Hoa Kỳ.

Hiện hữu trong thơ của Nguyễn Thủy ngôn từ "**Em**" phải được hiểu là Lê Đạo bởi thi nhân muốn lãng mạn hóa Lê Đạo là một người em gái (người em không tên) để thêm thân mật, thêm gần gũi với ta.

Tay trắng, không hành trang và cõi lòng trống không, em đã lên đường đến cõi vô cùng, vô thủy vô chung. Vô niệm ý, vô trùng ngôn, em đã vào cõi vô biên, không bờ không bến, không đầu không cuối. Tất cả trong một vòng chuyển luân, như không gian của tinh cầu, bên này là hoàng hôn đỏ bóng, còn bên kia là bình minh nắng dậy, nên nghiệp quả, luân hồi trùng trùng trên ngàn kiếp sắc-không:

Em lên đường buổi đó
Như gió không hành trang
Em đôi bàn tay trắng
Với cõi lòng trống không.

Em đến từ vô cùng
Mang vô thủy vô chung
Ý trùng trùng vô niệm
Lời trùng trùng vô ngôn

Em đi vào vô biên
Không điểm đầu điểm cuối
Như mặt trời mỗi tối
Sáng bên kia địa cầu.

Em già từ nguyên số
Vào nằm dòng sử máu
Gieo linh hồn nghiệp báo
Sầu nhân quả bỏ vớ.

... Cũng trong bài "**Em Lên Đường Buổi Đó**", "**Người Em Không Tên**" sẽ cùng ta một lần đi vào huyết mộ. Em xanh xao bàn tay, mưa giăng sầu lên mắt, sương dầm ướt tóc mây. Rồi em còn có nhỏ cánh hạc bay về phương trời nào, vàng trắng khuyết một mùa lệ sử và bãi cát dài cam chịu nổi đắng cay?

Ta với em nằm đây trong cùng một huyết mộ, nghe cuộc tình lưu đây trên bờ khô cỏ úa:

Đường đi dài mộ huyết
Em gầy xanh đôi tay
Mưa sầu lên mắt biếc
Sương buồn hong tóc mây!

Trong huyết đài em nhỏ
Phương trời nào hạc bay
Vầng trăng xưa khuyết sử
Giở trường sa đắng cay!
Tôi nằm bên em đó
Cùng trong khối mộ này
Nghe bờ khô lá cỏ
Thao thức tình lưu đây.

Thế nhưng:

...
Tôi vụt bừng cơn say
Nâng hồn xưa em dậy
Trong lưới tình tượng số
Tiếng lời nào bay bay!

Chiếc xe tang dừng lại
Đuổi mái nhà vĩnh cửu
Em nói lời hiện tại
Ru ta tình vĩnh lai...

(Em Lên Đường Buổi Đó)

Rồi tôi chợt tỉnh- cơn mê hay cơn say, vội đánh thức hồn em dậy. Chiếc xe tang đã dừng bên huyết mộ. Hình như tôi với em đã nói lời chia tay, mà tại sao có một lần nào đó tôi lại đến tìm em. Ôi khuôn mặt em thân quen trong hiện kiếp mà nghìn xưa tôi đã bước bả đi tìm?

Hình như có lần tôi đã lầm lẫn chấp nhận cái hiện tại- cái hiện tại bất trắc vô thường, để khi chợt thấy mình đã đến trong cõi vô cùng của cuộc sống, thì lại mở ước đi hoang hay trốn vào những cơn mơ ảo giác để cảm nghiệm rằng mình tìm được bình an trong mối đại khổ.

Nhưng trong cõi vô thường đó, tôi được sống cho chính mình. Tôi nhạt nắng mưa, góp sương gió, gom thêm hơi thở của cỏ cây để ướm thắm những con đường mỗi em trở lại. Em lại hồi sinh, máu chuyển khắp châu thân. Những mối sầu tưởng tứ ghê gồm tưởng đã chết trong vùng tăm tối cũng lại theo thời gian chuyển hóa về cõi bình minh. Vâng, tôi đã hiến đời mình, đón nhận hiển linh, đi vào cuộc thế khổ đau ai oán, để cầu mong biển cõi hoang sơ thành thế giới hữu hình:

Một sớm hôm nào tôi đến em
Nhìn khuôn mặt đó tự nhiên quen
Bảo rằng mắt sáng như hồ nước
Có phải ngին xưa tôi vẫn tìm?

Tôi đã từng phen đi vu vó
Trốn vào ảo giác để tìm mơ
Nghĩ rằng trong cõi vô thường đó
Tôi được bình yên với đại khổ.

...
Tôi góp mưa đêm với nắng ngày
Nhật sửng từng tối, gió từng mai
Uớp thêm hơi thở vào cây lá
Ngõ chật chân đi bước ngắn dài.

Từ vùng trũng tối vọng bình minh
Từ thời gian chết mộng hồi sinh
Tưởng tú những buổi sầu ghê gớm
Để khắp châu thân máu chuyển mình.

Tôi xóa đời tôi đón hiển linh
Đi vào tâm tối cõi u minh
Nghe trong ai oán sầu ma quỷ
Một cõi hoang sơ có hiện hình.
(Một Sớm Hôm Nào)

Từ "cõi hoang sơ có hiện hình" đó, ta đã nương theo cánh chim đi vào phong ba, dầm mưa giã nắng. Nhưng nào mưa nắng có thương mình- mưa gào giận dữ, nắng bỏng da người. Thế còn ai thương ta, còn ai yêu ta? Người đi rồi, tình xót xa xưa chỉ là kỷ niệm vĩnh viễn của những âm vang vọng về.

Cũng đành thôi, chẳng ai dám nuôi sầu vạn kỷ. Chẳng ai dám trách những mùa mưa nắng. Nắng mưa cũng chỉ là sự tuần hoàn theo thời gian bốn mùa của tạo hóa. Hoa lá lại xanh màu, nhân gian lại hân hoan. Ta cũng ôn lại những cuộc tình xưa trong khi em lật sang trang sử mới:

Ta gối đầu lên đá
Mưa nắng tắm thân ta
Một chim nao vỗ cánh
Ru ta vào phong ba

Mưa gào lên giận dữ
Nắng bùng lên cháy da
Ta giết mình hoàng hổ
Ai yêu mình, thương ta?

...
Ra đi còn lưu niệm
Tình xưa còn xót xa
Vọng âm tử vĩnh viễn
Tiếng lời nào đủ ba

...
Mưa thôi sầu vạn kỷ
Nắng thôi màu chói chang
Hoa lá vườn ươm nụ
Tắm xanh màu thời gian.

Ta ôn tình khuyết sử
Nhân loại nào hân hoan
Mạch dài lên mắt ướt
Em ru đời sang trang.

(Hẹn)

Em đã ru đời sang trang, mà sao mây vẫn còn mang bụi hồng trần về trong những mùa loạn ly chết chóc tang thương. Thế cho nên thế giới không bao giờ an bình được, bởi người nuôi mộng bá vương, hồn

chìm trong hư huyền, thiếu tấm lòng nhân-
tấm lòng người.

Dù ta cố tìm vui với những bước chân hoang, nhưng chợt một ngày em từ những lối mòn quen thuộc trên vạn nẻo đường trần, đã đến nói với ta trong từng giọt lệ buồn vương trên ánh mắt. Đồi vẫn đầy khổ đau mang đến cho người như con sông vẫn chở nước nguồn xuôi về biển cả. Em vẫn từng bước theo ta phiêu du trong mộng mù sương, trong những lần dông bão, trong những bước chân xa dấu thiên đường, Nhưng ta sẽ theo em, theo tay em chỉ, một vì sao nhỏ để ta chợt thấy mình "đốn ngộ" yêu em:

Mây cuốn về đây bụi hồng lẻo đẻo
Mùa loạn ly chờ chết lang thang
Trong huyền ngàn lối mòn quen thuộc nẻo
Đường trần gian ta hoan hỷ đi hoang!

Em bỗng đến nói ta nghe vừa đủ
Từng giọt buồn trên cánh mắt nghiêng
ngiêng
Trong âu yếm ta gào lên tiếng rú
Diu hồn hoang đến tận cuối trời diên.

Em vẫn bước phiêu diêu từng gót nhẹ
Ở bên ta trong lẫn quất mù sương
Trong mộng寐 ta vụt cưỡi the thé
Tạ hồn hoang tử buổi lạc thiên đường.

Giữa bức bách bão dông mùa hiểm họa
Em yêu kiều chỉ hững một sao đêm
Trong hỗn loạn cõi đường trần nhân quả
Theo đường tay, ta đốn ngộ "Yêu Em"!

(Theo Hững Em Đi)

Thơ của Nguyễn Thùy mang tính "trí thức, bác học, đầy tư tưởng triết lý" về Đạo giáo, và anh đã lãng mạn hóa Lê Đạo trong thơ. Điều đặc biệt là trong thơ anh không mang chở những chìm nổi hệ lụy, nên qua đó ta tìm thấy niềm an nhiên tự tại siêu thoát, hay ít ra tâm hồn ta cũng được thanh thoát tin vui.

*

Cuối cùng rồi mùa xuân cũng đến. Thức để đón Giao Thừa trên xứ người, thật hiếm hoi, hầu như chỉ còn những người trọng tuổi mà trọn cả quá khứ họ đã để lại những kỷ niệm vui buồn khó quên trên quê hương.

Phẩm vật trên bàn thờ tổ tiên được chưng bày rất tươm tất và đầy đủ, nhưng sao ta mừng tượng vẫn còn thiếu một cái gì đó. Thiếu cái linh khí của mùa xuân, thiếu cái hồn thiêng của đất nước chẳng?

Đào trắng, mai vàng đều có đủ, nhưng không thật, thì làm sao có linh địa thực sự thắm mùi nồng ài của quê hương!

Những không sao, ta chỉ đón xuân trong tâm tưởng. Chế một bình trà thơm, khui chai rượu quý, thấp những ngọn nến, đốt một nén hương. Rồi một mình ta đối bóng đèn khuya, tưởng niệm những anh hùng liệt nữ đã dày công xây dựng đất nước, tưởng niệm đến tổ tiên dòng họ kế thừa, tưởng niệm đến các chiến hữu và bằng hữu đã nằm xuống vì công cuộc chiến đấu bảo vệ chính nghĩa tự do.

Trong vô cùng an tịnh, trong tận cùng cõi vô nhiễm đó, ta soi rọi lòng ta để mong tìm lại bóng dáng quá khứ không xa hay hình tượng tiền kiếp rất gần của mình; biết đâu còn chấp chôn ẩn hiện trong ánh nến lung linh, trong khói hương mờ ảo.

Phải chăng, chúng ta- những con người có tấm lòng, chung cuộc cũng cần một quê hương để tìm về, một đức tin để nương tựa?

(Thất Sơn, vào Xuân Kỳ Mão, 01.1999)

● thơ Như Tạng

Xin đừng hỏi

Xin đừng hỏi trong thơ tôi có những gì
mới lạ

Chỉ toàn là cũ ...

Cũ như ngàn vạn năm những kỷ ức
đang nằm

Như đá tảng qua tháng ngày cực nhọc

Chống thiên nhiên hàng mấy triệu năm

Cũ như bé nằm nôi từ khi chưa biết nói

Đến lúc già hối tiếc chuyện trăm năm

Cũ như mối tình đầu của cô hàng xóm

Khi xách gói theo chồng chưa hề

miệng hỏi thăm

Cũ như thế tháng ngày chôn giấu kín

Mối tình sâu lắng mãi đến ngàn năm

Cũ như những luống cây trên đồng

vắng

Đội mưa về cho luống mạ thêm xanh

Như những chiếc gàu sòng tát nước

Tiếng gàu dai hòa nhịp khúc trăng rằm

Cũ như những đình làng chiều nắng hạ

Tiếng ve sầu nào vượt suốt quanh năm

Mái ngói đỏ màu thời gian nhuộm cũ

Tiếng chuông chùa ngân đến cõi xa

xã

Khách trần tục dưỡng một phen đã tình

Giấc ngàn năm tiếp nối những triệu

năm

Đông các cũ chỉ còn trong ký ức

Ghế đá nào thường nhỏ đã xa xã

Hỏi tay ấm của mẹ hiền cũng cũ

Từ lúc lên ba, lên bốn, lên năm...

Ôi ụ cát! Một năm mờ đã cũ

Trong im lìm thường nhỏ tận tâm can

Hưởng cũng cũ như hưởng lài hưởng lý

Bến đỗ chiều tiếng khách vẫn còn

vang

Cũ như tiếng chim muông buổi sớm

Vẫn còn nghe vắng vắng mãi bên

đường

Cũ như những điệu ru hồi của núi

Còn gió qua nước suối rẽ thành hàng

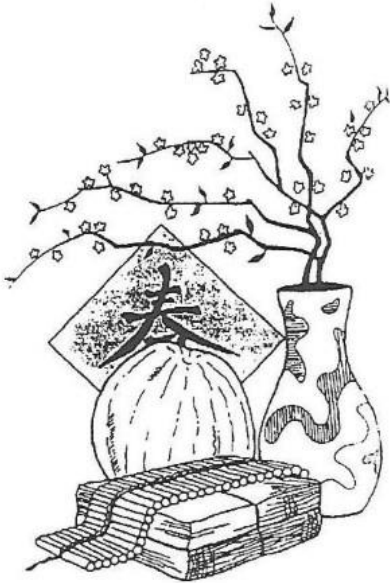
Cũ như tiếng Phật xưa ngồi nói pháp

Gội hào quang đến thế giới ba ngàn...

Triết lý và Khoa học

BÁNH CHỨNG

BÁNH DÀY (1)



Lời Tác Giả: Nhân dịp đón mừng xuân mới nhiều độc giả viết thư hỏi sự tích Bánh Dày và Bánh Chưng, lại hỏi thêm ý nghĩa thành ngữ Mẹ Tròn Con Vuông. Nay tôi cố gắng giải thích theo ý kiến và tài liệu thu lượm trong sách sử Đông Tây về 2 điều nói trên vốn liên hệ mật thiết với nhau trong 2 phương diện vũ trụ quan và nhân sinh quan. Vạn nhất có điều chi thiếu sót, xin các bậc thức giả đàn anh chỉ giáo thêm. Thậm chí như Đức Khổng Tử, mà thiên hạ tôn xưng là Vạn Thế Sư Biểu, cũng phải khiêm cung tự nhận Thuật Nhi Bất Tác: chỉ thuật lại mà không sáng tác. Cho nên, suốt đời chúng ta còn phải tìm thầy, tìm sách, tìm bạn mà học; trong đó có tài tử màn bạc trú danh Pháp Jean Gabin, lúc đi vào giai đoạn chót của cuộc đời, đã than rằng: "Plus j'apprends et moins je sais!" (Càng học, tôi càng thấy tôi kém cỏi!).

Sinh tiền, thân phụ tôi dạy hai câu mà tôi luôn ghi nhớ:

Học hải vô nhai, cần thị ngạn Thanh vân hữu lộ, chí vi thê.

mà người đã dịch như sau:

Biển học không bờ, lấy chuyên cần làm bến

Mây xanh có lối, dùng chí cả làm thang.

Chuyên cần và chí cả là 2 động cơ thúc đẩy chúng ta tìm cội nguồn dân tộc với những truyền tích mà càng suy gẫm càng thấy hay ho, lý thú và càng khâm phục về vũ trụ quan và nhân sinh quan của giống nòi Lạc Việt. Truyền tích hấp dẫn nhất trong 2 lãnh vực vật chất và tinh thần là truyện Bánh Dày và Bánh Chưng. Bánh Dày thì tròn mà Bánh Chưng thì vuông. Hình tròn đi trước, hình vuông theo sau, vì từ hình tròn mới sinh ra hình vuông.

Truyện Bánh Dày và Bánh Chưng rút ra từ quyển Lĩnh Nam Chích Quái do Trần Thế Pháp biên soạn rồi Vũ Quỳnh và Kiều Phú bổ chính về sau. Sách xuất hiện đời nhà Trần, thế kỷ XIII với tên chữ Hán có nghĩa là Truyện Kỳ lạ Thu Góp, Lượm Lặt Được Ở Cõi Lĩnh Nam, tức là miền Nam dãy núi Ngũ Lĩnh, là Hoa Nam và Bắc Việt ngày nay, tức là địa bàn sinh sống của các sắc dân Bách Việt ngày xưa.

Cho tới nay, các học giả đã tìm thấy 9 (chín) bản Lĩnh Nam Chích Quái khác nhau. Mỗi bản gồm có vài chục truyện tích (22, 39, 38, 39, 37, 45, 40, 43 và 32 truyện). Hầu hết có ghi truyện Bánh Chưng ở phần đầu, đọc là Chưng Bính Truyện, hay là Chưng Bính Cổ Truyện. Chưng là nấu thật lâu với nước phải thêm luôn, vì thế phải đặt một vỏ nước kế bên, nấu thâu đêm cho thật nhừ nhuyễn. Bính là bánh. Truyện là chuyện. Cổ truyện là chuyện cũ, tích xưa. Còn Bánh Dày là thứ bánh tròn, mập ú, dày (trái với mỏng). Sau đây là truyện Bánh Dày và Bánh Chưng:

Sau khi Hùng Vương phá được giặc Ân, nhân lúc quốc gia vô sự, muốn truyền ngôi cho con, bèn triệu 22 vị quan lang và công chúa mà phán rằng:

- Kê nào làm cho ta vừa ý, cuối năm mang trân cam mỹ vị đến để tiến cúng tiên vương, cho ta được tròn đạo Hiếu thì sẽ được ta truyền ngôi cho.

Các con đều đua nhau đi tìm của ngon vật lạ khắp trên cạn, dưới bể, nhiều không sao kể xiết. Duy có vị công tử thứ 18 là Lang Liêu, bà mẹ trước kia vốn bị vua ghè lạnh, vì cô đơn mà chết, tà hữu ít người giúp đỡ, khó xoay sở cho nên ngày đêm lo lắng, mộng mị bất an. Một đêm kia Lang Liêu nằm mộng thấy có thần nhân tối nói rằng:

- Các vật trên trời và dưới đất và mọi của quý của thiên hạ không gì bằng gạo nếp. Gạo nếp có thể nuôi người khỏe mạnh mà ăn không bao giờ chán, các vật khác không thể hơn được. Nay đem gạo nếp làm bánh; cái thì hình tròn tượng trưng cho Trời, cái thì vuông tượng trưng cho Đất, đứng với quan niệm Thiên viên Địa phương (trời tròn đất vuông), rồi dùng lá chuối bọc ngoài, ở bên trong thì có mỹ vị

đầy đặn, để ngụ ý công đức sinh thành lớn lao của cha mẹ.

Lang Liêu tình dậy, mừng rỡ theo lời dặn trong mộng lấy thứ gạo nếp trắng tinh, chọn từng hạt nguyên vẹn, tròn trịa, không bị vỡ, vo nước suối thật sạch sẽ, dùng lá chuối bọc xung quanh thành hình vuông, cho trân cam mỹ vị vào bên trong, để tượng trưng cho vạn vật trong trời đất (thực vật và động vật), chất củi đun sôi cả đêm cho thật nhuyễn, cho đến sáng trời mới thôi. Bánh đó gọi là Bánh Chưng, hình vuông, tượng trưng cho Đất. Lang Liêu lại còn lấy gạo nếp nấu chín, giã nát nhuyễn, nặn thành hình tròn, không có nhân, tượng trưng cho Trời và gọi là Bánh Dày, thành ra có đôi có cặp, có âm có dương, cho phù hợp vũ trụ quan, đồng thời ứng dụng với nhân sinh quan.

Đến kỳ, vua hoan hỉ truyền các con bày tiệc tiến cúng. Vua xem qua, xem lại thấy không thiếu sót món nào: sơn hào hải vị, nem công chả phượng, của ngon vật lạ từ các miền được mang về trưng bày la liệt. Duy có Lang Liêu chỉ tiến dâng Bánh Dày Bánh Chưng mà thôi. Vua kinh ngạc hỏi thì công tử thuật lại giấc mộng và lời dạy bảo của thần linh. Vua nếm thử 2 thứ bánh thấy ngon miệng mà không chán, trội hẳn các thức ăn của các vị công tử kia. Vua tấm tắc khen ngợi hồi lâu rồi phán quyết Lang Liêu được giải nhất và truyền lệnh cho dân tộc Lạc Việt làm Bánh Dày Bánh Chưng vào dịp Tết để cúng tổ tiên. Ít lâu sau vua truyền ngôi cho Lang Liêu (sau đổi tên là Tiết Liêu). Còn lại 21 người thì được chia giữ các phiên trấn, tụ tập bộ đảng mà thành phiên quốc, làm phen giậu cho chính quốc. Về sau các tướng lãnh tranh giành nhau, thường dựng mộc sách (hàng rào bằng gỗ) để phòng ngự, cho nên mỗi phân chia ra thành sách (sóc), thôn, trang, phường, là những đơn vị xã hội, hành chính đầu tiên của nước ta.

Nói về nguyên ủy danh xưng Tiết Liêu, chúng ta biết rằng trong Hán tự, chữ tiết viết hơi giống chữ Lang, chữ Liêu thì âm na ná với chữ Liêu cho nên nguyên ủy có nghĩa là Tiết Liêu, có nghĩa là các môn ăn, các thức ăn trong ngày Tết (tiết), gốc từ chữ Tiết là đốt tre, mà ra. Tiết là phân đoạn, đều đặn, nhịp nhàng, như trong những danh từ âm tiết, tiết tấu, thời tiết, tiết lễ, v.v...

Trong truyện Bánh Chưng Bánh Dày, có nói tới vật liệu chính yếu là gạo nếp, một thứ gạo dẻo trắng tinh, dành cho việc tế lễ, thờ cúng, cho cha mẹ già yếu, vì mềm dẻo và bổ béo hơn gạo tẻ thường dùng. Và phải chọn tuyển từng hạt một, cho nên gọi là nếp một, như ta thấy trong ca dao:

Mẹ già ăn chuối bà Hường,
Ăn xôi nếp một, ăn đường mía lau.

Mía lau vừa ngọt vừa mềm,
Không dao mà tiện, không tiền mà mua.

Trở lại chữ Tết, chúng ta được biết qua quyển sách *Le Japonais et les Langues Autoasiatiques (Nhật ngữ và các Ngôn ngữ Úc Á)* của Tiến sĩ Nobuhiro Matsumoto, do nhà sách Paul Geuthner, 13 rue Jacob, Paris VIème ấn hành năm 1982, từ ngữ Tết (*hoặc tuồng đòng*) cũng được thông dụng ở Nhật Bản, Riou Kiou (*đảo Lữ Cầu*), Champa, Cao nguyên Việt Nam (*Stieng*), Trung Hoa, Mã Lai:

Japonais: toki (temps, thời gian)

Riou: toki, tuki

Chàm: tuk, atuk (noeud de bambou).

Stieng: tuk

Chinois: tsiet (noeud de bambou, saison, temps)

Sino-annamite: tiết

Péninsule malaise: tekin, tukon, tekon (*noeud de bambou*), kadog (*articulation du genou*), krotan, kalton, kelton (*genou*): đầu gối.

Matsumoto nói thêm: "*L'idée du temps est concue d'après la succession intermittente des fêtes, pour certains peuples indochinois comme les Chams, les Stiengs, les noeuds de bambou représentaient sans doute cette succession*" (*Ý niệm thời gian được quan niệm theo sự kế tiếp đều đặn của những lễ lạc, hội hè, đình đám. Đối với vài sắc dân bán đảo Đông Dương như người Chàm và người Stieng, những đốt tre là biểu hiện cho sự kế tiếp ấy*).

Một bản Lĩnh Nam Chích Quái, Ma-A-1752, chép: Vua truyền ngôi cho Lang Liêu mà không truyền cho con trưởng, 21 người con khác đều đi tú phủ ở, dựa vào hừng phiến mà lập thành bộ đảng, chọn nơi suối đá (thạch tuyền) làm nơi hiềm cố, đời đời ở đó. Đồng bộc, nô tỳ cày bằng lửa rẫy, trồng bằng dao... Cho tôi hậu thế, vì tranh giành lẫn nhau, phải lập một sách để ngăn giữ, cho nên có sách, thôn, trang, phường từ đó, dần dần thành tục lệ. Sách là danh từ chỉ một đơn vị hành chánh, xã hội ở miền núi (*thuởng bạng*), tướng tự danh từ xã ở miền xuôi (*hạ bạng*). Danh từ sách, sóc, sóc. Srok cùng chung một nguồn gốc malayo-indonésien trong đại hệ ngôn ngữ Á-Úc. Cũng có một sắc dân Mường cực Nam, gọi là Sách, ở miền thượng du Quảng Bình mà cố Cà (*Léopold Cadière*) đã dày công nghiên cứu về ngôn ngữ và phong tục, vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 này. Còn danh từ Sóc thì ta tìm thấy khá nhiều ở miền Nam như Sóc Trăng, gốc Cao Miên, là Srok Kleang, có nghĩa là Xứ Kho, nơi có cái kho thu tiền thuế, chất chứa lúa gạo mà dân nạp cho Nhà Nước...

Trên kia có nói dân ta ngày xưa, cũng như đồng bào Thượng ngày nay, thường

dùng kỹ thuật đốt lửa cháy rừng làm rẫy (*brulis*), lấy tro làm phân bón, làm muối, làm dưa, làm mắm, khi chứa tỏi duyên hải để tìm ra muối biển. Chúng ta tìm thấy những vật rẫy trong ca dao miền Nam:

Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng,

Về sông ăn cá, về đồng ăn cua.

Bây giờ chúng ta tìm hiểu thành ngữ **Mẹ tròn con vuông**. Như ta đã biết, người xưa quan niệm Thiên viên Địa phương (*trời tròn đất vuông*). Trời tròn là hình tượng thấy rõ ràng: khi ta nhìn lên trời, ta thấy như cái nắp vung úp lên một cái mặt phẳng, tựa hồ con rùa, cho nên con rùa ngày xưa được xem như linh vật (*linh quy*). Rùa biết rời hồ ao, bò vào chùa nghe kinh kệ, theo như lời kể lại cho tôi nghe, của Hòa Thượng Thích Trí Thủ, trụ trì chùa Già Lam ở Gia Định.

Khi tổ tiên xa xưa của giống nòi Bách Việt nói rằng trời tròn đất vuông, không phải là họ không biết đất tròn, nhưng người xưa muốn phân biệt Thế với Dụng. Thế thì tròn, Dụng thì vuông, một vật tròn như trái đất, muốn khai dụng được thì phải gặt đường ngay thẳng, làm cho vuông vức và bằng phẳng thì mới cày cấy, xây cất nhà cửa lên trên được. Phải phân chia đất đai thành khoảnh, đóng cọc, căng dây, chia lô (*lotissement*) ngay thẳng, nhiên hậu mới khởi hành công tác. Cho nên, dù cho cái thế nguyên sơ của đất là tròn, thì ta cũng phải vẽ lại cho vuông vức, chu vi ngay thẳng thì mới xử dụng và sắp xếp được.

Vào thời xa xưa của tộc Bách Việt, người ta chia một khoảnh đất ra thành 9 (*chín*) lô, theo chữ **tinh** là giếng (#). Giếng được đào ở chính giữa, còn lại 8 lô bao bọc chung quanh để xây dựng nhà cửa mà ở, tạo thành một đơn vị gia cư, cư trú đầu tiên ở xã hội Á Đông. Chung quanh gia cư, cây cối tre pheo cũng bắt đầu mọc lên xanh tươi tràn đầy bóng mát, to lớn với thời gian, chờ lúc cần dùng thì người ta đốn xuống, chặt cành, cửa đầu, cửa đuôi, đeo gọt cho vuông vức (*équarrier*), rồi mới của thành những phiến gỗ, cắt xén ráp lại thành bàn ghế, tủ, giường, trường kỳ sinh sống, ăn ngon, ngủ yên... Tổ tiên chúng ta đã từng biết đất tròn từ trong tiềm thức thâm sâu (*subconscient profond*), như thi bá Tiên Điền Nguyễn Du (1765-1820) đã từng phun châu nhà ngọc:

Cũng liêu nhắm mắt dựa chân

Thử xem con tạo xoay vần đến đâu ?

Nhà thơ họ Nguyễn thừa biết: vũ trụ vô cùng tận, luôn luôn chuyển vận, vô thủy vô chung. Người cũng thừa biết: quả đất, cũng như những vệ tinh, chẳng ngôi nào đứng yên một chỗ cả, mà muốn quay tít thì phải là hình tròn; cho dù lúc nguyên

số chưa phải là hình tròn, mà phải quay mãi và cọ sát với khí chất trong không gian, rốt cuộc cũng thành tròn.

Phúng chỉ cụ Nguyễn Du đã khéo dùng hai chữ xoay vần mặc dù cụ không phải là nhà thiên văn, khoa học, tức là trong tiềm thức, cụ đã thấu đáo quy luật thiết yếu của trái đất; xoay (*rotation*) và vần (*translation*), nghĩa là vừa xoay mình trong ngày đêm 24 tiếng đồng hồ, vừa chuyển vận trong 12 tháng chung quanh mặt trời, tạo nên ngày đêm và 4 mùa xuân hạ thu đông. Ngoài ra, chúng ta còn thành ngữ *trời che đất chở*: trời là cái vòm, cái lọng che trùm thế gian, còn đất thì chuyên chở nhân loại đi vòng quanh mặt trời, cùng trong cái hệ thống xoay vần và liên đới đó.

Cụ Nguyễn Du còn dùng hai chữ vuông tròn trong Truyện Kiều qua 3 trường hợp khác nhau:

1. Nàng Kiều nói với Thúc Sinh (409-416)

*Nàng rằng trộm liếc chung quanh,
Chẳng sẵn ngọc bội cũng phường kim môn.*

*Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
Khuông xanh có biết vuông tròn mà hay?
Nhỏ tử năm hây thỏ ngậy,
Có người tưởng sĩ đoán ngay một lời
Anh hoa phát tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.*

2. Đến lượt Thúc Sinh phân trần (1329-1332)

*Sinh rằng: Tử thuở tưởng trí,
Tám riêng, riêng những nặng vì nước non.*

*Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.*

3. Thời kỳ Thúc Sinh phải về thăm quê vợ, để lại nàng Kiều nơi quán trọ bó vợ, song the chiếc bóng (1631-1638) :

*Tóc thề đã chấm ngang vai,
Nào lời non nước, nào lời sắt son.
Sấn bím chút phận còn con,
Khuông duyên biết có vuông tròn cho chăng ?
Thân sao nhiều nỗi bất bằng,
Liệu như cung Quảng ở hằng nghĩ sao?
Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vầng trăng khuyết ba sao giữa trời.*

Thành ngữ vuông tròn đã được cụ Nguyễn Du dùng đi dùng lại nhiều lần như là một ước vọng tuyệt vời, hoàn toàn tốt đẹp, nhưng mà khó thực hiện được trăm phần trăm, nhất là trong những trường hợp của nàng Kiều, danh bất chánh, ngôn bất thuận, luôn luôn bị nghịch cảnh vì tài mệnh tương đố, số phận mong manh như lời phán xét của Chu Mạnh Trinh (1862-1905):

Sợi tơ mảnh như gió đùa đi,
Cánh hoa rụng chọn gì đất sạch.

Nói về toán số trong vũ trụ, nhà bác học Louis Chochod, tác giả quyển Huế, La Mystérieuse, do Mercure de France ấn hành ở Paris năm 1943, đã viết đại ý như sau:

- Quyển công thức huyền bí của Trung Quốc ngày xưa đã lấy hình tròn như biểu tượng của sự lấy hình tròn vũ trụ, chủ không phải như người ta lầm tưởng, là người Trung Hoa cho rằng trời tròn đất vuông. (*Les formulaires magiques de la Chine ont pris le cercle comme symbole de l'Univers, et le carré comme symbole du rythme quaternaire de l'influx cosmique. Le carré inscrit dans le cercle signifie donc le monde et l'ordre du monde, et non pas, comm l'ont prétendu certains orientalistes, que le Chinois s'imaginent que le Ciel est sphérique et la terre est plate*).

Cái nhịp 4 thì (rythme quaternaire) đó là cái gì?

Là **sinh** (*impulsion créa-trice*), **thành** (*formation*), **biến** (*transformation*) và **hóa** (*diversification et méta-morphose*); là năm, tháng, ngày, giờ, là xuân, hạ, thu, đông; là xuân sanh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàng; là xuân phân (*équinoxe du printemps*), hạ chí (*solstice d'été*), thu phân (*équinoxe d'automne*) và đông chí (*solstice d'hiver*); là bốn chiều (*quatre dimensions*) đường dài (*ligne droite*), bề mặt (*surface*), khối (*volume*), cả 3 bề góp lại thành không gian (*espace*), cộng thêm 1 bề nữa là thời gian (*temps*) cả thảy là 4 bề, hay là 4 chiều của vũ trụ (*les 4 dimensions de l'Univers*).

Ngày xưa, khi người trưởng nam hướng dẫn đám tang, theo tục lệ thì phải đi lùi mà nhìn quan tài, đầu vẫn khoanh rôm, tay chống gậy gỗ. Gậy này đầu tròn mà chân vuông: đầu tròn tượng trưng cho Trời, cho Cha, chân vuông tượng trưng cho Đất, cho Mẹ, còn khoảng giữa để dành cho con, cho cháu, tất cả đều nhờ Trời che Đất chở, Cha sinh Mẹ dưỡng, đùm bọc lấy nhau mà sinh sống trên thế gian này.

Từ một hình vuông 4 cạnh, ta sẽ biến thành hình có 8 cạnh, rồi cứ biến mãi gấp đôi số cạnh cho tới cùng, ta sẽ tạo thành một hình tròn, đó là liên hệ căn bản giữa hình tròn và hình vuông. Cái hình tròn là một hình toàn hảo gồm vô số cạnh, nghĩa là không có cạnh nữa. Và người xưa gọi nó là *perfectissima forma* (*hình dung toàn hảo*), tượng trưng cho Thượng Đế, cho Hóa Công siêu thần (*Divin Ouvrier*).

Nhà bác học Pétrus Jean-Baptiste Truong Vinh Ký (1837-1898) đã viết trong tạp luận *Miscellanées* như sau: Le carré dans le cercle signifie la perfection en tous sens, la satisfaction de toute

manière, l'achèvement impeccable par toutes les entrées, la correction absolue de tout tracé. Đại ý, hình vuông trong hình tròn là tiêu biểu cho sự hoàn toàn, sự tốt đẹp nhất, sự thỏa mãn toàn diện, tuyệt hảo và tuyệt diệu.

Lại còn một thành ngữ nữa là *ba vuông bảy tròn* cần phải giải thích. Hình vuông và hình tròn là 2 hình hoàn toàn (*figures parfaites*). Ba (3) với bảy (7) cộng lại thành mười (10), ta biết rằng 3 với 7 là hai con số đặc biệt. Lão Tử đã nói: Nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. 3 và 7 đều là nguyên số (*nombres premiers*), tức là những con số chỉ có thể chia cho mình và cho 1 mà thôi. Con số 7 là nguyên số cao nhất trong loạt 5 số gọi là nguyên số: 1, 2, 3, 5 và 7. Và chỉ có hai nguyên số 3 và 7 cộng lại thành 10 mà thôi, 10 vốn là con số biến hóa đầy đủ nhất, như: 10 ngón tay, như 3 vuông cộng 7 tròn, như ba hồn cộng bảy vía (*con trai*), như 10 phân vẹn 10 của 2 chị em Thúy Vân và Thúy Kiều:

*Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.*

Thành ngữ *mẹ tròn con vuông* là lời chúc tụng người đàn bà sắp sinh được mẹ con hoàn hảo toàn vẹn, không bị tật nguyên, bệnh hoạn chi cả, được hoàn hảo như trời tròn đất vuông, trời cao lồng lộng, tròn trịa như nắp vung úp xuống, mặt đất vuông vức như bàn cờ, đứng như thành ngữ Thiên viên Địa phương, âm dương hòa hợp, thiên địa trường tồn. Điều chúc tụng này là mong muốn toàn thiện toàn mỹ, là một điều rất khó thành đạt, cũng khó như việc thực hiện phương hóa một hình tròn mà Tây phương gọi là *réaliser la quadrature du cercle*.

Các nhà toán học xác nhận rằng không thể vẽ được một hình tròn mà chu vi và diện tích hoàn toàn bằng nhau, vì lẽ hình tròn phải tính với con số Pi (π) không chính xác, tự nó là một con số vô tỉ (*nombre irrationnel*) là 3, 1415..., một con số kèm theo với vô số con số lẻ, cũng tựa hồ như con số Phi có giá trị là 1,6183, tức là con số vàng (*nombre d'or*) quy định phép tác hòa mỹ cân đối và khuôn vàng thước ngọc trong ngành Mỹ Thuật.

Phàm những con số nào liên hệ hình tròn thì sự đo lường không thể thực hiện được một cách chính xác. Là vì hình tròn, như trên đã nói, là biểu tượng của Thượng Đế toàn chân, toàn thiện và toàn mỹ, do đó mà người trần mắt tục, dù giỏi đến đâu cũng không đủ khả năng đo lường từng tấc và chính xác được cả. Cho nên người đời phải chịu thua Thượng Đế và khiêm cung xác quyết rằng: những con đường màu nhiệm của Thượng Đế không có lối

vào (*Les voies de Dieu sont impénétrables*).

Tuy nhiên người đời cũng phải cố gắng tìm cách tiến tới toàn hảo và không bao giờ nên tự phụ cho mình là toàn hảo. Đúng như lời khuyên của triết gia Malebranche: *Il faut tendre à la perfection sans jamais y prétendre*.

Trong sự cố gắng đó, ngày xưa đã có người phát giác quả đất tròn và đã tìm ra chu vi của nó. Đó là bác học Ai Cập Eratosthène (*thế kỷ III trước Tây Lịch*), người đã vẽ bản sơ đồ của thế giới. Nhân một ngày hạ chí, ngày dài đêm ngắn nhất, vào đúng giờ Ngọ (*midj*), Eratosthène nhìn thấy ánh sáng mặt trời chiếu xuống đáy giếng vùng Assouan (*Syène*). Cùng lúc đó, ở thành phố Alexandria, thủ đô Ai Cập, ánh sáng mặt trời lại chiếu xiên vào đáy giếng khác là 7 độ 2. Eratosthène tính quãng đường dài từ Assouan đến Alexandria là 5.000 stades, tức là 840 cây số, rồi làm bài toán tìm ra chu vi trái đất là: 840 cs x 360 độ, tất cả chia cho 7 độ 2 thành ra 41.710 cây số. So với sự hiểu biết thời nay chỉ sai hơn 1.000 cây số mà thôi. Như thế, tính ra trên 2.000 năm rồi, chúng ta phải công nhận rằng Eratosthène quả là một thiên tài.

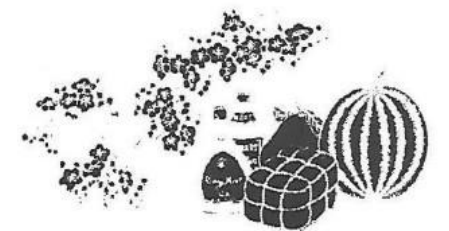
Tính đường đất xong xuôi, chúng ta hãy nhìn lên trời cao lồng lộng, với muôn ngàn tinh tú sáng chói như kim cương lung linh rọi xuống ao hồ qua mấy câu hò đùa duyên gỏi phạn:

*- Đố anh trên trời có mấy ngôi sao,
Dưới ao mấy con cá, dưới hà bá mấy ông vua?
Đông Tây Nam Bắc có mấy cái chùa?
Chợ Đông Ba kia môi tạo, bán mua mấy người?*

Đáp:

*- Ôi em ơi! Ngó lên trời cả vạn ngôi sao,
Dưới ao biết bao là con cá, dưới hà bá cả bốn ông vua.
Đông Tây Nam Bắc có bốn cái chùa
Chợ Đông Ba kia môi tạo: bán với mua hai người!*

(1) Trích sách "*Việt Nam Tinh Hoa*" do nhà sách Mỏ Làng ở San Francisco (Hoa Kỳ) mới xuất bản.





Mùa Xuân trên dãy Trường Sơn

● Huy Giang

*Trước vận Nước trong cơn nguy biến
Phận làm con, Tiên-Tổ hùng anh
Tôi lính trận
miền Nam trấn thủ
Khoác áo hoa, đầu đội mũ xanh.
(Thơ Quốc Lâm)*

**Kính tặng: Lữ Đoàn 147/ T.Q.L.C
và Chiến hữu A.E.T Việt Nam.**

Khi cuộc hành quân Lam Sơn 719 do Quân Đoàn I chịu trách nhiệm trước Dân Tộc, Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa tiến sang Hạ Lào (Tchépone), phá hủy sào huyệt chiếm đóng để dưỡng quân, tiếp liệu và tất cả kho dự trữ đạn dược, lương thực của cộng sản Bắc Việt trên đất Ai-Lao hầu tiện bề xâm nhập, tấn công vào Đất Nước Việt Nam, bước sang giai đoạn thứ 3. Những tháng đầu mùa Xuân năm 1971.

Khi mà Quân Đoàn I đang trong cơn nguy, lúc bị Bắc quân chặn đứng trên đường tiến quân, và 1 Lữ Đoàn Nhảy Dù phải đi tản chiến thuật về Khe Sanh; do Bạch Long (danh hiệu truyền tin trong trận chiến Lam Sơn 719) của Vị Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn Nhảy Dù. Đó là Lữ Đoàn 3, quyền Chỉ Huy Đại Tá Thọ, đặt BCH tại Căn Cứ 31 cùng Đ/3/ Pháo Binh Dù, Đ/3/ Đ/3/ Trưởng Ban 3/Đ/3/PBD Đ/3/ Thượng; cũng như Pháo đội 33/105 ly có Đ/3/ Nguyễn Văn Đương/ Pháo Đội Trưởng, Huyện Phú (danh hiệu truyền tin) người hùng Pháo Binh Dù của Căn Cứ Hòa lực 31/ Hạ Lào.

Rồi thời gian sau đó, chẳng bao lâu, dân chúng miền Nam Việt Nam đều được nghe, hay đã hát những câu nhạc truy điệu, tiếc thương Người anh hùng Pháo Binh Nhảy Dù này:

*Anh không chết đâu Anh
Người anh hùng Mũ Đỏ tên Đương*

*Tôi vẫn thấy đêm đêm
Từng hoa Dù sáng trên đồi máu*

*...
Anh vẫn sống thanh thang
Trong lòng muôn người biết thương đời
linh*

*...
Trong những tiếng reo hò kia
Lẻ loi tiếng súng Anh nhiệm mầu
Ồi, tiếng súng sau cùng đó
Anh, nào nghe tầm đạn đi đâu... em!*

*...
Đây Nhạc phẩm (mà tôi không còn nhớ tên) của Nhạc Sĩ Trần Thiện Thanh viết lên khi ngâm ngợi nhỏ đến Đ/3/ Nguyễn Văn Đương, cũng như Trần Thiện Thanh sáng tác rất nhiều Ca Khúc Vinh Danh Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa, một trong những Ca Khúc như: Chiều Trên Phá Tam Giang (Thơ phổ Nhạc), hay:*

*...
Sao, không hát cho những người còn
mãi mê
Lá rừng che kín đường về phần hoa
Không hát cho những bà Mẹ từng đêm
nhỏ con xa
Hay hát cho những người vừa nằm xuống
chiều qua!*

*...
(Nhạc phẩm: Rừng Lá Thấp)*

Tiểu Đoàn 3/ ND của Tr/T Bùi Văn Châu (?) Đ/3/ Chỉ Huy trong nhiệm vụ phòng thủ; bị địch quân tràn ngập lúc 16 giờ 15 ngày 25.02.1971. Và, Tiểu Đoàn 2/ Nhảy Dù (đảm trách vào hệ thống chỉ huy của Liên Đoàn I Nhảy Dù) do Tr/T Thạch Đ/3/ với Th/T Mạnh Đ/3/ Chỉ Huy, có Pháo Đội C/3 Dù do Tr/U Bàn Minh Trí Đ/3/ và tăng phái thêm Pháo Đội C/46/155ly PB của Đ/3/ Phạm Văn Hy, bị địch quân tràn ngập ở đồi 30 ngày 02.03.1971. *Những Tiểu Đoàn như Tiểu Đoàn 8/ND, Tr/T Văn Bá Ninh Tiểu Đoàn Trưởng (khám phá 1 kho chứa xe đạp 2.000 chiếc, xưởng sửa chữa 1.000 xe đạp cũ, phá hủy 50 phuy dầu nhớt và 100 phuy dầu cận; đã đụng trận với 1 Trung Đoàn/ thuộc Sư Đoàn 320 Bắc Việt). Tiểu Đoàn 1/ND, Th/T Nguyễn Ngọc Phan Tiểu Đoàn Trưởng (khám phá*

kho thực phẩm, các loại đồ hộp của Nga và Trung cộng chưa có trên chiến trường miền Nam. Cảnh quân B/Đ/3/ND của Th/T Nguyễn Quang Sáng Tiểu Đoàn Phó đã tiêu diệt toàn bộ Bộ Tư Lệnh Đ/3/ 306, bắn hạ TL/Đ/3/ 306 là Thượng Tá Nguyễn Xuân Rục, tịch thu toàn bộ tài liệu và gây chỉ huy). Tiểu Đoàn 9/ND, Tr/T Nguyễn Văn Trí Tiểu Đoàn Trưởng (phá hủy 1 Trung Tâm Huấn Luyện). Tiểu Đoàn 7/ND, Th/T Lê Minh Ngọc đã cùng với Tiểu Đoàn 8/ND thay phiên nhau nhồi Đ/3/ cộng quân với Đ/3/ND (trích trong: Cơn Uất Hận Hạ Lào của Mũ Đỏ Bùi Đức Lạc). Như vậy có tất cả 4 Tiểu Đoàn Nhảy Dù "đi" vòng ngoài (chưa kể những Tiểu Đoàn nơi Căn Cứ 30, 31) trong trận chiến Lam Sơn 719 (từ ngày N) đã đụng độ với 2 Sư Đoàn 306, 320 chính qui Bắc Việt, 2 Trung Đoàn Chiến xa và 2 Trung Đoàn Pháo Binh.

Thì Sư Đoàn TQLC (Lạng Sơn, danh hiệu truyền tin của Chuẩn Tướng Bùi Thế Lân, TL/Sư Đoàn) là thành phần trừ bị cho chiến trường có tầm vóc quốc tế này, đã được Quân Đội giao nhiệm vụ giải quyết khó khăn cho trận địa. Lữ Đoàn 258/TQLC của Đại Tá Ngô Văn Định quyền Chỉ Huy Lữ Đoàn Trưởng, một trong những Vị Tư Lệnh thâm niên nhất nắm quyền Lữ Đoàn Trưởng; và Lữ Đoàn 147/TQLC dưới sự Chỉ Huy quyền Lữ Đoàn Trưởng là Đại Tá Hoàng Tích Thông, Vị Tư Lệnh khắc tinh của bộ đội chánh quy cộng sản Bắc Việt trên hầu hết chiến trường rừng núi hay đồng bằng, và là một sĩ quan cao cấp sáng giá của Sư Đoàn Mũ Xanh - Thủy-Quân Lực-Chiến.

Lữ Đoàn 258/TQLC với những Tiểu Đoàn 1/ Quái Đểu do Tr/T Hòa (râu) Đ/3/ Tiểu Đoàn 3/ Sói Biển do Tr/T Lê Bá Bình Đ/3/ và Tiểu Đoàn 6/ Thần Ứng do Tr/T Đỗ Hữu Tùng Đ/3/ chiếm giữ Căn Cứ Hồng Hà với mục đích yểm trợ về hòa lực, và đường lui binh cho Lữ Đoàn 147/TQLC.

Đồi Đống Đa, đây chỉ là một danh hiệu. (Hay nói đúng hơn là ý mượn địa danh Đống Đa - cạnh Thái Hà Ấp, Hà Nội -; nơi Quan phủ Triều Châu Sầm Nghi Đống, rợ nhà Thanh bị quân binh Đại Đế Quang Trung Nguyễn Huệ vây đánh, không còn lối thoát thân đành phải treo cổ mà chết trong đêm mùng 3 tháng Giêng năm 1789). Đây là ngọn núi chưa cao quá 200 thước nằm ở phía Nam Quốc lộ 9; cách biên giới Việt-Lào, Thành phố Tchépone (còn có con đường mòn (?) Hồ Chí Minh chạy dài từ Nam chí Bắc kéo ngang qua, đây là con đường xương sống dành để chuyển quân, tiếp vận của Bộ đội cộng sản Bắc Việt) khoảng 10 cây số (đường chim bay). Được Lữ Đoàn 147/TQLC và Tiểu Đoàn 2 Pháo Binh Sư Đoàn/ TQLC trực thăng vận xuống đỉnh đồi, bằng một thời gian kỷ lục (48 tiếng đồng hồ) phải thành lập cho bằng được

Căn Cũ Đống Đa giữa 1 Sư Đoàn Bộ Binh, 1 Trung Đoàn Pháo, và Trung Đoàn Chiến xa địch quân; một bầy rắn cục độc cộng sản nằm ẩn mình trong khu rừng rậm, suối sâu im lìm khoan tròn lấy Căn cũ Đống Đa. Nhiệm vụ Lữ Đoàn 147/TQLC là làm cái gai cho địch bu lại, cầm chân rồi tiêu diệt; hầu rảnh tay cho các Đón vị Biệt Động Quân, và Sư Đoàn I Bộ Binh của Tướng Ngô Quang Trưởng tiến vào Tchépone.

Căn Cũ Đống Đa có BCH/ LĐ.147/TQLC, và ĐĐ2/ Pháo Binh (có lăm khi phải co mình nằm đội "pháo" TOT 130 ly của địch quân suốt ngày đêm rải vào Căn cũ, vì không đủ khả năng đối đầu khi lâm trận "rừng pháo" 130 ly, loại Pháo có thể nói là tối tân nhất trên chiến trường miền Nam Việt Nam từ trước đến nay), với "thằng" 2/ Trâu Diên (Đón vị bách chiến, bách thắng của Sư Đoàn TQLC/ VN). Bảo vệ vòng đai cho Căn Cũ đã có thêm "thằng" 4 Kinh Ngự chiếm giữ những ngọn đồi nằm sát theo Quốc lộ 9, và hoạt động ở phía Tây; riêng "thằng" 7/ Hùm Xám hoạt động ở mặt Đông Nam, dọn đường lui binh cho Lữ Đoàn về Khe Sanh (nếu có) - nơi đặt bàn doanh BTL/Sư Đoàn Thủy-Quân Lục-Chiến (có Lữ Đoàn 369/TQLC của Đại Tá Phạm Văn Chung trú bị) sau ngày chấm dứt cuộc hành quân Lam Sơn 719.

Tôi theo một cánh quân nhỏ, cấp Trung Đội - một trong những Trung Đội trực thuộc Tiểu Đoàn 4/ Kinh Ngự dưới quyền Chỉ Huy Tr/T Quang, vị Tiểu Đoàn Trưởng can đảm, thao lược và tài ba trong các Vị Tiểu Đoàn Trưởng/ T.Q.L.C; đón vị trấn thủ mặt trận phía Tây, nơi mà trực thăng không tài nào bay qua để tiếp tế, và tài thường cho các chiến hữu dừng cầm của Quân Lực VNCH đang trên đường tiến quân vào thành phố Tchépone Hạ Lào, hay đang ở bên này ranh giới Việt-Lào yếm trợ hòa lực, vì hàng rào lửa đạn phòng không của Trung Đoàn Pháo (có cả Pháo 130 ly) cộng sản Bắc phương.

Tất cả binh sĩ của Trung Đội đều co lại, lăn lộn giữa đất đá của ngọn đồi rậm bóng cây rừng thẳm thẳm hơn bao giờ hết, trước một cơn lốc lửa đạn vang rền gầm thét; sức tàn phá của nó ví như cơn hồng thủy của thời lập địa; và con người, vạn vật, đất đá... thì hình như quá nhỏ nhoi dưới cơn địa chấn hủy diệt này; cơn địa chấn, cơn bão... 130 ly! Loại vũ khí tàn độc của lũ quỉ Nga Sô, do tay sai cộng sản Bắc Việt vay mượn để rao truyền sức mạnh giải phóng ngày đầu mùa Xuân, năm 1971 trên đất miền Trung Việt Tự Do.

Chúng tôi không thể nào đếm, là đã có bao nhiêu trái đạn 130 ly nổ xuống đây; trên khoảnh đất mà vị trí trách nhiệm đóng quân trấn thủ chưa được đầy 200 thước cho mỗi bề, với vòng đai xung

quanh. Càng rải quân trú đóng càng thưa, thì xuống máu binh sĩ càng bắt phi phạm vô ích. Một, hai, ba... trái 130 ly! Không, phải nói là bầy; mỗi bầy từ 5 đến 10 trái, hay là không thể nào có bình tĩnh để đếm thêm nữa! Miệng hở cá nhân đào theo hình chữ V, chữ L thu hẹp với độ sâu chứa qua đầu người, bây giờ người lính trấn thủ Thủy-Quân Lục-Chiến đã lún sâu vào "huyết mộ" của sự sống (!), chỉ còn cầu mong sự cứu thoát nơi Đấng Thiêng liêng Chúa, Phật; người Phật giáo thì niệm Phật Quán Thế Âm cứu khổ cứu nạn, người Công giáo thì đọc kinh cầu khổ gọi Mẹ Maria - (hay là không thể nào nhỏ đến một Đấng Thiêng Liêng nào nữa; khi chính bản thân chưa xác định được là bản thân của chính mình!).

Ngày cũng như đêm, hay nói cho đúng hơn là bất cứ giờ giấc nào, anh em binh sĩ trong Trung Đội chúng tôi cũng phải sẵn sàng di chuyển liên miên để thay đổi vị trí đóng quân; khi mà đồng hồ đã không còn hiệu lực nữa với tử huyệt, tám phương... bụp... bụp... tiếng "đê-pa" của lữ Pháo 130 ly bất định, và rồi thoáng chốc (thời gian ngắn ngủi nửa hơi thở dài) lại... xè... xè..., rồi... àm... àm... từng chùm tiếng nổ nhói tai, bùng óc, thép lửa, đất dò, đá núi, cây rừng, máu thịt... tan nát, hòa lẫn nhau đưa vào mệnh mỏng của vũ trụ! Trung Đội, Đại Đội, Tiểu Đoàn của Lữ Đoàn 147/TQLC miền Nam Việt thế kỷ thứ 20, từ ngày nhận kiểm Danh Tướng Nguyễn Tri Phương trấn thủ thành Gia Định (tháng Giêng năm Tân Dậu 1861) giữa một lũ quân xâm lược có 70 chiến thuyền và 3.500 bộ binh tinh nhuệ trang bị vũ khí tối tân, của Trung Tướng Charner, Pháp Quốc; nay thì binh sĩ Lữ Đoàn 147/TQLC theo chiến thuật *phân tán lực lượng địch quân* đã "đội" bao nhiêu cơn địa chấn như thế này đây hở? Đó chỉ là nói riêng về lữ Pháo tập trung 130 ly trong lúc ở "nhà"; còn đi ngăn chặn, tiêu diệt một chấm "đò" - cấp độ quân số một chấm "đò" đứng ở hàng đơn vị Đại Đội hay đông hơn (gần 100 chấm "đò" như thế đó) trên bàn đồ hành quân. Đá núi Trường Sơn còn phải lỏ, phải hao mòn; huống hồ gì là sức người có hạn!

Vậy mà những con Cọp Biển của Tiểu Đoàn 4/ Kinh Ngự vẫn còn đủ khí tiết, bản lãnh của người quân tử, sẵn sàng chịu "chấp" lũ giặc Bắc phương 1/12. Trung Đội chúng tôi "gồng" một trận rất ư là lã lướt trên địa bàn hoạt động xa lạ dưới trũng đồi, quanh rừng rậm hiểm nghèo giữa đêm khuya mặc gian lao bằng chiến thuật rút quân để tránh sa lầy, và cũng để bảo toàn thương vong cho binh sĩ, khi áp dụng câu: *tránh tiểu nhân không hổ mặt*, trong lúc chẳng làm giảm đi Danh Dự - Trách Nhiệm của người lính Mũ Xanh Việt Nam Cộng Hòa, (Huy hiệu Binh Chúng có ghi câu: Tổ Quốc-Danh Dự-Trách Nhiệm). Chiến

hữu, từng chiến hữu dất diu nhau về với "Bố-Mẹ".

...

*Tôi âm thầm với núi đồi thoai thoai
Đêm tuyến đầu sống muối lạnh giăng giăng*

*Sáng Cửa Phá
chiều Tam Quan
Thạch Hãn...*

Đường Quê Hương trĩu nặng trần ai

*Rồi Khe Sanh
tôi đi qua Lao Bảo
Thuận neo về A-Luôi (BanDong)
ghé A-Sao
Mây thật thấp
áng mây đen thật thấp
Đêm Pleiku mòn mỏi mấy vì sao*

*Quảng Trị vắng
trưa bốc cơn nắng lửa
Chớp hào quang trên bãi cát lửa thừa
Đất hoang số
thân người gầy ốm đời
Nặng gánh đời
deo đẳng lạnh gió mùa*

*Bởi vì đâu chiến tranh lên đất khổ?
Lại xuôi thêm sông nước mạch khó cần!
Mắt Mẹ già đượm hương buồn nhạt khói
Đột mái che hạnh phúc cạnh hoang mờ!*

*Tôi chửi thề
khi chiến trường sôi động
Àm àm reo đạn nổ tựa cơn giông
Cộng khát máu
còn thua loài cầm thú
Pháo ngập trời
không trụ điểm
mệnh mỏng...*

...

(trích trong: Trường khúc - Người Linh
Ngà Ngựa và Chị Nữ Lao Công Việt Nam - Thơ
Huy Giang)

Vị trí tiền đồn của Trung Đội - Đại Đội khoảng cách buổi đầu đã xa, nay lại càng xa hơn nữa, sau trận đánh đẫm máu giữa Đại Đội và địch quân 3 ngày trước; mọi liên lạc bằng hệ thống truyền tin PRC.25 của Trung Đội - Đại Đội giảm bớt đến mức độ tối đa hầu giữ bí mật "điểm đứng", và đổi "số nhà" (tần số) liên miên để tránh bị lộ diện. Lần viết chỉ mở kéo vạch màu xanh trên bản đồ nối liền Trung Đội - Đại Đội nay đã đổi sang màu đỏ - màu ám chỉ vùng có địch quân! Mọi tiếp tế như đạn dược, lương thực... coi như không có; anh em binh sĩ trong Trung Đội phá "chốt" của địch khi đánh nhau điểm tiền đồn ngày N, kết quả: Trung Đội có 1 binh sĩ rách áo 60% (đã tài thường về Tiểu Đoàn), địch để lại 3 xác, 2 AK.47 bị quân ta tịch thu; Trung Đội chưa kịp được bổ sung đạn dược thì "gồng mình" hứng chịu hết ngày này sang đêm khác thẳm cảnh "đội" Pháo ngập trời. May mắn là binh sĩ Trung Đội (cả Sư Đoàn Thủy-Quân Lục-Chiến) đều

là những người trai tinh nguyện, và đã học hỏi được chiến thuật, chiến lược *địa hình nào cũng thích hợp* trong Trung Tâm Huấn Luyện Sóng Thần (Rừng Cấm - Thủ Đức), nhất là nay có thêm những Hạ sĩ Quan, vị chỉ huy trực tiếp với kinh nghiệm chiến trường, cấp bậc đều được đặc cách sau những trận chiến thắng cộng quân từ lần chỉ xanh ô nhục Bến Hải, chạy xuống Mũi Cà Mau; cho nên trong dãy rừng núi trùng trùng điệp điệp này chưa phải là vấn đề nan giải khi đem ra áp dụng bài học *địa hình nào cũng thích hợp*. Thiếu nước đổ gạo sáy, hứng lấy sương đêm cho lẫn lộn hạt gạo mềm hạt gạo khô nhai đồ cón đói lạnh run người; thuốc lá Basto Quân Tiếp Vụ còn nguyên cây trong ba-lô không dám hút. Hòa tiền M.72, lựu đạn M.26, riêng cấp số đạn súng cá nhân hầu như còn nguyên 200 viên; tinh thần binh sĩ chưa sa sút, những giấc ngủ thì thiếu thốn hoàn toàn!

Rồi bỗng một chiều kia, trong tiếng pháo nổ ầm vang bên kia ngọn đồi nằm sát Quốc lộ 9, pháo từ Căn Cứ Hồng Hà (nơi trấn thủ của Lữ Đoàn 258/TQLC do Đại Tá Ngô Văn Định chỉ huy), và pháo của 130 ly của tay sai Võ Nguyên Giáp; tôi nhận được ám hiệu trên "số nhà" 4 (tần số mới) - 2 lần thổi, 2 lần gõ vào ống liên hợp; lệnh cho về với "Bố Mẹ" nơi điểm dừng Az.15... trong buổi sáng N+17, sẽ có những đứa con "thằng" 2 ra đón. Tránh chạm địch, toàn quyền chỉ huy, chấm dứt liên lạc bằng hệ thống truyền tin.

Chưa đầy 3 phút, sau khi thăng Huân mang máy Truyền tin Trung Đội đi khuất sau hàng cây rậm rạp ven bìa rừng; thì Th/S Luân đã hối hả từng bước dài đi ngược tôi nơi tôi đang ngồi.

- Thẩm quyền cho gọi tôi. Có chuyện gì không... Thẩm Quyền?

- Chúng ta được lệnh về với "Bố Mẹ".

Tôi gật đầu, trải tấm bản đồ hành quân xuống mặt đất ngập lá cây rừng, lá khô rụng nhiều nên êm và dày như tấm thảm; đưa tay chỉ cho Th/S Luân con đường tôi vẽ bằng viết chì xanh, trên nhiều chấm đỏ vây quanh sau khi nhận được lệnh về với "Bố Mẹ", và giải thích thêm:

- Đây là điểm chúng ta đang đứng, kéo xuống một chút nữa là đoạn đường quen thuộc mà chúng ta hoạt động những ngày qua; cuối con đường là "chốt" của tụi nó, gần đó là suối nước chảy ngược chiều với lộ trình, chính chỗ này chúng ta bắt buộc phải đến. Chúng ta xuống suối đi ngược dòng nước lên mạn dốc đồi cao hơn, qua thêm 2 "chốt" trên lưng chừng đồi đối diện; nơi mà "thằng" 3 ngày N+1 đã đóng quân, chắc Th/S còn nhớ? Đến đây, chúng ta bỏ dòng suối theo đường mòn trở xuống phía Nam độ 400 thước, sẽ có người ra đón. Coi chừng ngộ nhận!

- Những vị trí này tôi nhớ rất rõ lắm. Bao giờ mình *zu-lu*, Thẩm Quyền?

Tôi nhìn đồng hồ, đáp:

- Bây giờ là 17 giờ 15. Còn 5 phút nữa chúng ta *zu-lu*; Th/S cho Tiểu Đội 1 mở đường, lấy Binh nhất Phường đi xích hầu, vì nó là kinh binh khá nhất; tôi đi theo với cánh này, số 2. Th/S đoàn hậu với Tiểu Đội 3. Th/S đừng quên là lệnh về với "Bố Mẹ" hoàn toàn bí mật, chỉ có tôi và Th/S biết mà thôi. Chúng ta di chuyển như những ngày bình thường; nhớ nhắc nhở anh em binh sĩ tuyệt đối giữ hoàn toàn im lặng, cho đến khi nắm được tay người đón - Tôi chỉ một điểm viết chì mờ màu xanh trên bản đồ, rồi nói thêm. Hoặc lộ trình chúng ta bị... địch quân phục kích, tôi chờ Th/S tại vị trí đóng quân của Trung Đội ngày N+1, Th/S đừng bao giờ quên!

- Dạ, tôi nhớ rõ, Thẩm Quyền.

- Tốt lắm.

Tôi xếp bản đồ đứng lên; Th/S Luân cũng lẹ làng đội nón sắt lên đầu, lấy khẩu M.72 đang để trên mặt đất, và chống báng súng M.16 tay khác nường người đứng lên theo.

- Th/S còn gì hỏi thêm tôi nữa không?

Gương mặt Th/S Luân rần rại; giọng thật bình tĩnh, đáp:

- Dạ không... Thẩm Quyền.

Tôi nhìn theo dáng người Th/S già Trung Đội Phó khi quay lưng bước đi vội vã, với tấm lòng cảm mến và kính phục. Về nhận Trung Đội không bao lâu, nhưng chúng tôi đã có vài lần chạm trán nảy lửa với địch quân; đứng ở vị trí chiến trường trải qua, trung thực tôi nhận xét Th/S Luân là người lính can trường, dũng cảm; lúc nào cũng hàng đầu với anh em binh sĩ khi có lệnh xung phong chiếm mục tiêu. Ông lại là người cương nghị, ít nói, kỷ luật; tôi học nơi ông rất nhiều kinh nghiệm chiến trường, mà sử sách trong Quân Trường không thể có được.

Sương mù bắt đầu giăng trắng đục trên những ngọn, thân cây rừng; và mang thêm hơi lạnh bua xuống khắp mọi nơi trên vùng núi rừng biên giới Việt-Lào, cảnh vật như tăng thêm vẻ thâm u trầm trầm ghê rợn; không còn có thêm một tiếng động nào khác, ngoại trừ tiếng pháo nổ ầm ỉ (của ta lẫn địch quân) từ hướng Tchépone. Mùa Xuân, hình như màn đêm về sớm hơn ở miền Trung du; vì mới vừa đây to mặt nhau, giờ lại nhà nhem nhuộm màu đen loảng.

Tôi đổi Huân PRC.25 (Hiệu Tín viên Trung Đội) khẩu Colt 45 để lấy M.16 của nó, trong khi Binh nhất Phường đang bước gần đến gần chỗ tôi đang đứng. Tôi ra lệnh bằng thủ hiệu cho Phường biết hướng tiến, và nhanh nhẹn nối gót theo sau. (*)

* Đại Tá Phạm Văn Chung
LĐT/LĐ.369/TQLC & Đại Tá Hoàng Tích Thống
LĐT/LĐ.147/TQLC hiện cư ngụ tại Hoa Kỳ. (Đ/ Tá Hoàng Tích Thống đang là Phó Chủ Tịch Hội Đồng Pháp Quy/Việt Nam Quốc Dân Đảng).

Đối Bóng Chờ Xuân

*Một mai khi xuân đến
Thêm nặng lòng hoài hường
Trên cuộc đời dâu biển
Của lớp người tha phương.*

*Cuối năm ngồi bó gối
Nhìn từng phiến tuyết bay
Thấy đời thêm mòn mỏi
Lênh đênh với tháng ngày*

*Một mình ngồi đối bóng
Ngẩn ngơ với đèn khuya
Nghe chuông chùa đồng vọng
Mỗi hay đã Giao Thừa!*

*Đốt thêm một ngọn nến
Cho sáng cuộc đời nhau
Ta mời nhau cạn chén
Bóng ta cũng gặt đầu.*

*Nghe nửa say nửa tỉnh
Mà nhức nhối trong tâm!
Nghe nửa hủ nửa thực
Mà đất trời vào xuân!*

*Mai ta về cố quận
Nếu quả có ngày mai?
Trong vô cùng vô tận
Có sá chi dặm dài!*

● **Tùy Anh**

(Thất Sơn, 03.1.99)

Xuân dậy niềm kiêu

*Bên đời nắng quái chiều nay
Gió Xuân phổ phát sao đây ý thu?
Đắm chìm giữa cảnh hoang vu
Mùa Xuân thì cũng mùa thu đổ dài!
Phường đông lạc lối phường đoài
Đã bao Xuân sắc dâng dài phấn hường
Những tên hoa lạ trong vườn
Nhỏ về Mai, lại nhỏ thường rộn ràng
Rừng Mai nhuộm nắng thêm vàng
Lên ngôi ngự trị Nữ Hoàng Chúa Xuân
Anh đào dấu nét thanh tân
Đài trang vẫn kếm vài phân Bích đào
Quê tôi Xuân tử đạt dào
Hai miền Nam-Bắc: Bích Đào - Hoàng
Mai
Chẳng vì tự kỷ... nghĩ sai!
Xứ người ngàn vạn hoa khai mỹ miều
Sánh sao được dáng yếu kiều
Của Hoàng của Bích niềm kiêu quê
minh ?*

● **Vân Nường**

"Chúng ta tự giải thoát khỏi sự đau khổ của chúng ta"

Lời của Dagpo Rimpotché, một Thiền sư Tây phương

Chuyển ngữ bài "Delivrons - nous de nos souffrances" - Tuần báo L'Express ngày 30.7.1998.

Dagpo Rimpotché sinh ra ở vùng cao nguyên Tây Tạng, tái được công nhận như là sự tái sinh (reincarnation) của các bậc thầy vĩ đại, năm lên 1 tuổi đã được kính trọng, là tu sĩ năm 6 tuổi, học triết lý năm 13 tuổi. Theo vị Đại Lạt Ma, Dagpo Rimpotché, lưu vong sang Ấn Độ rồi qua Pháp. Ông trở thành Giáo sư Đại Học dạy các ngôn ngữ Đông phương và xây dựng một Học Viện Phật Giáo. Tại quê hương ông, nước Tây Tạng, theo lời ông kể lại, những người Trung Hoa tàn phá xứ sở này, bách hại nhân dân, san bằng những nơi lịch sử. Nhưng họ không thể nào tiêu hủy được trí nhớ của người Tây Tạng. Mỗi một tu sĩ như ông phải bỏ quê hương vì bạo lực, mang theo trí nhớ trong đầu óc mình. Ngày nay, Dagpo Rimpotché đã 66 tuổi vẫn không ngừng giữ mãi trí nhớ về quê hương.

Những Thiền sư Tây Tạng có một cái gì mà không thể chối cãi được, rằng những người khác không có. Một cái nhìn trong sáng và tươi cười, một khuôn mặt bình thản, một cái mà tôi không biết, hình như biểu lộ sự dịu dàng hiền hòa, có lẽ một hạnh phúc nội tâm. Nếu một nhà triết học là bạn của sự khôn ngoan, như thế, đúng, các Thiền sư Tây Tạng cũng là bậc thầy về vấn đề này. Đối với các vị ấy, Triết Học là một cách sống, của nền đạo đức của mỗi lúc để tìm cách hòa hợp sự hiểu biết và hành động. Ở Học Viện Phật Giáo tại Veneux-les-Sablons, tỉnh Seine-et-Marne, Dagpo Rimpotché nói về lòng tốt, tình thương và lòng trắc ẩn. Những giá trị được coi như là lỗi thời mà rất nhiều người ở Tây phương đang tìm lại: Tây Tạng có phải đúng là thời trang không? Càng tốt. Dân tộc Tây Tạng luôn luôn bị bách hại, cần tới chúng ta. Và chúng ta cũng cần ở họ để đưa chúng ta trở lại con đường đức hạnh. Hãy lắng nghe Thiền sư Dagpo Rimpotché. Đúng, ông có cái gì hơn người. Không có cái gì là huyền bí, hoàn toàn không! Nhưng một lời nói chân thật, tiếng vang của tình người thật sự.

Đây là cuộc phỏng vấn của L'Express với Thiền sư Dagpo Rimpotché.

Hỏi: Khi người ta gặp các Thiền sư Tây Tạng, người ta luôn luôn ngạc nhiên bởi ấn tượng thanh thản, hạnh phúc trầm lặng toát ra ở quý vị ấy. Ngài, Ngài cũng là một hiền triết đang lưu

vong, một Thiền sư đã Tây phương hóa. Ngài làm sao giữ được thanh bình trong thế giới của chúng tôi đầy dẫy những người điên khuấy động ?

Trả lời: Nếu người ta tạo được một sự thanh bình nội tâm như là Đức Phật đề nghị thì sự náo động và căng thẳng trí não một mỗi đều phải ở bên ngoài, không có ảnh hưởng nữa đối với quý ông. Về phần tôi, tôi có một cuộc đời nghề nghiệp (dạy học) cũng như phần lớn các người Pháp, tôi tham gia tích cực vào cuộc sống xã hội; nhưng điều đó không bao giờ thực sự làm tôi rối loạn.

Hỏi: Có thể nào đạt tới sự thanh bình này mà không trở thành tín đồ của Đức Phật, thí dụ theo triết lý của Ngài ?

Trả lời: Rất dễ dàng. Ở đạo Phật, không có cái gì áp đặt, bắt buộc: Đức Phật không đưa những nguyên lý bắt phải theo. Ngài đề nghị một bản những lời khuyên răn khác nhau để cho cảm thấy sung sướng lựa chọn. Đối với những ai còn bỏ ngỡ, Ngài nói: "Đừng bao giờ các đệ tử cam kết vào những gì vượt quá sức mình. Thoạt tiên, hãy thử nhận một nguyên tắc này trong một ngày thôi, các con sẽ thấy tiếp theo nếu các con muốn tiếp tục lâu hơn nữa hay trọn cả một cuộc đời". Tùy theo mỗi người tìm lấy cái gì phù hợp theo khả năng của mình ở hoàn cảnh và theo sự ước muốn của mình.

Hỏi: Vì thế lẽ dĩ nhiên người ta muốn đặt một câu hỏi có liên với Ngài: Đạo Phật có phải là một Tôn Giáo hay là một Triết Lý?

Trả lời: Nếu người ta lấy nguyên tử của chữ Tôn Giáo, có nghĩa là gắn bó với Thần quyền, thì Phật Giáo không phải là một Tôn Giáo bởi vì không đưa ra ý niệm của một vị thần linh sáng tạo. Đây là một Triết Lý chăng? Nếu người ta hiểu qua sự hiểu biết hoàn toàn trí thức, thì cũng không phải là một Triết Lý. Nhưng, nếu bởi chữ ấy, người ta muốn nói lên một cái nhìn chắc chắn nhân bản của cuộc đời, một truyền thống đề nghị những phương pháp để suy luận và hành động tốt hơn, như vậy, đúng, Phật Giáo chắc chắn là một Triết Lý.

Hỏi: Thực vậy, Ngài gọi lên sự cất dứt đã xuyên qua Triết Lý Tây phương: ở một bên, là sự hiểu biết; ở bên khác, là những nguyên tắc của cuộc đời. Cái thành phần thứ hai đã bị người ta coi thường từ nhiều thập kỷ ở về phía chúng tôi, và người ta có cảm tưởng rằng nếu Đạo Phật làm say mê rất nhiều người Tây phương ngày nay, chính bởi vì Đạo Phật tới để bổ khuyết sự thiếu đạo đức này.

Trả lời: Phật Giáo thừa nhận sự quan trọng rất lớn lao đối với giá trị chung của con người. Phật Giáo đề nghị một sự suy nghĩ về đạo đức. Nội dung của đạo đức như thế nào? Mục đích như thế nào? Nó có thể mang lại gì cho chúng ta? Đây là những câu hỏi đầu tiên tôi đặt ra. Chúng ta đừng coi đạo đức như là một tín lý, giáo điều, mà là một tiến triển cá nhân. Người ta có thể tóm tắt như vậy ba bậc của đạo đức Phật Giáo: Thoạt tiên, tránh hành động gì có hại cho người khác và hại cho mình; sau thực hành những phương tiện để phát triển ở nơi mình những đức tính và khả năng; sau cùng, phục vụ cho những người khác. Đối với điều này, sự cần thiết là tiến tới sự nhận thức đúng đắn về thiên hạ và về mình. Chính là xác định được thiên nhiên và nguồn gốc những sự đau khổ chính của chúng ta mà chúng ta có thể học được để giải tỏa những sự đau khổ ấy và đừng nô lệ nữa những xu hướng tiêu cực. Đây chính cũng là thông cảm chính mình mà chúng ta có thể hiểu những người khác rõ hơn●

Nhớ về một chuyến đi

Ít ai quên được một chuyến đi nhất là chuyến đi ấy mang lại nhiều kỷ niệm khó quên trong đời. Đối với những phật tử cùng đi trong đoàn hành hương tháng 12 năm qua từ nhiều quốc gia ở Âu châu khác nhau như: Đức, Hòa Lan, Thụy Điển, Pháp, Bỉ.v.v.. cũng như từ phía chúng tôi ở Ấn Độ là hai người Hạnh Tấn và Hạnh Nguyễn, cả hai phía đều có những kỷ niệm nhớ đời; một là ngay từ lúc khởi hành tại Frankfurt hãng máy bay Air India đã trễ ba tiếng và khi bay đến Ấn Độ do vì thời tiết sương mù nên máy bay phải đáp xuống Bombay - miền trung Ấn Độ mà không một lời xin lỗi, hai là chúng tôi phải ra khách sạn nằm chờ và cứ vài ba tiếng lại gọi lên phi trường để lấy tin về chuyến bay đặc biệt này, và cuối cùng do vì máy bay đến vào ngày hôm sau nên một đêm khách sạn nằm sao đã trả tiền trước dành phải hủy bỏ. Đã thế còn có những vấn đề trực trặc khác ngoài ý muốn như một số người chỉ xin được Single entry Visa, nên khi trở lại phi trường New Delhi từ Kathmandu đành phải ngủ lại phi trường chờ chuyến bay vào hôm sau.

Mùa đông năm nay ở Ấn thật là lạnh, ngay cả chính tôi đã sống ở Ấn nhiều năm cũng không ngờ cái lạnh đến như thế. Có người cho rằng thời tiết thay đổi và khắc nghiệt hơn xưa nhiều là do từ vụ thí nghiệm hạt nhân vừa qua, riêng tôi thắm nghĩ biết đâu cái lạnh theo hơi từ những phật tử ở Âu châu sang hành hương năm nay cũng nên! Thế mà những phật tử ấy khi sang đây vẫn than lạnh như thường.

Đón tiếp phái đoàn từ phi trường quốc tế Gandhi International Airport xong, chúng tôi đưa sang phi trường nội địa ngay để kịp chuyến bay đi Patna - thủ phủ của tiểu bang Bihar- chuẩn bị cho một cuộc hành trình thật sự bắt đầu vào hôm sau. Tại khách sạn chúng tôi đã thông báo những tin tức cần thiết trong khi đi hành hương, cũng như chuẩn bị sẵn một số tiền lẻ đổi cho mọi người tiện dùng trong lúc mua sắm, hoặc cho kẻ nghèo. Có lẽ cái bản tính của chúng tôi không đành lòng để những người phật tử mới đến tiêu sài tiền một cách quá sang không cần thiết. Kinh nghiệm cho thấy nếu thiếu sự thông tin và nhấn nhủ cần thiết từ ban tổ chức, phật tử hành hương có thể gặp một số điều phiền

toái như: đi đứng không trật tự, lạc người, trễ giờ, bị ăn xin hoặc những người bồi trong khách sạn quấy nhiễu, sài tiền phung phí, bị gạt và trộm cắp.v.v..

Thánh địa Phật giáo là những nơi chốn thiêng liêng, tuy nhiên do vì thiêng liêng nên người ta lợi dụng để mua bán và tìm cách kiếm tiền qua mọi hình thức. Với số lượng du khách phật tử khắp nơi trên thế giới đổ về đây chiêm bái và tu học đến hàng trăm ngàn người mỗi năm, nơi đây tự nhiên trở thành những khu đô thị nhỏ với đầy màu sắc sinh hoạt tu tập, mua bán và gạ gẫm. Dù sao nếp sống chung chung của người dân Ấn cũng là như thế.

Tuyến đường hành hương tháng 12 năm qua có khác so với những năm trước. Từ Patna chúng tôi đưa phái đoàn đến Linh Thứu chiêm bái một di tích quan trọng trong Phật giáo Đại thừa vì nơi đây đức Phật đã giảng nhiều bộ kinh quan trọng như kinh Pháp hoa, Bát nhã, Kim cang. Rồi tiếp đến các di tích khác như Trúc Lâm tịnh xá, học viện Nalanda nơi các bậc tổ sư như Long Thọ, Mã Minh, Vô Trước, Thế Thân hay ngài Huyền Trang từng tu học. Các di tích ấy ngày nay đã hoang tàn, còn trở lại với nền gạch nhưng người phật tử đến để được dịp hồi tưởng, chiêm bái, và cầu nguyện. Buổi chiều mặc dù đoàn gắng trở về Bồ Đề Đạo Tràng sớm, nhưng trời cũng đã sập tối mau do vì mùa đông âm u và nhiều sương mù.

Có lẽ chúng tôi và cả những người phật tử trong đoàn hải lòng hơn khi được ở khách sạn gần tháp thay vì nghỉ đêm lại tại chùa Việt Nam cách đó khá xa và thiếu tiện nghi. Mỗi sáng lúc 5 giờ, cả phái đoàn được thầy tôi hướng dẫn ra tháp tụng kinh Lăng nghiêm và giảng pháp cho mọi người. Buổi sáng thứ hai có buổi truyền giới Bồ tát cho 8 vị và truyền tam quy ngũ giới cho một phật tử. Cũng sáng hôm ấy ngày 26 tháng 12, chúng tôi đưa phái đoàn ra khu đất để chú tôn đức làm buổi chú nguyện cho công trình xây dựng "Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng" trong thời gian sắp tới.

Kể từ cuộc vận động mua khu đất này vào tháng 5 năm 98 vừa qua, số phật tử biết tin và ủng hộ tuy còn giới hạn nhưng chúng tôi vẫn nhận được sự đóng góp cúng dường nhiều cho dự án này. Ngoài số tiền đất và các phật tử từ khắp nơi đã cúng và cho mượn lên đến 125.000 US\$, số tiền cúng dường xây cất hai dãy nhà dùng làm văn phòng và nơi ở cho chư tăng đã được khoảng 15.000 US\$. Như vậy nếu giấy tờ bản vẽ được chấp nhận trong vài tháng tới, hy vọng hai dãy nhà tạm gồm 14 phòng kể cả chánh điện và thư viện sẽ hoàn tất vào cuối năm nay.

Dù đã được chúng tôi trong ban tổ chức thuyết trình nhiều lần về những sinh hoạt khá đặc thù nơi Nalanda và Bồ Đề Đạo Tràng, người phật tử trong đoàn cũng không khỏi xao xuyến và động tâm khi gặp những cảnh khổ chung quanh các khu vực thánh địa này. Cô Loan, một phật tử ở Hòa Lan đã nhận xét: "sao con thấy bên trong thánh địa là tịnh độ, bên ngoài là khổ đau". Còn thầy Tâm Huệ từ Thụy Điển thì nhận xét: "Có lẽ các thầy ở Ấn Độ lâu năm rồi nên trái tim chai cứng lại chăng?" Tâm tư và sự nghĩ suy của mỗi người mỗi khác, ai cũng biểu lộ một trạng thái xúc động và tìm phương giúp đỡ khác nhau nhưng do vì tôi cần đi nhiều, nên phật tử cũng bớt cho và tình trạng trong đoàn do đó được tương đối ổn định. Bồ thí cho người nghèo là một việc làm tốt, nhưng nếu không biết cách thì việc làm ấy có thể mang lại sự tổn hại và những quấy nhiễu khác cho cả một phái đoàn.

Là người sống tu học tại Ấn trong 6 năm qua, chúng tôi có nhiều kinh nghiệm với người dân xứ này. Họ hiền lành, chất phác nhưng họ cũng biết mánh khéo kiếm tiền nếu có sự hiện diện của những người nước ngoài để dãi và cả tin. Lấy một cái nhìn chung chung về nơi các khu vực có đông du khách nước ngoài và các người phật tử hành hương, chúng ta sẽ thấy vật giá những nơi này đắt hơn, người ta xảo quyết hơn và thấy nhiều phương cách xin cũng như lường gạt hơn. Nhưng rồi để làm cho tình trạng khá hơn, lại mấy ai có thể làm được hay chỉ vì cộng nghiệp chung của một nơi chốn ấy là vậy. Để giải quyết vấn đề khổ đau ấy bằng vật chất qua tiền bạc mà chúng ta bố thí, tình trạng có thể khá hơn không hay trong cùng một lúc với sự thành tâm cầu nguyện cho họ, thì cũng đã ban ra một thứ tình thương chân thật rồi!

Chiều hôm thứ ba ở Bồ Đề Đạo Tràng, phái đoàn được hướng dẫn thăm một làng Phật giáo để phát chẩn cho những người nghèo tại đây. Làng này đã được nhiều phái đoàn Phật giáo các nước giúp đỡ nên từ một thôn làng nhỏ bé với vách đất, nhà tranh nay đã trở nên những ngôi nhà bằng gạch và bê tông, lại có cả trường học và một ngôi tịnh xá thờ Phật để làm nơi lễ bái và tu niệm cho mọi người trong làng. Kế tiếp là cuộc phát chẩn cho một làng nghèo khác nằm mặt sau dự án Di Lạc và gần bên khu đất của trung tâm tu học Viên Giác sắp tới. Có lẽ người dân làng này lần đầu được thăm viếng và phát chẩn nên sự náo loạn và mất trật tự thật khó kìm hãm. Tuy nhiên sau một hồi dàn xếp và làm việc có cung cách của thầy Hạnh Tấn, cuộc phát chẩn cũng qua trong ổn định và trọn vẹn. Ở đây cho thấy một kinh nghiệm đến với tất cả mọi người

là, chưa chắc có được tiền và của mà có thể giúp người một cách hữu hiệu được.

Trong Phật giáo việc trang trải tình thương đến với mọi người, mọi loài là cần thiết để phát triển tâm từ và tâm bi. Tuy nhiên tâm từ bi cần phải mang lại lợi lạc đúng nghĩa cho người nhận qua cách thức cho, vật cho và dụng tâm của người cho. Như ở cả ba cách thức đúng pháp này từ người cho nhưng ngược lại không được đáp ứng đúng nghĩa từ phía người nhận như họ tham lam hơn, giận dữ hoặc ganh tị hơn khi nhận của bố thí, thì chính chúng ta cần phải chuẩn bị tâm kỹ lưỡng cho những lần bố thí giúp đỡ kế tiếp. Dĩ nhiên việc phát chẩn cho những người nghèo chỉ là những việc từ thiện có tính cách tạm bợ, nhất thời. Việc giúp họ hết khổ thật sự mới đúng là phù hợp của tâm từ và tâm bi trong đạo Phật; để được vậy thì việc giúp đưa ánh sáng giáo pháp của đức Phật đến với họ và đến với đời sống hàng ngày của họ mới thật là điều thiết yếu. Như anh Basavaraj nhận định: "giúp họ học nghề, có việc làm và giúp phát triển ngành giáo dục, nâng cao trình độ nhận thức mới là điều chính yếu để giúp họ hết khổ". Tuy nhiên tâm tư của mọi người trong đoàn dường như được ít nhiều thỏa mãn hơn sau cuộc phát chẩn có nhiều ý nghĩa này.

Sau ba đêm nghỉ lại tại Bồ Đề Đạo Tràng, phái đoàn khởi hành đi Lộc Uyển thánh tích Phật giáo quan trọng hàng thứ hai vì nơi đây kỷ niệm nơi đức Phật chuyển pháp luân lần đầu sau khi ngài thành đạo dưới cội cây Bồ Đề. Tại Lộc Uyển và trong ngôi tịnh xá của hội Maha Bồ đề, thấy tôi và phái đoàn cũng tụng một thời kinh cầu nguyện. Sau đó thấy làm lễ quy y cho anh Basavaraj, một sinh viên thuộc dòng Bà La Môn đã theo tôi từ mấy tháng qua để phụ giúp trong công trình xây dựng trung tâm Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng. Lẽ ra anh xin được xuất gia kỳ này nhưng thấy tôi thiết nghĩ chưa tiện cho lắm vì anh còn quá mới nên tạm truyền trao tam quy ngũ giới cho anh. Phải chăng một nhân duyên nào đó trong tiền kiếp với người Việt Nam nên anh đã đến và làm việc giúp đỡ chúng ta trong nhiều tháng qua. Không có anh là người bản xứ giúp đỡ và cố vấn trong mọi vấn đề, không biết chúng ta đã gặp bao nhiêu khó khăn và nan giải trong công trình Viên Giác Bồ Đề Đạo Tràng này rồi.

Nơi vườn Lộc Uyển và tại đại tháp Chuyển Pháp Luân, đoàn cũng được thấy tôi hướng dẫn tụng kinh và đi nhiều quanh tháp. Sau đó đến lượt tôi nói qua về lịch sử của di tích thánh địa này. Trong cuốn "Xứ Phật Tình Quê" tôi phụ trách viết phần Lộc Uyển và Câu Thi Na nên tự dừng đến đây tôi và thấy Hạnh Tấn phải hiểu nhau rằng ai

trách nhiệm trong việc thuyết minh về khu vực của chính mình viết. Tôi không nhớ nhiều và quá chi tiết về những sử liệu mà mình đã viết nên mỗi lần đến một nơi, tôi phải he hé sách đọc lại những gì mình đã viết. Trí nhớ đến như vậy thì rõ là tệ thật!

Có lẽ càng đi người ta càng nhận ra thêm sự nghèo cùng và khốn khổ của người dân xứ Ấn. Thế nên có lúc mọi người dường như có đồng cảm thông hơn, chịu nhẫn hơn trong những lúc như đi đường xa, xe giồng trên những con lộ gập gềnh và nhiều cát bụi. Nhưng cái nhẫn của sự đòi ngừng xe thì ít ai chịu được, có lúc tôi thấy tức cười là mới lên xe khoảng tiếng đồng hồ là một hai đôi ngừng xe để xả bỏ bầu tâm sự. Thấy Tâm Huệ trên xe còn kể một câu chuyện về đức nhân cho mọi người nghe, nhưng ai cũng thừa nhận rằng, có một cái nhân mà không ai có thể thực hiện được!

Xe gần đến Ba La Nại, thấy quá nhiều chòi tranh vách lá bên vệ đường của người dân vùng này, người trong đoàn không biết thật tin hay giả tin khi tôi loan báo là nơi ở của mọi người cũng na ná như vậy. Khi đến khách sạn dường như nỗi lo sợ ấy mới hết còn hiện trên mặt mọi người. Tổ chức qua nhiều phái đoàn tôi có nhiều kinh nghiệm như vậy, thông thường người Phật tử ghi danh đi hành hương đều có một tâm thành rất tốt đối với tam bảo và tin về sự thiêng liêng mẫu nhiệm nơi đất Phật. Tuy nhiên trong đó không phải không có những người sống ít nhiều xa cách thực tế. Họ chấp nhận đi Ấn Độ nhưng đôi lúc không muốn chấp nhận những điều thực ở Ấn Độ như: đói bẩn, bụi bặm, đông người, ăn xin, bệnh tật và thiếu tiện nghi, vệ sinh ở một vài nơi. Thế nên dù chuẩn bị và tạo sự tiện nghi tối đa thì ở một vài nơi và trên một số lộ trình người tổ chức như chúng tôi cũng đành chịu bở tay. Do đó ở những nơi có thể chúng tôi đều sắp đặt phái đoàn ở lại những khách sạn tốt nhất, để trước và sau phái đoàn có được những ngày ở và ăn tốt đẹp hầu hưởng được một chuyến hành hương thú vị và đầy ý nghĩa. Ấy vậy mà cũng không tránh hết những mệt mỏi và bệnh tật của một số người yếu yếu trong đoàn.

Buổi sáng hôm sau đi thăm sông Hằng, mọi người tuy bị ọc tò mò trước đây về một con sông huyền bí và hay được đức Phật nhắc và kể trong các kinh, nhưng có lẽ do tôi dẫn dò và thuyết minh quá kỹ lưỡng về nơi ấy tối hôm trước ở khách sạn nên sáng hôm sau có đến 8 người rút tên không đi. Đa phần là các bác lớn tuổi và lý do không đi chỉ vì sợ nhóm người cùi hôi rượt và không đi nhanh được để tránh. Không chừng ấy vậy mà hay vì sáng hôm ấy tuy mọi người náo nức hăm hờ

muốn xem con sông thiêng này, nhưng ông trời lại không muốn chịu lòng những người phật tử khác đạo nên sương mù dày đặc cả sông và đám phu chèo hững hờ làm việc. Cái tâm lý muốn thấy những cảnh thiêu xác nơi bờ sông và những thầy chết trôi lập lò trên sông đã làm mọi người dần mất soi thấu khắp nơi, nhưng tất cả chỉ là những hình ảnh mờ qua màn sương. Không trông thấy được gì ngay cả ông mặt trời thường ngày ửng đỏ xuất hiện sáng choang. Riêng tôi đã quen nhìn nên nhận thấy ngay một xác con bò trôi không xa và chỉ trở làm mọi người ai nấy đều cố nhìn như nhìn một cái gì kỳ quái khó tin là có thật. Buổi đi thăm sông Hằng làm mọi người thất vọng nhiều đến nỗi có người để nghị, mấy phái đoàn sau thấy dừng nên dẫn mọi người thăm sông Hằng nữa, chẳng có gì đẹp mà chỉ hít hơi và khí độc để mọi người thêm bệnh.

Thánh địa thứ ba đoàn thăm viếng là Câu Thi Na, nơi đức Phật xả báo thân nhập Niết bàn. Nơi này quang cảnh buồn thênh so với sức sống và năng lực tu hành ở hai nơi thánh địa kia. Phải chăng do sự cố đức Phật nhập diệt nơi đây nên sự tu tập và hành trì của chư tăng và phật tử các nơi đổ về đó hành trì hiếm khi thấy, chỉ lang thang vài ông sư qua lại coi dạng khả nghi. Tình trạng đấp y giả sư để tìm sự bố thí của người phật tử hành hương đã chẳng là điều lạ của người dân trong vùng. Với những người ngoại đạo bất tín, việc làm này có gì đáng xấu hổ đâu! Người phật tử chúng ta chỉ thấy buồn cho đạo pháp và tội nghiệp cho sự vô minh của họ mà thôi.

Đoàn nghỉ lại chùa Linh Sơn do sư cô Trí Thuận trụ trì. Ở đây một số phòng ốc xây dựng xong thì khá tiện nghi, nhưng một số khác thì hơi tệ vì mọi người phải ngủ chung trong một phòng lớn. Có lẽ do cái lạnh buốt nơi đây, hoặc giả do tình trạng vệ sinh ăn uống trong chùa hoặc do mọi người khi đến đây là đã mệt nhiều, nên đa phần các phái đoàn đều có người bệnh ở chốn này. Có lẽ đây là điều nhắc nhở và lưu ý đối với chúng tôi trong những lần tổ chức về sau khi đến chiêm bái tại Câu Thi Na. Riêng thấy tôi vẫn với sức khỏe cố hữu, nói bông đùa với các vị bị bệnh rằng: "nơi này đức Phật đã thọ bệnh nên ai về đây cũng phải bệnh thì mới giống đức Phật vậy".

Sang biên giới Nepal vào ngày 31 tháng 12, ngày cuối cùng trong năm 98 nên thấy tôi để nghị tổ chức tiệc và đón năm mới dương lịch vào tối hôm đó. Khách sạn Nirvana xứng đáng với tên gọi của nó vì nét đẹp và sự sang trọng tân kỳ. Khách sạn đẹp sao mà đôi lúc ở vài nơi có thể đồng so với khách sạn năm sao tại Ấn Độ. Buổi chiều đoàn được thấy Hạnh Tấn hướng dẫn ra chiêm bái vườn Lâm Tỷ

Ni, nơi đức Phật đản sanh, còn tôi ở lại khách sạn phụ trách việc thông dịch cho bác sĩ và coi ngó ba vị bệnh phải ở lại.

Buổi tối vào khoản 10 giờ, phái đoàn có một cuộc tiệc nhỏ trong đó gồm có trà, cà phê và các thứ bánh đủ loại. Lúc này dưới sự chủ tọa của thầy tôi, các tiết mục văn nghệ –không kèn không trống- được trình bày trong đó có ca ngâm tân cổ nhạc, kể chuyện vui, hát, phát biểu cảm tưởng và mục ngâm thơ của thầy tôi. Ai ai cũng biểu diễn xuất sắc, nhất là anh chị Thị Hạnh, Thị Phước đến từ Hoa Kỳ và anh Trí, chị Hồng. Các câu chuyện vui trong đoàn được các anh chị khéo diễn tả làm mọi người ôm bụng toét miệng mà cười, đến nỗi có người đề nghị đòi thầy băng Video riêng phát hành. Đường như trong bất cứ đoàn hành hương nào cũng mang nhiều chuyện vui khó quên, thường nhất là từ các bác lớn tuổi, các vị bị tào tháo rượt hoặc từ những phật tử trẻ năng động vui tính. Buổi tiệc tết tha hương kết thúc vào lúc hơn 12 giờ khuya sau buổi li xi của thầy tôi, trong đó có một phật tử gặp may bóc trúng phong bì đặc biệt gồm 100 ruppi và được thầy thưởng thêm 100 nữa thay vì tất cả mọi người đều chỉ có 10 ruppi li xi.

Tứ thánh địa quan trọng của Phật giáo đã viếng xong, và không như các phái đoàn trước là chờ hôm sau trở về Delhi sau khi tạt ngang qua viếng thăm Xá Vệ và vườn cửa trường giả Cấp Cô Độc; phái đoàn trực chỉ Kathmandu thủ đô của vương quốc Nepal. Đây là vùng đất mới của đoàn hành hương mà ít có đoàn nào được đặt chân đến tận nơi này. Lý do có thể là phần vì xa, phần vì tốn kém nhiều hơn khi phái đoàn đi tiếp lên thủ đô Kathmandu. Tuy nhiên có thể do vì muốn mở ra những thú vị và hiểu biết mới cho các phật tử hành hương nên chúng tôi đã chọn lộ trình này cho chuyến hành hương năm qua. Quả thật dường như ai nấy đều thích thú thấy rõ khi được đặt chân đến Kathmandu xuyên qua các con đường có núi và sông hồ đẹp tựa như tranh. Rồi đoàn được đi xem các dãy núi tuyết Hy mã Lạp Sơn và các rặng núi cao nhất thế giới khác. Cùng ngày đoàn cũng thăm qua các chùa và tháp Phật nổi tiếng nhất ở Nepal được tạo dựng hơn 2000 năm qua.

Buổi đi mua sắm cũng không kém phần thú vị vì khách sạn ở ngay trong khu vực trung tâm Thamel, nơi mọi người có thể tản bộ vài bước ra bên ngoài là có thể mua sắm hàng giờ mà không chán ngán. Nepal có nhiều cái đẹp, điều hay kể cả các nhà hàng ngon đặc biệt mà nhiều người trong đoàn dường như đều muốn ghé thăm lại nơi này trong các lần đi tới. Chỉ tiếc hai đêm không mấy là nhiều đối với

những ai có tinh thần mua sắm, ăn uống và thích xem cảnh lạ của núi non sông hồ.

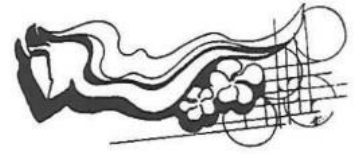
Trở về Delhi bằng máy bay, đoàn về nghỉ lại khách sạn Hilton một trong những khách sạn đẹp và sang nhất ở Delhi. Ai nấy hoan hỷ và vui ra mặt, riêng chúng tôi thì buồn vì không giúp gì được cho 6 vị không có Visa vào lại Ấn Độ. Sau khoảng giờ đồng hồ nói hết lời mà họ không cho, sau đó thầy Hạnh Tấn lại ra phi trường nói chuyện và năn nỉ họ cho đến hai giờ khuya mà cũng đành vô hiệu. Nếu vậy thì rõ là nhân duyên ngủ ngoài phi trường rồi chứ còn gì! Tôi tin là như vậy tuy nhiên cô Dung phật tử trong đoàn thường chọc tôi là hay đổ thừa cho nhân duyên, nhưng dù tin hay không thì cô cũng đã ngủ ngoài phi trường vào đêm ấy rồi.

Buổi tối tại khách sạn thầy tôi có buổi nói chuyện với gần 20 tăng ni sinh du học tại Delhi đi từ Việt Nam. Đây là số các vị được thầy tôi giúp cho học bổng mỗi năm khoảng 1200 US\$ và phần lớn đã học gần xong cấp tiến sĩ tại đại học New Delhi. Sau đó thầy trao số tiền các phật tử trong đoàn đã cúng 2000 US\$ cho 20 vị, một số tiền khác hơn 5000 DM cũng được giúp vào ngân quỹ y tế, một ngân quỹ đặc biệt tài trợ các chương trình thuốc men và bệnh xá chung cho tất cả tăng ni sinh hơn 100 vị, một khi các vị ấy cần được sự giúp đỡ. Buổi ăn tối ấy cũng là bữa tiệc do thầy tôi khoảng đãi tất cả, trong đó chư tăng ni gặp gỡ và ngồi chung bàn với các phật tử hành hương trong đoàn để nói chuyện và làm quen. Buổi tiệc tạo sự thân mật và gắn gũi lại với nhau giữa mọi người, giữa tiệc cũng có những màn hát vọng cổ và ngâm thơ giúp vui, trong đó thầy tôi cũng thủ một vai và được nhiều người tán thưởng yêu cầu ngâm đến bài hai. Phía các thầy cô du học cũng lên đáp lại một số bài tạo nên một tấm chân tình thâm thiết đạo vị.

Sáng hôm sau vì thời tiết sương mù nên máy bay lại bay trễ 6 tiếng, mọi người có thêm thời gian để chia tay và chuẩn bị cho một chuyến trở lại đầy hoàn mãn. Nhìn nhau qua lại dường như ai ai lại cũng thấy hăm hở và vui vẻ như ngày mới đến. Cái tâm lý trông mong dù đến hay đi cũng đều tạo năng lực đủ cho mọi người cảm thấy háng hái và vui tươi lên. Riêng chúng tôi cũng cảm thấy đã đời cho cái mệt gắng gượng qua lúc ấy, để cùng vui cho đến lúc chia tay tiễn mọi người vào trong chuẩn bị cho một cuộc lên đường trở lại.

Viết tường thuật kỷ niệm chuyến hành hương dịp đông năm 98 vừa qua.
Delhi 12 tháng 1 năm 1999.

NHỚ TẾT XƯA



*Bao năm qua lạc loài trên đất khách
Mãi ngược xuôi quên lòng cả tháng
ngày*

*Nay Tết đến bàng khuâng buồn xa xứ
Giữa tiết Đông khắp nẻo giá băng đầy.*

*Mong gì nữa cùng Em đi hái lộc
Nhớ Tết xưa, Em mặc áo lụa hương
Em má ửng hay tình Xuân ửng má?
Điểm thêm màu tươi thắm của quê
hương!*

*Vui thôn xóm người người mua sắm
Tết*

*Xuân khang trang khắp ngoài ngõ,
trong nhà*

*Câu đối đỏ Cha mừng năm vạn phúc
Xác pháo hồng Anh đốt khảm thêm
hoa.*

*Nhớ bạn thơ, ngày Xuân vui xuống
hạ*

*Nghe mến thương ăm ắp chén rượu
nồng*

*Rượu cạn chén, mà thơ chưa cạn hứng
Tình vương tròn như bánh tét, bánh
chưng.*

*Trở trên thay giữa ngàn hoa xú lạ
Tôi vẫn mơ, vẫn ước một cành mai
Cho vàng thắm hồn ly hương sắc tím
Giữa quê người tuyết rụng, hoa đào
bay.*

*Rước Tổ Tiên mà buồn xa nguồn gốc
Đủ hương dâng, trà quả vẫn ngâm
ngùi*

*Cớ tìm Tết mà Tết đâu hỏi Tết
Trời mưa dầm như lệ dầm mắt tôi!*

● Quang Tuấn



Y HỌC THƯỜNG THỨC



● Quỳnh Hoa sưu tầm

Năm Mào nói về những thực vật mang tên Mèo

Lưỡi Mèo : Còn gọi là cây chỉ thiên, thuộc loại cỏ cứng, thân mang nhiều cành, tử gốc lá mọc vòng, lá có răng cưa ở mép, hoa màu tím nhạt mọc ở đầu cành, tên khoa học *Elephantopus Scaber*, họ cúc. Ít thấy tài liệu nghiên cứu về thành phần hóa học cây này, trong dân gian cây được dùng để giã nát đắp lên mụn nhọt hay sắc uống để chữa chảy máu cam, tiểu tiện khó.

Cây Râu Mèo : Sở dĩ có tên này là vì nhụy hoa của cây thò ra ngoài giống râu con mèo. Cây nhỏ thân vuông nhiều cành, lá mọc đối, hoa mọc thẳng đầu ngon thành chùm màu trắng, xanh tím.



Cây râu mèo (*Orthosiphon stamineus* Benth (Họ hoa môi Labiatae))

Thành phần hóa học có chứa glucosid đáng gọi là orthosiphonin. Đông y và Tây y cổ điển dùng lá và búp của cây râu mèo làm thuốc tăng tiểu tiện. Nước sắc lá râu mèo có tác dụng làm tăng lượng

nước tiểu dùng trong bệnh sỏi túi mật, phù, tê thấp, sốt... Dùng 5 đến 6 g với nửa lít nước, chia làm hai lần uống trong ngày, uống nóng trước khi ăn. Uống liên tục 8 ngày, nghỉ 4 ngày.

Bút Mèo : còn gọi là táo rừng hay mạn rừng, mọc hoang vùng đồi núi, cây cành mềm lá mọc so le, mép lá hơi có răng cưa nhìn giống lá táo trồng để ăn, hoa nhỏ trắng mọc ở kẽ lá, trái như trái táo ta nhưng nhỏ hơn và dẹt hơn. Tên khoa học *Rhamnus crenatus* thuộc họ táo. Trong dân gian, người ta dùng lá để nấu nước tắm chữa lở ngứa, vỏ rễ giã nát ngâm rượu để bôi thoa ngoài da trị bệnh hắc lào.

Cây Chàm Mèo (*Baphiacaanthus cusia* họ Ô-rô) : là loại cây mọc hoang và được trồng để chế thuốc nhuộm màu chàm. Cây nhỏ, lá bầu dục, người ta hái trái về lấy lá bỏ cành, đổ nước vào ngâm 2 - 3 ngày hoặc 5 - 6 ngày chờ lên men. Sau đó gạn lấy nước, cho vôi vào khuấy lên, dung dịch sẽ chuyển sang màu xanh lam, bột chàm được vớt ra, làm khô trong đó có chứa chất indigotin màu xanh lam sẫm ánh lên màu tím, đó là màu chàm. Khi xưa người ta dùng cây này để chế chàm nhuộm quần áo.

Nấm Mèo : là thực phẩm mà chúng ta thường ăn. Nấm tai mèo còn được gọi là Mộc Nhĩ tên khoa học *Auricularia polytricha* họ mộc nhĩ *Auriculariaceae*, mọc hoang trên cây, cành gỗ mục trong rừng hay đồng bằng và được trồng để làm thức ăn. Nấm mặt ngoài nâu nhạt có lông mịn, mặt trong nhẵn nâu sẫm, gốc có nhiều nếp gấp. Nấm được hái về phơi sấy khô dùng làm thức ăn, trong nấm có chứa chất đạm, glucid, chất xơ, ít chất béo, khoáng chất, vitamin ●



GIÀ CHÁNH CHAY



Mắm dùng với rau

Vật liệu :

- 3 miếng đậu hủ
- 3 trái cà chua chín
- 200 gr. nấm rơm búp
- 1/3 chén sả bào mỏng
- 1 trái ớt chín băm nhỏ và 1 trái ớt tia hoa
- muối, tiêu, đường, bột ngọt, nước tương
- 200 gr. rau sống
- 100 gr. giá sống
- 2 trái dưa chuột
- 150 gr. bắp cải trắng (loại Spitzkohl)
- 1/2 trái thơm chín
- dầu ăn, ngò

Cách làm :

I. Giai đoạn một : chuẩn bị

- 1- Đậu hủ : rửa sạch, bóp nhỏ
- 2- Cà chua : bỏ hạt, xắt mỏng, băm nhỏ
- 3- Nấm rơm : gọt rửa sạch với nước có pha chút muối, xắt mỏng, băm nhỏ
- 4- Sả và ớt : băm nhỏ
- 5- Dưa chuột : xắt nhỏ, dày độ 2 ly đến 3 ly, bề ngang độ 3 ly đến 4 ly
- 6- Bắp cải trắng : xắt sợi
- 7- Thơm chín : xắt như dưa chuột

II. Giai đoạn hai : cách xào và trộn rau

- 1- Cách xào : bắc chảo dầu nóng, cho sả + ớt băm nhỏ vào cho thơm, cho nấm rơm + đậu hủ + cà chua vào, xào tất cả lên cho hơi chín, cho thêm chút nước ấm cho hỗn hợp được sền sệt, nêm chút nước tương + tiêu + đường + bột ngọt cho vừa ăn, nhắc xuống.
- 2- Trộn rau : rau sống + giá + dưa chuột + bắp cải + thơm chín, trộn chung lại xếp ra đĩa.

III. Giai đoạn ba : trình bày

Cho mắm ra đĩa hình bầu dục, trên rắc thêm tiêu + ngò cho thơm. Mắm dùng nóng chung với cơm và đĩa rau sống.

Đĩa rau : xếp rau đã trộn ra đĩa, giữa đĩa cắm ớt tia hoa và rải thêm vài cọng ngò xung quanh cho đẹp.

Số vật liệu trên sửa soạn cho 4 người ăn.

ĐỈNH CHÍNH

Ban Biên Tập xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả và quý độc giả. Vì lý do kỹ thuật nên bài **BỐN NĂM VỚI TRƯỞNG TRUNG HỌC THỦ KHOA NGHĨA** của Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa trong Viên Giác số 108 trang 44 kể từ ngày dạy các môn xin được thay vào như sau :

.... Hay quá, đọc xong muốn hét lên cho nổi oan ức. Khanh đã tròn vẹn đạo làm vợ, tâm thường nhưng chính danh. Ta được tiếng là mài mê gánh vác giảng sớ, giảng sớ cười ta không tròn đạo làm chồng. Hoàn cảnh thật nghiệt ngã.

Thằng bạn xưa, đồng cảnh ngộ, nói chuyện rủ rừ như bồ câu trống gù gù bồ câu mái, vợ nó vượt biên qua đảo mất liên lạc, nó chạy thất điên bát đảo tìm ra rồi long đong bảo lãnh đoàn tụ gia đình. Mỗi qua thời gian ngắn, vợ nó khám phá nó không phải giám đốc hãng may, chủ nhà hàng, hay kỹ sư điện tử như hầu hết Việt kiều khác, nó chỉ là tân làm công ở độ ngày tám tiếng, thêm overtime cũng không đủ nuôi giàn đĩa Karaoke hay trà tiền muỗm phim tập và cung phụng đám bên vợ ở Việt Nam. Nó mệt ngất, cuối tuần rủ bè bạn nhậu quên đời. Vợ nó chán chê, bỏ theo người khác, bán nhà chia hai, nhà còn nợ ngân hàng, đủ trả tiền luật sư, sạch sành sanh! Sẵn dịp, tôi viết sẵn cho nó hai câu phúng diếu khi vợ nó chết (sẽ chết, ... thì trước sau gì cũng chết).

*Ngã cùng khanh thường mạ
Ngã tủy khanh thường lã
Bằng hữu giai ta khanh quái phụ
Khanh đảo ngã dĩ truy
Khanh nạn ngã dĩ cứu
Đệ huynh đổng thân ngã ngu phu.
Ta cùng cực khanh thường mẫn
Ta say sưa khanh thường chử
Bạn bè than khanh là con vợ quái
Khanh trốn ta đã tìm
Khanh gặp nạn ta đã cứu
Anh em đổng chệ ta là thằng chồng
ngu.*

(Lại lạc đề)

Suốt 4 năm học, giáo sư Sù-Địa chưa lần nào nhắc gốc tích cụ Thủ Khoa Nghĩa, về sau đọc sách mới biết. Mỗi sáng chủ nhật đạp xe đạp trên đường Báo Hộ Thoại vô Núi Sam, chạy nhảy trên những bụi đá Lãng Ông mà không biết đó là nơi yên nghỉ của cụ Thoại Ngọc Hầu, người khai kinh Vĩnh Tế. Dưới chân núi, có ngôi Chùa, trước là tượng vị sư bồng đứa bé, chùa Phật Thầy Tây An,

dựa lưng vào núi nhìn về phía Hậu Giang.

*Tiền Hữu Tam Giang Long Hỷ Thủy,
Hậu Đầu Thất Lĩnh Phụng Triều Vân*

Dịch:

*Trước mặt ba sông rồng giỡn sóng
Sau lưng bảy núi phụng châu mây.*

Ngài đã dần dần mở trại ruộng, khu Lãng Linh phì nhiêu ngập lúa nuôi dân. Đi ngang đỉnh Châu Đốc mấy ai biết vị thần là Chuồng Bình Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, từng xuôi ngược bình định vùng đất mới. Kẻ hậu sinh ăn chút bả Âu học vội quên ơn các vị tiền nhân này sao? (Xa đề).

Ông Ngô Văn Dư bắt đầu làm Hiệu Trưởng năm 1954 thay thế ông Tài, ngay vào năm trường có tên mới. Ông trắng trẻo, dáng thư sinh, luôn luôn mặc bộ veston trắng, tính nghiêm khắc và gay gắt như guồng mặt ông. Ông có khả năng ăn nói trước công chúng, không cần viết sẵn trên giấy (điều này hiếm có thời đó) rất được giới nhân sĩ trong tỉnh nể trọng.

Cổng trường vừa mở, học sinh sắp hàng hai, trai gái đứng riêng, ông đứng trong cổng quan sát, quên chào là bị bắt ra đứng bên, sau đó lên phòng Tổng giám thị, tôi chưa bị lên nên không biết chuyện gì xảy ra. Hàng tháng, phát Tableaux d'Honneur (bảng danh dự). Vào lớp, đứng bên thường có ông Giám học hoặc Tổng giám thị, rất đúng nghi thức, ông cầm bảng danh dự, ông ban mấy lời khiển trách "Cà lớp đang làm gì?", rồi ông khen, "thế là lớp này có tiến bộ". Ông có lối hành xử như vị thầy đồ khe khắt xưa pha trộn với tư cách công chức thuộc địa Pháp. Thỉnh thoảng có việc cần vào lớp, ông chỉ hỏi bằng tiếng Pháp.

Giám học là ông Đốc Châu Văn Đồng, thường mặc veston xám, rất nghiêm trang, ít nói, lúc nói chậm rãi thâm trầm của người có tu tâm, chưa lần nào la hét giận dữ, bước vào lớp, lớp học trầm lại, ông nghiêm giọng "Assez-vous". Tôi nhớ ông dạy Đức Dục bài "Tinh Bàng Hữu", ông chậm rãi, cẩn thận viết chữ "copian" trên bảng, rồi giảng "co" cùng nhau, paim "bánh mì". Ông lên bồng xuống trầm "cùng nhau... bánh mì". Trong một bài học, ông giảng, mỗi vật đều có phận sự riêng, cây cỏ làm mát mắt người. "Con gà để làm gì?". Thằng Lê Hoàng Vân (đã tử trận) xằng xái trả lời: "gà để rô-ti ăn". Ngô Vinh Lâm trả lời: "Gà để gáy sáng". Ông bước vụt xuống bục, đi vòng, cười sảng toà, khen Lâm. Ông Đốc Đồng là nhân sĩ uy tín trong tỉnh.

Surveillant Général, Tổng Giám Thị là ông Đốc Thái Văn Thân, da sạm, tóc hớt court, ông nói trầm trầm, lộp bộp tôi la hét phá phách, ông xuống lộp nói nhẹ nhàng, "La hét có khi không giống tiếng người ta". Ông Nhanh giám thị nóng tính, chửi "Aboyez? Sủa như chó hả?". Ông Đốc Thân có óc hài hước, vui tính, ôn tồn, ít nặng lời. Học sinh thời đó trưởng thành hơn thời nay, giữ kỷ luật nên ít gây khó khăn cho trường và giáo sư, nhứt là trường công, học sinh tình hãnh diện với tên trường mình, 15 tuổi học Đệ Thất là thường.

Người gần với học sinh nhứt, ông Surveillant kiêm giáo sư Thể Dục là ông Nguyễn Văn Giỏi, có tên là ông Non. Ông Non tính rất hiền, tận tụy và tròn thiên chức. Mỗi sáng ông dạy thể thao ở sân vận động. Ông chống nạnh, nghiêng trái, phải, trước, sau đếm vang trên sân, 1, 2, 3, 4, - 2, 2, 3, 4, - 3, 2, 3, 4. Người ông nở nang, một cầu thủ túc cầu. Sau giờ thể dục, học sinh tập đi đều, nghiêm trang hát, tiếng hát bản "Nhạc Tuổi Xanh" vang rền, lời nguyên thủy: "Một mùa thu năm xưa cách mạng tiến ra đất Việt". Ông đóng góp trọn vẹn cuộc đời cho môn thể thao Trung Học nhiều thế hệ. Khi ông về hưu, tiếng đếm vang trên sân cỏ sáng tinh sương, trời còn mờ tối, vắng đầu đây.

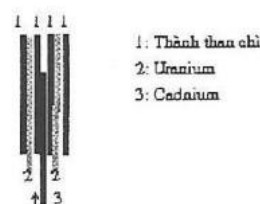
Trường có thêm ba, bốn giám thị khác, ông Vận, ông Giỏi cao, ông Sài. Ông Sài lớn người, da đen, dễ nóng, sẵn sàng nạt nộ như thù ghét học sinh tử đời nào.

Tôi chỉ nhớ tên các giáo sư dạy tôi từ Đệ Thất đến Đệ Tứ (1954-58). Trước và sau các năm đó, nếu có nhắc chỉ nghe anh Dương Văn Chung (Đệ Tứ năm 1954) kể lại:

Thầy Nguyễn Cửu Phú dạy Anh văn tôi đầu tiên, thầy nói rõ ràng, nhai trầu, hiền lành, không nặng lời với học sinh. Sau đó là thầy Trịnh Minh Học, gốc Hoa, giảng bài ư pha tiếng Pháp. Bắt đầu Đệ Thất, quyển sách giáo khoa Anh văn duy nhứt là quyển S'anglais Vivant, sixième bleue, nhà xuất bản Hachette, học 2 năm. Lớp Đệ Ngũ, Đệ Tứ học cuốn Cinquième, bài về Christmas, ông ngồi trên bàn nói, tôi nghe thoang thoang, "Ông già Noel ăn pudding trắng miệng". Lên Đệ Ngũ thầy Lưu Đức Dân, người Bắc, dạy. Ông có vẻ mệt mỏi, ít nói, nghiêm trang, giảng văn phạm pha tiếng Pháp, "to be, to have" là "verbes auxiliaires". Lúc đi thi Trung Học Đệ Nhứt cấp, 2 bài thi dịch không dính dáng gì đến 2 cuốn sách trên.

Cô Giảng dạy Pháp văn, tính cô hiền nhưng nghiêm nghị. Vào lớp, cô đứng chờ học sinh đứng lên, nhả nhận, "Cảm ơn các em ngồi!".

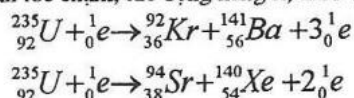
Giờ Pháp văn thật khó thở,



Nguyên tử năng: (Tách hạch tâm)

Uranium được tìm thấy trong thiên nhiên, có chứa 99,3% uranium 238 và 0,7% uranium 235. Chất sau cùng là nhiên liệu cho nguyên tử năng cũng như vũ khí nguyên tử (tách hạch tâm).

Để phản ứng xảy ra nhân của uranium 235 cần nhận một trung hòa tử có vận tốc chậm, tức động năng ít, theo các phản ứng:



Mỗi phản ứng cho ra hai hoặc ba trung hòa tử mới với vận tốc cao, động năng lớn. Các trung hòa tử sinh ra này chạm vào thành bằng than chì (carbon), mỗi lần chạm động năng của trung hòa tử giảm 28%. Sau nhiều lần va chạm vận tốc của trung hòa tử giảm đến khi có thể tham dự vào phản ứng kế tiếp. Thật vậy:

Gọi khối lượng của trung hòa tử là u , khối lượng của nguyên tử C là $12u$, gọi V_0 và V_1 là vận tốc của trung hòa tử trước và sau khi chạm, W là vận tốc của nguyên tử carbon sau khi chạm, trước khi chạm carbon đứng yên.

Có sự bảo toàn về động lượng: Tổng số của động lượng trước khi chạm bằng tổng số của động lượng sau khi chạm:

$$P = mV = u.V_0 = uV_1 + 12u.W$$

Suy ra: $V_0 - V_1 = 12W$ (1)

Có sự bảo toàn về động năng: Tổng số của động năng trước khi chạm bằng tổng số của động năng sau khi chạm:

$$U_k = \frac{1}{2}m.V^2 = \frac{1}{2}u.V_0^2 = \frac{1}{2}u.V_1^2 + \frac{1}{2}(12u).W^2$$

$$V_0^2 - V_1^2 = 12W^2 \Leftrightarrow (V_0 - V_1)(V_0 + V_1) = 12W^2$$
 (2)

Từ (1) và (2) suy ra:

$$12W.(V_0 + V_1) = 12W^2 \Rightarrow V_0 + V_1 = W$$
 (3)

Thế trị số của W ở (3) vào (1) ta có:

$$V_0 - V_1 = 12(V_0 + V_1) \Leftrightarrow \frac{V_1}{V_0} = -\frac{11}{13}$$

Tỷ số của động năng sau và trước khi chạm:

$$\frac{U_{sau}}{U_{trước}} = \frac{\frac{1}{2}uV_1^2}{\frac{1}{2}uV_0^2} = \left(\frac{V_1}{V_0}\right)^2 = \left(-\frac{11}{13}\right)^2 = \frac{121}{169} = 72\%$$

Vậy động năng của trung hòa tử đã giảm 28%.

Để lò nguyên tử hoạt động điều hòa người ta phải điều chỉnh thế nào sau mỗi phản ứng chỉ có một trung hòa tử sinh ra là tác nhân của phản ứng kế tiếp, nghĩa là trên cơ sở 1-1, gọi k là số trung hòa tử sinh ra tham dự vào phản ứng. Nếu:

- $k=1$: Lò hoạt động điều hòa.
- $k<1$: Lò ngưng hoạt động trong thời gian ngắn.
- $k>1$: Lò nổ tung như ở bom nguyên tử.

Để điều chỉnh người ta dùng thanh bằng cadmium để nhận bớt các trung hòa tử sinh ra.

Điều đáng để ý là nếu vì lý do gì lò hoạt động với $k>1$ nếu người ta điều chỉnh lại được $k=1$ mức hoạt động của lò cũng vẫn cao hơn trước! Việc này cũng tương tự như việc một người vì vô ý ăn nhiều nên cơ thể phát phì, nếu bây giờ cố gắng dậm chân được tại chỗ cũng nặng hơn năm xưa!

Để có an toàn cho lò nguyên tử người ta cần có nhiều biện pháp tốn kém.

Chất phế thải là chất phóng xạ có chu kỳ phóng xạ dài, người ta cần tồn trữ nơi an toàn hàng ngàn năm! Ở các phản ứng tách hạch tâm có phát ra tia γ , tia này có độ xuyên thấu mạnh làm vỡ các tế bào sinh vật, gây các chứng ung thư và làm biến thể của các mô phân sinh...

Đố vui để học

Giả thiết rằng ở một lò nguyên tử một trung hòa tử sinh ra có động năng $0,05 \times 10^7 eV$. Mỗi lần chạm vào thành bằng than chì động năng của trung hòa tử giảm 28%. Hỏi trung hòa tử phải chạm vào thành bao nhiêu lần để có vận tốc chậm thích ứng làm tác nhân cho phản ứng kế tiếp, tương ứng với động năng $0,05eV$. ($1eV = 1,6 \times 10^{-19}$ Joule).

Giải đáp bài toán kỳ rôi (Báo Viên Giác 103)

Để tính thứ trong tuần ta có công thức:

$$X = d + 2m + \left[\frac{3(m+1)}{5}\right] + y + \frac{y}{4} + \left[\frac{y}{400}\right] - \left[\frac{y}{100}\right] + 2$$

Trong đó:

d : ngày, m : tháng, y : năm, $[\]$: làm tròn về phía dưới (Intg).

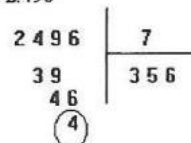
thí dụ: $[2,35] = 2; [45,13] = 45$ v.v...

Dư số của phép chia $\frac{X}{7}$ là thứ trong tuần. Nếu bạn sanh vào

30/04/75 thì: $d=30, m=4, y=1975$. Thế các số ấy vào công thức ta có:

$$X = 30 + 2(4) + \left[\frac{3(4+1)}{5}\right] + 1975 + \frac{1975}{4} + \left[\frac{1975}{400}\right] - \left[\frac{1975}{100}\right] + 2$$

$$X = 30 + 8 + 3 + 1975 + 493 + 4 - 19 + 2 = 2.496$$



Vậy 30/04/75: Thứ tư.

Với quy ước: Tháng 1 và tháng 2 là tháng 13 và 14 của năm trước đó. Thí dụ: 01/02/1991 được đổi thành 01/14/1990.

Kết quả suy ra được:

*Chủ nhật là ngày thứ nhất trong tuần chứ không phải ngày "cuối tuần", vì ta có dư số là 1 chứ không phải 8!

*Chúa sinh ra đời vào ngày thứ hai, vì ta có $X=2$!

Thuốc Lô Ban

● Nguyễn Đình Hùng sưu tầm

Đây là một loại thuốc mà nhiều người đã nghe nói đến và cũng đã có nhiều người sử dụng. Thuốc này bây giờ ít được dùng tới, phần vì khi xa Việt Nam vội vã, chúng ta không còn nhớ đem theo, phần vì nhà của xử ta tạm trú lại được xây sẵn theo kiểu mẫu, ta chỉ là người thuê nhà nên kích thước cổng, cửa, phòng... thường không thể theo ý ta muốn.

Việc tin tưởng hay không cũng tùy thuộc mỗi người, người Tây phương ngày nay không phải không có người tin vào khoa Địa lý Đông Phương; Thầy địa lý (thuật phong thổ) Việt hay Tàu ở bên Mỹ không thiếu thân chủ người... Mỹ.

Chúng tôi xin gửi đến quý bạn cây thuốc, thuốc sẽ giúp bạn nên chọn cách kích thước nhà, cửa, đồ dùng ra sao nếu các bạn tin rằng kích thước của chúng có ảnh hưởng đến sự sinh hoạt của bạn và gia đình bạn: Công việc làm ăn buôn bán thành, bại, cái may, cái họa, khỏe mạnh, đau ốm...

Người xưa thường quý trọng cất thuốc trên bàn thờ vì các cụ đã thấy sự linh nghiệm của thuốc. Thuốc thường được làm bằng tờ lụa không có gân đáng kể theo nhiệt độ, độ ẩm, bền với thời gian và dễ gấp lại. Ngày nay chúng ta có nhiều loại thuốc có độ chính xác cao, cho nên theo thiên ý, chúng ta dùng thuốc tây chính xác tới cỡ milimét là được rồi, nếu dùng thuốc thợ may cho tiện thì trước khi đo ta cần kiểm lại độ chính xác của nó, còn bạn có trang trọng đối với thuốc hay không thì tùy bạn đánh giá. Nhưng tuyệt đối không dùng thuốc để hại người khác.

Công dụng:

Dùng để: Đo lọt lòng và giáp vòng cổng, cửa chính, cửa phụ.

Đo cây làm nhà, đòn dông thượng lương, chiều ngang của căn nhà, phòng, đo để đóng bàn bếp, tủ, bàn giấy, cửa hàng, bảng hiệu...

Cách dùng: Dùng thuốc có khắc tới milimét đo. Lưu ý rằng thuốc vải nhựa của thợ may thường dài 1.500 mm.

- Đo xong, ta ghi lại, kết quả là một số mà đơn vị là milimét. Lấy số đó chia cho số 416.

Nếu chia chẵn thì ta lấy kết quả chính là 416.

Nếu chia lẻ thì ta lấy số Dư.

Nếu số đo nhỏ hơn 416 thì ta giữ ngay số đó.

Dò bảng dưới đây để đánh giá kết quả:

TÀI LỘC (có 4 khoảng tốt)

Từ 1 mm	đến 12 mm	Sinh vượng	生旺	13
14	25	Tấn bù	進寶	26
27	38	Đặng nhân	登仁	39
40	51	Tài trí	才智	52

TRƯỜNG BỆNH (4 khoảng xấu)

Từ 53 mm	đến 64 mm	Khẩu thiệt	口舌	65
66	77	Bệnh lâm	病臨	78
79	90	Tử tuyệt	死絕	91
92	103	Họa chí	禍至	104

SINH TANG (4 khoảng xấu)

Từ 105 mm	đến 116mm	Thất tài	失財	117
118	129	Ly hương	離鄉	130
131	142	Thoái khẩu	退口	143
144	155	Tử biệt	死別	156

MỸ THUẬN (4 khoảng tốt)

Từ 157 mm	đến 168mm	Phú quý	富貴	169
170	181	Tấn ích	進益	182
183	194	Tích lợi	積利	195
196	207	Thuận lợi	順利	208

QUAN LỘC (4 khoảng tốt)

Từ 209 mm	đến 220mm	Đại cát	大吉	221
222	233	Quý nhân	貴人	234
235	246	Lợi ích	利益	247
248	259	Thiêm đình	添丁	260

KIỆP ĐẠO (4 khoảng xấu)

Từ 261 mm	đến 272mm	Thất thoát	失脫	273
274	285	Ngũ quý	五鬼	286
287	298	Kiếp tài	劫財	299
300	311	Trường bệnh	長病	312

LỤC HẠI (4 khoảng xấu)

Từ 313 mm	đến 324mm	Cô quả	孤寡	325
326	337	Quả canh	寡耕	338
339	350	Mạt nghệ	末藝	351
352	363	Thối tài	退財	364

TÀI ĐỨC (4 khoảng tốt)

Từ 365 mm	đến 376mm	Nghinh phúc	迎福	377
378	389	Lục hợp	六合	390
391	402	Thiên sinh	天生	403
404	415	Âm đức	陰德	416

- Nếu kết quả được đánh giá là tốt, chấp nhận được thì ta cứ giữ kích thước cũ.

- Nếu là xấu thì hoặc là ta nới rộng thêm hoặc ta thu hẹp lại bớt cho kết quả đo rơi vào khoảng tốt như ý.

- Nếu số Đo hoặc số Dư bằng đúng con số ở cuối mỗi hàng (thí dụ số 416 hay 234 hoặc 117...) thì ta không thể kết luận nó thuộc về khoảng nào cả, cho nên ta cũng phải nới hay thu kích thước thêm hay bớt.

Khi chọn kích thước vào trong khoảng nào thì ta nên chọn sao cho, ít nhất, nó cách con số ở cuối hàng từ 5 đến 7mm nghĩa là cho lọt hẳn vào trong khoảng đánh giá tốt, xấu.

Việc sửa đổi kích thước gặp trường hợp không được phép sửa đổi tất cả hay không thể sửa được hết thì nên sửa của chính thời cũng tạm được

Thí dụ:

Đo lọt lòng giáp vòng cửa ra vào được 5727 mm (tức hơn 5 thước 7).

Chia 5727 cho 416 được 13 còn Dư 319

Dò bảng thấy 319 lọt vào khoảng "Cô quả", xấu.

Dùng 2 thanh gỗ ngang đóng thêm 1 thanh ở ngạch cửa (ngang qua chân cửa) và 1 thanh ngang trên cửa, gỗ rộng 9 phân (90mm) dày 2 phân (tức 20mm). Như vậy chu vi cửa hẹp bớt lại là $20 \times 4 = 80\text{mm}$ thành: $5727 - 80 = 5647$.

Chia 5647 cho 416 được 13 còn Dư 239.

Dò bảng thấy 239 lọt vào khoảng "Lợi ích".

Đây là thước Lô Ban được vẽ lại:

生旺 進寶 登仁 才智 (trú)	口舌 病臨 死絕 禍至 (chú)	失財 離鄉 退口 死別	富貴 進益 積利 順利	大吉 貴人 利益 添丁	失脫 五鬼 劫財 長病	孤寡 寡耕 末藝 退財	迎福 六合 天生 陰德
-------------------------------	-------------------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

← 52 mm * 52 mm →

門生旺	門進寶	門登仁	門才智	門口舌	門病臨	門死絕	門禍至	門失財	門離鄉	門退口	門死別	門富貴	門進益	門積利	門順利	門大吉	門貴人	門利益	門添丁	門失脫	門五鬼	門劫財	門長病	門孤寡	門寡耕	門末藝	門退財	門迎福	門六合	門天生	門陰德
Bài tạo	Đường kính				Sinh tang				Mỹ thuận				Quan lộc				Thiệt đạo				Lục hại				Đãi đức						

416 mm

Bửu: quý
Tài: giỏi
Trí: hiểu
Vượng: sáng đẹp

Khẩu: miệng
Thiệt: lỗi (miệng tiếng)
Họa: nạn
Tuyệt: dứt
Chí: tội

Tài: tiền
Thất: mất
Biệt: rời
Ly: xa
Hưởng: quē

Tích: gom
Phú: giàu
Quý: sang

Thiêm: thêm
Kiết: tốt

Kiếp: cướp
Đạo: trộm
Tài: tiền
Thoát: xa
Quý: ma
Trường: lâu
Thất: mất

Cô quả: mồ côi, góa
Mạt nghệ: lụi nghệ
Thối: lui
Tài: tiền

Âm đức: Đức ông bà để lại.

Chúc Mừng Năm Mới



VĂN NÉT XUÂN TƯƠI

• Văn Nường

Xuân chuyển thời gian, chuyển đẹp nơi
Xoay tròn Hoa Giáp nét Xuân tươi
Phải lan Vương Giả lòng Cung quế?
Hay khách tài hoa ngát vị đời?
Tiếng ngọc khua dòng Hương tỉnh mộng
Câu hò ru gió Ngự say người
"Quỳnh Dao Chi Bảo" thêm lưu luyện
Em biết chăng? em quá tuyệt vời!

Không men, rượu cũng say rồi
Say "tinh Xuân" lại nhớ thời nhạc thơ
Cùng em hòa mấy đường tơ
Tuồng như trắng hiện trên tờ giấy hoa!

(Vùng Dordogne nước Pháp)

Tôn Thất Xứng



Thương ai vì quốc biển
vì quốc biển

Thương ai vì quốc biển
Đành phải một lần đi
Mang theo lời thề nguyện
Nước mắt ta còn gì!

Lênh đênh trên biển cả
Ngậm ngùi hỏi trăng sao
Trắng buồn như nước nở
Sao tui phận ba đào.

Thương ai vì mất nước
Đành phải bước lưu vong
Như thuyền đời phiêu bạt
Xuôi ngược giữa mênh mông

Như chim xa rừng cấm
Vang tiếng hát thê lương
Giữa chiều đông giá buốt
Gió lộng khắp muôn phương.

BỘ PHẬN DÒ GIÁ TRỊ LAMBDA

hay tối ưu hóa sự cháy trong động cơ xăng trên xe hơi

NGUYỄN ĐÌNH HÙNG

1. SỰ CHÁY CỦA HỖN HỢP KHÍ TRONG ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG.

Động cơ xe hơi hoạt động nhờ sự đốt cháy hỗn hợp khí bên trong buồng đốt, Hỗn hợp khí chủ yếu gồm Khí đốt, có công thức tổng quát là $C_nH_mO_r$ và O_2 (Dưỡng khí tức Oxy, Oxygène, Zuurstof). Oxy trong không khí khô chiếm 21% thể tích không khí, trong không khí ẩm hàm lượng Oxy thấp hơn. Khí cháy, Khí đốt tác dụng với Oxy tạo thành CO_2 và H_2O .

2. HIỆU NĂNG VÀ VẤN ĐỀ KHÍ THẢI

Người ta định nghĩa sự cháy hoàn toàn là sau sự cháy, khí thải từ trong buồng đốt thải ra chủ yếu chỉ còn N_2 hoặc N_2 và O_2 . Như thế, cháy hoàn toàn có hai dạng:

- Dạng thừa Oxy tức hỗn hợp khí loãng hay nghèo Khí đốt, khí thải ra vì thế có cả N_2 lẫn O_2 . Trường hợp này máy yếu vì lượng khí đốt (nhiên liệu) cung cấp thiếu.

- Dạng vừa đủ Oxy, đây là hỗn hợp lý thuyết, khí thải ra chỉ còn N_2 .

Sự cháy không hoàn toàn xảy ra khi hỗn hợp khí đậm (hay giàu) Khí đốt. Khi ấy, trong khí thải ra có nhiều loại khí độc xuất xứ từ khí đốt. Các khí độc đó gồm:

- Oxyt Carbon (CO) có thể lên tới 10% hay 12% thể tích toàn bộ sản vật cháy. Người ta chỉ cần thở 30 phút trong môi trường chứa 0,3% thể tích CO là đủ chết.

- Oxyt Nitơ NO hay NO_2 có khoảng vài mg/lit.

- Khí SO_2 và H_2S , khi động cơ dùng nhiên liệu chứa nhiều Lưu huỳnh (S). Lượng SO_2 có thể lên tới 250 mg/m³, còn H_2S không đáng kể.

- Các Andêhít có khoảng vài mg/lit.

- Các Carburhydro riêng lẻ độc không thua CO. Carburhydro có tên là Benzopiren-3,4 nhiều tới 20 μ k/m³ là chất dễ gây ra bệnh ung thư. Nồng độ nhỏ chất ấy cũng gây tác hại đáng kể.

- Các chất hóa hợp của Chì, khi động cơ dùng xăng pha Chì, là những chất độc.

Như vậy ngoài việc gây tổn hao nhiên liệu, sự cháy với hỗn hợp khí đậm, tức cháy không hết, gây ô nhiễm nặng môi trường.

3. CÁCH PHÁT HIỆN SỰ CHÁY THỪA, THIẾU OXY

Để diễn tả bằng toán học tính chất Loãng (nghèo, lean, arm, mager), Đậm (giàu, fat, rijk, vet), vừa Đủ của hỗn hợp khí đốt, người ta lập tỷ số giữa liên hệ thực tế với liên hệ lý thuyết Không Khí - Khí Đốt. Mỗi liên hệ lý thuyết Không Khí - Khí Đốt dựa trên phản ứng hóa học: Lượng không khí cần thiết tương ứng là bao nhiêu để đốt cháy vừa đủ lượng khí đốt cho trước. Tỷ số đó được gọi là Hệ số Lambda (λ). Với những giá trị thực tế về sự Chế Hòa Khí mà người ta có được nhiều giá trị cho λ :

Nếu hỗn hợp chứa quá nhiều Oxy (ít khí đốt), đó là hỗn hợp Loãng $\lambda > 1$.

Nếu hỗn hợp chứa Oxy vừa đủ cân bằng phản ứng với khí đốt $\lambda = 1$.

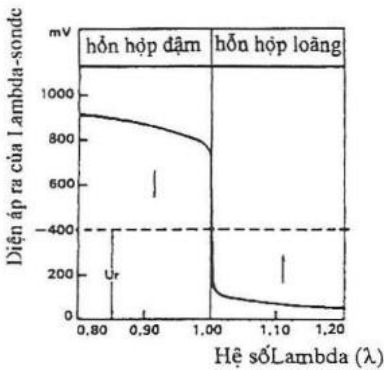
Nếu hỗn hợp chứa quá ít Oxy (thừa khí đốt), đó là hỗn hợp Đậm $\lambda < 1$.

Người ta rất dễ nhận biết Lambda quá nhỏ hay quá lớn nhờ Sức Kéo hay Vận Tốc quá yếu và sự xuất hiện rõ nét của khói. Nhưng với đòi hỏi về Hiệu Suất cao của máy, Tiết Kiệm nhiên liệu và Chống Ô Nhiễm thì người ta lại cần biết những giá trị rất gần 1 của λ mà giác quan con người không thể nhận ra được. Tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã giúp người ta tạo nên một dụng cụ Cảm Biến (Sensor) nhạy bén, nhận ra sự sai biệt nhỏ (1/10) của λ và chuyển thành tín hiệu điện.

4. CẤU TẠO DỤNG CỤ CẢM BIẾN OXY (LAMBDA-SONDE, LAMBDA-SENSOR)

Gốm (Céramique, Ceramic, Keramiek) là chất năng động ở nhiệt độ cao (bắt đầu từ 300 độ C), khoảng 650 độ C là tối ưu (trị số tối đa là 850 độ C), là một chất điện phân rắn nên chất khí

không lọt qua được, gốm được cấu tạo bởi Oxyt Zircon (Zirconiumdioxyd: ZrO_2) và những Oxyt khác như Oxyt Yttrium (Yttriumoxyd: YO) được thêm vào nhằm tăng độ ổn định. Nó có khả năng truyền dẫn các ion Oxy. Bên ngoài của gốm được phủ mỗi mặt một lớp Platine mỏng để làm điện cực, lớp Platine này cho khí qua được. Mặt ngoài của khối tiếp xúc



Hình 1

với luồng khí thoát (thải), lớp trong tiếp xúc với môi trường khí xung quanh. Khi có sự khác biệt về lượng Oxy giữa 2 bên thì giữa 2 điện cực ở 2 mặt xuất hiện một hiệu điện thế (điện áp).

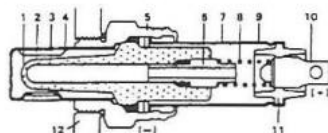
Với hỗn hợp loãng $\lambda > 1$, lượng Oxy dư nhiều, điện áp chỉ khoảng 100mV - 200mV, số này ít thay đổi khi hỗn hợp loãng thêm nữa. Ở mức hỗn hợp lý thuyết $\lambda = 1$, điện áp khoảng 450mV - 500mV, với hỗn hợp đậm $\lambda < 1$ thì điện áp khoảng 800mV - 1000mV, quanh mức hỗn hợp lý thuyết điện áp thay đổi đột ngột và khác biệt nhiều. Giá trị của nó cũng ít thay đổi dù cho ta có làm khí đậm thêm nhiều.

Đồ thị kể bên cho thấy sự thay đổi điện áp theo Lambda (λ). Đường biểu diễn có dạng của Trigger rất phù hợp trong việc điều khiển dùng Kỹ Thuật Số (digital).

Như vậy từ tính chất vật lý về sự đậm, loãng, Lambda-sonde đã đổi thành đại lượng điện, sau này sẽ được dùng tới.

Nơi hình 2a mô tả cấu tạo một bộ phận dò Lambda:

Cọc số 10 là cọc điện Dương, thân dày bằng kim loại (số 5) bắt với vỏ ống thoát cũng bằng kim loại là cọc Âm. Mặt ngoài của phần gốm (số 2) tiếp xúc với khí thải, mặt trong phần gốm (số 3) tiếp xúc với không khí bên ngoài.



- | | |
|--------------------|--------------------------|
| 1 Thân gốm | 8 Lò xo dẫn điện |
| 4 Bao bảo vệ trong | 9 Lò thông với không khí |
| 6 Ống tiếp điện | 11 Sứ cách điện |
| 7 Bao bảo vệ ngoài | 12 Vỏ ống thoát khí |

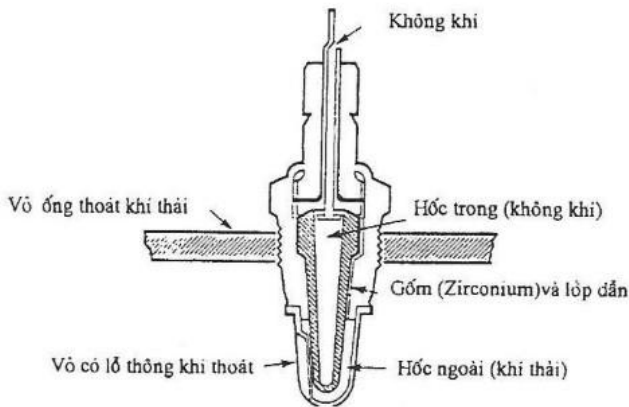
Hình 2a

dạng đồ thị hình 1 dù cho lúc mỗi chạy máy hay lúc ít tải, như thế việc điều khiển cũng vẫn được thực hiện tốt.

Trên thực tế, có một số loại Lambda-sonde khác nhau (hình 2a, 2b, 2c), phần khác nhau chủ yếu là bên trong có gắn thêm điện trở xông nóng gốm nhằm đưa sẵn gốm lên nhiệt độ cao hơn 300 độ C (tới 650 độ C) để nó sớm đáp ứng theo



Hình 2 b

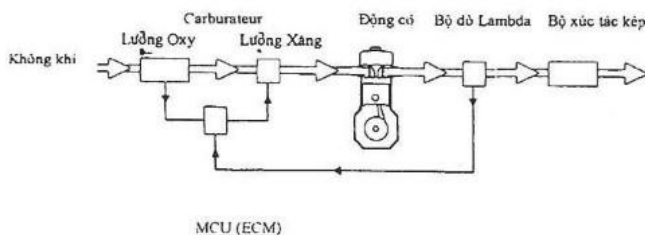


Hình 2C

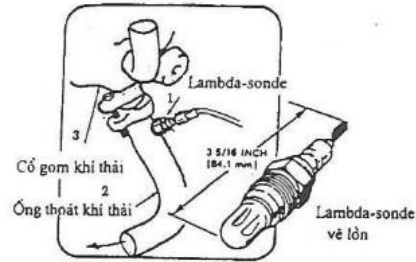
5. NGUYÊN TẮC ĐIỀU KHIỂN HỖN HỢP KHÍ

Sau đây là thứ tự sắp xếp của hệ động lực, trong đó có hệ điều khiển. Nhiệm vụ của hệ này là nhận biết tỷ lệ hỗn hợp khí (λ) chưa tối ưu, nó sẽ điều chỉnh lượng không khí (chứa Oxy) nơi bộ Chế Hòa Khí (CHK) để cho tỷ lệ hỗn hợp đạt mức tối ưu:

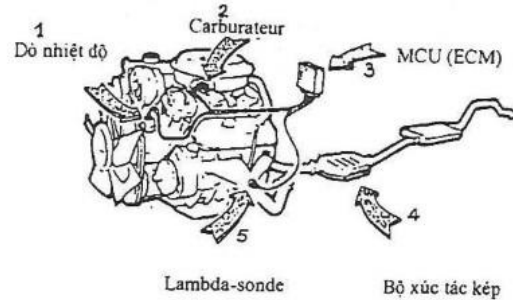
- Khí đốt (xăng) tới bộ CHK (Carburateur).
- Dòng không khí tới bộ CHK, hỗn hợp khí còn loãng hay đậm đi tiếp tới buồng đốt của động cơ. Sau khi nhận ra tia lửa điện (của Bougie), hỗn hợp cháy (nổ).
- Sau giai đoạn cháy, khí thải thoát ra theo ống thoát, nơi đây, có gắn bộ phận dò Lambda.
- Khí thoát đi tiếp qua bộ chuyển đổi xúc tác rồi mới thoát ra ngoài trời.
- Tín hiệu điện áp từ 100mV tới 1000mV (tức 1V) biểu thị tình trạng thừa, thiếu Oxy nơi hình 1 sẽ được đem vào mạch điện tử ECM (Electronic Control Module) cũng có tên là MCU (Motor Control Unit), mạch này sẽ so sánh với điện áp chuẩn của bộ nhớ cho ra điện áp, dòng điện đủ mạnh để tác động với nhíp độ khoảng 10 lần mỗi giây đồng hồ lên một van điện (solenoid), làm tăng, giảm tỷ lệ hỗn hợp cho đợt cháy sau đó được tối ưu.



Hình 3 : Hệ động lực có điều chỉnh tự động



Hình 4 : Vị trí gắn Lambda-sonde trên máy



Hình 5 : Vị trí gắn Lambda-sonde trên máy

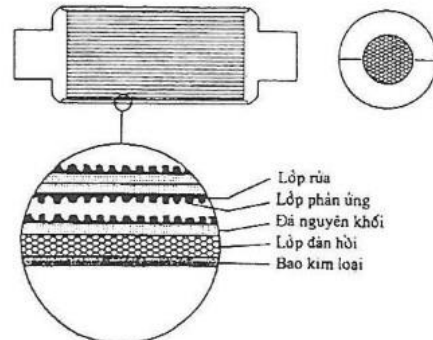
6. BIỆN PHÁP HOÀN THIÊN CHỐNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Sự hiệu chỉnh tối ưu hỗn hợp không khí - khí đốt đã giải quyết 90% khí thải độc. Tuy nhiên, 10% còn lại cũng chưa chấp nhận được. Người ta gắn thêm trên đường khí thải thoát ra một bộ xúc tác kép (dual catalytic converter, drierweg-katalysator), đó là một hộp bằng kim loại, vỏ thường làm bằng chất Chrom hoặc Chrom-Nikel-Thép, trong vỏ có một lớp chất đàn hồi để chống rung, chống va đập. Phần chủ yếu là những ống có lớp bao ngoài bằng đá nguyên khối (monolith), bằng kim loại hay bằng kim loại gốm, bên trong ống mỗi là chất xúc tác bằng kim loại quý platine (Pt) và rhodium (Rh) tỷ lệ 5:1. Bộ xúc tác đóng hai vai trò:

a- Vai trò giải độc:

- Nhận Oxy được bơm thêm tới, phản ứng Oxyt hóa xảy ra làm các khí CO, CH, (như CH₄) thành CO₂ và H₂O.
- Tách phân tử từ NO, NO₂, N₂O₅ thành N₂ và O₂. Các chất mới được tạo thành không còn độc nữa. Hai loại phản ứng trên xảy ra ở nhiệt độ cao từ 500 độ C tới 700 độ C.

b- Vai trò bình Tiêu âm (bộ giảm thanh: pot silencieux). Khí thải thoát ra bị di chuyển đổi hướng, sóng âm bị dội nhiễu loạn nên yếu dần, nhờ thế, bộ xúc tác kiêm luôn vai trò của bộ giảm thanh thường dùng trước kia.



Sách tham khảo :

- Automotive mechanics - William H.Crouse - Mc Graw-Hill.
- De moderne auto electro - Jan Trommelmans - Kluwer Voertuigtechniek.
- Auto Electronica - E. Gemaat - Delta Press.
- Autogas - Ing. H.A. Kleinsmit - Kluwer Technische Boeken.



● Người Giám Biên

thể thao

I. GIẢI VÔ ĐỊCH TÚC CẦU CHÂU ÂU NĂM 2000

Sau giải vô địch túc cầu thế giới tại Pháp từ 10.6 đến 12.7.98, các đội tuyển thuộc các quốc gia Châu Âu đang tuyển lựa cầu thủ, thay đổi chiến thuật để tranh vòng loại cho giải Vô Địch Túc Cầu Châu Âu năm 2000 (EM 2000) tại Hòa Lan từ 10.6 đến 2.7.2000.

Ngày 18.1.98, dưới sự chứng kiến của Chủ tịch Tổng Cuộc Túc Cầu Âu Châu, ông Lennart Johansson, một cuộc bốc thăm để chia Toán. Có 49 đội của 49 quốc gia lớn nhỏ tham dự, được chia thành 9 Toán.

Các Toán đã bắt đầu tranh vòng loại và kết quả những trận đấu đến cuối tháng 10/98 như sau:

Toán 1

Italien - Daenemark - Schweiz (Thụy Sĩ) - Wales - Weißrußland (Bạch Nga).

- Daenemark - Wales : 1 : 2 - Italien - Schweiz : 2 : 0
- Wales - Weißrußland : 3 : 2

Toán 2

Norwegen - Griechenland (Hy Lạp) - Georgien - Lettland - Slowenien - Albanien.

- Lettland - Georgien 1 : 0 - Slowenien - Norwegen : 1 : 2
- Albanien - Griechenland: dời lại một ngày khác, vì tình hình chính trị ở Albanien không ổn định.

Toán 3

Germany - Türkei - Finnland - Nordirland - Moldawien.

- Türkei - Germany 1 : 0 - Nordirland - Finnland : 1 : 0
- Moldawien - Germany : 1 : 3 - Türkei - Finnland : 1 : 3

Toán 4

Rußland - France - Ukraine - Island - Armenien - Andorra

- Andorra - Ukraine : 0 : 2 - Rußland - France : 2 : 3
- Armenien - Island : 0 : 0 - France - Armenien : 2 : 0
- Island - Rußland : 1 : 0

Toán 5

England - Bulgarien - Schweden (Thụy Điển) - Polen - Luxembourg.

- Polen - Luxembourg : 3 : 0 - England - Bulgarien : 0 : 0
- Bulgarien / Schweden : 0 : 1 - Luxembourg - England : 0 : 3

Toán 6

Spanien - österreich (Áo) . Israel - Đào Zypern - San Marino.

- Zypern - österreich : 0 : 3 - San Marino - Israel : 0 : 5
- Israel - Spanien : 1 : 2 - San Marino- österreich: 1 : 4

Toán 7

Rumaenien - Portugal - Slowakei - Ungarn
Liechtenstein - Aserbaidshan.

- Aserbaidshan - Ungarn: 0 : 4
- Liechtenstein- Slowakei: 0 : 4
- Portugal - Rumaenien : 0 : 1
- Slowakei - Portugal : 0 : 3
- Ungarn - Rumaenien : 1 : 1
- Liechtenstein-Aserbaidshan: 2 : 1



Toán 8

Jugoslawien - Kroatien - Irland
Mazedonien - Malta.

- Malta - Kroatien : 1 : 4
- Jugoslawien - Irland:
Vì lý do chính trị nên bị hoãn.
- Irland - Malta : 5 : 0 - Kroatien - Mazedonien: 3 : 2

Toán 9

Schottland - Tschechien - Litauen
Bosnien-Herzegowina - Faeröer -Inseln - Estland.

- Bosnien-H - Tschechien: 1 : 3 - Schottland - Estland : 3 : 2
- Litauen - Faeröer : 0 : 0 - Tschechien - Estland: 4 : 1
- Schottland - Faeröer: 2 : 1 - Litauen - Bosnien-H: 4 : 2

Đội tuyển Đức đứng kim Vô Địch Âu Châu, sau khi bị đội Kroatien cho K.O (3:0) ở vòng tứ kết giải vô địch thế giới, tiếp theo là cuộc khủng hoảng trầm trọng trong hàng ngũ đội tuyển, vì các cầu thủ quốc gia tuyên bố rút lui khỏi đội tuyển như thủ môn Andreas Köpke (36 tuổi), cầu thủ Jürgen Klinsmann (33 tuổi), Olaf Thon (32 tuổi), Thomas Helmer (33 tuổi), Jürgen Köhler (32 tuổi), Thomas Häßler (31 tuổi). Huấn Luyện Viên, ông Berti Vogts, bắt buộc phải tuyển chọn các cầu thủ trẻ trong các đội hạng I để bổ sung cho đội tuyển. Vì chưa có nhiều kinh nghiệm trong các trận đấu quốc tế, nên ở vòng loại giải EM.2000, bị đội Türkei hạ 1 : 0 !

Mặc dù HLV Berti Vogts được ông Egidius Braun, Chủ tịch Tổng Cuộc Túc Cầu Đức, triệt để ủng hộ con gà nhà, nhưng vì bị quá nhiều sức ép và chỉ trích từ mọi phía nên Vogts buộc lòng phải từ chức để nhường lại cho ông Erich Ribbeck.

● ĐỐI THỦ CỦA ĐỘI TUYỂN ĐỨC TRONG TOÁN 3

● **Finnland:** Đã đụng Đức 15 lần; thua 13 lần - 1 huề - 1 thắng : 12:70 bàn đá lọt lưới. Năm 1940 thua 13:0; năm 1981 thua 1:7; năm 1989 thua 1:6.

● **Türkei:** Trong vòng 47 năm qua chỉ thắng Đức có hai lần. Năm 1951 thắng 2:1; năm 1998 thắng 1:0. Đã gặp Đức 15 lần; 2 thắng - 2 huề - 11 thua: 8:39 bàn đá lọt lưới.

● **Nordirland:** Trong 20 năm qua chưa bao giờ Đức hạ nổi Nordirland. Ngày 20.8.1997, trong giải tranh vòng loại giải vô địch thế giới tại Pháp, Đức đụng Nordirland, Hiệp đầu Đức bị dẫn trước 1:0, sang hiệp hai đến phút thứ 69, HLV B. Vogts mời đưa Bierhoff vào thay và một mình anh đã thắng luôn 3 trái trong vòng 7 phút, dẫn 3:1 đến tan cuộc. Tổng kết 11 lần gặp nhau: 2 thắng - 5 thua - 4 huề.

● **Moldawien:** Cầu thủ quốc gia này trước kia đá cho đội tuyển Liên Xô. Kể từ khi khối Cộng Sản Liên Xô tan rã, Moldawien

được độc lập nên có đội tuyển riêng. Đức đã gặp đội này 2 lần và thắng cả 2. Một lần tại Kishinev 3:0, một lần tại Leverkusen (Đức) 6:1. Tổng kết 9:1 bàn.

Trong 4 đội, Đức ngán nhất là Nordirland, rồi đến Türkei, còn Finland và Moldawien không phải đối thủ của đội tuyển Đức, đội đường kim vô địch.

● **VÀI HÌNH ẢNH CỦA ĐỘI TUYỂN ĐỨC KHI ĐOẠT CHỨC VÔ ĐỊCH ÂU CHÂU 1996**



Trước trận chung kết, Nữ Hoàng Anh đã bắt tay từng cầu thủ.



Nữ Hoàng Anh trao cúp cho Đội Trưởng Klinsmann.



Đội tuyển Đức (từ trái sang phải) Ngồi: Ziege - Kuntz - Scholl - Klinsmann - Köpke (Thủ môn). Đứng: Strunz - Sammer - Babbel - Eilts - Haeßler - Helmer .

II. GIẢI VÔ ĐỊCH CỦA NHỮNG VÔ ĐỊCH (CHAMPIONS LEAGUE)

Giải này dành riêng cho những đội vô địch và hạng nhì của những quốc gia Âu Châu. Gồm có 24 đội, được chia thành 6 Toán.

Đến ngày 09.12.98, các đội đá tranh xong vòng loại đầu để vào Tứ Kết. Kết quả như sau:

● **Toán A**
F.C. Porto (Bồ Đào Nha) - Ajax Amsterdam (Hòa Lan) - Croatia Zagreb (Croatien) - Olympiakos Piraeus (Hy Lạp)

Olympiakos Piraeus	6 trận	8:6	11 điểm
- Croatia Zagreb	6 "	5:7	8 điểm
- F.C. Porto	6 "	11:9	7 điểm
- Ajax Amsterdam 6 "	4:6	7 điểm	

● **Toán B**
Juventus (Ý) - Rosenborg (.....) - Bilbao (Tây Ban Nha) - Galatasaray (Thổ).

Juventus Turin	6 trận	7:5	8 điểm
- Galatasaray Istanbul	6 "	8:8	8 điểm
- Rosenborg Trondheim	6 "	7:8	8 điểm
- Athletic Bilbao	6 "	5:6	6 điểm

● **Toán C**
Real (Tây Ban Nha) - Moskau (Nga) - Graz (.....) - Inter (Ý)

- Inter Mailand	6 trận	9:5	13 điểm
- Real Madrid	6 "	17:8	12 điểm
- Spartak Moskau 6 "	7:6	8 điểm	
- Sturm Graz	6 "	2:16	1 điểm

● **Toán D**
Manchester (Anh) - Bayern (Đức) - Bröndy (Đan Mạch) - Barcelona (Tây Ban Nha)

- Bayern München	6 trận	9:6	11 điểm
- Manchester United	6 "	20:11	10 điểm
- F.C. Barcelona	6 "	11:9	8 điểm
- Bröndy Kopenhagen	6 "	4:18	3 điểm

● **Toán E**
Panathinaikos (Hy Lạp) - Arsenal (Anh) - Lens (Pháp) - Kiew (Ukraine).

- Dynamo Kiew	6 trận	11:7	11 điểm
- Arsenal London	6 "	8:8	8 điểm
- RC Lens	6 "	5:6	8 điểm
- Panathinaikos Athen	6 "	6:9	6 điểm

● **Toán F**
Kaiserlautern (Đức) - Helsinki (Phần Lan) - Eindhoven (Hòa Lan) - Benfica (Bồ Đào Nha)

- F.C. Kaiserlautern	6 trận	12:6	13 điểm
- Benfica Lissabon 6 "	8:9	8 điểm	
- PSV Eindhoven	6 "	10:11	7 điểm
- HJK Helsinki	6 "	8:12	5 điểm

Ghi chú: Những đội chủ đậm có gạch dưới là những đội được vào vòng Tứ Kết.

Ngày 16.12.98, tại Genf (Thụy Sĩ) một cuộc bốc thăm để các đội sẽ đụng nhau trong vòng **Tứ Kết** ngày 3 và ngày 17.3.1999. **Bán Kết** ngày 5 và 21.4.1999. **Chung Kết** ngày 26.5.1999 tại Barcelona (Tây Ban Nha). Giải này, vòng Tứ Kết và Bán Kết không tranh theo thể thức K.O. mà các đội phải đá lượt đi tại sân đối phương, lượt về tại sân nhà.

● **KẾT QUẢ BỐC THĂM NHƯ SAU :**

- Real Madrid	gặp	Dynamo Kiew
- Manchester United	"	Inter Mailand
- Juventus Turin	"	Olympiakos Piraeus
- Bayern München "	Kaiserlautern	

Rủi cho hai đội Đức lại gặp nhau. Nhưng trong cái rủi có cái may là chắc chắn 100% sẽ có một đội Đức được vào Bán Kết.

● **XẾP HẠNG 10 ĐỘI CẦU ĐÚNG ĐẦU ÂU CHÂU 1998**

Sau khi tổng kết những thành tích đã đạt được trong năm 1998, các đội cầu sau đây được xếp hạng như sau:

1. Bayern München (Đức) 100,94 điểm
2. AC. Parma (Ý) 89,53 điểm
3. Olympie Marseille (Pháp) 88,46 điểm
4. AC. Florenz (Ý) 87,33 điểm
5. Girondins Bordeaux (Pháp) 86,13 điểm
6. Bayer Leverkusen (Đức) 84,19 điểm
7. Dynamo Kiew (Ukraine) 81,93 điểm
8. AS. Rom (Ý) 81,62 điểm
9. Inter Mailand (Ý) 81,08 điểm
10. Lazio Rom (Ý) 80,92 điểm

● **SỐ BÀN THUA MỖI TRẬN**

1. Các đội cầu của bán đảo Zip (Zypern). Bị phá lưới trung

bình	4,01 quả
2. Na Uy	3,69 quả
3. Đan Mạch	3,40 quả
4. Israel	3,22 quả
5. Bỉ	3,16 quả
6. Hòa Lan	3,07 quả
7. Rumaenien	3,04 quả
8. Ungarn	3,01 quả
9. Nam Tư	3,00 quả
10. Đức	2,93 quả



Thành trì vững chắc nhất là các đội cầu của Pháp, đất nước của đội Vô Địch Thế Giới 1998, tính trung bình bị phá lưới chỉ có 2,41 quả.

● ĐĂNG CAI TỔ CHỨC GIẢI TÚC CẦU THẾ GIỚI



Vào năm 2006, có những quốc gia sau đây đã nộp đơn xin được tổ chức giải Túc Cầu Thế Giới là Đức - Anh - Ba Tây - Ai Cập - Ghana - Marokko và Nam Phi. Trong các nước này thì Nam Phi có nhiều hy vọng hơn, vì Châu Phi chưa có một quốc gia nào từ trước tới giờ được tổ chức giải này. Hơn nữa, ông Sepp Blatter, đứng kim Chủ Tịch Tổng Cục Túc Cầu Thế Giới (FIFA) đã tuyên bố ngày 8.6.98 trong cuộc bầu cử Chủ Tịch FIFA là nếu

ông đắc cử Chủ Tịch, ông sẽ ủng hộ cho Nam Phi, vì:

- 1994, đã tổ chức tại Mỹ (Mỹ Châu)
- 1998, đã tổ chức tại Pháp (Âu Châu)
- 2002, sẽ tổ chức tại Nhật-Đại Hàn (Á Châu)
- 2006, sẽ tổ chức tại ? chưa biết

Nhưng nếu quay trở lại Âu Châu thì quá bất công, nên Sepp Blatter ủng hộ Nam Phi là đúng. Được biết mỗi lần quốc gia nào được tổ chức giải vô địch thế giới đều thâm vào ngân sách quốc gia ít nhất vài trăm triệu đô-la, chưa kể một số tiền cũng to lớn như vậy được thâm vào cho quỹ của Tổng Cục Túc Cầu nước tổ chức. Do đó nước nào cũng muốn đứng ra tổ chức để hốt bạc.

Tuy nhiên xin tổ chức là một chuyện, còn việc được tổ chức hay không là một việc khác. Vì còn phải tùy thuộc nhiều vấn đề như:

- Phương tiện di chuyển
- Hệ thống truyền hình, truyền thanh
- An ninh - Thuế quan - Nhập cảnh
- Nhà ở cho cầu thủ - Khách sạn cho quan khách v.v...

Và nhất là sân banh. FIFA đòi hỏi phải có ít nhất từ 8 đến 12 sân banh. Mỗi sân chứa ít nhất 40.000 khán giả. Riêng sân banh chính để làm lễ khai mạc và bế mạc phải đủ sức chứa 80.000 khán giả, trang bị đầy đủ tiện nghi hiện đại.

Vòng Chung Kết có 32 đội cầu của 32 quốc gia tham dự, do đó phải có đủ vận động trường để tránh sự di chuyển quá nhiều của cầu thủ.

Riêng nước Đức, ông Egidius Braun, Chủ Tịch Tổng Cục Túc Cầu, đã chỉ định ông Franz Beckenbauer, đứng kim Chủ Tịch đội cầu Bayern München, làm phụ tá đặc trách vận động cho năm 2006.

DIỄN TIẾN NHƯ SAU :

- Từ nay đến 30.4.1999, các quốc gia đăng cai tổ chức phải xác nhận một lần cuối cùng bằng một văn thư chính thức gửi cho FIFA.



Phù hiệu ứng tuyển của TCTC Đức cho giải Vô Địch Thế Giới năm 2006.

- Tháng 7.1999, các quốc gia ứng cử phải nộp trình đầy đủ tất cả các tài liệu liên quan đến các cơ sở vật chất, nền tảng v.v...

- Kể từ tháng 10.1999, FIFA sẽ duyệt xét các phương tiện nêu trên.

- Tháng 3 năm 2000, FIFA gồm có 24 thành viên, trong số này có 8 người thuộc Âu Châu, sẽ quyết định. Hãy ráng chờ xem coi nước nào được trúng tuyển

● QUẦN VỢT

Thời đại Boris Becker - Michael Stich bên nam, Graf Steffi bên nữ của môn quần vợt Đức đã qua. Những cây vợt trẻ đang lên như anh Thomas Haas, Nicolas Kiefer; cô A. Glass, M. Babel v.v... chưa thấy người nào có tầm vóc được gọi là khá để thay thế đàn anh, đàn chị. Trong 10 cây vợt đứng đầu thế giới (Top Ten) không có tên nào của Đức bên nam, còn bên nữ thì Steffi Graf đứng tới hạng 9.

Bên nam, giải Davis Cup chắc chắn năm nay sẽ tuột xuống hạng 2; bên nữ giải Federation Cup cũng thế.

Nếu Tổng Cục Quần Vợt Đức không sớm bỏ vốn đầu tư vào môn thể thao vương giả nhưng hái ra bạc triệu này, thì còn lâu làng banh nỉ của Đức mới ngóc đầu lên được.

Một vài hình ảnh thời vàng son của ba cây vợt B. Becker, Michael Stich và Graf Steffi.



Cô Graf Steffi đoạt huy chương vàng Thế Vận Hội Mùa Hè 1988 tại Seoul



Michael Stich và Boris Becker đoạt huy chương vàng Thế Vận Hội Mùa Hè 1992 tại Barcelona.

TỔNG KẾT CÁC GIẢI LỚN TRONG NĂM 1998

1. Giải GRAND SLAM AUSTRALIA OPEN (từ 19.1 đến 1.2.98)

● **Nữ** : Cô Martina Hingis (Thụy Sĩ/1) hạ cô C. Martinez (Tây Ban Nha/7) 6:3, 6:3.

● **Nam** : Anh Ptr. Korda (Tiệp/6) hạ M. Rios (Chile/5) 6:2, 6:2, 6:2.

2. Giải GRAND SLAM FRENCH OPEN
(từ 25.5 đến 7.6.98)

● **Nữ** : Vicario Sanchez (TBN/6) hạ cô Monica Seles (Mỹ/7) 7:6, 0:6, 6:2.

● **Nam** : Anh C. Moya (TBN/12) hạ A. Corretja (TBN/10) 6:3, 7:5, 6:3.

3. Giải GRAND SLAM WIMBLEDON
(từ 22.6 đến 5.7.98)

● **Nữ** : J. Novotna (Tiệp/2) hạ cô Tauziat (Pháp/12) 6:4, 7:6.

● **Nam** : P. Sampras (Mỹ/1) hạ Ivanisevic (Kroatien/14) 6:7, 7:6, 6:4, 3:6, 6:2.

4. Giải GRAND SLAM US OPEN
(từ)

● **Nữ** : Cô Davenport (Mỹ/..) hạ cô M. Hingis (Thụy Sĩ/1) 6:3, 7:5.

● **Nam** : Anh Rafter (Úc/..) hạ Philippoussis (Úc/..) 6:3, 3:6, 6:2, 6:0.

5. VÔ ĐỊCH THẾ GIỚI

● **Nữ** : Cô M. Hingis hạ cô Davenport 6:3, 6:4.

● **Nam** : Anh A. Corretja (TBN) hạ C. Moya (TBN) 3:6, 3:6, 7:5, 6:3, 6:3.

Nhìn chung trong năm 1998, căn cứ vào thành tích mà các cây vợt đã đạt được:

● **Bên Nữ** : Có cô Martina Hingis - Cô Linda Davenport - Cô Janá Novotna, cô này tuy đã 32 tuổi nhưng vẫn còn giữ được phong độ. Còn cô A. Kurnikowa (Nga) 17 tuổi, cây vợt đang lên thì còn quá trẻ, ăn mặc rất sexy, được khán giả ham mộ nhất, đánh không đều, ít kiên nhẫn, nên dễ thua nhiều trận lãng xẹt! Riêng cô Steffi Graf thì hết hy vọng phục hồi lại được phong độ, cô cố tập dượt để may ra thắng được một giải lớn trước khi già từ làng banh nỉ.

● **Bên Nam** : Anh Sampras vẫn còn là cây vợt số 1 thế giới, tuy nhiên trong những trận đấu vào cuối năm, sức khỏe của anh bị giảm sút đi rất nhiều. Trong trận bán kết giải vô địch thế giới, anh đụng Corretja (20 tuổi) ván đầu anh thắng Corretja dễ dàng với tỷ số 6:4, qua ván hai và ba anh không còn xông xáo vì thấm mệt nên thua 3:6 và 6:7. Đúng là trẻ tàn mưng mọc. Những cây vợt đã từng tung hoành trên sân cỏ trong những thập niên trước như M. Kenroe, Jimmy Connor, Ivan Lendl, Boris Becker v.v... giờ đây chỉ còn ngồi trên khán đài để ngắm ngời nhìn đàn em mùa vợt. Thời oanh liệt nay còn đâu !

MƯỜI CÂY VỢT ĐẪNG ĐẦU THẾ GIỚI
(Có giá trị đến 11.1.1999)

● Nữ :	
1. L. Davenport (Mỹ)	5654 điểm
2. M. Hingis (Thụy Sĩ)	5366 "

3. J. Novotna (Tiệp)	3734 "
4. A. Sanchez Vic. (TBN)	3417 "
5. V. Williams (Mỹ)	3262 "
6. M. Seles (Mỹ)	3226 "
7. M. Pierce (Pháp)	2414 "
8. C. Martinez (TBN)	2331 "
9. Steffi Graf (Đức)	2261 "
10. N. Tauziat (Pháp)	2259 "

● Nam :	
1. P. Sampras (Mỹ)	3915 điểm
2. M. Rios (Chile)	3670 "
3. A. Corretja (TBN)	3398 "
4. P. Rafter (Úc)	3315 "
5. C. Moya (TBN)	3159 "
6. A. Agassi (Mỹ)	2879 "
7. T. Henman (Anh)	2620 "
8. K. Kucera (Slowakei)	2579 "
9. G. Rusedski (Anh)	2573 "
10. R.Krajicek (Hòa Lan)	2548 "

Giải Grand Slam Australien Open (7,2 triệu đô-la Mỹ) từ 18 đến 31.1.1999, không có Pete Sampras. Anh đã thắng giải này hai lần 1994 và 1997. Trong 6 tuần lễ cuối năm 1998, anh đấu liên tiếp không nghỉ nên anh cảm thấy mệt mỏi về thể xác, khủng hoảng về tinh thần, anh cần phải nghỉ ngơi một thời gian để phục hồi lại sức khỏe. Hy vọng giải Grand Slam French Open vào tháng 5/99 sẽ có mặt anh.

Trước khi rời khỏi cầu trường để bước vào một năm mới 1999, Người Giám Biên xin chúc tất cả vận động viên của tất cả các môn thể thao một năm mới dồi dào sức khỏe, đạt được nhiều thành tích, phá được nhiều kỷ lục và kỷ được nhiều hợp đồng có giá trị ●

Cung Chúc Tân Xuân

(Tết chẳng riêng ai, khắp mọi nhà)


Tết đến xin cùng thấp nén nhang
Đì đùng, pháo nổ đón xuân sang
Nêu cao, phát phối vờn trong gió
Tiu tiu đàn con, mộng hát vang
Mông một Giao-thừa nay vắng pháo
Xuân về, tuyết lạnh phủ mênh mang
Tàn dư, hư ảo, quên mà nhớ
Kính chúc phúc, tài, vượng, an Khang.

● **Tốt Đen**

HỌA

Tân niên, khói tỏa, ngát trầm nhang
Chẳng pháo Giao-thừa, xuân vẫn sang
Tuyệt ngập trời xanh, nêu vắng bóng
Ca ra..., già trẻ hát hò vang
Nhớ "Tết ba mươi", mừng cố hữu
Cho tình mây nước đẹp miền man
Mai vàng nở nhụy, đào khoe sắc
Chúc bạn xuân về, vạn cát Khang.

● **T.T.X**



TIN THẾ GIỚI



● Định cư trên không gian

Sắp bước vào thế kỷ 21, nào là bao nhiêu thiên tai đã dồn dập xảy ra, như động đất, bão lụt, núi lửa v.v... gây ra vô vàn thảm họa cho con người; nào là tự tay con người gây ra như chiến tranh, đặt bom, bắt cóc, giết chóc, thủ tiêu lẫn nhau v.v...; nào là thiên nhiên bị tàn phá, môi sinh bị ô nhiễm trầm trọng..., làm cho con người sống trong xã hội ngày càng điên đảo, mất lòng tin, khủng hoảng v.v... Do đó con người muốn rời bỏ quả địa cầu nhỏ bé lấm thướng đau này, tìm một nơi khác an toàn hơn để định cư.

Ngày 21.7.1969, phi hành gia Neil Armstrong đã đặt chân lần đầu tiên trên mặt trăng, hoàn thành giấc mơ vĩ đại của con người mà cũng là giai đoạn I trong mở uớc chinh phục không gian, đánh tan huyền thoại về Chặng Hằng với Chú Cuội và Cây Đa!

Tiếp theo giai đoạn I, con người sẽ rời bỏ trái đất để thường xuyên sống và làm việc trên không gian. Đó là giai đoạn II.

Ngày 20.11.1998 lúc 7 giờ 40, tại trung tâm phóng phi thuyền Baikonur (Nga) hỏa tiễn Proton của Nga đã được phóng lên vũ trụ mang theo phi thuyền Sarja. Sau 10 phút, phi thuyền Sarja, nặng 24 tấn, dài 12 thước 70 đã vào quỹ đạo, cách mặt đất 360 cây số, và cứ mỗi 90 phút nó bay một vòng trái đất. SARJA là một phi thuyền chuẩn (Modul) được đặt vào quỹ đạo đầu tiên để sau này sẽ lần lượt phóng lên các phi thuyền khác ráp nối nhau để thiết lập một trạm không gian quốc tế (ISS) khổng lồ bằng một sân đá banh, nặng 460 tấn, phí tổn khoảng 100 tỷ Đức Mã!

Chương trình trạm không gian này có 15 quốc gia tham dự, trong đó có Đức Quốc.

Diễn tiến như sau:

Ngày 4.12.1998, tàu vũ trụ "Endeavour" của Mỹ được phóng lên mang theo phi thuyền thứ hai tên "UNITY" để ráp nối vào SARJA. Trong tàu vũ trụ ENDEAVOUR có 5 phi hành gia nam và một nữ. Họ sẽ trở về trái đất sau khi hoàn tất công việc ráp nối chỗ không ở lại.

Tháng 7.1999, một toán 3 phi hành gia, gồm 2 người Nga và một người Mỹ được hỏa tiễn "SOJUS" mang lên trạm không gian để thường xuyên làm việc.

Từ nay đến năm 2004, sẽ có 43 con tàu vũ trụ vận chuyển hơn 100 loại, gồm có phòng nghiên cứu, vật liệu xây dựng lên trạm không gian. Trong số này có một phòng thí nghiệm của Nhật tên "JEM"; một tiểu chung cư mẫu với phòng ngủ, nhà bếp, phòng tắm v.v... của Mỹ; một phòng nghiên cứu khoa học của Âu Châu tên "COLUMBUS", dự trù sẽ ráp nối vào phi thuyền SARJA vào năm 2003. COLUMBUS sẽ do cơ quan hàng không và không gian (DASA) của Đức chế tạo tại Bremen. Phí tổn lên tới 1,23 tỷ Đức Mã!

Riêng tại Âu Châu, sẽ cùng chế tạo một loại xe tên là: "Xe di chuyển tự động" (Automatic Transfer Vehicle - ATV) do hỏa tiễn ARIANE 5 mang. Xe ATV sẽ chuyên chở mọi nhu cầu cần thiết cung cấp cho trạm không gian. Điều quan trọng là xe ATV có thể đẩy trạm không gian vào quỹ đạo trở lại, khi trạm này xuống thấp hay bay lệch. Xe ATV cũng được sử dụng như một thùng chứa rác lớn, đựng những vật phế thải từ trạm đem vào tầng khí quyển (tầng không khí bao quanh trái đất) để đốt cháy bởi sự ma sát.

Theo lời ông Daniel Goldin, giám đốc cơ quan hàng không và không gian quốc gia (NASA) của Mỹ cho biết thì sẽ có 7 người sống thường xuyên và làm việc trên trạm không gian này. Qua sự nghiên cứu và kinh nghiệm sống của họ sẽ làm nền tảng cho việc thành lập một nơi định cư của con người trên không gian. Nhưng trước hết sẽ thiết lập một khách sạn ★ ★ ★ ★ ★ (5 sao)! để cho con người sau một thời gian một môi vì tranh danh đoạt lợi ở dưới đất, bay lên khách sạn này sống để tìm sự an lạc cho tâm hồn!

Chỉ tiêu cho chương trình này quá to lớn, lên tới 100 tỷ Đức Mã (100.000.000.000)! Nếu dùng 1/2 số tiền này giúp đỡ những quốc gia nghèo nàn lạc hậu ở Phi Châu để phát triển nông nghiệp, mua thực phẩm v.v... chắc chắn nhiều triệu trẻ em sẽ không bị chết vì thiếu ăn, không còm cõi, tong teo vì thiếu dinh dưỡng mà hằng ngày chúng ta nhìn thấy trên màn ảnh TV. Và chắc chắn khi đó con người dù ở

trần gian, tâm hồn cũng sẽ được thanh thòa và an lạc. Những cuộc đời đầu có quá gian dị như vậy. Lòng tham của con người thì không đáy. Giàu thì muốn giàu thêm; sung sướng thì muốn sung sướng hơn v.v... nên con người lúc nào cũng khổ.

Tóm lại nếu dùng trạm không gian này để nghiên cứu về khoa học, theo dõi những biến chuyển của vũ trụ để kịp thời phục vụ lợi ích cho con người, thì sự chi tiêu trên đây không có gì để nói; còn dùng trạm không gian này để chinh phục không gian, làm bá chủ hoàn cầu, để định cư con người, hầu tìm một cuộc sống an lạc hơn thì chắc chắn sẽ không bao giờ có được. Vì sao?

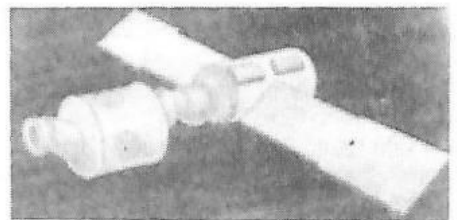
Vi ba vật càn to lớn đang chặn đường dẫn tới cuộc sống an lạc là THAM, SÂN, SI. Dù sống ở dưới đất hay trên trạm không gian mà con người chưa chặt đứt, vứt bỏ TAM Độc này thì khổ não vẫn đeo đuổi theo như bóng với hình.

Trong kinh "Tứ Thập Nhị Chương", Đức Phật dạy: "Người biết đủ (không tham) dù có ở đâu trên mặt đất, tâm hồn vẫn thấy thư thái nhẹ nhàng; Còn người không biết đủ, cho dù ở trên cảnh thiên đân (hay trên trạm không gian - lời thêm của người viết) cũng không được vùa ý."



Giai đoạn I

Ngày 21.7.1969, bàn chân của phi hành gia Neil Armstrong, lần đầu tiên đặt chân lên mặt trăng, đánh dấu sự hoàn thành ước mơ vĩ đại của con người.



Giai đoạn II

Ngày 20.11.1998, phi thuyền chuẩn (Steuermodul) tên SARJA của Nga được đặt vào quỹ đạo, làm nền tảng cho sự thiết lập một trạm không gian để định cư con người trong tương lai.

● IRAK

Ngày 16.12.98 lúc 22 giờ 49, thủ đô Bagdad một lần nữa bị hỏa tiễn và bom của Mỹ-Anh bất thần đánh phá qua chiến dịch "CÁO SA MẠC" (Wüstenfuchs) để

dạy cho Saddam Hussein một bài học về tội ngoan cố. Mục tiêu bị đánh phá là những cơ quan quân sự, trại lính, nơi tồn trữ vũ khí hóa học, dinh thự của Hussein v.v...

Liên sau cuộc tấn công, Tổng Thống Mỹ, ông Clinton, tuyên bố là Saddam Hussein đã nhiều lần vi phạm Nghị Quyết của LHQ, không cho Ủy Ban Kiểm Soát Vũ Khí của LHQ thi hành nhiệm vụ theo đúng Nghị Quyết đã ấn định mà chính Hussein đã ký kết sau khi thua trận vào năm 1991. Thỉnh thoảng Hussein đuổi Ủy Ban này ra khỏi nước. Mỗi lần như vậy lại xảy ra một cuộc tranh luận sôi nổi tại Hội Đồng Bảo An LHQ gồm có Nga - Mỹ - Anh - Pháp và Trung Quốc. Hội Đồng thì *xiu xiu ến ến*, không có quyết định gì dứt khoát, vì Nga, Pháp và Trung Quốc đều có nhiều quyền lợi tại IRAK nên không dám làm mạnh mẽ mất thị trường tiêu thụ. Biết được lá bài tẩy này, nên S. Hussein không coi cái Hội Đồng này ra thế thống gì cả!

Vào tháng 9/98, S. Hussein, lên cơn, đuổi hết Ủy Ban Kiểm Tra ra khỏi nước; Mỹ đã đưa hàng không mẫu hạm vào Vịnh Ba Tư sẵn sàng tấn công. Nhưng giờ chót nhờ Tổng Thư Ký LHQ, ông Kofi Annan, bay qua gặp Hussein điều đình nên mới tạm yên. Ủy Ban lại lúi thủi kéo nhau trở lại IRAK làm nhiệm vụ.

Ngày 13.12.98, lại một lần nữa Hussein muốn thách thức Hội Đồng Bảo An LHQ là đuổi Ủy Ban Kiểm Tra ra khỏi IRAK. Lần này con cáo đã nhe răng! Có nghĩa là Mỹ và Anh không cần thông báo cho HĐBA/LHQ, mà tự động thi hành Nghị Quyết của LHQ bằng chiến dịch "Cáo Sa Mạc".

Lần thứ hai thủ đồ *Cây Đèn Thần của Aladin* bị ăn hỏa tiễn và bom đạn.

Lần thứ nhất, vào năm 1991, sau khi IRAK xua quân xâm chiếm một quốc gia nhỏ bé Hồi Giáo anh em láng giềng là KUWAIT, đã bị đồng minh đập cho Hussein một trận tơi bời qua chiến dịch "Bão Sa Mạc" (Wüstensturm). Bị thua trận, Hussein buộc phải ký vào Nghị Quyết là phải để cho Ủy Ban Kiểm Tra LHQ đến IRAK kiểm soát và phá hủy những vũ khí chiến lược, như lò chế tạo vũ khí nguyên tử, chất độc giết người hàng loạt v.v... Nhưng ký là một chuyện, còn thi hành hay không là một chuyện khác. Do đó mới có chiến dịch "Cáo Sa Mạc" để cảnh cáo Hussein.

Vài ngày trước khi Mỹ-Anh tấn công, Hussein biết trước hậu quả, nên đã chia đất nước ông ra thành 4 vùng chiến thuật. Mỗi vùng do một vị Tướng lãnh tụ cai trị. Còn riêng Hussein thì lẩn trốn trong các hầm bí mật nằm sâu dưới mặt đất.

Sau khi hay tin Mỹ-Anh tấn công IRAK, và do lời yêu cầu của Nga, HĐBA/LHQ

liền triệu tập một cuộc họp khẩn cấp, nhưng không giải quyết được gì cả.

Sau đây là phản ứng của vài lãnh tụ

★ Tổng Thống Nga, ông Boris Jelzin, triệu tập một cuộc họp khẩn cấp tại điện Kremlin gồm có Thủ Tướng, ông Primakow, và những Tướng lãnh cao cấp quân sự để duyệt xem những nơi bị hỏa tiễn và bom đánh phá trên bản đồ quân sự IRAK. Đồng thời Jelzin dùng đường dây điện thoại gọi Chủ tịch nhà nước kiêm Chủ tịch Đảng Cộng Sản Trung Quốc, ông Jiang Zemin, cả hai cùng yêu cầu Mỹ-Anh phải ngưng ngay cuộc tấn công. Jelzin nói: "*Cuộc tấn công của Anh-Mỹ vào Irak không thể nào chấp nhận được*". Vì hai nước này đã vi phạm Hiến Chương LHQ. Người viết xin hỏi nhỏ ông Jelzin là ai vi phạm? Lãnh tụ độc tài S. Hussein trên 7 năm nay đã thường xuyên vi phạm Nghị Quyết của LHQ, sao ông làm thỉnh không đập cho nó một trận. Nếu ông không đủ khả năng thì để cho người khác làm, tại sao ông nóng giận lôi đình. À! có lẽ ông vẫn còn tự cho nước Nga là một đại cường quốc ngang hàng với Mỹ-Anh như thuở nào, nên ai làm cái gì cũng phải hỏi ý kiến ông. Thời đại đó đã qua rồi, ông ơi! Hiện giờ nước Nga của ông, đang bị phân hóa, đang xuống dốc, khủng hoảng về chính trị, quốc phòng, kinh tế, xã hội v.v... dân thì nghèo đói, lính thì bỏ trốn. Ông nên cố gắng sức già còn lại để lo cho dân Nga đủ ăn, đủ mặc qua cái mùa đông lạnh lẽo này, thì họ sẽ biết ơn ông hơn là ông muốn làm một tên sán đâm quốc tế. Còn việc ông tính cắt đứt ngoại giao với Mỹ và Anh bằng cách ra lệnh triệu hồi hai Đại sứ ở Mỹ và Anh về nước, một số Dân biểu Quốc hội Nga cho hành động của ông là quá hấp tấp, thiếu suy nghĩ. Nên ngày 23.12.98, ông lại ra lệnh cho ông Juli Woronzow, Đại sứ Mỹ trở lại nhiệm sở.



Tổng Thống Boris Jelzin, Thủ Tướng Primakow (đeo kính) cùng hai tướng lãnh đang xem những nơi bị hỏa tiễn và bom đánh phá trên bản đồ quân sự Iraq.

★ Thủ Tướng Cộng Hòa Liên Bang Đức, ông Gerhard Schröder, thì tuyên bố rõ rệt là: "*Sự đoàn kết của chúng ta với những người bạn đồng minh Mỹ và Anh không có gì thay đổi*".

★ Thủ Tướng Anh, ông Tony Blair, nói: "*Chúng tôi không có một sự chọn lựa nào khác đối với Saddam Hussein hơn là cho ông ta biết sức mạnh của vũ khí. Tuy nhiên, chúng tôi rất tiếc là đã tự quyết định bằng một hành động quân sự như vậy, nhưng đó cũng là một sự quyết tâm*".

★ Tổng Thư Ký LHQ, ông Kofi Annan, cho rằng: "*Một ngày đau đớn và buồn rầu cho LHQ và cho thế giới*".

★ Chuyên viên về vũ trang, bà Angelika Beer (Đảng Grüne) cho cuộc tấn công đó là: "*Mạo hiểm, nhưng có thể hiểu được và thông cảm*".

● Diễn tiến chiến dịch "Cáo Sa Mạc"

- 22g23 Thủ Tướng ngày 16.12.98, thủ đô Bagdad (4 triệu dân) tiếng còi báo động vang rền cho biết là sẽ có máy bay địch tấn công.

- 22g49 - Chiến dịch "Cáo Sa Mạc" bắt đầu - lần thứ nhất kéo dài 4 phút. Hỏa tiễn tấn công đài truyền hình làm cho việc phát hình bị ngưng ngay.

- 22g59 - Lần thứ hai kéo dài 6 phút. Hỏa tiễn và bom đánh trúng những trại đóng quân của lính cộng hòa - những người lính thiện chiến dùng để bảo vệ Hussein. Những súng phòng không từ những công sự chiến đấu bắn lên đỏ rực trời. Nhiều đám cháy do hỏa tiễn và bom gây ra trong vài khu phố.

- 00g30 Thủ Năm ngày 17.12.98 - Đợt tấn công lần thứ ba nhắm vào dinh thự kiên cố của Hussein ở khu phố Radwaniya. Dinh thự này bị phá hủy, lửa bốc cháy.

- 03g00 - Lần thứ tư nhắm vào phía Nam thành phố Barsa và phía Bắc Tikrit nơi sanh của Hussein và nơi sản xuất chất hóa học giết người.

- 03g15 - Lần tấn công chót. Một quả bom rơi vào khu phố nhà giàu Karada.

Tổng cộng trên 50 hỏa tiễn "Tomahawk" được phóng đi trong 5 đợt tấn công.

- 03g50 - Saddam Hussein dùng đài phát thanh bí mật trong một hầm trú ẩn hiệu triệu dân Irak, ông nói: "*Những kẻ hèn nhát đã pháo kích, tấn công nhiều mục tiêu trên lãnh thổ. Vì đức tin chúng ta đã không nhượng bộ. Chúng ta sẽ chiến đấu để chống kẻ thù của Allah!*"

- 04g40 - Còi lại báo động, khoảng 300 hỏa tiễn không địa từ phi cơ phóng pháo bắn đi, phá hủy thêm nhiều công sự.

- 07g00 - Cuộc sinh hoạt tại Bagdad trở lại bình thường. Chỉ có những cây xăng, dân chúng tay cầm thùng xép hàng dài để mua xăng dự trữ.

- 17g00 - Còi lại báo động, hai oanh tạc phóng pháo Tornados của Anh đã đánh bom phá hủy các hệ thống Radar, vị trí phòng không bên ngoài thành phố Bagdad.

- 19g57 - Pháo đài bay B.52 tấn công vào những nơi trọng yếu ở Bagdad bằng hỏa tiễn không địa, tiếng nổ rền trời, khói lửa khắp nơi.

● **Tiềm lực quân sự của IRAK**

- Quân đội IRAQ có khoảng 400 ngàn người được trang bị vũ khí đến tận răng. Trong số này có 8 Sư Đoàn lính Cộng Hòa trung thành tuyệt đối lãnh tụ độc tài Hussein.

- 350 máy bay - 2200 chiến xa và xe bọc sắt chạy bánh - 2000 khẩu đại bác đủ loại.

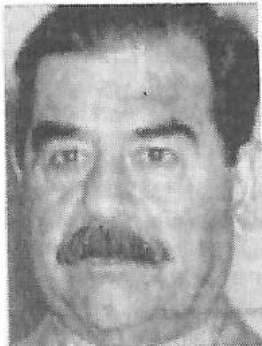
Nguy hiểm nhất là những loại chất độc giết người hàng loạt được cất giấu trong những hầm kiên cố ngay trong dinh thự to lớn của Hussein. Những nơi này không bao giờ Ủy Ban Kiểm Tra LHQ được phép đến.

Milzbranderreger (tạm dịch: Vi trùng gây bệnh thán thư - đau lá lách) 9.500 lít. Chỉ dùng 100 lít, rải trên không có thể giết chết 3 triệu người!

Sarin và Tabun - Loại chất lỏng, từ 200 đến 400 tấn. Chỉ cần 1 milligramm có thể giết chết một người trong vòng một phút.

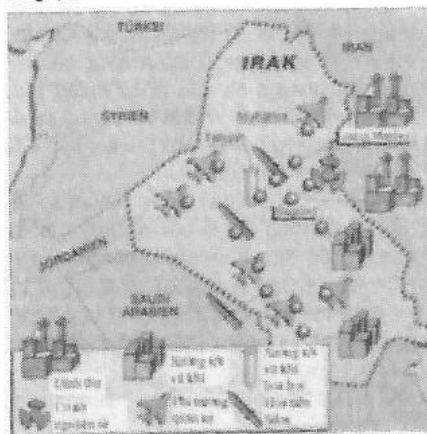
VX - 200 tấn - loại chất lỏng - phá hủy hệ thống thần kinh con người.

Senfgas - Làm mù và nghẹt thở khi hít hơi vào. Trong trận chiến với IRAN, S. Hussein đã sử dụng loại hơi độc này làm biết bao nhiêu sinh mạng bị tử vong.



← **Tổng Thống Saddam Hussein**, một lãnh tụ độc tài, tham vọng, độc ác, sát nhân, nên luôn luôn sống trong sự lo âu, khủng hoảng tinh thần vì sợ bị ám sát. Có lẽ ông là người lãnh tụ duy nhất khi họp Nội Các, có cận vệ mang súng đứng

sau lưng. Còn ông thì không lúc nào rời khỏi cây súng lục.

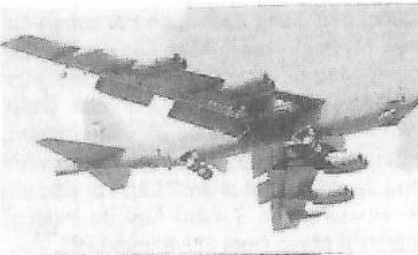


↑ Những hình tròn trên bản đồ đánh dấu những mục tiêu đánh bom của Mỹ và Anh.

● **Phưởng tiện quân sự Mỹ dùng trong chiến dịch "Cáo Sa Mạc"**

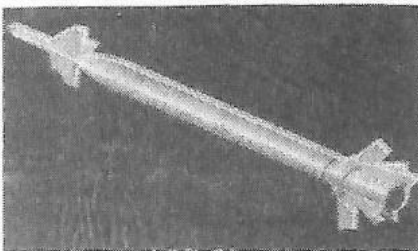
- **Pháo đài bay B.52**

Oanh tạc cơ khổng lồ này do không lực Mỹ sử dụng kể từ năm 1954. Phi hành đoàn gồm có 6 người. 8 động cơ phân lực. Dài 50 thước; cánh rộng 60 thước. Tốc độ 1000 cây số/giờ. Tầm hoạt động 16.000 cây số. Mang 27 tấn bom (mỗi trái 900 kg) và hỏa tiễn không địa. Một trái bom 900 kg nổ gây ra một lỗ rộng gần bằng một sân banh.



- **Bom xuyên phá**

Loại bom bay GBU.28, nặng 2268 kg, dùng để phá hủy những hầm chỉ huy, những công sự kiên cố bằng bê-tông cốt sắt. Bom do oanh tạc cơ khu trục F.16 mang. Bom có thể thả cách xa mục tiêu trên hàng trăm cây số và do tia la-de điều khiển đến mục tiêu một cách chính xác. Trước hết đầu nổ đôi phá một lỗ ở thành tường, sau đó phần chính của bom nổ tiếp xuyên thủng trên 4 thước tường dày bằng bê-tông cốt sắt.

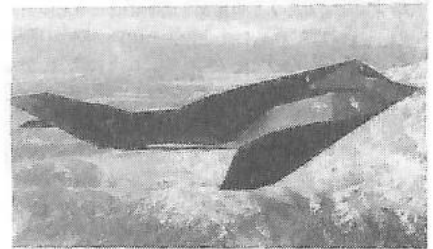


- **Hỏa tiễn TOMAHAWK**

Do pháo đài bay B.52 mang hay do chiến hạm hoặc do tiềm thủy đình phóng đi. Tầm xa 1600 cây số. Dài 6 thước. Vận tốc 880 cây số. 450 kg thuốc nổ. Bên ngoài bọc bằng một chất bạch kim bóng rất cứng và nhẹ với số thử tự là 22 (Titan) và nhỏ bay được rất thấp nên Radar rất khó phát hiện. Hỏa tiễn được vệ tinh điều khiển nên đánh trúng mục tiêu xê xích khoảng 30 thước. Mỗi hỏa tiễn là 1 triệu Đúc Mã

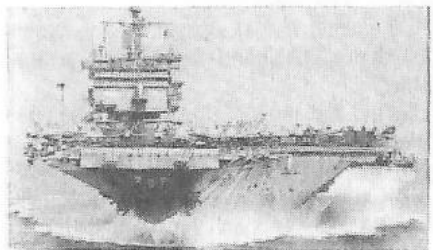
- **Oanh tạc cơ "Chim ưng" (Nighthawk)**

Oanh tạc cơ F.117, được chế tạo với một kỹ thuật rất cao và hiện đại mà người ta gọi là máy bay tàng hình. Vì hình dáng và lớp sơn đặc biệt bên ngoài nên Radar không phát hiện được. Mỗi chiếc giá 46 triệu đô-la. Trong cuộc chiến với Iraq năm 1991, máy bay này đã làm cho đối phương kinh sợ và ngạc nhiên về sự đánh bom chính xác 100% nhờ la-de điều khiển mà người ta gọi là bom tình khôn.



- **Hàng không mẫu hạm**

Hàng không mẫu hạm "USS. Enterprise" dài 350 thước, 900 tấn, một trong những chiếc tàu lớn nhất thế giới. 5.000 thủy thủ đoàn. Vận tốc 55 cây số/giờ. Tầm hoạt động không ngừng 50.000 cây số. Mỗi lần di chuyển có cả chục hộ tống hạm và tàu ngầm theo bảo vệ. Chở 75 chiến đấu cơ loại F/A 18 Hornet, F.14 Tomcat. Thường xuyên có vũ khí nguyên tử trên tàu. Cùng tham gia chiến dịch còn có hàng không mẫu hạm USS. Vinson và USS. Eisenhower.



- **Tử Lệnh chiến dịch "Cáo Sa Mạc"**

Tướng 4 sao Henry Shelton, đương kiêm Tổng Tham Mưu Trưởng quân lực Mỹ. Năm 1991, trong chiến dịch "Bão Sa Mạc" đánh Iraq, ông là



Tử Lệnh Sư Đoàn 101 Dù, ông đã từng chỉ huy nhiều đơn vị thiện chiến, trong đó có Đội quân Mũ Xanh "Green Berets", Chó Biển "Navy Seals".

- Người hùng chiến dịch "Cáo Sa Mạc"



Nữ phi công, cô Trung úy Carol Watts, 32 tuổi, lái oanh tạc có chiến đấu F/A Hornet, cất cánh từ hàng không mẫu hạm Enterprise trong đợt tấn công đầu tiên. Với tốc độ 1600 cây số/giờ, ngoài nhiệm vụ đánh phá những mục tiêu đã được chỉ định, Cô còn phải bảo vệ pháo đài bay B.52. Cô là một

trong 12 nữ phi công của Phi đoàn "VFA. 37" Thủy Quân Lục Chiến tên "Ragin Bulls".

Chiến dịch kéo dài 4 ngày với những đợt tấn công bằng hỏa tiễn và đánh phá bằng bom, đến sáng chủ nhật 20.12.98, trước Đại lễ Ramadan của Hồi Giáo một ngày, Clinton ra lệnh tạm ngưng, và sẽ đánh lại nếu Hussein còn vi phạm.

- Tổng kết:

- Hơn 100 mục tiêu quan trọng của IRAK bị đánh phá, như xưởng sản xuất vũ khí, chất độc v.v... để tái vũ trang gây chiến với các nước láng giềng.

- Mỹ và Anh không bị tổn thất một phi cơ nào.

● GIỜ CHÓT

Ngày 22.12.98, Hussein cho phép phái đoàn cứu trợ nhân đạo của LHQ trở lại IRAK làm việc; còn Ủy Ban Kiểm Tra Vũ Khí thì vẫn chưa được phép. Ngoài ra LHQ vẫn còn phong tỏa kinh tế IRAK.

- Nhận định:

Câu hỏi được nêu lên là: Mỹ và Anh đánh Irak. Ai lỗi? Ai phải?

Theo ý của người viết:

- **Thứ nhất:** Lỗi của Hội Đồng Bảo An LHQ (HĐBA/LHQ).

- **Thứ hai:** Lỗi do Saddam Hussein gây ra nên ông phải chịu trách nhiệm.

- **Thứ ba:** Mỹ và Anh chỉ áp dụng Nghị Quyết mà thi hành chức năng của mình.

● Phân tích tóm lược

- **Thứ nhất:** HĐBA/LHQ gồm có Mỹ - Anh - Pháp - Trung Quốc và Nga. Mỹ và Anh đứng một bên - Trung Quốc và Nga đứng

một bên. Còn Pháp thì đứng giữa, hễ gió chiều nào thì ngã theo chiều đó. Vì vậy ít khi Hội Đồng có một sự nhất trí hoàn toàn. Điển hình là trường hợp Iraq. Sau khi Hussein xua quân xâm chiếm KUWAIT vào năm 1991, đồng minh đập cho Hussein một trận và buộc ông ta phải ký vào Nghị Quyết, là để cho Ủy Ban Kiểm Tra Vũ Khí LHQ (UBKTVK/LHQ) vào Iraq kiểm soát và phá hủy những vũ khí chiến lược như lò sản xuất vũ khí nguyên tử, có sở chế tạo chất độc v.v... để không cho Hussein có đủ tiềm lực về quân sự đi xâm chiếm các nước láng giềng. Nhiều lần Hussein không thi hành, gây khó khăn hoặc đuổi UBKTVK ra khỏi nước.

Lần 1: HĐBA dùng giải pháp chính trị.

Lần 2: HĐBA cũng dùng giải pháp chính trị.

Nhưng đến **lần thứ 3**, thì không thể dùng giải pháp chính trị với một người ngoan cố nữa, mà phải dùng giải pháp quân sự thì mới đúng, mới lập được một trật tự mới cho thế giới. Đàng này, sau khi Anh và Mỹ đánh Irak, Tổng Thống Pháp, ông Chirac, tuyên bố là *dùng giải pháp quân sự không giải quyết được vấn đề*. Vậy xin hỏi ông Chirac, dùng giải pháp chính trị đến hai lần có giải quyết được vấn đề không? Hay chỉ làm cho Hussein càng ngày càng ngoan cố thêm. Lỗi của HĐBA/LHQ là không có sự đồng tâm nhất trí để giải quyết những tranh chấp quốc tế. Có lẽ vì quyền lợi riêng tư của mỗi nước thành viên chăng?

Thứ hai: Do bản chất độc tài và ngoan cố, Hussein đã ký vào Nghị Quyết nhưng không thi hành, lại còn gây khó dễ, đuổi UBKTVK ra khỏi nước, nên Mỹ và Anh buộc lòng thay mặt Hội Đồng dạy Hussein một bài học về tội ngoan cố qua chiếc dịch "Cáo Sa Mạc" và Hussein phải chịu trách nhiệm về hậu quả của ông gây ra.

● MỸ

- Chuyện tình Clinton - Lewinsky :

Ngày 19.12.98, trong khi Clinton đang theo dõi diễn tiến chiến dịch "Cáo Sa Mạc" ở tòa Bạch Ốc, thì tại Lưỡng viện Quốc Hội cũng đang họp khoáng đại để biểu quyết việc truất phế chức vụ Tổng Thống của ông, về tội: "*Cố ý che giấu cuộc tình lem nhem giữa ông và cô Lewinsky; bệch thề và làm cản trở những người thi hành pháp luật*".

Với 228 trên 434 phiếu (quá bán) chấp thuận truy tố một vị Tổng Thống quyền lực nhất thế giới.

Hai tiếng đồng hồ sau đó, Clinton xuất hiện trước tòa Bạch Ốc, tuyên bố trước phóng viên TV và truyền thanh rằng: "*Tôi*

sẽ không từ chức. Tôi sẽ tiếp tục đảm nhận chức vụ đến ngày, giờ, phút cuối cùng của nhiệm kỳ tôi". (Nhiệm kỳ của ông sẽ chấm dứt vào tháng 11 năm 2000).

- Rồi chuyện gì xảy ra kế tiếp

Thượng viện Mỹ gồm 100 thành viên sẽ bỏ phiếu quyết định việc truất phế Clinton. Thủ tục này dự trù vào tháng 1/1999. Có thể chỉ trong vài ngày, mà cũng có thể kéo dài trong nhiều tháng. Nhưng Đảng Cộng Hòa ít có hy vọng đạt được 2/3 trên tổng số 100 phiếu theo luật định, có nghĩa là phải được ít nhất 67 phiếu mới truất phế được Clinton. Nhưng hiện Đảng Cộng Hòa chỉ có 55/100 ghế tại Thượng Viện. Ngoại trừ trong Đảng Dân Chủ có 12 người phản đảng, bỏ phiếu cho đảng Cộng Hòa.

NẾU đảng Cộng Hòa đạt được 67 phiếu (chắc chắn 100% là không bao giờ xảy ra được) do đó tôi mới dùng chữ **NẾU**, thì Clinton sẽ bị bãi chức và Phó Tổng Thống Core sẽ lên thay thế.

Theo cuộc thăm dò mới nhất, dư luận Mỹ có hai khuynh hướng khác nhau, như sau:

Thứ nhất: Khoảng 66% dân Mỹ vẫn còn hài lòng việc lãnh đạo của ông Clinton cho đến hết nhiệm kỳ. Sau đó sẽ truy tố ông.

Thứ hai: Trên 30% cho rằng Clinton không đủ tư cách làm Tổng Thống nước Hiệp Chúng Quốc. Vì khi còn là một sinh viên ông là một tên phản chiến, không thi hành nghĩa vụ quân sự để cùng với bạn bè sang chiến đấu tại Việt Nam. Khi làm Tổng Thống, ông làm dụng chức vụ làm chuyện tồi bại tại tòa Bạch Ốc, nơi biểu hiện quyền uy của nước Mỹ. Do đó tên tuổi ông đã và đang bị giảm đi rất nhiều về đối nội cũng như đối ngoại.



← Tổng Thống Bill Clinton đang nhắm mắt, bặm môi cố chịu đựng bữa riu của dư luận "Cố Đám Ăn Xôi"

● MỸ - PALESTINE - DO THÁI

Ngày 14.12.98, ông Bill Clinton, vị Tổng Thống đầu tiên của nước Mỹ viếng thăm vùng đất tự trị của Palestine. Cùng đi với ông có phu nhân Hillary Clinton và cô con gái duy nhất Chelsea. Họ dùng trực thăng đáp xuống phi trường vừa mới được khánh thành tại đây Gaza. Phải

đoàn Clinton được Tổng Thống Palestine, ông Jassir Arafat, tiếp rước và cả hai cùng duyệt qua đoàn quân danh dự.

Buổi chiều, Clinton đọc diễn văn trước Hội đồng Đại diện Tối cao Palestine. Biết rằng vừa qua trong cuộc họp thượng đỉnh Clinton - Arafat - Netanjahu tại Wye (Mỹ) đã ký Hiệp Ước Hòa Bình. Trong có hai điều khoản quan trọng:

★ Do Thái rút 13% quân lính đang chiếm đóng tại Tây Jordan.

★ Palestine hủy bỏ một đoạn trong Pháp Điển (Charta) lời: **Kêu gọi dân Palestine tiêu diệt dân Do Thái.**

Theo chương trình dự trù, buổi chiều sẽ có cuộc gặp gỡ giữa Clinton - Arafat - Netanjahu, nhưng bị hủy bỏ vào phút chót vì bài diễn văn của Clinton làm Netanjahu và dân Do Thái không hài lòng. Rồi ngày hôm sau, cả ba cũng họp nhưng không đạt được một kết quả nào, mà lại còn rạn nứt hơn giữa Arafat và Netanjahu. Vì Netanjahu tố cáo là Arafat không muốn hoàn thành những điều khoản đã được ghi trong Hiệp Ước, không đủ khả năng để ngăn chặn những cuộc bạo động hằng ngày do những tên Palestine quá khích gây ra làm thiệt mạng, hư hại tài sản của thường dân Do Thái. Do đó Netanjahu đình chỉ cuộc rút quân, ngưng thả tù nhân.

Nếu cả hai dân tộc Palestine và Do Thái không kèm chế được cường vọng, cứ tìm cách tiêu diệt lẫn nhau, thì máu vẫn đổ, thịt vẫn rơi tại phần đất linh thiêng thánh địa này.

Vì Hiệp Ước Wye mà Netanjahu bị Quốc Hội bỏ phiếu bất tin nhiệm, và chức Thủ Tướng sẽ được bầu lại vào tháng 3.1999.

● AFGHANISTAN

Theo lệnh của chánh quyền Hồi Giáo cực đoan Taliban, thì những xe buýt chở hành khách phái nữ chỉ được phép chạy khi đã bỏ màn che các cửa xe. Lý do: không cho những người đi đường nhìn thấy các bà hay các cô trong xe. Những người soát vé, hay lái xe chỉ được tuyển dụng những trẻ em không quá 15 tuổi và các em này không được phép nói chuyện với phái nữ!

Ở Afghanistan, phái nữ phải đội khăn che kín từ đầu đến chân, chỉ chừa hai con mắt để nhìn đi đường. Đàn ông sau khi đã chịu lễ theo phong tục Hồi Giáo rồi thì phải để râu, nếu không, có thể bị phạt rất nặng.

Cuộc tranh chấp biên giới giữa Afghanistan và Iran vẫn còn tiếp diễn, không biết cuộc xâu xé giữa hai dân tộc anh em Hồi Giáo này sẽ xảy ra lúc nào?

● TRUNG QUỐC

Nhân kỷ niệm 20 năm cải tổ kinh tế, Chủ tịch Nhà nước kiêm Chủ tịch Đảng Cộng

Sản Trung Quốc, ông Jiang Zemin, đã tuyên bố là không có một cuộc cải tổ nào về chánh trị, vẫn giữ độc quyền lãnh đạo nước Tàu cho đảng CS muôn năm! Ông còn nói: *Không có một trường hợp hay lý do nào mà chúng ta phải bắt buộc theo phương cách của Tây phương.* Nói tóm lại, theo ý của Jiang Zemin thì, nước Tàu chỉ dành riêng cho đảng CS độc quyền cai trị mà thôi! Nếu ai đòi hỏi Tự Do Dân Chủ, hay muốn lập đảng đối lập thì hoặc là bị đàn áp, tù đày, hay là bị tổng cổ ra nước ngoài.

● NAM HÀN

Dân chúng Nam Hàn vừa qua rất phần nộ, lên án hành động dã man và phi nhân của nhà cầm quyền CS Bắc Hàn. Số là trong trận chiến giữa Nam và Bắc Triều Tiên cách đây trên 45 năm, hai anh quân nhân Kim-Bok-Ki, 22 tuổi, và Park Dong Hi, 26 tuổi, đã bị CS Bắc Hàn bắt trong trận đánh tại Kumhwa vào tháng 7.1953. Hai anh này bị đưa đi lao động khổ sai tại các mỏ. Gia đình hai anh đã nghĩ là hai anh đã chết.

Nhưng vừa rồi, nhân ngày Kỷ niệm 50 năm bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, dưới sức ép của quốc tế và sự đòi hỏi của chánh quyền Nam Hàn, nhà cầm quyền CS Bắc Hàn mới chịu thả hai anh ra và cho về nguyên quán. Anh K.B.Ki năm nay 67 tuổi, còn anh P.D.Hi 71 tuổi, nói là hiện giờ còn 136 người bạn của anh vẫn bị nhà cầm quyền CS Bình Nhưỡng bỏ tù dưới hình thức tù nhân lao động khổ sai.

Chuyện khó tin, nhưng đó là sự thật, một sự thật phi nhân, dã man và tàn bạo, chỉ có dưới chế độ Xã Hội Chủ nghĩa mà thôi.

● BẮC HÀN

Một cuộc chạm súng dữ dội giữa quân đội Nam Hàn và CS Bắc Hàn ở ngoài biển khơi. Một khinh tặc đình (Schnellboot) của Bắc Hàn bị bắn chìm, khi chiếc này tìm cách xâm nhập vào hải phận Nam Hàn. Có một người chết và mấy người bị bắt.

Cộng Sản Bắc Hàn muốn làm gì nữa đây? Đã mò côi cha (Liên Xô), lẫn mò côi mẹ (các nước CS Đông Âu), chỉ còn một người Anh Em ruột thịt bên cạnh, mà nay tìm cách này, mai tìm cách khác để xâm nhập phá hoại, thì thử hỏi sống được với ai?

● BẮC CỰC

Theo những nhà khảo sát Na-Uy và Anh, sau khi đã đo đạc bằng phương tiện tàu ngầm và vệ tinh, cho biết là lớp băng phủ ở miền Bắc Cực trong những năm gần đây đã mỏng đi 2 thước. Vì sự thay đổi

thời tiết nên làm cho lớp băng bị tan chảy.

Số nước tan ra từ băng tuyết chảy đi đâu? Chảy vào đại dương, tuôn vào sông ngòi v.v... nên đã gây ra bao nhiêu trận lụt lội, gây bao nhiêu thiệt hại về nhân mạng và tài sản của con người khắp năm châu.

Theo các nghiên cứu gia thì sự thay đổi thời tiết một phần lớn vì sự sử dụng quá nhiều hóa chất, khói độc các nhà máy thải ra làm cho môi sinh bị ô nhiễm trầm trọng, nhưng thiếu những biện pháp và phương tiện thanh lọc. Nếu tiếp tục, sẽ có nhiều thiên tai xảy ra trong những năm sắp tới. Đó là lời cảnh cáo của các nhà khoa học đặc trách về bảo vệ môi sinh.

● ĐỨC

★ Hòa Xa Liên Bang Đức

Theo sự thống kê của Sở Cảnh Sát Biên Phòng Liên Bang cho biết, trong năm qua có 234.000 hành khách sử dụng đường hỏa xa, bị mất cắp hay bị tấn công cướp giết. Nhiều hơn trước đây 3 năm là 12.000 lần. Tuyến đường nguy hiểm nhất cho loại hỏa xa tốc hành (ICE) là từ Hannover đến Berlin. Ông Helmut Schwaz, phát ngôn viên của Sở Cảnh Sát Biên Phòng nói: *Đoạn đường này, bọn đầu trộm đuôi cướp hoạt động như trong phim hoang dã miền Tây Hoa Kỳ.* Do đó người nào sử dụng hỏa xa trên đoạn đường này phải đề cao cảnh giác, giấu kín bóp đựng tiền, không nên đeo hoặc để lộ hộ xoàn, vàng bạc, đồng hồ quý giá làm động lòng tham kẻ cướp giết.

★ Tiền nước (Trinkgeld)

Theo nguồn tin của Bộ Tài Chánh cho biết thì những người chạy bàn ở nhà hàng và tài xế Taxi không phải bị đánh thuế khi tiền nước họ nhận được mỗi năm không quá 2.400 Đức Mã.

Trước đây nội các của Ông Kohl, khi ngân sách bị thâm thủng quá nhiều, các quan liêu nghĩ cách đánh thuế vào tiền nước của những người chạy bàn và tài xế Taxi để được đồng nào hay đồng đó.

Nhưng khó quá! Tiền nước do khách tặng, khi thì 1 DM, khi thì 50 xu, khi thì 30 xu lẻ, không cho vào máy. Chẳng lẽ anh tài xế Taxi, mỗi ngày, tối về ngồi tính lại coi được bao nhiêu tiền nước, ghi vào sổ để cuối tháng tổng kết, cuối năm khai báo. Còn lâu! Súc đầu mà lấy dây tự trôi mình.

Nội Các mới không bỏ hẳn, mà lại giới hạn là từ 2.400DM/năm trở lên mới bị đánh thuế. Nhưng làm sao biết được anh chạy bàn A mỗi năm nhận tiền nước quá 2.400DM để mà đánh thuế? Cũng khó thật!

★ Kéo xe

Tài xế không sợ xe của mình bị kéo khi thời gian đậu xe tại nơi có trả tiền bị hết hạn. Theo Tòa Hành Chánh Gießen quyết định, khi nào thời gian đậu xe hết hạn và vượt quá 100% thì mới được phép kéo xe. Tuy nhiên về phần phạt thì hễ đậu quá giờ, dù mấy phút, vẫn bị phạt như thường.

Thí dụ: Phiếu đậu xe từ 7 giờ - 8 giờ, có nghĩa là được phép đậu 1 tiếng đồng hồ. Khi nào đậu xe kéo dài đến 9 giờ mà không bỏ tiền thêm, lúc đó xe mới bị kéo.

Trường hợp ngoại lệ. Những vùng lưu thông im lặng (Verkehrsberuhigten Zonen) và những nơi dành riêng cho người tàn tật, khi đậu quá 10 phút xe vẫn bị kéo (AZ. 7E 851/96)

★ Thời gian vào Tù xe

Kể từ 1.1.1999, người nào có xe hơi để quá hạn Tù không đem xe đi kiểm tra sẽ bị phạt như sau: Quá hai tháng 30DM - Quá 4 tháng 50DM và quá 8 tháng bị mất một điểm tại Flensburg. Vậy, người viết xin lưu ý quý vị có xe, đừng để bị phạt uổng tiền.

★ Giới hạn tuổi cho người lái xe

Theo lời Bộ Trưởng Giao Thông, ông Franz Müntefering, nói với báo "Leipziger Zeitung" thì *những người lớn tuổi lái xe, những đến một tuổi nhất định nào đó sẽ không được phép lái xe nữa.*

Lời tuyên bố này làm cho nhiều người, nhất là những người lớn tuổi, phản đối quyết liệt.

- Chủ Tịch Tổ Chức Công Đoàn Lao Động Cao Niên Liên Bang, ông Roswitha Verhülsdonk, nói: *Thật là một đề nghị hoàn toàn điên rồ. Qua đề nghị này, những người lớn tuổi bị đối xử như là những vị thành niên.*

- Bà Chủ Tịch "Graue Panther" nói: *Một sự hỗn láo, ông Bộ Trưởng Müntefering vừa mới nhậm chức, ông đã xúc phạm đến người cao niên.*

- Bộ Trưởng Bộ Gia Đình Liên Bang, bà Christine Bergmann (SPD), cũng chống lại đề nghị này của ông Bộ Trưởng đồng viện với bà. Bà nói: *Người ta lớn rồi, người ta có đủ trí để xét đoán, khi nào người ta cảm thấy không thể lái xe được nữa, thì người ta tự nguyện giao lại bằng lái xe, chỗ không có sự cưỡng bách bằng luật!*

- Phát ngôn viên của ADAC, ông Wolfgang Wuthe, nói: *Theo sự thống kê về tai nạn lưu thông thì không thể đổ lỗi cho người lái xe lớn tuổi. Những tài xế trên 65 tuổi lái xe đã gây ra tai nạn chỉ có 6,2% trên tổng số tai nạn. Những tai nạn gây ra phần lớn là những tài xế trẻ.*

- Chủ Tịch Ủy Ban An Toàn Lưu Thông Đức, ông Manfred Bandmann, nói:

Chúng tôi chống lại một sự ấn định về người lái xe đến tuổi nào đó không được lái xe. Không phải chỉ căn cứ vào cái tuổi của người lái xe, mà còn tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe, tinh thần của họ. Mỗi người lái xe phải tự kiểm tra mình, coi mình có còn đủ khả năng để lái xe nữa không?

Qua hàng loạt những sự phản đối, có lẽ đề nghị của ông Müntefering chỉ để chứng tỏ rằng ông tân Bộ Trưởng Giao Thông có ý kiến mỗi vậy thôi. Nhưng chắc chắn không thực hiện được và sẽ đi vào sự lãng quên.

★ Sát nhân còn đòi bồi thường

Đảng PDS (hậu thân của đảng SED - đảng Cộng Sản Đông Đức cũ) đòi hỏi một sự ân xá cho những tên tội phạm Cộng Sản sát nhân.

Số là vừa rồi, phát ngôn viên đảng PDS của khối Dân biểu Quốc Hội Liên Bang, cô Evelyn Kenzler, đưa ra một dự luật đòi hỏi chính quyền Đức phải thả những tên tội phạm Cộng Sản sát nhân, những người lính cộng sản đã bắn chết những người tìm cách vượt bức tường Bá Linh để tìm Tự Do. Đồng thời phải bồi thường cho mỗi người mỗi tháng là 600 Đức Mã và hoàn trả tất cả tiền mà họ đã nộp phạt. Cô E. Kenzler nói: "Thời gian đã chín mùi để ban hành một luật như vậy".

Nếu dự luật này được chấp thuận, thì cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng, ông Heinz Keßler, 78 tuổi, đã bị phạt 4 năm 3 tháng về tội chủ mưu giết người sẽ được bồi thường trên 30 ngàn Đức Mã. Ngoài ra theo ý muốn của đảng PDS thì những người ra lệnh hoặc tự tay bắn chết 197 người vượt tường đều được coi là vô tội! Sau khi dự luật này được đưa ra, những chánh trị gia đảng SPD ở phía Đông rất phẫn nộ:

- Ông Ernst Hacker, nói: *Những ai gây ra những bất công, những ai đã vi phạm và chà đạp nhân quyền đều phải chịu trách nhiệm. Sự đòi hỏi ân xá, hủy bỏ lệnh phạt, phục hồi danh dự đều hoàn toàn không thể chấp nhận được.*

- Chủ Tịch Quốc Hội Liên Bang, ông Wolfgang Thierse, nói: *Dự luật này là một sự khiêu khích đối với những gia đình nạn nhân cũng như đối với một quốc gia Dân Chủ Lập Hiến.*

- Ông Manfred Grünberg, 45 tuổi, hiện đang sống tại Dollingen - Brandenburg, ông nói: *Trước đây 20 năm, khi tôi còn là một lính cộng sản canh gác biên giới giữa Thüringen và Bayern, vì lòng tâm, tôi đã để cho hai người vượt rào. Sau đó tôi bị tù đầy. Không phải chỉ riêng một mình tôi mà hàng trăm hàng ngàn người khác bị chế độ Cộng Sản Đông Đức tù đầy cũng như tôi, thì đảng PDS hậu thân của đảng Cộng Sản/SED có bồi thường không?*

Đảng PDS, trong kỳ bầu cử Quốc Hội Liên Bang ngày 27.9.98 đã được 5,1%. Số phiếu vượt rào cản là 5% nên được vào Quốc Hội. Từ đó đảng này muốn đòi mở sống dậy bằng cái dự luật quái đản nêu trên và trong những ngày tháng sắp tới không biết nó còn quấy rối gì nữa không? Hãy chờ xem.



← Binh nhất Manfred Grünberg, 25 tuổi, thuộc quân đội nhân dân, có nhiệm vụ canh gác biên giới giữa Thüringen và Bayern.



Anh Manfred Grünberg, 45 tuổi, đang sống tại Dollingen (Brandenburg)

→

● VIỆT NAM

★ Làm sạch sẽ thủ đô Hà Nội (Báo Bildzeitung ngày 9.12.98)

Thủ Tướng Phan Văn Khải, 64 tuổi, đã ra lệnh tổng cổ trên 1.000 người ăn xin, gái mãi dâm và những người tàn tật ra khỏi thủ đô Hà Nội, để có được một bộ mặt gọi là sạch sẽ hầu đón tiếp những vị lãnh tụ các quốc gia từ các nước Đông Nam Á Châu đến họp vào giữa tháng 12/98. Ngay đến cả nông dân chân lấm tay bùn ở thôn quê cũng không được phép vào trung tâm Hà Nội. Tại sao Phan Văn Khải phải làm như vậy? Người viết tự hỏi.

Tại vì bản chất của người Cộng Sản là lừa dối. Ông ta tưởng làm như vậy là che đậy được bộ mặt thật của xã hội nghèo đói Việt Nam dưới sự thống trị của đảng Cộng Sản.

Những ông Khải đã quên hay không biết ba câu bất diệt trong bài diễn văn của ông Abraham Lincoln (1809-1865) thuộc đảng Cộng Hòa, Tổng Thống thứ 16 của Mỹ, đọc ngày 19.11.1863 tại Gettysburg, nhân dịp khánh thành nghĩa trang chôn cất 45 ngàn binh sĩ không phân biệt Bắc Nam tử trận trong cuộc nội chiến. Ba câu đó như sau:

- Người ta có thể lường gạt tất cả mọi người trong một thời gian nào đó.

- Người ta có thể lường gạt vài người suốt đời.

- Nhưng người ta không thể nào lường gạt tất cả mọi người mãi mãi được.

Bộ mặt thật của xã hội Việt Nam là tham nhũng, quan liêu, nghèo đói, trộm cướp, xi-ke ma-túy, mãi dâm v.v... dưới sự cai trị của Đảng Cộng Sản đã được phơi bày rõ nét từ lâu rồi, dù ông Khải có muốn làm sạch sẽ bộ mặt thủ đô Hà Nội đi nữa, thì cũng không bao giờ che mắt được người thế gian.

★ Việt kiều làm tay sai cò mồi cho chế độ được đi máy bay giá rẻ.

Theo một thông tư của hãng máy bay Air Vietnam vừa cho hay, các Việt kiều về nước, nếu sử dụng các đường bay nội địa sẽ được mua vé với giá của người trong nước, nếu là người "có công với chế độ".

Đây là một cách dụ khị những Việt kiều thiếu lập trường, làm tay sai cho cộng sản, phản bội lại lý tưởng trước kia của mình khi vượt biên tìm Tự Do. Nhưng câu hỏi được nêu lên là, làm sao chúng mình cho hãng máy bay biết là ta làm tay sai cho chế độ? Có lẽ trước khi về Việt Nam, đứng sự phải xin một giấy chứng nhận tại Sở Quán Cộng Sản ở địa phương; hoặc hãng máy bay đã có một danh sách của những Việt kiều tay sai cò mồi rồi?

Hiện giờ nhà cầm quyền CSVN áp dụng hai giá biểu: Một cho người trong nước; Một cho Việt kiều và người ngoại quốc giá đắt gấp 2 lần, nên gây bất mãn cho người ngoại quốc và Việt kiều về thăm quê hương. Điều này cũng ảnh hưởng trực tiếp đến ngành du lịch. Do đó chúng ta cũng không lấy làm lạ là những báo đăng tin ngành du lịch Việt Nam hiện đang bị thua lỗ thảm hại.

★ Việt kiều gửi tiền về nước

Theo Ủy Ban Người Việt Nam ở Nước Ngoài cho biết, số người Việt Nam sinh sống khắp nơi trên thế giới đã lên đến 2,7 triệu người. Thu nhập hàng năm của họ ước lượng từ 15 đến 30 tỷ đô-la Mỹ. Mỗi năm họ gửi về Việt Nam giúp đỡ gia đình hoặc kinh doanh, một số tiền lên đến 1,2 tỷ đô-la. Cộng Đồng Người Việt nhiều nhất là ở Mỹ hơn 1 triệu người, Canada 200.000, Pháp 250.000, Úc 180.000, Âu Châu (ngoại trừ các nước Cộng Sản Đông Âu cũ) 150.000, các nước Cộng Sản Đông Âu cũ 100.000 người. Trong số đồng bào Việt kiều này, đội ngũ trí thức đại học và trên đại học được đào tạo ở nước ngoài khoảng 400.000 người, đó là chưa kể lực lượng công nhân kỹ thuật lành nghề.

Lời người viết: Đây là một nguồn chất xám rất quan trọng, không có một quốc gia nào được ưu thế như vậy. Đội ngũ trí

thức trên sẵn sàng trở về Việt Nam cùng bắt tay nhau với đồng bào trong nước xây dựng lại quê hương khi chế độ Cộng Sản độc tài, đảng trị không còn nữa.

★ Tòa án nhân dân Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử Trịnh-Vinh-Bình

Lời Tòa Soạn: Vụ án này được đăng trong Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn số 416 ngày 17.12.98, có liên quan không ít thì nhiều đến những Việt kiều muốn bỏ vốn làm ăn hay đầu tư ở Việt Nam, nên Tòa Soạn ghi nguyên văn vụ án để quý độc giả xem cho biết sự việc.

"Tuần qua, tại Bà Rịa - Vũng Tàu đã diễn ra một vụ án thu hút sự quan tâm của nhiều người. Tòa Án Nhân Dân Bà Rịa - Vũng Tàu từ ngày 7 đến 11.12.98 đã xét xử vụ án Trịnh Vinh Bình, một Việt kiều sinh sống tại Hòa Lan. Từ năm 1981 đến 1996, Bình đã về nước nhiều lần, mang theo 2,3 triệu đô-la Mỹ và 96 kg vàng, nhờ thân nhân đứng tên mua nhà, đất, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản v.v... với 11 căn nhà, gần 3 triệu thước vuông đất và 120 mẫu đất trồng rừng. Viện Kiểm Sát (VKS) Nhân Dân Bà Rịa - Vũng Tàu trong cáo trạng tại phiên tòa cho rằng Trịnh Vinh Bình đã dùng thủ đoạn gian dối (cho thân nhân làm hộ khẩu nhiều nơi), sử dụng một số cá nhân thân quen trong nước đứng tên để kinh doanh nhà, đất trái pháp luật và sau đó đã bán lại hai lô đất và sang nhượng 14 mẫu đất trồng rừng thu lợi bất chính hơn 19 tỷ đồng. Cũng theo cáo trạng của VKS, để được nhận đất trồng rừng, Bình đã chỉ cho Nguyễn Văn Huệ, Phó Giám đốc Chi nhánh Phát Triển Nông Thôn phía Nam 100 triệu đồng hối lộ để xác nhận 4 người thân của Bình là nhân viên của đơn vị Huệ, để họ được đứng tên nhận đất trồng rừng.

Bào chữa tại phiên tòa, các Luật sư biện hộ cho Bình cho rằng Bình chuyển tiền, vàng vào Việt Nam hợp pháp và nhờ người thân lập ra Công ty trách nhiệm hữu hạn TÍN THÀNH và Công ty cổ phần BÌNH CHÂU, đứng tên sang nhượng đất, nhà để phục vụ đầu tư và sản xuất lâu dài. Việc sang nhượng đất đai đều được công khai, hợp pháp có xác nhận của chính quyền.

Theo Công tố viên, hành vi của Bình là "hành vi không phù hợp pháp luật" và theo Quyết Định số 767/TTg ngày 17.9.97 của Thủ Tướng Chính Phủ thì cần được "hợp pháp hóa" để quản lý theo pháp luật.

Các Luật sư biện hộ cho Bình cho rằng việc sang nhượng hai lô đất của Bình không nhằm thu lợi bất chính mà nhằm giải quyết khó khăn về vốn và cũng được các cơ quan có thẩm quyền cho phép. Từ khi luật khuyến khích đầu tư trong nước được ban hành năm 1995, Bình đã xúc tiến việc tham gia đứng tên trong Công ty

BÌNH CHÂU và đến tháng 11.1996 Bình đã chính thức trở thành Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty này, từ đó các Luật sư kết luận Bình không phạm tội "Vi phạm các quy định về quản lý đất đai".

Chiều 11.12.98, Hội Đồng xét xử đã tuyên án phạt Trịnh Vinh Bình 13 năm tù về các tội "Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ đất đai" và "đưa hối lộ", hủy bỏ toàn bộ các quyết định giao đất. Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà Bình đã mượn danh nghĩa người khác, tịch thu toàn bộ diện tích đất và giao cho Ủy Ban Nhân Dân Bà Rịa - Vũng Tàu quản lý. Ngoài ra Bình cũng phải nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính từ việc sang nhượng đất đai".

Bản án đã tuyên, nhưng dư luận vẫn còn nhiều tranh cãi. Tình hình Việt kiều đầu tư dưới hình thức góp vốn cùng thân nhân mua đất đai, nhà cửa cho người thân đứng tên hiện đang khá phổ biến sẽ được giải quyết như thế nào cũng là một vấn đề được đặt ra nhân vụ án Trịnh Vinh Bình.

Lời người viết: Trịnh Vinh Bình coi như trắng tay mà còn mang thân tù tội chỉ vì "THAM", hay quá ngây thơ chưa có kinh nghiệm sống dưới chế độ Cộng Sản. Có lẽ Bình đã sang Hòa Lan lâu rồi nên mới làm ăn tạo được một số tiền lớn như vậy. Thật tội nghiệp! Đúng là: "Đem tiền đi đổ sông Ngô!". Trường hợp của Bình không phải là duy nhất, mà có nhiều người đã bị trắng tay như Bình và sẽ còn nhiều người nữa cũng sẽ trắng tay và tù đầy như Bình nếu còn muốn làm ăn với Cộng Sản.



Người nông dân Hà Tiên ngoài một nắng hai sương, còn phải kéo xe bán nước nuôi thân.

Bản tin thế giới

● Nước Nga

Có lẽ không có quốc gia nào trong thời gian qua xảy ra nhiều biến động trong tất cả mọi lĩnh vực: từ chính trị, kinh tế, xã hội đến an ninh như ở nước Nga trong thời gian vừa qua. Cuộc khủng hoảng tài chính từ giữa tháng 8, tiếp theo đó là cuộc khủng hoảng chính trị đến cuối tháng 9 đã để lại nhiều hậu quả nặng nề ở nước này. Về chính trị, mặc dù Evgheni Primakov đã được đưa lên ghế Thủ Tướng để làm dịu căng thẳng với các đảng phái đối lập, nhưng tình hình chính trị ở đây vẫn chưa hề yên ổn. Thêm vào đó tình hình sức khỏe của Tổng Thống Yeltsin ngày càng yếu đã gây thêm nhiều lo lắng cho tình hình chính trị ở đây.

Sự kiện Tổng Thống Yeltsin phải đi dưỡng bệnh đột xuất hôm 27 tháng 10 đã khẳng định tin đồn về tình hình sức khỏe suy yếu của Tổng Thống từ hơn hai tháng nay. Người phát ngôn của Tổng Thống cho biết, bệnh tình của Tổng Thống không có gì nguy kịch, ông phải đi dưỡng bệnh để kiểm tra sức khỏe định kỳ và nghỉ ngơi sau lần viêm phế quản đầu tháng 10 vừa qua. Nhưng báo chí lại đưa tin có phần nghiêm trọng hơn, người ta cho biết, gần đây Tổng Thống thường xuyên bị mệt mỏi, không minh mẫn. Các bác sĩ đã quyết định để ông phải đi nghỉ ở Sochi - một thành phố nghỉ mát nổi tiếng ở phía Nam nước Nga. Tạm thời mọi chuyến công du của Tổng Thống ra nước ngoài và các cuộc đón tiếp khách nước ngoài phải hoãn lại. Ngay cả chuyến viếng thăm Wien vào 26.10, một chuyến đi được các chuyên gia đánh giá là vô cùng quan trọng đối với nước Nga trong thời điểm này, Tổng Thống Yeltsin cũng phải hoãn lại vào giờ chót và chuyển trọng trách nặng nề này cho Thủ Tướng Primakov.

Đợt nhập viện thứ hai của Tổng Thống Yeltsin hôm 22 tháng 11 vì chứng sừng phổi đã làm người ta đặt lại câu hỏi về tình hình sức khỏe của ông. Hôm 2 tháng 12 viện Duma đã biểu quyết luật định yêu cầu Giám đốc Trung Tâm Y Tế thuộc Văn phòng Tổng Thống trong vòng 10 ngày phải đưa ra bản kết luận chính xác về tình trạng bệnh tình của Tổng Thống. Từ hơn hai tháng nay ở Nga người ta tập trung phân tích trung tâm quyền lực trong nước sẽ thuộc về ai. Trong trường hợp may mắn nhất, Tổng Thống Yeltsin sẽ

giữ chiếc ghế của mình đến năm 2000, nhưng cũng có thể ông sẽ rời khỏi chiếc ghế Tổng Thống của mình sớm hơn nữa. Tổng Thống Yeltsin phải rời khỏi chức Tổng Thống sớm hơn thời hạn có thể xảy ra trong hai trường hợp, hoặc viện Duma bỏ phiếu bất tín nhiệm ông, hoặc vì lý do sức khỏe.

Trường hợp thứ nhất - Duma bỏ phiếu bất tín nhiệm: Ngay khi cơn khủng hoảng vừa xảy ra 249 đại biểu của Duma đã vận động thành lập một Ủy Ban điều tra những hành động phi Hiến Pháp của Tổng Thống Yeltsin làm cơ sở vận động bỏ phiếu bất tín nhiệm ông. Theo đề nghị ban đầu của nhóm đại biểu Duma, Tổng Thống Yeltsin đã phạm 5 điều sai lầm.

- a/- Chống lại quyền lợi của nhân dân Nga
- b/- Phá vỡ các lực lượng vũ trang Liên Xô
- c/- Phá vỡ Liên Bang Xô Viết
- d/- Giải tán và chống lại Quốc Hội tháng 10 năm 93
- e/- Đưa quân vào Chechnia

Ngày 19 tháng 10 vừa rồi Duma đã kết luận bác bỏ hai nguyên nhân đầu vì hoàn toàn không có cơ sở kể tội Tổng Thống, còn ba nguyên nhân sau cũng không đủ bằng chứng xác đáng. Các luật sư cho biết, dù sao phe đối lập cũng rất khó thành công trong tiến trình bỏ phiếu bất tín nhiệm Tổng Thống.

Con đường truất quyền Tổng Thống xem ra không dễ dàng như các đảng đối lập mong muốn. Nhưng con đường thứ hai xảy ra do sức khỏe của Tổng Thống lại có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nên đã từ hơn hai tháng nay cuộc chạy đua chuẩn bị cho kỳ bầu cử tướng lại đã bắt đầu vận hành hết tốc lực. Hiện nay danh sách những ứng cử viên lên chức Tổng Thống nặng cân nhất là Ziuganov, Chủ tịch Đảng Cộng Sản; Ludjkov, Thị trưởng Moscow; Lebed, Tỉnh trưởng Krasnoyarsk và Iavlinski, Chủ tịch Đảng Iabloko. Nếu nửa năm trước dân chúng dành 18% phiếu cho Ziuganov, 11% cho tướng Lebed, 8,5% cho Iavlinski và chỉ có 7,8% cho Ludjkov thì vào giữa tháng 10 thái độ của cử tri có phần thay đổi, người dẫn đầu vòng một vẫn là Ziuganov 20%, nhưng người chiếm vị trí thứ hai lại là Ludjkov với 19% phiếu bầu, tiếp đó là Lebed 17% và Iavlinski 10%.

Điểm nổi bật trong kỳ bầu cử Tổng Thống tới ở Nga sẽ là cuộc chạy đua của từng cặp Tổng Thống - Thủ Tướng tương lai, chủ không chỉ có một mình ứng cử viên Tổng Thống. Hiện nay người ta đánh giá có ba cặp có nhiều triển vọng nhất là Lebed/Iavlinski, Ludjkov/Iavlinski, Ludjkov/Seleznhieiev.

Cặp Lebed/Iavlinski rất được lòng phương Tây, vì Mỹ cho rằng Lebed có thể bảo đảm một nền an ninh hạt nhân với kỷ luật nửa nhà binh của ông, bên

cạnh đó nếu Iavlinski giữ chức Thủ Tướng ông ta bảo đảm sẽ tiếp tục các cải cách kinh tế theo hướng thị trường hiện nay. Một liên minh như vậy cũng hoàn toàn làm vừa lòng giới tài phiệt ở Nga. Hơn nữa nếu Lebed và Iavlinski liên kết với nhau số cử tri ủng hộ họ sẽ tăng lên đáng kể vì các nhóm ủng hộ Lebed và Iavlinski không trùng nhau. Ủng hộ tướng Lebed là những tầng lớp dân chúng không hài lòng với chính phủ hiện nay, còn ủng hộ Iavlinski là các nhóm trí thức và dân chúng ở các thành phố lớn.

Cặp Ludjkov/Iavlinski có nhiều khả năng hợp tác nhất. Theo các thông tin của các nhóm thân cận hai ứng cử viên này cho biết, đang có những cuộc tiếp xúc bàn nguyên tắc hợp tác giữa hai nhóm này. Những liên minh Ludjkov và Iavlinski lại sẽ mất nhiều cử tri nếu họ hợp tác, vì phần lớn các nhóm ủng hộ họ sẽ trùng nhau.

Cặp Ludjkov/Seleznhieiev: Thủ lĩnh Đảng Cộng Sản Ziuganov không thể tìm được liên minh trong vòng hai nên sẽ cầm chắc thất bại lên chiếc ghế ●

Thương nhớ Sư Ông

*Dù vẫn biết vô thường trong cuộc sống
Sinh Lão, rồi đến Bệnh Tử chia ly
Nghe Sư Ông đã nhập diệt Phật quy
Chúng con niệm Đức A Di Đà Phật*

*Ôn vẫn biết ngục tù trong gang tấc
Ánh Đạo Vàng Ôn nhất nhất phát huy
Gieo khắp nơi bao chúng tử Từ Bi
Từ Nam Bắc Tảng Ni đồng kính mến*

*Vượt khó khăn trời tây Ôn đi đến
Tỉnh Hannover thăm Sư Phụ chúng con
Ôn kể cho những bài học ngàn vàng
"Là Phật Tử giữ giang san Đạo Pháp"*

*Bi Trí Dũng bình tâm vượt bão táp
Cõi ta bà thiện, ác, huyền, huyền, mở
Giữ đạo tâm, cuộc sống đẹp nên thơ
Hạnh Bồ Tát xa bụi mờ sinh diệt"*

*Nay Ôn đi chúng con đều thương tiếc
Ngưỡng tri ân đến Sư Phụ, Sư Ông
Hành Từ Ân, Ngũ Giới giữ một lòng
Cho xứng đáng Sen Hồng nơi cõi Phật.*

**Đại diện GDPT Chánh Giác tại Bremen
Thị Thiện Phạm Công Hoàng**

KAMPUCHEA : Khờ-Me Đỏ hết thời (Das Ende der Roten Khmer)

Hàng ngàn quân du kích cuối cùng đã nộp súng cho Chính phủ Hoàng gia Kampuchea.

Có thể nào con cạp đổi được màu những vết vằn của nó không? Cạp không làm được, nhưng một viên Tướng khi xưa của Khmer Đỏ là Tướng Khem Nguon, 44 tuổi, đã hai lần làm được việc này.

Lần thứ nhất vào tháng 7 năm 1997, khi Khem Nguon còn là Khmer Đỏ dựng ra một vở kịch xử án người anh cả số 1 Pol Pot, một tên cách mạng và đồ tể diệt chủng, để tự chạy tội và tự khoác cho mình một cái áo trắng vô can.

Lần này y lại thay đổi mỗi nửa: Y mang một ngàn vừa sĩ quan và binh lính kiệt quệ, tuần lễ qua, về đầu hàng quân đội của Thủ Tướng Hunsen mà đã từ bao nhiêu năm nay y chiến đấu chống với một người mà y chóc là "tay sai bù nhìn của Việt Nam" - Những người Khmer Đỏ hồi hận ở ngôi đền đổ nát tại Preah Vihear, "xin Chính phủ Hoàng gia Kampuchea cho phép họ trở lại sống với xã hội và gia nhập vào quân đội Hoàng gia".

Bằng cách hạ khí giới, Khem Nguon đã khắc phục được số phận của một trong nhiều phe phái chính trị xấu xa giết người của thế kỷ này. Trong thời gian bọn Khmer Đỏ cai trị xứ Kampuchea từ 1975 đến 1979 đã hạ sát hoặc bắt cưỡng bách lao động cho đến chết trên hai triệu người "ở những cánh đồng giết người". Cuối cùng quân đội Việt Nam tiến quân vào lãnh thổ Chùa Tháp chấm dứt được sự kinh hoàng ấy.

Sau 28 năm chiến tranh hình như con đường tiến tới hòa bình thực sự ở Kampuchea đã được khai thông. Khem Nguon nói: "*Chúng tôi là những chiến sĩ cuối cùng Khmer Đỏ. Chiến tranh không còn nữa*".

Từ 1996, hàng ngàn binh sĩ mất tinh thần, nản chí vì sự tranh chấp nội bộ của những người lãnh đạo, đói rách, bị đàn áp đã bỏ hàng ngũ Khmer Đỏ về đầu hàng quân Chính phủ. Căn cứ cuối cùng trong rừng của họ là Anlong Veng giáp biên giới Thái Lan, thất thủ tháng 4 qua và Pol Pot ít ngày sau qua đời. Chỉ còn lại, theo Peter Schier, Giám đốc Viện Bác Ái Konrad Adenauer ở Nam Vang, "*những người cứng rắn nhất trong những người cứng rắn*".

Như vậy, tình trạng quân sự ở đây núi Dangrek đối với bọn Khmer Đỏ, trở nên tuyệt vọng. Thái Lan dần quân ngăn chặn miền Bắc biên giới, do đó sự tiếp tế vũ khí, đạn dược và lương thực bị phong tỏa.

Và sự hy vọng cuối cùng của Khmer Đỏ bị tiêu tan, vì họ tưởng có thể hợp tác với đám quân của Hoàng thân Norodom Ranariddh để đánh đổ Thủ Tướng Hunsen đáng ghét,

nhưng tháng 11 ông Hoàng này đã tuyên bố cộng tác với Hunsen mà một năm trước đây đã đào chính ông ta.

Đã biến mất thực vậy cũng như trước đây ba chức sắc cao cấp nhất của đám Cộng Sản thời kỳ đồ đá:

- **Ta Mok**, 72 tuổi, đã được nhân dân Kampuchea đặt cho cái tên "đao phủ" vì sự tàn ác của y.

- **Nuon Chea**, 71 tuổi, ngày trước là "người anh thứ 2" và là người tổ chức bí mật của đảng, cũng như

- **Khiêu Samphan**, 66 tuổi, đậu Tiến sĩ Luật khoa tại Đại Học danh tiếng nhất của Pháp, Đại Học Sorbonne, Cựu Chủ tịch Nhà Nước và từ 1985 người kế nghiệp Pol Pot.

Họ đầu hàng với điều kiện để họ sống yên ổn.

Theo như Peter Schier, người biết rõ tình hình Kampuchea, thì "*những người về đầu hàng Chính Phủ, song vẫn chưa từ bỏ được sự trung thành với các viên chức cao cấp Khmer Đỏ này và sẽ vẫn tiếp tế cho họ trong rừng sâu*".

Vì vấn đề như thế, một nhân viên hữu trách của Chính Phủ nói tới một sự truy nã: "*Họ phải chết như những người tự do trong rừng*". Bộ Trưởng Bộ Thông Tin, ông Lu Loysreng, tuyên bố: "*Tôi không nghĩ rằng Chính Phủ muốn chi phí vô ích để săn bắt ba người già này*".

Có thể ba người du kích già ở Thái Lan, đã từ lâu là nơi ẩn náu của các cán bộ Khmer Đỏ. Từ "Far Eastern Economic Review" đăng tin cơ quan mật vụ Bangkok đã bắt giữ ba người này - những sau cái chính ngay tin ấy.

Nếu như khi ba tay đầu sỏ bị bắt, thì số phận của họ được rõ ràng phơi bày. Tất cả những chức sắc "đều chịu trách nhiệm về những tội ác khủng khiếp vi phạm nhân quyền" - như Tổng Thống Mỹ Bill Clinton, phải đưa ra tòa án. Tại đây những cường quốc lớn có thể bị chiếu cố - Hoa Kỳ đã ủng hộ những tên sát nhân trong cuộc chiến đấu của chúng chống lại những người Việt Nam, dù rằng đã biết những vụ giết người man rợ. Thêm vào đấy còn phiếu ủng hộ quyết định giúp cho Khmer Đỏ của Trung Quốc trong Hội Đồng Bảo An LHQ. Trung Quốc đã từ lâu liên kết với bọn diệt chủng Pol Pot và cũng sợ những sự phát giác đau buồn.

Ngoài ba tên trùm Khmer Đỏ, hiện nay còn có những người chỉ huy quan trọng đám quân sĩ khủng bố đang sống yên lành: Nguyên cựu Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Ieng Sary và Tướng Ke Pauk, nguyên Tư Lệnh vùng Bắc Miên.

Người ta không bao giờ quên được những tội ác tập thể của bọn thủ phạm đã gây ra cho nhân dân Kampuchea. Tướng Ke Pauk, 68 tuổi, theo ông Craig Etcheson, nhà Khoa học Mỹ, có thể là một người "với những bàn tay dẫm máu" của lương dân vô tội, ngày nay chỉ muốn trở thành một người nông dân thường canh tác thửa ruộng của ông ta. Tướng Khem Nguon, về hàng quân Chính phủ nói, trong thời gian có cuộc diệt chủng, y theo học tại một viện Đại học

quân sự Trung Quốc. Và còn những Khmer Đỏ khác họ đều là những người kháng chiến và dân chủ tốt lành, theo như những lời tuyên bố của họ. Ai cũng thấy tay chạy tội hết. Lẽ dĩ nhiên bí mật... ai biết...

Andreas LORENZ

Q.A. chuyển dịch bài:

"Das Ende der Roten Khmer" - Tuần báo der Spiegel số 51 ngày 14,12,1998".

Ghi chú thêm lời người dịch: Andreas LORENZ người viết bài "*Ngày tàn của Khmer Đỏ*" và lên án những cường quốc đã trực hay gián tiếp giúp bọn sát nhân này, phạm vào những tội ác kinh khủng đối với nhân dân Kampuchea trong thời kỳ chúng làm Chủ xứ Chùa Tháp từ 17.4.1975 đến mùa thu năm 1979 khi quân đội Cộng Sản Việt Nam tiến quân vào Phnom Penh đuổi chúng vào rừng sâu. Hai cường quốc ủng hộ bọn Pol Pot diệt chủng mà Andreas Lorenz tố đích danh là Mỹ và Trung Cộng. Chúng ta hãy quay về quá khứ, cách đây gần ba mươi năm, để hiểu rõ tình hình lúc bấy giờ và trình bày khách quan những gì đã xảy ra, rồi chúng ta nhận xét xem Andreas Lorenz có thiên kiến đối với Mỹ và Trung Cộng hay không?

Khmer Đỏ là Đảng Cộng Sản Kampuchea dưới sự lãnh đạo của Pol Pot và Ieng Sary đã hoạt động trong rừng từ hồi ông Hoàng Sihanouk còn làm Quốc Trưởng, rồi đến chế độ quân phiệt của Tướng Lon Nol. Lon Nol đảo chính ông Hoàng trung lập này ở đầu thập niên 70 và lập một thể chế Cộng Hòa quân phiệt thân Mỹ. Vì tham nhũng, bất lực, chế độ này đã sụp đổ ngày 17.4.75 (Lon Nol đã bỏ nước ra đi trước đây vài tháng lưu vong ở Mỹ), quân đội du kích của Pol Pot chiếm trọn Kampuchea và bộ ba Pol Pot - Ieng Sary và Khiêu Samphan thi hành chính sách Cộng Sản biến thành thị thành thôn quê. Trong 24 giờ, chúng sai bọn du kích đuổi hết dân thị thành ra nông thôn để cưỡng bách lao động, chúng giết hết những người đã cộng tác với chế độ Lon Nol. Chúng hủy bỏ tiền tệ, xóa bỏ chợ búa và thi hành trao đổi đồ vật như thời Cộng Sản nguyên thủy. Những trí thức, tiểu tư sản và những người đã làm việc cho chế độ Lon Nol bị giết tới gần một triệu người, ngoài ra chúng đày đọa các thị dân ở những cánh đồng quê theo lối sống tập thể, làm việc tập thể, có đoàn ngũ hóa, bị mạng vong tới một triệu người vì kiệt sức, đói khát và bệnh hoạn v.v... Xác bị chôn vùi ngay tại chỗ mà người ta đã gán cho cái tên "những cánh đồng giết người".

Những việc làm của chúng được giới lãnh đạo Cộng Sản Trung Quốc lúc bấy giờ rất tán đồng, vì chúng áp dụng đúng "thành thị biến thành thôn quê". Chính Pol Pot và bè lũ đã nhiều lần sang yết kiến Mao Trạch Đông để trình bày mọi sự việc, khi Mao còn sống, mãi đến 76 Mao mới chết. Mao hết sức tán dương và ủng hộ Pol Pot.

Tại sao Mao và giới lãnh đạo Hoa Lục tích cực giúp bọn đao phủ Khmer Đỏ như thế? Không ngoài lý do chính trị và tranh chấp với Liên Xô, và Liên Xô lại là kẻ đỡ đầu cho Cộng Sản Việt Nam trong thời điểm này.

Đảng Cộng Sản Khmer Đỏ ra đời do sự bảo trợ của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Theo Cương Lĩnh của Đảng CSVN đầu thập niên 30, Đảng này có trách nhiệm tổ chức các Đảng Cộng Sản Miền và Lào theo lệnh của Cộng Sản Đệ Tam ở Mạc Tư Khoa, mà Nguyễn Ái Quốc sau đổi tên là Hồ Chí Minh là người sẽ lãnh đạo ba Đảng Cộng Sản Đông Dương thuộc Pháp. Mộng này được thực hiện ngay khi Việt Minh cướp chính quyền ở Việt Nam ngày 19 tháng 8 năm 1945, lợi dụng tình thế rối ren khi quân đội Nhật Bản hạ khí giới đầu hàng Đồng Minh. Đảng CSVN dưới sự chỉ huy của ông Hồ Chí Minh, gài người vào các Ban Chấp Hành Trung Ương của hai Đảng bạn Miền - Lào. Bọn Pol Pot cũng nằm trong quỹ đạo này, những dần dần bọn Pol Pot nghiêng về phía Đảng CS Trung Hoa, còn Đảng CS Lào của Kay-Sôn Phom-Vi-Hàn vẫn một mực trung thành với họ Hồ và các đệ tử của ông như Lê Duẩn, Trường Chinh, Lê Đức Thọ v.v... Cho nên khi bọn Pathet Lào hay CS Lào lật đổ Vương quyền của vua Lào ngày 17.4.1975, bộ đội CSVN đã có mặt thường xuyên ở lãnh thổ Lào tới ba Sư Đoàn để giúp Lào chống Thái Lan và cũng để canh chừng bọn lãnh đạo Lào...

Còn Khmer Đỏ của Pol Pot - Ieng Sary đã ra khỏi quỹ đạo của CS Việt Nam, các cán bộ CS Trung Quốc làm Cố Vấn cho Đảng và Chính phủ Khmer Đỏ. Trong thời gian này, Tổng Bí Thư Đảng CS Việt Nam Lê Duẩn đã sang Phnom Penh tìm cách hòa giải với bọn Pol Pot nhưng thất bại. Nhân những vụ giết người hàng loạt của bọn Khmer Đỏ làm chấn động dư luận thế giới. CS Việt Nam lợi dụng thời cơ khai sinh ra một Đảng CS Miền mới theo kiểu Việt Nam mang tên Đảng Nhân Dân Cách Mạng Kampuchea, gồm các thành phần bất mãn của Khmer Đỏ như Hun Sen - Hun Sen nguyên là Trung Đoàn Trưởng trong quân đội Khmer Đỏ và những người Miền gốc Trà Vinh, Vĩnh Bình làm nòng cốt, rồi đem quân trên 200.000 người mang danh nghĩa "Chỉ nguyện quân Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế ở Kampuchea, tiến vào lãnh thổ Chùa Tháp đánh đuổi bọn Pol Pot chạy vào rừng sâu lập căn cứ ở dãy núi Dangkrek, lập một Chính Phủ Miền Dân Chủ Nhân Dân dưới sự toàn quyền giám hộ của Lê Đức Thọ, Ủy Viên Bộ Chính Trị, và Tướng Lê Đức Anh, Tư Lệnh đạo quân chiếm đóng Việt Nam. Liên Xô chi viện mỗi ngày cho quân CSVN ở Miền là 3 triệu dollars, kể cả vũ khí, đạn dược v.v... Sự việc xảy ra đầu năm 1979. Mất một căn cứ quan trọng ở miền Nam Đông Dương, Trung Cộng đau đớn nổi giận nên mới có vụ đánh chiếm 6 tỉnh miền biên giới Bắc Việt trong cuộc hành quân trừng phạt đầu tháng 2 năm 1979 và ít lâu sau rút lui, khi đã tàn phá sạch 6 thành phố biên giới. Cả hai bên Việt Nam và Trung Quốc, số binh sĩ tử trận lên tới hàng chục ngàn. Tháng 4 năm 1979 Việt Nam CS và Trung Cộng tạm thời ký một Hiệp Ước Hòa Bình nhưng Trung Cộng vẫn còn chiếm giữ một số căn cứ quân sự nằm trong lãnh thổ Việt Nam và thỉnh thoảng có những cuộc giao tranh bằng pháo của hai bên. Tuy đỉnh

chiến những tình trạng vẫn còn căng thẳng vì luôn luôn Trung Cộng đe dọa.

Những dù sao Việt Nam CS đã tạm thời thực hiện được ý đồ làm chủ ba nước Đông Dương: Việt Nam - Lào và Cao Miên. Giá CSVN sau khi đã trừ được nạn diệt chủng ở Miên, rút quân về nước, trao chính quyền cho nhân dân Miên, thì đấy là một nghĩa cử cao đẹp và đúng nghĩa làm nghĩa vụ quốc tế giúp nước anh em; nhưng bọn Lê Duẩn vẫn nuôi ảo mộng bá chủ và xâm lăng ở Đông Dương để rồi từ bàn đạp Cao Miên tiến sang Thái Lan và nhuộm đỏ cả vùng này, nên đóng quân ở li đất Miên với tư cách là một đạo quân chiếm đóng cướp nước rõ rệt. CSVN bị cả thế giới lên án, lẽ dĩ nhiên chỉ có Liên Xô và các nước chư hầu ủng hộ, họ cắt đứt mọi viện trợ nhân đạo cho Việt Nam. Nhưng Việt Nam đã có quan thầy Liên Xô chi viện... Cuối cùng cũng phải rút lui sau 10 năm đóng quân ở xứ Chùa Tháp vì Liên Xô kiệt quệ không thể chi viện được nữa và thiệt hại tới trên 50 ngàn binh sĩ với trên 100 ngàn thương vong về phía Việt Nam trong cuộc chiến chống du kích của bè lũ Pol Pot.

Tất nhiên Mỹ nhập cuộc ủng hộ Chính phủ Liên Hiệp Khmer Đỏ, Hoàng thân Sihanouk và một số đảng khác chiến đấu chống quân xâm lược VNCS và chính phủ tay sai do đám Hun Sen lãnh đạo. Vũ khí, đạn dược, lương thực mà Chính phủ Liên Hiệp nhận được đều do Trung Cộng cung cấp qua biên thủy Thái Lan. Mỹ cùng Anh, Pháp, Trung Quốc ủng hộ chính phủ giữ vững địa vị được công nhận của LHQ tại Hội Đồng Thường Trực Bảo An. Lê dĩ nhiên Liên Xô một trong 5 thành viên, phải bảo vệ chính phủ Hun Sen, vì chính phủ này do CSVN dựng ra. Nhưng thất bại.

Ở thời điểm lúc bấy giờ trước thập niên 90, thế giới được chia ra làm hai phe rõ rệt: Một bên là Mỹ cùng các nước tư bản công nghiệp Tây phương và một bên là Liên Xô với các nước chư hầu Đông Âu và Việt Nam của Lê Duẩn...

Như vậy tránh sao khỏi được việc Mỹ ủng hộ Chính Phủ Liên Hiệp Miên của Pol Pot và ông Hoàng Sihanouk... dù biết rằng những vụ giết người hết sức man rợ của bọn Cộng Sản thời đồ đá này.

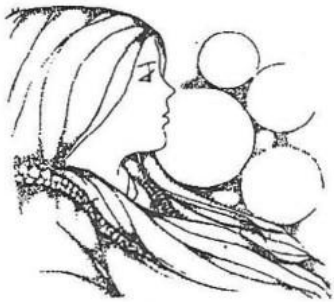
Cả hai phe cùng sử dụng những cái gì dù có trái với lương tâm con người, họ cử làm miên là có lợi cho phe phái họ, nguy danh bằng những mỹ từ: nhân đạo, hòa bình, lương tâm con người v.v...

Có lẽ vì đặt nặng vấn đề nhân đạo mà Andreas Lorenz đã phê phán đích danh Mỹ và Trung Cộng. Nhưng nếu Adreas Lorenz đứng có thiên kiến thì Liên Xô và CS Việt Nam cũng phải gánh một phần trách nhiệm về vụ thảm họa diệt chủng ở Miên. Chính chủ nghĩa CS đã tạo ra những ác quỷ ấy và những kẻ đi trước bọn này như Lenine, Staline và Mao v.v... Dĩ nhiên chủ nghĩa Tư Bản cũng tự bản thân nó chẳng lấy gì làm tốt đẹp cả, nhưng dù sao chủ nghĩa này còn phần nào tin trọng tự do của con người. Trái lại, CS thì tiêu hết mọi quyền tự do cá nhân để thi hành chính sách đại đồng không tưởng.

Ai cũng phải công nhận tự cố chí kim, từ Đông sang Tây, bao nhiêu vụ giết người, cướp nước đều mang một bình phong hết sức tốt đẹp nào là khai sáng một nền văn minh, mở mang cho các dân tộc bán khai và còn nhiều mỹ từ giả dối khác nữa... Các nước ở Phi Châu, Mỹ Châu La Tinh, Á Châu là nạn nhân của những nước mệnh danh khai sáng ấy. Việt Nam cũng chịu số phận đen tối của kiếp sống nô lệ ở cuối thế kỷ thứ 19. Sự thật hiển nhiên của lịch sử thế giới và Việt Nam còn đó. Không một ai có thể phủ nhận được ■

● Thơ Đoàn Công

Nhớ



*Chẳng biết vì sao, nhớ lắm cơ,
Nên anh cầm bút cố làm thơ,
Nhưng sao từ ngữ đi chơi hết,
Xé tờ i xé lui mấy chục tờ!*

*Viết tờ i viết lui mấy chục tờ,
Đọc đi đọc lại chẳng giống thơ!
Suy đi gẫm lại thì anh hiểu,
Có lẽ vì yêu hóa dại khờ!!*

*Chắc chắn rồi anh viết được mờ,
Viết rằng thương nhớ lắm lắm cơ,
Anh thương nè há rồi anh nhớ,
Anh nhớ rồi thương đến ngàn ngơ.*

*Hôm nay nhớ quá lúc đi làm,
Việc đến mà anh chẳng bận tâm.
Thả hồn vợ vẫn qua cửa sổ,
Gió thổi i hồn bay anh đến thăm.*

*Em có nhận ra anh đó không?
Trong cơn gió thoảng thật bàng
khuàng,
Rồi em có cảm rằng hơi thuốc,
Cay mắt như anh đến thật gần.*

THỜI SỰ

Chuyện EURO

Đầu năm 1999, đồng EURO thay thế tiền tệ của 11 nước trong Cộng Đồng Âu Châu. Thế nhưng đó mới là chuyện trên giấy tờ. Qua tới năm 2002, tiền EURO thực sự là tiền tệ chính thức trong các nước đó. Các nước khác sẽ sau. Bài sau đây Từ Nguyên viết cho nhiều báo ở Âu Châu, xin trích đăng lại.

Lúc này ở đâu cũng nghe nói tới đồng "ô-rô" (Euro) là tiền mới sẽ thay cho đồng franc trên nước Pháp. Nhiều nói, giá hàng bắt đầu ghi thêm tiền Euro bên cạnh tiền franc.

Euro thật sự là gì?

- Là tiền mới mà nước Pháp và mười nước khác trong Cộng Đồng Âu Châu đã chọn làm tiền chung. Sống trên đất Pháp, Euro sẽ là tiền chúng ta sắp xài.

Vậy thì Euro sẽ thay thế đồng franc?

- Ủ, đúng như vậy, đồng Euro sẽ thay thế đồng franc. Không những thế, đồng Euro còn thay thế tiền của mười một nước trong Cộng Đồng Âu Châu đã chấp nhận (hay được phép xài) đồng Euro.

Bộ nhà nước Pháp cũng đổi tiền à?

- Nói đổi tiền nhưng không phải kiểu "đổi tiền ăn cướp" bên nhà đầu. Đây là đổi tiền đang hoang mà! Có luật lệ, có thông cáo, có chuẩn bị để cho mọi người có thì giờ kịp đổi và làm quen với tiền mới.

-Nói nghe ổn quá nhưng thôi cũng ráng yên lòng. Mà chừng nào thì đổi đó?

- Ngày đầu năm 2002, đồng Euro và bạc giấy Euro được tung ra để thay thế đồng xu và giấy bạc franc hiện nay đang xài. Từ ngày 4.1.2002 đó, tất cả mọi chuyện buôn bán, tiêu xài, sổ sách, lương bổng v.v..., tất cả, đều phải dùng tiền Euro.

Nói chỉ vậy? Năm hai ngàn hai lặn hả? Ôi, sau năm hai ngàn thì còn quá xa...

- Không đâu! Mình đang ở cuối năm 1998, coi như là sắp qua năm 1999. Thì sau năm 1999 là năm 2000 rồi, từ đây đến đó chỉ còn mười mấy tháng nữa thôi chỗ đâu có xa xôi gì? Còn tới năm 2002 thì cũng chỉ là ba năm nữa, tới liền hà!

Mà người ta nói năm 2000 tận thế, lo làm chi chuyện tiền trong năm 2002 ?

- Tận thế thì khờ ru, khỏi cần lo nghĩ chi nữa, đi lang thang ngắm trời ngắm trăng sướng quá. Bởi không có chuyện tận thế nên nhà nước mới bày đặt chuyện tiền chung, tiền riêng như thế này. Trờ lại chuyện năm 2002. Từ đầu năm đó, ra đường thấy có hai thứ tiền, tiền franc cũ đang bị đổi và thu vào dần, và tiền Euro càng ngày càng ra nhiều hơn.

Xài hai thứ tiền một lần luôn, chỗ không phải thu vào cái rụp...

- Không! Cũng phải chờ một thời gian. Trước thì cho tới đầu tháng bảy năm 2002 nghĩa là kéo dài trong sáu tháng. Trong sáu tháng đó, còn thì tiêu hay liệu mà đổi đi. Cái mệt là trong sáu tháng đó, nhà buôn phải có cả hai thứ tiền để buôn bán với khách hàng, tiền franc cũ đang còn xài và tiền Euro mới lẫn lộn.

Ví dụ như đưa ra 100 F có thể đòi thối lại bằng tiền franc hay đưa ra 100 Euro cũng phải thối lại bằng Euro?

Đúng như vậy. Thấy mệt cho nhà buôn quá, nhà nước cho rút lại thời gian xài chung cả hai thứ tiền đó: Thay vì sáu tháng nay chỉ còn lại sáu tuần thôi.

Nghĩa là làm sao?

Nghĩa là từ đầu năm 2002, mọi người phải lo mà đổi tiền Euro. Cho tới ngày 11 tháng hai 2002 thì còn xài tiền franc. Sau ngày 11 tháng hai 2002 thì hết còn xài tiền franc được nữa. Từ đó, chỉ có đồng Euro mà thôi.

Nếu đổi không kịp thì sao?

- Sau ngày hết hạn mà vẫn còn tiền franc mà muốn đổi, tới Ngân Hàng Quốc Gia Banque de France mà đổi. Nếu còn nhiều chủ một hai tờ giấy 200 F thì giữ làm kỷ niệm, đôi khi sau này bán có lời nữa là đằng khác.

Thời đứng xúi dãi. Hai trăm, năm trăm cũng là tiền, vất vả và mệt có... Thế làm sao biết được một đồng tiền mình đang xài ăn mấy đồng Euro?

- Phải chờ đến đầu năm 1999, đúng là ngày thứ hai 4.1.1999 mới biết được một đồng franc (hay Mark hay Florin...) đổi được bao nhiêu Euro. Nói 6,6 F một Euro là đưa ra một con số giả tưởng để làm ví dụ giải cho dễ hiểu mà thôi. Dù vậy, con số lẻ không hơn không kém nhau mấy. Nghĩa là 6,6F được một Euro.

Thế tại sao nhà nước Pháp không tính franc được nhiều Euro hơn, như là 1 F là 1 Euro, có phải đỡ khổ không?

- Đâu có được! Mười lăm nước xúm nhau mà tính chỗ đâu có phải để cho Pháp muốn tính sao thì tính đâu. Mà Pháp cũng biết phận mình rồi! Cũng phải 6 F mới được một đô-la đó. Vậy giá 6,6 F một Euro là chuyện tất cả mọi người đồng ý, mình không thể thêm cũng không thể bớt được.

Như vậy có nghĩa là gia tài mình bỗng nhiên mất đi tới 5 phần, còn 1/6 ?

- Không phải vậy. Còn y nguyên mà. Mà nếu nói như vậy thì cả thế giới nếu ai có tiền franc đều cũng như thế chỗ riêng chỉ mình mà lo?

Tóm tắt lại, kể từ đầu năm 2002, mình sẽ dùng tiền Euro. Trước năm 2002, khỏi thắc mắc chi cho mệt xác, nói vậy có đúng hay không?

- Đúng. Tuy nhiên... Ở đời này rắc rối là ở hai chữ "tuy nhiên..."

Tuy nhiên làm sao?

- Tuy nhiên từ đầu năm tới, nếu làm thương mại, ai đưa tiền Euro mình phải nhận. Từ 1.1.99 đến 1.1.2002 có nguyên tắc này: không bị bó buộc, cũng không bị cấm dùng tới. Cho nên bị coi như là xài Euro rồi đó ●

Ý biên chiều Thu

Thương kính tặng Chị Văn Nương

*Biển chiều thu, ý mệnh mang
Cố trăng tỉnh thức, dịu dàng...
trăng thu*

*Luân hồi bao kiếp phù du
Người vào định quán tâm tư nhẹ
nhàng*

*Trần gian khổ ải gian nan
Nhất tâm hướng Phật lòng tan não
phiền*

*Thương người lưu lạc trích tiên
Thảo trang u tịch phải miền Văn
Nương*

*Thư bát tạn ngôn! Ngàn chương
Viết gì! Chỉ một chữ Thương Cảm
nhiều*

*Chiều thu nắng đỏ xiêu xiêu
Gửi về phương chị ít nhiều cảm
thông*

*Đời là Sắc Sắc, Không Không
Chấp tay niệm Phật để lòng thanh
thời*

*Viễn phương mây trắng đầy trời
Nguyện cầu Phật độ chị vui muộn
phiền*

*Đạo vàng màu nhiệm vô biên
Trăng xanh ý Đạo diệu huyền trăng
thu*

*Nghe lòng lắng tĩnh trầm tư
Chị thương, gửi Chị ý thu tịnh nhàn
Kính Hoa vi diệu hàng hàng*

Con Đường Lý Tưởng () bát ngàn
hương dương*

*Cầu xin Cam Lộ nhanh dương
Thấm nhuần ba cõi mười phương
hòa hài*

Nam Mô Thích Ca Như Lai...

● Tuệ Nga

Oregon Mùa Thu 1998

(*) Thi tập Con Đường Lý Tưởng của Nữ sĩ Văn Nương

Một cuộc chiến trầm lặng ám ảnh Việt Nam

Bài viết dưới đây cho thấy Hà Nội tiếp tục chính sách thù hận, chia rẽ và kỳ thị của họ đối với chính những người dân của mình như thế nào, mặc dầu những lời kêu gọi hòa giải và quên quá khứ "hãy cho qua những gì đã qua". Hà Nội đã hòa giải với Hoa Kỳ, kẻ thù của mình, chỉ vì những đồng đô-la mà thôi.

David Lamb
Ban Biên Tập "TIMES"
Thứ sáu 17.7.1998

Biên Hòa, Việt Nam - Tất cả ngoại trừ những bóng ma đã lìa bỏ cái nghĩa trang của thời chiến ở tại nơi này, chẳng có những người thân đến thăm viếng. Bức tường đài vinh danh những người chết vẫn còn dang dở đứng đó. Ngôi chùa dành cho gia đình những người cũng bái váng tanh như ngôi "Chùa Bà Đanh". Có rêu mọc hoang dại giữa những nắm cỏ, và những mộ bia nằm lán lóc vương vãi khắp nơi.

Một thế hệ trước đây, khi những người lính trai trẻ này chết, những bà mẹ bị mất con lồng những bức ảnh của họ vào các tấm mộ bia. Một điều đáng ngạc nhiên là nhiều bức ảnh vẫn không bị phai mờ. Những gương mặt - mắt sáng, râu mày nhẵn sạch, tự hào - trông rất giống những gương mặt của những người trai trẻ ta thấy trên các đường phố Hà Nội ngày nay.

Ngay cả các tên họ được đục khắc trên những tấm bia đá hoa cương ở đây trong miền Nam Việt Nam này cũng không khác gì với các tên họ người ta có thể nhìn thấy được trong các nghĩa trang bộ đội ở miền Bắc và ở các miền Cao Nguyên (Nhưng ở những nơi đó lại được các trẻ em và các tổ chức bộ đội phục viên chăm sóc cẩn thận): Nguyễn Văn Thèm, Đỗ Văn San, Phạm Hiến, tất cả được chôn vào lúc tuổi đời mười.

Nhưng có một sự khác biệt lớn. Các nghĩa trang miền Bắc được dành cho những người lính chết trận của quân đội chiến thắng của miền Bắc. Và cái khoảnh đất rộng lớn, tiêu điều này, cách

Sài Gòn 45 phút chạy xe, là nơi những kẻ chiến bại nằm xuống - những người đã chiến đấu cho Việt Nam Cộng Hòa, như miền Nam được gọi tên cho đến ngày sụp đổ của nó năm 1975.

Sự tương phản giữa các nghĩa trang trong một thời của hai miền khác nhau về ý thức hệ, đã ghi một dấu gạch dưới của sự xung đột không được nói lên trong trái tim của Việt Nam về câu vấn nạn như thế nào - hoặc nên chăng - để lãng quên quá khứ. Trong nhiều cách, Hà Nội đã có một thời gian dễ dàng hơn để bắt tay với kẻ cựu thù Hoa Kỳ hơn là với những người anh em của họ đã chiến đấu cho miền Nam.

Từ một làng gần bên cạnh, Nguyễn Tấn Trung, 25 tuổi, cưỡi chiếc xe đạp của mình đến nghĩa trang. Anh đạp xe dọc theo một con đường đất bùn bẩn thỉu đầy dấu bánh xe một thời được trồng những cây liễu xinh tươi nhưng giờ đây cần cỗi và sạch nhẵn những cây. Trên đường đi, anh vượt qua một nhà máy vô nước chai vừa mới được xây cất gần đây trên bờ rìa của khoảnh đất linh thiêng này.

Được hỏi tại sao nghĩa trang bị bỏ hoang phế, Trung đáp: "Có ai thèm ngó ngang gì đến chỗ này? Nó thuộc về thời trước 1975".

Người dân miền Nam không phải là những người Cộng Sản trung kiên - gần hết là như thế. Họ nói đến mọi việc trong lịch sử hiện đại như thuộc về một trong hai thời kỳ khác nhau: "Trước 1975", khi chiến tranh còn hoành hành giữa miền Nam và miền Bắc, hoặc là "sau 1975", khi người Mỹ cuốn gói ra đi và Sài Gòn rơi vào tay những lực lượng Cộng quân miền Bắc.

Khi chiến tranh Phân Ly của Hoa Kỳ chấm dứt, Tướng Grant cho phép những binh sĩ bại trận của Tướng Lee đem theo ngựa và lừa đi về của họ trở về quê quán để lo trồng trọt mùa gặt mới. Những kẻ chiến thắng ở Việt đã không ban cho một sự tha thứ như thế. Trong nhãn quan của họ, những tử ngữ "danh dự" hoặc "yêu nước" là một điều trái ngược trong việc mô tả một người lính của miền Nam.

Không giống như Hoa Kỳ của 1865. Hà Nội không bao giờ nhìn nhận rằng cuộc xung đột Bắc-Nam của họ là một cuộc nội chiến. Cuộc xung đột, Hà Nội khẳng định, là một cuộc chiến tranh giải phóng để giải thoát nhân dân miền Nam khỏi nanh vuốt của các chế độ độc tài và tham nhũng ở Sài Gòn và những quân xâm lược ngoại quốc.

Quân Cộng Sản miền Bắc, tràn ngập miền Nam vào mùa Xuân 1975 trong những ngày cuối cùng của cái mà Hà Nội gọi là "Chiến Tranh của Đế Quốc Mỹ", đã hủy hoại sự linh thiêng của nghĩa trang quân đội này. Luyến tiếc nó bị coi như là một sự nhục nhã dân tộc. Các gia đình của những người được chôn cất ở đó

không muốn nhìn nhận sự liên hệ của họ đối với miền Nam cũ, và những kẻ trung thành với Hồ Chí Minh phân những người chết trận đó ra làm hai nhóm khác nhau rõ ràng: "liệt sĩ" từ miền Bắc và "ngụy" từ miền Nam.

Các bà mẹ của những bộ đội miền Bắc chết trận được Hà Nội cấp cho một lần tiền tử tuất tương đương với 272 Mỹ kim và tiếp tục lãnh mỗi tháng 21 Mỹ kim tiền hưu và bảo hiểm y tế miễn phí. Các bà mẹ của những lính chết trận miền Nam hoàn toàn không được gì cả. Những bà mẹ miền Bắc được tôn vinh như là những "Mẹ Anh Hùng"; trong lúc sự mất mát của những bà mẹ miền Nam đã không hề được thừa nhận.

Trên 400.000 sĩ quan và binh lính miền Nam đã bị đưa đến những trại cải tạo "sau 1975", thi hành những bản án tù lao động (những không được xét xử) từ một vài tháng đến 17 năm trời. Trên 1,5 triệu người khác bị cưỡng bách đi các vùng "Kinh Tế Mới", một thảm họa khiến Việt Nam gần kề nạn chết đói vào năm 1986, bắt buộc Hà Nội phải mở cửa cho đầu tư ngoại quốc vào.

Bị loại ra khỏi dòng đời, những người trước kia đã phục vụ hoặc ủng hộ miền Nam không bao giờ bắt kịp cuộc sống mới trở lại nữa. Cái chờ đợi những kẻ sau rốt được phóng thích khỏi các trại cải tạo và các vùng Kinh Tế Mới là những công việc như đập xích-lô hoặc khiêng vác gạch ở một công trường xây dựng, và nếu họ bị tụt nguyên, một góc đường xin ăn. Hầu hết những chỗ làm trong các cơ quan nhà nước và trong kinh doanh đều tiếp tục do những đảng viên nắm giữ, hoặc ít ra bởi những người trung thành với miền Bắc.

Dẫu sao, cũng có một số những người trước đây ủng hộ miền Nam đã cải thiện một cách đáng kể trong những năm gần đây. Nhiều người đã tiến được lên những chức vụ kinh doanh cao hoặc một ghế ngồi trong Ủy Ban Nhân Dân quản lý mọi phương diện của cuộc sống. Ngay cả một cá nhân đã trở nên Dân Biểu tại Quốc Hội.

Một cách chính thức, ít ra, sự kỳ thị đối với những người đã chiến đấu cho miền Nam không còn nữa, bởi vì Hà Nội tin rằng những "kẻ phạm tội" đã sửa mình do quá khứ sai lầm của họ. Nhưng như một viên chức ở Hà Nội đã nói: "Chúng tôi không thể làm việc này với giới lãnh đạo già chúng tôi có hiện nay. Chúng tôi phải chờ đến thế hệ tới".

Các nhà tổ chức cuộc đua xe đạp 1.200 dặm Hà Nội - Sài Gòn dành cho những cựu bộ đội miền Bắc và cựu chiến binh Hoa Kỳ hồi tháng giêng năm nay đã cố thuyết phục Hà Nội cho phép những cựu quân nhân QLVNCH của miền Nam cũ được tham dự thi tài, chỉ hoài công.

Cũng như các nhà ngoại giao Hoa Kỳ đã thất bại trong đề nghị việc tìm kiếm trên 300.000 binh lính Việt Nam còn bị ghi như mất tích trong lúc thi hành nhiệm vụ nên được nổi rộng cho cả những quân nhân của miền Nam cũng như của miền Bắc.

Báo chí và truyền hình do nhà nước kiểm soát thường xuyên phổ biến hình ảnh những bộ đội mất tích đang được thân nhân và gia đình của họ tìm kiếm. Quân đội hướng dẫn các gia đình đến những bãi chiến trường cũ và giúp họ tìm tòi những hài cốt. Nhưng chiến dịch chỉ dành một cách độc nhứt cho những đứa con mất tích của miền Bắc mà thôi.

Trong những tuần lễ đầu "sau 1975", các gia đình những quân nhân QLVNCH tử trận hoặc bị mất tích đã đốt bỏ hết những di vật quý giá nhứt - hình ảnh, sổ quân bạ, thư từ - của chồng, con đi lính của họ, hơn là lo sợ bị tố cáo có liên hệ với chế độ Sài Gòn cũ. Cho tới ngày gần đây, Nguyễn Thị Lệ, 51 tuổi, mới nói về người chồng mất tích của mình trong chiến tranh 23 năm trước đây.

Lệ sống chen chúc với mười hai người con và cháu trong một..... của chánh phủ ở ven đô Sài Gòn từ 1970 đến nay. Hiện giờ chị hãy còn nợ hai năm thuê nhà, mỗi tháng 5 Mỹ kim, và thường xuyên gặp khó khăn trong việc tìm ra đủ tiền cho những chén cơm gia đình sắp tới.

Lệ nói về cái ngày, sau đám cưới ba năm, khi người chồng 25 tuổi của chị, Trương Văn Hai, rời khỏi căn nhà hai phòng để gia nhập một đơn vị pháo binh QLVNCH. "Chúng tôi chỉ ôm nhau và nói lời từ biệt khi anh ấy ra đi", chị nói. "Chị có thể".

Hai viết một cách trung thành và đều đặn mỗi tháng (Thư ngày 10.6.1973: "Thời gian đi nhanh quá, phải không cưng? Anh đang ở ba tháng ngoài mặt trận. Anh rất buồn vì đời chúng mình quá xa cách nhau")

Sau đó những lá thư không đến nữa, và một ngày vào tháng 11.1973, một sĩ quan QLVNCH đến gõ cửa nhà chị, mang theo một điện tín từ đơn vị của Hai. Trương Văn Hai đã mất tích trong một trận tấn công của quân địch.

"Đời tôi kể như đã hết", Lệ nói. "Tôi vẫn chờ đợi, nghĩ rằng anh ấy sẽ trở về, nhưng ngày tháng đến rồi lại đi, và bây giờ các con tôi đã lớn, và tôi vẫn ở đây, đợi chờ".

Không giống các láng giềng, Lệ giấu những thư từ và hình ảnh của chồng trong một xô bếp, bọc cẩn thận trong một bao plastic. Chị không biết chồng ngã gục nơi nào, cũng như không biết chồng chết ra sao, có được cầu siêu đúng theo nghi thức mai táng Phật Giáo hay không. Chị rất muốn đi tìm hài cốt của chồng,

chị nói, nhưng việc đó đòi hỏi quá nhiều tiền để đi đường và ăn uống. Lệ nói 10 năm trước đây có lẽ chị không bao giờ dám nói với một người lạ về chồng của chị đã chiến đấu chống lại miền Bắc nhưng ở Việt Nam ngày nay, chị không còn sợ chánh quyền nữa.

"Tôi có nghe những góa phụ miền Bắc được lãnh hưu bổng và những bà mẹ các bộ đội bị chết hay bị mất tích được gọi là "mẹ anh hùng liệt sĩ", chị nói: "Nhưng ở đây chúng tôi không là gì cả. Những chồng và con chúng tôi bị coi như là những kẻ phản nước" ●

● Nguyễn Thiện (Comb-La-Ville)

Tuyên phòng thủ cuối cùng

Gần đây khi chủ nghĩa Cộng Sản đã bị sụp đổ gần như toàn bộ thì người Cộng Sản Việt Nam đã cố tìm cách cứu vãn tình thế bằng cách đưa ra lập luận: "Cho rằng đảng CS có trăm điều tồi đi nữa thì ít nhất đảng cũng đã làm được một điều tốt là đã giành được Độc Lập cho Tổ Quốc". Đây chính là tuyên phòng thủ cuối cùng của người CSVN với hy vọng là có thể nhờ nó mà vớt vát được phần nào uy tín. Ấy thế mà chúng cũng đã thành công được ít nhiều, vì người mình phần vốn dễ tính, phần do không rõ bản chất cùng lịch sử hình thành của Cộng Sản Quốc Tế nên đã "xi xái" chấp nhận ngay biện này mà không biết rằng như thế là đã mắc bẫy, vô tình vào hùa với CS. Vậy để khỏi bị CS phỉnh gạt ta phải tìm hiểu lịch sử hình thành của chúng.

Trong tập tài liệu "Tuyên Ngôn Của Đảng Cộng Sản" -thánh kinh của tất cả những người CS trên thế giới- Karl Marx đã viết huych toẹt ra rằng "Người Vô Sản Không Có Tổ Quốc" (mọi người Quốc Gia cần phải nhớ rất kỹ điều này). Do đó mà mọi tổ chức Mác-xít đều được xây dựng trên căn bản quốc tế như: Đệ Nhất - Đệ Nhị - Đệ Tam - Đệ Tứ Quốc Tế hoặc Quốc Tế Thợ Thuyền, Quốc Tế Cộng Sản. Các đảng Mác-xít quốc gia đều chỉ là những "Phân Bộ" của Tổ Chức Quốc Tế mà thôi. Cũng vì thế mà đã có thời Đảng Xã Hội Pháp có tên tắt là SFIO, khiến người Việt mình đọc trại ra là Xách-Dép Đi Ô, tức Section Française de l'Internationale Ouvrière, còn Đảng Cộng Sản Pháp là SFIC, tức Section Française de l'Internationale Communiste. Một khi đã chỉ là một Phân Bộ của Tổ Chức Quốc Tế thì đương nhiên là họ phải đặt quyền lợi của Quốc Tế trên quyền lợi quốc gia của họ rồi. Nói cách khác, họ phải là người Cộng Sản trước khi là người Nga, người Pháp hay người Việt.

Trước tháng 3.1919 trên thế giới chỉ có Quốc Tế Thợ Thuyền tức Quốc Tế II, đang xuống dốc vì bị mất uy tín trầm trọng nhân thế chiến I.

Lúc bình thường thì người ta rất dễ nói bành là mình sẵn sàng đặt nợ nước trước tình nhà, nhưng đến khi nước lâm nguy mà nhà lại bốc cháy cùng một lúc thì thường tình ai cũng lo cứu nhà mình trước còn nước cứu sau: "Charity begins at home" mà. Khi cuộc thế chiến I bùng nổ, các Đảng Xã Hội của các nước tham chiến phần nhiều đều đã xử sự theo tâm lý thông thường này - nghĩa là họ đã ủng hộ chính quyền nước họ, bất kể chính quyền đó là Quân Chủ hay Tư Bản-. Để biện hộ cho hành động không Quốc Tế tí nào đó của mình, họ đã gọi nó là "Sự Kết Hợp Thiêng Liêng" (l'Union Scree). Họ cho rằng khi Tổ Quốc lâm nguy thì chính kiến với chủ nghĩa gì cũng phải dẹp sang một bên để lo cứu nước trước đã.

Một vài Đảng Xã Hội khác - chủ yếu là các Đảng của các nước không tham chiến - đã chỉ trích mạnh mẽ; cho rằng làm như thế là phản lại lý tưởng Quốc Tế vì rõ ràng nó mang tính cách Sô Vành. Chính Karl Marx đã chẳng nói quá rõ trong bản tuyên ngôn của đảng Cộng Sản là "Người Công Nhân Không Có Tổ Quốc" đó sao?

Lénin là người đã kích mạnh mẽ nhất thuyết "Kết Hợp Thiêng Liêng"; mà đã đã kích tất phải đưa ra cái gì để thay thế nó chứ, chứ không lẽ chỉ đá kích xuống sao? Và Lénine đã đưa ra thuyết "Chủ Bại Cách Mạng" -xin nhớ kỹ mấy chữ "Chủ Bại Cách Mạng" này cho (Défaitisme Révolutionnaire)- để chống lại thuyết kết hợp thiêng liêng. Chính trong bối cảnh này mà Lénine này ra tư tưởng phải thành lập một Quốc Tế mới thay thế cho Quốc Tế II mà Lénine cho rằng đã không còn xứng đáng là một Tổ Chức Quốc Tế nữa.

Mà thế nào là "Chủ Bại Cách Mạng"? - Khi nước mình còn bị lãnh đạo bởi một chính quyền Phản Động, hoặc Quân Chủ, hoặc Tư Bản, hoặc là gì gì đó không phải là Cộng Sản- thì người cộng sản phải có bốn phận lật đổ chính quyền đó, phải đẩy nó vào thế bại vong dù trước một lực lượng ngoại xâm. Đẩy nó vào thế

Bại, làm cho nó phải Bị để mở đường cho một chính quyền Cộng Sản sẽ thay thế nó sau này, dù cho Tổ Quốc có vì thế mà phải trải qua một thời kỳ bị ngoại bang thống trị: đó chính là "Chú Bị Cách Mạng".

Vì chủ trương như thế mà Lénine đã không hề ngần ngại nhận làm tay sai cho Đức để phá hoại tiềm lực chiến tranh của chế độ Sa Hoàng. Sống ở Zurich - Thụy Sĩ, Lénine đã nhận tài trợ của Đức để tổ chức đạo quân thứ Năm nhằm phá hoại chính Tể Quốc của mình đang tham chiến. Đầu năm 1917, sau khi cuộc Cách Mạng Tháng Hai đã nổ ra tại Nga, Lénine đã hết hoảng sợ lâm vào hoàn cảnh "Trâu Chạm Uống Nước Đục" nên phải nhờ nước Đức tiếp tay: Ngày 9 Avril 1917, một chuyến xe lửa đặc biệt của quân đội Đức đã đưa bầy đàn của Lénine gồm 32 mạng tử Zurich đi xuyên qua nước Đức đến hải cảng Sassnitz trên bờ biển Baltique để từ đó dùng đường biển rồi đường bộ về Nga hầu có thể hoạt động cho Đức hữu hiệu hơn với đạo quân thứ Năm của y!

Khi còn ở nước ngoài đã được nước Đức tài trợ rồi lại được chính nước Đức đưa về nước mình bằng phương tiện quân sự đặc biệt chạy xuyên ngang chiến địa, những ta dửng dưng vì thế mà kết tội Lénine là phản quốc mà... đại mặt, Nói như thế thì y sẽ có thể mắng lại ta rằng: "Đồ ngu! bọn CS chúng tao đâu có Quốc mà phản chủ. Chính cụ Mác đã chẳng dạy rằng người công nhân không có Tổ Quốc đó sao; mà đã không có thì thử hỏi phản cái gì đây?"

Cũng chính vì thấy là mình thực sự không có Tổ Quốc -tổ quốc của người CS là Quốc Tế Vô Sản, là Thế Giới Đại Đồng gia- nên Lénine mới dám ký Hiệp ước Brest Litovst ngày 3.3.1918 nhường số sơ cho Đức: 1/4 lãnh thổ, 44% dân số, 1/3 mùa màng, 27% lợi tức quốc gia (80% sản lượng đường, 73% sản lượng thép, 75% sản lượng than) chỉ cốt để cho đảng CS còn trụ được. Trong vụ chấp nhận Hiệp ước bán nước Brest Litovst, có rất nhiều đồng chí thân cận của Lénine đã không thể đồng ý được với y chỉ vì họ chưa đủ Tiến Bộ, còn thấy nước Nga là tổ quốc thiêng liêng của họ, còn chưa chấp nhận nơi thuyết Chú Bị Cách Mạng nên còn đau lòng khi thấy tổ quốc bị cắt sén tới bời.

Kể đó Lénine đã dựng ra một Đại Hội gọi là quy tụ các đảng CS và Xã Hội cánh tả trên thế giới tại Moscou từ ngày 2 đến ngày 6.3.1919 để khai sinh ra cái gọi là Quốc Tế III hay Quốc Tế Cộng Sản. Trong Đại Hội này đã có cả thầy 51 người tham dự (kể cả những người đã đến sau ngày khai mạc và phải đi trước ngày bế mạc). Đã thế mà số người thực sự có tư cách đại diện lại chẳng là bao: một đến từ Đức, hai đến từ Áo, một đến

từ Thụy Điển, một đến từ Mỹ nhưng không được đảng nào ủy nhiệm và một đến từ vùng Balkan mà không thực sự đại diện cho ai; số còn lại phần nhiều là hàng "nội hóa" (tức là được tuyển mộ và xây dựng ngay trong số các tù binh đang bị giam giữ tại Nga lúc đó) cùng "ngụy hóa" (tức là cử được coi là đại diện cho dân tộc họ). Khi đã có sẵn trong tay hai triệu tù binh bao gồm nhiều quốc tịch thì việc tạo dựng ra một số đảng chủ hầu nào có khó gì đâu. Đại Hội thành lập này đã đưa ra 21 điều kiện để bắt buộc những đảng nào muốn gia nhập Tổ Chức Quốc Tế III phải chấp nhận, trong đó có điều kiện là phải coi những mệnh lệnh của Quốc Tế là Tuyệt Đối, Tối Thượng (mục đích là để chặn trước nạn xé rào theo chiều hướng Kết Hợp Thiêng Liêng, ai vì nước ấy); do đó mà đã gia nhập Quốc Tế III là coi như đã bán linh hồn cho họ rồi.

Quốc Tế III đã được sinh ra trong hoàn cảnh và bối cảnh đặc biệt như vậy đó. Điều mà chúng ta phải nhớ nằm lòng là trong Tuyên Ngôn Cộng Sản chính Karl Marx đã viết "Người Công Nhân Không Có Tổ Quốc" còn Lénine thì đã đã kích thuyết "Kết Hợp Thiêng Liêng / Ai Vì Nước Nấy" để rồi đưa ra chủ trương là người CS phải biết và phải dám thi hành đường lối "Chú Bị Cách Mạng" khi cần để dừng bao giờ tin là người CS biết yêu nước. Đã biết yêu nước tức họ đã không còn là CS nữa, hoặc đã theo CS mà không biết rõ bản chất CS: thủ CS theo đuôi, mù lòa, mê muội!

Nếu ta chê Lénine là phản quốc tất ta sẽ bị mắng, còn nếu ta khen Hồ Chí Minh là đã có công cứu quốc thì sao? Thì cũng bị chê là kém thông minh luôn, vì: đã không có Quốc thì không có phản mà cũng không có cứu. Hồ Chí Minh chỉ cố mở mang lãnh thổ cho Quốc Tế Cộng Sản thôi. Nếu Hồ Chí Minh còn nhận nước Việt Nam là Tổ Quốc của mình tất y đã không phải là con cháu Mác và cũng đã không khoác lác "Bác đưa một nước qua nô lệ. Tôi đất năm châu đến đại đồng" (để tôn trọng sự thực lịch sử không biết ta có nên sửa giùm cho ông ta thành "Bác đưa một nước qua nô lệ. Tôi đất em Xuân đến suốt vàng" không?) và đã không hát "Lúc Đế Quốc đang sắp tan rã dần. Ta tiên phong chiến đấu. Sức chiến đấu đi xuống miền Đông Nam. Lúc Đế Quốc đang tan" (khi mới ra mắt trình làng, ông ta đã đập ngực khoe mình được Quốc Tế ủy nhiệm xây dựng / lãnh đạo phong trào CS trong toàn vùng Đông Nam Á -tử Việt Nam đến Nam Dương- vì thế mới có mấy câu trên trong bài ca chính thức của tổ chức Cộng Đoàn CS). Cũng may là Liên Xô sớm "sụm", nếu không tất đã có thêm không biết bao nhiêu thanh niên Việt Nam phải lót đường cho CS "đi xuống miền Đông Nam" như họ Hồ đã ước mơ!

Nghĩa Vụ Quốc Tế mà!!! Khi đã mở "Thế Giới Đại Đồng" tất y chỉ rình/chờ cơ hội để phá tan biên cương hầu sát nhập nước Việt Nam vào Tổ Quốc Số Viết của y thôi. Vậy ai khen Hồ Chí Minh có công cứu quốc mà có bị mắng thì cũng chẳng oan gì.

Tất cả người hỏi: Nếu thế thì cái chiêu bài "Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc" này đã trúng ra từ nửa thế kỷ nay bộ không có nghĩa lý gì sao? Xin được trả lời là: CS lượm được chính quyền ngày 19.8.1945 thì theo lịch trình Quân Đội Trung Hoa Dân Quốc sẽ vào Bắc Việt ngày 9.9.1945 để giải giới quân đội Nhật. Trong tình trạng "Tang Gia bối rối" CS đã tổ chức lễ Tuyên Ngôn Độc Lập như một "đám cưới Chạy Tang" cốt ý chỉ trong vòng 21 ngày đặt được Quốc Tế trước một việc đã rồi (ván đã đóng thuyền, gạo đã thành cơm) và CS đã mách khỏe đưa ra khẩu hiệu "Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc", đâu phải để rồi sẽ áp dụng cho dân mà chỉ là để một tuần lễ sau đó có thể ôm hôn thắm thiết tướng Lữ Hán mà thò thè rằng "Nị Ngộ Tồồng chế lỗ, Sám Coọc Chủ Dzi lỗ" (ông vôi tôi đồng chí mà, cùng tam dân chủ nghĩa cả mà): rồi đã lỗ để thi để luôn; ngoài củ treo đầu dê mà trong củ bán thịt chó cũng có sao đâu. Thế gian tin Bọm mất bọ; Tin vào bánh vẽ có no bao giờ!

Liên hệ giữa các lãnh tụ CS quốc gia với lãnh tụ CS quốc tế cũng chỉ là sự rập khuôn của mối liên hệ giữa các vua chư hầu và ngôi Thiên Tử độc tôn và độc đoán. Đã có không ít các lãnh tụ CS quốc gia bị triệu đến châu hầu nơi Thiên Triều Đò để có người chỉ bị sỉ và số số (mỹ tử là xây dựng) có người bị giữ lại tại khách sạn Lux một thời gian để sau khi đã phải van xin gây lủi mới được cho về nước nhận lệnh khai trừ đảng tịch và cũng còn có người được tiêu dao miền "Goulag" luôn kia.

Đã có Thiên Triều Đò tất phải có Thái Thú Đò (tức đại diện của quốc tế bên cạnh các đảng quốc gia). Trung Hoa đã gửi sang đất Giao Chỉ những Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp hay Tô Định để rồi phải nhận quả báo là những Thái Thú Đò Gregory Voitinsky, Michel Borodine, Maring, Ott Braun v.v... Có điều cho đến bây giờ chưa biết họ Hồ đã phải công bao nhiêu ông Thái Thú !?

Trong tác phẩm Giọt Nước Trong Biển Cả (trang 60), tác giả Hoàng Văn Hoan đã viết: "Thế rồi, vào khoảng đầu tháng 9.1929, Bác (tức Hồ Chí Minh) rời khỏi Xiêm đi gặp Đông Phương Cục Quốc Tế Cộng Sản để xin ý kiến, được Đông Phương Cục giao nhiệm vụ thống nhất các nhóm CS Việt Nam". Còn trong tác phẩm Mật Thập (trang 243), tác giả Bùi Tín viết: "Ông Nguyễn Đức Bình là Phó hiệu trưởng trường Nguyễn Ái Quốc được đưa lên Hiệu trưởng từ năm 1985. Năm

1987, ông cầm đầu một đoàn cán bộ lý luận sang Liên Xô để trao đổi ý kiến về dự thảo cương lĩnh mới của đảng, chuẩn bị cho Đại Hội 7 của đảng. Trong khi trao đổi ý kiến với phía Liên Xô, các quan điểm chủ quan, giáo điều của bản dự thảo đã bị cán bộ Liên Xô phê phán và yêu cầu loại bỏ..." Chỉ hai đoạn văn này của hai đảng viên kỳ cựu đã đủ cho ta thấy rõ thân phận tay sai/ chú hầu của CS Việt Nam và như thế là ngày 19.8.1945 đã chỉ đem đến cho dân ta một "sự dịch chủ tể nô" thôi. Vậy mong rằng từ nay sẽ không còn ai ngộ nhận là CS đã đem lại được Độc Lập cho Tổ Quốc nữa khi đã biết là người CS rõ ràng không cợ Tổ Quốc ●

Phụ đính
"bonze Père le Vantard"

Trong bài này, bị nhân đã mạo muội sửa năm chữ trong bài thơ của Hồ Chí Minh nên cũng xin được trình bày rõ về bối cảnh đã khiến tác giả ứng khẩu ra bài thơ độc địa này.

Mùa thu năm 1945 sau khi đã lượm được chính quyền vào tháng 8 đường lịch thì nhân lúc "đắc chí" Hồ Chí Minh đã đến thăm đền Kiếp Bạc (nơi thờ đức Thánh Trần) nhân kỳ hội thường niên vào tháng 8 âm lịch, và trong dịp này, ông ta đã ứng khẩu làm ra được bài thơ như sau:

Xưa, nay tôi, bác cũng anh hùng,

(câu này quên, ai nhớ, nhắc giùm)

Bác đuổi quân Nguyễn thanh kiếm bạc,

Tôi xưa giặc Pháp ngọn cờ hồng.

Bác dũa một nước qua nô lệ,

Tôi dất năm châu đến đại đồng.

Bác có linh thiêng cửoi một tiếng,

Mừng tôi cách mạng đã thành công.

Khi đọc xong bài này ông cụ thân sinh ra bị nhân bèn nổi nóng xé nát tờ giấy rồi phán một câu xanh đờn: "Bonze Père le Vantard" làm bị nhân đứng ngẩn người ra, không hiểu nghĩa là gì, nên mon men đến hỏi: Bố nói thế nghĩa là gì?

Thế là bị ông bố cú cho một cái tát hòa tam tinh (ông cụ đang giận cá nên tưởng đầu bị nhân là cái thớt mà) rồi hét lên rằng:

- Đồ ngu, có thế mà không hiểu; cho mày đi học thật uống cơm. Bonze là gì biết không?

- Dạ biết, là ông Sư ạ.

- Còn Père là gì?

- Là ông Cha ạ

- Vậy Bonze Père le Vantard là Sư cha thằng nói khoác chú còn gì nữa. Có thế mà không hiểu, đồ ngu!

Rồi để chấm câu, bố bị nhân lại bồi thêm cho một cái tát nữa. Vì được mắng hai lần là "đồ ngu" lại được lãnh một cú rồi một tát nên bị nhân nhỏ nằm lòng câu thành ngữ tiếng Tây Ba Rọi "Bonze Père le Vantard" là "Sư cha thằng nói khoác" mãi cho đến bây giờ và do đó nhỏ luôn

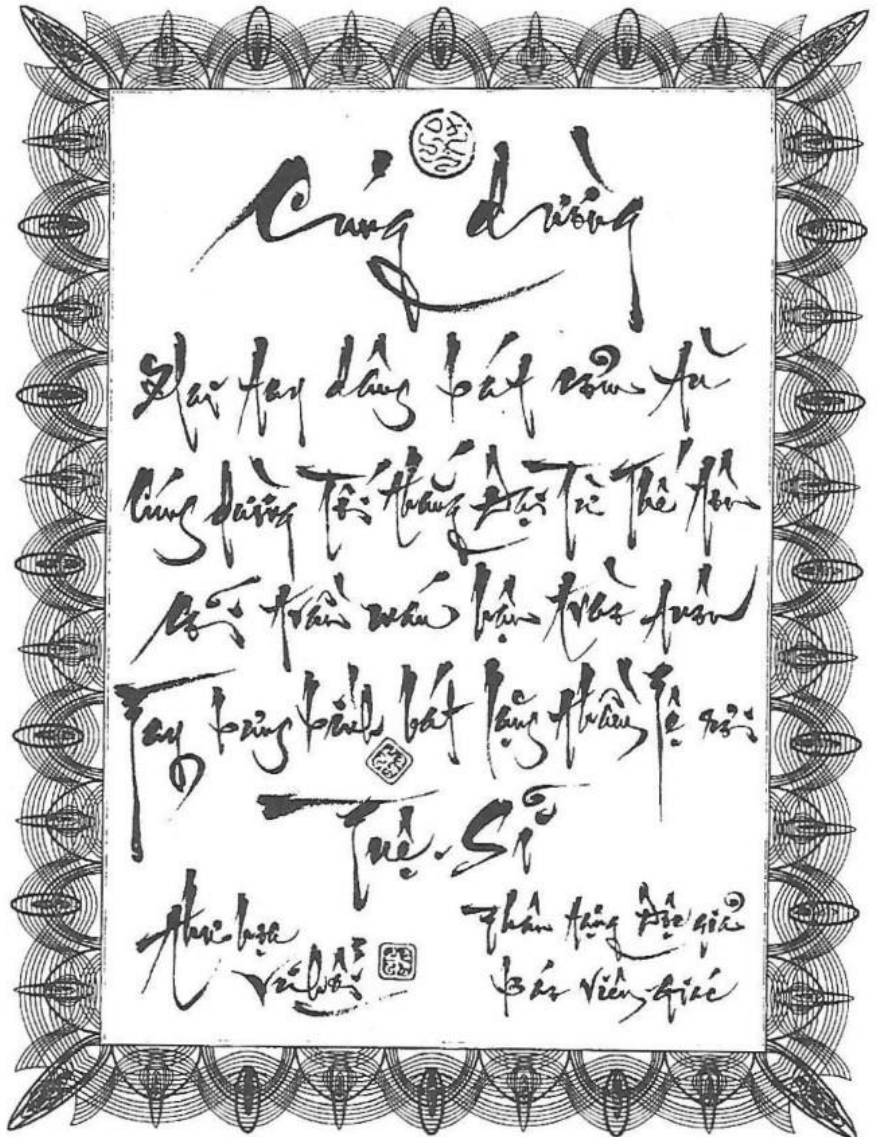
cả bài thơ độc địa đã khiến bị nhân ăn đòn nữa!

Đến nay thì tính chất khoác lác của ông Hồ đã hiện ra rõ rệt -không ai còn có thể chối cãi được nữa- vì ngay đến các đàn anh lớn của y ở Liên Xô còn không dất nổi năm châu đến đại đồng hưởng là cái thú y.

Thật đúng là:

*Chuông, khánh còn chẳng ăn ai,
Xá chi mảnh chĩnh ném ngoài bụi tre!*

Tuy nhiên việc y nói khoác không quan trọng, điểm quan trọng mà ta phải nhớ cho thật kỹ là: vì trung thành với lời dạy của thánh Mác là "Người vô sản không có tổ quốc", lại thấm nhuần chủ trương "chủ bại cách mạng" của Lênine nên y không bao giờ vì nước cả mà chỉ vì cái Chủ Nghĩa Quốc Tế của y thôi ●



THƠ HOÀNG DỤC

Đầu năm khai bút

Bảy chín thời non, bảy tám già,
Đầu năm kiếm lại cuộc đời ta.
Văn chương Pháp Đức là như vậy
Chữ nghĩa Trình Chu có thế a?
Xuôi ngược Bắc Nam đau vạn nước,
Lang thang Âu Mỹ lỗi tình nhà
Bảy giờ nước ngược thuyền xa bến,
Ngồi ngắm mây bay bóng ác tà.

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ

Peine, ngày 18 tháng 10 năm 1998

Thỉnh nguyện thư

Kính gửi Ngài:

- Tổng Bí thư Đảng CSVN Lê Khả Phiêu
- Thủ Tướng Chính Phủ Phan Văn Khải
- Chủ Tịch Nước Trần Đức Lương

Chúng tôi là:

- Thiên Tín Dương Văn Mạnh, thuộc Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn Hannover và Vùng Phụ Cận (một công dân Việt Nam và cũng là một chiến sĩ đấu tranh, đứng trong hàng ngũ những người yêu chuộng tự do và đòi hỏi quyền con người cho dân tộc)

- Đỗ Viết Tuấn, đại diện cho những người có tâm huyết về Dân Chủ của Hiệp Hội trợ giúp phong trào đấu tranh dân chủ tại Việt Nam.

Chúng tôi có mấy điều đề đạt lên quý Ngài:

Xét rằng trong tình thế hiện nay, các Ngài cũng có những bước tiến triển trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam, sự thể hiện "Nhân Từ" của các Ngài được xem như một hành động nên cần phải phát huy. Cụ thể vào ngày 2.9.98, các Ngài cũng đã tạm thời trả tự do cho những tù nhân chính trị, trí thức yêu nước và các vị lãnh đạo tinh thần. Tuy vậy, tại sao họ lại bị cầm tù? Họ đã gây nên những tội ác gì đối với đất nước, đối với dân tộc? và vì mục đích gì những người này lại luôn cố gắng bắt chắp mọi gian nguy tù đầy? bằng cách nào, sử dụng bạo động hay chỉ là những tâm tư, suy nghĩ bị dồn nén của họ đối với vận mệnh của dân tộc? Giản dị, vì họ là những công dân Việt Nam chân chính, cần phải lên tiếng trước những khúc mắc ngang ngửa của xã hội đương thời, hay trước những việc làm của cấp lãnh đạo trong công cuộc đổi mới hiện nay. Chúng tôi xin cử một vài trường hợp cụ thể:

Giới trí thức như ông Hà Sỹ Phu; Giáo sư Đoàn Viết Hoạt; Bác sĩ Nguyễn Đan Quế; ông Hoàng Minh Chính... Giới văn nghệ sĩ, cựu đảng viên, giới Tôn Giáo mà đặc biệt là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu... họ là những người luôn có tấm lòng tử bi, cứu độ, không những thế, tin tưởng còn là nét đẹp ngàn đời trong văn hóa của dân tộc Việt Nam. Tất cả việc làm của những người này đều có cùng một mục đích là xây dựng một Việt Nam dân chủ và đa nguyên. Họ hoàn toàn trong sạch, chỉ vì các Ngài coi đó là những tội chống đối Nhà nước, nói xấu Đảng v.v... và bắt giam họ không cần xét xử đó thôi. Thưa các Ngài! Trong cơ chế đổi mới hiện nay, chúng tôi thiết nghĩ các Ngài nên có những tư tưởng cởi mở, toàn diện từ hạ tầng cho đến thượng tầng có sự đề dũa đất nước phát triển. Muốn phát triển thì điều kiện đầu tiên phải là Dân Chủ thực sự, như vậy đất nước Việt Nam mới thực sự là của nhân dân theo nghĩa của nó. Chúng tôi cũng là những công dân Việt Nam, là những người mang theo tinh cách thuần túy dân tộc, điển hình của nét thuần túy đó đều được mọi người biết đến khi mà "Xã tắc hưng vong, thất phu hữu trách", vì vậy, chúng tôi có mấy điều thỉnh cầu lên các vị hữu trách trong Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam:

1. Chấm dứt ngay những hành động dã man, đàn áp tôn giáo, giới trí thức, giới văn nghệ sĩ, cựu đảng viên, và những người có tư tưởng tiến bộ đang đấu tranh cho nền Dân Chủ tại Việt Nam.

2. Thực thi Dân Chủ và tôn trọng nhân quyền trên cơ sở của bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền mà chính phủ Việt Nam đã cam kết.

3. Xóa bỏ chế độ độc đảng đang là nguyên nhân gây nên mọi sự khổ đau cho dân tộc. Chỉ khi thể chế Đa Nguyên được thực hiện, lúc đó người dân Việt mới phát huy được hết mọi tiềm năng đóng góp trí tuệ và công sức nhằm xây dựng một cuộc sống tươi đẹp hơn.

4. Thực thi quyền tự quyết của dân tộc, không áp đặt chủ nghĩa ngoại lai cho tương lai của đất nước, đồng thời thực thi tự do bầu cử dưới sự giám sát của các cơ quan hữu trách quốc tế nhằm thủ tiêu sự tiếm quyền mà Đảng Cộng Sản Việt Nam đã áp dụng từ trước đến nay.

5. Chấp nhận tự do báo chí, tự do ngôn luận để mỗi người công dân Việt Nam có thêm cơ hội tìm hiểu thông tin thế giới, tìm hiểu tình hình Việt Nam và góp thêm tiếng nói xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và thịnh vượng.

Mong rằng những thỉnh nguyện chính đáng của chúng tôi sẽ được các Ngài thực hiện. Xin chân thành cảm ơn.

Những người cùng làm đơn, ký tên:

Đặng Hồng Hải - Ngô Minh Đức - Võ Thị Hoa - Vũ Thị Khay - Phạm Minh Thắng - Trần Ngọc Tú - Đào Ngọc Liếm - Trần Việt Hồng - Thiên Tín Dương Văn Mạnh và Đỗ Viết Tuấn.

Nhân ngày 2.9. nói chuyện về Nhân Quyền tại Việt Nam

Nhân ngày lễ 2.9.1998, Nhà nước CHXHCN Việt Nam ra lệnh ân xá cho 5.219 "tù thường phạm", trong số đó có 11 người tù nhân chính trị và tù nhân "lương tâm": Hòa Thượng Tiến Sĩ Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Giáo Sư Thích Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Tiến Sĩ Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Giáo Sư Đoàn Viết Hoạt, Bác Sĩ Nguyễn Đan Quế, Linh Mục Đình Viết Hiếu, các ông Phạm Anh Dũng, Trần Mạnh Quỳnh, Lý Tống, Đồng Tuy và Nguyễn Văn Thuận. Nói chi đến hàng trăm, hàng ngàn người tù nhân chính trị và lương tâm khác còn bị giam giữ trong ngục tù chẳng ai nghe danh và biết tới, lặng lẽ làm chiếc bóng cho những hồn ma oan ức. Có phải 11 tù nhân chính trị kể trên là viên thuốc đắng, cộng thêm áp lực đấu tranh của người yêu tự do trong và ngoài nước cùng với sự biết đến của quốc tế nên buộc lòng chính quyền Cộng Sản Việt Nam phải thả họ ra.

Theo bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền công bố ngày 10.12.1948 và Công Ước Quốc Tế 1966 về Nhân Quyền và Dân Quyền 24.9.1982, đã được Nhà nước CHXHCN Việt Nam ký và cam kết thi hành. Từ 1977, Việt Nam là thành viên của Liên Hiệp Quốc. Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền gồm có 30 điều minh định rõ quyền căn bản và quyền công dân của mỗi người. Đã có trên 100 quốc gia trên thế giới cùng ký kết.

Nhà nước CHXHCN Việt Nam tuy đã ký kết nhưng không bao giờ thi hành. Ngược lại họ vẫn bắt bỏ tù đầy người lương tâm, người trí thức yêu nước, tiêu diệt mầm mống của tài năng thần trí nào chất xám, hết sai lầm này đến sai lầm khác.

Nói đến bản TNQTNQ ai cũng nghĩ ngay sự tự do và bình đẳng, tự do ở đây là tự do ngôn luận, báo chí, đi lại, ứng cử và bầu cử, hội họp, lập hội, buôn bán, tự hữu, hành đạo và tự do dân chủ. Phải chăng dưới chế độ Cộng Sản, tự do có nghĩa là phải tuân theo lệnh, làm theo chỉ thị của Đảng, ca ngợi lãnh tụ, ca ngợi CHXHCN, Đảng, Bác... và dưới sự kiểm soát của Đảng. Nếu ai đi ngược lại là chống Đảng, là tiếp tay cho kẻ thù.

Nhà cầm quyền Hà Nội luôn luôn đàn áp những người đòi Tự Do Dân Chủ, tự do ngôn luận. Họ tìm đủ mọi thủ đoạn âm mưu để thanh trừng. Điển hình là vụ Nhân Văn Giai Phẩm 1956-1960. Chính ông Hồ Chí Minh ngày 15.12.1956 đã ký lệnh đóng cửa hàng

loại tờ báo như Nhân Văn, Trăm Hoa, Đất Mới, Giai Phẩm. Không lâu sau đó, các trí thức văn nghệ sĩ, những người làm báo thò ca bị tống giam, hành hạ trong lao tù... Ngoài ra còn có những người khác chính kiến, kể cả các cán bộ đảng viên sớm giác ngộ dám thẳng thắn đứng lên phê phán đường lối của Đảng, bị Đảng thẳng tay đàn áp như Vũ Đình Huỳnh, Bùi Minh Quốc, đặc biệt là Hoàng Minh Chính bị cầm tù hơn 20 năm (1967-1990) không cần tuyên án và xét xử. Vậy thì việc bắt giam những người tài, những người có tư tưởng tự do và các vị lãnh đạo Tôn giáo từ 14, 18 hoặc 20 năm tù và cấm cố để rồi bày giờ lớn tiếng ân xá. Chúng ta nên đề cao cảnh giác đứng đờ Cộng Sản tiếp tục lường gạt chúng ta mãi.

Qua đó, chúng ta khẳng định rằng ngày nào Đảng Cộng Sản còn tồn tại ở Việt Nam, thì ở đó không có tự do và các quyền lợi khác như trong bản TNQTNQ đã ghi. Chỉ có một giải pháp thực sự cho chúng ta là đẩy mạnh việc đấu tranh, tăng cường đoàn kết. Bằng mọi phương tiện, thông tin dưới mọi hình thức về quốc nội, từng bước nâng cao ý thức tự do dân chủ người dân trong nước, giác ngộ thêm những cá nhân cấp tiến trong guồng máy Đảng Cộng Sản, tạo cho bức tường bưng bít rạn nứt và hậu thuẫn của người dân cùng phong trào dân chủ ngoài nước nổi dậy loại bỏ đi một chế độ độc tài đảng trị thì mới có tự do dân chủ cho dân tộc Việt Nam, lúc đó mới có thể sánh vai cùng với nhân loại tiến bộ của loài người, hợp thời hóa xu thế của thời đại, thì nhân dân ta mới hưởng quyền làm người và thực sự tự do.

● Thiên Lai Lê Thanh Tùng
Bad Harzburg (28.12.98)



Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn Hannover & VPC cùng tham gia tổ chức biểu tình tuần hành nhân ngày Quốc Tế Nhân Quyền tại Berlin ngày 10.12.1998

Đảng cộng sản Việt Nam vô trách nhiệm và độc đoán đối với dân tộc

Đất nước Việt Nam từ hơn nửa thế kỷ nay bị cai trị bởi một chế độ ngoài ý muốn của người dân, một chế độ chuyên quyền độc đoán. Toàn dân Việt Nam phải chịu cảnh trời buốt, không được làm và nói những điều theo lương tâm mình nghĩ. Tất cả đều bị khống chế bằng bạo lực, súng đạn, công an, nhà tù. Biết bao nhiêu đau thương oan trái bị dồn nén trong tù hờn, người dân chán nản phần uất trước nạn tham ô hống hách của các cán bộ có chức quyền, làm kinh tế lụn bại, xã hội suy đồi băng hoại. Đời sống của người dân ngày càng nghèo đói, bần cùng. Mà hệ bản cùng thì sanh đạo đức, như trộm cướp, xi-ke ma-túy, mãi dâm v.v...

Trách nhiệm thuộc về ai? Khi đường dây buôn lậu từ nước ngoài xâm nhập vào Việt Nam lan tràn, mà đầu não những đường dây này chính là những người công an với nhiều cấp bậc tướng tá khác nhau. Những kẻ quyền chức thì tham nhũng, hà hiếp nhân dân, vật giá lên xuống thất thường, đồng tiền mất giá trị... Chỉ có người quyền chức tham nhũng ăn đút lót thì mới giàu, người ca gia đình và họ hàng, con cháu của họ. Còn người dân làm ăn lương thiện, lao động vất vả, thì sống trong cảnh

nghèo nàn thiếu thốn, lương không đủ sống trong tuần, phải làm thêm đủ việc thì mới có thể nuôi đủ bản thân. Thật là nghịch cảnh bất bình nhưng vẫn cố gắng chịu đựng, vì khi nói lên sự thật thì họ cho là chống đối, sẽ bị trả thù và tru diệt.

Với chính sách vô thần nhà cầm quyền Cộng Sản dã và đang đàn áp dã man các Tôn Giáo, nhất là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, bắt giam và tù đày những vị lãnh đạo tinh thần của Giáo Hội. Lập ra Giáo Hội Nhà Nước với các nhà sư quốc doanh để phục vụ cho Đảng. Càng ngày người dân và ngay cả đảng viên Cộng Sản càng chống đối Đảng. Thấy nguy cơ sắp bùng nổ, nên cuối năm 1986 trong kỳ Đại Hội lần VI Đảng Cộng Sản buộc lòng cởi trói cái gọi là "đổi mới" để nói lòng cho nhân dân cứu nguy cho chế độ. Nhưng sau khi bức tường ở nhục Bá Linh sụp đổ 1989, khối Cộng Sản Đông Âu anh em lần lượt tan hàng. Nhất là khi thấy Liên Xô là cái nôi sinh ra thành trì Cách Mạng vô sản của thế giới sụp đổ nhanh chóng trước làn sóng đổi tự do của nhân dân. Thì Đảng Cộng Sản Việt Nam liền co cụm lại để cố thủ. Mọi quyền tự do dân chủ lúc bấy giờ là hình thức co hẹp và xiết chặt lại, nhất là quyền tự do dân chủ, thông tin báo chí, ngôn luận bị triệt tiêu tức khắc. Họ ngăn chặn dưới mọi hình thức bưng bít luồng thông tin trong và ngoài nước, làm cho dân mù mờ nghe theo đường lối chủ trương một cách mù quáng để Đảng dễ dàng độc quyền cai trị, từ những vụ mà họ không nhem được liền bào chữa và sửa sai.

Vận mạng của đất nước đã rơi vào tay của chế độ bảo thủ, cố hữu, hẹp hòi và thiên cận. Lại thêm cái tham quyền cố vị khiến họ coi thường người dân, nhân tâm chà đạp lên quyền sống làm người của hơn 70 triệu người dân Việt. Nếu tình trạng này kéo dài, thì ai là người có trách nhiệm và chịu tội đối với dân tộc? Đảng luôn hô to "Bồi dân, do dân và vì dân", nhưng luôn trái với nguyện vọng của lòng dân, xảo quyết gian trá ngày càng mưu mô, đưa dân tộc đi ngược lại sự tiến hóa văn minh của thời đại. Một chế độ độc quyền, độc đoán, chuyên chế, chúng ta hãy dẹp bỏ nó đi, để xây dựng một chế độ dân chủ tự do thực sự thì mới gỡ bỏ được tình trạng bị dốt, bế tắc như hiện nay của dân tộc, đây là trách nhiệm của mỗi chúng ta, là những người yêu chuộng tự do sớm đưa đất nước đến tự do, hạnh phúc mà cả dân tộc đang mong chờ.

● **Lý Thu Thảo**
Klemmensplatz 5b. 54309 Newel

TÁC PHẨM MỚI XUẤT BẢN

■ Theo dấu chân xưa (Hành Hương Trung Quốc)

Đây là tác phẩm thứ 25 của Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác, viết về chuyến Hành Hương Trung Quốc, từ ngày 1.10.1997 đến ngày 21.10.1997.

Là một Tăng sĩ ở hải ngoại tưởng đối có nhiều tác phẩm đã xuất bản, tác giả "... viết để kỷ niệm một chuyến đi, viết để giới thiệu về một xứ Trung Quốc tuy cũ mà mới, tuy mới mà cũ..."

Sách dày khoảng 300 trang, bìa màu với nhiều hình ảnh về chùa chiền, danh lam, thắng tích, do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại CHLB Đức xuất bản năm 1998.

Địa chỉ liên lạc:
Chùa - Pagode VIÊN GIÁC
Karlsruherstr. 6. 30519 Hannover
Tel. 0511/879630 - Fax. 0511/8790963

■ Đặc San Kỷ Yếu 10 Năm của ĐPPT Chánh Dũng

"Thời gian 10 năm trôi qua thật nhanh, nhưng đó cũng là một đoạn đường đáng ghi nhớ. Vì nếu không có 10 năm này, sẽ không có 10 năm tiếp theo sau đó. Chúng ta là những người con Phật, do vậy chúng ta không được quên những gì trước đó đã phải bắt đầu, để có được ngày hôm nay 10 năm. Đây cũng là một truyền thống tốt đẹp của người Á Châu chúng ta, trong đó có người Phật Tử. Thật xứng đáng với câu "Âm thủy tứ nguyên" là vậy. (Thượng Tọa Thích Như Điển, Cố Vấn Giáo Hạnh)
Nhân kỷ niệm 10 năm thành lập ĐPPT Chánh Dũng thuộc 3 vùng Nürnberg-Fürth-Erlangen (chính thức ra mắt ngày 9.4.1988) đã ấn hành cuốn Kỷ Yếu 10 Năm ĐPPT Chánh Dũng, dày 244 trang, gồm phần Kỷ Yếu, Văn Nghệ, Hình ảnh sinh hoạt 10 năm của ba ngành Thanh, Thiếu và Oanh Vũ, do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội PGVNTN tại Đức Quốc xuất bản năm 1998.

Địa chỉ liên lạc: **Thiện Hạnh Võ Thị Mỹ**
Pirckheimerstr. 124. 90409 Nürnberg
Tel+Fax: 0911 / 53 68 17

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ CHÁNH DŨNG TẠI ĐỨC QUỐC

Thành kính tri ân Liên Chi Hội Miền Nam và Quý Phật Tử đã ủng hộ số tiền 390 DM ngày 28.11.1998 cho tờ **Kỷ Yếu 10 năm thành lập Gia đình Phật Tử Chánh Dũng.**

■ Thi tập: Bóng Quê của Đỗ Bình

Thi tập thứ hai sau Bùn Viên Xứ, dày 130 trang, do Nắng Mới / Paris xuất bản năm 1998, in tại nhà in Vikingskip / Vương Quốc Na Uy, đẹp, trang nhã.
Tranh bìa và Phụ bản của Nguyễn Hữu Nhật. Tựa của Tô Vũ.

Nhà thơ Đỗ Bình là một cựu Sĩ Quan QLVNCH, đã ném mìn cay đắng, khổ nhục của chế độ ngục tù cộng sản; tỵ nạn tại Pháp. "... Đỗ Bình đau xót vì cuộc sống tha hương nên đã mượn tiếng nói thật thà của con tim để viết nên những dòng thơ trung hậu, bộc lộ lòng sắt son, trung kiên yêu nước, hướng về Tổ Quốc. Thơ Đỗ Bình có pha chút chua cay, chút hoài vọng và chút mệt mỏi. Thơ Đỗ Bình mang lại cho người đọc một nỗi buồn mênh mông, một mùi vị cay đắng sâu xa, mang lại một xót thương cho tác giả..." (Trích Lời Tựa của Tô Vũ).

Ấn phí: 12 Mỹ kim
Địa chỉ liên lạc: Nhà Xuất Bản Nắng Mới / Paris. 151 La Croix Saint Sylvere Bát. M 95000 Cergy - FRANCE
Tel. 0130383470 - e-post: anhem@onliene.no

■ Việt Nam Dân Tộc bị đọa đày của Lý Đại Nguyên

- Để có cái nhìn đúng về Chiến Lược Toàn Cầu của Mỹ
- Để thấy thực chất của các cuộc chiến tại Việt Nam.
- Để hiểu tại sao miền Nam Việt Nam bị hy sinh.
- Để biết lý do tất yếu mà Cộng Sản bị sụp đổ.
- Để biết mình phải làm gì? làm thế nào? mới đúng.

Sách của những tâm hồn Việt Nam sống động

Giá 13 Mỹ kim, ngoài nước Mỹ 15 Mỹ kim
Mua ở các nhà sách gần nhà hoặc liên lạc:
Nhà Xuất Bản Văn Nghệ. P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683.Tel/Fax (714) 527-5761. E-Mail: vannghe@pacbell.net
Homepage: http://home.pacbell.net/vannghe

■ Thơ Gởi Người Em Không Tên:

Tuyển tập thơ văn của GS. Nguyễn Thủy và Trần Minh Xuân.

Người Em trong thi tập là Lê Đạo. Tác giả-những nhà tư tưởng, đã lãng mạn hóa Lê Đạo thành một người em gái- người em không tên, để thêm gần gũi, thêm thân mật. Và lại Lê Đạo lúc nào cũng ở bên ta, trong ta và chi phối hết mọi vận hành của vũ trụ, nhân sinh. Lê Đạo vừa là nguyên lý sinh thành vừa là dòng vận hành tiến hóa của vạn hữu, nên tác giả đã kết hợp mọi tôn giáo, mọi ngành học về đủ mọi lãnh vực với những lý thuyết tiến hóa để đưa đến một cái nhìn thống quan về diễn tiến của vạn hữu và của xã hội nhân loại.
Tuyển tập thơ văn Thơ Gởi Người Em Không Tên có nội dung thanh thoát, vui tin; 180 trang do Mekong Ty Nạn xuất bản năm 1998. Giá 10 đô-la Mỹ.

Địa chỉ liên lạc: Mekong Tynan
P.O. Box 612101 San Jose, CA 95161
Fax. (510) 742- 8534
Email: mekongtynan@hotmail.com

■ Lời Một Người Tù.

Thi tập của Nguyễn Văn Trọng. 100 trang do Văn Phòng Ty Nạn và Di Dân Massachusetts xuất bản năm 1998. Trình bày: Nguyễn Trọng Khôi. Phụ bản: Quách Đức Thanh.

... Cũng như nhà thơ bất khuất Nguyễn Chí Thiện, người chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Trọng vẫn sống, vẫn nung nấu ý chí của mình, nuôi dưỡng vào một niềm tin tất thắng và một ngày tàn của chế độ Cộng Sản Việt Nam. Niềm tin đó chính yếu dựa cậy vào Chân Lý Tinh Thưởng và Chính Nghĩa Dân Tộc. (Lời tựa của Tướng Lê Minh Đảo).

... Mười năm với một nhà thơ chuyên nghiệp, quen tay vung vài vần điệu, thì có thể sẽ lấp đầy được những hố thời gian vô vọng, dù ngày tháng vẫn xoay môn tâm hồn thi sĩ, bởi nỗi ưu tư nhưng nhỏ không gian nào đó ở ngoài trại tù.

Song mười năm dài đằng đẵng với người không hoặc chưa từng làm thơ, thậm chí không hoặc chưa từng yêu thích thơ, hoặc giá cũng có đôi khi hoặc hơn một lần làm thơ chơi, thì chào ôi, tư tưởng nhất nhật tại tu thiên thu tại ngoại thật đúng quá. Hướng chi người lại đang áp ủ một tâm tình dang dở, một hoài bão nấu nung, thì tâm trạng tù nhân ấy càng thêm bất rứt, bi phẫn lắm.. (Thay lời tựa của nhà thơ Cao My Nhân) ■

NHẮN TIN TÌM THÂN NHÂN TÌM BẠN

● Chị Châu trước ở Xí nghiệp May Seiffenhensdorf, DDR nay ở đâu? Xin cho Tiếng biết tin.
ĐT.: 05121 - 51 20 86

● Dương Tử Đệ và Triệu Ngọc Nga. Được tin hai bạn tới Tây Đức định cư. Năm 1997 bạn học cùng trường ở Đồng Tâm. Muốn tìm các bạn. Xin liên lạc về địa chỉ: Trình Thu Anh. Tel.: 08145 / 951228

● Con Dương Mỹ Linh ở 315 /1B Lê Văn Sĩ. Phường 13, Quận 3, TP. HCM.
Tim Cha là:

Dương Quang Minh trước đây ở West Strasse 44. 7100 Heilbronn. Germany. Tôi kính nhờ quý báo và quý bà con có bác giúp đỡ tôi tìm cha: Dương Quang Minh mất liên lạc 17 năm. Địa chỉ trên là vào 28.10.1981. Còn hiện nay thì không biết.

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

ngày 7.12.1998

KỶ NIỆM 50 NĂM TUYÊN NGÔN QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN

● 300 Đại diện Phật Giáo Việt Nam, Tây Tạng, Miến Điện, Đại Hàn, Lào, Kampuchia, Tích Lan, Thái Lan và Trung Quốc cử hành "Lễ Cầu Nguyện cho Những Người Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền Trong Thế Giới" tại Paris 14.

● Thông điệp của Đức Dalai Lama, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, Bà Cao Ủy Nhân Quyền LHQ gửi đến chào mừng.

Ngày 10.12.1948 Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc chuẩn y "Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền". 50 năm sau, trong vài hôm nữa, ngày 10.12.1998, Đại Hội Đồng LHQ sẽ họp bàn để chuẩn y một Tuyên Ngôn mới: "**Tuyên Ngôn Bảo Vệ Những Người Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền Trong Thế Giới**". Để chú nguyện và hoạt động cho sự ra đời Tuyên Ngôn quan trọng ấy, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Á Châu với sự hợp lực của Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam và Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, tổ chức "**Lễ Cầu Nguyện Cho Những Người Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền Trong Thế Giới**" tại Chùa Phật Giáo Quốc Tế tọa lạc trong khu rừng Vincennes ở Paris chiều chủ nhật hôm qua 6.12.1998.

Với hình thức tổ chức sit-sao giờ giấc, với nội dung cao mang phẩm chất quốc tế, và trong không khí trang nghiêm suốt 3 giờ đồng hồ, 300 đại biểu Tăng Ni, Phật tử các nước Việt Nam, Tây Tạng, Miến Điện, Đại Hàn, Lào, Kampuchia, Tích Lan, Thái Lan, Trung Quốc, cử hành lễ cầu nguyện theo ba truyền thống Phật giáo Tây Tạng (Kim Cang thừa),

Theravada (Nam Tông) và Đại Thừa (Bắc Tông) để nói lên sự gắn bó với Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền cũng như sự dẫn thân của giới Phật tử Á Châu bên cạnh những người đấu tranh bảo vệ nhân quyền trong thế giới hiện đang bị các Nhà nước độc tài truy kích.

Theo lời ông Võ Văn Ái, Chủ tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam, thì "Sự gắn bó và dẫn thân này bắt rễ từ những truyền thống Á Châu, đặc biệt trong nguồn giáo lý của Đức Phật, cần phải nói lớn nói mạnh lên để bác bỏ luận điệu sai lầm và độc hại cho rằng nhân quyền chỉ là sản phẩm của Tây phương không thể ứng dụng cho các nền văn hóa và truyền thống Á Châu".

Trong bài diễn văn khai mạc Lễ Cầu Nguyện, Hòa Thượng Trưởng Ban Tổ Chức Thích Minh Tâm, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) Á Châu, đã đề cao vai trò của Người đấu tranh Bảo vệ Nhân quyền. Hòa Thượng nói: "*50 năm qua, biết bao Người Đấu tranh Bảo vệ Nhân quyền bị đàn áp, bị tù đày, bị tra tấn, bị thảm sát, chỉ vì họ hành động để thể hiện lý tưởng nhân bản của họ bằng phương pháp bất bạo động. Chính những người này là những chiến sĩ can cường dám chấp nhận mọi điều kiện gian khổ để cho bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được luôn luôn sáng chói như một chiếc phao cứu mạng của các tầng lớp dân chúng bị áp bức*".

Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, cầm đầu một phái đoàn gồm có Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, Hòa Thượng Thích Giác Lượng, Thượng Tọa Tổng Thư Ký Thích Viên Lý và Thượng Tọa Thích Giác Đăng, đã nhấn mạnh khi ban Đạo Tỳ cho cuộc lễ. Hòa Thượng nói: "*Trong thế kỷ này chúng ta chứng kiến được sự ra đời của một văn kiện mang tính đồng điệu với lời Phật dạy được nhiều quốc gia đón nhận, đó là bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (...) Lý tưởng hoạt động của những chiến sĩ tinh thuần - những Người Đấu tranh Bảo vệ Nhân quyền - là lắng nghe và đáp lời những tiếng kêu cứu của đồng loại*".

Sau nghi thức Phật giáo chú nguyện cho bản Tuyên Ngôn mới sắp ra đời gây xúc động mãnh liệt mọi người tham dự, trong có nhiều Phật tử Pháp; hội trường đã chấm chú lắng nghe Hòa Thượng Thích Giác Lượng, Phó Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, Đặc trách Giải Trừ Pháp Nạn, Thượng Tọa Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, Thượng Tọa Thích Như Điển, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Á Châu, và Thượng Tọa

Thích Giác Đăng, Phụ Tá Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, tuyên đọc 4 bức Thông Điệp của Đức Dalai Lama, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Ông Tổng Thư Ký LHQ, Bà Cao Ủy Nhân Quyền LHQ gửi đến chào mừng cuộc lễ, và các lời phát biểu về hiện trạng nhân quyền tại ba nước Tây Tạng, Miến Điện và Việt Nam.

■ Thông Điệp của ông Kofi Annan, Tổng Thư Ký LHQ, ca ngợi "thần trí của những ai đã tuyên xưng các quyền con người, và cung kính với những ai đã hy sinh thân mạng bảo vệ các quyền ấy". Mặc dù "biết rõ các điều dữ mà nhân loại có thể làm", ông vẫn tin tưởng vào "điều thiện (mà nhân loại) có thể thực hiện". Vì vậy ông kêu gọi kỷ niệm 50 Năm Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền phải là "có hội không những cho chúng ta suy tưởng lại những quyền đã thủ đắc từ 50 năm qua, mà còn phải nghĩ đến các quyền chưa được tôn trọng; phải đòi hỏi cho công lý được thực hiện bởi mọi người và cho mọi người; phải cảnh giác hơn bao giờ trong cuộc đấu tranh chống lại các vi phạm nhân quyền, và bằng nhiệt tâm không dứt, truy tố mọi kẻ thủ phạm. Ở thời buổi toàn cầu hóa, ngày hôm nay là cơ hội tái khẳng định, rằng chúng ta quyết tâm chứng kiến sự toàn cầu hóa công lý". Bởi vì "nhân quyền mang tính phổ quát, nhân quyền vốn có trong mọi nền văn hóa, nhân quyền không xa lạ với bất cứ quốc gia nào. Dù ở trên các đường phố Á Châu, trong các thị trấn Châu Phi, hay trong những Tòa án Châu Âu, năm vừa qua là năm của phản kháng và tiến bộ".

■ Bà Mary Robinson, cựu Tổng Thống Ireland, và nay là Cao Ủy Trưởng Nhân Quyền LHQ, trong Thông Điệp gửi tới, nhận định rằng: "Dưới nhiều dạng thức, dù không bó buộc về những quyền và các sự tự do, đều được bắt đầu bằng một tuyên cáo long trọng đã đảm nhận vai trò làm công cụ lập hiến, đưa tới tính đặc thù của khái niệm nhân quyền trong Hiến Chương LHQ. Ngày nay, Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền chỉ đạo mọi hoạt động của LHQ trong sự thăng tiến và bảo vệ mọi quyền con người". Nhưng Bà báo động: "Tuy nhiên, mặc dù các tiến bộ quan trọng này, khi chúng ta nhìn vào hoàn cảnh nhân quyền trong thế giới, điều hiển nhiên là 50 Năm Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền không phải là dịp để ca tụng. Có quá nhiều cá nhân trong bốn phương thế giới chưa được nghe nói đến thông điệp của Tuyên Ngôn. Được hưởng các quyền mà Tuyên Ngôn khuyến khích, lại càng ít người hơn nữa. Hàng triệu người tiếp tục đối diện với

những tình trạng mà ở đó Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền chỉ là lời hứa hẹn một đời sống tốt đẹp - hơn là thực tế". Và Bà nhấn mạnh: "Cuộc kỷ niệm hôm nay phải là lúc chúng ta tận tụy trở lại với các nguyên tắc soạn thảo trong Lời Nói Đầu và 30 điều khoản của Tuyên Ngôn. Đây là điều quan trọng không kém. Đây phải là lúc chúng ta dần dần thực hiện công tác dang dở, để bắt cứ ai và ở đâu đều được bảo đảm hưởng quyền. Tương lai của Nhân Quyền ở trong tay chúng ta. Hãy chung vai đấu tranh thực hiện các quyền con người cho mọi người". Quyền Con Người cho Mọi Người (All Human rights for all) chính là tiêu ngôn của LHQ kỷ niệm 50 Năm Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền năm nay (1948-1998).

■ Từ Dharamsala, thủ đô đấu tranh của người Tây Tạng, Đức Dalai Lama gửi đến một Thông điệp ân cần. Ngài viết: "Tôi hân hoan khi được tin Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tổ chức "Lễ Cầu Nguyện cho Những Người Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền trong Thế Giới" ngày 6.12.98 tại Paris. Nhân dịp này, tôi muốn gửi lời chúc mừng đến mọi người tham dự và chủ vị trong Ban Tổ Chức về sự kiện hôm nay, và ca ngợi sự dần dần thâm thiết của những tổ chức nhân quyền chống lại các vi phạm quyền làm người xảy ra nhiều nơi trong thế giới. Các tổ chức nhân quyền này đang thay đổi thực sự đời sống mọi người, bằng cách thu thập tài liệu vi phạm nhân quyền và bằng hoạt động làm giảm thiểu sự trạng ấy". Trách vụ của người Phật tử ngày nay, của đạo Phật ngày nay, được Ngài thu gọn trong một mệnh đề: "Tôi nghĩ rằng hoạt động hay đấu tranh cho nhân quyền là một cách tu tập cho đời sống tâm linh". Ngài cũng bác bỏ luận đề của những kẻ chủ sủy "ngoại lệ nhân quyền Châu Á" : "Một số chính phủ cho rằng các tiêu chuẩn nhân quyền thể hiện trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền chỉ là những tiêu chuẩn của Tây phương không thể đem áp dụng cho Châu Á và các quốc gia khác Đệ Tam thế giới, là những nơi có nền văn hóa, xã hội và kinh tế khác biệt. Tôi không chia sẻ quan điểm ấy và tôi tin chắc rằng đa số những người dân bình thường cũng không chấp nhận. Tôi tin rằng những nguyên tắc bộc lộ qua Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền đã thể hiện luật tắc tự nhiên mà mọi giống dân và mọi chính quyền phải noi theo". Rồi Ngài tuyên xưng: "Là những Phật tử, khái niệm nhân quyền không xa lạ với chúng ta. Nối trung tâm điểm của giáo lý đạo Phật, tiềm lực giác ngộ và viên mãn hiện hữu trong mỗi con người được công

nhận, nỗ lực tinh tấn của mỗi cá nhân sẽ thúc đẩy tiềm lực ấy. Đức Phật đã tuyên bố rằng mỗi cá nhân là vị thầy của chính mình; Đức Phật nhấn mạnh đến khả năng giác ngộ của mỗi con người. Trong nghĩa đó, từ căn bản, sự bình đẳng giữa loài người được thiết lập trong thế giới quan Phật giáo. Nền tảng nhận thức Phật giáo đặt trên nguyên tắc mọi người đều giống như nhau, mỗi người trong chúng ta đều có quyền sống, quyền tự do, quyền hạnh phúc. Dù chúng ta giàu hay nghèo, có học hay thất học, theo tôn giáo này hay tôn giáo khác, mỗi chúng ta là con người như mọi người khác. Không những chúng ta mong cầu hạnh phúc, mà còn muốn thoát ly khổ ách, hơn thế, mỗi người trong chúng ta đều có quyền như nhau trong mưu cầu các mục tiêu ấy.

"Thế giới đang trở thành một gia đình toàn cầu. Chúng ta hợp đoàn trong những tiến bộ kỹ diệu của khoa học và kỹ thuật, giúp chúng ta chia sẻ các thông tin ngay tức khắc, cũng như những vấn nạn nguy kịch về dân số quá đông, tài nguyên thiên nhiên bị hút cạn, và cuộc khủng hoảng môi sinh đang đe dọa sự sinh tồn của hành tinh này.

"Nhân quyền, sự bảo vệ môi sinh cũng như bình đẳng xã hội hay kinh tế, đều tương quan mật thiết với nhau. Trong tất cả những vấn đề ấy, tôi tin rằng quan điểm về trách nhiệm toàn cầu là chìa khóa cho sự tiến bộ của nhân loại. Và cũng là nền tảng cho hòa bình thế giới, nền tảng cho sự thăng tiến nhân quyền và sự lập thành nền văn hóa chính trị bất bạo động, cũng như sự đối thoại để giải quyết các tranh chấp giữa loài người".

■ Trong bức Thông điệp bí mật từ trong nước gửi ra, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, viết "Thật không có gì trang nghiêm hơn khi Chủ tôn Giáo phẩm Cao cấp, Trung cấp và Tăng Ni hòa hợp chú nguyện cho sự an lạc của thế giới loài người! Thật không có gì hùng lực hơn khi quý vị Phật tử nam nữ thập tông chú Tăng Ni nhập Tử bi quán cho nhân quyền thế giới và Việt Nam!". Hòa Thượng nhận định: "Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền bảo đảm các quyền căn bản của con người, như các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tôn giáo, tự do tư tưởng, tự do lập hội, tự do đi lại, v.v... Nhưng than ôi, tranh chấp ý thức hệ làm phân đôi thế giới, khiến đời sống nhân loại bị căng thẳng, băng hoại suốt năm mươi năm qua. Nói thì chiến tranh lạnh nuôi dưỡng khủng bố và đàn áp nhân quyền, nói thì chiến tranh tàn khốc thảm sát lưỡng dân vô tội.

"May thay ở ngưỡng cửa thế kỷ 21, chiến tranh lạnh vừa chấm dứt, luồng cực không còn nữa, mở ra kỷ nguyên đối thoại và cộng tác giữa các dân tộc trên địa cầu. Tôi hy vọng từ nay nhân loại có cơ duyên để thực hiện 30 điều bảo vệ con người trong Tuyên Ngôn nói trên". Về quan điểm nhân quyền của Phật giáo, Hòa Thượng giải thích: "Người Phật tử hiểu hơn ai hết, rằng từ 2500 năm trước, Đức Phật là người đầu tiên tuyên ngôn bảo vệ và tôn vinh con người trong thập loại chúng sinh. Ngài cũng là người đầu tiên phá bỏ bất công xã hội, phá bỏ kỳ thị giai cấp và đem lại bình quyền nam nữ. "Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có giai cấp trong giọt nước mắt cùng mặn", Ngài đã tuyên ngôn và hành động như thế. Ngài cũng tuyên bố: "Chúng sinh là Phật sẽ thành!". Thật không còn lời nào quý trọng hơn, yêu thương hơn đối với con người". Cho nên Hòa Thượng thấy rõ: "Sự chú nguyện của chú Tăng Ni và Phật tử nam nữ nhập Tử Bi quán hôm nay (trong Lễ Cầu Nguyện), là điều tối ư cần thiết để tòa chiếu Ánh Đạo Vàng vào những nơi hắc ám, đẩy lui các thế lực gian ác, biến nhân gian thành cõi Tịnh Độ. Đặc biệt tại Việt Nam,, nơi mà tôn giáo lớn như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có truyền thống 20 thế kỷ và đại biểu cho 80% dân số lại bị đàn áp khốc liệt, cấm không cho hưởng pháp độ sinh theo giáo lý diệt khổ của Đức Thích Ca Mâu Ni. Cuộc Pháp Nạn thứ hai này đã mở đầu từ ngày 30.4.1975 kéo dài cho tới ngày hôm nay. Hiện tại, sinh hoạt Phật giáo ở Việt Nam chỉ là hoạt động của một Giáo hội Nhà nước được Đảng Cộng Sản dựng lên năm 1981 để làm công tác tuyên truyền chính trị cho chế độ mà thôi. Bởi thế, chúng ta không thể im lặng trước sự vi phạm tự do tôn giáo, vi phạm nhân quyền trầm trọng như thế; mà phải thông tin cho thế giới được biết để nhờ can thiệp".

Thình chùng trong buổi lễ đã vô cùng xúc động khi nghe Hòa Thượng nói đến hoàn cảnh hiện tại của mình: "Như mọi kẻ lâm cảnh tù đày trên thế giới, hơn ai hết, tôi hiểu rõ sự tự do quý báu như thế nào, nhân quyền cần thiết và tối quan trọng như thế nào, vì tôi cũng đang bị tù đày quản thúc từ 18 năm qua, nơi tôi viết bức thông điệp này, ở một thôn hẻo lánh đìu hiu thuộc miền tây tỉnh Quảng Ngãi. Theo với thông điệp, tôi chủ tâm đánh lễ chú Phật, đánh lễ chú Tăng Ni trong tâm nguyện bảo vệ và phát huy Con Người được giải phóng và giác ngộ".

Sau phần đọc Thông điệp là phần phát biểu hiện tình nhân quyền tại ba nước Tây Tạng, Miến Điện và Việt Nam.

■ Ông Lobsang Nyandak, Giám Đốc Điều Hành Trung Tâm Nhân Quyền và Dân Chủ Tây Tạng, đến từ Dharamsala, cho biết thăm cảnh vi phạm nhân quyền ngày càng chồng chất mà nhân dân Tây Tạng đang hứng chịu. Một người bị kết án 18 năm tù vì hát một bài ca Tây Tạng, bị kết án 19 năm tù vì dịch bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Một thiếu nhi bị bắt và bị quản thúc. Đó là trường hợp của em Gedhun Choekyi Nyima, chỉ vì "tội" được Đức Dalai Lama công nhận là hóa thân thứ 11 của Đức Ban Thiền Lạt Ma! Ông Lobsang Nyandak cảnh giác sự kiện Trung Quốc ký kết Công Ước chống tra tấn năm 1986 và chuẩn ý năm 1988, nhưng lại chẳng thi hành, vì kể từ đó đã có 60 người Tây Tạng bị tra tấn đến chết. "Kỳ thời chưa đủ, mà phải thi hành", ông nói và đưa ra một thực trạng điển hình: "Từ khởi đầu chiến dịch "Đánh Mạnh" năm 1996, do nhà cầm quyền Trung Quốc tung ra, hàng nghìn dân Tây Tạng bị đàn áp. Những "toán hành động" Trung Quốc xâm nhập các Chùa, Tu viện, và ngay cả Đại Học để mở những khóa học tập cải tạo. Người Tây Tạng bị bó buộc phải tố cáo Đức Dalai Lama cùng những hành động của Ngài. Ai từ chối sẽ bị đuổi khỏi Tu viện, cơ sở. Riêng ngày 30.11.1998, chúng tôi ghi nhận 5467 Tăng Ni bị đuổi ra khỏi Chùa và các Tu viện, 379 người bị bắt. Chiến dịch này hiện nay đang lan rộng vào các làng thôn". Phần kết luận, ông nhấn mạnh sự kiện "Vi phạm nhân quyền đối với nhân dân Tây Tạng là hậu quả của sự kỳ thị chủng tộc, kỳ thị văn hóa một cách có hệ thống và quy mô (...) đây là chiến dịch mà nhà cầm quyền Trung Quốc muốn kiểm soát mọi lĩnh vực của đời sống dân Tây Tạng. Kết quả không tránh khỏi, mà chiến thuật này nhắm tới, là tiêu diệt nhân dân, tôn giáo và truyền thống Tây Tạng".

■ Đại diện cho Bà Aung San Su Kyi, giải Nobel Hòa Bình năm 1991 và là Lãnh tụ phong trào đấu tranh đòi Dân Chủ tại Miến Điện, ông Aung Ko ca ngợi con đường đấu tranh bất bạo động và bất hợp tác dân sự mà Bà đang lãnh đạo. Chính đó là con đường Bà noi theo nhờ thâm nhập giáo lý Phật giáo. "Hận thù không thể tiêu diệt hận thù, vì hận thù chỉ bị phá vỡ bởi lòng Từ Bi của Phật giáo". Tuy nhiên ông nhấn mạnh sự sai lầm trong hành động, nếu chỉ thiên trọng thái quá vào Tình thương mà không lo khai mở Trí Tuệ. Tình thương và Trí tuệ phải song hành mới thoát khỏi bạo động. Ông nói "bám víu vào Tình thương mà thôi, người ta tạo ra những thằng khờ, dù thằng khờ ấy có đầy đủ sự tốt lành". Nhưng "quá thiên trọng vào Trí tuệ, quên bỏ Tình

thương, chỉ tạo ra những kẻ trí thức vị kỷ xa lánh nhân dân mà chẳng lý gì đến sự cứu khổ cho con người" (...) "Cuộc tranh đấu của Bà Aung San Su Kyi hiện nay, ông cho biết, là cố gắng kết hợp vừa Từ Bi vừa Trí Tuệ để tránh cuộc đổ máu mà tập đoàn quân phiệt Miến gây ra ngày 8.8.1998".

■ Về phần Việt Nam, ông Võ Văn Ái, Chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam kiêm Phó Chủ Tịch Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền đã ngắn gọn trình bày tinh hoa của Phật Giáo Việt Nam trong sự lập thành nền văn hiến Việt. Du nhập Việt Nam từ thế kỷ đầu Tây lịch, bản sắc của Phật Giáo Việt Nam không những chủ sớ bình quyền nam nữ, tôn vinh phẩm giá con người, mà còn quyết liệt dẫn thân cho công bằng xã hội, phá bỏ các chính sách ngu dân, diệt trừ đau khổ. "Hình ảnh Bồ Tát của nước Việt chính là hiện thân của những Người đấu tranh bảo vệ nhân quyền", ông nói. Trích lời trong Lục Độ Tập Kinh, một trong những bộ kinh Việt đầu tiên xuất hiện vào thế kỷ III sau Tây lịch, ông nêu lên con đường hành động của người Phật Tử Việt Nam trải dài 20 thế kỷ qua: "Bồ Tát thấy dân kêu ca, do vậy gạt lệ xông mình vào nơi chính trị hà khắc để cứu dân khỏi nạn làm than". Đây chính là "hành động của Phật Giáo Việt Nam chống các chính sách ngu dân (giải phóng con người khỏi Vô minh); đấu tranh đòi hỏi công bằng xã hội (giải phóng con người khỏi mọi khổ đau, nghèo đói); đấu tranh cho chủ quyền và độc lập dân tộc (giải phóng con người khỏi mọi lệ thuộc ngoại bang). Nói tóm, giải phóng cho con người, cho cộng đồng, và cho quốc gia, là hành trình của đạo Phật".

Ông nhắc lại những đàn áp nhân quyền quy mô của Nhà nước Cộng Sản Việt Nam, khi cho dựng lên một Giáo hội Phật giáo Nhà nước làm công cụ chính trị cho Đảng Cộng Sản; khi vẫn quản thúc Hòa Thượng Thích Huyền Quang, vị lãnh đạo GHPGVNTN, tại Quảng Ngãi tù 18 năm qua; khi đặt trong vòng bao vây của công an hàng Giáo Phẩm cao cấp vừa được trả tự do: Hòa Thượng Thích Quảng Độ và các Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Trí Trí Tụ, v.v... Ông cũng nói tới trường hợp của người Cử sĩ Phật giáo Trần Văn Lương bị kết án tử hình (cùng thời với hai Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu) vì phát truyền đơn kêu gọi cho nhân quyền, nhờ áp lực quốc tế mà án giảm xuống 20 năm khổ sai; trường hợp Thượng Tọa Thích Huệ Đăng bị 20 năm tù vì viết tập tiểu luận "Nhân Bản Phật Giáo".

Ông Ái báo động cuộc "diệt chủng văn hóa" mà nhà cầm quyền Hà Nội chủ sớ bằng chính sách đàn áp Phật giáo và chính sách ngu dân qua việc áp đặt ý thức hệ lỗi thời Mác-Lê. Ông tin tưởng "Cuộc lễ hôm nay đặt tiêu chí cho hành động bảo vệ Những Người Đấu Tranh Cho Nhân Quyền, mà đứng đầu là những Phật tử Châu Á với giáo lý Giác Ngộ nhằm giải phóng con người, nhằm diệt khổ và chống bất công, đàn áp".

Làm tại Paris, ngày 7.12.1998
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người
Việt Nam



Lời Tòa Soạn:

Năm 1919, sau thế chiến I, tại Hội nghị Versailles, Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ Chí Minh sau này) đã "đại diện" cho nhân dân Việt Nam gửi bản yêu sách cho chánh phủ các nước đồng minh gồm 8 điểm. Trong đó có điểm 3 là đòi cho người Việt Nam quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận; điểm 4 là quyền tự do lập Hội và Hội hợp; điểm 5 là quyền tự do xuất ngoại và đi du lịch nước ngoài v.v...

Năm 1920, tại Đại hội Cộng Sản Tours (Pháp) cũng Nguyễn Ái Quốc nói "Chúng tôi không có quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do lập Hội và Hội hợp cũng không có v.v..."

Các quyền mà Nguyễn Ái Quốc đã đòi hỏi trên đây đều được ghi trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (TNQTNQ) do Liên Hiệp Quốc chính thức minh định, được công bố ngày 10.12.1948 và được Nhà nước CHXHCN Việt Nam ký và cam kết thi hành. Nhưng thật đau lòng và tủi nhục thay! Trên 50 năm Đảng CSVN đi làm "Cách Mạng" xuống chất thành núi, máu chảy thành sông, để rồi ngày hôm nay, sau 23 năm thống trị cả nước, người dân lại phải xuống đường đấu tranh đòi hỏi những gì mà Nguyễn Ái Quốc đã đòi hỏi trước đây 80 năm!

Khi còn là một tên cộng sản quốc tế, Nguyễn Ái Quốc đã đòi nhân quyền và dân quyền. Nhưng khi nắm được chánh quyền trong tay thì Nguyễn Ái Quốc trở thành Nguyễn Phan Quốc, ông và đồ đệ của ông đã chà đạp nhân quyền và dân quyền còn hơn thời kỳ Pháp thuộc như: Cải Cách Ruộng Đất, Nhân Văn Giai Phẩm, Xét Lại Chống Đảng, Trại Tập Trung Cải Tạo, Đánh Tư Sản Mại Bản Để Cướp Tài Sản v.v... và v.v...

Ngày 10.12.1998, nhân loại mừng ngày sinh nhật lần thứ 50 bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, nhân dịp này Ban Biên Tập Báo Viên Giác cho đăng lại

Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền để giúp đồng bào kể cả những đảng viên CS thấy rõ quyền căn bản và quyền công dân của mỗi người để từ đó kết hợp đấu tranh buộc nhà cầm quyền CSVN phải thực thi những điều họ đã ký được ghi trong bản TNQTNQ.

✱

Xét rằng: Nền tảng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới phải được đặt trên sự nhìn nhận rằng -Mọi thành viên của đại gia đình nhân loại lúc sinh ra đều có nhân phẩm, và các quyền lợi bình đẳng bất khả nhượng.

Xét rằng: Hành vi xem thường và chà đạp nhân quyền đã dẫn đến những hành động man rợ, xúc phạm đến lương tâm nhân loại. Sự kêu gọi thiết lập một thế giới trong đó tất cả mọi người phải được hưởng quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, quyền được giải thoát khỏi sự sợ hãi và nghèo khó, phải được tuyên cáo như là ước vọng cao nhất của tất cả mọi người.

Xét rằng: Ngoại trừ trường hợp bị bắt buộc sử dụng phương thức bạo loạn như một lối thoát cuối cùng, để chống lại sự độc tài và áp bức, nhân quyền phải được triệt để bảo vệ bởi luật pháp.

Xét rằng: Như Hiến Chương Liên Hiệp Quốc đã đề cập, tất cả mọi công dân trong cộng đồng LHQ đã tái xác nhận niềm tin vào tất cả mọi nhân quyền căn bản, nhân phẩm và giá trị nhân vị, quyền nam nữ bình quyền - và cũng đã quyết định cố xúy cho các tiến bộ xã hội, và cải tiến mức nhân sinh trong bối cảnh ngày càng tự do hơn.

Xét rằng: Các quốc gia hội viên đã tuyên thệ hợp tác với LHQ, nhằm cố xúy việc tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do căn bản.

Xét rằng: Để thực hiện đầy đủ cam kết này, việc quảng bá cho mọi người thông hiểu về các quyền con người, và các quyền tự do này phải được xem là có tầm vóc quan trọng nhất.

Vì những lẽ đó, nay Hội Đồng LHQ tuyên cáo bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, như là mẫu mực chung, cho tất cả mọi dân tộc. Và tất cả mọi quốc gia phải hoàn thành, nhằm mục đích giúp cho tất cả mọi cá nhân, và mọi cơ quan tổ chức của xã hội, luôn luôn theo sát tinh thần Bản Tuyên Ngôn, nỗ lực hướng dẫn, giáo dục, cố xúy tôn trọng các quyền tự do này. Ngoài ra, với những phương thức tiến bộ trong phạm vi quốc

gia cũng như quốc tế, phải bảo đảm được mọi người thừa nhận và tuân hành Bản Tuyên Ngôn một cách có hiệu lực, không những giữa các dân tộc của các nước hội viên với nhau, nhưng còn giữa những dân tộc sống trên các phần đất thuộc thẩm quyền cai quản.

Điều 1: Mọi người sinh ra đều được tự do, và bình đẳng về nhân phẩm, cũng như quyền lợi. Mọi người đều được phú bẩm về lý trí và lương tâm. Những hành vi giao dịch giữa người này với người khác, phải được đặt trên tinh thần huynh đệ.

Điều 2: Mọi người đều thụ đắc tất cả quyền, và các quyền tự do đặt định trong bản Tuyên Ngôn này. Không có sự phân biệt về bất cứ lý do gì, như chủng tộc, màu da, phái tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến, hay tư tưởng, quốc tịch, hay nguồn gốc xã hội, tài sản, tình trạng sinh nở, hay trạng huống gì khác. Đẳng khác, cũng không được có sự phân biệt nào, căn cứ trên quy chế chính trị, tài phán, hay quốc tế, của xứ sở hay lãnh thổ mà một người thống thuộc. Cho dù lãnh thổ này là một lãnh thổ độc lập, bảo hộ, không tự cai trị được, hay ở trong tình trạng hạn chế về chủ quyền.

Điều 3: Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do, và an ninh thân thể.

Điều 4: Không ai bị cưỡng bức làm nô nê hay tòi đòi. Chế độ nô lệ và buôn bán nô lệ dưới mọi hình thức đều bị cấm tuyệt.

Điều 5: Không có một người nào phải chịu cực hình, tra tấn, hay bất kỳ hình thức đối xử, hoặc trừng phạt bất nhân, hay có tính cách lăng nhục.

Điều 6: Ở bất cứ nơi nào, mỗi người đều có quyền được công nhận như một thể nhân trước pháp luật.

Điều 7: Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, và phải được bảo vệ một cách bình đẳng, không kỳ thị phân biệt. Tất cả đều được quyền bảo vệ ngang nhau, chống lại mọi kỳ thị vi phạm Bản Tuyên Ngôn này, cũng như chống lại mọi khiêu khích dẫn đến kỳ thị như vậy.

Điều 8: Mọi người đều có quyền được bồi thường thỏa đáng trước tòa án quốc gia đầy đủ thẩm quyền về các hành vi vi phạm các quyền căn bản, do Hiến Pháp và Luật Pháp quy định.

Điều 9: Không một ai bị bắt bớ, lưu đày một cách độc đoán.

Điều 10: Mọi người đều có ngang nhau quyền được phân xử công khai và công bằng, trước một tòa án độc lập không thiên vị, để được phán quyết về các quyền lợi và nhiệm vụ của mình, hay về những tội phạm mà mình cáo buộc.

Điều 11: (1) Mỗi khi bị cáo giác về hình tội, mọi người được xem là vô tội, cho đến khi pháp luật chứng minh là có tội, trong một phiên tòa công khai. Và tòa này phải cung ứng tất cả mọi bảo đảm cần thiết cho quyền biện hộ của đương sự. (2) Không ai có thể bị quy cho tất cả bất cứ một hình tội nào dựa trên một hành vi, hay một việc bỏ sót không làm, mà tạo nên một hình tội trong phạm vi luật pháp quốc nội hay luật pháp quốc tế, vào thời điểm hành vi đó được thực hiện. Cũng thế, không được áp đặt một hình phạt nào nặng hơn hình phạt đang được áp dụng, vào thời điểm hành vi hình phạt xảy ra.

Điều 12: Không một ai bị xâm phạm một cách độc đoán về đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, hay thư tín, cũng như bị công kích danh dự hay tiếng tăm của mình. Mọi người đều có quyền được luật pháp bảo vệ, trước những vi phạm và công kích loại này.

Điều 13: (1) Mọi người có quyền tự do di chuyển và cư trú, trong phạm vi biên giới của quốc gia. (2) Mọi người đều có quyền rời bỏ lãnh thổ bất kỳ nước nào, kể cả nước của mình, và trở về lại.

Điều 14: (1) Bất cứ ai, vì lý do bách hại, đều có quyền được tỵ nạn và hưởng sự trú ẩn tại các quốc gia khác. (2) Quyền này không được viện đến, trong trường hợp bị săn đuổi thật sự, do các hình phạm ngoài lý do chính trị, hay do những hành vi trái với những mục tiêu và nguyên tắc của Liên Hiệp Quốc.

Điều 15: (1) Mọi người đều có quyền có quốc tịch. (2) Không một ai bị tước bỏ quốc tịch, hay bị từ chối quyền thay đổi quốc tịch, một cách độc đoán.

Điều 16: (1) Nam và nữ thuộc tuổi trưởng thành không bị hạn chế vì lý do chủng tộc, quốc tịch, hay tôn giáo, có quyền kết hôn và lập gia đình. Nam nữ đều có quyền bình đẳng lúc kết ước hôn nhân, trong đời sống vợ chồng và lúc giải ước hôn nhân. (2) Hôn nhân phải do ý chí tự do và sự ưng thuận hoàn toàn của cả đôi bên phối ngẫu. (3) Gia đình phải được xem là một đơn vị nhóm tự nhiên và căn bản của xã hội, và có quyền được xã hội bảo vệ.

Điều 17: (1) Mọi người đều có quyền sở hữu tài sản cho riêng mình, cũng như kết hợp với những người khác. (2) Không ai có thể bị tước đoạt tài sản của mình một cách độc đoán.

Điều 18: Mọi người đều có quyền về tự do tư tưởng, ý thức, và tôn giáo. Quyền này bao gồm cả quyền tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng, cũng như quyền tự do một mình hay liên hợp với những người khác, ở nơi công cộng hay trong chỗ tư nhân, biểu dương tôn giáo hay tín ngưỡng của mình bằng cách dạy dỗ, hành lễ, thờ phượng, và tuân giữ giáo pháp.

Điều 19: Mọi người đều có quyền tự do suy nghĩ và phát biểu tư tưởng. Quyền này bao gồm quyền tự do giữ ý kiến của mình, mà không sợ bị can thiệp; quyền tìm kiếm, thu nhận, và phân phát tin tức và ý kiến qua mọi phương diện truyền thông, bất kể các biên giới quốc gia.

Điều 20: (1) Mọi người đều có quyền tự do hội họp, và lập hội, một cách hòa bình. (2) Không một ai có thể bị cưỡng bách thống thuộc vào một hội đoàn nào.

Điều 21: (1) Mọi người đều có quyền tham gia vào việc điều hành xử sở mình, một cách trực tiếp hay qua các đại biểu được tuyển chọn một cách hoàn toàn tự do. (2) Mọi người đều có ngang nhau quyền được các cơ sở dịch vụ công ích của xử sở mình phục vụ. (3) Ý chí của nhân dân phải là cơ sở quyền lực chính quyền, ý chí này phải được thể hiện qua các cuộc bầu cử định kỳ và nghiêm chỉnh, qua thủ tục phổ thông và bình đẳng đầu phiếu, với hình thức phiếu kín hay các hình thức tự do đầu phiếu tương đương.

Điều 22: Vì là thành viên của xã hội, mỗi người đều có quyền an ninh xã hội, qua các cố gắng của quốc gia và hợp tác quốc tế. Và phù hợp với tổ chức và tài nguyên của mỗi nước, mọi người đều phải được hưởng sự thực hiện các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa không thể thiếu đối với nhân phẩm và sự phát triển tự do của nhân vị.

Điều 23: (1) Mọi người đều có quyền công ăn việc làm, quyền tự do chọn việc làm, quyền được hưởng các điều kiện làm việc chính đáng và thuận lợi đối với công việc, và quyền được bảo vệ đối phó với thất nghiệp. (2) Mọi người, không vì lý do kỳ thị nào, đều có quyền hưởng công xá bình đẳng như nhau, nếu cùng làm một công việc như nhau. (3) Mọi người có làm việc đều có quyền được hưởng

thưởng công bằng và thích hợp, khả dĩ bảo đảm cho bản thân và gia đình mình một cuộc sống xứng đáng với nhân phẩm, cũng như được trợ giúp nếu cần, qua các phương thức bảo vệ xã hội khác nữa. (4) Mọi người đều có quyền thành lập và tham gia vào các nghiệp đoàn, để bảo vệ quyền lợi của mình.

Điều 24: Mọi người đều có quyền nghỉ ngơi và tiêu khiển, kể cả giới định số giờ làm việc một cách hợp lý, và các ngày nghỉ lễ định kỳ có trả lương.

Điều 25: (1) Mọi người đều có quyền được hưởng một mức sống phù hợp với sức khỏe, và sự no ấm cho bản thân và gia đình bao gồm: thực phẩm, quần áo, nhà ở, y tế, và các dịch vụ xã hội cần thiết, quyền an sinh trong lúc thất nghiệp, đau ốm, tình trạng bất khả năng, góa bụa, tuổi già hay các tình huống thiếu thốn khác do các hoàn cảnh ngoài khả năng kiểm soát của mình. (2) Phụ sản và trẻ con có quyền được chăm sóc và trợ giúp đặc biệt. Tất cả mọi trẻ con, sinh có hôn thú hay không, đều được xã hội bảo vệ một cách bình đẳng như nhau.

Điều 26: (1) Mọi người đều có quyền được giáo dục. Giáo dục phải được miễn phí ít nhất là ở bậc tiểu học và căn bản. Giáo dục tiểu học phải là một nền giáo dục cưỡng bách. Giáo dục kỹ thuật và chuyên nghiệp phải tổ chức thường xuyên, và giáo dục cao cấp phải được mở rộng bình đẳng cho mọi người, trên căn bản tài năng xứng đáng. (2) Giáo dục phải được điều hưởng để phát triển đầy đủ nhân cách, và củng cố sự tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do căn bản. Giáo dục phải nhằm cổ xúy sự cảm thông, lòng khoan dung, và tình hữu nghị giữa mọi quốc gia, mọi nhóm chủng tộc hoặc tôn giáo, và hỗ trợ việc phát triển các sinh hoạt của Liên Hiệp Quốc nhằm duy trì hòa bình. (3) Cha mẹ có quyền ưu tiên chọn lựa thể loại giáo dục dành cho con cái mình.

Điều 27: (1) Mọi người đều có quyền tự do tham gia sinh hoạt văn hóa cộng đồng, thưởng lãm các bộ môn nghệ thuật, và cùng chia sẻ các tiến bộ khoa học cũng như các lợi ích của khoa học. (2) Mọi người đều có quyền được bảo vệ về tác quyền, trên bình diện tinh thần cũng như quyền lợi vật chất, đối với tác phẩm của khoa học, văn chương hay nghệ thuật.

Điều 28: Mọi người đều có quyền đòi hỏi được sống trong một trật tự xã hội và trật tự quốc tế, trong đó có quyền tự do được

đề cập trong Bản Tuyên Ngôn này có thể được thể hiện đầy đủ.

Điều 29: (1) Mọi người đều có nhiệm vụ đối với Cộng Đồng nào mà chỉ trong đó mới thực hiện được việc phát triển toàn vẹn và tự do nhân cách của mình. (2) Trong việc hành xử nhân quyền và các quyền tự do, mọi người phải chịu những hạn chế do luật định - và những hạn chế này chỉ nhằm mục tiêu bảo đảm sự thừa nhận và tôn trọng nhân quyền, và quyền tự do của những người khác, cũng như nhằm thỏa mãn những đòi hỏi chính đáng về luân lý, trật tự công cộng, và nền an sinh chung trong một xã hội dân chủ. (3) Trong bất cứ trường hợp nào, nhân quyền và những quyền tự do này cũng không được hành xử trái với những mục tiêu và nguyên tắc của Liên Hiệp Quốc.

Điều 30: Không một điều gì trong Bản Tuyên Ngôn này được diễn giải như là hàm ý cho phép một quốc gia, một nhóm, hay một cá nhân nào được quyền dẫn thân vào bất kỳ một sinh hoạt, hay thực hiện bất kỳ một hành động nào, nhằm hủy diệt một trong các nhân quyền và quyền tự do đã được chuẩn định nơi đây./.

*

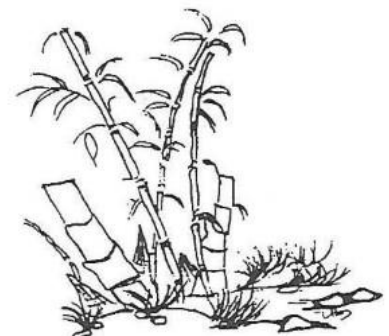
Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã ký Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền cùng với các văn kiện dưới đây:

- "**Ước Chương Quốc Tế chấm dứt các hình thức kỳ thị chủng tộc**" (Quyết Nghị 1904 của Đại Hội Đồng LHQ ngày 20.11.1963).

- "**Ước Chương Quốc Tế về các quyền tự do Kinh Tế, Xã Hội, Văn Hóa**" (Quyết Nghị 2200A của Đại Hội Đồng LHQ ngày 16.12.1966).

- "**Ước Chương Quốc Tế Dân Quyền và Tự Do Chính Trị**" (Quyết Nghị 2200A của Đại Hội Đồng LHQ ngày 16.12.1969, hiệu lực ngày 23.3.1976).

Những nhà cầm quyền nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã hoàn toàn không thi hành.



THÔNG CÁO BÁO CHÍ ngày 10.12.1998

● **Kỷ niệm 50 năm Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền:** Nhà cầm quyền Hà Nội không cho Đại Đức Thích Hải Tạng, Linh Mục Chân Tín, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Lan đến Paris dự "Nghị Hội Những Người Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền trong Thế Giới", trong khi ấy lệnh xây cất thêm 650 nhà tù tại Việt Nam.

337 đấu sĩ cho Nhân Quyền từ 123 quốc gia trong thế giới được mời đến Paris tham dự "Thượng đỉnh những Người Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền Trong Thế Giới" từ ngày 8 đến 11.12.98 được tổ chức tại Điện Chaillot, là nơi mà 50 năm trước đây bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được công bố. Bốn tổ chức quốc tế lớn kết hợp để tổ chức Nghị Hội thượng đỉnh này là: Ấn Xá Quốc Tế, Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền, Viện Trợ Thế Giới thứ Bốn và Nước Pháp Tự Do. Tiếc thay không có một đại biểu nào đến từ Việt Nam, ngoại trừ phái đoàn Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam do ông Võ Văn Ái cầm đầu. Nhà cầm quyền Hà Nội đã kiểm duyệt và tịch thu hai lần thư gửi đến mời Đại Đức Thích Hải Tạng (Nguyễn Đình Hoa), Linh Mục Chân Tín và Giáo Sư Nguyễn Ngọc Lan tham dự Nghị Hội thượng đỉnh. Thay mặt Ban Tổ Chức, Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam gọi điện về Việt Nam và được biết sự trạng kiểm duyệt và tịch thu thư như thế.

Ban Tổ Chức Nghị Hội đạt thư mời 500 đấu sĩ cho nhân quyền ở khắp năm Châu. Nhưng 163 người đã bị các chính quyền độc tài, quân phiệt ngăn cản không cho đi. Vì vậy, sau lời tuyên bố khai mạc Nghị Hội của Bà Mary Robinson, Cao Ủy Nhân Quyền LHQ, và diễn văn của đại diện 4 tổ chức nói trên, Ban Tổ Chức dành một phút mặc niệm cho "Những Người Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền Trong Thế Giới" đã bỏ mình hoặc còn bị giam giữ trong ngục tù. Sau đấy, Ban Tổ Chức xuống danh những người không đến được vì các chế độ độc tài, quân phiệt ngăn cản. Người ta nghe được các tên tuổi Việt Nam trong giây phút xúc động này.

Một giây phút cảm động đầy ý nghĩa khác trong ngày khai mạc, là khi ông Pierre Sané, Tổng Thư Ký Tổ Chức Ấn Xá Quốc Tế và cũng là Chủ Tịch Nghị Hội Thượng Đỉnh trao 12 triệu chữ ký hỗ trợ Nhân Quyền cho ông Tổng Thư Ký LHQ vào lúc 19 giờ tối. 12 triệu chữ ký đã thu góp được trong 120 quốc gia, trong số này có 45 Tổng Thống và Thủ Tướng của 45 nước, nhiều giải Nobel, và mọi tầng lớp trí thức, nhân dân ký tên dưới

dòng viết: "Tôi sử dụng hết khả năng mình để các quyền nêu ra trong Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền trở thành hiện thực trong thế giới".

Ở vào thời điểm thế giới hân hoan kỷ niệm 50 Năm ngày Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền ra đời, thì Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam được tin 10 tù nhân có tên sau đây đang ở trong tình trạng suy yếu có thể chết nếu không được can thiệp trả tự do. Tình trạng sức khỏe của họ do quá lâu nằm trong tù không được chăm sóc thuốc men, không đủ dinh dưỡng, mà cũng do bị tra tấn, hành hạ, ngược đãi và lao động quá mức. Đó là các trường hợp của:

Hòa Thượng Thích Huyền Quang, 79 tuổi, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), bị giam cầm và quản thúc suốt 16 năm qua không lý do, không xét xử. Hiện Hòa Thượng bị câu lưu trong căn nhà nhỏ ở quận Nghĩa Hành miền Tây tỉnh Quảng Ngãi. Hòa Thượng bị áp huyết cao, bị bệnh tim, nhưng không được ai săn sóc, thuốc men. Mấy tuần lễ bão lụt vừa qua, HT phải kê chiếc bàn lên trên giường để ngồi suốt đêm tránh nước lụt.

- **Thượng Tọa Thích Thiện Minh**, 49 tuổi, thuộc GHPGVNTN, bị bắt năm 1979, rồi năm 1986 bị bắt lại khi trốn trại, hai lần án chung thân vì tội "âm mưu lật đổ chính quyền", nhưng thực tế chỉ đòi hỏi cho tự do tôn giáo. Hiện bị giam ở trại Z30A, Xuân Lộc, Đồng Nai.

- **Thượng Tọa Thích Huệ Đăng**, 55 tuổi, thuộc GHPGVNTN, bị kết án 20 năm tù vì viết một tiểu luận về nền Nhân Bản Phật Giáo. Bị bệnh tiểu đường nặng. Hiện bị giam ở trại Z30A, Xuân Lộc, Đồng Nai.

- **Thượng Tọa Thích Thanh Tịnh**, thuộc GHPGVNTN, bị kết án 19 năm tù năm 1992 vì đòi hỏi tự do tôn giáo. Bị tra tấn đến mù mắt. Hiện bị giam ở trại Z30A, Xuân Lộc, Đồng Nai.

- **Ông Trần Văn Lương**, 58 tuổi, cựu Dân Biểu VNCH, bị bắt năm 1988 vì tội phát truyền đơn kêu gọi cho nhân quyền. Bị kết án tử hình cùng năm với hai Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu, nhờ áp lực quốc tế và cuộc vận động của Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam, nên được "tha tội chết". Hiện bị giam ở trại T.5, Thanh Hóa. Bị bệnh gan, bao tử và suy kiệt dinh dưỡng nên mất nửa hàm răng.

- **Tu sĩ Mai Đức Chương**, 68 tuổi, thuộc Dòng Đồng Công, bị bắt năm 1987, bị kết án 20 năm tù vì tội "tuyên truyền chống phá cách mạng". Hiện bị giam ở trại T.5, Thanh Hóa. Bị bệnh thấp khớp

nặng và áp huyết cao, bị mất quá nửa hàm răng.

- **Ông Nguyễn Văn Bảo**, 65 tuổi, Giáo sư Sử Địa, bị bắt năm 1978, bị kết án chung thân. Hiện bị giam ở trại T.5, Thanh Hóa. Bị bệnh lao và áp huyết cao, bị mất hầu hết răng, ăn uống rất chậm và rất khó khăn.

- **Ông Vũ Đình Thụy**, Thi sĩ, 50 tuổi, bị bắt tại Tây Nguyên vì tội làm Sĩ quan Quân đội VNCH, đến năm 1979 bị kết án chung thân vì đã sáng tác một tập thơ bị tịch thu khi tìm cách chuyển ra khỏi trại. Hiện bị giam ở trại T.5 Thanh Hóa.

- **Ông Trần Nam Phướng**, 54 tuổi, bị bắt năm 1983, bị xử tử hình nhưng được "tha tội chết". Hiện bị giam ở trại T.5, Thanh Hóa. Bị bệnh trí và sa dạ dày, bị mất hơn nửa hàm răng.

Trên đây là 10 trường hợp điển hình của muôn nghìn trường hợp mà người tù vì lương thức và tù chính trị đang chết mòn vì ngược đãi, vì bị vi phạm tất cả những điều khoản ghi ra trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền.

Trầm trọng hơn nữa, trong thế giới cử hành trọng thể 50 Năm ngày ra đời bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, thì Nhà cầm quyền Hà Nội qua tay ông Thủ Tướng Phan Văn Khải đã ký **Nghị Định 89/NĐ-CP** ngày 7.11.1998 ra lệnh xây dựng thêm trên toàn cõi Việt Nam 650 nhà tù. Theo mức ấn định trước đây mỗi tỉnh và thành phố được xây một đến hai nhà tù tạm giam (xem Phúc Trình của Ông Louis Joinet, Chủ Tịch Tổ Hành Động Chống Bất Bỏ Trại Phép của LHQ, đi điều tra chế độ tù ngục tại Việt Nam cuối năm 1994). Thì nay, qua **Nghị Định 89/NĐ-CP**, mỗi huyện sẽ xây dựng một nhà tù "tạm giữ", mỗi tỉnh, thành xây dựng từ một đến hai nhà tù "tạm giam". Nghĩa là sẽ có thêm **650 nhà tù mới** trên toàn quốc Việt Nam. Bởi vì theo số liệu của cuộc bầu cử Quốc Hội khóa X, ngày 20.7.1997, thì 650 là tổng số đơn vị hành chính cấp Quận-Huyện. 650 nhà tù sẽ dựng lên trên quê hương đau khổ, tăng vọt hơn 10% số nhà tù hiện hữu! Trong khi ấy Quốc Hội của Nhà nước Cộng Sản báo động tình trạng thiếu trường học, thiếu lớp học, và than rằng: làm sao có ngân sách để xây thêm 18.000 phòng học trong niên khóa 1998-1999 để dứt điểm tình trạng học ca ba?

Tuy thời hạn tạm giam trong Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự nhà nước Cộng Sản không được quá 2 tháng, thế nhưng Bộ Luật cũng cho phép Viện Trưởng Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao "trong trường hợp cần thiết" có quyền gia hạn thêm "đối với tội đặc biệt nguy hiểm", thủ tội hồ lớn mà

nhà cầm quyền gọi là "xâm phạm an ninh quốc gia". Sự lộ liễu trong việc bắt người trái phép đã được chính Quốc Hội trong khóa họp hiện nay thanh trách là có 30% những người vô tội bị bắt.

Nghị Định 89/NĐ-CP là bước tiến mới trong sự đàn áp và khủng bố dữ dội giới đối lập và những người đấu tranh bảo vệ nhân quyền và tự do tôn giáo tại Việt Nam. Mỏ mìn cho chiến dịch khủng bố này là việc đổi tên Bộ Nội Vụ thành Bộ Công An trong năm 1998, nay cụ thể hóa qua việc xây dựng 650 nhà tù để bổ sung cho **Nghị Định 31/CP** do ông Thủ Tướng tiền nhiệm Võ Văn Kiệt ký ngày 14.4.1997. **Nghị Định 31/CP** về việc "quản chế hành chính" cho phép Công An cấp xã có trọn quyền bắt giam, quản thúc 6 tháng đến 2 năm bất cứ ai "xâm phạm an ninh quốc gia" mà không cần thông qua sự xét xử của tòa án. Nhân ngày kỷ niệm 50 Năm Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền" ra đời, Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam kêu gọi cộng đồng nhân loại gây áp lực yêu sách Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam này:

1. Hủy bỏ tức khắc **Nghị Định 89/NĐ-CP** trong việc dựng thêm 650 nhà tù;
2. Hủy bỏ tức khắc **Nghị Định 31/CP** về chế độ "quản chế hành chính";
3. Trả tự do tức khắc với đầy đủ quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do đi lại cho: Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Thượng Tọa Thích Huệ Đăng, Thượng Tọa Thích Thanh Tịnh, Tu sĩ Công giáo Mai Đức Chưởng, và các ông Trần Văn Lương, Nguyễn Văn Bảo, Lê Văn Sơn, Trần Nam Phương và Thi sĩ Vũ Đình Thụy.

Làm tại Paris, ngày 10.12.1998
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người
Việt Nam

THÔNG CÁO BÁO CHÍ ngày 15.12.1998

● **Kỷ niệm 50 Năm Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền: Hiến Chương của Những Người Đấu Tranh Cho Dân Chủ Á Châu ra đời tại Paris.**

Nghị hội Những Người Tranh Đấu Bảo Vệ Nhân Quyền vừa kết thúc tại Điện Chaillot ngày 11 tháng 12, thì qua ngày 12, Hội Nghị các Nhà Dân Chủ Á Châu khai mạc tại Paris. Do sáng kiến của nhà đấu tranh Trung Quốc Ngụy Kinh Sinh và với sự bảo trợ của Ấn Xá Quốc Tế, Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền và các Dân biểu Quốc Hội Pháp, lần đầu tiên một Hội Nghị các nhà đấu tranh cho dân chủ Á Châu được tổ chức tại Pháp. Hội Nghị thảo luận 4 đề tài:

Đề tài một: Nhân Quyền, công bằng xã hội, tôn trọng môi sinh có đi ngược lại sự phát triển kinh tế hay không? có là những yếu tố cần thiết trong bối cảnh khủng hoảng tiền tệ và toàn cầu hóa kinh tế chăng?

Đề tài hai: Hiện trạng nhân quyền tại Á Đông ra sao? có tiến triển gì không tại các nước Hoa Lục, Bắc Hàn, Miến Điện và Việt Nam, kể từ vụ đàn áp Thiên An Môn năm 1989?

Đề tài ba: Các xã hội công dân giúp được gì cho ngưỡng vọng dân chủ? Các lực lượng này thể hiện ra sao ở Indonesia, Hoa Lục, các nước thuộc bán đảo Đông Dương hay Tây Tạng?

Đề tài bốn: Các nhà Dân Chủ Châu Á hoạch định cuộc đấu tranh của họ như thế nào? Họ chờ đợi gì ở các nước dân chủ (Tây phương)? Hành động của họ đứng ở vị trí nào trong các yêu sách quốc tế?

Danh sách các Nhà Dân Chủ Châu Á được mời tham dự như thuyết trình viên in trên chương trình gồm có: Ngụy Kinh Sinh và Cai Chongguo (Trung Quốc), Ratna Sarumpaet, Ging Ginanjar (Indonesia), Võ Văn Ái (Việt Nam), Aung Ko (Miến Điện), Lobsang Nyandak (Tây Tạng), Martin Lee, Christine Loh (Hong Kông), Koh Yong-hwan (Bắc Hàn), Francis Daechoon Lee (Nam Hàn), Elisabeth Wong (Malaysia), Rithy Panh, Hoàng thân Samil Sissovat (Cam Bốt), Peter Ng (Đài Loan).

Ông Ngụy Kinh Sinh kêu gọi các nhà hành động Châu Á hãy gia tăng cuộc đấu tranh cho nhân quyền dù cuộc khủng hoảng tiền tệ và kinh tế đang hoành hành. Ông xác nhận rằng "phát triển kinh tế không thể đem vào dân chủ". Và "Khi chưa đánh đổ được chế độ độc tài cộng sản, khi chưa có một nhà nước pháp quyền, thì không thể nào thực hiện dân chủ". Ông nói đến sự cần thiết thành lập một "Liên minh những Nhà Dân Chủ Châu Á để hoạt động thanh toán các chế độ độc tài. Tại sao các chế độ độc tài liên kết với nhau, mà chúng ta, những người đấu tranh cho dân chủ lại không cùng nhau liên minh?".

Các đại biểu Tây Tạng, Miến Điện, Indonesia, Triều Tiên, v.v... đều nêu lên những tình trạng vi phạm nhân quyền trầm trọng, cũng như cuộc đấu tranh mãnh liệt cho dân chủ ở nước họ. Lần đầu tiên, người ta được nghe kể về chế độ tù ngục ở Bắc Hàn do nhân chứng Kong Chul-Hwan bị giam giữ như thú vật từ năm 9 tuổi đến 19 tuổi. Nhà tù Bắc Hàn là những ngôi làng hàng ngàn người sống như bầy thú, giành giết nhau từng con chuột bắt được.

Về trường hợp Việt Nam, ông Võ Văn Ái đã nhận lời mời thuyết trình hai lần qua hai đề tài "Hiện trạng Nhân quyền tại Việt Nam" và "Làm gì để giải quyết hiện trạng

phi nhân quyền và phi dân chủ tại Á Châu nói chung và tại Việt Nam nói riêng". Ông Ái đã nhắc tới lời của Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Lê Khả Phiêu định nghĩa nhân quyền, theo kiểu "ngoại lệ nhân quyền Châu Á", trong diễn văn kỷ niệm ngày ra đời bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền hôm 10 tháng 12 vừa qua tại Hà Nội. Ông Phiêu nói: "Việt Nam phải sử dụng các biện pháp ngăn ngừa chống lại những kẻ lợi dụng nhân quyền và dân chủ để xâm nhập vào nội bộ các quốc gia". Sau lời trưng dẫn này, ông Ái tố cáo **Nghị Định 31-CP** về quản chế hành chính nhằm bắt bớ các nhà đối lập, cũng như **Nghị Định 89/NĐ/CP** vừa ban hành hôm 7.11.98, cho phép xây dựng thêm 650 nhà tù mới ở cấp quận huyện để giam giữ các nhà tranh đấu cho nhân quyền và dân chủ. Ông cũng nói đến sự thất bại của nhà nước Việt Nam xây dựng trên liên minh Công Nông, qua sự kiện hàng chục ngàn nông dân khắp nơi, đặc biệt ở Thái Bình và Cửu Long, nổi lên tranh đấu chống cường hào Đò vào các năm 88-89 rồi 97; những cuộc biểu tình nhiều nghìn người Công Giáo đòi đất ở Đồng Nai năm 97 hay cuộc biểu tình 40.000 Phật Tử ở Huế năm 93. Đặc biệt đầu năm nay còn có sự lên tiếng của giới trí thức cộng sản như ông Trần Độ, Phan Đình Diệu, v.v... Sự lên tiếng của họ đã bắt đầu bước qua lĩnh vực đòi hỏi dân chủ và các quyền tự do căn bản. Khác với trước kia sự đòi hỏi giới hạn trong việc kêu oan, đòi phục hồi danh dự, hoặc tố cáo nhau giữa hai phe thân Trung Cộng và thân Liên Xô.

Ở đề tài thứ hai, ông Ái tố cáo các nước Tây phương đã bán rẻ nhân quyền để đổi lấy một vài trường hợp làm ăn béo bở, dù Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế bắt đầu thấy rõ tiền thô chưa đủ cho việc vực dậy một xã hội tụt tụt và khủng hoảng như Việt Nam. Ông Ái kêu gọi sự đánh thức lương tri Tây phương xuống đường đấu tranh cho dân chủ Châu Á, như trước kia nhân dân Âu Mỹ đã xuống đường cho hòa bình Việt Nam.

Ông Võ Văn Ái kêu gọi hãy thành lập một Liên Minh những nhà đấu tranh cho dân chủ Châu Á. Ông nói: "Tôi biết rằng hàng ngày những người đấu tranh bảo vệ nhân quyền phải đối diện với vô vàn khó khăn trong thế giới. Mỗi chúng ta có biết bao ngọn núi phải dời, chúng ta không còn thì giờ đầu nhìn sang những ngọn núi khác. Tuy nhiên, chúng ta phải vượt khỏi chuyện của mình để cùng hành động chung trong một trận tuyến kết hợp. Vì vậy, tôi đề nghị thành lập một Liên Minh Các Nhà Đấu Tranh Bảo Vệ Dân Chủ Châu Á, để trao đổi thông tin, kinh nghiệm đấu tranh và hỗ trợ nhau trong các cuộc vận động quốc tế. Nếu có sự kết hợp xuyên biên giới giữa những nhà đấu tranh, các Nhà nước độc đoán, độc

tài sẽ run sợ, các cơ quan truyền thông, dư luận quốc tế cũng như chính giới Âu Mỹ sẽ thức tỉnh".

Kết quả của cuộc Hội Nghị là sự ra đời của văn kiện đầu tiên mang tên **"Dự thảo Hiến Chương Của Những Nhà Dân Chủ Châu Á"** như một liên minh mới và đầu tiên tại Châu Á. Nguyên văn bản dự thảo Hiến Chương như sau:

*"Chúng tôi,
Những người đấu tranh bảo vệ nhân quyền và dân chủ, đến từ đại lục Á Châu họp tại Paris,*

Cùng ý thức đến ngưỡng vọng các dân tộc mà chúng tôi là người đại diện và đại biểu cho một phần tử nhân loại,

Chúng tôi tuyên cáo niềm tin vào tính phổ quát của những giá trị dân chủ cùng sự tôn trọng quyền con người,

Chúng tôi tuyên ngôn sự kết đoàn đấu tranh của chúng tôi để mỗi dân tộc Châu Á có thể biểu đạt và sống tự do, trong những thể chế dân chủ tự mình chọn lấy, trong sự tôn trọng các bản sắc, các nền văn hóa, các tín ngưỡng cũng như tôn giáo.

Chúng tôi tin ở trách nhiệm của mỗi người, là nền móng luật pháp cho mỗi người trong cộng đồng quốc gia và quốc tế.

Chúng tôi nghĩ rằng sự tìm kiếm bền bỉ những giải pháp hòa bình và thương lượng cho mọi hình thức tranh chấp là chìa khóa an lạc trong vùng cũng như trong thế giới.

Chúng tôi quyết định, nhân Hội Nghị lần thứ nhất này, thiết lập và bảo trì liên hệ giữa chúng tôi, để hỗ trợ giúp đỡ và tương trợ trong cuộc đấu tranh nhằm tới mục tiêu chung.

Làm tại Paris, ngày 12 tháng 12 năm 1998"

Các chữ ký đầu tiên của Hiến Chương được đọc vào lúc hội nghị bế mạc gồm có: Võ Văn Ái (Việt Nam), Ngụy Kinh Sinh (Trung Quốc), Aung Ko (Miến Điện), Lobsang Nyandak (Tây Tạng), Elisabeth Wong (Malaysia), Kong Chul-Hwan (Bắc Hàn), Francis Daechoon Lee (Nam Hàn), Peter Ng (Đài Loan), v.v...

*

Trong khuôn khổ hoạt động của cộng đồng người Việt tại Paris, Cơ sở Quê Mẹ và Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam đã tổ chức buổi nói chuyện cho ba tù nhân vừa được trả tự do về lại Pháp trong hai đợt đặc xá tháng 9 và tháng 10 vừa qua. Đó là các ông Phạm Anh Dũng (bị kết án 20 năm tù), Lê Hoàn Sơn (bị kết án 16 năm tù) và Phạm Văn Thành (bị kết án 12 năm tù). Đầu năm 1993 cả ba người về nước đấu tranh, nhưng đều bị bắt, bị kết tội "âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân" cùng với những người Việt khác về từ Hoa Kỳ và Canada. Do áp lực quốc tế, nhà cầm quyền Hà Nội đã

phải trả tự do cho họ sau 6 năm cầm cố ở trại A.20 rồi trại T.5 ở Thanh Hóa.

Trong ba giờ đồng hồ chiều chủ nhật 13.12.98, hội trường đã im phăng phắc nghe ba nhân chứng nói lên chế độ hà khắc, dã man của ngục tù cộng sản. Nhân chứng Lê Hoàn Sơn và Phạm Anh Dũng đã xác nhận chi tiết cuộc nổi dậy của 200 tù nhân chính trị ở trại A.20, Phú Yên, cuối tháng 10.94 đòi gặp mặt Phái đoàn Liên Hiệp Quốc do ông Louis Joinet, Chủ tịch Tổ hành động chống bắt bớ trái phép đến điều tra Việt Nam và có mặt ở Phú Yên vào thời điểm ấy. Các chi tiết và cuộc đấu tranh quy mô chưa từng có này đã được đưa ra trước diễn đàn LHQ năm 94-95, được báo chí quốc tế theo dõi, đăng tải, và được in lại trong cuốn sách "Cuộc Nổi Dậy ở Trại A.20 và Hồi ký Chuyển về nước đấu tranh" của Phạm Văn Thành chuyển ra lúc Thành còn ở trong tù và do Quê Mẹ xuất bản đầu năm 1997.

Trong lời khai mạc buổi nói chuyện tổ chức tại trụ sở của Công Đoàn Lực Lượng Thợ Thuyền Pháp (Force Ouvriere) ở Paris quận 14, vị Đại diện Lực Lượng Thợ Thuyền Pháp đã nói: "Rất tiếc ông Tổng Thư Ký Cộng Đoàn chúng tôi, Marc Blondel, không thể đến dự buổi nói chuyện hôm nay vì đi công tác nước ngoài. Marc Blondel không xa lạ gì các bạn, vì có chân trong Ban Cố Vấn của Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam. Đó cũng là lý do chúng tôi dành để hội trường này cho những người tù mới được trả tự do phát biểu hôm nay. Chúng tôi muốn nhấn mạnh một điều là Công Đoàn Lực Lượng Thợ Thuyền Pháp luôn đấu tranh cho tự do và dân chủ và ủng hộ những người đấu tranh bảo vệ nhân quyền và dân chủ, bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Lực Lượng Thợ Thuyền Pháp không giao thiệp, không cấu kết với bất cứ nhà nước độc tài nào trong thế giới dù thuộc phe tả hay phe hữu, trong có Việt Nam".

Trước khi giới thiệu ba diễn giả mà ông Võ Văn Ái gọi là Đấu Sĩ cho nhân quyền và dân chủ. Ông xin lỗi không dùng chữ "chiến sĩ", vì chiến sĩ gọi đến chiến tranh, mà nay ta đang đấu tranh trên lĩnh vực nhân quyền, chính trị, tức không sử dụng vũ khí. Trước tiên ông Ái vinh danh chị Phạm Anh Dũng, chị Lê Hoàn Sơn và chị Phạm Văn Thành và xin hội trường một tràng pháo tay nồng nhiệt. Bởi vì, ông nói, trong khi ba người ở tù, thì các chị cũng sống trong một loại ngục tù khác của sự cô đơn, nghèo khó. Không có sự hy sinh của các chị thì ba tù nhân kia khó "tát được biện Đông".

Sau đấy, ông Ái đưa ra một con số để dẫn nhập vào cuộc nói chuyện của Lê Hoàn Sơn, Phạm Anh Dũng, Phạm Văn Thành. Đó là con số cho thấy một Nhà nước không có con người, không có

quyền con người, nên mới dấn dặt đến việc kết án bừa bãi và giam tù những người khát khao nhân quyền và dân chủ. Ông Ái nói: "Chỉ 2000 quân nhân Mỹ mất tích, mà Hoa Kỳ đặt thành chính sách đối ngoại. Trong khi ấy, Đảng Cộng Sản Việt Nam chẳng hề lưu tâm tới những người lính đã chết, đã mất tích cho họ được hưởng đặc quyền đặc lợi ngày nay. Họ không hề tìm kiếm hay khôi phục danh tánh số thí quân này. Và cũng chỉ ở Hoa Kỳ, ở Đại Học Massachusetts chủ không là Hà Nội, người ta mới tìm thấy 24 cây số micro phim lưu trữ các tài liệu, nhật ký, thư tín của 600.000 bộ đội cộng sản mất tích. 600.000 người mất tích ấy có nghĩa là 600.000 bà mẹ hay người vợ đang chờ mong con hay chồng chẳng bao giờ trở lại và chẳng bao giờ biết được chồng con mình sống chết ra sao".

*Làm tại Paris, ngày 15.12.1998
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người
Việt Nam*

BUÔNG XẢ

● Nguyên Túy



*Sáng tinh sương thức dậy
Ménh mòng bầu trời trong
Cửa tâm linh rộng mở
Lòng thanh thản vô song*

*Như chiếc áo sờn rách
Như nổi buồn tả tơi
Như băng khuáng phiến nảo
Được ném trả cho đời*

*Tham-sân-si lia bỏ
Thân chẳng hề buông lung
Tín nguyện theo chân Phật
Hành sự lợi ích chung*

Tin sinh hoạt cộng đồng

● Thiện Hậu Nguyễn Minh Hiền phụ trách

Một năm mới bắt đầu, trong không khí của mùa Xuân, tiếng chuông chùa vọng vang đón mọi người về quần tụ trong mái nhà tình thương của Đức Phật Như Lai.

Đến với phần tin Sinh Hoạt Cộng Đồng đầu năm, chúng ta cùng nhìn lại những gì đã trôi qua trong năm 1998 và những gì đã diễn ra, dù còn số lược vào đầu năm 1999.

Thiên tai và chiến tranh là hai thảm họa của loài người mà với sức tàn phá ghê gớm của nó, hàng trăm năm sau có những sự kiện mãi mãi đi vào lịch sử của nhân loại.

Với thế giới năm 1998 là năm có đủ các thảm họa trên. Mà trong đó Việt Nam cũng không nằm trong ngoại lệ. Vừa "chia tay" với cơn bão mang tên Linda hồi năm ngoái, cuối năm nay vào trung tuần tháng 11.1998 cơn bão số 5 đã tàn phá nặng nề chín tỉnh vùng duyên hải miền Trung, từ Quảng Nam đến Khánh Hòa và Daklak. Theo thống kê bước đầu đã có tới 115 người chết, 56 tàu thuyền cùng 6 người mất tích, hơn 1.400 căn nhà bị sập hay nước cuốn trôi, 380.000 căn nhà đang bị ngập, hàng ngàn công trình thủy lợi, thông tin và giao thông bị phá hỏng v.v... Sự thiệt hại tạm thời được ước lượng vào khoảng 22 triệu đô-la.

Tại Đức, sự thay đổi chính trị đã tạo cho đa số người Việt đang ở trong tình trạng tạm dung một niềm hy vọng to lớn, vì trong chương trình tranh cử Liên Minh cầm quyền mới đầu tuyên bố là sẽ giải quyết vấn đề tỵ nạn một cách nhân đạo và toàn diện. Song kết quả cụ thể sẽ ra sao, thì ít ra là vào giữa năm 1999 mới có thể ngã ngũ. Sau "cơn sốt" của tỵ nạn chính trị, thì việc "khẩn trương" lo đi làm là những nét dễ nhận ra của những người tỵ nạn.

Là những người Phật Tử chúng tôi luôn luôn cầu mong cho đất nước Việt Nam được an bình. Mọi người mọi loài đều gặp được nhiều may mắn và hưởng thái bình an lạc, ở khắp mọi nơi trên thế giới.

Sau đây là một số tin tức chúng tôi nhận được trong thời gian qua:

■ Buổi nói chuyện của ông Trần Mạnh Quỳnh

- Người về tù ngục tù cộng sản - đã diễn ra tại Hội trường Chùa Viên Giác vào ngày 05.12.98, do sự phối hợp tổ chức của Liên Minh Việt Nam Tự Do; Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại CHLB Đức; Liên Hội Người Việt Tỵ Nạn tại Đức; Hội Phụ Nữ Việt Nam Tự Do tại CHLB Đức và Có Sở Mật Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam tại Đức. Buổi thuyết trình đã lôi cuốn sự theo dõi của hàng trăm người tới tham dự, cùng nhiều đoàn thể, hội đoàn chính trị tại Đức. Ông Trần Mạnh Quỳnh là một người sinh ra và trưởng thành tại thành phố Huế. Chính mắt ông đã nhìn thấy những tội ác man rợ do cộng sản gây ra trên quê hương vào dịp Tết Mậu Thân 1968, và nhiều những sự kiện lịch sử đau lòng do chính chế độ này để lại trên quê hương Việt Nam. Nhận ra bản chất của vấn đề, ông càng thêm yêu quê hương và dân tộc. Vào những thập niên 90, bản án của CSVN kết tội ông tử hình mấy chục năm tù tội chung thân cũng không làm ông mất đi ý chí kiên cường đó. Vì ông và đồng đội nghĩ nhiều tới sự thiệt hại vô tội của người dân mà tiếng mìn chưa nổ để phá tan bức tượng Hồ Chí Minh tại trung tâm thành phố, hay phá sập khu lưu niệm tại bến cảng Sài Gòn- Một thần tượng mị dân của chế độ CSVN. Hôm nay, vì áp lực quốc tế, vì nỗ lực đấu tranh của đồng bào hải ngoại, chính quyền CS Việt Nam đã phải trả tự do cho một số tù nhân chính trị vào tháng 9.1998, trong đó có ông. Điều này không có nghĩa là đảng CSVN đã có thiện chí muốn thay đổi thực sự, vì hiện nay vẫn còn nhiều tù nhân chính trị và tôn giáo đang bị giam giữ tại Việt Nam. Theo quan điểm của ông, cuộc đấu tranh và vận động tại hải ngoại là cần thiết và liên tục. Chúng ta cũng liên kết để tạo nên sức mạnh, điều quan tâm mấu chốt là: tìm một hướng đi chung cho dân tộc.

■ Kỷ niệm 50 năm ngày ra đời Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền tại Berlin

Ngày 10.12.1998 với sự tham gia của trên dưới 400 người đến từ nhiều nơi tại Đức. Tổ Chức Liên Minh Việt Nam Tự Do đã long trọng khai mạc kỷ niệm ngày lễ trọng đại nói trên. Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện chủ Chùa Viên Giác, cũng đã dành một số thời gian tới làm lễ cầu an và nói chuyện với mọi người. Tuy thời tiết rất lạnh, nhưng mọi người

cũng giữ được trật tự và thực hiện tốt những yêu cầu của Ban Tổ Chức. Buổi biểu tình bắt đầu vào lúc 10 giờ ngày 10.12.98 tại Công trường Alexanderplatz và sau đó tại Lãnh sự quán Cộng Sản Việt Nam.



Thượng Tọa Thích Như Điển và khung cảnh buổi biểu tình ngày 10.12.1998 tại Công trường Alexanderplatz - Berlin.

■ Chương trình Việt ngữ mang tên Hy Vọng (Đài Flora - Hannover)

Được thành lập vào 01.04.1997. Là tiếng nói của các bạn trẻ với tinh thần phục vụ cộng đồng một cách thiện nguyện và bất vụ lợi. Ban Biên Tập gồm những anh, chị em trí thức, thuộc tầng lớp trẻ, có tinh thần đầu tranh cho một nước Việt Nam thực sự tự do dân chủ ấm no và hạnh phúc. Ban Biên Tập đã trực tiếp phỏng vấn, tiếp xúc và đưa những hoạt động khá nổi bật, đa dạng tại Đức. Về các lĩnh vực Tôn Giáo, Văn Hóa, Xã Hội, Nhân Quyền v.v... Qua sự làm việc với một số vị Lãnh đạo như Thượng Tọa Thích Như Điển, Tổng Thư Ký GHPGVNTN Âu Châu; ông Nguyễn Ngọc Bích, Giám đốc đài Á Châu Tự Do (Hoa Kỳ)... hay một số văn sĩ trí thức như ông Bùi Tin; Nguyễn Chí Thiện v.v... Đồng thời hàng tuần đài phát những tin tức cấp thời về sinh hoạt cộng đồng tại Đức cũng như tình hình tại Việt Nam và trên thế giới. Với phương tiện truyền thông này Đài mong muốn phổ biến, phát huy và bảo lưu những tinh hoa truyền thống Văn hóa của Dân tộc.

Mời các bạn đón nghe vào thứ bảy hàng tuần lúc 14 giờ tới 15 giờ trên làn sóng UKW 106,5; Kabel: 102,15 MHz.

■ Tin trong năm và thưởng hưởng của tổ chức B.B.V. - Tiểu Ban Giải Trữ Pháp Nạn tại Hannover và VPC.

Với một tổ chức chính trị, một năm vừa qua là thời gian chịu khá nhiều biến động khách quan và cả chủ quan. Nhiều khi là cả một sự khó khăn và cam go cần phải vượt qua.

Song được sự trợ giúp và hướng dẫn kịp thời của Thượng Tọa Thích Như Điển, Tổng Thư Ký GHPGVNTN Âu Châu; ông Thị Tâm Ngô Văn Phát, Hội Trưởng Hội Phật Tử VNNT tại CHLB Đức; Ủy Ban GTPN Đức Quốc (B.B.V) - Tiểu Ban tại Hannover & VPC dẫn dắt tháo gỡ được các khó khăn và nỗ lực hoạt động tiếp tục.

Cụ thể là một Ban Chấp Hành tạm thời được bầu ra vào tháng 10.98, với sự lo lắng quan tâm của mọi thành viên cùng anh Thiện Tín Dương Văn Mạnh, quyền Trưởng Ban, đã duy trì có kết quả các hoạt động của tổ chức. Tiêu biểu là đợt Tuyệt Thực kéo dài 48 giờ đồng hồ tại thành phố Dessau, kêu gọi và vận động các chính khách, quan chúng ở phía Đông mảnh đất của chế độ Cộng Sản cũ. Cuộc đấu tranh dựa trên tinh thần kêu gọi của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo (Hoa Kỳ) và Chín điểm yêu sách do Hòa Thượng Thích Huyền Quang, quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN gửi nhà cầm quyền Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Việc thiết lập các Bàn Thông Tin để phát truyền đơn tới quần chúng nhân dân Đức tại các địa phương vẫn duy trì. Hàng nghìn chữ ký ủng hộ công cuộc đấu tranh cho Tự do Tôn Giáo và Nhân Quyền tại Việt Nam vẫn được tổ chức kiên trì gửi tới các cơ quan hữu trách tại Đức và Việt Nam.

Về lĩnh vực Thông Tin và Báo Chí, tổ chức vẫn luôn luôn nhận được các thông báo, giấy mời họp của các tổ chức chính trị lớn tại Đức như: Liên minh Việt Nam Tự Do; Tổ Chức Sinh Hoạt Cộng Đồng Người Việt; Tổ Chức Nhân Quyền IGFM, v.v...

Đồng thời với các văn bản hướng dẫn kịp thời nhận được từ GHPGVNTN do Thượng Tọa Thích Như Điển trao lại, Tổ Chức cũng đã liên lạc đặt và nhận được báo chí từ cơ sở báo Quê Mẹ (tại Pháp).

Nhờ có sự nắm bắt kịp thời các thông tin cần thiết, Tổ Chức đều tham gia các sinh hoạt chính trị lớn tại Đức do các Hội Đoàn mời phối hợp như: Biểu tình Tuyệt Thực tại Braunschweig, Bonn, Berlin, v.v... Ngoài ra, ngay tại Chùa Viên Giác - Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức, nhiều buổi hội thảo hay sinh hoạt chính trị bổ ích đều có các thành viên của Tổ Chức tham gia, đóng góp xây dựng. Vào ngày 26.1.1999, Ban Chấp Hành sẽ mời toàn thể thành viên về tham dự ngày Kỷ niệm 2 năm ra đời của Tổ Chức. Đồng thời tổng kết những công việc đã làm trong năm cũng như đề ra phương hướng hoạt động cho một năm mới. (Ban Chấp Hành B.B.V.)

■ **Họp báo Viên Giác cuối năm 1998**

Thượng Tọa Viện Chủ kiêm Chủ nhiệm báo Viên Giác đã chủ tọa buổi họp báo thường lệ vào cuối năm từ 10 giờ ngày 19.12.1998 tại Thư Viện Chùa Viên Giác, Hannover - Đức Quốc. Thành phần tham dự, ngoài những thành viên của các Ban Biên Tập, Ban Kỹ Thuật và Ấn Loát, còn có sự hiện diện của hai cộng sự viên thường xuyên của tờ báo Viên Giác, đó là nhà văn Giang Phúc Đông Sơn đến từ Frankfurt và Phan Hùng Nhơn, biên khảo Việt sử, đến từ Münster.

Trong phần mở đầu, Thượng Tọa Chủ Nhiệm đã ngỏ lời chào mừng và tán thán công đức của tất cả Đạo Hữu thành viên trong các Ban đã hoan hỷ đóng góp công sức trong việc duy trì và xây dựng lớn mạnh tờ báo Viên Giác. Thượng Tọa Chủ Nhiệm cũng gửi lời cảm ơn tất cả những cộng sự viên và tri ân độc giả, các Mạnh Thường Quân ủng hộ không ngừng cho tờ báo được phát triển nhằm phục vụ tốt cho độc giả bốn phương.

Tiếp theo, Đạo Hữu Nguyên Trí (Phù Vân), Chủ Bút, đã trình bày hoạt động của tờ báo trong năm qua liên quan đến tình hình nhân sự, công tác, những khó khăn và thuận lợi.

Phần sôi nổi như thường lệ vẫn là những đóng góp ý vào từng tiết mục, nhằm cải tiến thêm để nội dung hay hơn, cũng như soi rọi lại phần trình bày tờ báo, các hình vẽ, các kiểu chữ, cỡ chữ lớn nhỏ để cho tờ báo sáng sủa, trang nhã hơn...

Các dự kiến công tác trong năm tới cũng được bàn đến và dự tính ra số báo Đặc Biệt Viên Giác 114 vào năm 2000 và cũng là số báo Xuân Canh Thìn. (Tin PV)

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Đã nhiều lần Ban Biên Tập báo Viên Giác thông báo cho quý vị độc giả biết là khi nào có thay đổi địa chỉ phải ghi rõ bằng:

CHỮ IN : HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CŨ. HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ MỚI.

để tránh sự nhầm lẫn khi có nhiều người trùng **HỌ VÀ TÊN** nhau. Nhưng rất tiếc cho đến nay, chúng tôi nhận thư thay đổi địa chỉ của quý vị gửi đến **TRÊN 80% CHỈ GHI ĐỊA CHỈ MỚI** mà thôi.

Một lần nữa, chúng tôi xin thông báo cho quý vị biết là trong tương lai nếu quý vị nào thay đổi địa chỉ mới mà không ghi địa chỉ cũ, thư của quý vị coi như không có giá trị và quý vị sẽ không có báo đọc.

VIỆC THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHÚNG TÔI KHÔNG NHẬN QUA ĐIỆN THOẠI. VÌ QUA ĐIỆN THOẠI NÓI TÊN ĐƯỜNG KHÔNG RÕ RÀNG NÊN BẢO BỊ THẤT LẠC.

Xin quý vị thông cảm những khó khăn của chúng tôi mà giúp đỡ cho.

■ **Thông báo của Chi Hội PTVNTN tại Nürnberg + Furth + Erlangen**

Xuân Kỳ Mão 1999. Chi hội PTVNTN 3 vùng Nürnberg +Furth + Erlangen sẽ tổ chức mừng Xuân vào lúc 9 giờ ngày thứ Bảy 27.02.1999 tại Hội trường Caritas Langweisser Süd, Giesbertstrasse 65. 90473 Nürnberg. Chương trình gồm có: Lễ Thượng Thọ, Quy Y, Gởi đàn thọ Bồ Tát giới, Cầu An, Giải Hạn, Cầu Siêu dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển và Chú Tôn Đức v.v... Chú Tôn Đức sẽ phát lộc may mắn cho chúng ta, cũng như được hái lộc của Chi Hội như mọi năm.

Đặc biệt năm nay có phần văn nghệ, múa lân, giải trí, phần phát hành những món ăn đặc sản đầy đủ hướng vị cho 3 ngày Tết.

Mọi chi tiết xin liên lạc về: C/o Hồ Thanh, Federgrasweg 7, 90768 Fürth. Tel.: 0911/ 754560. Tel & Fax: 0911 / 7540832

THAM KHẢO Ý KIẾN BẠN ĐỌC

(Xin quý vị đánh dấu x vào những ô vuông. Và cắt mẫu này gửi về Chùa Viên Giác)

Trong mỗi số báo Viên Giác, có những mục thường xuyên, như:

1. **Tôn Giáo, Văn Hóa Phật Giáo:** Giữ nguyên . Bớt Thêm
2. **Phần tiếng Đức:** Giữ nguyên . Bớt Thêm
3. **Văn Nghệ:**
 - Trang Hoa Phụng và Gia Đình Phật Tử: Giữ nguyên . Bớt Thêm
 - Vườn Thơ Viên Giác: Giữ nguyên . Bớt Thêm
 - Biên Khảo: Giữ nguyên . Bớt Thêm
 - Điểm Sách: Giữ nguyên . Bớt Thêm
 - Thơ, Văn: Giữ nguyên . Bớt Thêm
4. **Y học thường thức:** Giữ nguyên . Bớt Thêm
5. **Gia Chánh Chay:** Giữ nguyên . Bớt Thêm
6. **Trang Thể Thao:** Giữ nguyên . Bớt Thêm
7. **Tin tức Sinh Hoạt:**
 - Tin Cộng Đồng: Giữ nguyên . Bớt Thêm
 - Tin Phật sự: Giữ nguyên . Bớt Thêm
8. **Tin tức Thời sự Thế Giới:**
 - Tham luận chính trị: Giữ nguyên . Bớt Thêm
 - Diễn Đàn Dân Chủ: Giữ nguyên . Bớt Thêm

GHI CHÚ: Xin gửi về Tòa Soạn từ đây cho đến cuối tháng 6.1999.

THUÊ HOẶC BÁN NHÀ HÀNG TÀU

Vi điều kiện chúng tôi cần một chút thời gian nghỉ ngơi. Nên cần cho thuê hoặc bán nhà hàng Tàu: 80 chỗ ngồi. Điều kiện thuận tiện cho quý bạn: Nhà hàng nằm giữa trung tâm thành phố du lịch và có trạm điều dưỡng lớn (Reha-Klinik + Panorama-Kurzhaus). Đặc biệt hơn nằm cạnh nhà thờ nên hằng năm vào 2 tháng hè (6-8) có hội diễn nhà thờ lớn: "Domfestspiel".

Có mức thu nhập cao hơn 2 tháng Weihnacht. (Khắp nước Đức về đây thăm hội).

Nhà hàng không nợ nơi nào cả (Bank+Bier Frei). Nên bạn có thể vay hàng Bier 50.000 Đức Mã (Bất cứ hãng nào bạn muốn).

Mọi chi tiết khác xin hỏi Bà Nhuận.
Tel : 05382 / 2072 từ 21 giờ.

SANG TIỆM ĂN

Tiệm Á Châu tại một thành phố lớn (Cách Berlin 150 Km). Có 100 chỗ ngồi, lịch sự, trang nhã. Thầu nhập khá. Có tiếng tại thành phố này. Vì lý do gia đình cần cho thuê lại hoặc sang. **Tel. : 0172 / 9557331**

Tin Phật Sự

■ Vào ngày 19 tháng 12 năm 1998 vừa qua tại Chùa Viên Giác Hội An - Quảng Nam, Tăng đồ và Pháp quyến đệ tử xuất gia cũng như tại gia đã làm lễ cầu nguyện tuần Chung Thất, Cúng Đường Trai Tăng cũng như Chấn Tế Cô Hồn cho Cố Giác linh Hòa Thượng THÍCH LONG TRÍ, bổn sư của Thượng Tọa Trụ Trì Chùa Viên Giác - Hannover, Đức Quốc.

Có hơn 170 vị Tăng Ni đến từ Sài Gòn, Đà Lạt, Đại Ninh, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế về chứng minh, tham gia đại lễ này. Tại Hội An có Hòa Thượng Thích Trí Nhân; tại Bình Định có Hòa Thượng Thích Bảo An, Hòa Thượng Thích Thiện Nhơn; tại Đà Nẵng có Hòa Thượng Thích Minh Tuấn chứng minh và gia trì đại lễ.

Về phía Phật Tử có khoảng 200 vị từ các quận hội và xã Cẩm Nam tề tựu về Chùa Viên Giác để tham gia đại lễ này. Trong lúc lễ Trai Tăng vào ngày 19 tháng 12 năm 1998 Thượng Tọa Thích Như Điển cũng đã điện thoại về Việt Nam dâng lời tác bạch lên Chư Tôn Đức cũng như thừa truyền di chúc của Hòa Thượng Bốn Sư công củ Đại Đức Thích Như Thành và chức Giám Tự của Chùa Viên Giác và Đại Đức Thích Như Dự phụ tá, trong khi chờ đợi Đại Đức Thích Như Tịnh học ra trường, sẽ đảm nhiệm chức vụ Trụ Trì tại đây.



Đại lễ cúng đường trai tăng tại chùa Viên Giác Hội An, Quảng Nam ngày 19.12.1998

■ Vào ngày 20 tháng 12 năm 1998 tại Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc, cũng đã cử hành Lễ Cầu Siêu tuần Chung Thất cho Hòa Thượng THÍCH LONG TRÍ, Bổn Sư của Thượng Tọa Trụ Trì Thích Như Điển, dưới sự chứng minh và chủ lễ của Hòa Thượng Pháp Chủ Thích Giác Nhiên, đến từ Hoa Kỳ, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu cùng với 40 Tăng Ni trong Giáo Hội Âu Châu cũng như Chi Bộ Đức Quốc.

Có hơn 150 Phật Tử xa gần khắp nước Đức đã về đây tham dự tuần Chung Thất của Hòa Thượng và các Chi Hội, các Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức cũng đã đóng góp tịnh tài từ khi Hòa Thượng viên tịch đến 49 ngày, số tiền tổng cộng là 3.000\$US. Số tiền này chúng tôi đã gởi về Việt Nam để xây tháp cho Hòa Thượng và tổ chức Tang Lễ. Kính cảm niệm công đức của Chư Tôn Đức và quý Phật Tử xa gần đã thể hiện tấm thịnh tình qua việc điện thư, điện tín, điện thoại, thăm hỏi, cầu nguyện cũng như phúng điệu này. Kính nguyện Tam Bảo gia hộ cho Chư Tôn Đức và quý Phật Tử xa gần được Bồ Đề quả mãn.

Trong tuần Chung Thất này, Hòa Thượng Thích Minh Tâm và Hòa Thượng Thích Giác Nhiên cũng đã ban cho quý Phật Tử tham dự lễ hai thời pháp thật vô cùng quý giá. Sau khi thỉnh pháp, quý Phật Tử đã hoan hỷ phụng hành.



Hình chụp trước Tổ Đường chùa Viên Giác - Hannover nhân tuần 49 với Chư Tôn Đức và môn đồ pháp quyến

I. Tân Ban Chấp Hành Chi Hội PTVNTN tại Berlin

Ngày 7.11.1998, dưới sự chứng minh của Ni Sư Thích Nữ Diệu Phước, Trụ trì Chùa Linh Thụ, Sư Cô Huệ Niệm, Sư Cô Tâm Viên, một buổi họp gồm tất cả thành phần trong Ban Chấp Hành cũ và hơn 40 Đạo Hữu, Phật Tử tham dự để bầu Tân Ban Chấp Hành Chi Hội nhiệm kỳ 1998-2000.

Thành phần Tân Ban Chấp Hành, như sau:

- Chi Hội Trưởng: ĐH. Tâm Bích Trần Thị Hồng Sương
- Chi Hội Phó Ngoại Vụ 1: ĐH. Thiện Hải Trịnh Kim Sơn
- Chi Hội Phó Ngoại Vụ 2: ĐH. Thiện Giới Phi Thị Lan Hương
- Chi Hội Phó Nội Vụ 1: ĐH. Tâm Nghĩa Phạm Nhân
- Chi Hội Phó Nội Vụ 2: ĐH. Từ Lương Nguyễn Chánh Trục
- Thủ Quỹ: ĐH. Đạt Huệ Nguyễn Thị Thu Hà
- Thư Ký: ĐH. Diệu Minh Lâm Liêng Nguyệt

Địa chỉ liên lạc:

ĐH. Trần Thị Hồng Sương, c/o Chùa Linh Thụ
Pinnebergerweg 14. 13581 BERLIN. Tel. 030 - 36 71 12 87
Tủ Gia : Sybelstr. 13. 10629 BERLIN. Tel. 030 - 32 70 68 07

■ Tân Ban Chấp Hành Chi Hội PTVNTN tại Nürnberg - Fürth - Erlangen

Trong hai ngày 28-29.11.1998, nhân dịp Lễ Phật Cầu An - Thọ Bát Quan Trai, dưới sự chủ lễ và chứng minh của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng Chi Bộ Phật Giáo Đức Quốc, đồng bào Phật Tử vùng Nürnberg-Fürth-Erlangen đã bầu Tân Ban Chấp Hành Chi Hội nhiệm kỳ 1998-2000.

Thành phần Tân Ban Chấp Hành, như sau:

- Chi Hội Trưởng: Đức Hương Hồ Thanh
- Chi Hội Phó Nội Vụ: Thiện Phương Nguyễn Thái Nam
- Chi Hội Phó Ngoại Vụ: Thiện Hạnh Võ Thị Mỹ
- Thư Ký: Thiện Như Mai Bích Lan
- Thủ Quỹ: Diệu Thiện Tiêu Thị Thi
- Phụ Tá Thủ Quỹ: Thiện Hạnh Giang Lăng Hía
- Trưởng Ban Trai Soạn: Lệ Cư Huỳnh Thị Hồng Xuân

Ban Cố Vấn và Xã Hội & Tưởng Tế :

Diệu Hương Võ Thị Lý - Thiện Trọng Phạm Văn Đứ
Diệu Anh Diệp Ngọc Diệp - Thiện Giác Trương Văn Tảo
Diệu Kim Diệp Tố Cẩm - Thiện Phúc Nguyễn Đình Lộc
Diệu Lộc Võ Thị Lợi - Thiện Vinh Huỳnh Hiến
Thiện Vũ Nguyễn Kim Oanh - Thiện Vũ Nguyễn Cao Tường.

Địa chỉ liên lạc: ĐH. Hồ Thanh. Federgrasweg 7 - 90768 Fürth
Tel. 0911-754650 FAX 0911-7540832

Nhân dịp này, thay mặt Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức Quốc, chúng tôi xin chào mừng hai Tân Ban Chấp Hành và nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho quý Đạo Hữu thành viên trong Ban Chấp Hành thân tâm thường an lạc, gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp trong công việc Phật sự được giao phó.

■ Thư mời của Chi Hội Phật Tử Reutlingen

Trân trọng kính mời quý Đạo Hữu Phật Tử và Đồng Hương đến tham dự buổi lễ Phật đầu năm gồm có cầu an, cầu siêu và cúng Sao do Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tị Nạn Reutlingen tổ chức từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều ngày thứ Bảy 20.02.1999 nhằm mừng Năm Tết Kỷ Mão, tại Halle nhà thờ Saint Andreas ở Orchel Hagen - Reutlingen (nhà thờ nhỏ) - Địa điểm thường tổ chức lễ Phật định kỳ.

Nhân dịp Tết Kỷ Mão, chi Hội có phát Lộc đầu năm của Thượng Tọa Viện Chủ chùa Viên Giác thỉnh từ Ấn Độ, gửi biểu các Phật Tử và Đồng Hương

**Chi Hội Trưởng Chi Hội PTVNTN Reutlingen & VPC
Thiện Hậu Trần Xuân Hiền .**

Beim Herbstenhof 42. 72076 Tübingen.

QUÊ HƯƠNG TÔI ĐAU NẶNG

Đó là lý do một Ni sinh miền Trung xin phép được nghỉ học để về giúp đỡ quê nhà đang bão lụt. Thật vậy, tính từ đầu năm 98 đến nay, quê hương tôi không chỉ đau nặng lần này mà đã trải qua bao cơn bệnh ngặt nghèo.

Tháng 2/98 cơn bão số 5 đột ngột hoành hành dữ dội làm hàng trăm ngư dân phải thiệt mạng dưới lòng biển sâu. Sau đó, nhiệt độ khắc nghiệt của hiện tượng Elnino lại phủ trùm lên các vùng cao nguyên, khiến giếng khô, sông cạn, đất nứt, mùa màng thất thu và người ta tán gia bại sản. Nhưng họa vô đơn chí, từ trung tuần tháng 11 đến nay, do ảnh hưởng của bão số 5 và các cơn bão số 6, 7, 8 lần lượt tàn phá các tỉnh miền Trung đến các vùng ven biển.

Sự đau khổ mất mát này không chỉ riêng các đồng bào nạn nhân bão lụt, mà còn là nỗi đau của tất cả mọi người. Do đó, khắp nơi đều đổ dồn về cứu trợ miền Trung, nơi thiệt hại nặng nề nhất. Riêng chùa Bảo Vân, vừa nhận được quà ủy lạo của chùa Viên Giác, Bảo Quang, Linh Thủ ở Tây Đức và Tịnh thất Bảo Quang ở Canada, chúng tôi cũng đã tổ chức một chuyến cứu trợ đến các miền bão lụt.

Mặc dù những ngày 10, 11, 12, 13 tháng 12 đang là đỉnh cao của cơn bão số 8, hàng trăm đoàn cứu trợ vẫn lần lượt đi về các vùng nước lụt. Nhất là ngày 23 âm lịch đã trở thành một cái "huống" ở miền Trung:

*"Ông không tha, bà không tha
Nhờ ngày lụt lớn 23 tháng 10"*

Đoàn chúng tôi về tỉnh Quảng Nam vào ngày 17.12.98. Các xã chúng tôi chọn nằm dọc theo dòng sông Thu Bồn. Lúc này nước vừa rút, những ngày căng thẳng chết chóc, đói lạnh và sợ hãi tạm lắng dịu. Trên đường đi, xe chúng tôi phải vất vả vượt qua những đoạn đường bùn sinh lầy lội. Đường đất thì nhão và ướt còn đường nhựa thì bị sỏi lở từng mảng lớn, cột điện đổ nghiêng ngã hai bên đường, có cái còn chắn ngang cả lối lưu thông. Có những ngôi nhà tường từng chống cự cùng cơn nước, mới chỉ mười ngày mà rong rêu bám phủ, cây lá xác xơ. Quang cảnh xóm làng đâu đâu cũng điêu tàn, cũ kỹ.

Đến xã Thu Bồn, chúng tôi phải chuyển hàng qua ghe máy để lên chùa An Thạnh thuộc xã Duy Thu. Nơi đây chúng tôi phân phát 200 phần quà. Từng cơn bão dồn dập đã làm đời sống dân cư địa phương này ngưng trệ, thời gian này họ chỉ còn trông vào các đoàn cứu trợ.

Từ chùa An Thạnh chúng tôi đi ngược về thượng nguồn Quế Sơn. Muốn đến nơi này phải đi bằng ghe máy hết 6 giờ đồng hồ. Nơi đầu sông này, khi nước lũ dâng lên cuộn cuộn, một bà mẹ trở tay không kịp đã bỏ rơi hai đứa con nhỏ cùng với khai sanh, giấy tờ hộ thân vào một cái lu, thả trôi theo dòng nước. May sao một người dân cuối nguồn vớt được, 2 đứa bé vẫn còn sống! Và không thể kể hết còn bao nhiêu là thảm kịch mùa bão lụt!

Ở hai bên bờ sông, lưng chừng những ngọn tre cao vút rác rưởi vẫn còn vướng mắc, đó là dấu ấn những ngày nước lụt dâng lên cao đến 4 mét. Có những gốc cây to bị bão quật ngã, nằm kènh càng trên mặt đất. Cách địa danh Hòn Kẽm Đá Dừng một cây số một bên là Tý bồi, một bên là Tý lở. Bên bồi khi bão lụt đến, thì cát sạn

"bồi" đầy một nhà, cào hết đóng cát rồi thì tài sản của cái tàn mạn không biết chôn vùi ở đâu! Đường vào Tý bồi như lên đèo xuống dốc do cát dồn thành đống chỗ cao chỗ thấp. Còn bên lở, khi nước vào, đất lở cuốn ra sông làm nhà của trôi theo. Nơi dân cư sinh sống trước đây chỉ còn lại cát trắng phẳng lì! Điều chúng tôi xót xa nhất là trẻ em ở đây, trên những nét mặt non nớt, đôi mắt trong sáng vẫn còn vương lại nét hãi hùng. Đồng bào ở đây một số sống bằng nghề đốn củi, làm rẫy, một số có ghe thì hút sạn sỏi ở lòng sông. Nhưng sau này có lệnh cấm rừng và không được lấy sạn sỏi ở lòng sông, trọc rừng. Đất rừng, đá núi nên đời sống cư dân nơi đây bình thường cũng đã thấp kém. Đối mặt với cơn bão vừa qua toàn xã kiệt quệ đến 90%. Từ Trung Phước lên đến đây, rất nhiều nhà bị sụp đổ, mỗi nhà được cấp 20 tấm tôn, nhưng họ cũng chỉ lợp được mái nhà và không có khả năng để quay 4 phía vách. Có nhà cố gắng dựng lại căn nhà đơn sơ của mình, nhưng lại bỏ đi vì không giải quyết được mưu sinh hàng ngày. Từ Duy Thu đến đây, chúng tôi phát thêm 200 phần quà. Tổng cộng là 400 phần. Mỗi phần quà bình quân trị giá 120.000 đồng. Mặc dù đã có vài đoàn đến đây thăm viếng, nhưng sự có mặt của chúng tôi nơi vùng đất xa xôi hẻo lánh này vẫn làm nhiều người xúc động, nhất là các cụ già, nước mắt vẫn còn rơi trên đôi má nhăn nheo...

Miền Trung là vùng đất không năm nào không bị bão lụt, nhưng cơn bão năm nay thật khủng khiếp, Quảng Nam và cả phố cổ Hội An đều chìm trong biển nước. Hàng vạn người phải bỏ của chạy lấy thân, hàng ngàn ngôi nhà bị sụp đổ hoặc bị nước cuốn trôi, hàng trăm người đã chết. Trận thủy tai năm nay khiến cho chúng ta liên tưởng đến trận lụt năm Thìn cách đây 34 năm.

Sự ủy lạo của các đoàn từ thiện trong và ngoài nước là điều rất cần thiết, để giúp đỡ đồng bào trong cơn ngặt nghèo. Tuy không thể bù đắp lại những mất mát và phục hồi ngay sinh hoạt bình thường cho đồng bào, nhưng chúng ta cũng thể hiện tấm chân tình "nuông cơm xẻ áo", hy vọng đồng bào miền Trung có thể xây dựng lại cuộc sống mới và cảm thấy an ổn ở kiếp nạn này trong tình thương quảng đại của muôn phước chú Phật.

● Như Giác - Bảo Vân Tị 12/98



Cứu trợ bão lụt tại miền Trung

Phưởng danh các Chi Hội, Đạo Hữu và Phật Tử tại Cộng Hòa Liên Bang Đức cứu trợ Đồng bào Bão Lụt Miền Trung Việt Nam

- Phật Tử chùa Linh Thủy Berlin	1.570 DM
- Phật Tử chùa Viên Giác Hannover	1.605 DM
- Phật Tử chùa Bảo Quang Hamburg	1.875 DM
- Nhóm Phật Tử Lüneburg	350 DM
- Thượng Tọa Trụ Trì chùa Viên Giác	1.000 DM
- CHPT Nürnberg, Fürth & Erlangen	1.625 DM
- CHPT Frankfurt & VPC	1.500 DM
- Gđ. cụ Trần Hữu Khiếu, Usingen	200 DM
- Gđ. ĐH Thiện Lâm, Langen	785 DM
- Nhóm Phật Tử Parsberg	512 DM
- Petro - Norma	30 DM
- Ông Lê Văn Bảo, Freiburg	400 DM
- Fam. Reisner, Wiesbaden	50 DM
- Herri Brinkmann, Wohltorf	50 DM
- Phật Tử Aurich	300 DM
- Cao Thị Thu Cúc	70 DM
- Phan Văn Lượng	30 DM
- Phạm Trần, Wilhelmshaven	100 DM
- Văn Anh Scharpen, Hannover	100 DM
- Phạm Văn Bình, Plüderhausen	3.000 DM
- Em Bé, Plüderhausen	20 DM
- Huỳnh Công Bình	50 DM

Tổng Cộng : **15.222 DM**

Nôi chào "Tình Thương"

(Giúp đỡ những bệnh nhân nghèo khổ tại các Bệnh Viện)

- Phật Tử München	183 DM
Cô Tâm Phưởng, Frankfurt, vận động:	
- Đợt I ngày 01.3.98	1.352,60 DM
- Đợt II ngày 22.7.98	500 DM
- Phật Tử Thiện Giới, München	100 DM
- Phật Tử Dũng, München	20 DM
- Phật Tử Chơn Kim, Göttingen	50 DM
- Phật Tử Tâm Vân, Göttingen	50 DM

Tổng Cộng : **2.255,60 DM**

BẢO TRỢ TẶNG NI SINH TU-VIÊN NGUYỄN THIỀU - BÌNH-ĐÌNH VIỆT NAM

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát

Kính thưa quý vị ân nhân Phật Tử đã hoan hỷ phát tâm bảo trợ Tặng Ni Sinh đang theo học 04 năm (1976-2000); mỗi vị 200 Đức Mã/năm.

Thầy xin ghi công đức và thông báo:

- **Niên khóa 1997-1998:** Võ Ngọc Châu (3 NK cho 2 vị 1.200 DM), Nguyễn Công Huy, Hồ Thị Hạnh, Nguyễn Thị Lập, Nguyễn Công Khôi, Nguyễn Văn Sanh, Phạm Ngọc Tân (2 NK), Nguyễn Kiều Hạnh, Nguyễn Quang Xuyên, Nguyễn Thị Hà, Chung Khen Sinh, Nguyễn Ngọc Ánh, Lê Thị Diệu Thanh.

- **Niên khóa 1998-1999:** Thiện Tín (2 NK), Diệu Kim, Thiện Thọ, Thiện Tho + Hoa Phước, Thiện Tam, Thiện Châu, Thiện Trí (2 NK - Kỳ Siêu Thiện Cửu) Nhật Trọng, Đồng Lai (2 NK cho 2 vị) Tâm Vũ, Diệu Phước, Thiện Mỹ, Thiện Văn.

Thưa quý vị, tại Chi Hội Mannheim nhân ngày Thọ Bát Quan Trai Giới; có một số Phật Tử đã phát tâm ghi danh sách bảo trợ. Thầy cũng xin ghi công đức trước khi nhận tịnh tài. Vây mong chư Phật Tử đã phát tâm bảo trợ ở Niên Khóa trước cũng như quý vị đang phát tâm tiếp tục phụ Thầy trong công việc Đào tạo Tặng tài; xin chuyển trực tiếp hoặc chuyển vào Bank Chùa Viên Giác, như sau:

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Konto Nr. 870 1633 - BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover
 (nhỏ ghi rõ mục Bảo Trợ Tặng Ni Sinh Nguyễn Thiều).

Kính nguyện quý vị ân nhân Phật Tử Phước Huệ Song Tu, Đạo Tâm Kiên Cố. **Thích Quảng Bình (Tel. 0511 - 87 96 325)**

PHÂN ƯU

Được tin thân mẫu chị Trần Tú Anh là : **CỤ VÔ THỊ TRÍ**
 Đã tạ thế ngày 20.12.1998, nhằm ngày Mồng 2 .11. Mậu Dần tại Trà Vinh Việt Nam. Thượng thọ 77 tuổi
 Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng gia quyến chị Trần Tú Anh và nguyện cầu hương linh Cụ Bà sớm được siêu sanh miền Cực Lạc.
 - Gia đình Nguyễn Quốc Định

PHÂN ƯU

Được tin thân mẫu của anh Phạm Trường Long
CỤ BÀ PHẠM NGỌC AN
 nữ danh Trương Thị Minh Châu . Pháp danh Tâm Chơn
 Vừa thất lộc ngày 28.12.1998 tại Bắc Cali (Mỹ)
 Thượng thọ 86 tuổi
 Chúng tôi xin thành tâm chia buồn cùng anh chị Phạm Trường Long và tang quyến. Nguyện cầu hương linh Cụ Bà siêu thăng lạc quốc.
 G.đ. Hồ Văn Thái (Mannheim). G.đ. Trần Hữu Hải (Maintal).
 G.đ. Trương Xuân Sao (Ginsheim). G.đ. Trần Đình Lý (Niederau). G.đ. Lê Quang Thông (Frankfurt/ M.)

CÁO PHÓ

Rất đau buồn đồng báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và thân hữu xa gần :
 Chồng, Anh, Cha, Ông chúng tôi là :
ÔNG NGUYỄN CHÂU VIÊN . PHÁP DANH THỊ ĐÁNH
 Sinh ngày 15.01.1913 (Quý Sửu) tại Điện Bàn Quảng Nam.
 Đã từ trần lúc 14.30 giờ ngày 2.01.1999 (15.11. Mậu Dần) tại Boston (Mỹ)
 Thượng thọ 86 tuổi.
 Lễ an táng lúc 13 giờ ngày 09.01.1999 tại nghĩa trang Boston (Mỹ)
 Vợ : Trần Thị Thanh Liễu (Mỹ).
 Các em : Nguyễn Thị Thuýn chồng và con (Việt Nam)
 Nguyễn Châu Kiên vợ và các con, các cháu (Việt Nam)
 Nguyễn Châu Giám vợ và các con, các cháu (Mỹ)
 Nguyễn Thị Lưu chồng và các con, các cháu (Việt Nam)
 Nguyễn Châu Cẩm vợ và các con (Việt Nam)
 Các con :
 Trưởng Nữ : Nguyễn Thị Thanh Quy : Chồng và các con, cháu (Pháp)
 Trưởng Nam : Nguyễn Châu Bằng Vợ và các con (Mỹ)
 Thủ Nữ : Nguyễn Thị Thanh Luận : Chồng và các con (Mỹ)
 Thủ Nam : Nguyễn Trần Toàn vợ và con (Mỹ)
 Tang gia đồng khắp báo

KÍNH VIẾNG HƯƠNG HỒN NHÀ THỜ BÙI GIÁNG

- *Ôi hỡi ! Hoa lạc nguyệt minh, thiên tài
 Vĩnh biệt, gió bụi mây trời i, sầu ly hận*
 - *Thôi rồi "Ngàn thu rớt hạt"¹, xót tình sư đệ,
 đoái nhìn cố quốc rũ màu tang.*

● Vũ Kỳ (Bruxelles, tháng 10.1998)

1. "Ngàn thu rớt hạt" Một thi phẩm của Bùi Giáng mà nhà thơ rất đặc ý

PHƯƠNG DANH CÚNG ĐƯỜNG

(Tinh đến ngày 12.1.1999)

Trong thời gian gần đây, Chúa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Đường Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo, trả tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Đường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chúa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chúa nhờ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chúa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Đường, xin đọc phần trên cùng là tinh đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chúa có tên trong danh sách. Chúa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mỗi báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

■ TAM BẢO

ĐH. Müller Thi Lan (Offenbach) 50DM, HHHL ĐH Mã Thị Sáu. Lê Hà Ngọc Hoa (M'Gladbach) 50DM. Biện Thị Mai (Hamburg) 50DM. Lê Mỹ Nhân (Aachen) 100DM. Phan Quang (Hagen) 20DM. Trương Trần Vũ Phan 100DM. Nguyễn Xuân Phong (Troisingen) 100DM. Trần Tân Tiến 20DM. Cardinas Kreuz Edgar 36DM. Lý Thanh Hường 100DM. GĐĐH Thiện Ý & Thiện Lương (Hannover) 550DM. Hugo (") 100DM. Thiện Bửu Tạ Văn Hợp (D'dorf) 200DM. Dr. Armin Stach (Leverkusen) 200DM. Thị Minh (Nga) 300Rúp. Giang Tô Nữ (Koblenz) 300DM. GĐĐH Lưu Anh (Helmstedt) 300DM, HHHL ĐH. Huỳnh Thành. Chi Hội PTVNTN (Wiesbaden) 600DM. Đặng Thị Thúy 50DM. Nguyễn Văn Nhỏ (Wiesbaden) 100DM. Ngô Trung Sơn (") 40DM. Võ Thị Mỹ (") 50DM. Châu Thành Lợi (") 20DM. Nguyễn Ngọc Châu (") 50DM. Thiện Lâm (Langen) 50DM. Đồng Ngọc (Darmstadt) 50DM. Nguyễn Thị Hoa Phượng 50DM. Dương Hường Ly (Freiburg) 50DM. Nguyễn Chiếp 20DM. Phan Thủy Yên (Lehrte) 10DM. Trông Ngọc Minh (Nienburg) 20DM. Chín Vui Pyng 50DM. Bùi Duy Nam (Langenhagen) 20DM. Phi Văn Bình (D'dorf) 20DM. Phi Văn Cảnh (Frankfurt) 50DM. Trần Anh Dũng (Bad Iburg) 20DM. Lương Huệ Dinh (") 20DM. Cam 10DM. Lan Hay 10DM. Nguyễn Thế Quang (Garbsen) 11DM. Hồ A San 50DM. Bùi Thị Hồ Thủy (Uelzen) 20DM. Lương Hòa 500DM. Lê Thị Miên (Torgau) 60DM. Âu Chí Hùng (Lengerich) 20DM. Tse Hundean (Berlin) 200DM. Kỳ Chí Trung 20DM. Lý Thanh Việt 20DM. Huỳnh Tú Dung (Helmstedt) 20DM. Trương Phượng Linh 20DM. Vũ Văn Khang (Erlensee) 30DM. Phan Khánh (Hergershausen) 50DM. Josef Dürr 40DM. Liêu Chánh Phong 10DM. Lưu Anh 20DM. Đặng Thị Thu Thủy (Chemnitz) 20DM. Lê Thanh Giang (Augsburg) 20DM. Huỳnh Thị Đẹp (Dresden) 20DM. Lương Huệ Hùng (Bad Iburg) 20DM. Heinz-Erhard Püsse (Herford) 40DM. Machamni 10DM. Hoàng Thị Cúc 7DM. Lê Bích Lan (Hannover) 20DM. Tạ Việt Tiến (") 20DM. Gđ. Nguyễn Mạnh Diệp (Mannheim) 1.000DM, HHHL ĐH Nguyễn Mạnh Diệp tuần chung thất. Nguyễn Thị Ân (") 20DM. Thiện Chánh (") 20DM. Nguyễn Trán (Bielefeld) 20DM. Huỳnh Thị Chung (Kassel) 20DM. Bao Khanh 50DM. Nguyễn Văn Tây (Osnabrück) 20DM. Nguyễn Đức Đăng (Nordingen) 20DM. Nguyễn Anh Tùng (Bielefeld) 10DM. Đại Đức Thích Châu Văn (Pháp) 1.000FF. Lê Thị Bích Thủy (Hannover) 200DM. Viên Đình Phạm Hoàn Nguyễn (USA) 20US. Phạm Văn Út (Ý) 10.000Lire. Nguyễn Kim Tân 20DM. Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 400DM. Tôn Nữ Thị Tuy (") 50DM. GĐĐH Thiện Ý (Hannover) 500DM, HHHL PT Nguyễn Châu Bình. Ngô Nga (Baesweile) 50DM. Vũ Chí Thiện

(Arnstadt) 10DM. Phạm Quốc Phướng (Eutin) 10DM. Thiện Tài Lê Văn Hai (Canada) 300Can. Lê Thanh Bình (Bremen) & Đào Minh Tuấn (USA) 200DM. Võ Thị Mỹ (Nürnberg) 50DM. Phan Lạc Gián (Ile de Réunion) 50DM. Casanova Nguyễn Thái Lan (Suisse) 23DM. Trần Thị Hồng Trần (Y) 18.000Lire. Thị Chánh (Laatzen) 100DM. Lê Thị Ngọc Diệp (Erlangen) 100DM. Bùi Thị Bích Thuận (Hannover) 150DM, HHHL ĐH Nguyễn Thị Ba. Trần Thanh Pháp (") 10DM. Sinchai 50DM. Trần Thị Hữu (Sangerhausen) 50DM. Trần & Bùi 50DM. Phan Chính & Phan Xin 50DM. Khong Asa 100DM. Trần Duyệt Khánh (Nienburg) 100DM. Bùi Văn An 50DM, HHHL ĐH Trần Thị Ân. Ngô Thị Yến Lê (Dülmen) 50DM. Laschewski Mỹ Hạnh (Münster) 20DM. Phạm Thị Tinh 20DM. Nga-Nga 20DM. Trần Thị Thành (Esens) 20DM. Nguyễn Thị Minh & Hải + Dân + Thủy + Hà + Dũng + Tiến + Toàn + Thủy + Buchmann (Berlin) 70DM. Huỳnh Thiết Huệ (Delmenhorst) 100DM. Mạch Cứng Tân (") 100DM. Huỳnh Tuyết Mãn (Schwabach) 100DM. Thiện Ý (Hannover) 100DM, HHHL PT Thiện Tâm Nguyễn Châu Bình. Nguyễn Thế Quang (Garbsen) 20DM. Đoàn Trung Giông (") 10DM. Nguyễn Thị Vinh + Thủy + Thịnh (Göttingen) 50DM. Trần Văn Ngọc (Emsland) 20DM. Lê Thành Công (Burgwedel) 50DM. Thu Dung (") 5DM. Nulete Hellmann 100DM. Thiện Giáo + Thiện Sanh 100DM. Nguyễn Gia Cường (Wolfen) 20DM. Đoàn Tuấn Hùng (Leipzig) 10DM. Lim Boh Sing 20DM. Rse Wai Kenny (Berlin) 50DM. Lê Bích Lan (Hannover) 10DM. Đào Thiện Mãn (Empelde) 20DM. Nguyễn Đức Thanh 30DM. Giang Văn Phướng 200DM. Lê Đức Hoài (Schleuditz) 100DM. Huỳnh Thị Hiền (Pháp) 500FF. Dr. Dienemann (Hannover) 110DM. Ban Bảo Trợ GDPPT Tâm Minh 200DM + Bắc Viên Tuyết 50DM + Thiện Từ & Thiện Nhứt 50DM + Thiện Lực & Thiện Dũng 50DM + Bắc Tâm 50DM + Nguyễn Quế 50DM + Thu & Tú 50DM + Quảng Thái 40DM + Tô Tú 30DM + Thiện Thế (Hannover) 50DM + Bắc Minh Tôn (Laatzen) 50DM + Tân 50DM + Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 50, HHHL PT Thiện Tâm Nguyễn Châu Bình. Vũ Chí Thiện (Arnstadt) 30DM. Trần Phú Hán 50DM. Trần Thị Thanh Huyền (Leipzig) 10DM. Nguyễn Gia Cường (Gerwar) 20DM. Darachoti 10DM. Chi Hội PTVNTN Karlsruhe 1.000DM. Đặng Thị Linh Thủy (Pforzheim) 200DM. Diệu Viên (Aschaffenburg) 40DM. Nhứt Trọng Trần Văn Minh (Mannheim) 50DM. Nguyễn Thị Mỹ Lệ (Donaueschingen) 100DM. Nhóm trẻ học thiền (Leipzig) 55DM. Dr. Nguyễn Khắc Tiến Tùng (") 300DM. Phạm Văn Tiến (") 50DM. Thiện Thanh (Künzensau) 200DM. Nguyễn Văn Nhiệm (Spaichingen) 50DM. Thiện Xuân (Hochdorf) 100DM. Cao Thị Sâm (") 100DM. Vũ Bá Cự (Herrenburg) 50DM. Đoàn Thành Hưng (Troisingen) 50DM. Thiện Thọ (Karlsruhe) 150DM. Tôn Nữ Chung Anh & Nguyễn Văn Chương (") 50DM. Vũ Thị Hằng (") 50DM. Thiện Mỹ (") 50DM. Chi Hội PTVNTN Reutlingen 1.500DM. Nguyễn Thị Thịnh (Craishheim) 200DM. Ân danh 50DM. Trần Thị Ba (Sindelfingen) 100DM. Hoài Việt Nguyễn Văn Hường (Pháp) 170DM. Lê Thế Minh 50DM. Nguyễn Hữu Bưởi (Südbrockmerlauch) 25DM. Phạm Thị Tuyết Phướng (Erkrath) 100DM. Ân danh 40DM. Tsang (Rietberg) 60DM. Nguyễn Thị Ba (Regensburg) 100DM. Quang (Suaifeld) 10DM. Thiện Thịnh 50DM. Vương Cường (Ludwigshafen) 150DM, HHHL ĐH Vương Văn Giám. Phan Thanh Hùng (München) 50DM. Nguyễn Thị Ngọc Oanh (Rostock) 30DM. Huỳnh Kathy (Gomaringen) 50DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 20DM. Phạm Văn Ván (Gardelegen) 10DM. Vũ Quốc Hoài (Papenburg) 10DM. Nguyễn Tuấn Tú (Rühen) 20DM. Twipkamon 20DM. Dương Thị Minh Loan (Rostock) 10DM. Đặng Vũ Lực (Machern) 20DM. Hoàng Hiền Anh (Frankfurt) 10DM. Ponthipa (Bad Oeynhausen) 10DM. Siriwan (") 10DM. Sawai (") 10DM. Ót (Thái Lan) 50DM. Nguyễn Thành Long (Wiesau) + Đđ Quốc Húng (Việt Nam) 50DM. Bùi Thị Xuân (Potsdam) 20DM. Nguyễn Phướng Anh (Frankfurt) 20DM. Trần Văn Sang (Bielefeld) 100DM. Just + Parichart (") 50DM. Tuệ Đàm Nghiêm (Hamburg) 50DM. Đào Hồng Diễm (München) 50DM. Vương Kinh Bình 50DM. Lo Ying Choi 50DM. Lý Thúc Quang 50DM. Chiêm Quốc Nga 300DM. Phan Thị Thu Hồng (Streufoerd) 10DM. Kuwawski Thị Nhuận (Esens) 40DM. Lê Minh Tuấn (Holle) 10DM. Lê Thị La (Kleinringderfeld) 50DM. Nguyễn Hồng (Oschatz) 40DM. Bích Thủy (") 20DM. Bích Hường (") 20DM.

Vương Quan Anh 50DM. Lâm Xây Lu 50DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 10DM. Phan Thị Ngọc Phan (Frankfurt) 20DM. Phan Thị Thu Hằng (Streufoerd) 30DM. Đinh Ngọc Hai (Holle) 10DM. Nguyễn Thế Quang (Garbsen) 15DM. Thiện Nhân (München) 40DM. Trần Thị Kim Sinh (Inserhagen) 10DM. Nathikna (Bad Oeynhausen) 10DM. Nguyễn Thanh Minh (Nordhorn) 10DM. Bùi Duy Nam (Langenhagen) 10DM. Sighaphon 40DM. Chiêu Văn Mười 40DM. Phạm Minh Chiến (Tiệp) 10DM. Lê Trung Thu Hà (Berlin) 20DM. Đoàn Văn 100DM. Nguyễn Văn Trạch (Niedermhall) 50DM. Chúc Tiên (Mainz) 100DM. Ngô Thị Bướm (Freiburg) 40DM. Đặng Văn Ty (") 50DM. Nguyễn Trung Thành (") 50DM. Văn Thị Bay (Baden Baden) 50DM. Lê Văn Cuối (") 50DM. Ngô Minh Huệ (Karlsruhe) 85DM. Minh Không + Diệu Linh + Diệu Đức + Diệu Kim + Diệu Đạo (Pháp) 500FF. Trần Đức Minh (Freiburg) 40DM. Nguyễn Văn Đông (") 100DM. Trần Xin Lai (") 50DM. Nguyễn Thị Hiếu (") 50DM. Trương Thị Ven (Lörrach) 100DM. Trần Thị Số (Bingen) 50DM. Huỳnh Văn Dân (Emmendingen) 30DM. Dương Văn Quang (Grenzach) 50DM. Chi Hội PTVNTN Freiburg 1.500DM. Nguyễn Hữu Mừng Chi (Oberhausen) 50DM. Nguyễn Thị Phướng Lan (") 25DM. Dr. Nguyễn Xuân Trang (Göttingen) 1.000DM. Trần Thị Hiền (Köln) 30DM. Nguyễn Thị Thanh Hà (Koblenz) 50DM. Chón Bình + Chón Trung (Krefeld) 40DM. Ân danh 400DM. Gđ. Huỳnh Thành (Hannover) 1.000DM, HHHL ĐH Huỳnh Thành tuần chung thất. Vũ Viết Boong (Viersen) 50DM. Phú Di Ta (Frankfurt) 200DM. Hùng Kỳ China Rest. (Paderborn) 200DM. Đinh Hùng Đoàn (Norderney) 50DM. Lí Trần Thủy Phướng (Pforzheim) 70DM. Nguyễn Thị Ngọc Oanh (Rostock) 50DM. Hà Kiến Hùng (Frankfurt) 2 bao gạo. Hà Văn Thành (") 1 bao gạo. Hoàng Tôn Long (") 1 bao gạo. Trương Văn Xuân (Hannover) 1 bao gạo. Rest. Jasmin Garden (") 5 bao gạo. Gđ. Huỳnh (Weizeste) 10 tạ cụ. Nguyễn Phú Đức (Oldenburg) 20 cây đay. Nguyễn Thị Phi Yến 300DM. Lê Văn Anh (Straßburg) 100DM. Trần Mạnh Thắng (Schellerten) 200DM. Đinh (Pháp) 100FF. Huỳnh (Würzburg) 20DM. GĐĐH Nguyễn Mạnh Diệp (Mannheim) 100DM, HHHL ĐH Nguyễn Mạnh Diệp tuần 100 ngày. Trương Thanh Quân (Idar Oerster) 100DM. Cẩm Văn + Cẩm Thủy + Thanh Bình (Mannheim) 80DM. Hoa Phước + Thiện Lộc 300DM Hồ Thị Hiệp (Speyer) 50DM. Vũ Thị Thành (Neusatt) 50DM. Chi Hội PTVNTN Mannheim 500DM. Má anh Thắng (Mannheim) 100DM. Đỗ Thu Hà (Trier) 10DM. Đỗ Thái Hà (Braunschweig) 20DM. Lê Thanh Bình (Elsfleth) 10DM. Lê Bích Lan (Hannover) 10DM. Fom. Mạnh 20DM. Loai Đình (") 10DM. Tekkher Angelika (") 5DM. Trần Thanh Pháp (") 20DM. Nguyễn Tuyết Minh 20DM. Vũ Thị Hồng Diệp (Laatzen) 10DM. Diệu Hiền (") 100DM, HHHL ĐH Nguyễn Trung Thắng và HL Nguyễn Trung Hiền. Peter Loscher 20DM. Thị Phước (Đan Mạch) 300FF. Trương Văn Quân 15DM. Chu Đức Vinh (Fürstenwald) 50DM. Hoàng Thị Thượng 20DM. Nguyễn Thế Hùng 20DM. Phướng Thị Ngân Toàn (Weriogerode) 25DM. Lương Hồng Huệ (Frankfurt) 100DM. Ngô Mạnh Hùng (Lindenberg) 50DM. Quốc Húng 5DM. TON China Rest. (Blankenburg) 750DM. Hoàng Thị Hán (Wolfsburg) 30DM. Đặng Thị Soi (Sweden) 100Kr. Nguyễn (Berlin) 50DM. Lý Thủy Phướng (Pforzheim) 100DM. Trương Triệu Bắc (Albstadt) 50DM. Huỳnh Thị Sen (Geilenkirchen) 50DM. Viên Văn Hiệp (Koblenz) 100DM. Nguyễn Thị Thế Phướng (Hof) 50DM. Lê Thế Minh (Warburg) 50DM. Nguyễn Thị Tú (Freiburg) 30DM. Đức Hường (Fürth) 200DM. Nguyễn Hùng + Từ Đưỡng (Nürnberg) 100DM. Giang Lê (") 20DM. Đặng Minh Quang (") 50DM. Quảng Hiền - Hồ Thị Hiếu (") 100DM. Thiện Biên (") 50DM. Giang Lăng Muối (") 20DM. Cao Tăng Lực (") 50DM. Điềm + Hội (") 100DM. Ye Trần Thị Minh Nhung (") 20DM. Chi Hội PTVNTN tại Erlangen + Fürth + Nürnberg 400DM. Khóa Thọ Bát Quan Trai tại Erlangen + Fürth + Nürnberg 1.140DM. Lê Văn Báo (Freiburg) 100DM. Lý Thị Chu (Wiesbaden) 100DM. Trần Bình Trọng (Pforzheim) 100DM. Cao Mạnh Hải (Laatzen) 10DM. Nguyễn Quốc Nam (Schwerin) 10DM. Ngọc Hà 15DM. Pornnapha Kluwe 10DM. Vũ Hùng Khương (Wiesbaden) 30DM. Vũ Thị Tuyết Phi (Mannheim) 50DM. Huỳnh Quang Phục (Dresden) 50DM. Đặng Thanh Tùng (Hamburg) 10DM. Mai Hồng Tuấn (Speyer) 30DM. Hàn Hữu Trung (Garbsen) 30DM. Nguyễn Văn Tuất (Rostock) 20DM. Phạm

Hoài Trung (Irrel) 20DM. Chùa Quan Âm (Aachen) 500DM. Nguyễn Thị Sao (Berlin) 30DM. Hồ Hữu Thanh (Suisse) 50FS. Hà Phước Mai (Isselburg) 30DM. Minh Thanh (Berlin) 50DM. Trần Huỳnh (Frankfurt) 30DM. Phan Huy Chiến (*) 50DM. Nguyễn Vĩnh Thin (*) 40DM. Nguyễn Vĩnh Đại (*) 35DM. Võ Văn Lộc (*) 40DM. Nguyễn Thị Lan Minh (*) 35DM. Ouppathavong Lài (Pháp) 400FF. HHHH ĐH Tịnh Giác Nguyễn Thị Kiên. Khâu Hoàng Thị Xuân (Burgau) 40DM. Huỳnh Văn Thuồng (Winnend) 50DM. Trưởng Quan Phúc (Moschheim) 30DM. Cô Leo (Ai Nhĩ Lan) 1.000FF. Liên Chi Hội Frankfurt 500DM. Thiện Văn (Karlsruhe) 100DM. Diệu Hồ (Lagen) 100DM. Tâm Lượng (Frankfurt) 100DM. Võ Thị Thu (Hundsangen) 50DM. An Hahn (Limburg) 50DM. Lê Mậu Hùng (Bernkastel-Kues) 40DM. Phạm Hồng Đức (Schorndorf) 20DM. Bùi Thị Thanh Minh (Kyllburg) 30DM. Nguyễn Thị Nhung (Regensburg) 30DM. Trưởng Chánh 30DM. Giang Thái An 100DM. Lý Thanh Hùng (Pforzheim) 100DM. Phạm Văn Út (Ý) 10.000Lire. Hà Văn Hùng (Weil am Rhein) 300DM. Trang Đại Văn (USA) 100US. Tsang (Rietberg) 70DM. Võ Thị Hoa (Frankfurt) 30DM. Trưởng Trần Vũ Phan 100DM. Trần Văn Ngọc 10DM. Kỳ Chi Trúc (Langen) 50DM. Đỗ Hữu Hùng 20DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 20DM. Thiện Hùng 20DM. Nguyễn Xuân Hào (Gremersheim) 10DM. Tài - Hòe (Burgwedel) 10DM. Hồ Văn Điều (Göttingen) 20DM. Đặng Huy Hoàng (Speyer) 10DM. Sơn + Lưu (Northem) 10DM. Srinat Tischmann 10DM. An Văn Hùng (Magdeburg) 30DM. Bùi Văn Hùng (Potsdam) 10DM. Lê Thúy Diệp (Meldorf) 10DM. Lưu Thị Hồ Lan 10DM. Trần Chánh Khôn 200DM. Schulte 40DM. Thu Dung (Burgwedel) 10DM. Vương Vũ + Đặng Phước (Diepholz) 10DM. Nguyễn Thị Tuyết (Việt Nam) 10DM. Đinh Trần (Brinkheim) 50DM. Hà Ngọc Thịnh (Hameln) 20DM. Lê Thị Thơm 20DM. Naramon 20DM. Nguyễn Thị Phương 10DM. Phật Tử VNTN Münster 1.020DM. Dung (*) 300DM. Thái Văn Sơn (Aurich) 100DM. GĐPT Minh Hải và Chi Hội Norddeich 500DM. Nguyễn (Augsburg) 20DM. Nguyễn Thị Thanh (Oldenburg) 10DM. Kim Hên (Bad Kreuznach) 70DM. Mai Văn Chúc (Jettingen) 30DM. Cao Minh Tuấn (Mannheim) 20DM. Trang Thoại Cường (Celle) 20DM. Tạ Thị Thanh Huyền (Hameln) 150DM. HHHH ĐH Hà Chính Bình. Trần Thị Tân (Nürnberg) 30DM. Hiền - Cường (*) 30DM. Hồ Văn Thành (*) 20DM. Phạm Thị Ngọc Phượng (Künzelsau) 30DM. Nguyễn Thị Ngọc Oanh (Rostock) 60DM. Nguyễn Thị Bách Khuê (Aachen) 100DM. Duc Cheng (Bad Kreuznach) 100DM. Diệp Thị Sơn (Aalen) 22DM. Tô Hương (Fürth) 400DM. Lý Thị Lệ (USA) 50US. Diệu Hiền (Laatzen) 50DM. Lâm Thị Muối (Sweden) 10US. Diệu Như (*) 200Kr. Trưởng Thị Ngọc (*) 500Kr. Trần Văn Đức (Laupheim) 50DM. Lê Philippe (Bissendorf) 2,500DM. Lê Vy Vy An (*) 1DM. Lê Bích Lan (Hannover) 10DM. Lê Thị Dương 20DM. Trần Lê Minh Đức 20DM. Phạm Văn Bình 50DM. Vũ Ngọc Thúc (Dresden) 100DM. Chu Văn An + Bùi Hường Sa (*) 100DM. Phạm Thị Bích Hạnh (Việt Nam) 11DM. Thiện Huệ (Craikshheim) 20DM. Huỳnh Thị Yến (Hamburg) 10DM. Vina Trade Center (Dresden) 100DM. Đỗ Công Trường (*) 100DM. An Sen + Thúc Thâm (*) 200DM. Hùng Thực Kim (Troissingen) 70DM. Hoàng Thị Xuân (Schramberg) 50DM. Đào Hữu Chí (Hamburg) 50DM. Trần Văn Quý (*) 100DM. Diệu Trần (*) 20DM. Thiện Giác (München) 50DM. Thiện Hùng 20DM. Thanh Phượng 6DM. Nguyễn Văn Thắng 10DM. Bùi Thị Dơi (USA) 50US. Trịnh Văn Thoa (Berlin) 50DM. Trịnh Quang Minh (*) 20DM. Hà Thị Lan Anh (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Thị Kiều Liên (Pattensen) 50DM. Huân Lan (Dresden) 40DM. Đàm Quang Anh 50DM. Nguyễn Thanh Mai 100DM. Nguyễn Việt Thế (K'lautern) 200DM. China Rest. Lotus (Sobernheim) 100DM. Lê Thị Ngọc Diệp (Erlangen) 100DM. Nguyễn Thị An (Bad Hönningen) 20DM. Thiện Ý (Hannover) 100DM. Trần Như Sơn (*) 20DM. Nguyễn Bạch 30DM. Trưởng Thị Liễu (USA) 30US. Cô Hạnh Ân (Hannover) 200DM. Cô Hạnh Châu (*) 200DM. Phan Thị Loan (Hòa Lan) 100Guld. Nguyễn Văn Xinh (Greimmen) 70DM. Trần Thị Ba (Sindelfingen) 100DM. Đặng Ngọc Trần (Reutlingen) 100DM. Diệu Phước (*) 100DM. Lưu Quang Thuận (Evensen) 10DM. Thanh Hiền Heuser (Berghauser) 30DM. Quách Minh Xuân (Minden) 70DM. Lý Vĩnh Cường (Berlin) 50DM. Phạm Long Kim Trang (Suisse) 40DM. Phạm Lạc

(Weißenthurm) 20DM. Toan Trần Văn - Kattner (Kirchheim) 100DM. Trần Tú Kinh (Freiburg) 20DM. Nguyễn Thị Nhung (Homburg) 50DM. Lâm Xuân Quang (Canada) 150Can. Uyên Như (*) 25Can. China Town (Darmstadt) 20DM. Bùi Mạnh Hùng (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Phước Thọ (Göppingen) 100DM. Trần Thu Thủy 120DM. Phạm Văn Tùng (M'Gladbach) 100DM. Lindner Joerg (Hannover) 3.000DM. Dương Anh Tuấn 200DM. Huỳnh Công Bình 50DM. Nguyễn Hồng Hải (Leipzig) 20DM. Tsang (Rietberg) 100DM. Vũ Chí Thiện (Arnstadt) 10DM. Phong Jacques (Pháp) 200FF. Dương Văn Thô (Eching) 20DM. Nguyễn Tuấn Đức (Gardelegen) 20DM. Dương Thị Minh Loan 40DM. Nguyễn Thị Nga 10DM. Lê Thị Dung 20DM. Nguyễn Xuân Yến 20DM. Hồ Văn Điều (Göttingen) 20DM. Nguyễn Thị Hường (Berlin) 50DM. Phạm Đình Sáng (*) 5DM. Chai Lưu (Úc) 10FS. Nguyễn Thanh Bình (Freiburg) 20DM. Phạm Hữu Thống (Ronnberg) 10DM. Nguyễn Thị Ngân (Rostock) 50DM. Lương Văn Xinh (Pforzheim) 30DM. Nguyễn Thị Kim Nhung (Halle) 10DM. Mai Hồng Tuấn 30DM. Diệu Liên 20DM. Lee Shiong Nee (Sweden) 50DM. Nguyễn Ngọc Quỳnh (Tiệp Khắc) 20FF. Đoàn Thị Tâm (Bielefeld) 20DM. Huỳnh Mai Phượng (Brühl) 20DM. Lương Văn Đoàn 10DM. Nguyễn Văn Hà (Dachau) 10DM. Nguyễn Duy Hùng (Cottbus) 30DM. Lê Sỹ Dương (Berlin) 20DM. Huỳnh Văn Chung 30DM. Nguyễn Xuân Chinh (Rostock) 30DM. Lê Đoàn Quý (Wedemark) 10DM. Nguyễn Xuân Nghiêm (Göttingen) 100DM. Hoàng Xuân Anh 2DM. Trần Văn Hiền (Hameln) 20DM. Nguyễn M.H. (Freiburg) 20DM. Nguyễn Tiến Hùng (Moosbach) 20DM. Đặng Hữu Chí (*) 20DM. J. Panyasutti (Hannover) 30DM. Đào Văn Chung (Weiden) 50DM. Nguyễn Văn Đức (Tiệp) 10DM. Thamy Bolsmona 20DM. Đỗ Kim Hồ 20DM. Âu Kiên Hoat 10DM. Lê Minh Phú 8DM. Tô Hồng Sơn (Erfurt) 10DM. Nguyễn Công Thành (Hameln) 10DM. Trưởng Phúc (Neustadt) 20DM. Nguyễn Xuân Long (Ballenstedt) 50DM. Tài + Hòe + Việt Châu (Burgwedel) 10DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 50DM. Lê Thị Bích Lan (Hannover) 10DM. Trịnh Đức Thông (*) 10DM. Đoàn Thị Kim Ngọc (*) 10DM. Văn Anh Scharfen (*) 50DM. Trần Cao Quang 45DM. Phạm Văn Thọ 20DM. Phạm Văn Toàn (Kathhaheim) 20DM. Trần Trọng Lín 20DM. Bùi Văn Vinh (Erfurt) 80DM. Đặng Bình Chiếu 30DM. Trần Thị Liên (Na Uy) 10DM. Hoàn + Di + Thành (Garbsen) 10DM. Thu Dung (Burgwedel) 5DM. Đặng (Celle) 20DM. Trần Thị Lữ 50DM. Nguyễn Thị Tâm (Lehrter) 20DM. Tú Tố Nga (*) 10DM. Dương Vui (Brake) 30DM. Dương Tuấn (Meppen) 10DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 20DM. Lữ Đặng 50DM. Nguyễn Thị Bạch Yến (Sindelfingen) 50DM. Nguyễn Quang Tuấn (Stuttgart) 50DM. Trần Ngọc Bình (Bückeberg) 20DM. Auge Likateikter (Langenhagen) 5DM. Nguyễn Thọ Minh (Crivitz) 10DM. Lê Hải Phong 10DM. Đào Huy Anh 10DM. Lim Boh Sung 10DM. Trần Phổ Tú 20DM. Nguyễn Văn Phượng 50DM. Trần Dũng (Attendorf) 200DM. Nguyễn Công Tĩnh (Heilbronn) 300DM. Lê Văn Hoanh (Pháp) 500FF. HHHH ĐH Thị Đảnh Nguyễn Châu Viên. Lê Giảng (Bi) 3.000FB. Minh Thanh (Berlin) 100DM. Nguyễn Văn Quang (*) 500DM. Gđ. Cô Huệ Niệm (*) 200DM. Gđ. ĐH Tâm Bích (*) 200DM. Gđ. họ Vương (USA) 200DM. Ngô Thị Mỹ Dung (Bad lburg) 30DM.

■ BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Trần Thị Phượng (Lüdenscheid) 20DM. Nguyễn Văn 20DM. Rest. China Panda 65DM. Nguyễn Thị Kiều Oanh 20DM. Vũ Thị Ánh Hồng 250DM. Nguyễn Văn Tấn (Hamburg) 50DM. K. Mai 50DM. Phùng Thị Mai Hằng 30DM. Lê Văn Trúc 50DM. dr. Trần Văn Brink 160DM. Vũ Công Dinh (Bassum) 20DM. Nguyễn Anh Sáng (Berlin) 20DM. Bình Thị Hồng Thu (Augsburg) 20DM. Lâm Quang Vũ (Fürth) 20DM. Nguyễn Công Khai (Cham) 30DM. Hoàng Công Chú (M'Gladbach) 400DM. Nguyễn Thị Bình (Nga) 50US. Thiện Nga (*) 50US. Nguyễn Ngọc Châu (Wiesbaden) 30DM. Trần Văn Tuấn (Bad Vibel) 50DM. Huỳnh Thị Dung (Helmstedt) 20DM. Huỳnh Văn Tĩnh (Bremen) 50DM. Trần (Münster) 50DM. Trưởng Khanh Phượng (Rheinberg) 30DM. Ngô Kim Loan (Baesweile) 50DM. Lê Thanh Bình (Bremen) + Đào Minh Tuấn (USA) 50DM. Võ Thị Mỹ (Nürnberg) 50DM. Nguyễn Kim Hagenbach 30DM. Phan Lạc Giản (Ile de Réunion) 37,46. Trần Han P.V. (Wittlich) 20DM. Ngô Thị Bày (Neugablonz)

30DM. Nhuận Vũ (Hannover) 20DM. Nguyễn Long Gia (Weil am Rhein) 20DM. Lý Thành Phước (Wilhelmshausen) 50DM. Nguyễn Minh Khánh (*) 20DM. Nguyễn Hữu Bửu (S.B.L.) 25DM. Huỳnh Thất Thành (M'Gladbach) 20DM. Trưởng Văn Linh (Konz) 20DM. Đoàn Thanh Bình (Möhlau) 10DM. Tinh Jürgen Nowal (BS) 40DM. Saigon Tour (Leopoldshoehe) 500DM. Nguyễn Kim Nguyễn (Bonn) 50DM. Ngô Kim Bang (Kieselbronn) 20DM. Hứa Mỹ Hằng (Hòa Lan) 25Guld. Mai Hồng Nhung (Karlsruhe) 30DM. Nguyễn Tất Thắng (Haseilünne) 20DM. Phạm Đức Huy (Eisenberg) 40DM. Phạm Đan Hùng (Magdeburg) 20DM. Vũ Bá Cự (Herrenberg) 50DM. Đặng Hiền (Sindelfingen) 50DM. Nguyễn Văn Nhiệm (Spaichingen) 50DM. Bùi Thị Ngọc Loan (Frankfurt) 30DM. Kiều Thái 30DM. Nguyễn Văn Nhứt (Reutlingen) 20DM. Dương Tường (*) 30DM. Hồ Văn Lực (Vilsfrozen) 20DM. Phan Hùng Nhón (Münster) 10DM. Nguyễn Văn Thanh (Kehl) 100DM. Nguyễn Văn Tâm (Wilhelmshaven) 65DM. Nguyễn Hoàng Anh (Hannover) 20DM. Nguyễn Chưởng Mỹ (Bockhorn) 20DM. Phan Thanh Hùng (München) 20DM. Dương Văn Mạnh (Peine) 20DM. China Restaurant (Oschatz) 20DM. Nguyễn Thị Hạnh (Frankfurt) 100DM. Nguyễn Ngọc Quỳnh (Birkenau) 30DM. Đoàn Văn 100DM. Phạm Đoàn Dương (Mannheim) 50DM. Đặng Văn Ty (Freiburg) 50DM. Nguyễn Trọng Thành (*) 50DM. Đinh Trung Nghĩa (*) 20DM. Phùng Thị Quảng (*) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Hường (Emmendingen) 20DM. Lâm Tấn Khởi (*) 50DM. Lê Văn Cuối (Baden Baden) 30DM. Dương Văn Quang (Grenzach) 30DM. BHB GmbH 65DM. Lý Ất (Seevetal) 20DM. Vũ Văn Thanh 30DM. Nguyễn Huyền + Linh (Recklinghausen) 20DM. Nguyễn Trọng Vũ (Fürth) 20DM. Vương Vinh Khánh (Wiesbaden) 30DM. Phạm Hồng Chúc 50DM. Trần Thị Hiền (Köln) 20DM. Nguyễn Ca (Oberhausen) 100DM. Lê Thị Bích Ngọc (*) 20DM. Chón Bình + Chón Trung (Krefeld) 30DM. Nguyễn Thị Mai Trang (VS-Vily) 30DM. Viên Kim Huy (Sindelfingen) + Viên Giang Hà (Neu-Ulm) + Đặng Giang Toàn (Böcklingen) 50DM. Huỳnh Phú (Burghausen) 50DM. Trần Văn Sơn (Bielefeld) 20DM. Lưu Vinh (Hòa Lan) 20DM. Phạm Thị Hiền (Ranliesacke) 10DM. Hà Thị Thu Huyền (SW) 20DM. Mivico (Hannover) 500DM. Trần Hữu Lộc (München) 200DM. Vũ Việt Boong (Vierns) 50DM. Hans Stahus (Kobergondorf) 30DM. Mai Bá Long (Wiesbaden) 60DM. Vũ Việt Tân (M'Gladbach) 20DM. Trưởng Kim Thúy (Wolfsburg) 40DM. Phan Thoáng (Suisse) 50DM. Nguyễn Văn Đức (Neuendetelgau) 20DM. Trần Minh Ngọc (Hannover) 20DM. Nguyễn Chinh (Pháp) 1.000FF. Vương Quang Nhi (*) 200FF. Phạm Bình (Hameln) 200DM. Long Phụng (Friedrichsthal) 200DM. Tống Văn Giáp (Köln) 85DM. Nguyễn Thế Việt (K'lautern) 185DM. Trần Thanh Tâm (Offenbach) 20DM. Tạ Minh Thống 20DM. Dominik Lưu 185DM. Đinh (Pháp) 100FF. Nguyễn Thị Mỹ Hoa (München) 50DM. Nguyễn Thị Yến (*) 50DM. Huỳnh (Würzburg) 20DM. Phạm Mai Sơn (Anh) 5 Anh kim. Hoàng Thị Hân (Wolfsburg) 20DM. Phạm Bình (Hameln) 200DM. Quách Hải Quang (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Văn Phong (Landstuhl) 30DM. Đặng Ngọc Bình (Schrozberg) 40DM. Nguyễn Văn Lộc (Berlin) 100DM. Nguyễn Triết (USA) 70DM. Kiều Phượng (Suisse) 30DM. Nhan Thế Mỹ Nhung (München) 25DM. Lê Thế Minh (Warzburg) 50DM. Nguyễn Thị Hường (Wiesbaden) 30DM. Toàn Vũ 30DM. Peter's Karaoke Team 1.340DM. Klaus Dieter Wilts 30DM. Võ Thị Thu (Hundsangen) 50DM. Lê Thị Quy (Porta Westfalia) 500DM. Theka Nguyễn (USA) 50US. Chi Hội PTVNTN Freiburg 243DM. Châu Bảo Chương (Bayreuth) 50DM. Giang Văn Phượng (Nürnberg) 50DM. Lê Thị Hữu Hiền (*) 20DM. Tiêu Thị Thi (Erlangen) 50DM. Thái Quang Minh (*) 30DM. Tiêu Thị Xuyên (Canada) 20DM. Diệp Năng Tài (Fürth) 50DM. Lê Thừa Nghiệp (*) 15DM. Phạm Hoài Trung (Irrel) 30DM. Mai-Bohlmann (Seelze) 20DM. Trưởng (München) 30DM. Trần Thị Mẫu Đón (Đan Mạch) 200Kr. Cao Thị Chung (*) 200Kr. Nguyễn Thị Sao (Berlin) 40DM. Huỳnh Văn Hiệp (Reutlingen) 20DM. Trần (Konz) 50DM. Huỳnh Tuyết Nga (Leer) 20DM. Trần Thị Dung (Hannover) 20DM. Vũ Quang Hiền (Seevetal) 50DM. Vũ Hùng Thịnh (Uggant-Schot) 30DM. Trưởng Quan Phúc (Moschheim) 20DM. Nguyễn Văn Triêm (Frankfurt) 50DM. Phạm (Pháp) 100FF. Hoàng Bích Thủy (Parsberg) 40DM. Hồ Hữu Thanh (Suisse) 50FS. Đặng Quốc

(Đan Mạch) 100Kr. Hà Phước Mai (Isselburg) 30DM. Nguyễn Công Cường (Wilhelmshaven) 20DM. Trần Ngọc Thận (Barntrup) 20DM. Nguyễn Văn Thạch (Freiburg) 30DM. Nguyễn Ngọc Tuấn 20DM. Nguyễn Xuân Khương (USA) 30US. Nguyễn Thị Dung (*) 30US. Trần Huỳnh (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Hoàng Minh (Herford) 70DM. Uyên Châu (Viersen) 50DM. Lê Thị Thu (Bitburg) 20DM. Thâm Chu Hải Thanh (Bochum) 20DM. Ngô Kim Oanh (Wangen) 20DM. Lê Mậu Hùng (Bernkeatal-Kues) 30DM. Bank Kreis (Frankfurt) 1.000DM. Phạm Văn Út (Ý) 10.000 Lire. Nguyễn Trung Phương (Riefel) 22DM. Nguyễn Thị Nhung (Regensburg) 40DM. Trần Khắc Hiền 30DM. Vũ Văn Bảo 50DM. Nguyễn Thị Bung 200DM. Diệp Kim Huệ (Sweden) 50Kr. Chu Hồng Mến (Jettelbach) 20DM. Ninh Khắc Nhạ (Bochum) 300DM. Đỗ Kim Bằng 60DM. Nguyễn Thị Thạnh (Oldenburg) 22DM. Hứa Ngọc Tai (Augsburg) 70DM. Trương Hồng Hiếu (Wahlstedt) 22DM. Phạm Nguyễn Ngọc Dung (Bad Kreuznach) 20DM. Nguyễn Đình Hưng (Konz) 30DM. Mai Văn Chúc (Jettigen) 30DM. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (Erlangen) 20DM. Nguyễn Thị Hoa (Herten) 20DM. Cao Minh Tuấn (Mannheim) 30DM. Dương Thế Nhân (Frankfurt) 50DM. Trần Văn Vinh (Bad Salz) 20DM. Trần Nguyễn (Krefeld) 50DM. Nguyễn Lệ (Neuss Erftel) 50DM. Trang Thoại Cường (Celle) 20DM. Dương Thị Kim Ngân (Hannover) 20DM. Trần Thị Vân (Diepholz) 20DM. Nguyễn Quý Hùng 30DM. Phạm Thị Ngọc Phương (Künzelsau) 20DM. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hòa Lan) 25Guld. Huê Wollenberg (Hamm) 30DM. Trần Khương Ninh (Steinfurt) 22DM. Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 52DM. Ngô Văn Thập (Nürnberg) 30DM. Huệ Lạc + Lê Tiến + Thiện Bách (Berlin) 30DM. Nguyễn Thị Mai (Áo) 20DM. Trần Hiếu Đức (*) 20DM. Vũ Thị Kiều Hạnh (Endingen) 30DM. Phan Công Độ (Laatzten) 40DM. Trần Văn Thất (Úc) 30DM. Trần Phong Tào (USA) 30DM. Nguyễn Văn Hùng (Hannover) 30DM. Cao Mạnh Hùng 100DM. Đào Hữu Chí (Hamburg) 50DM. Nguyễn Thị Thủy (Aue) 20DM. Lê Đăng Thụ (Ludwigshafen) 20DM. Bùi Văn Tuấn (M'Gladbach) 30DM. Huỳnh Tử (Bad Iburg) 20DM. Trần Ngọc Thạch (Hamburg) 30DM. Nguyễn Trí - Nguyễn Tử (Neu Anspach) 30DM. Trần Thị Quảng 30DM. Đỗ Thị Yên (Pháp) 300FF. Trịnh Ngọc Thủy (Heidelberg) 120DM. Nguyễn Văn Nghĩa (Wilhelmshafen) 50DM. Phạm Trần (*) 20DM. Trần Thị Loan Anh (Hamburg) 20DM. Nguyễn Mua (Varel) 50DM. Phan Văn Hữu (Tuttlingen) 50DM. Đào Văn Tuấn (Heusenstamm) 50DM. Hồ Thị Thanh Đạm (Gomaringen) 50DM. Đặng Ngọc Trân (Reutlingen) 50DM. Nguyễn Thị Thái (Füssen) 20DM. Trương Thị Liễu (USA) 20US. Lê Văn Xuân (Bissendorf) 50DM. Văn Anh Scharpen (Hannover) 20DM. Võ Thị Lang (Heidenheim) 70DM. Nguyễn Thị Lệ Xuân 50DM. Trần Anh Tuấn (Mannheim) 22DM. Đinh Duy Diễm (Duisburg) 20DM. Đào Thị Chuyền (Vallendar) 20DM. Thanh Hiền Heuser (Berghauser) 20DM. Trịnh Đức Thông (Hannover) 20DM. Nguyễn Văn Anh (Straßburg) 150FF. Huỳnh Công Sao (*) 200FF. Lâm Mỹ Hiền (Hòa Lan) 100Guld. Phạm Lạc (Weilbenturm) 30DM. Vũ Thị Xuyên (Würzburg) 50DM. Triệu Quyết Thắng (Wuppertal) 20DM. Hà Thanh (USA) 50US. Hoàng Thị Hường Giang (Canada) 30Can. Đỗ Đức Đạt (Bỉ) 20DM. Võ Thị Huệ (*) 500FB. Châu Văn Phước (Langenhagen) 40DM. Trần Văn Sáu (Bielefeld) 20DM. Ng. Nga (Bremerhaven) 260DM. Nguyễn Văn Ty (Weil am Rhein) 50DM. Đỗ Thị Thanh Vân (Duisburg) 30DM. Trương Thị Ngọc (Sweden) 300Kr. Đỗ Bích Dung (Karlsfeld) 50DM. Trương Nguyễn Amédée (Pháp) 100FF. Phạm Long Kim Trang (Suisse) 30DM. Trần Tử Kinh (Freiburg) 20DM. Nguyễn Thanh Quý (Hamel) 20DM. Nguyễn Xuân Quý (Augsburg) 20DM. Bà Thanh Bình (Suisse) 20FS. Thiện Hy (USA) 40US. Lâm Xuân Quang (Canada) 50Can. Bùi Mạnh Hùng (Stuttgart) 20DM. Vũ Hữu Khánh 65DM. Hy Đán Đại 50DM. Trần Bá Hùng (Albstadt) 30DM. Lê Văn Thân (Fürth) 100DM. Nguyễn Kim Chứng 100DM. Thạch Kim Lai 30DM. Trần Thị Kim Lan 50DM. Minh Đức + Thu Hồng (Haren) 20DM. Phạm Văn (USA) 50US. Trần Hoàn (Ludwigshafen) 50DM. Nguyễn Hoài Tiên (M'Gladbach) 30DM. Ngọc Anh (München) 20DM. Trần Thị Thu Hằng (Datteln) 20DM. Số Có Trí Lạc (Pháp) 60DM. Bùi Hữu Đạo (*) 200FF. Lê Văn Mậu (*) 200FF. Đào Như Xuân (Suisse) 200FF. Nguyễn Văn Xuân (Ý) 1000.000Lire. Nguyễn Thị

Tiếng (Hildesheim) 20DM. Dương Văn Thơ (Eching) 30DM. Nguyễn Văn Phan (Rottenburg) 20DM. Văn Thanh Việt (Lorsch) 30DM. Phạm Thanh Bình (Mainburg) 40DM. Phạm Thị Kim Anh (Saarbrücken) 10DM. Lê Thị Bạch Nga (Esslingen) 10DM. Lê Thị Thanh Hường (Augsburg) 20DM. Nguyễn Kỳ Thường (Lünen) 30DM. Nguyễn Thị Sáu (Hamburg) 20DM. Vũ Thị Dung (Neuburg) 20DM. Lê Thị Hoa (Nordhorn) 30DM. Nguyễn Xuân Nghiêm (Göttingen) 25DM. Hồ Thị Y (Wallerfangen) 20DM. Dương Vui (Brake) 20DM. Lương Kinh Huy (Suisse) 100FF. Lê Văn Hoanh (Pháp) 500FF. Lý Philippe (*) 300FF. Rivera Lan (*) 200FF. Nguyễn Văn Phương 50DM. Nguyễn Toàn (Olching) 50DM. Nguyễn Ngọc Sơn (Rheinau) 30DM. Phan Duy Phương (Aachen) 50DM. Diệu Thanh (Canada) 30Can. Trần Minh Cự (Bielefeld) 20DM. Lê Giảng (Bỉ) 1.000FB. Hoàng La Vinh (Afoling) 100DM. Lâm Thừa Trí (Ibbenbüren) 30DM. Phạm Thị Ngọc (Wolfensbüttel) 20DM. Phan Thị Bích Phương (Berlin) 20DM. Nguyễn Chánh Trực (*) 30DM. Minh Thạnh (*) 50DM. Bùi Ngọc Văn (Göttingen) 20DM. Đào Thị (Leipzig) 50DM. Lê Văn Đông (Lempertheim) 20DM. Phạm Hùng Cường (Buxtehude) 30DM.

■ AN TỐNG

ĐH. Lê Trần Diễm Tú (Ravensburg) 200DM. GĐĐH Thiện Ý & Thiện Lượng (Hannover) 500DM. Đoàn Văn Chung (Heppenheim) 50DM. Huỳnh Thị Phận (Bensheim) 60DM. Thiện Thanh & Thiện Niệm (Gehren) 500DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 20DM. Tỷ Kheo Thích Chân Văn (Pháp) 200DM. Chi Hội PTVNTN Karlsruhe 130DM. Trần Ngọc Dung (Tübingen) 50DM. Trần Ngọc Mỹ (*) 200DM. Trần Ngọc Anh (*) 100DM. Trần Văn Thanh (*) 100DM. Trần Xuân Hiền (*) 170DM. Trần Ngọc Nhung (Pforzheim) 50DM. Lê Hữu Luyến (Niefern) 200DM. Dương Tỷ (Lichtenstein) 50DM. Phan Văn Hoa (Reutlingen) 50DM. Bùi Thị Ngọc Loan (Frankfurt) 50DM. Thiện Pháp (Stuttgart) 100DM. Nguyễn Thị Phương Lan (Oberhausen) 25DM. Châu Thị Huệ (Lichtenstein) 50DM. Vũ Thị Tuyết Phi (Mannheim) 50DM. Phạm Hoài Trung (Irel) 30DM. Lâm Bửu Trần (Ebingen) 100DM. Hứa Kỳ Năng (WHV) 50DM. Huỳnh Thiện Minh Thương (Neuss) 20DM. Phạm (Pháp) 200FF. Trần Kim Liên (Đan Mạch) 40DM. HLPT Nguyễn Châu Bình (Hannover) 50DM. Lý Thị Lệ (USA) 50US. Nguyễn Thị Thu Hà (Koblenz) 70DM. Lai Thị Hồng Cúc (Ludwigshafen) 20DM. Lâm Xuân Quang (Canada) 50Can. Lý Thị Lệ (USA) 100US. Nguyễn Thu Hằng (Donauerschingen) 50DM. Lê Văn Hoanh (Pháp) 500FF.

■ TƯỢNG QUAN ẨM THIÊN THỦ THIÊN NHÂN

GĐĐH. Thiện Ý & Thiện Lượng (Hannover) 500DM. HHHL PT Thiện Tâm Nguyễn Châu Bình. Diệu Hường + Thiện Trí (Nga) 50US. Lê Thị Bích Ngọc (Oberhausen) 10DM. Trần Thị Cẩm Tú (Pháp) 200FF. Ngô Kim Oanh (Wangen) 50DM.

■ NGHĨ THỨC TỤNG NIỆM

ĐH. Thiện Ý (Hannover) 90DM.

■ KINH QUAN ẨM

ĐH. Nguyễn Thị Mai (Áo) 64DM.

■ KINH VU LAN (Bảo Ân Phụ Mẫu)

ĐH. Đào Thị Chuyền (Vallendar) 100DM.

■ KINH PHẬT NÓI VỚI VĂN THÙ SỬ LỢI PHÁP BẢO

Sứ Bà Thích Nữ Như Tuấn (Pháp) 300DM.

■ KINH PHẠM VÔNG

ĐH. Phạm Văn Bình (Plüderhausen) 2.000DM (thay vì Bạch Y Thần Chú). Thiện Liên Lê Thị Hồng (Hannover) 2.000DM

■ KINH ĐƯỢC SỰ

ĐH. Thiện Ý (Hannover) 60DM.

■ KINH THỦY SÂM

ĐH. Giang Thái An + Trần Văn Minh (Mannheim) 200DM.

■ TẾT & RẪM THÁNG GIÊNG

ĐH. Alberter Lê Thị Mỹ Linh (Hòa Lan) 20DM. Đỗ Thị Báu (Hammingen) 10DM. Trần Văn Huyền (Reutlingen) 50DM. Lữ Vương (Oberhausen) 20DM. Vương Khánh Giảng (*) 20DM. Võ Thị Huệ

(Bỉ) 500FB. Huỳnh Công Nhân (Pháp) 200FF. Nguyễn Thị Ngọc Lan (Dinklage) 70DM. Trần Thế Toàn (Lahnstein) 40DM.

■ XÂY CHÙA

ĐH. Casanova Nguyễn Thái Lan (Suisse) 20DM. Phạm Thị Tuyết Phương (Erkrath) 100DM. Nguyễn Thị Mai Trang (VS-Villy) 40DM. Phạm Thị Hiền (Randliesacke) 10DM. Hà Thị Thu Huyền (SW) 30DM. Nguyễn Hạnh Trinh (Kün-Belsenberg) 50DM. Tăng Quốc Hùng 20DM. Nguyễn Xuân Giao (Mainz) 20DM. Châu Bảo Chứng (Bayreuth) 50DM. Huỳnh Thiện Minh Thương (Neuss) 20DM. Martin Follert (Köln) 200DM. Đông Nam Reisen 500DM. Ngô Kim Oanh (Wangen) 100DM. Nguyễn Thị Hiền (Eimeldingen) 1.000DM. Trần Ngọc Thạch (Hamburg) 30DM. Nguyễn Hạnh Trinh (Kün) 50DM. Nguyễn Thu Hằng (Donauerschingen) 50DM. Lê Mỹ Thiện Nguyễn (Stuttgart) 1.500DM. Lê Văn Hoanh (Pháp) 500FF.

■ MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Liễu Thái Sơn (Việt Nam) 120DM. Nikom Loachai (Thái Lan) 120DM. Samon Seiphontog (*) 120DM. Boon Lert Saowiboon (*) 120DM. Sibylle K. (Freiburg) 120DM. Hans-Georg Burke (Hannover) 120DM. Vương Liệt * Cao Thị Hai (Sweden) 120DM. Vương Minh Nghĩa (Anh) 120DM. Vương Bạch Mai (*) 120DM. Tăng Adam (*) 120DM. Trần Hán Sơn + Trần Liễu Huệ (Sweden) 120DM.

■ CỘ NHI VIỆN + TRẠI CÚI + TRẠI MŨ + VIỆN ĐƯỜNG LÃO

ĐH. Lê Ngọc Thủy (Alzey) 30DM. Huỳnh Ngọc Quế Chi 50DM. Đinh Thị Nga (Wiesbaden) 30DM. Trần Thị Hồng Châu (Ý) 680.000Lire. Ấn danh 20DM. Trương Mỹ Châu UKarlsruhe) 20DM. Phi Kevin + Nhật Robin (Laatzten) 20DM. GĐPT Tâm Minh (Hannover) 430DM. Hồ Thị Ngọc Dung (Laatzten) 100DM. Lê Thị Ngọc Diệp 50DM. Diễm Thủy (USA) 30US. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 75Guld. Huệ Lạc + Lê Tiến + Thiện Bách (Berlin) 30DM. Lữ Vương (Oberhausen) 10DM. Vương Khánh Giảng (*) 10DM. Ấn danh (Aachen) 25DM. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld. Phan Đình Hiệp (Dresden) 20DM. Trương Mỹ Châu (Karlsruhe) 20DM.

■ TRẠI CÚI & TRẠI MŨ SÓC TRẮNG

ĐH. Đinh Thị Nga 20DM.

■ NỒI CHÁO "TÌNH THƯƠNG"

(Giúp đỡ những bệnh nhân nghèo khổ tại các bệnh viện) Phật Tử München 183DM. Thiện Giới (*) 100DM. Dũng (*) 20DM. Chơn Kim (Göttingen) 50DM. Tâm Văn (*) 50DM. Cô Tâm Phương Frankfurt, vận động: Đợt I ngày 1.3.98 được 1.352.60DM & Đợt II ngày 22.7.98 được 500DM.

■ TRẺ EM NGHÈO Ở PHI CHÂU

ĐH. Casanova Nguyễn Thái Lan (Suisse) 20DM.

■ TRẺ EM NGHÈO TẠI AN ĐỘ

ĐH. Huỳnh Thị Sen (Geilenkirchen) 300DM.

■ QUỸ ỦNG HỘ MÂY IN

ĐH. Huỳnh Văn Tinh (Bremen) 30DM. Phan Thị Lan (Ý) 42DM.

■ TRẠI TẶNG

ĐH. Diệu Anh (Fürth) 200DM. Phạm Nam Sơn + Hiền (USA) 300US. Diệu Cam (Hannover) 300DM. Trần Hoàng Việt + Hoa (Hannover) 150DM. Lê Chín + Lê Thị Tâm (Vechna) 30DM. Nguyễn Xuân Tân (Kunzelsau) 50DM. Phật Tử chùa Linh Thủy (Berlin) 400DM. Chi Hội PTVNTN Reutlingen 50DM. Trần Văn Huyền (*) 50DM. Đặng Ngọc Trân (*) 100DM. Hồ Thị Thanh Đạm (Gomaringen) 50DM. GĐĐH cộ Hạnh Tịnh (Gießen) 1.000DM, HHGL Sư cộ Hạnh Tịnh.

■ QUỸ HỢC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM

ĐH. Trần Thị 100DM. Thiện Lý (Nürnberg) 100DM. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 50Guld. Phan Phước (*) 25Guld. Nguyễn Chánh Trực (Berlin) 100DM. (Chùa Viên Giác)

■ GIÚP CHÙA TẠI VIỆT NAM

ĐH. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld.

■ HƯƠNG LINH KỶ TỰ

ĐH. Thiện Ý (Hannover) 150DM, Kỳ tự Hưởng linh Nguyễn Châu Bình.

ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để Văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thưởng hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế Lại (bảng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.

Konto Nr. 870 1633
BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

(Mỗi Ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac
Konto Nr. 870 3449

BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

(Một Tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

ĐÓN XUÂN



Niềm riêng đối mặt giao mùa
Hai đầu ấm lạnh bớt vữa lừng chung
Nắng lên chưa kịp lìa Đông
Hạ tay đứng đất tiếng Xuân mở chào!
Ô kìa, Xuân vội i thế sao?
Ta còn mãi chuyện gầy hao năm tàn!
Ta, người i, kiếp sống lang thang
Nỡ đâu lại để bẽ bàng cho nhau?
Cỏ xanh thăm trải lối nào
Tay ta mới nắm đã nhàu tuyết sương!
Vớ i Xuân, cạn chén bên đường
Vớ i trần gian, chút cảm thương nẻo trần...
Từ đây tớ i đó - xa, gần
Xuân sau xin chớ gõ nhàn nhà ai
Nhà ta một mái hiên dài
Dưới i cầu sao rụng gió cài nửa đêm...

● Hải Vân

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư tử, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

■ THƯ TÍN

Cư sĩ Chánh Trực (Canada); Phan Hùng Nhơn (Đức); Cư sĩ Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp); Nguyễn Thiện (Comb. La Ville - Pháp); Nguyễn Minh Khánh (Canada); Tiến Sĩ Hưởng Giang Thái Văn Kiểm (Pháp); Tôn Quang Tuấn (USA); Khánh Uyên (Đức); Tuệ Nga (USA); Bà Văn Nường (Pháp); Ngô Quốc Phong (USA); Nguyễn Văn Cường (Na Uy); Nguyễn Thị Hoa (Đức); Ep - Lê Kiều Phương (Suisse); Huyền Thanh Lữ (Đức); Lê Thuận Nghĩa (Đức); Trần Văn Tích (Đức); Nguyễn Phú Thủ (Pháp); Thị Tâm (Đức); Phạm Lê Ngọc Thịnh (Pháp); Phạm Thăng (Canada); Thiên Khôi; Trần Hữu Cư; Thúy Trúc (USA); TS Như Tạng (Úc); P.V. Trần Hân (Đức); Nguyễn Túy; Bà Thanh Bình (Suisse); Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh (Pháp); Hoàng Dung (Nga); Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Người Việt Nam (Pháp); Đoàn Văn Thông (USA); Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn (Úc); Vũ Kỳ (Bi); Thị Thiện Phạm Công Hoàng (Đức); Trần Hoài Nam (Đức); Ngọc Tuyết; Tử Hùng & Quỳnh Hoa (Đức); Thiện Căn Phạm Hồng Sáu & Hồng Nhiên (Đức); Huy Giang (Đức); Vũ Nam (Đức); Phạm Nguyên Lương (USA); Cổ Văn sĩ Nguyễn Văn Ba (Canada); Người Quan Sát (Đức); Kỳ Thường (Đức); Hà Huyền Chi (USA); Lý Đại Nguyên (USA); Dương Văn Mạnh (Đức); Lê Thanh Tùng (Đức); Lý Thu Thảo (Đức); Phù Vân (Đức); Nguyễn Minh Hiền (Đức); Quỳnh Anh (Đức); Người Giám Biên (Đức); Ban Mê (Đức); Quang Tuấn (USA); Hải Vân (USA); Đoàn Công (Đức); Thượng Tọa Thích Quảng Bình (Đức); Bảo Hà (Đức); Nguyễn Thiếu Nhân (USA); Nguyễn Việt Nữ (USA); Nguyễn Tứ Hà (Đức); Trần Kim Lan (Đức); Võ Thu Tịnh (Pháp); Nguyễn Thùy (Pháp); Võ Tá Hân (Singapore); Dư Thị Diễm Buồn (USA); Cao Tịnh Nguyễn (Suisse); SH. Hà Đạu Đồng (Đức); Đỗ Bình (Pháp); Nguyễn Mạnh Hùng (Đức); Mai Hường (USA).

■ KINH, SÁCH & BÁO CHÍ

ĐỨC: Diễn Đàn Dân Chủ số 22; Dân Chúa Âu Châu số 194, 195; Diễn Đàn Việt Nam số 89, 90; Tuổi Trẻ số 30; Hưởng Việt số 14; Tia Sáng số 35; Kinder Nr.7; Tập San Thi Ca số 16; Tạp chí Việt Nam Hòa Bình số 18, 19; Cánh én số 84, 85; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 116; Phục Hưng số 21; Entwicklung und Zusammenarbeit 12; Tạp Chí Dân Chủ số 31; Sự Thật số 11; Betrifft

Nr.4/98; Kỳ Yếu 10 năm GDPT Chánh Dũng; Ánh Sáng Dân Chủ số 17; Xa Xứ số 4; Thông Tin VIDİ số 6, 7, 8; Đất Nước số 32; Thiện Chí số 63; Dân Chủ cho Việt Nam số 25; Bản Tin Tâm Giác Xuân; Bản Tin Đức Quốc số 151; Lotusblaetter Nr.1; Hưởng Quê số 18; Ánh Sáng số 15.

PHÁP: Bản Tin Khánh Anh tháng 10/98; Nhân Bàn số 22 & 26; Bông Sen số 31; Đại Nam trong cơn khủng hoảng; Việt Nam Dân Chủ số 27; Đặc San Nặng Gõ số 7; Định Hưởng số 17; Tiếng Nói Người Việt Quốc Gia số 3.

THUY SĨ: Mục Vụ số 173.

HÒA LAN: Việt Nam Nguyệt San số 136.

ĐAN MACH: Stalin Tinh Ái và Chính Trị - của Đặng Văn Nhâm.

HOA KỶ: Chân Trời Mới số 11/98; Con Đường Ngược Dòng - của Vinh Hào; Đông Dương Thời Báo số 71; Bách Hợp số 1; Snow Lion Nr.4; Việt Nam Dân Tộc Bị Đọa Đày - của Lý Đại Nguyên; Đuốc Tử Bi số 56; Hoa Sen số 35; Kinh Kim Cang Chú Giải - T. Pháp Châu; Việt Nam Đệ Nhất Cộng Hòa Toàn Thư (1954-1963) - của Nguyễn Mạnh Quang; Nguyệt San Tự Do Dân Bàn số 70; Phật Quang Thế Kỳ số 40; Ch'an Magazine Winter 99.

CANADA: Đi Tới số 16.

ÚC CHÂU: Chuyển Luân số 3; Đặc San số 3; Đại Thừa Khởi Tín Luận; Truyền Thống Đẹp của TT. Thích Bảo Lạc.

ĐÀI LOAN: Thiên Phật Sơn số 115; Art News Nr.36; Thiên Hoa số 188; Hiện Đại Phật Giáo số 211 & 212.

SRI LANKA: The message in the teachings of kamma - Rebirth - Samsara.

Nhắn tin cùng quý văn thi hữu :

1. Đỗ Quyên . 2. Băng Huyền Xuân.
3. Thiện Bảo Nguyễn Ngọc Thạch
Xin liên lạc và cho Tòa Soạn Báo Viên Giác được biết địa chỉ.

CÁO LỖI

Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến không thể đăng hết trong kỳ báo này được. Chúng tôi sẽ tiếp tục đăng trong kỳ báo tới Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị

■ Ban Biên Tập Báo Viên Giác.





VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHU TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

CHU BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TOA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BẢN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà - Quỳnh Hoa - Nguyễn Minh Hiền - Tú Hùng Trần Phong Lưu - Thiện Nghĩa - Hồng Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phú Văn -

Hồ Trường An (Pháp) - Tùy Anh (Đức) - Thanh Bình (Thụy Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp) - Nhất Uyên Phan Trọng Chánh - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Phượng Hà (Bi) - Thái Tú Hạp (Hoa Kỳ) - Nguyễn Đình Hùng (Hòa Lan) - Nguyễn Tấn Hưng (Mỹ) - Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ) - Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp) - Nguyễn Minh Khánh (Canada) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Huyền Thanh Lữ (Đức) - Thiện Xuân -Inna Malkhanova (Nga) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa (Úc) - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hưng Nhơn (Đức) - Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Văn Nường LNC (Pháp) - G.S. Lê Văn Quới (Hòa Lan) - Giang Phúc Đông Sơn (Đức) - T.S. Lâm Như Tạng (Úc) - Phạm Thăng (Canada) - Đoàn Văn Thống (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thủy (Pháp) - Hoài Việt (Pháp) - Yên Tú Cử Sĩ Trần Đại Sỹ (Pháp). Võ Thu Tịnh (Pháp).

KỸ THUẬT ÁN LOÁT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam Tị Nạn tại CHLB Đức

Án Loát

- Thiện Lai Lê Thanh Tùng ● Nguyễn Minh Hiền
- Nguyễn Anh Dũng

CỘNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TOA SOẠN & ÁN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

E-Mail pagode-vien-giac @oln.comlink.apc.org

VIEN GIAC erscheint 6 mal Jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover

Mục Lục	trang
■ Tôn Giáo	
- Lá thư xuân	1
- Kề cận tử quang - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn	2
- Du hành vào xứ huyền bí Đoàn Văn Thống	7
- Giác ngộ & giải thoát Cử Sĩ Chánh Trực	11
- Thân thể con người - Tâm Quang	16
■ Auf Deutsch	
- Der Buddhismus und die Menschen - Thích Nhu Dien	19
■ Trang Hoa Phụng	25
Ngọc Tuyết - Bùi Thị Rau Dzènh - Thanh Bình - Hồng Nhiên - Trần Ngọc Xuân Hằng - Tuệ Nga - Thiên Khôi - Phạm Lê Ngọc Thịnh - Khánh Uyên - P.v . Trần Hán - Bé Xuân Hằng - Phạm Hồng Sáu	
■ Sáng tác - Văn nghệ - Biên Khảo - Tham luận chính trị	
- Sở tảo quân - Đan Hà	35
- Hoa xuân đất Việt Phan Hưng Nhơn	37
- Chén trà ngày xuân - Phạm Thăng	39
- Nàng miêu kỳ mào - Ngô Quốc Phong	43
- Năm mẹp nói chuyện mèo Thị Tâm	47
- Ngày xuân về mèo - P. H. Nhơn	49
- Nhận thức về một vài diễn đạt sai lầm về văn hóa - P. H. Nhơn	50
- Nói về mèo gọi nhỏ năm mào 75 K.T	52
- Mèo trong thi ca dân gian Nguyễn Phú Thủ	53
- Những cánh hoa xuân -Vân Nường	54
- Hưởng về Đức Di Lạc cứu thế Tú Quang Nguyễn Trần Lê	56
- Ăn chơi tết hội - Từ Hùng	59
- Xuân Di Lạc - Chính Trực	61
- Cây đàn muôn thuở Thích Như Điển	63
- Ảnh hưởng P.G trên văn học Hương Giang Thái Văn Kiểm	66
- Thiện tâm của bạn Đông phương Mai Lý Cang	70
- Tinh thức trong hiện tại sát na Tâm Trăng Ngô Trọng Anh	72
- Bách thiện hiếu vi tiên Viên Định Phạm Hoàng Nguyễn	77
- Mối tình Hồ Xuân Hương Nhất Uyên Phan Trọng Chánh	78
- Ăn uống ở miền Tây Nguyễn Văn Ba	82
- Ngôi sao bắc đẩu của nền thơ ... Dy Sĩ	86
- Đồi đáng chán Thiện Nguyễn	89
- Mỹ Duyên - Ngô Phú Hải	90
- Kệ Lý, Trần nhìn từ thế loại Trần Văn Tích	94
- Văn hóa và Đạo đức Lý Đại Nguyễn	98
- Thức tỉnh - Kim Hương	100
- Hồng Đào -Giang Phúc Đông Sơn	103
- Tội nghiệp - Chính Trực	109
- Thằng con lang bạt Hà Huyền Chi	113
- Một chuyến xuôi Nam Nguyễn Văn Ba	114
- Quan niệm về "Nghĩa vua tôi" ... Võ Thu Tịnh	120
- Nét đẹp Cam Ranh Nguyễn Văn Cường	123
- Con rắn đen . Nguyễn Minh Khánh	125
- Chuyện nhà - Hồng Nhiên	128
- Thị Lộ đã cảm hóa Lê Thái Tông Võ Thu Tịnh	130

Mục Lục	trang
- Thơ Bùi Giáng và trẻ em Trần Hữu Cử	133
- Thập Tam Lăng - Trần P. Lưu	135
- Vườn thơ Viên Giác Phú Văn	139
- Triết lý và khoa học ... Thái Văn Kiểm	145
- Mùa xuân trên dãy T.Sơn Huy Giang	148
- Chúng ta tự giải thoát sự đau ... Q. A	151
- Nhỏ về một chuyến đi Hạnh Nguyễn	152
- Y học thường thức Quỳnh Hoa	155
- Gia chánh chay Đỉnh chính bài "4 năm với trường Trung học Thủ Khoa Nghĩa"	155
- Trang khoa học Lê Văn Quới	156
- Thuộc Lỗ Bang Nguyễn Đình Hùng	158
- Bộ phận dò giá trị Lambda Nguyễn Đình Hùng	160
- Thể Thao Người Giám Biên	162
- Tin thể giới Người Quan Sát	166
- Bản tin thể giới Hoàng Dung	173
- Kampuchea : Khờ Me Đó Q.A.	174
- Chuyện Euro Tú Nguyễn	176
- Một cuộc chiến trầm lặng ... Tôn Quang Tuấn	177
- Tuyến phòng thủ cuối cùng Nguyễn Thiện	178
- Diễn đàn dân chủ	181
- Giới thiệu tác phẩm mới	182
- Nhân tin, tìm bạn, tìm thân nhân	182
- Thông cáo báo chí Ủy Ban Bảo Vệ Q.L.N.V.N	183
- Tin sinh hoạt cộng đồng Nguyễn Minh Hiền	191
- Tin Phật Sự. Cáo Phó. Phần Ưu	193
- Phương danh cúng dường	196
- Hộp thư Viên Giác	199
■ Thơ	
- Thơ viết giữa Xuân: Tuệ Nga	6
- Xuân thiên tự : Thích Trúc	10
- Tùng Cúc : Huyền Thanh Lữ	15
- Ngày xuân nhỏ quê : Th. Bình	38
- Xuân nhỏ : Hoàng Xuyên	42
- Lên chùa : Đan Hà	46
- Xuân : Nguyễn Thị Hoa	48
- Cổ nhân.. : Lê Thuần Nghĩa	51
- Xuân viễn xứ : Nguyễn t. Hoa	60
- Tết em muốn về : Ep (L.K.Phg)	71
- Đường tu không dễ : Th. Như	77
- Lối chim vọng : Hà Huyền Chi	113
- Ngự : Hoài Nam ..	127
- Ta vẫn còn : Minh Trang	127
- Đóa hoa nhân quyền : T.H.Nam	134
- Xin đừng hỏi : Như Tạng	144
- Đối bóng chờ xuân : Tùy Anh	150
- Xuân dậy niềm kêu : V. Nường	159
- Thương ai vì quốc biển: TT.Xùng	159
- Cung chúc tân Xuân : Tốt Đen	165
- Thương nhỏ Sứ Ông : P.C.H	173
- Nhỏ : Đoàn Công	175
- Ý biển chiều thu : Tuệ Nga	176
- Thơ họa : Vũ Hối	180
- Đầu năm khai bút : Hoàng Dực	180
- Buồng xà : Nguyễn Túy	190
- Đón Xuân : Hải Văn	199

Tin Mới Nhất
Thẩm Mỹ Viện
Mùa Xuân

Phát triển thành bệnh viện tư nhân Riefenbach Institut (với sự cộng tác của giáo sư y học sửa sang về sắc đẹp, bác sĩ phẫu thuật người Đức, thợ cạo xoa bóp, nữ thợ xăm lành nghề người Việt)

- ♥ Hút mỡ bụng, đùi, cằm, làm cho thân hình cân đối.
- ♥ Cắt mí mắt chữa sụp mí. Cắt mí mắt một mí thành hai mí
- ♥ Làm hết các nếp nhăn trên mặt, vết xạm do tuổi già.
- ♥ Xóa các vết sẹo trên da.
- ♥ Làm căng da mặt bị nhão bằng phẫu thuật.
- ♥ Làm bay hết các loại nốt ruồi bằng tia hồng ngoại (Laser)
- ♥ Xoa bóp y học, châm cứu chữa bệnh đau lưng, khớp mãn tính.
- ♥ Phục hồi sức khỏe sau khi sanh đẻ, ốm đau lâu ngày bằng máy điều Oxy.
- ♥ Xăm mí mắt, môi, lông mày không đau, có đảm bảo.
- ♥ Xăm trên người với nhiều hình đẹp nghệ thuật
- ♥ Chữa bệnh liệt dương (bản thuốc cường dương Viagra)
- ♥ Xóa các vết xăm bị hỏng

ĐẶC ĐIỂM CỦA VIỆN :

Làm không đau. Phục vụ tận tình.

Đối với những người ở xa hoặc có con nhỏ, viện có phòng khách sạn với bể bơi, phòng tắm hơi phục vụ.

Xin mời liên lạc : Tel. : 05322 - 70 95 (buổi sáng và buổi tối)

05321 - 18708 (buổi chiều).

Địa chỉ : Kurhaus Strasse 18 - 38667 Bad Harzburg

Sang nhà hàng

- Có 65 chỗ ngồi ● Tiền tiệm và Wohnung 3 phòng warm 1.600 DM ● Có bãi đậu xe cho khách ● Ở vùng trên 20 ngàn dân chỉ có một nhà hàng ● Ở vùng giữa Neuss và Mönchengladbach

Sang nhượng với giá phải chăng

Mọi chi tiết xin liên lạc :

0221 - 85 25 28 hoặc 02165 - 911 448

Sang nhà hàng

Cần sang một nhà hàng gấp
60 chỗ ngồi với giá 30 ngàn tiền mặt.

Mọi chi tiết xin liên lạc :

Tel. : 05233 - 93344

Sang mini - Restaurant

(có thể dùng làm Imbiss)

- Khoảng 30 - 35 chỗ ngồi, có phòng riêng cho khách đãi tiệc
- Địa điểm thuận lợi : Cạnh trung tâm thương mại
- Tiền thuê 1.900,-DM.
- Mỗi tháng luôn nhà ở (65 - 70 m² - 3 phòng)
- Vì lý do gia cảnh xin nhượng lại với giá phải chăng.

Mọi liên lạc xin gọi về :

0231 / 973494 hoặc 0171 / 456 81 44

hoặc 0171 / 377 70 73

VIEN GIAC, KARLSRUHER STRASSE 6, 30519 HANNOVER
PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt **H 46298**

Cắt May

(trước ở Quận I Sài Gòn)

TRUNG

Weidach Str.1 85609 Aschheim München

Tel. : 089 / 90 33 476 (Sau 18 giờ)



Chuyên may

- Quần Tây - Sơ mi nam
- Áo Việt phục thời trang nữ
- Áo dài Việt Nam
- Áo dài Trung Hoa
- Cát, Ráp khéo
- Vùa vận khôi phải thủ
- Hộp thời trang

Giá phải chăng, đúng hẹn

Nhận may, Sửa quần áo qua bưu điện

AN VU

Steckendorferstr.17B . 47799 Krefeld. Tel. : 02151 / 608 864

Chuyên may áo dài. May, Sửa áo cưới cô dâu

Vẽ tranh Phật Chân dung . Mỹ Thuật và các loại tranh



- Bán vải may áo dài - Áo dự tiệc (Abendkleid) cho mọi lứa tuổi, kích thước phù hợp với người Á Châu.
- Cho thuê áo đầm cưới, đồng bộ với găng tay, vương miện, bông cài tóc, hoa cài tay
- Mâm quả, khay rượu, Bàng Vu Quy, Tân Hôn, Thành Hôn.

H & M

DỤNG MÔI - SỬA CỬ - TRANG TRÍ NỘI THẤT CHO CÁC NHÀ HÀNG

- Chúng tôi nhận đảm trách dụng môi hoặc tân trang lại các nhà hàng Hoa, Việt, Thái. ● Ngoài công việc phần gỗ và nề, chúng tôi có thể bao luôn cả phần điện, dán giấy tường, trải thảm nền, xây bể cá cảnh, lẩn phần ngoại thất như : Đình các, mái hiên và cột rồng.

- Chúng tôi cũng nhận hoàn chỉnh các công việc về nhà ở (Wohnung). Quý vị có nhu cầu xin liên lạc :

Anh Phạm Đức Huy. Tel. : 0172 / 4623593

Anh Nguyễn Văn Minh. Tel. : 0171 / 7159692

Hoặc về văn phòng chúng tôi : Werk Str.5, 07606 Eisenberg

Tel. & Fax : 036691 / 42461